

A.X.Makarenkô
Bài ca Sư phạm



BÀI CA SƯ PHẠM

Tác giả: A. X. MAKARENKÔ

Nhà Xuất bản: Văn hóa – Viện Văn học

Năm xuất bản: 1962

Người dịch: Hướng Minh

Nguyên tác: Педагогическая поэма – А. С. МАКАРЕНКО

Dịch theo bản dịch tiếng Pháp POEME PEDAGOGIQUE của Jean Chamenois (Nhà xuất bản Ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1953), có tham khảo bản dịch tiếng Trung-quốc của Hứa Lỗi Nhiên (Nhân dân văn học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1959).

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI NÓI ĐẦU

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Antôn Xêmiônôvich Makarenkô, nhà giáo dục học vĩ đại của Liên-xô, xuất thân từ một gia đình công nhân. Cha mẹ ông đã phải chịu mọi sự thiếu thốn để cho ông theo học. Thầy giáo của ông, Kaminxki, một nhà giáo dục tiến bộ, khuyến khích ông theo nghề dạy học. Năm 17 tuổi, ông vào ngành giáo dục, dạy học ngay ở xưởng làm việc của cha. Học trò là con công nhân. Cuộc thi nghiệm giáo dục đầu tiên trong một tập thể công nhân – ở đó sau này xuất hiện khá nhiều chiến sĩ bôn-sê-vích – đã đóng một vai trò quan trọng trong những quan niệm sư phạm của Makarenkô. Lúc đó là năm 1905. Năm 1905, ông viết, một tiếng sấm làm rung chuyển đất nước Nga. Ông đã tham gia những cuộc mít tinh biểu tình của công nhân, thường xuyên đọc tờ báo bôn-sê-vích “Cuộc sống mới”, được biết Maxim Gorki, mê say những tác phẩm của Lênin, nhất là cuốn “Tổ chức Đảng và văn học của Đảng”. Năm 1914, Makarenkô vào học ở học viện sư phạm Pôntava và bắt đầu viết văn, làm thơ. Năm 1917, tốt nghiệp sư phạm, ông trở về thành phố quê hương dạy học.

Năm 1920, vì tình hình phản cách mạng và sự can thiệp của nước ngoài, nước Nga bị tàn phá, đói rét, hàng ngàn trẻ lang thang trên các đường phố, bám vào các toa tàu, phá phách các chợ búa, nạn mãi dâm nghiêm trọng. Nhà tù đầy thanh thiếu niên phạm pháp. Làm thế nào cải tạo chúng, đưa chúng trở lại cuộc sống bình thường, tham gia vào xã hội mới? Makarenkô là một trong những nhà giáo dục được cử ra đảm nhiệm công tác nặng nề đó. Và ông là nhà giáo dục đầu tiên đã đặt vấn đề và giải quyết vấn đề theo những phương hướng độc đáo.

Mùa thu năm 1920, Ty Giáo dục tỉnh Bôntapski ủy nhiệm Makarenkô thành lập một công xã lao động gồm các em phạm pháp chưa đến tuổi trưởng thành, mang tên công xã Maxim Gorki. Công xã này được mô tả lại trong tác phẩm “Bài ca sư phạm”. Năm 1927, Makarenkô xây dựng một công xã lao động thứ hai, mô tả trong tác phẩm “Những ngọn cờ trên tháp”.

Năm 1934, Makarenkô trúng cử hội viên Hội nhà văn Xô Viết và năm 1938, tham gia lãnh đạo Ủy ban phụ trách các công xã lao động ở Ukren. Ông là một nhà văn có biệt tài, đại biểu cho chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tháng 2 năm 1939, ông được tặng thưởng huân chương Lao động Cờ đỏ vì thành tích rực rỡ và thành quả trong việc phát triển văn học xô-viết.

Những tác phẩm chính của Makarenkô gồm: Bài ca sư phạm, Những ngọn cờ trên tháp, Tiên hành khúc năm 1930, Cuốn sách của những người làm cha mẹ, và rất nhiều bài diễn giảng, những bài báo về giáo dục.

Có thể nói trong nền giáo dục học thế giới, ngoài Usinxki ra, không có một nhà lý luận và một nhà hoạt động thực tiễn nào xuất sắc như Makarenkô. Những tác phẩm của ông được dịch ra hàng chục thứ tiếng trên thế giới.

Hiện nay ở Liên-xô, toàn bộ tác phẩm của ông được ghi trong chương trình học của tất cả các học viện sư phạm, và có ảnh hưởng sâu sắc đối với toàn bộ hệ thống giáo dục của Liên-xô.

Những tác phẩm của ông có tính tư tưởng và tính nghệ thuật cao chính vì ông đã miêu tả sâu sắc cuộc sống và chính ông đã tham gia tích cực vào cuộc sống đó.

“Bài ca sư phạm” là một trong những tác phẩm của Makarenkô được người đọc ham thích nhất.

Tác phẩm này cũng đã được dựng thành phim.

Bài ca sư phạm là gì?

Đó là bài ca chiến thắng của những quan điểm giáo dục Macxi – Lêninit.

Đó là thành công rực rỡ của Makarenkô trong việc cải tạo hàng ngàn trẻ lưu manh, tội lỗi, biến chúng từ chỗ là “cặn bã” của xã hội trở thành những công dân tích cực của xã hội xô-viết: những người công nhân, những nhà sử học, nhà địa chất, nhà giáo dục, những kỹ sư, bác học, thầy thuốc, nghệ sĩ; nhiều người được thưởng huân chương, có người trở thành anh hùng xô-viết.

Bài ca sư phạm thể hiện những quan điểm cơ bản nhất về giáo dục của chủ nghĩa Mác – Lênin. Có thể tóm tắt những quan điểm cơ bản đó như sau:

Quan điểm thứ nhất, quan điểm quan trọng nhất của Makarenkô, là “ý niệm về con người, thái độ macxit đối với con người”. Có thể coi quan điểm này là quan điểm xuất phát, tư tưởng giáo dục chỉ đạo của ông. Đó là lòng nhân đạo xã hội chủ nghĩa đối với con người. Makarenkô nói: “Tất cả hệ thống giáo dục xô-viết nhằm thực hiện khẩu hiệu của Xtalin về sự săn sóc thương yêu đối với con người”. Theo ông, khái niệm “trẻ hư hỏng” là một điều vô nghĩa. Ông không công nhận có trẻ xấu từ lúc lọt lòng mẹ, có trẻ phạm tội mà không thể cứu chữa được.”... Khoa sư phạm bình thường, hoạt động hướng theo một mục đích, sẽ biến đổi tập thể trẻ con thành một tập thể rất bình thường. Không có trẻ tội lỗi từ lúc lọt lòng, không có trẻ mới sinh đã mang tính xấu. Đối với tôi, theo kinh nghiệm bản thân, điều nhận định này được kiểm nghiệm đúng trăm phần trăm.”. Thái độ của ông là một thái độ lạc quan cách mạng. Chính những nhân vật của Maxim Gorki đã giúp ông có được thái độ lạc quan ấy. “Gorki lạc quan không những vì thấy trước một nhân loại sung sướng, không những vì thấy hạnh phúc trong đông tố, mà còn vì đối với Gorki mọi người đều đẹp. Đẹp không những theo ý nghĩa luân lý và xã hội, mà đẹp cả về mặt thẩm mỹ và sức mạnh”.

Vì vậy, theo Makarenkô, “nhà sư phạm phải đi đến với từng người với một giữ thuyết lạc quan, dù có phải lầm lẫn chẳng nữa”. Cũng như Gorki, ông từ chối không dựa trên những khía cạnh tiêu cực và ốm yếu của con người. Ông tìm ra ở mỗi trẻ, mặc dầu cảnh ngộ bi đát tuyệt vọng đến thế nào, một niềm hy vọng, một khía cạnh tích cực để phát huy lên, làm nảy nở ra mọi tiến bộ. Chính vì thương yêu con người, tôn trọng con người nên phải yêu cầu ở đứa trẻ càng nhiều càng tốt.” Càng tôn trọng con người bao nhiêu, càng yêu cầu bấy nhiêu”. Yêu cầu đối với đứa trẻ biểu thị sự tôn trọng đối với sức lực và khả năng của nó. Và ngược lại, tôn trọng bao hàm ý nghĩa phải đòi hỏi, phải yêu cầu. Yêu cầu càng nhiều, đứa trẻ càng tin ở khả năng của nó, càng thấy tự hào. Bài ca sư phạm là một bức tranh tuyệt đẹp, một bài thơ tuyệt diệu về niềm tin tưởng ở bản chất tốt đẹp của con người. Có đứa trẻ, trước kia đã từng ăn cắp giết người, nay được Makarenkô trao cho giữ súng, ủy nhiệm cho đi lĩnh những món tiền rất lớn. Một lần, vì thái độ hỗn láo quá đáng, Makarenkô đánh Zadôrôp, một trong những đứa cầm đầu. Về sau, nhiều lần ông nhắc lại việc đó, cho đấy là dấu hiệu về sự hoang mang và tuyệt vọng cực độ của nhà giáo dục. Suốt đời, ông chống lại chủ trương trừng phạt về thể xác. Vì thế, ta không nên hiểu lầm sự việc đó mà cho rằng khi cần thiết cũng phải đánh trẻ.

Công xã lao động trong Bài ca sư phạm mang tên Maxim Gorki và cuốn tiểu thuyết kết thúc với cuộc đến thăm công xã của Maxim Gorki nói lên ảnh hưởng sâu sắc của Gorki đối với những quan điểm sư phạm của Makarenkô.

Quan điểm thứ hai là “giáo dục trong lao động”. Đây là nguyên lý cơ bản nhất của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, một nền giáo dục dựa trên học thuyết Mác – Lênin. Trong thực tế cũng như trong lý luận, Makarenkô chỉ rõ rằng: lao động không những là mục đích giáo dục mà còn là phương

tiện giáo dục. Hoạt động lao động của trẻ trong công xã Gorki chiếm một vị trí hết sức quan trọng, lao động tự phục vụ và lao động sản xuất. Chính vì nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin về giáo dục, chính vì thực hiện sự kết hợp giữa học lập và lao động sản xuất trong các công xã lao động nên Makarenkô ngay từ đầu đã thấy rõ được những nét lớn về giáo dục kỹ thuật tổng hợp. Phần cuối tác phẩm Bài ca sư phạm cho biết Makarenkô lãnh đạo một trại lao động thứ hai ở Ukren, ông lập một trường phổ thông 10 năm, một xưởng chế tạo máy ảnh Lâyka và một xưởng chế tạo dụng cụ điện. Các xưởng này giúp trại tự lập hoàn toàn. Từ sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp đến sản xuất công nghiệp, đó là bước tiến mới về mặt giáo dục kỹ thuật tổng hợp.

Trước khi chết, ngày 9 tháng 3 năm 1939, phát biểu trong một cuộc dạ hội, Makarenkô nói: “Tôi là người đứng về phía các quá trình sản xuất trong nhà trường, thậm chí quá trình sản xuất đơn giản nhất, dễ tiến hành nhất, buồn tẻ nhất. Tôi nghĩ rằng loại trường học sản xuất như vậy, một thời gian nữa chúng ta sẽ có,..”. Thí nghiệm của Makarenkô trong các công xã lao động giúp ích cho sự phát triển phương hướng giáo dục kỹ thuật tổng hợp. Đến đại hội 19, rồi 20, 21 của Đảng Cộng sản Liên-xô, nguyên lý giáo dục kỹ thuật tổng hợp được phát triển thành một hệ thống lý luận rất phong phú. Nhưng Makarenkô là nhà giáo dục học đầu tiên đã tìm ra cách áp dụng cụ thể nguyên lý giáo dục kỹ thuật tổng hợp. Trẻ ở trong công xã lao động đã làm quen dần với những nguyên lý chung về kỹ thuật, về tổ chức sản xuất, về những động tác đơn giản và cơ bản về sản xuất nông nghiệp, về cơ khí và về điện lực. Qua giáo dục lao động, nhiều trẻ “tội lỗi” đã được cải tạo về tư tưởng và về sau trở nên những nhà chuyên môn giỏi, công nhân lành nghề, bác sĩ, kỹ sư, phi công, bác học.

Không những trẻ hư hỏng cần được cải tạo trong lao động mà trẻ bình thường cũng cần được giáo dục trong lao động, Không những nhà trường mà cả gia đình cũng cần giáo dục thanh thiếu niên qua công tác lao động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp. Quan điểm lao động là đức tính tốt đẹp nhất là cơ sở của nền đạo đức xã hội chủ nghĩa. Theo Makarenkô, trên đất nước xô-viết, lao động phải là Lao động sáng tạo, lao động tự giác, lao động phải là hình thức biểu hiện chủ yếu của cá tính và tài năng. Chính quá trình tham giữ lao động sẽ rèn luyện đạo đức xã hội chủ nghĩa, đoàn kết chặt chẽ những người lao động, xây dựng tình bạn chân chính. Cần giáo dục trẻ chống tâm lý ỷ lại, đòi hỏi, ăn sẵn. Người giáo viên xã hội chủ nghĩa phải giáo dục những con người hăng hái lao động, động viên thái độ sáng tạo trong lao động, phát triển thể lực và trí lực, phát huy khả năng tổ chức, biết “điều khiển, chú ý, tính toán, xem xét, sáng tạo, cần mẫn và vị tha.”

Quan điểm cơ bản thứ ba của Makarenkô là “giáo dục trong tập thể, bằng tập thể”. Đây là tư tưởng giáo dục trung tâm của ông. Quan điểm này thể hiện rất rõ trong hoạt động của các công xã lao động, trong Bài ca sư phạm cũng như trong Những ngọn cờ trên tháp. Xuất phát từ lời dạy của Lênin về những quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong xã hội xã hội chủ nghĩa, Makarenkô đã nghiên cứu những mối quan hệ đó và rút ra những ứng dụng thực tế vào công tác giáo dục. Makarenkô đã sớm thấy cùng với Krupxkaia và Kalinin, một nguyên tắc quan trọng: tập thể là biện pháp giáo dục tốt nhất. “Chính tập thể là người giáo dục tốt nhất”. Vì thế “tác động sư phạm có tổ chức phải hướng vào tập thể”: tập thể công xã lao động, tập thể trường học, tập thể gia đình, tập thể Đoàn Thanh niên Đội Thiếu niên. Rút kinh nghiệm từ thực tế, Makarenkô đã xây dựng hẳn một lý luận về sự phát triển của tập thể, phong cách của tập thể.

Tác phẩm Bài ca sư phạm là dẫn chứng cụ thể về quá trình hình thành tập thể. Lúc đầu, tập thể chưa hình thành, kỷ luật tự giác chưa có, nhà giáo dục phải đề ra yêu cầu, có khi phải độc đoán đề ra yêu cầu. Khi chung quanh nhà giáo dục đã có một nhóm cốt cán, một cái nhân sẵn sàng bênh

vực kỷ luật trật tự chung một cách có ý thức, đó là giai đoạn thứ hai. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn mà tập thể đề ra yêu cầu. Lúc đó, nhà giáo dục chỉ còn đóng vai trò điều chỉnh lại một số yêu cầu nào đó đi hơi xa. Trình độ yêu cầu tới mức cao nhất khi mỗi đứa trẻ tự mình đề ra được yêu cầu cho bản thân và biết tự kiểm tra thái độ của mình. “... Từ yêu cầu độc đoán của nhà tổ chức đến yêu cầu tự do của mỗi đứa trẻ đối với bản thân nó trên cơ sở yêu cầu của tập thể, tôi cho đó là con đường cơ bản của quá trình tiến hóa của một tập thể trẻ xô-viết.

Trong một bức thư gửi Maxim Gorki, Makarenkô viết: “Tôi đã đạt được kết quả vì xuất phát từ nguyên tắc cơ bản sau đây: tập thể phải hoạt động, tập thể có thể xây dựng được bởi những con người hoạt động và chính trong sự hoạt động đó họ tự biến đổi.”. Nói về nguyên tắc giáo dục trong tập thể và bằng tập thể của Makarenkô, Zăđôrôp, một đứa trẻ rất khó thích ứng, sau trở nên kỷ sư, đã viết: “... dần dà, quá trình giáo dục biến thành một quá trình tự giáo dục của tập thể. Thật là đặc sắc và không ngờ!”

Trên đây, tôi chỉ nêu lên những quan điểm cơ bản nhất của Makarenkô về giáo dục. Nội dung tác phẩm Bài ca sư phạm còn chứa đựng nhiều bài học khác, phong phú và sinh động. Đọc kỹ tác phẩm, ta có thể rút ra nhiều bài học về quan điểm giáo dục, về kỹ thuật sư phạm.

Tóm lại, tư tưởng chủ đề của Makarenkô trong Bài ca sư phạm là giáo dục những trẻ lưu manh, phạm pháp, sản phẩm của xã hội bóc lột, thành những công nhân yêu nước, giác ngộ, trung thành với chế độ xã hội chủ nghĩa, những chiến sĩ tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để đạt được mục đích đó, nhà giáo dục phải tin tưởng sâu sắc ở bản chất tốt đẹp của con người, tôn trọng con người, phải nắm vững quan điểm giáo dục trong lao động, bằng lao động, và giáo dục trong tập thể, bằng tập thể. Đó là những quan điểm, những phương pháp giáo dục có tính vạn năng hiệu quả nhất, nó thể hiện căn bản nhất sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nó là bản chất của giai cấp công nhân.

Nội dung tác phẩm Bài ca sư phạm diễn ra ở Liên-xô trong hoàn cảnh nội chiến, trong thời kỳ khôi phục kinh tế và bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hoàn cảnh miền Bắc nước ta hiện nay có khác hoàn cảnh của Liên-xô lúc đó. Đặc điểm trẻ em nước ta – kể cả một số trẻ em hư hỏng – có khác đặc điểm những đối tượng giáo dục của Makarenkô trong Bài ca sư phạm. Nhưng những nguyên lý, những quan điểm cơ bản về giáo dục xã hội chủ nghĩa không thay đổi. Tôi tin chắc rằng những quan điểm giáo dục tiên tiến của Makarenkô sẽ rất có ích cho chúng ta, các giáo viên cũng như các cha mẹ học sinh.

Ở nước ta, các tác phẩm của Makarenkô chưa được phiên dịch đầy đủ. Nay Nhà xuất bản Văn hóa, lần đầu tiên, dịch tác phẩm Bài ca sư phạm, tác phẩm nổi tiếng nhất của Makarenkô. Tôi tin rằng bản Bài ca sư phạm sẽ được bạn đọc hoan nghênh, nhất là các bạn giáo viên. Đọc nó, nghiền ngẫm, suy nghĩ, chắc chắn chúng ta rút ra được nhiều bài học quý báu, không những để giáo dục trẻ em hư mà cả những trẻ em bình thường trong mỗi gia đình, trong mỗi trường học.

Tháng 6 năm 1962
NGUYỄN SĨ TỶ
Viện phó Viện nghiên cứu
Khoa học giáo dục
Bộ Giáo dục

LỜI NGƯỜI DỊCH

Đề cập tới vấn đề cải tạo những con người xấu của chế độ cũ để lại, chủ tịch N. X. Khrutsốp, trong bài nói chuyện ở Đại hội các nhà văn lần thứ ba, ngày 22-5-1959, đã xác định rằng:

Muốn đưa một con người như vậy vào con đường ngay thẳng, cần có một thái độ khác (*với thái độ nghi kỵ, ruồng bỏ – H. M.*) cần phải tin ở con người, tin vào những đức tính tốt nhất của con người. Người đó có thể tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản được không? Có thể được các đồng chí ạ!

Trong việc miêu tả những trường hợp như thế, tôi khó lòng mà thi đua được với tác giả quyển *Bài ca sư phạm*, Antôn Xêmiônôvich Makarenkô, nhà văn nổi tiếng và được mọi người đều kính trọng. Ông đã cho ta thấy cái cao quý của con người, cái sức mạnh lớn lao của lòng tin ở con người. Và tất cả chúng đều biết rõ những người, trước kia là trộm cắp và giết người đã được săn sóc và tin tưởng đã đền đáp lại lòng tin ấy gấp trăm ngàn lần như thế nào.^[1]

Tên tuổi Makarenkô vang dội tới chúng ta từ lâu.

Tác phẩm *Bài ca sư phạm* đã được giới thiệu với nhân dân Việt Nam ngay từ năm 1956 qua cuốn phim cùng tên và chỉ ít lâu sau, một cuốn phim khác, cũng mang tên một tác phẩm lớn khác của ông *Những ngọn cờ trên tháp*, lại được chiếu trên các màn ảnh Việt Nam. Gần đây, Nhà xuất bản Giáo dục cũng đã xuất bản các bản dịch những cuốn *Lời khuyên các vị phụ huynh*^[2] và *Cuốn sách của những người làm cha mẹ*^[3] của ông. Tất cả những phim và sách ấy đều được quảng đại quần chúng nước ta hết sức hoan nghênh. Đặc biệt phim *Bài ca sư phạm* đã gây một xúc động mạnh mẽ trong các tầng lớp thanh niên nam nữ và khiến các nhà giáo dục cũng như những người làm cha mẹ phải quan tâm suy nghĩ rất nhiều.

Ở Liên Xô, sau khi cuộc cách mạng vô sản thành công và bắt đầu xây dựng cơ sở về mọi mặt cho chủ nghĩa xã hội, thì vấn đề giáo dục thanh niên, nhất là các thanh niên hư hỏng, nạn nhân của chế độ cũ và của thời kỳ tao loạn, lập tức được đặt ra với tất cả tầm quan trọng to lớn và cấp thiết của nó.

Năm 1920 được giao cho cái trọng trách cải tạo những trẻ vị thành niên “phạm pháp”, những trẻ con vô thừa nhận kéo lê cuộc sống bi thảm, đói rách trên những bờ hồ của truy lạc, bên công rãnh của những thành phố chưa hẳn hết bị đe dọa vì nạn thổ phỉ, sau cuộc Cách mạng tháng Mười, Makarenkô đã làm thế nào để biến những thanh niên tưởng chừng không tài nào cảm hóa được ấy thành những người công dân tốt của tổ quốc Xô Viết, những người phải có cái nhiệm vụ tích cực xây dựng chủ nghĩa cộng sản?

Makarenkô không phải là một nhà lý luận phòng giấy. Ông không dựa vào những nguyên tắc trừu tượng nào để tìm phương pháp sư phạm. Là một người hoạt động, và thấm nhuần sâu sắc nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, ông đã nhìn thẳng vào thực tế biện chứng của đời sống với những cá tính vô cùng phức tạp và sinh động của các trẻ nuôi giao phó cho ông. Một lòng tin mãnh liệt ở những khả năng tốt đẹp của con người hướng dẫn mọi hành động của ông, đem cho ông sức mạnh vượt qua mọi trở ngại trong những giờ đen tối nhất. Thêm vào đấy, một đức tính nhẫn nại vô song, không bao giờ biết nản, một tình yêu sâu sắc đối với con người mà ông luôn luôn tôn trọng ở mỗi đứa trẻ, một nhiệt tình nghệ sĩ lúc nào cũng tỉnh táo để phát hiện ở nó những ánh lửa thiêng, những bông hoa chớm nở mà ông hết sức bồi dưỡng, nâng niu, một tinh thần vì người cao cả, quên mình và hy sinh hết thảy để chăm lo săn sóc từng li từng tí đến đời sống của các trẻ nuôi, khiến ông dần dần đi sâu vào tận cùng các ngõ ngách tâm hồn chúng, được chúng kính trọng và nhất là yêu mến. *Bài ca sư phạm* cũng là một bài ca chủ nghĩa nhân đạo của con người cộng sản.

Cuốn sách đó kết tinh những kinh nghiệm sống của Marakenkô trong việc xây dựng trại Gorki, trại lao động cải tạo đầu tiên cho thiếu nhi ở Liên Xô. Bị đặt trước những tình trạng khó khăn, có khi nguy hiểm, hầu như tuyệt vọng, ông thuật lại chuyện những nghi ngờ, những sai lầm, những lo âu, những tức giận và sau cùng là những thành công đã đền đáp lại cái nghị lực không thể khuất phục được của ông. [\[4\]](#)

Nhưng không nên tưởng đây là một câu chuyện khắc khổ, với những hình thức khô khan, đóng chặt trong khuôn khổ một bản báo cáo. Trong *Bài ca sự phạm*, Marakenkô tỏ ra là một nhà nghệ thuật có tài, trên cơ sở những tài liệu cụ thể của cuộc sống đã tái hiện quá trình hình thành con người mới... Ông đã biết đem vào quyển tiểu thuyết của mình những yếu tố nói lên tiền đồ tương lai, sự tiến triển của đất nước, của xã hội, tức là thể hiện cuộc sống trong sự vận động đi lên của nó. [\[5\]](#)

Những sự việc được miêu tả trong truyện là tất cả cuộc sống vô cùng phong phú của cải xã hội thiếu nhi không ngừng biến chuyển – cũng như cái xã hội lớn nói chung- cuộc sống có những khía cạnh ngây thơ nhất định nhưng cũng đầy rẫy những nét khiến người ta phải ngạc nhiên và nghi ngờ. Mấy trăm nhân vật, kể cả trẻ con và người lớn, xuất hiện trên những trang sách, là cả một thế giới rộng lớn vì quy mô diễn biến của nó trong không gian và thời gian, một thế giới phồn tạp, trong đó mỗi người mỗi vẻ đều được ghi rất nhanh bằng vài lời sắc gọn, chắc như một nhát dao, một nhát búa làm nổi bật ngay tính cách điển hình. Nếu có những trang đượm một ý vị thơ đậm ấm, tả sự vui sống một buổi chiều đông chung quanh lò sưởi, mà các cây củi trong lò tự kể chuyện mình (phần II, chương 3), thì cũng có những trang đầy sự náo nức của chú trại viên đi chân đất nhưng thực sự làm chủ nhân ông, đem hết sức mình ra lao động xây dựng trại, chế ngự và sửa chữa cả những thiếu sót của thiên nhiên (phần II, chương 10). Và liền ngay sau đó, ta được nghe giọng trữ tình kỳ thú của con người đứng chỉ đạo tất cả những công cuộc ấy:

Mỗi đứa trẻ đó có đường đi của nó, cũng như trại Gorki có đường đi của trại. Tôi cảm thấy tôi nắm trong tay rất nhiều đường xuất phát của cuộc đời ấy, song nhận cho ra những phương hướng, triển vọng và điểm kết thúc của những con đường đó trong đám sương mù của tương lai gần gũi thật khó khăn biết nhường nào. Giữa đám sương mù ấy hiện đang quay lộn trong lốc bão những yếu tố mà người ta chưa chi phối được, mà các kế hoạch và các khoa toán học chưa đặt được cho chúng một tên gì. Cuộc hành quân của chúng tôi xuyên qua những lực lượng không cân lường được ấy có cái vẻ mỹ quan của nó, cho nên vẻ mỹ quan của những thửa vườn hoa, vườn quả kia đã hết làm cho tôi cảm động.

Thảng hoặc ở đây, ở đó, đôi khi cũng có một chút âm thầm chua chát không thể nào tránh được, trong những giờ phút ngờ vực cái kết quả công việc mình làm, nghĩ đến sự bạc bẽo của cuộc đời mình, dệt toàn bằng những vất vả và hy sinh trong bóng tối, nhưng cái đó chỉ là thoáng qua và hãn hữu, còn thường thì tác giả để lộ trên mỗi trang, hầu như trên mỗi dòng, một nụ cười vô cùng tinh tế và tế nhị. Nói là “để lộ” có lẽ không đúng lắm, và nụ cười cũng không hẳn là luôn luôn rõ rệt. Đúng hơn, nhiều khi đó chỉ là một cái nhếch môi, hoặc ta tưởng tượng ra như vậy, một cái gì rất kín đáo nhưng vô cùng sâu sắc và thâm thúy, nó chính là một nét đặc biệt Marakenkô. Là dấu hiệu không thể lẫn được của bản chất trào tiêu, phúng thích, cái gọi là “uy mua” (humour) riêng của ông vậy. Đọc *Bài ca sự phạm* ta luôn luôn tưởng được thấy nét mặt ông cũng có phần nào giống nét mặt Lapô mà ông tả cứ “tĩnh khô “đi, kiểu “cù không cười “, trong khi hẳn làm cho những người nghe hẳn phải bò lăn ra cười vì những câu hóm hỉnh của hắn. Cái duyên ấy chỉ có thể có được ở những người mang sẵn trong lòng một tình yêu đời bất tri, nó phản ánh một niềm tin vững chắc ở mình, ở sức mạnh thuyết phục của mình, biết mình nắm được lẽ phải, nắm được chân lý.

Nét mặt Marakenkô mà ta tưởng tượng ra đó có lẽ không sai lạc lắm, nếu đem so sánh với cách nhìn của đại văn hào Maxim Gorki trong buổi gặp gỡ đầu tiên của người với Marakenkô, bấy giờ đã gần

bốn mươi tuổi:

Người miêu tả cho ta thấy ông mới thoát trông khá tầm thường, tóc cắt ngắn kiểu bàn chải, một cái mũi khá lớn, một bộ ria mép ngắn, đôi mắt màu lam xám đột nhiên ánh lên vẻ tinh quái, một kiểu ăn mặc giản dị, hầu như kiểu quân nhân, dáng điệu vừa là của một nhà giáo thôn quê vừa là của một người lính. Thoạt mới gặp, Makarenkô cho người ta cái ấn tượng là hơi lạnh lùng, hơi kín đáo, bởi vì ông ưa lặng lẽ nghe hơn, đầu hơi nghiêng nghiêng tựa hồ ông đang in lấy một dấu hữu hình nào đó của người nói chuyện với mình (ông ta biết nắm ngay tức khắc được những nét đặc thù chủ yếu của một người mới đến, đóng nó vào một câu đầy ý nghĩa thâm thúy và trào lộng), thế rồi một nụ cười hiền hậu bỗng làm biến dạng cái bộ mặt hơi buồn ấy và đến lượt Makarenkô bắt đầu nói bằng một giọng hơi ồm ồm, hơi khàn khàn, nhưng vô cùng giàu tiết điệu ý nhị.^[6]

Tác giả của những dòng trên đây còn cho ta biết thêm:

* Bản chất nghệ sĩ rất sâu sắc, say mê hết thảy mọi cảnh sắc thiên nhiên cũng như say mê sân khấu, âm nhạc và thi ca, Makarenkô biết tạo ra cái đẹp ở quanh mình, và bọn trẻ cảm thấy ngay tức khắc những cố gắng của ông để làm cho cuộc sống của chúng đẹp đẽ hơn lên.

* Dậy từ 5 giờ sáng, ít khi ngủ trước 1 giờ, Makarenkô khiến những người xung quanh phải ngạc nhiên vì sức làm việc không thể nào tin được của ông: ông có cái tài ở bất cứ chỗ nào cũng có mặt cùng một lúc mà không bao giờ có vẻ gì là hối hả cả. Là một nhà tổ chức giỏi bậc nhất, ông có thể đồng thời làm nhiều công việc song song mà không hề rối trí vì sự những đứa trẻ nuôi của ông cứ đi đi lại lại.^[7]

Chính cái sức làm việc không biết mệt ấy và cái tổ chức lạ lùng ấy đã khiến Makarenkô, “nhà sư phạm lớn nhất của thời đại chúng ta” (S. O. M. Nubarốp) đồng thời là nhà văn lỗi lạc mà Chủ tịch, N. X. Khrutsốp ca ngợi một cách rất xứng đáng ấy, đã có những địa bàn hoạt động rất khác nhau (xem lược kê những tác phẩm của ông ở phần phụ lục, tập 3) và đã kể lại cho chúng ta một di sản văn học và sư phạm vô cùng quý báu.

Chúng ta cần phải khai thác cái di sản ấy. Nếu Makarenkô đã tìm những gương sống trong các nhân vật của Maxim Gorki để lần ra con đường đi vào tâm tư của con người, phát hiện ở nó những giá trị, những khả năng thiện mỹ, dù chỉ là một mầm mống rất non yếu, một liều lượng rất ít ỏi của cái bản chất tốt ẩn giấu dưới những hiện tượng thảm hại nhất của sự cùng khốn và sự hư hỏng đồi bại, thì đến lượt chúng ta, chúng ta há không thấy sự bổ ích tìm trong những gương sống ngay trong các nhân vật của chính Makarenkô? Những Zăđôrốp, Burun, Bratsenkô, Karabanốp, Gut, Galatenkô, Fêđôrenkô, Kutlaty, Ôpriskô, Taranet, Tsôbô, Vecsonep, Vetkôpxki, là chỉ kể những tên tình cờ nhớ tới, và những nữ trại viên Ôlia Vônônôva, Natasa Pêtrenkô, Naxchia Nôt-sêvnaia, Raitxa Xôkôlôva, v.v... Bao nhiêu tiêu bản của một cái nhân loại phức tạp mà giản dị, kỳ quái mà dễ hiểu, ô hợp mà đồng nhất, từ vẻ ngoài: y phục, tư thế, đến những nét chủ đạo của tâm hồn: tình vui sống, lòng tin yêu chế độ, quyết tâm bảo vệ nó đến cùng. Đồng nhất nhưng không phải rập khuôn, vì ai nấy vẫn mỗi người mỗi vẻ, không ai giống ai, như trên một bức khảm sà cừ mà màu sắc lung linh thay đổi không cùng, tùy theo góc của người đứng ngắm. Có nhà sư phạm nào không thèm muốn được nói như tác giả:

- Cuộc sống ở trại bây giờ tốt đẹp và có trật tự, trông thấy vậy tôi tự hào về phần đóng góp của mình làm cho đất nước này thêm đẹp đẽ. Song về phương diện thẩm mỹ tôi cũng có những ý thích riêng của tôi: các thứ hoa, các đường nhỏ đi dạo mát và các góc cây cối um tùm đều không làm cho tôi một phút nào mất hút được những đứa trẻ mặc quần cụt màu lam và sơ mi trắng nọ. Các chú bé đó hiện thời đang chạy lăng xăng hay bình tĩnh đi lại giữa các tân khách, bận rộn chung quanh những bàn tiệc, hoặc đứng vững ở nơi phạt sự, ngăn không cho ùa vào trại bằng mấy trăm kẻ ngốc nghếch đến xem một đám

cười xưa nay chưa từng có:^[8] đó là các trại viên Gorki. Thon mảnh và chỉnh chệch, mình lẫn chắc và mềm mại, gân guốc và lành mạnh, thân thể không biết đến thuốc men là gì và gương mặt nào cũng môi đỏ hồng hào. Những gương mặt như thế được tạo nên ở trại: khi ở ngoài phố vào đây chúng không như vậy?

Kết quả thật nức lòng, tuy nó chỉ mới đánh dấu một chặng đầu tiên trên đường đi tới đích của trại. Nhưng đạt được tới được kết quả đầu tiên ấy cũng đã phải tốn biết bao tâm tư, trải qua biết bao giờ lo âu phiền muộn, mỗi lúc có thể chỉ muốn “tung hê” tất cả, bỏ đấy mà đi, như một vài giáo viên của trại đã có lần thoái chí thốt ra lời. Bởi vì mỗi “chú bé” kia là cả một thế giới riêng, mỗi hành động tội lỗi của chú đều bắt nguồn từ những động cơ ích kỷ và những ý nghĩ sai lầm mà quãng đời quá khứ của chú, trước khi vào trại, đã đeo nặng vào tâm hồn trẻ thơ của chú, như một cái nợ tiền kiếp. Phải có một trí óc thực sáng suốt để nhìn thấy thủ phạm chính của những tội lỗi ấy thực ra không phải là chú, mà là cái xã hội cũ với nền trật tự bất công của nó đã gây nên bao sự đắng cay phi lý. Phải có một độ lượng rộng rãi để nhất thiết xóa bỏ, cố tình quên hẳn cái quá khứ đau đớn kia của chú, tự đặt cho mình thành một nguyên tắc bất di bất dịch là không bao giờ nhắc đến nó, trước mặt cũng như sau lưng chú, và cái đó không phải do một quan niệm mỹ cảm nào về phép “lịch sự”, cũng không phải do một thủ đoạn khôn khéo, có tính toán và cân nhắc kỹ, mà thực chỉ là do lòng nhân đạo vô cùng sâu sắc, hết sức tôn trọng con người đang hình thành ở đứa trẻ.

Makarenkô, dưới giọng phúng thích nhẹ nhàng, đã chế giễu những lý thuyết giả ngụy với những bản “chứng nghiệm” đội lốt khoa học nhưng thực chất là phản khoa học của cái gọi là khoa “nhị đồng học” tư sản. Nụ cười cương nghị của ông tàng ẩn biết bao nhiêu dũng cảm trong khi chỉ có một mình ông, hay hầu như vậy, chống lại cả cái giới “Ôlanhơ sư phạm”^[9] đương thời, gồm những nhà giáo sư, bác học đạo mạo, mà thế lực phản động, đã gây cho ông nhiều trở ngại trong công tác giáo dục.

Độc lực ở trong góc rừng hiu quạnh của ông, hằng ngày ông phải đương đầu với những khó khăn dấy lên từ những vấn đề nhỏ nhất, liên quan tới đời sống vật chất của các trẻ nuôi, bánh mì, bơ, mỡ, củi, quần áo, chăn màn, giày mũ, thuốc men... đến trăm nghìn chuyện eo óc, rắc rối, xảy ra không phải chỉ giữa các trại viên mà còn giữa các giáo viên và cả đến giữa các nhà đương cục địa phương trại nữa. Mỗi trường hợp ông trình bày lại là một kinh nghiệm thiết thực, mỗi vấn đề được giải quyết là một bài học gắn liền với thực tế khách quan. Nhưng tựu trung bài học quý giá nhất vẫn là cái tình yêu sâu sắc của ông đối với mỗi trẻ em mà ông chính là người cha tái tạo nó thực sự, tình yêu thấm đượm mỗi trang sách của ông, phả vào giọng ông như một khúc nhạc trầm trầm, êm dịu, với những thanh âm, tiết điệu gọi cho ta thấy những màu sắc bất ngờ, những khả năng vô tận trong tâm hồn đứa trẻ. Lòng tin của ông có thừa sức mạnh để làm cho một cô gái “tính khí không thể nào chịu được” và hết sức ít tin tưởng ở chính mình đến như Marutxia Leptsenkô, sau cũng trở thành nữ cốt cán trại và ứng thí thắng lợi vào trường Trung học công nông, một việc mà trước đó cô đã không bao giờ dám ngờ rằng mình có thể làm được. Cũng vẫn sự lạc quan cố định ấy, căn cứ trên cái khả năng cải tạo không thể nào ngờ vực được của tập thể, của chế độ xô-viết tốt đẹp đối với trẻ em hư hỏng, đã khiến Makarenkô thành công rực rỡ ngay ở trong những trường hợp tưởng là ít hi vọng nhất.

Còn bao nhiêu điều nữa, không thể nào nêu hết trong khuôn khổ vài trang sách, mà ngày nay chúng ta phải rút ra, nghiền ngẫm, học tập ở những tác phẩm của Makarenkô nói chung và *Bài ca sư phạm* nói riêng. Giá trị của *Bài ca sư phạm*, “một trong những tác phẩm xuất sắc của nền văn học xô-viết”, theo lời của Maxim Gorki, được giáo sư E. Mêdynski nhắc lại trong bài giới thiệu sau đây, sẽ không được nhận thức đầy đủ nếu người đọc chỉ xem nó như một cuốn tiểu thuyết hấp dẫn, bố cục chặt chẽ, khéo léo mà thôi. Muốn thấy rõ, như chính giáo sư nói:” Kể là một tác phẩm vừa văn học vừa sư phạm, thì *Bài ca sư phạm* là một tác phẩm vô song trên thế giới”, chúng ta còn cần phải coi nó như một cuốn

sách giáo dục chỉ nam, đọc rồi, đọc lại nữa, suy nghĩ, đôi chiều những phát hiện phong phú của nó với cái thực tế sinh động của đời sống hiện tại ở xã hội ta, rút ra một cách sáng tạo những chỉ dẫn hữu ích cho công tác giáo dục các thanh niên ở gia đình, cũng như ở nhà trường và ở tất cả các đoàn thể, tập thể có trách nhiệm.

Giữa lúc phong trào giáo dục đức dục đang được đẩy mạnh nhằm đào tạo những thanh niên mới, cần cho công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, ngày nay chúng tôi đem công hiến bạn đọc bản dịch tiếng Việt đầu tiên của *Bài ca sư phạm*, tác phẩm tiêu biểu nhất của Makarenkô, với ý muốn được góp một phần nhỏ vào công việc tìm hiểu nhà văn và nhà sư phạm xô-viết lớn ấy.

Chúng tôi sẽ rất sung sướng nếu bản dịch này có thể giúp ích một phần nào cho các nhà sư phạm, các bậc làm cha mẹ, các cán bộ phụ trách thanh niên, nhi đồng, và nói chung tất cả các bạn làm công tác giáo dục, đôi khi tìm thấy được ở trong trang sách một vài lời giải đáp về những vấn đề mà các vị vẫn hàng ngày suy nghĩ trong khi lo làm nhiệm vụ bồi dưỡng những “mầm non” của đất nước.

Chúng tôi dịch theo bản dịch tiếng Pháp *Poème pédagogique* của Jăng Sămponoa (Jean Champenois) – Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1953 -, có tham khảo bản dịch tiếng Trung-quốc *Giáo dục thi* của ông Hứa Lỗi Nhiên – Nhân dân Văn học xuất bản xã, Bắc-kinh, 1959 – mà ở đây chúng tôi xin trân trọng cảm tạ tấm thịnh tình anh em đã khiến ông gửi cho chúng tôi sách với những lời khuyến khích nồng nhiệt, đồng thời cho phép chúng tôi được sử dụng một số những lời chú thích của ông trong tập truyện.

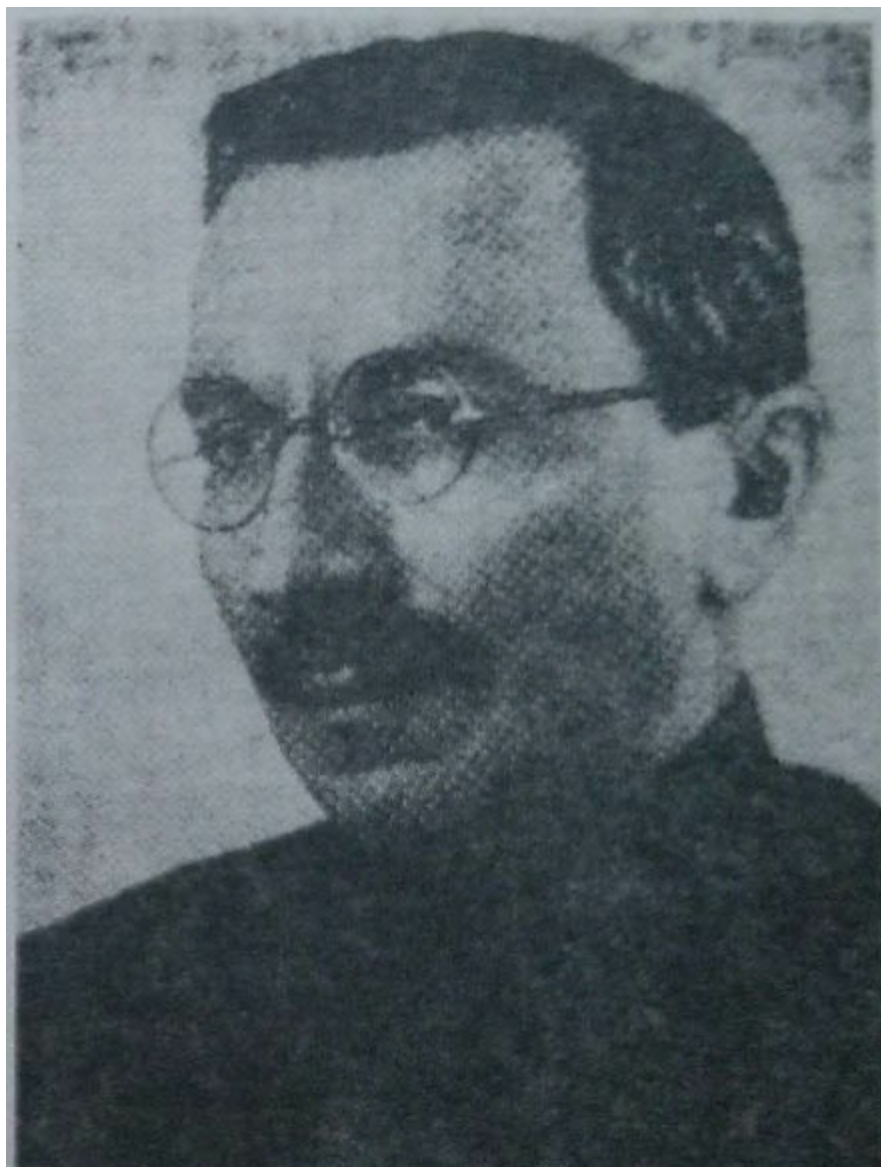
Chúng tôi cũng xin thành thực cảm ơn ông Nguyễn Khánh Toàn, Chủ tịch Ủy ban Thiếu niên Nhi đồng, và ông Võ Thuần Nho, Thứ trưởng bộ Giáo dục, đã khuyến khích chúng tôi nhiều trong dịp đưa in bản dịch này.

Chúng tôi rất mong được các bạn đọc chỉ bảo cho những chỗ còn thiếu sót để sau đây sửa chữa cho bản dịch được tốt hơn.

Hà-nội, ngày kỷ niệm Quốc tế lao động
1962

HƯỚNG MINH

A. MAKARENKÔ (1888-1939)



Antôn Xêmiônôvich Makarenkô sinh ngày 13 tháng 3^[10] năm 1888 ở Biêlôpôliê, thị trấn thuộc tỉnh Khackôp (Ukren). Cha của ông Xêmiôn Grigôriêvich, làm đốc công thợ sơn ở công xưởng ngành đường sắt.

“... Một người cao lớn, gầy còm và nghiêm khắc, suốt đời chỉ biết có làm việc”, đó là lời Makarenkô miêu tả về cha, trong cuốn tiểu thuyết Danh dự của ông. Ông cụ thọ sáu mươi sáu tuổi, mất năm 1916, trước khi Antôn ra khỏi Trường Sư phạm ít lâu.

Bà mẹ của Antôn Makarenkô, Tatiana Mikhailôpna, khó tính đối với chính mình và đối với những người khác, là một người vợ và một người mẹ tốt và âu yếm.

Gia đình Makarenkô sống nghèo khổ. Nhưng mối quan hệ điều hòa, kín đáo và đượm một tình yêu thương lớn đoàn kết mọi thành viên trong gia đình, người nào người nấy đều có những nhiệm vụ phân định rõ rệt. Sự ngay thẳng, ý thức bổn phận, cảm quan về phẩm cách con người, là những đức tính mà Antôn Makarenkô tiếp thụ được ngay từ hồi thơ ấu trong lòng gia đình.

Antôn Makarenkô lên năm tuổi đã biết đọc. Năm mười hai tuổi ông vào trường cao đẳng tiểu học ở thị trấn. Theo học trường đó đã là con cái của những thương gia và công chức nhỏ; khi đưa con đến trường, ông bố bảo Antôn:

“Họ xây dựng cái trường này lên không phải là cho bọn mình, nhưng mà con, con hãy tỏ ra cho họ biết! Những điểm bốn... thì đừng có mất công đem về nhà mà làm gì! Phải là những điểm năm, con đã

hiều chưa!”

Và người con đã không khiếm khuyết trong việc làm toại ý muốn của ông bố. Suốt thời gian ở trường, cũng như sau này lên trường Sư phạm, Makarenkô chỉ có toàn những điểm năm (điểm cao nhất).

Sau khi học hết sáu năm ở trường cao đẳng tiểu học, Makarenkô chuyên về ngành giáo dục. Được bổ làm giáo viên, ông nhậm chức lần đầu ở trường hỏa xa Kriukôvô, nơi gia đình ông sinh sống (ở đây, năm 1951, đã khánh thành nhà bảo tàng Makarenkô).

Những năm hoạt động sư phạm đầu tiên của Makarenkô là vào hồi cách mạng Nga lần thứ nhất.

“Trong khoảng ba năm cách mạng (1905-1907), giai cấp công nhân và nông dân đã tiếp thụ được một nền giáo dục chính trị phong phú mà ba mươi năm phát triển bình thường trong hòa bình cũng không thể nào đem tới cho họ. Vài năm cách mạng đã làm cho thành hiện nhiên những sự việc mà hàng mấy chục năm phát triển hòa bình cũng không đủ để làm cho thành hiện nhiên được.”^[11]

Những tư tưởng của Makarenkô đã được hình thành vào những năm đó. Chính ông về sau này nhắc lại rằng: “Sự am hiểu lịch sử đã đến với chúng tôi do con đường tuyên truyền bôn-sê-vich và do những biến cố cách mạng... Ở trường hỏa xa là nơi tôi làm việc, bầu không khí thật là trong trẻo hơn những nơi khác, không thể nào so sánh được: một xã hội công nhân, chân chính vô sản, nắm chắc nhà trường trong tay mình”.

Cái xã hội công nhân, nơi Makarenkô xuất thân và làm việc, đã góp một phần lớn vào sự phát triển những tư tưởng và quan điểm chính trị của ông theo chủ nghĩa Mác.

Maxim Gorki, vào hồi đó và sau này nữa, đã có một ảnh hưởng lớn trong việc tu dưỡng tinh thần của Makarenkô. Về sau ông viết: “Gorki dạy cho chúng tôi biết cảm thấy cái lịch sử ấy, biết làm cho lòng mình chứa chất căm thù và nhiệt tình, và ngoài ra còn thêm một sự lạc quan tin tưởng lớn, thêm sự đòi hỏi lớn lao và vui vẻ này: Bão táp hãy nổi lên dữ dội gấp đôi đi!”

Năm 1914, Makarenkô vào Trường Sư phạm Pontava, là trường đào tạo thầy giáo cho các trường cao đẳng tiểu học. Ông là một trong những học viên ưu tú nhất, đọc sách nhiều và trình bày những bản thuyết trình vừa chắc chắn vừa xuất sắc về các vấn đề sư phạm. Trong các giáo sư của trường ấy, “có một số lớn đã trở thành những người bôn-sê-vich, mà nhiều người đã hi sinh tính mạng trên các mặt trận của cuộc nội chiến”. Makarenkô đã nhắc lại với một tình cảm biết ơn đối với các thầy dạy của mình... “đó là những con người chân chính và họ đã giáo dục ở chúng tôi những nguyện vọng ưu tú nhất của con người. Và ngay trong sự phát triển của bản thân tôi về mặt sư phạm, họ cũng đã tạo nên những cơ sở chủ yếu nhất cho bất cứ một tin tưởng sư phạm nào: đòi hỏi ở con người nhiều hết sức và kính trọng nó hết sức.”

Ở Trường Sư phạm ra, Makarenkô được nhận một huy chương vàng.

Từ mùng 1 tháng 9 năm 1917, Makarenkô phụ trách những nhiệm vụ làm hiệu trưởng một trường cao đẳng tiểu học, ông đang giữ chức vụ ấy khi xảy ra cuộc Cách mạng tháng Mười.”*Sau tháng Mười, ông viết, những vết cảnh bao la mở ra trước mặt tôi. Đối với bọn chúng tôi trong ngành giáo dục, những vết cảnh ấy làm cho chúng tôi say sưa đến nỗi chính bản thân mình cũng không tự biết mình nữa.*”

Ngay từ hồi đó, Makarenkô đã nhiệt thành tìm tòi những hình thức và phương pháp giáo dục mới, những con đường mới trong phạm vi sư phạm. Ngay từ lúc đó, hồi 1918-1919, ông đã không quan niệm được một nền giáo dục xô-viết chân chính mà không có sự tổ chức một tập thể nhi đồng mạnh mẽ. Những công cuộc tìm tòi các hình thức tổ chức đó là hết sức táo bạo đối với thời ấy: nhiều người làm

công tác giáo dục và công tác sư phạm bấy giờ tán thành cái thuyết mà người ta gọi là “giáo dục tự do” và là kẻ thù của một kỷ luật chặt chẽ.

Mùa thu năm 1920, Sở Giáo dục của tỉnh Pontava giao cho Makarenkô tổ chức một trại cho những trẻ vị thành niên phạm pháp, về sau này lấy tên là: “Trại lao động Gorki”. Người ta đã dành cho trại đó, cách Pontava sáu cây số, một công sản rộng bốn chục éc-ta, với một số tòa nhà đã hủy nát đến một nửa. Từ trước cho đến Cách mạng tháng Mười, một trại thanh niên hình tội đã được thiết lập ở nơi ấy. Mọi vật liệu của cái trại ngày trước đó đã bị lấy trộm đi hết thảy: các kính cửa bị nạy, các cánh cửa tháo khỏi chốt, các lò sưởi phá hủy để lấy gạch. Ngay đến các cây ăn quả cũng bị đánh đi với cả rễ, và dĩ nhiên là được đem trồng ở nơi khác.

Trong hai tháng làm việc cật lực người ta đã tạm sửa sang cho có thể ở được một trong những ngôi nhà của trại cũ và thu hồi về được một phần vật liệu.

Những trẻ nuôi thứ nhất đến vào tháng chạp. Makarenkô biết rằng không thể nào đưa ngay ra cho các trại viên những đòi hỏi rộng lớn được. Ông mở rộng những đòi hỏi ấy dần dần nhưng cương quyết. Để tạo nên tập thể, ông bắt đầu thành lập một hội hạt nhân trại viên tích cực. Cùng với chúng ông tổ chức việc canh phòng đường cái chống lại bọn trộm cướp, và cái món ấy không phải là thiếu gì trong thời buổi khó khăn đó, cũng như việc bảo vệ rừng chống lại những người đốn trộm cây”. *Việc canh gác rừng, tài sản quốc gia, Makarenkô nói, nâng cao giá trị của chúng tôi lên rất nhiều ngay trong con mắt của chính chúng tôi, nó cũng cho chúng tôi một công tác vô cùng lý thú và sau cùng đem lại cho chúng tôi những thuận lợi lớn”.*

“Cái cá tính trở thành man rợ do sự cô lảnh” của các trẻ nuôi gây nên cho Makarenkô nhiều giây phút cay đắng trong những năm đầu ấy, mặc dầu, như về sau này ông viết “những mầm mống tinh thần tập thể, nảy sinh ra trong những mùa đông đầu tiên, vẫn dần dà xanh tươi êm thấm trong tập đoàn chúng tôi”.

Ông không tin ở những phép lạ sư phạm. Do kinh nghiệm lâu năm, ông biết rõ hơn ai hết những cố gắng lớn lao mà nhà sư phạm phải vận dụng để bảo vệ và biến thành ngọn lửa phấn khích, những tia cảm tính về bốn phận và danh dự, về kỷ luật và lao động, đang chập chờn trong ý thức các trẻ nuôi. Làm cho chúng nảy sinh ra hẳn là dễ dàng, nhưng thường là chúng tắt đi rất mau, dù là sau một cơn bùng cháy mạnh. Thức tỉnh được ý thức là việc nhỏ, nhưng làm nảy nở và điều khiển ý chí của đứa trẻ nuôi lại càng khó khăn hơn, đặc biệt là khi tất cả những quãng đời trước kia của nó đã cho nó cái thói quen buông thả.

Trong *Bài ca sư phạm* của ông, Makarenkô thuật lại chi tiết những “mầm non” của chủ nghĩa tập thể đã lớn lên và có sức mạnh như thế nào và sự chín chắn về tinh thần của những đứa trẻ vị thành niên phạm pháp cũ, di sản của chiến tranh thế giới lần thứ nhất để lại cho chế độ xô-viết, đã được hoàn thành như thế nào.

Năm 1926, trại Gorki, đã có 120 trẻ nuôi, tự nguyện dời bỏ cái dinh nghiệp đẹp đẽ mà các trại viên đã tạo nên do chính lực lượng của họ, ở gần Pontava, để di cư sang Kurijê, gần Khackôp, trong những tòa nhà đã bị tàn phá một nửa mà một trại nhi đồng vô thừa nhận đang ở. Ở Kuriajê có 280 trẻ nuôi. Do sự bất lực trong công tác giáo dục, chúng hoàn toàn hư hỏng và chỉ trở về trại để ăn với ngũ mà thôi. Ruộng đất rộng lớn của trại không được cày cấy. Khi quyết định cứu vớt những đứa trẻ ở Kuriajê, Makarenkô và các trẻ nuôi của ông không chỉ có hi sinh cái sản nghiệp đã được tổ chức rất chu đáo của họ ở tỉnh Pontava: họ còn nhận lấy một mối nguy cơ lớn, vì phải sợ rằng số 10 trại viên Gorki – mà trong số đó lại có chừng 40 đứa mới – bị chìm ngập vào cái khối hoàn toàn hư hỏng 280 trẻ nuôi ở Kuriajê. Song nhờ một sách lược sư phạm khôn khéo, dựa vào tập thể những trại viên Gorki, và do

một hành động nhanh chóng và cương quyết, chỉ trong một thời gian rất ngắn, Makarenkô đã thắng được sự buông thả lười biếng của bọn trẻ Kuriajê và biến chúng thành những thành viên của một tập thể cũng có kỷ luật như các trại viên “kỳ cựu” của Gorki trước kia. Công cuộc “chinh phục” Kuriajê đó là một thử thách chói lọi chứng tỏ sự đúng đắn của phương pháp sư phạm của A. Makarenkô.

Mùa đông năm 1926-27, số trẻ nuôi của trại Gorki lên tới 450. Một dinh nghiệp mới và rộng lớn về nông nghiệp đã được tạo nên, nuôi sống gần 500 người (trẻ nuôi, thầy giáo và nhân viên phục vụ): các công xưởng được tổ chức, đáp ứng những nhu cầu của các trại viên. Một trường học đã mở ra, tất cả các trẻ bắt buộc phải theo học. Lại còn có một câu lạc bộ và nhà chiếu bóng, không những các trại viên mà cả nhân dân các làng lân cận cũng đều vui thích đến xem.

Trong công tác giáo dục Makarenkô đặt tập thể lên vị trí hàng đầu. Ông đã lấy phương châm: giáo dục trong tập thể, do tập thể và cho tập thể. Về mặt công tác các trại viên đã được tổ chức thành những đội, mỗi đội gồm một số không nhất định những trẻ nuôi nam nữ, khác tuổi nhau, chịu trách nhiệm về một phần công tác của trại. Đứng đầu mỗi đội là một tổ trưởng, chọn trong các trẻ nuôi “Hội đồng đội trưởng” trở thành cơ quan điều khiển trại. Dưới sự lãnh đạo của Makarenkô, nó bàn luận và quyết định những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến việc tổ chức dinh nghiệp, công tác và đời sống ở trại, xét xử và trừng phạt những lỗi lầm của các trại viên. Với một sự khéo léo lớn và một tài sản miễn cảm lớn về sư phạm, Makarenkô đã biết dung hòa quyền hành của giáo viên với những quyền rộng rãi của tập thể, những đòi hỏi lớn với một tình yêu mến lớn đối với các trại viên, sự tự do với sự cần thiết, những nhiệm vụ với những quyền lợi của các trẻ nuôi, hoạt động thực tiễn với trò chơi. Makarenkô đặt sự giáo dục đời sống tập thể, lao động, giáo dục kỷ luật, tình cảm về bổn phận và danh dự, làm cơ sở cho công tác của ông ở trại.

Gorki, sau khi đến thăm trại năm 1928, đã viết trong một bài nhan đề “Xuyên qua Liên bang Xô-viết”: Người nào đã có thể, bằng một cách không tài nào nhận ra như vậy, biến đổi, giáo dục lại hàng trăm đứa trẻ, bị cuộc đời chà đạp tàn bạo đến thế và nhục nhã đến thế? Makarenkô là người tổ chức và giám đốc của trại. Không thể nào chối cãi được, đó là một nhà sư phạm có tài”. Trong một bức thư ông viết cho Makarenkô, Gorki viết: “Ông hoàn thành một sự nghiệp tốt đẹp, nó phải đem lại những kết quả rực rỡ... Ông là một người kỳ lạ, đúng là một trong số những người mà nước Nga đang cần tới.”

Trước đó, năm 1927, Makarenkô đã được giao cho kiêm nhiệm việc lãnh đạo Công xã lao động Dzecjinxki, vừa mới thành lập ở cửa ngõ tỉnh Khackôp. Đó là một trại giáo dục cho những thiếu nhi và thanh niên vô thừa nhận. Năm 1928, Makarenkô, được rảnh những nhiệm vụ ở trại Gorki, tập trung hết tinh lực của ông vào công xã Dzecjinxki, mà ông điều khiển trong tám năm (từ năm 1927 đến 1935). Số trẻ nuôi của trại này lên tới 600.

Trong quá trình phát triển công tác giáo dục ở trại Gorki (1920-1928), phương pháp sư phạm của Makarenkô được hình thành và chứng tỏ những ưu điểm của nó. Trại Gorki là một mảnh đất cho những cuộc tìm tòi nghiên cứu sư phạm. Ở công xã Dzecjinxki, người ta vững lòng đem ra áp dụng thực tiễn một phương pháp sư phạm đã hoàn toàn cấu thành. Nguyên tắc dung hòa công tác sản xuất với việc học, thống nhất sự giáo dục về các mặt trí, đức, thể, mỹ, và đào tạo một học vấn bách khoa được đẩy mạnh lên tới mức độ hoàn thiện cao nhất.

Sự giáo dục bằng lao động ở công xã đó được quan niệm trên một cơ sở khác với trại Gorki. Ở trại này, hoạt động chăm chỉ của các trại viên tập trung vào nông nghiệp và các công xưởng cung ứng cho những nhu cầu của trại (khâu may, đóng giày, nghề mộc, v.v...). Ở công xã Dzecjinxki lại có thêm một lao động công nghiệp phẩm chất cao. Ở đây người ta xây dựng một nhà máy làm máy ảnh và một xưởng chế tạo đồ điện khí (máy mài giữa lòng ống, v.v.). Tất cả các trẻ nuôi làm việc ở các nhà máy

ấy mỗi ngày làm việc bốn tiếng đồng hồ, chia làm hai toán, thì giờ còn lại để chuyên vào việc học tập ở các lớp trường trung cấp. Sự lựa chọn những công việc chế tạo ấy dựa vào những lý do kinh tế và sự phạm. Hồi bấy giờ đó là những chế tạo phẩm đầu tiên thuộc loại ấy ở Liên-xô; về mặt sự phạm, chúng có điểm hay là phát triển được tính chính xác và tính chuẩn xác (có những bộ phận đòi hỏi một mức chuẩn xác đến một phần nghìn ly). Về mặt kinh tế thì chúng hoàn toàn là chính đáng: chỉ trong vài năm những lợi tức của chúng ta đã bù lại các phí tổn xây dựng và thiết bị, thêm vào đây còn phải kể những chi phí thông thường cung dưỡng cho tất cả các giáo chức nhân viên và 600 trẻ nuôi. Như vậy là kể năm thứ hai sau khi thành lập, công xã Dzecjinxki đã sống hoàn toàn tự túc.

Các trẻ nuôi của công xã vừa làm các công tác công tác công nghiệp, vừa tiếp thụ một nền học vấn trung học và ứng thí có kết quả trong các kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học.

Ở công xã Dzecjinxki, có đầy đủ các mặt hoạt động ngoại khóa: các nhóm học tập văn hóa chung, chuyên môn và nghệ thuật, một câu lạc bộ, một nhà hát, một nhà chiếu bóng, một thư viện. Đội nhạc khí thổi của các công xã viên, gồm 60 nhạc sĩ, được coi là đội nhạc nghiệp dư ưu tú nhất của tỉnh Khackôp. Thể dục và thể thao chiếm một vị trí lớn trong đời sống của công xã: điền kinh, các trò chơi, trượt tuyết, trượt băng, ten-nít, v.v.

Trong mười sáu năm hoạt động sự phạm ở trại Gorki và công xã Dzecjinxki, Makarenkô đã giáo dục vào khoảng ba nghìn công nhân Liên-xô có tinh thần kỷ luật và tận tụy đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của họ, họ công tác thắng lợi trong tất cả mọi ngành xây dựng xã hội chủ nghĩa: kỹ sư, sĩ quan trong quân đội xô-viết, thầy thuốc, những người công tác giáo dục, nghệ sĩ, v.v.

Trong ngành sự phạm, Makarenkô không những là một nhà thực hành lỗi lạc, mà còn một nhà lý luận sâu sắc, đã đem lại một cống hiến lớn lao cho nền sự phạm xô-viết.

Trung thành với học thuyết của Lê-nin và Xtalin về nền giáo dục cộng sản, Makarenkô tinh luyện phương pháp sự phạm của mình trong một cuộc đấu tranh quyết liệt chống những lý thuyết tư sản và tiểu tư sản thù địch với chủ nghĩa Mác-Lênin. Ông phủ nhận và chế giễu cái lý thuyết vô chính phủ chủ trương “giáo dục tự do”, chứng minh rằng một nền giáo dục dựa vào lý thuyết ấy gây nên sự buông thả, sự thiếu óc sáng kiến, sự bất lực chống lại những khó khăn, v.v... Ông kiên quyết đả phá cái khoa học giả mạo nhi đồng học. Vốn nhận làm định lý chủ yếu một định mệnh luận theo thuyết vận mệnh, coi như là theo đuổi những đứa trẻ do tính di truyền và do tác động của môi trường được kể là bất di bất dịch, khoa nhi đồng học chú ý đặc biệt không những đến kết quả khứ của những đứa trẻ mà cả đến quá khứ của tổ tiên chúng nữa. Makarenkô không quan tâm đến quá khứ mà quan tâm đến tương lai của bọn trẻ. Chống lại “định lý” nhi đồng học về cái định mệnh luận theo thuyết vận mệnh của tuổi trẻ do tính di truyền, Makarenkô chứng minh bằng lý luận và bày tỏ bằng kinh nghiệm trực tiếp sự quan trọng không bờ bến của nền giáo dục được quan niệm đúng đắn. Ông gạt bỏ những phương pháp giả tạo và sai lầm của những cuộc điều tra nhi đồng học (những chứng nghiệm hiện tượng, những tập chất vắn đến tận kẽ tóc chân tơ) và ông biết dùng sự quan sát sự phạm để nghiên cứu sâu tâm hồn của những đứa trẻ. Ông chỉ trích xác đáng những khuynh hướng sinh lý học của khoa sự phạm hồi đầu thế kỷ thứ 20. Makarenkô cũng đấu tranh chống lại các lý thuyết thuần lý và siêu hình của những người dựng nên những quy luật “sự phạm” một cách hoàn toàn trừu tượng, giữa bốn bức tường của phong giấy họ. Tỉ như, nói riêng, phương pháp sự phạm phản động của nhà nhi đồng học Đức Hecbac (Herbart).

Đi ngược lại tất cả những lý thuyết đó, Makarenkô tạo nên một phương pháp sự phạm macxit-Lêninit chân chính. Trong khi nói đến “lý luận sự phạm”, ông đã cho ta thấy một cách áp dụng những nguyên lý triết học và phương pháp học của khoa duy vật biện chứng vào các vấn đề sự phạm.

Lý luận sự phạm, ông nói, được quyết định do mục đích của sự giáo dục, nó không phải là bất di bất

dịch, mà thay đổi với sự phát triển của xã hội. Ở thời đại chúng ta, Makarenkô viết sau năm 1930 ít lâu, cần phải tạo ra những tính cách, những đức tính cá nhân “cần thiết cho Nhà nước xô-viết, vào thời kỳ chuyên chính vô sản, giữa lúc thành lập một xã hội không giai cấp”, Makarenkô tuyên bố rằng không làm gì có một phương pháp xô-viết mà thôi. Và quả thực, phương pháp ấy bắt nguồn từ giáo lý của Mác, Engen, Lênin và Xtalin về xã hội, về mục đích và vai trò của nền giáo dục cộng sản, về tinh túy của đạo đức cộng sản. Một trong những nguyên tắc căn bản của Makarenkô là như sau: đòi hỏi ở con người nhiều hết sức, nhưng đồng thời cũng kính trọng nó nhiều hết sức. Tất cả khoa sư phạm của Makarenkô rất là sinh động vì lòng tin vào những khả năng vô tận của con người, sự tin tưởng ở những lực lượng sáng tạo được tổ chức trong một tập thể nhân loại, và một niềm vui sống lớn lao. Phương pháp sư phạm của Makarenkô chỉ có thể nảy sinh ra được khi mà nhờ có cuộc cách mạng vĩ đại tháng Mười, vấn đề những quan hệ giữa xã hội và cá nhân đã được giải quyết một cách thỏa đáng.

Makarenkô là một nhà sư phạm cách tân. Ông đã lên tiếng phản đối thuyết giáo dục “tự do”, giữa khi đa số nhà sư phạm xô-viết chịu ảnh hưởng của nó. Ông đã khai chiến với cái khoa học giả mạo gọi là nhi đồng học, trong khi không có một nhà sư phạm xô-viết nào dám ho he chống lại nó. Ông đã khởi thảo, một cách độc đáo và mới mẻ, vấn đề những cơ sở phương pháp học của khoa sư phạm. Ông đã tỏ bày một quan niệm mới về kỷ luật, coi là “kỷ luật của chiến đấu và của sự nỗ lực thắng lợi”, đã sáng tạo ra một lễ lễ công tác giáo dục, đã rất quan tâm đến vấn đề giáo dục gia đình, và chúng ta được ông chỉ giáo cho rất nhiều điều quý báu về phương diện đó. Ông là người đầu tiên xác nhận tầm quan trọng của tập thể về phương diện giáo dục, Makarenkô là người đầu tiên đưa vào khoa sư phạm cái hệ thống “những viễn cảnh”, đặc sắc do tính cách sâu sắc của nó, mà ông định nghĩa như sau: “Con người không thể nào sống được ở cõi đời này nếu nó không nhìn thấy ở trước mắt một cái gì tươi vui. Động cơ chân chính của đời người là cái vui của ngày mai. Cái vui của ngày mai ấy là một trong những đối tượng tác động chính của kỹ thuật sư phạm. Trước hết phải tổ chức ngay bản thân cái vui ấy, làm cho nó nảy sinh ra và đặt nó thành một hiện thực. Rồi sau phải biến những hình thức vui đơn giản nhất thành những hình thức phức tạp hơn và giàu ý nghĩa con người hơn... Giáo dục con người là cấu thành ở nó những viễn cảnh theo đó sẽ sắp xếp cái vui ngày mai của nó”. Hệ thống những đường viễn cảnh, được nhà sư phạm áp dụng một cách tinh xác, duy trì một ý tưởng linh lợi vui vẻ ở trong tập thể, đem lại một mục đích cho hoạt động của những đứa trẻ, củng cố ở chúng lòng tin tưởng ở sức lực của mình và khuyến khích chúng luôn luôn tiến tới những thắng lợi mới.

Makarenkô, nhà giáo dục và nhà văn, cho ra đời nhiều tác phẩm có tính cách vừa sư phạm vừa văn học (*Bài ca sư phạm*, *Những ngọn cờ trên tháp*, *Tiến hành khúc năm 1930*, *Cuốn sách của những người làm cha mẹ*). Ông để lại một di sản văn học quan trọng. Ông viết có đến hơn một trăm tác phẩm.

Bài ca sư phạm, tả cuộc sống (hay đúng hơn là hướng tiến triển) của trại Gorki, được bắt đầu viết năm 1925, và Makarenkô vẫn tiếp tục làm cho mãi đến năm 1933. Cuốn sách được đưa cho Gorki xem, khi còn là bản thảo, Gorki đánh giá nó rất cao và nói rằng đó là một trong những tác phẩm xuất sắc của nền văn học xô-viết.

Nó ra mắt trong Niên lịch sử 1933 đến 1935, rồi được xuất bản riêng năm 1935 và 1935, để sau đó còn tái bản nhiều lần nữa.

Trước khi *Bài ca sư phạm* ra đời, năm 1932 đã xuất bản tác phẩm *Tiến hành khúc năm 1930*, một cuốn sách nhỏ mà Makarenkô dành riêng cho cuộc sống ở công xã Dzejcixki.

Đề là một tác phẩm vừa văn học vừa sư phạm thì *Bài ca sư phạm* là một tác phẩm vô song trên thế giới. Cuốn sách đó, trong khi đề lộ ra những sức mạnh và những khả năng bao la của con người đang chiến đấu, cuốn sách của tình yêu không bờ bến đối với con người, đã trở thành cuốn sách ưa thích

hơn hết của độc giả xô-viết. Và điều đó không đáng ngạc nhiên: các nhân vật do Makarenkô sáng tạo thức tỉnh cái ý chí muốn sống và hoạt động, họ tỏ cho ta thấy làm thế nào “con người ngỗ nghịch tiến lên phía trước, và tự nâng mình lên, càng ngày càng lên trước nữa và cao hơn nữa”. Họ khiến độc giả cảm thấy lòng tràn ngập niềm vui bao la của đời sống lao động cần cù. Bằng rất nhiều tỉ dụ trau dồi đạo đức của trại viên, tính cách hết sức khác nhau, cuốn sách cho ta nhìn thấy cái ý niệm giáo dục cộng sản được thực hiện như thế nào.

Trong *Bài ca sư phạm*, Makarenkô vạch rõ bằng tính cách nào con người, đeo nặng những di sản của cái thế giới cũ, được giáo dục lại trong những điều kiện của đời sống xô-viết, nó đã tạo ra lần đầu tiên cho mỗi cá tính con người cái khả năng hưởng thụ hạnh phúc cùng với những người khác, trong sự nhất trí vui tươi của lao động chung phục vụ lợi ích của Tổ quốc.

Viết bằng một bút pháp vô cùng sinh động, thú vị và tràn ngập tinh thần trào lộng, cuốn sách đó vạch lại một cách rất tế nhị những đặc điểm tâm lý của các trẻ nuôi và các giáo viên của trại. Mỗi bức chân dung, mỗi đoạn truyện đều thấm nhuần một sức mạnh thuyết phục đặc biệt. Maxim Gorki đã nói rằng Makarenkô “biết về mỗi trại viên bằng năm chữ, khác nào một tấm ảnh chụp lấy tính cách của hắn”. Trước mắt bạn đọc sống linh hoạt biết bao những trại viên Burun, Zăđôrôp, Karabanôp, Khôvrak: viên chủ nhiệm Kalina Ivanôvich, các giáo viên Sêrê, vợ chồng Ôtxipôp, những vị đại diện của giới “Ôlanhơ sư phạm”, giáo sư Tsaikin “nhà lý luận trong phòng giấy”, những “nữ đồng chí Zôia” nanh nọc, Brêgen và nhiều tính cách khác nữa. Trong cái phòng triển lãm vô cùng phong phú những chân dung và nhân vật ấy, mỗi người trong bọn đều có cá tính riêng của mình, vẽ rất rõ nét.

Makarenkô biết tìm ra những giọng điệu trữ tình sâu sắc để nói tới các trẻ nuôi của ông, mà ông đã dành cho cả một tấm lòng yêu thương cao cả và đẹp đẽ.

“Các trại viên Gorki của tôi lớn lên và tản tác trên khắp đất nước xô-viết, và bây giờ tôi thực khó mà tụ tập lại được họ dù chỉ là trong tưởng tượng. Không thể nào nắm được kỹ sư Zăđôrôp, vùi lấp ở trong những công trường lớn ở Tuyêcmêni, hẹn hò được với Vecsonep, y sĩ Quân đội Đặc biệt Viễn-đông, hoặc với bác sĩ Burun ở Iarôxláp. Cho đến cả Nitxinôp và Zoren, thực ra là những nhãi con, cũng đã bay đi xa tôi rồi, không còn phải như ngày xưa được mang trên cánh đầm ăm của mối thiện cảm sư phạm của tôi nữa, mà là trên cánh thép của những máy bay xô-viết”.

Makarenkô diễn tả mạnh mẽ những tình cảm sâu sắc của mình bằng những lời gọn gàng vô cùng ý vị.

Trong *Bài ca sư phạm*, không làm gì có giọng đơn điệu, những đối thoại giả tạo, những cái tầm thường nhạt nhẽo. Từ đầu chí cuối, cuốn sách xán lạn một tinh thần trào lộng về niềm vui sống, sự khác biệt giữa những tính cách và cái thú vị của từng chương đoạn; nó làm cho ta say sưa vì lời văn đẹp, xúc động lòng ta, khiến ta rung cảm mạnh mẽ cùng với nhân vật.

Năm 1938, tạp chí *Tin đỏ* đăng *Những ngọn cờ trên tháp*, một cuốn tiểu thuyết gồm ba phần của Makarenkô, có thể coi như là phần kết luận của *Bài ca sư phạm*. Nó miêu tả cuộc sống và những thành công của cái tập thể đã vững vàng và đặc thắng là công xã Dzecjinxki. Trong tác phẩm này Makarenkô đã tự đóng một vai trò, dưới cái tên là Zakhôrôp.

Một năm trước, năm 1937, đã ra đời *Cuốn sách của những người làm cha mẹ*, tác phẩm có tính cách văn học và sư phạm, dành riêng cho những vấn đề giáo dục gia đình.

Cuốn sách của những người làm cha mẹ đáng lẽ phải gồm bốn quyển, song Makarenkô mới chỉ có thì giờ viết xong quyển thứ nhất, trong đó ông phân tích rất tinh tế về mặt tâm lý các phương pháp giáo dục gia đình khác nhau, những cha mẹ và những con cái điển hình.

Năm 1935, Makarankô đến ở Mạc-tư-khoa, ở đây ông tích cực chuyên làm công tác văn học, theo

lời Gorki đã khuyên ông từ năm 1933. Ông cũng làm nhiều bài diễn giảng và thuyết trình cho các bậc cha mẹ và các nhà giáo dục.

Trong những năm 1937-1939, Makarenkô viết rất nhiều truyện ký và bài báo. Hoạt động văn học sôi nổi của ông không những đặc biệt ở chỗ các đề tài biến hóa và những tình cảm phong phú lạ lùng khiến ông nhiệt liệt phản ứng lại hết thảy mọi sự việc và cảnh tượng của đời sống trong Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của ông; sự hoạt động ấy làm ta ngạc nhiên không những vì một khả năng làm việc hiếm có, mà còn vì những loại thể văn học khác nhau mà ông viết: ông sử dụng ngòi bút đồng thời với tư cách là nhà tiểu thuyết gia, nhà văn của nhi đồng, nhà phê bình văn học, nhà báo và cũng là nhà khoa học, nhà lý luận về khoa sư phạm. Năm 1940, sau khi Makarenkô tạ thế, đã ra đời cuốn sách của ông nhan đề Những bài nói chuyện về vấn đề giáo dục nhi đồng, trong đó đã được trình bày những cơ sở lý luận của vấn đề giáo dục ở gia đình.

Makarenkô rất khó tính với tài năng của mình. Năm 1939, ông nhiệt tình trình bày tín điều văn học của ông, trong Báo Văn nghệ:

“Tôi xin đảm bảo rằng trong công tác văn học tôi sẽ chu đáo và xác thực, để cho trong tác phẩm văn học của tôi không có sự sai lệch về viễn cảnh cũng như không có sự lừa dối. Nơi nào mà tôi thấy có thắng lợi, tôi phải là người đầu tiên nêu cao cờ chiến thắng, để làm nức lòng các chiến sĩ và làm vững dạ những người nhút nhát và những kẻ tụt lại đằng sau. Nơi nào mà tôi thấy có một đột phá khẩu, tôi phải là người đầu tiên thổi kèn báo động, để cho nhân dân dũng cảm của nước tôi thanh toán ngay lỗ hổng đó. Nơi nào mà tôi thấy có kẻ thù, tôi phải là người đầu tiên vẽ một bức họa tượng tố cáo nó ra, để cho kẻ thù bị tiêu diệt càng sớm càng hay... Cho nên công việc của nhà văn không phải là một việc ôn hoà chút nào hết, và phạm vi hoạt động của nhà văn là toàn thể trận tuyến của cuộc tấn công xã hội chủ nghĩa.”

Để tỏ dấu ghi ơn những công việc vĩ đại của Makarenkô đã phụng sự cho văn học, ngày mùng một tháng hai năm 1939 Chính phủ xô-viết đã tặng ông huân chương Lao động Cờ đỏ.

Cuộc đời đẹp đẽ và làm việc không biết mệt của Makarenkô chấm dứt bất ngờ ngày mùng một tháng tư năm 1939. Ông mất đột ngột, trên toa xe lửa, khi ông từ Nhà nghỉ của các nhà văn ở gần thủ đô, trở về Mạc-tư-khoa. Hoàn toàn hiến mình cho hoạt động văn học và xã hội, Makarenkô không gượng nhẹ bản thân và không chăm nom gìn giữ cái cơ thể của ông đã hao mòn và bao nhiêu năm trường hằng say công tác. Từ khắp mọi nơi trong nước, chung quanh quan tài của Makarenkô, con người và người công dân lỗi lạc ấy, đã về tụ tập những trẻ nuôi đông đúc của ông, sĩ quan Hồng quân, kỹ sư, y sĩ, giáo sư chuẩn bị thi thạc sĩ, nhà giáo dục, nhà báo, học viên các trường quân sự. Họp thành một đại gia đình đoàn kết và tang tóc, họ đã làm đội danh dự túc trực bên quan tài...

Ở Liên-xô, việc nghiên cứu cái di sản sư phạm hết sức phong phú của Makarenkô để lại, và việc xuất bản những bài báo, bài ghi tốc ký những cuộc nói chuyện với những bài thuyết trình của ông đã làm, có rất nhiều và chưa được in khi ông còn sống, đã bắt đầu từ năm 1940. Ngoài việc tái bản những tác phẩm văn học đề tài sư phạm và cuốn Những bài nói chuyện về vấn đề giáo dục nhi đồng của ông, Viện Hàn lâm Khoa học Sư phạm của nước Cộng hoà Xã hội Liên bang Xô viết Nga đã xuất bản hai tuyển tập những tác phẩm sư phạm của ông, và một văn tập gồm bảy quyển những tác phẩm của Makarenkô đang được phát hành (1953- Người dịch chú thích). Những vấn đề liên quan đến hoạt động sư phạm của Makarenkô đã nhiều lần được chọn làm đề mục, trong các cuộc trình bày luận án. Nhiều nhà giáo và hiệu trưởng các trường và các trại nhi đồng cố gắng áp dụng những ý kiến của ông trong công tác giảng dạy và công tác sư phạm của họ.

Giáo sư E. MÊĐYNXKI

Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Sư phạm
nước Cộng hoà Xã hội Liên bang Xô-viết Nga

Đề tỏ lòng trung thành và kính mến đối với người cha đỡ đầu, người bạn và người thầy của chúng
tôi

MAXIM GORKI

TẬP 1

Scan sách: Chợ Sách Cũ

Đánh máy: kaoaye, sao truc, haiauLucky, lilypham, tnrquan, annie_tuongminh, lathanhvien, Lynk_xu, picicrazy, huynhnhukim, lemontree123

Soát lỗi: lemontree123

Làm eBook: lemontree123

Ngày hoàn thành: 31-10-2013

TVE-4U

1. NÓI CHUYỆN VỚI ÔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC

Tháng chín năm 1920, ông giám đốc sở Giáo dục tỉnh cho gọi tôi đến và bảo:

- À anh bạn, tôi nghe nói rằng anh kêu ca ghê lắm... về cái kiểu bọn anh em... bên ban “Kinh dân” (Ủy ban Kinh tế nhân dân tỉnh)... xếp chỗ cho trường lao động của anh.

- Tôi không kêu ca sao được? Ở đây chẳng những có chuyện đáng kêu, mà còn phải hét nữa: trường lao động gì mà lại như thế? Một cái phòng hút thuốc, một cái chuồng ngựa! Có được vẽ gì giống một cái trường không?

- Phải... tôi biết anh sắp nói gì rồi: phải xây cho anh một toà nhà riêng, bố trí cho anh những bàn học mới, có thể rồi anh mới bắt tay vào việc. Đây không phải là chuyện trường sở, anh bạn ạ, điều cốt yếu là giáo dục con người mới, nhưng bọn sư phạm nhà các anh cứ phá mọi chuyện: nào là trường sở không tiện, nào là bàn ghế không tốt. Cái mà các anh thiếu... là ngọn lửa, anh có thấy không... phải, ngọn lửa cách mạng. Các anh giữ gìn nếp quần của các anh.

- Được cái quần tôi may sao lại không có nếp.

- Anh thì không nói làm gì. Chà, các ông trí thức mới đáng ghét chứ! Thế mà tôi, tôi lại cứ hoài công tìm, tìm cho ra người, vì đây là một việc lớn: không biết ở đâu mọc ra lắm cái thứ hạt giống ấy thế, cái giống nhóc con cầu bơ cầu bất ấy. Thực không còn có thể chen chân đi ngoài phố được nữa, và của đó len lỏi vào đến tận các nhà. Người ta bảo tôi: đó là việc của các anh, vì các anh là sở Giáo dục mà... Thế rồi sao?

- Sao cái gì?

- Đúng là thế này: chẳng ma nào chịu nhận việc ấy cả. Tất cả những người mà tôi đề nghị đều cứ giẫy lên như đĩa phải vôi. Họ bảo: chúng nó sẽ cửa cổ chúng tôi mất thôi. Một buồng giấy nhỏ ẩm cúng, một mớ sách nát, thế thì hợp với các anh đấy. Kìa, ông ấy đã lại lên mục kính!

Tôi phì cười:

- Đây, lại cả đến mục kính cũng thành ra thừa!

- Tôi nói cho các anh biết, các anh không muốn rời mũi khỏi đồng sách nát, nhưng khi người ta muốn đặt vào tay các anh một con người bằng xương thịt, thì thôi đấy, các anh kêu tướng lên: “Cái con người bằng xương bằng thịt của các ông, nó sắp sửa cửa cổ tôi đây này!” Hừ, đồ trí thức!

Nói xong ông giám đốc nhìn xoáy vào tôi bằng cái nhìn giận dữ của đôi mắt đen nhỏ, nó như muốn xuyên qua người tôi, và từ dưới đám rìa mép để theo kiểu Nitsơ,^[12] ông phần nộ tuôn ra một tràng mạt sát tất cả giới sư phạm chúng tôi. Về điểm này, cố nhiên là cái ông giám đốc sở Giáo dục đó không đúng rồi.

- Xin phép ông.

- “Xin phép ông”, “xin phép ông”, rồi sao nữa? Anh có cái gì thì cho ra đi xem nào? Anh sắp bảo tôi thế này: giá như ở nước ta mà... đại khái như ở bên Mỹ đi! Mới rồi tôi có đọc một quyển sách về vấn đề ấy, người ta đưa cho tôi xem. Về chuyện cải cách... không, đợi tôi nhớ cái đã, họ gọi nó là gì nhỉ? À, những viện cải tạo. Nhưng mà cái đó chưa có ở nước ta.

- Thì ông cứ hăng nghe tôi nói đã nào!

- Được rồi, tôi nghe đây.

- Trước Cách mạng, người ta cũng đã tính xong chuyện những của cầu bơ cầu bất ấy. Đã có những trại nuôi trẻ vị thành niên phạm pháp.

- Anh thừa biết cái đó không hợp với ta... trước Cách mạng, không phải thế đâu.

- Đúng lắm. Vấn đề bây giờ là tạo con người mới.

- Tạo con người mới, anh nói đúng.

- Nhưng không ai biết cách làm ra sao cả.

- Thế còn anh?

- Tôi cũng vậy, tôi cũng không biết.

- Ở sở tôi, đúng là thế này... trong khu vực của tôi, có những người biết đấy.

- Nhưng họ không muốn đảm nhận việc chứ gì?

- Đúng, họ chối đây đẩy, bọn xỏ lá thế!

- Và nếu tôi ôm lấy việc này thì họ sẽ làm cho tôi hết đường sống. Tôi có làm gì đi nữa, họ cũng sẽ cứ bảo là không tốt.

- Tất nhiên họ sẽ bảo thế, những đồ chó đẻ.

- Và ông sẽ tin lời họ, chứ không tin tôi.

- Đời nào, tôi sẽ bảo họ: thì sao các anh không tự bắt tay vào việc thử xem!

- Nhưng nhờ tôi làm bết việc thì sao?

- Anh nói cái gì vậy: làm bết, nát bết!. Thì được, anh sẽ làm nát bết. Anh đòi hỏi gì tôi? Có lẽ tôi không hiểu sự việc chẳng? Làm vụng, được, nhưng hãy cứ làm đi. Rồi sau sẽ liệu. Điều cốt yếu là thế đấy... không phải trại nuôi trẻ vị thành niên phạm pháp, mà là giáo dục xã hội, anh hiểu chưa. Chúng ta muốn có những con người... những con người xô-viết, thế đó! Nhiệm vụ của anh là tạo nên những con người ấy. Vả chẳng, ai thì cũng cần phải học. Anh cũng sẽ học. Anh đã nói thẳng với tôi rằng anh không biết, thế là tốt. Thôi, được rồi.

- Thế còn địa điểm? Dù sao cũng cần phải có trường sở.

- Có rồi, bạn ạ. Một nơi cừ lắm. Đúng là một trại nuôi trẻ phạm pháp cũ. Không xa, cách đây sáu dặm^[13] thôi: ở đấy thú tuyệt: rừng rú, đồng nội. Anh sẽ có bò cái.

- Còn nhân viên?

- Tôi móc túi lấy ra ngay cho anh bây giờ. Có lẽ anh muốn một cái ô tô nữa chẳng?

- Còn tiền?

- Có. Này đây, cầm lấy.

Ông lấy một gói ở ngăn kéo bàn giấy.

- Một trăm năm mươi triệu. Đủ chi phí về việc tổ chức. Có những chỗ phải tu sửa, cần có một ít đồ đạc.

- Còn bò cái thì sao?

- Món đó thì anh hãy đợi. Nhà không có kính cửa đâu. Và anh sẽ làm bản dự trù cho cả một năm.

- Nhập cuộc như thế này phiền thật. Giá được ngó qua một tí cũng tốt.

- Tôi đã đến rồi. Anh còn xem thêm được cái gì nữa? Thôi đủ rồi đấy, lên đường đi.

- Thì vâng, đồng ý, tôi đáp và thấy nhẹ nhõm cả người, vì lúc đó tôi không thấy gì tệ hại hơn là các bàn giấy của ủy ban “Kinh dân”.

- Hoan hô chú nó! ông giám đốc kết luận. Hãy bắt tay vào việc đi! Không có sự nghiệp nào thiêng

liêng hơn đâu đấy nhé!

2. NHỮNG BƯỚC ĐẦU KHÔNG VINH QUANG CỦA TRẠI GORKI

Cách thành phố Pontava sáu cây số, bên cạnh đường cái đi Khackôp, mặt đường sạch trơn và láng bóng một cách ảm đạm, có một khu rừng thông rộng hai trăm éc-ta bao phủ những đồi cát.

Trong khu ấy có một khoảng rừng thưa gần bốn chục éc-ta. Ở một góc khoảng đó, năm khối nhà gạch vuông hình hộp, kích thước kỷ hà học rất chi ly, bố trí thành một hình vuông bốn mặt đều chẵn chắn. Đó là cái trại mới cho trẻ vị thành niên phạm pháp.

Sân cát dốc thoải xuống một khoảng rừng thưa rộng rãi, tới đám lau sậy của một cái hồ nhỏ. Ở bờ hồ bên kia thấp thoáng thấy những hàng giậu và nhà tranh của một trang trại kulắc.^[14] Xa hơn nữa, một rừng phong già cỗi và dăm ba mái rạ vẽ hình lên nền trời. Thế là hết.

Trước Cách mạng, ở đây đặt một cái trại trừng giới cho trẻ vị thành niên. Trại ấy giải tán năm 1917, chỉ để lại những dấu vết rất mờ nhạt về hoạt động giáo dục của nó. Căn cứ vào những di tích còn lại trong các sổ sách mục nát, thì có thể luận ra rằng các viên giám thị, hẳn là chọn trong số các hạ sĩ quan về hưu, làm những nhiệm vụ sư phạm chính. Nhiệm vụ chủ yếu là không rời mắt coi các trẻ nuôi, trong giờ lao động cũng như trong giờ nghỉ, và đêm đêm ở liền một buồng sát cạnh các phòng ngủ. Nghe chuyện các nông dân lân cận kể lại, cũng có thể biết những phương pháp mà các ông giám thị đó áp dụng để dạy bảo học trò không có rắc rối lôi thôi gì cho lắm. Hình thức bề ngoài tượng trưng cho những phương pháp ấy chỉ là một cái gậy, thế thôi.

Những di tích vật chất của cái trại cũ lại càng không đáng kể. Những người ở vùng này đã mang đi hoặc xe về vừa lúa của chính nhà họ tất cả những cái gì có thể tính được thành đơn vị cụ thể: đồ đạc, dụng cụ trong các xưởng, các kho. Ngoài ra người ta còn di chuyển cả đến vườn cây ăn quả. Tuy nhiên trong cả câu chuyện này, tình không có một tí gì gợi nhắc đến thủ đoạn của những kẻ phá hoại văngdan.^[15] Những cây ăn quả không bị chặt mà đã được đào lên, đánh đi giồng ở nơi nào khác. Không có một mảnh kính cửa nào, họ đã bửa nát-tít tháo lầy cả đi cẩn thận hẳn hoi. Chẳng có ai bỏ những nhát búa hung hãn làm bật các tấm cửa hết, tấm nào cũng được nhắc ra khỏi bản lề chu đáo. Các bếp lò được phá dỡ từng viên gạch một. Chỉ còn tro lại độc một chiếc tủ buýp-phê, trong buồng ở cũ của viên giám đốc.

- Tại sao người ta còn để lại chiếc buýp-phê này?

Tôi hỏi một bác hàng xóm, Luka Xêmiônôvich Veckhôla, ở bên trang trại sang chơi để ngó qua xem những người chủ mới.

- Sự thực là, nói có ông chứ, cái tủ này chẳng dùng được việc gì ráo cho bọn chúng tôi. Tháo nó ra, thì ngay ông cũng thấy là còn làm được cái gì nữa? Còn nói đến chuyện rinh ông ấy vào nhà chúng tôi thì, nói có ông chứ, chả làm cách nào mà cho ông ấy vào được, dù xoay dọc xoay ngang cũng vậy thôi.

Trong những góc xưởng trống, chất đông hàng mới những đồ cũ nát, nhưng chẳng còn cái gì đáng kể cả. Lăn theo những dấu vết còn mới tinh, tôi thu nhặt lại được một vài thứ có ích, bị lấy đi vào những hời gần đây nhất: một chiếc máy cũ gieo hạt giống thành hàng, tám cái bàn thợ mộc khắp khiêng, một con ngựa thiến trước kia kiêu hãnh vì dòng giống Kiêcghidi, nhưng nay đã ba mươi tuổi, và một cái chuông bằng đồng thau.

- Tôi đã tiếp xúc với viên chủ nhiệm tổng vụ của trại, Kalina Ivanôvich. Bác ta tiếp đón tôi bằng câu hỏi này:

- Bác là giám đốc về phân pê-đa-gô-gích^[16] phải không?

Tôi thấy ngay rằng bác nói giọng Ukren, mặc dầu đứng về nguyên tắc bác không công nhận thứ ngôn

ngữ đó. Trong ngữ vựng của bác có nhiều tiếng Ukren và bao giờ bác cũng đọc âm “gờ” theo lối miền Nam. Nhưng đối với tiếng “pê-đa-gô-gích”, không hiểu sao bác lại có thói quen nhấn mạnh quá đáng vào âm “gờ”, nó là cách đọc đặc biệt theo lối văn chương đại Nga.

- Bác là giám đốc về phần “pê-đa-gô-kích” phải không?

- Sao lại thế? Tôi là giám đốc của trại.

- Không, bác vừa nói vừa bỏ cái tẩu hút thuốc ở miệng ra, bác là giám đốc về phần pê-đa-kô-kích, còn tôi là giám đốc về phần quản lý.

Bạn hãy tưởng tượng vị thần mục đồng “Păng”, như Vruben^[17] đã hoạ, nhưng chỉ còn lại có vài cái tóc lơ thơ trên mái tai. Bạn hãy cạo râu hẵn đi, rồi xén rìa mép hẵn theo kiểu các chủ tăng chính thống. Bạn ấn một cái tẩu thuốc lá vào mồm hẵn. Như vậy thì đáng lẽ là thần “Păng”, bạn sẽ có trước mặt bạn lão Kalina Ivanôvich Xecđiuc. Một nhân vật quá ư phức tạp, để cho giữ chức chủ nhiệm ở một trại nhi đồng kẻ thì không đúng chỗ. Bác ta đã có một quá trình không kém năm mươi năm hoạt động ở ngành này nghề nọ. Nhưng bác chỉ lấy làm kiêu hãnh độc có vì hai thời kỳ này trong đời bác thôi: một là hồi thanh niên bác đã làm khinh kỵ binh trong liên đội Cận vệ của Hoàng đế ở Kêchxom,^[18] hai là năm 1918, hồi quân Đức tấn công, bác đã chỉ huy cuộc rút lui khỏi thành phố Miagôrôt.

Kalina Ivanôvich trở thành cái đối tượng đầu tiên cho hoạt động giáo dục của tôi. Điều khó khăn nhất trong công việc đó là tôi thấy đầu óc bác ta chứa chất đầy những quan niệm dị tạp hết sức. Bác mạt sát với cùng một giọng khoái trá bọn tư sản, người bôn-sê-vich, người Nga, người Do-thái, tính lơ là buông trôi của ta và tính tinh xác đúng mực của người Đức. Nhưng đôi mắt xanh của bác ta long lanh một tình yêu đời mạnh mẽ nhường nào, bác ta linh lợi và sẵn sàng tiếp thu biết bao, cho nên tôi không quản ngại dành cho bác một phần nhỏ năng lực sư phạm của tôi. Ngay từ mấy hôm đầu, tôi khởi sự giáo dục bác, trong buổi nói chuyện đầu tiên.

- Nhưng đồng chí nghĩ thế nào, đồng chí Xecđiuc? Không thể nào có một cái trại không có giám đốc? Phải có một người chịu trách nhiệm toàn bộ chứ.

Kalina Ivanôvich lại rút cái tẩu thuốc ra khỏi miệng, và lễ phép ngả người về phía mặt tôi:

- À, thế là bác muốn làm giám đốc trại này phải không? Còn tôi thì khác nào làm kẻ ở dưới quyền của bác chứ gì.

- Không, không bắt buộc phải như thế. Tôi sẽ làm người ở dưới quyền của bác, nếu bác nhất định muốn vậy.

- Tôi chưa học cái khoa “pê-đa-kô-ki”; ai quen nghề người ấy. Nhưng bác còn là một anh thanh niên mà lại muốn một người già cả như tôi đi làm bồi chạy hiệu cho bác à? Cái đó cũng không tốt đâu đấy nhé! Nhưng còn nói đến chuyện làm giám đốc trại, thì bác cũng thừa biết là về môn đó tôi chưa được giáo dục đủ, mà có phải là công việc của tôi không đã chứ?

Bác ta khó chịu bỏ đi ra chỗ khác. Bác ra bộ dần dỗi. Bác bực dọc cả ngày hôm đó, và buổi tối bác đến tìm tôi ở buồng tôi, vẻ hết sức buồn rầu.

- Tôi đã dọn cho bác cái bàn khổ này với cái giường chẳng ra hồn kia, chỉ tìm ra được có thế.

- Cảm ơn bác.

- Tôi đã nghĩ kỹ về cái việc ta nên thu xếp với nhau thế nào cho nó ổn chuyện cái trại. Tôi đã thấy rằng người làm giám đốc tất nhiên là bác thì tốt hơn, và tôi thì cứ coi như người ở dưới quyền bác vậy.

- Chúng ta sẽ thông cảm với nhau, bác Kalina Ivanôvich ạ.

- Tôi cũng nghĩ thế, là chúng ta sẽ thông cảm với nhau. Công việc chẳng phải là tài giỏi gì cho lắm, và chúng ta sẽ ai làm phần việc này. Nhưng bác, vì bác là một người học thức, thì bác sẽ giữ chức coi như là giám đốc.

Chúng tôi bắt tay ngay vào việc. Chúng tôi dùng đòn bẩy kích con ngựa gầy ba mươi tuổi cho nó đứng lên. Kalina Ivanôvich ngật ngưỡng ngồi lên ghế một thứ xe trông như kiểu xe ngựa nhẹ, mà một người hàng xóm đã cho chúng tôi mượn không, và cả cái bộ máy ấy lọc cọc khởi hành ra tỉnh với tốc độ hai cây số một giờ. Thế là bắt đầu thời kỳ tổ chức.

Chương trình rất hợp lý của thời kỳ đó cốt là tập trung các vật tư cần thiết cho việc giáo dục con người mới. Trong hai tháng trời, Kalina Ivanôvich và tôi hàng ngày ở ngoài tỉnh suốt ngày. Kalina Ivanôvich đi xe ngựa, và tôi đi bộ. Bác ta coi phương thức đi chân là không xứng với vẻ oai nghiêm của bác, còn tôi thì không làm thế nào quen được với cái tốc độ mà con tuần mã giống “Kiêcghi” trước đây oai hùng kia có thể bảo đảm được.

Trong khoảng thời gian đó, nhờ có sự giúp đỡ của các bà con chuyên môn trong làng, chúng tôi tạm tu sửa được một nhà ở của trại cũ: chúng tôi lắp kính cửa, chữa các lò sưởi, đặt lại các cửa rả. Về phương diện đối ngoại chúng tôi chỉ thu được có một thắng lợi, nhưng thắng lợi lớn, là xin được Ủy ban Đặc vụ Cung ứng Lương thực của Quân đoàn Hậu bị thứ nhất cấp cho chúng tôi một trăm năm mươi pút^[19] bột lúa hắc mạch. Chúng tôi đã không có được sự may mắn “tập trung” thêm được những vật tư gì khác nữa.

Đem so sánh bản tổng kê tài sản đó với cái lý tưởng của chính tôi về phương diện văn hóa vật chất, tôi nhận xét thấy: dù cho tôi có chạy vạy kiếm được hơn thế gấp một trăm lần đi nữa, thì mức cách xa với lý tưởng cũng vẫn cứ y nguyên như vậy thôi. Cho nên tôi bắt buộc phải tuyên bố kết thúc thời kỳ tổ chức. Kalina Ivanôvich đồng ý với cách nhìn nhận của tôi:

- Khi mà bọn những đứa ăn hại ấy đã đến nước đi làm máy bật lửa, thì anh còn hòng thu nhặt được cái gì nữa chứ? Anh phải biết chúng nó đã phá sản nhân dân, vậy bây giờ anh hãy nên tự mình tổ chức lấy thôi. Chúng mình sẽ phải làm như Ilia Murômet ấy.^[20]

- Ilia Murômet à?

- Chứ sao. Ngày trước có một người tên là Ilia Murômet... có lẽ anh cũng đã nghe nói đến đấy... Cái bọn ăn hại kia, chúng lại còn tôn hắn lên là một hiệp sĩ nữa cơ. Nhưng tôi thì tôi cho rằng hắn chỉ có là một tên bịp bợm lười biếng; mùa hè hắn đi rong chơi bằng xe trượt tuyết, anh tưởng tượng thử coi.

- Ừ thì chúng mình sẽ làm như Ilia Murômet. Như vậy cũng chưa đến nỗi là tồi lắm đâu. Nhưng còn Tướng cướp Hoạ-mi thì trong chuyện này hắn ở chỗ nào?

- Có mà thiếu giống Tướng cướp Hoạ-mi^[21], người anh em ạ, muốn bao nhiêu cũng có ời ra đấy.

Có hai nữ giáo viên đến trại chúng tôi: Êkatêrina Grigôriepna và Lidia Pêtrôpna. Công việc lùng tìm những nhà sư phạm cộng sự đã hầu làm tôi thất vọng: chẳng có ai chịu hiến thân chui vào rừng của chúng tôi để giáo dục con người mới, ai cũng sợ những của “cầu bơ cầu bắt”, và chẳng ai tin rằng công cuộc của chúng tôi có thể thành tựu được. Phải đợi đến một buổi họp các giáo viên trường nông thôn, ở đó tôi phải tiêu phí bao nhiêu kho tàng hùng biện, mới tìm ra được hai con người sống. Tôi vui mừng thấy đó là hai người đàn bà. Tôi cho rằng “ảnh hưởng nhân hậu của phụ nữ” sẽ bổ sung tốt đẹp cho chính sách sức mạnh của chúng tôi.

Lidia Pêtrôpna rất trẻ, gần như còn là một cô gái nhỏ. Vừa mới ở trường trung học ra, chị còn giữ lại được một chút hơi ấm của cánh mẹ ủ ấp. Ông giám đốc sở Giáo dục vừa ký giấy bổ nhiệm chị vừa

hỏi tôi:

- Anh cần đến cái của nhãi này làm gì? Hấn biết cái gì đâu.

- Đó chính là điều tôi tìm kiếm. Ông ạ, tôi thường nghĩ rằng trong trường hợp này vấn đề kiến thức không phải là hệ trọng đến thế đâu. Cái cô bé Lidia này chính là hiện thân của sự trong sạch, và tôi trông cậy vào chị ta khác nào như vào một thứ cành cây ghép giống vậy.

- Anh liệu có tinh vi hóa hơi quá một chút không đấy? Nhưng thôi được.

Êkatêrina Grigôriepna trái lại là một giáo viên lão luyện, hay cẩn thận cẩn thận. Chị ta cũng không già hơn chị kia bao lắm, nhưng Lidia cứ dựa vào vai chị như một đứa trẻ dựa vào vai mẹ. Đôi lông mày đen, gần như lông mày đàn ông, vạch rõ trên khuôn mặt nghiêm trang và đẹp. Không biết chị làm thế nào giữ gìn quần áo giỏi thế, mặc trên người bao giờ cũng sạch bóng tinh tươm, khiến Kalina Ivanôvich, sau khi làm quen với chị, đã nói một câu rất đúng:

- Giao thiệp với một phụ nữ như chị ta thì phải đeo găng vào.

Vậy là mọi cái đều đã sẵn sàng.

Ngày mùng bốn tháng chạp, có sáu trẻ nuôi đầu tiên đến trại, và trao cho chúng tôi một chiếc phong bì to sụ, niêm phong bằng năm dấu xi không lờ. Phong bì ấy đựng những “hồ sơ” của chúng. Bốn đứa trong bọn đã mười tám tuổi. Chúng được gửi tới đây, vì tội đi ăn cướp mang khí giới. Hai đứa kia, ít tuổi hơn, bị cáo là ăn cắp. Chúng ăn mặc bánh lăm: quần Xô-muya, giày lạ kiểu, tóc húi một mới nhất. Trông không ra vẻ gì là những con nhà vô thừa nhận. Tên chúng là: Zadô-rôp, Burun, Vô-lô-khốp, Bê-đi-uc, Gut và Taranet.

Chúng tôi niềm nở tiếp đón chúng. Từ buổi sáng chúng tôi đã chuẩn bị cho chúng một bữa ăn thịnh soạn, và cái khăn bịt đầu trắng như tuyết của chị cấp dưỡng nhìn cứ chói cả mắt. Các bàn tiệc đặt trên phòng ngủ, giữa khoảng các giường. Chúng tôi không có khăn giải bàn, song những ga giường mới dùng thay thế rất thơm. Tất cả mọi thành viên của cái trại mới phơi thai đều họp đủ mặt trong phòng đó. Kalina Ivanôvich cũng đến dự. Vì là buổi long trọng nên bác đã thay cái áo vét-tông xám ngấn đầy những vết dầu mỡ, để mặc một chiếc vét nhung màu lục.

- Tôi làm một bài diễn từ nói về cuộc sống mới, cuộc sống cần lao mở ra cho chúng từ nay, tôi bảo chúng phải quên quá khứ đi, phải tiến lên phía trước và luôn luôn tiến lên phía trước. Bọn trẻ nuôi ít để ý đến lời giảng thuyết của tôi, chúng thì thảo nói chuyện với nhau và đưa những cái nhìn khinh bỉ, tiếp theo là những nụ cười châm chọc, lướt trên dãy giường đệm mềm – giường khung gỗ, chấn bông không mới mẻ gì – trên những cửa và cửa sổ đã tróc hết sơn. Giữa bài diễn văn của tôi, Zadô-rôp bỗng lớn tiếng bảo một thằng bạn:

- Chỉ tại mày làm chúng ông bị tống vào chỗ xúi quẩy này!

Phần thì giờ còn lại ngày hôm đó, chúng tôi cùng đặt kế hoạch cho cuộc sống tương lai. Nhưng bọn chúng nghe những đề nghị của tôi với một vẻ thờ ơ lễ phép, chỉ muốn mau giữ được tôi đi cho xong nợ.

Sáng hôm sau Lidia Pê-trô-pna đến phòng tôi, hết sức kích động, và bảo tôi:

- Tôi không biết nói với chúng nó thế nào cho được. Tôi bảo chúng nó: phải đi lấy nước ở ngoài hồ, thì có một thằng, cái thằng đội mũ như thế này này, đang xỏ chân vào giày, nó giơ một chiếc đế giày lên tận mũi tôi mà bảo tôi rằng: “Cô xem lão thợ giày làm giày chật quá sức thế đấy!”

Những ngày đầu chúng còn không lảng nhục chúng tôi, nhưng chỉ làm như không biết có chúng tôi thôi. Tối đến chúng tự do bỏ trại đi và sáng sớm về mồm mỉm cười kín đáo tiếp nhận những lời quở trách mà tôi nói với chúng theo tinh thần thuần túy “giáo dục xã hội” chính thức.

Được một tuần lễ thì một viên thanh tra cảnh sát tư pháp đến bắt Bendiuc vì tội ăn trộm và giết người ban đêm. Sợ chết khiếp vì chuyện đó, Lidia Pêtrôpna rút về buồng khóc, và cứ ra khỏi buồng là chị lại hỏi khắp mọi người:

- Như thế là cái gì chứ? Sao lại có thể như vậy được? Nó đi ra ngoài, và nó giết người à?

Êkatêrina Grigôriepna chau mày, nụ cười nghiêm trọng:

- Tôi không biết thế nào, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, thực tình, tôi không biết thế nào... không biết chừng chỉ có việc bỏ mà đi thôi... Tôi không biết ở đây có thể giữ thái độ như thế nào cho được.

Những khu rừng hiu quạnh vây quanh trại chúng tôi, những khối nhà hình hộp trống trải, một chục chiếc giường khung gỗ, cái riu với cái xẻng là tất cả vật liệu của chúng tôi, với bọn nửa tá trẻ nuôi kia, chúng quyết liệt khước từ không những chức vụ sư phạm của chúng tôi mà cả mọi hình thức văn minh, tất cả những cái đó thực ra không phù hợp tí nào với kinh nghiệm nhà trường của chúng tôi ngày trước.

Những buổi tối mùa đông dài dằng dặc thực là buồn. Trại được chiếu sáng bằng hai chiếc đèn dầu hoả nhỏ, một chiếc ở phòng ngủ, một chiếc ở buồng tôi. Các nữ giáo viên và Kalina Ivanôvich thì có đèn “sa-lây”, thứ đèn sáng chế từ đời những nhà sáng lập huyền hoặc của thành Kiep^[22] là Kiy, Sếchkor và Khôrip. Cái bóng đèn của tôi mờ miêng và phần còn lại bao giờ cũng ám khói, vì Kalina Ivanôvich có thói quen châm tẩu thuốc ở đèn tôi, cứ tổng vào đấy hàng nửa giờ nhật trình để lấy lửa.

Năm nay mùa đông bắt đầu sớm, nên cả sân trại bị lấp dưới hàng đông tuyết, và chả có ai để dọn các lối đi. Tôi yêu cầu các trẻ nuôi của tôi làm việc đó, nhưng Zăđôrôp bảo tôi:

- Có thể quét được, nhưng phải đợi đến hết mùa đông: nếu ta làm bây giờ, tuyết lại rơi xuống nữa. Bác hiểu không?

Mỉm cười một cách tử tế, hắn rời tôi đi tìm một thằng bạn, như đã quên đứt mất là có tôi ở trên đời. Zăđôrôp là con một gia đình trí thức, điều đó có thể nhận xét thấy ngay. Hắn nói năng đúng cách, và gương mặt lộ lộ một sắc thái trẻ tươi béo tốt mà chỉ những con nhà nuôi nặng đầy đủ mới có được. Vôlôkhôp thuộc một loại khác: mồm rộng ngoác, mũi to bè, mắt cách xa nhau, bộ mặt có những lần thịt chuyển động, nổi lên chằng chằng – một cái đầu tướng cướp. Y không bao giờ rút tay ra khỏi túi quần, và y vẫn giữ tư thế đó tiến đến trước mặt tôi:

- Này, đã nói với bác rằng.

Tôi rời khỏi phòng ngủ, cảm thấy như có một tảng đá nặng đè lên ngực, khối nặng của nỗi tức giận bị nén ép. Nhưng cứ phải, dọn quang các lối đi, và nỗi tức giận hóa thành đá kia đòi hỏi phải hoạt động. Tôi đến buồng Kalina Ivanôvich:

- Ta đi hót tuyết đi.

- Anh bảo cái gì? Anh tưởng tôi đã nhận làm phu công nhật ở đây hă! Thế còn bọn kia? – bác hát đầu về phía phòng ngủ. Bọn tướng cướp Hoạ-mi?

- Chúng nó không muốn làm.

- Chà, đồ ăn hại! Nếu thế thì đi!

Kalina Ivanôvich và tôi làm xong được lối đi thứ nhất thì Vôlôkhôp và Taranet bước ra lối ấy. Chúng đi lên tỉnh, như mọi khi.

- Thế này tốt đấy! Taranet vui vẻ nói.

- Đáng lẽ phải làm việc ấy từ lâu rồi mới phải, Vôlôkhôp phụ họa theo.

Kalina Ivanôvich chắn ngang lối chúng:

- “Thê này tốt đây” là thê nào? Mày, đồ súc sinh, mày đã không chịu làm vào đây, để mày tưởng tao làm cho mày đây hử? Mày đừng có hùng đi vào lối này, đồ ăn hại! Xéo ra tuyết kia mà đi, nếu không mày sẽ biết cái xẻng của tao.

Kalina vùng tít cái khí giới đó lên, nhưng chỉ trong nháy mắt nó đã bay ra một đồng tuyết ở đằng xa, tàu thuốc của bác văng đi một chỗ khác, và chủ nhân của hai vật đó sững sốt, chỉ còn có thể nhìn theo hai gã thanh niên và nghe chúng la lên từ đằng xa bảo mình:

- Phải chạy đi mà tìm lấy cái xẻng của bác thôi nhé!

Và cười rộ lên, chúng đi ra tỉnh.

- Thà cút mẹ nó đi cho xong! Còn hơn là làm việc ở đây! Kalina Ivanovich nói, và bỏ mặc chiếc xẻng trong tuyết, bác trở về buồng.

Cuộc sống của chúng tôi trở nên phiền não và đáng sợ. Trên đường cái đi Khackôp, đêm nào cũng nghe thấy tiếng kêu:

- Cứu tôi với!

Những người trong làng bị cướp bóc đến tìm chúng tôi và lấy giọng bi đát đòi hỏi phải làm cách nào mới được.

Tôi xin ông giám đốc sở Giáo dục cấp cho một khẩu súng lục hộ thân để có thể tự vệ chống bọn hảo hán đường trường, nhưng tôi giấu không nói tình hình của trại. Tôi vẫn chưa mất hy vọng tìm ra cách giải quyết hoà hảo với bọn lưu trú sinh của tôi.

Đối với tôi và các đồng chí cộng sự, mấy tháng đầu của công cuộc thí nghiệm không phải chỉ là một thời kỳ thất vọng, tinh thần căng thẳng và bất lực – nhưng đó cũng là những tháng nghiên cứu tìm chân lý. Suốt đời tôi không có hồi nào tôi đọc các sách sư phạm nhiều bằng mùa đông năm 1920 ấy.

Đó là thời kỳ Wrangen^[23] và thời kỳ Ba-lan can thiệp.^[24] Wrangen quanh quẩn ở vùng lân cận, khoảng gần Nôvômiagôrôt; còn quân Ba-lan đang tấn công Tseckatxi, không xa chỗ chúng tôi bao nhiêu; các loại tướng thổ phỉ rong ruổi khắp xứ Ukren, trong khi có nhiều người chung quanh chúng tôi vẫn bị ngọn cờ lam và vàng của Petliura^[25] làm cho say sưa mê hoặc. Song bọn chúng tôi, chúi trong xó rừng, hai tay ôm đầu, và cố gắng quên tiếng sấm của những biến cố lớn bên ngoài, chúng tôi ra sức đọc các sách sư phạm.

Lợi ích chủ yếu mà tôi thu được ở hồi đọc sách đó, là cái ý niệm bỗng chốc biến thành sự tin chắc chắn rằng những sách kia không trao vào tay tôi được một khoa học và một lý luận nào hết thảy,^[26] và tôi phải rút cái lý luận ấy ở toàn bộ những hiện tượng thực tế diễn ra trước mắt. Thoạt đầu tôi còn chưa hiểu điều đó, tôi chỉ mới nhìn thấy rằng: những công thức sách vở không làm nên được trò trống gì cho tôi hết cả, vì bề nào tôi cũng không thể đem áp dụng vào sự việc được, nhưng tôi cần phải phân tích ngay và hoạt động ngay tức khắc.

Tôi cảm thấy vô cùng thấm thía rằng tôi phải hối hả lên, và tôi không thể trì hoãn một ngày nào nữa. Trại càng ngày càng có tính cách một “quán rượu tổ quỷ”, một ổ trộm cướp. Trong quan hệ giữa những trẻ nuôi và các giáo viên, bọn chúng đã tập thành cái nếp ngày càng thêm tệ là khinh nhờn chúng tôi bất kỳ dịp nào, và phô trương những lễ thói vô lại. Chúng bắt đầu kể những chuyện tục tĩu trước mặt các nữ giáo viên, chúng thô lỗ đòi ăn và, ở buồng ăn, chúng tung đĩa lên trời. Đùa giỡn thị uy với những con dao Phần-lan của chúng, chúng ba lơn hỏi lẫn nhau xem đứa nào có của chìm cất giấu ở đâu không.

- Vẫn cứ là dùng được, chúng mày có biết không... nhờ khi nào hết vận.

Chúng cương quyết từ chối không đi bỏ củi cho các lò sưởi và, trước mặt Kalina Ivanôvich, chúng dỡ phá cái mái gỗ của nhà xưởng trống. Chúng vừa làm việc đó vừa đùa cười bả lả:

- Thế là đủ chán cho khoảng thời gian chúng mình còn lại đây!

Kalina Ivanôvich vừa phun hàng triệu tàn lửa khỏi tàu thuốc vừa dang hai cánh tay ra:

- Anh còn nói gì được với chúng nó nữa chứ, bọn ăn hại ấy? Anh coi thử các ông tướng oắt con kia! Ai dạy chúng nó phá nhà gỗ thế. Đáng lẽ là phải tống cổ bố mẹ chúng nó vào nhà tù, những quân ăn hại.

Và cái chuyện kỳ lạ đã xảy ra là: tôi buông rời dây cột con thuyền sư phạm.

Một buổi sáng mùa đông, tôi bảo Zadôrôp đi bỏ củi cho nhà bếp. Tôi nghe câu đáp thường lệ của hắn:

- Thì anh đi mà làm lấy: các anh ở đây cũng khá đông người.

Đây là lần đầu hắn gọi tôi bằng “anh”.

Đã bị kinh nghiệm của tất cả những tháng trước dồn tới điểm tức giận tuyệt vọng, nhục ứ lên đến tận cổ, tôi giơ nắm tay và tống thẳng vào má Zadôrôp. Quả tống mạnh, và hắn lão đảo, ngã dúi trên lò sưởi. Tôi đánh cho hắn cái nữa, túm lấy cổ áo, xóc hắn đứng lên, và đánh hắn lần thứ ba.

Tôi thấy hắn đột nhiên hoảng sợ. Mặt tái xanh, hắn vội chụp cái mũ cát-két lên đầu bằng hai tay run rẩy, bỏ ra rồi lại đội vào. Tôi có thể còn đánh hắn nữa, nhưng hắn khẽ lẩm bẩm, với một tiếng rên rỉ:

- Xin lỗi, bác Antôn Xêmiônôvich.

Tôi đang ở trong cơn giận man rợ đến cùng cực, tôi cảm thấy rằng: hễ bất cứ đứa nào thốt ra một lời gì chống đối tôi, là lập tức tôi xông vào cả bọn, đánh cho kỳ chết, tiêu diệt cả bầy kẻ cướp đó đi. Tôi vớ được một cái que cời bằng sắt. Năm đứa đứng im thin thít, bên cạnh giường chúng. Burun hấp tấp chỉnh đốn lại một cái gì trên người.

Tôi quay lại bọn chúng và đập thanh sắt vào một thành giường.

- Đi vào rừng tất cả ngay lập tức để làm việc, nếu không thì cúť khỏi đây và đi mà...

Và tôi ra khỏi phòng ngủ.

Đi xuống xưởng trống là nơi để dụng cụ, tôi lấy một chiếc rìu, lăm lăm quan sát bọn trẻ nuôi trang bị rìu và cưa. Tôi bỗng có ý nghĩ giá hôm nay đừng đi làm củi thì hơn, để khỏi đặt khí giới vào tay chúng, nhưng muộn quá mất rồi: đứa nào đứa nấy đã có đủ thứ cần thiết. Cũng chẳng cần. Sẵn sàng liệu mọi cái, tôi quyết bất chúng phải trả giá đắt tính mạng của tôi. Tôi lại có một khẩu súng lục trong túi nữa.

Chúng tôi lên đường. Kalina Ivanôvich đuổi theo tôi, nói thảm thì, về vô cùng áy náy:

- Thế này là nghĩa làm sao? Anh làm ơn cho tôi biết tại sao hôm nay chúng ngoan ngoãn đến thế?

Về suy nghĩ đầu đầu, tôi nhìn đôi mắt xanh của thần “Păng”, và nói:

- Việc rắc rối, bác ạ... tôi vừa đánh một thằng, lần đầu tiên trong đời tôi.

- Ô! Dại quá! Kalina Ivanôvich kêu lên. Nhỡ chúng đi kiện thì sao?

- Dù cho là thế nữa, cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Điều khiến cho tôi ngạc nhiên là mọi sự đều trôi chảy tốt đẹp. Tôi làm việc với chúng cho đến bữa ăn. Chúng tôi hạ những cây thông cong trong rừng. Bọn trẻ nói chung đều lăm lì, nhưng không khí trong sạch và giá lạnh, cảnh rừng đẹp đẽ, cây cối phủ từng lớp tuyết dày nặng trĩu, tiếng cưa tiếng búa vui vẻ hoà tấu, đã tác động đến mọi người.

Trong giờ nghỉ ai nấy hút thuốc, có phần hơi ngượng ngùng, thuốc lầy trong gói thuốc quê mùa tôi mang theo, và thở khói bay lên các ngọn thông. Zăđôrôp bỗng phá lên cười lớn:

- Kể cũng cừ thật, ha-ha-ha-ha!

Nhìn bộ mặt đỏ gay và tươi hơn hớn của hắn cũng thích thú, xong tôi chỉ có thể đáp lại bằng một nụ cười:

- Cái gì mà cừ? việc làm à?

- Việc làm thì đã đành rồi. Nhưng còn cái kiêu bác đã cộp tôi!

Zăđôrôp, một gã to lớn lực lưỡng, thực quả có chuyện đáng cười. Và tôi cũng lạ cho tôi là đã cả gan đụng vào một gã vạm vỡ như thế.

Hắn còn cười rộ nữa, và vừa cười vừa cầm lấy rìu, hắn đi tới một thân cây.

- Chuyện thú thật, ha-ha-ha!

Chúng tôi cùng ăn với nhau ngon lành, vừa ăn vừa thêm những câu đùa làm gia vị, mà không dă động gì đến chuyện xảy ra ban sáng. Tôi vẫn chưa thấy được thoải mái trong người, nhưng tôi đã quyết không hạ giọng, và qua sang buổi trưa tôi ban bố mệnh lệnh một cách rắn rỏi.

Vôlôkhôp mồm mím cười ranh mãnh, nhưng Zăđôrôp đến tìm tôi, vẻ mặt đứng đắn nhất trần đời:

- Chúng tôi không đến nỗi tồi tệ đến thế đâu, bác Antôn Xêmiônôvich ạ! Mọi việc sẽ đâu vào đấy. Chúng tôi hiểu.

3. ĐẶC ĐIỂM CỦA NHỮNG NHU CẦU CẦN THIẾT NHẤT

Hôm sau tôi bảo các trẻ nuôi:

- Buồng ngủ phải sạch sẽ! Các chú phải cắt một người trực nhật. Chỉ khi nào tôi cho phép thì ai muốn ra tỉnh mới được ra. Ai không xin phép mà cứ đi thì đừng trở lại nữa. Tôi sẽ không để cho trở về trại đâu.

Vôlôkhôp đánh một câu:

- Ừ hừ! Không có cách gì dễ dãi được hơn ư?

- Các chú thấy thế nào là thích hợp với mình hơn hết thì hãy nên chọn lấy. Tôi không thể làm khác được. Ở trại thì phải có kỷ luật. Nếu các chú không thích thế, thì muốn đi đâu cứ việc đi. Còn những người nào muốn ở lại thì phải giữ kỷ luật. Tùy ý các chú. Đây không phải là “quán rượu tổ quỷ”.

Zadôrôp chìa tay ra cho tôi bắt:

- Đồng ý, thế là đúng! Vôlôkhôp ạ, mày hãy cầm mồm đi! Trong các việc này, mày còn ngốc nghếch chưa biết gì. Suy tính cho kỹ thì ở đây còn hơn là ở nhà giam tạm.

- Thế sẽ bắt buộc phải đi học à? Vôlôkhôp hỏi lại.

- Bắt buộc.

- Nhưng nếu tôi không muốn học thì sao. Học sẽ ích lợi gì cho tôi chứ?

- Bắt buộc phải đi học. Dù chú muốn hay không cũng mặc. Chú thấy đấy, Zadôrôp vừa mới bảo chú là thằng xuẩn. Chú phải học, phải trở nên thông minh.

Vôlôkhôp ngheo đầu ngheo cổ một cách ngộ nghĩnh, nhắc lại một câu trong một chuyện dật sử Ukren:

- Chàng ta nhảy giỏi quá đến nỗi ngã lặn kền!

Về phương diện kỷ luật, việc xảy ra với Zadôrôp đánh dấu một bước ngoặt. Nói cho thực thì tôi không bị dẫn vật vì hối hận. Phải, tôi đã đánh một đứa trẻ nuôi. Tôi cảm thấy tất cả sự bất hợp pháp và tất cả sự lỗ mãng về mặt sư phạm của việc đó, nhưng đồng thời tôi cũng thấy rằng đứng trước cái nhiệm vụ tôi phải gánh vác thì việc giữ gìn cho hai bàn tay giáo dục của tôi được trong trắng chỉ là vấn đề thứ yếu. Tôi quyết tâm làm người độc tài nếu tôi không có phương pháp nào khác nữa. Ít lâu sau tôi có chuyện mắc mứu gay go với Vôlôkhôp. Hôm đó hắn trực nhật mà không quét phòng ngủ, và sau khi tôi khiển trách, hắn cũng không chịu làm. Tôi nhìn hắn một cách tức giận và bảo hắn:

- Đừng có làm tôi nổi nóng. Quét đi!

- Nếu không thì sao? Bác sẽ đánh vỡ miệng tôi chắc? Bác không có quyền!.

Tôi túm lấy cổ áo hắn, kéo hắn lại gần, và giọng nói rít lên, tôi quát vào mặt hắn một cách rất là thành thực:

- Này nghe đây! Tôi báo cho chú biết lần này là lần cuối cùng: tôi sẽ không đánh vỡ miệng chú, mà tôi sẽ đá cho chú thành tật! Rồi sau chú có thể cứ đi mà kiện, người ta sẽ bắt tôi, nhưng cái đó không việc gì đến chú!

Vôlôkhôp gỡ mình ra khỏi tay tôi, và vừa mếu máo vừa nói:

- Ai người ta bắt vì những chuyện tẹo nhỏ ấy. Để rồi tôi quét, rõ thật c...!

Tôi hét lên như sấm:

- Chú nói với tôi thế nào đấy?

- Vậy nói với bác thế nào? Rõ thật.!

- Cái gì? Chửi đi xem thử.

Hắn bỗng phá lên cười, và giơ một cánh tay lên.

- Gớm, người đầu mà lại... tôi quét đây, quét đây, bác đừng hét nữa!

Tuy nhiên, có điều nên lưu ý là tôi đã không một phút nào nghĩ rằng mình đã tìm thấy ở bạo lực một phương pháp sư phạm toàn năng. Câu chuyện xảy ra giữa Zădôrôp và tôi khiến tôi phải trả giá đắt hơn hẳn. Tôi bắt đầu e ngại rằng tôi sẽ đi vào con đường gặp ít trở lực nhất. Về phía các nữ giáo viên, Lidia Pêtrôpna phê bình tôi công khai một trận cẩn thận. Ngay tối hôm ấy, ngồi ti đầu lên nắm tay nhỏ bé, chị bảo tôi:

- Thế là bác đã tìm ra phương pháp rồi đấy à? Cũng như ở chủng viện ấy chứ gì?

- Thôi xin chị, chị Lidia ơi!

- Không, bác hãy nói cho rõ, chúng ta sẽ cứ đánh tràn đi sao? Và cả tôi cũng được phép đánh chứ? Hay chỉ có một mình bác thôi?

- Chị Lidia ạ, tôi sẽ nói chuyện lại với chị sau về vấn đề đó. Bây giờ chính tôi cũng không biết ra sao. Chị hãy nên đợi một chút.

- Được rồi, tôi sẽ đợi.

Êkatêrina Grigôriepna thì cau có mấy hôm liền, nói năng với tôi bằng giọng lịch sự khách khí. Mãi năm hôm sau chị ta mới hỏi tôi, với nụ cười nghiêm trọng của chị:

- Thế nào! Bác thấy thế nào?

- Như thường thôi. Tôi dễ chịu lắm.

- Nhưng bác có biết sự đáng buồn nhất trong chuyện này là cái gì không?

- Sự đáng buồn nhất?

- Vâng. Tai hại nhất là bọn trẻ đó lại say sưa thích thú nói đến hành vi anh hùng của bác. Đến nỗi có thể tưởng chúng sẵn lòng mền phục bác, ngay cả Zădôrôp trước hết. Thế là thế nào? Tôi không hiểu. Phải chăng đó là thói quen nô lệ?

Tôi nghĩ ngợi một chút và bảo chị:

- Không, tính nô lệ chẳng có dính dáng gì vào đó cả. Vấn đề là thế khác. Chị hãy nên phân tích kỹ: sự thực là Zădôrôp khỏe hơn tôi, chỉ trở bàn tay một cái là nó có thể đánh tôi què. Mà nó có sợ cái gì đâu, Burun cũng thế, những đứa khác cũng thế. Trong tất cả câu chuyện này chúng không nhìn thấy trận đòn, chúng nhìn thấy sự tức giận, thấy con người nổi xung. Chúng thừa hiểu rằng tôi có thể không đánh thẳng Zădôrôp, mà gửi nó trả lại cho ban nhi đồng phạm pháp như là một đứa không thể nào dạy được, và làm cho nó bị nhiều chuyện khó chịu hết sức. Nhưng tôi đã không làm thế, tôi chọn một hướng hành động nguy hiểm cho tôi, nhưng có tính cách con người và không hình thức chủ nghĩa. Lại có điều hiển nhiên nữa là dù sao chúng cũng phải cần đến trại. Điều này kể thì phức tạp hơn. Ngoài ra chúng còn nhìn thấy chúng ta làm việc nhiều để phục vụ chúng. Nói cho cùng, chúng cũng là những con người. Vấn đề chủ yếu là ở chỗ ấy đấy.

- Có lẽ thế, Êkatêrina Grigôriepna nói, vẻ trầm ngâm suy nghĩ.

Song chúng tôi không có thì giờ trầm ngâm suy nghĩ. Một tuần lễ sau, vào tháng hai 1921, tôi dùng một chiếc xe bò chở đồ đem về trại mười lăm đứa trẻ đúng là vô thừa nhận và thực rách rưới như tờ giấy. Chúng tôi tốn nhiều công phu lắm mới tắm rửa được chúng, cho chúng ăn mặc sơ sơ và chữa cho

chúng khỏi ghê lở. Sang tháng ba, trại có đến ba mươi đứa. Chúng phân nhiều rất là kém cỏi, chúng man rợ và không thích hợp tí nào cho sự thực hiện lý tưởng “ giáo dục xã hội “. Như thế thì chúng làm gì có được cái năng khiếu sáng tạo đặc biệt mà người ta bảo rằng nó làm cho tư duy nhi đồng rất gần gũi với tư duy khoa học.

Trại cũng có thêm được những giáo viên mới. Sang tháng ba chúng tôi đã họp thành một hội đồng sư phạm thực sự. Trước sự kinh ngạc thán phục của tất cả mọi người trong trại, cặp vợ chồng Ôtxipốp: Ivan Ivanôvich và Natalia Mackôpna, dọn đến với những đồ đạc nhiều vô kể: đi-văng, ghế dựa, tủ đứng, hàng đồng quần áo và đồ dùng bếp nước. Các trại viên gần như trần trụi của chúng tôi đứng nhìn với một sự chăm chú phi thường người ta khuân chuyển tất cả những thứ tuyệt diệu ấy đến cửa buồng vợ chồng Ôtxipốp.

Sự chăm chú đó quyết không phải là có tính cách nghiên cứu, và tôi rất e ngại rằng toàn bộ những đồ đạc đẹp đẽ dọn đến kia không khéo lại đi ngược con đường trở về các chợ ngoài tỉnh. Sau một tuần lễ, sự chú ý đến tài sản của gia đình Ôtxipốp có giảm đi ít chút vì có một bà quản lý đến trại. Đó là một bà già rất tốt, rất hay nói chuyện và rất xuẩn. Tuy hành trang của bà không được giàu có bằng gia đình Ôtxipốp, nhưng cũng có vô số thứ ngon lành bậc nhất: cơ man nào là bột, là lọ mứt, và giữa bao nhiêu thứ khác, vô khối túi nhỏ rất tinh thơm và túi đi đường, mà các trại viên của chúng tôi lấy mắt sờ nắn qua vỏ ngoài đoán thấy đủ thứ quý vật bên trong.

Bà quản lý thu dọn buồng ở cho thực ngăn nắp dễ chịu, theo thói quen của các ông bà già vốn rất ưa thích sự tiện nghi. Bà xếp những hộp nhỏ nhỏ và các thứ chai bình khác của bà theo trật tự thích hợp vào các ô tường, các xó xỉnh và góc nhà vốn dĩ xưa nay vẫn để dùng cho việc đó, và rất nhanh chóng bà đã thân thiện ngay được với hai ba đứa trẻ. Cuộc kết liên này đặt trên một cơ sở hợp đồng: chúng khuân củi đến và nhóm lửa đun nước cho bà, ngược lại, bà mời chúng uống nước chè, kèm theo đủ thứ chuyện gói ghém những quan niệm của bà về cuộc sống. Nói cho đúng ra, thì ở trại chúng tôi chẳng có công việc gì cho một bà quản lý, và tôi lấy làm lạ rằng người ta lại chỉ định về đây một người.

Trại chẳng cần gì đến người quản lý. Vì chúng tôi nghèo xơ nghèo xác, nói khó ai tin được,

Trừ mấy gian buồng cho nhà giáo và nhân viên ở, chúng tôi mới tu sửa được một phòng ngủ rộng có hai cái lò sưởi kiểu Phô-lô-si.^[27] Phòng ấy có ba chục giường khung gỗ và ba cái bàn to cho bọn trẻ ngồi ăn và viết lách. Còn một phòng ngủ nữa kích thước cũng như thế với một phòng ăn, hai phòng học và một buồng giấy vẫn còn chờ được sửa chữa.

Chúng tôi có một bộ rưỡi ga giường, ngoài ra tịnh không có một thứ đồ vải gì khác nữa. Cách giải quyết hầu như duy nhất của chúng tôi về vấn đề quần áo chỉ có là đi xin ở sở Giáo dục và các cơ quan khác.

Cái ông giám đốc đã quyết mở trại cho bằng được thì lại đã bị gọi đi nhận nhiệm vụ khác ở đâu rồi, và người thay chân ông chẳng quan tâm đến chúng tôi mấy tí, vì đầu óc còn mãi nghĩ những chuyện khác quan trọng hơn.

Bầu không khí ở sở Giáo dục hồi bấy giờ thực chẳng thuận lợi chút nào cho những nguyện vọng được giàu có hơn của chúng tôi. Sở Giáo dục tỉnh bấy giờ là một khối nhằng nhịt rất nhiều phòng lớn phòng nhỏ, với rất nhiều cán bộ nhân viên, vậy mà biểu hiện sự hoạt động giáo dục ở nơi đó chẳng phải là phòng với người, nhưng lại là các mặt bàn. Bàn viết, bàn rửa mặt hay bàn chơi cờ, xiêu vẹo, tróc Sơn, trước kia màu đen hay màu đỏ, kèm theo những ghế dựa cùng một kiểu như thế, tiêu biểu cho các ban khác nhau của cơ quan, điều đó có những tấm biển treo tường, trước mặt mỗi bàn làm chứng. Thường thì đại đa số các bàn bao giờ cũng bỏ không, vì phần giá trị bổ sung cho mỗi cái bàn, là con người, thì vốn dĩ do bản chất, dù mang tên là trưởng ban này nọ đấy, nhưng thực tế chẳng bằng hãy đi

làm kết toán ở cục phân phối lương thực cái đã. Thắng hoặc có khi bắt chọt được một hình người hiện ra ở một bàn nào đó, thì khách tứ phía đổ xô cả lại. Thế là câu chuyện trao đổi lúc ấy chỉ cốt để biết ban này là ban nào, có phải đúng là ban mà khách cần tìm hỏi không, hay phải hỏi ban khác, mà trong trường hợp này thì vì lý do gì, và cần hỏi đúng ban nào khác; và tuy đã hỏi kỹ thế mà vẫn còn không đúng, thì tại sao cái đồng chí ngồi tại bàn này tuần lễ trước lại bảo chính là bàn ấy đấy? Giải quyết xong các câu hỏi đó, ông trưởng ban lập tức nhổ neo và biến thẳng như một ngôi sao băng vậy.

Tất nhiên là những cuộc chạy chọt thiếu kinh nghiệm của chúng tôi quanh mấy cái bàn nọ chẳng đem lại cho chúng tôi một kết quả cụ thể nào. Và vì lẽ ấy nên mùa đông năm 1921, trại thực chẳng có được vẻ gì giống một cơ quan giáo dục cho lắm. Những chiếc áo ngắn mặc ngoài rách rưới, theo tiếng lóng đáng gọi là “áo tổ đĩa” thì đúng hơn nhiều, chỉ tạm che da thịt cho xong chuyện: ở dưới những “áo tổ đĩa” ấy họa hoằn lắm mới thấy tàn tích của một chiếc sơ-mi sắp mục. Những trẻ nuôi đầu tiên đến trại với áo quần bảnh bao cũng không nổi bật được bao lâu trong đám đông: việc bổ củi nặng nhọc với những công việc ở bếp, ở buồng giặt, đã có tác dụng hằn là giáo dục, nhưng cũng rất là tai hại đối với quần áo. Sang đến tháng ba thì cách ăn mặc của tất cả các trại viên của chúng tôi đều khiến cho bất cứ một nghệ sĩ nào đóng vai lão xay bột trong vở kịch “Ngư tiên”^[28] cũng đến phải tấm tức ghen.

Rất ít trẻ có được giày đi và phần đông chúng quần chân bằng giẻ rách, lấy dây buộc lại. Nhưng ngay đến cả loại giày giẻ rách ấy cũng thường bị những trận khủng hoảng thường xuyên.

Món ăn thường của chúng tôi gọi là “canh nước ốc”. Ngoài ra, có món gì khác cũng chỉ là đột xuất. Hồi ấy tiêu chuẩn ăn có rất nhiều bậc khác nhau: tiêu chuẩn thường, tiêu chuẩn bồi thêm, tiêu chuẩn cho người gầy yếu và cho người béo khỏe, tiêu chuẩn cho người bất túc, tiêu chuẩn điều dưỡng và tiêu chuẩn bệnh nhân. Nhờ có hoạt động ngoại giao hết sức tăng cường, đôi khi chúng tôi cũng thành công trong việc thuyết phục, van xin cho người ta xiêu lòng, đánh lừa phô bày thân hình thiếu nảo của chúng tôi ra khiến người thương hại, dọa dẫm rằng các trẻ nuôi của chúng tôi có thể sẽ nổi loạn, ấy thế là người ta quy cho chúng tôi vào tiêu chuẩn điều dưỡng chẳng hạn. Tiêu chuẩn này có sữa, mỡ nhiều vô kể và bánh mì trắng. Cố nhiên là chúng tôi không lĩnh được các thứ đó, nhưng người ta nới tay cấp cho chúng tôi, trong một chừng mực rộng rãi hơn, một số vật phẩm để nấu “canh nước ốc”, với lại bánh lúa hắc mạch. Một hay hai tháng sau, một sự thất bại ngoại giao làm cho chúng tôi lại tụt xuống mức những người thông thường, để chúng tôi lại phải đi vào con đường thận trọng và quanh co chạy chọt, điều đình bí mật hoặc công khai khắp chỗ này chỗ nọ. Cũng có lúc chúng tôi gây được áp lực mạnh mẽ đến nỗi người ta bắt đầu cho chúng tôi lĩnh được đến cả thịt, các đồ ăn sấy để dành và các thứ kẹo, nhưng đến khi vỡ lẽ ra rằng những kẻ bất túc về đạo đức không làm gì có quyền được hưởng những thứ xa xỉ phẩm ấy, chỉ dành riêng cho những người bất túc về trí lực, thì đời sống của chúng tôi lại càng trở nên thảm hại hơn.

Làm việc đó chúng tôi cần được võ trang bằng một công văn chỉ ghi một câu thỉnh cầu đơn giản và ý nghĩa rằng:

“Trại nuôi trẻ vị thành niên phạm pháp yêu cầu cấp cho một trăm pút bột mì, để cho các trẻ nuôi ăn”.

Ở trại không bao giờ chúng tôi dùng đến những chữ như “phạm pháp”, và trại cũng không bao giờ bị chỉ tên như thế. Hồi bấy giờ người ta gọi chúng tôi là bọn “bất túc về đạo đức”. Nhưng đối với các giới khác thì cái danh từ ấy không thích đáng cho lắm, vì nó có phần quá sắc mùi buồng giấy giáo dục.

Dem theo tờ công văn, tôi đứng rình ở một chỗ nào đó ở cửa một phòng giấy, trong hành lang của cái cơ quan tương ứng. Một đám người đổ xô vào, có khi chen chúc nhau đông quá thành thử bất cứ ai lách vào cũng được. Một khi vào được rồi, thì chỉ cần len lỏi qua đầu các vị khách cho tới được chỗ

ông trưởng phòng, và luôn tỏ công văn của chúng tôi vào dưới tay ông, không nói năng gì hết.

Các ông thủ trưởng những cơ quan cung ứng lương thực khó mà lần mò hiểu nổi nhưng cái tình vì trong sự phân loại sự phạm và không mấy khi các ông nghĩ ra rằng tại “vị thành niên phạm pháp” có liên quan gì với ngành giáo dục. Cái giọng xúc động của mấy tiếng ấy, trẻ “vị thành niên phạm pháp”, tự nó đủ là gọi cảm rồi. Cho nên ít khi các ông lấy vẻ nghiêm khắc bảo chúng tôi:

- Bác đến đây lấy gì? Bác về khu của bác mà xin.

Thường thì các ông ấy chỉ trầm ngâm một lát rồi hỏi:

- Ai cung cấp cho các bác? Bên Lao ngục Hành chính phải không?

- Không ạ, ông xem đây, bên ấy không cung cấp cho chúng tôi, vì đây là các trẻ em.

- Thế thì ai vẫn cung cấp cho các bác?

- Ông xem đây, cho đến bây giờ vẫn chưa rõ rệt gì cả.

- Sao lại thế, “chưa rõ rệt”?... Lại thực!

Ông trưởng phòng ghi chú điều gì đó vào sổ tay, và yêu cầu một tuần lễ nữa trở lại.

- Nếu vậy thì trong khi đợi, xin ông hãy tạm cấp cho chúng tôi, dù là hai mươi phút cũng được.

- Hai mươi phút, không được đâu, bây giờ bác hãy lấy năm thôi, rồi tôi sẽ hỏi rõ việc này sau.

Năm phút thì có được là bao, và cái kiểu chuyện trò như thế này không ăn khớp với kế hoạch của chúng tôi, kế hoạch đó, tất nhiên, không có dự kiến chuyện hỏi rõ hỏi riết gì cả.

Đối với trại Gorki thì câu chuyện chỉ có thể đi theo một đường lối như thế này thôi: là ông trưởng phòng, không hỏi han gì hết, cứ lẳng lẳng cầm tờ công văn của chúng tôi và viết nguệch ngoạc vào một góc: “đồng ý cấp”.

Thế thì tôi chạy như một thằng điên về ngay trại:

- Kalina Ivanovich!... Đây một cái phiếu!... một trăm phút! Bác đi tìm ngay các giám thị và lấy về đi, trước khi ở đằng ấy họ vỡ chuyện...

Kalina Ivanovich vui vẻ cúi nhìn tờ giấy:

- Một trăm phút? Khá nhỉ!... Ở đâu ra thế?

- Bác không nhìn ra à? Ban lương thực của Tư pháp tỉnh cho đây!...

- Ai mà lần ra được!... Nhưng chúng mình thì cần quái gì: dù là người hay quỷ cấp cho, cũng cóc cần, miễn là gà cứ đẻ là được, hề-hề-hề!

Ăn là nhu cầu đầu tiên của con người. Cho nên vấn đề mặc không làm cho chúng tôi khổ bằng vấn đề ăn. Các trẻ nuôi của chúng tôi lúc nào cũng đói và điều đó khiến công việc cải tạo đạo đức chúng thêm phức tạp rất nhiều. Các trại viên tự lực xoay sở lấy. Khó khăn lắm mới thoả mãn được một phần rất nhỏ sự thèm ăn của chúng.

Một trong những loại tiểu công nghệ thực phẩm tư nhân chính mà chúng làm là đánh cá. Về mùa đông việc đó rất khó khăn. Cách dễ dàng nhất là đi nhắc những cái lưới đó của nhân dân các trại áp đặt ở bờ sông gần đây và ở bờ hồ của chúng tôi. Bản năng sinh tồn và cái khiếu tính toán kinh tế mà con người ai ai cũng có ngăn cản không cho bọn trẻ của chúng tôi ăn cắp luôn cả những cái lưới đó kia, thế nhưng rồi cũng có một đứa vị phạm khuôn phép vàng ngọc ấy.

Đó là thằng Taranet. Mười sáu tuổi, con một gia đình ăn cắp truyền đời, nó là một đứa lanh lẹn gọn gàng, mặt đỏ hoa, vui tính, tinh khôn, một tay tổ chức giỏi và liêu lĩnh tháo vát. Nhưng nó không biết tôn trọng quyền lợi tập thể. Nó ăn cắp nhiều lưới đó ở ngoài sông, đem về giấu ở trại. Các chủ lưới

theo gót nó đến trại, và rút cục chuyện vỡ lở tan hoang. Sau đó các nông dân bắt đầu canh giữ lưới, thành ra các nhà đánh cá của chúng tôi họa hoằn lắm mới kiếm chác được cái gì. Rồi ít lâu sau thấy Taranet và vài đứa nữa cũng có những lưới đó riêng của chúng, do “một người quen ở ngoài tỉnh” cho chúng. Nhờ có thứ dụng cụ tư nhân ấy, việc đánh cá được phát triển mau chóng. Mới đầu chỉ có một nhóm nhỏ được ăn cá, nhưng rồi đến cuối mùa đông Taranet bỗng nảy ra ý kiến tự tiện cho tôi vào nhóm.

Nó bung một đĩa cá rán vào phòng tôi.

- Biểu bác đây.

- Tôi biết rồi, nhưng tôi không nhận đâu.

- Tại sao thế?

- Bởi vì như thế không công bằng. Phải đem chia cá cho tất cả các trại viên.

- Có quyền đâu thế? Taranet tức giận đỏ mặt lên cãi. Có quyền đâu thế chứ? Tôi đã kiếm ra lưới, tôi đánh cá, tôi đảm mình ướt át dưới sông mà tôi lại phải cho tất cả mọi người ăn à?

- Thế thì chú đem cá của chú đi thôi: tôi đã chẳng kiếm ra được cái gì mà tôi cũng chẳng đảm mình ướt át.

- Nhưng đây là của chúng tôi biểu bác...

- Không, tôi không nhận, tôi không thích thế. Và như thế bắt công.

- Có cái gì là bắt công trong chuyện này chứ?

- Đây này: chú đã không mua những lưới kia. Đó là của người ta cho.

- Phải rồi, của người ta cho.

- Cho ai? Cho chú à? Hay cho cả trại?

- Sao lại cho cả trại? Cho tôi chứ...

- Tôi nghĩ rằng cho cả tôi nữa và cho tất cả mọi người.

- Thế còn các chảo để rán, thì là của ai? Của chú à? Không, của tập thể. Và dầu hướng dương mà các chú xin của chị cấp dưỡng? Là của tập thể. Và còn củi, bếp lò, thùng xách nước? Thế nào, chú nói làm sao đây? Tôi ấy à, tôi chỉ muốn tước các dụng cụ của chú đi và thế là hết chuyện. Nhưng còn điều quan trọng nhất là như vậy không ra tình anh em với nhau.

- Lưới đó của chú, to chuyện khiếp chưa? Chú hãy xử cho ra tình anh em đi. Ai thì cũng có thể đánh cá được hết.

- Thôi thế thì được, Taranet nói, chúng tôi sẽ làm như bác bảo. Nhưng xin bác nhận cá cho.

Tôi nhận cá. Từ nay việc đánh cá trở thành một việc có qui định, luân phiên, cá đánh được giao cả cho nhà bếp.

Một cách thứ hai kiếm cái ăn cá nhân riêng lẻ là những cuộc đi thăm chợ ngoài tỉnh. Mỗi ngày Kalina Ivanôvich thắng vào xe con Nhãi-ranh, con ngựa Kiêcghi của chúng tôi, đi kiếm vật phẩm hoặc xuất phát tấn công các cơ quan. Bao giờ cũng có hai hay ba trại viên vừa vắn đúng dịp có

lý do phải ra tỉnh: đi bệnh viện, đi lên Ủy ban của sở Giáo dục gọi hỏi, theo hầu bác để giúp đỡ bác, cầm cương con Nhãi-ranh. Thường thường mấy chú may mắn đó trở về bụng chú nào chú nấy căng phè và còn đem theo một cái gì đó cho anh em nữa. Không bao giờ có chú nào bị “tóm” ở chợ hết. Lợi quả của những cuộc xuất chinh ấy bề ngoài có vẻ hợp pháp. “Đây là của cô tôi cho”, “tôi đã gặp một người quen”. Tôi cố gắng không đem những hoài nghi nhỏ nhen ra làm nhục kẻ hưởng lợi, và

bao giờ tôi cũng tin những lời giải thích ấy. Vả chẳng sự nghi ngờ của tôi có ích gì không? Các trại viên bản thúu và đói khát, lúc nào cũng chỉ đi tìm cái ăn, có vẻ là một miếng đất có phân bạc bèo cho bất cứ cuộc lên lớp đạo đức nào về những cái lật vặt như chuyện ăn cắp ở chợ một chiếc bánh giòn hay một đôi đế giày.

Trong sự nghèo khổ khó lòng tưởng tượng của chúng tôi, có một khía cạnh tốt mà sau này chúng tôi không bao giờ có nữa. Bọn giáo viên chúng tôi cũng đói và nghèo như thế thôi. Hồi đó chúng tôi hầu như không có lương chúng tôi cũng vui lòng ăn cùng một thứ “canh nước ốc” và quần áo chúng tôi cũng rách rưới gần như áo quần bọn trẻ. Suốt mùa đông, tôi đi giày không có đế, để thò ra ngoài một mẩu bít tất Nga. Chỉ có Êkatêrina Grigôriepna lúc nào cũng trau chuốt, là mặc áo dài giặt cẩn thận sạch sẽ và vừa đúng khổ người.

4. ĐẤU TRANH NỘI BỘ

Trong tháng hai, cả một tập giấy bạc, ước chừng bằng sáu tháng lương của tôi, bỗng biến mất khỏi ngăn kéo bàn tôi.

Hồi ấy buồng tôi dùng thay cho phòng quản trị, phòng giáo viên, phòng kế toán và phòng thủ quỹ, vì một mình tôi kiêm cả bằng ấy chức vụ. Ngăn kéo khóa cẩn thận, không có một tí dấu vết nào bẻ khóa hết, thế mà tập giấy bạc mới tinh mất biến.

Buổi tối tôi nói chuyện ấy cho bọn trẻ biết và yêu cầu chúng trả lại số tiền. Tôi không có cách gì chứng minh được việc mất cắp, vậy cấp trên có thể dễ dàng buộc tội tôi là lạm tiêu công quỹ. Chúng nghe tôi nói với một vẻ mặt rầu rĩ rồi giải tán. Sau buổi họp, trong khi tôi đi qua sân tối để về căn nhà của tôi, có hai đứa chạy lại gần tôi: đó là Taranet và Gut. Gut là một chú bé nhỏ người mà lanh lợi.

- Chúng cháu biết đứa nào lấy tiền, Taranet nói thầm thì, có điều là không thể nói ra trước mặt mọi người được: chúng cháu không biết nó giấu tiền ở đâu. Mà nếu chúng cháu tố nó ra, thì nó sẽ cuỗm tiền mà tẩu mất.

- Đứa nào thế?

- Một đứa ở đây...

Gut nheo mắt nhìn Taranet; rõ ràng là nó không hoài toàn tán thành lời hành động của hắn. Nó lúng búng:

- Cứ là tể cho nó một trận... Thế là xong chuyện.

- Thế ai đi mà tể cho nó chứ? Taranet quay lại hỏi nó. Mày à?... Nó lại chẳng tẩn cho mày dừ xương ấy chứ lại.

Tôi đề nghị:

- Cho bác biết là đứa nào, để bác nói chuyện với nó.

- Không, thế không được đâu.

Taranet cố tình muốn giữ bí mật. Tôi nhún vai:

- Thôi được, tùy các cháu.

Tôi về đi ngủ.

Sáng hôm sau, Gut tìm thấy tiền trong chuồng ngựa. Một đứa nào đã ném giấy bạc qua cái cửa sổ nhỏ trên mái, làm cho nó bay tản mát tứ phía. Gut sung sướng run cả người, chạy bổ vào buồng tôi, hai tay nắm đầy những tờ giấy lộn, nát nhàu.

Nó vui mừng nhảy múa, chạy láng tâng khắp trại; bọn trẻ đứa nào đứa nấy cũng đều hơn hớn và đồ xô đến buồng tôi thăm hỏi. Chỉ có Taranet nghiêm nhiên đi tản bộ, ngẩng cao đầu kiêu hãnh. Tôi giữ ý không hỏi nó với Gut đã làm những gì sau khi nói chuyện với tôi.

Sau đó hai hôm có đứa nào lại bật tung khóa hầm kho và ăn cắp mấy bảng [\[29\]](#) mỡ – tất cả số mỡ dự trữ của trại. Nó lấy luôn cả khóa đi nữa. Một ngày sau, cửa sổ buồng chứa bị giật tung đi, có bao nhiêu kẹo để dành cho ngày kỷ niệm Cách mạng tháng Hai đều mất hết, và cũng mất theo cả mấy hộp mỡ bôi trục xe, là thứ dùng để bôi trơn chắc quý ngang tiền.

Trong đó mấy hôm Kalina Ivanôvich top hẳn người đi: bác vươn bộ mặt xanh nhợt nhìn từng đứa trại viên, phà khói thuốc lá cay sè vào mắt nó mà la rầy:

- Chúng mày thử nghĩ lại xem nào! Tất cả những thứ đó là để cho chúng mày chứ cho ai, đồ chó chết, thế mà chúng mày lại tự mình ăn cắp của mình, quân ăn hại!

Taranet biết rõ chuyện hơn hết mọi người, nhưng nó đánh trống lảng, và vì một lý do gì đấy, xem ý nó không định làm cho việc này sáng tỏ. Các trại viên nói xôn xao rất nhiều, nhưng phần đông chúng chỉ hoàn toàn coi việc đó như một chuyện thích thú. Chúng không muốn nghĩ một mảy may nào rằng chính chúng lại là những người bị mất cắp.

Ở phòng ngủ tôi la hét dữ dội:

- Vậy các chú là cái giống gì? Các chú là người hay là..

- Chúng tôi là những kẻ cắp, nghe có tiếng đấy ở một giường trong đám giường xa nhất.

- Kẻ cướp giết người.

- Nói láo! Kẻ cướp giết người, ngữ các chú ấy à? Chẳng qua là một lũ nhãi ranh đều cẳng, ăn cắp lẫn nhau. Bây giờ các chú chỉ có việc đừng ăn mỡ, tôi cần đếch gì! Đến các ngày lễ thì nhin kẹo đi. Chẳng ai còn cho trại cái gì nữa đâu. Các chú cứ việc chết đói rã họng!

- Nhưng thưa bác Antôn Xêmiônôvich, chúng ta làm gì được kia chứ? Chúng ta không biết đưa nào ăn cắp, bác không biết mà chúng tôi cũng không biết.

Kể thì ngay từ đầu tôi cũng đã hiểu rằng tôi nói phi công toi. Ăn cắp tất phải là một thằng trong bọn lớn, mà đưa nào cũng sợ.

Hôm sau tôi đem theo hai đưa trẻ lên xe ngựa để cùng đi xin cấp mỡ một lần nữa. Chúng tôi bôn ba mấy ngày liền, nhưng rồi cũng được có mỡ đem về. Người ta còn cho chúng tôi thêm cả một phần kẹo nữa, nhưng không khỏi phê bình chúng tôi hồi lâu vì nổi có của mà không biết giữ. Mỗi buổi tối chúng tôi đều đem những chuyện gian nan của chúng tôi ra kể tường tận cho cả trại nghe. Sau cùng chúng tôi chở mỡ về trại và đắc thẳng để nó vào hầm kho cất. Nó bị lấy cắp liền ngay trong đêm thứ nhất.

Tôi lại lấy làm thích thú vì việc đó. Tôi dự đoán rằng lần này thì quyền lợi tập thể, tinh thần cộng đồng hẳn là cuối cùng phải lên tiếng, bắt mọi người quan tâm đến chuyện ăn cắp. Quả nhiên cả bọn trẻ đều buồn rầu, nhưng chẳng có đưa nào nhiệt tình hết, và ấn tượng đầu tiên qua rồi, đưa nào đưa nấy lại bị tính hiếu kỳ xâm chiếm: quái, cái thằng nào mà làm ăn tài tình đến thế nhỉ?

Vài ngày nữa lại qua đi, rồi cái vòng cổ ngựa để ở chuồng biến mất: thế là ngay đến ra tỉnh chúng tôi cũng không đi được nữa. Chúng tôi phải vào trong xóm van vỉ hết nhà này nhà nọ, xin cho mượn một cái để dùng tạm lúc này.

Những việc mất cắp trở thành chuyện hàng ngày. Cứ mỗi buổi sáng lại thấy mất một cái gì ở chỗ này chỗ nọ: một cái rìu, một cái cưa, bát đĩa, ga trải giường, đai lưng ngựa, những dây cương, các thứ vật phẩm. Tôi cố gắng không ngủ ban đêm, đi tuần trong sân với khẩu súng lục, nhưng tất nhiên tôi không chịu nổi quá hai hay ba phiên như thế. Tôi yêu cầu Ôtxipốp gác cho một đêm, nhưng anh ta hoảng sợ đến nỗi tôi không nhắc lại chuyện ấy với anh ta nữa.

Tôi nghi ngờ nhiều đưa trẻ, trong số đó có Gut và Tranet. Song tôi không có chứng cứ gì hết, nên đành phải giữ ý ngờ trong bụng vậy thôi.

Zadôrôp cười lớn và nói đùa:

- Thế nào, bác Antôn Xêmiônôvich, bác nghĩ rằng một trại lao động thì chỉ có thể làm việc thôi, chứ không có mảy may vui đùa gì cả à? Bác hãy đợi xem, chưa hết chuyện đâu bác ạ! Nhưng cái thằng nào mà bác tóm cổ được, thì bác sẽ làm gì nó?

- Tôi sẽ cho nó đi tù

- Cái đó cũng chưa mùi gì. Tôi lại cứ nghĩ bác sẽ tẩn nó một trận.

Một đêm, hẩn mặc nguyên cả quần áo đi ra sân.

- Tôi canh với bác một lúc.

- Chú hãy coi chừng, bọn trộm có thể đã chú đấy

- Không, chúng biết là bác gác tối nay, và chắc chắn chúng sẽ không đến hôm nay đâu. Thế thì có cái gì mà hoảng?

- Nhưng nói cho thực thì, Zăđôrôp này, chú cũng sợ chúng nó chứ?

- Sợ ai? bọn trộm ấy ư? Tất nhiên là tôi sợ. Nhưng vấn đề không phải là có sợ hay không; bác Antôn Xêmiônôvich ạ, chắc bác cũng nhận cho rằng dù sao chẳng nữa thì đi tổ gác cũng là điều không tốt.

- Nhưng họ ăn cắp của chính các chú kia mà.

- Của tôi ư? tôi có dính líu gì vào đấy? ở đây chẳng có một cái gì là của tôi hết cả.

- Nhưng chú sống ở đây.

- Thế này mà gọi là một đời sống à, bác Antôn Xêmiônôvich! Có phải là sống không? Bác chả làm nên được trò trống gì với cái trại này đâu. Bác vất vả nhọc xác vô ích thôi. Rồi bác xem, chúng nó là cứ xoay hết, rồi chúng tềch thẳng cho mà coi. Tốt hơn hết là bác thuê lấy hai người gác giỏi và cho họ súng.

- Không, tôi sẽ không thuê người gác, và tôi sẽ không cấp súng.

- Tại sao chứ? Zăđôrôp ngạc nhiên hỏi.

- Sẽ phải trả công những người đó, mà chúng ta thì nghèo thế này, và điều quan trọng nhất là: các chủ phải là những người chủ.

Nhiều trại viên phát biểu ý kiến là phải có người gác. Đó là đầu đề cả một cuộc tranh luận ở phòng ngủ.

Antôn Bratsenkô, đại biểu ưu tú nhất của nhóm lưu trú sinh thứ hai của chúng tôi, chứng minh rằng:

- Có một người gác, thì chẳng đứa nào đến lấy trộm nữa. Mà dù cho có đến, thì chỉ có việc nhả cho nó một phát đạn muối^[30] vào mông đấy. Khi đã được muối trong một tháng rồi, đồ dám liều lĩnh nữa.

Người phản đối ý kiến của nó là Kôxchia Vetkôpxki, một gã xinh trai, khi còn “tự do” ở ngoài trại vẫn chuyên đi khám xét nhà người bằng giấy mệnh lệnh giả mạo. Trong những vụ như thế, hắn chỉ đóng những vai trò phụ thuộc, để các vai quan trọng cho những đứa lớn. Kết quả điều tra đã cho biết rằng bản thân Kôxchia không bao giờ ăn cắp gì hết cả, và hắn chỉ có say sưa về mặt thẩm mỹ của những hoạt động đó thôi. Lúc nào hắn cũng tỏ thái độ khinh bỉ đối với bọn trộm cắp. Tôi đã để ý từ lâu đến bản chất tẻ nhạt và phức tạp của hắn. Tôi lạ nhất là thấy hắn dễ dàng ăn cánh với những đứa tợn nhất trong đám bạn bè, và thấy tất cả bọn tán phục hắn về các vấn đề chính trị. Kôxchia bênh vực luận điểm sau đây:

- Bác Antôn Xêmiônôvich nói đúng đấy. Không đặt người gác ở đây làm gì. Bây giờ chúng ta còn chưa hiểu, nhưng rồi chẳng bao lâu tất cả chúng ta sẽ hiểu rằng không được ăn cắp ở trại. Đã có nhiều cậu hiểu rồi đấy. Và rồi nay mai chính chúng mình sẽ canh gác lấy thôi. Có phải không, Burun? hắn quay lại bất thành linh hồn thẳng này.

- Ừ thì, nếu phải làm chân gác đêm, chúng mình sẽ làm chứ sao, Burun nói.

Sang tháng hai bà quản lý của chúng tôi thôi việc ở trại; tôi đã xin điều được bà đến một bệnh viện nào đó. Một ngày chủ nhật kia, con Nhãi-ranh được dắt tới chân thềm tam cấp của phòng bà, rồi tất cả các chú bạn thân và là bạn đồng ăm trong những bữa trà triết lý của bà cùng nhau tút tút khuôn lên xe trượt tuyết những túi nhỏ và túi đi đường nhiều không đếm xiết của bà. Ngồi ngật ngưỡng một cách an

nhiên trên đỉnh chót vót của đồng tài sản đó bà già bé nhỏ trung hậu lên đường đi tới cảnh sông mới, với cái tốc độ quen lệ hai cây số một giờ.

Con Nhãi-ranh trở về muộn, nhưng lại đem cả bà già cùng với nó, bà đâm bổ vào phòng tôi, kêu khóc nức nở: bà đã bị mất cướp hết sạch sành sanh. Các chú bạn thân và bọn giúp đỡ tay chân của bà đã chủ tâm không đem ra xe trượt tuyết tất cả những rương hòm, va-li và túi của bà, chúng còn đem đi những chỗ khác nữa: thực là một trận cướp bóc vô sỉ. Lập tức tôi đánh thức Kalina Ivanovich, Zadorop, Taranet và chúng tôi tiến hành một cuộc khám xét toàn thể trong khắp trại. Chúng đã ăn cắp nhiều thứ đến nỗi chúng chưa kịp có thì giờ cất giấu hết được chu đáo. Tất cả những của cải của bà quản lý đều được thu hồi trong các bụi rậm, trên tầng áp mái các nhà kho trống, hoặc chỉ ngay ở dưới gầm giường và sau các tủ áo. Thì ra bà lão giàu thực: chúng tôi tìm thấy ước chừng một tá khăn trải bàn mới, vô số ga trải giường và khăn mặt, những cùi đĩa bạc, những bình nhỏ, một chiếc vòng tay, những hoa tai, và một đồng các thứ tạp nhạp khác.

Bà đang khóc ở buồng tôi. Dần dần các kẻ tội phạm bị bắt vào đây cả đấy, các chú xưa nay vẫn thân thiện và có cảm tình với bà.

Lúc đầu bọn trẻ còn chối, song thấy tôi la hét chúng đâm sợ, rồi việc được sáng tỏ mạnh mẽ. Thì ra các chú bạn thân ấy của bà lão không phải là thủ phạm chính. Chúng chỉ lấy vài thứ làm kỷ niệm, như một cái khăn trà hay một cái bình đựng đường. Kẻ đứng đầu tổ chức tất cả việc này té ra là thằng Burun. Sự phát hiện này làm cho nhiều người kinh ngạc, và trước hết là tôi. Ngay từ hôm đầu, tôi thấy Burun có vẻ có căn bản nhiều hơn những đứa khác, lúc nào hắn cũng nghiêm chỉnh, vừa hòa nhã vừa tử tế, học giỏi hơn tất cả mọi đứa ở trường, tỏ ra cần cù và chăm chỉ, tích cực hết sức trong việc học

Tính cách qui mô và óc thực tế trong hành động của hắn khiến tôi ngỡ người choáng váng: hắn đã cất giấu cả từng ba lô đồ đạc của bà già. Tất cả những vụ trộm ở trại từ trước đến giờ đều do tay hắn, không còn hồ nghi gì nữa.

Thế là sau cùng tôi đã lần tới được gốc rễ thực của tội ác! Tôi đưa Burun ra trước tòa án nhân dân của trại, phiên xử án đầu tiên trong lịch sử trại chúng tôi.

Các vị thẩm phán, cúi đầu những ghét và rách rưới tả tơi, đã an tọa trên các giường và bàn của phòng ngủ. Ngọn đèn dầu hỏa soi vào những bộ mặt kích động của các trại viên và mặt nhợt nhạt của Burun, người nặng nề thô kệch, cổ béo rụt, trông giống như tổng thống Mac Kinlay^[31] của nước Mỹ vậy.

- Tôi tìm được những lời phẫn nộ mạnh mẽ để phân tích tội ác trước bọn trẻ: tước đoạt của một bà già mà tất cả hạnh phúc thu lại chỉ còn có mớ đồ vải thảm hại này, tước đoạt của bà, trong khi ở trại không ai tỏ ra tốt bụng đối với chúng hơn bà ta, và làm như thế đúng khi bà cần đến sự giúp đỡ của mình, thì qua thực không có một tí gì là nhân đạo trong con người nữa, tỏ ra độc ác hơn cả rắn rết, hơn cả loài sâu bọ đê tiện nhất. Làm người phải tự trọng, phải tỏ ra hùng mạnh và kiêu hãnh, và đừng có lấy đến cái giẻ rách cuối cùng của những bà già tội nghiệp.

- Hoặc giả tài hùng biện của tôi đã gây được một ấn tượng mạnh mẽ, hoặc giả các trại viên đều đã tức giận đến tột độ, chúng cùng hung hăng đổ xô vào Burun một loạt. Thằng bé Bratsenkô, tóc lỏm chớm, giơ hai cẳng tay về phía Burun:

- Thế nào? Bây giờ mày trả lời ra làm sao? Phải tống mày vào tù, vào nhà giam tạm! Chính mày đã làm cho chúng tao chết đói, cũng chính mày ăn cắp tiền của bác Antôn Xêmiônovich.

Burun bỗng bật lên cãi:

- Tao lấy tiền của bác Antôn Xêmiônovich à? Mày thử đem chứng cứ ra xem!

- Tao sẽ có chứng cứ.
- Thách đấy!
- Mà bảo mà không lấy phỏng? Không phải mà phỏng?
- Sao lại là tao?
- Thì chính mà lấy!
- Tao đã lấy tiền của bác Antôn Xêmiônôvich à? Thế ai làm chứng?

Tiếng Taranet nổi lên ở sau lưng hắn:

- Tao làm chứng.

Burun bàng hoàng chứng hửng. Quay lại phía Taranet, han định nói câu gì, rồi khoát tay một cái:

- Được, đã thế thì cho là tao lấy đi. Nhưng mà tao đã trả lại rồi, có phải không nào?

Bọn trẻ trả lời hắn bằng một trận cười phá lên bất ngờ. Chúng rất thú vị vì câu chuyện trao đổi say sưa này. Taranet ra mặt anh hùng. Hắn tiến ra đứng phía trước.

- Nhưng dù sao thì cũng không nên tống cổ nó đi. Ai là kẻ không có điều gì tự trách? Nhưng cứ phải đả vào mõm nó một cú nên thân, nhất định thế thôi.

Mọi người đều im lặng. Burun từ từ đưa mắt lên nhìn bộ mặt tàn nhang của Taranet.

- Mõm tao ấy à, mà chưa đụng vào được đâu đấy nhé. Mà làm cái thá gì mà nhanh nhẩu tăng công thế? Mà chẳng vì thế mà trở thành giám đốc trại đâu. Bác Antôn có thể nện tao, nếu cần, chứ còn mà, thì can gì đến mà?

Vetkôpxki nhảy chồm lên:

- Thế nào cơ, “can gì đến chúng tao à”? Đây, anh em, có can gì tới chúng mình hay không thế?
- Can tới chúng mình lắm chứ! những đứa khác kêu lên. Cứ tấn mạnh hơn bác Antôn một tí cho nó bươu quả gáo lên thôi.

Có đứa đã nhảy sô vào Burun. Bratsenkô vung tròn cánh tay như máy xay gió sát tận mặt nó mà la om sòm:

- Phải tằm quất mà, tam quất mà một trận!

Zadôrôp thì thảo vào tai tôi:

- Bác lôi nó đi, không chúng giết nó mất.

Tôi kéo Bratsenkô ra xa Burun, Zadôrôp đẩy lùi hai ba đứa đang xông vào đánh, Chúng tôi chặt vật lăm mới dẹp được yên.

- Burun nói đi! Nó phải nói mới được! Bratsenkô kêu to lên.

Burun nghiêng đầu.

- Tôi chẳng có gì nói hết. Các cậu nói đều đúng cả. Để cho tôi một mình với bác Antôn Xêmiônôvich, rồi tùy ở bác muốn phạt tôi thế nào thì phạt.

Im lặng. Tôi tiến ra cửa, chỉ sợ không ngăn chặn nổi cho khỏi trào ra ngoài cơn tức giận đang sôi sục trong người tôi thành những đợt sóng man rợ. Các trại viên dẹp ra hai bên lấy lối cho Burun và tôi đi.

Chúng tôi lặng lẽ đi qua sân đen tối chìm ngập dưới những đồng tuyết: tôi đi trước, hắn theo sau.

Lòng tràn đầy một sự tởm ghét ghê gớm, tôi thấy Burun khác nào một cửa vút bỏ bản thủ nhất mà đồng rác nhân loại có thể có được. Tôi không biết xử trí với nó thế nào. Nó đã trôi giạt đến trại

nguyên do là thành phần một bọn trộm cướp, mà số lớn những đứa thành niên đã bị xử bắn. Nó mười bảy tuổi.

Burun đứng gần cửa, không nói năng gì. Ngồi ở bàn giấy, tôi chỉ muốn quăng một vật gì nặng vào người nó, để chấm dứt cuộc nói chuyện cho xong.

Sau cùng nó ngẩng đầu lên, nhìn chăm chăm vào mắt tôi, và nói thông thả, dần từng tiếng một, khó khăn lắm mới khỏi bật lên tiếng khóc:

- Tôi... sẽ... không bao giờ... ăn... cắp... nữa.
- Mày nói dối! Mày đã hứa như thế ở Ủy ban rồi.
- Đây là ở Ủy ban, nhưng bây giờ là hứa với bác! Bác muốn phạt thế nào thì phạt, nhưng bác đừng đưa tôi ra khỏi trại.
- Thế mày thấy có cái gì là thích thú ở đây?
- Tôi thích ở đây. Ở đây được làm việc. Tôi muốn học. Tôi đã ăn cắp là vì lúc nào tôi cũng voi bụng.
- Thôi được. Mày sẽ phải giam ba ngày, chỉ được ăn bánh suông với nước lã thôi. Và đừng có mà đụng đến thằng Taranet!
- Xin vâng.

Burun chịu giam ba ngày đầy đủ trong một buồng nhỏ liền bên phòng ngủ, buồng của các viên giám thị trại cũ.

Tôi thôi không khóa cửa rôt nó, vì nó đã lấy lời danh dự hứa rằng so không ra khỏi buồng nếu không được phép của tôi. Hôm đầu, tôi thực sự phạt nó ăn bánh suông và uống nước lã, nhưng hôm thứ hai tôi thương hại nó và cho đem đủ suất bữa ăn cho nó. Burun làm ra bộ kiêu hãnh từ chối, nhưng tôi quát lên với nó:

- Trò khỉ! Mày lại còn kiêu cách hử!
- Nó mỉm cười, vắn vẹo đôi vai, rồi nắm lấy cái thìa.

Burun giữ lời: từ đấy không bao giờ nó ăn cắp một cái gì nữa, ở trại cũng như ở những nơi khác.

5. VIỆC QUỐC GIA

Vào cái hồi mà những trẻ nuôi của chúng tôi đối với tài sản của trại chỉ tỏ thái độ thờ ơ, thì ở bên ngoài có những lực lượng hết sức chú ý đến nó.

Chủ lực của những lực lượng đó được phân bố trên con đường cái đi Khackôp. Trên đường ấy hầu như không có đêm nào là không có người bị cướp bóc. Cả từng đoàn xe chở hàng của các dân làng bị một tiếng súng ngắn nòng chặn đứng lại, rồi không để mất thì giờ nói dài dòng, bọn kẻ cướp thọc những bàn tay không phải cầm khí giới vào lòng các phụ nữ ngồi trên xe, trong khi các ông chồng, kinh hoàng hết sức, cứ lấy cán roi ngựa vụt đen đét vào cổ giày ống của mình mà ngạc nhiên rằng:

- Biết đâu mà ngờ kia chứ? Mình đã giấu tiền vào chỗ chắc nhất, vào bụng vợ mình, thế mà bọn chúng nó lại sục đúng vào chỗ đó mà tìm, thử hỏi có tin được hay không!

Những hành động cướp bóc có thể nói là tập thể ấy không bao giờ đi tới chỗ “lưu huyết”. Các bác dân quê sau khi bắt buộc phải đứng yên một chỗ trong khoảng một giờ mà bọn cướp giao hẹn, một khi hoàn hồn rồi liền kéo nhau đến trại, sôi nổi thuật lại mọi chuyện cho chúng tôi nghe. Tôi tập hợp đội ngũ vũ trang bằng gậy gộc, đem theo khẩu súng lục; chúng tôi chạy băng ra phía đường cái và sục vào rừng tuần tiểu hồi lâu. Song những cuộc lùng tìm của chúng tôi chỉ thành công có một lần: cách đường cái năm trăm thước, chúng tôi bắt gặp một nhóm người ẩn nấp sau những đồng tuyết trong rừng. Đáp lại tiếng bọn trẻ reo hò, chúng tôi bắn một phát súng rồi chạy tán tác, nhưng cũng tóm được một tên và điệu y về trại. Trên người y không thấy có súng ngắn nòng, cũng không có một tang vật gì hết, và y khẳng khăng chối cãi tất cả mọi điều. Tuy nhiên, đem giao nộp y cho cục Cảnh vụ thì người ta nhận ra y là một tên cướp nổi tiếng, và cả bảy đoàn y đều bị bắt theo y. Ủy ban chấp hành tỉnh Pontava cấp cho trại Gorki một chứng chỉ ghi nhớ công ơn về việc đó.

Song những cuộc đánh chặn trên đường cái vẫn không đình chỉ. Cuối mùa đông, bọn trẻ của chúng tôi bắt đầu tìm thấy dấu vết những tán bị kích ban đêm mà món “tiết” đã có chảy. Một lần, chúng tôi bất thành linh trông thấy một bàn tay thò lên mặt tuyết giữa những cây thông. Bớ lên thì thấy một người đàn bà bị giết bởi một phát súng vào giữa mặt. Ở một chỗ khác, ngay gần đường cái, giữa bụi rậm, là một người đàn ông mặc quần xà-ích, bị vỡ sọ. Một sớm mai kia, ngủ dậy, chúng tôi thấy gì? Hai người chết treo nhìn chúng tôi, từ ngoài ven rừng. Ròng rã trong hai ngày đợi ông dự thẩm đến, họ cứ lủng lẳng ở trên cảnh nguyên đấy, giương mắt trợn trừng ngắm cuộc sống của trại.

Các trại viên theo dõi những sự ấy, không chút sợ hãi, mà còn thực tình thích thú. Đến mùa xuân, khi tuyết tan, chúng bắt đầu đi tìm những xương sọ bị cáo găm, móc vào đầu gậy và đem về, mục đích chỉ cốt là cho Lidia Pêtrôpna hoảng sợ. Tình hình chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ khiến các giáo viên sống trong kinh hoàng, đêm đêm run sợ, thấp thỏm lo thấy một bầy cường đạo xông ủa vào trại một lúc nào đấy và bắt đầu giết chóc. Sợ hãi nhất là vợ chồng Ôtxipốp, vì mọi người đều cho rằng họ có nhiều thứ đáng bị cướp.

Một buổi chiều vào cuối tháng hai, chiếc xe tải đồ của chúng tôi ở tỉnh trở về với cái tốc độ như rùa của nó, đi đến chỗ quặt cuối cùng trước khi tới trại thì bị chặn đứng lại. Nó chở lúa mạch xay dổi và đường kính, là những vật phẩm không hiểu tại sao không được bọn cướp màng tới. Ngoài cái tàu thuốc, Kalina Ivanôvich chẳng đem theo vật gì quý giá hết. Tình hình ấy khiến bọn cướp nổi giận là phải: chúng đánh vào đầu bác và bác ta ngã lăn xuống tuyết, nằm phục ở đấy cho tới khi chúng mất hút. Gut, là người được trại giao cho nhiệm vụ thường xuyên trông coi con Nhãi-ranh, trong vụ này chỉ đóng vai trò chứng kiến. Về đến trại, cả hai tha hồ kể chuyện dài dòng. Kalina Ivanôvich miêu tả theo lối bi kịch; còn Gut thì theo lối hài hước. Nhưng có điều này là được toàn trại đồng thanh quyết nghị: từ nay bao giờ cũng cứ phải một đội trại viên đi đón xe tải.

Chúng tôi làm như vậy trong hai năm. Chúng tôi gọi những cuộc xuất chinh ấy theo danh từ quân sự là: đi “chiếm lĩnh đường cái”.

Huy động khoảng mười người. Thỉnh thoảng, tôi cũng tham gia, vì tôi có khẩu súng lục. Tôi không thể phó thác nó cho bất cứ trại viên nào, mà không có thứ vũ khí ấy thì lực lượng đội của chúng tôi xem chừng yếu. Chỉ có Zăđôrôp là một đôi khi được tôi giao súng cho, và hắn kiêu hãnh đeo nó trên bộ quần áo rách mướp của hắn.

Canh gác trên đường cái là một việc thích thú nhất hạng. Chúng tôi bố trí suốt dọc đường trên quãng một cây số rưỡi, từ chiếc cầu qua sông con đến chỗ quặt vùng gần trại. Bọn trẻ bị rét cứng, vừa nhảy cẫng trên tuyết vừa hô gọi nhau để khỏi mất liên lạc, tiếng hú như báo hiệu một cái chết chắc chắn trong trí tưởng tượng của người lữ khách chiều hôm lữ bước. Những người dân làng ở tỉnh về ra sức vung tay quát ngựa lia lịa, lẳng lẳng cho xe phi nước đại, dọc theo những bóng người thấp thoáng cứ thay phiên nhau đều đều kia, mà trông vẻ ngoài thực là bất lương hết sức. Các vị quản lý nông trường quốc doanh và các nhà chức trách vừa phóng xe ngựa nhẹ hết tốc lực vút qua gió bão, vừa cố ý phờ ra cho các trại viên trông những súng hai nòng và những súng tòi ngắn nòng của các ông. Còn các khách bộ hành thì ngừng lại ở gần cầu và đợi có thêm bạn đường mới nữa.

Khi có tôi ở đấy, các trại viên không bao giờ giờ những trò tai quái ra, nhưng vắng mặt tôi thì chúng không từ đùa bỡn nhả nhót, dọa khách đi đường, thành thử không bao lâu Zăđôrôp không chịu nhận súng lục nữa, đòi tôi thế nào cũng phải ra đường cái. Thế là đội xuất phát lần nào cũng có tôi, nhưng dù vậy, tôi cũng cứ trao súng lục cho Zăđôrôp, để hắn khỏi mất cái thú đáng được hưởng ấy.

Hễ thấy bóng con Nhãi-ranh của chúng tôi ló ra là chúng tôi tiếp đón nó bằng câu hô:

- Đứng lại! Giơ tay lên!

Nhưng Kalina Ivanôvich chỉ tùm tùm cười và bắt đầu châm tẩu thuốc, với một vẻ hăng hái đặc biệt. Bác cứ châm như vậy cho đến khi về tới trại, vì thực đúng là trường hợp nên dùng câu tục ngữ Ukren rất quen thuộc:

- Tôi đã đi bảy dặm đường, vừa đi vừa bật lửa mà chẳng biết lửa có bắt không.

Đội chúng tôi cứ lần lần chuyển về theo con Nhãi-ranh và cả bọn vui vẻ đi trở lại con đường về trại, vừa đi vừa hỏi Kalina Ivanôvich những tin tức này nọ về việc cung cấp lương thực.

Cũng trong mùa đông ấy, chúng tôi hoạt động sang một mặt khác, lần này vượt ra ngoài phạm vi trại, và có một ý nghĩa lợi ích quốc gia. Một nhân viên kiểm lâm đến trại yêu cầu chúng tôi canh rừng: cây bị chặt trộm nhiều quá và nhân viên có ít, ông ta không trông coi xuể được.

Việc canh gác rừng, tài sản quốc gia, nâng cao giá trị của chúng tôi lên rất nhiều ngay trong con mắt của chính chúng tôi, nó cung cho chúng tôi một công tác vô cùng lý thú, và sau cùng, đem lại cho chúng tôi những thuận lợi lớn.

Đêm. Ngày sắp rạng, nhưng trời vẫn còn tối mịt. Một tiếng gõ vào cửa kính làm tôi bật thức dậy. Tôi nhìn ra: sau cửa kính, qua riềm sương băng trông như mạng dăng-ten, thấy in hình lò mờ một cái mũi hếch và một cái đầu bù xù.

- Có chuyện gì thế?

- Bác Antôn Xêmiônôvich, người ta đang đốn cây trong rừng.

Tôi thấp đèn đêm lên, mặc áo vội vàng, lấy khẩu súng lục với một khẩu hai nòng, và ra đi. Hai tay đại ham thích những cuộc xuất phát ban đêm đang đứng chờ tôi trên bậc thềm: Burun và Sêlaputin, một chú bé nhỏ xíu, ngay thật và rất ngây thơ.

Burun đỡ lấy khẩu súng hai nòng ở tay tôi và chúng tôi đi về phía rừng.

- Ở đâu thế?

- Thì bác nghe đây...

Chúng tôi dừng lại. Thoạt đầu, tôi không nghe thấy gì hết, rồi dần dần, giữa những tiếng động không thể nhận ra được của rừng khuya và hơi thở của chúng tôi, tôi bắt đầu phân biệt một thứ tiếng đùng đục, rất mong manh, báo hiệu một tiểu phu đang làm việc. Chúng tôi khom lưng tiến lên. Cảnh của những cây thông nhỏ cào sát mặt chúng tôi, giập mắt kính trên mũi tôi, và rắc tuyết lên người chúng tôi. Tiếng rìu có lúc chợt dứt quãng, chúng tôi lạc hướng và kiên nhẫn đợi. Rồi nó lại tiếp tục, nghe rõ và gần hơn.

Phải làm thế nào đi tới tận nơi mà đừng lộ mình, để tên trộm khỏi trốn chạy. Burun bước nhanh nhẹn với dáng đi khạng lạng như một con gấu, Sêlaputin nhỏ xiu, lon ton theo sau, co ro trong cái “áo tổ đĩa”. Tôi đi tập hậu.

Sau cùng, chúng tôi tới đích đây rồi. Chúng tôi nấp sau thân một cây thông. Một cây rất đẹp và thẳng tắp đang rung rung, dưới gốc, một bóng người bụng nịt chặt dây lưng. Người đó bỏ vài nhát e dè và không chắc tay, đứng thẳng người lên, nhìn quanh một lượt, rồi lại tiếp tục làm việc. Cách chỗ hẩn ta độ năm bước, Burun, ngón tay đặt trên cò súng, đôi nòng súng héch lên cao, nhin thờ nhìn tôi. Sêlaputin đứng nép sau tôi, cúi xuống vai tôi, nói thì thào.

- Được chưa? Có thể chứ, bác?

Tôi gạt đầu. Sêlaputin kéo ống tay áo Burun.

Phát súng bùng lên, như một tiếng nổ ghê gớm, vọng mãi ra xa trong rừng thẳm.

Người cầm rìu ngã ngòì xuống, vì phản ứng. Im lặng.

Chúng tôi tiến đến gần. Sêlaputin đã biết mình phải làm gì rồi: cái rìu đã nằm gọn lỏn trong tay hẩn. Burun chào vui vẻ:

- A, a! Mutxi Kacpôvich, chào bác nhé!

Hẩn vỗ nhẹ vào vai Mutxi Kacpôvich, nhưng bác ta chẳng còn tâm thần nào đáp lại câu chào. Bác ta run lật bật và bất giác giữ tuyết trên tay áo trái.

Tôi hỏi:

- Ngựa để cách đây có xa không?

Mutxi Kacpôvich vẫn im lặng, nhưng Burun đáp thay bác:

- Ngựa kia kia! Này, ai đây? Quay lại đây!

Mãi đến bây giờ, tôi mới thấy rõ giữa những cây thông nhằng nhịt một cái đầu ngựa và một cái ách càng xe.

Burun nắm cánh tay người kia:

- Mutxi Kacpôvich, xin phiền bác bước lên xe long mã cho: ban cấp cứu đã tới đó.

Đến lúc này, Mutxi Kacpôvich mới tỏ dấu hiệu là còn sinh khí. Bác nhắc chiếc mũ lông, lùa tay vào tóc và lằm bằm, không nhìn ai hết:

- Ô, lạy chúa tôi. Trời ơi!

Chúng tôi đi ra xe trượt tuyết.

Đôi “sừng” của xe thông thả quay và bọn chúng tôi lần theo một vết xe chỉ con in rất lờ mờ trong tuyết sâu và xộp. Một chú bé mười bốn tuổi, đội một chiếc mũ lông to tướng, chân đi ủng, vừa mấp

mấy môi thúc con ngựa nhỏ vừa giật dây cương một cách buồn rầu. Nó luôn luôn nheo mắt, vẻ rất bối rối. Chúng tôi im lặng.

Ra đến ven rừng, Burun cầm lấy dây cương ở tay đứa bé.

- Đây, không phải đường ấy nhé. Nếu mày chờ gỗ thì mới đi lối đó, nhưng chờ thầy mày thì phải đi lối này kia.

- Về trại à? – thằng bé hỏi – nhưng Burun không trả lại dây cương, và cho ngựa rẽ sang đường của chúng tôi.

Trời bắt đầu hửng sáng.

Mutxi Kacpôvich bỗng chặn cánh tay Burun ghìm ngựa lại, và tay kia nhắc chiếc mũ lông.

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác tha cho tôi đi! Đây là lần đầu tiên... chúng tôi thiếu gỗ... Bác tha cho tôi!

Burun không bằng lòng, giằng tay cho bác ta buông dây cương ra, nhưng hắn cũng không thúc ngựa chạy. Hắn đợi xem tôi nói ra sao.

- Không được, bác Mutxi Kacpôvich ạ, tôi nói, chả làm thế nào được cả. Phải lập biên bản thôi; đây là một việc liên quan đến Nhà nước, bác cũng biết rõ đấy.

- Mà cũng chẳng phải là lần đầu tiên đâu; giọng nam cao trong như tiếng bạc của Sêlaputin cất lên chào đón bình minh. – Chẳng phải là lần đầu, mà là lần thứ ba: thoát tiên là thằng Vaxilli nhà bác bị tóm, rồi đến...

Burun ngắt đoạn bài ca du dương trong sáng ấy bằng cái giọng trầm khàn khàn của hắn:

- Chẳng lẽ đứng ở đây à? Còn mày, thằng Andre, tẩu về nhà mày đi, mày chả được cái nghề ngỗng gì trong việc này đâu. Về mà bảo bu mày rằng thầy mày bị tóm rồi nhé. Bu mày hãy gửi cái gì đến cho thầy mày ăn.

Andre hoảng sợ, nhảy xuống xe trượt tuyết và chạy bay về phía các thôn trang. Chúng tôi tiếp tục đi. Một tốp trẻ đón chúng tôi ở cổng trại.

- Ô! Lại cứ tưởng mấy bác cháu bị họ hạ ngoài ấy mất rồi. Đã định chạy đi cứu.

Burun cười:

- Cuộc tác chiến đã tiến hành thành công ghê gớm.

Một đám đông tụ tập trong buồng tôi. Mutxi Kacpôvich thất vọng ngồi vào một chiếc ghế dựa ở trước mặt tôi, còn Burun ôm súng ngồi bên lò sưởi. Sêlaputin thì thảo kế cho các bạn nghe câu chuyện ghê gớm về cuộc báo động đêm qua. Hai đứa trẻ đã leo lên giường tôi, những đứa khác ngồi trên các ghế dài và chăm chú theo dõi các thủ tục lập biên bản.

Một tờ biên bản cực kỳ rạch ròi, tỉ mỉ.

- Bác có mười hai dêxiatin^[32] ruộng đất, với ba con ngựa phải không?

- Lấy đâu ra lắm ngựa thế? Mutxi Kacpôvich rên rỉ. Chỉ có một con nghèo... mới được hai năm...

- Ba con, ba con, Burun vừa nhấn mạnh vừa vỗ nhẹ vào vai bác ta.

Tôi vẫn tiếp tục viết:

- "...đường kính thân cây chặt là 27 phân..."

Mutxi Kacpôvich giơ tay ra:

- Bác nói thế nào kia, cầu Chúa xá tội cho bác, bác Antôn Xêmiônôvich ạ! Thân cây nào 27 phân?

Ở đằng ấy, ngay đến cây 18 phân cũng chẳng có nữa là.

Sêlaputin bỗng ngắt đoạn câu chuyện thì thầm, đưa hai tay ra hiệu xấp xỉ bằng nửa thước, và cười vào mặt Mutxi Kacpôvich một cách xác xược:

- Như thế này nhé! Thế này nhé? Có phải không?

Mutxi Kacpôvich ngảnh mặt đi để khỏi thấy nụ cười của hắn, và đành chịu nhìn ngọn bút tôi chuyển động.

Biên bản đã xong, Mutxi Kacpôvich cáo biệt ra về, về tức tối, bắt tay tôi và bắt tay cả Burun, coi như đứa lớn nhất trong bọn.

- Các chú làm như thế là sai đấy, các chú ạ! Phải để cho mọi người sống chứ.

Burun cúi rạp xuống chào bác ta:

Dạ, không sao, lúc nào cũng xin sẵn sàng hầu bác ạ... – Và hắn chợt nhớ ra: – À mà, bác Antôn Xêmiônôvich, còn cây thì sao?

Chúng tôi suy nghĩ. Thực sự, cây đó đã bị chặt gần đứt, ngày mai đây, bẽ nào rồi cũng bị người ta hạ và lấy trộm mất thôi. Không đợi cho chúng tôi nghĩ xong, Burun đi ra phía cửa. Đi qua mặt Mutxi Kacpôvich đang ngẩn ngơ hồi tiếc, hắn giáng cho bác ta một vố cuối cùng:

- Chúng tôi sẽ đem ngựa về trả bác, bác đừng lo. Nào các cậu, ai đi với mình? Được rồi, sáu người là đủ. Trên xe trượt có cái dây thừng nào không, bác Mutxi Kacpôvich?

- Dây buộc ở mấu gỗ xe ấy.

Mọi người giải tán. Một giờ sau, một thân cây thông lớn được đưa về: đó là phần thưởng của chúng tôi. Ngoài ra, theo một tục lệ cũ, cái rìu cũng ở lại với chúng tôi. Thời gian sẽ trôi như nước chảy qua cầu, nhưng mãi rất lâu về sau, người ta vẫn cứ còn nghe thấy các trại viên giải quyết những câu chuyện nội bộ của trại, bảo nhau rằng:

- Có ba cái rìu. Tao đã đưa cho mày ba cái. Đây là hai, thế còn cái thứ ba đâu?

- Cái thứ ba nào?

- Cái nào à? Cái của Mutxi Kacpôvich, mà mình đã lấy của lão ta hồi trước ấy thôi.

Sự thuyết phục đạo đức và sự tức giận chính thực không có hiệu quả bằng cuộc vật lộn đầy hứng thú và rất là thực tế đó, để làm nảy nở những mầm mống đầu tiên của tinh thần tập thể. Buổi tối nào chúng tôi cũng tranh cãi, cười đùa, và ý nghĩ tếu của chúng tôi được tha hồ buông thả trên đề mục những câu chuyện mạo hiểm của chúng tôi; những hồi mê ly rùng rợn khiến chúng tôi rung động, chúng tôi hòa thành một khối duy nhất, mà tên khối ấy là trại Gorki.

6. CHIẾM ĐƯỢC CÁI THÙNG SẮT

Trong khoảng thời gian ấy, trại chúng tôi dần dần bắt đầu phát triển về mặt vật chất. Sự nghèo khổ đến cùng cực, những chầy rặn với những bàn chân cồng buốt nứt nẻ đều không ngăn cản chúng tôi mơ ước một tương lai tốt đẹp hơn. Mặc dầu con Nhãi-ranh ba chục tuổi và cái máy gieo hạt cũ kỹ của chúng tôi khiến chúng tôi ít hi vọng phát triển được nông nghiệp ở trại, song những mơ mộng. Con ngựa già biểu thị một động lực ít thích hợp quá đối với công việc canh tác, thậm chí chỉ có óc tưởng tượng mới có thể vẽ nổi bức tranh này: con Nhãi-ranh thắng vào một cái cày. Và chẳng các trại viên bị đói, thì con Nhãi-ranh cũng đói. Chúng tôi vất vả lắm mới kiếm được rơm, và thỉnh thoảng được cỏ khô cho nó ăn. Gần suốt mùa đông, phải đi đâu với nó không còn là chuyến du ngoạn nữa mà là một cực hình. Cánh tay của Kalina Ivanôvich lúc nào cũng đau ê ẩm vì cứ buộc phải vung tròn cái roi quát ngựa để không ngừng đe dọa nó, nếu không con Nhãi-ranh chỉ đứng ý ra đấy thôi.

Sau nữa, đất ở trại không thích hợp cho việc canh nông: toàn là cát mà một trận gió rất nhẹ cũng đủ cuốn lên, chất thành gò đồng.

Cho đến ngày nay, tôi cũng vẫn còn không hiểu rõ làm sao trong những điều kiện như thế, chúng tôi lại đi lao mình vào một cuộc phiêu lưu hiển nhiên, tuy vậy mà lại làm cho chúng tôi nổi cơ đồ.

Công cuộc đó bắt đầu bằng một câu chuyện buồn cười.

Vận may bỗng mỉm cười với chúng tôi: chúng tôi nhận được một cái phiếu lấy gỗ sồi. Phải vào khu rừng được phép đốn gỗ mà trực tiếp lấy về. Khu rừng ấy ở trong ranh giới Xô-viết thôn chúng tôi, nhưng từ trước cho đến bây giờ, chúng tôi chưa hề có dịp nào đi về phía đó.

Sau khi thỏa thuận với hai người láng giềng trong trang ấp, chúng tôi đi với ngựa của họ vào cái xứ lạ ấy. Trong khi những người đánh xe lẳng xăng đi lại trong khu rừng, chất lên xe trượt tuyết những súc gỗ sồi lớn và bàn cãi với nhau rằng, súc này hay súc nọ dọc đường sẽ lăn hay không lăn khỏi xe, thì Kalina Ivanôvich và tôi lưu ý đến một rừng bạch dương nhô lên khỏi đám lau sậy bên bờ sông đóng băng.

Sau khi đi qua mặt băng và lần theo một lối đi nhỏ bị lấp trong cây cối rậm rạp để leo lên một đỉnh đồi, chúng tôi thấy mình lạc vào một giang sơn chết: một chục ngôi nhà lớn nhỏ, xưởng trống và lều tranh, nhà ngang dãy dọc, điêu tàn đổ nát. Tất cả đều cùng chung một cảnh tiêu điều phá phách: từng đồng gạch và đất sét bị tuyết rắc lên, nằm chết ở những chỗ xây lò sưởi; sàn nhà, cánh cửa, cửa sổ, cầu thang, đều mất sạch. Một số lớn vách ngăn và trần nhà cũng bị gãy nát và ở nhiều nơi, những tường gạch và chân móng đã bắt đầu bị phá hủy. Cái chuồng ngựa rộng mênh mông chỉ còn sót lại có hai bờ tường dọc, bên trên còn một cái thùng sắt rất đẹp, dáng hình vừa mới sơn xong, treo lơ lửng giữa trời, vẻ đáng thương và vô lý hết sức. Trong tất cả cái cơ ngơi này, chỉ có nó là gây ấn tượng một vật sinh động, còn mọi thứ khác đều có vẻ là xác chết.

Nhưng đây là một xác chết phú gia: một bên dựng lên một ngôi nhà gác, mới nguyên, tường còn chưa trát vữa, kiến trúc muốn ra vẻ mỹ quan. Các phòng khang trang rộng rãi, trần cao và còn giữ được những ô kê xoi, ở các đầu cửa sổ có những gờ tường bằng cẩm thạch. Ở đầu kia sân có một cái chuồng ngựa cũng mới tinh, xây bằng bê tông rỗng. Và khi nhìn gần cho kỹ hơn thì thấy ngay cả những tòa nhà hủy hoại cũng nổi bật lên về xây dựng kiên cố, với những dầm gỗ sồi vững vàng, những đầu nối chắc nịch, những cầu phong thanh tú, những đường thẳng chính xác tăm tắp. Cái cơ cấu kinh tế cường tráng này không phải chết vì già cỗi và bệnh hoạn: nó đã bị bật đi giữa lúc sinh lực đang nảy nở dồi dào mạnh mẽ.

Kalina Ivanôvich vừa ngăm nhìn tất cả những của cái ấy vừa không ngớt miệng nói quang quác:

- Này anh, hãy nhìn tất cả mà xem: Kìa sông, kìa vườn cây ăn quả và những cánh đồng có mới đẹp làm sao chứ?

Con sông nhỏ ôm vòng ba mặt dinh cơ tài sản, lượn quanh một ngọn đồi khá cao, một điểm đột xuất ít thấy trong vùng đồng bằng của chúng tôi. Vườn cây quả chạy dài ba đợt xuống đến bờ sông: đợt cao nhất là trồng anh đào, đợt sau trồng lê táo và đợt cuối cùng là một vườn hắc phúc bồn thực sự.

Trong sân thứ hai có một nhà máy xay gió lớn bốn tầng, vẫn chạy như thường. Những người xay bột cho chúng tôi biết rằng, tài sản này trước kia của anh em nhà Trepkơ. Chúng đã đi theo đội quân của Đênikin,^[33] bỏ lại nhà cửa đầy ních của cải. Những của cải này đã từ lâu đi theo các ngã đường sang Gônstarôpka, làng bên, và vào các trang ấp quanh vùng. Và bây giờ thì đến lượt các nhà gạch cũng di cư nốt.

Kalina Ivanôvich diễn thuyết thẳng một hồi dài:

- Đồ mọi rợ, anh có thấy không, đồ khốn nạn, đồ ngu xuẩn! Một cơ ngơi giàu có như vậy, để cho chúng mày chứ cho ai! Nào buồng ở, nào chuồng ngựa! Cái giống con nhà giăng hủ, thì sao mày không cứ đến đây mà sống chứ, vào đây mà ở, mà quét tước dọn dẹp, mà đun bình cà phê, mày lại đi lấy rìu bổ cho bật một cái khuôn cửa ra như thế này, tao bắt được quả tang, quân khốn kiếp. Tại sao mày làm thế chứ? À, mày cần đun dư nồi thịt kho của mày, vì đáng lẽ đi nhặt củi thì... cho thịt kho làm mày chết ghen đi, đồ đồn mạt, đồ xuẩn ngốc! Cứ như vậy thì quân này để ra ngu như thế nào, lúc chết cũng ngu như thế mà thôi, anh có thấy không, cách mạng nào cũng là vô ích cho cái ngựa đó. Hừ, quân côn đồ, hừ, quân chó chết, quân trời đánh thánh vật! Thế nào, mày trả lời tao làm sao?... Này, anh bạn, – Kalina Ivanôvich bỗng hỏi một người trong bọn – anh hãy làm ơn cho tôi biết muốn lấy cái thùng này thì phải hỏi ai? Kìa kìa, cái thùng bày mặt hàng ở trên chuồng ngựa đó. Bè nào rồi thì nó cũng đến téch mà không để lại địa chỉ mất thôi.

- Cái thùng kia ấy à, nào ai biết được! Về việc này thì Xô-viết thôn quản lý...

- À! Tốt lắm, Kalina Ivanôvich nói, rồi chúng tôi đi bộ ra về.

Vừa đi theo sau xe trượt tuyết của các bạn láng giềng trở về nhà, trên con đường bằng phẳng của những ngày sắp sang xuân Kalina Ivanôvich vừa nuôi cái mộng đẹp để này: làm thế nào để xin được cái thùng kia, khiêng nó về trại, đặt nó lên tầng kho áp mái nhà giặt để biến buồng đó thành nhà tắm thì tốt biết bao!

Sáng hôm sau, lại đi đồn gỗ, Kalina Ivanôvich vừa cài khuy áo cho tôi vừa nói:

- Cậu này, cậu hãy làm cho mình một cái giấy, để đến nói chuyện với Xô-viết thôn. Họ cần gì đến một cái thùng sắt, khác nào một con bê có cần gì đến dây đeo quần mà chúng tôi thì sẽ có buồng tắm...

Để làm vui lòng bác ta, tôi viết cho bác ta tờ giấy. Đến tối, Kalina Ivanôvich trở về, tức điên ruột:

- Cái lũ ăn hại ấy! – Họ chỉ nhìn thấy lý luận mà không thấy thực tế. Họ bảo – rõ cái đồ khi- rằng cái thùng kia là của Nhà nước. Anh có thấy ai ngu xuẩn đến thế bao giờ không? Anh viết đi, để tôi lên Ban chấp hành xã.

- Ở đâu thế? Xa hai mươi dặm. Bác đi bằng cách nào?

- Có một chú nọ đi lên đấy. Chú ta cho tôi đáp xe.

Dự kiến xây nhà tắm, do Kalina Ivanôvich tung ra, khiến các trại viên rất thích thú, nhưng chẳng ai tin rằng sẽ xin được cái thùng.

- Thì ta cứ liệu xoay xở mà không cần đến nó. Ta có thể làm lấy một cái thùng bằng gỗ.

- Hừ, mày thì hiểu cái quái gì! Người ta đã làm ra những thùng sắt, thì là có dụng ý cả đấy chứ. Tao

ây à, cứ gọi là tao sẽ moi cả mề lẩn ruột bọn ăn hại ấy, với cái thùng sắt ấy cho mà xem...

- Thế bác sẽ khuôn nó về bằng cái gì? Để cho con Nhãi-ranh kéo nó à?

- Sẽ khuôn được! Có máng thì sẽ có lộn.

Kalina Ivanovich ở Ban chấp hành xã trở về, quên hết cả mọi tiếng nói, chỉ trừ có những lời chửi rủa...

Suốt một tuần lễ, bị các trại viên cười giễu, bác cứ luẩn quẩn vương chân tôi để nài nỉ:

- Anh viết cho tôi một chữ để lên Ban chấp hành huyện.

- Thôi đi, Kalina Ivanovich, để cho tôi yên, còn nhiều việc quan trọng hơn cái thùng của bác.

- Anh viết đi, anh mất cái gì kia chứ? Anh thương tiếc giấy à, hay làm sao? Làm đi, rồi anh xem, tôi sẽ đem cái thùng về cho anh.

Tôi lại cho bác ta tờ giấy đó. Kalina Ivanovich sau cùng mỉm cười, nhét giấy vào túi:

- Không thể có luật lệ nào bảo rằng phải để cho đồ vật bị mất mát, vì thiếu người trông nom. Chúng ta đâu còn ở thời đại các Sa hoàng.

Đêm khuya lắm, Kalina Ivanovich mới trở về, chẳng buồn qua thăm tôi, cũng chẳng qua phòng ngủ. Mỗi sáng hôm sau, bác mới đến buồng tôi, vẻ kiêu kỳ lạnh lẽo, dáng điệu làm bộ như một nhà quý tộc, nhìn một cỏi xa vời tí tắp nào qua cửa sổ.

- Chả ăn thua gì, – bác nói gọn lỏn, chìa cho tôi xem tờ giấy.

Ngang qua lá đơn trình bày rất tường tận của chúng tôi, người ta đã gạch mực đỏ một lời phê sắc gọn, đánh thép, không kêu vào đâu được, đến khiến phát tức lên:

“Bác đơn”.

Kalina Ivanovich đau tê tái vì chuyện ấy mãi. Bác mất hẳn cái phong thái ông già hoạt bát đáng yêu suốt trong hai tuần lễ.

Chủ nhật sau, nhân khi tiết trời tháng ba đã trêu cợt mạnh những đồng tuyết, tôi rủ vài đứa trẻ đi chơi loanh quanh vùng. Chúng kiếm ít quần áo ấm mặc vào, rồi chúng tôi ra đi...tới trang ấp nhà Trepko.

- Mà sao lại không lập trại của chúng ta ở đây nhỉ, tôi chợt nghĩ và thốt ra lời như vậy.

- Ở đây là chỗ nào?

- Kia kia, trong các nhà này chứ đâu.

- Thế nào ạ? Nhà không ở được...

- Thì ta sẽ sửa chữa.

Zadôrôp cười phá lên và vừa chạy vào trong sân vừa quay chong chóng.

- Ở nhà còn ba tòa nhà chưa sửa chữa. Suốt mùa rét đã động tới được đâu.

- Đúng rồi, nhưng giá thử ta cứ tu sửa thì sao.

- Ồ, nếu thế thì phải biết là trại đẹp nhé! Có sông, có vườn cây quả, có nhà xay.

Vừa đi vừa thơ thẩn giữa những đồng hoang tàn, chúng tôi vừa xây mộng: chỗ này là những phòng ngủ, chỗ này là phòng ăn, nhà kia làm câu lạc bộ thì tuyệt, còn đây là trường học.

Đi chơi về, chúng tôi mệt nhọc nhưng lòng đầy hăng hái. Ở phòng ngủ, mọi người thảo luận ồn ào và đi sâu vào từng chi tiết nhỏ nhặt về chuyện thiết lập trại tương lai. Trước khi giải tán Êkatêrrina Grigôriepna nói:

- Nhưng này các chú, các chú không biết rằng, dựng trong đầu óc những ước mơ không thực hiện được là không tốt hay sao. Như thế không bôn-sê-vích đâu.

Mọi người trong phòng ngủ lặng im bứt rứt.

Tôi nhìn thẳng vào mặt Êkatêrina Grigôriepna bằng một cái nhìn giận dữ, và đấm tay xuống bàn nói với chị ta:

- Còn tôi, thì tôi bảo chị rằng, trong một tháng nữa trang ấp ấy sẽ về tay ta! Như thế có bôn-sê-vích không?

Bọn trẻ cười rộ và kêu ầm lên: “Hoan hô!” Tôi cũng cười và Êkatêrina Grigôriepna cũng cười nốt.

Tôi thức suốt đêm để thảo một bản báo cáo gửi lên. Một tuần lễ sau, ông giám đốc sở Giáo dục gọi tôi lên.

- Ý kiến của anh hay đấy, chúng tôi sẽ tới thăm xem sao.

Một tuần lễ nữa qua, và dự án của chúng tôi được Ban chấp hành tỉnh xét tới. Vốn dĩ đã từ lâu, các nhà chức trách vẫn quan tâm tới vận mệnh của trang ấp này. Và nhân dịp, tôi đã trình bày để các vị đó thấy tình hình trại của chúng tôi lay lắt trong sự nghèo nàn, thiếu triển vọng phát triển, bị mọi người bỏ rơi, giữa khi một cái tập thể sống đã nảy nở ở trong lòng nó.

Ông chủ tịch Ban chấp hành nói:

- Cần phải có một người làm chủ cái tài sản đó. Thế mà ở đây có những người chủ chẳng có việc gì làm. Thôi thì để cho họ lấy nó đi.

Thế là tôi nắm trong tay tờ công lệnh giao cho chúng tôi quyền sở hữu cái trang ấp cũ của nhà Trepkơ, với sáu mươi dêxiatin đất trồng trọt, và một bản dự toán kinh phí tu sửa được duyệt y. Tôi đứng ở giữa phòng ngủ, khó lòng tin được rằng, đây không phải là chuyện chiêm bao, giữa đám trại viên quây quần náo nức, chúng quay cuồng phấn khởi và giơ tay lên hướng về tôi.

- Bác cho xem ạ!

Êkatêrina Grigôriepna bước vào. Chúng đồ xô vào chị với một vẻ vui sướng tràn trề, và tiếng Sêlaputin cất lên the thé:

- Thế này có là bôn-sê-vích không, hay là thế nào?

- Cái gì thế? Có chuyện gì vậy?

- Có là bôn-sê-vích hay không? Cô xem thử, cô xem thử!

Kalina Ivanôvich là người sung sướng nhất trong cả bọn.

- Anh thực sự là một người có bản lĩnh, anh đã làm được như lời các giáo sĩ nói: hãy cầu xin rồi các con sẽ nhận được, hãy gõ rồi cửa sẽ mở, để cho các con...

- Một trận đòn, Zăđô-rôp nói chen vào.

- “Một trận đòn” là thế nào? Và Kalina Ivanôvich quay lại phía hắn: Giấy tờ đây thôi.

- Bác, thì khi bác “gõ cửa” để xin cái thùng, người ta đã cho bác một trận đòn. Nhưng bây giờ đây là một việc liên quan đến tỉnh, mà không phải là vì chúng tôi đã cầu xin...

- Chú còn trẻ đại, hiểu làm sao được lời trong Kinh thánh, Kalina Ivanôvich đùa đáp lại, vì trong giây phút này, bác không thể nào tức giận được.

Chủ nhật sau, bác cùng với tôi và một bầy trẻ đi thanh tra cái sản nghiệp mới. Tẩu thuốc của bác thò ra từng làn khói đặc trắng vào mặt mỗi viên gạch còn lại trong cái đồng di sản của nhà. Bác oai vệ đi qua trước cái thùng.

- Bao giờ thì khiêng cái, hờ bác Kalina Ivanôvich? Burun hỏi một cách nghiêm chỉnh.

- Di chuyển cái của ăn hại ấy làm gì? Nó ở đâu thì cứ ở đấy là được rồi. Phải biết đây là một chuồng ngựa xây theo kĩ thuật tối tân nhé.

7. “XÂY DỰNG MỘT THẾ GIỚI THÌ CŨNG PHẢI CÓ ĐỦ MỌI THỨ”

Tuy chiếm được di sản của nhà Trepko, nhưng chúng tôi không phải là đã có ngay khả năng thực tế khai thác cái thắng lợi đó. Vì nhiều nguyên nhân, việc phát kinh phí và cung cấp nguyên vật liệu bị chậm trễ. Trở ngại chính là sông Kôlômak, một con sông nhỏ mà quái ác, ngăn cách trại với trang ấp nhà Trepko. Cứ đến tháng tư là nó trở thành một tai họa. Nó bắt đầu tràn ngập một cách chậm chạp nhưng ngoan cố, rồi càng chậm chạp hơn nữa, nó lại trở về lòng sông nhỏ bé, để lại sau nó một tai họa khác: một thứ bùn, dù đi chân hay đi xe cũng không tài nào vượt qua được.

Vì thế nên “Trepko” – chúng tôi gọi tên cái sản nghiệp mới của chúng tôi như vậy – vẫn còn trong tình trạng điêu tàn một thời gian lâu nữa. Đến thời tiết đó, các trại viên thụ cảm một cái thú của mùa xuân. Buổi sáng, sau khi ăn điểm tâm, đợi hiệu lệnh làm việc, chúng tôi xếp hàng dài dọc theo kho thóc như một dãy hành, phơi bụng ra sưởi ánh nắng, và vút ngổn ngang bừa bãi những “áo tổ đĩa” của chúng ra khắp mặt sân. Chúng có thể cứ ngồi như vậy hàng giờ để gỡ lại những tháng mùa đông, trong khi ở nhà, ngay cả đến trong phòng ngủ, cũng khó lòng làm thế nào cho ấm người lên được.

Tiếng chuông khiến chúng đứng dậy, và đi không vội vã đến chỗ làm việc, nhưng ngay cả trong công tác, chúng cũng tìm ra được những cơ này cơ nọ, và những khả năng về kỹ thuật để ra đầm ánh nắng mỗi ngày một hai lần.

Đầu tháng tư, Vaxka Pôletsuc bỏ trốn. Nó không phải là một trại viên đáng ao ước sở cầu cho lắm. Hồi tháng chạp trước, tôi đến sở Giáo dục tỉnh, chứng kiến cái cảnh này: ở một bàn nọ, một đám đông vây quanh một thằng nhãi bần thủ, áo quần như sơ mướp. Ban phụ trách những trẻ bất túc đã công nhận là nó bị một bệnh thần kinh và đang định gửi nó tới một cơ quan chuyên trách nào đó. Thằng bé rách rưới phản đối, khóc lóc, kêu la ầm lên rằng nó không điên chút nào, rằng người ta đã đánh lừa đem nó ra tỉnh và đáng lẽ, người ta phải đưa nó đi Kraxnôda, cho nó vào trường học ở đấy, như người ta đã hứa.

- Làm gì mà mày kêu la thế? – Tôi hỏi nó.
- Bác xem đây, các ông ấy bảo cháu điên.
- Tao nghe thấy rồi. Đừng kêu nữa, đi với tao.
- Nhưng đi bằng gì?
- Bằng cẳng chân. Nào đi!
- Ép! Lên đường!

Nó không hẳn có một bộ mặt con người xuất thân từ một gia đình trí thức, nhưng trông nó rõ ra vẻ rần rở đầy nghị lực, và tôi nghĩ bụng: “Xây dựng một thế giới thì cũng phải có đủ mọi thứ.”

Ban phụ trách những trẻ bất túc vui vẻ trút được một món khách hàng đó, và chúng tôi cùng nhẹ bước về trại. Dọc đường, nó kể lại cho tôi nghe câu chuyện đã thành lệ quen, bao giờ cũng bắt đầu từ cha mẹ chết và đi ăn xin. Tên nó là Vaxka Pôletsuc. Cứ như lời nó nói, thì nó đã bị thương tật chiến tranh, và đã tham gia trận công chiếm eo đất Pêrêkôp. [\[34\]](#)

Về đến trại, từ hôm sau trở đi, nó không mở miệng ra nữa, và từ các giáo viên đến các bạn của nó, không ai có thể làm cho nó hé răng. Chắc hẳn những hiện tượng như thế đã khiến các nhà bác học coi nó là điên. Bọn trẻ hứng thú chú ý đến tật câm của nó, và xin tôi cho phép dùng vài phương pháp đặc biệt đối với nó: cần phải làm cho nó sợ hãi hết sức, rồi nó sẽ nói ngay tức khắc. Tôi dứt khoát cấm ngặt điều đó. Và lại tôi cũng ân hận rằng đã trót đem về trại cái thằng thầy tu khổ hạnh tự nguyện câm miệng ấy.

Bỗng nhiên, bắt đầu nói, và nó huyền thuyên chẳng vì nguyên nhân nào cả. Chỉ là do một ngày xuân đẹp trời, ấm áp, đất khô đi bốc hương nồng ngát và ánh nắng chan hòa. Nó nói hăng hái, giọng the thé, vừa ba hoa cười vừa nhảy cẫng. Nó cứ theo tôi lảng nhảng mấy ngày liền, ra sức khoe những cái thú của đời sống trong Hồng quân và tán dương viên sĩ quan Zubat.

- Ông ta thật là một người giỏi! Mắt xanh sẫm, tôi thăm thăm, cứ nhìn ai là khiến bọn người ta thấy lạnh cả xương sống. Và ngay cả ở Pêrêkôp, bọn chúng tôi cũng phải sợ.

Bọn trẻ hỏi nó:

- Tại sao lúc nào mà cũng nói đến ông Zubat nhà mà? Mà biết địa chỉ ông ta à?

- Địa chỉ nào?

- Địa chỉ để mà viết thư cho ông ta ấy?

- Không, tớ không biết. Nhưng cần biết làm gì? Tớ sẽ tới Nikôlaiep, và ở đấy tớ sẽ tìm ra...

- Chắc chắn ông ta sẽ tổng cổ mà đi.

- Ông ta thì không đâu. Đây là một người khác đã đuổi tớ. Lão ta bảo: cái này thì làm được việc gì?

Làm như mình là một thằng nhãi ngốc nghếch ấy.

Từ sáng đến tối, Pôletsuc cứ nói với tôi về Zubat, nào ông ta đẹp biết bao, nào ông ta chẳng sợ cái gì hết, và không bao giờ nói năng tục tĩu.

Bọn trẻ hỏi thẳng nó:

- Mà muốn chuồn phỏng?

Pôletsuc nhìn tôi và trầm ngâm suy nghĩ. Nó suy nghĩ rất lâu, rồi khi không ai để tâm nữa, và các bạn nó đã chú ý tới chuyện khác rồi, nó lại đột nhiên trả lời người đã đặt câu hỏi nó:

- Liệu bác Antôn có giận không?

- Giận cái gì?

- Nếu tớ chuồn?

- Thế mà nghĩ làm sao? Mà tưởng mà đáng được bác quan tâm săn sóc lắm à?

Vatxia lại trầm ngâm suy nghĩ.

Và một ngày kia, sau bữa ăn sáng, Sêlaputin chạy đến tìm tôi.

- Vatxia đã bỏ trại đi... không ăn bữa sáng. Nó téch rồi. Nó đi tìm Zubat.

Bọn trẻ vây lấy tôi trong sân. Chúng muốn biết thái độ của tôi ra làm sao với việc Pôletsuc bỏ trại.

- Thế là thằng Pôletsuc cũng cứ phớt.

- Đó là ảnh hưởng của mùa xuân.

- Nó đi Crimê đấy.

- Không, không phải Crimê đâu, nó đi Nikôlaiep.

- Ra ga thì sẽ tóm lại được nó...

Vatxia là một trại viên không đáng ao ước sở cầu cho lắm, nhưng việc nó bỏ đi cũng gây cho tôi một ấn tượng hết sức nặng nề. Kể cũng buồn bực và chua chát nhận thấy rằng thằng bé đó đã không muốn tiếp nhận sự hy sinh nhỏ bé của chúng tôi, và đi tìm một đời sống khá hơn. Và đồng thời tôi cũng biết sự nghèo nàn của trại chúng tôi chẳng có thể giữ được ai hết thảy.

Tôi bảo bọn trẻ:

- Thôi mặc xác nó! Nó đã đi thì câu cho nó đừng trở lại! Chúng ta còn có những việc quan trọng hơn.

Sang tháng tư, Kalina Ivanovich bắt đầu cày đất. Việc này rơi xuống đầu chúng tôi một cách thực bất ngờ. Ủy ban vị thành niên phạm pháp đã bắt được một thiếu niên ăn trộm ngựa. Thủ phạm đã được đưa đi một nơi nào đó, nhưng người ta không làm thế nào tìm ra được người chủ con ngựa. Ủy ban mất cả một tuần lễ loay hoay khó xử hết sức: vì xưa nay ủy ban có quen giữ một tang vật thuộc loại này bao giờ đâu. Giữa khi đó, Kalina Ivanovich tới, trông thấy cuộc sống khổ sở và tình trạng đáng thương của con ngựa đó, đứng sững giữa sân lát đá, chẳng có tội tình gì; bác liền chẳng nói chẳng rằng, cầm lấy dây cương và dắt nó về trại. Các vị trong Ủy ban tiến chân bác bằng những tiếng thở ra nhẹ nhõm.

Về đến trại, Kalina Ivanovich được chào đón bằng những tiếng reo hò phấn khởi và ngạc nhiên. Gut đưa hai tay run rẩy ra đón lấy dây cương ở tay ông già trong khi những lời huấn thị này lắng sâu xuống tận đáy tâm hồn hằn:

- Này chú mày, hãy nhìn tao đây cho kỹ! Trại giao nó cho chú không phải là để chú đối xử với nó như kiểu các chú đối với nhau đâu nhé! Nó là một con vật, nó không biết nói, và không thể phát biểu ý kiến gì hết. Nó không than phiền tố cáo được, cái đó đã rõ. Nhưng nếu chú hành hạ nó, và nó mà tổng bộ móng của nó vào mõm chú, thì đừng có mất công đi tìm bác Antôn Xêmiônôvich làm gì.

Bây giờ chú mày có khóc hay không khóc cũng vô ích, chú mày sẽ cứ là có chuyện với tao. Và tao cũng beng ngay đầu chú mày đi đấy!

Chúng tôi vây tròn lấy tốp người và ngựa đặc thẳng ấy, và không có ai trong bọn chúng tôi phản đối những nỗi nguy hiểm treo trên mõm Gut một cách đáng sợ đến thế. Kalina Ivanovich nở mày nở mặt và mỉm cười sau tàu thuốc, trong khi đọc bài diễn từ khủng bố kia. Đó là một con ngựa hồng, chưa già, và khá béo tốt.

Kalina Ivanovich suốt mấy ngày chỉ hí hoay bận rộn với lũ trẻ ở trong xưởng trồng. Dùng búa, lưỡi vạy vít, với những miếng sắt thường, và sau cùng thêm vào đó không biết bao nhiêu lời diễn thuyết đạo lý, bác lôi ra đủ thứ vụn vặt của trại cũ bỏ rớt lại, chấp vá và làm thành một vật giống như cái cày.

Và người ta được chiêm ngưỡng cái cảnh tuyệt diệu này: Burun và Zadôrôp cày ruộng. Kalina Ivanovich đi ngang bên chúng và nói:

- Ô! cái bọn ăn hại, đến cày mà cũng không biết làm nữa: lưỡi cày của mày không cắn sâu, vẫn chưa cắn, vẫn chưa.

Hai chú phản kháng lại một cách vui vẻ:

- Bác Kalina Ivanovich này, hay bác làm cho các cháu xem thử nào. Có lẽ chính bác, bác cũng chưa cày ruộng bao giờ thì phải.

Kalina Ivanovich rút tàu thuốc khỏi miệng và cố làm ra vẻ dữ tợn:

- Sao, tao chưa cày ruộng bao giờ à? Cứ làm như là chính mình phải biết cày mới được ấy. Phải hiểu chứ. Mày làm nẩy lưỡi cày lên là tao biết ngay, còn mày thì mày không biết.

Gut và Bratsenkô đi theo bên cạnh. Gut rình kiểm soát các tay cày, xem họ có hành hạ ngựa không, còn Bratsenkô có mặt ở đấy chỉ là để áp úm con Hung bằng những cái nhìn tình tứ. Nó đã giúp việc Gut, với danh vị là phụ mã phu tình nguyện.

Trong xưởng trồng, một vài đứa lớn tuổi nhất đang bận lúi túi chung quanh cái máy giặt hạt cũ. Xôfrôn Gôlôvan la hét hướng dẫn chúng, đem tất cả sự thông thái uyên bác về môn chữa khóa và lò rèn ra làm cho tâm hồn dễ cảm động của chúng phải khiếp phục.

Xôfrôn Gôlôvan có một vài đặc điểm rất trội khiến lão khác hẳn mọi người phạm tục khác. Lão là một tay hộ pháp khỏe mạnh, vẻ yêu đời phơi phới, lúc nào cũng chênh choáng nhưng chẳng bao giờ say; bất cứ về vấn đề gì lão cũng có ý kiến riêng và ý kiến bao giờ cũng có một khía cạnh nào đấy in dấu một sự dốt nát kinh người. Lão là một quái vật kết hợp thành phần kulắc với thợ rèn làm một: lão có hai cái nhà, ba con ngựa, hai bò cái, và một lò rèn. Tuy bản thân kulắc, nhưng lão lại là một người thợ rèn giỏi, và hai bàn tay lão còn bội phần sáng suốt hơn đầu óc lão. Lò rèn của lão ở ngay trên đường đi Khackôp, bên cạnh quán ăn, và bí quyết làm giàu của gia đình Gôlôvan chính là ở cái địa thế đó.

Xôfrôn đến trại do Kalina Ivanôvich mời. Những kho xưởng trống của chúng tôi có chứa ít dụng cụ thợ rèn. Chính cái lò thì đã bị hủy hoại đến một nửa, nhưng Xôfrôn đề nghị di chuyển tới trại cái đe và bể lò của lão, lại đem thêm vài đồ dùng khác nữa, và làm việc ở trại với danh vị là thầy dạy nghề. Lão đảm nhận cả công việc tu sửa nhà lò rèn nữa. Tôi tự hỏi vì đâu mà lão lại tỏ thiện chí đối với chúng tôi như vậy.

Kalina Ivanôvich đánh tan mọi phân vân của tôi trong buổi “báo cáo buổi tối”.

Ấn một mẫu giấy vào ống thông phong đèn của tôi để châm tẩu thuốc, bác nói:

- Cái thằng ăn hại Xôfrôn ấy chẳng phải tự nhiên là vô cớ mà đến tìm ta đâu. Nông dân nghèo đã làm cho hắn khó sống, cho nên hắn sợ người lấy mất lò rèn của hắn, thế mà đến trại ta thì vô hình trung hắn được phục vụ cho cơ quan Xô-viết.

- Vậy đối với hắn, ta nên làm thế nào? Tôi hỏi Kalina Ivanôvich

- Làm thế nào? còn ai khác đến trại ta nữa? Lấy ở đâu ra một cái đe? và các dụng cụ? Nhà ở cho chúng ta cũng có nốt, và ngay đến việc tu sửa một chiếc lều khổ, cũng phải đi gọi thợ mộc. Với lại, anh nghe chưa – Kalina Ivanôvich cau mày nói – chúng mình cần gì chuyện ấy? Cứ có xu vào là cô dâu chẳng bao giờ xấu cả. Hắn là kulắc, thì đã làm sao?. Hắn sẽ làm việc chẳng khác gì một con người chân chính.

Kalina Ivanôvich trầm ngâm nhả những đám khói lên trần nhà thấp, rồi chợt mỉm cười:

- Bề nào thì bọn mugich^[35] ăn hại ấy cũng sẽ lấy cái lò rèn của hắn ta, và như vậy thì có lợi cho ai? Họ sẽ chẳng dùng nó được việc gì hết. Thế thì thà để nó ở trại ta còn hơn, Xôfrôn vẫn cứ là đi đứt. Chỉ cần đợi một thời gian ngắn, rồi thì cho hắn, khăn gói gió đưa: đây là một tổ chức xô-viết nhé, cút ngay đi, đồ chó đẻ, quân kulắc ngày trước, đồ ma quỷ hút máu nhân dân, hề-hề-hề!

Chúng tôi đã được lĩnh một phần tiền dự trù cho việc tu sửa trang trại, nhưng ít quá, nên chúng tôi cứ phải tự tay làm lấy hết. Vì vậy cần phải có một xưởng rèn và một xưởng mộc. Chúng tôi đã có những bàn thợ mộc để làm việc cũng tạm tạm được và chúng tôi mua thêm dụng cụ. Ít lâu sau, có một thầy dạy mộc cũng đến trại. Dưới sự lãnh đạo của bác ta, bọn trẻ hăng hái bắt đầu cưa những ván gỗ từ ngoại tỉnh đưa về, và ghép các tấm cửa và cửa sổ dùng cho trại mới. Khốn một nỗi vốn hiểu biết, về thủ công của các nhà thợ mộc của chúng tôi ít ỏi quá đổi khiến quá trình chuẩn bị những yếu tố cho đời sống tương lai của trại đó bắt đầu thực hết sức nặng nề. Những công việc về xưởng rèn, công việc thì không thiếu – lúc đầu cũng không làm cho chúng tôi vừa ý. Xôfrôn không tỏ ra có nhiệt tình đặc biệt trong việc mau mau chấm dứt thời kỳ tái kiến thiết trong Nhà nước xô-viết. Lương giáo sư dạy nghề của bác ta biểu hiện thành những con số nhỏ nhoi quá: những ngày trả lương, bác cố tình giao rõ ràng cả số lương cho một đứa trẻ đem đến nhà nấu rượu lậu, với chỉ thị này:

- Ba chai vôtka, hảo hạng đấy nhé.

Tình hình đó mãi khá lâu về sau tôi mới biết. Và chẳng hỏi ấy tôi còn mê cả người lên vì cái danh

sách những vật liệu phải cung cấp, nào móc, nào bản lề, nào đai sắt cửa, nào then chốt. Ai nấy cũng như tôi, đều hứng khởi vì cái đà phát triển đột ngột của công tác: trong bọn trẻ đã nảy ra những tay thợ rèn thợ mộc; bây giờ trong túi chúng tôi đã xúng xểng có ít đồng xu.

Sự hoạt động náo nhiệt ở xưởng rèn khiến chúng tôi vui mừng thật sự. Cứ đến tám giờ là tiếng kêu choang choang vui vẻ của chiếc đe vang lên trong trại, tiếng cười rộn ràng không ngớt trong xưởng, cửa xưởng mở rộng, lúc nào cũng có hai ba người dân làng đứng đó, nói chuyện làm ăn, chuyện trưng thu nông phẩm thừa, chuyện viên chủ tịch ủy ban bản nông, Veckhola, chuyện cỏ khô để dành cho bò ngựa và chuyện máy gieo hạt. Chúng tôi đóng móng ngựa, đai vành xe, sửa chữa cày cho nông dân. Đối với những người nghèo, chúng tôi chỉ tính nửa tiền, và việc này là khởi điểm cho những cuộc bàn cãi liên miên không dứt về sự công bằng và sự bất công trong xã hội.

Xôfrôn đề nghị làm cho chúng tôi một cái xe ngựa ghé ngang.^[36] Trong các kho xưởng trống của trại chật ních những đồ cũ linh tinh dùng không bao giờ hết, người ta thấy có một cái thân xe. Kalina Ivanovich đem ở tỉnh về một đôi trục bánh. Các chú thợ rèn hí hục đánh nhau với nó bằng búa lớn búa nhỏ trong hai ngày ròng rã. Sau cùng Xôfrôn tuyên bố là xe đã xong, nhưng còn cần phải có lò xo và bánh nữa. Chúng tôi chẳng có thứ nọ mà cũng chẳng có thứ kia. Tôi chạy ra tỉnh rất lâu, tìm những lò xo cũ, và Kalina Ivanovich làm hẳn một cuộc hành trình dài, sục sạo vào các làng quê. Đi xa vất vả suốt một tuần lễ, bác đem về hai đôi vành bánh xe mới nguyên, với một mớ cảm tưởng linh tinh, trong đó có cảm tưởng này là chủ yếu:

- Cái bọn mugích ấy, thực chẳng có lấy một tí văn hóa nào!

Xôfrôn dẫn Kôdia từ trong xóm đến cho chúng tôi. Bác này là một người trạc bốn mươi tuổi, bạ trường hợp nào cũng làm dấu câu rút, tính rất hiền lành, lễ phép, lúc nào cũng linh hoạt tươi cười. Vừa mới ở một viện phong điên ra chưa được bao lâu, bác cứ run lên bần bật, hoảng sợ chết khiếp mỗi khi chỉ có nhớ đến vợ, là người chịu trách nhiệm về sự chẩn bệnh sai của các y sĩ khoa thần kinh trong tỉnh. Kôdia là thợ đóng xe. Bác ta vui mừng tốt bụng khi được chúng tôi yêu cầu bác làm cho bốn chiếc bánh xe. Những điểm đặc biệt về đời sống trong gia đình với vợ, cộng thêm với những khuynh hướng rõ rệt của bác ta ngã theo anh hùng tính, đã thúc đẩy bác trình bày với chúng tôi một đề nghị có tính cách hoàn toàn thực tế:

- Đây này, các đồng chí ạ, cầu Chúa hằng cứu giúp các đồng chí, vì các đồng chí đã cho gọi tôi đến đây, một lão già chân thật như tôi, vậy các đồng chí có biết tôi yêu cầu các đồng chí điều gì không? Tôi sẽ đến sống hẳn ở đây, các đồng chí ạ.

- Nhưng chúng tôi không có chỗ cho bác ở đâu.

- Không sao cả, không sao cả, các đồng chí đừng bận lòng, nhờ Chúa cứu giúp, thế nào tôi cũng tìm ra được một xó nào đấy. Bây giờ đang là mùa hè, rồi sang mùa đông ta sẽ liệu sau, tôi sẽ thu xếp ở cái xưởng trống nhỏ kia kia, tôi sẽ thu xếp ổn mà.

- Thôi được, bác dọn mà ở.

Kôdia làm dấu câu rút và đề cập luôn đến mặt sự vụ của vấn đề.

- Vành bánh xe, thì chúng ta sẽ tìm được. Cái đó, bác Kalina Ivanovich không biết, chứ tôi thì tôi biết tất. Chính các chú mugích nhà ta, đấy rồi các đồng chí xem, chính họ sẽ đem vành bánh xe đến đây. Chúa sẽ không để cho chúng ta phải thiếu thốn đâu.

- Nhưng chúng ta không cần đến nữa, chú Kôdia ơi.

- Sao thế, sao lại “không cần đến nữa”, cầu Chúa hằng cứu giúp bác! Có kẻ không cần bác, nhưng nông dân thì cần. họ không có bánh xe thì làm ăn gì được? Cứ bán bánh xe các bác sẽ kiếm ra tiền, và

như thế thì có lợi cho bọn trẻ.

Kalina Ivanôvich phá ra cười và tán thành điều yêu cầu của Kôdia.

- Thì cho hẳn ở đây, cái thằng khỉ. Anh ạ, mọi cái trong trời đất đều được sắp đặt rất mực chu đáo, cho nên ngay đến một con người bao giờ cũng cứ là hữu ích cho một việc gì đó.

Kôdia được tất cả các trại viên yêu mến. Chúng coi sự tín ngưỡng của bác như một thứ bệnh điên, rất đau khổ cho người bị bệnh, nhưng vô hại cho những người chung quanh. Hơn nữa: Kôdia còn đóng một vai trò tích cực rõ ràng, để tiêm nhiễm cho chúng lòng chán ghét tôn giáo.

Bác ta thu xếp ở một căn buồng nhỏ bên cạnh phòng ngủ. Ở đây bác ta hoàn toàn tránh được những hành động công kích của người vợ, một con người tính nết thực điên rồ, quái ác. Bọn trẻ bảo vệ bác ta đối với những tàn tích của dĩ vãng của bác, lấy thế làm một thú vui thật sự. Người vợ Kôdia lần nào đến trại cũng kêu la nguyên rủa om sòm. Mụ vừa đòi chồng trở lại nhà, vừa đổ tội cho tôi, cho các trại viên, cho chính quyền xô-viết và cho cái “thằng bợm” Xôfrôn kia đã phá hoại hạnh phúc gia đình mụ. Bọn trẻ dùng giọng mỉa mai lộ liễu, ra sức chứng minh cho mụ thấy rằng Kôdia chẳng phải là người chồng thích hợp với mụ, rằng làm những bánh xe là một công việc còn hệ trọng hơn hạnh phúc gia đình nhiều. Trong khi đó, Kôdia nép mình trong căn phòng nhỏ, nhẫn nại đợi cho cuộc tấn công bị đánh lui hoàn toàn. Khi chỉ còn nghe thấy tiếng của mụ vợ uất ức vọng lại từ bờ hồ bên kia, qua mặt hồ loáng thoáng vẳng tới những mẩu lời nguyên rủa “... những quân chó đẻ... đồ nhơ bẩn... chúng mày chết hết...”, bấy giờ Kôdia mới dám lộ mặt ra:

- Giê-xu ma, các cháu ngoan ơi! Đàn bà đâu mà bừa bãi thế.

Mặc dầu hoàn cảnh lân bang bất lợi đó, xưởng đóng xe của chúng tôi cũng bắt đầu kiếm ra tiền. Quả thực là chỉ nhờ phép làm một dấu câu rút mà Kôdia biết thực hiện những việc giao dịch buôn bán rất tốt; chúng tôi chẳng cần phải giơ chân nhắc tay một chút nào, người ta cứ tự nhiên mang những vành bánh xe tới cho chúng tôi, mà lại không buồn đòi trả tiền ngay là khác nữa. Là vì bác ta thực sự là một người thợ đóng xe rất lành nghề, và những bánh xe của bác ta làm đã nổi tiếng, lời đồn vượt ra ngoài ranh giới chúng tôi truyền đi rất xa.

Cuộc sống của chúng tôi trở nên phức tạp hơn và vui hơn. Kalina Ivanôvich dù sao cũng đã gieo thành công được khoảng năm đêxiatin lúa mạch, còn Hung là mối vịnh dự của chuồng ngựa, và trong sân chúng tôi có một chiếc xe ngựa ghé ngang, mà khuyết điểm duy nhất chỉ có là nó cao quá khổ: nó vượt khỏi mặt đất ít nhất cũng đến hai thước, và đối với khách ngồi trong thùng xe thì con ngựa kéo xe, tuy ở đằng trước thật đấy, nhưng lúc nào khách cũng cứ tưởng chừng nó ở mãi đâu đâu phía dưới, rất thấp.

Hoạt động của chúng tôi phát triển rất mạnh, thậm chí chúng tôi bắt đầu cảm thấy thiếu nhân lực. Phải hối hả tu sửa xong ngay một ngôi nhà nữa làm nhà ngủ, rồi không bao lâu chúng tôi được có thêm người đến viện trợ. Đây là những trại viên thuộc một loại rất mới mẻ.

Hồi đó người ta đang thanh trừ một số lớn những tay ataman^[37] và “Bố trẻ”; cho nên tất cả các bạn chiến đấu vị thành niên của Leptsenkô, các “mẹ Marutxia”^[38] và đồng bọn, mà vai trò quân sự, đứng về mặt thô phỉ mà nói, không vượt quá những chức vụ mã phu và làm phụ bếp, tất cả đều bị tống đến trại. Vì trường hợp lịch sử đó cho nên ở trại chúng tôi mới thấy xuất hiện những tên Karananôp, Prikhôtkô, Gôlôt, Xôrôka, Vecsonep, Michiaghin và nhiều đứa khác nữa.

8. TÍNH CÁCH VÀ VĂN HÓA

Những trại viên mới đến làm cho cái tập thể chưa được củng cố vững chắc của chúng tôi bị dao động mạnh, và khiến trại chúng tôi lại gần giống như cái “quán rượu tổ quỷ”.

Những trẻ nuôi đầu tiên của chúng tôi phải tự ghép mình vào kỷ luật chỉ là vì những nhu cầu sơ đẳng nhất. Song những đồ đệ vô chính phủ của địa phương thì lại càng ít muốn phục tùng bất cứ một thứ trật tự nào. Tuy nhiên cũng phải nói rằng ở trại không bao giờ thấy xuất hiện lại tình trạng phản kháng ra mặt và những thói dâm dối với các giáo viên nữa. Có thể nghĩ rằng bọn Zadô-rôp Burun, Taranet và các đứa khác đã nói cho những đứa mới đến biết lịch sử vắn tắt những ngày đầu của trại Gorki. Và những đứa này cũng như các trại viên cũ lúc nào cũng tỏ ra tin tưởng rằng các giáo viên không phải là một lực lượng thù địch đối với chúng. Nguyên nhân chính của khuynh hướng đó hẳn là ở sự lao động, tất nhiên hết sức nhọc nhằn, mà các giáo viên đã thực hành với biết bao tinh thần gian khổ quên mình khiến chúng tự nhiên phải kính phục. Cho nên chỉ trừ một vài ngoại lệ rất hiếm, các trại viên bao giờ cũng có quan hệ tốt đối với chúng tôi; chúng công nhận sự cần thiết phải làm việc và học tập ở lớp học, và hiểu rất rõ rằng những cái đó đều là do lợi ích cộng đồng của trại. Sự lười biếng và sự từ chối chịu đựng những thiếu thốn chỉ biểu hiện ở trại dưới những hình thức hoàn toàn bản năng mà không bao giờ có hình thức phản kháng.

Chúng tôi cũng biết rằng dưới cái bề ngoài tốt đẹp chỉ là trạng thái hoàn toàn ngoại diện của kỷ luật đó, không có lấy một chút vốn văn hóa dù chỉ là tối sơ đẳng.

Vấn đề tìm hiểu tại sao các trại viên vẫn tiếp tục sống trong những điều kiện nghèo nàn và làm việc khá cực khổ của chúng tôi, tại sao chúng không bỏ trốn, tất nhiên không phải là một trong những vấn đề chỉ đứng trên phương diện sự phạm mà giải đáp được. Năm 1921, cảnh sống ở đường phố chẳng có gì là đáng ao ước. Mặc dầu tình chúng tôi không đứng trong danh sách các tỉnh bị nạn đói, nhưng cuộc sống ở thành phố cũng rất là gay và ai cũng đói. Vả chăng, chúng tôi hầu như không nhận được những trẻ thật sự bơ vơ, quen lêu lổng ở đường phố. Phần đông trẻ của chúng tôi đều có một gia đình chỉ mới đứt đứt quan hệ gần đây thôi.

Nói chung các trẻ của chúng tôi đều có những nét tính cách rất là rõ rệt kết hợp với một trình độ văn hóa hết sức hẹp hòi. Đó chính là loại lưu trú sinh người ta tìm kiếm cho trại chúng tôi, trại chuyên phụ trách những đứa khó giáo dục. Đại đa số bọn chúng gần như hoặc hoàn toàn không biết chữ, hầu hết đã quen với ghét bản và chấy rận, và trong các quan hệ của chúng tôi với người khác, bất cứ ở trường hợp nào chúng cũng quen thói giữ cái thái độ của những anh hùng nguyên thủy là thủ thế bằng cách dọa nạt.

Một vài đứa trình độ trí thức cao hơn nổi bật lên trong bọn chúng, như Zadô-rôp, Burun, Vetkôpxki, Bratsenkô, và trong những đứa mới, có Karabanôp với Michiaghin; số còn lại chỉ bắt đầu tiếp thu văn hóa của loài người dần dà từng bước, chậm chạp vô cùng, mà chúng tôi càng nghèo đói thì lại càng thêm chậm.

Năm đầu tiên, chúng tôi thấy đáng phiền lòng nhất là khuynh hướng của chúng thường xuyên hay đánh cãi nhau, và sự vô cùng mỏng manh của những dây ràng buộc tập thể, mỗi lúc cứ bị đứt tung vì những chuyện rơm rác. Cái đó phần lớn cũng chẳng phải là do tính thù hằn của chúng, nhưng bao giờ cũng chỉ vì cái vẻ ta đây anh hùng nọ, mà chẳng có bản năng chính trị nào sửa chữa hết. Mặc dầu nhiều đứa trong bọn chúng đã ở vào những phe đối địch nhau, chúng cũng không hề mấy may cảm biết là chúng thuộc vào giai cấp này hay giai cấp nọ. Trong bọn chúng hầu như không có đứa nào là con cái công nhân; giai cấp vô sản đối với chúng là một cái gì xa lạ, và phần đông đều hết sức khinh bỉ công việc canh nông, sự khinh bỉ cũng chẳng phải là đối với công việc đó, mà là đối với tình trạng lạc hậu

của nông dân, đối với tâm lý nông thôn. Vậy là còn cả một khoảng đất mở rộng cho tất cả mọi thứ vô kỷ luật, và cho những biểu hiện của một cá tính trở thành man rợ và bị dồn đẩy đến cực độ vào sự cô lảnh.

Quang cảnh chung thật là nặng nề, tuy nhiên những mầm mống tinh thần tập thể, nảy sinh ra trong mùa đông đầu tiên, vẫn dần dà xanh tươi êm thấm trong tập đoàn chúng tôi, và những mầm mống ấy thì phải cứu vãn cho bằng được; không nên để bấy trẻ mới đến làm cho những mầm non quý hóa ấy chết héo đi. Tôi chủ yếu tin rằng hồi ấy tôi đã nhận thấy tình hình quan trọng đó và đã đánh giá nó đúng. Về sau công việc bảo vệ những mầm non đầu tiên kia tỏ ra là một việc gay go không thể nào tin được, lâu dài và vô cùng gian khổ, thậm chí giá tôi mà lường biết trước thì có lẽ tôi đã phát hoảng và từ bỏ cuộc đấu tranh. May làm sao, lúc nào tôi cũng cứ cảm thấy là mình sắp sửa chiến thắng; thật phải là một kẻ lạc quan bất trị mới có thể làm như thế được.

Trong giường mỗi mỗi ngày của đời tôi hồi ấy, không sao tránh khỏi có cả những niềm tin tưởng, vui mừng và thất vọng lẫn lộn.

Hôm nay, mọi sự hình như đều êm thấm. Sau một ngày lao động, các giáo viên đã đọc sách, hoặc chỉ đề thì giờ nói chuyện và chơi với bọn trẻ, rồi họ chúc chúng ngủ ngon và ai về phòng nấy. Họ để lại bọn trẻ bình tĩnh, sẵn sàng đi ngủ. Trong buồng tôi công việc hàng ngày còn thoi thóp đập một vài nhịp mạch động cuối cùng; Kalina Ivanovich vẫn còn ngồi trên một chiếc ghế dựa, để nói lên theo thường lệ vài câu nhận xét chung chung; một trại viên còn tò mò ở rón lại, trong khi Bratsenkô và Gut ở ngoài cửa buồng đang chuẩn bị một đợt tấn công mới nữa nhằm vào Kalina Ivanovich về vấn đề cỏ khô, thì bỗng chốc một thằng nhóc đâm bổ vào kêu lên:

- Chúng nó đang làm thịt nhau trên phòng ngủ!

Tôi nhảy ngay ra khỏi buồng. Trên phòng ngủ đang ầm ầm kêu la chí chөөes. Trong một góc phòng, hai nhóm trẻ đang hằm hè lẫn nhau. Hết hoa chân múa tay, nhảy chồm lên dọa dẫm, lại đến chửi nhau hàng tràng dài ghê người; một đứa nện một đứa khác vào tai, Burun giật lấy con dao Phần-lan ở trong tay một tướng anh hùng đó, nhưng có đứa ở xa kêu lên bảo nó:

- Việc gì đến mày đây? Mày muốn tao khắc chữ tên tao vào người mày có phải không?

Trên một chiếc giường, vây quanh là một nhóm đồng tình, một đứa bị thương đang ngồi lặng lẽ băng bàn tay bị một nhát dao rạch ngang bằng một mẫu ga giường.

Tôi không bao giờ can những đứa đánh nhau và không cố gắng hét to hơn chúng.

Sau lưng tôi, Kalina Ivanovich hoảng sợ thẳm thì:

- Ô! nhanh lên đi, anh ơi, không có chúng nó cắt tiết lẫn nhau bây giờ, những quân ăn hại.

Nhưng tôi đứng nguyên ở cửa phòng, chẳng nói chẳng rằng, và tôi nhìn xem. Dần dần những đứa trẻ để ý thấy tôi và chúng ngậm miệng lại. Im lặng phục hồi mau chóng và làm cho những đứa hung hăng nhất cũng tỉnh ngộ. Các lưỡi dao Phần-lan cất giấu đi, những quả đâm hạ xuống, những thiên độc thoại hung dữ điểm thêm những tiếng chửi tục tằn tự ngắt quãng nửa vời. Nhưng tôi vẫn câm lặng trong lòng tôi sôi lên nổi tức giận và sự căm ghét đối với tất cả bọn dã man này. Căm ghét bất lực, vì tôi biết rất rõ: hôm nay chẳng phải là lần chót đâu.

Sau cùng, một im lặng ghê sợ, nặng nề bao trùm cả phòng ngủ; tiếng hơi thở hỗn hển rút cuộc cũng dịu hẳn xuống.

Thế là đến lượt tôi bỗng bùng nổ lên một cơn điên giận thực sự và đồng thời tôi hoàn toàn tin chắc rằng phải làm như vậy:

- Để dao lên bàn! Và mau lên, đồ khốn kiếp!

Chúng hạ vũ khí của chúng xuống: dao Phàn-lan, dao nhà bếp cuõm cốt để thanh toán mọi chuyện với nhau, dao con và các thứ lưỡi dao chúng tự đánh lấy ở lò rèn. Im lặng vẫn đè nặng lên phòng ngủ. Zăđô-rôp rất dễ thương, rất đáng yêu, mà lúc này tôi thấy là con người độc nhất thân thiết và gần gũi với tôi. Tôi lại vẫn tắt ra lệnh:

- Các quả đấm!

- Tôi có một quả, tôi đã lấy của chúng nó, Zăđô-rôp nói. Tất cả mọi đứa đều đứng cúi đầu.

- Lên giường!

Tôi không rời khỏi phòng trước khi chúng đã nằm yên hết.

Hôm sau bọn trẻ tránh nhắc tới chuyện nhiều loạn tới qua. Tôi cũng không đả động gì tới nữa.

Một hay hai tháng trôi qua, trong các tháng ấy có vài mối lửa hằn thù vẫn âm ỉ ở một vài xó xỉnh, và mỗi khi chúng muốn bùng cháy lên, tập thể lại vội vàng dập tắt ngay đi. Nhưng một quả bom mới lại bất thành linh nổ tung lên và, lại một lần nữa, hung hãn, không còn giữ được bộ mặt người nữa, các trại viên lại cầm dao chạy đuổi theo nhau.

Một buổi tối nọ, tôi thấy là cần phải siết chặt đanh ốc lại, như người ta thường nói. Sau một cuộc đánh nhau như vậy, tôi ra lệnh cho thằng Tsô-bô, là đứa hung tợn hay chơi dao nhọn nhất ở trại, đến phòng tôi. Nó ngoan ngoãn đến. Vào phòng tôi rồi, tôi bảo nó:

- Chú phải rời bỏ trại đi thôi.

- Để đi đâu?

- Tôi khuyên chú hãy đi đến nơi nào có thể cửa cở hòng lẫn nhau được ấy. Hôm nay, chỉ vì một bạn của chú không muốn nhường chỗ cho chú ở bàn ăn, chú đâm hấn ta. Vậy chú hãy đi tìm nơi nào mà những chuyện tranh chấp đều giải quyết bằng lưỡi dao.

- Bao giờ thì tôi phải đi?

- Sáng mai.

Nó đi ra, vẻ mặt âm thầm. Hôm sau, trong bữa ăn sáng, tất cả bọn trẻ đều xin tôi: cho Tsô-bô ở lại, chúng nhận đảm bảo cho nó.

- Các chú cam đoan gì với tôi?

Chúng không hiểu.

- Các chú cam đoan gì với tôi? Thế ngộ nó còn chơi dao găm nữa, thì các chú sẽ làm gì?

- Thì bác sẽ tổng cở nó đi.

- Thế nghĩa là các chú chẳng cam đoan gì cả. Không, nó sẽ phải rời khỏi trại.

Sau bữa sáng, Tsô-bô lại gần tôi và nói:

- Xin chào bác, bác Antôn Xê-miôn-ô-vich, và xin cảm ơn bác về bài học.

- Chào chú, và đừng oán giận nhé. Nếu chú thấy là đời sống gay go, thì chú hãy trở lại, nhưng phải là ngoài hai tuần lễ.

Sau một tháng, nó lại đến, gầy hốc hác và xanh nhợt.

- Cháu đây, cháu lại đến, như bác đã bảo.

- Chú đã không tìm được nơi nào hợp với chú à?

Nó mỉm cười.

- Sao lại không tìm được? Những nơi như thế thì có thiếu gì. Cháu sẽ ở lại trại, và cháu sẽ không

bao giờ mó đến một con dao nào nữa.

Các trại viên âu yếm đón tiếp hai chúng tôi ở phòng ngủ:

- Thế là các bác cũng vẫn cứ tha thứ cho nó! Các cháu đã bảo mà!

9. “Ở ĐẤT UKREN VẪN CÒN CÓ NHỮNG TAY HẢO HÁN”

Một ngày chủ nhật kia, Ôtxatsi say bí tỉ. Người ta dắt nó đến phòng tôi nó không ngớt miệng nói đi nói lại mãi một giọng điệu vô lý của kẻ say ầm ức. Nói chuyện với nó vô ích. Tôi giữ nó lại và ra lệnh cho nó ngủ đi. Nó ngoan ngoãn vâng theo. Nhưng bước vào phòng ngủ, tôi ngửi thấy mùi rượu. Có nhiều dấu rõ ràng là tránh nói với tôi. Không muốn tìm thủ phạm để gây thành chuyện, tôi chỉ bảo:

- Chẳng phải chỉ có một mình Ôtxatsi say đâu. Còn có những người khác đã uống rượu.

Vài hôm sau, ở trại lại có nhiều trường hợp say rượu nữa. Có những đứa tránh gặp tôi, có những đứa trái lại, trong một cơn hồi hận lúc say, đến tìm tôi, nói dài dòng suốt mướt, rồi là thổ lộ tình yêu thực sự.

Chúng không giấu giếm chuyện đã vào chơi trong xóm, sự nghiện rượu, những đứa phạm lỗi hứa hẹn sẽ không uống nữa, tôi làm ra vẻ hoàn toàn hài lòng về sự kết thúc đó và không phạt ai hết thảy. Tôi đã có được một chút kinh nghiệm con con và tôi biết rằng muốn chống lại nạn nghiện rượu thì không phải là nên đấu tranh với các trại viên mà là với một đối tượng nào khác kia. Mà chính đối tượng khác đó không xa xôi gì.

Bấy giờ chúng tôi bị cả một biển rượu bao vây. Ngay cả ở trại cũng thường gặp những người làm công và những nông dân say rượu. Vào hồi đó tôi được biết rằng Gôlôvan vẫn sai lũ trẻ đi kiếm rượu vôtka cho bác ta. Gôlôvan cũng chẳng buồn chối cãi điều đó:

- Thì đã sao! cái đó có gì là hại chứ?

Kalina Ivanôvich vốn không bao giờ uống rượu, bèn lớn tiếng sặc cho bác ta một trận:

- Thế anh có hiểu chính quyền xô-viết là như thế nào không, hử đồ ăn hại? Anh cho là chính quyền xô-viết cứ ở đó để cho anh nốc rượu lậu à?

Gôlôvan bút rút cựa quậy trên cái ghế dựa lưng lay kêu cọt két, và muốn tìm cách chống đỡ:

- Phải, thì như thế đã làm sao nào? Thử hỏi ai là người không uống, người nào cũng có đồ nấu rượu và ai cũng uống cho đã đời. Trước hết thì chính quyền xô-viết hãy đừng có uống.

- Ai, chính quyền xô-viết nào cơ?

- Mọi người, tôi bảo bác thế. Ở ngoài tỉnh người ta uống, ở nhà quê người ta cũng uống đấy.

- Ở đây bác biết những ai bán rượu vôtka lậu chứ? Tôi hỏi Xôfrôn.

- Ai mà biết được? Tôi chẳng mua bao giờ cả. Lúc nào cần đến, thì tôi bảo người đi kiếm. Nhưng cái đó thì có việc gì đến bác? Bác sẽ đi bắt rượu à?

- Thế bác nghĩ ra thế nào? Tất nhiên là tôi sẽ đi bắt rượu.

- Ồ, thôi đi! Dân cảnh đã bắt khỏi ra rồi đấy, mà kết quả nào có đi đến đâu.

Hôm sau tôi ra tỉnh xin một công lệnh ủy nhiệm cho tiến hành một cuộc đấu tranh không nhân nhượng chống rượu lậu trên khắp địa hạt của xô-viết thôn. Buổi tối, tôi hội ý với Kalina Ivanôvich. Ông bạn không tin tưởng:

- Anh đừng có lao vào cái việc bán thiu ấy. Tôi bảo cho anh biết điều này nhé, tất cả bọn nó đều cùng là một guộc: chủ tịch xô-viết thôn, Grêtsany, là cánh nhà họ đấy, anh hiểu không. Và trong khắp các thôn trang, anh đi đến đâu cũng cứ là gặp cánh Grêtsany rồi lại cánh Grêtsany tất cả. Dân ở đây, anh biết đấy, có cày ruộng bằng ngựa đâu, mà toàn bằng bò hết. Anh phải thấy rằng: thôn Gôntsarôpka, chúng nó nắm giữ ở đây này! (Kalina Ivanôvich giơ nắm tay ra). Những quân ăn hại ấy, chúng nó nắm cả thôn, và anh sẽ chẳng đi đến đâu đâu.

- Tôi không hiểu, bác Kalina Ivanôvich ạ. Thì có liên quan gì đến rượu vôtka lậu?

- Anh mới thật là người buồn cười chứ, thế mà anh lại có học thức kia đấy! Đây này, tất cả quyền hành là ở trong tay chúng nó. Anh đừng có động đến chúng là hơn, chẳng có rồi chúng sẽ nuốt tươi anh. Anh thì chúng chỉ làm một miếng là xong, anh hiểu chưa?

Ở phòng ngủ, tôi diễn thuyết với các trại viên như thế này:

- Các chú, tôi nói thẳng cho các chú biết: tôi sẽ không cho ai được phép uống rượu. Và ở các trang trại thì tôi sẽ giải tán cái bọn nấu rượu lậu kia. Ai muốn giúp tôi nào?

Phần đông tỏ thái độ bối rối, nhưng có một số phần khởi vồ lấy đề nghị của tôi. Karabanôp giương đôi mắt đen lớn sáng ngời, to như mắt ngựa:

- Hay lắm, hay lắm. Bọn phú nông béo phì ấy, cứ là phải... phải ép vào bụng chúng nó một tí mới được.

Tôi yêu cầu ba đứa trong bọn giúp tôi: Zadôrôp, Vôlôkhôp và Taranet. Tối hôm thứ bảy, chúng tôi bàn tính kế hoạch đến khuya. Xúm quanh ngọn đèn đêm của tôi, trong khi chúng tôi cắm cúi trên bản địa đồ của xóm, do tôi vẽ, Taranet, hai tay lùa vào những vòng tóc xoắn màu hung, cái mũi đầy vết tàn nhang đưa đi đưa lại thám hiểm trên mặt giấy, nói:

- Trong khi chúng ta ập vào một nhà, thì trong các nhà khác họ sẽ giấu nôi cất rượu mát. Ba người, ít quá.

- Có nhiều nhà nấu rượu đến thế kia à?

- Hầu hết mọi nhà: nhà Mutxi Grêsaný, nhà Andri Kacpôvich, và chính nhà chủ tịch nữa, Xecgây Grêtsaný. Tất cả họ nhà Veckhôla cũng đều nấu tuốt, và các mụ đem rượu trắng ra bán ngoài tỉnh. Phải có thêm anh em mới được, nếu không, bác ạ, chúng ta sẽ bị họ thịt mất.

Vôlôkhôp ngồi im trong một góc và ngáp vặt.

- Họ thịt chúng mình ấy à? Đờ! Ờ! Chúng mình chỉ lấy Karabanôp đi thôi, thế là đủ. Và sẽ không một đứa nào dám động đến chúng mình đâu. Tớ biết bọn phú nông ấy. Họ sợ chúng mình.

Vôlôkhôp chuẩn bị đi bắt rượu không lấy gì làm hào hứng. Hồi bấy giờ nó có phần nào còn cách biệt với tôi: nó không ưa kỷ luật. Nhưng rất tận tâm với Zadôrôp, nó cứ theo hẩn ta, chẳng kể gì việc đúng hay không đúng nguyên tắc hết.

Zadôrôp thì vẫn như thường, mỉm cười với một vẻ bình tĩnh tự tin; việc gì hẩn cũng làm được, hẩn không hề mất bản lĩnh và cũng chẳng tiêu tan đi đâu một mảy may cá tính nào của hẩn. Và cũng như thường lệ, tôi không tin tưởng ai cho bằng tin tưởng Zadôrôp, vì vẫn với phong cách ấy, không hề mất bản lĩnh, Zadôrôp có thể tiến lên lập bất cứ kỳ công nào, nếu cuộc đời kêu gọi hẩn.

Và trong lúc này hẩn bảo Taranet:

- Đây, Fêđo, lúc nào mà hết vắn vẹo người thì mà hãy nói luôn cho chúng tao biết nên bắt đầu từ nhà nào và tiếp diễn nhà nào. Rồi ngày mai, sẽ thấy rõ. Cần đem theo Karabanôp, phải đấy, nó biết nói chuyện với bọn phú nông, vì nó cũng là một thằng phú nông. Còn bây giờ thì ta đi ngủ thôi, vì ngày mai sẽ phải đi sớm, trước khi chúng nó say bí tỉ trong các trang trại. Thế có được không, Gritzkô?

- Ý! Vôlôkhôp hơn hờ đáp.

Chúng tôi chia tay. Chị Lidia bé nhỏ và Êkatêria Grigôriepna đang đi chơi trong sân, Lidia nói:

- Tụi trẻ nói rằng bác đi đập các nôi cất rượu. Rút cục, như thế được ích gì cho bác? Làm vậy có phải là công tác giáo dục không? Như thế còn ra cái vẻ gì?

- Đúng là làm công tác giáo dục đây. Ngày mai chị đi với chúng tôi chứ?
- Dễ bác tưởng là tôi sợ hủ? Vâng, tôi sẽ đi. Nhưng đó không phải là công tác giáo dục.
- Thế thì chị có đi không?
- Có đi.

Êkatêria Grigôriepna gọi riêng tôi ra một chỗ:

- Tại sao bác lại đem con bé ấy đi theo?
- Không sao cả, không sao cả, Lidia Pêtrôpna kêu lên, tôi sẽ cứ đi!

Thế là thành lập nên một ủy ban năm người trong nội bộ chúng tôi.

Vào khoảng bảy giờ sáng, chúng tôi gõ cổng nhà Andri Kacpôvich Grétany, nhà láng giềng gần chúng tôi nhất. Việc đó đã làm hiệu lệnh cho dàn nhạc chó mở đầu một cách hết sức phiền phức và bản nhạc dạo ấy kéo dài đến năm phút đồng hồ.

Màn kịch mãi sau đó mới bắt đầu theo đúng phép.

Nó mở màn bằng việc ông cụ Andri Grêtsany ra giáo đầu, một ông già bé choắt, đầu nhăn nhúm, nhưng vẫn giữ được một bộ râu dê tía rất cẩn thận. Ông cụ Andri tiếp chúng tôi không nhả nhận lắm.

- Các người đến đây làm gì?
- Cụ có một nồi cất rượu, chúng tôi đến để hủy nó đi, tôi nói. Giấy ủy nhiệm của dân cảnh đây.
- Một nồi cất rượu à? ông già bối rối hỏi lại, cặp mắt sắc sảo lướt mau qua mặt chúng tôi và những áo quần đẹp như của các trại viên.

Song lúc ấy ban nhạc bốn chân lao vào một khúc tấu dữ dội, do Karabanôp gây nên, vì hủ đã luôn sau lưng cụ tổ mà tiến vào được đến hậu trường, và dùng cái gậy gỗ mà tính phòng xa đã khiến hủ mang theo, đập với được một gậy lên lưng một con chó xồm, lông đỏ hoe: con vật đáp lại trận can thiệp ấy bằng một bản độc tấu điếc tai, cao đến hai bát độ hơn âm vực bình thường của tiếng loài chó.

Chúng tôi xông vào chỗ đột phá khẩu, giải tán bọn chó, Vônôkhôp nạt nộ chúng bằng cái giọng trầm oai hùng của hủ, và chúng chạy tán loạn về các góc sân, từ những chỗ đó tiếng ăng ăng uất ức của chúng phả theo sự tiếp diễn của các sự việc bằng một bản nhạc đệm không lấy gì làm lý thú lắm. Karabanôp đã vào trong căn nhà lá, và khi chúng tôi cùng vào theo với ông già thì hủ đắc thắng chỉ cho chúng tôi thấy vật đang tìm kiếm: một nồi đất rượu.

- Nó đây!

Ông cụ Andri giậm chân trong phòng, lông lấy trong bộ áo vét-tông vải nhưng mới tinh, như ở một buổi ca kịch.

- Cụ đã nấu hôm qua phải không? Zăđôrôp hỏi.

Phải, hôm qua, ông già nói và vừa vuốt chòm râu dê, vẻ ngờ ngàng, vừa nhìn Taranet đang lúi ở dưới gầm chiếc ghế dài trong góc nhà gần cửa ra vào, một cái chai phình bụng đựng đầy thứ rượu ngon màu hồng tím tím.

Bỗng ông nổi giận và nhảy bổ vào Taranet. Tính toán đúng theo sách lược, ông cho rằng ở cái góc chật chội ấy, vướng những ghế dài, tượng thánh với một cái bàn, ông sẽ tóm được hủ dễ dàng hơn hết. Ông tóm được Taranet thật, nhưng Zăđôrôp an nhiên nhón lấy cái chai qua đầu ông già, ông chỉ còn đứng trơ khấc ra đó mà nhận lấy nụ cười rất quyến rũ và rộng ngoác ra một cách chế nhạo của Taranet.

- Ô hay, có chuyện gì thế hở, cụ nội?
- Các người không biết xấu hổ à? Andri kêu lên bằng một giọng xúc động. Các người không có

lượng tâm, các người vào nhà người ta, để ăn cướp! Mà các người lại đem một đứa con gái đi theo! Không biết đến bao giờ mọi người mới được sống yên ổn, và các người mới đến lúc mặt vận?...

- Ô! Thì ra cụ là nhà thơ, cụ nội ạ. Karabanốp nói với một bộ điệu hài hước linh hoạt, và chống vào chiếc gậy, hấn đứng sững trước mặt ông già, dáng như tạc tượng, chăm chú đợi nghe.

- Cút khỏi nhà tao! ông cụ Andri kêu lên và vớ lấy một cái que gạt than to tướng ở gần lò sưởi, ông vung về đánh một cái vào vai địch thủ.

Vôlôkhốp bật cười và vừa đặt lại cái que vào chỗ cũ, vừa bảo ông già nên lưu ý đến một cục diện mới của biển cố:

- Cụ nhìn ra chỗ kia thì hơn kia.

Ông cụ nhìn ra và thấy Taranet đang trượt từ trên lò sưởi xuống, ôm một cái chai phình khác đựng rượu vôtka, hấn vẫn mỉm cười với một vẻ chân thật và thích thú ngang nhau. Ông già Andri ngồi xuống một chiếc ghế dài, cúi đầu và vung tay một cái.

Chị Lidia bé nhỏ đến ngồi gần ông và nói với ông ta tử tế:

- Cụ Andri Kacpôvich ơi! Cụ biết rõ là luật pháp cấm người ta tự nấu lấy rượu vôtka kia mà. Làm như thế lãng phí thóc lúa, trong khi quanh ta đều đói kém cả, cụ cũng biết đấy.

- Đói kém là đói với những đứa lười biếng, chứ đâu có đói với những người có làm lụng.

- Thế còn cụ, cụ nội ơi, cụ đã có làm có lụng đấy à? Taranet ngồi trên lò sưởi hỏi bằng một giọng oang oang vui vẻ. Thật ra thì chẳng phải là thằng Xtêphan Niêstipôrenkô nó làm thay cho cụ đấy ư?

- Xtêphan à?

- Phải rồi, Xtêphan. Và cụ đã đuổi nó đi, không trả tiền công mà cũng chẳng cho nó quần áo gì hết, vì thế nó mới xin vào trại.

Taranet vui vẻ tặc lưỡi vào mặt lão già và nhảy xuống khỏi lò sưởi.

- Mang tất cả những cái này đi đâu đây? Zăđôrôp hỏi.

- Đem ra sân mà đập tuốt cả đi.

- Còn nôi cất rượu?

- Nôi cất rượu cũng thế.

Ông cụ không đi ra chỗ pháp hình trường, mà ngồi nguyên trong nhà lá để nghe các thứ lý luận về kinh tế, tâm lý và xã hội mà Lidia Pêtrôpna đem ra trình bày giảng giải, kết quả về mặt nào cũng thành công như nhau. Đại diện cho những quan hệ lợi hại của chủ nhà ở ngoài sân có lũ chó ngồi trong các góc, gầm hè tức giận. Chỉ đến khi chúng tôi bước ra ngoài đường, một vài con mới biểu lộ sự phản kháng muộn màng và vô hiệu.

Zăđôrôp tính lo xa, gọi chị Lidia bé nhỏ ra khỏi căn nhà lá.

- Cô đi với chúng tôi, không có rồi ông nội Andri đem cô ra băm như thịt làm giò cho mà xem.

Lidia tất tả chạy ra, hớn hờ vì cuộc nói chuyện với lão già Andri.

- Nhưng mà các chú ạ, lão ta đã hiểu cả rồi! Lão đã chịu đồng ý rằng cất rượu lậu vôtka là có tội.

Bọn trẻ cười ồ lên đáp lại chị. Karabanốp nháy mắt:

- Lão ta đồng ý à? Tuyệt nhỉ! Và giá cô ở lại nói chuyện với lão ta một tí nữa thì có lẽ lão tự ta đập nôi cất rượu của lão đi đấy, có phải không?

- Và cô nên cảm ơn chúa vì vợ lão không có ở nhà, Taranet nói. Mụ ta đi nhà thờ, sang bên

Gônstarôpka. Nhưng cô sẽ còn được nói với mụ Veckhola.

Luka Xêmiônôvich Veckhola thường vẫn đến trại vì đủ mọi thứ công việc, và đôi khi cần chúng tôi cũng nhờ đến bác ta để kiểm một cái vòng cổ ngựa, một cỗ xe, một chiếc thùng đựng rượu. Là một tay ngoại giao lão luyện, vui chuyện, hay giúp đỡ mọi người, bác ta có mặt ở khắp nơi. Bác rất đẹp mã và hết sức chăm chút bộ râu xoắn đỏ hoe của bác. Trong ba người trai thì anh con cả Ivan được mọi người cứ là mê tí trong cả một vùng mười cây số chung quanh, vì anh ta biết chơi phong cầm và đội những cái mũ cát-két diện ngất.

Bác ta tiếp đón chúng tôi niềm nở hết sức:

- À! Các bạn láng giềng yêu quý của chúng tôi! Xin mời các bạn quá bộ vào trong này! Tôi biết, tôi đã nghe nói là các bạn đi bắt nồi rượu. Hay lắm, đó là một việc tốt. Nhưng mời các bạn chứ! Kia cậu, cậu hãy ngồi xuống chiếc ghế đầu này. Thế nào, công việc ra làm sao? Các bạn đã tìm được thợ nề cho trại Trepkơ chưa? Nếu không, thì nhân ngày mai tôi đi Brigadirôpka tôi đưa họ về cho. Mà các bạn phải biết là họ đáng mặt thợ nề nhé!... Này, cậu ơi, tại sao cậu không ngồi xuống thế? Tôi, thì trong nhà tôi không có nồi cất rượu, và tôi không làm những chuyện ấy đâu! Đã bảo cấm mà lị! Có lý nào... Sao lại có thể thế được! Khi mà chính quyền xô-viết đã bảo là không nên, thì tôi, tôi hiểu chứ, sao lại thế... Này bà nó ơi, nhanh nhẩu lên tí chứ, đây là các vị khách quý của chúng ta đây!

- Trên bàn hiện ra một các bát chậu bơ chua đầy đến tận miệng, kèm theo một đồng bánh chả cao ú ụ. Luka Xêmiônôvich nài nỉ mọi người ăn, thái độ không khúm núm, không tí tiện. Bác nói đều đều một giọng trầm trầm ân cần và chân thật, với những điệu bộ hiểu khách của một phú ông tốt bụng. Tôi để ý thấy khi bơ chua dọn ra, lòng các trại viên đều rộn rục: Vôlôkhốp và Taranet không thể nào rời mắt được món ăn rất thích đó. Zăđôrôp đứng ở cửa, đỏ mặt lên, mỉm cười, thấy rõ ràng mình bị đặt vào một tình thế không có lối thoát, Karabanôp ngồi gần tôi, thì thừa một lúc tiện nói, thì thăm bảo tôi:

- Ô, cái thằng đều!... Biết làm thế nào được? Đến phải ăn thôi, khi thật... Cháu không nhìn được nữa, chó quá, cháu không nhìn được nữa!

Luka Xêmiônôvich đem một cái ghế dựa đến cho Zăđôrôp:

- Ăn đi chứ, các bạn láng giềng yêu quý, ăn đi! Đáng lẽ cũng có thể kiếm ra được một ít vôtka thết các bạn đây, nhưng mà trong lúc các bạn đang đi lòng bắt rượu...

Zăđôrôp ngồi trước mặt tôi, nhìn xuống đất mà nuốt nữa chiếc bánh chả, cầm dính đầy bơ nhoe nhoét. Taranet thì bơ quét thanh rìa mép lên tận mang tai. Vôlôkhốp ngón hết chiếc bánh này đến chiếc khác, không tỏ vẻ xúc động một mảy may nào hết.

- Dọn thêm bánh cho chúng tôi nữa đi, Luka Xêmiônôvich ra lệnh cho vợ. Ivan ơi, con chơi cho chúng ta một bài...

- Nhưng đến giờ đi nhà thờ rồi, mụ vợ nói.

- Không hề gì, chồng đáp. Bà nó có thể cứ thết các vị khách quý của ta đi.

Anh chàng Ivan lăm lè ít nói, cầm không để râu, nom rất bảnh trai. Anh bắt đầu chơi bài “Trăng sang”. Karabanôp chỉ còn thiếu có ngã dụi xuống gầm ghế vì cười:

- Gọi là một cuộc đi thăm, thì quả thật là một cuộc đi thăm!

Ăn no rồi, mọi người trò chuyện. Luka Xêmiônôvich nhiệt liệt tán thành những kế hoạch của chúng tôi về trại Trepkơ, và sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi bằng tất cả mọi phương tiện kinh tế của bác.

- Các bạn không thể ở trong rừng cây được đâu. Các bạn phải ra ở ngoài ấy sớm ngày nào hay ngày ấy, vì ngoài đó thiếu con mắt của người chủ. Và các bạn phải lấy cái nhà máy xay gió, phải lấy mới

được. Xưởng liên hợp không biết cách làm ăn. Dân quê kêu ca, họ kêu ca nhiều lắm. Người ta cần có bột hảo hạng để làm bánh lễ Phục-sinh và bánh chả, thế mà chạy suốt một tháng trời chẳng có. Dân quê thích ăn bánh chả, nhưng làm thế nào được, nếu thiếu cái cốt tử là bột hảo hạng.

- Về phần cái nhà máy xay gió, chúng tôi còn chưa vững lắm, tôi nói.

- Sao lại “chưa vững lắm”? Chúng tôi sẽ giúp bác... Bác biết mọi người quý mến bác như thế nào. Ai cũng thành thực bảo: ông ta là một người tốt.

Giữa lúc tình cảm chan hòa ấy, Taranet hiện ở cửa, và nghe thấy có tiếng kêu thê lên vì hoảng sợ, do bà chủ nhà thốt ra. Thằng bé cầm trong tay một nửa cái nôi cất rượu rất đẹp, phần cốt yếu của nó, là cái ống quần mình rắn. Chúng tôi cũng chẳng để ý Taranet đã bỏ chúng tôi mà chuồn đi lúc nào nữa.

- Tôi đã thấy nó ở kho thóc, Taranet nói, và ở trên ấy có cả rượu vôtka, còn nóng nguyên.

Luka Xêmiônôvich nắm lấy râu mình, vẻ bồn chồn nghiêm hẳn lại, trong giây phút. Bác ta tỉnh trí lại ngay, đến gần Taranet, đứng trước mặt hắn và mỉm cười. Rồi bác gãi gãi phía sau tai và nháy mắt một bên bảo tôi:

- Cậu thanh niên này dạy cho nên người được đây. Thôi chuyện đã như thế, thì tôi chẳng nói gì cả nữa, chẳng nói gì nữa... và tôi cũng chẳng giận đâu. Đã bảo là pháp luật thì là pháp luật. Xem ý các bạn muốn đập nó đi phải không? Thế thì... Ivan, con hãy giúp các bạn ấy một tay...

Nhưng bà mẹ Veckhola không đồng ý sự tuân theo pháp luật của ông chồng hiền. Mụ giằng lấy cái ống quần ở tay Taranet và kêu lên:

- Ai cho phép các người đập nó, ai cho phép chứ? Các người đã không làm ra nó thì có quyền gì đập nó? Những quân khốn kiếp, cút đi ngay, không thì bà đánh cho vỡ đầu bây giờ...

Thiên độc thoại của mụ Veckhola kéo dài không dứt. Chị Lidia bé nhỏ từ trước cho tới bấy giờ ngồi rất ngoan ngoãn ở góc ban danh dự, cố gắng mở một cuộc thảo luận ôn tồn về những sự tệ hại của rượu bất hợp pháp, nhưng mụ chủ nhà lại có một bộ phổi tốt lạ lùng. Các chai rượu vôtka đã bị đập vỡ rồi, Karabanốp dùng một cái kim sắt đã đập nốt cái nôi cất rượu ở giữa sân, Luka Xêmiônôvich đã ân cần từ biệt chúng tôi và yêu cầu chúng tôi năng đến chơi, nói rằng bác không giận đâu, Zăđôrôp đã bắt tay Ivan và anh chàng này đã dạo một điệu đàn trên chiếc phong cầm khàn giọng, song bà mẹ Veckhola vẫn không ngừng kêu la khóc lóc, mụ vẫn tiếp tục tìm ra những hình dung từ mới mẻ, có màu sắc, để chỉ rõ hành động của chúng tôi và báo trước cái tương lai buồn thảm đang chờ đợi chúng tôi. Trong các sân nhà lán giềng, các mụ khác đứng sững, không nhúc nhích, chó rống lên và sủa inh ỏi, nhảy chồm chồm bấu vào các sợi dây thép căng ngang các trại, còn những người đàn ông đang bận dọn chuồng ngựa, thì quay đầu lại nhìn.

Chúng tôi bước vội ra ngoài phố, và Karabanốp ngồi sụp ngay xuống bên bờ giậu gần đấy nhất.

- Ô, mình không thể nhịn được nữa, nói thực chứ chẳng chơi đâu, mình không thể nhịn được nữa! Kể là tiếp đãi, thì thực là một bữa tiếp đãi ra trò!... Mụ ta bảo thế nào nhi: cho chúng mày cứ là rút ra vì món bơ mà chúng mày đã tọng khỏe như hùm. Bụng mày thế nào, hờ Vôlôkhôp?

Trong ngày hôm đó, chúng tôi đã hủy sáu cái nôi cất rượu. Về phía chúng tôi không bị một tổn thất gì. Vừa đúng lúc ở cái nhà lá cuối cùng đi ra, chúng tôi bắt gặp ông chủ tịch xô-viết thôn, Xecgây Pêtrôvich Grêtsany. Ông chủ tịch trông giống tướng côđắc nổi tiếng Mamai:[1391](#) đầu đen chúi chúi và bóng; nhảy dẫu, ria mép nhỏ vuốt cong lên thành những cái móc. Mặc dù còn trẻ, ông cũng là tay chủ trại giỏi nhất vùng, và được tiếng là người rất chín chắn. Ông gọi chúng tôi từ đằng xa:

- Này, các người kia, đứng lại!

Chúng tôi tuân lệnh.

- Xin chào, chúc các người vui ngày chủ nhật nhé... Và cho phép tôi được tò mò hỏi các người, với danh nghĩa gì mà can dự vào sự ủy nhiệm nào mà các người làm cái việc can thiệp độc đoán, đập phá nôi ở nhà mọi người, việc đó các người không có quyền làm cơ mà?

Ông vuốt ria mép cong hơn nữa, và nhìn soi bói vào các bộ mặt bất hợp pháp của chúng tôi.

Tôi lặng lẽ chìa cho ông tờ giấy ủy nhiệm “can thiệp độc đoán” của chúng tôi.

Ông lật đi lật lại nó mãi trong tay rồi trả lại tôi, vẻ miễn cưỡng.

- Đã đành đây là một giấy phép, nhưng mọi người công phần. Nếu bất cứ một trại lao động nào cũng có thể làm như vậy, thì người ta sẽ không thể nói rằng chính quyền xô-viết sẽ đi tới kết quả hay ho được. Chính tôi đây mới là người chống những kẻ nấu rượu vôtka lậu.

Nhưng ngay cả ông, ông cũng có một nôi cất rượu ở nhà, Taranet nhẹ nhàng nói, sau khi đôi mắt sắc của hắn vốn chẳng có cái gì là không nhìn thấy đã dám tự do kiểm tra thẳng bộ mặt chủ tịch.

Ông chủ tịch hung dữ quay lại nhìn cái tên rách rưới đó:

- Mày à? Đó không phải là việc của mày. Mà mày là cái gì chứ? Một trại viên à? Chúng tôi sẽ kêu việc này lên cấp trên, rồi thì sẽ xem một tội phạm pháp có được phép tự do nhục mạ vị chủ tịch chính quyền địa phương hay không.

Chúng tôi lại đi, ai về phía người này.

Cuộc xuất chinh của chúng tôi có kết quả rất tốt. Hôm sau, bên lò rèn, Zăđôrôp nói với các khách hàng của chúng tôi:

- Chủ nhật sau chúng tôi sẽ làm khác: chúng tôi sẽ đi toàn trại, năm chục anh em.

Các dân làng hát hát bộ râu và nói tán thành:

- Các cậu làm thế là phải, đã đành rồi. Vì thóc lúa bị hao phí và đã có lệnh cấm, thì như vậy là đúng.

Nạn nghiện rượu chấm dứt ở trại, nhưng một tai họa khác lại xuất hiện: bài lá. Chúng tôi bắt đầu nhận thấy ở phòng ăn, một trại viên này hay một trại viên nọ suốt bữa ăn không ăn mì, và việc lao dịch quét dọn buồng hay bất cứ công việc khó chịu nào khác lại không do người đã chỉ định làm.

- Tại sao hôm nay lại là chú quét, chứ không phải Ivanôp?.

- Anh ấy nhờ tôi làm thay.

Việc nhờ làm thay trở thành một hiện tượng thường xuyên, và đã thành lập ra một nhóm nhất định những đứa thuộc cái loại “nhờ làm” đó. Số trại viên nhịn ăn và nhường phần của mình cho bạn, bắt đầu tăng lên.

Trong một trại nhi đồng không có cái nạn nào tệ hại hơn là bài lá. Nó gạt trại viên ra ngoài vòng tiêu dùng chung, bắt buộc y phải tự tìm lấy nguồn của cải phụ thuộc, và phương tiện duy nhất cho y kiếm ra là sự ăn cắp. Tôi vội vàng tấn công ngay kẻ thù mới đó.

Ôptsarenkô, một đứa trẻ có khí lực và vui vẻ, đã quen với nếp sống của trại, bỗng nhiên bỏ trại trốn đi. Cuộc điều tra của tôi, để tìm ra lý do vì đâu nó trốn, không đưa lại kết quả gì cả. Hai hôm sau, tôi gặp nó ở chợ giời ngoài tỉnh, nhưng tôi dụ dỗ thế nào nó cũng không chịu về. Trong khi nó nói chuyện với tôi, tinh thần nó bối rối hết sức.

Những nợ nần cờ bạc trong xã hội các trẻ nuôi của chúng tôi, được coi như là những nợ danh dự. Quít những nợ đó thì có thể không những bị đòn hoặc chịu những sự ngược đãi khác, mà còn bị mọi

người khinh bỉ nữa.

Trở về trại, buổi tối, tôi cất vấn bọn trẻ:

- Tại sao Ôptsarenkô bỏ đi?
- Các cháu biết làm sao được?
- Các chú biết.

Im lặng.

Tối hôm đó, nhờ được Kalina Ivanovich giúp sức, tôi tiến hành một cuộc khám xét toàn trại. Kết quả khiến tôi kinh ngạc: dưới những chiếc gối, trong các hòm, các hộp, trong túi của một số trại viên, khám phá thấy cả từng kho đường. Hóa ra Burun là đứa giàu nhất: trong cái hòm mà tôi đã cho phép nó tự làm lấy, moi ra có đến hơn ba mươi bảng thứ thực phẩm ấy. Nhưng thú vị hơn hết là chỗ Michiaghin. Dưới chiếc gối của nó, giấu trong một cái mũ lông cừu cũ, có đến năm chục rúp bằng tiền đồng và bạc.

Burun thú thật với một vẻ vô cùng ảo não:

- Tôi đã chơi bài được cái này...
- Của các trại viên à?
- Vâng, vâng.

Michiaghin đáp:

- Tôi sẽ không nói gì hết.

Những kho chính, cả đường lẫn những đồ vật lấy ở ngoài đưa về, áo khoác ngắn, khăn vuông, ví da, đều được tàng trữ ở buồng ba nữ trại viên của chúng tôi: Ôlia, Raitxa và Marutxia. Cả ba đều không chịu khai những thứ đó là của ai. Ôlia và Marutxia khóc, Raitxa lặng thinh.

Cả ba đứa đều được Ủy ban gửi đến cho chúng tôi, vì những chuyện ăn cắp ở gia đình. Ôlia Vôrônôva có lẽ ngẫu nhiên bị liên can vào một việc không may, như thường xảy ra đối với những con ở gái nhỏ tuổi. Marutxia Leptsenkô và Raitxa Xôkôlôva rất hư thân mất nết và hết sức buông tuồng phóng túng, lại còn ăn nói lỗ mãng, và dựa vào những bữa rượu chè của bọn con trai, cũng như những cuộc đánh bài của chúng, thường được tổ chức ở buồng của họ. Đặc biệt Marutxia có một tính cách loạn thần kinh rất khó chịu, thường lăng mạ và đánh các bạn gái của chính mình nữa, luôn luôn cãi nhau với bọn con trai vì những chuyện hết sức nhỏ nhặt, tự coi mình như là một người “bỏ đi”, và đối với mọi lời phê bình và khuyên bảo cứ trả lời đều một mực:

- Xin đừng tốn công như thế. Tôi là một đứa con gái bỏ đi.

Raitxa thì to lớn, bản thủ, lười biếng, hay cười, nhưng chẳng ngu ngốc chút nào, và trình độ văn hóa tương đối khá. Trước kia nó đã học trường trung học, và các cô giáo của chúng tôi khuyên nó nên chuẩn bị vào trường trung học công nông. Cha nó trước kia làm nghề chữa giày ở tỉnh chúng tôi, đã bị giết chết cách đây hai năm, vì một chuyện dâm dăng bợm bãi, mẹ nó uống rượu và sống vất vưởng khổ sở. Raitxa nhất định nói rằng đó không phải là mẹ nó, rằng nó bị bán cho nhà Xôkôlôp từ tám bé, song bọn trẻ quả quyết bảo là Raitxa nói láo:

- Rồi nó sắp sửa kể rằng bố nó là một ông hoàng cho mà xem.

Raitxa và Marutxia giữ một thái độ độc lập với bọn con trai và được chúng kính trọng một phần nào vì đã là những “dân chạy” cũ và thành thạo; vì thế nên cả hai mới được Michiaghin và những đứa cùng bọn cho biết ít nhiều chi tiết quan trọng bí mật về những việc làm ám muội của chúng.

Từ khi thăng Michiaghin đến, thì những phân tử “cóm” của trại được tăng cường cả về số lượng lẫn chất lượng.

Michiaghin là một đứa ăn cắp đại tài, khéo léo, thông minh, may mắn và táo bạo. Đã thế, nó lại thêm có vẻ dễ ưa hết sức. Nó trạc tuổi độ mười bảy tuổi, có lẽ hơn một tí.

Mặt nó có cái “tướng đặc biệt”, có một không hai: đôi lông mày nó là những túm lông rậm rạp, hoàn toàn trắng phơ như tuyết. Theo lời nó nói thì cái dấu hiệu đó thường làm hại công việc của nó, hay bị hồng ắn. Nhưng nó vẫn không hề nghĩ rằng nó có thể làm việc gì khác được.

Ngay tối hôm đầu tiên đến trại, nó nói chuyện với tôi một cách rất tự do và thân thiết hết sức:

- Tụi trẻ vẫn ca tụng bác, bác Antôn Xêmiônôvich ạ.

- Tốt lắm, thế thì sao?

- Thì hay lắm. Nếu chúng nó yêu mến bác, thì dễ cho chúng nó hơn.

- Như vậy thì cả chú, chú cũng phải yêu tôi chứ.

- Tôi thì khác... Tôi sẽ không ở trại lâu đâu.

- Tại sao vậy?

- Ở làm gì mới được chứ? Bề nào thì tôi cũng sẽ cứ ăn cắp.

- Đó là một thói quen mà người ta có thể bỏ được.

- Có lẽ, nhưng tôi nghĩ rằng chẳng có lý do gì cả.

- Chú chỉ làm điều đấy thôi, Michiaghin ạ.

- Không điều tí nào hết. Ăn cắp thú vị và vui lắm chứ. Chỉ có điều là phải biết cách, với lại đừng có trêu vào bất cứ ai. Có hàng tạ những cửa khỉ trời sinh ra để mà chịu mất cắp, và có những người khác thì ăn cắp của họ là một tội lỗi.

- Về điểm ấy thì chú nói đúng, tôi bảo Michiaghin, nhưng sự ăn cắp không làm hại người bị mất cắp bằng kẻ ăn cắp đâu.

- Hại gì kia chứ?

- Thế này nhé: chú quen tính ăn cắp, và mất thói quen làm việc, chú ăn không ngồi rồi, chú đâm ra rượu chè, và chú thành một người bỏ đi: một tên lưu manh. Thế rồi là nhà tù, và những hậu quả theo liền đó...

- Ở nhà tù thì cũng vẫn cứ là người. Có khối đứa được tự do mà sống khổ hơn là ở tù. Biết thế nào mà nói được.

- Chú đã nghe nói tới Cách mạng tháng Mười rồi chứ?

- Rõ chuyện! Tôi tham gia với Xích vệ quân.

- Thế thì đây, bây giờ mọi người sẽ không còn sống như là họ ở tù nữa.

- Cái đó thì còn phải đợi xem đã, Michiaghin nghĩ ngợi. Tụi đều cáng thì bao giờ mà chẳng còn, có khối ra đấy. Bề nào thì rồi chúng cũng lại chúng nào tạt ấy. Bác cứ nhìn chung quanh trại này xem thử là những đứa như thế nào. Trời, mới gớm chứ!

Khi tôi thanh toán cái sòng bạc đã được tổ chức ra ở trại, Michiaghin từ chối không nói số tiền giấu trong cái mũ lông của nó ở đâu mà ra.

- Chú đã ăn cắp phải không?

- Bác buồn cười thật, bác Antôn Xêmiônôvich ạ! Hừ, tất nhiên là tôi đã chẳng mua nó về. Ở đời còn

có nhiều đũa ngu xuẩn. Tiền này chúng đã chắt đông lại, những đồ ngọc ấy, rồi chúng lại còn lạy lục mà đem dâng cho một bầy những quân đều cáng phuõn bụng. Thế thì việc gì mà tôi lại ngần ngại? Thà là tôi lấy nó đi còn hơn. Và tôi đã lấy đấy. Chỉ có điều là ở cái xá trại của bác đây, đến cất giấu nó cũng không được nữa. Tôi có ngờ đâu bác lại đi khám xét...

- Thôi được. Tôi lấy tiền cho trại. Ta lập biên bản về việc đó ngay lập tức, và cho nó vào mục thu. Bây giờ đây, hãy tạm không nói đến chú.

Tôi nói với bọn trẻ về những vụ ăn cắp.

- Tôi cấm tiệt bài lá. Các chú sẽ không bao giờ được chơi nữa. Như thế là ăn cắp của anh em.

- Thì chúng nó đừng chơi có được không?

- Chúng nó chơi vì ngu ngốc. Trong khi bọn các chú có nhiều người phải ăn đói, phải nhịn đường, nhịn bánh mì. Vì cái sòng bạc đó, Ôptsarenkô đã bỏ trại, và nó đi lang thang khóc ở ngoài phố; ở chợ giời, đời nó sẽ hồng mất thôi.

- Phải, đối với Ôptsarenkô... bị vồ đau thật đấy, Michiaghin nói.

Tôi tiếp tục:

- Thế mà trong bọn các chú không có lấy một người nào bênh vực cho một người bạn yếu. Vậy thì tôi có trách nhiệm bênh vực họ. Tôi không thể nào chịu để các trẻ nuôi phải nhịn đói, và bị hại đến sức khỏe, vì đã trót giẫy vào những quân bài ngu xuẩn kia. Tôi sẽ không để như thế được, và bây giờ thì các chú chọn đi. Tôi lấy làm khó chịu phải khám xét phòng ngủ các chú, nhưng sau khi gặp Ôptsarenkô ở ngoài tỉnh, nó khóc, mà tôi thấy nó gầy rộc người đi, thì tôi quyết định không gượng nhẹ với các chú nữa. Nhưng nếu các chú bằng lòng, thì ta hãy thỏa thuận với nhau rằng không bao giờ chúng ta chơi bài nữa. Các chú có thể lấy danh dự ra mà hứa không? Nhưng tôi chỉ sợ rằng... về điều này, nói cho đúng thì hình như cũng khó lòng tin các chú: Burun đã hứa rồi...

Burun nhảy xổ ra:

- Không đúng, bác Antôn Xêmiônôvich, sao bác nói những điều không đúng sự thực mà bác không lấy làm ngượng thế. Nếu bác cũng lại đi nói sai, thì chúng tôi... Về chơi bài, tôi đã chẳng hứa lời nào sát.

- Đồng ý, xin lỗi chú, đúng đây, tôi không nghĩ đến xin chú hứa về chuyện đó, và hứa chừa cả rượu vôtka nữa, thì là tôi đã lầm.

Tôi không uống rượu vôtka.

Thế thì tốt, thôi không nói đến chuyện ấy nữa. Còn bây giờ chúng ta làm gì nào?

Karabanôp thông thả bước lên hàng đầu: vẻ sắc sảo và duyên dáng, hấp dẫn, và vẫn như mọi khi, hơi điệu bộ một chút. Hắn có dáng khỏe như con bò mộng nuôi trên thảo nguyên và hình như cố ý kìm giữ cái sức mạnh ấy ở trong người.

- Rõ lắm rồi, các cậu ạ. Chơi bài mà vết tuốt của anh em như thế là một việc không nên làm. Có lẽ các cậu ghét tớ đấy, nhưng tớ sẽ chống lại bài lá. Thế này nhé, tớ nói cho các cậu biết: tớ sẽ không bao giờ làm mật thám, nhưng đối với bài lá thì tớ sẽ không nê hà đâu; hay là chính tớ sẽ ra tay, và tớ sẽ cộp đấy. Khi mà tớ thấy thằng Ôptsarenkô nó bỏ đi thì tớ đã nghĩ: có khác gì người ta tống nó ra nghĩa địa không; các cậu biết đấy, đi cớm thì nó chưa thành thuộc. Chính thằng Burun và con Raitxa đã cạo nhẵn ra. Tớ nghĩ như thế này này: hai đứa hãy đi mà tìm nó và đừng có trở về đây trước khi tìm thấy nó.

Burun nhiệt tình đồng ý:

- Có điều, tớ cần cóc gì đến con Raitxa? Một mình tớ thừa tìm thấy nó.

Bọn trẻ nói nhao nhao lên cùng một lượt. Chúng thấy đều thích thú thấy đi tới sự thỏa thuận chung như vậy. Burun tự tay tịch thu tất cả các cỗ bài và vứt nó vào một cái thùng rác. Kalina Ivanovich hỉ hả đem số đường đi:

- Cảm ơn, các cháu nhé! Các cháu đã tiết kiệm cho trại đấy.

Michiaghin theo tôi ra khỏi phòng ngủ:

- Tôi có phải bỏ trại mà đi không?

Tôi buồn rầu trả lời nó:

- Không, tại sao? Chú còn có thể ở lại.

- Dù sao thì tôi cũng sẽ cứ ăn cắp.

- Thì chú cứ ăn cắp, và đi mà cho người ta treo cổ chú lên! Chẳng phải tôi mà sẽ là chú chịu khổ.

Nó để cho tôi đi, vẻ kinh hoàng.

Sáng hôm sau, Burun lên đường ra tỉnh tìm Ôptsarenkô. Bọn trẻ lôi Raitxa đi theo nó. Karabanôp vừa phát vào vai Burun vừa rống lên vang âm cả trại:

- Thế chứ! Ở đất Ukren này vẫn còn có những tay hảo hán!

Zadôrôp đứng ở cửa lò rèn nhìn theo, nghe hết cả răng ra cười. Nó nói với tôi, giọng thân tình, như mọi khi:

- Thực là một bầy hồng quá, nhưng mà cũng vẫn cứ sống được với chúng như thường.

- Thế còn mày, mày là cái thá gì? Karabanôp câu tiết hỏi.

- Tao á? nguyên là kẻ-lên-mây cha truyền con nối, Alecxandơ Zôđôrôp, hiện tại là thợ rèn ở trại Gorki, nó đứng nghiêm tự giới thiệu.

- Nghỉ! Karabanôp đột giọng ra nói và, oai như cóc, [140](#) nó bước qua dọc nhà lò rèn.

Đến tối, Burun dẫn Ôptsarenkô về, thằng này vừa sung sướng vừa đói mềm.

10. NHỮNG “CHIẾN SĨ GIÁO DỤC XÃ HỘI”

Họ là ngăm người, kể cả tôi. Hồi đó người ta gọi chúng tôi là những “Chiến sĩ giáo dục xã hội”. Chính chúng tôi thì không những không hề không tự xưng như thế bao giờ, mà cũng không hề bao giờ nghĩ rằng chúng tôi làm được một kỳ công. Chúng tôi không nghĩ như vậy, trong những ngày đầu của trại cũng như khi ăn mừng kỷ niệm tám năm thành lập trại.

Khi nói đến sự anh hùng, không phải là người ta chỉ nghĩ tới nhân viên của trại Gorki mà thôi; vì thế cho nên trong thâm tâm chúng tôi đã coi danh hiệu ấy như một hiệu kèn gióng lên sự cần thiết để nâng đỡ tinh thần những người công tác ở nhà nuôi trẻ bơ vơ và các trại khác cùng loại với trại chúng tôi.

Hồi bấy giờ có rất nhiều sự nghiệp anh hùng trong cuộc sống xô-viết và trong cuộc đấu tranh cách mạng; công việc của chúng tôi làm, nói về mặt biểu hiện cụ thể cũng như về các mặt thắng lợi, đều là quá ư ít ỏi.

Chúng tôi là những người hết sức bình thường, như mọi người khác, với hàng đồng khuyết điểm. Và sự thực là chúng tôi không thông thạo việc: mỗi ngày công tác của chúng tôi đầy dẫy những sai lầm, hành động do dự, tư tưởng mơ hồ. Chúng tôi chỉ nhìn thấy được, qua một làn sương mù tịt, từng mảnh hình thù cuộc đời sự phạm tương lai của chúng tôi.

Chúng tôi mò mẫm hết sức, cho nên người ta muốn bắt bẻ thế nào cũng được về mỗi bước đi của chúng tôi. Trong công việc của chúng tôi, điểm nào cũng có thể bàn cãi được. Mà khi đem ra tranh luận thì lại càng tệ hơn: những cuộc tranh luận của chúng tôi không làm bật ra ánh sáng.

Chỉ có hai điểm này là không bị ai nghi ngờ: ý chí sắt đá của chúng tôi không bỏ cuộc, quyết tâm làm phận sự đến cùng, dù cho có bị thất bại thảm hại cũng cam. Và còn chính bản thân cuộc sống nữa, cuộc sống của chúng tôi ở trại và cuộc sống ở chung quanh chúng tôi.

Khi mới đến, vợ chồng Ôtxipốp rất ghê tởm các trại viên.^[41] Nội quy của chúng tôi định rằng giáo viên trực nhật ăn cùng trẻ nuôi. Nhưng Ivan Ivanôvich với vợ nhất quyết bảo tôi rằng họ sẽ không ăn cùng ngồi bàn ăn với chúng, bởi vì họ không thể nào nén nổi sự kinh tởm.

Tôi bảo họ:

- Để sau này xem thế nào.

Đến phiên thường trực đêm ở phòng ngủ, Ivan Ivanôvich không bao giờ ngồi vào một chiếc giường của bọn trẻ, mà ở đấy thì chẳng có thứ gì khác nữa. Vì thế nên anh ta chỉ toàn đứng suốt phiên canh. Vợ chồng anh bảo tôi:

- Sao mà bác lại ngồi vào cái giường ấy được! Nó đầy những rận.

Tôi đáp:

- Không sao đâu, rồi sẽ ổn thôi, ta sẽ diệt hết chấy rận, hoặc ta sẽ thu xếp cách nào khác...

Ba tháng sau, không những Ivan ngồi cùng bàn vui vẻ chén với các trại viên, mà anh còn mất cả thói quen đem thìa riêng của mình: anh cầm lấy một trong những chiếc thìa gỗ thường, ở nhà bếp đem lên, bày kín mặt bàn, và chỉ đưa ngón tay chùi qua, gọi là để yên lòng thôi.

Và buổi tối, ở phòng ngủ, giữa bầy trẻ ồn ào, Ivan Ivanôvich ngồi đường hoàng trên một giường để chơi trò “kẻ ăn cắp và mật thám”. Cách thức chơi là đem chia cho các người dự cuộc những mảnh giấy có viết những chữ “kẻ ăn cắp”, “mật thám”, “dự thám”, “thăm phán”, “đạo phủ”, v.v... Ai được làm mật thám thì phải tự xưng ra, rồi cầm ở tay một cái giẻ xoắn chặt và tìm cách đoán xem người nào là kẻ cắp. Tất cả mọi người giơ lòng bàn tay về phía hấn, hấn ta chỉ bàn tay thủ phạm bằng cách vục vào đó một cái. Thường thì hấn vớ phải ông thăm phán hay anh “tò mò”, và những vị công dân đáng kính bị

hắn ngờ vực nhục nhã đó được vụt vào bàn tay hắn phải chia ra bao nhiêu cái là tùy theo số quy định cho tội của hắn. Nếu lần sau anh mật thám đoán trúng thì hình phạt của hắn chấm dứt và hình phạt của anh kẻ ăn cắp bắt đầu. Anh thẩm phán tuyên án: năm hay mười cái vụt thật đau, năm vụt không ác lắm v.v... Anh đao phủ nắm lấy cái giẻ xoắn và làm phận sự.

Vì các vai trò luôn luôn thay đổi, và đến lượt sau anh ăn cắp lại biến thành thẩm phán hay đao phủ, cho nên cái thú của trò chơi chủ yếu là ở chỗ cứ luân phiên chịu tội và báo thù. Anh thẩm phán ác hay anh đao phủ không khoan nhượng mà trở thành mật thám hay kẻ cắp, thì được nhận những đòn trả miếng nặng gấp trăm lần của anh thẩm phán hay đao phủ đương chức, nhắc nhở cho họ nhớ họ đã xử tệ đối với người khác như thế nào.

Êkatêrina Grigôriepna và Lidia Pêtrôpna cũng chơi trò ấy, nhưng đối với các chị bọn trẻ xử sự ra lỗi mã thượng: nếu một chị bị tóm đúng là kẻ cắp, thì chúng tuyên án hình phạt nhẹ nhất; anh đao phủ thi hành án quyết lấy bộ mặt hiền từ nhất và chỉ cầm giẻ vuốt khẽ lên làn da mịn màng của cái lòng bàn tay đàn bà ấy.

Chơi với tôi, trước hết chúng chỉ muốn thử sức chịu đựng của tôi ra sao, bởi thế nên tôi không còn cách nào khác hơn là cố gan lì. Khi tôi là thẩm phán, tôi ban cho các cậu kẻ cắp những hình phạt nặng đến nỗi chính các cậu đao phủ cũng phát hoảng, và khi được thi hành các án quyết thì tôi làm việc thật cẩn thận, thậm chí khiến cu cậu nạn nhân đến phải bỏ cả thể diện mà kêu lên:

- Bác Antôn Xemiônôvich, thế này thì còn là chơi bời gì nữa chứ!

Nhưng ngược lại tôi cũng được chúng đối xử lại ra trò: bao giờ tôi cũng trở về phòng với bàn tay trái sưng phù lên; đôi bàn tay thì mất sỡ diện, và tôi cần giữ bàn tay phải để viết lách.

Ivan Ivanôvich đã nhát gan chơi cái sách lược đàn bà, và lúc đầu bọn trẻ còn gượng nhẹ anh ta. Tôi có ý kiến với anh ta, bảo anh rằng làm như vậy là không tốt, bọn trẻ cần phải có sức chịu đựng và phải gan dạ. Chúng không nên sợ nguy hiểm, và nhất là sợ đau đớn nhục thể. Anh ta không đồng ý với tôi.

Một buổi tôi chơi cùng tổ với anh ta, được làm thẩm phán, tôi tuyên án cho anh mười hai cái vụt cật lực và đến lượt sau, trở thành đao phủ, tôi vụt giẻ quần vun vút, bỏ vào bàn tay anh không thương hại. Anh phát cáu và sau đó trả thù lại tôi. Một chú “cánh hẩu” của tôi không chịu bỏ qua cái cách đối xử với tôi như thế mà không trừng phạt, đã bắt buộc anh ta phải giơ bàn tay kia ra chịu đòn.

Tôi hôm sau, Ivan Ivanôvich có ý muốn chuồn cái “trò chơi dã man” đó, nhưng hết thầy các trại viên nói mĩa, anh ta đâm xấu hổ. Về sau, anh vinh diệu chịu đựng trò thử thách ấy, không nịnh nọt khi làm thẩm phán, và cũng không mất tinh thần trong vai mật thám hay kẻ cắp.

Vợ chồng Ôtxipôp thường than phiền là họ tha về phòng họ nhiều chấy rận quá. Tôi bảo họ:

- Chồng chấy rận không phải là ở phòng riêng của mình, mà là ở phòng ngủ...

Và chúng tôi ra sức chống. Cố gắng lắm chúng tôi mới có được cho mỗi lưu trú sinh hai bộ quần áo lót mình, hai bộ mặc ngoài. Những bộ mặc ngoài này vá víu trăm mảnh, nhưng được cái đã qua lò hấp cho nên chỉ còn ẩn giấu rất ít rận. Trừ khử rận hoàn toàn cũng không phải là mau chóng xong được, vì luôn luôn có những trại viên mới đến, vì phải tiếp xúc với nông dân và nhiều nguyên nhân khác nữa.

Công việc của giáo viên chính thức phân chia thành phần tổng trực nhật, phần công tác lao động, và phần trực dạ. Ngoài ra còn phải lên lớp trong buổi sáng.

Phần tổng trực nhật là một công việc khổ sai thực sự, suốt từ năm giờ sáng cho đến giờ báo hiệu đi ngủ. Đến lượt ai làm thì người đó phải điều khiển tất cả mọi hoạt động trong ngày hôm ấy, kiểm soát việc cung cấp ăn uống và tiến hành công tác, giải thích cho những đứa có chuyện khiếu nại, kết toán các vật phẩm và kiểm tra những dự trữ của Kalina Ivanovich, trông nom việc thay quần áo mặc trong

mặc ngoài. Công việc của người đó nhiều đến nỗi, ngay từ hồi bắt đầu sang năm thứ hai, đã phải cho những trại viên cũ, có đeo băng đỏ ở cánh tay để phân biệt, phụ giúp thêm vào đấy.

Giáo viên đến lượt công tác lao động thì chỉ tham gia bất cứ một công tác lao động nào, thường là một công tác có đông trẻ nuôi hoặc trẻ mới đến nhất. Giáo viên tham gia thực sự vào đấy – trong những điều kiện của chúng tôi, không thể nào làm khác được – giáo viên lao động ở các xưởng, chế củi, ra đồng, làm vườn rau hoặc các việc sửa chữa ở khu trại mới.

Không bao lâu, phần việc trực dạ rút lại hầu như chỉ còn là một hình thức: tối đến, tất cả các giáo viên, dù là trực nhật hay không, thấy đều có mặt ở phòng ngủ. Kể thì như vậy cũng chẳng có gì đáng khen họ: ngoài nơi đó chúng tôi chẳng còn đi đâu được hết. Ở lại các phòng trống trơn của chúng tôi thực chẳng thú vị chút nào và lại còn có phần đáng sợ, vào những giờ buổi tối, dưới ánh sáng leo lét của những ngọn đèn đêm, trong khi đó thì ở căn phòng lớn, sau châu uống trà buổi tối, các trại viên mặt mày hớn hờ, mắt nhìn hau háu, nóng lòng rình đợi chúng tôi bước vào. Chúng đã dự bị sẵn vô số chuyện, thực cũng có, huyền hoặc cũng có, với hàng đồng câu hỏi chỉ đợi tung ra về các vấn đề thời sự, triết lý, chính trị, văn học, và đủ mọi thứ trò chơi, bắt đầu là “mèo với chuột” để kết thúc bằng “kẻ cắp với mật thám”. Ở cái hội trường đó cũng đem ra bàn cãi những việc linh tinh trong đời sống chúng tôi, như các việc đã thuật lại ở trên; người ta nói xấu các ông bạn láng giềng, những nông dân trong xóm, thảo luận về những chi tiết sắp đặt trại mới và về cuộc đời hạnh phúc chờ đợi chúng tôi ở đây.

Có đôi khi Michiaghin kể chuyện. Nó tỏ ra là một tay kể chuyện có tài lạ lùng, nó biết dẫn dắt câu chuyện với những yếu tố diễn xuất kịch trường và những nét mặt điệu bộ phong phú. Michiaghin yêu các trẻ nhỏ, và những đứa say sưa nghe chuyện nó kể. Những chuyện đó không mấy khi có tính chất thần bí: các nhân vật đều là những nông dân, có người ngờ nghệch, có người thông minh, những tên quý tộc khờ dại và những thợ thủ công tinh khôn, những tay kẻ trộm, táo bạo, may mắn, và những viên cảnh sát bị lừa, những người lính dững cảm bao giờ cũng thắng trận, và những người giáo sĩ ngu ngốc béo ị.

Chúng tôi thường tổ chức những cuộc đọc sách nghe chung buổi tối. Ngay từ ngày đầu tiên, tủ sách của chúng tôi đã bắt đầy được thành lập với những sách tôi mua hay xin được của các tư nhân. Đến cuối mùa đông chúng tôi đã có hầu hết các sách cổ điển, và khá nhiều sách chính trị và nông nghiệp nữa. Chúng tôi may mắn vớ được, trong các kho chứa chẳng ai dòm ngó tới của sở Giáo dục tỉnh, một lô sách lớn phổ biến khoa học.

Nhiều trại viên thích đọc sách, nhưng khó lòng thấy mấy ai đọc trọn vẹn được cả một quyển. Vì thế nên chúng tôi mới tổ chức những buổi đọc to, thường thường ai cũng dự nghe. Người đọc là tôi, hoặc Zadôrôp, hắn có một giọng đọc rất rõ ràng khúc chiết. Trong mùa đông đầu tiên chúng tôi đọc nhiều Puskin, Kôrôlenkô, Mamin Xibiriak,^[42] Vêretxaep,^[43] và nhất là Gorki.

Những tác phẩm của Gorki gây cho nhóm quần chúng của chúng tôi một cảm xúc mạnh nhưng không nhất trí. Karabanôp, Taranet, Vônôkhôp và nhiều đứa khác rất cảm cái lãng mạn tính của Gorki, nhưng không ưa cái lối phân tích của ông. Mắt chúng nảy lửa khi nghe “Maka Tsudra”,^[44] nhân vật Ignat Gordêiep^[45] khiến chúng thốt ra những tiếng ồ! và hoa nắm tay lên, song chúng rất chán tẩn bi kịch “Ông cụ Ackhip và Lenka”.^[46] Cái cảnh ông già Gordêiep nhìn chiếc thuyền “Bôlarynia” của ông bị băng vỡ trôi phá hủy khiến Karabanôp rất thú. Bộ mặt căng thẳng, nó cảm kích kêu lên bằng một giọng diễn viên bi kịch:

- Thế mới đáng mặt là một người giỏi! Ôi! Giá thử ai cũng được như ông ta!

Nó cũng nghe say sưa như thế đoạn tả cái chết của Ilia trong truyện “Ba người”.

- Thật là một tay can trường! Chết như thế mới là chết chứ: đập vỡ đầu vào đá...

Sự cảm hứng của những chú lãng mạn làm cho Michiaghin, Zădôrôp, Burun cười ra vẻ khoan dung và chúng chế giễu thẳng thừng:

- Này đồ ngốc ạ, bảo cho chúng mày biết là chúng mày đêch hiểu gì cả nhé.

- Tao mà không hiểu gì ấy à?

- Chứ lại gì? Đập vỡ đầu vào một hòn đá thì có gì là hay ho? Cái thằng Ilia ấy ngu như bò và là một đồ vô dụng... động có một ả nào liếc mắt đưa tình, là vãi nước mắt ra. Tao ấy à, ở vào địa vị nó thì tao còn vắn cổ thêm một thằng lái buôn khác nữa, cái bọn chúng nó thì cứ là phải tố ra cho kỳ hết, kể cả lão Gordêiep của mày nữa.

Hai phe chỉ đồng ý với nhau về nhân vật Luka trong “Dưới đáy”. Karabanôp ngheo đầu ngheo cổ nói:

- Những của ngang phè ấy toàn là những đồ vô tích sự. Nó cứ kêu la làm cho mọi người chán ngấy, thế rồi dùng một cái chẳng thấy hình bóng đâu nữa, nó đã cút thẳng. Mình biết có những thằng như thế đấy.

- Luka là một thằng xảo quyệt, nhưng mà láu cá, Michiaghin nói. Nó làm ăn cứ im như không, cái gì nó cũng hiểu, cho nên nó đi đâu cũng lọt tuốt. Khi thì nó mưu mô gian xảo, khi thì ăn cắp, khi thì ra vẻ hiền như bụt. Cứ như thế, nó sống đấy.

“Thời thơ ấu” và “Đi kiếm ăn”^[47] khiến tất cả bọn chúng cảm động hết sức. Chúng nín thở mà nghe đọc và yêu cầu cứ đọc tiếp “dù cho đến nửa đêm” cũng được. Mới thoát đầu chúng không tin tời, khi tời kể cho chúng nghe chuyện thật về đời sống của Maxim Gorki, vì cuộc đời ấy khiến chúng ngạc nhiên quá đỗi, rồi bỗng câu hỏi này làm cho chúng say sưa:

- Thế nghĩa là rút cục lại thì Gorki cũng là một người như bọn mình thôi chứ gì? Hà, kể cũng tuyệt thật đấy nhỉ!

Ý nghĩ đột ngột ấy khiến chúng vui sướng tràn trề.

Cuộc đời của Maxim Gorki trở thành một phần cuộc đời của chúng tời. Những giai đoạn của nó đối với chúng tời là cả một kho tài liệu cho chúng tời đem ra so sánh, tìm những tên hiệu, dùng làm đề mục để thảo luận và làm mục thước để đo những giá trị con người.

Khi cái trại nhi đồng V. Kôrôlenkô đặt trụ sở ở cách trại chúng tời ba cây số, các trẻ nuôi của chúng tời không ghen tị lâu về cái tên bảo hộ của nhà văn đó. Zădôrôp nói:

- Đối với tụi nhóc ấy thì đặt tên là bọn Kôrôlenkô thật ăn khớp quá đi mất.^[48] Còn chúng mình, thì chúng mình là bọn Gorki.

Kalina Ivanôvich cũng đồng ý như thế.

- Cái ông Kôrôlenkô ấy, tời đã gặp mặt, và tời còn nói chuyện với ông ta nữa: một người rất mực đứng đắn. Nhưng còn các chú, thì nói về phương diện lý luận cũng như về phương diện thực tiễn, các chú tất nhiên đều là bọn ăn mày cả.

Chúng tời mang tên là trại Gorki không do một quyết định hay một sự xác nhận chính thức nào hết. Chúng tời tự gọi như thế, khiến ở ngoài tỉnh người ta cũng quen đi dần mà không phản đối một mảy may nào về những con dấu và con niêm mới của chúng tời khắc tên nhà văn. Có điều đáng tiếc là chúng tời phải mất nhiều thì giờ hơn để liên lạc bằng thư với Maxim Gorki, vì ở tỉnh chúng tời không một ai biết địa chỉ của ông hết thảy. Mãi đến năm 1925, chúng tời mới đọc thấy trong một tờ tuần báo có tranh ảnh, một bài nói về đời sống của Gorki ở nước Ý; trong bài có ghi tên ông viết sang tiếng Ý: Massimo Gorky. Thế là chúng tời gửi vu vơ cho ông một bức thư dưới cái địa chỉ cực kỳ là ngắn:

Massimo Gorky, Italia.

Những truyện và tiểu sử của Gorki làm cho cả lớn lẫn bé đều say mê, mặc dầu những đứa sau này hầu hết đều không biết chữ.

Trại chúng tôi có mười hai đứa vào loại trẻ từ mười đến mười lăm tuổi ấy. Tất cả cái giới tí hon đó đều rất linh hoạt, tinh quái, hay ăn cắp vặt tí chút, và thường xuyên là lem luốc đến cùng cực. Bao giờ chúng nó cũng đến trại trong một tình trạng thảm hại: gầy nhom, bị bệnh tràng nhạc, và ghẻ lở. Êkatêrina Grigôriepna, chị phụ trợ y tế và y tá tự nguyện của chúng tôi, luôn luôn trông nom săn sóc chúng. Mặc dầu tính chị nghiêm nghị, lúc nào chúng cũng cứ quẩn lấy váy chị. Chị biết mắng mỏ chúng như người mẹ, biết tất cả những nhược điểm của chúng, không tin lời một đứa nào hết thảy (tôi thì không bao giờ bỏ được cái tính xấu ấy), không bao giờ làm ngo cho chúng một tội nhỏ nào, và tức giận la hét vì mọi chuyện tình nghịch đều cáng của chúng.

Nhưng ngược lại, chị có cái tài tuyệt diệu nói với một đứa nhỏ, bằng những lời lẽ đượm tình người rất mực đơn giản, về mẹ nó, về tương lai nó sẽ làm gì sau này: thủy binh, sĩ quan Hồng quân, kỹ sư; chị cảm thông được sâu rộng tất cả sự tai hại ghê gớm mà một cuộc sống bị nguyên rửa và ngu xuẩn đã gây nên cho những đứa trẻ đó. Ngoài ra, chị lại còn biết cách vỗ chúng cho trở lại béo tốt: giấu giếm vi phạm tất cả những quy tắc và luật lệ quản trị của trại, chị chỉ dùng một lời nói ngọt ngào mà thắng được thái độ mặt sắt vô tư của Kalina Ivanôvich.

Những trại viên cũ, thấy mối quan hệ quẩn quít giữa bầy trẻ nhỏ và Êkatêrina Grigôriepna, không những không làm trở ngại chị, mà trái lại, bao giờ chúng cũng nhận với một độ lượng bao che, giúp đỡ những việc vặt mà chị nhờ cậy chúng: trông cho một đứa nhỏ tắm tấp tử tế, cho nó rửa mặt mũi cẩn thận, ngăn cấm chúng hút thuốc, xé rách quần áo, đánh nhau với thằng Pierô vân vân.

Phần lớn là nhờ có Êkatêrina Grigôriepna mà ở trại chúng tôi đứa lớn bao giờ cũng yêu đứa bé, và bao giờ cũng đối xử với chúng như người anh cả: âu yếm, cương quyết và ân cần chăm sóc.

11. THẮNG LỢI VỀ CÁI MÁY GIEO HẠT

Càng ngày càng thấy rõ rằng việc phát triển nông nghiệp ở trại thứ nhất của chúng tôi rất khó khăn. Càng ngày chúng tôi càng hướng nhìn về cái trại ấp mới, trên bờ sông Kôlômak, với những vườn cây ăn quả mùa xuân hoa nở rộ tung bùng, và những cánh đồng đất đen màu mỡ bóng nhẫy.

Song công việc sửa chữa tiến hành hết sức chậm chạp. Những thợ mộc mà chúng tôi sử dụng với một số lượng rất thấp, dựng những nhà tranh thôn quê còn biết làm tạm được, nhưng động đến một kiểu nhà mái phức tạp một chút thì chẳng biết lần mò ra sao nữa. Chúng tôi không tài nào kiếm ra được kính cửa, dù có bạc có vàng cũng chịu, huống hồ chúng tôi lại chẳng có gì. Tuy nhiên đến cuối mùa hè đã có hai hay ba tòa nhà sửa lại trông cũng tươi, nhưng thiếu kính cửa thì không tài nào ở được. Chúng tôi đã tu sửa xong hẳn một vài ngôi nhà nhỏ, nhưng phải để làm chỗ ở cho các thợ mộc, thợ chữa lò và những người canh gác. Chuyển bọn trẻ đến đây là chuyện vô nghĩa, vì chưa có các xưởng và chưa có canh tác đi vào nền nếp, thì ở đây chúng chẳng có công việc gì làm cả.

Các trẻ nuôi của chúng tôi hàng ngày đi sang trại thứ hai, ở đây chúng làm một phần lớn công tác. Về mùa hè, độ một chục đứa, sống dưới lều vải, trông nom các vườn cây ăn quả. Chúng gửi về trại chính hàng mấy xe lớn đầy ắp lê táo. Nhờ có chúng các vườn cây quả ở trại Trepko, dù chưa phải là thực sự giồng giọt, nhưng trông cũng có vẻ tạm được.

Dân làng Gôntsarôpka đã rất đỗi ngạc nhiên thấy có những người chủ mới đến ở cái trại đổ nát mà lại là những người chủ tiếng tăm xấu và rách rưới đến thế, đồng thời cũng khả nghi nữa. Một sự bất ngờ cho tôi, là cái phiếu cấp cho chúng tôi sáu mươi dêxiatin ruộng đất cơ hồ bỗng trở thành một mảnh giấy trò đùa: vì nông dân đã khai hoang tất cả các ruộng đất của nhà họ Trepko từ năm 1917 rồi. Sự phân vân do dự của tôi khiến các ông ở ngoài tỉnh mỉm cười:

- Một khi các anh đã có phiếu, thì còn làm lẩn gì nữa, ruộng đất là của các anh: các anh cứ việc bắt tay vào mà làm việc đi.

Song Xecgây Pêtrôvich Grêtsany, ông chủ tịch xô-viết thôn, lại có ý kiến khác:

- Ông cũng hiểu việc này có ý nghĩa như thế nào đấy: một khi người nông dân cần cù đã được ruộng đất, theo đúng sự hợp pháp của pháp luật, thì có nghĩa là họ sẽ vẫn cứ tiếp tục cày cấy. Và nếu sau đó, lại có người nào viết những phiếu phèo với giấy tờ này khác, thì cái người đó, chắc chắn và nhất định như thế, hẳn cầm dao đến đâm vào lưng những người lao động đấy. Cho nên ông cứ để yên tờ phiếu của ông đấy, đừng làm gì cả thì tốt hơn.

Những con đường nhỏ đi sang trại thứ hai đều ăn thông ra sông Kôlômak, và phải qua sông bằng thuyền. Chúng tôi tổ chức điểm vận chuyển của chúng tôi trên sông đó bằng cách đặt một trại viên giữ việc thường trực chờ đò ở đấy. Chuyên chở bằng xe tải, và bằng ngựa nói chung, thì chỉ đi vòng lối cầu Gôntsarôpka mới có thể qua sông được. Ở làng ấy, chúng tôi được một sự tiếp đón khá là hân thù. Trông thấy đoàn đánh xe lếch thếch của chúng tôi, các trai làng cười gằn:

- Này, các chú đeo tã rách kia! Đến bao giờ thì các chú mới thôi gieo rắc chấy rận lên cầu của chúng tôi hử? Sang bên ấy các chú chỉ mất thì giờ toi! Rồi thế nào người ta cũng có cách tống cổ các chú ra khỏi trại Trepko thôi!

Chúng tôi đến ở làng Gôntsarôpka, không phải là với tư thế những người hàng xóm hòa bình, mà với tư thế những kẻ phá quấy và đi xâm chiếm. Ở cái trận địa quân sự ấy, giả thử chúng tôi không giữ vững thanh thế và không tỏ ra là sẵn sàng chiến đấu, thì thế nào chúng tôi cũng mất ruộng đất và mất luôn theo cả trại. Các nông dân nhận thấy rằng chuyện tranh chấp sẽ không phải giải quyết ở các bàn giấy, mà là ở ngay đây, trên cánh đồng này. Đã ba năm nay họ cày cấy những ruộng đất của họ Trepko, và

như thế là họ đã có được một thứ thời hiệu, để dựa vào đây mà phản kháng. Họ phải kéo dài cái thời hiệu ấy cho bằng được, vì tất cả hy vọng thành công của họ đều nằm trong đường lối chính sách đó.

Rập theo đúng cung cách ấy, triển vọng thắng lợi duy nhất của chúng tôi là phải bắt tay vào khai thác những ruộng đất bị tranh chấp càng sớm càng hay.

Trong mùa hè, các trắc lượng viên đã tới đo phần đất của chúng tôi, nhưng họ sợ không dám lộ mặt ra ngoài đó với các dụng cụ đo đạc, và chỉ hướng dẫn trên bản đồ cho chúng tôi biết chúng tôi phải vạch đường ranh giới khu đất của chúng tôi qua những rãnh, khe và bụi rậm nào. Cầm tờ biên bản của họ, tôi đi sang Gôntsarôpka, đem theo những đứa trẻ lớn tuổi nhất của tôi.

Chủ tịch xô-viết thôn bây giờ là người quen cũ của chúng tôi, Luka Xêmiônôvich Veckhola. Bác tiếp đãi chúng tôi rất tử tế, và mời chúng tôi ngồi, nhưng không buồn nhìn đến cả tờ biên bản của các trắc lượng viên.

- Các bạn thân mến ạ, tôi không làm gì được cả đâu. Bà con nông dân cày cấy đất đó đã lâu rồi. Tôi không thể nào làm thiệt hại cho bà con. Các bạn hãy nên xin một khu đất khác.

Khi các dân làng đẩy cày đến trại chúng tôi, tôi liền cầm một tấm biển, nói rằng trại sẽ không trả công cày trên ruộng đất của chúng tôi.

Tôi cũng chẳng tin tưởng gì vào giá trị của những biện pháp như thế, và tôi không tin chỉ vì tôi bị tê liệt bởi ý nghĩ rằng: phải giành lấy đất ở tay những nông dân, những người nông dân chăm chỉ, họ đang cần đến nó cũng như cần không khí.

Nhưng sau đó ít lâu, một buổi tối, Zăđôrôp dắt một thanh niên trong làng mà tôi không quen biết đến phòng ngủ tìm tôi. Vì một lý do gì đó Zăđôrôp có vẻ hết sức kích động.

- Bác hãy nghe hẩn nói, hãy nghe hẩn nói xem!

Karabanôp vừa nhảy một điệu vũ gôpak¹⁴⁹ theo nhịp lời nói, vừa la ầm cả phòng ngủ lên:

- Ầi, ải! Dẫn cái tên Veckhola ấy tới đây cho ta!

Các trại viên vây quanh chúng tôi.

Người khách trẻ tuổi là một thanh niên Kôm-xô-môn làng Gôntsarôpka.

- Thanh niên Kôm-xô-môn các anh ở làng có nhiều không?

- Chỉ có ba người.

- Không có hơn à?

- Bác ạ, hoàn cảnh chúng tôi khó khăn lắm, anh ta nói. Làng chúng tôi là một làng kulăc, cho nên bác cũng thừa thấy rõ là các trại áp năm phần ưu thế. Anh em phái tôi đến nói với bác nên dọn trại bên ấy sang ngay lập tức, rồi mọi sự sẽ xong xuôi, tôi cam đoan với bác thế! Bọn trai nhà bác có chiến đấu tính mạnh đấy. Chà! Giá chúng tôi mà có được những người như các cậu ấy!

- Ủ, nhưng chúng tôi đang có chuyện lôi thôi về ruộng đất.

- Ấy chính vì thế nên tôi mới đến đây. Các bạn cứ dùng sức mạnh mà chiếm lấy đất. Các bác đừng quản ngại gì cái thằng Luka thô lỗ đở lông ấy. Những ruộng đất mà ở ngoài ấy người ta đã cấp cho các bác, bác có biết là của ai không?

- Thế là của ai?

- Nói đi, nói đi, cậu Xpiriđôn!

Xpiriđôn bắt đầu gập các ngón tay lại:

- Của Grêtsany, Andri Kacpôvich...

- Cửa ông già Andri à? Nhưng lão ta đã có một cánh ruộng ở đây.

- Ấy thế đấy... Trong bọn lại còn một tên Grêtsany nữa – Pêtrô, và Ônôpri, một tên Grêtsany khác, rồi Xtômukha, thằng ở gần nhà thờ... à! phải, tên thánh nó là Xêriôga... lại một tên Xtômukha nữa, thằng Iaptukho, và sau cùng là Luka Xêmiônôvich. Đủ rồi đấy. Bọn chúng sáu đứa tất cả.

- Lại có chuyện đến thế được à? Làm sao mà lại ra như vậy? Thế Ủy ban bản nông của các anh để mất đi đâu?

- Ủy ban của chúng tôi, có ăn thua gì. Nguyên do chuyện như thế này: ruộng đất để lại liền với nhà cửa; người ta họp bàn xem nên dùng làm gì. Nhưng xô-viết thôn là bọn họ, cho nên họ đã đem ra chia nhau. Thế đấy!

- Bây giờ thì là chuyện khác! Karabanôp kêu lên. Mày hãy ngồi cho vững, thằng Luka nhé!

Hồi đầu tháng chín, tôi ở ngoài tỉnh về. Lúc ấy vào khoảng hai giờ. Chiếc xe ngựa ghé ngang đồ sộ của chúng tôi đi thung thình. Tôi lắng nghe giọng lảm rầm đơn điệu của Antôn Bratsenkô kể chuyện dài dòng về tính nết con Hung, trong khi óc vẫn nghĩ về các công việc linh tinh của trại.

Bỗng Bratsenkô im bật, chăm chú nhìn ra xa trên đường cái, rướn người lên, quát ngựa, và xe chúng tôi phóng trên mặt đường đá tảng kêu long sòng sọc. Antôn cứ quát roi lên lưng ngựa luôn tay, xưa nay nó có làm như vậy bao giờ đâu, và nó hét bảo tôi cái gì đó. Mãi rồi tôi mới hiểu được là chuyện gì.

- Bọn trai nhà ta... chúng đã lấy cái máy gieo hạt của họ!

Đến chỗ ngoặt, ở cổng trại, xe chúng tôi vừa vặn tránh được khỏi đâm vào một chiếc máy gieo hạt cũng chạy hết tốc lực, với tiếng sắt tây kêu ầm ầm kỳ lạ. Một đôi ngựa hồng lôi kéo nó đi trong một cuộc xung kích điên cuồng, tiếng xe của chúng rung lên bất thường như sấm càn làm cho chúng hoảng sợ. Cái máy gieo hạt ỳnh ỳnh trượt xuống hết con đường đá, làm sỏi cát rít lên lạo sạo rồi lại nảy ầm ỹ trên đường về trại. Antôn vút dây cương lại cho tôi, bỏ nhào từ trên ghế xuống và chạy theo cái máy gieo hạt. Karabanôp và Prikhôtkô vẫn bám được một cách kỳ lạ vào cái máy đó, ở đầu dây cương căng thẳng. Bratsenkô vất vả hết sức mới làm cho cái đoàn xe kỳ khu ấy dừng lại được. Giọng nghẹn ngào vì cảm xúc và nhọc mệt, Karabanôp thuật lại cho tôi nghe những việc vừa xảy ra:

- Các cháu đang lát gạch ở sân. Nhìn ra thấy một cái máy gieo hạt đi đến với năm người, đứa nào đứa nào ăn mặc bánh bao, dương dương tự đắc. Các cháu ra xem: các người ra khỏi đây đi, các cháu bảo. Các cháu có bốn đứa: ngoài hai cháu, là thằng Tsôbô và... ai nữa nhỉ?

- Xôrôka, Prikhôtkô nói.

- Đứng đấy, Xôrôka. Ra khỏi đây đi, cháu bảo, các người sẽ không gieo được đâu, đừng có hòng. Ấy thế là một thằng da thiết bì ở bên chúng, nó có vẻ là một thằng lưu đãng du côn, bác ạ... mẹ kiếp! nó quát luôn một ngọn roi vào Tsôbô. Thế là Tsôbô quát lại cho nó một cái vào lợi. Rồi thì thấy gì? Burun ở đâu xông ra với một cái gậy gộc. Cháu, cháu nắm dây cương kìm chặt ngựa chúng, nhưng lão chủ tịch nhảy bổ vào cháu...

- Chủ tịch nào?

- Còn chủ tịch nào? Thằng Luka Xêmiônôvich tóc đỏ của ta ấy chứ ai? Thế rồi Prikhôtkô đá cho nó một cái vào đít, thế là nó ngã chúi mũi vào một luống cà. Cháu bảo Prikhôtkô: nhảy lên máy gieo hạt đi, rồi ta chuồn, tao chuồn với mày! Các cháu chạy như gió cuốn về Gôntsarôpka, trai làng của chúng nó đứng trên đường, đi lối nào bây giờ?... Cháu quát mạnh ngựa, các cháu xông qua cầu, và sau cùng bỏ ra đường cái... Ba đứa nhà ta còn ở lại bên ấy. Không khéo mà chúng nó bị những thằng cha kia giã cho cẩn thận mất.

Karabanôp đang run cả người lên vì phấn khởi chiến thắng. Prikhôtkô vẫn điềm tĩnh, vừa quán một

điều thuốc lá vừa mỉm cười. Tôi hình dung ra ngay những chương sau của thiên anh hùng ca phi thường ấy: những ủy ban, những cuộc thẩm vấn, tòa án đi lại khám xét...

- Tôi chán ngấy các chú rồi! Các chú lại tổng chúng tôi vào chuyện rắc rối nào thế này nữa không biết!

Và Karabanôp, chung hững hết chỗ nói vì vẽ không bằng lòng lộ trên nét mặt tôi:

- Nhưng đây là chúng nó bắt đầu trước...

- Thôi được, các chú về đi, để rồi xem.

Burun đón chúng tôi ở cổng trại. Trán nó nổi lên một cái bướu thâm tím to tướng, và bọn trẻ cười đùa vây lấy nó. Tsôbô và Xôrôka đang rửa ráy, gần một cái thùng đầy nước.

Karabanôp nắm lấy vai Burun:

- Mà đã chầu được đây à? Mà cừ thật!

- Mới đầu chúng nó còn chạy theo cái máy gieo hạt, rồi khi thấy là không ăn thua gì, chúng nó mới đuổi chúng tao. Ôi trời ơi! Phải biết là phi nước đại nhé!

- Thế chúng nó ở đâu rồi?

- Chúng tao đẩy thuyền qua sông, thế là chúng nó đứng lại trên bờ chửi. Chúng tao để mặc xác chúng nó đấy.

- Ở trại có còn trẻ con ở lại không? tôi hỏi.

- Còn những đứa nhỏ: Tôxka và hai đứa khác. Mấy đứa ấy, thì chúng sẽ không đụng tới đâu.

Một giờ sau, Luka Xêmiônôvich và hai người dân làng khác đến trại. Bọn trẻ tiếp họ tử tế:

- Đến vì cái máy gieo hạt phải không?

Trong buồng giấy tôi, đám trẻ tò mò đông đến nỗi không còn chỗ mà cựa nữa. Tình thế thật là khó xử.

Luka Xêmiônôvich ngồi vào một chiếc ghế và nói:

- Ông cho gọi những đứa trẻ đã đánh tôi, tôi với hai người khác nữa.

- Ông Luka Xêmiônôvich ạ, thế này nhé, tôi nói. Nếu người ta đã đánh ông, thì ông đi mà kiện ở đâu tùy ý. Bây giờ, tôi sẽ không gọi ai hết cả. Ông hãy cho tôi biết ông còn muốn gì nữa và ông đến đây để làm gì.

- Ông từ chối không gọi chúng nó phải không?

- Tôi từ chối.

- À hà! vậy là từ chối à? Thế thì ta sẽ nói lại chuyện ấy ở nơi khác.

- Được lắm.

- Thế ai sẽ đem trả cái máy gieo hạt?

- Trả cho ai?

- Cho chủ nó.

Bác ta chỉ vào một người có bộ mặt lưu đãng đen thui, tóc rậm rịt, vẽ lằm lì.

- Máy gieo hạt của ông à?

- Phải, của tôi.

- Thế thì thế này: máy gieo hạt của ông, tôi sẽ gửi lên dân cảnh khu, làm vật bắt giữ lại vì không

được phép mà đã đem ra làm việc trên cánh đồng của người khác, và tôi yêu cầu ông cho tôi biết tên.

- Tên tôi à? Grêtsany Ônôpri. Nhưng cánh đồng của người khác nào? Đây là của tôi. Xưa nay nó vẫn là của tôi.

- Ta không cần nói đến chuyện ấy ở đây, bây giờ chúng ta lập biên bản về việc xâm phạm đất đai và đả thương các trẻ nuôi trại, đang làm việc ngoài đồng.

Burun lách ra phía trước:

- Chính lão này đã suýt giết chết tôi.

- Việc gì đến mày, thằng kia?... Giết chết mày à? Chả bỏ bản tay!

Đi vào cái giọng như vậy câu chuyện kéo dài rất lâu. Tôi quên giờ ăn bữa sáng, rồi giờ ăn bữa chiều; hiệu lệnh tắt đèn lửa trong trại đã đánh rồi, mà cuộc họp vẫn tiếp tục; giữa chúng tôi và nhóm dân làng vẫn cứ trao đi đổi lại những câu nói khi ôn hòa, khi khích động và đe dọa, khi hóm hỉnh và mỉa mai.

Tôi giữ thái độ kiên quyết, không trả lại máy gieo hạt và đòi viết biên bản. May được cái mấy người dân làng không mang một hình tích gì về trận đánh nhau, còn mấy trại viên thì phô trương các vết thâm tím và xây xát của chúng ra.

Zadôrôp quyết định việc tranh chấp. Hắn đập tay lên bàn và diễn thuyết như thế này:

- Nay bỏ rơi đi thôi, các bố trẻ ạ! Đất là của chúng tôi, và các ông đừng nên gây chuyện lôi thôi với chúng tôi là hơn. Các ông sẽ không đặt chân vào cánh đồng của chúng tôi được đâu. Chúng tôi đây năm mươi người, và toàn là những tay sừng sỏ cả.

Luka Xêmiônôvich suy nghĩ hồi lâu, rồi sau cùng vuốt râu, nói giọng è è:

- Được... Thôi thì ma quỷ bắt các chú đi. Nhưng ít nhất các người cũng hãy trả công cày cái đã.

- Không, tôi lạnh lùng đáp. Tôi đã báo trước các ông.

Lại im lặng.

- Thôi, đồng ý, vậy trả lại máy gieo hạt đi.

- Ông hãy ký vào biên bản của các trắc lượng viên.

- Được... Đưa đây ký.

Sang thu, chúng tôi cũng cứ gieo lúa hắc mạch ở trại thứ hai. Ai cũng là nhà nông học cả. Kalina Ivanôvich hiểu biết ít về nông nghiệp, những người khác lại càng hiểu biết ít hơn, nhưng ai ai cũng thích thú được làm việc với bắp cày và máy gieo hạt, chỉ trừ có Bratsenkô. Nó làm việc vất vả và ghen với người khác, nguyên rửa ruộng đất, lúa hắc mạch và những háo hức nông nổi của chúng tôi:

- Lúa mì làm chưa đủ, chúng lại còn muốn lúa hắc mạch!

Đến tháng mười, tám đêxiatin đất đã phủ màu xanh sáng sữa của những mầm non. Kalina Ivanôvich hãnh diện chìa cái can đầu bịt cao su về chân trời phía đông mà nói:

- Về phía đó, mày ạ, phải gieo biễn đậu. Biễn đậu là một thứ cây tốt.

Con Hung và con Thổ-phỉ suốt ngày cày đất tiếp vụ xuân, và mỗi buổi chiều Zadôrôp trở về mệt nhọc, bụi bám đầy người.

- Tao chán ngấy! cái công việc dân quê này mệt lắm. Tao trở về lò rèn đây.

Việc đang làm nửa chừng thì tuyết xuống. Bước đầu làm được như thế cũng là dễ chịu.

12. BRATSENKÔ VÀ ÔNG ỦY VIÊN CUNG CẤP LƯƠNG THỰC

Sự phát triển nông nghiệp của trại chúng tôi tiến hành theo một quá trình đầy những sự kỳ lạ và thử thách. Thực kỳ lạ mà Kalina Ivanôvich, vì cố đâm ăn xôi mà quấy rầy mọi người, nhân dịp thanh toán một cơ quan nào đó, đã xin cho bằng được một con bò cái già, nó “bẩm sinh chẳng biết đẻ cái gì cả”, theo chính lời bác nói. Cũng kỳ lạ rằng chúng tôi được một cơ quan kinh tế cực đoan nọ, chỉ có quan hệ rất xa xôi với chúng tôi, lại cho chúng tôi một con ngựa cái đen, cũng già không kém, ổng bụng, bắt kham và dở hoắc. Cũng kỳ lạ rằng những xe chở hàng bốn bánh, xe araba,^[50] và cả một chiếc pha-tông^[51] nữa, đã xuất hiện trong các nhà xe của chúng tôi. Chiếc xe sau này, kiểu song mã, trông rất đẹp, hợp với thị hiếu của chúng tôi hồi đó, và rất là tiện dụng, song chẳng có sự kỳ lạ nào có thể kiểm ra cho chúng tôi được một đôi ngựa tương xứng với nhau hết.

Mã phu trưởng của chúng tôi là Antôn Bratsenkô, thay chân cho Gut, chuyển sang xưởng đóng giày. Là một gã rất cương quyết và đầy tự ái, Antôn Bratsenkô đã phải trải qua nhiều phút đắng cay khi ngự trên ghế cỗ xe đặc biệt ấy, mỗi lần nó phải chỉ huy một cặp gồm có con Hung, ngựa tồi gầy đét, cao ngồng, và con ngựa cái đen, béo lùn và khập khiễng, mà nó đã đặt tên cho là Thổ-phỉ một cách hết sức oan uổng. Thổ-phỉ cứ đi mỗi bước lại khụy xuống, có khi lặn kèn ra đất ở ngay giữa thành phố, phá tan nát cả sự uy nghi tề chỉnh của cỗ xe, mà Antôn phải làm thế nào phục hồi lại cho được, dưới những lời trêu ghẹo nhạo báng của những anh em xà ích và bọn nhãi trên hè phố. Thường thì Antôn chịu không nổi những lời chế giễu ấy và quay ra đánh nhau hùng hổ với những khán giả không mời mà đến đó, như thế càng làm cho các chuồng ngựa của trại Gorki thêm mất uy tín.

Antôn Bratsenkô rất thích đả nhau trong bất cứ trường hợp nào; còn nói đến chuyện cãi lộn thì nó đánh bại mọi địch thủ, vì trong các cuộc đấu khẩu ấy nó có sẵn cả một kho dồi dào những tiếng thích hợp, những giọng lưởi nhục mạ và những điệu bộ rất tài tình.

Nó không phải là một đứa trẻ vô thừa nhận. Bố nó làm bánh mỳ ở ngoài tỉnh, nó có mẹ, và là con một của những bậc cha mẹ đáng kính ấy. Nhưng ngay từ những năm còn nhỏ, nó đã chán ghét nhà cửa, nó chỉ về đây để ngủ thôi, và đánh bạn thân thiết với những con nhà lêu lổng và kẻ cắp ngoài tỉnh. Nó đã tỏ ra một tay xuất sắc trong nhiều chuyện phiêu lưu táo bạo và thú vị, đã nhiều lần bị giam tạm, để sau cùng sa vào trại chúng tôi. Nó chưa quá mười lăm tuổi, bảnh trai, tóc uốn quăn, mắt xanh lam, thân hình đều đặn. Antôn cực kỳ thích thú thổ lộ tâm tình và không thể chịu ngồi cô độc được lấy một lúc. Không biết nó đã học được ở đâu để biết đọc, nó thuộc tất cả các truyện phiêu lưu từ đầu đến cuối, nhưng muốn gì thì gì nó cũng nhất định không chịu học hành, thành thử tôi bắt buộc phải cưỡng bức nó ngồi vào bàn học. Hồi đầu nó bỏ trốn luôn, nhưng rồi hai ba hôm sau lại trở về trại, tuyệt nhiên không nghĩ gì là mình đã phạm lỗi cả. Nó cũng có cố gắng chống đối lại bản tính lưu đàng của nó và yêu cầu tôi.

- Bác Antôn Xêmiônôvich, xin bác cứ nghiêm ngặt với cháu hơn nữa, nếu không thì thể nào cháu cũng sẽ trở thành một thằng ăn mày mất.

Ở trại nó không ăn cắp cái gì bao giờ, nó thích bênh vực chính nghĩa, nhưng nó hoàn toàn không thể nào hiểu được sự hợp lý của kỷ luật, nó chỉ chấp nhận kỷ luật chừng nào nó đồng ý được với sự bắt buộc này hay bắt buộc nọ, trong từng trường hợp cá biệt mà thôi. Nó chẳng thừa nhận một nghĩa vụ hay một qui tắc nào của trại hết thảy, và không hề giấu giếm gì sự đó. Nó có nể sợ tôi một tí, nhưng không bao giờ chịu nghe cho đến hết lời, ngay cả những câu tôi trách mắng nó. Nó ngắt lời tôi bằng cả một thôi hùng biện hăm hở, bao giờ cũng kể tội những kẻ thù rất đông của nó về đủ mọi sự bất công, đổ lỗi cho chúng là nịnh hót tôi, bảo chúng là những đứa vu cáo, những đứa bất lực, giờ roi đe dọa những kẻ thù vắng mặt, rồi tức giận sôi lên sùng sục, nó bước ra khỏi buồng giấy tôi, đóng sầm cửa lại. Đối với

các giáo viên nó thô lỗ không thể nào chịu được, nhưng trong sự thô lỗ ấy vẫn có một vẻ gì dễ thương, khiến các giáo viên không lấy làm giận. Giọng nói của nó không có gì là đều đặn. Cả đến ác ý cũng không, vì trong đó bao giờ cũng nổi lên rõ rệt một nhiệt tình đầy nhân tính, và nó không bao giờ cãi lộn với ai vì những động cơ ích kỷ.

Lòng yêu thích ngựa và nghề mã phu không bao lâu đã trở thành nguyên tắc chỉ đạo hành vi xử sự của nó. Khó mà hiểu được nguồn gốc của cái tình yêu đó. Do sự giáo dưỡng của bản thân, nó hơn hẳn một số lớn các trại viên khác, cho nên nó nói rất đúng ngôn ngữ thành thị, mà nó tô điểm thêm bằng một vài tiếng Ukren, hoàn toàn chỉ để làm điệu mà thôi. Nó cố gắng ăn mặc chỉnh tề, đọc sách nhiều và thích nói đến quyển sách nó đang đọc. Và tất cả những cái đó không ngăn cản nó lăn lóc ngày đêm ở chuồng ngựa, lúc nào cũng đang bận hót phân, đóng ngựa rồi lại tháo ngựa, cạo bóng một cái đai hậu hay một cái dây cương ngắn, bện một cái dây buộc roi, đánh xe đi bất kỳ thời tiết nào ra ngoài tỉnh hay sang trại thứ hai, mà bụng lúc nào cũng rỗng không, vì bữa sáng cũng như bữa chiều, chẳng bao giờ nó về kịp giờ ăn hết, và nếu người ta có quên để phần cho nó, nó cũng chẳng buồn nhớ tới.

Nó cứ luôn luôn chêm vào hoạt động của nó những trận cãi cọ không dứt với Kalina Ivanovich, với anh em thợ rèn, thủ kho, và tất nhiên là với tất cả những người muốn đi xe. Mỗi lần có lệnh thắng xe đi bất cứ đâu, nó chỉ chịu thi hành sau khi đòi co một hồi lâu, hạch tội tàn ác đối với ngựa và nhắc đi nhắc lại cái chuyện con Hung hay con Nhãi-ranh trở về trại bị thương ở cổ; nó đòi phát thêm cỏ và cho sắt để làm móng ngựa. Có khi không làm thế nào mà đi được khỏi trại, chỉ vì không tìm đâu thấy Antôn với ngựa nghèo, cũng không thấy dấu vết chúng nó ở đâu hết thấy. Một nửa số người của trại đâm bỏ đi lòng hồi lâu, rồi người ta tóm được chúng hoặc ở bên Trepkơ, hoặc ở cánh đồng cỏ của những nhà hàng xóm.

Antôn lúc nào cũng có cả một bộ tham mưu trẻ nhỏ vây quanh, chúng say mê nó cũng như nó say mê ngựa. Nó bắt chúng phải theo một kỷ luật rất nghiêm, cho nên trong chuồng ngựa có một trật tự gương mẫu; chuồng lúc nào cũng sạch sẽ, các bộ yên cương treo bộ nào chỗ ấy, những xe tải đồ sắp hàng ngay ngắn, những xác chim sáo sậu^[52] treo trên các đầu ngựa, còn ngựa thì con nào con nấy chải chuốt cẩn thận, bờm tết bím và đuôi búi lại.

Một buổi tối vào tháng sáu, đêm đã khuya, bỗng một trại viên từ phòng ngủ chạy xuống buồng tôi:

- Kôdia ốm, sắp chết...

- Chú nói gì? Sắp chết à?...

- Vâng, bác ấy chết đến nơi: sốt nóng hàm hập và bác ấy không thở được nữa.

Êkatêrina Grigôriepna xác nhận rằng Kôdia phát chứng đau tim, và thế nào cũng cần phải có thầy thuốc ngay tức khắc. Tôi cho đi tìm Antôn. Nó đến, chưa chi đã sẵn sàng phản kháng trước bất cứ mệnh lệnh nào của tôi ban cho nó.

- Antôn, thắng xe ngay, phải đi ra tỉnh, sớm phút nào hay phút ấy...

Nó không cần để cho tôi nói hết lời.

- Tôi chẳng đi đâu cả, và tôi sẽ không cho ngựa của tôi đi đâu hết!... Họ đã bắt chúng nó chạy suốt ngày, bác ra mà xem, chúng nó đã ráo mồ hôi đâu... Tôi không chịu!

- Đây là để đi tìm bác sĩ, chú hiểu không?

- Tôi cần cóc gì những bệnh nhân của bác, con Hung cũng ốm đấy, vậy mà người ta có tìm bác sĩ đến cho nó đâu.

Tôi nổi xung lên:

- Giao ngay chuồng ngựa lại cho Ôpriskô! Không thể nào làm việc với chú được!...

- Thì tôi sẽ giao, việc gì mà rộn! Để tôi xem bác với Ôpriskô cho các xe pháo đi đứng ra sao. Bất cứ ai nói chuyện gì, bác cũng tin họ: bác ta ốm, bác ta sắp chết. Mà chả để ý gì đến ngựa cả, ngựa, chúng nó cũng có thể chết... Thì đấy, cho chúng nó chết, nhưng tôi không để cho thắng xe đâu.

- Chú đã nghe tôi nói chưa? Từ nay chú không phải là mã phu trưởng nữa, chú hãy giao chuồng ngựa lại cho Ôpriskô, ngay lập tức!

- Thì được... rồi ai muốn cho ngựa thì cứ việc, còn tôi, tôi chẳng muốn sống ở cái trại này nữa.

- Nếu thế thì chú đừng ngại gì hết, chẳng ai giữ chú lại đâu!

Antôn mắt nhắm lẹ, thọc tay vào túi áo sâu, rút ra một chùm chìa khóa, để lên bàn. Ôpriskô, cánh tay phải của Bratsenkô, bước vào và ngạc nhiên nhìn anh trưởng của mình đang khóc. Bratsenkô khinh bỉ nhìn hấn, toan nói câu gì, nhưng rồi chỉ quệt mũi và bước ra.

Nó bỏ trại đi ngay đêm hôm đó, mà không qua phòng ngủ. Ngồi trên xe đi ra tỉnh tìm bác sĩ, chúng tôi trông thấy nó đi trên mặt đường: nó không yêu cầu chúng tôi cho lên xe, và hất tay gạt lời mời của chúng tôi.

Hai hôm sau, buổi tối, Ôpriskô đâm bổ vào phòng tôi, khóc lóc và mặt bê bết máu. Tôi chưa kịp hỏi nó có chuyện gì xảy ra, thì Lidia Pêtrôpna, trực nhật ngày hôm ấy, đã chạy tới, kinh hoàng hết sức:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác xuống chuồng ngựa mà xem: thằng Bratsenkô nó đang làm loạn cả lên, không còn hiểu ra làm sao nữa...

Dọc đường xuống chuồng ngựa, chúng tôi gặp thằng Fêđôrenkô to béo, mã phu phó, đang kêu rống lên:

- Chú làm sao thế?

- Làm sao... Nó lại dám láo thế chứ! Nó đã vớ lấy dây thắng ngựa, quật thẳng cánh vào giữa mặt tôi!

- Ai chứ? Bratsenkô à?

- Bratsenkô chứ còn ai!

Ở chuồng ngựa, tôi thấy Bratsenkô cùng với một chú mã phu khác đang làm việc khẩn trương. Nó chào tôi một cách lạnh lẽo, nhưng vừa trông thấy Ôpriskô sau lưng tôi, nó quên liền là có tôi ở đây, và nhảy xổ vào hấn:

- Mày đừng có mà trở về đây nữa thì hơn, kéo không xong với tao, tao trần cho mày với cái yên này. Gớm mặt! Ông lớn thích ngự xe cơ! Bác xem thử nó đã làm cho con Hung ra làm sao!

Antôn một tay cầm cái đèn lồng kính, một tay kéo tôi đến chỗ con ngựa. Quả thật bấu vai con vật bị thương nặng, nhưng vết thương đã có một mảnh vải trắng phủ lên; Antôn nhẹ nhàng nhấc mảnh vải lên, rồi lại đặt lại như cũ.

- Tôi đã rắc thuốc Xêrôformơ, nó nghiêm chỉnh nói.

- Nhưng chú lấy quyền gì mà tự ý vào chuồng ngựa, gây gổ đánh nhau, tàn sát?

- Bác tưởng đã xong chuyện nó à? Nếu nó vô phúc còn để cho tôi bắt gặp, thì nó cứ liệu cái thân xác nó; nhất định thế!

Đám trại viên đứng ở cửa chuồng ngựa cười phá cả lên. Tôi cũng không nổi giận Antôn: nó quá sức tin tưởng ở lẽ phải về phần nó và con ngựa.

- Nghe đây, Antôn, vì tội đánh người, đêm nay chú sẽ phải giam ở buồng tôi.

- Tôi làm gì có thì giờ chứ?
- Đừng có lảm điều! tôi quát lên.
- Thôi, cũng được, lên đây để mà bó tay chẳng làm được việc gì...

Đêm ấy ở phòng tôi, nó bực dọc đọc sách.

Mùa đông năm 1922 đem lại cho cả nó và tôi những ngày nặng nề. Lúa mạch mà Kalina Ivanovich đã gieo trên cát xộp, không phân bón, hầu như chẳng được hạt mà cũng chẳng được cả rơm. Chúng tôi chưa có cánh đồng cỏ. Sang tháng giêng, chúng tôi hết nhẵn cả rơm cỏ. Chúng tôi bắt đầu xoay sở gấp chẳng hay chớ, đi xin rơm ở ngoài tỉnh hoặc ở những nhà hàng xóm, nhưng chẳng bao lâu người ta không cho chúng tôi nữa. Tha hồ cho Kalina Ivanovich và tôi đi đập cửa ở khắp các phòng giấy, chỉ mất công toi.

Sau cùng tai họa đến. Bratsenkô khóc báo tin cho tôi biết rằng từ hai hôm nay ngựa chẳng có gì ăn. Tôi im lặng. Vừa khóc vừa nguyên rửa, Antôn quét chuồng ngựa, nhưng đó là công việc độc nhất còn lại cho nó. Ngựa nằm lăn ra sàn, chủ chúng nó đặc biệt nhấn mạnh điểm đó.

Hôm sau Kalina Ivanovich ở tỉnh trở về, cáu kỉnh và rất chán nản.

- Anh bảo làm thế nào?... Họ chẳng cho gì cả... làm thế nào?

Antôn đứng gần cửa, không nói gì hết.

Kalina Ivanovich dang hai cánh tay và nhìn nó:

- Đi ăn cắp, hay làm gì? Bây giờ mày làm thế nào?

Giống vật, nó có biết kêu ca đâu.

Antôn đẩy mạnh cửa, nhảy phắt ra ngoài. Một giờ sau người ta nói với tôi rằng nó đi rồi.

- Đi đâu?

Nào ai biết được! Nó chẳng bảo gì ai hết.

Hôm sau, nó trở về trại, dắt theo một người dân làng đánh một xe rơm. Người đó mặc một chiếc áo ngoài mới, đầu đội một chiếc mũ đẹp không vành. Những đùm xe lấp khít quay nghe lắc cắc êm tai. Ngựa con nào con nấy lông bóng mượt. Người nông dân ngỡ Kalina Ivanovich là người phụ trách ở đây.

- Cậu này gặp ở đường, bảo tôi rằng ở đây nhận thuế bằng hiện vật.

- Cậu nào?

- Thì cái cậu đứng đây kia... Tôi đến đây cùng với cậu ta.

Antôn thò đầu ra khỏi chuồng ngựa, và nhăm nháy ra hiệu khiến tôi không tài nào hiểu ra làm sao cả.

Kalina Ivanovich vừa ngậm tẩu vừa mỉm cười ranh mãnh và ngượng ngập, kéo riêng tôi ra một bên.

Anh làm thế nào được bây giờ? Chỉ có việc là hãy cứ lấy đi, rồi sau sẽ liệu.

Sau cùng tôi hiểu chuyện.

- Có bao nhiêu đây?

- Có thể đến hai mươi phút. Tôi chưa cân.

Antôn bước ra và cãi:

- Đi đường ông ấy bảo là mười bảy cân, mà bây giờ lại là hai mươi à? mười bảy phút.

- Dỡ xuống, rồi qua các phòng giấy của chúng tôi để ký.

Các phòng giấy của chúng tôi, nghĩa là cái văn phòng tí xíu mà hồi đó tôi xén vào các buồng của trại. Lên đây, tôi đưa bàn tay tội lỗi ghi lên giấy có in tiêu đề: nhận của người công dân Vatz Ônufri, về khoản nộp cỏ rơm đóng thuế bằng hiện vật; rơm lúa mạch. Mười bảy pút. Ký tên. Đóng dấu.

Vatz Ônufri cúi rạp mình xuống chào và tìm ra được lời lẽ này nọ để cảm ơn.

Bác ta đi rồi, Bratsenkô, được cả bấy trẻ giúp sức, làm việc ở chuồng ngựa rất vui vẻ, và nó còn hát nữa. Kalina Ivanôvich xoa hai tay và mỉm cười với một vẻ phạm tội.

- Thật chó chết, rồi anh sẽ bị gậy vì cái chuyện này, nhưng mà làm thế nào được? Không thể để mặc cho súc vật chết. Chúng nó là của Nhà nước, vậy thì đâu cũng vào đấy cả...

- Nhưng tại sao cái nhà bác kia lại ra về vui vẻ thế nhỉ? tôi hỏi Kalina Ivanôvich.

- Hừ, anh cho là thế nào? Nếu không thì hẳn ta sẽ phải đưa ra tỉnh với đoạn đường dốc phải leo qua, rồi còn phải đứng xếp hàng đợi ở ngoài ấy, thế mà ở đây thì, cái đồ ăn hại ấy, nó nói: mười bảy pút đấy, chẳng ai kiểm tra gì cả, mà không biết chừng chỉ có được mười lăm.

Hai hôm sau một xe cỏ khô đi vào sân trại chúng tôi.

- Đây là để đóng thuế bằng hiện vật. Bác Vatz đã đem nộp ở cơ quan các ông...

- Tên bác là gì?

- Tôi à, tôi cũng là một người trong họ Vatz, y như thế, Xtêpan Vatz.

- Xong ngay.

Tôi đi tìm Kalina Ivanôvich để hỏi ý. Tôi gặp Antôn trên bậc tam cấp.

Người kia đã chỉ đường cho hẳn, cho nên bây giờ...

- Cứ nhận đi, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, rồi ta sẽ giải thích rõ sau.

Nhận thì cũng dở, mà không nhận cũng rầy. Người ta sẽ thắc mắc rằng tại sao họ nhận của bác Vatz này mà lại từ chối của bác Vatz kia.

- Chú ra nhận cỏ khô, trong khi tôi viết biên lai.

Và chúng tôi còn nhận thêm hai xe lớn cỏ rơm và bốn mươi pút lúa mạch.

Sống dở chết dở, tôi đợi chờ sự trừng phạt: Antôn thường chăm chú nhìn tôi, góc mép điểm một nụ cười kín đáo. Ngược lại, nó chấm dứt cuộc đấu tranh với tất cả những người cần dùng sức ngựa kéo, nhanh nhẩu thi hành mọi mệnh lệnh vận chuyển và làm việc khỏe thành thần ở chuồng ngựa.

Sau cùng tôi nhận được một công văn ngắn gọn nhưng rõ ràng, yêu cầu nói rõ chuyện:

- Cho biết ngay với danh nghĩa gì trại Gorki thu thuế bằng hiện vật.

Ủy viên khu cung cấp lương thực: *Agêep*

Tôi không nói năng gì về tờ công văn ấy, ngay cả với Kalina Ivanôvich. Tôi cũng không trả lời. Tôi trả lời thế nào cho được?

Sang tháng tư, một cái xe caleso^[53] do một đôi ngựa ô kéo như bay, chạy vào sân trại, và cũng nhanh không kém gì xe, Bratsenkô hoảng hốt chạy vào phòng giấy tôi.

- Ông ấy đến kia kìa, nó nói, thử không ra hơi.

- Ai thế?

- Chắc là về chuyện rơm... Trông ông ta ác lắm

Nó ngồi sau lò sưởi, im thin thít.

Ông ủy viên cung cấp lương thực đáng người bình thường: áo vét da, súng lục đeo bên, người con trẻ và ăn mặc chỉnh tề.

- Ông là giám đốc phải không?

- Phải, tôi.

- Ông có nhận được công văn tôi yêu cầu giải thích không?

- Tôi có nhận được,

- Tại sao ông không trả lời? Có lý nào thế, để cho tôi phải thân hành đi! Ai đã cho phép ông thu thuế bằng hiện vật?

- Chúng tôi đã thu thuế mà không được phép.

Ông ủy viên nhảy chồm lên khỏi ghế và la lên:

- “Mà không được phép” là thế nào? Ông có biết như vậy thì đi đến đâu không? Tôi có thể bắt ông ngay lập tức, ông có biết không?

- Tôi có biết.

- Ông làm cách nào thì làm cho xong chuyện đi, tôi nói với ông ta bằng một giọng trầm trầm. Tôi không tìm cách biện bạch, mà cũng không cãi bướng. Nhưng ông đừng kêu rầm lên. Ông thấy cần phải làm gì thì xin cứ làm.

Ông ta đi lại như chạy, theo con đường chéo góc của cái văn phòng tồi tàn của tôi.

- Quái quỷ, như thế này là nghĩa lý gì kia chứ! ông ta cầu nhàu, như nói một mình, vừa nói vừa thở hồng hộc như ngựa.

Antôn từ sau lò sưởi bước ra, nhìn theo từng cử chỉ của ông ủy viên đang tức giận điên người. Bỗng nó cất tiếng ve ve như con bọ dừa, bằng một giọng nữ trầm nho nhỏ:

- Thuế bằng hiện vật hay thuế gì khác nữa, thì cũng chẳng ai nhìn nhõ kỹ hơn chúng tôi vào đây làm gì, nếu không vì mấy con ngựa đã bốn ngày liền không có cái ăn. Giá thử những con ngựa đen bóng của ông, trong thời gian ấy, mà phải đọc báo trừ cơm cháo, thì xin hỏi ông liệu chúng có thể đưa ông tới trại chúng tôi nhanh thế được không?

Agêep ngạc nhiên đứng lại:

- Chú là ai, hử? Chú đến đây làm gì?

- Đây là mã phu trưởng của chúng tôi; việc này có liên quan ít nhiều đến bản thân chú ấy.

Ông ủy viên lại phóng nước đại đi đi lại lại trong phòng, rồi đột ngột dừng lại trước mặt Anton:

- Ít nhất thì các anh cũng đã có ghi sổ có rơm ấy vào khoản thu chứ? Hử con khỉ!...

Anton nhảy chồm lại bàn tôi và thì thầm bằng một giọng lo sợ:

- Đã có ghi vào khoản thu chứ, bác Anton Xêmiônôvich?

Tôi phì cười và Agêep cũng vậy.

- Đã ghi rồi.

- Ông tìm ở đâu ra một chú bé giỏi thế?

- Chúng tôi đào tạo chúng ra như vậy đó, tôi mỉm cười trả lời.

Bratsenkô nghech mắt nhìn lên ông ủy viên cung cấp lương thực và hỏi ông, giọng nghiêm chỉnh và niềm nở:

- Thừa có phải cho đôi ngựa đen của ông ăn không ạ?

- Ủ, chú cho ăn được đây.

13. ÔTXATSI

Mùa thu và mùa đông năm 1922 ở trại Gorki đầy dẫy nhưng biến động ghê gớm. Những biến động ấy hầu như là nối tiếp nhau không ngừng, và hiện nay chúng còn ràng buộc với nhau trong trí nhớ tôi như một mớ tai ương duy nhất.

Tuy nhiên, mặc dầu có nhiều bi kịch đến như vậy, những ngày đó vẫn là những ngày trưởng thành, về phương diện kinh tế của trại cũng như về tình hình sức khỏe của chúng tôi. Làm sao tất cả những cái đó lại có thể đồng thời tồn tại một cách tự nhiên được, ngày nay tôi cũng chịu không tài nào giải thích nổi, nhưng sự thực là như thế. Mỗi ngày bình thường ở trại chúng tôi hồi ấy là một ngày đẹp đẽ, đầy tràn sức lao động, sự tin cậy, tình ý bạn bè nhân đạo, và luôn luôn đầy những tiếng cười, những câu bông đùa, với nhiệt tình và lòng hăng hái tốt đẹp nhất. Nhưng không có tuần lễ nào là không xảy ra một chuyện hoàn toàn không thể tin được, để ghìm chúng tôi xuống một cái hố mở rộng, hút chúng tôi vào một cơn lốc biến cố, ghê sợ đến nỗi nó khiến chúng tôi hầu như mất cả ý niệm thông thường về sự vật, giống như những người ốm cảm giác thấy thế giới ngoại vật thông qua những cơn ảo giác của mình.

Nạn bài Do-thái phát sinh ở trại một cách bất ngờ. Từ trước cho đến bấy giờ trong trại không có ai là người Do-thái. Người thứ nhất được gửi tới cho chúng tôi là vào mùa thu; rồi sau lễ tế đến thêm vài trại viên nữa. Một đứa trong bọn không biết vì sao trước kia đã làm việc ở cục Cảnh vụ, ấy thế là sự tức giận man rợ của các trại viên cũ nổi lên chống nó trước tiên.

Trong những biểu hiện bài Do-thái ấy, mới bắt đầu tôi còn chưa phân biệt được đứa nào phạm tội nhiều hay ít. Những trại viên mới đến bài Do-thái chỉ vì chúng thấy có những nạn nhân vô tội cho chúng hành hạ để thỏa mãn bản tính vô lại của chúng, còn những đứa khác thì là vì có nhiều cơ hội hơn để tiêu khiển và ra oai anh hùng rơm, lấy bọn Do-thái làm bung xung.

Nạn nhân thứ nhất tên là Ôxtrômukhốp.

Nó bị chúng đánh bất cứ lúc nào và có khi chẳng vì một mảy may lý do nào hết. Đã nó, luôn luôn lừa gạt nó, tước đoạt của nó một cái thắt lưng đẹp hoặc một đôi giày tốt và đòi cho nó một cửa vút đi gì đó, dàn xếp mảnh khoe cho nó mất ăn hoặc làm hư hỏng khẩu phần của nó, hành hạ nó từ sáng đến tối, chửi mắng nó, và, tệ hại hơn hết, đặt nó vào tình trạng liên tục bị khủng bố và khinh bỉ, đó là cái số phận mà các trại viên dành cho không những một mình thằng Ôxtrômukhốp, mà cả cho thằng Snaiđe, thằng Glaize, và thằng Krainik. Chống lại tình trạng ấy thật là thiên nan vạn nan. Mọi hành động đều được làm hết sức bí mật, cẩn thận chu đáo, và không sợ gì hết, vì cái lý do chính là bọn Do-thái, sợ hãi chết người, không dám lên tiếng kêu ca. Chỉ có thể gián tiếp phỏng đoán tình hình, do vẻ ngoài của chúng ủ rũ, sự căm lạnh và thái độ chúng hoảng hốt; ngoài ra, có những lời đồn đại thoát ra từ những nguồn gốc xa xôi nhất, nhờ những cuộc chuyện trò thân mật giữa đám trẻ dễ cảm xúc nhất với các giáo viên.

Tuy nhiên, đối với các nhà giáo, cũng không thể nào che giấu được hoàn toàn cái tình trạng cả một nhóm trại viên nhất thiết bị dồn vào cái thế làm nô lệ, và rồi cũng đến một thời kỳ mà nạn bài Do-thái bùng lên ở trại không còn là một sự bí mật đối với ai hết thảy. Chúng tôi lập danh sách những đứa hay hành tội. Thì tất cả chẳng phải ai xa lạ: Burun, Michiaghin, Vôlôkhốp, Prikhôtkô, nhưng thằng Ôtxatsi và thằng Taranet là hai đứa đầu tên những trò đó.

Tính hoạt bát, láu lỉnh và những tài tổ chức của thằng Taranet đã từ lâu đặt nó vào những hàng đầu trong số các trại viên, song có những đứa lớn tuổi hơn đến sau khiến nó không thi thố được tài năng. Nó bèn quay ra khủng bố bắt nạt bọn Do-thái để thỏa mãn những khuynh hướng trịch thượng của nó. Ôtxatsi là một gã mười sáu tuổi, cục súc, bướng bỉnh, khỏe và rất là bừa bãi. Nó lấy làm kiêu hãnh về

cái quá khứ của nó, chẳng phải vì nó thấy là có gì đẹp đẽ, mà chỉ vì ngoan cố, bởi lẽ đó là quá khứ của nó và cuộc đời của nó chẳng can gì đến ai hết thấy.

Ôtxatsi yêu cuộc sống, và cố gắng không để một ngày nào qua mà không tự tạo cho mình đôi chút vui thú. Về mặt này thì nó không khó tính tí nào và thường thường nó tự thỏa mãn với những cuộc vui chơi ở làng Pirôgôpka ở ngay rìa thành phố và dân số gồm đến một nửa là kulac và tiểu thị dân. Pirôgôpka nổi tiếng vì có nhiều con gái đẹp và rượu vôtka lậu: hai món đó là những đối tượng lạc thú chính của Ôtxatsi. Nó có một vệ tinh không rời được là thằng Galatenkô, có tiếng trong khắp trại là lười và ăn tục.

Ôtxatsi trưng diện một món tóc kỳ quái che lấp cả mắt nhưng tất nhiên đó là một lợi điểm bậc nhất cho nó trong cuộc tranh thủ lòng đoái thương của các cô gái ở Pirôgôpka. Ăn sau chùm tóc đó, nó nhìn tôi với một vẻ buồn bực và hình như oán ghét, mỗi lần tôi muốn can thiệp vào đời tư của nó: tôi không cho phép nó đi Pirôgôpka và kiên quyết đòi nó phải quan tâm đến trại nhiều hơn.

Ôtxatsi đã ngẫu nhiên thành Đại pháp quan của dân Do-thái. Tôi không tin là nó bài Do-thái. Song sự hoành hành vô tội vạ của nó đối với những nạn nhân không được ai bênh vực khiến nó được thể trở tài xảo trá và dương oai kiêu anh hùng nguyên thủy ở trại.

Phải hết sức thận trọng trước khi mở cuộc tranh đấu đường hoàng và công khai với bầy đao phủ ấy: hành động đó trước hết có cái nguy là khiến bọn trẻ Do-thái bị đe dọa báo thù tàn khốc. Dù sao thì Ôtxatsi, và những thằng như nó, cũng sẽ không từ chuyện chơi dao. Hoặc phải làm dần dà từng tí và cẩn thận rất mực, hoặc chấm dứt ngay một cú, bằng một việc mạnh bạo.

Mới đầu tôi theo sách lược thứ nhất. Mục đích của tôi là cô lập hai thằng Ôtxatsi và Taranet. Nhưng thằng Karabanôp, Michiaghin, Prikhôtkô và Burun rất tốt đối với tôi, và tôi hy vọng được chúng giúp đỡ. Song kết quả tôi đa mà tôi thu được về phần chúng chỉ có là thuyết phục chúng đừng đụng chạm đến bọn trẻ Do-thái.

- Bảo vệ chúng đối với ai? Đối với cả trại ư?
- Xêmiôn, chú đừng nói dối. Đối với ai thì chú biết đấy.
- Cho rằng tôi biết nữa, thì rồi sao? Tôi bảo vệ chúng, nếu bác muốn vậy, nhưng tôi không thể xỏ dây lổ mũi thằng Ôxtrômukhốp mà dắt đi theo, thế nào rồi chúng cũng tóm được nó và càng dần nó tệ hơn.

Michiaghin nói toạc móng heo với tôi:

- Tôi không dính vào chuyện này đâu, chuyện đó không thích hợp với tôi, nhưng tôi sẽ không làm gì chúng nó hết: tôi không để ý đến chúng.

Trong việc này, Zadôrôp đồng tình với tôi hơn tất cả những đứa khác, nhưng nó không thể nào đương đầu trực diện với một đứa như thằng Ôtxasi.

- Có lẽ phải dùng đến những biện pháp quyết liệt, tôi không biết thế nào. Vả lại chúng nó cũng giấu tôi mọi chuyện, như chúng nó giấu bác. Trước mặt tôi, chúng nó không hành hạ bọn kia.

Tuy nhiên tình cảnh bọn trẻ Do thái càng ngày càng trở nên cơ cực. Mỗi ngày lại thấy có những đứa thâm tím mình mẩy, nhưng khi hỏi thì chúng không chịu nói tên những đứa nào đánh chúng. Ôtxatsi đi nghênh ngang trong trại, nhìn các giáo viên và tôi một cách thách thức qua chùm tóc ngạo nghễ của nó.

Tôi quyết định tóm bắt ngay lấy sừng con bò mộng và gọi nó lên phòng giấy tôi. Nó nhất thiết chối cãi hết mọi chuyện, nhưng trong thái độ vẫn để lộ ra rằng nó làm thế chẳng qua chỉ vì giữ lễ mà thôi, chứ thực ra nó chẳng coi những ý nghĩ của tôi về nó vào đâu hết.

- Ngày nào chú cũng đánh đập chúng nó.
- Chả có bao giờ, nó nhùng nhằng đáp lại.

Tôi dọa đuổi nó.

- Thì được, bác cứ tổng tôi đi!

Nó biết rất rõ đuổi một người nào ra khỏi trại là một chuyện dài dòng và phiền phức. Phải mất thì giờ đi lại trình bày với Ủy ban, đưa ra hàng đống những bảng câu hỏi và giấy chứng thực, gửi ngay bản thân Ôtxatsi đi thăm vấn đến hàng chục bận, lại thêm cả đàn cả lũ những người làm chứng nữa.

Ngoài ra, không phải là tôi có chuyện với cá nhân thằng Ôtxatsi. Cả trại theo dõi những hành động anh hùng của nó; có nhiều đứa nhiệt liệt tán thành nó. Đuổi nó đi tức là duy trì vĩnh viễn mỗi thiện cảm ấy. Những đứa kia sẽ mãi mãi tưởng nhớ thằng Ôtxatsi, người anh hùng chịu khổ, chẳng sợ cái gì cũng chẳng sợ ai, đả bọn Do-thái và vì những lẽ đó mà bị “sa vào ngục”. Và chẳng phải chỉ có một mình nó ức hiếp bọn Do-thái: thằng Taranet, vốn không phải là một đứa cục súc như loại nó, còn tỏ ra có tài sáng tạo và tinh vi hơn nó nhiều. Taranet không bao giờ đánh bọn trẻ Do-thái, và trước mặt mọi người còn đối xử tử tế với chúng nữa, nhưng ban đêm nó lừa những mẫu giấy vào giữa ngón chân của đứa này hay đứa nọ, đốt lên, rồi lăn về giường nó và giả vờ ngủ. Hay là nó kiếm một cái tông-đơ, xúi bày cái thằng đại ngốc nghếch Fêđôrenkô, hoặc một đứa nào khác vào loại nó, húi nửa đầu cho thằng Snaide, rồi nói thác rằng tông-đơ hỏng, và lên mặt anh hùng rơm làm tội thằng bé khổ sở cứ phải chạy theo sau nó, khóc lóc van lạy nó húi nốt đi cho.

Sự giải thoát khỏi tệ nạn đó đến với chúng tôi một cách bất ngờ hết sức và cũng bí ối hết sức.

Một buổi tối cửa buồng giấy tôi mở bật ra, và Ivan Ivanôvich đẩy vào thằng Ôxtrômukhốp và thằng Snaide, cả hai đều máu me, khạc ra máu, nhưng ngay đến khóc cũng không dám nữa, vì thói quen sợ sệt.

- Đây là tại thằng Ôtxatsi phải không? tôi hỏi.

Giáo viên trực nhật thuật lại rằng trong bữa ăn tối, thằng Ôtxatsi gây gổ với thằng Snaide đến phiên phục vụ ở phòng ăn; nó muốn bắt thằng này đòi khẩu phần cho nó, bắt cho nó một miếng bánh mì khác; sau cùng, viện cớ rằng thằng Snaide, trong lúc múc xúp cho nó, đã vô ý làm nghiêng đĩa, và đụng ngón tay vào xúp, nó đã đứng dậy ở bàn ăn rồi trước mặt Ivan Ivanôvich và tất cả các trại viên, nó đã đánh thằng Snaide vào giữa mặt. Thằng Snaide không chùng rồi cũng nín nhịn, nhưng lại gặp phải giáo viên không phải tay hèn, và chẳng ở trại chưa từng bao giờ có chuyện đánh nhau trước mặt giáo viên trực nhật. Ivan Ivanôvich ra lệnh cho thằng Ôtxasi dời phòng ăn và lên buồng tôi để kiểm điểm về hành động của nó. Ôtxasi sắp bước ra, bỗng lại dừng chân ở cửa và nói:

- Tao lên ông giám đốc, nhưng trước khi lên, tao hãy cho cái thằng chó gio^[54] này một trận nên thân cái đã.

Thế là xảy ra một sự kỳ lạ nhỏ. Ôxtrômukhốp, xưa nay vốn là đứa trại viên Do-thái ít có khả năng tự vệ nhất, bỗng nhảy ra khỏi bàn và lăn xả vào thằng Ôtxatsi.

- Tao sẽ không để cho mày đánh nó!

Phần kết thúc cả câu chuyện này là thằng Ôtxasi lập tức đánh ngã gục thằng Ôxtrômukhốp ngay giữa phòng ăn, rồi lúc bước ra, trông thấy thằng Snaide đứng nấp sau cửa, nó liền tổng luôn thằng này một cái mạnh đến nỗi làm cho nó gãy một chiếc răng. Nó không chịu lên buồng tôi.

Ngồi trong phòng giấy tôi, Ôxtrômukhốp và Snaide đưa ống tay áo bản thủ của áo mặc ngoài lên chùi máu giầy ra khắp mặt, nhưng không khóc, chúng hiển nhiên không còn thiết sống. Tôi cũng tin

chắc rằng nếu tôi không giải quyết được ngay tình hình căng thẳng này, thì bọn trẻ Do-thái chỉ còn có lối thoát thân bằng cách đi trốn ngay lập tức, hoặc chuẩn bị chịu cực hình thực sự. Tôi chán nản và hoàn toàn thất vọng vì cái vẻ thờ ơ trước cảnh dã man đó của tất cả các trại viên, kể cả những đứa như thằng Zăđô-rôp. Lúc này tôi bỗng cảm thấy mình cũng cô đơn như trong những ngày đầu tiên của trại. Nhưng hồi bấy giờ tôi không trông đợi được sự ủng hộ và đồng tình ở đâu hết thảy; sự cô lập của tôi là tự nhiên và đã được liệu biết trước, song từ đó tới nay tôi đã có thì giờ được nuông chiều quen nết với sự hợp tác thường xuyên của các trại viên mất rồi.

Ngoài hai đứa bị nạn, còn có vài trại viên khác cũng có mặt trong buồng giấy tôi. Tôi bảo một đứa trong bọn:

- Gọi Ôtxatsi lên đây cho tôi.

Tôi hầu như chắc chắn rằng thằng này sẽ tự mắc vào cạm bẫy của nó bằng cách từ chối không lên, và tôi nhất quyết bắt nó phải lên, dù có phải cưỡng bức bằng mũi súng lục tôi cũng không từ.

Nhưng nó lên, nó lùng khùng bước vào buồng giấy, áo vét-tông vắt vai, hai tay thọc túi quần, và hất đẩy một cái ghế dựa trên lối đi. Taranet đi theo nó. Thằng này làm ra bộ coi tất cả câu chuyện này là thú vị hết sức, và đến đây chỉ cốt để chờ xem một cảnh tượng hãn hũu.

Ôtxatsi ghéch mắt nhìn tôi một cái và hỏi:

- Nào, tôi lên đây... Có chuyện gì thế?

Tôi chỉ cho nó nhìn hai thằng Ôxtrômukhôp và Snaide.

- Chuyện này là thế nào?

- Sao, chuyện này ư? Bác đùa!... Hai con chó gio oắt con. Tôi lại cứ tưởng bác sắp cho tôi xem cái gì hay.

Và nền đất sư phạm bỗng sụp đổ vang âm như sấm động dưới chân tôi. Tôi lại thấy mình chơi vui giữa khoảng không. Cái bàn tính đồ sộ nằm trên bàn tôi bay vút tới đầu thằng Ôtxatsi. Tôi ném nó hụt, cái bàn tính lách cách va vào tường và rơi sầm xuống sàn nhà.

Điên tiết hết sức, tôi tìm một vật gì nặng trên bàn, rồi đột nhiên hai tay tôi nắm chắc lấy một cái ghế dựa, và cứ thế tôi xông vào thằng Ôtxatsi. Thằng này phát hoảng; chạy tuốt ra cửa, nhưng cái áo vét tông của nó trên vai tuột xuống, làm vướng chân nó khiến nó ngã xoài.

Tôi chợt tỉnh lại; có một người nào giữ lấy vai tôi. Tôi quay lại: Zăđô-rôp mỉm cười nhìn tôi:

- Cái thằng chó chết ấy chẳng bỏ giận!

Ôtxatsi ngồi bệt trên mặt sàn, khóc lên nức nở. Taranet, mặt tái xanh, môi run lập cập, nép giấu mình vào khuôn cửa sổ.

- Cả mày nữa, mày cũng đã giờ trò hành hạ những đứa trẻ kia!

Taranet nhảy ngay ra khỏi chỗ tựa.

- Tôi xin lấy danh dự hứa rằng tôi sẽ không bao giờ làm thế nữa!

- Cút ra đi, ngay lập tức!

Nó rón rén bước ra ngoài.

Ôtxasi sau cùng đã đứng dậy, một tay cầm áo vét, còn tay kia chùi sạch một giọt nước mắt trên má cáu ghét, là cái dấu vết cuối cùng của cơn suy nhược thần kinh của nó. Nó nhìn tôi với một vẻ bình tĩnh, nghiêm chỉnh.

- Mày sẽ phải khóa giam bốn ngày, trong xường giày, ăn bánh mì suông với uống nước lã.

Nó gượng mỉm cười và trả lời không do dự:

- Được, tôi sẽ chịu phạt.

Sang ngày bị giam thứ hai, nó xin mời tôi đến xưởng giày và yêu cầu tôi như thế này:

- Tôi sẽ xin chừa, bác tha cho.

- Bao giờ chú chịu phạt xong, ta sẽ nói chuyện lại.

Hết bốn ngày, nó không xin tha thứ nữa, mà rầu rĩ tuyên bố:

- Tôi đi khỏi trại.

- Cút đi.

- Bác cho tôi một cái giấy.

- Chẳng có gì cả!

- Xin vĩnh biệt.

- Xin chào!

14. NHỮNG LỘ MỤC “TỔ TÌNH LÂN MỤC”

Ôtxatsi đi đâu? Chúng tôi không biết. Người ta bảo nó đi Taskeu, vì ở đấy cái gì cũng rẻ và có thể sống một cuộc đời vui thú, nhưng một số người nói rằng nó có một ông chú ở ngay tỉnh chúng tôi, và có người lại đính chính điều đó, bảo không phải nó đến ở nhà một ông chú, mà là ở nhà một người quen của nó, làm nghề đánh xe ngựa.

Sau trận vấp vấp mới này trên đường sư phạm, tôi không tài nào trở lại bình tĩnh thoải mái được. Các trại viên luôn luôn quây hỏi tôi, để biết tôi có nghe được tin gì về Ôtxasi không.

- Nhưng các chú cần đến thằng Ôtxasi làm gì chứ? Việc gì mà các chú băn khoăn như thế?
- Không phải là băn khoăn, Karabanốp nói, nhưng giá có nó ở đây thì vẫn hơn. Đối với bác...
- Tôi không hiểu.

Karabanốp nhìn tôi bằng một con mắt tai quái:

- Có lẽ bác cảm thấy không được yên ổn, ở trong lòng chẳng?

Tôi quát lên bảo nó:

- Cút ra khỏi phòng tôi đi, tôi không muốn nghe những lời chú xét đoán nội tâm! Các chú tưởng tượng gì thế? Rằng cả đến tâm hồn tôi cũng thuộc quyền các chú đấy hử...?

Karabanốp khe khẽ đi ra ngoài phòng.

Cuộc sống ở trại lại vang lên một âm thanh đầm ấm, tôi nghe rõ tiếng ngân lạnh mạnh và vui vẻ của nó. Dưới các cửa sổ của phòng tôi (không hiểu vì lẽ gì, tất cả đều đến tụ họp ở đây), rộn lên những câu bông lơn và những trò hề mà các trại viên ưa chơi đùa trong những giờ giải lao. Chẳng có ai than phiền mách mủi gì ai hết nữa. Và Ekaterina Grigoriepna có một lần bảo tôi, với cái vẻ như coi tôi là một người ốm nặng, mà chị là một cô y tá:

- Bác cũng chẳng nên phiền lòng làm gì, rồi chuyện sẽ qua đi thôi.
- Tôi có phiền lòng đâu, chuyện sẽ qua đi thôi, cố nhiên. Mọi việc trong trại ra sao?
- Tôi cũng không biết giải thích thế nào cho được. Hiện giờ mọi chuyện đều tốt cả, có thể nói là trại đã đi vào cung cách của những con người. Bọn trẻ Do-thái của chúng ta thật tuyệt, chúng hơi nhút nhát, cái gì cũng sờ sờ, chúng làm việc rất tốt, và động một tí là bối rối. Bác biết đấy, bọn trại viên cũ săn sóc chúng nó từng li từng tí. Michiaghin chăm nom chúng như một u em: nó đã bắt Glaide tắm rửa, cắt tóc cho nó, và lại khâu cả cúc áo cho nó nữa.

Phải, mọi chuyện đều tốt cả. Nhưng trong tâm hồn con người sư phạm của tôi thì bề bộn ngổn ngang biết bao! Lòng tôi u uất vì ý nghĩ này: phải chăng tôi không bao giờ tìm ra được bí quyết hay sao? Vậy mà tôi đã tưởng là cầm được nó trong tay, chỉ có việc nắm chắc lấy thôi. Một ngọn lửa mới đầy sinh khí đã ánh lên trong mắt của nhiều trại viên rồi... ấy thế mà bỗng chốc mọi cái lại đổ sụp hết một cách thảm hại biết bao! Vậy tôi lại phải làm lại tất cả từ đầu chẳng?

Tôi bức tức vì tình trạng sai lạc của phương pháp sư phạm hồi đó và vì sự bất lực trong nghề của chính bản thân tôi. Và tôi vừa căm phẫn vừa tức giận nghĩ về khoa sư phạm như sau:

“Nó đã có từ mấy ngàn đời rồi! Biết bao nhiêu là tên tuổi, bao nhiêu trí óc xán lạn: Pextalôzzi, Rutxô, Natorp, Blônksi. [\[55\]](#) Bao nhiêu là sách vở, bao nhiêu giấy, bao nhiêu danh vọng! Vậy mà là trống rỗng, là hư không, không làm thế nào trị nổi một thằng vô lại, chẳng có phương pháp, chẳng có công cụ, chẳng có lô-gich gì hết thảy, tuyệt nhiên không có gì hết. Một thứ trò phỉnh phờ lừa dối”.

Về phần thằng Ôtxasi, tôi chẳng bỏ quan tâm mấy. Tôi đã gặt nó vào mục lỗ lã, coi như một món

tồn hại và đồ phê phẩm không thể nào tránh khỏi trong mọi việc kinh doanh. Tôi lại càng ít bận lòng về cái chuyện nó làm mình làm mẩy bỏ trại ra đi. Vả chăng, cũng chẳng bao lâu rồi nó lại trở về.

Một tai họa nữa lại sập tới cho chúng tôi: khi được biết tin, tôi mới chợt hiểu ý nghĩa cái câu người ta nói: rợn tóc gáy lên.

Trong yên tĩnh của một đêm băng giá, một bầy trẻ nuôi của trại Gorki, trong đó có mặt Ôtxatsi, sinh chuyện gây gỗ với các trai làng Pirôgôpka. Cuộc gây gỗ biến thành ẩu đả: vũ khí lạnh – dao Phần-lan – trọi nhiều về phía chúng tôi, và về phía kia thì là vũ khí nóng – súng ngắn nòng. Trận giao tranh kết thúc thắng lợi về phía các trại viên. Các thanh niên làng bị đánh bật khỏi vị trí của họ ở quảng đường đã nhục nhã bỏ chạy để trốn vào trụ sở Xô-viết thôn. Đến ba giờ sáng ngôi nhà đó bị tập kích, nghĩa là người ta phá vỡ các cửa và cửa sổ, và cuộc chiến đấu biến thành một trận truy kích kịch liệt. Nhảy ra ngoài qua các cửa đó, các trai làng bỏ trốn ai về nhà nấy, và các trại viên đại khái hoàn trở về doanh trại.

Và có điều tệ hết sức, là trụ sở Xô-viết thôn hoàn toàn bị phá hại, thậm chí ngày hôm sau không thể nào làm việc ở đây được. Ngoài các cửa và cửa sổ, bọn đột kích đã phá hỏng cả các bàn và ghế dài, phân tán các giấy tờ và đập vỡ các lọ mực.

Bọn kẻ cướp của chúng tôi sáng ra trở dậy, ngây thơ vô tội như đứa trẻ sơ sinh, và vẫn đi công tác. Đến buổi trưa ông chủ tịch Xô-viết thôn Pirôgôpka đến phòng tôi và thuật lại cho tôi nghe những việc đã xảy ra đêm vừa qua.

Tôi kinh ngạc nhìn cái ông già nông dân bé nhỏ hiền lành ấy, người mảnh khảnh, thông minh, và tự hỏi tại sao ông lại nói chuyện với tôi, mà không đi gọi dân cảnh và yêu cầu bỏ tù tất cả bọn vô lại kia, và cả tôi nữa.

Nhưng ông chủ tịch, trong khi kể chuyện, tỏ ra buồn nhiều hơn giận, và chỉ lo ngại không biết trại có chữa đèn các cửa và cửa sổ không, cả những bàn nữa, và không biết trại có cấp ngay được cho ông, ông là chủ tịch Xô-viết thôn Pirôgôpka, hai lọ mực không?

Tôi thật sự kinh hoàng vì quái lạ, và không thể nào giải thích nổi một thái độ “thông cảm” đến như vậy của chính quyền đối với chúng tôi. Sau đó tôi nghĩ rằng ông chủ tịch cũng y như tôi, chưa bao quát được hết trong tâm trí tất cả cái ghê sợ của các sự biến: ông ta chỉ đáp ứng vài câu, gọi là để “phản ứng” bằng cách này hay cách khác mà thôi?

Tôi cứ tự xét ngay như tôi thì đủ biết: tôi cũng chỉ có thể nói lúng ta lúng túng:

- À! được... tất nhiên, chúng tôi sẽ chữa lại cả. Vâng, ông có thể đem những lọ này về.

Ông chủ tịch cầm lấy những lọ mực và cẩn thận thu vào bàn tay trái, để ép vào bụng. Đó chỉ là những lọ mực rất tầm thường, không lật đổ được.

- Vâng, chúng tôi sẽ làm mọi việc sửa chữa. Tôi cho bác thợ mộc sang bên ông. Nhưng các kính cửa, thì sẽ phải đợi chúng tôi lấy được ở tỉnh về đã.

Ông chủ tịch nhìn tôi với vẻ biết ơn,

- Không, ngày mai cũng được. Khi nào có kính cửa về, ta sẽ làm cả một thể, ông ạ...

- Nếu vậy thì... tốt lắm, thế thì đến mai...

Nhưng tại sao mãi ông ta chưa đứng dậy đi, cái ông chủ tịch ngớ ngẩn này?

- Ông lại về bên ông bây giờ chứ? tôi hỏi ông ta.

- Vâng.

Ông chủ tịch nhìn quanh một vòng, rút ở túi ra một chiếc mui-soa vàng, để lau bộ ria của ông, vẫn

hoàn toàn sạch sẽ. Ông ta nhích lại gần tôi:

- Nói về chuyện cái ấy... ông hiểu không, cái mà bọn trai bên ông đã lấy, hôm qua, ở bên ấy. Bọn thanh niên, ông hiểu là thế nào rồi... và thằng con tôi, nó là một đứa nhãi ranh. Bọn trẻ, họ làm những chuyện đó để đùa thôi, chứ có gì đâu, lạy trời... Chả là bạn bè có, ông hiểu không, thì nó cũng phải có một cái... và chẳng tôi thì tôi bảo rằng, thời đại bây giờ muốn như thế đấy, mà thật vậy... người nào có cái của người ấy.

- Nhưng mà là chuyện gì chứ? tôi hỏi ông ta. Ông tha lỗi cho, tôi thật không hiểu.

- Là chuyện súng ngắn nòng, ông ta nói đánh đập một cái.

- Súng ngắn nòng?

- Phải rồi, súng ngắn nòng.

- Thế thì sao?

- Ô! Nhưng lạy chúa, thì từ nãy tôi nói với anh chỉ có vậy thôi: Khi họ đùa bỡn với nhau, hôm qua, thế đấy... và các chuyện đó đã xảy ra... Thế là các trẻ nhà ông, họ đã lấy một cái súng... của thằng con tôi, và một cái nữa của đứa khác, hay là nó đã đánh mất cũng chưa biết chừng, bởi vì, ông ạ, những thằng đã nốc rượu vào.. Mà chúng nó lấy rượu vôtka lậu ở đâu ra thế không biết?

- Ai say?

- Anh hỏi rõ thật buồn cười. Trời ạ, ai say... Thì làm thế nào mà biết được? Tôi, thì tôi không có ở đây, nhưng cứ theo như họ kể chuyện lại, thì các cậu bên ông tất cả đều bí tỉ...

- Còn các trai bên ông?

Ông chủ tịch bối rối.

- Trước hết tôi không có ở đây... Và chẳng của đáng tội hôm qua là ngày chủ nhật. Nhưng tôi không nói chuyện đó. Cái chuyện này, ấy là lỗi ở bọn thanh niên đấy thôi mà, và các trai trẻ nhà ông, tôi chẳng trách giận gì họ, thế thì, thôi... họ đã đánh nhau; họ đã chẳng giết ai, cũng chẳng làm ai bị thương. À, mà ngộ nhờ có ai ở bên ông bị thương không nhỉ? ông bỗng lo sợ hỏi.

- Tôi chưa nói chuyện với chúng.

- Tôi không biết... nhưng có người bảo tôi rằng hình như có tiếng súng, hai ba tiếng gì đó, có lẽ là vào lúc chúng nó bỏ chạy, bởi vì bọn trai nhà ông, ông biết đấy, họ có máu nóng, còn bọn trai làng chúng tôi, tất nhiên, một khi họ bắt đầu chuyện... Hà-hà-hà-hà!

Ông già vừa cười vừa nháy nháy đôi mắt nhỏ, đáng yêu vô cùng; ông gần gửi chúng tôi hết sức. Các cụ già bé nhỏ như ông ta, bao giờ người ta cũng gọi là “bố hiền”. Tôi cũng cười, trong khi nhìn ông, nhưng tôi cảm thấy trong lòng hoang mang dữ dội.

- Rút cục thì, theo ông, chẳng có gì là nghiêm trọng: họ đã đánh nhau, rồi họ sẽ làm lành nhau.

- Đúng thế, đúng thế, họ sẽ làm lành nhau. Và khi tôi còn trẻ, dễ thương cũng đã không đánh nhau vì chuyện gái đấy chắc? Có một lần ông Iakôp, anh ruột tôi, bị bọn trai làng đánh cho tưởng chết. Vậy ông cho gọi các trẻ nhà ông đi, và ông nói chuyện với họ, để cho các việc ấy đừng xảy ra nữa.

Tôi bước ra bọc tam cấp,

- Đi gọi những ai có mặt hôm qua ở Pirôgôpka.

- Thế những đứa ấy, chúng nó ở đâu kia ạ? một chú nhỏ tinh khôn đi qua sân, đang lon ton chạy đi làm những việc cần gấp gì đó, hỏi lại tôi như thế.

- Dễ thường chú không biết những ai ở Pirôgôpka hôm qua hay sao?

- Ô! Bác tinh lắm, bác... Thôi để cháu dẫn Burun đến cho bác thì hơn.

- Phải đấy, dẫn nó lên đây.

Burun đến.

- Ôtxatsi có mặt ở trại à?

- Nó đã về, nó đang làm việc ở xưởng mộc.

- Chú xuống bảo nó thế này: hôm qua bọn ở trại ta đã đổ bộ sang Pirôgôpka, và đó là một việc rất nghiêm trọng.

- Cháu biết. Chúng nó đã có nói chuyện.

- Thế thì chú đi bảo ngay Ôtxasi rằng chúng nó phải lên phòng tôi tất cả; ông chủ tịch đang đợi ở buồng giấy tôi. Và bảo chúng hãy coi chừng đừng có kể chuyện lếu láo, kéo việc này sẽ có thể kết thúc rất không hay đấy.

Một lát sau buồng giấy tôi đã chật ních những “anh hùng Pirôgôpka”: Ôtxatsi, Prikhôtkô, Tsôbô, Ôpriskô, Galatenkô, Gôlôt, Xôrôka, và tôi cũng chẳng nhớ còn những ai nữa. Ôtxatsi có một thái độ cũng ung dung như chưa hề có chuyện gì xảy ra giữa nó với tôi bao giờ. Trước mặt một người lạ, tôi không muốn nhắc lại việc đã qua.

- Hôm qua các chú đã sang Pirôgôpka, các chú say be bét, các chú gây chuyện tan hoang, người ta muốn can cho các chú êm đi, thì các chú lại đả các trai làng và phá phách tan tành mọi cái ở Xô-viết thôn, có phải thế không?

- Không hẳn là đúng như bác nói đâu ạ, Ôtxasi lên tiếng. Bọn anh em có sang Pirôgôpka. Cái đó đúng, còn cháu, cháu đã ở bên ấy ba ngày, là vì rằng, bác biết đấy... Các cháu không say be bét, điều đó không đúng. Chỉ có một lúc ban ngày, có thằng Panatxơ ở bên họ, nó đi dạo chơi với thằng Xôrôka, và thằng Xôrôka thì cháu không chối cãi, nó có uống... một tí gọi là thôi. Cả thằng Gôlôt nữa, có một người đã thết nó, một người quen. Nhưng tất cả mọi người đều đứng đắn tử tế. Chúng cháu chẳng sinh sự với ai, chúng cháu vui chơi như những người khác. Thế rồi bất thình lình một đứa bên họ, thằng Khactsenkô, ở đâu dẫn đến quát bảo cháu: “Giơ tay lên!”, và nó chĩa khẩu súng ngắn nòng của nó vào người cháu. Lúc ấy thì, quả có không sai, cháu tặng cho nó một quả vào mồm. Ấy thế là chuyện bắt đầu... Chúng nó ghét các cháu là vì các cô gái thích đi với các cháu hơn...

- Và thế là chuyện bắt đầu à?

- Ô! Có gì đâu, hai bên cãi nhau. Nếu họ không bắn súng, thì đã chẳng có chuyện gì hết. Nhưng thằng Panatxơ đã bắn, thằng Khactsenkô nữa, nên các cháu mới săn đuổi chúng nó. Các cháu không muốn đánh chúng nó, chỉ cốt tước súng của chúng thôi, nhưng chúng nó đóng chặt cửa lại không ra. Thế là thằng Prikhôtkô, bác biết nó đấy, bác biết nó mà hăng lên... nó giã liên...

- Nó mà hăng lên! Hừ, các cháu đã làm chuyện đẹp đẽ nhỉ? Các khẩu súng đâu? Mấy khẩu?

- Hai.

Ôtxatsi quay lại phía Xôrôka:

- Mà đi lấy lên đây.

Chúng đem khẩu súng lên. Tôi đuổi bọn trẻ về các xưởng. Ông chủ tịch áp úng bên các khẩu súng:

- Thế này thì chúng tôi có thể lấy về được chứ?

- Sao lại thế được? Con ông không có giấy phép mang súng, thằng Khactsenkô cũng vậy. Tôi không có quyền trả súng lại cho ông.

- Ô! Tôi cũng không cần xin về đâu mà. Ông có thể cứ giữ lấy súng, phòng khi cần dùng đến để dọa kẻ trộm trong rừng. Điều mà tôi mong muốn, ông ạ, là xin ông cũng đừng đem việc này ra làm to chuyện làm gì... Một chuyện giữa bọn thanh niên, có phải không ông?

- Thế nghĩa là... Tôi cũng không nên khiêu nại?

- Dĩ nhiên như thế, đã đành rồi...

Tôi bật lên cười:

- Mà khiêu nại làm gì chứ? Chỗ bà con láng giềng...

- Phải rồi, phải rồi, ông cụ hơn hờ nói. Chỗ bà con láng giềng... Tránh sao khỏi có chuyện! Mà nếu việc gì cũng cứ phải thưa lên cấp trên...

Ông chủ tịch ra về; lòng tôi trút được một khối nặng.

Kể thực ra thì một lần nữa đáng lẽ tôi phải đem tất cả câu chuyện này ra mà cố gò ghép với những bộ sách sư phạm chỉ nam mới phải. Song cả bọn trẻ và tôi, chúng tôi đều hết sức sung sướng vì cái kết cục may mắn của nó, cho nên lần này chúng tôi hãy tạm gác khoa sư phạm sang một bên. Tôi không phạt chúng: chúng hứa nếu không được tôi cho phép sẽ không đi sang Pirôgôpka nữa và sẽ nối lại những quan hệ tốt với bọn trai làng bên ấy.

15. “ĐƯA CỦA CHÚNG TA ĐẸP NHẤT”

Mùa đông năm 1922, trại có sáu nữ trại viên.

Hồi đó Ôlia Vôrôvôna đã đuổi kịp các chị em bạn và xinh đẹp hẳn lên rõ rệt. Bọn con trai nhòm ngó nó thật sự, nhưng đối với anh nào nó cũng tử tế mà không bắt mỗi anh nào cả, và chỉ có Burun là bạn thân của nó. Nấp bóng đôi vai rộng lớn của Burun, Ôlia chẳng sợ ai ở trại hết, và có thể đem sự khinh khỉnh ra đáp lại ngay cả trên lửa tình của Prikhôtkô, con người khỏe nhất, ngu nhất và thô lỗ nhất của trại. Burun không phải lòng Ôlia, và giữa hai người đã hình thành một tình bạn chân chính và đẹp đẽ của tuổi trẻ, khiến các bè bạn càng thêm quý mến họ hơn lên. Mặc dầu xinh đẹp, Ôlia chẳng có cái gì là đặc biệt, nó rất thích nghề nông: công việc đồng áng, cả những việc nặng nhọc, đều làm cho nó say mê, cũng như âm nhạc, và nó mơ ước:

- Bao giờ em lớn, nhất định em sẽ lấy một người nông dân.

Người cầm đầu bọn nữ trại viên là Naxchia Nôtsêvnaia. Người ta đã gửi nó đến trại, kèm theo một tập hồ sơ to tướng, ở trong đó có ghi hàng đồng chuyện về nó: ăn cắp, oa trử, mở một nhà đi lại hẹn hò cho bọn con trai lưu manh. Cho nên chúng tôi coi Naxchia là một con người kỳ lạ. Sự thật nó là một người đặc biệt chân thực và khả ái. Naxchia chưa quá mười lăm tuổi, nhưng nó khác người vì thân hình đầy đặn, da mặt trắng trẻo, cái dáng đầu kiêu hãnh và tính nết cương quyết. Nó biết cách mắng bọn con gái mà không cần kêu la vô ích biết chinh bằng một cái nhìn bất cứ cậu trại viên nào, cho cậu một bài học ngắn và thật thấm thía:

- Tại sao cậu lại bẻ miếng bánh mì này để ném đi thế? Cậu trở nên giàu có rồi hay là cậu đã đi học với lợn đấy? Nhặt nó lên đi, ngay tức khắc...

Nói như thế bằng một giọng trầm trong ngực, biểu lộ sức mạnh kiềm giữ.

Naxchia thân thiện với các nữ giáo viên, đọc sách nhiều và rất chăm, không chút hoài nghi đi theo con đường đã vạch sẵn cho nó là trường trung học công nông. Nhưng cái mục tiêu ấy còn ở xa tít mãi ngoài chân trời, đối với Naxchia, cũng như đối với nhiều trại viên khác cùng hướng về đó: Karabanôp, Vecsonep, Zadôrôp, Vetkôpxki. Các tuyến thủ của chúng tôi kém văn hóa quá, nên phải vất vả lắm mới chế ngự được những điều bí ẩn uyên thâm của môn số học và môn chính trị vỡ lòng. Người giỏi nhất trong cả bọn nữ sinh Raitxa Xôkôlôva, và chúng tôi gửi nó lên trường trung học công nông tỉnh Kiep, vào mùa thu năm 1921.

Sự thực thì đó là một công cuộc vô hi vọng, song các nữ giáo viên của chúng tôi nhiệt liệt mong muốn rằng trại có một người đại diện ở trường trung học công nông. Mục đích cao cả, nhưng Raitxa lại rất không thích hợp để bảo đảm cho sự thành công của cái lý tưởng thần thánh ấy. Nó chuẩn bị cho kỳ thi trong suốt mùa hè, nhưng cứ phải bắt ép nó học, vì Raitxa, chẳng khao khát môn giáo dục nào cả.

Zadôrôp, Vecsonep, Karabanôp là những tay thích khoa học đều rất bất mãn về sự Raitxa được chọn để vào trường trung học công nông. Vecsonep, một trại viên khác người vì có tài đặc biệt đọc sách suốt mười hai tiếng đồng hồ, ngay cả khi nó kéo bể lò rèn nung sắt, rất thích công lý và tha thiết cầu chân lý, lúc nào cũng có sẵn đầy miệng những lời thô tục để nhắc nhở đến cái tương lai rạng rỡ hứa hẹn cho Raitxa. Nó vừa nói lấp vừa bảo tôi:

- La-làm sao lại không hi-hiểu chứ? Raitxa bẽ nào ru-út cục thì c-cũng đê-đến vào nh-nhà tù.

Karabanôp còn nói mạnh hơn:

- Cháu không ngờ bác lại làm chuyện ngớ ngẩn như thế.

Zadôrôp, không chút e dè vì có mặt Raitxa ở đấy, mỉm cười khinh bỉ, và khua khua cánh tay ra bộ

chẳng trông mong được gì hết:

- Cô ấy, mà lên trường trung học công nông! Thật là muốn nắn ngay lưng anh gù!

Đối với tất cả những câu châm chọc ấy, Raitxa chỉ mỉm cười với một vẻ lơ đãng đăm dúi, và mặc dầu nó chẳng muốn vào trường trung học công nông, nó cũng lấy làm bằng lòng: nó thích được đi Kiep.

Tôi cũng đồng ý với bọn con trai. Thật sự, Raitxa làm học viên trung học công nông thế nào được! Trong khi chuẩn bị thi vào trường, nó vẫn nhận những bức thư khả nghi ngoài tỉnh gửi về, và thỉnh thoảng vẫn lén trốn khỏi trại; và vẫn rất bí mật, nó tiếp thẳng Kornêep, một trại viên đã bị đuổi ra. Kornêep đã chỉ ở trại có ba tuần lễ, suốt thời gian đó nó ra sức ăn cắp mọi thứ của chúng tôi một cách có kế hoạch, cho đến ngày nó bị tóm ở ngoài tỉnh vì một chuyện ăn cắp nữa, nó là một khách hàng trung thành của cục Cảnh vụ, một đứa hư hỏng và cực kỳ đáng tởm, một trong những con người hiểm có đã khiến tôi phải nói ngay khi mới thoát nhìn nó: tôi xin chịu.

Raitxa đậu kỳ thi vào. Nhưng một tuần lễ sau cái tin mừng ấy, tình cờ chúng tôi được biết rằng Kornêep cũng đi ra Kiep.

- Bây giờ mới là lúc bắt đầu học hành thực đây, Zăđôrôp nói.

Mùa đông qua đi. Raitxa thỉnh thoảng viết thư về, nhưng xem thư chẳng biết được gì hết. Khi thì mọi chuyện hình như tốt đẹp cả, khi thì hình như nó gặp nhiều khó khăn trong việc học, và lúc nào nó cũng thiếu tiền, mặc dù nó đã được cấp học bổng. Mỗi tháng một lần chúng tôi gửi cho nó hai hay ba chục rúp. Zăđôrôp nói quyết rằng thằng Kornêep cứ chén tha hồ ngon với số tiền đó, và điều ấy rất có vẻ là sự thật. Nhất là các nữ giáo viên bị công kích tợn, vì phải chịu trách nhiệm về việc này.

- Thôi đi, chỉ trừ các cô, còn ai cũng thấy là không được đâu. Sao lạ thế nhỉ: chúng tôi, thì chúng tôi thấy rõ, mà các cô lại không nhìn thấy?

Sang tháng giêng Raitxa bất thành lĩnh về trại với cả bọc quần áo, và bảo rằng nó về nghỉ học kỳ. Nhưng nó chẳng có giấy tờ gì cho nghỉ hết và tất cả thái độ của nó tỏ ra rằng nó sẽ không trở lại Kiep nữa. Tôi điều tra, thì trường trung học công nông trả lời rằng Raitxa Xôkôlôva đã thôi đến trường và bỏ túc xá học viện đi đâu không biết.

Chuyện đã rõ ràng. Phải công nhận về phía bọn con trai có điều tốt là chúng không trêu chọc Raitxa, tránh nói tới sự kinh nghiệm không may của nó, và có vẻ như quên tất cả câu chuyện lằng bằng ấy nữa. Mấy hôm đầu tiên sau khi Raitxa về, chúng tha hồ vui sướng chế giễu Êkatêrina Grigôriepna, cô ta đã hết sức bẽ bàng rồi, nhưng nói chung chúng đều coi chuyện đó như một việc rất thường, mà chúng đã liệu biết trước.

Tới tháng ba, chị vợ Ôtxipôp cho tôi biết một ý nghĩ ngờ đáng sợ: có nhiều dấu hiệu là Raitxa có mang.

Tôi toát mồ hôi lạnh. Chuyện này làm cho tình hình rắc rối đây: nghĩ thử coi, một trẻ gái nuôi có mang, trong một trại nhi đồng! Tôi cảm thấy ở chung quanh cơ quan, ở ngoài tỉnh, ở sở Giáo dục, có rất nhiều những con người đạo đức giả^[56] thế nào cũng sẽ không bỏ lỡ dịp này để kêu lên khoe chọe: ở trại nhi đồng quan hệ nam nữ loạn rồi, trai gái chung chạ bừa bãi. Tôi lo sợ về chính cái tình trạng chúng tôi đang bị vướng mắc đó, cũng ngang với lo cho hoàn cảnh khó khăn của Raitxa và các nữ giáo viên... Tôi nhờ chị Ôtxipôp nói chuyện “thật tình” với Raitxa.

Raitxa cương quyết chối là không có mang, và còn giận dỗi nữa:

- Hoàn toàn sai! Ai bịa ra cái chuyện bần thỉu ấy? Các cô giáo mà cũng đi rêu rao nói bậy, sao lại có cái lệ ấy từ bao giờ thế?

Chị Ôtxipốp tội nghiệp quả là cảm thấy mình đã làm không đúng. Raitxa rất đẩy người, và cái vẻ ngoài như có mang của nó có thể là do sự béo ra không lành mạnh, và chẳng thực sự chẳng có dấu hiệu gì rõ rệt lộ ra hết thảy. Chúng tôi tin lời Raitxa.

Nhưng được một tuần lễ, rồi buổi tối, Zăđôrốp gọi tôi ra sân để nói chuyện riêng:

- Bác biết là Raitxa có mang đấy chứ?

- Làm sao chú biết?

- Bác lạ thật! Như thế mà không trông thấy ư? Ai cũng biết cả, cháu tưởng bác cũng biết.

- Được rồi, cho là nó có mang nữa, thì làm sao?

- Ô! Chả sao cả... Chỉ có điều tại sao nó lại giấu? Nếu có mang – thì có mang, nhưng nó lại vờ như không có chuyện gì. Đây, có cái thư của thằng Kornêep. Bác xem này... “vợ yêu quý của anh”. Và chẳng, mọi người đã biết tổng đi rồi.

Các giáo viên ngày càng thêm lo ngại. Sau cùng tất cả chuyện đó bắt đầu làm tôi cáu tiết.

- Các bác hẳn khoản làm gì chứ? Nếu nó chữa, thì nó sẽ đẻ. Nó có thể giấu được bây giờ, nhưng đến lúc đẻ thì sẽ không giấu được nữa. Có gì ghê gớm đâu, sẽ có một đứa bé, thế thôi.

Tôi cho gọi Raitxa và hỏi nó:

- Raitxa, nói thật cho tôi biết: chị có chữa không?

- Quái lạ sao ai cũng cứ vây dồn tôi thế? Mọi người có chuyện gì mà tất cả đều bám nhằng lấy tôi như keo, dò hỏi lăm chuyen! Chả làm gì có điều đó, bác nghe rõ chưa nào?

Raitxa khóc oà lên.

- Chị có thấy không, Raitxa, nếu chị có mang, chị không cần phải giấu diếm. Chúng tôi sẽ giúp đỡ chị tìm việc làm, nếu cần thì ở ngay trại, chúng tôi cũng sẽ hỗ trợ cấp tiền cho chị. Cũng phải chuẩn bị đợi đứa bé ra đời, lo tã lót...

- Thì tôi đã bảo bác là không có chuyện! Tôi chẳng muốn việc làm gì cả, bác để mặc tôi!

- Thôi được, chị về phòng đi.

Như thế là chúng tôi chẳng biết được gì hết. Chúng tôi có thể đưa Raitxa đến một y sĩ để khám nghiệm, song ý kiến của các giáo viên về vấn đề đó không thống nhất. Người thì đòi làm cho rõ việc này sớm đi, người thì bảo đó là một cuộc điều tra rất khổ tâm và nhục nhã cho một người con gái, mà rút cục cuộc khám nghiệm ấy không cần thiết, vì sự thật sớm muộn gì rồi cũng sẽ lộ ra, và chẳng chả có việc gì cần vội vã: nếu Raitxa có mang thì cũng chỉ mới được năm tháng là cùng. Cứ để yên mặc nó, nó sẽ quen với ý nghĩ đó, rồi sau cùng nó sẽ không thể giấu hoàn cảnh nó được nữa.

Chúng tôi để cho Raitxa yên.

Ngày mười lăm tháng tư, ở nhà hát thành phố khai mạc một cuộc họp lớn các nhà công tác giáo dục, trong đó tôi trình bày một bản báo cáo về vấn đề kỷ luật. Tôi đã trình bày xong ngay buổi tối thứ nhất, nhưng có những cuộc tranh luận sôi nổi nổ ra chung quanh các luận điểm của tôi, và phải hoãn việc thảo luận sang ngày hôm sau. Hầu hết các giáo viên của trại đều có mặt, và có cả một số trại viên lớn nữa. Chúng tôi ngủ lại đêm ở tỉnh.

Bấy giờ người ta đã bắt đầu chú ý đến trại, vượt cả ra ngoài phạm vi ranh giới của tỉnh, cho nên ngày hôm sau người đến nhà hát chen chúc đông không thể nào ngờ được. Trong số các câu người ta chất vấn tôi, có vấn đề giáo dục hỗn hợp, là một điều bị luật pháp ngăn cấm hồi bấy giờ trong các trại nuôi trẻ vị thành niên phạm pháp: trại chúng tôi là trại độc nhất ở Liên bang Xô-viết thử thí nghiệm

phương pháp đó.

Trả lời những chất vấn, tôi có nói qua tới Raitxa, nhưng giả dụ chuyện nó có mang có bị đưa ra chẳng nữa thì cũng không làm thay đổi gì ý kiến của tôi về vấn đề giáo dục hỗn hợp. Tôi tuyên bố với hội nghị rằng mọi sự đều rất tốt ở trại chúng tôi, về mặt đó.

Trong một lúc nghỉ hợp, có người gọi tôi ở phòng giải lao. Ở đây tôi đụng đầu với Bratsenkô đang thở không ra hơi: nó đã cưỡi ngựa phi thực mạng ra tỉnh, và đã không chịu nói với vị giáo viên nào về chuyện nó ra đây có việc gì.

- Có một tai nạn ở nhà, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Người ta thấy một đứa bé chết ở buồng ngủ của các nữ sinh.

- Sao, một đứa bé chết?!

- Chết, chết ngay đứ đừ. Trong một cái giỏ của Raitxa. Lenka lau sàn, và cô ấy đã nhìn vào giỏ, vô tình thôi, có lẽ là để lấy một cái gì đó, và trong ấy có đứa bé chết.

- Chú nói lằng nhằng gì thế?

- Biết nói gì được về tình trạng của chúng tôi lúc đó? Tôi chưa hề bao giờ thấy sợ hãi đến thế. Các nữ giáo viên, tái xanh tái nhợt, ử rũ, khó khăn lắm mới rời khỏi được nhà hát, và đi một chiếc xe thuê về trại. Tôi không thể đi theo họ, vì tôi còn phải bảo vệ bản báo cáo của tôi chống lại những lời phỉ đối.

- Đứa bé lúc này ở đâu? Tôi hỏi Antôn Bratsenkô.

- Chú Ivan Ivanôvich khóa giữ nó trong phòng ngủ. Phòng ngủ của các cô ấy.

- Còn Raitxa?

- Raitxa ở dưới phòng giấy; bọn con trai trông coi nó.

Tôi bảo Antôn đi ra dàn cảnh báo cáo việc phát hiện đó, và ở lại tiếp tục các cuộc tranh luận về vấn đề kỷ luật.

Mãi đến tối tôi mới trở về trại. Raitxa ngồi trên ghế đi-văng gỗ ở buồng giấy tôi, đầu tóc rũ rượi, đeo cái tạp-dề bẩn thỉu mà nó đã mặc để làm việc ở nhà giặt. Nó không nhìn tôi khi tôi bước vào, và cúi gằm đầu xuống hơn nữa. Cùng ngồi trên chiếc đi-văng ấy, Vecsonep đặt ở quanh mình hàng đồng sách; hiển nhiên nó đang tìm một chỗ tham chiếu nào đó, vì nó giở nhanh hết quyển nọ đến quyển kia, và chẳng để ý gì đến ai hết thấy.

Tôi ra lệnh mở khóa cửa phòng ngủ và chuyển cái giỏ đựng xác chết xuống chỗ để đồ của kho quân áo. Đêm về khuya, khi mọi người đều đã đi ngủ cả, tôi mới hỏi Raitxa:

- Tại sao chị lại làm thế?

Raitxa ngẩng đầu lên, nhìn tôi vẻ ngây ngốc như một con vật, và sắp lại cái tạp-dề trên đầu gối:

- Cháu đã làm, có thể thôi.

- Tại sao chị đã không nghe lời tôi?

Nó bỗng khóc lên thút thít.

- Chính cháu cũng không biết nữa.

Tôi để cho nó ngủ trong phòng giấy tôi, dưới sự trông coi của Vecsonep, mà tính ham đọc sách đủ đảm bảo cho tôi yên trí là nó sẽ hoàn toàn tỉnh táo. Tất cả chúng tôi đều sợ rằng Raitxa nhớ có liều thân hoại thể chẳng.

Buổi sáng ông dự thăm tới; cuộc điều tra không mất nhiều thì giờ, vì không phải thẩm vấn ai cả.

Raitxa kể lại tội ác của nó, nói ít lời nhưng rõ rệt. Nó kể lúc ban đêm, ngay trong phòng có năm nữ trại viên khác nữa ngủ. Không một ai thức dậy hết. Raitxa giải thích như một việc tự nhiên hết sức:

- Tôi đã cố gắng không kêu rên.

Ngay sau khi để đứa bé, Raitxa bóp nó chết ngạt với một chiếc mui-soa. Raitxa chối là không dụng tâm từ trước.

- Tôi vốn không muốn làm thế, nhưng nó đã khóc lên.

Nó giấu đứa bé trong cái giỏ mà nó đã đem theo lên trường trung học công nông, và dự định tối hôm sau sẽ đem đi vứt ở trong rừng. Nó nghĩ rằng cáo sẽ ăn thịt đứa bé và như vậy là chẳng ai biết gì hết. Sáng ra, nó xuống làm việc ở nhà giặt, ở đấy các nữ sinh giặt giữ quần áo của mình. Nó ăn sáng và ăn bữa trưa với tất cả các trại viên, như không có chuyện gì cả, chỉ có điều trông nó “buồn”, theo lời bọn con trai nói.

Ông thẩm phán đem nó đi theo, và ra lệnh đưa xác chết lên nhà xác của một bệnh viện, để mổ khám nghiệm.

Các giáo viên của trại đều mất tinh thần hết sức. Ai nấy cho rằng trại như thế là đổ sụp.

Các trại viên thì có một phần nào bị kích động. Bọn con gái thì sợ tội và sợ chính trong phòng ngủ của họ, ban đêm họ không muốn ở đấy nếu không có mặt bọn con trai. Zăđô-rôp và Karabanôp la cà ở bên phòng họ nhiều đêm. Kết quả là bọn con gái lẫn con trai không ai ngủ hết và cũng không cởi áo ra nữa. Hồi đó bọn con trai thích đùa làm cho các cô gái sợ: chúng choàng những tấm ga trắng, xuất hiện dưới cửa sổ của họ, tổ chức những cuộc hoà nhạc ma quỷ vọng từ trên ống khói lò sưởi xuống, nghe rợn cả người, lẫn nằm dưới giường của Raitxa, rồi đến tối, chúng ra rả khóc oa oa lên.

Còn chính cái tội giết hài nhi thì chúng đã coi là một chuyện đơn giản hết sức. Ngoài ra, về động cơ tội ác Raitxa, chúng phản đối ý kiến của các giáo viên. Các vị này quả quyết tin rằng Raitxa đã bóp chết đứa bé trong một cơn đột phát của lòng thanh niên tự si: trong khi tâm hồn căng thẳng, ở giữa phòng ngủ im lìm, mà đứa bé mới để lại kêu lên một cách thực sự bất ngờ, Raitxa chợt đâm sợ các bạn khác thức dậy.

Zăđô-rôp nghe những lời giải thích đó ở miệng các nhà sư phạm đắm mê tâm lý học, phá lên cười đến vỡ bụng:

- Ô! Biết đến bao giờ các vị mới hết nói những câu lừa gạt đó! Cái lòng thanh niên tự si, các vị nhìn thấy ở đâu nào! Mọi cái đều đã mưu mô từ trước, cho nên nó mới không chịu thú là nó sắp đi đến nơi. Chẳng Kornêep với nó, chúng nó đã tính toán và bàn bạc tất cả rồi. Nào là cái giỏ, nào là cô nàng đem vứt vào rừng. Nếu vì xấu hổ mà nó làm thế, thì sáng hôm sau sao nó lại đi làm bình tĩnh được đến như vậy? Cái con Raitxa ấy, giá mà quyền ở tay tôi, thì tôi cứ là cho nó một phát súng vào đầu ngay lập tức. Trước kia nó là đồ nhơ bẩn, thì sau này nó vẫn hoàn là đồ nhơ bẩn. Vậy mà các vị, các vị lại đi nói tới lòng thanh niên tự si! Nó xưa nay chẳng hề có lấy một mảy may liêm sỉ.

Nếu vậy, thì nó hành động với mục đích gì, tại sao nó lại giết đứa bé? Các nhà sư phạm đặt câu hỏi quả tạ đó.

- Ô, mục đích của nó rất là giản dị: nó cần gì đến một đứa bé? Phải chăm nom đứa trẻ, nuôi nấng nó, và tất cả mọi cái. Chúng nó mới cần có đứa bé làm sao chứ, nhất là chẳng Kornêep.

- Thôi-ôi đi! Không có lẽ nào!...

- Không có lẽ nào? Các vị buồn cười thật! Tất nhiên là con Raitxa sẽ chẳng nói ra như thế đâu, nhưng tôi tin chắc rằng nếu đem lộn mề nó ra cẩn thận, thì sẽ thấy rõ ngay...

Bọn con trai đều đồng ý với Zăđôrôp, cái đó chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Karabanôp quả quyết tin rằng chẳng phải là lần đầu Raitxa “chơi cái trò ấy”, và trước khi nó vào trại, chắc hẳn là đã có chuyện gì rồi.

Hai hôm sau khi xảy ra tội ác, Karabanôp đem cái xác nhỏ lên bệnh viện. Khi trở về nó rất vui vẻ:

- Chẳng còn thiếu một thứ gì mà tôi không được nhìn thấy ở đây nữa! Sao họ có lắm thứ con nít ngâm vào lọ thế không biết, có lẽ đến ba tá chứ chẳng chơi. Có những đứa mới xí làm sao chứ! Trông phát sợ: gớm khiếp là mồm vều vào, có một đứa bàn chân co quắp, trông không biết là trẻ con hay là một con cóc nữa. Đứa của chúng ta cừ nhiều! Đứa của chúng ta đẹp nhất!

Êkatêrina Grigôriepna lắc đầu có vẻ chê trách, nhưng cũng không nhịn được mỉm cười:

- Này Xêmiôn, chú kể những chuyện gì thế, chú không biết xấu hổ à?

Bọn con trai cười rộ lên từ phía: chúng đã chán ngấy những bộ mặt ăn chay và những bộ mặt đưa đám của hết thầy các giáo viên rồi.

Ba tháng sau Raitxa bị đưa ra toà xử. Toàn ban hội đồng sư phạm của trại được gọi ra làm chứng. Cái tâm lý và cái thuyết về lòng thanh niên tự sỉ chiếm ưu thế ở pháp đình. Quan toà trách bị chúng tôi đã không giáo dục Raitxa được đúng đường lối. Tất nhiên, chúng tôi không thể nào cãi lại. Tôi được gọi vào phòng luận án, và toà hỏi tôi:

- Ông có thể nhận lại nó về trại được không?

- Tất nhiên là được.

Raitxa bị xử tám năm án treo, và đặt ngay dưới quyền trông coi của trại, trại phải chịu trách nhiệm về nó.

Nó trở về trại như không có việc gì xảy ra hết cả, lối trung diện đôi giày cao cổ màu vàng rất đẹp, khiến nó nổi bật hẳn lên trong những lúc quay tròn điệu nhảy van-xơ, ở những buổi dạ hội nhỏ của chúng tôi, khiến các cô thợ giặt của trại và các cô gái làng Pirôgôpka ghen tuông không chịu nổi.

Naxtchia Nôt-sêvnaia bảo tôi:

- Bác phải tổng cổ cái con Raitxa đi khỏi trại, nếu không chính các cháu sẽ tổng cổ nó đi vậy. Phải sống cùng buồng với nó thì tởm lắm.

Tôi vội tìm việc làm cho Raitxa ở một xưởng đan mũ áo.

Tôi gặp nó nhiều lần ngoài tỉnh. Năm 1982, nhân lên đây có việc, tôi bỗng trông thấy Raitxa đang phục vụ ở tủ ăn của một căng-tin và tôi nhận ra được nó ngay: nó đã béo ra và đồng thời có vẻ chắc người hơn và thân hình cân đối hơn.

- Chị có mạnh khỏe không?

- Khỏe ạ. Cháu làm chủ quán ăn. Cháu có hai con và một người chồng rất tốt.

- Kornêep à?

- Ô! Không ạ, Raitxa mỉm cười, đó là chuyện cũ và chuyện đã quên. Anh ta bị bắn chết ở đường phố, từ lâu rồi... Nhưng mà, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác biết rằng...

- Sao kia?

- Cảm ơn bác đã không đem cháu trôi sông ^[57] hồi ấy. Từ khi cháu vào làm ở xưởng đan, cháu đã chôn vùi quá khứ.

16. “CHÁO YẾN MẠCH”

Sang mùa xuân, một tai họa mới lại ập xuống trại chúng tôi: bệnh sốt phát ban. Kôxchia Vetkôpxki là người đầu tiên bị mắc bệnh.

Ở trại chúng tôi không có bác sĩ. Êkatêrina Grigôriepna trước kia đã có một thời gian theo học một lớp học ở một viện y tế, làm việc thay thế bác sĩ trong những trường hợp cần thiết, khi nào không thể không có thầy thuốc và đi gọi thì phiền phức. Chị ta đã học được những khoa chuyên môn, chữa bệnh ghẻ lở, điều trị cấp tốc những trường hợp bị đứt da, bị bỏng, bị dập thương và, về mùa đông, do giày ủng của chúng tôi tồi tệ, chúng tôi rất hay bị tê cóng chân. Hình như đó là tất cả những bệnh tật mà các trại viên của chúng tôi hạ cố mắc, vì chúng tôi không có khuynh hướng đặc biệt say mê các y sĩ với thuốc men.

Xưa nay tôi vẫn khâm phục chúng, chính vì chúng tỏ ra ít đòi hỏi về mặt bảo dưỡng thuốc thang, và bản thân tôi đã học tập được chúng về phương diện đó. Lệ thông thường ở trại chúng tôi là sốt 38 độ thì không tự coi là mình ốm, và với cái tính khắc kỷ thích đáng, chúng tôi cứ ra gan trước mặt nhau. Và chẳng đó cũng hầu như là một sự cần thiết, chỉ vì cái lý do đơn giản là các thầy thuốc rất ngại đến trại chúng tôi.

Vì thế cho nên khi Kôxchia ốm, và thấy nhiệt độ nó lên gần 40 độ, chúng tôi đã coi đó là một sự mới mẻ trong đời sống của trại. Chúng tôi đặt nó lên giường và tìm hết cách chăm nom săn sóc nó. Buổi tối các bạn thân của nó họp mặt chung quanh nó, và vì nó có nhiều bạn, cho nên nó bị một đám đông thật sự bao vây. Để cho nó khỏi thiếu người ở luôn bên, và để khỏi làm rối loạn bọn trẻ, các buổi tối chúng tôi cũng ở bên giường bệnh nhân.

Ba hôm sau, Êkatêrina Grigôriepna sợ hãi nói với tôi những lo lắng của chị: xem chừng rất có thể là bệnh sốt phát ban. Tôi ngăn cấm các trẻ không được đến gần giường Kôxchia, nhưng bề nào thì cũng không thể cách ly nó một cách là chu đáo được: phải làm việc ngay trong phòng và buổi tối phải hội họp ở đây.

Hai hôm sau, bệnh tình Vetkôpxki trở nên rất trầm trọng. Chúng tôi quấn nó vào một tấm chăn bông, nó co ro cuộn mình trong đó, ấn nó lên xe pha-tô-nô, rồi tôi đưa nó đi lên tỉnh.

Ở phòng tiếp nhận của bệnh viện, có đến bốn chục người đang kẻ đứng, người nằm rên rỉ. Thầy thuốc bắt phải chờ lâu. Rõ rệt là ở đây, đã đã từ lâu rồi, mọi người đều bận rộn ngập đầu, và đặt một người ốm ở bệnh viện này xem chừng chẳng có triển vọng gì tốt cả. Sau cùng thầy thuốc tới. Uể oải vén áo sơ-mi của Vetkôpxki của chúng tôi lên, và bằng một giọng mũi già nua, ông thờ ơ bảo người phụ tá ghi:

- Phát ban. Sang nhà phòng dịch.

Ở ngoại vi thành phố, giữa một cánh đồng, có vào khoảng hai chục căn nhà ván gỗ, di tích của chiến tranh. Tôi đi lang thang hồi lâu giữa các nữ y tá, bệnh nhân, người khiêng băng-ca đang bận đưa ra ngoài những chiếc cáng phủ một tấm ga. Người ta bảo tôi rằng viên trợ y sinh thường phụ trách nhận bệnh nhân, nhưng chẳng ai biết ông ta ở đâu, và chẳng ai muốn đi tìm ông ta cả. Sau cùng tôi sốt ruột và nhảy tới chị y tá gần đây nhất, vận dụng những lời “sự tác tệ”, “thật vô nhân đạo”, “thật đáng công phần”. Sự cáu kỉnh của tôi có hiệu quả: người ta cởi áo Vetkôpxki và đưa hắn đi.

Về đến trại, tôi được biết Zăđô-rôp, Ôtxatsi và Biêlukhin cũng bị sốt cao như thế. Gia dĩ tôi thấy Zăđô-rôp còn đứng vững, ngay giữa lúc nó trả lời Êkatêrina Grigôriepna đang khuyên bảo nó lên giường nằm:

- Cô mới thực là kỳ cục chứ? Tại sao tôi lại phải đi nằm? Xuống xuống rèn, Xôfrôn sẽ chữa cho tôi

khỏi không đầy hai phút...

- Xôfrôn sẽ chữa cho chú bằng cách nào? Chú nói nhằm nhí những gì thế?...

- Bằng cái cách mà bác ta vẫn tự chữa cho mình ấy: rượu vôtka, ớt, muối, dầu đặc và một ít mỡ xe cam-nhông, Zăđôrôp nói toang toang lên bằng cái giọng ý vị và chân thật của nó như thường lệ.

- Bác xem đây, bác Antôn Xêmiônôvich, bác đã làm hỏng chúng nó đến bực nào! Êkatêrina Grigôriepna quay lại bảo tôi. Nó định nhờ Xôfrôn chữa cho!... lên giường, chú nghe chưa!

Người Zăđôrôp nóng hằm hập và rõ ràng là nó đang đứng không vững. Tôi níu lấy khuỷu tay nó và lẳng lẳng đưa nó lên phòng ngủ. Ôtxatsi và Biêlukhin đã có ở đấy rồi. Ôtxatsi đau và kêu rên. Tôi đã từ lâu nhận thấy rằng cái loại “traí tráng” ấy chịu đựng bệnh tật bao giờ cũng rất là khổ sở. Ngược lại, Biêlukhin thì vẫn cứ vui như khướu, theo thường lệ.

Ở trại không có ai khoái hoạt, vui tính hơn Biêlukhin. Xuất thân từ cội rễ công nhân lâu đời, ở Nijini Taghin, nó đã phải đi tha phương cầu thực hồi đói kém. Bị bắt ở Mạc-tư-khoa trong một cuộc vây ráp, và được gửi vào một nhà nuôi dạy nhi đồng lưu đày nó đã bỏ trốn và đã quen sống đời lêu lổng. Bị bắt lần nữa, nó lại vượt trại trốn. Vốn là đứa cả gan, nó cố gắng không ăn cắp, và ưa làm chuyện đầu cơ hơn, nhưng cứ theo như lời chính nó kể lại, với một tiếng cười ngất, thì những cuộc đầu cơ của nó bao giờ cũng rất táo bạo và độc đáo, nhưng đồng thời vẫn cứ là thất bại. Rút cục Biêlukhin phải tự nhủ rằng mình chẳng làm nên được trò trống gì với cái nghề ấy, và quyết định bỏ đi Ukren.

Nó đã có đi học ít nhiều, cái gì cũng biết lờ mờ; nó là một đứa trẻ tinh khôn và đã từng lẫn lộn đó đây, nhưng sự dốt nát của nó thật là cực kỳ, kinh khủng. Có những đứa trẻ như thế: chúng có vẻ đã đọc thông viết thạo, biết các phân số, và biết sơ sơ cách tính lãi, nhưng tất cả những cái đó nằm trong đầu óc nó một cách kỳ dị lạ lùng đến nỗi kết quả thành ra buồn cười nữa.

Biêlukhin nói năng cũng kỳ quặc như vậy, song lời lẽ nó rất hóm hỉnh và đầy nhiệt tình.

Trên giường bệnh, nó nói huyền thuyên bất chỉ, và cũng như mọi khi, nó dùng những chữ ghép với nhau một cách bất ngờ đến là buồn cười, làm tăng gấp đôi ý vị những câu lý thú, hóm hỉnh của nó:

- Bệnh sốt phát ban lại chỉ là một trò mưu mô tính toán của các nhà tri thức, mấy ông y sời, thế thì sao nó lại đi ngoặc vào tớ, tớ là một công nhân chính cống? Tớ bảo thật cậu chứ, khi nào lên tới xã hội chủ nghĩa, thì chúng mình sẽ đóng sầm cửa ngay vào mũi nó, cái con vi trùng ấy, trừ phi là, nói giả dụ, nó đến lèo nhèo với cái lý do: xin lĩnh thẻ thực phẩm, hay xin cái gì đấy, bởi vì rằng nó, nó cũng cần phải sống, kể cũng đúng thôi; lúc bấy giờ thì bảo nó hãy sang hỏi cậu thư ký văn sĩ của tớ. Chúc thư ký thì sẽ ấn thẳng Kônka Vecsonep vào đấy cho nó làm, vì rằng nó kết bạn với sách vở cũng như con chó với bọ chét vậy. Thằng Kônka sẽ nhận cái công việc của nhà trí thức; nó sẽ phải lo sao cho mỗi giống, bọ chét hay vi trùng cũng thế thôi, đều phải tuân thủ theo sự quân bình dân chủ.

- Tao làm thư ký, thế còn mày, mày sẽ làm cái thá gì khi leo lên tới xã hội chủ nghĩa? Vecsonep vừa lấp vừa hỏi lại.

Nó ngồi ở phía chân thằng Biêlukhin, tay vẫn cầm một quyển sách như thường lệ, đầu tóc rối bù và áo sơ-mi xẻ ngược xẻ xuôi.

- Tao sẽ viết luật pháp, về cái cách mày phải ăn mặc thế nào, để cho mày trông ra bộ con người, chứ không phải ra bộ ăn mày ăn xin, làm cho ngay cả đến thằng Tôxka Xôlôviep cũng phát tức. Mày tự cho mày là một thằng đọc sách ghê gớm, mà trông vẻ mày có khác gì con khỉ? Mà tất cả các chuồng thú cũng chẳng làm gì có cái giống khỉ đen như mày để mà trưng bày đâu nhá. Có phải không Tôxka?

Bọn trẻ cười thằng Vecsonep. Thằng này không giận, và âu yếm nhìn Biêlukhin bằng đôi mắt hiền màu xám của nó: hai đứa bạn chí thân, cùng đến trại với nhau, cùng làm việc sát cánh nhau ở xưởng

rên, nhưng trong khi Biêlukhin đập sắt trên đe thì Kônka ung kéo bẽ hơn, để vẫn có một tay rảnh mà cầm sách đọc.

Tôxka Xôlôviep, tên thường gọi hơn là Antôn Xêmiônôvich – nó trùng với tôi hai chữ tên – chưa quá mười tuổi. Biêlukhin đã thấy nó trong rừng gần trại, chết đói dở và đã mê man bất tỉnh. Nó đi theo cha mẹ từ tỉnh Xamara đến Ukren, nửa đường mất mẹ, và cũng không nhớ được sau đó đã xảy ra những chuyện gì. Nó có một bộ mặt trẻ con xinh đẹp, sáng sủa, luôn luôn hướng về phía Biêlukhin. Tất nhiên, cuộc đời bé mọn của nó đã trôi qua mà không để lại ấn tượng gì đặc biệt mạnh mẽ, cho nên Biêlukhin, cái thằng đại ba hoa ấy, vui vẻ và tự tin mình, bẩm sinh không hề biết sợ cuộc sống, và thông tỏ giá trị mọi cái ở đời, đã cảm dỗ nó sâu sắc và buộc chặt nó với mình cho đến suốt đời.

- Tôxka đứng bên giường Biêlukhin; đôi mắt nhỏ của nó bùng cháy tình yêu mến và cảm phục. Giọng kim trong tiếng cười trẻ trung của nó bật vang lên thánh thót.

- Khi đen!

- Đây, Tôxka của tao sau này nhất định sẽ là tay cừ, Biêlukhin kéo nó từ phía sau giường lại sát phía mình.

Tôxka xấu hổ, gục xuống bụng Biêlukhin đang nằm đắp chăn bông.

- Tôxka này, mày đừng có chúi đầu vào sách như thằng Kônka nhé, mày xem sách đã làm cho đầu óc nó hỏng như thế nào đấy.

- Chẳng phải nó ngón sách đâu, mà ngược lại đấy. Zăđôrôp nói, từ giường bên cạnh.

Ngồi chơi cờ với Karabanôp ở gần ngay đấy, tôi nghĩ bụng: “Thì ra chúng nó đã quên rằng chúng đang bị bệnh sốt phát ban”.

- Một chú nào đi tìm cô Êkatêrina Grigôriepna lên đây cho tôi.

- Chị ta đến, như một vị phúc thần giận dữ.

- Gớm kìa, xinh chưa! Tôxka luẩn quẩn ở đây làm cái gì thế? Các chú không biết gì cả à? Thế này thì còn ra làm sao nữa!

Tôxka hoảng sợ rời khỏi giường và rút lui, Karabanôp nín thở tay nó, gập đầu gối lại, vờ làm ra vẻ thất kinh, đi giật lùi một cách ngờ nghệch vào góc phòng.

- Tôi cũng sợ nữa...

Zăđôrôp kêu to lên, giọng ồm ồm:

- Tôxka, thế thì mày đưa cả bác Antôn Xêmiônôvich đi nữa chứ. Sao mày lại bỏ rơi bác?

Êkatêrina Grigôriepna đưa mắt bất lực nhìn khắp lượt bọn trẻ vui cười.

- Cứ như là ở nước Zulu^[58] ấy thôi!

- Người Zulu là những tướng đi chơi rong không mặc quần, còn về thực phẩm thì học xơi những người bạn thân và người quen biết, Biêlukhin trịnh trọng nói. Khi một chàng trai nào đó gặp một cô nào, thì hắn nói: “Xin cô cho phép tôi đưa cô về nhà”. Và cô kia rất bằng lòng: “Sao lại thế, tôi đi một mình cũng được thôi”. “Ấy không, thưa cô, ai lại có thể để cô đi về nhà một mình như thế bao giờ?”. Kết quả: vừa đưa cô ta đi rẽ góc phố một cái, là hắn chén cô liền. Mà không cần có tương ột^[59] nhé!

Tiếng cười trong vạt của Tôxka đổ hồi như thác nước trong góc phòng. Êkatêrina Grigôriepna mỉm cười:

- Ở xứ ấy người ta ăn thịt các cô, nhưng ở đây người ta để cho các trẻ nhỏ đến gần những người bị sốt phát ban. Thì cũng thế thôi.

Vecsonep nằm lấy cơ hội báo thù Biêlukhin:

- Nh-nh-những người Zuluu kh-không ăn thịt c-các cô. D-dĩ nhiên họ v-v-vẫn minh hơn mày. M-mày sắp làm ch-cho thằng T-t-tôxka lây bệnh.

- Còn chú nữa, Vecsonep, chú ngồi trên giường ấy làm gì? Êkatêrina Grigôriepna chợt để ý thấy nó, liền vặn hỏi. Chú cút ngay lập tức!

Chung hững, nó vội thu nhặt sách để bừa bãi trên giường Biêlukhin.

Zađôrôp can thiệp:

- Nó, thì nó không phải là một cô, cho nên thằng Biêlukhin sẽ không đớp nó đâu.

Tôxka đã mon men tới bên Êkatêrina Grigôriepna, nói với một vẻ trầm ngâm suy nghĩ:

- Anh ấy không ăn thịt khi đen.

Vecsonep đi ra, một bên cánh tay ôm cả một chồng sách, còn cánh tay kia, không biết làm thế nào mà nó tóm được, xách thằng Tôxka đang vừa cười vừa vung vẩy chân. Cả tốp đó đến đồ lăn kên lên giường của Vecsonep, ở mãi góc phòng xa nhất.

Sáng hôm sau, một chiếc xe chở đồ, thùng sâu, đóng theo kiểu của Kalina Ivanôvich, và hơi giống một chiếc quan tài, được chất đầy ứ lên. Các trẻ bị sốt phát ban của trại quần chăn ngồi cả trong thùng xe. Ở đầu chiếc quan tài, đã có bắc một tấm ván cho Bratsenkô và tôi ngồi ngất ngưỡng. Tôi buồn bực, vì cảm thấy trước tất cả cái chuyện khó chịu đã qua, khi đưa Vetkôpxki vào bệnh viện, sẽ lại tái diễn. Hơn nữa, tôi chẳng tin tưởng một chút nào rằng bọn trẻ đi lên đây sẽ được chữa chạy.

Ôtxatsi nằm ở sàn xe, run lấy bầy co kéo đầu chăn lên đắp vai. Chiếc chăn để thò ruột bông xám đen, và tôi nhìn thấy ở dưới chân tôi một chiếc giày của Ôtxatsi, khô cứng và rách nát. Biêlukhin đã cuộn chiếc chăn đội lên đầu, như kiểu mũ giáo chủ hình trụ, và nó nói:

- Mọi người tưởng chúng mình là những giáo sĩ đi du lịch. Họ tự hỏi! Làm sao họ chuyên chở hàng đông giáo sĩ thế này nhỉ?

Zađôrôp đáp lại bằng một nụ cười, chứng tỏ rằng hắn đang đau đến bực nào.

Ở nhà phòng dịch, tình trạng vẫn không thay đổi. Tôi gặp chị y tá của phòng Kôxchia nằm. Chị đang chạy băng băng trong đường cầu, khó khăn lắm mới kìm hãm được đà chân lại.

- Vetkôpxki à? Ở đây thì phải...

- Tình trạng hắn thế nào?

- Chưa biết được đâu.

Antôn Bratsenkô quát roi ngựa vào không khí ở sau lưng chị ta.

- Lại có nước thế nữa: chưa biết được! Làm sao lại chưa biết được!

- Chú bé này đi với bác à? chị y tá có vẻ ghê tởm nhìn Bratsenkô, đang mướt mồ hôi và nồng nặc mùi phân bón với mùi cọng rạ bám vào quần.

- Chúng tôi là người ở trại Gorki, tôi mở đầu thận trọng, ở đây hiện có một trẻ nuôi của chúng tôi, là Vetkôpxki. Và tôi đưa đến các bác ba em nữa, không khéo chúng bị sốt phát ban.

- Bác lên nói chuyện ở phòng tiếp nhận ấy.

- Phòng đông ngốt những người. Vả chăng, tôi muốn xin cho các em này cùng nằm một chỗ.

- Chúng tôi không thể thông đồng với ý thích của mỗi người được.

Nói xong chữ “thông đồng” ấy, chị ta đi thẳng.

Nhưng Antôn cản đường chị ta:

- Thế nào? Cô nói năng với mọi người như thế à?

- Các đồng chí đi lên phòng tiếp nhận kia, tôi chẳng có chuyện gì nói với các đồng chí ở đây cả.

Chị y tá nổi giận với Antôn, tôi cũng bực mình:

- Ra khỏi đây đi, chú làm phiền chúng tôi!

Song Antôn cũng không rời khỏi chỗ. Hắn ngạc nhiên nhìn chị y tá và tôi, trong khi tôi nói với chị ta, cũng bằng cái giọng cáu kỉnh ấy:

- Xin chị hãy chịu khó nghe tôi nói hai câu. Tôi hết sức mong muốn cho các em này khỏi bệnh. Cứ mỗi em khỏe khoắn chị trả về cho tôi, tôi sẽ trả hai phút bột tiểu mạch. Nhưng tôi muốn giao thiệp với cùng một người. Vetkôpxki ở phòng của chị. Chị hãy thu xếp nhận cả những em khác nữa.

Chị y tá có vẻ sững sờ, có lẽ chị phạt ý.

- Bác nói “bột tiểu mạch” à? Nghĩa là hồi lộ có phải không? Tôi không hiểu!

- Không phải chuyện hồi lộ mà là tiền thưởng, chị nghe ra chưa? Nếu chị không đồng ý, thì tôi sẽ tìm một chị khác. Đây không phải là hồi lộ; chúng tôi yêu cầu một chút chăm nom săn sóc thêm cho các em ốm của chúng tôi, và có lẽ, một phần công tác ngoại phụ nào đó. Là bởi vì, chị ạ, các em đó kém được bồi dưỡng và các em không có cha có mẹ, chị hiểu không?

- Nếu thế thì tôi sẽ nhận các em mà không cần đến bột của bác. Có mấy em?

- Tôi đã đưa đến ba em, nhưng xem chừng tôi sẽ còn đưa đến nữa.

- Thôi được, vào đi!

Antôn và tôi theo chân chị ta. Nó ranh mãnh nháy mắt với tôi và hất đầu chỉ chị y tá, nhưng chính nó cũng ngạc nhiên rõ rệt vì thấy công việc xoay chiều như thế... Thấy tôi không đáp lại những bộ điệu nhăm nháy của nó, nó đành chịu vậy.

Chị y tá đưa chúng tôi đến một phòng, ở một góc hẻo lánh của bệnh viện. Antôn đi tìm các bệnh nhân của chúng tôi.

Dĩ nhiên là chúng nó bị bệnh sốt phát ban tất cả. Viên trợ y sinh không khỏi có phần ngạc nhiên nhìn những chăn bông của chúng tôi, nhưng chị y tá nói với anh ta bằng một giọng không để cho cãi lại:

- Các em ấy ở trại Gorki đến, anh xếp các em vào phòng tôi.

- Vậy ở phòng chị có chỗ à?

- Sẽ thu xếp được. Hôm nay có hai người ra viện, và thế nào cũng tìm ra chỗ đặt một cái giường thứ ba.

Biêlukhin vui vẻ chào chúng tôi:

- Bác đem thêm anh em đến nhé, cho nó thêm phần ấm cúng.

Hai hôm sau, chúng tôi cho nó được toại ý, bằng cách đưa Gôlôp và Snaide đến, rồi thêm ba đứa khác nữa, trong vòng một tuần lễ.

May được cái rằng chuyện chỉ đi đến đây thôi.

Antôn nhiều lần đi lên bệnh viện, để hỏi thăm chị y tá về tình hình chữa bệnh ra sao. Bệnh sốt phát ban không làm gì nổi các trại viên của chúng tôi hết.

Chúng tôi đang định đi lên tỉnh đón một đứa trong bọn về, thì bỗng nhiên, vào một buổi trưa mùa xuân sáng sủa đẹp trời, một bóng ma từ trong rừng xuất hiện, quần trong một chiếc chăn bông. Nó vào

thằng xương rền mà nói vo vo:

- Ở này, những quân sức bánh mì, chúng mày khỏe thằng chứ? Còn thằng này, lúc nào cũng đọc sách. Mày nhìn xem, tí trong xương mày đang chui ra ngoài lỗ tai kia...

Bọn trẻ mừng quỳnh: Biêlukhin, tuy còn hốc hác và da xanh nhợt, vẫn vui vẻ y như cũ, và chẳng có cái gì ở trên đời làm cho nó sợ hết thấy.

Êkatêrina Grigôriepna chạy bổ tới nó: tại sao nó lại đi bộ về, tại sao nó không đợi người ta đến đón?

- Cô Êkatêrina Grigôriepna ạ, cô xem cháu cũng muốn chịu khó đợi đấy, nhưng sau cùng đã đến phát ngáy lên với cái món ăn tồi. Cháu nghĩ bụng: ở trại bọn anh em ăn bánh mì hắc mạch, canh nước ốc, với kasa, ¹⁶⁰¹đầy bát tú hụ, thế là, cô hiểu không, cháu nhớ quá đi mất, nhớ cứ là điên người lên thế này này... thành ra cháu không thể nào chịu được cảnh nhìn chúng nó húp cái cháo yền mạch của chúng nó nữa... hà-hà-hà-hà!...

- Cái cháo yền mạch ấy là cái gì vậy?

- À, cô ạ, đó là Gôgôn đã tả một thứ cháo như thế, khiến cháu thích ghê cơ. Và ở nhà thương, họ đã quen cho ăn cái cháo yền mạch ấy, làm cho cháu, cứ mỗi lần trông thấy nó, là nín cười không nổi, thành ra không làm sao mà ăn quen được. Chỉ tại là cháu phải cười, có thể thôi. Lúc đầu chị y tá còn mắng cháu, nhưng sau đó cháu lại càng cười dữ hơn. Hễ cứ nhớ tới cái tên ấy: cháo mạch... Ấy thế là chịu, không tài nào đựng tới nó được: chỉ cầm cái thìa lên là cháu đã cười vỡ bụng. Vì thế, mà cháu bỏ về đây!... Còn các cậu, thế nào, các cậu ăn bữa sáng rồi à? Hôm nay chắc là phải có kasa chứ?

Êkatêrina Grigôriepna kiểm ở đâu ra được một ít sữa; không thể nào cho một người ốm ăn ngay kasa được!

Biêlukhin vui vẻ cảm ơn:

- Rất cảm ơn cô đã cho một đĩa sắp chết được toại nguyện.

Tuy nhiên nó lại đổ sữa vào một đĩa kasa. Êkatêrina Grigôriepna đành buông tay nhượng bộ.

Không bao lâu những trẻ ốm khác cũng trở về cả.

Antôn đánh xe đưa một bao bột trắng đến nhà chị y tá.

17. SARIN ĐƯỢC TRẢ NỢ

Chuyện “Đứa của chúng ta đẹp nhất” dần dần bị quên đi, cũng như bị quên đi những nỗi khó chịu về bệnh sốt phát ban, về mùa đông, với những bàn chân tê cóng, với việc lao dịch đi kiếm củi và những cuộc chơi trượt tuyết. Nhưng ở sở Giáo-dục, người ta không thể nào quên được cái “Phổ lỗ sĩ chủ nghĩa”^[61] trong những phương thức kỷ luật của tôi. Ở sở đó người ta cũng bắt đầu nói với tôi bằng một giọng lưỡi hầu như là giọng lưỡi của Araktsêiep,^[62] người xướng suất ra những trại quân sự nổi tiếng:

- Chúng tôi sẽ cho đóng cuộc thí nghiệm kiểu sen đầm của ông lại. Phải tạo ra phương pháp giáo dục xã hội chủ nghĩa chứ không phải chỉ huy một ngục thất.

Trong bản báo cáo của tôi về vấn đề kỷ luật, tôi đã dám mạo phạm nghi ngờ sự đúng đắn của những lý thuyết được hết thảy mọi người công nhận hồi bấy giờ; những lý thuyết đó cho rằng sự trừng phạt chỉ đào tạo nên những con người nô lệ, và chủ trương phải để cho bản năng sáng tạo của đứa trẻ được hoàn toàn tự do phát huy, trước hết là đưa vào tính tổ chức và tính kỷ luật tự nhiên của nó. Tôi đã dám mạo muội đưa ra cái ý kiến khẳng định, tin chắc đối với tôi, rằng chừng nào tập thể và những cơ cấu của tập thể chưa được tạo nên, chừng nào những truyền thống chưa được hình thành và chưa có một cái vốn đầu tiên về thói quen lao động và quen sống tập thể, thì nhà giáo dục có quyền và có bổn phận không tự cấm đoán sự dùng đến cưỡng bách. Tôi cũng khẳng định thêm rằng việc giáo dục không thể nào dựa tất cả vào sự hứng thú, bởi vì việc giáo dục cái ý thức bổn phận thường thường mâu thuẫn với hứng thú của đứa trẻ, ít nhất là với cái hứng thú như nó hiểu. Tôi đòi hỏi một nền giáo dục khả dĩ tạo nên một con người tôi luyện cẩn thận và kiên cường, có thể đảm nhiệm một công việc dù khó chịu và chán ngán, miễn là nó đáp ứng yêu cầu lợi ích của tập thể.

Để kết luận, tôi bênh vực ý kiến cần xây dựng một tập thể có tinh thần mạnh mẽ, nghiêm khắc, nếu cần, và tôi đặt tất cả mọi hy vọng của tôi duy nhất trên tập thể đó. Những người phản đối tôi đem những nguyên lý nhi đồng học^[63] ra mà chỉ trích tôi, và chỉ có đều một giuộc ca ngợi bằng đủ mọi giọng: “em bé nhi đồng”.

Tôi đã chuẩn bị tinh thần trước về việc trại bị “triệt”, song những lo âu hàng ngày của chúng tôi: vụ gieo hạt và thường xuyên là việc tu sửa lại trại mới, không để cho tôi có thì giờ rảnh rỗi mà buồn riêng vì những sự ngược đãi áp bức của sở Giáo dục đối với tôi. Hiển nhiên là có một người nào đó che chở cho tôi, vì thì giờ qua đã nhiều mà tôi vẫn chưa thấy mình bị “triệt”.

Vậy mà xem chừng còn có gì giản dị hơn là cách chức, và thế là xong.

Nhưng tôi cố hết sức tránh không đi lên đấy: ở đấy người ta nói năng với tôi kém nhã nhặn quá, với giọng khinh miệt nữa. Nhất là có một viên thanh tra đã quen hành tôi: Sarin, một gã đẹp trai vô duyên, đóm dáng tóc nâu bông xoắn tít, được các bà ở tỉnh nhỏ say như điệu đờ. Môi hấn dày, ướm và đỏ chót, lông mày cong cong và rất đậm. Chả ai biết trước năm 1917 hấn làm cái gì, mà chỉ thấy vào hồi đó hấn vừa hay trở thành một chuyên gia lớn về khoa giáo dục xã hội. Hấn đã khéo tiếp thụ được một số danh từ đương thịnh hành, và biết kéo hàng tràng lời lẽ thao thao bất tuyệt và trông rỗng, tin chắc rằng những lời lẽ đó chứa đựng những kho tàng giá trị tư tưởng s phạm và cách mạng.

Hấn đối xử với tôi ra chiều hằn thù kiêu ngạo, kể từ cái hôm mà tôi không kiềm chế được một tiếng cười thực sự không ngăn giữ nổi.

Hấn đã tới trại, vì một công việc gì đó. Trông thấy một cái phong vũ biểu không có thủy ngân ở trên bàn giấy tôi, hấn hỏi:

- Vật này là cái gì thế?

- Một cái phong vũ biểu.

- Phong vũ biểu là cái gì?

Tôi ngạc nhiên!

- Phong vũ biểu dùng để báo trước thời tiết.

- Báo trước thời tiết à? Nó ở trên bàn anh thì nó làm thế nào mà báo được? Thời tiết có ở trong này đâu mà ở ngoài kia chứ!

Chính vào lúc đó tôi bật lên một tiếng cười bất lịch sự nhưng không thể nào nén được. Giá thử Sarin đừng có cái bộ mặt bác học kia, cái bờm tóc thạc sĩ kia, cái vẻ tự tin khoa học kia!

Hắn giận đỏ gay mặt lên:

- Anh cười gì? Thế mà lại là một nhà giáo dục nữa kia đấy! Anh làm thế nào mà dạy bảo được các trẻ nuôi của anh. Khi anh thấy tôi không biết, thì anh phải giảng cho tôi hiểu, chứ không phải là cười vào mũi tôi

Nhất định là không thể có được cái tâm hồn cao cả ấy, cho nên tôi vẫn cứ cười. Ngày trước, tôi đã nghe kể một câu chuyện giống hệt như chuyện tôi trao đổi với Sarin về phong vũ biểu, và xem chừng tôi lấy làm buồn cười hết sức mà thấy rằng cuộc đời lại tái diễn một chuyên ngu xuẩn đến thế, với sự tham gia đóng trò của một viên thanh tra sở Giáo dục.

Sarin tức giận ra về.

Khi tôi trình bày bản báo cáo của tôi về vấn đề kỷ luật, hắn ra sức “hạ” tôi một cách ráo riết.

- Một hệ thống có hạn định khu vực về tác động đối với nhân cách của đứa trẻ về mặt y học – sư phạm học, nếu có được phân bố thành những cơ quan giáo dục xã hội, thế tất nó phải giữ địa vị ưu thắng chừng nào nó phù hợp với những đòi hỏi tự nhiên của tuổi trẻ và làm nổi bật những viễn cảnh phát triển cơ cấu này hay cơ cấu nọ về mặt sinh lý học, kinh tế học và xã hội học. Do đó, chúng tôi nhận xét...

Suốt trong hai giờ liền, hai mắt lim dim và hầu như không nghỉ để lấy hơi, hắn làm một cử tọa với cái mớ danh từ khoa học hồ đồ như thế, nhưng rồi hắn kết thúc cách khoa trương bằng câu châm ngôn rất nhảm này:

- Đời sống là vui vẻ.

Cũng chính gã Sarin ấy giáng cho tôi một đòn trí mạng vào mùa xuân năm 1922.

Phân bộ Đặc biệt của Quân đoàn Hậu bị thứ nhất đã gửi đến trại một trẻ nuôi, yêu cầu phải tiếp thu bắt buộc. Cơ quan ấy đã có một đôi lần, cũng như cơ quan Tsêka^[64] gửi tới cho tôi những trẻ nhỏ. Tôi tiếp nhận thằng bé đó. Hai hôm sau, Sarin cho gọi tôi lên:

- Anh đã nhận Epgêniép phải không?

- Vâng.

- Anh lấy quyền gì mà nhận một trẻ nuôi khi không có sự cho phép của chúng tôi.

- Phân bộ Đặc biệt của Quân đoàn Hậu bị thứ nhất đã gửi nó tới cho chúng tôi.

- Phân bộ Đặc biệt, thì đã làm sao? Anh không có quyền nhận một đứa trẻ mà không được chúng tôi cho phép.

- Tôi không thể nào làm khác được, một khi Phân bộ gửi nó tới cho tôi. Nhưng nếu ông cho rằng Phân bộ không có quyền làm thế, thì ông hãy nên giải quyết vấn đề đó với Phân bộ, bằng cách này hay cách khác, Tôi không thể làm người xét xử giữa ông và Phân bộ.

- Anh hãy gửi trả ngay Epgeniep về cho họ.

- Chỉ khi nào có lệnh viết.

- Lệnh truyền miệng của tôi phải là đủ cho anh lắm.

- Ông hãy cho lệnh tôi bằng giấy tờ.

- Tôi là cấp trên của anh và tôi có thể phạt giam anh ngay lập tức trong bảy ngày, vì không chấp hành một mệnh lệnh truyền miệng của tôi.

- Được, ông cứ làm đi.

Tôi thấy đối thủ của tôi đang hết sức nóng lòng muốn sử dụng quyền hành của hấn được bắt giam tôi trong bảy ngày. Còn phải tìm có gì khác nữa khi đã có sẵn một cớ đó rồi?

- Anh không muốn gửi trả lại đứa bé đó phải không?

- Không, trừ phi có lệnh viết. Là vì, ông có thấy không, để cho đồng chí Sarin bắt giam, thì có lợi cho tôi hơn là Phân bộ Đặc biệt.

- Tại sao Sarin lại hơn? viên thanh tra thực sự chăm chú muốn biết.

- À như vậy dễ chịu hơn, ông ạ, có thể nói thế được. Dù sao đi nữa, thì cũng vẫn cứ là ở trong phạm vi học viện với nhau.

- Đã vậy, thì anh bị bắt giam đấy,

Hấn nắm lấy máy điện thoại:

- Cục dân cảnh phải không?... Xin cho ngay một người dân cảnh đến bắt giữ ông giám đốc trại Gorki, vì tôi đã phạt ông ta bảy ngày giam... Sarin đây.

- Tôi phải làm gì đây? Đợi trong phòng giấy ông à?

- Phải, anh đợi ở đó.

- Tôi xin lấy lời hứa bảo đảm, ông có thể cho phép tôi vắng mặt một lát không? Trong khi đợi người dân cảnh đến, tôi có thể lại đăng kho xin lĩnh một vài thứ và bảo cho một đứa trẻ về trại.

- Anh sẽ không ra khỏi phòng này.

Sarin nhấc trên giá áo cái mũ phớt nhung rất hợp với bộ tóc đen của hấn, và bay ra khỏi phòng giấy. Lúc đó tôi cầm ống điện thoại và gọi ông chủ tịch Ủy ban chấp hành tỉnh. Ông nhần nại nghe tôi kể chuyện.

- Anh đừng bức dọc làm gì, anh bạn ạ, và anh cứ yên ổn về trại đi. Hay là, tốt hơn, anh hãy đợi người dân cảnh, và anh bảo hấn gọi tôi.

Người dân cảnh vào,

- Có phải ông là ông giám đốc trại không?

- Vâng, tôi đó.

- Thế thì đi thôi.

- Ông chủ tịch Ủy ban chấp hành đã quyết định rằng tôi có thể trở về trại. Ông đã yêu cầu bác gọi điện thoại cho ông.

- Tôi chẳng gọi điện thoại cho ai hết cả. Về đến Cục rồi thủ trưởng có muốn gọi thì gọi. Lên đường!

Ở ngoài phố, Antôn mở to mắt nhìn, vì thấy tôi bị áp giải đi như thế.

- Đợi tôi ở đây.

- Họ có sắp tha bác không?

- Chú biết thế nào mà nói tôi sắp được tha hay không?

- Cái thằng cha đen đen vừa mới đi qua, đã bảo cháu: mày về trại đi, ông giám đốc của mày không về đâu. Thế rồi lại có những mục đội mũ kể rằng: ông giám đốc nhà các anh bị bắt.

- Chú cứ đợi, tôi sẽ về ngay.

Về đến Cục, còn phải đợi thủ trưởng. Mãi đến bốn giờ ông này mới thả tôi ra.

Xe chúng tôi chòng chát những bao với hòm cao ngất ngưỡng. Trong khi xe yên ổn kéo chúng tôi đi chậm như sên, Antôn và tôi, trên con đường cái lớn đi Khackôp, thì chúng tôi, ai nghĩ việc nấy, hẳn có lẽ nghĩ đến rơm và các cánh đồng cỏ, và tôi nghĩ đến những nỗi thăng trầm mà số phận dành cho các viên giám đốc trại nhi đồng. Phải dừng xe nhiều lần, để sắp lại các bao cứ rơi tuột lung tung, rồi chúng tôi lại trèo lên ngồi và xe tiếp tục đi.

Antôn đã co dây cương bên tay trái để quành xe vào đường về trại, bỗng con Nhãi-ranh nhảy sang một bên, hất cao đầu và muốn chồm lên: từ con đường vào trại, một chiếc ô-tô chạy vút ra như gió cuốn, bóp còi inh ỏi, rít lên sòng sọc, các ống xy-lanh rú khan, bay về phía tỉnh. Một chiếc mũ phớt nhung màu lục đi qua như chớp và Sarin xốn xác nhìn tôi. Ngồi bên cạnh hắn, và một tay giữ cổ áo tôi, là ông Tsecnenkô, lún phún ria mép, chủ tịch Viện kiểm tra Công Nông.

Antôn không kịp có thì giờ ngạc nhiên vì chiếc xe hơi chạy qua như sao băng ấy: con Nhãi-ranh đã làm rối một cái gì trong bộ yên cương phiền phức và tạm bợ của chúng tôi. Nhưng tôi cũng không có thì giờ ngạc nhiên nữa, vì tôi trông thấy một đôi ngựa của trại thặng vào một chiếc xe tải lớn đang phóng nước đại đâm bổ vào chúng tôi, xe lăn ầm ầm như sấm và chở đầy nịch những trai của trại. Đứng ở phần trước xe, Karabanôp cầm cương, rút đầu rút cổ, mắt di-gan^[65] đen nhánh sáng quắc như phóng lửa đuổi theo chiếc ô-tô trốn chạy. Chiếc xe vút thẳng một lèo chạy qua xe chúng tôi, bọn trẻ kêu lên, nhảy xuống đất, bắt Karabanôp dừng lại, cười ầm ỹ. Karabanôp mãi rồi mới sực tỉnh và hiểu nguyên do. Cái ngã tư bây giờ trở thành rộn rịp như chợ phiên.

- Bọn trai xúm xít vây lấy tôi. Karabanôp rõ rệt là bất mãn vì chuyện lại kết thúc một cách tầm thường đến thế. Hắn cũng chẳng buồn xuống xe, và vừa cẩu tiết bắt ngựa quay trở lại, hắn vừa lảng mạ:

- Ép, mày có quay lại không, ngựa chết giẫm, quỷ bắt mày đi, cái giống quỷ đẻ ra ngựa nghèo thế này nhá!

Sau cùng, nổi xung lên một lần chót, nó gò cương bên phải, và phóng nước đại trở về trại, vẫn đứng thẳng ở phần trước xe, nét mặt lầm lẫm, nẩy người lên qua những ổ gà.

- Các chú có việc gì thế? Các chú đi chữa cháy hay sao vậy? tôi hỏi.

- Chúng mày làm gì mà phát điên lên như thế? Antôn nói thêm.

Vừa ngắt lời nhau, vừa xô đẩy nhau, bọn trẻ kể lại những việc đã xảy ra cho tôi nghe. Mặc dầu tất cả mọi đứa đều đã chứng kiến, nhưng chúng thuật lại các sự việc thật mơ hồ hết sức. Chúng lấy xe có hai ngựa để bay đi đâu, và một khi ra đến tỉnh thì chúng định làm gì cái đó còn là chuyện rất bí hiểm đối với chúng và những câu hỏi của tôi về vấn đề ấy còn khiến chúng ngạc nhiên là khác.

- Biết thế nào được? Ra ngoài ấy sẽ liệu.

Chỉ riêng Zadô-rôp là kể chuyện lại được có đầu có đuôi hẳn hoi:

- Mọi việc xảy ra nhanh hết sức, bác ạ, cứ như là ở trên trời rơi xuống ấy. Họ đã đi ô-tô đến, và hầu như chả ai trông thấy họ; mọi người đều đang bận làm việc cả. Họ đã lên trên buồng bác, không biết họ làm gì ở đó, một đứa bọn cháu lên xem thử: họ đang lục lọi các ngăn kéo, nó kể chuyện lại thế. Như

vậy là nghĩa thế nào? Bọn trai lập tức chạy mau về chỗ bọc tam cấp buồng bác, thì vừa gặp lúc bọn kia đi ra, Các cháu nghe thấy họ bảo chú Ivan Ivanovich: “Anh giữ lấy quyền giám đốc”. Ấy thế là cứ ầm ầm cả lên thôi, chẳng hiểu ra làm sao cả; những đứa này thì la ó, những đứa kia thì đã nhảy lên túm lấy áo tơi họ, thằng Burun hét đến làm điếc tai cả trại: “Thế các người đã tổng bác Antôn vào đâu?”. Một cuộc nổi loạn thật sự. Không có cháu và chú Ivan Ivanovich, thì đã xảy ra đấm đá nhau, chúng nó dứt đứt cả cúc áo của cháu nữa. Cái thằng cha đen đen, nó mới hoảng vía làm sao chứ, nó chạy vội ra cái xe cà khồ của nó, để ở gần ngay đấy. Họ mở máy chạy trong nháy mắt, và bọn trai cứ đuổi theo họ la hét, vung vít cánh tay lên, quái quỷ hết sức! Thế rồi vừa đúng lúc ấy thằng Xêmiôn ở trại thứ hai về, đổ chững ngay cái xe tải cỏ không của nó.

Chúng tôi vào trại. Trước chuồng ngựa, Karabanôp, đã trở lại bình tĩnh, đang tháo ngựa và chống đỡ những lời trách móc riết róng của Antôn:

- Đồi với các cậu, thì ngựa cũng chẳng khác gì một chiếc ô-tô, cậu xem, chúng nó đang bốc khói ghê chưa kia.

- Này, Antôn ạ, lúc ấy chúng tớ còn phải nghĩ đến chuyện khác hơn là nghĩ đến ngựa. Cậu hiểu không?

Karabanôp nói, trong khi cả mắt lẫn răng hắn đều sáng lên vui vẻ.

- Ủ, mà tớ đã hiểu trước cậu, ở ngoài tỉnh kia. Bấy giờ ở đây các cậu đang ăn, còn bác với tớ thì bị tổng giam.

Tôi thấy các giáo viên hoảng loạn đến tột độ. Riêng Ivan Ivanovich thì đáng khiêng lên giường nằm.

- Bác Antôn Xêmiônovich ạ, bác có tưởng tượng được chuyện sẽ kết liễu như thế nào không? Mặt chúng nó hung dữ mới khiếp chứ, khiến tôi nghĩ bụng các lưỡi dao sắp thò ra cho mà xem, không tránh được. Phải cảm ơn Zăđôrôp: chỉ có mình hắn là tỉnh táo. Hắn với tôi cố giải tán chúng, nhưng chúng nó rống lên như đàn chó, hung hăng... Trời ơi!

Tôi không hỏi gì bọn trẻ và, nói chung, làm ra vẻ như không có chuyện gì đặc biệt xảy ra; về phần chúng cũng không chất vấn gì tôi hết. Kể thì chúng cũng chẳng thú gì việc chất vấn: các trại viên trại Gorki quả là những nhà thiết thực chủ nghĩa lớn: chỉ có chuyện gì quyết định tức khắc hành động của chúng mới khiến được chúng quan tâm mà thôi.

Tôi không bị gọi lên sở Giáo dục tỉnh, và tự tôi, tôi cũng chẳng lên đấy làm gì. Một tuần lễ sau tôi phải tới Viện kiểm tra Công Nông. Người ta bảo tôi vào gặp ông chủ tịch, ở phòng giấy ông. Tsecnenkô tiếp tôi như một người bà con thân thích:

- Ngồi đây, anh bạn, mời anh ngồi, ông vừa nói vừa rung mạnh tay tôi và ngắm tôi với một nụ cười rộng mở. Chà! Bọn trẻ nhà anh mới ghê chứ! Sau khi nghe Sarin nói, anh ạ, tôi cứ yên trí sẽ thấy những đứa trẻ sợ sệt, khỏ sở anh hiểu không, tóm lại, những đứa khốn khổ... Thế mà chúng nó, những thằng đều, phải biết chúng nó xông ra vây lấy bọn mình mới sợ chưa; những của quý, thật sự là những của quý? Chúng nó đuổi bọn mình một trận, ôi trời ơi là trời, thật kinh hồn! Ngồi trong ô-tô, Sarin không ngớt miệng: “Tôi chắc chúng nó sẽ không đuổi kịp ta đâu”. Còn tôi thì trả lời hắn: “Mọi sự sẽ yên lành nếu xe không bị hỏng cái gì”. Ô! Tôi mới khoái làm sao chứ! Đã lâu lắm tôi không được dịp nào khoái như thế. Ở đây tôi đã kể chuyện lại cho nhiều người; họ cứ là vỗ bụng ngã lăn cả xuống gầm bàn vì cười...

Từ ngày đó bắt đầu mối tình thân thiện giữa tôi với Tsecnenkô.

18. “LIÊN MINH” VỚI NÔNG DÂN

Phục hồi trại áp Trepkơ đối với chúng tôi là một công việc nặng nề và gian khổ. Nhà cửa rất nhiều, nhà nào cũng đòi hỏi không phải chỉ tu sửa mà là hoàn toàn xây dựng lại hầu hết. Lúc nào chúng tôi cũng thiếu tiền. Sự giúp đỡ của các cơ quan địa phương được biểu hiện chủ yếu bằng những phiếu cung cấp đủ mọi thứ vật liệu xây dựng phải đi lấy ở những thành phố khác: Kiep, Khackôp. Ở đây, các giấy tờ của chúng tôi bị coi thường, người ta nhả cho chúng tôi mười phần trăm những số lượng yêu cầu, và có khi người ta chẳng cho chúng tôi cái gì hết thảy. Một nửa toa xe kính lắp cửa, mà chúng tôi đã cố xin được sau nhiều lần đi lại Khac-kôp, chở về đến tỉnh nhà rồi, bỗng bị một cơ quan khác mạnh mẽ hơn trại chúng tôi lấy phăng ngay mất ở trên đường ray.

Sự thiếu tiền đặt chúng tôi vào một tình trạng rất khó khăn, về phương diện nhân công, và chúng tôi hầu như không thể nào tính đến chuyện dùng những công nhân ăn lương. Chỉ có những công việc về mộc là chúng tôi phải nhờ đến một hợp tác xã nhà nghề làm giúp.

Nhưng không bao lâu chúng tôi khám phá ra một nguồn năng lượng ra tiền. Đó là những xưởng trồng cũ và những chuồng ngựa phá hủy mà cái trại mới có nhiều vô kể. Anh em nhà Trepkơ có một sở nuôi ngựa; việc nuôi ngựa giống lúc này không nằm vào trong kế hoạch sản xuất của chúng tôi, và chẳng chúng tôi chẳng làm gì có khả năng tu sửa lại các chuồng ngựa: “Cái món đó không vừa tầm mõm chúng mình”, như lời Kalina Ivanôvich nói.

Chúng tôi bắt tay vào việc phá dỡ các công trình xây dựng ấy và đem bán gạch cho các dân làng. Khách hàng đông lắm: bất cứ người nào muốn sống cho ra vẻ^[66] cũng phải xây lấy một cái lò sưởi, một cái hầm chứa đồ và những đại biểu của bộ tộc kulắc, do đặc tính tham lam của loại giống họ thúc đẩy, đều mua gạch của chúng tôi, chỉ cốt để dành tích trữ đấy.

Các trại viên làm các công việc phá dỡ. Xưởng rèn đã lấy đồng sắt cũ ra làm cho chúng những chiếc xà beng và công tác tiến hành “sôi nổi rầm rộ”.

Vì các trại viên công tác nửa ngày, còn nửa ngày kia phải học ở trường, cho nên hôm nào cũng có hai chuyến đi sang trại mới: phiên thứ nhất và phiên thứ hai luân chuyển. Các nhóm ấy đi lại giữa hai trại với vẻ bận rộn hết sức, tuy nhiên sự đó cũng không hề ngăn giữ chúng tôi đi trệch đường chính đạo mà săn trộm một chi “gà nòi” cổ điển nào đấy, phóng tâm đi ra ngoài một mảnh sân để thở không khí trong lành. Việc bắt gà, và hơn nữa việc sử dụng triệt để tất cả những ca-lo chứa đựng trong con gà, là những công việc phức tạp, đòi hỏi phải có nghị lực, cẩn thận, bình tĩnh và nhiệt tình. Những công việc đó lại thêm rắc rối vì nổi các trại viên của chúng tôi dù sao đi nữa cũng có đôi chút quan hệ với văn hóa sử, cho nên không thể nào không cần dùng đến lửa.^[67]

Những cuộc đi lại công tác ở trại thứ hai nói chung cho phép các trại viên xúc tiếp chặt chẽ hơn với nông dân. Và một mặt khác, theo đúng những luận điểm của duy vật lịch sử, điều mà chúng quan tâm trước hết là cái cơ sở kinh tế của những nông dân mà chúng được xúc tiếp mật thiết, vào thời kỳ nói ở đây. Không đi xa lắm vào những lý luận dính dáng đến các thượng tầng kiến trúc khác nhau, các trại viên đi sâu thẳng vào các buồng kho và các hầm chứa đồ, và tùy theo trình độ hiểu biết của chúng, chúng ngang nhiên sử dụng những của cái chất đồng ở đó. Đề phòng rất đúng rằng hành động của chúng vấp phải sức phản kháng của những bản năng tiểu chủ của dân làng chẳng, chúng thu xếp việc nghiên cứu văn hóa sử vào những giờ mà các bản năng đó ngủ, nghĩa là vào ban đêm. Và trong một thời gian vẫn hoàn toàn phù hợp với khoa học, các trại viên chỉ chú ý duy nhất đến việc thỏa mãn cái nhu cầu cơ bản nhất của con người, tức là món ăn. Sữa, bơ chua, mỡ lợn, bánh chả, đó là bản ngữ vụng vẩn tất mà hồi đó trại Gorki đem ra dùng để “liên minh” với nông thôn.

Chùng nào mà những thằng Karabanôp, Taranet, Vôlôkhôp, Ôtxatsi, Michiaghin đeo đuổi cái công việc có cơ sở khoa học vững vàng đó, thì tôi còn có thể ngủ yên, vì những đứa đó đều thạo nghề và làm ăn chu đáo cẩn thận. Buổi sáng, sau khi kiểm điểm mau lại tài sản của mình, dân làng đi tới kết luận rằng sữa đựng trong hai bình nọ đã vắng mặt lúc điểm danh, hơn nữa đôi bình ấy vẫn ở y nguyên chỗ cũ, chứng tỏ tính cách kịp thời của việc kiểm kê. Song ổ khóa cửa hầm vẫn hoàn toàn không suy suyễn; mà nó đã được đóng lại ngay trước lúc kiểm kê nữa. Mái nhà vẫn nguyên lành, chó suốt đêm không “g-g-gừ” một tiếng, và nói chung mọi vật có hồn và không hồn đều ngắm nhìn đời bằng những con mắt rộng mở và hoàn toàn tin cậy.

- Tình hình lại khác hẳn, khi là thế hệ trẻ đi vào nghiên cứu lịch sử văn minh nguyên thủy. Gặp phải trường hợp này, thì cái ổ khóa tiếp đón chủ nó với một bộ mặt dუმ đó vì sợ hãi, bởi vì chính cuộc đời của nó đã bị, nói trắng thực sự, tiêu ma bởi một cách đối xử không thành thạo, do phương tiện một trong số những xà beng dùng vào việc phục hồi ấp trại cũ của anh em nhà Trepkơ. Đêm hôm đó, con chó – chủ nhân nhớ lại – không những đã “gầm gừ” mà còn rống lên đến “sổ ruột ra được”, và chỉ có vì ông chủ lười nên chó mới không nhận được tiếp viện kịp thời. Kết quả công việc làm ăn vụng về và thô lỗ của bọn trẻ nhỏ là không bao lâu chúng được ném cái sự hết hồn vì nổi bị dồn đuổi bởi một sở hữu chủ hung dữ mà con chó nói đó đã lôi ra khỏi giường, hoặc giả hẳn đã ngồi rình vị khách khó chơi ngay từ chập tối nữa. Những cuộc đuổi bắt ấy đã bắt đầu khiến tôi phải lo ngại. Thằng nhãi nhép bồi rồi ba chân bốn cẳng chạy về trại, thế hệ trại viên kỳ cựu thì không đời nào làm như vậy. Người bị mất trộm cũng đến trại, đánh thức tôi dậy và đòi phải giao tội phạm cho hắn. Nhưng thằng này đã chui vào giường rồi, và tôi có thể ngây thơ hỏi:

- Ông có thể nhận mặt được thằng bé đó không?
- Nhận làm sao được chứ? Tôi đã trông thấy nó chạy vào đây.
- Nhưng có lẽ nó không phải người của trại chúng tôi chẳng? tôi lại nói, vờ ra vẻ ngây thơ hơn.
- Không phải người của trại ông à? Trước kia chưa có chúng nó ở đây, thì làm gì có xảy ra các chuyện ấy.

Nạn nhân bắt đầu gập từng ngón tay để kể ra những sự việc cụ thể mà hắn nắm được:

- Tún qua, có đứa nào đã hút ráo cả sữa của nhà Mirôsnitsenkô. Tún kia, một ổ khóa ở nhà Xtêpan Veckhola đã bị bẻ gãy, rồi thứ bảy trước nhà Grêtsany Pêtrô đã mất một đôi gà mái, rồi hôm trước nữa... bà góa Xtôpbina có lẽ ông biết nhà bà ta ở đâu chứ gì, thì đây, bà ta có hai hũ kem sẵn sàng đem đi chợ bán, bà ta cứ đinh ninh như thế, vậy mà rồi xuống đến hầm chứa, tội nghiệp bà ta thấy mọi cái đảo lộn lung tung cả lên, kem bị ăn phũ tợn và hư hỏng cả. Lại còn nhà Vaxili Môstsenkô, lại còn nhà Iakôp Veckhola, lại còn nhà cái bác gù kia nữa hượm xem nào... nhà Niêtsipo Môstsenkô...

- Nhưng ông có chứng cứ không?
- Chứng cứ à? Tôi đến tìm ông, là vì thấy nó chạy vào đây. Mà cũng chả phải đi tìm ở đâu khác nữa. Bọn trẻ nhà ông, mỗi khi đi sang bên Trepkơ, là chúng nó sục sạo khắp chỗ...

Hồi ấy tôi không phóng tâm coi nhẹ những việc đó được, Tôi lấy làm phiền lòng cho các dân làng; tôi lại bức bối và lo ngại cảm thấy mình hoàn toàn bất lực. Tôi càng khó chịu, vì ngay đến những chuyện ấy tôi cũng không biết, và do đó có thể đoán phỏng đủ thứ. Gia dĩ, nào cần tôi hỏi đó có một phần nào không ổn định vì những sự việc xảy ra trong mùa đông.

Ở trại mọi sự vẫn tốt, ngoài bề mặt. Ban ngày tất cả các trẻ đều công tác và học tập, tối đến chúng chơi đùa, đi ngủ, để sáng hôm sau lại thức dậy vui vẻ và yêu đời. Ấy thế mà những cuộc xuất kích vào trong làng lại tiến hành ban đêm. Các trại viên cũ tiếp thu những lời diễn thuyết tức giận của tôi bằng

một sự im lặng cam chịu. Những lời than phiền của nông dân dấy đi rồi lại nổi ra, nhen thêm lòng căm thù của họ đối với trại.

Tình hình càng thêm rắc rối vì ở ngoài đường cái vẫn xảy ra những vụ cướp bóc. Những cuộc xâm hại ấy bây giờ có một tính cách khác: các thủ phạm cướp đoạt tiền bạc của nông dân ít hơn là cướp đoạt các thực phẩm, mà số lượng thực phẩm ăn cướp cũng chỉ rất là ít ỏi. Mới đầu tôi còn nghĩ rằng trại chẳng dính líu tới chuyện đó nhưng trong những cuộc nói chuyện thân mật với dân làng, họ chứng minh cho tôi thấy sự việc trái lại:

- Không, đích là bọn trẻ nhà ông đấy. Khi nào mà chúng tôi tóm được một thằng, trần cho nó một trận thì rồi ông sẽ rõ thôi.

Bọn trẻ đem rất nhiều nhiệt tình ra nói cho tôi yên lòng:

- Tụi nông dân nói điều! Giá bảo có đứa ở trại ta lên vào một hầm chứa nhà nào đó thì không nói làm gì. Cái đó kể thực ra thì cũng... Nhưng còn ở đường cái – nhất định là chuyên bịa!

Tôi thấy chúng có vẻ thành thực tin là không có đứa nào trong bọn chúng đi ăn cướp đường, tôi cũng thấy thêm rằng trò cướp bóc đó sẽ không được các trại viên cũ dung thứ. Điều này làm giảm bớt sự căng thẳng nào cần tôi chút ít, nhưng chỉ được cho tới lúc lại nghe thấy lời đồn đại đầu tiên, và tới cuộc gặp gỡ sau của tôi với các nhà đương chức trong làng thôi.

Bất thành linh, một buổi tối kia, một tiểu đội dân cảnh cưỡi ngựa ập đến trại. Tất cả các cửa ra vào các phòng ngủ của trại đều có lính gác, và một cuộc khám xét chung bắt đầu. Tôi cũng bị giữ lại trong buồng giấy tôi, và chính điều đó đã làm thất bại cả công việc của các vị đại biểu của nền trật tự. Bọn trẻ tiếp đón họ bằng những quả đá, nhảy qua các cửa sổ, và trong bóng tối những hòn gạch bắt đầu bay, trong khi có những cuộc vật lộn xảy ra ở các góc sân. Một đàn nhãi con xông vào những con ngựa đứng ở trước chuồng ngựa, thế là những con tuấn mã lồng lên phi nước đại vào rừng. Sau một trận chửi rủa âm ỹ, Karabanốp giăng ra được, đâm bổ vào phòng giấy tôi mà kêu lên:

- Bác ra mau, không có xảy ra tai họa bây giờ.

Tôi nhảy ra sân, và lập tức các trại viên bị lảng nhục, khản cổ tiếng vì tức tối, túm tụm vây quanh lấy tôi,

Zaradôrôp điên cuồng lên.

- Bao giờ mới hết cái trò này? Cứ tổng ngay tôi vào tù đi cho xong, tôi không chịu được nữa! ... Tôi là một thằng tù hay thế nào? Thế thì họ bắt tôi hay sao đây? Tại sao lại khám xét, tất cả bọn họ làm cái gì mà lục lọi khắp chỗ như thế?

Sợ hãi thật sự, nhưng người đội trưởng cũng cố làm ra vẻ không vì thế mà nhượng bộ:

- Ông hãy ra lệnh ngay cho các trẻ nuôi của ông về các phòng ngủ và đứng sắp hàng ngay ở đầu giường của chúng.

- Ông lấy quyền gì mà khám xét? Tôi hỏi.

- Cái đó không việc gì đến ông. Tôi có lệnh.

- Ông hãy lập tức rời khỏi trại.

- Ông nói gì?

- Không có ông giám đốc sở Giáo dục cho phép, tôi sẽ không để cho ông khám xét, tôi sẽ chống lại bằng vũ lực.

- Coi chừng không có người ta khám xét cả các ông nữa đấy! một trại viên nào đó kêu lên, nhưng tôi quát:

- Im!

- Được, người đội trưởng nói, về đe dọa, rồi người ta sẽ bắt các anh phải nhứt cho mà xem.

Anh ta tạm tập hợp những người của anh ta lại, họ đã thu hồi được ngựa, nhờ sự giúp đỡ của các trại viên khoái chí, và bọn họ rút lui, được tiễn chân bằng những lời chúc mĩ mai lên đường bình an.

Tôi đã thừa lên tỉnh, làm cho không biết người cấp trên nào của họ bị khiển trách. Sau cuộc xâm nhập ấy, các sự việc dồn dập xảy ra mau chóng lạ lùng. Những người dân làng đến tìm tôi, phần nộ, đe dọa, kêu la:

- Hôm qua ở ngoài đường cái, bọn trẻ nhà ông đã cướp giật bơ với mỡ lợn của nhà Iaptuc.

- Đâu có thể!

- Có đấy, đúng là chúng nó! Có điều thằng đó đã ấn mũi chup xuống đến tận mắt để cho người ta không nhận ra mặt nó.

- Thế có bao nhiêu đứa?

- Một đứa, theo lời mụ ta nói. Một đứa ở trại của ông! Và cái áo vét đúng y như thế!

- Ông đùa đấy thôi! Không thể như thế được, trẻ nhà chúng tôi không làm những chuyện ấy đâu.

Những người dân quê ra về, chúng tôi phiền não lặng im, và Karabanôp bỗng bật lên:

- Chuyện bịa, cháu nói quyết với bác thế, lão toét! Nếu có thì các cháu biết chứ.

Bọn trẻ đã từ lâu chia sẻ nỗi lo lắng của tôi, và những cuộc xuất kích vào các nhà kho gây rượu xem chừng như có vẻ đình hẳn lại. Cứ đến chập tối là cả trại thật sự lặng hẳn đi, đợi chờ một sự gì bất ngờ, mới mẻ, nặng nề và nhục nhã. Karabanôp, Zăđôrôp, Burun, đi từ phòng ngủ nọ sang phòng ngủ kia, lục lọi các xó tối trong sân, đi sâu vào trong rừng. Hồi đó, não cân tôi mệt mỏi hơn bao giờ hết trong cả đời tôi.

Ấy thế rồi...

“Một buổi tối kia” những cánh cửa buồng giấy tôi mở tung ra, để cho thằng Prikhôtkô bị một lũ trẻ tống vào buồng. Karabanôp đang túm cổ áo nó, đẩy mạnh nó áp vào bàn giấy tôi:

- Nó đây này!

- Lại chơi dao nữa phải không? tôi hỏi, về bơ phờ.

- Dao nào? Chính nó ăn cướp trên đường cái!

Sét đánh đầu tôi. Bất giác tôi hỏi Prikhôtkô câm lặng và run rẩy.

- Có thật không?

- Có.

Chỉ thoáng có một phần triệu giây đồng hồ, tai họa đã xảy ra. Khẩu súng lục đã nằm trong tay tôi.

- Trời ơi!... Sống với các chú!

Nhưng tôi chưa kịp đưa khẩu súng lục lên thái dương tôi. Cả bầy trẻ la ó và khóc lóc xông vào tôi.

Tôi tỉnh lại thấy mình ở trước mặt Êkatêrina Grigôriepna, Zăđôrôp và Burun. Tôi nằm dài trên sàn, giữa các bức bàn và bức tường, mình đầm nước. Zăđôrôp giữ đầu tôi, và ngược mắt lên nhìn Êkatêrina Grigôriepna, bảo chị rằng:

- Cô ra ngoài kia đi, kéo các tướng... chúng nó có thể giết thằng Prikhôtkô đấy...

Thoắt trong một giây tôi vụt ra sân. Tôi gỡ ở tay chúng ra thằng Prikhôtkô, mình đầy máu me và đã hôn mê bất tỉnh.

19. RÚT THĂM

Hồi ấy là vào đầu mùa hè năm 1922: Ở trại, không ai nói năng gì về cái tội của thằng Prikhôtkô cả. Các bạn nó đã đánh cho nó một trận dừ tử, đến nỗi nó phải nằm liệt giường mãi, và chúng tôi cũng miễn làm rầy, không tra vấn gì nó hết. Do tình cờ gặp may mà tôi được biết những hành trang của nó không có gì là đặc biệt. Người ta đã không tìm thấy khí giới trong người nó.

Tuy nhiên Prikhôtkô là một thằng ăn cướp thật sự. Tất cả cái tai họa xảy ra trong buồng giấy tôi, và chính cái nạn của bản thân nó đã chẳng để lại cho nó một ấn tượng gì. Và sau đó nó còn gây cho trại rất nhiều giờ phút khó chịu nữa. Nó đồng thời cũng là đứa tận tụy với trại theo cái kiểu riêng của nó, và đối với kẻ nào là kẻ thù của trại thì không có gì bảo đảm được cho ý rằng sẽ không có một cái xà beng nặng hay một cái rìu giáng xuống đầu y. Đó là một thằng bé cực kỳ thiên cận, lúc nào cũng sống dưới ảnh hưởng những ấn tượng tức khắc, và những ý nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu óc ngu xuẩn của nó. Ngược lại về mặt làm việc, thì cũng không ai ăn đứt nó! Những công tác nặng nhọc nhất không làm cho nó mất hứng thú; nó say sưa sử dụng cái rìu và cái búa, ngay cả khi những dụng cụ đó không phải bỏ xuống đầu người khác.

Sau những hồi nặng nề mà chúng tôi đã thuật chuyện lại, các trại viên tỏ ra căm thù dữ dội đối với nông dân. Chúng không thể tha thứ cho họ đã là nguyên nhân những đau khổ của chúng tôi. Tôi thấy rằng nếu chúng dằn lòng không làm nhục dân làng một cách lộ liễu quá, thì hoàn toàn chỉ là vì chúng nể mặt tôi mà thôi.

Những cuộc nói chuyện của tôi và của các giáo viên về nông dân và sự lao động của nông dân, về sự tôn trọng cần phải có đối với lao động ấy, không bao giờ được bọn trẻ coi là những câu chuyện của các người am hiểu hơn và thông minh hơn chúng. Theo cách nhìn nhận của các trại viên, thì chúng tôi chẳng biết mấy nỗi về các chuyện đó – trước mắt chúng, chúng tôi là những người tri thức ở thành thị, không thể nào hiểu được rằng nông dân là hoàn toàn vô vị, không sao thương được.

- Các bác không biết họ, còn chúng tôi, chúng tôi đã đem lưng ra chịu đòn, chúng tôi biết họ là những người như thế nào rồi. Mua của họ nửa bằng bánh mì thì họ cắt cổ mình, và hãy cứ thử hỏi xin họ một cái gì xem... Nói làm sao họ cũng chẳng đời nào cho kẻ đói, họ để cho mọi thứ mọc meo ở chạn nhà họ còn hơn.

- Chúng tôi là những thằng ăn cướp, phải, chúng tôi thế đấy! Song chúng tôi cũng lại biết rằng chúng tôi đã làm sai, và chẳng... chúng tôi đã được tha thứ. Chúng tôi biết như vậy. Nhưng bọn họ chẳng cần: sa hoàng xấu, chính quyền xô-viết cũng xấu nốt. Chỉ có ai không đòi hỏi gì họ, và cho không họ tốt mọi cái, thì họ mới coi là tốt thôi. Những dân quê bản thủ, họ là thế đó!

- Tôi, thì những lão dân quê đó, sao mà tôi ghét thế, nhìn họ tôi không chịu được. Tôi chỉ muốn đem họ ra làm bia, bắn tuốt! Burun, gốc ở thành thị lâu đời, nói vậy.

Cứ ra chợ tỉnh, là thế nào Burun cũng chơi nguyên một cái trò như thế này: nó lại gần một nông dân, đang đứng bên xe tải hàng của mình mà hằm hằm nhìn tất cả những thằng vô lại ở thành phố cứ lớn vồn đi chung quanh hấn ta, và nó hỏi hấn rằng:

- Cậu là một tên cóm phải không?

Người nông dân cục mịch ngạc nhiên quên mất cả cảnh giác:

- Cái gì?

- Ha ha! Cậu là một dân quê! Burun nói và phá lên cười, rồi dứ một cái nhanh như chớp về phía cái bao nằm trên xe tải:

- Giữ cho vững, ông nội nhé!

Người nông dân tuân ra một tràng dài chữ rửa, và Burun cũng chỉ muốn có vậy thôi: thích thú ngang với thích thú một người mê nhạc khi được thưởng thức một cuộc hòa nhạc giao hưởng.

Burun nói toạc ra với tôi:

- Nếu không có bác ở đây, thì cái tội kulắc ấy cứ gọi là chưa nếm đủ mùi đầu.

Một trong những nguyên nhân chính làm cho quan hệ của chúng tôi với nông dân thành gay gắt là chung quanh trại chỉ có toàn những trại ấp của kulắc. Gônstsarôpka mà phần đông dân cư là nông dân cần lao thì ở khá xa chúng tôi. Những hàng xóm gần chúng tôi là những gia đình Mutxi Kacpôvich và Êfrem Xidôrôvich. Họ sống cách xa nhau trong những ngôi nhà nhỏ lợp rất kỹ và quét vôi trắng như tuyết, chung quanh bao vây không phải bằng giậu cành cây đan kín, mà bằng hàng rào gỗ. Họ để ý khe khắt không cho ai vào vườn nhà họ, và mỗi khi đến trại họ lại làm khổ chúng tôi với những lời kêu ca thường xuyên của họ về việc trưng thu lương thực thừa, báo trước cho chúng tôi biết rằng với một chính sách như thế thì chế độ xô-viết không thể nào lâu bền được. Trong khi đó, họ vẫn thắng những ngựa giống rất đẹp vào xe họ, và những ngày hội hè vẫn uống rượu vôtka; vợ họ vẫn sức nức mùi áo vải hoa in mới tinh mùi bơ chua và mùi nắm nấu sữa đông; các con trai họ có thể nói là vẫn được xếp vào loại ngoại hạng trong các cuộc ganh đua cầu hôn và đóng vai công tử bảnh trai vì chúng không có địch thủ về mặt chung diện áo vét – tông may khéo, mũ cát – két mới bằng da màu lục sẫm, giày bột đánh xi, mùa đông cũng như mùa hè đều có bọc vỏ cao su sáng nhoáng.

Các trại viên biết rất rõ tình hình kinh tế của mỗi nhà hàng xóm chúng tôi, và biết cả đến tình hình cái máy gieo hạt này hay máy gặt nọ, bởi vì chúng vẫn thường phải điều chỉnh và sửa chữa các máy đó, ở xưởng rèn của trại. Chúng còn biết số phận bi đát của nhiều người mục phu và làm công nhật, mà bọn kulắc thường vẫn tàn nhẫn tống ra khỏi cửa, chẳng buồn trả công cho họ nữa.

Và, nói cho thực, thì sự thù ghét của các trại viên đối với tội kulắc ẩn nấp sau những cánh công cái và những hàng rào ấy, cũng lây cả sang tôi nữa.

Tuy nhiên những chuyện rắc rối thường xuyên nọ không khỏi khiến tôi lo ngại. Và để cho thêm đầy đủ, lại còn có những quan hệ thù địch với các nhà chức trách trong làng nữa. Trong khi nhượng ruộng đất của họ Trepkơ cho chúng tôi, Luka Xêmiônôvich vẫn không từ bỏ hi vọng đuổi chúng tôi ra khỏi trại thứ hai. Hắn ra sức chạy chọt luôn lời để xin giao lại nhà máy xay gió và tất cả những đất đai của họ Trepkơ cho xô-viết thôn, lấy cớ là để mở một trường học ở đấy. Nhờ sự giúp sức của những người thân thích và những kẻ thông đồng ở ngoài tỉnh, hắn tìm cách mua được một dãy nhà bên của trại thứ hai, dự định để dỡ về xây lại ở trong làng. Chúng tôi đánh lui cuộc tấn công ấy bằng quả đấm và gậy gộc: tôi đã phải tốn nhiều công phu mới xin thủ tiêu được việc mua bán ấy, và chứng minh với các nhà đương chức ở ngoài tỉnh rằng việc mua tòa nhà kia chỉ là để lấy gỗ, lợi riêng cho Luka Xêmiônôvich và những người thân thích của hắn.

Luka Xêmiônôvich và bè lũ của hắn viết và gửi ra tỉnh hết đơn khiếu nại nọ đến đơn khiếu nại kia phản đối trại, họ tích cực thóa mạ vu khống chúng tôi với các cơ quan; và chính là do họ tha thiết yêu cầu mà đã xảy ra việc dân cảnh đến vây khám trại.

Mùa đông năm ấy Luka Xêmiônôvich đột nhập vào phòng tôi một buổi tối, và đòi hỏi bằng một giọng ra lệnh:

- Ông xuất trình cho tôi coi những chứng từ, để xem các khoản tiền bòn rút của dân làng về công việc lò rèn, ông sử dụng ra sao?

Tôi bảo hắn:

- Ông ra ngay!

- Thế nào?

- Phải, ra ngay lập tức!

Xem chừng thái độ của tôi khiến hắn liệu trước sẽ chẳng có được một thắng lợi nào trong ý định muốn làm sáng tỏ việc sử dụng tiền của dân làng, bởi vì hắn chuồn ngay không kiếm chuyện lôi thôi gì nữa. Nhưng sau đó hắn trở thành kẻ thù công khai của tôi và kẻ thù của cả trại. Về phần các trại viên, chúng đều căm ghét Luka với “tất cả nhiệt tình của tuổi trẻ”.

Sang tháng sáu, vào một buổi trưa nóng bức, cả một đoàn người bỗng xuất hiện ở phía bên kia bờ hồ. Khi đoàn người lại gần trại, chúng tôi nhận thấy rõ cái cảnh rùng rờ này: hai người “dân quê” đất Ôpriskô và Xôrôka bị trói.

Ôpriskô là một nhân vật anh hùng về mọi mặt, và ở trại, nó chỉ sợ có Antôn Bratsenkô. Nó làm việc dưới quyền của Antôn, mà nó đã nhiều lần cảm thấy bàn tay sắt. Nó lớn hơn và khỏe hơn Antôn nhiều, nhưng nếu nó không đem những ưu thế của nó ra mà đối địch với Antôn thì chỉ là vì tay mã phu trưởng của chúng tôi có một ngôi sao bản mệnh tốt và không hiểu tại sao được nó yêu quý hết sức. Đối với tất cả các trại viên khác, Ôpriskô có thái độ nghiêm chỉnh đường hoàng và không chịu để cho ai dè dặt cười cợt. Tính khí đặc biệt của nó giúp đỡ nó nhiều trong điều đó: lúc nào cũng vui vẻ, nó thích chơi với những bạn vui nhộn, và vì thế nên ở trại nó chỉ tìm đến những chỗ nào nó không lo gặp phải những bộ mặt dài thườn thượt, hoặc nhăn nhó như ăn phải giấm. Ở trung tâm phân phối, nó đã cực lực từ chối không chịu xuống trại, và tôi đã phải đích thân đến tìm nó. Nằm dài trên giường, nó tiếp đón tôi bằng một cái nhìn khinh bỉ:

- Bác cút đi đâu thì cút, tôi không nhúc nhích khỏi đây đâu!

Người ta đã báo cho tôi biết trước những đức tính anh hùng của nó, cho nên tôi lấy giọng hết sức thích hợp ra nói chuyện với nó.

- Thưa ngài, tôi rất buồn vì phải làm phiền ngài, nhưng tôi bắt buộc phải làm tròn nhiệm vụ mà khoản yêu cầu ngài làm ơn chiếu cố ngồi vào cỗ xe đang đợi ngài kia.

Ôpriskô mới đầu chưng hửng lạ lùng vì cách nói năng “thành thị” đến như thế, khiến nó ngồi nhồm hằn dậy ở trên giường, nhưng tính khí bất thường lại thắng thế, nó lại để rơi đầu xuống gối.

- Không, tôi đã bảo không mà! ... Nói thế đủ rồi!

- Thưa ngài đáng quý mến, nếu vậy thì tôi rất lấy làm tiếc rằng tôi sẽ phải buộc lòng dùng đến võ lực.

Ôpriskô ngẩng cái đầu tóc xoắn lên trên mặt gối và nhìn tôi với một vẻ ngạc nhiên không vờ vĩnh:

- Lạ chưa kia, cái anh này ở đâu ra thế? Anh tưởng là dùng võ lực với tôi dễ lắm đấy hử!

- Xin ngài xét cho...

Tôi nhấn mạnh điệu hách dịch trong giọng nói, và pha thêm màu mát mẻ:

- Ngài Ôpriskô thân mến của tôi ...

Và bất thành linh tôi hét lên:

- Thôi, lên đường, đồ khốn! Tao bảo mày đứng dậy!

Nó nhảy choàng ra khỏi giường tới cửa sổ:

- Tôi nhảy xuống bây giờ, mẹ kiếp!

Tôi khinh bỉ bảo nó:

- Hoặc là mày nhảy ngay đi, hoặc là mày bước lên xe, tao không có thì giờ nói nhảm với mày.

Chúng tôi đang ở trên tầng gác thứ hai, cho nên dễ hiểu vì sao Ôpriskô bỗng mỉm cười một cách vui vẻ và thành thật.

- Thôi, mình bị thế bí rồi!... Chả làm thế nào được. Ông là ông giám đốc trại Gorki à?

- Phải.

- Thế thì phải nói lên chứ! Đáng lẽ ta đã cùng đi từ đời nào rồi còn gì?

Nó vui vẻ chạy bỏ đi thu xếp hành lý lên đường.

Ở trại, các bạn nó làm bất cứ trò trống gì nó cũng tham dự cho bằng được, nhưng không bao giờ giữ vai đầu sỏ, và xem chừng nó tìm ở đấy một thú tiêu khiển nhiều hơn là một dịp kiếm lợi.

Xôrôka ít tuổi hơn Ôpriskô. Mặt nó tròn trĩnh và dễ thương. Nó ngốc nghếch như gà tồ, [\[68\]](#) nói giọng liu lợng lo và xúi quẩy phi thường. Chẳng có việc gì nó dính vào mà không bị “tóm”. Cho nên, thấy nó bị trôi bên cạnh Ôpriskô, các trại viên đều rất bức bối.

- Sao thằng Dimitri lại đi cặp kè với cái thằng Xôrôka ấy thế không biết ...

Chúng bị áp dẫn bởi viên chủ tịch Xô-viết thôn và Mutxi Kacpôvich, người quen cũ của chúng tôi.

Thái độ của Mutxi Kacpôvich lúc này là thái độ của một thiên thần bị xúc phạm. Còn thái độ của Luka Xêmiônôvich, cực kỳ lạnh lùng trầm tĩnh, thì có cái vẻ đường bệ xa vời của người quyền chức. Bộ râu đỏ hoe của hắn được chải rất cẩn thận, và dưới áo vét-tông hắn mặc một chiếc sơ-mi thêu mới thay – hiển nhiên là hắn vừa mới đến nhà thờ xong.

Hắn bắt đầu nói:

- Ông giáo dục các trại viên của ông tốt nhỉ?

- Chuyện đó thì có việc gì đến ông?

- Có việc đến tôi là ở chỗ các trẻ nuôi của ông quấy rối không chịu được nữa, là chúng cướp giật ở đường cái, là chúng ăn cắp hết mọi cái.

- Nay, ông nội, ông có quyền gì mà trói chúng nó? Có những tiếng nói lên trong đám trại viên.

- Hắn cứ tưởng là vẫn ở dưới chế độ cũ...

- Cho hắn biết tay một tí xem...

- Im! Tôi quát bảo chúng. Có chuyện gì, ông nói đi.

Mutxi Kacpôvich lên tiếng:

- Nhà tôi phơi một cái váy và một chiếc khăn trên bàn giặt, hai thằng này vừa đi qua, tôi nhìn lên – chả còn gì nữa hết. Tôi đuổi theo, chúng nó cắm cổ chạy. Có mà ông trời đuổi kịp chúng nó! May sao, lạ Chúa, tôi trông thấy ông Luka Xêmiônôvich ở nhà thờ về, và có thể chúng tôi mới tóm được chúng.

- Tại sao các bác lại trói chúng nó? Lại có tiếng hỏi trong đám đông.

- Để chúng nó khỏi trốn, chứ gì nữa? Thế thì đã làm sao ...

- Không bàn chuyện ấy, viên chủ tịch nói: Ta đi viết biên bản.

- Có thể không cần biên bản. Chúng nó đã trả lại các thứ rồi chứ?

- Thế chưa đủ đâu! Nhất định phải có biên bản.

Viên chủ tịch đã quyết tâm lên mặt anh hùng to chuyện, và nói cho thực, thì hắn có đủ những lý do tốt nhất: lần đầu tiên các trại viên bị bắt quả tang.

Như vậy là mọi sự trở thành hết sức khó chịu cho chúng tôi. Một tờ biên bản chắc chắn đưa những trẻ có tội vào nhà giam tạm, và làm cho trại đeo một nỗi sỉ nhục không thể nào rửa sạch.

- Những đứa trẻ này bị bắt lần này là lần đầu, tôi nói. Giữa hàng xóm với nhau thường xảy ra bao nhiêu chuyện! Vì là lần đầu, thì nên tha thứ.

- Không, lão tóc hoe nói; chỉ còn thiếu nước ấy! Ta lên buồng giấy, làm biên bản.

Mutxi Kacpôvich, cũng nhắc lại:

- Ông có nhớ cái hồi ông bắt tôi, một đêm nào đó không? Và cái rìu của tôi vẫn còn ở trại ông đấy, và bao nhiêu tiền phạt tôi đã phải trả!

Chả còn cãi lại được câu gì nữa. Chúng tôi bị mắc tròng, rõ quá đi rồi. Tôi chỉ đường lên phòng giấy cho những người thắng thế, và chính tôi điên tiết lên bảo bọn trẻ:

- Các chú kiểm chuyện, thì được có chuyện, và có cả dây thừng treo cổ nữa! Mấy ông mãnh này cần phải có một chiếc váy cơ! Bây giờ, thì thật được nhục nhã nhé... Bầy vô lại, rồi đây tao sẽ dùng gậy mà cai quản chúng mày. Còn hai cái thằng xuẩn này, thì cho chúng nó vào nhà giam tạm mà nằm mốc meo ở đó.

Tụi trẻ im lặng, vì thực sự chúng đã gieo gió và được gặt bão.

Sau bài diễn văn quá ư sù sụ phạm đó, tôi đi lên phòng giấy.

Suốt hai tiếng đồng hồ rờn rã, tôi nài xin và nói năng phải trái với viên chủ tịch, tôi hứa hẹn rằng việc như thế sẽ không bao giờ tái diễn nữa, tôi bằng lòng bảo làm cho xô-viết thôn một bộ bánh xe mới với cả trục, theo giá thành bản. Sau cùng, viên chủ tịch đặt một điều kiện duy nhất.

- Tất cả bọn trẻ phải xin tôi tha tội.

Trong hai tiếng đồng hồ ấy tôi đã được tôi luyện để căm thù hấn suốt đời. Trong khi nói chuyện, cái tư tưởng khát máu này đã chạy qua óc tôi: nếu tình cờ chúng tóm được hấn ở một xó tối, và giết hấn, thì tôi sẽ mặc không cứu gỡ hấn.

Dù sao đi nữa thì cũng phải qua bước đó thôi. Tôi ra lệnh cho các trại viên đứng sắp hàng trước bậc tam cấp, vị đại diện chính quyền đi ra đấy. Giơ tay lên vành mũ cát-két, tôi nhân danh cả trại tuyên bố rằng chúng tôi ân hận vì điều làm lỗi mà anh em chúng tôi đã mắc phải, và yêu cầu tha thứ cho họ, xin hứa những việc như vậy sẽ không tái diễn nữa. Luka Xêmiônôvich diễn thuyết như sau:

- Những việc như thế tất phải trừng phạt vô điều kiện, theo đúng sự nghiêm khắc của luật pháp, vì người nông dân là người lao động, cái đó không chối cãi được. Và nếu như, giả thử một nữ công dân phoir một cái váy, mà bị người ta lấy mất, thì những kẻ nào đã làm việc đó, chúng là những kẻ thù của nhân dân, của giai cấp vô sản. Tôi đây, đảm nhiệm chính quyền xô-viết, tôi không thể dung thứ những sự bất hợp pháp như thế, để cho bất cứ một tên kẻ cướp và tội phạm nào cũng đến đây mà giở trò cướp bóc. Và cái việc mà các anh có mặt ở đây, các anh yêu cầu tôi vô điều kiện, với lời hứa hẹn của các anh, thì để còn xem sau này ra thế nào. Nhưng vì là các anh xin tôi một cách kính cẩn, với ông giám đốc của các anh phải dạy dỗ cho các anh thành những công dân lương thiện, chứ không phải như là những tên kẻ cướp, nên tôi tha thứ cho vô điều kiện.

Tôi run lên vì nhục nhã và tức giận. Ôpriskô và Xôrôka, mặt tái nhợt, đứng nghiêm trong hàng các trại viên.

Vị đại diện chính quyền và Mutxi Kacpôvich vừa bắt tay tôi vừa nói những lời đầy ý nghĩa cao cả và độ lượng, nhưng tôi không nghe họ nói.

- Giải tán!

Mặt trời dãi nắng gay gắt lên trên trại. Cây rau mùi kín đáo phả hương thơm là là mặt đất. Những luồng không khí xanh lam ngưng đọng trên khu rừng.

Tôi nhìn chung quanh tôi. Quanh tôi, vẫn là cái trại ấy, vẫn những khối đá hình hộp ấy, vẫn những trại viên ấy và ngày mai sẽ vẫn là chuyện ấy: váy ăn cắp, chủ tịch Mutxi Kacpôvich, những cuộc đi ra tỉnh, cái tỉnh chán ngấy và chỗ nào cũng bán thiu những cứt ruồi. Ngay trước mặt tôi, cửa phòng tôi mở ra, trong kê một chiếc giường giát, một cái bàn gỗ mộc, và trên bàn là một gói thuốc lá to sợi.

“Chui vào đâu? Và làm gì? Ta làm được cái gì?”

Tôi quay gót đi vào rừng.

Rừng thông vào buổi trưa không có bóng, nhưng ở đây mọi cái bao giờ cũng sạch sẽ lạ lùng, tầm mắt nhìn khoáng đạt, và những cây thông non mảnh khảnh biết tự xếp đặt dưới vòm trời, thành những cảnh trí hết sức trật tự và đồng thời không có một vẻ gì là kiêu kỳ.

Chúng tôi sống giữa những rừng này, vậy mà tôi hầu như không có dịp đi sâu vào tận lòng rừng. Những công việc của loài người xoáy chặt tôi vào những bàn viết, bàn thợ mộc, nhà kho trống và phòng ngủ. Gỗ thông tĩnh lặng và sạch sẽ, không khí đặt mùi dựa quánh hấp dẫn người. Giả thử đừng bao giờ ra khỏi nơi này, và thật sự biến thành một trong những gốc cây thơm, và đẹp, và hiền này, và cứ ở nguyên đây với tình bầu bạn thanh lịch và trang nhã của chúng, cùng đứng dưới trời xanh!

Có tiếng cành cây gãy sau lưng tôi. Tôi nhìn quanh: cả khu rừng, nhìn xa cho đến hết tầm con mắt, đầy những trại viên. Chúng đi rón rén, ẩn mình trong hàng cây, và chỉ khi nào phải qua những chỗ rừng thưa cách quãng xa, chúng mới chạy theo hướng tôi đi.

Tôi ngừng bước, ngạc nhiên. Chúng cũng đứng lại ngay tại chỗ, chờ người ra mà nhìn tôi bằng những con mắt sắc, đầy ý đợi chờ yên lặng và lo sợ.

- Các chú làm gì ở đây? Có chuyện gì mà các chú chạy theo tôi?

Zadôrôp, đứng gần tôi nhất, tách mình ra khỏi một thân cây và bảo tôi bằng một giọng khá sỗ sàng:

- Chúng ta hãy trở về trại.

Tôi bỗng chột dạ:

- Có chuyện gì xảy ra ở trại?

- Không, có chuyện gì đâu... thôi ta đi.

- Nhưng chú hãy nói lên chứ, quái quỷ! Có phải hôm nay các chú định trêu chọc cho tôi đến thành ngu độn đó không?

Tôi đi mau lại gặp hấn. Hai ba đứa khác nữa tiến đến gần, những đứa còn lại vẫn đứng nguyên ở xa. Zadôrôp nói nhỏ với tôi:

- Các cháu đi về đây, nhưng mà bác hãy làm ơn...

- Các chú muốn gì?

- Bác đưa khẩu súng lục của bác.

- Súng lục của tôi?

Tôi chợt hiểu ý hấn và bật lên cười:

- À! khẩu súng lục! Xin các chú. Rõ mới là lũ ngốc chửa! Tôi vẫn có thể tự treo cổ hay nhảy xuống hồ cũng được kia mà...

Zadôrôp bất thình lình cười phá lên đến làm rung động cả rừng

- Không, không, bác cứ giữ súng! Chỉ là một ý nghĩ vớ vẩn đấy thôi. Bác đang đi chơi? Thế thì bác cứ đi nữa đi. Chúng mày ơi, ta về thôi!

Vậy đã có chuyện gì thế?

Thì ra khi tôi đi về phía rừng, Xôrôka đã bay lên phòng ngủ:

- Ô, anh em, các cậu ơi, vào rừng ngay lập tức! Bác Antôn Xêmiônôvich sắp tự bắn vỡ sọ đấy...

Không nghe nó nói gì thêm nữa, chúng đã đâm bổ cả ra khỏi phòng ngủ.

Tối hôm đó, tất cả mọi người đều sượng sùng hết sức, chỉ trừ có Karabanôp, giả đồ ngốc nghếch, lượn quanh các giường như một thằng rồ. Zadôrôp nhe tất cả răng ra, lặng lẽ cười rất dễ thương, và, chẳng có lý do gì, cứ ôm riết lấy bộ mặt nhỏ nhắn và tươi tỉnh của Sêlaputin. Burun không rời tôi ra, nhưng vẫn cố tình im lặng một cách bí hiểm. Ôpriskô giở trò điên dại: nằm trong buồng Kôdia, nó úp mặt vào chiếc gối cầu ghét và kêu rống lên từng hồi. Xôrôka lẩn trốn ở một xó nào đấy, để tránh những lời chế giễu của những đứa khác.

Zadôrôp nói:

- Hay là ta chơi rút thăm^[69] đi.

Và chúng tôi chơi trò đó. Khoa sư phạm đôi khi cũng có mặt hài hước của nó: bốn chục đứa trẻ vô cùng đói rách, chơi rút thăm vui vẻ hết sức dưới ánh sáng leo lét của một chiếc đèn dầu còm nhom. Chỉ có điều là không có hôn mà thôi.

20. SINH SÚC VÀ NÔNG CỤ

Sang mùa xuân, vấn đề kiểm kê nông cụ và sinh súc đặt chúng tôi trước một tình trạng không lối thoát. Con Nhãi-ranh và con Thỏ-phỉ đều vô dụng, nói thẳng là như thế, và không có cách gì làm việc được với chúng. Hàng ngày, cứ bảnh mắt ra là Kalina Ivanôvich đã phát biểu ở chuồng ngựa những lời lẽ phản cách mạng, chỉ trích chính quyền xô-viết là không biết kinh doanh, là tàn ác đối với súc vật:

- Khi mà người ta muốn lập một cơ sở nông nghiệp thì người ta phải cho nó một số sinh súc, và đừng có hành hạ một con vật không biết nói. Đứng về mặt lý thuyết, đã đành rằng đó là một con ngựa thật đấy, nhưng cứ thực tế mà nói thì nó nghèo đến nơi, trông thật thương hại, với lại cũng không có ai làm ăn như thế.

Bratsenkô giữ một đường lối rất nghiêm ngặt. Nó yêu những con ngựa chỉ vì rằng đó là những con ngựa sống và hề cứ ai bắt các bạn thân thiết ấy của nó phải làm công việc gì phụ ngoại là y như nó tức giận và hăn học. Đáp lại tất cả những lời kêu ca và trách móc, nó luôn luôn dự bị sẵn câu lý luận quả chùy này:

- Còn mày, giá người ta bắt mày phải kéo cày xem? Tao sẽ rất thích thú nghe bản nhạc mày tấu ra sao?

Nó hiểu những lời lẽ của Kalina Ivanôvich như là những chỉ thị không cho ngựa đi làm một việc gì hết. Và chẳng chúng tôi cũng chẳng muốn đòi hỏi như vậy làm gì. Chuồng ngựa của trại thứ hai đã tu sửa xong, và khi nào chớm sang xuân là lập tức phải di chuyển sang bên ấy một đôi ngựa để làm các công việc cày bừa và gieo hạt. Nhưng chúng tôi không có ngựa.

Trong một cuộc nói chuyện với Tseenenkô, chủ tịch Viện R.K.I (viện kiểm tra Công Nông), tôi có đề cập qua đến những khó khăn của chúng tôi: về mặt nông cụ, chúng tôi sẽ xoay sở tạm tạm được: chúng tôi có khá đủ dùng cho mùa xuân, nhưng về ngựa, thì mới thật là tai họa. Sáu mươi đêxiatin ruộng chứ có phải ít đâu! Và nếu chúng tôi không cày cấy được, thì dân làng sẽ kêu la chúng tôi những gì đây?

Tsecnenkô nghĩ ngợi một lát, rồi bỗng nhảy chồm lên mừng rỡ:

- Hượm tí! Ở đây chúng tôi có một Vụ kinh tài, và có thừa số ngựa cần dùng trong mùa xuân. Tôi sẽ cho các anh mượn ba con, như vậy chúng tôi sẽ không phải nuôi chúng và sau một tháng rưỡi các anh sẽ giả chúng lại cho chúng tôi. Anh hãy đi nói chuyện với ông chủ nhiệm của chúng tôi về việc đó.

Ông chủ nhiệm của Viện R.K.I tỏ ra là một con người lợi hại và rất thực tế. Ông đòi một giá thuê ngựa ra trò: năm pút lúa mì mỗi tháng và những bánh xe cho chiếc xe của Viện.

- Tôi biết là các ông có một xưởng đóng xe.

- Nhưng sao lại thế được? Ông lột da chúng tôi! Đối với chúng tôi, mà nữa làm thế à?

- Tôi là chủ nhiệm chứ không phải bà mẹ đỡ đầu. Và rồi ông sẽ xem những con ngựa đó! Giá cứ như tôi, thì mấy tôi cũng chẳng cho các ông mượn. – các ông sẽ làm hỏng ngựa, sẽ làm chết ngựa, tôi biết thừa các ông, tôi đã mất hai năm trời mới tìm ra được những con ngựa như thế, – chúng đâu có phải là ngựa, chúng là những của báu kỳ lạ đấy!

Kể ra thì tôi có thể hứa hẹn với ông ta một trăm pút cho mỗi đầu ngựa và bánh xe cho tất cả các cỗ xe của thành phố. Chúng tôi đang cần những con ngựa đó.

Ông chủ nhiệm làm một tờ hợp đồng thành hai bản, tất cả các điều khoản viết rất tỉ mỉ và đánh thếp:

... trại nhi đồng kê tên dưới đây... việc giao nộp những bánh xe ấy cho Vụ Kinh tài của Viện R.K.I của tỉnh sẽ có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban chuyên môn phụ trách kiểm thu và lập biên bản hợp lệ chứng

thực... Trường hợp chậm giao hoàn ngựa, trại sẽ phải nộp cho ban kinh doanh nông nghiệp của Viện R.K.I một số lượng mười bảng lúa mì cho mỗi ngày để chậm và cho mỗi con ngựa... và trong trường hợp trại không thi hành hợp đồng này, thì trại đó cam kết nộp bồi thường vì ước gấp năm lần giá trị tổn thất...

Ngày hôm sau Kalina Ivanôvich và Antôn cưỡi ngựa nghênh ngang, đại thắng trở về trại. Từ buổi sáng, bọn trẻ lau nhau đã đứng túc trực rất xa trên đường cái. Toàn trại, và cho đến cả các giáo viên nữa, đều mỗi mắt chờ đợi chán chê. Sêlaputin và Tôxka là những đứa may mắn hơn cả: chúng gặp được đoàn người ngựa trên đường đá, và lập tức bám leo lên lưng ngựa. Kalina Ivanôvich thì không còn có thể mỉm cười hay nói được nữa, là vì cả người bác đã đầy ắp một vẻ nghiêm trọng hết sức xa vời. Antôn Bratsenkô chẳng thèm quay đầu lại phía chúng tôi nữa, – hết thấy mọi sinh vật nói chung chẳng còn có lấy một mảy may giá trị đối với nó, ngoài ba con ngựa đen buộc sau xe tải của trại.

Kalina Ivanôvich từ trên cái thùng xe giống chiếc quan tài bước xuống, phủi một cái cuống rạ bám vào áo vét-tông của bác và bảo Antôn:

- Phải liệu cho chúng nó ở chuồng tử tế, những con này chẳng phải như con Thổ-phỉ đâu.

Sau khi ra lệnh cho những đứa phụ việc của nó bằng những câu nhát gừng, Antôn tổng những con ngựa cung trước kia vào những ngăn chuồng xa nhất và bất tiện nhất, vừa làm vừa quất đai da đe nẹt những đứa tò mò muốn liếc nhìn vào chuồng ngựa, và trả lời ông già với một giọng thân mật thô lỗ:

- Dem những yên cương khác về đây, bác Kalina Ivanôvich ạ, cái của bản thủ này chẳng còn ra quái gì nữa!

Các con ngựa đều đen bóng tất cả, cổ cao và hình dáng đẹp. Mọi người để chúng nó mang tên cũ, đối với các trại viên những tên cũ ấy cấp cho chúng một thứ dòng dõi quý phái. Tên chúng là Man-rợ, Milan và Mary.

Tuy nhiên con Man-rợ chẳng bao lâu đã khiến chúng tôi thất vọng: đó là một con ngựa giống rất đẹp nhưng không thích hợp với công việc canh nông, vì nó chóng mệt và chưa chi đã thở hồng hộc. Trái lại, con Milan và con Mary tỏ ra là những con ngựa nhỏ cừ khôi về mọi mặt: khỏe, bình tĩnh và đẹp mã. Antôn vẫn nuôi hy vọng kiếm được một con ngựa chạy tuyệt vời để cho nó làm lu mờ hết thấy các anh đánh xe ở ngoài tỉnh, đành rằng những hi vọng ấy trở thành hão huyền, nhưng mà đóng vào cày và máy gieo hạt thì đó là những con vật xuất sắc hết sức. Vì thế nên Kalina Ivanôvich thường thốt ra những tiếng hăm hừ khoái trá mỗi khi bác báo cáo vào buổi tối cho tôi biết những diện tích cày và gieo hạt. Điều duy nhất làm cho bác băn khoăn thắc mắc là cái thể bất tiện, đứng về mặt cơ quan mà nói, của các người làm chủ những con ngựa đó.

- Mọi chuyện đều tốt đẹp cả đấy, nhưng mà, anh ạ, nhớ mình có sự gì vướng mắc với cái Viện R.K.I. ấy... thì bọn họ... họ muốn làm gì cũng được. Và chúng mình thì kêu ca vào đâu? Tìm đến họ mà kêu à?

Nhịp sống đã bắt đầu đập ở trại thứ hai. Một tòa nhà đã sửa xong, và sáu trẻ nuôi sang ở đấy, chẳng có giáo viên và cũng không có chị cấp dưỡng. Chúng được tiếp tế bằng một số thực phẩm để dành của trại và tự nấu nướng lấy mà ăn, được sao hay vậy, trên một cái bếp lò nhỏ ở ngoài vườn. Chúng có nhiệm vụ canh giữ vườn và các tòa nhà, đảm bảo việc qua lại sông Kôlômak và công việc chuồng ngựa với hai con ngựa, ở đấy có Ôpriskô là đặc phái viên của Bratsenkô. Thằng này đã quyết định ở lại nhà chính, đông hơn và vui hơn. Hàng ngày nó sang kinh lý kiểm tra ở trại thứ hai, ở đấy không những chỉ có mấy đứa mã phu và thằng Ôpriskô mà tất cả các trại viên đều sợ những cuộc đến thăm của nó.

Một công tác lớn đang tiến hành trên các thửa ruộng của trại thứ hai. Cả số sáu mươi dêxiatin ruộng

đã được gieo hạt, kỹ thuật nông nghiệp chẳng năm được bao lăm, đã dành, và cũng chẳng cây luân phiên được đều nữa, tuy nhiên trên ruộng vẫn cứ mọc lên lúa mì vụ thu và vụ xuân, lúa hắc mạch và yến mạch. Vài dêxiatin giống khoai tây và củ cải tía. Giống những thứ này phải giẫy cỏ và vun đất, khiến chúng tôi vất vả bận rộn không mở mắt ra được.^[70] Vào hồi đó trại đã có được sáu chục trẻ nuôi.

Suốt ngày và cả cho đến tận khuya về đêm, có một hoạt động đi lại thường xuyên giữa trại thứ nhất và trại thứ hai: những toán trại viên đi làm việc hay làm xong trở về, các xe tải của chúng tôi chở hạt giống, cỏ rom hoặc lương thực tiếp tế, và cả những xe chúng tôi thuê để chuyển những vật liệu xây dựng nữa. Kalina Ivanôvich đi một cái xe ngựa nhỏ hai bánh đã cũ, mà bác ta xin được ở đầu đó; Antôn Bratsenkô, oai vệ ngồi trên yên, cười con Man-rợ.

Những ngày chủ nhật, hầu hết mọi người đều ra sông Kôlômak tắm, – trại viên cũng như giáo viên; và theo gương họ, con trai con gái, thanh niên Kômxômôn các làng Pirôgôpka và Gôntsarôpka, cả những con cháu bọn kulắc ở các xóm chúng tôi nữa, dần dần đã quen đến tụ tập trên bờ con sông nhỏ vui mắt và xinh xắn. Các thợ mộc của chúng tôi đã đóng ở đây một cái cầu tàu nhỏ, trên cầu chúng tôi cắm là cờ của trại, bay phấp phới và có những chữ T.G. Từ cầu vào đến bờ của chúng tôi, suốt ngày đi lại một chiếc thuyền sơn màu lục cũng cắm cờ như thế, do Michir Jêvêli và Vichia Bôgôiaplenxki chở. Hiểu rõ tất cả tầm quan trọng của uy tín chúng tôi trên bờ sông Kôlômak, các nữ sinh của trại đã dùng các mảnh linh tinh quần áo phụ nữ bỏ đi, may áo bơ-lu thủy thủ cho Michia và Vichia, và có rất nhiều đứa trẻ ở trại cũng như ở xa hàng mấy cây số quanh vùng, đã tắm túc ghê gớm, ghen với hai thằng bé sung sướng đó. Sông Kôlômak trở thành câu lạc bộ trung tâm của chúng tôi.

Trại đầy tràn sự vui vẻ và những tiếng động của sự cần lao kịch liệt gắn liền với những lo âu không ngớt, tiếng khách hàng nông dân đến thăm, tiếng càu nhàu của Antôn, tiếng diễn thuyết trịnh trọng của Kalina Ivanôvich, tiếng cười bất tận và những trò hề của Karabanôp, Zăđôrôp, Biêlukhin, những chuyện không may của Xôrôka và những Galatenkô, tiếng nhạc rì rào của những cây thông, ánh nắng mặt trời và tuổi trẻ.

Hồi đó chúng tôi đã quên không biết sự bẩn thỉu, chấy rận với ghẻ lở là gì nữa. Trại sáng loáng lên vì sạch sẽ và vì các mảnh vá mới tinh cẩn thận đặt vào chỗ đáng ngờ bất kể của đồ vật gì; quần cụt, bờ rào, thành kho trống, hay bậc tam cấp cũ: Cũng vẫn là những giường giát ấy xếp thành hàng ở phòng ngủ, nhưng từ nay trở đi ban ngày cấm không được ngồi vào đấy, vì đã có những ghé dài gỗ mộc để dùng cho việc đó rồi. Các bàn ở phòng ăn, cũng bằng gỗ thông, được cạo hàng ngày bằng những cái cào đặc biệt của xưởng rèn chế tạo.

Ở xưởng này đã có những sự thay đổi căn bản. Kế hoạch quái ác của Kalina Ivanôvich đã hoàn toàn thực hiện: Gôlôvan đã bị đuổi vì tội say rượu và nói những lời phản cách mạng với khách hàng, song hắn cũng chẳng buồn cố xin lại dụng cụ: việc đó rõ rệt là vô hi vọng. Lúc ra đi, hắn ta chỉ lắc đầu với một vẻ trách móc mỉa mai:

- Nay, các anh là những người chủ như tất cả mọi người khác, – các anh tước đoạt tôi và bây giờ thế là các anh làm chủ nhân!

Biêlukhin chẳng phải là tay chịu bối rối vì những lời lẽ như vậy; nó đã đọc bao nhiêu sách vở và đi khắp đó đây, há phải là chuyện vô ích! Nó cười ngạo nghễ vào mặt Gôlôvan và bảo hắn:

- Bác là người công dân kém ý thức thật thôi, bác Xôfrôn ạ! Bác làm việc ở trại đã được hơn một năm rồi, thế mà bác vẫn chưa hiểu điều đó: đó là những tư liệu sản xuất.

- Ừ thì tao cũng nói đúng như thế...

- Thế mà, bác phải hiểu, khoa học bảo rằng tư liệu sản xuất là thuộc quyền sở hữu của giai cấp vô sản. Mà giai cấp vô sản thì, bác nhìn xem, bác có thấy nó ở trước mặt không?

Và nó chỉ cho lão kia thấy những tay đại diện chính công và linh hoạt của giai cấp vô sản quang vinh họ: Zadô-rôp, Vecsô-nêp và Kuzma Lê-si.

Ở xưởng rèn bây giờ là Xê-mi-ôn Bô-đan-en-cô chỉ huy, chính tông thợ rèn cha truyền con nối, mà tên tuổi đã nổi tiếng từ lâu trong các xưởng rèn xe lửa. Trong phạm vi giang sơn của nó, nó duy trì một nếp kỷ luật và sạch sẽ có tính cách quân sự. Máy mài dao kéo, búa con, búa lớn sắp hàng tề chỉnh vật nào chỗ nấy, mặt đất quét sạch như lau như li,^[71] chẳng có lấy một đồng cân than vào rơi vãi ra khỏi lò, và lời lẽ nó nói với khách hàng bao giờ cũng ngắn gọn và minh bạch:

- Đây có phải là ở nhà thờ đâu, bác chả phải mặc cả lời thôi gì hết.

Xê-mi-ôn Bô-đan-en-cô có học, cạo mặt tinh tươm, và không bao giờ nói tục.

Xưởng rèn có nhiều công việc ngập đầu. Vào hồi đó các xưởng khác hầu như đã thôi làm việc, nhưng Kô-đi-a, có hai trại viên giúp đỡ, vẫn làm lụng như trước trong cái xưởng trống nhỏ đóng xe của bác ta: yêu cầu về bánh xe vẫn không giảm sút.

Phải cung cấp cho vụ kinh tài của Viện R. K. I. những bánh xe đặc biệt cho lớp bơm hơi, và Kô-đi-a chưa hề làm những bánh xe như thế bao giờ. Cái trò oái oăm của nền văn minh đó làm cho bác bối rối hết sức, và buổi tối nào xong công việc, bác cũng phiền muộn:

- Ngày trước chúng tôi có biết những sấm cao su bơm hơi đâu chứ. Đức chúa Giê-xu của chúng tôi đi bộ, các giáo đồ của người cũng thế... thì bây giờ mọi người cứ dùng vành sắt đóng vào xe mình cũng được chứ sao.

Kalina Ivanô-vich nghiêm khắc bảo bác ta:

- Thế còn xe lửa? Thế còn ô-tô? Anh để làm gì? Đức chúa nhà anh đi bộ, thì chúng tôi cần có cái gì? Cái đó chỉ chứng tỏ rằng đó là một con người không có văn hóa, hay không biết chừng nữa, cũng là hạng ngu cục như cái ngữ anh. Vả chăng, trong khi hấn ta thất thủ đi bộ như một thằng ăn mày, giá có ai cho hấn lên ô-tô của mình, thì là hấn ta cũng sướng đời lắm đấy. Thế mà anh thì xuýt xoa: “người đi bộ”. Người già cả mà ăn nói như thế, không biết xấu!

Kô-đi-a mỉm cười e dè và lẩm bầm, về ngượng ngập:

- Giá mà tôi được xem những bánh xe bơm hơi ấy nó lắp ra làm sao, thì nhờ ơn trên giúp đỡ, may ra cũng có thể làm được. Nhưng phải làm bao nhiêu nan xe cho nó chứ, có mà trời biết?

- Thì anh lên Viện R. K. I. mà coi. Lên đó đếm xem có bao nhiêu nan xe.

- Lạy chúa tôi, một người già cả tội nghiệp như tôi thì làm thế nào tìm ra được chỗ ấy mà đến chứ?

Vào khoảng giữa tháng sáu, Tsec-nen-cô muốn làm vui lòng bọn trẻ:

- Tôi đã nói chuyện với một anh ở đây, và một đoàn vũ ba-lê sẽ đến trại các anh, nhảy cho bọn trẻ xem. Ở rạp vũ kịch của chúng tôi có những vũ nữ ba-lê giỏi, anh ạ. Anh sẽ đưa bọn họ về trại trong buổi tối.

- Tốt lắm.

- Nhưng phải cẩn thận đấy. Đây là những con người phải gượng nhẹ, đừng có để những thằng kẻ cướp nhà anh làm họ sợ. Thế anh sẽ chở họ bằng cái gì?

- Có cỗ xe của chúng tôi.

- Tôi trông thấy nó rồi.Ồ! Không được đâu! Anh hãy cho đưa ngựa lên đây, đóng vào xe của tôi, rồi

sau đó ta sẽ đi đón họ. Và rồi anh phải cho canh gác đường cái, kéo rồi có những kẻ nó vô họ đấy: những kiện hàng nhỏ ấy ngon mắt lắm.

Trời tối lâu rồi, các nghệ sĩ mới về đến trại sau khi đã run sợ suốt dọc đường, làm cho Antôn thích chí và nói cho họ yên tâm:

- Các chị chả việc gì phải sợ, có cái gì mà cướp của các chị. Có phải là mùa rét đâu, mà bảo họ có thể giật mất áo choàng của các chị.

Đội tuần phòng của chúng tôi ở trong rừng bất thành linh nhô ra, làm cho các vũ nữ ba-lê bỏ vía, đến nỗi về đến trại một cái là phải cho họ uống thuốc an thần liền.

Họ nhảy múa rất miễn cưỡng và khiến bọn trẻ khó chịu lắm. Suốt buổi tối cô trẻ tuổi nhất đem tất cả sự hùng hồn của tấm lưng đẹp và r ám nắng một cách ý nghĩa ra mà nói lên sự thờ ơ to lớn, kiêu kỳ và khinh thị của cô đối với toàn trại. Cô lớn nhất cứ ngăm chúng tôi với vẻ sợ sệt không giấu giếm. Dáng bộ của cô khiến Antôn bức tức đặc biệt.

- Như thế thì, này, tôi xin lỗi, có bố công bắt hai con ngựa phải ra tỉnh đi về hai lần không? Ở ngoài ấy tôi có thể đưa về cho trại những cô chẳng kém và đi bộ nhé, bao nhiêu cũng có.

- Những cô của mày sẽ chẳng nhảy được như thế đâu! Zadržet cười bảo nó.

- Hừ, để còn xem!

Êkatêrina Grigôriepna ngồi ở đàn dương cầm, cái đàn đó đã trang trí một phòng ngủ của trại từ lâu rồi. Đàn chị chơi không được rõ tiếng lắm; nhạc của chị không thích ứng với vũ ba-lê và các vũ nữ lại không có nhã ý bỏ qua đi cho vài ba nhịp điệu. Với những bộ mặt bức tức, các cô mệt nhoài ra mà theo bản nhạc tấu man rợ và rời rạc ấy. Ngoài ra, các cô lại hết sức vội vã để còn mau chóng đi dự một buổi dạ hội thích thú nào đó.

Trong khi mọi người đang thắng ngựa dưới ánh sáng những đèn lồng và những lời rửa xả của Antôn, các vũ nữ ba-lê cứ xôn xáo cả lên: thế nào các cô cũng đến dạ hội chậm cho mà xem. Sự xúc cảm và sự khinh bỉ đối với cái trại chìm ngập trong bóng tối này, đối với những trại viên lặng lẽ này, đối với cái xã hội hoàn toàn xa lạ với các cô này, khiến các cô không còn có thể nói năng gì được nữa, chỉ biết túm tụm dựa vào nhau mà khe khẽ rên rỉ. Xôrôka, ngồi trên ghế đánh xe, làm âm ỹ lên về chuyện dây kéo và kêu tướng lên là nó sẽ không đi. Chẳng e ngượng một chút nào vì sự có mặt của các vũ nữ, Antôn trả lời nó:

- Mày là thế nào, thằng đánh xe hay vũ nữ ba-lê? Thế thì có chuyện gì mà mày nhảy chơi chơi trên cầu của mày thế? Mày không muốn đánh xe à? Cút xuống!

Sau cùng, Xôrôka giật dây cương. Các vũ nữ ba-lê đã dịu yên, sợ hãi chết điếng ngăm nhìn khẩu súng ngắn quàng chéo qua vai nó. Tuy nhiên xe cũng chuyển bánh. Nhưng lại có tiếng kêu của Bratsenkô:

- Mày đã làm cái gì thế này, hờ thằng xuân? Mày điên hay sao mà lại thắng như thế này? Mày đã nhét con Hung vào đâu? Mày đặt nó ra làm sao? Thắng lại xe đi! Con Milan, phía tay phải, đã bao nhiêu lần tao bảo mày rồi!

Xôrôka thông thả tháo còi súng ngắn, đặt lên chân các vũ nữ ba-lê. Trên xe thoát ra những tiếng khóc thút thít nghẹn ngào.

Karabanốp nói ở sau lưng tôi:

- Thế là tóm được các cô rồi nhé, mình lại cứ tưởng không đời nào kia đấy. Hoan hô, tội trẻ!

Năm phút sau cỗ xe lại chuyển bánh lên đường. Chúng tôi kín đáo đưa bàn tay lên vành mũ cát-két,

mà cũng chẳng hy vọng gì được chào đáp lại. Những bánh xe bơm hơi nảy trên đá tảng lát đường, nhưng lúc ấy có một cái bóng kỳ dị vút bay qua mặt chúng tôi, đuổi theo xe: cái bóng vung cánh tay lên mà hét:

- Đổ lại! Trời ơi, đổ lại! Anh em ơi, đổ lại!

Xôrôka kinh ngạc, ghì dây cương. Một vũ nữ ba-lê ngồi nhô người lên trên ghế ngồi.

- Tôi đã quên đi mất, lạy Chúa tha tội! Hãy để cho tôi đếm các nan xe...

Lão ta cúi xuống bánh xe; những tiếng khóc nức lại nổi lên trong xe, và một giọng đàn bà trầm trầm nghe hòa theo vào đấy:

- Lặng đi, kia, lặng đi...

Karabanốp đẩy Kôđia ra khỏi bánh xe:

- Ông có cút đi không, hờ ông nội?

Nhưng chính Karabanốp không nhin cười được nữa và vừa rửa như quý^[72] vừa chạy tuốt vào rừng. Tôi cũng nổi nóng lên:

- Quất ngựa đi, Xôrôka, đà đạn mãi đủ rồi! Chú đánh xe thuê giờ hay sao thế?

Xôrôka ra tay quất con Milan. Các trại viên vui vẻ cười rộ lên, còn Karabanốp thì cứ rũ ra mà rên rỉ trong bụi rậm. Cả đến Antôn cũng phải cười:

- Giá bọn cướp mà cản đường chúng lại, thì mới thật đáng là một trận cười. Như vậy thì nhất định các cô sẽ đến dạ hội muôn cho mà xem.

Kôđia chùng hững đứng trong đám đông, không tài nào hiểu được có những chuyện nghiêm trọng gì mà ngăn cản không cho bác đếm nan xe.

Các mối lo linh tinh khiến chúng tôi không để ý rằng thời hạn một tháng rưỡi đã quá rồi. Ông chủ nhiệm của Viện R. K. I. đúng hẹn từng phút, thân hành đến trại.

- Thế này, ngựa của chúng tôi ra sao?

- Khỏe mạnh hết sức.

- Đến bao giờ thì các ông gửi chúng trả lại chúng tôi?

Antôn tái mặt đi:

- “Gửi chúng trả lại các ông?” Thế thì, ai sẽ làm việc thay chúng đây?

- Đó là hợp đồng, các đồng chí ạ, ông chủ nhiệm nói cứng nhặng. Còn lúa mì, bao giờ thì chúng tôi được lấy?

- Đã lấy thế nào được! Còn phải gặt, phải đập đã chứ. Lúa mì còn ở ngoài đồng.

- Thế còn những bánh xe của tôi?

- Về cái đó thì, ông ạ, bác thợ đóng xe của chúng tôi chưa đếm được nan xe, bác ta không biết những bánh xe đó cần có bao nhiêu nan. Và còn phải đo...

Người nói chuyện với chúng tôi tự cảm thấy đến trại thì mình là một nhân vật lớn. Ông chủ nhiệm của Viện R. K. I., chứ có phải chơi đâu!

- Các ông sẽ phải trả bồi thường vì ước theo các điều khoản hợp đồng. Đó là hợp đồng! Và bắt đầu kể ngay từ hôm nay, các ông biết đấy, các ông sẽ phải nộp mỗi ngày mười bảng, mười bảng lúa mì. Tùy các ông thôi.

Ông ta đi. Bratsenkô căm ghét nhìn theo chiếc xe xon-ky^[73] của ông ta và nói vắn tắt:

- Đồ đều!

Chúng tôi lo lắng vô cùng. Sống chết chúng tôi cũng phải có ngựa, nhưng từ chỗ đó mà đi tới phải nhường cho hân ta tất cả vụ lúa!.

Kalina Ivanôvich cầu nhàu:

- Tôi sẽ không nộp lúa mì cho những quân ăn hại ấy đâu, anh nghĩ mà xem, mỗi tháng mười lăm pút, và bây giờ lại thêm mười bảng khác nữa. Cái gì họ cũng cột mình vào giấy tờ, lý thuyết thì thế đấy, nhưng chúng mình là người làm cho lúa mì mọc lên. Thế mà sau đó lại phải bỏ hết cả cho họ, và đem giả cả ngựa nữa à? Họ muốn lấy ở đâu thì cứ việc đi mà lấy, chứ đừng hòng lấy ở tôi nhé!

Bọn trẻ phản đối việc thi hành hợp đồng:

- Nếu phải cho họ vụ lúa, thà để lúa chết khô ngoài đồng còn hơn! Hay là, họ lấy lúa mì, nhưng chúng ta giữ ngựa lại.

Bratsenko giải quyết việc một cách hòa hảo hơn:

- Bác có thể biểu họ lúa mì, lúa hắc mạch nữa, và cả khoai tây, nhưng ngựa thì tôi không thả ra đâu. Họ muốn la ó gì, cứ việc mà la ó, chứ ngựa của họ, thì họ sẽ không trông thấy chúng nữa đâu.

Tháng bảy tới. Bọn trẻ cắt cỏ ở cánh đồng cỏ, và Kalina Ivanôvich lo lắng:

- Tụi trẻ làm kém, chúng nó không biết làm. Làm thế nào cắt cho xong món cỏ đó, rồi còn lúa hắc mạch nữa, tôi chẳng biết xoay xở ra sao đây. Là vì chúng ta có bảy đêxiatin lúa hắc mạch, và tám đêxiatin lúa mì vụ thu, còn thêm lúa mì vụ xuân, và yến mạch nữa. Làm thế nào? Nhất định là phải mua thêm một cái máy gặt.

- Ô, bác Kalina Ivanôvich, bác nói gì thế? Tiền đâu mà mua?

- Hay là một cái máy cắt cỏ cũng được. Hồi trước giá vào khoảng một trăm rưỡi rúp, có lẽ hai trăm. Một buổi tối bác đem đến cho tôi một nắm lúa hắc mạch.

- Anh xem này, nội trong hai hôm nữa là chậm nhất, phải gặt đi thôi.

Chúng tôi chuẩn bị gặt lúa hắc mạch bằng lưỡi hái. Chúng tôi quyết định mở hội mùa long trọng bằng cách ăn mừng bó lúa đầu tiên. Ở trại chúng tôi, trong một thửa đất cát ẩm áp, lúa hắc mạch chín sớm hơn, trường hợp đó thuận lợi cho việc tổ chức cuộc vui lớn đang chuẩn bị. Chúng tôi gửi nhiều giấy mời, làm một bữa tiệc thật ngon, sửa soạn những nghi thức đẹp đẽ và trình trọng cho lễ khai mạc. Thế môn và cò xí đã trang trí cánh đồng rồi, quần áo mới của các trẻ nuôi đã sẵn sàng rồi, nhưng Kalina Ivanôvich vẫn hết sức chán nản:

- Mùa mất toi rồi! Chưa kịp gặt, lúa hắc mạch sẽ rụng cả thôi. Cày cấy thế là công cốc.

Song bọn trẻ đang mài và đóng các lưỡi hái trong các xưởng trồng, nói cho ông già yên lòng:

- Chẳng mất tí gì cả đâu, bác Kalina Ivanôvich ạ, mọi việc sẽ trôi chảy y như ở các nhà quê chính cống cho mà xem.

Tám tay hái được chỉ định.

Đúng hôm mở hội, Antôn đánh thức tôi dậy thật sớm.

- Có một lão đến đây, với một cái máy gặt.

- Máy gặt nào?

- Lão ta đem đến đây một chiếc. Mà là một chiếc tốt, có cánh. Lão hỏi chúng ta có muốn mua không.

- Bảo lão đi đi thôi. Lấy tiền nào mà mua, chú biết đấy...

- Nhưng có thể đánh đổi, lão ta bảo thế. Lão muốn đổi lấy một con ngựa.

Tôi mặc áo vào và đi xuống chuồng ngựa. Ở giữa sân, một cái máy gặt, chưa lấy gì làm cũ lắm, và trông thấy rõ là nó đã được một nước sơn, đặc biệt để đem bán. Các trại viên xúm xít chung quanh nó, và Kalina Ivanôvich cũng đang có mặt ở đây, hết nhìn cái máy, lại nhìn sang chủ nó và tôi, bằng những cái nhìn hần học.

- Thằng cha ấy muốn cái gì với chúng mình, nó đến để giều cột chắc? Ai đã đưa nó đến đây?

Người chủ cái máy gặt tháo những con ngựa ra. Đó là một người ăn mặc đứng đắn, có một bộ râu hoa râm đạo mạo.

- Thế tại sao bác lại bán máy? Burun hỏi.

Người kia nhìn chung quanh.

- Để cưới vợ cho con trai tôi. Tôi còn một chiếc khác đủ dùng cho chúng tôi, và lại sắp phải cho thằng con trai một con ngựa.

- Karabanôp nói thầm vào tai tôi:

- Nói láo. Cháu biết thằng cha này... Bác không phải là người ở Xtôrôjêvôiê à?

- Ở Xtôrôjêvôiê, anh nói đúng đấy. Còn anh có phải anh là Xêmiôn Karabanôp, con ông Panatxo không?

- Đúng rồi! Xêmiôn hơn hờ. Thế ra bác là bác Ômentsenkô đấy à? Bác sợ nhỡ ra người ta lấy mất máy của bác đi, có phải không?

- Cái đó kể cũng có đấy, có thể họ lấy mất máy của tôi, lại còn chuyện cưới vợ cho thằng con...

- Vậy hẳn ta không còn ở trong bọn thằng...

- Anh nói gì vậy, lạy Chúa tôi!

Xêmiôn nhận lấy trách nhiệm đứng ra thương lượng. Hắn nói chuyện hồi lâu, ngay trước mũi những con ngựa, với người chủ chiếc máy gặt, thỉnh thoảng hai người lại gặt đầu ra về đồng tình và vỗ vai hay đập vào cánh tay nhau. Xêmiôn có vẻ mặt một người chủ thực sự, và người ta thấy rõ Ômentsenkô coi hắn là người hiểu biết.

Một nửa giờ sau Xêmiôn khai hội bí mật trên bậc tam cấp của phòng Kalina Ivanôvich. Ngoài Kalina Ivanôvich và tôi ra, dự cuộc bàn luận còn có Karabanôp, Burun, Zăđôrôp, Bratsenkô, và hai ba trại viên cũ nhất nữa. Trong khi ấy, các trại viên khác đứng vây quanh cái máy gặt, đăm đuôi trong một sự sốt sắng lạnh, lạ sao ở đời lại có những người sung sướng đến mức có được những máy móc tuyệt diệu thế.

- Xêmiôn cắt nghĩa rằng lão kia muốn đổi máy gặt của lão lấy một con ngựa, bởi vì ở Xtôrôjêvôiê, sắp sửa tiến hành kiểm tra các máy móc nông nghiệp, và lão sợ rằng người ta tước phăng ngay mất máy của lão, chẳng lôi thôi gì cả, trong khi ấy người ta sẽ không lấy ngựa, vì lão phải cưới vợ cho con trai.

- Có thực như thế hay không, ta không cần biết chuyện ấy, Zăđôrôp nói, nhưng chúng ta cần chiếc máy gặt. Ta sẽ cho nó chạy ngay hôm nay.

- Nhưng cậu sẽ lấy con ngựa nào cho lão ta? Antôn hỏi. Con Nhãi-ranh và con Thổ-phỉ chẳng ra gì cả, thế thì cậu nhường con Hung cho lão à?

- Dù là con Hung nữa, cũng được chứ sao. Zăđôrôp nói. Một chiếc máy gặt chứ phải chơi!

- Con Hung à? Nhưng cậu...

Karabanốp ngắt lời Antôn đang sôi nổi:

- Không, con Hung thì không thể được, tất nhiên rồi. Ở trại chả có con ngựa nào như nó, sao lại chọn nó? Nhưng ta có thể nhượng con Man-rợ. Đó là một con vật đẹp mã, và để lấy giống thì nó càng tốt chán.

Xêmiôn nhìn Kalina Ivanôvich với một vẻ láu lỉnh.

Chẳng buồn trả lời hần nữa, Kalina Ivanôvich gõ cái nõ tẩu thuốc của bác vào một bọc tam cấp, và đứng dậy:

- Tôi không có thì giờ đâu bàn chuyện bậy bạ với các chú.

Nói xong bác đi về phòng bác.

Xêmiôn nháy mắt nhìn theo bác ta, và nói nhỏ:

- Nói thật đấy, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác cho con Man-rợ đi. Mọi việc sẽ thu xếp được, và chúng ta sẽ có cái máy gặt.

- Nhưng thế thì là nhà tù.

- Nhà tù cho ai? Cho bác à? Không có đời nào! Một cái máy gặt giá đắt hơn một con ngựa. Viện R. K. I. cứ việc lấy máy thay vào con Man-rợ. Đối với họ có làm sao đâu, đảng nào chả thế thôi, có phải không? Họ chẳng thiết thòi tí gì cả, thế mà chúng ra sẽ gặt được kịp thời. Bề nào thì con ngựa ấy cũng chẳng dùng được vào việc gì hết...

Zadôrốp phá lên một tiếng cười, lây sang mọi người:

- Chuyện thế mới lạ chứ? Chà, khá thật!.

Burun tùm tùm cười không nói gì, góc mép đung đưa một bông lúa hắc mạch.

Bratsenkô, mắt long lanh, cười ngất:

- Để cho Viện R. K. I. thắng chiếc máy gặt vào xe ngựa... thay con Man-rợ, thì chết cười thật đấy.

Bọn trẻ nhìn tôi với những cặp mắt sáng ngời.

- Thế thì quyết định đi, bác Antôn Xêmiônôvich ạ... quyết định đi, chẳng có gì đáng sợ hết. Dù cho họ có bỏ bác vào nhà mát, thì cũng sẽ chẳng quá một tuần lễ đâu.

Sau cùng Burun trở lại nghiêm chỉnh và tuyên bố:

- Chả còn chần chừ gì nữa, phải cho nó đi thôi. Không làm thế thì rồi tất cả mọi người sẽ coi chúng ta là ngu ngốc, cả Viện R. K. I. nữa.

Tôi nhìn Burun và chỉ nói:

- Đúng đấy! Đưa con ngựa giống ra đi, Antôn!

Tất cả đâm bổ xuống chuồng ngựa.

Con Man-rợ làm đẹp lòng bác nông dân. Kalina Ivanôvich kéo tay áo tôi, và thăm thì thăm bảo tôi:

- Nhưng anh điên hay sao thế? Anh chán cuộc sống lắm rồi à? Thôi anh hãy quăng mẹ nó cả trại lúa hắc mạch đi... Anh tự dẫn mình vào chuyện gì thế vậy?

- Cứ mặc tôi, Kalina... Chả làm sao. Chúng ta sẽ gặt bằng máy.

Một giờ sau người chủ cái máy ra đi với con Man-rợ. Rồi hai giờ sau nữa, Tsecnenkô đến và trông thấy cái máy gặt ở sân.

- Ô, bọn trai giỏi thật! Các cậu xoáy ở đâu cái của kỳ lạ này thế?

Bọn trẻ bỗng chốc đứng im tăm tắp, như sắp có cơn dông tố đến nơi. Tôi nhìn Tsecnenkô một cách

khổ sở, và nói:

- Mua lại đấy mà.

Antôn vỗ tay một cái, nhảy ra:

- Xoáy hay không xoáy, nhưng chúng tôi đã có một cái máy gặt, đồng chí Tsecnenkô ạ. Đồng chí có muốn làm việc một tí hôm nay không?

- Ngồi trên máy này à?

- Vâng, đúng thế.

- Được rồi, để nhớ lại thời xưa... Nào, xem thử nó có tốt không nào.

Cho đến lúc khai mạc mùa hội, Tsecnenkô và bọn trẻ bận rộn lúi túi chung quanh cái máy, bôi mỡ, lau chùi, sửa lại cái này cái nọ, thử máy.

Rồi, xong phần nghi lễ khai mạc, đích thân Tsecnenkô trèo lên cái máy gặt và cho máy chạy lanh canh giữa những bông lúa. Karabanốp cười sảng sặc và kêu vang âm cả lên:

- Người ta nhận ra ông chủ ngay lập tức!

Ông chủ nhiệm Viện R. K. I. đi chơi ngoài cánh đồng, hỏi hết mọi người:

- Tôi không trông thấy con Man-rợ đâu, tại sao thế? Nó ở đâu?

Antôn giơ roi chỉ về phía tây:

- Nó ở bên trại thứ hai. Ngày mai chúng tôi gặt bên ấy. Phải để cho nó nghỉ.

Các bàn ăn bày ở trong rừng. Bọn trẻ mời Tsecnenkô ngồi vào bữa tiệc long trọng ấy, tiếp cho ông món xúp củ cải đỏ với bánh chả, và nói chuyện với ông.

- Các anh đã thu xếp rất giỏi việc mua cái máy gặt đó.

- Tốt chứ, có phải không ạ?

- Tốt lắm.

- Đồng chí Tsecnenkô này, một con ngựa hay một cái máy gặt, đằng nào là hơn? Bratsenkô tung ra câu hỏi, hai mắt long lanh như khai hỏa trên khắp trận tuyến.

- Chà, cái đó tùy đấy. Tùy xem là con ngựa nào đã.

- Thế thì, nói ví dụ là con Man-rợ thì sao?

Ông chủ nhiệm Viện R. K. I. hạ thìa xuống, và vênh tai lên, hoảng sợ. Karabanốp bỗng phá ra cười và cúi đầu giấu xuống gầm bàn. Theo gương hắn, cả bọn trai đều cười nghiêng ngả một loạt phía sau bàn. Ông chủ nhiệm đứng phắt dậy, và nhìn tứ phía quanh rừng, như tìm cứu viện ở đấy. Tsecnenkô không hiểu ra sao cả.

- Họ có chuyện gì thế này? Nhưng cậu tưởng con Man-rợ là một con vật tồi hay sao?

- Chúng tôi đổi nó lấy cái máy gặt, ngay hôm nay đấy, tôi nói mà không cười một tí nào.

Ông chủ nhiệm ngồi phịch xuống ghế dài, và Tsecnenkô há hốc mồm ra. Tất cả mọi người đều im lặng.

- Các anh đã đổi nó lấy chiếc máy gặt này à? Ông ta vừa làm bầm hỏi, vừa nhìn người bạn ông.

Tức giận, ông này đứng ra khỏi bàn ăn:

- Một trò lão xược trẻ ranh, đấy, chuyện là như thế đấy. Một lối chơi của đồ xỏ lá, chúng cứ tự tiện làm bừa đi thôi.

Tsecnenkô bỗng mỉm cười vui vẻ:

- À, bọn đều thật! Thì ra thế đấy? Nhưng chúng tôi sẽ dùng cái máy gặt làm gì được chứ?

- Hợp đồng kia: bồi thường vì ước gặt năm lần giá trị tổn thất, người thuộc hạ của ông rít lên tức giận.

- Thôi đi! Tsecnenkô nói, giọng độc ác. Cái bộ anh không như thế được đâu.

- Tôi đây ư?

- Phải, đúng thế, bộ anh không làm như thế được đâu, vậy anh hãy im mồm đi. Còn bọn họ, thì họ làm được đấy. Họ cần gặt vụ lúa của họ, và họ biết rằng hạt lúa quý giá hơn số bồi thu năm lần theo lỗi cho vay cắt cổ của anh, anh hiểu chưa? Và cả anh lẫn tôi, chúng mình đều không làm cho họ sợ, cái đó cũng là điều tốt nữa. Nói tóm lại một câu là hôm nay chúng mình tặng họ chiếc máy gặt đó.

Bỗng chốc làm đảo lộn cả sự chính tề của bữa tiệc lẫn tâm hồn của ông chủ nhiệm, bọn trẻ đắc thắng xúm lại chuyền tay nhau tung Tsecnenkô lên trời. Mãi cho đến lúc ông vừa cười vừa gỡ mình ra, đặt được chân xuống đất, thì Antôn tiến đến gần và bảo ông:

- Thế thì còn con Mary và con Milan, chúng ta thu xếp ra sao đây?

Thế nào, “chúng ta thu xếp ra sao đây”?

- Chúng tôi sẽ giả chúng lại cho ông ta ư? Antôn vừa nói vừa hất đầu chỉ ông chủ nhiệm.

- Đúng rồi, tất nhiên như thế.

- Không, tôi sẽ không giả chúng đâu. Antôn nói.

- Chú sẽ giả, chú nên hài lòng với cái máy gặt! Tsecnenkô đáp có vẻ giận.

Nhưng Antôn cũng phát cáu lên:

- Thì ông lấy máy gặt của ông về! Giữ làm quý gì cái máy gặt của ông! Dễ thường chúng tôi đem thằng Karabanôp ra mà thắng vào đó chắc?

Và nó bỏ về chuồng ngựa.

- Cái thằng mới khi chứ, Tsecnenkô nói với vẻ lo ngại.

Mọi người chung quanh im lặng. Tsecnenkô ngoảnh lại nói với người thuộc hạ:

- Thế thì thật là rầy rà, thôi anh bán ngựa cho họ đi, bất kể với điều kiện nào, trả dần cũng được; họ làm tôi mướt mồ hôi ra rồi: dù sao đi nữa cũng là những đứa trẻ tốt, mặc dầu đó là những thằng kẻ cướp. Ta đi tìm lại cái chú hóa đại của các anh đằng kia đi, cái chú vừa cáu kỉnh hết sức ấy.

Antôn nằm dài trên một đồng cỏ trong chuồng ngựa.

- Thôi này, Antôn, tôi đã quyết định bán ngựa cho chú đấy.

Antôn ngẩng đầu lên:

- Không đắt lắm chứ?

- Các chú trả được thế nào thì trả.

- Thế thì tốt đấy! Antôn nói. Bác là một người thông minh.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Tsecnenkô mỉm cười.

- Thông minh hơn lão chủ nhiệm của bác.

21. NHỮNG LÃO GIÀ TAI HẠI

Những buổi chiều hè ở trại thật là kỳ thú. Bầu trời mở rộng màu lam êm dịu, ven rừng lắng xuống trong bóng hoàng hôn; những cây hướng dương, trồng liền sát ở ranh giới vườn rau, in bóng mờ mờ, thoải mái nghỉ ngơi sau một ngày nồng nực; cái sườn dốc thẳng tuột và mát mẻ đi ra hồ lẫn vào những đường nét mông lung của chiều tà. Thoáng nghe tiếng lao xao của một đám người ngồi trên bậc tam cấp nào đó nói chuyện với nhau, song không biết có bao nhiêu người và họ là những ai.

Đó là lúc trời có vẻ vẫn còn sáng sủa, mà người ta đã khó nhìn nhận ra mọi vật. Vào lúc ấy trại bao giờ cũng hình như trống rỗng. Người ta tự hỏi: các trại viên lẫn đi đâu hết? Nhưng bạn hãy đi khắp trại, bạn sẽ trông thấy tất cả bọn họ. Đây là năm chú ở chuồng ngựa, đang bàn bạc bên một chiếc vòng cổ ngựa treo ở tường. Lò bánh mì là trụ sở của một cuộc tọa đàm thật sự, nửa giờ nữa bánh sẽ chín, và tất cả những ai có trách nhiệm vào việc đó, vào bữa ăn tối và việc trực nhật, đều đã ngồi trên các ghế dài trong căn phòng quét rất sạch sẽ và nói chuyện nhỏ với nhau. Ngoài giếng, là một sự gặp gỡ tình cờ của nhiều nhân vật: chú này xách thùng đi lấy nước, chú nọ đi qua đây, và có ai đã giữ chú thứ ba kia đứng lại, bởi vì đang có việc cần đến chú từ sáng đến giờ: ai cũng quên lấy nước để chọt nhớ ra một chuyện gì khác, có lẽ không quan trọng đâu... nhưng có cái gì là không quan trọng, vào một buổi chiều hè đẹp đẽ?

- Ở tít cuối sân, đúng cái chỗ bắt đầu con đường đi ra hồ, trên một thân cây liễu đã hạ và mất hết vỏ từ lâu rồi, cả một bầy trẻ ngồi vắt vẻo như đàn chim, nghe Michiaghin kể một trong những chuyện cổ tích hay đặc biệt của hân:

- ... Thế rồi, buổi sáng mọi người đến nhà thờ, và nhìn: chả có một ông giáo sĩ nào cả. Thế này là nghĩa làm sao? Các ông ấy đi đâu nhỉ? Và người gác bảo họ: “Không khéo mà con quỷ hôm nay đã đem các ông giáo sĩ của chúng ta vào trong đầm lầy đấy! Có bốn ông là của chúng ta”. – “Bốn ông giáo sĩ” – “Đúng như tôi nói đây! Ban đêm con quỷ đã lôi các ông ấy vào đầm lầy, tuốt cả bốn ông...”

Bọn trẻ lắng nghe, mắt sáng ngời. Chỉ có Tôxka thỉnh thoảng kêu thét lên một tiếng vui vẻ: nó thích chí chẳng phải vì con quỷ nhưng vì cái người gác ngu độn kia, đứng canh suốt đêm mà không biết nhìn xem các ông giáo sĩ là của nhà thờ mình hay của những nhà thờ khác bị quỷ đưa đi đầm lầy. Cũng thử tưởng tượng cả cái đồng giáo sĩ không tên ấy, ông nào cũng béo như ông nào: vác tất cả các bố ấy trên vai mà đưa ra đầm lầy, chẳng phải là một công trạng nhỏ đâu nhé, cứ nghĩ mà xem! Và ngoài ra, còn có sự thần nhiên hết sức đối với số phận họ, thần nhiên như khi họ giết những con rệp vậy.

Trong những bụi rậm của khu vườn cũ văng lên tiếng cười ròn rã của Ôlia Vôrônôva; liền thoáng đáp lại là tiếng nói trầm uồn éo có vẻ hơi giễu cợt của Burun. Tiếng cười lại nổi lên, chẳng phải là của một mình Ôlia nữa, mà là cả một bản hợp xướng của một tốp thiếu nữ, rồi Burun, tay giữ mũ cát-két nát nhàu ở trên đầu, chạy tuốt vào rừng thưa, đuổi theo là một bầy vui vẻ áo màu sặc sỡ. Sêlaputin đã đứng lại ở cánh đồng cỏ, thích thú nhưng phân vân không biết nên làm gì, cười hay là chạy trốn, vì giữa nó với bọn con gái cũng có những mối hiềm cũ.

Song những buổi tối yên tĩnh, trầm tư và đầy thi vị trữ tình, không phải bao giờ cũng thích ứng với tâm trạng chúng tôi. Các tủ chạn của trại, các hầm chứa của nông dân, và ngay cả đến buồng ở của các giáo viên vẫn còn là nơi thi thố một hoạt động ngoại phụ, mặc dầu không ăn thua bằng năm đầu ở trại. Nói chung sự mất mát những đồ vật tạp nhạp ở trại đã trở thành một hiện tượng ít có. Khi nào có một tay chuyên môn về loại đó xuất hiện ở trại, thì nó bắt đầu hiểu rất mau rằng nó sẽ có chuyện không phải với ông giám đốc, mà với một phần rất lớn của tập thể. Mà cái tập thể ấy tỏ ra có những phản ứng cực kỳ tàn bạo. Vào hồi đầu mùa hè, chúng tôi đã vất vả lắm mới gỡ ra được khỏi tay các trại viên một đũa mới đến mà bọn trẻ đã bắt được quả tang lúc nó định trèo qua cửa sổ vào buồng của Êkatêrina

Grigôriepna, Chúng đánh nó với sự cuồng giận mù quáng, không nguôi được, mà chỉ một đám đông mới có thể có mà thôi. Và khi tôi xông vào giữa bọn, thì chúng đẩy tôi ra một bên, cũng với sự tức giận ấy, và một đũa phát khùng quát bảo tôi:

- Bác Antôn ra đi!

Mùa hè năm ấy, Kuzma Lêsi được ủy ban gửi đến cho chúng tôi. Trong người nó chắc chắn là có một nửa dòng máu di-gan. Bộ mặt rám nắng của nó được trang bị thích đáng bằng một đôi mắt ốc nhồi đen nhánh, có một bộ máy chuyển vòng tốt đặc biệt, mà việc sử dụng tự nhiên là để rình xem có vật gì bỏ vương vất đâu đấy và trời sinh ra cốt để cho người ta ăn cắp. Tất cả những bộ phận khác trong người Lêsi đều phục tùng từng từng mệnh lệnh nhỏ nhất của đôi mắt lưu manh ấy: chân nó đưa nó đến chỗ cái đồ vật đó để lơ đễnh, hai bàn tay nó ngoan ngoãn uốn cong đi để tránh một sự chống đỡ tự nhiên nào đó, hai tai nó vênh lên nghe ngóng những tiếng lớt chạm tạp nhạp và những tiếng động khác báo hiệu nguy cơ. Có lẽ không thể nào nói rõ được phần tham dự của cái đầu của Lêsi vào mọi động tác ấy. Lịch sử sau này của trại cho phép xét định đúng giá trị của nó, nhưng trong những hồi đầu, tất cả các trại viên đều thấy hình như cái đầu ấy là phần phụ thuộc vô ích nhất của cơ thể nó.

Thật cơ khổ với cái thằng Lêsi ấy, nó bao phen làm cho chúng tôi bật cười và ngán ngẫm! Chẳng có ngày nào là nó không bị tóm vì một chuyện gì đấy: lần này là một miếng mỡ lợn, lấy trộm ở xe tải ngay khi vừa ở tỉnh đem về, lần khác là một vốc đường cát thó ở dưới tay anh trong tủ chạn, thuốc lá xoáy ở túi một thằng bạn, nửa cái bánh mì mà nó ngón trên đường đi từ lò bánh vào bếp, một con dao ăn thủ ở buồng một giáo viên trong khi đến nói chuyện về các công việc ở trại. Lêsi chẳng bao giờ bận tâm đặt một kế hoạch hành động, dù đơn giản đến thế nào đi nữa, và cũng chẳng bao giờ cần một dụng cụ nhỏ nào: bẩm sinh nó coi hai bàn tay nó là cái dụng cụ tốt nhất. Bọn con trai đã thử đánh nó, nhưng nó chỉ một mực mỉm cười:

- Giã tớ làm gì cơ chứ? Tớ cũng chẳng biết làm sao lại ra như thế. Tớ muốn coi thử các cậu ở vào địa vị tớ xem sao.

Nó là một thằng rất vui tính. Trải qua mười sáu năm từ ngày nó ra đời, nó đã thu thập được một vốn kinh nghiệm lớn, đã đi đây đi đó nhiều, biết được lắm chuyện; nó đã sống chút ít ở tất cả các nhà tù trong tỉnh, nó có nhọc, hóm hỉnh, nhanh nhẹn lạ thường và hành động gan dạ, nhảy điệu gôpak rất cừ, và chẳng bao giờ rối trí vì một chuyện gì hết thảy.

Vì tất cả những đức tính ấy, các trại viên bỏ qua cho nó nhiều chuyện, nhưng cái thói đặc biệt hay xoáy của nó bắt đầu làm chúng tôi khó chịu. Sau cùng nó mắc vào một chuyện rất không may, khiến nó phải nằm liệt giường mãi. Một đêm nó lén vào lò bánh, nó đã bị nện một trận cần thận bằng thanh củi. Đã từ lâu, Xôchia Vetkôpxki, tay làm bánh mì của trại, hần học vì số bánh hần phải giao nộp bao giờ cũng thiếu, vì các mẻ bánh cứ kém trọng lượng, và vì những câu trao đổi bực mình với Kalina Ivanôvich về những chuyện đó. Xôchia nấp rình thử, kết quả thắng lợi vượt quá mức: đêm ấy Lêsi đâm bỏ thẳng vào bẫy. Sáng hôm sau, nó đến xin Êkatêrina Grigôriepna thuốc chữa cho. Nó kể rằng nó đã trèo lên một cây dâu để hái quả, vì thế nên người bị sâu sát. Êkatêrina Grigôriepna hết sức ngạc nhiên rằng chỉ ngã từ trên cây xuống mà lại đến nổi máu me như vậy, song cái đó chẳng phải là việc của chị. Chị băng buộc mặt nạn nhân và đưa nó lên phòng ngủ, vì không có chị đỡ thì tự nó không thể nào lên đó được. Trong một thời gian Xôchia vắng lặng không tuyên bố chi tiết gì về cái đêm ở lò bánh ấy: những lúc rồi rảnh hần giữ việc ngồi bên giường trông nom cho Kuzma, đọc cho nó nghe những “Chuyện phiêu lưu của Tôm Xôi”.

Đến khi Lêsi khỏi thì chính nó kể lại mọi chuyện, cười đầu tiên vì chuyện không may của nó.

- Karabanôp bảo nó:

- Kuzma này, nếu tao mà xúi quẩy như mày thì tao chưa ăn cắp từ lâu rồi. Vì cứ như thế này thì có ngày mày toi mạng.

- Chính tớ cũng lấy làm lạ rằng sao mình lại hắc vận đến thế. Có lẽ vì tớ không phải là một tay ăn cắp thực thụ. Tớ phải thử hai lần nữa xem sao, và nếu không ăn thua thì tớ bỏ. Có phải không, bác Antôn Xêmiônôvich nhỉ?

- Hai lần à? Tôi trả lời. Nếu vậy thì đừng để đến hôm nào mới thử, vô ích, chú cứ thử ngay hôm nay mà xem, thế nào cũng hồng, chú chả được cái nghề ngỗng gì về mặt ấy đâu.

- Bác nghĩ thế à?

- Ừ, nhưng chú làm thợ rèn thì sẽ tốt đấy. Xêmiôn Pêtrôvich đã bảo thế.

- Anh ấy bảo thế à?

- Đúng thế. Chỉ có điều: hắn cũng nói rằng chú đã cuôm của hắn hai mũi khoan mới ở lò rèn, chắc là hiện giờ đang ở trong túi chú.

Bộ mặt da thiết bì của Lêsi có thể đỏ lên được đến chừng nào thì nó đỏ lên chừng ấy.

Karabanốp túm lấy túi áo nó và hí lên như chỉ có mình hắn làm được như thế:

- Thì đúng, nó ở trong túi đây này! Ngay lần thứ nhất đã trúng tủ, mày cà mềng lắm.

- Thế thì thôi! Lêsi vừa nói vừa dốc túi ra.

Đại khái đây là việc duy nhất thuộc loại đó xảy ra ở trong nội bộ trại. Song đối với cái mà người ta đã quen gọi là môi trường xung quanh, thì mọi chuyện xem ra tệ hơn nhiều. Các buồng kho của nông dân vẫn cứ tiếp tục được các trại viên thân thiện chiếu cố đến, nhưng việc này bây giờ giải quyết ổn tuyệt và được nâng lên cao đến mức thành một hệ thống chặt chẽ. Chỉ có bọn trại viên cũ mới giờ ngón xoáy ở các hầm chứa. Chúng gạt ra ngoài những đứa nhỏ, và đối với những đứa này chúng không thương hại, và rất thành thực, tố cáo những chuyện phạm pháp, mỗi khi tụi nhỏ chớm có ý muốn chui xuống đất. Bọn cũ đã đạt đến một trình độ cao cường đến nỗi ngay miệng lưỡi bọn kulắc cũng không dám đổ tội cho trại là có dính vào những việc dè mặt ấy nữa. Ngoài ra, tôi có đủ mọi lý do nghi rằng cầm đầu những hành động này tất phải có tay chuyên môn cừ khôi là thằng Michiaghin.

Michiaghin là một thằng ăn cắp bẩm sinh. Nó không lấy gì của trại hết, vì nể mặt những người sống ở trại, và nó hiểu rất rõ rằng nếu không xử sự như vậy thì sẽ làm thiệt cho các bạn nó. Nhưng ở các chợ ngoài tỉnh và ở các gia đình nông dân, nó chẳng coi cái gì là thiêng liêng cả. Nó hay ngủ lang, và buổi sáng khó khăn lắm mới đánh thức được nó dậy để ăn sáng. Chủ nhật nào nó cũng xin phép đều đi ra tỉnh và đến tối muộn mới về trại, có khi đem về theo một chiếc cát-két hay một khăn quàng cổ mới, và bao giờ cũng có quà chia cho tất cả bọn trẻ nhỏ. Những đứa này yêu quý nó lắm, song nó biết giữ ý giấu chúng cái triết lý không úp mở của khoa ăn cắp.

Đối với tôi nó vẫn tỏ ra rất thân thiết, song giữa nó và tôi tuyệt không bao giờ nói đến chuyện ăn cắp. Tôi biết rằng nói tới vấn đề ấy sẽ không có lợi gì cho nó cả.

Tuy nhiên Michiaghin khiến tôi lo lắng nhiều. Thông minh hơn và có thiên tư khá hơn nhiều trại viên, nó được cả bọn quý mến. Nó có cái tài để lộ bản tính xấu xa của nó dưới một vẻ hấp dẫn vô cùng quyến rũ. Lúc nào ở quanh mình nó cũng có một ban tham mưu tuyển trong số những đứa lớn. Ban tham mưu ấy đã chia sẻ cái sách lược của Michiaghin, lòng yêu mến của nó đối với trại, sự tôn kính của nó đối với các giáo viên. Cả cái bề ấy làm những gì trong những giờ u ám và bí mật, đó là chuyện không phải dễ mà biết được. Muốn biết thì hoặc phải do thám, hoặc phải vặn vẹo tra hỏi một trại viên nào đó, và tôi thấy hình như làm thế sẽ tác hại đến sự phát triển cái phong khí tốt đẹp đã khó khăn lắm mới hình thành được ở trại.

Nếu tôi có bất chợt biết được chuyện này hay chuyện nọ của Michiaghin thì tôi quát tháo công khai với nó trong buổi họp, có khi tôi xạc nó, gọi nó lên buồng giấy với tôi, và chỉ có riêng nó với tôi, tôi xạc nó cẩn thận. Thường thì nó lặng lẽ nghe tôi, vẻ mặt bình tĩnh như thiên thần, rạng rỡ một nụ cười hiền hòa và khoan hậu, và khi đi ra lần nào nó cũng nói với tôi bằng một giọng hòa nhã và đứng đắn không hề thay đổi:

- Xin chúc bác ngủ ngon, bác Antôn Xêmiônôvich.

Nó thành thực bảo vệ danh dự của trại, và khi có đứa nào bị “tóm” thì nó tức giận vô cùng.

- Không hiểu sao lại có thể ngu đến thế? Muốn đánh rắm cao hơn lỗ đít!

Tôi thấy trước rằng rồi chúng tôi đến phải chia tay với Michiaghin. Tôi chưa chút cảm thấy mình bất lực, và tôi lấy thế làm buồn cho nó. Về phần nó, xem chừng nó cũng nghĩ rằng chẳng có lý do gì mà ở lại, nhưng nó cũng không muốn rời bỏ trại, vì ở đấy nó đã có khá nhiều bạn thân và tất cả các trẻ nhỏ cứ dính lấy nó, như ruồi bâu trên một miếng đường.

Tệ nhất là cái triết lý của Michiaghin bắt đầu nhiễm sang những trại viên có vẻ kiên cường đến như Karabanốp, Vecsonep, Vôlôkhốp. Chỉ có mình Biêlukhin là thực sự và công khai phản đối Michiaghin. Chuyện thú vị, là sự cừ địch giữa hai đứa không bao giờ thể hiện bằng những cuộc xung đột hần học; hai đứa không bao giờ có chuyện đánh nhau, cả đến cãi nhau cũng không. Biêlukhin nói lớn ở phòng ngủ rằng, chừng nào thằng Michiaghin còn sống ở trại, thì trại không bao giờ tuyệt giống ăn cắp được. Michiaghin tùm tùm cười nghe nó nói và nhẹ nhàng trả lời:

- Matvây ạ, cậu nên biết không phải ai ai cũng lương thiện được. Nếu không có những người như chúng tớ thì sự lương thiện của cậu có giá trị quý gì? Tớ chịu thiệt thòi để cho cậu nổi bật, thế thôi.

- Sao, cậu chịu thiệt thòi để cho tớ nổi bật? Ở đâu mà lại tin có chuyện nói láo đó?

- Ừ, đúng thế đấy. Chẳng hạn, tớ ăn cắp, còn cậu không, danh dự về phần cậu. Nhưng nếu chẳng ai ăn cắp hết, thì ai cũng như ai. Và tớ, tớ cho rằng bác Antôn Xêmiônôvich phải cố ý lấy những thằng như tớ vào trại Không như thế, thì những thằng như cậu nổi làm sao được.

- Nói róc lẹ chữa! Biêlukhin nói. Nhưng có những nước không có kẻ cắp: nước Đan-mạch này, và Thụy điển này, và Thụy-sĩ này. Tớ đã đọc sách thấy thế, ở nước họ tuyệt không có của đó.

- T-tất cả những cái đó, toàn là chuyện b-b-bịa, Vecsonep can thiệp, ở b-bên ấy, họ cũng ăn cắp. Mà không có kẻ cắp, thì có gì là h-hay chứ? Và chẳng nước Đ-Đan mạch và nước Thụy-sĩ, ch-chỉ là cái tép.

- Thế còn chúng mình, chúng mình là cái gì?

- Ch-chúng mình, rồi c-cậu xem, rồi c-cậu xem, mình sẽ tỏ cho họ b-biết, và c-c-cách mạng của chúng mình, c-cậu có thấy không!...

- Những đứa như các cậu, là những thằng phản lại cách mạng đầu tiên, có thể thôi!.

Trong những cuộc tranh cãi như thế Karabanốp nổi nóng lên và tức giận hơn cả những đứa khác. Người ta thấy nó từ trên giường nhảy xuống, giơ nắm tay đấm không khí, đôi mắt đen hung tợn chĩa thẳng vào mặt thằng Biêlukhin:

- Mà làm gì mà nặng lên thế! Thế ra mà cho rằng thằng Michiaghin với tao, chúng tao lấy thừa một chiếc bánh mì, thì cái đó sẽ làm hại cách mạng à? Bây giờ chúng mày lấy bánh mì ra mà đo mọi cái hay sao...

- Tại sao mà lại đem bánh mì của mày ra mà ném vào mặt tao? Vấn đề không phải là ở đấy, mà là ở chỗ mày, như một con lợn con ấy, mày lại đi chúi mũi xuống đất mà bới.

Vào cuối mùa hè, hoạt động của thặng Michiaghin và những đứa hùa theo nó phát triển mạnh hết sức trong các ruộng dưa bờ lân cận. Vào vụ ấy, việc trồng dưa bờ và dưa hấu rất phổ biến trong các vùng chúng tôi, và nhiều nông dân dư dật dành nhiều đêxiatin cho việc đó.

Chuyện dưa hấu bắt đầu bằng những cuộc ăn trộm riêng lẻ ở các ruộng dưa. Ở Ukren xưa nay người ta không bao giờ coi việc ăn cắp thuộc loại đó là một tội. Cho nên các trai làng vẫn tự cho phép làm những cuộc xâm nhập nho nhỏ như thế vào các ruộng láng giềng. Các chủ ruộng đều ít nhiều dung thứ chuyện đó: trên một đêxiatin có thể thu hoạch được đến hai vạn quả dưa hấu, thành thử việc mất mát độ một trăm quả trong một vụ thực ra không phải là một sự tổn thất. Tuy nhiên ở giữa các ruộng dưa bao giờ cũng dựng lên một cái lều cho một ông già chất phác nào đấy ở, chẳng cốt để giữ dưa mà là để ghi cho biết những khách thăm xấu chơi.

Thỉnh thoảng một trong các ông già lụ khụ đó đến mách tôi:

- Hôm qua bọn trai nhà ông sang ăn trộm dưa. Vậy

ông hãy bảo họ là như thế không tốt. Thì họ cứ vào trong lều tìm tôi có hơn không, và lạy Chúa, gì mà không thể chiều ý thích anh em một chút kia chứ. Họ chỉ việc nói một tiếng, là tôi sẽ tự tay chọn cho họ quả dưa hấu ngon nhất.

Tôi truyền đạt cho bọn trai lời yêu cầu của ông già. Chúng được thể đi ngay tối hôm đó, nhưng có sửa đổi ít chút đường lối của ông già đề nghị ở trong lều, mấy đứa thường thức quả dưa hấu ngon nhất, do chính ông cụ thân chinh chọn lựa, chúng thảo luận nói chuyện, so sánh dưa hấu vụ trước với vụ năm chiến tranh với Nhật ngọt nhạt hơn kém ra sao; trong khi ấy thì toàn thể ruộng dưa bị một bầy quân xâm lăng ủa tới, chúng chẳng nói chẳng rằng, cứ ních dưa hấu vào vạt áo sơ mi, áo gối và bao tải. Tối hôm đầu tiên đó, trước lúc ra đi lợi dụng lối nói lịch sự của ông già, Vecsonep đã đề nghị Biêlukhin đi theo nó. Các trại viên khác đã không phản kháng sự ưu đãi ấy. Matvây ở ruộng dưa trở về rất vui vẻ.

- Như thế là rất tốt, thật đấy: chúng mình đã nói chuyện và ông cụ đã hài lòng.

Vecsonep, ngồi trên một chiếc ghế dài, bình tĩnh cười tủm tỉm. Karabanôp đâm bổ vào phòng:

- Matvây, cuộc đi thăm ấy thế nào?

- Mình đã bảo cậu đấy, Xêmiôn ạ, cậu có thấy không, có thể lấy tình hàng xóm mà sống với nhau.

- Đối với mày thì tuyệt rồi, mày đã tọng đầy điều nhưng còn chúng tao?

- Mày buồn cười nhì? Thì mày cũng đi mà thăm ông cụ,

- Thế này thì tệ thật! Mày không xấu hổ à? Ông lão mời, chúng nó đi tuốt cả. Thực là đều quá. Sáu mươi đứa cả thầy.

Hôm sau, Vecsonep lại đề nghị với Biêlukhin đi với nó sang thăm ông già. Biêlukhin cao thượng từ chối: đến lượt người khác.

- Tại sao tao lại phải đi tìm những đứa khác? Đi đi thôi! Với lại may không bắt buộc phải ăn kia mà. Mày ngồi đấy, mày nói chuyện.

Biêlukhin cho là Vecsonep nói phải. Và nó ưng cái ý kiến đó: sang thăm ông già và tỏ cho ông ta biết rằng các trại viên đến thăm ông chẳng phải chỉ vì dưa hấu của ông.

Song ông cụ tiếp chúng rất tệ, và Biêlukhin chẳng tỏ cho ông ta biết được gì cả. Chính ông ta, trái lại, giờ sùng ra với chúng, nói rằng:

- Hôm qua, trong khi các chú giữ chân tôi ở đây, thì bầy vô lại nhà các chú đã ăn trộm mất nửa ruộng dưa. Có thể cứ như thế mãi được không? Không, tôi thấy rằng đối với các chú phải xử khác mới

được. Và tôi sẽ bắn.

Biêlukhin, ngượng ngùng, trở về trại, và một khi vào đến phòng ngủ, nó bắt đầu nổi cáu. Những đứa khác cười, và Michiaghin bảo nó:

- Có phải là ông già đã thuê cậu làm trạng sư không? Hôm qua cậu đã đàng hoàng xoi cẩn thận quả dưa hấu tốt nhất của ông ta, cậu còn muốn gì nữa chứ? Trong khi ấy thì chúng tớ đây, có lẽ bóp bụng mà nhin. Lão già có chứng cứ gì không chứ?

Ông già không trở lại thăm tôi nữa, nhưng có nhiều dấu hiệu tỏ ra rằng bọn trẻ đã bắt đầu thật sự ăn dưa hấu thả cửa.

Một buổi sáng, nhìn qua một phòng ngủ, tôi trông thấy trên sàn bừa bãi những vỏ dưa. Tôi trách mắng trại viên trực nhật của phòng, phạt một đứa, đòi hỏi chúng không được để cho việc ấy tái diễn nữa. Những ngày sau, quả thật các phòng ngủ trở lại sạch sẽ như thường.

Những buổi chiều hè yên tĩnh, đẹp đẽ, đầy những tiếng trò chuyện lao xao, với không khí vui vẻ, tình bạn thân yêu, giọng cười ròn rã, kết tậ thành những đêm trong sáng và nghiêm túc.

Phảng phất bay trên trại ngủ im là những giấc mơ, những luồng hương thông và rau mùi, những tiếng lướt chạm của cánh chim, tiếng chó cắn vọng lại như từ một nước xa xôi nào. Tôi bước ra bậc tam cấp. Trại viên gác đêm ở một góc nhà nhô ra và hỏi giờ. Dưới chân hắn, con chó Bukê lờ đờ đi lại như ngái ngủ, dầm trong không khí mát mẻ bộ lông đốm hoa của nó. Có thể yên tâm đi ngủ được.

Nhưng sự yên tĩnh ấy có ẩn giấu những sự việc phức tạp và náo loạn.

Ivan Ivanôvich có một lần hỏi tôi:

- Có phải bác ra lệnh cho thả ngựa rông trong sân suốt đêm không? Chúng có thể bị bắt trộm mất đấy.

Bratsenkô nổi giận:

- Thế thì ngựa không có quyền được thở không khí mát mẻ một tí hay sao?

Hai hôm sau, Kalina Ivanôvich hỏi dò:

- Ngựa nhà mình làm sao mà cứ nhòm ngó vào các phòng ngủ thế không biết?

- Thế nào kia?

- Đấy, anh để ý mà xem: cứ sáng sớm là chúng đến đứng dưới các cửa sổ, chúng làm cái gì ở đấy thế?

Tôi coi thử: quả thật, cứ từ sáng bùng tung, tất cả ngựa của trại, và cả con bò Gavriuska, mà bộ phận kinh tài của sở Giáo dục đã cho chúng tôi vì không biết dùng nó làm gì được, và chẳng nó cũng già rồi, đều đến đứng trước các cửa sổ những phòng ngủ, trong các bụi tử đinh hương và anh thu, chúng cứ đứng im đấy hàng giờ, hiển nhiên là chờ đợi một cái gì thích thú cho chúng.

Tôi hỏi ở phòng ngủ:

- Tại sao những con ngựa cứ trông coi cửa sổ của các chú một cách chăm chú đến thế?

Ôpriskô nhồm người lên trên giường, nhìn ra ngoài một cái, phì cười và gọi bảo một đứa nào:

- Xêriôja, mày ra hỏi những đứa xuẩn kia xem chúng nó đứng ở trước cửa để làm gì thế?

Chúng ôm bụng cười trong chăn. Michiaghin vươn vai, rồi nói bằng cái giọng ồm ồm của nó:

- Đáng lẽ bác chả nên đưa những con vật tò mò như thế về trại làm gì, để bây giờ lại dầm ra thắc mắc...

Tôi xông đến hỏi Antôn:

- Những chuyện bí hiểm này là nghĩa thế nào? Tại sao sáng nào ngựa cũng cứ xúm lại đây? Các chú dữ chúng đến bằng cái gì?

Biêlukhin gạt Antôn ra:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác đừng lo ngại. Chẳng có gì đáng sợ cho ngựa cả. Antôn cố ý cho chúng nó đến đây, là vì có những thứ ngon lành cho chúng nó.

- Mà, mà cũng đã có ăn vào đấy! Karabanốp nói.

- Phải, cháu sẽ nói bác biết. Vì bác đã cắm vút vỏ xuống sàn, thế mà vẫn có thể một anh nào đó có một quả dưa hấu, vì gặp may...

- “Gặp may” là làm sao?

- Sao lại không chứ? Có khi là ông già biểu, hay là nông dân trong làng đưa đến...

- Bây giờ ông già lại đi biểu các chú à? tôi hỏi với giọng trách mắng:

- Ông ta thì không, cháu xin đồng ý, nhưng bằng một cách khác. Thế thì bỏ vỏ vào đâu? Cho nên Antôn mới đưa ngựa đến chơi đây. Các tướng thét chúng nó.

Tôi đi ra.

Sau bữa ăn, Michiaghin bung đến buồng giấy tôi một quả dưa hấu to tướng.

- Bác ném đi, bác Antôn Xêmiônôvich ạ.

- Chú lấy ở đâu? Cả chú lẫn dưa đi ra khỏi buồng đi!... Vả chăng tôi sẽ để ý đến các chú cẩn thận cho mà xem.

- Các cháu có quả dưa này hết sức là chính đáng, và chọn riêng để biếu bác. Quả dưa hấu này, các cháu đã trả tiền lão già bằng tiền của các cháu hẳn hoi. Còn như việc bác để ý đến các cháu, thì tất nhiên, chẳng phải là sớm quá đâu. Các cháu không oán giận bác.

- Chú cút đi, với cả dưa lẫn những lời diễn thuyết của chú.

Mười phút sau, cả một đoàn đại biểu đến với quả dưa hấu. Tôi ngạc nhiên thấy phát ngôn viên của đoàn là Biêlukhin, nó cứ ngắt quãng từng lời bài diễn văn của nó, để cười:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác không biết chứ, những đứa súc sinh này mỗi tối chúng nó tọng không biết bao nhiêu là dưa hấu! Giấu mà làm gì... Chỉ riêng thằng Vôlôkhốp... cái thằng ấy, thôi chẳng cần nói. Chúng nó làm thế nào mà kiếm được dưa, đó là việc giữa chúng nó với lương tâm chúng nó, nhưng có điều không nên chối cãi là chúng cũng thét cháu, những quân ăn cướp ấy; chúng đã tìm ra cái khuyết điểm của tâm hồn non trẻ của cháu: cháu thích dưa hấu lắm. Ngay cả đến bọn con gái cũng có phần; chúng cũng cho cả thằng Tôxka nữa. Cháu phải nói rằng trái tim chúng không phải là không có khả năng ân giấu những tình cảm nhân hậu. Thế thì chúng cháu biết rằng bác chẳng hề dưng đến dưa, bởi vì những quả dưa khốn kiếp đó chỉ có gây cho bác những chuyện khó chịu. Nhưng xin bác hãy nhận cho cái quả nhỏ mọn này. Cháu là một đứa lương thiện, cháu, chứ không phải một thằng Vecsonep, và bác có thể tin cháu khi cháu nói với bác rằng chúng cháu đã trả tiền lão già, và có lẽ trả quá cái công sức lao động của con người bỏ vào việc sản xuất ra nó, như khoa chính trị học kinh tế nói.

Sau khi kết luận như thế, Biêlukhin bỗng làm mặt nghiêm đặt quả dưa lên bàn tôi và đứng lui ra một cách kín đáo.

Đầu tóc bờm xờm và áo quần rách rưới như mọi khi, Vecsonep nhìn qua vai Michiaghin.

- Khoa k-kinh tế c-c-chính trị học chứ không phải khoa c-c-chính trị học kinh tế.

- Thì cũng rứa thôi, Biêlukhin nói.

Tôi hỏi:

- Các chú đã trả ông già như thế nào?

Karabanốp gập một ngón tay:

- Vecsonep đã hàn cho lão một cái quai bình. Gut đã đóng cá cho giày ủng của lão, và cháu đã gác thay cho lão một nửa đêm.

Tôi hình dung thấy số lượng dưa hấu mà các chú đã cộng thêm vào với quả này trong nửa phiên canh gác đó.

- Có thể, có thể, Biêlukhin nói. Cái đó thì cháu có thể lấy danh dự chứng nhận được. Bây giờ chúng cháu tiếp xúc với lão già ấy. Nhưng đây này, ở ven rừng có một ruộng dưa do một lão già hết sức tai hại canh gác: lão ta cứ bắn luôn tay.,...

- Cả chú nữa, chú cũng đi ăn trộm dưa à?

- Không, cháu không đi, nhưng cháu nghe thấy những tiếng súng; có khi cháu đi qua đấy.

Tôi cảm ơn bọn trẻ về quả dưa hấu tuyệt ngon của chúng. Vài hôm sau, tôi gặp “lão già tai hại”. Lão đến thăm tôi rồi hết sức.

- Chúng tôi sẽ ra sao đây? Trước kia, chúng thường đến ăn cắp ban đêm nhiều, nhưng bây giờ ngay giữa ban ngày cũng không còn biết trời đất nào nữa. Cứ đến giờ ăn là chúng kéo tới cả hàng đàn, và thật là tai họa! Trong khi mình đuổi theo một đứa, thì những đứa khác tha hồ hoành hành trên khắp ruộng.

Tôi dọa chúng rằng sẽ thân hành đi giúp đỡ trông coi ruộng dưa, hoặc sẽ thuê những người canh gác mà trại phải trả tiền.

Michiaghin nói:

- Bác tin lời cái lão dân quê ấy là không đúng. Chúng cháu không tức gì về chuyện dưa của lão, nhưng vì lão không cho đi dọc bờ ruộng của lão.

- Nhưng các chú cần gì phải đi qua đấy? có phải đường đi của các chú đấy không?

- Chúng cháu đi đâu thì việc gì đến lão ta? Tại sao lại bắn súng?

Rồi sau một hôm nữa, Biêlukhin báo trước cho tôi:

- Chuyện cái lão già ấy rồi sẽ chả ra sao đâu. Anh em tức giận lắm. Bây giờ vì lão ta sợ ở một mình trong lều, nên lại có hai lão nữa gác cùng với lão, và tất cả đều có súng. Và anh em không thể chịu được cái đó.

Ngay đêm hôm ấy, các trại viên dàn thành tuyến tấn binh tiến đến công kích mục tiêu đó. Các bài tập luyện quân sự của tôi chẳng hóa ra lại được việc cho chúng. Đến nửa đêm, sau khi đã tung những đội tuần tra và trinh sát đi trước, một nửa số trại viên của trại nằm phục kích ở bờ ruộng dưa. Khi các ông tổ cho hiệu báo động, bọn trai hô vang lên một tiếng: “ U-ra!” và xông lên xung kích. Các ông già gác ruộng đánh tháo vào rừng, trong lúc hoảng loạn bỏ quên cả súng ở trong lều. Một phần những đứa trẻ khai thác thắng lợi bằng cách vắn những quả dưa hấu ở ven ruộng cho lăn xuống chân dốc, số còn lại tiến hành công việc trả thù: chúng đốt cái nhà lá khổng lồ.

Một trong mấy người gác chạy đến trại đánh thức tôi. Chúng tôi vội vã đi ra chiến trường.

- Trên đỉnh đồi đang lem lém bốc cháy một giàn củi lửa, ánh sáng rực trời, tưởng như cả một làng phát hỏa. Khi chúng tôi tới ruộng, thì có vài tiếng súng nổ ở đấy. Tôi trông thấy các trại viên, nằm úp

bụng, đội ngũ chỉnh tề giữa các bụi dừa. Thịnh thoảng một trong những nhóm chiến đấu đó vùng lên, chạy tới cái lều đang cháy. Ở một chỗ nào đây bên phía hữu dục, Michiaghin chỉ huy:

- Đừng tiến thẳng, đi vòng bên cạnh.

- Nhưng ai bắn thế? tôi hỏi ông già.

- Nào tôi biết. Chả còn ai nữa. Không khéo mà là một khẩu súng của ai đấy bỏ quên, nó nổ tự nhiên đó thôi.

Việc như thế tạm là xong.

Trông thấy tôi, lũ trẻ biến mất, như độn thổ cả. Ông già thở dài một cái rồi về nhà ông. Tôi trở về trại. Phòng ngủ im lặng như chết. Chúng không chịu ngủ mà thôi, lại còn ngáy nữa. Suốt đời tôi chả bao giờ nghe thấy ngáy to đến thế. Tôi nói mà không cất cao tiếng:

- Đừng làm trò khi nữa, đứng dậy.

Tiếng ngáy ngừng bật, nhưng tất cả vẫn cứ cố tình ngủ.

- Tôi bảo các chú đứng dậy!

Những cái đầu bù xù ngẩng lên trên mặt gối. Michiaghin nhìn tôi như thể hẳn không nhận ra tôi là ai.

- Có chuyện gì thế?

Nhưng Karabanôp không nhin được nữa:

- Thôi đi, Michiaga, có ích lợi gì!

Tất cả vây lấy tôi và bắt đầu kể lại các giai đoạn của cái đêm quang vinh ấy. Bỗng Taranet nhảy chồm lên một cái, tựa hồ bị giội nước sôi.

- Thế còn những khẩu súng ở ngoài ấy!

- Cháy mất rồi.

- Gỗ cháy, chứ phần còn lại thì tốt.

Và nó bay ngay ra khỏi phòng.

Tôi nói:

- Tất cả câu chuyện này có lẽ buồn cười thật đấy, nhưng vẫn không khỏi là việc cướp bóc trắng trợn hiển nhiên. Tôi không thể dung thứ hơn được nữa. Nếu các chú cứ muốn tiếp tục theo con đường đó, thì tôi mặc các chú. Tôi thử hỏi các chú, thế này thì có còn sống được không nữa chứ? Suốt ngày suốt đêm, chả còn ai yên thân được hết, ở trại cũng thế, mà ở cả vùng này cũng thế.

Karabanôp nắm lấy cánh tay tôi:

- Thôi hết rồi. Chính chúng cháu, chúng cháu cũng thấy như thế là đã đủ, có phải không, các cậu?

Bọn trẻ thốt ra một tiếng lầm rầm tán thành. Tôi bảo:

- Tất cả những cái đó, chỉ là lời nói suông. Tôi giao hẹn trước các chú rằng nếu tất cả những chuyện ăn cướp này còn tái diễn, thì tôi sẽ tống một người nào đó trong bọn các chú ra khỏi trại. Các chú hãy nên biết thế, vì tôi sẽ không nhắc lại nữa đâu.

Ngày hôm sau, có những xe tải đi vào cánh ruộng bị tai họa và, sau khi tất cả những gì còn lại đã được xếp lên, xe lại ra đi.

Trên bàn tôi có những nòng và các bộ phận nhỏ khác của những khẩu súng bị cháy.

22. CHẶT CHÂN TAY

Bọn trẻ không giữ lời hứa. Cả Karabanôp lẫn Michiaghin và những đứa khác trong bầy chúng vẫn không thôi những cuộc chinh phạt các ruộng dưa, cũng như phá phách trong các hầm chứa và nhà kho của nông dân. Sau cùng chúng lại tổ chức một trò mới, vô cùng phức tạp, gây nên cả một mớ hậu quả vừa buồn cười vừa khó chịu.

Một đêm chúng chui vào nhà nuôi ong của Luka Xêmiônôvich và lấy trộm ở đấy hai tổ ong với cả mật lẫn ong. Chúng đem về trại và đặt vào xường đóng giày hồi bấy giờ không làm việc. Để khao mừng chuyện đó, chúng tổ chức một bữa tiệc có nhiều trại viên dự. Sáng hôm sau có thể lập được danh sách rõ ràng những đứa dự tiệc vì đứa nào đứa nấy đều phơi những bộ mặt đỏ gay và sung vũ lên. Thăng Lêsi còn phải xin Ekaterina Grigoriepna chữa thuốc cho nữa.

- Bị gọi lên buồng giấy tôi, Michiaghin nhận ngay trách nhiệm về việc đó, từ chối không nói tên những đứa đồng lõa và ngoài ra còn ngạc nhiên.

- Chuyện này thì có gì đáng phạt đâu! Chúng cháu lấy tổ ong không phải cho chúng cháu, mà lấy về cho trại. Nếu bác cho rằng ở đây không cần nuôi ong thì chúng cháu mang đi trả vậy.

- Chú sẽ đem trả cái gì? Các chú đã ăn mật. Ong đi hết rồi.

- Thì thôi, xin tùy ý bác. Cháu thì cháu đã có ý định tốt.

- Không, Michiaghin ạ, tốt hơn hết là chú để cho chúng tôi được yên. Chú là một người lớn rồi, xưa nay chú không bao giờ đồng ý với tôi, vậy ta hãy xa rời nhau đi.

- Ấy cháu cũng nghĩ thế!

Nhất định phải đuổi nó đi, càng sớm càng hay. Tôi nhìn thấy rõ là tôi đã chán chừ trì hoãn cái quyết định ấy một cách không thể tha thứ được, và tôi đã để trôi qua lúc phải ngăn ngừa cái quá trình hủy hoại tập thể chúng tôi, vẽ ra từ lâu rồi. Có lẽ cũng không có gì là đặc biệt hư hỏng trong các chuyện dưa hấu và ăn cắp tổ ong nọ, nhưng sự chú ý thường xuyên của các trại viên đối với các thứ đó, những ngày đêm của chúng duy nhất và luôn luôn bận rộn quanh đi quẩn lại chỉ có mấy trò ấy, và đầy những cảm xúc không thay đổi ấy, đã báo hiệu sự ngưng phát triển hoàn toàn của tinh thần tập thể chúng tôi, hay nói khác đi, báo hiệu sự ngưng đọng. Và trên cái nền ấy, bất cứ con mắt tinh ý nào cũng đã nhìn thấy rõ những nét khó thương: bộ điệu lời thôi lếch thếch của các trại viên, một chút thái độ thô lỗ chứng tỏ trương ra đối với trại và công việc lao động, lối bông lơn khó chịu và rỗng tuếch, những yếu tố không chối cãi được của sự vô si. Tôi lại nhìn thấy rõ nữa ngay đến những trại viên như Biêlukhin và Zadôzôp, thường không tham dự vào những việc phạm pháp, cũng đã bắt đầu để rơi rụng mất phần tốt đẹp nguyên lai của cá tính chúng. Những dự định của chúng tôi, thảo luận về một quyền sách lý thú hoặc về những vấn đề chính trị, ở trong tập thể chúng tôi, bắt đầu bị gạt vào những hậu cảnh xa xôi, để nhường chỗ cho các chuyện mạo hiểm hỗn loạn và bất hảo, cùng với những cuộc bàn cãi bất tận mà các chuyện ấy gây nên. Tất cả những cái đó đều có phản ánh ở vẻ ngoài của các trại viên và của toàn trại, bằng những hành động tự do tán loạn, lối nói hóm hỉnh dễ dãi và thô bỉ, cách ăn mặc không chỉnh tề và những thứ bản thủ giấu trong các xó xỉnh.

Tôi viết giấy ra trại cho Michiaghin, cho nó năm rúp để đi đường – nó nói là đi Ôdetxa – và chúc nó lên đường bình an.

- Cháu có thể chào anh em được chứ?

- Cố nhiên.

Chúng từ biệt nhau như thế nào, tôi chẳng rõ. Michiaghin ra đi trước khi trời tối và hầu hết cả trại tiễn chân nó.

Buổi chiều tất cả đều buồn. Các trẻ nhỏ có vẻ ỉu xiu, tựa hồ những khí quan sát phát động mạnh mẽ của chúng đã bị tổn thương. Karabanôp ngồi trên một cái hòm úp sấp ở gần nhà kho, và suốt cho đến tối không dời khỏi chỗ.

Lêsi bước vào phòng giấy tôi và nói:

- Tội nghiệp Michiaga.

Nó đợi hồi lâu không thấy tôi trả lời, rồi sau cùng đi ra.

Tôi làm việc rất khuya. Vào khoảng hai giờ, khi dời phòng giấy, tôi trông thấy có ánh sáng ở tầng kho áp mái chuồng ngựa. Tôi đánh thức Antôn dậy và hỏi nó:

- Ai ở trên gác kho?

Nó xo vai với một vẻ không bằng lòng và gượng gạo đáp:

- Michiaghin.

- Nó làm gì trên ấy?

- Cháu biết sao được?

Tôi trèo lên. Một nhóm trại viên ngồi chung quanh một cái đèn lồng kính của chuồng ngựa: Karabanôp, Vôlôkhôp, Lêsi, Prikhôtkô, Ôtxatsi. Chúng lặng lẽ nhìn tôi. Michiaghin đang cúi húi làm cái gì đấy trong một góc: tôi chỉ thoáng nhận thấy nó trong bóng tối lơ mờ.

- Tất cả lên phòng giấy tôi.

Trong khi tôi mở cửa, Karabanôp ra lệnh:

- Không cần phải vào tất cả, Michiaghin với tao là đủ rồi.

Tôi không phản kháng.

Chúng tôi vào phòng. Karabanôp không kiêu cách gì cả, ngồi phịch xuống đi-văng. Michiaghin đứng lại ở góc phòng, gần cửa.

- Vì lẽ gì chú trở về trại?

- Vì một việc.

- Việc gì?

- Một việc riêng giữa chúng tôi.

Karabanôp nhìn tôi bằng con mắt dữ dội. Bỗng nó đứng vung lên như một chiếc lò xo và bằng một động tác mềm dẻo như con rắn nó gập cong mình trên bàn giấy tôi, đưa hân đôi mắt nảy lửa gần sát mắt kính của tôi:

- Bác biết thế nào không, bác Antôn Xêmiônôvich? Bác có biết tôi sắp nói gì với bác không? Tôi đi với Michiaga.

- Các chú đã làm gì ở đây thế?

- Một việc không quan trọng gì, nói cho đúng, nhưng dù sao cũng không phải là một chuyện thích hợp với trại. Và tôi, tôi đi với Michiaga. Vì giữa chúng tôi với bác có sự không ổn, thì thôi, chúng tôi đi cầu may tìm đường sống. Có lẽ bác sẽ tìm ra được những trại viên tốt hơn.

Nó vẫn có một chút làm dáng làm điệu và lúc bấy giờ ra bộ tức giận uất ức, có lẽ nó hi vọng rằng tôi sẽ tự xấu hổ vì sự ác nghiệt của chính tôi và giữ Michiaghin lại chẳng.

Tôi nhìn thẳng vào mắt nó và hỏi nó một lần nữa:

- Các chú đã làm cái gì ở trên gác ấy?

Karabanôp không trả lời gì và nhìn Michiaghin bằng con mắt dò hỏi.

Tôi dờn ghé ngồi và nói với Karabanôp:

- Chú có một khẩu súng lục trong người phải không?

Không, nó trả lời quả quyết.

- Chú cho xem các túi.

- Bác định khám tôi hay sao, bác Antôn Xêmiônôvich?

- Cho xem các túi.

- Thì đây này, bác nhìn xem! Karabanôp kêu lên, hầu như phát điên. Rồi nó lật tung tất cả các túi quần, túi áo vét-tông làm việc, dốc ra mặt sàn thuốc lá với mảnh vụn bánh mì lúa hắc mạch.

Tôi lại gần Michiaghin:

- Cho xem các túi.

Michiaghin ngượng ngập lùa tay vào các túi áo của nó. Nó lôi ra một túi tiền, một chùm chìa khóa và móc mở khóa mỉm cười bối rối và nói:

- Chẳng còn gì khác nữa.

Tôi luồn tay vào dưới thắt lưng quần nó và lôi ra một khẩu brô-ninh cỡ trung bình. Ổ nạp đạn có ba viên đạn.

- Của ai đấy?

- Đây là súng lục của tôi, Karabanôp nói.

- Vậy tại sao chú lại nói dối, bảo rằng chú không có gì hết? Còn các chú kia. Mà thôi, cần gì? Các chú rút ngay khỏi đây đi cho tôi nhờ, và ngay lập tức, đừng có bao giờ để cho tôi thấy mặt các chú ở trại nữa! Đã hiểu chưa?

Tôi ngồi xuống để viết giấy cho Karabanôp ra khỏi trại. Nó lẳng lặng cầm lấy tờ giấy, mắt khinh bỉ nhìn vào tờ giấy bạc năm rúp mà tôi chìa cho nó, và nói:

- Tôi không cần lấy. Chào bác.

Nó rung rung chìa bàn tay cho tôi, bóp mạnh các ngón tay tôi, toan nói câu gì, rồi bỗng chạy ù ra cửa và biến mất trong rạch ánh sáng đèn đêm của khung cửa. Michiaghin không đưa tay cho tôi và không có được lấy một tiếng chào. Nó quả quyết khép các vạt áo vét của nó lại và bằng bước đi lạng lẽ của thằng kẻ trộm, nó theo gót Karabanôp.

Tôi đi ra bậc tam cấp, ở dưới bậc lữ trẻ đã xúm cả lại. Lêsi đã chạy đuổi theo các bạn nó ra đi, nhưng đến ven rừng, nó quay trở lại. Antôn đứng trên bậc cao nhất, lầm bầm nói gì không rõ. Biêlukhin bỗng phá tan im lặng:

- Ủ. Phải đấy, tứ thì tứ cho như thế là đúng.

- Có lẽ là đúng, Vecsonep nói, nh-nhưng mà, d-dù sao, c-c-cũng thấy b-b-buồn.

- Buồn cho ai? tôi hỏi.

- Cho Xêmiôn và Michiaga chứ ai. Còn bác, bác không lấy làm b-b-buồn ư?

- Tôi, thì tôi thấy buồn cho chú, Kônka ạ.

Trong khi đi về phòng, tôi nghe thấy Biêlukhin lý luận với Vecsonep như thế này:

- Mày là một thằng ngu ngốc chẳng hiểu cái gì cả. Mày đọc sách, nhưng chỉ như nước đổ đầu vịt thôi.

Trong hai ngày không có tin tức gì về hai đứa bị đuổi. Tôi ít lo lắng về phần thằng Karabanôp: nó đã có bố nó ở Xtôrôjêvôiê. Sau khi lang thang một tuần lễ ở ngoài tỉnh, nó sẽ trở về nhà bố mẹ. Số phận thằng Michiaghin không để cho tôi hoài nghi chút nào hết. Nó sẽ lê la ngoài phố khoảng chừng một năm, ngồi tù vài chuyến, rồi bị tóm trong một vụ làm bậy quan trọng nào đấy, nó sẽ bị cưỡng bách lưu trú ở một tỉnh khác, và năm, sáu năm sau, thế nào cũng không tránh được: nó sẽ ngã dưới lưỡi dao của những đứa như nó, hoặc sẽ bị xử bắn vì tội cướp bóc. Không có con đường nào khác cho nó hết. Không biết chừng mà nó lôi kéo cổ thằng Karabanôp cũng nên. Thằng này trước kia đã tự đề cho mình bị cám dỗ sai đường lạc lối: nó đã từng cầm khí giới đi ăn cướp.

Được mười hôm, ở trại bắt đầu có những chuyện xì xào:

- Người ta bảo Xêmiôn và Michiaga đánh cướp người trên đường cái. Hôm qua, chúng nó đã cướp tiền của những người hàng thịt ở Rêsetilôpka.

- Ai bảo thế?

- Một chị bán sữa, đến nhà vợ chồng chú Ôtxipôp, đã bảo là đúng chúng nó.

Các trại viên nói nhỏ với nhau ở các góc nhỏ, hề thấy có người đến gần lại im bật. Các trại viên cũ nhìn trộm mọi người, chẳng muốn đọc sách, nói chuyện gì nữa, và tối đến, từng tốp hai ba đứa, khẽ trao đổi với nhau rất ít lời ít tiếng.

Các giáo viên tránh không nói đến những đứa vắng mặt. Chỉ có một lần Liđia bảo tôi:

- Bác không thương những đứa trẻ ấy sao?

- Được rồi, cô Liđia, chúng ta hãy nên thỏa thuận với nhau, tôi trả lời. Cô hãy cứ việc mà thương xót, tha hồ, nhưng đừng bắt tôi phải theo.

- Đã như vậy, thì thôi, không nói đến chuyện ấy nữa!

Liđia Pêtrôpna phạt ý đáp.

Năm hôm sau, tôi đi xe ngựa ở tỉnh về. Con Hung, đã béo tốt qua một mùa hè sung túc, khoan khoái chạy nước kiệu về nhà. Antôn ngồi bên tôi, nghiêng hẳn đầu đi, đang nghĩ ngợi chuyện gì. Đã quen với con đường vắng vẻ, chúng tôi không chờ đợi được thấy cái gì thú vị ở đây cả.

Chợt Antôn nói:

- Bác xem kia, có phải chúng nó không? Phải rồi! Thằng Xêmiôn và thằng Michiaghin đây!

Hai bóng người đứng sững trên đường cái.

Phải có đôi mắt tinh như mắt Antôn mới nhìn rõ được đúng là Michiaghin và bạn nó. Con Hung đưa chúng tôi đi mau lại gặp chúng. Antôn bỗng đâm lo, nhìn vào bao súng lục của tôi.

- Dù sao bác cũng cứ bỏ nó vào túi kia, để cho tiện tầm tay lấy hơn.

- Đừng có nói chuyện nhảm.

- Thì tùy bác đấy.

Antôn ghì dây cương.

- Gặp được bác với cậu đây là tốt lắm, Xêmiôn nói. Hôm nọ, bác ạ, chúng ta từ biệt nhau không được tử tế.

Michiaghin vẫn mỉm cười thân mật như mọi khi:

- Các chú làm gì ở đây thế?

- Chúng cháu muốn gặp bác. Vì bác đã bảo chúng cháu đừng có đặt chân vào trại nữa, nên chúng cháu không trở lại đấy.

- Tại sao chú không đi Ôđetxa? tôi hỏi Michiaghin.
- Lúc này cháu có thể sống ở đây, rồi sang mùa đông cháu sẽ đi xuống đó.
- Chú không định làm việc đi à?

- Để còn xem thế nào đã, Michiaghin nói. Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, xin bác hãy tin cho rằng chúng cháu không giận bác đâu. Ai sống đời người này.

Xêmiôn thực tình vui mừng ra mặt,

- Chú sẽ ở với Michiaghin à?

- Cháu cũng chưa biết. Cháu lắng nghe thuyết nó mãi: đi về nhà ông già tao, nhưng nó chẳng thèm nghe gì cả.

- Vâng, bố nó là một dân quê, cháu có biết là người như thế nào đâu.

Chúng đi theo tôi cho đến chỗ rẽ về trại.

- Xin chào bác, và đừng giận chúng cháu, Xêmiôn nói. Thôi nào, chúng cháu hôn bác.

Michiaghin bật cười:

- Tim mày mềm yếu quá, Xêmiôn ạ, mày sẽ chả làm được trò trống gì đâu.

- Còn mày, mày hơn tao sao?

Cả hai đứa phá lên cười tưởng đến làm bay hết cả các chim rừng, giờ cao mũ cát-két của chúng lên vấy, rồi chúng tôi chia tay nhau, mỗi người đi một ngã.

23. NHỮNG HẠT GIỐNG CHỌN LỌC

Cuối mùa thu, ở trại, là bắt đầu một thời kỳ buồn tẻ, thời kỳ u ám nhất trong lịch sử của trại chúng tôi. Việc đuổi Karabanôp và Michiaghin rõ ràng là một hành động rất đau đớn. Đuổi chúng tức là đuổi hai tay “sùng sỏ” của trại, những tay đã gây ảnh hưởng mạnh nhất từ trước đến giờ, cho nên việc đó khiến các bạn chúng hoàn toàn hoang mang, như mất phương hướng.

Karabanôp và Michiaghin là những tay lao động rất giỏi. Karabanôp biết toàn tâm toàn ý, say sưa lao mình vào công việc, tìm thấy cái vui ở đấy và truyền nó sang những người khác. Bàn tay hẩn quả thực làm nảy ra những tia lửa nghị lực và phấn khởi. Đối với những đứa lười biếng, uể oải, hẩn chỉ việc nhấc cho một chập là đủ khiến kẻ cố tình đại lãn đến đâu cũng phải xấu hổ. Michiaghin bổ sung cho hẩn một cách tuyệt diệu. Các động tác của nó xuất sắc ở chỗ mềm dẻo thắm lén, đích thị là những động tác của một thằng kẻ cắp, song nó làm việc gì cũng dễ dàng và tốt, vui vẻ hồn nhiên. Ngoài ra, mỗi khi xảy ra chuyện gì hoặc có vấn đề gì xáo động trại, cả hai đứa đều phản ứng lại vừa nhạy bén vừa cương quyết.

Chúng đi rồi, cuộc sống của chúng tôi bỗng trở thành buồn tẻ và nhạt nhẽo. Vecsonep vui đầu vào sách hơn bao giờ hết thấy, những câu bông đùa của Biêlukhin nhiễm giọng quá nghiêm trang và châm biếm, những gã như Vôlôkhôp, Prikhôtkô và Ôtxatsi tỏ ra trịnh trọng lễ phép quá đáng, tụi trẻ nhỏ buồn chán và thắm thì vụng lén, số đông cả trại bỗng chốc có vẻ là một xã hội người lớn. Các buổi tối, khó mà tập hợp được một nhóm chơi vui vẻ: đứa nào cũng bận có việc gì làm đấy. Chỉ có Zadôrôp là tuyệt nhiên không mất vẻ tươi tỉnh, và không giấu nụ cười hơn hớn, đầy chân thực của hẩn, song chẳng có ai muốn chia sẻ cái nhiệt tình của hẩn, cho nên hẩn chỉ cười nụ trong một góc, ngồi đọc sách hoặc làm việc vào cái máy hơi nước kiểu mẫu mà hẩn đã bắt đầu từ mùa xuân.

Kết quả canh tác ít thắng lợi cũng góp phần vào sự ngã lòng ấy. Kalina Ivanôvich là một nhà nông nghiệp rất tồi. Bác ta có những quan niệm hết sức kỳ cục về vấn đề cây luân phiên và kỹ thuật gieo hạt, và ngoài ra chúng tôi đã thừa hưởng của nông dân những thửa ruộng đầy dẫy cỏ dại và khô cằn ghê gớm. Cho nên, mặc dù công sức lao động khổng lồ của các trại viên trong mùa hè và mùa thu, vụ thu hoạch của chúng tôi chỉ được biểu hiện bằng những con số nhục nhã. Lúa mùa thu có nhiều cỏ lùng hơn là bông, hoa màu mùa xuân trông thật thảm hại, củ cải và khoai tây lại còn tồi hơn nữa.

Ở nhà các giáo viên, tình trạng chán nản cũng y như thế.

Không biết chừng chỉ là vì chúng tôi mỗi mệ: từ ngày mở trại đến giờ không một người nào trong chúng tôi nghỉ phép hết. Song các giáo viên không viện cớ mỗi mệ. Những câu chuyện cũ trở lại thịnh hành, cho rằng chúng tôi tận tụy vào một công việc vô hi vọng, rằng giáo dục xã hội không thể nào thực hiện được với “cái ngữ” trẻ con ấy, rằng đó chỉ là sức lực tinh thần và thể chất tiêu phí vô ích.

Cứ là phải từ bỏ hết cả thôi, Ivan Ivanôvich nói – Xem như Karabanôp đấy, nó đã khiến chúng ta hãnh diện vì nó là khác: thế mà phải tống nó đi. Cũng chẳng trông mong gì đặc biệt được vào thằng Vôlôkhôp, còn về những thằng Vecsonep, Ôtxatsi, Taranet, và nhiều đứa khác cũng thế thôi. Có bỏ công giữ lại trại chỉ vì một mình thằng Biêlukhin không?

- Êkatêrina Grigôriepna, chính chị ta, cũng phản lại niềm lạc quan chung đã khiến chị trở thành cánh tay phải và người bạn thân của tôi. Chị cau mày, cố gắng suy nghĩ cẩn thận, mà kết quả của sự suy nghĩ ấy thật vừa lạ lùng vừa bất ngờ đối với tôi:

- Bác có biết không, bỗng chốc tôi thấy hình như là chúng ta mắc phải một sai lầm ghê gớm: chẳng làm gì có tập thể, bác ạ, nó không có đâu, thế mà ta cứ luôn luôn nói tập thể, vì tất cả chúng ta chỉ để cho mình bị thôi miên bởi chính điều mơ ước của mình thôi.

- Xin lỗi, tôi ngăn chị lại, chị bảo rằng tập thể của chúng ta “không có” ư? Thế chị vứt đi đâu số sáu chục trại viên, lao động của chúng, đời sống chung của chúng, tình bạn thân của chúng?

- Bạn có biết tất cả những cái đó là thế nào không? Một trò chơi, thích thú đấy, nói thế cũng được, và tài tình hết sức. Chúng ta đã mắc vào cái trò chơi ấy, và cả bọn trẻ nữa, nhưng chỉ một thời gian thôi. Và bây giờ trò chơi ấy hình như đã trở thành chán ngắt, ai ai cũng phát ngấy, nó sắp sửa bị gạt bỏ nay mai, và trại sẽ biến thành một trại nhi đồng tầm thường và hồng hét.

- Khi người ta chán một trò chơi, thì người ta chơi sang trò khác, Lidia Pêtrôpna nói để chữa lại cái ấn tượng nặng nề do những lời của Êkatêrina gây nên.

Chúng tôi mỉm cười buồn bã, nhưng tôi không có một chút ý định nào đầu hàng hết:

- Chị Êkatêrina Grigôriepna ạ, hiện giờ đang lên tiếng nói ở trong người chị, là cái tính nhu nhược hay than vãn và đã thành tập quán của con người trí thức đấy. Chẳng rút ra được một kết luận gì ở tâm trạng của chị cả, vì tâm trạng đó là ngẫu nhiên đối với chị thôi. Có lẽ chị nhiệt liệt ao ước rằng chúng ta chinh phục được thằng Michiaghin và thằng Krrabanôp. Xưa nay vẫn thế đấy, những sự đòi hỏi đưa lên đến mức tối đa mà chẳng có căn cứ gì cả, ý thích thất thường và lòng tham lam, về sau hay dẫn tới những lời rên rỉ và những sự bỏ cuộc. Tất cả hoặc chẳng có gì hết, đó thường là cái triết lý của những kẻ mắc chứng động kinh.

Tất cả những điều đó, cũng có thể là tôi nói ra trong khi đang trấn áp ở mình chính cái tính nhu nhược đặc thù ấy của con người trí thức. Chính tôi đôi khi cũng thoáng có những tư tưởng khô cứng: phải từ bỏ thôi, một thằng Biêlukhin hay một thằng Zăđôrôp chẳng bõ khiến mình phải chịu những hi sinh để thành lập trại; tôi có ý nghĩ rằng chúng tôi đã mệt mỏi và, do đó, không thể nào thành công được.

Song thói quen cũ sống trong một nỗ lực căng thẳng, lặng lẽ và nhẫn nại, vẫn không rời bỏ tôi. Tôi chăm chú giữ một mực cương quyết và vững tin ở mình, trước mặt các trại viên và các giáo viên, công kích các vị này mỗi khi họ tỏ ra khiếp nhược và ra sức thuyết phục họ rằng, cứ quên đi một cái, là tất cả những sự khốn khổ nọ sẽ không còn nữa. Ở đây tôi xin tỏ lòng tôn kính cái nghị lực và tính kỷ luật phi thường mà các vị giáo viên của chúng tôi đã chứng tỏ ra trong những thời kỳ gian nan ấy.

Họ vẫn làm việc đúng giờ từng phút vẫn tích cực và chống lại mỗi biểu hiện không tốt ở các trại viên, và tuân theo cái truyền thống tốt đẹp đã hình thành ở trại, khi tới phiên trực nhật, họ vẫn mặc những bộ quần áo đẹp nhất của họ, vẻ chỉnh tề và nghiêm túc không hề thay đổi.

Trại vẫn tiến lên, không có những nụ cười và không vui vẻ, song cứ theo một nhịp điệu rõ rệt và bền bỉ, như một cái máy tốt chạy đúng. Tôi cũng để ý những hậu quả xác thực của việc trừng trị hai trại viên của tôi: những vụ cướp bóc trong làng đã hoàn toàn chấm dứt; những trò trộm cắp ở các hầm chứa và các ruộng dưa trở thành chuyện khó tin. Tôi làm ra bộ không nhận thấy sự chán nản của các trại viên, không thấy có gì lạ trong thái độ chúng trở lại tôn trọng kỷ luật và đối xử đúng đắn với dân làng, tựa hồ mọi thứ nói chung vẫn bình thường và tiến lên, y như trước.

Có nhiều công việc mới và quan trọng đã xuất hiện. Chúng tôi đã xây dựng một nhà kính ấm để trồng cam ở trại thứ hai, bắt đầu kẻ những lối đi và san phẳng các sân sau khi thanh toán các đồng gạch đá vụn của những ngôi nhà bị bỏ; chúng tôi đã trồng giậu, dựng cửa tò vò, khởi công bắc một chiếc cầu qua sông Kôlômak ở chỗ lòng sông hẹp nhất; xưởng rèn làm giường sắt cho các trại viên; nông cụ được sửa chữa lại và mọi người hăm hở cấp tốc tu sửa nốt cho xong các nhà ở của trại thứ hai. Tôi găt gao cho trại một chương trình công tác ngày càng tăng thêm, đòi hỏi ở tất cả tập thể một sự đúng mực và chính xác trong lao động như từ trước đến giờ.

Không hiểu tại sao, có lẽ là do một bản năng sư phạm không tự giác, tôi lao vào việc tập luyện quân

sự.

Ngay từ trước kia, tôi đã cho các trại viên những bài học thể dục và quân sự rồi. Tôi chưa từng bao giờ là một huấn luyện viên chuyên môn, nhưng chúng tôi không có phương tiện mời một thầy dạy chuyên môn như thế. Tôi chỉ biết độc nhất có việc thao luyện quân sự, môn thể thao quân sự, và chỉ biết vèn vện những gì thuộc về đội hình chiến đấu của trung đội mà thôi. Song không hề đi lạc vào những lý luận nọ kia và cũng không một mảy may nào cảm thấy có gì khủng hoảng trong ý thức sự phạm hết, tôi lôi cuốn bọn trẻ vào tất cả những môn tập luyện bổ ích đó.

Các trại viên vui vẻ học tập. Mỗi ngày xong công tác, trong một hay hai tiếng đồng hồ, toàn trại tập luyện ở cái sân vuông rộng của chúng tôi, dùng làm thao trường. Chừng nào những hiểu biết của chúng tôi tăng lên, chúng tôi cũng mở rộng dần địa bàn hoạt động. Sang đến mùa đông, các tuyến tân binh của chúng tôi đã tiến hành những cuộc diễn tập phức tạp và rất thích thú trên khắp khu vực trại ấp của bọn kulắc. Chúng tôi tấn công rất đẹp mắt và theo đúng qui tắc những mục tiêu nhất định, những ngôi nhà và kho thóc, sau cùng kết thúc bằng một trận xung kích với lưỡi lê khiến tâm hồn dễ xúc động của các ông bà chủ nhà nơi đó vô cùng kinh hoảng. Ấn sau những bức tường trắng như tuyết của họ, những người trong nhà, nghe tiếng reo hò xung sát của chúng tôi, chạy bỏ ra vườn để đóng vội những kho xưởng và đứng nép vào các cánh cửa, kinh hoảng và đổ kỵ theo dõi những đội ngũ chỉnh tề của chúng tôi chuyển động.

Bọn trẻ rất thích tập như vậy, và không bao lâu ở trại chúng tôi xuất hiện những súng thực, vì người ta đã cố tình bỏ qua cái quá khứ phạm pháp của chúng tôi mà vui mừng tiếp nhận chúng tôi vào hàng ngũ dân cảnh vệ.

Trong khi luyện tập, tôi tỏ ra một người chỉ huy thật sự nghiêm khắc và mặt sắt vô tư, bọn trẻ hoàn toàn tán thành như vậy. Đó là thời kỳ mở đầu những trò chơi quân sự ở trại, về sau trở thành một trong những đề tài cơ bản của tất cả nền nhạc giao hưởng của chúng tôi.

Tôi để ý trước hết đến ảnh hưởng tốt của cái tư thế quân nhân. Về ngoài của các trại viên thay đổi hẳn: dáng bộ chúng nhẹ nhàng hơn, gọn ghẽ hơn, chúng tôi không còn nằm bò trên mặt bàn, không tựa lưng vào tường nữa và có thể đứng tự do, thoải mái, không cần dựa dẫm vào đâu cả. Từ nay có thể phân biệt rõ một trại viên mới với một trại viên cũ. Kiểu đi của bọn trẻ cũng vững vàng hơn, uyển chuyển hơn, chúng ngẩng cao đầu hơn, và đã bỏ được thói quen thọc hai tay vào túi.

Trong sự ham mê những kiểu cách quân sự, chính các trại viên đã đặt ra và tưởng tượng thêm rất nhiều điều cải cách, gởi nên do những thiện cảm tự nhiên của đầu óc non trẻ đối với đời sống của thủy thủ và bộ đội. Đứng vào hồi đó đã thành lệ ở trại, như ở trong quân đội, tỏ ra rằng mình đã hiểu và sẵn sàng chấp hành mỗi mệnh lệnh bằng một tiếng: “Rõ!”, trong khi cánh tay đưa lên chào theo kiểu thiếu niên tiền phong để nhấn mạnh câu trả lời đẹp đẽ ấy. Cũng vào hồi đó đã xuất hiện những kèn quân.

Trước kia các hiệu lệnh được đánh bằng chuông, tàn dư của trại cũ. Chúng tôi mua hai cái kèn, và mỗi ngày hai trại viên đi học thổi cho đúng ở nhà một người nhạc trưởng ngoài tỉnh. Rồi các bài kèn được sáng tác cho mỗi trường hợp của đời sống chúng tôi, và sang mùa đông, chúng tôi bỏ cái chuông. Từ nay tay kèn ra đứng ở bậc tam cấp liền phòng giấy tôi và tung cho vọng đi khắp trại những tiếng gọi lạnh lạnh và hùng dũng của nó.

Trong yên tĩnh của buổi chiều, khúc ca của kèn quân đó có một vang dội đặc biệt cảm động, vượt qua đầu chúng tôi, vượt qua hồ và các mái nhà trong xóm. Qua cửa sổ mở rộng của một phòng ngủ, một giọng nam cao, trẻ trung và chấn động, tiếp nối điệu ca rồi bỗng lại có người dạo lại ở dương cầm.

Khi các phòng giấy của sở Giáo dục tỉnh biết những khuynh hướng quân sự của chúng tôi, thì chữ

“trại lính” trở thành tên gọi nhạo chúng tôi cho đến mãi về sau. Tôi có cần gì đâu; tôi đã nếm mùi cay chua nhiều quá rồi, nên cái trò lãng nhục nhỏ đó nữa cũng không bỏ cho tôi quan tâm. Vả chăng tôi cũng không có thì giờ.

Sang tháng tám, tôi đã đem ở một trại thí nghiệm về hai chú lợn nhỏ. Chúng là giống lợn Anh chính cống, hèn nào dọc đường chúng chẳng phản đối dữ dội kinh người việc di chuyển chúng về trại, luôn luôn tìm cách chui biến qua một lỗ nào đấy của xe tải. Chúng phần nộ đến phát điên lên và làm cho Antôn cáu tiết:

- Chưa đủ mệt hay sao, mà họ còn nảy ra ý nuôi lợn con...

Chúng tôi đưa các chú dân Anh sang trại thứ hai, ở đây các chú được nhiều kẻ tình nguyện hơn số cần thiết trong trại trẻ để chăm nom săn sóc các chú. Hồi đó ở trại thứ hai có hai chục trẻ, sống cùng với một giáo viên, một ông khá vô dụng, mang cái tên kỳ cục là Rôđimtsik (chuột rút). Tòa nhà lớn ở trại đặt tên bằng chữ A, đã hoàn thành việc sửa chữa. Nhà ấy chủ định dành cho các xưởng và các lớp học, tạm thời dùng cho bọn trẻ ở. Các nhà nhỏ và các chài khác cũng đã xong. Còn rất nhiều việc phải làm mới có thể sử dụng để ở được một ngôi nhà một tầng đồ sộ, kiểu đệ nhất đế chính^[74] là nơi dự định đặt các phòng ngủ. Ở các xưởng trồng, chuồng ngựa, gác kho, hàng ngày người ta đóng những vách ván mới, quét vôi tường, đặt khung cửa.

Về phương diện nông thôn chúng tôi được tăng cường mạnh. Chúng tôi đã xin một nhà nông học, và Êđua Nikôlaiêvich xuất hiện trên các ruộng đất của trại: một nhân vật thật sự là không thể nào hiểu được đối với các trại viên, xưa nay chưa từng thấy một người như thế bao giờ. Mỗi đứa trẻ đều thấy rõ ràng Sêrê sinh ra tất phải do vài thứ hạt giống loại đặc biệt, được tưới bón không phải bằng những trận mưa trời ngọt ngào, mà bằng một chất tinh túy nào đấy, phát minh và chế tạo riêng cho những sản phẩm như anh ta.

- Trái ngược với Kalina Ivanôvich, chẳng có sự gì làm cho anh ta tức giận hay phẫn khởi bùng bột; lúc nào anh ta cũng bình tĩnh đều hòa, với một chút ít vui tính. Đối với tất cả các trại viên, ngay đến và kể cả thằng Gatalenkô ngốc nghếch, anh cũng đều gọi bằng “anh”, không bao giờ to tiếng, nhưng cũng không làm thân với ai. Bọn trẻ kinh ngạc vì thái độ của anh khi thấy, trước một câu từ chối thô bỉ của Prikhôtkô; “Tôi đêch cần hắc phúc bồn! Tôi không muốn trông nom hắc phúc bồn!”, Sêrê tỏ vẻ ngạc nhiên hòa nhã và độ lượng, rồi trả lời, không kiểu cách mà cũng không mai mỉa:

- À, anh không muốn ư? Nếu vậy thì anh cho tôi biết tên, để lần sau tôi khỏi cắt công tác cho anh.

- Tôi, thì cái gì tôi cũng làm, nhưng tôi không làm việc đó.

- Anh đừng ngại, tôi sẽ không cần đến anh đâu, anh hãy tin lời tôi nói: còn về phần anh, thì anh sẽ tìm ra việc làm ở nơi khác.

- Sao lại thế?

- Anh hãy làm ơn cho tôi biết tên, tôi không có thì giờ mất vào những cuộc nói chuyện vô ích.

Thái độ du côn của Prikhôtkô xếp ngay tức khắc: nó nhún vai khinh bỉ rồi đi tới những cây mà vừa mới phút trước đây nó nói quyết là hoàn toàn không thích hợp với nó.

Tương đối trẻ tuổi, Sêrê chẳng phải vì thế mà không làm cho bọn trẻ choáng hồn vì đức tính tự tin không bao giờ nao núng và năng lực làm việc thật sự phi thường của anh. Chúng thấy Sêrê hình như không bao giờ ngủ cả. Trại thức dậy, đã thấy Êđua Nikôlaiêvich đi rêu qua các ruộng rồi, bằng đôi chân dài hơi quá khổ, như chân một con chó nòi còn non. Khi kèn báo giờ đi ngủ, Sêrê ở chuồng lợn đang thương lượng việc gì đó với bác thợ mộc. Ban ngày thì có thể đồng thời thấy anh ta ở chuồng ngựa, ở nhà kính âm đang xây dựng, ở trên đường cái ra tỉnh, chuyên chở phân ra cánh đồng, ấy là nói

mọi người ít nhất cũng có cảm tưởng như tất cả các việc đó cùng xảy ra một lúc, là vì đôi chân đặc biệt của anh ta đưa anh rất mau từ chỗ này qua chỗ nọ.

Ngày hôm sau, Sêrê tranh luận với Antôn ở chuồng ngựa. Antôn không tài nào hiểu và đồng ý được rằng đối với một con vật linh lợi và đáng yêu như con ngựa mà lại có thể áp dụng sự chính xác toán học, nó là đặc điểm của những lời Êđua Nikôlaiêvich khản khoản dằn dò.

- Hẳn ta còn bịa ra chuyện gì thế nữa? Câm à? Có đời thừa nhà ai đi cân rơm không chứ? Hẳn bảo khẩu phần của chúng đây: không hơn không kém. Mà những khẩu phần của hẳn thật ngu xuẩn; linh tinh mỗi thứ một tí. Nếu ngựa mà nghèo, thì là tao phải chịu trách nhiệm. Mà hẳn lại còn muốn rằng chúng có một thời khóa biểu công tác nữa. Hẳn đã nghĩ ra chuyện làm một quyển vở: hẳn bảo để cho tao ghi vào đấy những giờ công tác của ngựa.

Một hôm Antôn, quen lệ của nó, kêu la không chịu giao cho Sêrê con Milan, vì con này theo kế hoạch của anh ta, hai hôm sau, sắp phải làm một kỳ công đặc biệt gì đó. Sêrê không chút hoảng sợ. Anh ta thân hành vào chuồng ngựa, và tự tay thắng con Milan, chẳng thèm nhìn nhỡ gì đến Bratsenkô, sững sờ kinh ngạc vì sự làm nhục đó. Antôn làm mình làm mẩy ghê gớm, quăng roi ngựa vào một xó và đi ra. Tuy nhiên, buổi chiều nó cũng đảo qua ngó vào chuồng ngựa một tí, và nó thấy thằng Orlốp với thằng Bublik đang làm chủ nhân ông ở đấy. Antôn, bị thương tổn đến tận đáy lòng, đi lên phòng tôi, nhất quyết xin từ chức; nhưng mới đi ra đến giữa sân, thì kìa Sêrê, một mảnh giấy cầm ở tay, chạy bổ tới nó và như không có chuyện gì hết thảy, lịch sự cúi xuống bộ mặt uất ức của anh mã phu trưởng chúng tôi.

- Này, tên anh là Bratsenkô, có phải không? Đây là kế hoạch của anh trong tuần lễ này. Anh xem ở đó sẽ thấy, đây này, có chỉ dẫn rõ ràng công tác từng ngày giao cho mỗi con ngựa: những buổi ra khỏi chuồng, vân vân... Anh thấy không: chỗ này là con ngựa được chỉ định ngày nào đi ra tỉnh, và con ngựa được nghỉ. Anh sẽ xem bản thời khóa biểu này với các bạn anh, rồi ngày mai anh sẽ trình bày với tôi những sự thay đổi mà các anh cho là cần thiết.

Trong lúc ngạc nhiên, Bratsenkô cầm lấy tờ giấy, và trở về chuồng ngựa.

- Hôm sau có thể thấy mái tóc bờm của Antôn với cái đầu nhọn nhẵn thín của Sêrê, cúi xuống mặt bàn giấy tôi, thảo luận một việc quan trọng. Ngồi ở bàn vẽ của tôi, tôi vừa làm việc vừa thỉnh thoảng lắng nghe họ nói chuyện.

- Anh nhận xét đúng đấy. Được rồi, thứ tư, con Hung với con Thổ-phỉ sẽ đi cày...

- Con Nhãi-ranh sẽ không ăn củ cải đâu. Vì răng của nó...

- Không sao, anh ạ, có thể thái nhỏ ra hơn nữa, anh thử mà xem.

- Nhưng nếu còn những người khác nữa cần đi ra tỉnh thì sao?

- Họ sẽ đi bộ. Hay vào trong làng mà thuê một chiếc xe. Cái đó không việc gì đến anh và tôi.

- Ô phải! Antôn nói. Đúng đấy!

Thực ra, một con ngựa độc nhất kéo xe thì rất không đủ bảo đảm những nhu cầu vận chuyển của trại. Kalina Ivanôvich không được Sêrê thỏa mãn một tí yêu cầu nào hết. Anh này cắt phăng cái lô-gích sôi nổi trong các lý lẽ của ông chủ nhiệm trại, bằng câu trả lời như sau, nói một cách thần nhiên đến phát bực:

- Những nhu cầu vận chuyển của bác tuyệt đối không có liên quan gì đến tôi hết. Bác có buồn thì cứ việc nai lưng ra mà chở các vật phẩm của bác, hay là bác hãy mua lấy một con ngựa. Tôi có sáu mươi đêxiatin ruộng phải cày cấy. Tôi sẽ rất biết ơn bác nếu bác miễn cho, đừng nói lại với tôi về vấn đề ấy nữa.

Kalina Ivanôvich giáng quả đấm đánh sầm một cái xuống mặt bàn, và kêu lên:

- Nếu cần, tôi sẽ thắng ngựa lấy cho mà xem!

Sêrê ghi cái gì vào sổ tay, và cơn thịnh nộ của Kalina Ivanôvich cũng chẳng khiến nổi anh ta rời mắt khỏi quyển sổ. Một giờ sau, khi bước ra khỏi phòng giấy, anh ta nói trước với tôi:

- Nếu làm sai thời khóa biểu của ngựa mà không có sự đồng ý của tôi, thì ngay hôm đó tôi dời khỏi trại.

Tôi vội vã cho đi tìm Kalina Ivanôvich và bảo bác:

- Thôi mặc kệ hấn ta, đừng có gây chuyện với hấn.

- Nhưng chỉ có một con ngựa, thì tôi làm thế nào được chứ: phải đi ra tỉnh, rồi lấy nước, lấy củi, rồi đưa lương thực sang trại thứ hai.

- Thế nào cũng tìm ra cách giải quyết.

Và chúng tôi đã tìm ra được.

Những người mới, những lo âu mới, trại thứ hai với cái ông Rôđimtsik vô dụng nọ, hình dáng mới mẻ và chỉnh chệch của các trại viên, sự nghèo nàn còn tồn tại ở giữa những tài sản tăng thêm dần của chúng tôi – tất cả ngọn trào muôn hình vạn trạng của cuộc sống ở trại, trong khi chính bản thân tôi không để ý tới, đã phủ lên những nỗi buồn phiền chán nản còn sót lại của chúng tôi. Từ đây trở đi, tôi ít cười hơn. Những biến cố và tâm tình tôi vào hồi cuối năm 1922 đã chụp lên tôi một vẻ nghiêm khắc bề ngoài, như một cái mặt nạ, và niềm vui tuy là rất mạnh trong lòng tôi cũng không còn đủ sức làm giảm bớt được rõ rệt vẻ nghiêm khắc ấy. Tôi không khổ tâm vì phải đeo cái mặt nạ kia, và hầu như không nhận thấy nó. Song các trại viên thì vẫn nhìn thấy. Có lẽ chúng biết rằng đó là một cái mặt nạ chẳng, dù sao đối với tôi chúng cũng giữ một thái độ kính cẩn hơi quá đáng một chút, có lẽ pha lẫn một ít ngượng ngùng và một tí sợ hãi, tôi không biết nói thế nào cho đúng. Trái lại, tôi vẫn thấy chúng hớn hờ vui vẻ; tâm hồn chúng và tâm hồn tôi thật sự gần gũi nhau, mỗi lần tôi có dịp vui chung với chúng, chơi đùa và cùng tếu với nhau, hoặc chỉ có khoác vai nhau mà đi trong hành lang.

Trong cuộc sống ở trại, mọi sự khe khắt và mọi vẻ trịnh trọng không cần thiết đã biến mất. Chẳng ai biết sự thay đổi tốt đẹp ấy đã xảy tới lúc nào. Cũng như xưa, tiếng cười và câu đùa lại tung ra khắp chỗ, ai nấy đều biểu lộ một sự vui tính và một nghị lực vô cùng tận, chỉ có điều khác là tất cả những cái đó từ nay càng được tô điểm thêm lên, bởi vì mọi sự trây lười, mọi khích động vô mục đích và mọi sự uể oải đều đã hoàn toàn biến mất.

Kalina Ivanôvich rốt cục cũng tìm ra được cách giải quyết những khó khăn về vận chuyển của trại. Sêrê không đòi hỏi gì về phần con bò Gavriuska – chỉ có một mình, thì nó dùng vào việc gì được? Người ta bèn làm cho nó một cái ách đơn giản, để cho nó kéo được xe chở nước, củi và nói chung bảo đảm tất cả những vận chuyển nội bộ. Và vào một buổi chiều tháng tư rất đẹp trời, cả trại đã lăn ra cười, như đã từ lâu không có dịp được cười như vậy: Antôn đi ra tỉnh để lấy một bọc gì đó, bằng chiếc xe ngựa của trại với con Gavriuska thắng vào xe.

- Ra ngoài ấy chú sẽ bị bắt đấy, tôi bảo nó.

- Họ cứ thử xem, Antôn đáp. Ngày nay chúng ta bình đẳng tuyệt. Con Gavriuska kém ngựa ở chỗ nào chứ?. Nó nữa, nó cũng là một tay lao động.

Chẳng hề bối rối mấy may, con Gavriuska kéo chiếc xe ngựa đi ra tỉnh.

24. CON ĐƯỜNG ĐAU KHỔ CỦA XÊMIÔN

Sêrê tiến hành công việc của anh một cách cương quyết. Anh đặt kế hoạch cấy luân phiên lúa vụ xuân trong sáu năm, và biết cách làm cho việc thực hiện kế hoạch đó trở thành một việc lớn thật sự cho cả trại. Ở ngoài đồng, ở chuồng ngựa, ở chuồng lợn, ở phòng ngủ, ở buồng giấy toilet, ở phòng ăn, và ngay cả khi đi trên đường cái hay khi qua sông, lúc nào ở chung quanh anh ta cũng thấy phương pháp canh tác mới được tổ chức. Bọn trẻ không phải bao giờ cũng tiếp nhận mệnh lệnh của anh không bần cãi, và Sêrê, luôn luôn sẵn sàng nghe những ý kiến xác đáng, có khi trình bày, theo lối lịch sự khô khan của anh ta, một vài lý lẽ ngắn gọn, để rồi kết luận thẳng băng:

- Các anh hãy cứ làm như tôi bảo!

- Anh ta vẫn tiếp tục làm việc suốt ngày ấy sang ngày khác một cách khẩn trương và không náo loạn; mọi người vẫn khó lòng theo kịp anh ta, và anh vẫn có thể nhẩn nại đứng hai ba giờ bên một cái máng cỏ, hoặc đi theo một cái máy gieo hạt năm tiếng đồng hồ. Cách mười phút một lần, anh có thể cứ đảo qua, trở lại chuồng ngựa mãi và, dính như keo, tấn công các chú coi lợn bằng những câu hỏi nhả nhặn nhưng ám ảnh của anh:

- Anh đã cho lợn con ăn cám vào giờ nào nhỉ? Anh đã không quên ghi sổ chứ? Anh có ghi đúng cách không đấy? Anh đã sửa soạn đầy đủ cho chúng tắm chưa?

Không bao lâu các trại viên đều thâm cảm phục anh hết sức. Tất nhiên chúng tin rằng chú “Sêrê của chúng mình” sở dĩ giỏi đến thế, thì chỉ vì chú là “của chúng mình”, và ở bất cứ nơi nào khác chú sẽ không đáng thán phục bằng ở đây. Tình cảm đó biểu lộ ở sự ngầm công nhận uy tín của Sêrê, và ở chỗ ai nấy không ngớt nói chuyện về những lời lẽ, kiểu cách, tính nết lạnh lùng vô tư, và mọi kiến thức của anh.

Mối thiện cảm đó không làm cho tôi lạ. Tôi đã biết những trẻ nhỏ không chứng thực cái luận điệu riêng của các nhà tri thức cho là chúng chỉ có thể yêu quý những người nào tỏ tình thân thiện và âu yếm chúng thôi. Đã từ lâu tôi tin rằng trẻ con – ít nhất, những trẻ giống những đứa ở trại chúng tôi – quý trọng và yêu mến nhất những người thuộc một loại khác hẳn. Cái mà chúng ta gọi là sự lão luyện cao độ, những kiến thức chắc chắn và chính xác, sự lành nghề, tài nghệ, những bàn tay khéo léo, một lời nói gọn gàng và không kiêu vể, một khả năng lao động thường xuyên, đó là những điều khiến đứa trẻ cảm phục đến tột độ.

Anh có thể đối xử với chúng khô khan hết sức, đòi hỏi rầy rà chúng, không để ý đến chúng dù là chúng đứng ngay trước mặt, anh có thể đáp lại mối thiện cảm của chúng bằng sự thờ ơ nữa, song nếu anh tỏ ra xuất sắc trong lao động, bởi những hiểu biết của anh, những thành công của anh, nếu được như vậy thì anh đừng lo gì hết: chúng đứng cả về phía anh và sẽ không phản bội anh đâu. Dù những khả năng của anh thuộc về mặt nào, dù anh làm nghề gì đi nữa: thợ mộc, nhà nông học, thợ rèn, thầy giáo, thợ máy, điều đó không quan hệ.

Nhưng trái lại, tha hồ cho anh mơn trớn, nói chuyện có duyên, tử tế và lịch sự, đáng yêu hết sức trong đời sống và trong những giờ nhàn rỗi, nếu việc làm của anh thất bại, nếu anh luôn luôn tỏ ra không biết nghề nếu anh đụng vào đâu là hỏng hay “té re” ở đấy, thì bao giờ anh cũng chỉ bị chúng khinh mà thôi, một sự khinh bỉ có khi độ lượng và mỉa mai, có khi tức giận và cừ địch dữ dội, hoặc chứa nặng ý nhạo báng không thương hại nữa.

Vừa đúng dịp một anh thợ làm lò đến xây dựng một cái lò sưởi ở phòng ngủ của các nữ sinh. Trại đặt cho hắn làm một lò sưởi tròn. Nhân đi qua trại mà được gọi vào, hắn cứ suốt ngày vớ vẩn sửa cái bếp lò ở phòng người nào đó, hay chữa một tấm vách ván ở chuồng ngựa. Trông bộ dạng hắn thực kỳ

lạ: thân hình rất tròn trĩnh, nhẵn nhụi, đồng thời mặt mày hơn hờ và cả người cứ là ngọt sốt. Hắn không ngớt miệng ba hoa đùa cợt, và theo lời hắn nói thì trong nghề làm lò sưởi, trên đời không ai ăn đứt được hắn.

Các trại viên theo chân hắn từng lũ, theo hắn với một vẻ rất hoài nghi, và những chuyện hắn kể thường gây nên ở chúng những phản ứng khác hẳn ý hắn đợi chờ.

- Tôi nói thật đấy, các chú ạ, ở ngoài ấy, tất nhiên có những thợ làm lò khác, lâu năm hơn tôi nữa, nhưng bá tước không muốn mượn người nào hết. “Thôi, các anh ơi, đi tìm Actêmi cho tôi”, người bảo thế đấy. “Vì nếu anh ta mà làm lò sưởi cho tôi, thì mới thực ra hồn cái lò sưởi. “Đành rằng, bây giờ tôi mới vào nghề mà đặt một cái lò sưởi ở nhà bá tước, các chú phải hiểu... Thỉnh thoảng tôi ngó thử xem mình xây ra làm sao, thì bá tước, đúng thế, lại bảo tôi rằng: “Actêmi, chú cứ làm cho tốt đi...”

- Thế rồi sao, có làm ra được cái gì không? các trại viên hỏi.

- Sao lại không: bá tước cứ đến xem luôn...

Hắn oai vệ ngھn cái đầu trọc tếu lên, để bắt chước ông bá tước đang kiểm tra cái lò sưởi của Actêmi xây. Bọn trẻ không nhin được nữa, phá lên cười: từ Actêmi đến một ông bá tước, sự giống nhau thật xa quá sức.

Actêmi mở đầu việc xây lò sưởi bằng hàng tràng những lời trịnh trọng và thuật ngữ chuyên môn, nhân dịp nhắc tới tất cả các lò thuộc loại này mà hắn đã biết, những cái tốt, là của hắn xây, và những cái chẳng ra gì, của những thợ lò khác làm. Vừa nói hắn vừa chẳng nề hà gì phổ biến hết bí mật của tài nghệ hắn, đồng thời kể ra tất cả nhưng khó khăn gắn liền với nghề:

- Việc quan trọng nhất ở đây là vạch đường bán kính sao cho thật đúng. Đó là điều mà một người khác không tài nào làm nổi.

Bọn trẻ lũ lượt kéo nhau như đi trảy hội thật sự lên phòng ngủ của các nữ sinh, ở đấy chúng lặng lẽ xem Actêmi “vạch đường bán kính” của hắn ta như thế nào.

Actêmi huênh hoang khoác lác bừa phứa trong khi xây nền. Đến lúc làm tới thân lò, các động tác của hắn có phần chập choạng mà miệng lưỡi hắn ngừng lại.

Tôi đảo qua xem hắn làm việc. Các trại viên đứng tránh ra nhìn tôi bằng những con mắt hứng thú. Tôi lắc đầu:

- Sao bụng nó to đến thế?

- Bụng to à? Actêmi hỏi. Không, trông ra như thế thôi vì lò chưa xây xong, nhưng một khi làm xong là mọi cái tươm ngay.

Zadôrôp nheo mắt và ngắm nghía cái lò:

- Thế ở nhà bá tước, nó cũng “trông ra như thế à?”

Actêmi không nắm được ý nói mỉa:

- Thì tất nhiên rồi, lò nào chưa xây xong mà trông chả ra như thế. Cũng như chú, chẳng hạn...

Ba hôm sau Actêmi gọi tôi đến để nhận lò. Tất cả trại đã tụ tập ở phòng ngủ. Actêmi ngھn đầu lên, đi đi lại lại quanh lò. Cái lò đứng sừng sững giữa phòng, chia những cạnh sườn xấu xí ra tứ phía... và đánh đùng một cái nó đổ xuống ầm ầm, gạch rơi bắn ra tung toé, che lấp tất cả, khiến chúng tôi không trông thấy nhau, nhưng dù sao cũng không đánh át được trận cười, lẫn những tiếng kêu và tiếng hét e é, nổ tung lên như vũ bão trong giây phút ấy. Gạch rơi làm cho nhiều trẻ bị thâm tím người, song chẳng ai còn có thể nghĩ đến cái chân đau của mình nữa. Chúng cười trong phòng ngủ, rồi chạy ra khỏi phòng, cười ở hành lang, ở ngoài sân; ai nấy ôm bụng cứ là rữ cả ra mà cười. Tôi gỡ chân ra thoát khỏi đồng

gạch đỏ và sang phòng bên cạnh tôi bắt gặp Burun đang túm cổ áo Actêmi, quả đầu đã giơ trên cái đầu hói lem luốc của hắn.

Actêmi bị tổng cổ đi, song tên hắn mãi mãi còn là đồng nghĩa với một người không biết gì, nói khoác và là tay “thợ vụng”. Bọn trẻ thường nói:

- Cái thằng cha ấy là thế nào?
- Một thằng Actêmi chính cống, trông không thấy rõ sao?

Vốn khác xa với Actêmi dưới mắt nhìn nhận của các trại viên, nên Sêrê được toàn thể bọn chúng quý trọng, sự đó bảo đảm cho công tác nông nghiệp của trại được tiến hành mau chóng và thành công. Sêrê còn có một cái tài nữa: tài tìm ra những tài sản không có kế thừa, chơi hời phiếu dài hạn, và nói chung mua chịu; cho nên ở trại thấy xuất hiện những máy cắt rế, máy gieo hạt, máy cày rập rạ xuống đất mới toanh, lợn giống và cả bò cái nữa. Ba con bò cái, ghê chưa! Nay mai chúng tôi sẽ có sữa.

Trại thật sự say mê nông nghiệp. Chỉ có những trẻ học nghề gì đó trong các xưởng, là không đam mê ra cánh đồng. Trên một mảnh đất ở sau lò rèn, Sêrê cho xới lên vài khoang đất, và xưởng mộc đóng cho họ những khung kính ám. Ở trại thứ hai các công tác đó tiến hành theo quy mô rất lớn.

- Giữa khi chúng tôi đang hăng say công tác nông nghiệp, vào những ngày đầu tháng hai, Karabanôp đến thăm trại. Bọn trai mừng rỡ tiếp đón, ôm hôn hắn tíu tít. Hắn phải vất vả mới gỡ mình ra được khỏi tay chúng và chạy tuốt lên phòng tôi.

- Cháu qua thăm xem bác và các anh em sống ra sao.

Những bộ mặt tươi cười, hớn hở vì vui mừng, ngó vào phòng giấy tôi: trại viên, giáo viên, các cô thợ giặt.

- Xêmiôn kia kìa, mày trông!Ồ tuyệt thật!

Cho đến chiều Karabanôp đi chơi khắp trại, qua thăm “bên Trepko”, rồi trở lại phòng tôi, buồn rầu và lặng lẽ.

- Xêmiôn, chú hãy kể chuyện cho tôi nghe qua bây giờ chú làm gì.

- À, vâng... cháu ở nhà bố cháu.

- Thế còn Michiaghin, hắn ở đâu?

- Nó, thì cháu cần gì! Cháu đã bỏ rơi nó. Nó đi Mạc-tư-khoa thì phải.

- Thế ở nhà bố cháu, chú thấy thế nào?

- À, ở nhà cháu, thì cũng là những nhà nông dân như những người khác thôi. Bố cháu còn khỏe. Anh cháu đã bị giết...

- Thế nào?

- Anh ấy vào đội du kích; quân của thằng Petliura đã giết anh ấy ở phố, ngoài tỉnh.

- Bây giờ chú định làm gì? Ở lại nhà bố cháu à?

- Không... cháu không muốn ở lại đấy... cháu chưa biết thế nào.

Hắn vịn vẹo mình có vẻ do dự rồi nhích lại gần tôi.

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, hắn bất thành lình nói bật lên, giá cháu ở lại trại, thì bác bảo sao?

Xêmiôn nhìn mau tôi một cái rồi cúi đầu xuống đến tận đầu gối.

Tôi vui vẻ và giản dị bảo hắn:

- Sao lại không được? Ừ, chú ở lại đi. Tất cả chúng tôi sẽ lấy làm vui sướng.

Xêmiôn đứng bật lên khỏi ghế, và run rẩy cả người vì tình cảm thiết tha sôi nổi bị nén lại:

- Cháu không thể chịu được nữa, bác ạ, cháu không thể chịu được nữa! Mấy hôm đầu, thì còn tạm được, nhưng rồi sau – không, cháu không thể chịu được nữa, chỉ có thể thôi. Cháu ra, cháu vào, cháu làm việc, nhưng cứ sau bữa xúp, hễ nhớ ra, là y như cháu muốn khóc. Thật đúng như cháu đã nói với bác: cháu đã gắn bó với trại, mà cháu không ngờ. Mới đầu cháu nghĩ: có ích lợi gì đâu, thế rồi cháu lại tự bảo: thì dù sao cũng ừ đi, chỉ là để thăm thôi. Và khi cháu đã đến và đã nhìn mọi thứ đang làm ở trại, sao mà ở đây thích thế! Lại thêm chú Sêrê của bác...

- Thôi nào, chú đừng xúc động đến thế! tôi bảo hấn. Đáng lẽ chú nên trở lại trại ngay mới phải. Chú bọc bọc khổ sở như vậy có được ích lợi gì?

- Vâng, cháu cũng đã nghĩ thế đấy, nhưng khi nhớ lại tất cả các chuyện đều giả, các cháu đã hỗn láo với bác bao nhiêu...

Hắn gơ cánh tay lên một cái rồi im bật.

- Thôi được, tôi nói. Chú hãy quên tất cả đi.

Hắn thận trọng ngẩng đầu lên:

- Nhưng mà... có thể là bác nghĩ... có lẽ bác có ý nghĩ là cháu làm đáng làm điều, như bác đã nói. Không phải thế đâu. Ồ! Giá bác biết cháu đã học được bao nhiêu điều! Nhưng bác cứ nói thật đi, bác có tin cháu không?

- Tôi tin chú, tôi nghiêm chỉnh bảo hấn.

- Không, bác hãy nói thực, bác có tin cháu không?

- Ô! Cái chú này mới phiền nhỉ! tôi vừa cười vừa nói.

Như thế là, theo tôi nghĩ, chuyện cũ sẽ không tái diễn nữa chứ?

- Đấy, bác ạ, bác vẫn không hấn tin cháu...

- Xêmiôn ạ, chú thắc mắc như thế là không đúng. Tôi tin tất cả mọi người duy có người tôi tin nhiều có người tôi tin ít: đối với các chú này thì tôi tin có độ năm cô-péc lòng tin, đối với các chú khác, mười cô-péc.

- Thế đối với cháu?

- Một trăm rúp.

- Thế này thì cháu chẳng tin bác chút nào! Xêmiôn tức giận kêu lên.

- Rất đáng tiếc!

- Thôi được, không cần, cháu sẽ tỏ ra cho bác biết...

Xêmiôn đi lên phòng ngủ.

Ngay từ hôm đầu hấn trở thành cánh tay phải của Sêrê. Hấn có xu hướng rõ rệt về nghề nông, biết nhiều điều trong nghề và còn có nhiều cái khác nữa trong mạch máu, do di truyền từ đời cha sang đời con là nông dân ở thảo nguyên. Đồng thời hấn háo hức tiếp thu khoa nông học mới, cái đẹp và cái nhả của khoa học đó.

Xêmiôn áp ủ Sêrê bằng con mắt triu mến và cố gắng tỏ cho anh thấy rằng hấn cũng biết mệt và không cần phải nghỉ ngơi. Chỉ có sự bình tĩnh của Êđua Nicôlaiêvich là hấn không thể bắt chước được, vì hấn vẫn luôn luôn xáo động và sẵn sàng bị kích thích, lúc nào cũng cứ sôi nổi tức giận, phấn khởi, hoặc vui đùa đủ đờn.

Một tuần lễ sau, tôi gọi hấn và đơn giản bảo hấn:

- Đây là một giấy ủy quyền. Chú sẽ đi lĩnh năm trăm rúp ở kho bạc.

Xêmiôn giương mắt và há hốc mồm ra, mặt hấn tái nhợt màu gio, hấn ngượng ngập nói:

- Năm trăm rúp? Thế rồi sao nữa?

- Chẳng có gì nữa, tôi vừa đáp vừa nhìn vào ngăn kéo bàn giấy, chú sẽ đem về đây cho tôi.

- Cháu sẽ đi ngựa chứ?

- Tất nhiên. Dù sao chú cũng cứ đem một khẩu súng lục đi.

Tôi trao lại cho Xêmiôn đúng cái súng lục mà hồi mùa thu tôi đã rút ở thắt lưng của Michiaghin ra, với ba viên đạn y nguyên như cũ. Xêmiôn như cái máy cầm nó lên tay, nhìn nó một cách dữ tợn, ấn mau nó vào túi áo, và không nói gì hơn nữa, bước ra khỏi phòng. Mười phút sau, tôi nghe thấy tiếng móng ngựa đập trên nền đá láng: một kỵ sĩ phóng ngựa vút qua cửa sổ phòng tôi.

Trước khi trời tối Xêmiôn trở về phòng giấy tôi, mặc một cái áo bông ngắn thợ rèn thắt ngang lưng, người trông thon mảnh, nhưng có vẻ buồn. Hấn lẳng lặng đặt lên bàn một tập giấy bạc và khẩu súng lục.

Tôi cầm lấy tập giấy bạc và hỏi hấn một cách thản nhiên hết sức bằng cái giọng không ngụ một mảy may ý tứ gì:

- Chú đã đếm rồi à?

- Vâng!

Tôi chệnh mảng ném tập giấy bạc vào ngăn kéo.

- Vậy cảm ơn sự khó nhọc của chú. Chú đi ăn đi.

Karabanôp vô cớ kéo cái thắt lưng từ phía trái sang phía phải trên chiếc áo bông ngắn, đi lại vài bước trong phòng, có vẻ bị kích động, nhưng bình tĩnh nói:

- Được.

Và hấn đi ra.

Hai tuần lễ trôi qua; mỗi khi gặp tôi, Xêmiôn chào tôi một cách hơi bức dọc, tựa hồ hấn khó chịu với tôi.

Hấn cũng có vẻ bức dọc như thế khi nghe lệnh mới của tôi:

- Chú sẽ đi lĩnh hai nghìn rúp.

Hấn tức giận nhìn tôi hồi lâu, ấn khẩu brô-ninh vào túi, và sau cùng nói, nhấn từng tiếng một:

- Hai nghìn? Thế ngộ cháu không đem tiền về?

Tôi nhảy chồm lên khỏi ghế và quát hấn:

- Này, xin chú, đừng có nói chuyện ngu xuẩn! Người ta ra cho chú một cái lệnh, thì chú đi đi, và người ta bảo chú gì thì chú cứ làm.

Karabanôp xo một bên vai lên, và lẩm bẩm mơ hồ:

- Vâng, được...

Khi đem tiền về, hấn giục tôi:

- Bác đếm đi.

- Đếm làm gì?

- Bác đếm đi, cháu xin bác đấy.

- Nhưng chú đêm rồi chứ?
- Bác đêm đi, cháu bảo bác mà.
- Ô, thôi!

Hắn đưa tay lên nắm cổ họng, tựa hồ có cái gì làm hắn ngạt thở, rồi hắn kéo tường đến đứt cổ áo ra, và đi đi lại lại trong phòng.

- Bác đùa giỡn cháu! Không có thể nào bác tin cháu được. Không có thể! Bác cũng cảm thấy rõ thế chứ? Không có thể nào như vậy! Đây là một chuyện đánh cuộc bác cố ý làm ra, cháu biết, bác cố ý...

Bị nghẹt thở, hắn ngồi xuống một chiếc ghế.

- Tôi phải chịu nhiều cái hi sinh nặng nề vì chú.
- Những hi sinh gì? Xêmiôn tức giận hỏi.
- Chẳng hạn, phải chứng kiến những cơn điên của chú.

Xêmiôn vúi lấy thành cửa sổ và kêu lên:

- Bác Antôn Xêmiônôvich!
- Cái gì, chú làm sao thế? tôi hỏi, hơi lo sợ.

- Giá mà bác biết! Giá thử bác chỉ biết cho thôi! Không khí phi ngựa trên đường cái, cháu nghĩ: nếu trên đời có một ông Chúa Trời, và nếu ông Chúa Trời ấy phái một thằng nào đến, và thằng ấy ở trong rừng ra nhảy xổ vào cháu... Cứ cho một chục thằng điên, bao nhiêu cũng được, cháu không biết. Cháu sẽ bắn, cháu sẽ cắn, cháu sẽ tự vệ như một con chó, kỳ cho đến chúng giết chết cháu... Bác có biết không, cháu gần phát khóc lên được. Thế mà cháu, cháu biết rằng: bác đang ngồi đây, ở nhà này, mà tự hỏi: liệu nó có đem tiền trở về không? Bác đã thử liều, có phải thế chẳng?

- Chú buồn cười thật, Xêmiôn ạ! Với tiền bao giờ mà chả phải liều. Không liều thì làm thế nào đem được tiền về trại. Song tôi, tôi nghĩ như thế này: giá là chú mang tiền về, thì sự liều ít hơn. Chú trẻ, khỏe, chú cưỡi ngựa rất thạo, dù gặp những quân cướp nào chú cũng tự gỡ thoát được, chứ còn tôi thì chúng sẽ tóm tôi dễ như chơi.

Xêmiôn vui vẻ nháy một bên mắt:

- Ô, bác Antôn Xêmiônôvich, bác khôn thật đấy!

- Thôi đi, tôi cần gì phải chơi nước khôn? Bây giờ chú biết lĩnh tiền như thế nào rồi, và từ nay trở đi chú sẽ tiếp tục lĩnh tiền. Tôi chả sợ gì hết. Tôi biết: chú cũng là một người ngay thật như tôi. Tôi đã biết trước từ lâu rồi kia, vậy chú không nhận thấy sao?

- Không, cháu lại cứ nghĩ là bác không biết, Xêmiôn đáp, và vừa bước ra khỏi buồng giấy tôi vừa hát văng lên:

*Từ đỉnh núi chênh vênh hiêm trở,
Bầy chim ưng dờn tổ cao bay,
Cao bay, rộn rã vui thay,
Tiếng kêu gióng giả đó đây tìm mồi.*

25. MỘT LỐI SỰ PHẠM THẦY QUYỀN

Mùa đông năm 1923 đem lại cho chúng tôi nhiều sáng kiến tổ chức, quyết định lâu dài những hình thức của tập thể chúng tôi. Hình thức quan trọng nhất là các đội, có đội trưởng đội chỉ huy.

Và cho đến ngày nay, trại Gorki cũng như công xã Dzecjinxki, và các trại khác rải rác ở Ukren, đều có các đội với những người cầm đầu.

Tất nhiên người ta sẽ có thể thấy rất ít điểm giống nhau giữa những đội của trại chúng tôi vào năm 1927-1928 hay giữa những đội của công xã Dzecjinxki và những đội đầu tiên của trại, do Zadôrôp và Burun chỉ huy. Song một số yếu tố cơ bản đã có từ mùa đông năm 1923 rồi. Mãi về sau người ta mới xét định được giá trị của nguyên tắc hệ thống tổ chức ấy, khi các đội của chúng tôi làm chấn động giới sư phạm, vì bước tiến tấn công rộng rãi của chúng, và có một nhóm những nhà thư lại nào đó của khoa giáo dục đem chúng ra làm bìa để mĩa mai. Hồi đó tất cả công cuộc của chúng tôi không được gọi bằng những tiếng gì khác hơn là lối sư phạm “thầy quyền”, những tiếng ấy coi như là chứa đựng một án quyết không được kháng cáo.

Năm 1923 không có ai ngờ rằng giữa khu rừng của chúng tôi, đang thành lập một tổ chức quan trọng, sẽ làm nổi dậy biết bao nhiêu phần nô ở chung quanh nó.

Sự đó bắt đầu bằng một việc rất nhỏ.

Xưa nay quen dựa vào tính tháo vát của chúng tôi, năm đó người ta không cấp củi cho chúng tôi. Lại như hồi trước, chúng tôi phải dùng củi khô và các thứ thu nhặt được khi quét rừng. Những dự trữ trong mùa hè về thứ củi xấu đó sang đến tháng một là đun hết, và chúng tôi lại lâm vào một tình trạng khủng hoảng thật sự về củi. Nói thực ra thì tất cả chúng tôi đều vô cùng chán ngấy những sự khó chịu do cái khổ dịch đi kiếm củi khô ấy gây nên. Chặt củi chẳng có khó khăn gì, nhưng để thu lượm được, cứ nói là vài trăm phút thứ củi đó nếu có thể gọi là củi, thì phải đi vét hàng mấy éc-ta rừng, chui rúc sâu vào những chỗ rậm, và phải tốn nhiều công sức vô ích để chuyên chở tất cả mớ cành vụn ấy về trại. Việc đó làm rách quần áo, mà chúng tôi đã thiếu rồi, và về mùa đông nó lại còn kèm theo những bàn chân tê cóng và một cuộc cãi lộn kinh người ở chuồng ngựa. Antôn chẳng muốn nghe nói gì đến chuyện củi nữa hết.

- Chúng mày cứ đi mà ăn xin, tao sẽ cho không cho ngựa đi đâu. Ngựa để đi kiếm củi? Thế này mà gọi là củi à?

- Bratsenkô, thì cũng phải sưởi chứ? Đó là câu hỏi không thể nào cãi được mà Kalina Ivanôvich đặt ra cho nó.

Antôn gạt đi:

- Thì các người đứng sưởi, tôi chẳng thấy có hại gì cả, dù sao ở chuồng ngựa cũng có sưởi siếc gì đâu, mà chúng tôi vẫn thấy dễ chịu.

Trong tình trạng khó khăn ấy, ở buổi họp toàn trại, chúng tôi nói mãi rồi cũng khiến được Sêrê quyết định giảm bớt việc tải phân đi trong một thời gian và động viên những trại viên khỏe nhất và có giày tốt nhất đi thu nhặt củi. Một nhóm độ hai chục trai tráng được thành lập, trong đó tất cả những trại viên tích cực: Burun, Biêlukhin, Vecsonep, Vôlôkhôp, Ôtxatsi, Tsôbô và những đứa khác. Chúng đi từ sáng tinh mơ, các túi nhét đầy bánh mì, và ở cả ngay trong rừng. Đến chiều con đường lát đá tảng của trại được trang trí bằng những đống cành khô mà Antôn, làm bộ mặt khinh khỉnh, đến thu về bằng một chiếc xe trượt có hai ngựa kéo.

Bọn trẻ trở về trại, đói mèm và vui nhộn. Thường thường chúng điếm xuyết cuộc trở về ấy bằng một trò chơi độc đáo, trong đó có lẫn một vài tàn tích của cái quá khứ bất hảo của chúng. Trong khi Antôn

với hai đứa nữa chắt củi lên xe trượt, các đứa còn lại chơi đuổi nhau trong rừng: những trò trò đùa ấy được kết thúc bằng một cuộc vật lộn và bắt cướp. Những tên “lục lâm” bắt được bị giải về trại do một toán quân vũ trang bằng rìu và cưa. Chúng bị đẩy vào phòng giấy tôi với những lời bông lơn tha hồ đùa dầy. Trong phòng có Ôtxatsi hoặc Kôrytô trước kia đã ở trong bầy Maknô^[75] và bị cụt một ngón tay ở đây nữa, âm ỹ giục giã tôi quyết định.

- Chặt đầu chúng hay là đem bắn? Bây giờ chúng mang khí giới chạy loạn khắp rừng, hình như bọn chúng đông lắm thì phải.

Cuộc thẩm vấn bắt đầu. Vôlôkhốp cau mày, tra khảo Biêlukhin:

- Nói đi, chúng mày có bao nhiêu tiểu liên?

Biêlukhin cười không thở được, hỏi lại:

- Tiểu liên là cái gì cơ? Có ăn được không?

- Ăn tiểu liên? À, cái đồ mày là mồm kẻ cướp!.

- Không ăn được à? Nếu thế thì tớ chả thích tiểu liên.

Đối với Fêđôrenkô, quê mùa tột độ, chúng hỏi độp ngay:

- Mày hãy thú nhận là đã ở trong bầy Maknô đi!

Fêđôrenkô hiểu được khá mau nên trả lời thế nào để hợp với trò chơi:

- Có, tôi có ở trong ấy.

- Thế mày đã làm gì trong đó?

Trong khi Fêđôrenkô ngẫm nghĩ câu đáp, có đứa nào ở sau lưng nó bắt chước cái giọng vừa buồn ngủ vừa ngốc nghếch của chính nó mà trả lời thay:

- Tôi giữ bò ạ.

Fêđôrenkô nhìn vòng quanh, chỉ thấy toàn những bộ mặt ngây thơ vô tội. Mọi người cười rữ. Bối rối, nó bắt đầu lạc mất ý nghĩa cái trò chơi mà nó đã vất vả lắm mới nhập điệu được, thì đúng lúc ấy một câu hỏi mới bỗng giáng xuống đầu nó:

- Người ta có thắng bò vào các xe tátsăngka không?

Lần này thì đâm ra loạn hẳn, Fêđôrenkô gỡ mình bằng cái câu hỏi cổ điển của gã quê kệch hốt hoảng:

- Gì cơ?

Kôrytô nhìn nó với vẻ tức giận ghê gớm, rồi quay sang phía tôi, nói nhỏ một cách gay gắt:

- Cho lên máy treo cổ? Thằng này là một tên súc sinh ghê gớm: cứ nhìn mắt nó thì đủ biết.

Tôi trả lời theo giọng:

- Phải, nó không đáng được khoan hồng một chút nào. Cho nó lên phòng ăn và tống cho nó khẩu phần gấp đôi.

- Hình phạt kinh khủng! Kôrytô kêu lên thê thảm.

Biêlukhin nói liền thoắt:

- Nói cho thực ra, thì tôi cũng là một tay cướp ghê gớm... và tôi cũng đã giữ bò ở nhà mụ Marutxia...

Bấy giờ Fêđôrenkô mới mỉm cười và ngậm cái mồm kinh ngạc của nó lại. Bọn trẻ bắt đầu trao đổi cảm tưởng về công việc đã làm. Burun kể chuyện:

- Đội của chúng cháu hôm nay đã giao mười hai xe chứ không kém. Chúng cháu đã bảo bác là đến lễ Thiên chúa giáng sinh sẽ có một nghìn pút củi, thì thế nào cũng sẽ có!

Cái tiếng “đội” là một tiếng của thời kỳ cách mạng, của những hồi mà các làn sóng cách mạng chưa sắp hàng thành những đội hình trung đoàn và sư đoàn chính quy. Chiến tranh du kích, tiếp diễn rất lâu ở xứ Ukren chúng tôi, chỉ toàn tiến hành bằng các đội. Đội có thể gồm đến mấy nghìn người, và dưới một trăm người: đội nào cũng có những thành tích chiến công và những sào huyệt trú ẩn của mình trong rừng.

Bọn trẻ của trại lao động chúng tôi thích thú hơn hết cái phong vị lãng mạn chinh chiến và du kích của cuộc chiến đấu cách mạng. Ngay cả đến những đứa mà số phận trở trêu đã ném vào hàng ngũ những kẻ thù của giai cấp, điều mà chúng tìm thấy đầu tiên ở đó cũng là cái khí vị lãng mạn hấp dẫn ấy. Phần đông chúng không hiểu được và cũng không biết gì hết về bản chất của cuộc chiến đấu, cùng những mâu thuẫn giai cấp, vì thế cho nên chính quyền xô-viết đã không trừng trị chúng và gửi chúng đến trại.

Mặc dầu chỉ mới được võ trang bằng rìu và cưa, đội quân thành lập trong rừng của chúng tôi cũng không vì thế mà kém gọi nhớ lại cách sinh hoạt thân mật và thâm thiết của đội quân du kích nọ, còn sống sót trong trí óc bọn trẻ nếu không phải do ký ức, thì cũng là do vô số chuyện kể và truyền thuyết.

Tôi không muốn làm trở ngại cái trò chơi bán tự giác đó của những bản năng cách mạng ở các trại viên. Những ông đại ra mực trong giới sư phạm, đã phản đối các đội cũng như những cuộc tập luyện quân sự của chúng tôi, chỉ là những người không thể nào hiểu được nội dung những cái đó ra sao. Các đội quân du kích không nhắc nhở được cho các ông những kỷ niệm thú vị: chúng đã sẵn sàng dùng súng ngắn và bắn vào các căn phòng nhỏ ẩm cúng và vào tâm lý các ông, không nể nang “tài cao học rộng” và những nếp trán dăn của các ông.

Song các ông chẳng làm được gì cả. Mặc các ông hần học, trại cứ bắt đầu thành lập đội.

Trong đội kiểm củi, Burun vẫn giữ vai trò đầu và chẳng có ai tranh giành với hắn cái vinh dự ấy. Theo tinh thần trò chơi, mọi người gọi hắn là ataman.

Tôi bảo:

- Cái tên ấy không hợp. Chỉ ở trong đám thổ phi mới có ataman.

Bọn trẻ cãi:

- Sao lại ở trong đám thổ phi? quân du kích cũng có đấy (có nhiều ataman đã đi theo quân du kích đỏ).

- Trong Hồng quân, người ta không gọi ataman.

- Trong Hồng quân, người ta gọi là đội trưởng. Nhưng từ bọn mình đến Hồng quân thì còn xa.

- Chẳng xa lắm đâu, và đội trưởng nghe hay hơn.

Việc chặt củi đã xong: đến ngày đầu năm chúng tôi đã có được hơn một nghìn pút củi. Nhưng đội của Burun không giải tán: toàn đội chuyển sang làm những lớp đất ủ ở trại thứ hai. Đội đi làm từ sáng sớm, ăn bữa ở ngoài, và đến chiều mới về.

Một lần Zadôrôp có ý kiến với tôi:

- Trại ta thu xếp ra sao vậy? Có đội của thằng Burun, thế còn những đứa khác thì sao?

Chẳng cần phải suy nghĩ lâu lai gì. Hồi đó ở trại đã có cáo thị hàng ngày; trại bèn thông tri cho mọi người biết việc thành lập một đội thứ hai, do Zadôrôp làm đội trưởng. Đội này hoàn toàn phân phối vào công tác ở các xưởng, và Burun nhường lại cho nó những tay thợ thành thạo như Biêlukhin và

Vecsonep.

Rồi sau hệ thống tổ chức đó phát triển rất mau. Ở trại thứ hai thành lập các đội thứ ba và thứ tư, đội nào cũng đều có đội trưởng. Các nữ sinh họp thành đội thứ năm dưới quyền chỉ huy của Naxchia Nôtsêvnaia.

Đến mùa xuân thì tổ chức đó đi tới chỗ chế định hẳn hoi. Các đội trở thành nhỏ hơn và đáp ứng chủ trương phân chia trại viên theo các xưởng. Tôi còn nhớ rằng đội thợ giày bao giờ cũng mang số một, đội thợ rèn số sáu, đội mã phu số hai, đội chuồng lợn số mười. Lúc đầu chúng tôi chẳng có một quy chế nào hết. Các đội trưởng do tôi chỉ định, nhưng tôi càng ngày càng hay triệu tập chúng họp, cho nên bọn trẻ đã gọi luôn các buổi họp đó bằng một cái tên mới và hay hơn là “hội đồng đội trưởng”. Không bao lâu tôi tập tành thói quen không làm một việc gì quan trọng mà không có ý kiến của hội đồng; dần dần việc bổ nhiệm đội trưởng cũng giao cho nó, thành thử nó tự bổ sung lấy bằng cách tự tuyển. Mãi về sau này mới đạt tới chế độ chính thức tuyển cử và quy định trách nhiệm các đội trưởng, nhưng tôi không bao giờ coi sự tuyển cử ấy là một điều tiến bộ, và bây giờ tôi cũng vẫn giữ ý kiến ấy. Việc chọn lựa một đội trưởng mới do hội đồng bao giờ cũng qua một cuộc thảo luận rất cẩn thận. Nhờ cách hội đồng tự tuyển chúng tôi bao giờ cũng có được những đội trưởng thật sự xuất sắc, và đồng thời chúng tôi có một hội đồng không bao giờ ngừng hoạt động và không bao giờ từ chức.

Một qui tắc rất quan trọng, và vẫn còn giữ cho tới bây giờ, là tuyệt đối không cho người đội trưởng được hưởng một đặc quyền nào hết: hẳn không bao giờ lĩnh một máy may gì phụ họa, và không bao giờ được miễn công tác thường ngày.

Đến mùa xuân năm 1923^[76] chúng tôi chuyển sang một bước cải tiến cực kỳ trọng yếu của chế độ các đội. Sự cải tiến ấy thực tế là một phát minh chủ yếu nhất của tập thể chúng tôi suốt quá trình mười ba năm lịch sử của nó. Chỉ nhờ có biện pháp đó mà các đội của chúng tôi có thể biến thành một tập thể chân chính, mạnh mẽ và thống nhất: ở cái tập thể ấy có sự phân biệt trong công tác và trong tổ chức, có dân chủ ở toàn thể hội nghị, có phục tùng mệnh lệnh và phụ thuộc giữa anh em đồng chí với nhau, song không hình thành ra một giai cấp quý tộc, dưới hình thức một tầng lớp đội trưởng.

Sự phát minh đó là đội đặc biệt.

Những người phản đối chế độ của chúng tôi đã công kích rất dữ cái mà họ gọi là lỗi tư phạm thầy quyền, nhưng họ chưa bao giờ trông thấy một trong những đội trưởng bằng xương bằng thịt của chúng tôi làm việc. Song cái đó cũng chưa phải là điều quan trọng nhất. Điều quan trọng nhất là ngay đến đội đặc biệt họ cũng chưa từng bao giờ nghe nói tới, vì thế nên họ chẳng có một ý niệm gì về cái phân tu chính chủ yếu và quyết định của chế độ ấy.

Đội đặc biệt sở dĩ ra đời là do hồi ấy chúng tôi chủ yếu làm công tác nông nghiệp. Chúng tôi có gần bảy mươi dêxiatin ruộng đất, và đến mùa hè thì Sêrê đòi hỏi sự giúp sức của tất cả mọi người. Mỗi trại viên đồng thời vẫn muốn được sung dụng vào xưởng này hay xưởng nọ, không ai muốn cắt đứt quan hệ với các xưởng đó hết: ai cũng coi nông nghiệp là một phương tiện bảo đảm và cải thiện sinh hoạt của trại, còn công xưởng thì là kỹ thuật chuyên môn. Về mùa đông, khi các công việc đồng áng giảm tới mức tối thiểu xưởng nào xưởng nấy đều đầy ắp, nhưng cứ sang tháng giêng một cái là Sêrê đã bắt đầu đòi người để làm vào các việc nhà kính ươm và phân bón, và những đòi hỏi của anh chỉ có ngày một tăng thêm.

Do sự luôn luôn thay đổi về địa điểm và tính cách, các công tác nông nghiệp bắt buộc phải ứng biến phân phối tập thể của chúng tôi tùy theo nhiệm vụ. Ngay từ đầu chúng tôi đã thấy chủ chốt là phải lập những đội trưởng được có uy quyền nhất thống để lãnh đạo các công tác và chịu hoàn toàn trách nhiệm, nhất là Sêrê lại kiên quyết yêu cầu để cho một trại viên đảm nhiệm từ kỷ luật, dụng cụ, đến việc

tiên hành và phẩm chất công tác. Đó là một sự đòi hỏi mà ngày này có lẽ không ai phản đối cả, và hồi đó hình như cũng chỉ có các nhà sư phạm phản đối thôi.

Sự cần thiết của tổ chức chúng tôi một khi được hiểu rõ, thì nó đưa chúng tôi đi tới đội đặc biệt.

Đó là một nhóm tạm thời, được lập ra trong một tuần lễ là nhiều nhất và được giao cho một nhiệm vụ nhất định: giầy cỏ ruộng khoai tây này, cây mảnh đất kia, lọc rửa hạt giống, vận chuyển phân, gieo hạt, v.v...

Công tác khác nhau yêu cầu số người khác nhau: có khi hai người, có khi năm, tám, hai mươi. Công tác của các đội đặc biệt cũng khác nhau về thời gian. Về mùa đông, khi các trẻ phải học ở nhà trường của trại, thì chúng luân phiên làm hai kíp, công tác cho đến bữa ăn sáng hay là sau đó. Hết năm học, chế độ công tác mỗi ngày sáu giờ được đặt ra, tất cả mọi người làm việc cùng một lúc, song sự cần thiết phải tận dụng các sinh sức và nông cụ khiến một phần bọn trẻ làm việc từ sáu giờ sáng đến trưa và những đứa khác từ trưa đến sáu giờ chiều. Đôi khi có nhiều công tác dồn dập quá, chúng tôi phải kéo dài thêm ngày lao động.

Thời gian và tính chất rất khác nhau của các công tác cũng quyết định thành phần thay đổi khác nhau của các đội đặc biệt. Có cả một bảng liệt kê những đội đó, gần giống những bảng giờ xe lửa.

Ở trại, ai cũng biết rất rõ là đội đặc biệt ba “O” nhất định phải làm việc ở vườn rau, từ tám giờ sáng đến bốn giờ chiều, có một quãng thì giờ nghỉ để ăn, còn đội ba “S” thì phải làm ở vườn cây ăn quả, đội ba “R” sửa chữa công cụ, đội ba “P” ở các khung kính âm; đội đặc biệt một làm việc từ sáu giờ sáng đến trưa, đội hai từ trưa đến sáu giờ chiều. Không bao lâu cái bảng liệt kê ấy gồm có đến mười ba đội đặc biệt.

Chúng được thành lập ra duy nhất vì một nhiệm vụ rõ rệt. Công việc làm xong và bọn trẻ trở về trại, và lập tức đội đặc biệt không còn nữa.

Mỗi trại viên biết đội cố định của mình, đội đó có đội trưởng chính thức, có vị trí nhất định trong hệ thống các xưởng, ở phòng ngủ và ở phòng ăn. Đó là đơn vị tập thể sơ cấp của các trại viên, và người chỉ huy nó nhất định phải là thành viên của hội đồng đội trưởng. Nhưng, từ mùa xuân trở đi và nhất là càng gần đến mùa thu, trại viên thường lại càng phải sung luôn độ một tuần lễ vào một đội đặc biệt, chỉ định đi làm việc này hay việc nọ. Đội này có thể chỉ gồm tất cả hai đứa trẻ, nhưng không phải vì thế mà một trong hai đứa không được bổ nhiệm làm đội trưởng. Nó lãnh đạo công tác và chịu trách nhiệm. Nhưng một khi hết ngày lao động, thì đội đặc biệt cũng giải tán ngay.

Mỗi đội đặc biệt được thành lập cho một tuần lễ, và do đó mỗi trại viên, sang tuần lễ sau, lại sung vào một đơn vị mới tạm thời như thế, để làm một công tác khác, và dưới quyền chỉ huy của một đội trưởng khác, cũng được chỉ định trong một tuần lễ do hội đồng đội trưởng. Sau đó đội trưởng được điều sang một đội đặc biệt khác, nhưng thường không giữ danh vị chỉ huy nữa, mà cũng lại đứng vào hàng ngũ.

Hội đồng đội trưởng bao giờ cũng chú ý làm thế nào cho tất cả các trại viên, trừ những đứa không có khả năng nhất, được lần lượt đảm nhận nhiệm vụ làm đội trưởng một đội đặc biệt. Như thế là đúng, vì nhiệm vụ đó có một phần lớn trách nhiệm và lo âu. Nhờ chế độ ấy, đa số các trại viên không những chỉ tham gia lao động công nhân mà tham gia cả công tác tổ chức. Đó là một việc cực kỳ quan trọng, và đúng là hợp với yêu cầu của nền giáo dục cộng sản. Đó cũng là lý do tại sao, và sự này đập ngay vào mắt, trong năm 1926 trại chúng tôi đã xuất sắc trội lên vì khả năng thích ứng và tái thích ứng vào mọi công tác. Về mỗi chi tiết cá biệt chấp hành nhiệm vụ, trại bao giờ cũng có thừa thãi những tay tổ chức và chỉ huy giỏi, toàn là những người có thể tin cậy được.

Vai trò của đội trưởng đội cố định trở thành hết sức bình thường đơn giản. Họ hầu như không bao

giờ cầm đầu những đội “đặc biệt”, cho rằng họ đã có khá nhiều việc khác phải làm rồi. Nhưng họ đi làm, với danh nghĩa là đội viên thường của một đội đặc biệt, dưới quyền của đội trưởng tạm thời của nó, tay này thường lại là đội viên của chính đội cố định của họ. Như thế là ở trại đã hình thành một dây chuyền rất phức tạp của sự tùy thuộc lẫn nhau, khiến không một trại viên nào còn có thể tách rời khỏi tập thể để thống trị nó được nữa.

Chế độ các đội đặc biệt đã làm cho sinh hoạt của trại trở nên cực kỳ mạnh mẽ và đầy hứng thú, do sự luân chuyển những chức năng lao động và tổ chức, thay lượt nắm quyền chỉ huy và chịu phục tùng, hoạt động tập thể và hoạt động cá nhân xen kẽ lẫn nhau.

26. NHỮNG QUÁI VẬT CỦA TRẠI THỨ HAI

Chúng tôi tu sửa trại Trepkơ đã từ hơn hai năm nay, thế mà sang đến mùa xuân năm 1923 chúng tôi bỗng nhận thấy một cách hầu như bất ngờ rằng chúng tôi đã làm được khá nhiều công việc ở đó, và trại thứ hai bắt đầu đóng một vai trò rất lớn trong cuộc sống của chúng tôi. Khu vực hoạt động chính của Sêrê là ở bên ấy: chuồng bò, chuồng ngựa, chuồng lợn. Sang đầu mùa hè, sự sinh hoạt ở đây không còn lạng ngu như trước nữa, mà sục sôi thật sự.

Tuy nhiên, trong một thời gian nữa, những đội đặc biệt của trại thứ nhất vẫn còn là những nhân tố tích cực của sự sinh hoạt ấy. Suốt ngày người ta trông thấy chúng hầu như không ngớt đi lại giữa hai trại trên các bờ ruộng và các đường nhỏ quanh co: những đội này vội vã sang trại thứ hai làm việc, những đội khác hồi hả trở về trại thứ nhất để ăn bữa sáng hay bữa chiều.

Đội kéo thành một dòng dài đi mau bước, thoát đã hết đoạn đường. Óc sáng kiến và sự mạnh dạn của tuổi trẻ không chịu để cho những lợi ích tư hữu và những ranh giới ruộng đất riêng làm cho phải bối rối. Hồi mới đầu, dân cư trong xóm còn cố làm trở ngại, nhưng họ đã sớm nhận thấy là vô hi vọng: với một sự thản nhiên vui vẻ, các trại viên cứ tiến hành sửa đổi các đường lối ngoằn ngoèo giữa các trại ấp, kiên nhẫn chữa lại chúng để tiến tới thực hiện các lý tưởng: con đường thẳng. Khi nào vạch kẻ thẳng đi qua vườn một trang trại, tất cả công việc không phải chỉ có là giải quyết vấn đề theo hình học, mà còn phải làm cho một vài thứ, như chó, bờ gấu, hàng rào và cổng ngõ trở thành vô hiệu.

Dễ nhất là chó: chúng tôi có khá đủ bánh mì, và dù không có phương tiện ấy nữa, những con chó của nông dân, tự đáy lòng chúng, cũng sẵn có rất nhiều thiện cảm đối với các trại viên. Đời sống làm chó tỉnh nhỏ của chúng vốn buồn tẻ, thiếu những ấn tượng mạnh mẽ và những trận cười lành mạnh, nay đột nhiên có được nhiều kinh nghiệm mới mẻ và thích thú: người đồng đảo tập nập, chuyện trò thú vị, có thể chơi một hiệp đánh vật theo kiểu Hy-La trên đồng rom gần nhất, và sau cùng, khoái tuyệt là được nhảy lon ton theo bước đi nhanh của một đội, ngoạm lấy một cành cây ở tay một chú nhỏ, chú đó có khi buộc một dải lụa màu rực rỡ vào cổ cho mình. Ngay cả đến những đại biểu bị xích của giới sen đầm bốn chân cũng tỏ ra là những phần tử phản chủ, nhất là mục tiêu chủ yếu cho những hành động công kích của chúng lại thiếu, vì cứ bắt đầu sang xuân là các trại viên không mặc quần dài nữa: quần soóc vệ sinh hơn, gọn hơn, và rẻ tiền hơn.

Bắt đầu từ sự bội phản của những con chó Brôpka, Xeckô, và Kaburzđôk không chịu làm bốn phần, sự chán nản của dân trong các làng cứ mỗi ngày một tăng và kết quả khiến cho thành vô hiệu những chương ngại vật cuối cùng chống lại việc nắn thẳng con đường từ trại đi ra sông Kôlômak. Đầu tiên chạy sang phe chúng tôi là những thằng Andri, Mikita, Nêtsipô và Mikôla, những đứa trẻ từ mười sáu đến mười sáu tuổi, bị quyến rũ bởi tính chất lãng mạn của đời sống và lao động của chúng tôi. Chúng đã từ lâu nghe thấy những tiếng kèn gọi của chúng tôi; đã từ lâu chúng cảm thấy thấm thía cái êm ấm khôn tả xiết được sống trong một tập thể lớn và vui vẻ, và bây giờ người ta thấy chúng há hốc mồm thán phục trước tất cả những dấu hiệu của một hoạt động nhân loại cao quý nọ, tí như “đội đặc biệt”, các “đội trưởng”, và đẹp đẽ hơn nữa, việc làm “báo cáo”. Những đứa anh lớn của chúng chú ý đến những phương pháp mới về nông nghiệp: kiểu “hưu canh theo lối Khecxôn” làm cho chúng trở lại gần gũi không những với trái tim các trại viên mà còn với cả đồng ruộng và cái máy gieo hạt của chúng tôi. Từ nay đã thành lệ quen là cứ mỗi đội đặc biệt của chúng tôi lại có thêm một bạn thân nào đó trong xóm nhập vào, giấu đem theo ra luống cày cái cuốc hay cái xẻng của mình. Buổi tối những đứa trẻ đó cũng đến đầy trại, và dần dần chúng đã trở thành một phần phụ thuộc không thể thiếu của trại, từ lúc nào không biết. Cứ nhìn ánh mắt chúng đủ thấy rằng trở thành trại viên là mộng tưởng của đời chúng. Một vài đứa đã được toại nguyện, do những xung đột về gia đình, về tập quán hay tôn giáo, đã rút

chúng ra khỏi tình ôm ấp của cha.

Và sau cùng xóm làng đã hoàn toàn bị tan rã vì cái sức mạnh lớn nhất trên đời: các cô gái làng không cưỡng lại nổi sức hấp dẫn của chú trại viên bắp chân để trần, chỉnh chệch, vui vẻ và có giáo dục. Các tay đại biểu của phe nam giới ở địa phương bất lực vì không cống hiến được cái gì có thể đánh bật được cái duyên đó, nhất là các trại viên không vội lợi dụng sự thiếu tự vệ của các cô trinh nữ sợ sệt đó: họ không thui các cô vào giữa hai bả vai, không trêu ghẹo ngược đãi các cô. Vào hồi đó lớp trại viên cũ của chúng tôi sắp đến lúc vào trường trung học công nông và vào đoàn Kôm-xô-môn; họ bắt đầu ưa chuộng những phép lịch sự tế nhị và những thú vui của một cuộc nói chuyện lý thú.

Những thiện cảm của các cô gái trong xóm hồi bấy giờ chưa có tính cách là tình ái. Các cô cũng thân thiện hoà hảo cả với các nữ sinh của trại, vì họ thông minh hơn và có vẻ “thị thành” hơn, nhưng đồng thời không làm ra bộ “tiểu thư”. Tình ái và những chuyện yêu đương rắc rối mãi về sau này mới có. Cho nên các cô thiếu nữ chú ý tìm thú vui bầu bạn nhiều hơn là những cuộc hẹn hò và những khúc tình ca của họa mi. Từng nhóm nhỏ, các cô càng ngày càng năng lui tới trại. Các cô còn sợ đi một mình vào khu vực trại. Ngồi sát vai nhau thành hàng trên các ghế dài, các cô thăm thía tiếp thu những ấn tượng hết sức mới mẻ, không bỏ sót một giọt nào. Có thể là việc cấm cản chặt hạt quỳ không những ở trong phòng mà cả ở ngoài sân khiến các cô lấy làm quái lạ quá sức chăng.

Nhờ có những thiện cảm của thể hệ trẻ đối với chúng tôi, mà các bờ gấu, hàng rào và cửa ngõ không còn có thể giúp ích cho các chủ nhân của chúng như xưa, để chúng thực sự bất khả xâm phạm của các đất đai tư hữu nữa. Do đó các trại viên không bao lâu còn đẩy mạnh sự tảo bạo tới chỗ làm hấn những “cầu nhảy” ở những chỗ khó qua nhất. Ở nước Nga, hình như người ta không biết tới cách cải lương đường lối giao thông đó. Cách đó là bắc qua bờ gấu một tấm ván có hai chiếc cọc chống đỡ.

Phải thú nhận rằng việc nắn lại con đường từ sông Kô-lô-mak về trại, cũng đã làm thiệt hại đến các nương gieo lúa. Song, dù sao đi nữa, sang mùa xuân năm 1923, kể là một tuyến giao thông lớn thì con đường đó cũng có thể cạnh tranh được với đường xe lửa Mạc-tư-khoa – Lê-nin-grát. Sự đó làm cho công tác của đội đặc biệt của chúng tôi được giảm nhẹ rất nhiều.

Bữa ăn buổi sáng, đội đặc biệt được ăn trước. Đến mười hai giờ hai mươi nó đã ăn xong và chuẩn bị đi ngay. Giáo viên trực nhật ở trại giao cho nó một tờ giấy, trong đó có ghi đủ mọi điều cần thiết: số của đội, danh sách các đội viên, tên đội trưởng, công tác chỉ định và thời hạn chấp hành. Trong công việc này Sê-rê đã vận dụng một sự chính xác toán học đến cao độ: khối lượng công tác được tính sát đến từng thước và và từng kilô.

Đội mau mắn lên đường. Chỉ năm sáu phút sau người ta đã thấy hàng dài của nó đi ra ngoài cánh đồng. Kia nó đã nhảy qua một bờ gấu và biến ngay giữa các khu nhà. Theo chân nó, cách một đoạn đường dài hay ngắn do câu chuyện lâu hay chóng với giáo viên trực nhật quyết định, đội sau ra đi, đội ba “K” hay đội ba “S”. Không bao lâu những dòng người của các đội đã kẻ vạch khắp cánh đồng. Nhưng Tô-xka, ngồi trên nóc kho gầy rượi, đã kêu lên bằng cái giọng sang sảng của nó:

- Đội một “B” về kìa!

Quả thực người ta trông thấy đội một “B” đi ngoằn ngoèo ra khỏi những bờ gấu trong xóm. Đội đó bao giờ cũng làm công tác cày ruộng hay gieo hạt, nói chung là những việc cần đến ngựa. Nó ra đi từ năm giờ rưỡi sáng, dưới sự chỉ huy của Biê-lukhin. Và đúng là hấn mà Tô-xka đã nhìn thấy từ trên mái nhà cao. Vài phút sau, đội một “B” – sáu trại viên – đã vào sân trại. Trong khi đội của hấn ra ngồi bàn ăn ở ngoài rừng, Biê-lukhin trao tờ báo cáo cho giáo viên trực nhật. Rô-dim-tsik đã ghi vào đây giờ đến trại thứ hai và công việc đã làm.

Biêlukhin vui vẻ, như thường lệ:

- Chúng cháu bị chậm mất năm phút, chú ạ. Vì lỗi của đội thuyền. Chúng cháu cần đến thuyền để đi là, nhưng thằng Michia nó lại chở những đứa đầu cơ.

- Những đứa đầu cơ nào? giáo viên trực nhật tò mò hỏi.

- Cháu nói thật đấy! Chúng nó đến để thuê vườn cây ăn quả.

- Thế sao?

- Cháu mới không cho chúng rời bờ sông: các người nghĩ thế nào, tưởng sẽ sang chèn tảo của chúng tớ, trong khi chúng tớ đứng nhìn các người hảnh? Quay lại đi, công dân đồng bào ơi, trở về nơi các người xuất phát!. A, bác Antôn Xêmiônôvich, xin chào bác, công việc chạy không hờ bác?

- Chào Matvây.

- Bác hãy nói thật cho cháu biết, liệu nay mai có tổng Rôđimitsik đi khỏi trại bên ấy không? Vì rằng, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, thực là đến phát ngượng lên với hảnh. Cái con người ấy, cứ trông hảnh kéo lê quanh trại, cũng đủ ốm rồi. Ngay đến làm việc với hảnh cũng chả ai muốn, thế mà lại còn phải đưa cho hảnh ký các tờ báo cáo. Có nghĩa lý gì không?

Các trại viên hết thấy đều chán ghét cái anh chàng Rôđimitsik ấy.

Ở bên trại thứ hai hồi đó có hơn hai chục trại viên, công việc cũng bận ngập đầu. Sêrê chỉ giao các công việc đồng áng cho các đội đặc biệt của trại thứ nhất gửi sang. Còn chuồng ngựa, chuồng bò, chuồng lợn – chuồng này không ngừng lớn thêm mãi – đều do bọn trẻ ở tại chỗ phục vụ. Việc chỉnh đốn lại vườn cây quả thu hút rất nhiều nhân công. Vườn đó, rộng bốn dêxiatin, và có vô số những cây non rất tốt. Sêrê đã làm những công việc vĩ đại ở đây. Đất đã được xới lên tất cả, cây cối được cắt tỉa, trừ bỏ mọi thứ bẩn thỉu, khu đất rộng trồng phúc bồn đã được dọn sạch quang; đường đi đã kẻ và các bồn đã được vạch anh. Mùa xuân đó các cây mới của nhà kính ẩm đã bói quả. Các trại viên cũng làm việc rất nhiều ở bờ sông, đào máng và phát cỏ lác.

Công việc phục hồi trại áp cũ đã gần xong. Ngay đến cái chuồng ngựa, xây bằng bê-tông rỗng, cũng không còn bày ra cái cảnh bực mình là mái thủng nữa nó đã được lợp các-tông bồi bi-tum, và ở bên trong các thợ mộc đã hoàn thành dựng các ngăn chuồng để nuôi lợn. Theo sự tính toán của Sêrê, nếp nhà đó phải chứa được một trăm rưỡi con lợn.

Các trại viên không thích sống ở trại thứ hai lắm, nhất là về mùa đông. Chúng tôi đã quen với chỗ cũ, và mọi cái ở đây đã đi sâu vào nền nếp nhiều rồi, nên chúng tôi hầu như không nhìn nhận thấy những ngôi nhà hình hộp bằng đá tẻ ngắt kia cũng không thấy là chúng hoàn toàn thiếu vẻ đẹp và vẻ nên thơ nữa. Một trật tự toán học, sự sạch sẽ và sự ăn khớp sít sao của từng sự vật rất nhỏ ở đây thay cho vẻ đẹp.

Mặc dầu cây cối xanh um, cảnh trí hữu tình ở giữa vòng uốn khúc của sông Kôlômak, và trên bờ sông cheo leo là vườn cây quả, với những toà nhà khang trang đẹp đẽ, trại thứ hai cũng mới chỉ nửa chừng thoát khỏi cảnh điêu tàn hỗn loạn, còn ngổn ngang những gạch vữa vụn, bộ mặt khác đi vì những hố vôi, và cỏ dại rậm rịt đến nỗi đôi khi tôi phải tự hỏi không biết rồi đây liệu chúng tôi có giấy nổi cho quang được chăng.

Mọi cái ở đây chưa được hoàn chỉnh cho cuộc sinh hoạt: các phòng ngủ thì tốt, nhưng không có phòng ăn, và bếp, nói cho đúng ra, cũng không có. Một cái bếp tạm bợ đã được dựng lên, nhưng hầm chứa chưa làm xong. Nghiêm trọng nhất là vấn đề giáo viên. Ở trại thứ hai, không có người có khả năng sáng kiến.

Các trại viên đã hoàn thành được một khối lượng công tác rất lớn để phục hồi trại thứ hai, với bao

hiều nhiệt tình hăng hái và vui vẻ, song tình hình đó khiến chúng không thích sống ở bên ấy. Bratsenkô sẵn sàng mỗi ngày đi hơn hai chục cây số từ trại nọ sang trại kia, nó bằng lòng ăn đói và ngủ ít đi, nhưng nó coi như là mất danh dự nếu bị chuyển sang đó. Ngay cả đến Ôtxatsi cũng nói:

- Tớ thà bỏ trại còn hơn sang bên Trepko.

Hồi đó tất cả những đứa trẻ có tính cách nổi bật của trại thứ nhất đã hình thành nên một tập thể vô cùng thân mật đoàn kết, thành thử muốn tách bất cứ một đứa nào ra khỏi cái tập thể ấy thực chẳng khác phải chặt vào da thịt nó. Đưa những đứa trẻ đó sang trại thứ hai thì sẽ làm hại cả trại ấy lẫn những tính cách của chính bản thân chúng. Chúng hiểu rõ như thế lắm. Karabanốp nói:

- Chúng cháu ở đây khác nào những con ngựa tốt còn nhỏ. Chẳng hạn, một thằng như thằng Burun, thì chỉ có việc thắng nó vào xe cho tử tế: cứ tặc lưỡi một cái là tự khắc nó hếch mũi lên giòi và kéo xe ngoan ngoãn, còn như buông thả mặc nó làm, thì nó sẽ văng ngay cả thân xác nó lẫn xe xuống chân dốc cho mà xem.

Do đó ở trại thứ hai bắt đầu hình thành một cái tập thể hoàn toàn khác hẳn về phong cách và giá trị. Những đứa trẻ vào bên đó là những đứa không lấy gì làm xuất sắc lắm, không lấy gì làm hoạt động lắm, và cũng không lấy gì làm khó tính khó nết lắm. Vì thế cái tập thể của chúng thiếu sự thuần thực, nó là kết quả của một sự chọn lọc căn cứ vào những quan điểm sư phạm.

Tình cờ cũng có những cá tính dễ thương ở bên ấy vượt lên khỏi đám quần chúng bé con, hoặc đột nhiên nổi bật giữa bọn trẻ mới đến, song hồi đó những cá tính ấy chưa có dịp được tôi luyện thử thách và chúng cũng lẫn biến mất vào đám đông mờ nhạt của “tụi Trepko”.

Song bọn “nhãi Trepko” nói chung đều kém cỏi đến mức khiến tôi với các giáo viên và các trại viên này càng thêm chán nản: chúng lười biếng, bần thủ, và lại có cả đến khuynh hướng mắc vào cái tội chết người là đi ăn xin nữa. Chúng luôn luôn thèm thuồng nhìn trại thứ nhất, và suốt đời thăm thì bàn bạc với nhau, nói chuyện nào là ở trại thứ nhất được ăn những gì bữa sáng, bữa chiều, nào là những thực phẩm đem cất vào các hầm chứa bên ấy, và những lý do tại sao các thứ đó không đưa sang cho chúng. Không dám phản kháng mạnh bạo và trực tiếp, chúng cứ xì xào trong các xó nhà và quấy nhiễu các đại biểu chính thức của chúng tôi bằng những yêu sách khó chịu của chúng.

Các trại viên của chúng tôi bắt đầu có một thái độ hơi khinh bỉ đối với bọn “Nhãi Trepko”. Zadôrốp hoặc Vôlôkhốp đã có lần đem về theo một đứa hay kêu ca ở trại thứ hai, đẩy nó vào bếp mà yêu cầu:

- Các bác hãy cho cái thằng chết đói này ăn cho tôi nhờ với.

Vì tự ái giả dối, thằng “chết đói” tất nhiên từ chối không ăn. Thực ra thì những đứa trẻ ở trại thứ hai được ăn uống tốt hơn cả. Vườn rau của chúng gần hơn, chúng có thể mua vài thứ ở nhà máy xay gió, và hơn nữa chúng lại có bò cái. Sữa khô đem đến trại chúng tôi: trại ở xa, và chúng tôi thì thiếu nhựa.

Cái tập thể hình thành ở trại mới vừa lười biếng vừa hay than phiền. Như trên đã trình bày, lỗi là do nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết là do sự thiếu nòng cốt và sự bất lực của các giáo viên.

Họ không muốn đến trại chúng tôi: lương bổng thì đơn bạc, mà công tác lại khó khăn. Sau cùng sở Giáo dục gửi tới cho chúng tôi những người đầu tiên vớ được: Rôđimtsik, rồi Đêriutsenkô. Họ đem theo vợ con đến và chiếm lấy những chỗ ở tốt nhất của trại. Tôi không phản đối, vì tìm được họ cũng đã là may rồi.

Đêriutsenkô thì thoát trông rõ ngay.^[77] Hẳn trước kia là một người của Petliura.^[78] Hẳn “không biết” tiếng Nga, hẳn đem những ảnh rẻ tiền của Septsenkô^[79] ra trang trí tất cả các phòng của trại, và bắt đầu ngay cái việc duy nhất mà hẳn có thể làm được, là hát những bài hát Ukren.

Hắn còn trẻ. Mặt hắn toàn là những hình xoáy tròn ốc, theo kiểu mặt một người côdắc Zapôrôgô^[80] kỳ quái: ria mép xoắn tít như cái mở nút chai, đầu tóc bù xù cũng thế, và cái ca vát cũng vậy nốt: một cái dải loăn xoăn vòng quanh cổ chiếc áo sơ-mi Ukren thêu hoa. Vậy mà con người ấy lại cứ phải làm những công việc xa lạ đến thành bất kính đối với sự vĩ đại của quốc gia Ukren: nhận phiên trực nhật ở trại, thăm chuồng lợn, ghi giờ đến của các đội đặc biệt, và những hôm đến lượt hắn công tác, thì cũng phải chịu phần công tác với các trại viên. Hắn coi đó là những công việc không cần thiết và vô nghĩa lý, và toàn trại đối với hắn chỉ là một hiện tượng hoàn toàn hảo huyền, chẳng có dính líu gì với thế giới đại sự hết.

Rôdimtsik thì cũng có ích cho trại y như Đêriutsenkô vậy, nhưng lại còn đáng tởm hơn.

Nhân vật này vào trại ba mươi tuổi; trước kia hắn đã làm việc ở nhiều nơi: ở cơ quan hình cảnh, ở các hợp tác xã, ở sở xe lửa, và sau cùng là giáo dục trẻ ở các trại nhi đồng. Hắn có một bộ mặt kỳ dị, trông rất giống một cái ví tiền cũ hỏng và xẹp dẹt. Tất cả các nét trên bộ mặt ấy đều nhàu nát và có phủ một lớp mốc đo đỏ; cái mũi hơi bẹt và treo sang một bên, đôi tai áp vào sọ, dính vào đấy thành hai nếp thịt mềm nhũn và không có sinh khí, cái mồm méo xệch đã từ lâu bị trầy da, hư hỏng và lại sứt mẻ chỗ này chỗ nọ nữa, vì thói quen cắn thả trường kỳ.

Đến trại với gia đình và chiếm ở luôn một căn nhà vừa vặn mới tu sửa xong, Rôdimtsik làm việc một tuần lễ rồi bất thành linh biến mất, để lại cho tôi mảnh giấy nói rằng hắn phải vắng mặt vì một việc rất quan trọng. Ba hôm sau hắn trở về, đi một cái xe tải nông thôn có một con bò cái kéo. Rôdimtsik ra lệnh cho các trại viên để bò vào ở cùng chuồng với các bò của trại. Chính Sêrê cũng có phần ngạc nhiên vì cái việc nhỏ bất ngờ ấy.

Hai hôm sau Rôdimtsik chạy đến phòng tôi để khiếu nại:

- Tôi không bao giờ ngờ rằng ở đây lại có thể đối xử với giáo viên như thế được! Hình như người ta đã quên rằng không phải là thời xưa nữa. Các con tôi với tôi, chúng tôi cũng có quyền được ăn sữa như những người khác. Vì tôi đã tỏ ra là có sáng kiến, không đợi đến nhà nước cấp sữa cho tôi, và tôi đã tự tốn công vất vả, như bác biết đấy, bỏ tiền riêng ít ỏi của tôi ra mua một con bò cái mà tôi đã thân hành đưa về trại, thì tôi tưởng bác phải kết luận rằng đó là một việc đáng khuyến khích, chứ không đòi nào lại là việc đáng bị ngược đãi. Nhưng con bò cái của tôi bị đối xử ra làm sao? Trại có nhiều đụn cỏ khô, trại lại còn mua được của nhà máy xay gió nào cám, nào trấu, và các thứ bã bột khác, với giá rẻ. Thế mà tất cả các bò cái được ăn, còn con của tôi thì nhin đói, và bọn trẻ trả lời tôi với một giọng hết sức thô bỉ: chả thiếu gì người có bò cái. Chúng cọ rửa ngăn chuồng của những con bò khác, nhưng ngăn chuồng bò của tôi thì đã năm hôm^[81] nay chúng không cọ rửa, để cho nó bẩn hết sức. Thành thử chính nhà tôi phải tự thay lấy ổ rơm cho bò thôi. Nhà tôi cũng sẵn lòng làm, nhưng bọn trẻ không cho bà ấy mượn xẻng với chĩa đôi, cũng không cho rơm. Như rơm, vật thử chẳng đáng là bao mà nếu người ta cũng coi trọng đến thế, thì tôi có thể nói trước rằng đã vậy thì tôi sẽ phải có biện pháp cương quyết đối phó. Bây giờ tôi không còn là đảng viên nữa, chuyện đó cũng chẳng làm sao. Trước kia tôi đã ở trong Đảng và tôi đã xứng đáng được đòi hỏi người ta đừng có đối xử với con bò cái của tôi như thế.

Tôi ngậy ra nhìn con người đó, đến nỗi cũng không thể nào hiểu được ngay lúc ấy xem có cách gì đấu tranh với hắn hay không.

- Xin lỗi, đồng chí Rôdimtsik, chuyện ra làm sao thế vậy? Con bò cái đó đúng là của anh, nó là của tư hữu, sao lại có thể để lẫn giẻ lau với khăn mặt được? Và sau hết, anh là một nhà giáo dục. Sao anh lại đi đặt mình vào một tình trạng rắc rối, khó xử đối với bọn trẻ như vậy?

- Có chuyện gì? và Rôdimtsik nói huyền thiên lúu tú. Tôi chẳng muốn lấy không cái gì đâu: tất nhiên, tôi sẽ trả tiền rơm và tiền công bọn trẻ nuôi, nếu không phải là trả bằng giá đắt. Nhưng khi tôi bị

mất cắp, phải, mất cái mũ nồi nhỏ của con tôi, mà là các trại viên lấy chứ còn ai vào đây nữa, thì tôi, tôi có nói gì đâu?

Tôi giao hẳn sang cho Sêrê giải quyết.

Anh này, bây giờ đã hết cơn ngạc nhiên, bèn trực xuất con bò cái của Rôđimtsik khỏi chuồng bò. Vài hôm sau thì nó biến: dĩ nhiên là chủ nó đã bán nó đi.

Hai tuần lễ qua. Vôlôkhốp đặt câu hỏi này ở cuộc họp toàn trại.

- Thế này là thế nào? Tại sao Rôđimtsik lại đi dỡ khoai tây ở vườn rau của trại? Ở nhà bếp không có khoai, thế mà Rôđimtsik lại lấy khoai. Ai cho phép anh ta lấy?

Các trại viên ủng hộ Vôlôkhốp. Zăđôrôp nói:

- Điều quan trọng không phải là khoai tây. Anh ta có gia đình – thì được, anh ta cần cái gì hãy cứ hỏi người có quyền cho, khoai chẳng đáng thành chuyện, nhưng chúng ta cần gì đến cái anh Rôđimtsik ấy? Suốt ngày hẩn ru rú ở nhà hẩn, hay là hẩn vào trong làng. Bọn trẻ thì bản thủ, chẳng bao giờ thấy mặt hẩn, sống như những đứa man rợ. Người ta đến tìm hẩn để cho hẩn ký vào báo cáo, thì chẳng thấy hẩn đâu: hẩn ngủ, hoặc hẩn còn ăn bữa sáng, hoặc nữa là hẩn không có thì giờ: người ta cứ việc đợi. Hẩn được cái việc gì?

- Chúng tôi biết các giáo viên phải làm việc như thế nào, Taranet nói. Nhưng Rôđimtsik thì sao? Hẩn đi công tác với một đội đặc biệt, cầm cuộc đứng đực ra đấy một nửa giờ, rồi hẩn nói: “Được, tôi chuồn đây, tôi có việc ở đảng này một chút”, thế là hẩn đi; hai giờ sau, người ta thấy hẩn ở trong làng ra, túi dết đầy ăm ắp...

Tôi hứa với bọn trẻ là sẽ thi hành biện pháp. Ngày hôm sau, tôi triệu tập Rôđimtsik. Hẩn ta đến vào buổi tối, và chỉ có hai người với nhau, tôi bắt đầu cảnh cáo hẩn nhưng mới chỉ là bắt đầu thôi. Rôđimtsik tức giận ngắt lời tôi:

- Tôi biết người gây ra các chuyện này, tôi biết rất rõ ai mưu mô tất cả các gian kế này chống lại tôi, tất cả những cái đó đều do cái anh người Đức kia mà ra hết. Nhưng mà, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác nên điều tra về cái con người ấy thì hơn. Tôi, thì tôi đã điều tra rồi: không kiếm đâu ra rơm cho bò cái của tôi, dù tôi trả tiền đi nữa, vì thế nên tôi đã bán nó đi, các con tôi không có sữa, tôi phải lấy sữa ở trong làng về. Và bây giờ bác hãy hỏi xem Sêrê cho con Milo của hẩn ăn cái gì? Hẩn nuôi nó bằng gì, bác có biết không? Không à? Đây này, hẩn lấy kê để nuôi gà, và hẩn nấu cho Milo ăn. Nuôi bằng kê! Chính hẩn nấu và cho chó của hẩn, chẳng trả tiền gì cả. Thế là con chó ăn kê của các trại viên hoàn toàn không mất tiền và vụng trộm, chỉ vì cái lý do duy nhất hẩn là nhà nông học và được bác tin cần mà thôi.

- Do đâu mà anh biết những cái đó? tôi hỏi Rôđimtsik.

- Ô! Không phải là tôi nói những chuyện vu vơ đâu. Tôi không phải hạ người như thế, này đây, bác xem...

Hẩn mở một cái gói nhỏ rút ở túi áo trong ra. Một chất gì trắng trắng và đồng thời lại đen đen xuất hiện, một thứ pha trộn kỳ dị.

- Cái gì thế? tôi ngạc nhiên hỏi.

- Đây nhé! Cái này sẽ chứng tỏ cho bác biết tất cả; phân của con Milo. Phân của nó đấy, bác hiểu không? Tôi đã rình nó để lấy đấy. Bác có thấy con Milo ỉa ra cái gì không? Kê, đúng thế. Thế hẩn mua kê à? Chắc chắn là không, hẩn chỉ lấy ở tú chạn ra thôi.

Tôi bảo Rôđimtsik:

- Này, Rôđimtsik ạ, anh nên bỏ trại mà đi thì hơn.

- Sao lại “bỏ”?

- Anh hãy đi khỏi đây càng sớm càng hay. Tôi chính thức cho anh thôi việc ngay hôm nay. Anh hãy nên viết đơn nói rằng anh tự ý xin thôi, như thế thì hơn.

- Tôi sẽ không để cho câu chuyện xoay ra như thế đâu!

- Được lắm. Tùy ý anh, còn tôi thì tôi đuổi anh.

Rôđimtsik đi ra; hắn “để nguyên cho câu chuyện xoay ra như thế”, và ba hôm sau thì hắn đi.

Nhưng làm thế nào với trại thứ hai bây giờ? Bọn “nhãi Trepko” là những trại viên xấu, điều đó không thể nào dung túng lâu hơn được nữa. Những cuộc ẩu đả nổ ra giữa bọn chúng, chúng luôn luôn ăn cắp lẫn của nhau, dấu hiệu rõ rệt của một tinh thần cộng đồng rất tồi tàn.

“Vậy tìm đâu ra người để làm cái công tác tội nợ ấy? “.

Những con người chân chính? Trời ơi, như vậy chẳng phải là đòi hỏi ít đâu.

27. CHINH PHỤC ĐOÀN KÔMXÔMÔN

Năm 1923, những tuyến tân binh của trại Gorki chính tề tiếp xúc với một pháo đài mới, cần phải xung kích chiếm lấy cho kỳ được, dù sự đó có về kỳ lạ đến thế nào đi nữa: Đoàn Kômxômôn.

Xưa nay trại chưa hề bao giờ là một tổ chức đóng cửa không giao thiệp với ai. Ngay từ năm 1921, chúng tôi đã có rất nhiều mối quan hệ linh tinh với “môi trường chung quanh”. Do các nguyên nhân xã hội và lịch sử, những người hàng xóm gần nhất của chúng tôi đã là những kẻ thù mà chúng tôi không phải chỉ có một mặt hết sức đấu tranh đối phó mà thôi, nhưng chúng tôi cũng còn giao dịch với họ nữa, nhất là nhờ có các xưởng của chúng tôi. Những sự giao thiệp vì công việc ấy vượt rất xa ra ngoài ranh giới của tầng lớp thù địch, vì chúng tôi liên lạc với nông dân trong phạm vi một đường bán kính khá rộng, và công nghệ của chúng tôi phục vụ đến tận các làng xa xôi như Xtôrôjêvôiê, Matsukhi và Brigadirôpka. Những làng lớn ở gần chúng tôi nhất, Gônțsarôpka, Pirôgôpka, Andrusepka, Zabiralôpka, đã bị chúng tôi chinh phục mà không phải chỉ có về phương diện kinh tế mà thôi. Ngay đến những cuộc xuất chinh đầu tiên của các dũng sĩ^[82] trại chúng tôi, theo đuổi những mục đích mỹ học, như đi tìm những thiếu nữ trẻ đẹp của địa phương, hay phô trương nhưng ưu thế của họ về cái kiểu để tóc, về thân hình, về dáng dấp và nụ cười, ngay đến những cuộc thâm nhập đầu tiên ấy của các trại viên vào cái biển nông thôn cũng đã mang lại kết quả mở rộng những quan hệ xã hội của chúng tôi. Chính là ở các làng đó mà các trại viên làm quen đầu tiên với các thanh niên Kômxômôn.

Các lực lượng Kômxômôn ở đây rất yếu, về số lượng cũng như về chất lượng. Các thanh niên Kômxômôn ở các làng, chính họ cũng thích gái và rượu vôtka lậu hơn chuyện khác, và thường ảnh hưởng của họ không lấy gì làm tốt lắm đối với các trại viên. Về sau, đối diện với trại thứ hai, trên hữu ngạn sông Kôlômak, thành lập ra hợp tác xã nông nghiệp Lênin; dù muốn hay không muốn, hợp tác xã cũng phải công khai thù địch với Xô-viết thôn chúng tôi và với tất cả nhóm trại ấp phú nông. Chỉ từ ngày có hợp tác xã đó, chúng tôi mới phát hiện thấy tinh thần chiến đấu trong các hàng ngũ thanh niên Kômxômôn, và chúng tôi mới kết thân với các thanh niên của hợp tác xã. Các trại viên biết rất tường tận hết thấy các công việc của cái tập thể mới và hết thấy các sự khó khăn theo sau thời kỳ nó ra đời. Trước hết hợp tác xã giáng một đòn nặng vào ruộng đất của tụi kulắc và gây nên về phần chúng một sự kháng cự nhất trí, mãnh liệt và căm thù. Hợp tác xã nắm giữ được thắng lợi không phải là chuyện dễ dàng gì.

Bọn chủ ấp trại hồi ấy là một lực lượng lớn; chúng có “tay chân “ ở ngoài tỉnh, và không hiểu vì sao một số người cao cấp ở tỉnh không biết tí gì về thực sự chúng là những tên kulắc. Chiến trường chính của cuộc đấu tranh ấy là các bàn máy ở ngoài tỉnh, mà khí giới chính là ngòi bút; vì thế nên các trại viên không thể trực tiếp tham gia đấu tranh được. Nhưng khi vấn đề ruộng đất được giải quyết dứt khoát rồi, và các việc kiểm kê hết sức phức tạp được mở ra, thì công việc đó đem tới cho các trại viên và các thanh niên của hợp tác xã rất nhiều công tác hứng thú, thắt chặt tình thân ái giữa họ hơn nữa.

Tuy nhiên các thanh niên Kômxômôn cũng không đóng được vai trò chủ chốt trong hợp tác xã và chính họ còn yếu hơn các trại viên cũ của chúng tôi. Các khóa trình của chúng tôi giúp ích rất nhiều cho các trại viên, nâng cao rõ rệt giác ngộ chính trị của họ lên. Đã có ý thức và hãnh diện là những người vô sản, họ hiểu rất rõ sự khác biệt giữa vị trí của họ và vị trí của các thanh niên nông thôn. Công tác nông nghiệp khẩn trương và nhiều khi gian khổ không làm trở ngại sự hình thành ở trong lòng họ một niềm tin tưởng sâu sắc rằng có một hoạt động khác, dành cho họ.

Các trại viên lớn nhất đã có thể nói lên được tách bạch hơn hoài bão của họ và họ chờ đợi gì ở tương lai. Giúp đỡ họ nhận định những hoài bão và khuynh hướng ấy không phải là các lực lượng

thanh niên Kômxômôn ở tỉnh đóng vai trò chủ yếu.

Cách nhà ga không xa có những công xưởng lớn của sở xe lửa. Đối với các trại viên chúng tiêu biểu đến tuyệt đỉnh một nhóm rất quý những người và vật thân thiết với tâm tình họ. Các công xưởng của sở xe lửa có một quá khứ cách mạng quang vinh, và một tập thể Đảng rất vững mạnh. Các trại viên mơ tưởng đến chúng như mơ tưởng một toà lâu đài trong chuyện thần tiên, kỳ diệu quá sức tưởng tượng. Lâu đài ấy nguy nga tráng lệ không phải vì những cột trụ sáng long lanh như trong chuyện “Con chim xanh”,^[83] mà là vì những thứ còn đẹp đẽ hơn nữa: những cánh tay khổng lồ của những cần trục, những búa máy hơi nước đầy căng sức mạnh, những bộ máy chuyển động tinh xảo có một đầu não cực kỳ phức tạp. Những người làm chủ cái lâu đài ấy là những ông hoàng cao quý bậc nhất, áo quần diễm ảo lấp lánh mờ nhòe xe lửa xông lên các thứ hương vị thơm của thép và sắt. Tay họ được quyền sờ mó vào những hình diện thiêng liêng nhất hạng, mặt phẳng, hình trụ, hình nón, mó vào hết thảy mọi của cải trong lâu đài. Và những người đó thuộc một giống người đặc biệt. Họ không đeo những bộ râu đỏ hung, chải chuốt cẩn thận, và không có những bộ mặt bóng nhẫy mờ của các chủ trại. Gương mặt họ thông minh, thanh tú, rạng rỡ ánh sáng của tri thức và quyền lực, của sức mạnh thống trị các bộ máy và xe lửa, của sự hiểu biết những quy luật bí hiểm nhất chi phối các tay vặn, giá trụ, cần bẫy và nút bấm điều khiển. Và giữa những con người ấy, có rất nhiều thanh niên Kômxômôn, vẻ hiện đại đẹp đẽ của dáng dấp họ khiến chúng tôi thán phục: ở đây chúng tôi được thấy sự khoái hoạt và tự tin, được nghe tiếng nói mạnh bạo sỗ sàng của người công nhân.

Phải, các công xưởng của sở xe lửa là cái lý tưởng tối cao của nhiều trại viên chúng tôi vào hồi năm 1922 ấy. Họ cũng đã có nghe nói ít nhiều đến những công cuộc còn tốt đẹp hơn nữa của loài người: các nhà máy ở Khackôp, ở Leningrat, tất cả những tên thần kỳ nọ, Putilôp, Xormôvô.^[84] Nhưng thế giới này có thiếu gì những sự kỳ lạ! Mơ ước của một trại viên tầm thường ở tỉnh nhỏ có thể nào dám chòì với tới tất cả mọi cái. Tuy nhiên chúng tôi bắt đầu làm thân khăng khít hơn với các công nhân xe lửa, và chúng tôi đã thực mục sở thị nhìn họ, cảm thấy sức hấp dẫn của họ bằng tất cả mọi giác quan của chúng tôi, kể cả xúc giác nữa.

- Chính là họ đến thăm chúng tôi trước, và lại đúng là các thanh niên Kômxômôn. Một ngày chủ nhật, Karabanôp chạy vào phòng giấy tôi kêu lên:

- Anh em Kômxômôn xe lửa đến kia! Tuyệt quá!

Họ đã nghe nói nhiều điều hay về trại và đến để làm quen. Bọn họ có bảy người. Các trại viên xúm đông xúm đỏ âu yếm vây lấy họ, chen chúc cọ sát vào cạnh sườn và vào bụng họ, và đây là nói nghĩa đen, suốt ngày tiếp xúc chặt chẽ, thân mật chỉ cho họ xem trại thứ hai, ngựa, dụng cụ, lợn, Sêrê, các khung kính âm, nhưng trong đáy lòng chúng vẫn cảm thấy thấm thía rằng các tài sản của trại chẳng thấm vào đâu so với các xưởng máy. Chúng vô cùng ngạc nhiên nhận thấy các thanh niên Kômxômôn không những không kiêu ngạo trước mặt chúng, không phô trương sự ưu tú của họ, mà lại còn tỏ vẻ thán phục và có một chút cảm động nữa.

Trước khi trở về tỉnh, các thanh niên Kômxômôn qua phòng giấy tôi đề nói chuyện một tí. Họ muốn biết tại sao ở trại chúng tôi không có thanh niên Kômxômôn. Tôi trình bày vắn tắt cho họ nghe cái lịch sử bi đát về vấn đề ấy.

Ngay từ năm 1922 chúng tôi đã xin thành lập một chi bộ Kômxômôn ở trại, nhưng các tổ chức Thanh niên cộng sản ở các địa phương đã cực lực phản đối: một trại những kẻ phạm pháp làm thế nào mà có được những thanh niên Kômxômôn? Tha hồ cho chúng tôi nài xin, cãi cò, kêu la, người ta cứ một mực trả lời: trại chúng tôi có những kẻ phạm pháp. Một khi ra trại, và có giấy chứng nhận là chúng đã được cải tạo, thì bấy giờ mới có thể bàn chuyện kết nạp vài thanh niên đó vào Đoàn

Kômxômôn được.

Các anh em xe lửa thông cảm hoàn cảnh của chúng tôi và hứa sẽ giúp đỡ chúng tôi ở tổ chức Kômxômôn trên tỉnh. Quả nhiên một người trong bọn họ chủ nhật sau đã trở lại trại, nhưng là để bảo cho chúng tôi những tin tức không lấy làm vui lắm: Các Ủy ban của thành và của tỉnh đều nói: “Đúng rồi: làm thế nào mà có được những thanh niên Kômxômôn trong một cái trại có nhiều đồng đảng cũ của Maknô, những phần tử tội phạm, và nói chung là những kẻ khả nghi?”

Tôi giải thích cho anh ta nghe rằng ở trại chúng tôi có rất ít từng đảng của Maknô, và chúng do ngẫu nhiên mà có mặt trong các bày tỏ phi đó. Sau cùng tôi cũng giải thích rằng không nên hiểu danh từ “cải tạo” theo cái nghĩa quá hình thức như người ta gán cho nó ở ngoài tỉnh. Đối với chúng tôi, “cải tạo” một người nào chưa là đủ, mà ta còn phải giáo dục lại hắn, nghĩa là nuôi dạy hắn thế nào để cho không những hắn không là một mối nguy hoặc không có hại cho cái xã hội mà hắn phải trở nên một thành viên, nhưng hắn cũng còn phải trở thành một công dân tích cực của kỷ nguyên mới nữa. Nhưng ai sẽ làm cái công việc ấy, nếu hắn muốn vào Đoàn Kômxômôn mà không được người ta kết nạp, và ai cũng cứ nhắc nhở lại cho hắn một vài việc phạm pháp cũ kỹ, rút cục lại chỉ là tội của thời thơ ấu? Anh thanh niên xe lửa nửa đồng ý nửa không đồng ý. Vấn đề rắc rối nhất đối với anh ta là vấn đề ranh giới: khi nào có thể kết nạp một trại viên vào Đoàn Kômxômôn, khi nào thì không thể kết nạp và ai phải giải quyết vấn đề ấy.

- Sao lại “ai phải giải quyết” nhi? Thì chính là đoàn thể Kômxômôn của trại chứ còn ai nữa.

Các thanh niên Kômxômôn của xưởng xe lửa vẫn tiếp tục đến thăm chúng tôi luôn, nhưng rồi sau tôi nhận thấy rằng sự chú ý của họ đối với chúng tôi không được hoàn toàn lành mạnh. Họ coi chúng tôi đúng như những kẻ bất lương; rất tò mò muốn biết quá khứ của các trại viên, họ sẵn sàng công nhận những thành công của chúng tôi, nhưng với một điều kiện rằng: dù sao thì đó là một bày thanh niên kém bình thường. Tôi vất vả lắm mới tranh thủ được một vài người đồng tình với chúng tôi.

Lập trường của chúng tôi đối với vấn đề ấy kể ngay từ ngày đầu thành lập trại vẫn không thay đổi. Tôi cho rằng phương pháp giáo dục lại những người phạm pháp trước hết phải dựa vào sự hoàn toàn bỏ qua quá khứ và lại càng phải bỏ qua những việc phạm pháp cũ. Nhưng áp dụng nguyên tắc ấy đến triệt để, thì chính tôi thực cũng khó khăn lắm mới làm được. Tôi vẫn cứ muốn biết vì lẽ gì một đứa trẻ được gửi tới trại chúng tôi, và nó đã có thể làm những gì để tới nông nỗi ấy: Vả chẳng cái lô-gích của khoa sư phạm hồi bấy giờ cứ ra công bắt chước cái lô-gích của khoa y học, và cứ làm ra bộ thông minh mà tập tọng lý luận rằng: muốn chữa bệnh, trước hết phải biết bệnh. Cái lô-gích kiểu ấy, đôi khi đã quyến rũ tôi, nó đặc biệt làm mê say những người cộng sự với tôi và các nhân viên của sở Giáo dục tỉnh.

Ủy ban các trẻ vị thành niên phạm pháp gửi tới cho chúng tôi những “hồ sơ” của các trẻ nuôi, với mọi chi tiết về những cuộc thăm vấn chúng, đối chúng và đủ thứ lộn xộn khác, coi như là để giúp chúng tôi nghiên cứu bệnh.

Ở trại, tôi đã khiến được tất cả các giáo viên đồng ý với tôi, và ngay từ năm 1922 tôi đã yêu cầu Ủy ban đừng gửi một hồ sơ nào đến cho tôi nữa. Chúng tôi hết sức thành thật không để ý đến những lỗi lầm đã qua của các trại viên nữa và kết quả rất hay là chính các trại viên cũng mau chóng quên chúng. Tôi vô cùng vui mừng thấy ở trại dần dần được xóa bỏ mọi chú ý đến quá khứ, và biến mất khỏi đời sống chúng tôi những phản ảnh của những ngày đầy nhục nhã, đau khổ và đáng ghét đối với chúng tôi.

Về phương diện ấy chúng tôi đã đạt tới lý tưởng; ngay cả đến các trại viên mới cũng thấy ngượng ngùng khi kể lại những chuyện anh hùng của chúng.

Thế mà đột nhiên, nhân dịp một sự tốt đẹp đến như việc tổ chức Đoàn Kômxômôn ở trại, chúng tôi

lại phải nhớ tới quá khứ của chúng tôi và lại phải đem ra dùng những danh từ hết sức khả ô đối với chúng tôi như: “cải tạo”, “phạm pháp”, “hồ sơ”.

Gặp phải sức chống đối, khát vọng của bọn trẻ hướng về Đoàn Kôm-xô-môn trở thành có tính chất kiên trì chiến đấu: chúng chuẩn bị một cuộc giao tranh thật sự. Những chú có khuynh hướng thoả hiệp, như Taranet, đề nghị đi một con đường vòng: bằng cách cấp cho những ai muốn vào Đoàn Kôm-xô-môn một giấy chứng nhận là họ đã được “cải tạo” và dĩ nhiên phải giữ họ ở lại trại. Số đông phản đối cái lối giả tạo ấy. Zăđô-rôp tức giận đỏ mặt lên, nói:

- Không làm thế! Đây không phải là chuyện mặc cả với bọn dân quê, chẳng có ai để mà lừa gạt ở đây hết cả. Chúng ta phải đòi cho kỳ được có những thanh niên Kôm-xô-môn ở trại, và chính họ sẽ quyết định ai xứng đáng ai không xứng đáng là thanh niên Kôm-xô-môn.

Bọn trẻ rất năng đến các tổ chức Kôm-xô-môn ở ngoài tỉnh, cố gắng đạt tới mục đích, nhưng nói chung là không thành công.

Trong mùa đông năm 1923, sự tình cờ khiến chúng tôi có những quan hệ thân thiện với một tổ chức Kôm-xô-môn khác.

Trời nhá nhem tối, Antôn và tôi trở về trại. Con Mary lông bóng nhẫy vì được nuôi béo, kéo một cái xe trượt tuyết nhẹ. Vừa đến chỗ bắt đầu xuống dốc chúng tôi chợt thấy một hiện tượng bất ngờ đối với vĩ độ của chúng tôi: một con lạc đà. Không thể nào kìm giữ nổi một ác cảm rất tự nhiên, con Mary run lên, cất vó đằng trước nhảy tung giữa hai càng xe và nổi xung lồng lộn. Antôn đạp chân vào thành trước của xe, cong người gò cương mà không sao giữ nổi con ngựa. Một khuyết điểm nặng của xe trượt tuyết chúng tôi, mà thực ra Antôn đã nêu lên từ lâu, là hai càng xe ngắn quá, và cái đó đã quyết định những sự việc tiếp theo sau, khiến chúng tôi được gần gũi với cái tổ chức thanh niên Kôm-xô-môn mới. Con Mary chạy hoảng loạn, những móng chân sau của nó đập vào thành sắt của bệ trước xe càng làm cho nó hoảng thêm, về nó kéo chúng tôi đi với một tốc độ kinh hồn tới cái tai họa không thể nào tránh khỏi. Antôn và tôi, hai người hợp sức ghì dây cương, chỉ tổ làm cho tình trạng thêm nguy kịch: con Mary, cứ gục đầu xuống ức, càng ngày càng hung hãn phi nhanh hơn. Tôi đã trông thấy rõ nơi mà mọi sự phải kết thúc một cách thê thảm nhiều hay ít: ở chỗ đường rẽ, có những xe trượt tuyết của nông dân đến đây cho ngựa uống nước, đỗ xúm xít chung quanh cái chòi canh của thủy điểm. Hình như chả còn hy vọng gì thoát nạn, đường cái bị nghẽn. Hầu như nhờ một phép lạ, con Mary chạy lên qua giữa chỗ uống nước và một đám xe trượt tuyết của những người ở thành thị. Một tiếng gõ gãy đánh rắc một cái, có những tiếng kêu vang lên, nhưng chúng tôi đã chạy xa rồi. Xuống hết đoạn đường dốc, bây giờ chúng tôi bay theo một đà bình ổn hơn trên đường cái phẳng phiu thẳng tắp. Antôn còn có thì giờ nhìn chung quanh và quay đầu lại là khác nữa:

- Chúng ta đã làm vỡ một xe trượt tuyết của họ. Phải tẩu mau thôi.

Nó sắp giro lên vệt Mary, hiện đang phi nước đại rồi. Nhưng tôi giữ cánh tay cương quyết của nó lại:

- Chú không bút được họ đâu! Chú nhìn xem con ngựa quý của họ kia kìa.

Quả thật, ở sau lưng chúng tôi, một con ngựa rất đẹp, móng sắt khỏe mạnh giậm những bước dài và bình tĩnh, đang phi nước đại như nuốt chửng đường cái. Ở sau mông nó, một người có những nẹp đỡ dính vào cổ áo, đang chằm chằm nhìn chúng tôi, những kẻ chạy trốn không may. Chúng tôi dừng lại. Người có những nẹp đỡ đứng trên xe trượt tuyết, hai tay tì vào vai người đánh xe, vì anh ta không có chỗ nào ngồi nữa: ghé ngồi đằng sau và thành tựa lưng của xe chỉ còn là một thứ hàng rào lung lay, kéo lê trên đường không biết những bộ phận gì gãy nát và sút mẻ.

- Đi theo chúng tôi, người quân nhân nói giọng giận dữ.

Chúng tôi đi. Antôn mỉm cười, hớn hờ: nó khoái chí vì những sự tu bổ do cuộc chạy hỗn loạn của chúng tôi gây ra cho chiếc xe kia. Mười phút sau chúng tôi đến các phòng giấy của cục Gêpêu, ^[85] và mãi đến lúc bấy giờ trên nét mặt Antôn mới vẽ ra một vẻ ngạc nhiên khó chịu:

- Ô, chết rồi! Lại đi vớ phải cục Gêpêu...

Những người cổ áo nẹp đỏ vây lấy chúng tôi và một người trong bọn kêu lên bảo tôi:

- Tất nhiên là việc phải xảy ra như thế, vì bác đã để cho một thằng nhãi con cầm cương... nó làm thế nào mà giữ nổi ngựa chứ? Bác sẽ phải chịu trách nhiệm.

Bị làm nhục, Antôn nhăn mặt lại, và gần như mếu, nó vừa lắc đầu vừa bảo người xỉ vả nó:

- Thằng nhãi con, sao bác lại nói thế! Các bác chỉ có việc đừng để cho lạc đà lang thang ở ngoài đường, thế mà trái lại các bác cứ mặc cho cái giống mặt hạng ấy đâm sầm vào cẳng người ta... Làm như con ngựa cái có thể nhìn cái của ấy được vậy! Có phải thế không nào?

- Giống mặt hạng nào?

- Thì những con lạc đà chứ còn gì nữa!

Những người cổ áo nẹp đỏ phá lên cười:

- Các người ở đâu ra thế?

- Ở trại Gorki, tôi nói.

- À, ra các người ở đây! Thế bác là ai, là giám đốc trại à? Thật là hôm nay chúng tôi bắt được hai món tốt quá! một anh thanh niên vừa nói vừa gọi những anh khác đến, mà chỉ vào chúng tôi như những vị khách “quý”.

Một đám đông vây tròn lấy chúng tôi. Họ đùa giỡn chính anh đánh xe của họ và vừa trêu ghẹo Antôn vừa hỏi thăm về trại.

Đã từ lâu chúng tôi định đến thăm trại đấy. Cứ nghe lời đồn, thì các anh là những chàng trai dũng cảm lắm. Đã vậy thì chủ nhật này chúng tôi sẽ đến thăm các anh nhé.

Nhưng có viên chủ nhiệm vừa đến, cái kính bắt đầu làm một tờ biên bản. Mọi người kêu lên bảo anh ta:

- Này, cậu có bỏ những cái thói quen bàn giấy ấy đi không? Giấy tờ của cậu dùng được việc gì chứ?

- Sao lại “dùng được việc gì”? Các anh đã trông thấy họ làm hỏng chiếc xe trượt tuyết như thế nào chưa? Bây giờ họ phải chữa đèn đi.

- Rồi họ sẽ chữa, chẳng cần đến biên bản của cậu đâu. Các anh sẽ chữa đèn, có phải không? Nào thôi, hãy kể chuyện ở trại các anh như thế nào đi. Hình như ngay đến buồng giam các anh cũng không có nữa thì phải?

- Một buồng giam, chỉ còn thiếu có nước ấy! Dễ thường ở đây các bác có một buồng giam à? Antôn hỏi lại.

Lại một lần nữa cử tọa phá lên cười.

- Chủ nhật này thế nào chúng tôi cũng đến thăm trại, đem cái xe trượt tuyết lại cho các anh chữa.

- Thế từ nay đến hôm ấy tôi đi bằng cái gì chứ? viên chủ nhiệm rít lên.

Tôi nói cho anh ta yên lòng:

- Chúng tôi có một cái khác. Chỉ cần một bác nào đi luôn với chúng tôi bây giờ để lấy về thôi.

Như vậy là trại có được những người bạn tốt. Đến chủ nhật, anh em thanh niên Kôm-xô-môn Tsêka ^[86]

đến trại. Và lại một lần nữa, cái vấn đề đáng nguyên rủa nọ được đem ra thảo luận: tại sao các trại viên lại không thể trở thành những thanh niên Kômxômôn? Các anh em Tsêka nhất trí đứng về phía chúng tôi.

- Họ kiểm chuyện gì thế chứ? anh em bảo tôi. Đây là những kẻ bất lương? Thật là những chuyện ngu xuẩn, đáng lấy làm xấu hổ ở những người đứng đắn. Chúng tôi sẽ đem nêu vấn đề này lên, nếu ở đây không xong thì sẽ đưa lên Khackôp.

Hồi đó trại chúng tôi được đặt dưới sự bảo trợ trực tiếp của Ủy ban nhân dân Giáo dục Ukren với danh nghĩa là “trung tâm cải tạo gương mẫu cho các thanh niên phạm pháp “. Các vị thanh tra của Ủy ban bắt đầu đến thăm chúng tôi. Các ông đó không phải là những người ở tỉnh nhỏ nhẹ dạ, đầu óc như hơi gió, mà lòng tin tưởng vào khoa “ giáo dục xã hội “ chỉ có như một thoáng cảm xúc đầu xuân nữa. Trong lĩnh vực này, họ ít chú ý đến những “ mầm non đầy nhựa sống “, đến những linh hồn, những quyền lợi cá nhân, và các chuyện trữ tình hảo huyền khác. Họ tìm tòi những hình thức khác tổ chức mới và một phong cách mới. Nét đáng yêu nhất của họ là họ không kỳ khu cố gắng đóng vai trò một bác sĩ Faoxtơ, ^[87] người chỉ thiếu độc có một khoảnh khắc hạnh phúc, nhưng họ đối xử với chúng tôi như những đồng chí, sẵn sàng cùng chúng tôi đi tìm cái mới và chia sẻ niềm vui với chúng tôi mỗi khi phát hiện được một hạt, một tí gì mới mẻ.

Những người ở Khackôp rất lấy làm lạ vì những thất vọng của chúng tôi về vấn đề Kômxômôn:

- Thế ra các anh làm việc không có Kômxômôn à?... Sao lại có thể thế được?... Ai đặt ra cái chuyện như vậy?

Buổi tối, họ cùng với các trại viên cũ của chúng tôi thì thăm trò chuyện, đôi bên thỉnh thoảng lại điểm vào câu chuyện những cái gật đầu đồng tình.

Ở Ban chấp hành trung ương Đoàn Kômxômôn Ukren, nhờ sự can thiệp của Ủy ban Giáo dục và những bạn thân của chúng tôi trên tỉnh, vấn đề đã được giải quyết nhanh như chớp, và đến mùa xuân năm 1923, Tikhôn Nextêrôvich Kôvan được bổ nhiệm làm người chỉ đạo chính trị của trại.

Tikhôn Nextêrôvich là một người xuất thân nông dân. Mới có hai mươi bốn tuổi mà cuộc đời của anh đã rất phong phú với bao nhiêu giai đoạn lý thú, nhất là về mặt kinh nghiệm vững chắc về hoạt động chính trị; ngoài ra anh ta còn là một người thông minh và có một vẻ điềm tĩnh đượm màu chất phác. Ngay buổi đầu tiên anh ta đã lấy tình đồng chí bình đẳng mà nói chuyện với các trại viên, và tỏ ra là một người chủ trại lịch duyệt, ở ngoài cánh đồng cũng như ở sân đập lúa.

Một chi bộ thanh niên Kômxômôn, có chín đoàn viên, được thành lập ở trại

28. MỞ ĐẦU TIÊN HÀNH KHÚC THĂNG LỢI

Đêriutsenkô bỗng bắt đầu nói tiếng Nga. Cái việc bất bình thường ấy có liên quan đến cả một chuỗi gia biến không vui xảy ra cho anh ta. Bắt đầu là việc vợ anh sắp ở cữ đến nơi, nhân tiện cũng nói qua rằng chị vợ là một nhân vật hoàn toàn thờ ơ với tư tưởng quốc gia Ukren. Mặc dầu Đêriutsenkô hết sức sôi nổi kích động vì cái viễn cảnh tăng thêm nhân số của nòi giống cô đặc quang vinh, sự việc đó cũng chưa đủ làm cho anh bối rối. Dùng tiếng nói Ukren thuần túy nhất, anh ta đòi Bratsenkô cho ngựa để đi tìm một bà đỡ. Bratsenkô không bỏ lỡ dịp khoái chí nói một vài câu kênh kiệu đường hoàng, bao trùm vào chung một sự hất hủi cả sự ra đời sắp tới của thằng bé Đêriutsenkô, không có dự trù trong kế hoạch vận chuyển của trại, lẫn ý nghĩ đi gọi một mụ đỡ, vì theo ý kiến của hần thì “có hay không có bà đỡ, cũng mắ mốt mà thôi”.

Tuy nhiên hần cũng cấp ngựa cho Đêriutsenkô. Nhưng ngay hôm sau bỗng lại thấy là cần phải đưa người mẹ tương lai ra ngoài tỉnh. Antôn bức tức quá, đến nỗi mất cả ý thức thực tế mà nói rằng:

- Tôi không cho ngựa!

Song Sêrê và tôi, cũng như tất cả trại, phê bình thái độ của hần gay gắt và cương quyết đến nỗi hần phải nhượng bộ. Đêriutsenkô nhẫn nại nghe Antôn nói léo xéo đông dài, diễn thuyết với hần như sau, mà không quên đem những lời hoa mỹ khoa trương ra tô điểm để thuyết phục hần:

- Vì lý do việc này đòi hỏi một sự giải quyết khẩn cấp cho nên không thể nào lần lữa được, đồng chí Bratsenko quý mến ạ.

Antôn đối đáp bằng những số liệu toán pháp, mà hần cho là có sức mạnh áp đảo chắc chắn:

- Người ta đã cho anh hai con ngựa để đi tìm bà đỡ phải không? Đó là một việc. Và hai con ngựa nữa để đưa bà ta trở về tỉnh phải không? Theo ý anh thì những con ngựa quan tâm tới ai để hay không để đến thế kia à?

- Nhưng dù sao, đồng chí...

- Chẳng “nhưng dù sao” gì cả! Anh thử nghĩ xem nếu tất cả mọi người đều làm những vớ như thế cả, thì cơ sự sẽ ra thế nào!...

Để tỏ ý phản kháng, Antôn thăng vào xe cho người đi để những con ngựa hần ít ưa nhất và là những con chạy tồi nhất; hần tuyên bố rằng chiếc xe pha-tông bị hỏng và thay vào bằng cái xe ghé ngang, hần cho Xôrôka lên ngồi trên ghé xà-ích, để biểu thị rõ rệt rằng đây không phải là một chuyến xe đi trung diện.

Nhưng cái lúc mà hần thật sự nổi xung lên ghê gớm là khi Đêriutsenkô lại đòi ngựa một lần nữa để đưa sản phụ về. Vả chẳng anh ta cũng chẳng phải là một người cha sung sướng gì: đứa con đầu lòng của anh ta, mà chưa chi anh đã vội đặt cho cái tên huyền diệu là Taratxơ, chẳng sống được quá một tuần lễ ở nhà hộ sinh, và chết đi, chẳng đem thêm được cái gì bổ ích cho lịch sử của dân tộc cô đặc hết. Đêriutsenkô mang trên nét mặt vẻ đau thương hoàn toàn phù hợp với tình thế, nói năng với một giọng có phần nào chán nản, song dù sao cũng không để cho người ta cảm thấy có cái gì đặc biệt bi thảm trong nỗi đau đớn của anh ta, và anh ta vẫn một mực nói tiếng Ukren. Ngược lại, Bratsenkô thì, vì tức giận và cáu kỉnh mà không làm sao được, không còn có thể nói ra đầu ra đũa gì nữa, ^[88] và miệng hần chỉ để thoát ra những mẩu câu không thể nào hiểu nổi:

- Đã bắt chúng nó đi chẳng được việc gì! Có xe ngựa thuê... chả có chi mà vội. Cái đó có thể hăng chờ đấy một lát. Các mụ ấy cứ là sắp đẻ tuốt... và cứ là vô tích sự hết cho mà xem...

Đêriutsenkô đem về tổ ấm người sản phụ bất hạnh, và những nỗi bức tức của Bratsenkô được chấm

dứt lâu dài. Hắn không còn phải dự phần vào cái chuyện đáng thương hại ấy nữa, song câu chuyện không phải là đến đây mà đã xong. Còn có một đề mục ngẫu nhiên dính líu vào đó ngay từ khi Taratxo Đêriutsenkô chưa ra đời, song về sau cái đề mục ấy không phải là không liên quan đến chuyện. Nó cũng lại là một đề mục đau đớn cho Đêriutsenkô nữa. Ta xem dưới đây sẽ rõ.

Các giáo viên và tất cả nhân viên của trại đều lấy các thức ăn nấu sẵn ở nồi công cộng. Nhưng sau một thời gian, để thoả mãn những ý thích riêng trong đời sống của mỗi gia đình và cũng muốn làm giảm nhẹ công việc của nhà bếp đi một chút, tôi đồng ý đề Kalina Ivanôvich cấp cho một số người những thực phẩm sống để tùy ý nấu nướng. Đêriutsenkô ở trong số người đó. Tôi có dịp kiểm được ở ngoài tỉnh một số lượng bơ rất ít, chỉ vừa vắn đủ cho bàn ăn chung trong vài ngày. Tất nhiên, chẳng ai có ý nghĩ số bơ đó lại có thể đem chia cho các khẩu phần lấy riêng. Song Đêriutsenkô thắc mắc dữ lắm khi nghe nói rằng món ăn quý hóa ấy bơi trong liễn của các trại viên đã ba hôm nay rồi. Anh ta bèn vội xoay chiến lược^[89] làm đơn xin trở về với nồi công cộng và không muốn được cấp khẩu phần riêng nữa. Chẳng may khi anh ta vừa thích ứng trở lại, thì số bơ dự trữ của Kalina Ivanôvich cũng vừa cạn hết, làm cho Đêriutsenkô vin lấy chuyện đó chạy đến tìm tôi phản kháng kịch liệt:

- Người ta không có quyền giấu cọt mọi người như thế! Bơ đâu?

- Bơ không còn nữa, ăn hết rồi.

Anh ta viết một lá đơn khác nói rằng anh ta cùng gia đình từ nay lại lĩnh khẩu phần như cũ. Xin cứ tự nhiên! tôi đáp. Nhưng hai hôm sau, Kalina Ivanôvich lại một lần nữa đem được bơ về, khối lượng cũng chỉ ít thế thôi. Đêriutsenkô cắn răng chịu đựng sự thử thách mới này, cũng chẳng buồn trở về nồi công cộng nữa. Nhưng có một cái gì biến chuyển trong khu vực chúng tôi, khơi nguồn cho bơ bắt đầu chảy lù lạch chậm chậm vào các cơ quan nhân viên của sở Giáo dục và các trẻ nuôi của nó. Thường đã thấy Kalina Ivanôvich mỗi lần ở tỉnh trở về, lúi ở dưới gầm ghế ngồi ra một lọ sành nho nhỏ, bọc một lượt vải thưa rất sạch sẽ. Lâu dần quen thành lệ, bác ta không lần nào ra tỉnh mà không đem theo cái bình ấy. Tất nhiên nhiều khi cái bình trở về trại không được che bọc gì hết, và Kalina Ivanôvich chẳng nề nang gì, quẳng ngay nó lên mặt rơm lát đáy chiếc xe ngựa ghé ngang mà nói:

- Thật là những quân vô lương tâm! Ít ra thì chúng cũng cho người ta tí chút để gọi là nhìn thấy chứ. Thế mà những đứa ăn hại ấy cho mình cái gì: chả được một quẹt lưỡi, đến hít lấy hơi cũng không!

Tuy nhiên Đêriutsenkô cũng không chịu được nữa: anh ta lại quay ngay về nồi công cộng. Song cái con người ấy không biết nhìn cuộc sống trong sự năng động của nó; anh ta không để ý thấy rằng trên biểu đồ, đường vẽ các số lượng thực phẩm mỡ được cung cấp ở trại không ngừng lên cao, và trình độ chính trị vốn thấp kém, anh ta không biết rằng đến một mức nào đó, thì lượng phải biến thành chất. Hiện tượng chuyển biến rơi trên đầu gia đình anh một cách bất ngờ, chúng tôi bỗng nhiên được lĩnh bơ nhiều quá sức, thậm chí một nửa tháng sau tôi thấy có khả năng cấp phát được cho những khẩu phần riêng. Các bà vợ, các bà cụ, các cô con gái lớn, các bà nhạc mẫu và các nhân vật phụ thuộc khác đều được lĩnh ở kho dự trữ của Kalina Ivanôvich đem về nhà họ những khối hình hộp nho nhỏ vàng óng, phần thưởng của một sự chờ đợi kiên trì, nhưng Deriutsenko thì không được: anh ta đã đại dột ăn hết phần mỡ của mình dưới hình thức không sờ nắm được và ít thích thú trong món ăn của các trại viên. Nỗi buồn và vận rủi cố tình dai dẳng làm cho anh xanh tái mặt mày. Hoàn toàn mất tinh thần, anh lại làm một cái đơn để lại xin lĩnh khẩu phần. Nỗi đau khổ của anh thực sâu sắc và gọi lòng thương hại của tất cả mọi người, nhưng trong cảnh phiên muện anh biết tỏ ra là một người cô độc và một người đàn ông, và không bao giờ chịu bỏ cái tiếng Ukren yêu dấu của anh.

Theo thứ tự các sự việc xảy ra, thì chuyện thực phẩm mỡ hồi đó vừa đúng khớp vào dịp vợ chồng Deriutsenko thất bại trong mưu toan làm cho dòng giống có người đời đời nổi dỗi.

Anh ta và vợ đang nhẫn nại nghiền ngẫm những kỷ niệm đau thương về thằng bé Taratxơ, thì bỗng số phận quyết định đền bù, đem lại cho anh một niềm vui đáng được hưởng từ lâu: ở trại có tin thông báo sẽ cấp phát các khẩu phần “cho nửa tháng vừa qua”, trong các khẩu phần lại được có bơ nguyên chất. Anh chàng Đêriutsenkô sung sướng vác túi hết đi đến phòng Kalina Ivanôvich. Mặt trời thực là rạng rỡ và hết thảy mọi sinh vật đều hớn hở vui mừng. Nhưng sự hân hoan ấy ngắn ngủi quá. Chưa được nửa giờ, Đêriutsenkô đã chạy té lên phòng tôi, bàng hoàng và uất ức đến tận đáy lòng. Cái đầu to khỏe của anh ta từ nay không còn đủ sức chịu đựng những đòn của số phận nữa; giống chiếc xe lửa đã dời bỏ đường ray và bánh xe cửa vào các thanh tà-vẹt, anh ta nói bằng thứ tiếng Nga thuần túy:

- Tại sao người ta không cấp mỡ cho con trai tôi?

- Con nào? Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Taratxơ. Sao lại “con nào”? Thế này là độc tài chuyên chế đấy, đồng chí giám đốc ạ! Mỗi người trong gia đình đều phải được lĩnh khẩu phần của mình; xin đồng chí làm ơn bảo cấp cho.

- Nhưng cháu Taratxơ của anh có còn đâu.

- Nó không còn thì cũng không việc gì đến bác. Tôi đã xuất trình với bác một giấy chứng nhận rằng thằng Taratxơ con tôi sinh ngày mồng hai tháng sáu và đã mất ngày mồng mười tháng sáu. Vậy bác phải cấp cho nó phần mỡ tám ngày...

Kalina Ivanôvich chủ định đến để xem việc tranh chấp ra sao, khễ nắm lấy khuỷu tay Đêriutsenkô:

- Đồng chí Đêriutsenkô này, có người ngu xuẩn nào lại đi cho một đứa nhỏ như thế ăn bơ không chứ? Anh thử nghĩ mà xem, một cháu mới đẻ có thể chịu đựng được món ăn đó không?

Tôi nhìn cả hai người bằng con mắt kinh ngạc.

- Này bác Kalina Ivanôvich, hôm nay các người ra làm sao cả vậy? Đây là một đứa bé chết đã ba tuần lễ nay...

- À! Phải, nó chết rồi à? Nếu thế thì anh còn muốn gì nữa? Bây giờ thì bơ có ích cho nó chẳng khác gì chiếc lẵng xông hương có ích cho một người chết. Và chẳng, nói vô phép chứ, chính nó cũng là một người chết thực.

Đêriutsenkô cúi tiết đi ngang dọc khắp phòng, và giơ bàn tay chặt vào không khí:

- Trong tám ngày nó đã là một người có đầy đủ quyền lợi trong gia đình tôi, vậy bác phải cấp khẩu phần cho nó.

Khó khăn lắm mới nén được một nụ cười, Kalina Ivanôvich chứng minh cho anh ta nghe:

- Đầy đủ quyền lợi à? Chỉ có về mặt lý thuyết thôi, còn trong thực tế thì chẳng có gì hết: dù nó đã có hay không có mặt ở trên đời này, bây giờ cũng thế mà thôi.

Nhưng Đêriutsenkô đã hóa rồ hóa dại thật sự, cho nên đáng bộ của anh ta sau đó trở nên lời thôi lố lố và kỳ quái, chẳng còn ra thể thống gì nữa. Tất cả những hình tròn ốc là những dấu hiệu đặc thù của con người anh ta đều tung tuốt cả ra và buông thõng xuống: ria mép, đầu tóc, cà-vạt. Cứ y nguyên như thế, anh ta đâm bổ xuống đến tận ông giám đốc sở Giáo dục và gây cho ông một ấn tượng rất là khó chịu. Ông cho gọi tôi và bảo:

- Một người trong số các giáo viên của anh đã đến khiếu nại với tôi. Anh có biết anh nên làm gì không? Tổng khứ những của ấy đi. Làm sao anh lại có thể giữ được ở trại một tên con buôn vào loại ấy nhỉ? Hấn phun ra cho tôi nghe bao nhiêu chuyện nhảm nhí không thể nào ngờ được: về một tên Taratxơ nào đó, rồi bơ, rồi những quái quỷ gì nữa ấy!

- Ấy thế mà lại chính là ông đã bổ nhiệm hấn ta đấy.

- Có lẽ nào!... Tổng ngay ra khỏi cửa đi.

Đó là cái kết quả thú vị đưa tới do sự phản ứng dây chuyền của hai đề mục này: Taraxto và bơ. Êderiutsenkô và vợ anh ta cũng đi cùng một con đường với Rôđimtsik. Tôi lấy thể làm mừng, các trại viên lấy thể làm mừng, và cũng lấy làm mừng cả cái mảnh đất nhỏ Ukren ở ngay trong phạm vi xảy ra những sự việc mà chúng tôi đang kể lại đây. Tuy nhiên cái mừng của tôi lại có pha niềm băn khoăn lo lắng. Tìm đâu cho ra con người chân chính?

Vấn đề ấy, vẫn chỉ là vấn đề ấy, bây giờ đặt lưỡi dao lên cổ họng tôi, vì ở trại thứ hai chẳng còn lấy một người giáo viên nào nữa, song sự tình là như thế này: trại Gorki nhất định là gặp may, tình cờ tôi nắm đúng ngay được con người mà chúng tôi đang cần tới. Tôi bắt gặp anh ta ở ngoài phố, chỉ có thể thôi. Anh ta đứng trên hè đường, trước tủ kính các nhà kho của sở Giáo dục, quay lưng lại phía tủ mà ngắm nhìn những cảnh tượng nho nhỏ trên đường phố bụi bặm, bắn thiêu vì phân súc vật và rơm rạ vương vãi. Antôn với tôi đang khuôn ở nhà kho ra những bao bột trứng sam. Antôn đi giật lùi, bước phải một chỗ trứng và ngã xuống, lập tức con người chân chính đó chạy mau lại chỗ xảy ra tai nạn và giúp sức tôi cùng chuyển nốt bao bột lên xe tải. Tôi cảm ơn người lạ mặt và để ý tới dáng điệu nhanh nhẹn, bộ mặt thông minh và trẻ trung của anh ta, cũng như vẻ đường hoàng chính chệch khi anh mỉm cười đáp lại lời tôi cảm ơn. Anh ta đội một cái mũ da cừu non trắng, đặt trên đầu với một vẻ ngang nhiên hùng dũng.

- Chắc anh là một quân nhân? Tôi hỏi anh ta.

- Bác đã đoán đúng, người lạ mặt mỉm cười.

- Một kỵ binh ư?

- Vâng.

- Nếu vậy thì anh có việc gì mà đến sở Giáo dục?

- Tôi muốn gặp ông giám đốc. Người ta bảo tôi rằng ông ta sắp đến. Tôi đợi ông ta.

- Anh tìm việc làm à?

- Vâng, người ta đã hứa cho tôi một việc gì đại loại như huấn luyện viên thể dục.

- Anh hãy nên nói chuyện ấy với tôi trước đã.

- Được lắm.

Chúng tôi nói chuyện. Anh ta leo lên xe tải của chúng tôi, và chúng tôi đi về trại. Tôi đưa Piôtr Ivanôvich đi thăm trại, và việc bổ nhiệm anh ta được giải quyết ngay buổi chiều hôm đó.

Piôtr Ivanôvich đem tới trại cả một loạt những đức tính tốt. Anh ta vừa khéo có đủ những điều mà chúng tôi cần đến: sự trẻ trung, một bộ dáng đường hoàng, một sức bền bỉ phi thường, vẻ nghiêm túc, tính hăng hái, và tịnh không có cái gì mà chúng tôi không cần tới: không có lấy một mảy may những thành kiến sư phạm, chẳng có tí gì là màu mè điệu bộ đối với các trẻ nuôi, không một chút tự tư tự lợi gì cho gia đình riêng. Ngoài tất cả những ưu điểm ấy, Piôtr Ivanôvich còn có những ưu điểm khác bổ sung thêm: anh ta ưa những chuyện quân sự, biết chơi dương cầm, có một chút tài làm thơ, và có một thể lực rất là dồi dào. Ngay sau hôm trại thứ hai được đặt dưới quyền của anh ta, nó đã có một phong cách mới, Piôtr Ivanôvich bắt đầu tụ tập bọn trẻ lại thành một tập thể. Anh ta tin tưởng hết thảy mọi phương châm giáo dục của tôi, mà không bao giờ hoài nghi gì cả, thành thử anh miễn cho tôi khỏi phải có những cuộc tranh luận và chuyện trò vô ích về mặt sư phạm.

Cuộc sống của hai trại chúng tôi giống như một đoàn tàu hỏa đúng mực cứ việc thẳng tiến. Tôi cảm thấy trong khối giáo viên một tinh thần nghiêm túc và một sự nhất trí rất mới mẻ đối với tôi: Tikhon

Nexitêrôvich, Sêrê và Piôtr Ivanôvich, và cả những trại viên kỳ cựu từ những ngày đầu, thực sự phục vụ cho những lý tưởng của trại.

Bảy giờ số trại viên đã lên tới tám mươi người. Những trại viên nòng cốt của những năm 1920 và 1921 bây giờ đã kết thành một khối đoàn kết vô cùng chặt chẽ, trực tiếp nắm quyền hành, mà ý chí cương quyết lãnh đạo một cách cứng rắn và từng bước mỗi trại viên mới khiến nó hầu như không thể nào không phục tùng cho được. Vả chăng tôi cũng hầu như không nhận thấy có một ý định phản kháng nào. Trại ảnh hưởng mạnh mẽ tới các trại viên mới và cổ vũ khuyến khích chúng rất nhiều vì những hình thức bề ngoài, vì sự chính xác và đơn giản của các quy tắc sinh hoạt, vì hết thấy những truyền thống và tập quán khá hấp dẫn thú vị, mà ngay đến chính các trại viên kỳ cựu cũng không mấy khi nhớ rõ được nguồn gốc từ đâu. Những bổn phận của mỗi trại viên được quy định bằng những lời lẽ ráo riết và nghiêm khắc, nhưng đều có nói rất rõ trong nội quy của chúng tôi, và ở trại hầu như không còn lọt một chỗ nào cho những biểu hiện gì là cô kỷ luật hết thấy, mà cũng không còn có chỗ cho những cơn độc hành độc đoán nữa. Đồng thời một công cuộc, mà không ai có thể hoài nghi được giá trị ý nghĩa, đặt ra cho toàn trại cái nhiệm vụ: hoàn thành việc tu sửa trại thứ hai, để cho chúng tôi mau được quy cả về một chỗ và chấn hưng sự nghiệp của trại. Công việc ấy là bổn phận của chúng tôi, và thể nào chúng tôi cũng làm xong được, không có một ai nghi ngờ gì điều đó. Vì thế cho nên hết thấy chúng tôi rất dễ dàng chịu đựng mọi khó khăn trở ngại, và chúng tôi nhin thêm một ít trò vui chơi, với những quần áo tốt hơn, món ăn đầy đủ hơn, để dành ra từng đồng cô-péc cho chuồng lợn, cho hạt giống, cho một cái máy gặt mới. Vì cái lý tưởng xây dựng trại mà chúng tôi chịu mọi sự hy sinh nhỏ đó với một tinh thần hết sức vui vẻ, yên tâm và vững lòng tin tưởng, thậm chí tôi có thể tự cho phép trả lời bằng một câu đùa thật tếu, trong buổi họp toàn trại, khi một trại viên nhỏ tuổi đặt câu hỏi này: bây giờ đã đến lúc may quần mới chưa? Tôi nói:

Khi nào chúng ta làm xong trại thứ hai và trở nên giàu có rồi, thì bảy giờ chúng ta sẽ diện bánh từ đầu đến chân: các trại viên sẽ có áo chèn ngắn bằng nhung và thắt lưng bạc, con gái thì áo lụa dài và giày da láng, đội nào cũng có ô-tô, và ngoài ra ai cũng có xe đạp riêng tuốt tuốt. Và khắp cả trại sẽ trồng một nghìn khóm hoa hồng. Các chú có thấy không? Nhưng trong khi chờ đợi, thì chúng ta hãy đem ba trăm rúp đó ra mà mua một con bò cái tốt giống Ximmentan [\[90\]](#) đã.

Các trại viên đều cười vui vẻ, và những mảnh vải hoa vá víu trên quần và trên mũ cát-két xám, nhìn những mỡ của chúng, đối với chúng không còn có vẻ bệ rạc thảm hại lắm nữa.

Vào hồi đó cũng còn có thể trách ở những trại viên ưu tú của trại nhiều hành động đi trệch ra ngoài con đường lý tưởng và đạo đức, nhưng thử hỏi ở trên đời này có ai là tránh khỏi được những lời chê trách như thế chẳng? Trong sự nghiệp khó khăn mà chúng tôi theo đuổi thực hiện, nhóm lãnh đạo của trại tỏ ra có những đức tính của một bộ máy hoàn hảo chạy rất chính xác. Ưu điểm chủ yếu của nó, theo ý kiến tôi, là có cái khuynh hướng dần dần đi tới chỗ không còn là một nhóm ưu tú nữa để thu hút vào nó tất cả khối quần chúng trẻ nuôi của trại.

Hầu hết các người quen cũ của chúng ta đều ở trong nhóm đó, Karabanôp, Zadôrôp, Vecsonep, Bartsenkô, Vôlôkhôp, Vetkôpxki, Taranet, Burun, Gut, Ôtxasti, Naxchia Nôtsêvnaia, về sau này còn có thêm vào đó những tên mới: Ôpriskô, Gêorghiepki, Vônkôp Jôra và Vônkôp Aliôsa, Xtupitxyn và Kutlaty.

Ôpriskô đã học được ở Antôn Bratsenkô rất nhiều cái tốt: nhiệt tình say mê, lòng yêu quý ngựa và một khả năng làm việc phi thường. Nó không có tài sáng tạo bằng Antôn, cũng không được xuất sắc bằng, nhưng ngược lại, nó có những đức tính chỉ riêng nó có: một sức mạnh dồi dào thừa thãi, những động tác khéo léo và chắc chắn.

Gêorghiepxki là một nhân vật bí hiểm đối với các trại viên. Một mặt, tất cả vẻ ngoài của nó khiến chúng tôi thấy nó giống gã di-gan. Bộ mặt rám nắng, đôi mắt đen lồi, tính hài hước trầm trầm và dè dặt, sự khinh bỉ của tên kẻ cắp đối với quyền tư hữu, tất cả những cái đó nhất định có một cái gì của gã di-gan. Nhưng một mặt khác, Gêorghiepxki chắc chắn là dòng dõi của một gia đình trí thức. Nó đã đọc nhiều sách, ăn mặc rất chỉnh tề, dáng người thì thành đẹp đẽ, nói năng hơi có vẻ đài các, dợt giọng ra một chút. Các trại viên nói chắc rằng nó là con một viên tổng trấn cũ ở tỉnh Iêckutxk. Nó một mực cãi là không làm gì có cái chuyện xuất thân nhục nhã như thế, và các giấy tờ của nó cũng không có một dấu tích gì chứng minh cái nguồn gốc đáng nguyên rủa ấy, nhưng trong những trường hợp như thế thì thường thường tôi ngả tin theo lời của các trại viên hơn. Nó là đội trưởng ở trại thứ hai và nó tỏ ra xuất sắc do một đặc tính rất đáng khen: không có ai săn sóc đến đội viên của mình hơn đội trưởng đội sáu. Nó bắt chúng đọc sách, giúp đỡ chúng ăn mặc cho tề chỉnh, đích thân bắt buộc chúng tắm rửa, và luôn luôn thúc đẩy chúng bằng sự vững lòng tin tưởng, bằng lý luận thuyết phục, và sự khản khoản kiên trì. Ở hội đồng đội trưởng nó thường xuyên tượng trưng cho tình yêu mến và ân cần săn sóc đối với bọn trẻ nhỏ. Và nó có thể tự hào vì nhiều thành công. Người ta giao cho nó những đứa bé bản thủ nhất và thò lò mũi nhất, thế mà chỉ trong một tuần lễ nó biến đổi chúng thành những cậu công tử nhỏ đội mũ có nghệ thuật và bước chững chạc trên con đường đi công tác.

Ở trại có hai trại viên tên là Vônkôp: Jôra và Aliôsa. Tuy là anh em ruột nhưng chúng không có một nét nào giống nhau. Bắt đầu vào trại, Jôra rất tệ: nó tỏ ra lười biếng bất trị, tính khí ốm yếu và ác cảm, tính nết như con chó, ganh ghét đố kỵ một cách thâm độc và bần tiện, nó ít nói, chẳng bao giờ nhếch mép mỉm cười; tôi đã đi tới nước nhận định rằng nó không nhập được vào “bọn mình”, và rồi sẽ bỏ trốn thôi. Ấy thế mà việc tái tạo nó lại thành công không cần đến một hình thức lôi thôi gì hết, cũng không phải tốn sức giáo dục chút nào. Một ngày kia, trong buổi họp hội đồng đội trưởng, bàn đến việc đào một cái hố cho một nhà kho gầy rượi, mọi người thấy rằng chỉ còn có thể ghép hai trại viên: Galatenkô và Jôra. Ai nấy cười âm lên.

Cứ để tự nhiên thì chẳng có ai lại nghĩ đến chuyện ghép hai thằng lười chầy thây như thế bao giờ.

Mọi người lại càng cười dữ, nhưng chợt có một người đề nghị hãy cứ thử làm một cuộc thí nghiệm thú vị: cho hai đứa lập thành một đội đặc biệt, và xem kết quả ra sao, chúng sẽ đào được bao nhiêu đất. Dù sao thì Jôra cũng được chọn làm đội trưởng: thằng Galatenkô còn tệ hơn nó nhiều. Mọi người cho gọi Jôra lên hội đồng, và tôi bảo nó:

- Vônkôp ạ, có việc như thế này đây: hội đồng đã chỉ định chú làm người chỉ huy đội đặc biệt có nhiệm vụ đào cái kho gầy rượi mới, và hội đồng cho chú thằng Galatenkô đấy. Nhưng chúng tôi sợ rằng chú không thúc đẩy nổi nó làm việc chẳng.

Jôra nghĩ một lát rồi lẩm bẩm:

- Tôi sẽ thúc được.

Ngày hôm sau, trại viên trực nhật rất phấn khích, chạy đến tìm tôi:

- Bác đến mau với cháu, thật hết sức thú vị được xem thằng Jôra đang dạy bảo thằng Galatenkô! Nhưng phải cẩn thận đừng cho nó nghe thấy gì, kéo hồng bát.

Chúng tôi đi lẫn đằng sau các bụi rậm đến tận chỗ hai đứa làm việc. Trên mảnh đất ở giữa một khu vườn cũ còn lại, đã có vạch một hình chữ nhật làm vị trí của kho gầy rượi tương lai. Ở một đầu là phần của Galatenkô, ở đầu này là phần của Jôra. Thoạt nhìn đã thấy nổi bật sự bố trí lực lượng và sự chênh lệch giữa hai phần công tác: Jôra đã đào được nhiều thước vuông, còn Galatenkô thì mới có một dải hẹp. Nhưng thằng này không ngồi: nó hét đưa bàn chân to bè vung về ấn lên cái xẻng khó bảo, vừa xúc đất vừa luôn luôn cô ngoái cái đầu nặng nề lại phía Jôra. Nếu Jôra không nhìn, thì Galatenkô

ngừng làm việc, nhưng vẫn để chân lên xềng, hễ có dấu hiệu báo động đầu tiên một cái là sẵn sàng dấn ngay xềng xuống đất. Rõ ràng là Jôra đã chán ngấy những trò mưu mô ấy rồi. Nó bảo Galatenkô:

- Dễ thường mày tưởng là tao sẽ cứ ở đây mãi mà áp ủ mày với xin mày đẩy hẳn? Tao không có thì giờ sẵn sóc đến mày đâu, mày trông thấy đấy.

- Thì tại sao mày phải nhọc lòng thế chứ? Galatenkô làu bàu.

Jôra không đáp, tiến lại gần nó:

- Tao đã thôi không buồn nói chuyện với mày nữa, mày có hiểu không? Và nếu mày mà không đào xong từ đây đến kia, thì tao cứ quẳng bữa ăn sáng của mày vào thùng rác.

- Dễ thường người ta để cho mày làm như thế đấy! Liệu bác Antôn sẽ ca cho mày nghe bài gì?

- Bác muốn ca bài gì thì cứ việc ca, nhưng tao sẽ quẳng đi cho mày xem, mày cứ nên yên trí như thế.

Galatenkô nhìn thẳng vào mắt Jôra và hiểu rằng thằng này sẽ làm như nó nói. Galatenkô lẩm bẩm:

- Nhưng tao làm đấy chứ, có cái gì mà mày hạch tao?

Xềng của nó bắt đầu xúc đất hoạt động hơn. Trại viên trực nhật nắm lấy khuỷu tay tôi.

Để nêu lên trong báo cáo, tôi thăm thì bảo hẳn.

Đến tối, trại viên trực nhật đọc phần chót bản báo cáo của hẳn:

Xin mọi người lưu ý đến phần công tác rất tốt của đội đặc biệt ba “P”, do Vônkôp số một chỉ huy.

Karabanôp kẹp đầu Vônkôp vào cánh tay phải của hẳn mà hí lên rằng:

- À, không phải là bất cứ đội trưởng nào cũng được cái vinh dự ấy đâu nhé.

Jôra mỉm cười, hết sức hãnh diện. Từ ngoài cửa phòng giấy, Galatenkô cũng thưởng cho chúng tôi một nụ cười và nói vọng vào bằng một giọng khàn khàn:

- Đúng rồi, hôm nay chúng tôi làm việc phải biết là cật lực!

Và từ đấy trở đi, như có phép thần thông, Jôra mở hết tốc lực đi trên con đường hoàn thiện. Hai tháng sau hội đồng đội trưởng đặc phái nó sang trại thứ hai để thúc đẩy cái đội bảy lười biếng.

Aliôsa Vônkôp thì ngay từ hôm đầu đến trại đã được mọi người yêu mến. Nó xấu xí, mặt đầy những vết lốm đốm màu đậm nhạt khác nhau, cái trán thì thấp đến nỗi hình như tóc trên đầu nó không leo lên đỉnh mà lại mọc ra đằng trước. Nhưng có điều ai cũng nhận thấy ngay lập tức, là Aliôsa rất thông minh, thông minh trội hơn hết mọi đức tính của nó. Không có một đội trưởng đội đặc biệt nào ăn đứt được nó: nó rất tài tính khối lượng công tác, bố trí các đội viên của nó, tìm ra những phương tiện và những biện pháp làm việc mới.

Cũng thông minh như vậy là thằng Kutlaty, một gã có bộ mặt Mông-cổ, người thấp lùn và bùn xỉn. Mặc dầu trước khi đến trại, nó chưa từng có làm gì khác hơn là đi làm công nhật, nhưng nó vẫn cứ đeo cái biệt danh là “kuốc-kun” (tiếng Ukren nghĩa là phú nông). Và thực sự, nếu không có trại mở đường cho nó sau này vào hàng ngũ của Đảng, thì Kutlaty sẽ có thể trở thành một phú nông: vì nổi bật hết sức trong con người nó, tàng ẩn tận thâm căn ruột gan nó, có thể nói là cái năng tính của người nông dân chí thú, yêu tất cả mọi vật, những xe tải, những cái bừa, những con ngựa, phân ủ và cánh đồng cày vỡ, hết thảy mọi việc ở trang trại, ở kho thóc, ở vựa lúa. Kutlaty biết nhìn nhận mọi sự vật một cách chắc chắn không ai bằng, nói năng chậm rãi, với cái lý trí chắc nịch của một người cơ chỉ, đứng đắn và tằn tiện vô cùng. Nhưng vốn trước kia là kẻ đi ở cho chủ trại, nó cũng căm ghét bọn phú nông với tất cả sự bình tĩnh, cái sức mạnh và cái lương tri vững chãi mà nó đem ra sử dụng trong mọi việc, vì nó hết lòng tin tưởng ở công xã chúng tôi, cũng như ở mọi công xã nói chung. Kutlaty đã từ lâu trở thành cánh tay

phải của Kalina Ivanôvich, và đến cuối năm 1923 một phần lớn những công việc sự vụ của trại đều là dựa vào nó cả.

Xtupitxyn cũng là một tay quản lý giỏi, nhưng lại thuộc một kiểu khác hẳn. Nó là một người vô sản chân chính. Nó xuất thân ở một gia đình thợ thủ công ở Khackôp và có thể kể chuyện cụ nội nó, ông nó và bốn nó đã làm việc ở đâu. Đã từ lâu đời tên họ nhà nó không phải là thiếu vinh quang trong hàng ngũ những người vô sản của tỉnh Khackôp, và người anh cả nó bị đi đày vì đã tham gia cuộc cách mạng 1905. Xtupitxyn trông người rất đẹp, lông mày thanh tú, cặp mắt nhỏ sắc và đen nhanh nhảnh. Hai bên góc mép nó có những bắp thịt tinh tế và linh hoạt căng ra thành hình rẽ quạt, và vẻ mặt nó biểu hiện tình cảm tuyệt giỏi, thay đổi nét rất mau và thú vị. Xtupitxyn phụ trách một ngành vào hàng quan trọng nhất trong dinh nghiệp của trại, tức là chuồng lợn ở trại thứ hai, mà số lợn cứ tăng lên mau chóng một cách kỳ diệu. Một đội đặc biệt làm việc ở đây – đội mười – do nó chỉ huy. Nó biết luyện cho các đội viên của nó thành một nhóm cứng mạnh và chả giống những người nuôi lợn theo truyền thống thông thường mấy tí: bọn trẻ trong đội lúc nào cũng đem theo kè kè một quyển sách, đầu óc bận nghĩ những khẩu phần, bút chì với sở ghi không rời tay; có những tấm biển đóng vào các cửa nhỏ của các ngăn chuồng, những biểu đồ và chỉ thị dán khắp xó nhà, và mỗi con lợn đều có giấy chứng thực nòi giống. Thật chẳng còn có thiếu chuyện gì ở trong cái chuồng lợn ấy!

Tiếp xúc trực tiếp với nhóm lãnh đạo còn có hai nhóm lớn làm hậu thuẫn dự bị cho nó. Một bên là những trại viên kỳ cựu cứng rắn, lao động giỏi, quan hệ bạn bè tốt, nhưng không có những tài năng trội lắm về mặt tổ chức, những gã trai khỏe mạnh và bình tĩnh như Prikhôtkô, Tsôbô, Xôrôka, Lêsi, Glaize, Snaide, Ôptsarenkô, Kôrytô, Fêđôrenkô. Và một bên là những trẻ nhỏ đang lớn lên, nhóm dự bị thay thế chân chính, ở trong đó, thường đã thấy xuất lộ con người có tài tổ chức tương lai. Vì còn ít tuổi, chúng chưa thể nắm được quyền hành, và chẳng các trại viên cũ hiện đang ở các cương vị lãnh đạo; chúng yêu mến và kính trọng họ. Nhưng đối với họ chúng có nhiều ưu thế hơn: từ lúc còn nhỏ tuổi hơn chúng đã được nếm cuộc sống ở trại và được thấm nhuần sâu sắc hơn những truyền thống của trại, chúng tin tưởng mạnh hơn vào giá trị không thể nào bàn cãi của tập thể chúng và điếm trội hơn hết thảy, chúng có học vấn hơn, cái man trí thức ở chúng sinh động, thiết thực hơn. Một phần chúng là những trẻ mà chúng ta đã quen biết từ trước như: Tôxka, Sêlaphutin, Jêvêli, Bôgôiaplenxki, và thêm vào đây có một số tên mới: Lapô, Sarôpxki, Rômantsenkô, Nazarenkô, Vekxle. Tất cả đều là những đội trưởng và những tay hoạt động đầu đàn sau này, khi chinh phục trại Kuriajê. Ngay từ bây giờ chúng thường đã đảm nhiệm công tác làm đội trưởng trong những đội đặc biệt.

Những nhóm vừa kể trên đây là đại bộ phận của tập thể chúng tôi. Quen làm gương mẫu do nghị lực, những sự hiểu biết và kinh nghiệm của chúng, những nhóm đó mạnh vô cùng, và vô số trại viên còn lại chỉ có thể bước theo gót chúng mà thôi. Về số còn lại đó, ngay đối với sự nhìn nhận của các trại viên, nó cũng chia ra làm ba loại: bọn “đằm lầy”, bọn tí nhau, và bọn “căn bã”. Xếp vào loại “đằm lầy” là những trại viên chẳng có gì xuất sắc, loại mềm yếu không có xương sống, những đứa hình như tự chúng cũng không tin chắc được rằng mình là những trại viên.

Song cũng phải nói rằng ở đám “đằm lầy” ấy có những cá tính đáng chú ý nổi lên, và nói chung nó chỉ là một trạng thái tạm thời. Trong một thời gian, đa số của nó là những đứa trẻ nuôi của trại thứ hai. Bọn tí nhau có độ mười lăm đứa; các trại viên coi chúng như là một thứ nguyên liệu, mà chức năng thứ nhất là học vắt mũi cho sạch. Và chẳng bọn chúng cũng chẳng có ý muốn nổi trội bằng một hoạt động gì đặc biệt, và chúng hoàn toàn thoả mãn với các trò chơi của chúng, trượt tuyết, bơi thuyền, câu cá, đi xe trượt tuyết và các trò lật vật khác. Tôi cho rằng chúng làm như vậy là đúng.

Bọn “căn bã” gồm có năm đứa: Galatenkô, Pêrêpêliatsenkô, Epgêniep, Guxtôivan, và một thằng nữa. Cả tập thể nhất trí xếp chúng vào loại ấy sau khi đã nhận thấy rõ như đập vào mắt cố tật của mỗi

đưa: Galatenkô là một thằng ăn tục và đại lãn, Epgêniep, một thằng có bệnh động kinh, hay nói chuyện và nói dối như cuội, Pêrêpêliatsenkô, một thằng chết đói, hay khóc vờ và xin xỏ, Guxtôivan, một thằng yếu linh hồn và bị bệnh “thần kinh”, chỉ để thì giờ cầu Đức mẹ và mơ tưởng đến tu viện. Với thời gian, những đại biểu của nhóm “căn bã” sau này cũng chừa bỏ được một số những cố tật ấy, nhưng không phải là ngay lập tức.

Cái tập thể của chúng tôi hồi cuối năm 1923 là như vậy. Nhìn bề ngoài thì trừ một vài ngoại lệ rất hiếm, còn tất cả các trại viên đều có kỷ luật như nhau và phô trương cái tư thế quân nhân của chúng. Trong những cuộc diễu hành ngày hội, chúng tôi đã ra mắt với hàng ngũ tề chỉnh đẹp mắt, được tôn thêm bằng bốn chiếc kèn quân và tám chiếc trống lớn. Chúng tôi cũng có cờ riêng, một lá cờ rất đẹp bằng lụa, thêu chữ chỉ tơ, tặng phẩm của Ủy ban Giáo dục Ukren, nhân dịp lễ kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập trại của chúng tôi.

Những ngày khánh tiết vô sản, các trại viên tiến vào thành phố, nhịp bước theo tiếng trống, với hàng ngũ oai nghiêm, kỷ luật chặt chẽ và một tư thái đặc biệt dễ ưa, làm cho các thị dân và các nhà sư phạm dễ cảm xúc đến hết sức ngạc nhiên. Bao giờ chúng tôi cũng đến quảng trường sau tất cả mọi người, để khỏi phải chờ đợi những người khác. Một tiếng hô: “Nghiêm!” tất cả đều đứng im tắp, kèn của chúng tôi vang lên gửi lời chào hết thảy những người lao động trong thành phố và các trại viên đều giơ tay lên làm lễ chào. Sau đó chúng tôi giải tán hàng ngũ, ai nấy chạy đi dự các cuộc vui của ngày hội, nhưng tại chỗ của đội ngũ, người cầm cờ, những trại viên tiêu vệ và chú cầm cờ hiệu ở đầu hàng cuối cùng vẫn đứng yên đấy. Cách bố trí đó có vẻ rất oai phong, khiến không ai có ý nghĩ dừng chân đứng lại trong phạm vi ranh giới đã vạch ra như thế. Nhờ có sáng kiến và mạnh dạn, chúng tôi sửa chữa rất dễ sự nghèo nàn của quần áo chúng tôi. Quyết liệt phản đối những bộ quần áo vải in hoa, là cái đặc điểm rất đáng bực của trại nhi đồng mồ côi, chúng tôi tuy vậy cũng không thể nào may sắm được những bộ đồng phục đắt tiền hơn, ngay cả đến những đôi giày đẹp mới cũng thế. Vì thế cho nên chúng tôi đi chân đất diễu hành, nhưng cái đó lại có vẻ như cố ý làm ra vậy. Áo sơ-mi trắng của bọn trẻ đều sạch trong sạch bóng. Chúng mặc những quần đen rất tốt, gấu quần sấn lên tới đầu gối, để lộ những mép áo trong trắng bong như tuyết. Tay áo sơ-mi cũng vén lên đến khuỷu. Cả đội ngũ mặc như vậy vừa rất trang nhã vừa vui mắt, và một phần nào lại in dấu hương thôn.

Ngày mùng 3 tháng mười năm 1923 chúng tôi xếp thành đội ngũ như thế ở thao trường của trại. Ngày hôm đó đánh dấu sự kết thúc một công tác vô cùng phức tạp đã kéo dài suốt ba tuần lễ. Chiều theo nghị quyết của hội nghị liên tịch gồm cả hội đồng giáo vụ và hội đồng đội trưởng, toàn thể trại Gorki dời chuyển sang khu sản nghiệp của gia đình nhà Trepkơ trước đây và giao trả lại trại sở cũ của nó, trên bờ hồ Rakitnô, cho sở Giáo dục tỉnh. Cho đến ngày mùng 3 tháng mười, hết thảy mọi thứ đã được chuyển sang trại thứ hai: các công xưởng, các kho trống, chuồng ngựa, nhà kho, đồ đạc của giáo viên, phòng ăn, nhà bếp và trường học. Sáng hôm đó, ở trên thao trường chỉ còn lại một toán năm chục trại viên, tôi, với lá cờ.

Đến mười hai giờ, vị đại biểu của sở Giáo dục ký vào tờ công văn tiếp quản điền sản của trại Gorki, rồi đứng lui sang một bên. Tôi hô lệnh:

- Chào cờ, nghiêm!

Các trại viên đứng thẳng người theo tư thế quân đội, trong khi hiệu trống nổi lên và kèn quân thổi bài chào cờ. Đội cờ đã vào lấy cờ ở trong phòng giấy của tôi. Khi cờ đứng yên vị ở sườn bên phải đội ngũ tôi, chúng tôi không mất thì giờ từ biệt trại cũ làm gì. Không phải chúng tôi có ác cảm gì với nó, nhưng chỉ vì chúng tôi không thích nhìn lại đằng sau. Và chẳng buồn quay đầu lại nữa, đội ngũ chúng tôi theo tiếng trống bùng bùng phá tan sự yên tĩnh của đồng ruộng, xuất phát ra đi dọc bờ hồ Rakitnô, qua những tường pháo đài nhà Andri Kacpôvich, theo đường phố của xóm, xuống những cánh đồng cỏ

thấp ở bờ sông Kôlômak, rồi qua cái cầu mới, công trình của các trại viên.

Trong sân trại thứ hai đã tập hợp tất cả các giáo viên, thêm vào đó có nhiều nông dân làng Gôntsarôpka, và các trại viên bên ấy xếp hàng thẳng tắp, đội ngũ cũng đẹp đẽ tề chỉnh như đội chúng tôi, ai nấy đứng ngay người để chào lá cờ của trại Gorki.

Với tư thế, chúng tôi bước sang một kỷ nguyên mới.

SƠ LƯỢC NỘI DUNG
PHẦN THỨ NHẤT

1. Nói chuyện với ông Giám đốc sở Giáo dục

Tháng 9 năm 1920, tác giả nhận nhiệm vụ thành lập một trại lao động cải tạo những trẻ vị thành niên phạm pháp, với mục đích giáo dục chúng trở thành những con người mới, “những con người xô-viết”. Nhiệm vụ khó khăn: vì trại sẽ là một thí điểm đầu tiên, trong những hoàn cảnh thiếu thốn và hoàn toàn thiếu kinh nghiệm về phương pháp giáo dục.

2. Những bước đầu không quang vinh của trại Gorki

Trại ở cách Pontava 6 cây số: một trại rừng giới cũ cho trẻ vị thành niên phạm pháp, đã bị phá phách hư hỏng nhiều. Tiếp xúc với viên chủ nhiệm Kalina Ivanôvich Xecđiuc, đối tượng giáo dục đầu tiên. Thời kỳ tổ chức: tu sửa được một nhà ở của trại và chỉ xin được có 150 phút bột hắc mạch.

Hai nữ giáo viên đến trại: Êkatêrina Grigôriepna và Liđia Pêtrôpna. Rồi ngày 4 tháng 12, trại long trọng đón tiếp sáu trẻ nuôi đầu tiên: Zăđôrôp, Burun, Vôlôkhôp, Bendiuc, Gut và Taranet. Bài diễn từ huấn thị không kết quả. Sự vô lễ thứ nhất đối với Liđia. Bendiuc bị bắt vì tội ăn cướp giết người ban đêm. Những buổi tối buồn ở trại.

Zăđôrôp từ chối quét dọn tuyết. Lai lịch của Zăđôrôp. Họa tượng của Vôlôkhôp. Thái độ xấc xược của bọn trẻ trong khi Makarenkô và Kalina thân hành quét dọn tuyết.

Xin sở Giáo dục một khẩu súng lục để tự vệ. Thời kỳ căng thẳng, nghiên cứu tìm phương pháp giáo dục mới. Sự khinh nhờn của bọn trẻ ngày càng tăng. Lần đầu và cũng là lần chót, Makarenkô buông rời nguyên tắc sư phạm: đánh Zăđôrôp. Sau đó, cùng cả bọn đi vào rừng đốn củi; Kalina băn khoăn lo ngại, nhưng kết quả bất ngờ: chúng lao động tốt và bắt đầu phục tùng. Thái độ chuyển biến của Zăđôrôp.

3. Đặc điểm của những như cầu cần thiết nhất

Hôm sau Makarenkô giao hẹn dứt khoát: ai không tôn trọng kỷ luật sẽ không được ở trại. Ý nghĩ của tác giả về việc đánh Zăđôrôp. Va chạm gay go với Vôlôkhôp, vì đến phiên trực nhật của nó mà nó không chịu quét phòng ngủ. Sự khuất phục của nó trước sự tức giận của Makarenkô. Những thắc mắc của Lidia và Êkatêrina. Tác giả suy nghĩ về vấn đề bạo lực và phân tích thái độ phục tùng của các trẻ nuôi.

Tháng 2 năm 1921, trại nhận thêm 15 đứa trẻ vô thừa nhận, và sang tháng 3 số trẻ lên tới 30 đứa. Trại cũng có thêm hai giáo viên mới, vợ chồng Ôtxipôp (Ivan Ivanôvich và Natalia Mackôpna). Một tuần lễ sau, lại thêm một bà già quản lý. Hành lý của bà gồm nhiều túi đựng đủ thứ, kêu gọi sự thêm muốn của các trại viên. Bà hay nói chuyện và thân thiện ngay với chúng.

Trại nghèo xơ xác, chỉ có cách đi xin quần áo và lương thực cho các trại viên. Những khó khăn gặp phải trong việc đi xin ấy ở sở Giáo dục. Quần áo “tổ đĩa”, giày giẻ rách và “canh nước ốc”. Những mưu mẹo trong việc lén lút đi xin cung cấp lương thực ở các cơ quan bạn.

Các trại viên đi bắt cá trộm ở các lưới đó của nông dân. Taranet liềm lấy cả lưới đó. Lai lịch của Taranet. Giáo dục nó về tinh thần tập thể, nhân dịp có biểu cá: việc đánh cá trở thành việc lợi ích chung cho cả trại.

Làm ngơ trước những chuyện ăn cắp vặt của các trại viên ngày ngày theo Kalina Ivanôvich ra tỉnh. Cảnh nghèo chung: các giáo viên hầu như không có lương và cũng cùng chịu cảnh đói rách.

4. Đấu tranh nội bộ

Mất một số tiền lớn, bỏ trong ngăn kéo khóa cẩn thận của bàn giấy phòng giám đốc. Taranet và Gut biết thủ phạm, nhưng không chịu tố cáo. Hôm sau, Gut sung sướng vợ về đủ số tiền, mà tên ăn cắp đã ném trả lại ở chuồng ngựa. Hai hôm sau, lại mất cả số mỡ dự trữ của trại, rồi mất hết lều với mấy hộp mỡ bôi trục xe. Kalina Ivanovich tức giận, Makarenkô la hét, nhưng vô hiệu. Mấy ngày ông bôn ba đi xin lại được mỡ và kẹo khác, đem cất vào hầm kho nhưng các thứ đó cũng lại bị lấy mất ngay tối hôm ấy. Vài hôm sau, mất cái vòng cổ ngựa, và chuyện mất cắp trở thành thường xuyên.

Makarenkô đi tuần đêm. Nói chuyện với Zadôrôp. Ý kiến thuê người gác trại của Bratsenkô không được Xôchia Vetkôpxki tán thành. Lai lịch và tính cách của Vetkôpxki.

Sang tháng hai, bà quản lý thôi việc, bà bị mất cắp hết các thứ khi ra đi. Khám xét cả trại ngay đêm hôm ấy. Thủ phạm chính là Burun. Tính cách của nó. Phiên xử đầu tiên của “Toà án nhân dân của trại”: trước sự phần nộ chung, nó nhận mọi tội lỗi. Nó hứa với Makarenkô sẽ chừa ăn cắp và giữ lời từ đây.

5. Việc quốc gia

Tham gia lùng bắt những kẻ cướp đường, một lần các trại viên bắt được một tên khiến trại được Ủy ban chấp hành tỉnh Pontava cấp giấy khen. Nhưng các vụ cướp giết người vẫn tiếp tục xảy ra. Một lần, xe tải của trại ở tỉnh trở về bị chặn lại. Gut (phụ trách trông nom con Nhãi-ranh) bắt lực nhìn Kalina Ivanôvich bị đánh, nhưng bọn cướp chê không lấy bột lúa mạch và đường kính chở trên xe. Từ đây, suốt trong hai năm, mỗi chuyến xe tại cửa trại ở tỉnh về đều có một đội trại viên đi đón. Những trò đùa của các trại viên trong khi “chiếm lĩnh đường cái”

Một hoạt động mới: canh gác rừng. Xuất phát đêm với Burun và Sêlaputin: bắt được Mutxi Kacpôvich đang đón trộm thông. Lập biên bản. Phần thưởng là cây thông, chở về trại, với cái rìu. Do ảnh hưởng của những cuộc vật lộn thực tế đó, tinh thần tập thể bắt đầu nảy nở ở trại Gorki.

6. Chiếm được cái thùng sắt

Mơ ước phát triển nông nghiệp. Nhân được phép đi đốn gỗ trong rừng, khám phá thấy cơ ngơi trại Trepkơ, bỏ hũ nát, Kalina Invanôvich thích thú một cái thùng sắt lớn mới sơn, còn sót lại trên bờ tường chuồng ngựa, muốn xin về làm thùng nhà tắm cho trại. Bác đòi giấy giới thiệu đi lên Xô-viết thôn, rồi lên Ban chấp hành xã, và Ban chấp hành huyện, nhưng đều không kết quả.

Một chủ nhật tháng ba ẩm áp, lại đi chơi sang trang ấp Trepkơ, nảy ra ý xin hẵn cơ ngơi đó để tu sửa lập trại. Buổi tối về thảo luận, quyết định thực hành. Suốt đêm viết báo cáo gửi Ban chấp hành tỉnh. Hai tuần lễ sau, thỉnh cầu đó được chuẩn y. Sự vui mừng phấn khởi của các trại viên, nhất là của Kalina.

7. “Xây dựng một thế giới thì cũng phải có đủ mọi thứ”

Sông Kôlômak gần cách trại tới trang ấp Trepkơ, mỗi năm đến đầu tháng tư lại tràn ngập làm trở ngại giao thông.

Vaxka Pôletsuc bỏ trại. Lai lịch của nó. Nó luôn miệng tán dương đời sống Hồng quân và một viên sĩ quan tên là Zubat. Sau khi về trại, nó cảm lạnh một thời gian, rồi lại nói huyền thiên và mơ tưởng chuyện đi. Sau đó, một buổi sáng nó bỏ trại.

Kalina Ivanôvich xin được ở Ủy ban vị thành niên phạm pháp một con ngựa không có chủ đến nhận, con Hung. Bác hớn hở giao nó cho Gut với những lời huấn thị cẩn kẽ. Bác làm lấy một lưỡi cày đốc suất Burun và Zăđôrôp cày ruộng, trong khi Gut với Bratsenkô, mã phu phụ việc của nó, đi theo trông nom con Hung một cách triu mến.

Xôfrôn Gôlôvan, thầy dạy nghề rèn. Lai lịch. Chủ trương của Kalina đối với lão. Ít lâu sau, trại có thêm một thầy dạy nghề mộc. Lương của Xôfrôn chỉ đủ mua cho bác ba chai vôtka lậu. Sự náo nhiệt bận rộn hàng ngày ở xưởng rèn, xưởng mộc, phục vụ nông dân với giá tiền chiếu cố đối với nông dân nghèo.

Xôfrôn làm một chiếc xe ngựa ghé ngang. Bác giới thiệu đến ở trại một người thợ già đóng xe, Kôđia. Lai lịch vợ của Kôđia, tính mộ đạo của lão. Sáng kiến của Kôđia làm vành bánh xe bán cho nông dân.

Những trận tấn công đến trại của vợ Kôđia, lão được các trại viên bảo vệ. Xưởng đóng xe kiếm ra tiền, danh tiếng của xưởng vang truyền đi rất xa. Đời sống ở trại bắt đầu trở nên phức tạp và vui vẻ hơn. Trại nhận thêm một số trại viên mới: Karabanôp, Prikhôtkô, Gôlôt, Xôrôka, Vecsonep, Michiaghin v.v...

8. Tính cách và văn hoá

Trình độ tinh thần và tâm lý chung của các trại viên mới và cũ. Những mầm mống của tinh thần tập thể cần phải bảo vệ, chống lại ảnh hưởng phá hoại của bọn trẻ mới đến. Nhận định những nguyên nhân thành công: lòng tin tưởng ở thắng lợi và tính “lạc quan bất trị” của Makarenkô.

Những ngày pha trộn tin tưởng, vui mừng và thất vọng. Đang yên tĩnh bỗng nổ ra một cuộc đổ máu ở phòng ngủ. Tịch thu dao và quả đấm. Những lò lửa hằn thù vẫn âm ỷ, mà tập thể cố dẹp tắt. Nhưng đột nhiên các trại viên lại cầm dao đuổi theo nhau.

Thái độ quyết liệt, đuổi Tsôbô, mặc dầu các trại viên cố xin cho nó ở lại. Hẹn cho nó sau hai tuần lễ có thể trở lại trại, nếu đời sống ở ngoài gay go. Một tháng sau nó trở về, hứa chừa chơi dao.

9. “Ở đất Ukren này vẫn còn có những tay hảo hán”

Một ngày chủ nhật, Ôtxatsi say rượu, và còn nhiều trại viên say nữa. Nói chuyện giải thích, không phạt ai, vì nguyên nhân chính của sự tai hại là những nhà nấu rượu ở trong làng.

Hỏi Gôlôvan về những người bán rượu lậu.

Xin một công lệnh đi bắt rượu lậu trong Xô-viết thôn. Kalina Ivanôvich can ngăn, vì chủ tịch Xô-viết thôn, Grêtsany, và cả những thân nhân của hắn đều nấu rượu. Nói chuyện ở phòng ngủ: Karabanôp tán thành nhiệt liệt. Chọn ba người: Zadôrôp, Vôlôkhôp, Taranet. Tối thứ bảy, họp bàn kế hoạch. Lấy thêm Karabanôp và rủ cả Lidia, họp thành một Ủy ban 5 người.

7 giờ sáng chủ nhật, vào nhà lão Andri Kacpôvich Grêtsany. Nhạc tấu của đàn chó. Karabanôp đánh chó, Taranet bắt một chai rượu ngon, lão Andri muốn giằng lại nhưng Zadôrôp đã đỡ lấy cái chai. Lão đánh Vôlôkhôp. Nó cười, chỉ cho lão xem Taranet đang cầm một chai vôtka trút từ trên lò sưởi xuống. Lidia thuyết phục lão, lão cãi lại, nhưng Taranet tố cáo việc lão nuôi Xtêpan mà không trả công, khiến Xtêpan phải xin vào ở trại. Đập nôi ở ngoài sân, trong khi Lidia vẫn cố gắng giảng giải cho lão hiểu.

Đến nhà Luka Xêmiônôvich Veckhôla. Tiếp đãi niềm nở. Y làm ra vẻ tán thành việc bắt rượu và nói là mình không nấu rượu. Y gọi vợ bày các thức ăn thịnh soạn ra thết đãi. Bọn trại viên thèm thuồng ăn ngon lành. Luka bảo con, Ivan, chơi phong cầm. Ăn xong, Luka gọi chuyện về trại Trepkô. Giữa lúc tình cảm đang chan hoà, Taranet hiện ra với chiếc ống quần mình rần, bộ phận chủ yếu của nôi cất rượu. Nó mách rằng đã tìm thấy cả rượu vôtka còn nóng giấu ở kho thóc. Luka tự trấn tĩnh, khen Taranet, rồi gọi Ivan giúp các trại viên đi đập nôi. Nhưng mẹ vợ phản kháng dữ dội, mặc dù Lidia vẫn cố thuyết phục, cả bọn ra về, được bố con Luka tiễn chân tử tế, trong khi mẹ vợ vẫn chửi rủa. Khi ra đến đường, Karabanôp đau bụng vì đã ăn nhiều bơ chua quá.

Kết quả hôm đó đập tất cả 6 nôi cất rượu. Khi về trại, giữa đường gặp chủ tịch Xecgây Pêtrôvich Grêtsany chất vấn. Taranet nói chọc, Xecgây dọa đi thưa cấp trên.

Nạn rượu chấm dứt ở trại, tiếp đến nạn bài lá. Nạn nhân Ôptsarenkô trốn khỏi trại. Gặp ở chợ giời ngoài tỉnh, dỗ nó trở về, nó không chịu về. Hỏi các trại viên, chúng đều không nói nguyên do. Khám xét toàn trại: hòm của Burun đựng đến hơn 30 bảng đường, Michiaghin có đến 50 rúp giấu ở dưới gối, Burun thú thật, còn Michiaghin không chịu nói. Buồng ba nữ sinh dùng làm kho chứa nhiều đồ vật ở ngoài đưa vào. Cả ba cô đều đã được gửi đến trại vì tội ăn cắp ở gia đình, nhưng có lẽ Ôlia Yôrônôva đã bị bắt oan. Còn Raitxa và Marutxia đều rất hư thân mất nết, nhất là Marutxia có tính loạn thần kinh, tự coi mình như người “bỏ đi”. Raitxa thì cha bị giết vì dâm dăng, mẹ nghiện rượu và sống khổ sở. Cô không nhận mẹ, nói là bị bán cho gia đình Xôkôlôp từ thuở bé. Marutxia và Raitxa, vì đã là “dân chạy” cả, nên được Michiaghin tin nhiệm.

Lai lịch và họa tượng của Michiaghin. Ngay khi mới đến trại, nó đã nói với Makarenkô là sẽ cứ ăn cắp. Tịch thu tiền, sung cho quỹ trại. Makarenkô nói chuyện về nạn bài lá và nhắc đến Ôptsarenkô. Karabanôp phát biểu ý kiến, đề nghị Burun và Raitxa đi đón Ôptsarenkô về. Burun tự nguyện thu hết các cỗ bài đem hủy bỏ, Kalina Ivanôvich sung sướng thu lại số đường.

Michiaghin bảo Makarenkô là sẽ cứ tiếp tục ăn cắp.

Hôm sau Burun và Raitxa đi tìm và đưa Ôptsarenko trở về trại.

10. Những chiến sĩ giáo dục xã hội

Ý nghĩ của tác giả về các chiến sĩ giáo dục xã hội và những sự nghiệp anh hùng trong cuộc sống xô-viết.

Quá trình mò mẫm trong công tác giáo dục, ý chí quyết tâm làm nhiệm vụ đến cùng.

Sự biến chuyển của vợ chồng Ôtxipốp hoà mình dần với các trại viên: ăn cùng thìa gỗ, ngồi cùng giường chơi trò “kẻ cắp và mật thám”. Cách thức chơi. Lối chơi nhân nhượng của bọn trẻ đối với Lidia, Êkatêrina và cả với Ivanôvich hồi đầu. Makarenkô góp ý riêng với Ivan không kết quả, một lần sau chơi, ông bèn ra lệnh đánh anh đau thật sự, khiến anh toan bỏ cuộc. Bị bọn trẻ chế giễu, từ đấy anh trở nên gan dạ hơn.

Việc chống chảy rận.

Công việc của các giáo viên. Phiên trực nhật, phiên công tác lao động và phiên trực dạ.

Các buổi tối vui vẻ đầm ấm ở phòng ngủ. Tài kể chuyện của Michiaghin. Những cuộc đọc sách nghe chung do Makarenkô hay Zadôrốp đọc. Trong mùa đông năm đầu, đọc nhiều Puskin, Kôrôlenkô, Mamin Xibiriak, Vêretxaep, và nhất là Gorki. Cảm ứng mạnh nhưng không giống nhau, đối với các tác phẩm của Gorki: Maka Tsudra, Người ông Ackhip và Lenka, Ba người, Dưới đáy, Thời thơ ấu, Đi kiếm ăn. Ảnh hưởng tinh thần của Maxim Gorki trong đời sống của trại. Trại tự đặt tên bằng tên ông và mặc nhiên được mọi người công nhận. Viết thư sang nước Ý cho ông.

Êkatêrina, phụ trợ y tế và y tá tự nguyện của trại. Tình thương yêu của chị đối với các trẻ nhỏ, chị săn sóc chăm bẵm chúng, gây ảnh hưởng cho tất cả các trại viên lớn theo gương chị.

11. Thắng lợi về cái máy gieo hạt

Hướng phát triển của trại là nông nghiệp, nhưng trại mới chưa tu sửa xong.. Ngày ngày các trại viên đi đi về về làm việc chỉ có độ một chục trẻ đóng lều vải ở hẳn bên đó trông coi vườn trại.

Đặt trạm thường trực chở đồ trên sông Kôlômak. Những khó khăn gặp phải ở thôn Gônstsarôpka. Việc tranh chấp ruộng đất với nông dân thôn đó. Chủ tịch Xô-viết thôn, Luka Xêmiônôvich Veckhôla, phản đối.

Tiếp Xpiridôn, thanh niên Kômxiônôn của thôn, bàn nên đưa các trại viên sang đấu tranh tại chỗ với sáu tên địa chủ (trong đó có Luka) đã chia nhau các ruộng đó.

Karabanôp và Prikhôtkô cướp cái máy gieo hạt của bọn Luka đến gây sự, sau khi cả hai cùng với Tsôbô, Xôrôka và Bimin đánh nhau với họ.

Luka và Grêtsany Ônôpri đến trại đòi máy gieo hạt. Makarenkô kiên quyết bênh vực các trại viên, không trả lại máy gieo hạt và đòi lập biên bản về việc họ xâm phạm đất đai, đả thương các trại viên đang làm việc ngoài đồng. Tranh cãi hồi lâu, mãi cho đến tối. Sau cùng Zăđôrôp nói toạc, khuyên bọn kia đừng nên đương đầu với năm chục trại viên sừng sỏ. Luka hạ dần yêu sách, sau đành chịu ký vào tờ biên bản phân định ranh giới của tract lượng viên, và lấy máy gieo hạt về.

Sang thu, gieo lúa hắc mạch ở trại thứ hai. Ai nấy phấn khởi hăng hái làm ruộng, trừ Bratsenkô, vì nó thương hại hai con Hung và Thổ-phi.

12. Bratsenkô và ông ủy viên cung cấp lương thực

Trại xin thêm được một con bò cái già, một con ngựa cái đen, cũng già, và có thêm nhiều xe, nhưng vẫn thiếu một đôi ngựa tương xứng với nhau. Bratsenkô thay Gut làm mã phu trưởng. Những nỗi đắng cay của nó khi đánh xe với cặp ngựa Hung và Thổ-phỉ. Lai lịch, họa tượng và tính cách của Bratsenkô. Lòng yêu ngựa đến say mê của nó. Nó làm khó dễ mỗi khi có việc cần đến ngựa. Trật tự trong chuồng ngựa

Một buổi tối, nó không chịu thăng xe đi tìm bác sĩ để chữa bệnh cho Kôđia ốm nặng. Makarenkô cất chức mã phu trưởng của nó, cho Ôpriskô thay nó. Cay đắng, nó rời bỏ trại ngay đêm hôm ấy.

Hai hôm sau, nó tự ý trở lại và đánh Ôpriskô với Fêđôrenkô vì tội làm con Hung sây sát vai. Makarenkô không nổi giận, chỉ phạt giam nó một đêm.

Mùa đông 1922, thiếu rơm cỏ cho ngựa ăn. Bratsenkô đi tìm và dắt về trại một người nông dân, Vatz Ônufri, đánh xe rơm. Nó bảo người ấy là trại thu thuế bằng hiện vật. Đành phải ký nhận. Sau đó, lại có một nông dân khác, Xtêpan Ônufri, và nhiều người nữa đến nộp cỏ khô với lúa mạch. Lại liệu ký nhận nữa. Bratsenkô phấn khởi chăm lo ngựa và nhanh nhẩu đáp ứng những nhu cầu về sức ngựa kéo.

Có giấy hỏi của khu cung cấp lương thực. Makarenkô không trả lời và cũng không nói cho ai biết.

Sang tháng tư, chính ông ủy viên khu cung cấp lương thực, Agêep, đến trại chất vấn. Makarenkô nhận lỗi, không bào chữa. Agêep bắn khoản khó xử. Bratsenkô lên tiếng can thiệp, nói về tình hình ngựa đói. Agêep nhân nhượng bỏ qua chuyện đó. Bratsenkô sung sướng đi lấy cỏ cho ngựa của ông ăn.

13. Ôtxatsi

Thu đông năm 1922, ở trại xảy ra nhiều biến cố đặc biệt, trong khi trại phát triển mạnh về mặt kinh tế và tình hình sức khỏe. Nạn bài Do-thái. Nạn nhân là Ôxtromukhốp, Snaide, Glaize, Kraimik. Những đứa hay hành tội là Burun, Michiaghin, Vôlôkhốp, Prikhôtô và nhất là Ôtxatsi và Taranet.

Lai lịch, họa tượng và tính cách của Ôtxatsi.

Chúng hành hạ bọn trẻ Do-thái một cách ngấm ngầm và khôn khéo, khiến phải tiến hành rất thận trọng cuộc đấu tranh để tránh cho bọn trẻ đó có những cuộc báo thù. Để cô lập Ôtxatsi và Taranet, phải tranh thủ những đứa cùng bọn, Makarenkô được Zadôrôp giúp đỡ. Ôtxatsi hàng ngày vẫn hành hạ bọn trẻ mà chúng vẫn không dám kêu.

Gọi thẳng Ôtxatsi lên nói chuyện, dọa đuổi. Nó không sợ. Taranet hành động tinh vi hơn nó.

Một buổi tối, Ivan Ivanôvich dắt Ôxtromukhốp và Snaide lên phòng giấy Makarenkô, mách chuyên Ôtxatsi trong bữa ăn đã đánh hai đứa trước mặt giáo viên trực nhật và từ chối không chịu lên phòng giám đốc. Cho đi gọi nó. Nó lên. Taranet đi theo quan sát. Ôtxatsi tỏ thái độ láo xược. Makarenkô không nén được giận, cầm cái bàn tính ném nó, nhưng ném hụt. Ông vớ lấy một chiếc ghế xông vào nó. Nó chạy, nhưng vướng chân ngã. Zadôrôp giữ Makarenkô lại, trong khi Ôtxatsi khóc và Taranet tái xanh mặt. Makarenkô mắng cả Taranet, nó sợ hãi hứa sẽ chừa, ông đuổi nó ra ngoài.

Ôtxatsi đã đứng dậy. Makarenkô phạt nó bốn ngày khóa giam, ăn bánh mì sưng và uống nước lã. Chịu phạt sang ngày thứ hai, nó mời ông đến, xin tha thứ. Ông hẹn nó chịu xong phạt sẽ nói chuyện. Nhưng sau đó nó không xin tha thứ nữa và tuyên bố bỏ trại. Makarenkô không giữ nó.

14. Những lọ mực “tỏ tình lân mục”

Sau khi Ôtxatsi đi, các trại viên trở lại trật tự tốt, các trẻ Do-thái được bọn trại viên cũ săn sóc chăm bấp, nhất là Machiaghin thay đổi hẳn thái độ. Chúng dò xét tâm tình Makarenkô. Ekatêrina coi ông như một người ốm. Quả thật, một lần nữa, ông lại buồn rầu ngò vực phương pháp sư phạm của ông.

Một tai họa nữa sập đến: một trận đánh nhau ban đêm giữa một số trại viên – trong đó có Ôtxatsi – với các trai làng Pirôgôpka: dao Phần-lan và súng ngắn nòng. Phần thắng thuộc về các trại viên, và trụ sở Xô-viết thôn bị phá phách. Nhưng sáng hôm sau chúng trở dậy êm ả như không có chuyện gì xảy ra. Đến trưa ông chủ tịch Xô-viết thôn Pirôgôpka, một ông già hiền lành, sang trại thuật lại chuyện, Makarenkô mới biết. Ông hết sức ngạc nhiên vì thái độ “thông cảm” của chính quyền. Ông chủ tịch chỉ yêu cầu trại sửa chữa lại cho những chỗ hư hại ở trụ sở Xô-viết thôn và ông xin hai lọ mực về để làm việc. Rồi ông nói đến chuyện súng ngắn nòng, trước sự kinh ngạc càng tăng thêm của Makarenkô. Gọi các trại viên đã có mặt ở Pirôgôpka lên hỏi chuyện, tịch thu súng, Ôtxatsi mặc nhiên trở lại trại. Makarenkô không trả lại súng cho ông chủ tịch, nhưng ông này cũng không nài xin lại và còn yêu cầu Makarenkô đừng khiêu nại gì hết để giữ tình lân mục.

Cả trại vui mừng vì cái kết cục may mắn đó. Makarenkô không phạt ai và bọn trẻ hứa sẽ nối lại những quan hệ thân thiện với các trai làng Pirôgôpka.

15. “Đứa của chúng ta đẹp nhất”

Mùa đông 1922, trại có sáu nữ trại viên. Ôlia Vôrônôva xinh đẹp hẳn lên, nhưng không bắt tình với Prikhôtkô và giữ một tình bạn chân chính với Burun. Thích nghề nông và mơ ước một người chồng nông dân.

Cầm đầu bọn nữ trại viên là Naxchia Nôtsêvnaia. Lai lịch, họa tượng, tính cách. Uy tín đối với các trại viên. Thân thiện với các giáo viên, tin tưởng hướng về trường trung học công nông. Cũng nhằm mục tiêu ấy còn có Karabanôp, Vecsonep, Zadôrôp, Vetkôpxki. Giỏi nhất trong bọn là Raitxa Xôkôlôva, được gửi lên trường trung học công nông tỉnh Kiep vào mùa thu năm 1921. Bọn trai bắt mắt vì sự lựa chọn ấy.

Tính cách Raitxa. Ngay khi đang chuẩn bị thi vào trường trung học công nông, nó đã phải lòng Kornêep, một trại viên đã bị đuổi vì tội ăn cắp có kế hoạch. Hắn cũng đi ra Kiep, sau khi Raitxa thi đậu vào trường. Thư từ Raitxa gửi về trại nói lời mờ về việc học và xin tiền luôn, mặc dầu đã có học bổng. Các trại viên ngờ là nó nuôi Kornêep và trách các nữ giáo viên đã không nhìn thấy chuyện đó.

Sang tháng giêng, Raitxa về trại và không đi nữa. Đến tháng ba, vợ Ôtxipôp mách rằng nó có mang. Gạn hỏi, nó chối cãi. Zadôrôp bắt được thư của Kornêep gọi nó là “vợ yêu quý”. Makarenkô hỏi thẳng nó, nó cũng vẫn chối.

Cuộc họp các nhà công tác giáo dục ở nhà hát thành phố ngày 15 tháng 4, báo cáo về vấn đề kỷ luật. Makarenkô ở lại đêm ngoài tỉnh. Bị chất vấn về vấn đề giáo dục hỗn hợp. Trong giờ giải lao, Bratsenkô đến mách tin rằng ở trại vừa phát hiện thấy xác một đứa bé trong giỏ của Raitxa trên phòng ngủ.

Đến tối Makarenkô mới về trại. Raitxa ngồi ở phòng giấy, có Vecsonep trông coi. Hôm sau, ông dự thẩm đến, nó thú tội rõ rệt, ông đem nó đi theo và ra lệnh cho đem xác đứa bé lên một bệnh viện để khám nghiệm.

Sau chuyện đó, ban đêm bọn con gái sợ. Bọn trai vui đùa ở phòng ngủ của họ, làm trò hồn ma kêu khóc. Ý nghĩ của bọn trai về hành động của Raitxa trái với lập luận của các giáo viên. Tranh luận giữa họ và Zadôrôp.

Hai hôm sau, Karabanôp đem cái xác lên bệnh viện, khi về trại kể chuyện nhìn thấy nhiều lọ đựng quái thai, và so sánh với những cái xác ấy thì “đứa bé của chúng ta đẹp nhất”. Câu nói làm cho các trại viên cười ồ và cũng làm giãn những nếp nhăn trên trán các giáo viên.

Ba tháng sau, Raitxa bị xử tám năm án treo, và giao trở về trại quản lý. Nó lại trung diện, bảnh bao. Naxchia đề nghị đuổi nó ra khỏi trại. Makarenkô kiểm cho nó việc làm ở một xưởng đan mũ áo.

Năm 1928, gặp lại nó ở tỉnh, nó đã có chồng, có hai con và làm chủ quán ăn. Hỏi ra thì Kornêep đã bị bắn chết và cuộc đời Raitxa đã chuyển sang hướng tốt.

16. “Cháo yến mạch”

Sang mùa xuân, tai họa khác: bệnh sốt phát ban. Kôxchia Vetkôpxki mắc trước tiên. Êkatêrina thay thế bác sĩ chữa các trại viên trong những trường hợp thông thường (rất hạn chế ở trại, vì các trại viên ít khi ốm và có “tinh thần khắc kỷ” cao).

Sự chăm sóc ân cần của mọi người đối với Kôxchia. Bệnh nặng lên, phải đưa hắn lên bệnh viện tỉnh. Rồi tiếp đến Zăđôrôp, Ôtxatsi, Biêlukhin. Zăđôrôp người nóng hằm hập còn cổ cũi là ốm nhẹ, không cần đi nằm. Ôtxatsi kêu rên, trong khi Biêlukhin, ngược lại, vẫn vui như khướu.

Lai lịch và tính cách Biêlukhin. Nằm trên giường bệnh nó vẫn không ngớt nói đùa với Kônka Vecsonep. Zăđôrôp và Tôxka Xôlôviep – cũng trùng tên với Makarenkô là Antôn Xêmiônôvich. Lai lịch và tính cách Tôxka, mười tuổi, rất mến phục Biêlukhin. Êkatêrina đến giải tán đám trẻ vây quanh Biêlukhin, bắt phải cách ly, trong khi cả bọn vẫn vui đùa.

Hôm sau đưa cả bọn lên bệnh viện tỉnh. Bắt gặp được chị y tá của phòng Kôxchia nằm. Thương lượng cho tất cả nằm cùng một phòng, hẹn rằng cứ mỗi trại viên khỏi được trả về trại sẽ thưởng hai phút bột tiêu mạch.

Trong vòng một tuần lễ đưa thêm đến bệnh viện Gôlôt, Snaide và ba trại viên ốm nữa.

Đang định đi đón một trại viên khỏi bệnh về trại, thì một buổi trưa Biêlukhin đã tự đi bộ mò về, vẫn vui đùa như cũ, tuy người xanh nhợt và gầy hốc hác. Nó nói chuyện nhớ trai và các món ăn ở trại và gọi cháo của bệnh viện cho ăn là “cháo yến mạch” (một cái tên của Gôgôn đặt), khiến nó buồn cười mà không tài nào ăn được.

Không bao lâu, các trẻ ốm khác cũng khỏi và trở về trại cả. Antôn Bratsenkô đưa một bao bột trắng đến nhà chị y tá.

17. Sarin được trả nợ

Sở Giáo dục không tán thành những phương thức kỷ luật của Makarenkô và dọa đóng cửa trại Gorki. Quan điểm của tác giả về vấn đề kỷ luật: chừng nào những cơ cấu của tập thể chưa được hình thành, thì nhà giáo dục có quyền và có bổn phận dùng áp lực; việc giáo dục không thể nào dựa tất cả vào hứng thú tự nhiên của đứa trẻ.

Makarenkô tránh lên sở Giáo dục, vì viên thanh tra Sarin ở đây quen hành ông. Họa tượng Sarin. Nguyên nhân sự thù hận của hắn: Makarenkô đã không nén nổi một tiếng cười bất lịch sự vì sự dốt nát của hắn trước cái phong vũ biểu. Hắn đã công kích bản báo cáo của ông về vấn đề kỷ luật bằng những lời lẽ bí hiểm, hồ đồ, và hắn hạch ông về việc tiếp nhận một trẻ nuôi do Phân bộ đặc biệt của Quân đoàn Hậu bị thứ nhất gửi đến mà không có sự đồng ý của hắn. Trước sự từ chối giao trả đứa bé lại cho Phân bộ nếu không có lệnh bằng giấy tờ của hắn, hắn bắt giam ông bảy ngày. Makarenkô điện thoại trình bày với ông chủ tịch Ủy ban chấp hành tỉnh và ông này can thiệp với Cục dân cảnh thả ông về trại.

Về đến gần trại thì bắt gặp chính Sarin cùng ngồi với Tsecnenkô trên một chiếc ô-tô chạy như bay ngược lại chiều xe ông, và một chiếc xe chở có hai ngựa do Karabanốp chỉ huy, đang ra sức đuổi theo ô-tô. Zăđôrôp kể lại chuyện Sarin đến trại khám xét phòng giấy của ông và bảo Ivan Ivanôvich nắm quyền giám đốc thay ông, khiến bọn trẻ sinh nghi, xông đến chát vắn và suýt đánh Sarin, cho nên hắn mới hoảng chạy như thế. Karabanốp phân trần với Bratsenkô về sự đã bắt ngựa chạy mệt. Ivan thuật lại sự hung hãn của các trại viên.

Cuộc gặp gỡ, một tuần lễ sau, với Tsecnenkô, chủ tịch Viện kiểm tra Công nông, ông khoái chí kể lại cho Makarenkô nghe việc kể trên và tỏ lòng yêu mến các trại viên Gorki. Từ đây ông trở thành một người bạn thân của Makarenkô.

18. “Liên minh” với nông dân

Những khó khăn trong việc xin cấp vật liệu tu sửa trại Trepkơ. Bán gạch dỡ ở các xưởng trồng và các chuồng ngựa cũ. Các trại viên luân phiên nhau mỗi ngày hai nhóm đi sang trại mới để phá dỡ gạch. Ăn cắp gà trong khi đi qua làng ban ngày, và ban đêm ăn cắp các thực phẩm ở các buồng kho của nông dân. Những tay ăn cắp thành thạo: Karabanôp, Taranet, Vôlôkhốp, Ôtxatsi,

Michiaghin, không để xảy ra chuyện võ lữ. Những trẻ nhỏ phạm nhiều sự vụng về hớ hênh, bị đồn đuổi về tận trại. Người mất của đòi giao kẻ ăn cắp và kẻ lại các vụ mất trộm ở trong làng. Nổi giận muộn của Makarenkô. Sinh hoạt ở trại vẫn bình thường, vui vẻ. Nhưng ban đêm vẫn xảy ra những vụ trộm, rồi cả đến những vụ ăn cướp đường nữa.

Một buổi tối một tiểu đội dân cảnh đến vây khám trại, xung đột với các trại viên. Makarenkô phản đối, không cho khám xét. Sau ông thừa lên tỉnh, và cấp trên của đội dân cảnh bị khiển trách.

Song dân làng vẫn đến trại mách những vụ ăn cướp thực phẩm ngoài đường cái. Các trại viên cũ bắt đầu thông cảm nỗi lo phiền của Makarenkô và nói cho ông yên lòng. Karabanôp, Zadôrôp, Burun đêm đêm đi tuần sục sạo các nơi. Thời kỳ cân não mệt mỏi nhất đối với Makarenkô. Rồi một buổi tối Karabanôp dẫn về trại một tên thủ phạm: Prikhôtkô. Phần uất, Makarenkô toan tự tử. Lũ trẻ kêu khóc và kịp thời giằng lấy khẩu súng lục của ông. Ông ngã vật xuống sàn, trong khi bọn trẻ đã lôi Prikhôtkô ra sàn và đánh nó dừ tử. Makarenkô tỉnh lại và kịp xông ra gỡ cho nó thoát nạn.

19. Rút thăm

Đầu hè 1922, Prikhôtkô bị đánh nằm liệt giường. Tính cách kẻ cướp, nhưng tận tụy với trại và lao động giỏi.

Sau các chuyện đã xảy ra, các trại viên đâm ra thù ghét nông dân. Burun trêu chọc họ ở chợ. Chung quanh trại, toàn là những trại ấp kulắc; họ sống sung túc và nuôi những tư tưởng thù địch với chế độ xô-viết. Sự thù hận của Luka Xêmiônôvich đối với trại.

Ôpriskô và Xôrôka bị Luka và Mutxi Kacpôvich bắt quả tang ăn cắp một chiếc váy và một cái khăn phơi trên bờ giậu nhà Mutxi. Lai lịch và tính cách Ôpriskô. Nó chỉ thân và vì nể có Antôn Bratsenkô. Họa tượng và tính cách Xôrôka. Luka đòi làm biên bản. Viễn cảnh: nhà giam tạm đối với hai đứa ăn cắp và sự sỉ nhục cho toàn trại. Makarenkô đầu dịu câu hoà, nhưng Luka không nhân nhượng. Makarenkô giận mắng bọn trẻ. Suốt hai tiếng đồng hồ điều đình với Luka. Sau cùng hấn ra điều kiện: tất cả các trại viên phải ra xin hấn tha tội. Dù căm ghét hấn, Makarenkô cũng đành phải tập hợp các trại viên và thay mặt chúng đứng ra xin lỗi vì “đại diện chính quyền”. Nhục nhã thấm thía cho cả trại.

Makarenkô buồn nản đi lủi thủi vào rừng giữa trưa nắng gắt. Thi vị của rừng thông. Trong khi ông mãi suy nghĩ miên man, bọn trẻ do Xôrôka báo động đã lén đi theo ông vào rừng, vì sợ ông tự tử. Khi Zăđôrôp mời ông trở về và xin ông trao cho khẩu súng, ông mới hiểu.

Buổi tối mọi người đều sượng sùng. Bọn trại viên cũ cố vui đùa và bày trò chơi “rút thăm” cho Makarenkô khuây khoả.

20. Sinh súc và nông cụ

Vấn đề thiếu sinh súc. Kalina Ivanôvich và Antôn Bratsenkô khất khe về việc dùng ngựa, nhưng hai con Nhãi-ranh và Thổ-phỉ đều vô dụng cho việc cày bừa. Tsecnenkô, chủ tịch Viện R. K. I. (Viện kiểm tra Công nông) bằng lòng cho trại mượn ba con ngựa trong một tháng rưỡi. Hợp đồng chặt chẽ phải ký với ông chủ nhiệm Vụ kinh tài của Viện. Sự đắc thắng của Kalina và Antôn khi đem về trại ba con Man-rợ, Milan và Mary. Hai con sau rất tốt cho công việc cày bừa.

Ở trại thứ hai đã tu sửa xong một toà nhà. Sáu trại viên sang ở đấy, trông coi vườn trại với hai con ngựa giao cho Ôpriskô trông nom. Tất cả số 60 đêxiatin ruộng đều đã được gieo hạt, lúa mì vụ thu và vụ xuân, lúa hắc mạch và yến mạch. Khoai tây và củ cải cũng chiếm vài đêxiatin. Sự đi lại tấp nập giữa hai trại suốt ngày đêm. Bến sông Kôlômak: cầu tàu và thuyền mang cò của trại. Michia Jêvêli và Vichia Bôgôiaplenxki mặc áo thủy thủ chở thuyền. Uy tín của trại quanh vùng tăng lên nhiều.

Đời sống vui vẻ náo nhiệt ở trại. Những cải thiện rõ rệt về mặt sạch sẽ, vệ sinh. Sự thay đổi ở xưởng rèn: Xêmiôn Bôcđanenkô thay Xôfrôn Gôlôvan bị đuổi vì tật uống rượu và nói phản tuyên truyền. Trật tự trong xưởng. Tính cách của Bôcđanenkô. Công việc ngập đầu ở xưởng rèn, trong khi các xưởng khác đã thôi hoạt động, trừ xưởng đóng xe của Kôđia.

Nổi băn khoăn của Kôđia về những vành bánh xe phải đóng cho Viện R. K. I.

Cuộc đón đoàn vũ nữ ba-lê về trại nhảy múa cho các trại viên xem, do Tsecnenkô muốn làm vui lòng bọn trẻ. Sự lo sợ của các vũ nữ khiến buổi vũ không thành công. Cuộc tiễn đưa trì trệ vì nhiều trở ngại khiến các cô càng lo buồn khóc lóc. Sau cùng Kôđia còn ra cản xe để đếm nan xe, làm mọi người cười nôn ruột.

Đến hạn của hợp đồng, ông chủ nhiệm của Viện R. K. I. đến đòi ngựa và các khoản bồi thường. Kalina Ivanôvich Antôn Bratsenkô không muốn trả ngựa. Kalina còn bàn mua một cái máy gặt. Chuẩn bị gặt lúa hắc mạch bằng lưỡi hái và quyết định mở hội mùa long trọng, mời nhiều tân khách.

Sáng ngày hội mùa, có người đến bán một chiếc máy gặt: Ômentsenkô, người quen của Rarabanôp. Thương lượng đổi ngựa. Bratsenkô không chịu bỏ con Hung, nhưng Karabanôp gợi ý đổi con Man-rợ của Viện R. K. I. Thảo luận sôi nổi và Makarenkô đồng ý theo ý kiến chung, khiến Kalina hoảng sợ. Khi Tsecnenkô đến, hai giờ sau ông rất ngạc nhiên thấy cái máy gặt và vui lòng ngồi lên cho nó chạy thử, trong khi viên chủ nhiệm cứ hỏi con Man-rợ đâu và được trả lời rằng nó nghỉ ở trại thứ hai.

Vào tiệc, bọn trai bồi tiếp Tsecnenkô. Antôn Bratsenkô nói toạc câu chuyện trước sự tức giận của viên chủ nhiệm. Nhưng Tsecnenkô dẹp yên hấn ta và quyết định tặng trại cái máy gặt, khiến bọn trẻ nhiệt liệt hoan nghênh ông. Được thể, Bratsenkô đặt vấn đề nốt về hai con ngựa Milan, Mary, và dẫn đổi vì sự phải trả lại chúng cho Viện R. K. I. Để làm vui lòng các trại viên lần nữa, Tsecnenkô ra lệnh cho viên chủ nhiệm bán hai con ngựa đó cho trại với bất cứ điều kiện nào.

21. Những lão già tai hại

Những buổi chiều hè êm tĩnh ở trại, từng nhóm trại viên tản tác đó đây theo guồng máy sinh hoạt bình thường, hoặc tụ họp chuyện trò vui vẻ: Michiaghin kể chuyện cổ tích, Burun cười đùa với Ôlia và các nữ sinh ở ngoài vườn.

Những vụ mất cắp vặt đã trở thành hiện tượng ít có ở trại, vì sự phản ứng mạnh mẽ của các trại viên. Trường hợp Kuzma Lêsi: lai lịch, họa tượng và tính cách. Nó bị Kôxchia Vetkôpxki đánh cho một trận nên thân vì tội lấy trộm bánh mì ban đêm, mãi về sau tự nó mới nói ra chuyện đó. Khi khỏi đau vì trận đòn ấy, nó tuyên bố muốn thử ăn cắp hai lần nữa xem có may mắn hơn không, nhưng đúng lúc ấy nó lại bị bắt quả tang giấu trong túi hai mũi khoan lấy ở lò rèn.

Bọn nhón, do Michiaghin cầm đầu, vẫn ăn cắp ở các hầm chứa nhà nông dân và ở các chợ ngoài tỉnh. Triết lý ăn cắp của nó nhiễm sang cả những trại viên như Karabanôp, Vecsonep, Vôlôkhôp, duy chỉ có Malvây Biêlukhin công khai phản đối. Tranh luận về vấn đề ăn cắp.

Ăn cắp dưa hấu. Ông lão giữ dưa sang trại mách, đề nghị các trại viên muốn ăn dưa cứ sang thăm ông, ông sẽ mời ăn đường hoàng. Lập tức chúng làm theo lời ông, có cả Biêlukhin đi cùng. Nhưng trong khi một bọn ăn dưa mời trong lều ông lão, thì sáu chục đứa bẻ trộm dưa ở ngoài ruộng. Lần sau chúng sang thăm, ông lão dơ súng ra dọa, Biêlukhin trở về cáu kỉnh.

Những vỏ dưa ở phòng ngủ. Trách mắng trại viên trực nhật và phạt một đứa. Phòng ngủ trở lại sạch sẽ, nhưng đêm đêm các con ngựa được thả rông và sáng sớm nào cũng đứng chực dưới các cửa sổ, đợi ăn vỏ dưa. Makarenkô hỏi, chúng trả trả lời đùa bí hiểm, rồi sau Biêlukhin nói lên sự thực.

Michiaghin biểu Makarenkô một quả dưa hấu. Ông từ chối, chúng cử một phái đoàn do Biêlukhin dẫn đầu lên trình bày để ông nhận. Vài hôm sau, ông lão coi dưa đến mách rằng bây giờ chúng ăn trộm dưa cả ban ngày, đã rủ thêm hai ông già nữa, cũng có súng đến giúp ông trông dưa. Biêlukhin mách sự tức giận của các trại viên đối với “lão già tai hại”. Đêm hôm đó, chúng tấn công ruộng dưa, các ông già sợ chạy vào rừng, bỏ quên cả súng. Chúng đốt cái nhà lá ở coi dưa. Một ông già chạy đến trại gọi, Makarenkô ra thăm trận địa. Chúng lần biến ngay và, khi Makarenkô trở về trại, chúng vờ ngủ cả. Gọi dậy, trách mắng. Chúng hứa sẽ thôi, ông dọa sẽ đuổi một trại viên, nếu chuyện còn tái diễn.

22. Chặt chân tay

Bọn trẻ không giữ lời hứa. Karabanôp và Michiaghin vẫn ăn cắp dưa và các thứ khác của nông dân. Một lần chúng lấy hai tổ ong với cả mật của nhà Luka Xêmiônôvich. Ảnh hưởng tai hại đến tinh thần tập thể và những phong cách tốt đã bắt đầu hình thành ở trại. Quyết định đuổi Michiaghin. Các trại viên buồn nhớ nó. Buổi tối, nó trở lại tụ họp ở kho chuồng ngựa với Karabanôp, Volôkhôp, Lêsi, Prikhôtkô, Ôtxatsi. Gọi tất cả lên phòng giấy hỏi và khám người Machiaghin thấy một khẩu súng brôninh với ba viên đạn. Karabanôp nhận là súng của mình và có vẻ phần uất, tuyên bố bỏ trại đi theo Michiaghin. Ký giấy cả cho hẳn ra khỏi trại, cả hai đưa ra đi, được các trại viên đưa tiễn và nhớ tiếc.

Makarenkô băn khoăn về số phận chúng, nhất là về Michiaghin. Mười hôm sau, có tin chúng ăn cướp trên đường cái, Các trại viên và giáo viên đều không thôi nghĩ đến chúng. Rồi năm hôm sau nữa, Makarenkô cùng Antôn đi xe ở tỉnh về gần đến trại thì gặp chúng ở giữa đường. Thoạt đầu Antôn hơi trợn, đề nghị Makarenkô chuẩn bị súng. Nhưng chúng chỉ muốn chào lại Makarenkô và thân thiện từ biệt ông thôi.

23. Những hạt giống chọn lọc

Nỗi buồn nhớ của các trại viên đối với Karabanôp và Michiaghin. Nhắc lại những ưu điểm của chúng. Mùa gặt xấu càng thêm khiến mọi người ngã lòng. Các giáo viên, từ Ivan Ivanôvich đến cả Êkatêrina, đều mất tin tưởng ở kết quả giáo dục. Makarenkô củng cố tinh thần của họ, trong khi vẫn giữ vững thái độ kiên quyết, thúc đẩy trại tiến lên. Những vụ trộm cướp, và ăn cắp đã chấm dứt hẳn, kỷ luật trở lại ổn định hơn. Tinh thần khắc phục khó khăn của các giáo viên. Kế hoạch công tác đề ra ngày càng nặng để xúc tiến mạnh việc tu sửa trại thứ hai.

Sáng kiến, tập luyện quân sự. Ảnh hưởng tốt đến tinh thần và tư thế của các trại viên. Trại được tiếp nhận vào hàng ngũ dân quân cảnh vệ. Kèn quân và các trò chơi quân sự. Lẽ nói: “Rõ!” với kiểu chào thiếu niên tiền phong.

Sang tháng tám, nuôi hai con lợn giống Anh ở trại thứ hai. Có hai chục trẻ nuôi ở bên đó với một giáo viên: Rôđimtsik, một người vô dụng.

Trại được một nhà nông học xuất sắc mới cử đến: Eđua Nikôlaiêvich Sêrê, mà thái độ bình tĩnh, đều hoà và cương quyết đã khuất phục được Prikhôtô bướng bỉnh trước sự thán phục của các trại viên. Tính cách Sêrê. Phương pháp làm việc khoa học của anh khiến Bratsenkô bối ngỡ và phản kháng, nhưng rồi cũng phải phục tùng anh.

Sêrê va chạm với Kalina Ivanôvich về việc cung cấp ngựa kéo xe. Makarenkô dàn xếp tôn trọng chương trình làm việc và quyền hành của Sêrê.

Cuộc sống rộn rịp sôi nổi ở trại đã xóa mờ các buồn phiền lo âu cũ. Thái độ nghiêm khắc của Makarenkô. Sự kính nể và lòng yêu mến của các trại viên đối với ông.

Kalina đã giải quyết được việc vận chuyển: con bò Gavriuska được thắng vào xe thay ngựa, khiến cả trại được dịp vui cười thích thú.

24. Con đường đau khổ của Xêmiôn

Sêrê cương quyết tiến hành tổ chức quy mô công tác nông nghiệp của trại và được các trại viên yêu mến. Ý kiến của tác giả về tâm lý trẻ nhỏ: chúng mến phục những người thực sự có tài năng và lao động giỏi, khinh bỉ những kẻ bất tài và ăn nói khéo. Ví dụ anh thợ xây lò sưởi Actêmi. Họa tượng và tính cách ba hoa khoác lác của hắn: xây lò ở nhà bá tước, tài nghệ “vạch đường bán kính “. Lò hắn xây, đúng vào lúc giao nhận, bỗng sụp đổ ầm ầm, gây một trận cười dữ dội cho tất cả các trại viên. Từ đấy, tên hắn tượng trưng cho tay “thợ vụng “nói khoác – Vốn không phải là Actêmi, nên Sêrê được toàn thể trại viên quý trọng và anh khiến chúng say mê nông nghiệp, công tác thành công mau chóng: trại có thêm nhiều thứ máy, lợn giống, ba con bò cái và những khung kính âm.

Giữa khi trại đang hăng say công tác, Karabanốp trở về thăm trại và được mọi người hớn hờ tiếp đón. Sau một ngày đi thăm các nơi, hắn nói với Makarenkô xin ở lại trại và cảm động bộc lộ tình gắn bó với trại, hối hận những lỗi lầm cũ, thành khẩn mong được ông tin cậy.

Hắn tỏ ra rất đặc lực về công tác nông nghiệp và trù mển Sêrê.

Một tuần lễ sau, Makarenkô sai hắn đi lĩnh 500 rúp ở kho bạc và trao lại cho hắn khẩu súng lục đã tịch thu trước kia, để hắn phòng thân lúc đi đường. Khi hắn đem tiền về, ông bỏ ngay vào ngăn kéo không đếm, khiến hắn hoang mang, nghi hoặc sự tin cậy của ông, âm thầm hắn học với ông. Nhưng hai tuần lễ sau, ông lại sai hắn đi lĩnh 2 000 rúp. Lần này trở về, hắn nổi cơn điên trước sự tin cậy mà hắn cho là giả tạo, vì hắn yên trí ông chỉ muốn thử hắn. Makarenkô giảng giải cho hắn yên lòng và hắn sung sướng ca hát khi ra khỏi phòng ông.

25. Một lỗi sơ phạm thầy quyền

Mùa đông 1923, trại tổ chức các đội, có đội trưởng chỉ huy, nguyên do từ việc đi kiếm củi rừng. Đội kiếm củi khi về chơi trò bắt cướp, đem ra tra hỏi và xử tội. Lại lịch danh từ “đội” trong Cách mạng. Burun được tôn là ataman trong đội kiếm củi, sau đổi là đội trưởng.

Xong công tác kiếm củi, đội của Burun chuyển sang các công tác khác ở trại thứ hai; rồi đến đội của Zadôrôp và các đội khác nữa tiếp tục được thành lập. Lịch trình cải tiến tổ chức các đội. Những đội đặc biệt: tổ chức, mục đích và yêu cầu. Ảnh hưởng giáo dục tốt của chế độ đó.

26. Những quái vật của trại thứ hai

Trại thứ hai bắt đầu trở nên rộn rịp. Hàng ngày các đội đặc biệt đi đi về về giữa hai trại. Sự lưu thông đòi hỏi làm một con đường thẳng, bắt chắp các vườn trại tư hữu và các trở ngại như bờ giậu, hàng rào và chó. Chó dễ chinh phục nhất. Rồi dần dần các nam nữ thanh niên trong làng cũng bị các đội đặc biệt hấp dẫn, họ làm thân với các trại viên, nhập vào các đội, đến chơi trại hàng ngày.

Thời khóa biểu và nếp sống hàng ngày của các đội đặc biệt theo nhau, xen kẽ nhau đi về rộn rịp. Chuyện trao đổi giữa Biêlukhin với giáo viên trực nhật và Makarenkô về Rôđimtsik.

Trại thứ hai có hơn 20 trại viên trông nom vườn cây quả và các chuồng ngựa, bò, lợn. Các công việc tu sửa ở đây. Tình hình sinh hoạt chưa hoàn chỉnh. Gay go nhất là vấn đề giáo viên, thiếu người có óc sáng kiến. Các trại viên không thích sang ở bên đó và ở đây đã hình thành nên một tập thể kém hẳn về phong cách và giá trị: lười biếng, bần thủ, hay ăn xin và than phiền. Nguyên nhân: thiếu nòng cốt và giáo viên bất lực.

Đêriutsenkô: lai lịch, họa tượng và tính cách: không thích nói tiếng Nga, chỉ giỏi hát những bài hát Ukren và ca tụng sự vĩ đại của quốc gia Ukren. Rôđimtsik cũng vô dụng như thế và còn đáng ghét hơn: lai lịch, họa tượng, và tính cách y. Y nuôi một con bò cái lấy sữa ăn, và khiêu nại vì bọn trẻ phân biệt đối xử với bò của tập thể. Việc giao cho Sêrê giải quyết: anh trục xuất bò của y ra khỏi chuồng, khiến y phải bán bò đi. Ở cuộc họp, trại viên tố cáo y tự tư tự lợi, lười biếng, cá nhân chủ nghĩa. Makarenkô cảnh cáo y, y đã không tiếp thu phê bình mà còn nói xấu Sêrê, đưa một gói phân chó ra làm chứng rằng Sêrê nuôi con Milo bằng kê của trại mà không trả tiền. Makarenkô đuổi y.

27. Chinh phục Đoàn Kômxiôn

Những quan hệ xã hội của trại với “môi trường chung quanh”: quan hệ thù địch với các gia đình kulắc, hoặc quan hệ thân thiện, vì giao thiệp kinh doanh, với các làng lân cận; quan hệ tình cảm với các thiếu nữ địa phương, và quan hệ với các thanh niên Kômxiôn ở các làng.

Tình thân thiết với các thanh niên Kômxiôn của hợp tác xã nông nghiệp Lênin, đối diện với trại thứ hai; với thanh niên Kômxiôn các xưởng của sở xe lửa. Hình ảnh đẹp của người công nhân chủ nhân ông của các lâu đài sắt thép ấy chinh phục các trại viên.

Thanh niên Kômxiôn xe lửa đến thăm trại, tỏ ý yêu mến các trại viên. Khi biết là trại đã xin thành lập một chi bộ Kômxiôn từ 1922 nhưng chưa được các tổ chức thanh niên cộng sản địa phương chấp nhận yêu cầu vì lý do trại có những trẻ phạm pháp, họ hứa sẽ hết sức giúp đỡ, can thiệp với tổ chức Kômxiôn ở tỉnh. Chủ nhật sau, một người trong bọn họ trở lại, cho biết tổ chức ở tỉnh cũng không tán thành, vì lý do nói trên. Họ vẫn đến thăm trại, nhưng sự chú ý của họ đối với các trại viên có khía cạnh không lành mạnh: họ cũng coi các trại viên là những thanh niên không bình thường.

Quan điểm của tác giả về vấn đề giáo dục các trẻ vị thành niên phạm pháp. Nguyên tắc xóa bỏ quá khứ tội lỗi của chúng, nhất thiết không hỏi và không nhắc đến nó. Kết quả tốt của phương pháp giáo dục đó.

Tinh thần đấu tranh bền bỉ của các trại viên để được kết nạp vào đoàn Kômxiôn. Mùa đông 1923, tình cờ tiếp xúc với tổ chức Kômxiôn của cục Gêpê: một buổi chiều Antôn và Makarenkô đi xe trượt tuyết do con Mary kéo; đến chỗ dốc, Mary nhìn thấy một con lạc đà bỗng đâm hoảng và phi nước đại, không sao kìm hãm nổi, xe va vào và làm vỡ một chiếc xe trượt tuyết khác của cục Gêpê. Xe này đuổi theo. Khi về đến cục, Antôn gây được cảm tình với các thanh niên ở đấy, và khi biết Antôn và Makarenkô là những người của trại Gorki họ vui mừng hỏi chuyện và hứa chủ nhật sau đến thăm trại.

Họ giữ lời hứa và hết lòng ủng hộ trại về việc xin thành lập chi bộ Kômxiôn. Sự bảo trợ trực tiếp của Ủy ban nhân dân giáo dục Ukren và các vị thanh tra có óc tiến bộ của Ủy ban. Nhờ sự can thiệp của Ủy ban và của những bạn thân của trại, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Kômxiôn Ukren đã giải quyết vấn đề nhanh chóng: mùa xuân 1923, Tikhôn Nextêrôvich Kôvan được bổ nhiệm về trại làm chỉ đạo viên chính trị. Lai lịch, tính cách của Tikhôn.

Một chi bộ Kômxiôn gồm 9 đoàn viên được thành lập ở trại.

28. Mở đầu tiến hành khúc thắng lợi

Vợ Đêriutsenkô sắp đẻ, y khó khăn lắm mới xin được Bratsenkô cấp ngựa cho đi tìm bà đỡ, rồi hôm sau lại đưa vợ lên tỉnh. Phải có mọi người can thiệp phê bình, Antôn mới chịu nhượng bộ. Hơn một tuần lễ sau, Antôn càng nổi xung hơn, khi phải cấp ngựa lần nữa để đưa vợ Đêriutsenkô ở tỉnh về. Đứa con mới ra đời của Đêriutsenkô, Taratxơ, không nuôi được.

Đêriutsenkô thắc mắc về khẩu phần bơ. Vì bơ không có nhiều để chia cho những người không lấy món ăn ở nội công cộng, y cứ làm đơn xin ra rồi lại xin vào danh sách công cộng để hòng được ăn bơ, nhưng y không gặp may hoài: hễ y vào danh sách là bơ lại hết, y ra bơ lại có. Đến khi y ăn ở nội công cộng, bơ bỗng có nhiều để có thể chia cho các khẩu phần riêng, y xin trở lại lĩnh khẩu phần. Nhưng rồi y càng thắc mắc dữ vì nội không được truy lĩnh khẩu phần cho 8 ngày con y còn sống. Y khiếu nại lên tận ông Giám đốc sở Giáo dục. Kết quả là y cũng bị đuổi khỏi trại như Rôdimtsik.

Đang lo tìm đầu cho ra “con người chân chính”, thì Makarenkô tình cờ gặp Piôtr Ivanôvich. Trường hợp gặp gỡ, câu chuyện trao đổi. Lai lịch, họa tượng và tính cách của Piôtr Ivanôvich. Anh thay đổi hẳn phong cách của trại thứ hai (giao cho anh chỉ huy) và cùng với Tikhôn Nextêrôvich, Sêrê, các trại viên cũ, đưa trại tiến lên một cách vững vàng.

Tình hình của trại vào cuối năm 1923:

Trại đã có 80 trại viên, với nhóm nòng cốt chắc chắn. Tất cả cố gắng dồn vào việc tu sửa trại thứ hai cho mau xong, ai nấy đều vui lòng chịu kham khổ để thực hiện ý nguyện được sống sung túc ngày mai. Điểm danh các trại viên ưu tú cũ và mới, Họa tượng, lai lịch và tính cách của mỗi trại viên nòng cốt cũ và mới: Ôpriskô yêu quý ngựa và làm việc khỏe, Gêorghiepxki giỏi chăm nom bọn trẻ nhỏ; hai anh em ruột Vônkôp, Jôra và Aliôsa, tính cách rất khác nhau: Jôra lười, hay ganh ghét; có sự thay đổi bất ngờ là được cử làm đội trưởng trong một đội đặc biệt chỉ gồm có nó với Galatenkô, còn lười hơn nó, nó đã thúc đẩy được thằng này làm việc rất cẩn thận, và từ đây nó tiến bộ rất mau. Aliôsa Vônkôp mặt mũi xấu xí hơn, nhưng rất thông minh. Kutlaty, bản chất nông dân rõ rệt, trở thành cánh tay phải của Kalina trong các công việc sự vụ của trại. Xtupitxyn chỉ huy đội thứ mười nuôi lợn.

Hai nhóm hậu thuẫn cho nhóm lãnh đạo: điểm danh, tính cách chung của nhóm những trại viên cũ tốt nhưng không có tài tổ chức, và nhóm các trẻ nhỏ.

Số trại viên còn lại cũng chia làm ba loại: bọn “đằm lầy”, bọn tí nhau (15 đứa) và bọn “cặn bã” (5 đứa). Kỷ luật cờ của trại, đồng phục, tư thế của các đội ngũ khi diễu hành ở ngoài tỉnh những ngày hội.

Ngày 3 tháng 10 năm 1923, trại dời sang trại Trepkơ.

TẬP 2

Đánh máy: welcom1985, je_ry, sao truc, tmrquan, lemontree123, annie_tuongminh, 4DHN, lolidragon

Sửa lỗi: lemontree123

Là nhà tư phạm lớn nhất của thời đại chúng ta, Makarenkô cũng có quyền được xem là một trong những người sáng lập ra những đại biểu lớn nhất của khoa tư phạm học xô-viết... Đặc biệt là trong BÀI CA SU PHẠM, Makarenkô tỏ ra là một nhà nghệ thuật có tài, trên cơ sở những tài liệu cụ thể của cuộc sống đã tái hiện quá trình hình thành con người mới...

S.O. MÈLÍCH NUBARÔP

Chuyên gia Liên-xô, nguyên giáo sư tại trường Đại học Tổng hợp Việt-nam (1960)

1. MỘT BÌNH SỬA

Chúng tôi đã dọn sang trại thứ hai vào một ngày đẹp trời và ấm áp, gần như là một ngày mùa hạ. Lá cây chưa kịp có thì giờ khô héo. Những ngày đầu thu làm cho cỏ mát mẻ, trở lại xanh tươi mơn mẫm, trong tất cả sức mạnh của tuổi thanh xuân thứ hai. Vào hồi đó trại thứ hai khác nào một người đàn bà đẹp ba mươi tuổi, mà vẻ kiều diễm nở ra như đóa hoa không những cho người khác chiêm ngưỡng, mà còn cho chính mình, vì sung sướng và yên trí tin ở duyên dáng của mình. Sông Kôlômak ôm lấy trại gần khắp bốn bề, chỉ để chừa một lối đi hẹp cho thông sang làng Gôntsarôpka. Cây cối um tùm của vườn chúng tôi cao vút bên bờ sông. Ở đây có rất nhiều góc đầy bóng râm và vẻ bí mật mời chào người ta tắm và đùa ghẹo những nữ thủy thần^[91], câu cá hoặc ít nhất cũng thử thả câu tâm sự với một người bạn tri kỷ. Các nhà ở của chúng tôi ở ngay trên bờ sông cao, thành thử bọn trẻ nhỏ mạnh dạn và chẳng biết thẹn thùng là gì cứ việc nhảy thẳng từ các cửa sổ xuống sông, để lại trên thành cửa những quần áo sơ sài của chúng.

Ở chỗ khác, nơi là khu vườn cũ trước kia, lối xuống sông phải đi qua từng cấp bậc, mà cấp thấp nhất đã được Sêrê chinh phục đầu tiên. Ở đây lúc nào cũng được hưởng cảnh khoáng đãng và ánh nắng. Sông Kôlômak tới chỗ ấy nằm rộng rãi và yên tĩnh, song khoảng đó chẳng thích hợp chút nào với các nữ thủy thần, với việc câu cá, và với các nàng thơ nói chung. Nơi đó những cái bắp và hắc phúc bồn mọc lên xanh tốt. Chỉ có khi nào bị gọi ra đây vì công tác, các trại viên mới đến khu bờ ấy, tay cầm xẻng hay cuốc nhỏ, và đôi khi còn Milan và con Thổ-phỉ, kéo một cái cày, cũng đi theo chúng một cách vất vả. Ở đây, chúng tôi cũng làm một cái cầu, ba tấm gỗ bắc xiên trên mặt nước sông Kôlômak, cách bờ ba thước.

Xa hơn nữa, sông Kôlômak lượn vòng về phía đông, hậu hĩnh cung cho chúng tôi nhiều éc-ta đồng cỏ đẹp đẽ phì nhiêu, rải rác những bụi rậm và rừng nhỏ. Chúng tôi đi thẳng xuống đây từ khu vườn mới, và cái dốc xanh thoai thoải ấy cũng rất là thích hợp cho một loại công chuyện: vào những giờ nhàn rỗi, người ta ung ra đây ngồi trên cỏ, dưới bóng những cây bồ đề ở rìa vườn, ngắm không bao giờ chán mắt phong cảnh cánh đồng cỏ, những rừng con, bầu trời và làng Gôntsarôpka, nằm dài như một cánh chim ở chân trời. Kalina Ivanôvich thích chỗ đó và thỉnh thoảng rủ tôi ra đây vào những buổi trưa ngày chủ nhật.

Tôi lấy làm thú nói chuyện với bác ta về nông dân, về việc tu sửa trại ấp, về những sự bất công ở đời và về tương lai của chúng tôi. Trước mắt chúng tôi là cánh đồng cỏ và trường hợp đó đôi khi làm lạc hướng dòng tư tưởng triết lý của bác.

- Này anh bạn, anh thấy không, cuộc đời chẳng khác gì một người đàn bà: với cô ta thì anh đừng hòng có công bình. Với gã bảnh trai, anh nghe không, vênh rìa mép anh hùng rơm, thì nó dành cho thằng ấy những thức ăn ngon lành với một chai rượu tốt, còn đối với thằng khó rách áo ôm tội nghiệp, mà lông tơ không thềm mọc lên ở má, chứ chẳng nói gì đến rìa mép, thì nó sẽ chẳng buồn thí cho lấy một cốc nước lã, cái con chó đũa ấy. Đây này, như tôi, cái hồi tôi ở trong khinh kỵ binh... Ê, cái thằng kia, đồ con nhà dĩ rạc, mày quảng đầu óc mày đi đâu thế? Có phải là mày đã ăn nó với bánh mì rồi, hay mày bỏ quên nó trên xe lửa? Mày cho ngựa của mày ăn cỏ ở chỗ nào, hờ thằng ăn hại? Mày làm sao thế chứ? Ở chỗ này có cái bắp đây.

Khi bác ta đọc đến phần cuối bài diễn thuyết ấy, thì Kalina Ivanôvich đã đi xa tôi rồi, tay cầm cái tẩu thuốc vung vẩy đại lên.

Cách chỗ chúng tôi ba trăm thước, cái móng của một con ngựa hồng in vết tối sẫm lên nền cỏ, nhưng chẳng làm gì có bóng “con nhà dĩ rạc” nào ở quanh đấy hết. Tuy nhiên Kalina Ivanôvich đã không nhầm địa chỉ. Cánh đồng cỏ này là giang sơn của Bratsenkô; lúc nào nó cũng ở đấy, không ai nhìn thấy

nhưng mà có mặt, và bài diễn văn của Kalina Ivanovich nói thực ra thì là một bài hú hồn nó. Chỉ tụng thêm vài câu ngắn nữa, là Bratsenkô hiện ra bằng xương bằng thịt, nhưng hoàn toàn phù hợp với sự chiêu hồn ở khung cảnh này, nó lại không xuất hiện ở bên cạnh con ngựa mà ở sau lưng chúng tôi, từ trong vườn nhô ra:

- Bác be be lên thế là nghĩa lý gì vậy, bác Kalina Ivanovich? Bác lóa mắt, bác nhìn thấy quỷ ở cây lê à? Cải bắp đâu nào, và ngựa đâu nào?

Thế là bắt vào một cuộc tranh luận thuộc một loại đặc biệt, mà kết cục rõ ràng, bày ra trước mắt ngay đến người chẳng hiểu gì về khoa trồng cỏ, là Kalina Ivanovich đã già lắm rồi và bác ta khó khăn lắm mới nhận ra được địa hình của trại; bác đã thực sự quên khuấy mất cái mẩu đất nhỏ trồng bắp cải nọ không biết ở vào chỗ nào trong đồng cỏ.

Các trại viên cho phép bác ta cứ việc yên ổn mà già. Đã từ lâu rồi việc canh nông thuộc toàn quyền của Sêrê, và chỉ là với danh nghĩa một phán quan hay bẻ hành bẻ tỏi mà Kalina Ivanovich đôi khi nảy ra ý thọc cái mũi già của mình vào một kẽ hở nào đó của địa hạt ấy thôi. Song Sêrê biết cách nhả nhận làm cho bác ta cụp mũi lại bằng một câu đùa phớt lạnh, và Kalina Ivanovich đầu hàng:

- Thì thôi đây, làm thế nào được? Ngày xưa ở quê chúng tôi người ta cũng giống lúa chứ. Rồi bây giờ những người khác làm thử: tãi thì chẳng thiếu đâu, nhưng mà như vậy có đủ cho nó mọc không?

Song trong đời sống kinh tế của chúng tôi nói chung, cương vị của Kalina Ivanovich càng ngày càng giống cương vị của nhà vua nước Anh, trị vì đấy nhưng không cai trị. Chúng tôi vẫn công nhận quyền tối cao của bác ta và kính cẩn nghiêng mình trước những lời phán bảo của bác, trong khi vẫn làm mọi việc theo cách của chúng tôi. Kalina Ivanovich cũng chẳng buồn lấy thế làm bực tức bởi vì bác ta không có đặc tính tự ái quá quắt, và chẳng bác ta cũng chỉ quan tâm chú ý nhất đến chính những lời truyền phán của bác thôi, y như người bạn đồng nghiệp nước Anh chỉ chú ý đến nghi biểu đế vương hào nhoáng quanh mình.

Theo một truyền thống cũ, Kalina Ivanovich vẫn ra tỉnh chạy công chạy việc, và các chuyến đi của bác bao giờ cũng có phần nào long trọng. Xưa nay bác vốn vẫn tán thành cái xa hoa lộng lẫy cổ thời, và bọn trẻ đều biết câu cách ngôn của bác.

- Công hầu đi xe ngựa nhẹ đúng kiểu nhưng ngựa liếng đá, còn chủ trại giỏi đi xe ngựa thường nhưng ngựa chạy như bay.^[92]

Các trại viên cho rơm cỏ mới vào sàן chiếc xe tải cũ hình quan tài, phủ lên xe một tấm vải bạt sạch sẽ, thẳng vào đấy con ngựa tốt nhất, rồi mới đánh xe tới trước bậc tam cấp phòng Kalina Ivanovich. Lúc ấy thì ai nấy ở mọi cấp bậc trong trại đều đã làm xong phần việc mình: chủ nhiệm phó Đônit Kutlaty đã có ở trong túi bản kê các công việc phải chạy ở ngoài tỉnh, thủ kho Aliôsa Yônkôp nhét xuống dưới rơm những hòm, chĩnh, dây buộc với các thứ khác để bọc, Kalina Ivanovich để cho mọi người chờ ba bốn phút, rồi bước ra bậc tam cấp, mặc một cái áo đi mưa vừa mới giặt và là tinh tươm. Bác châm lửa cái tàu thuốc đã nhồi từ trước, đưa mắt kiểm tra con ngựa hoặc chiếc xe, và đôi khi lẩm bầm trong miệng một câu với vẻ quan trọng:

- Đã bao nhiêu lần tôi bảo chú rồi; có ai lại đi ra tỉnh với cái giẻ rách ở trên đầu thế không, Nói cho chúng nó hiểu thực mệch chết được!...

Trong khi Đônit đổi mũ cát-két với một người bạn thì Kalina Ivanovich ngồi lên ghế xe và ra lệnh:

- Nào thôi, lên đường.

Ở tỉnh, phần lớn thì giờ Kalina Ivanovich ngồi trong phòng giấy của một ông cao cấp nào đấy của sở cung cấp lương thực để bảo vệ, với những dáng điệu hãnh diện, danh dự của cái nước lớn mạnh

giàu có nọ là trại Gorki. Vì lẽ đó nên lời nói của bác thường thường xoay quanh những vấn đề chính trị cao:

- Nông dân họ có đủ mọi thứ họ cần. Tôi có thể nói chắc chắn với ông như thế.

Trong khi ấy, Đonit Kutlaty, đội cái mũ cát-két mượn, đang quay cuồng ở tầng gác dưới trong dòng lũ công việc: phiếu lĩnh thứ này thứ nọ, đấu khẩu với viên chủ sự và các viên tham biện; hấn chồng chất các hòm với túi lên xe tải, trong khi vẫn tôn trọng cái chỗ ngồi tối bất khả xâm phạm của Kalina Ivanôvich, rồi cho ngựa ăn, và đến gần ba giờ thì đâm bổ vào phòng giấy, người đầy những bột và mặt cưa:

- Bác Kalina Ivanôvich ạ, đi được rồi đây.

Bộ mặt của Kalina nở tươi hơn hớn trong một nụ cười ngoại giao; bác bắt tay ông giám đốc và hỏi Đonit bằng một giọng hiểu biết:

- Chú đã chất mọi thứ lên xe đâu vào đấy rồi chứ?

Về đến trại, Kalina Ivanôvich mệt nhọc đi nghỉ, còn Đonit, sau khi ăn vội bữa ăn đã nguội, thì mãi cho đến khuya cứ đem bộ mặt Mông-cổ của hấn rong đi khắp nẻo đường quanh co của bộ phận quản trị ở trại, bận tíu tít như một bà già. Kutlaty bầm sinh vốn không thể nào chịu để cho một vật nhỏ mọn gì bị mất mát; một ít rạ ở xe tải rơi vãi ra, một cái khóa thất lạc, một chiếc bản lề thiếu ở cánh cửa chuồng bò, đều làm cho hấn khổ sở. Đonit rất hà tiện nụ cười, nhưng không bao giờ tỏ ra tức giận, và những lời lẽ hấn khiến trách kẻ nào phạm lỗi lãng phí bất cứ cái gì không bao giờ là những câu lèm bèm khó chịu, vì người ta cảm thấy rất rõ trong giọng nói hấn cái sức mạnh thuyết phục của lương tri và cái ý chí được gìn giữ. Hấn biết cách trị bọn trẻ nhỏ khờ khạo mà tâm hồn đơn giản nghĩ rằng việc xử dụng tinh lực con người một cách hợp lý nhất là trèo cây. Chỉ cau mày lại một cái là Đonit đủ làm cho chúng tụt ở trên cây xuống và hấn bảo chúng:

- Thế nào, nói cho đúng, thì mày lý luận bằng cái đầu mày hay bằng cái đít mày thế hả? Người ta sắp cho mày lấy vợ đến nơi, thế mà mày lại đi trèo lên cây để làm rách quần cụt của mày. Đi với tao, tao sẽ cho một cái quần khác.

- Quần khác nào? thằng bé hỏi lại, toát mồ hôi lạnh khắp cả người.

- Một cái quần dùng làm quần công tác để cho mày leo trèo. Nào, mày hãy thử nói cho tao nghe xem, mày đã thấy ở đâu có ai mặc quần cụt mới mà trèo lên cây không? Mày đã trông thấy ở đâu như vậy?

Tính tiết kiệm vốn ăn sâu vào tâm khảm, Đonit vì lẽ đó không thể nào biết lưu ý đến những sự say mê của con người. Hấn không thể nào hiểu nổi cái sự thực tâm lý giản đơn này: đứa bé đã trèo lên cây chính là vì vui mừng được có cái quần cụt mới. Giữa chiếc quần cụt và cái cây có một quan hệ nhân quả với nhau, thế mà Đonit lại thấy hình như hai vật ấy không thể nào dung hòa được.

Tuy nhiên chủ trương khe khắt của Đonit là rất cần, vì cảnh nghèo của chúng tôi bắt buộc phải hết sức chi ly tần tiện. Vì thế cho nên hội đồng đội trưởng cứ bắt di bắt dịch ủy nhiệm hấn làm chủ nhiệm phó, và cương quyết bác bỏ những lời than phiền bạc nhược của tụi trẻ nhỏ chống lại những biện pháp trừng phạt cho là bất công, mà Đonit đã dùng để bảo vệ nhưng quần cụt của chúng. Karabanôp, Biêlukhin, Vecsônep, Burun và các trại viên cũ khác rất tán thành sự cương nghị của Kutlaty và phục tùng không do dự, cũng không kêu ca gì hết. Thế rồi sang mùa xuân, giữa cuộc họp toàn trại Đonit ra lệnh:

- Ngày mai đem nộp tất cả giày vào kho, về mùa hè đi chân không cũng được.

Đonit hoàn thành một khối lượng công tác lớn vô cùng trong tháng mười năm 1923. Mười đội trại

viên ở rất chật chội trong các ngôi nhà đã hoàn toàn khôi phục được. Các phòng ngủ và trường học đặt ở cái biệt trang lãnh chúa cũ, mà chúng tôi gọi là tòa bạch cung; xưởng thợ mộc chiếm một hàng hiên lớn đã cải biến để sử dụng vào việc đó. Phòng ăn dồn xuống tầng hầm của ngôi nhà thứ hai, các phòng của ngôi nhà đó để cho các giáo viên ở. Phòng ăn không thể chứa được hơn ba mươi người một lúc, và chúng tôi phải ăn làm ba tốp. Xưởng giày, xưởng đóng xe và xưởng khâu may đã phải chui vào những xó xỉnh chẳng giống những phòng làm việc mấy tí. Hết thầy mọi người, từ trại viên đến những người cộng sự, đều ở chật chội. Nhắc nhở thường xuyên cho chúng tôi một khả năng hạnh phúc, có ngôi nhà lầu kiểu “đế chế” ngoảnh bề mặt có một tầng gác ra khu vườn mới.

Hàng hiên trống rộng rãi của nó lấn vào đất vườn, và nó mĩa mai hiển cho trí tưởng tượng của chúng tôi những gian phòng khang trang của nó, có trần cao trần cao chạy đường xoi. Một khi những sàn ván, cửa sổ, cầu thang, lò sưởi được tu sửa lại đâu vào đấy thì chúng tôi sẽ có ở đấy những phòng ngủ lộng lẫy cho một trăm hai mươi đứa trẻ, như thế sẽ giải phóng được những nhà khác để sử dụng cho mọi nhu cầu sư phạm. Nhưng chúng tôi thiếu sáu nghìn rúp để làm việc ấy, và những lợi tức thông thường của chúng tôi còn phải để dùng vào việc phân đấu chống những tàn dư dai dẳng của cảnh nghèo khổ cũ mà chúng tôi không thể nào tự để cho mình lại rơi vào đấy được nữa. Cuộc tấn công của chúng tôi trên mặt trận ấy đã thanh toán xong những “áo tổ đĩa”, cát-két rách tả, giường thành gập, chăn bông từ đời Rômanôp, [\[93\]](#) và những băng giẻ rách thay cho bít-tất. Bây giờ người thợ cạo đến trại mỗi tháng hai lần, và mặc dầu anh ta lấy mười cô-péc mỗi cái đầu húi trọc và hai mươi cô-péc mỗi đầu húi tia, chúng tôi cũng có thể xa xỉ cho cây trên đầu các trại viên những kiểu tóc theo lối “ba Lan”, lối “nhà chính trị” và những kiểu đẹp mắt khác của nền văn minh châu Âu. Đã đành rằng các đồ đạc của chúng tôi chưa được sơn và chúng tôi vẫn ăn bằng thìa gỗ, quần áo cũng toàn là vá vúi, song cái đó là do phần lớn lợi tức của chúng, tôi phải dành cho việc mua vật liệu, dụng cụ và nói chung là cho quỹ nông nghiệp.

Chúng tôi không có sáu nghìn rúp, và chẳng có hy vọng gì có được. Trong các buổi họp toàn trại ở hội đồng đội trưởng và ngay trong câu chuyện của các trại viên cũ, cũng như trong diễn văn của các thanh niên Kôm-xô-môn; và cả đến trong những lời bi bô của bọn trẻ nhỏ nữa, cái số tiền ấy cứ luôn luôn trở lại bên tai, và bao giờ cũng như một số lượng tuyệt đối không thể nào đạt tới.

Hồi đó trại Gorki thuộc quyền ủy ban Giáo dục, mà ngân sách chỉ dành cho nó những số tiền trợ cấp gầy nhom. Những số tiền ấy như thế nào, người ta có thể ước lượng thấy do việc chúng tôi được cấp hai mươi tám rúp mỗi năm cho mỗi trại viên về phí tổn may mặc, Kalina Ivanôvich lấy thế làm công phần.

- Cái thằng cha nào mà hà tiện vắt ruột từng đồng của nó thế vậy? Tôi rất muốn gặp nó, ừ, để xem mặt mũi nó ra làm sao, bởi vì, anh phải biết, tôi đã quá sáu chục tuổi đầu rồi, nhưng đến những thứ người như thế, thì tôi chưa hề thấy có ở trên đời; hừ, những quân ăn hại.

Tôi cũng chưa từng thấy, mặc dầu tôi vẫn đi lại Ủy ban luôn. Con số đó chẳng phải là do sự tính toán của một óc tổ chức, mà là do một cái tính chia đơn giản món tiền quỹ cấp cho các trẻ vô thừa nhận với con số những trẻ ấy.

Ngôi nhà đồ, theo tên chúng tôi gọi bừa tòa lầu “đế chế” của nhà họ Trepkơ, vẫn sẵn sàng như đợi chờ một hội vũ, song cái hội vũ ấy cứ bị lui hoãn mãi không biết đến bao giờ, vì những cặp nhảy đầu tiên, các bác thợ mộc, vẫn chưa được mời tới.

Nhưng gặp phải trường hợp tệ hại đến thế, mà các trại viên cũng chẳng thấy nản lòng chút nào. Karabanôp lại đem một yếu tố ma quỷ vào trong chuyện này:

- Bọn quỷ sẽ gỡ cho chúng mình ra khỏi thế bí, rồi các cậu xem! Chúng mình đều có phúc tinh chiếu

mệnh, ^[94] như hết thấy những đứa con hoang... Rồi các cậu xem, nếu không phải bọn quý, thì cũng sẽ là một con ma khôn nào đấy, không biết chừng có một mụ phù thủy, hay một cái gì khác. Không thể nào một ngôi nhà như thế lại cứ y nguyên vậy mãi, như một cái nhai quạt ở mắt ấy.

Cho nên khi chúng tôi nhận được một bức điện tin báo rằng ngày mồng sáu tháng mười sẽ có bà Bôkôva, thanh tra của Ủy ban Nhi đồng Ukren (Ukrpomdiệt) đến thăm trại và nên đem xe ra đón bà ở chuyến xe lửa Khackôp, thì cái tin ấy rất được các giới lãnh đạo của trại chú ý đón mừng, và nó gọi cho nhiều người những lời bàn bạc có liên quan trực tiếp tới việc khôi phục ngôi nhà đỏ.

- Cái bà già khom ấy rất có thể thả ra sáu nghìn...
- Mà hỏi ở đâu mà biết tuổi bà ta?
- Ở đây thì chỉ có toàn những bà già.

Kalina Ivanôvich ngừng vực:

- Pomdiệt, thì trông mong gì được đấy. Cái đó, tôi biết mình xem có thể nhận được cho bà ấy ba gã trai không. Rồi sau nữa, dù sao thì cũng là một người đàn bà: đứng về lý thuyết mà nói, thì là phụ nữ bình quyền đấy, nhưng trên thực tế thì xưa kia họ thế nào, nay họ cũng cứ vậy thôi...

Ngày mồng năm, các thuộc hạ của Antôn Bratsenkô cạo rửa cái xe song mã, và tết bím bờm cho hai con Hung và Mary. Trại ít khi được tiếp đón những khách ở thủ đô, nên Bratsenkô muốn tỏ ý thật trân trọng đối với họ. Sáng hôm mồng sáu, tôi đi ra ga, đích thân Bratsenkô cầm cương ngựa.

Trên sân nhà ga, cũng như từ trên xe, cả hai chúng tôi đang ngắm nhìn cẩn thận tất cả các bà già và nói chung tất cả các bà phụ nữ kiểu sở Giáo dục, ở trong ga bước ra quảng trường thì bỗng nhiên chúng tôi nghe thấy câu hỏi này, thốt ở miệng một người rất ít phù hợp với sự chờ đợi của chúng tôi.

- Những ngựa này ở đâu đến vậy?

Antôn lẩm bẩm trả lời với một giọng khá cục cằn:

- Đây người ta đi có việc. Xe ngựa thuê ở đằng kia kia.
- Anh không phải người của trại Gorki à?

Gót giày đập vào nhau đánh cộp một cái, Antôn quay tròn hẳn một vòng trên ghế ngồi. Tôi cũng chăm chú để ý ngay.

Một người hết sức bất ngờ đang đứng trước mặt chúng tôi: dưới chiếc áo choàng nhẹ màu xám kẻ ô, là những bắp chân nhỏ nhắn đi bít-tát tơ đom đàng, một gương mặt trau chuốt, tươi mát màu hồng phơn phớt đôi má hữu duyên có núm đồng tiền, cặp mắt long lanh dưới hàng lông mày thanh tú. Dưới viền đằng ten của một chiếc khăn choàng đi đường, chúng tôi trông thấy lộ ra những vòng tóc vàng óng ánh. Đi theo bà ta là một người phu vác cầm ở tay một hành lý rất nhẹ: một hộp nhỏ với một cái xác bằng da tốt.

- Bà là nữ đồng chí Bôkôva ư?
- Thì đấy, ông xem, tôi đã đoán ngay lập tức rằng ông ở trại Gorki tới.

Antôn, mãi đến bây giờ mới tỉnh lại, gật đầu với một vẻ nghiêm chỉnh, chăm chú gỡ dây cương. Bôkôva nhẹ nhàng nhảy lên xe, và ở trên xe cái không khí nhà ga bao bọc chúng tôi nhường ngay chỗ cho những hương khí khác, thơm dịu và mát mẻ. Tôi lùi một chút vào góc ghế ngồi, rất lúng túng vì sự lân cận không bình thường ấy.

- Ô! Đồng chí Makarenkô ạ, chúng tôi gặp nhiều khó khăn vô cùng, vô cùng với các trẻ nhỏ ấy! Tôi thương chúng ghê gớm lắm kia, ông ạ, và tôi hết lòng mong muốn làm được việc gì tốt cho chúng. Thế em này là một trẻ nuôi của ông đấy à? Em mới đáng yêu làm sao chứ! Ở đây các vị không buồn chán

à?

Đời sống ở các trại nhi đồng buồn chán lắm kia, ông ạ. Chúng tôi được nghe người ta nói nhiều về ông. Có điều người ta bảo ông không ưa chúng tôi.

- Tôi không ưa ai chứ?
- Chúng tôi, Hội đồng các bà lớn.
- Tôi không hiểu.
- Người ta bảo ông gọi chúng tôi như thế, các bà ở

Ban Giáo dục xã hội là: Hội đồng các bà lớn.

- Thật là chuyện lạ! – tôi nói. Tôi chả gọi ai như thế bao giờ cả... nhưng mà... phải nhận là... gọi thế khéo đấy.

Tôi bật lên cười thành thực. Bôkôva cũng khoái vì cái tên gọi hay như vậy.

- Vả chẳng cũng hơi đúng đấy, ông ạ: Ở Ban Giáo dục xã hội có nhiều bà lắm. Và tôi là một. Tôi sẽ chẳng nói được gì cho ông nghe về các chuyện ấy đâu, nghĩa là chuyện có tính cách khoa học ấy mà... ông bằng lòng chứ?

Antôn luôn luôn quay mình lại trên ghế ngồi mở đôi mắt to thao láo ra mà nhìn chăm chăm bà khác lạ một cách nghiêm trọng.

- Em ấy cứ nhìn tôi luôn! Bôkôva vừa nói vừa cười. Nhưng có cái gì mà em ấy nhìn tôi thế nhỉ?

Antôn đỏ mặt lên, và vừa lẩm bẩm câu gì không rõ vừa ra roi quất ngựa.

Về đến trại, chúng tôi được bọn trẻ, rất chăm chú, và cả Kalina Ivanôvich cùng ra đón tiếp. Xêmiôn Karabanôp xoa xoa tay lên gáy với một vẻ then thùng, cử chỉ tỏ ra rằng cu cậu hoàn toàn bối rối. Zăđôrôp nháy một bên mắt, và mỉm cười.

Tôi giới thiệu Bôkôva với các trại viên, chúng âu yếm lôi ngay bà ta đi thăm khắp trại. Kalina Ivanôvich kéo ống tay áo tôi, hỏi rằng:

- Thế mời ba ta ăn uống được gì bây giờ?

- Ô, Trời ơi, nào tôi có biết được các bà ấy, cái của đó ăn uống gì, tôi cũng lựa theo giọng bác ta mà đáp lại.

- Tôi thiết tưởng cho bà ta ăn nhiều sữa thì tốt. Anh nghĩ thế nào, hờ anh?

- Không, bác Kalina Ivanôvich, phải có gì chắc dạ hơn mới được.

- Thế thì tôi làm thế nào được đây? Giết một con lợn à? Êđua Nikôlaiêvich chả chịu đâu.

Kalina Ivanôvich đi lo thu xếp bữa ăn cho vị khách quý đó, còn tôi thì vội vã đi theo Bôkôva. Bà ta đã làm quen thân mật với bọn trẻ và bảo chúng:

- Các chú hãy gọi tôi là Maria Kônđratiepna.

- Maria Kônđratiepna ư? Ô, hay lắm...! Thế thì bà Maria Kônđratiepna này, bà xem, nhà kính ấm của chúng tôi đây. Chúng tôi đã làm lấy đấy, và tôi đã đào không biết bao nhiêu nhát mai vào đây; bà nhìn xem tay tôi vẫn còn chai.

Karabanôp giơ ra cho Maria Kônđratiepna xem bàn tay của hấn giống như một cái xẻng.

- Cậu ấy nói dối đấy, bà Maria Kônđratiepna ạ, tay cậu ấy chai là vì chơi thuyền.

Maria Kônđratiepna vui vẻ luôn luôn quay sang bên nọ bên kia cái đầu xinh đẹp tóc vàng óng ánh của bà, đã bỏ khăn choàng ra. Bà rất ít để ý đến các khung kính ấm cũng như đến các thành tựu khác

của chúng tôi.

Chúng tôi cũng chỉ cho bà xem ngôi nhà đó.

- Tại sao các chú không làm nốt đi? Bôkôva hỏi.

- Sáu nghìn. Zăđôrôp nói.

- Thế các chú không có tiền à? Tôi nghiệp các chú bé!

- Nhưng bà thì bà có tiền chứ? Xêmiôn rống lên. Nào, ta đang nói chuyện gì đây? Chi bằng ta hãy ngồi xuống cỏ này một chút.

Maria Kônđratiepna duyên dáng ngồi xuống cỏ, gần sát ngôi nhà đỏ. Bọn trai trẻ miêu tả rất đậm màu sắc cho bà ta nghe cảnh sống của chúng tôi chật chội như thế nào và sự huy hoàng của cuộc sống tương lai, một khi tu sửa xong ngôi nhà đỏ.

- Bà có hiểu không, chúng tôi bây giờ có tám mươi trại viên và đến khi đó thì sẽ là một trăm hai. Bà có hiểu không?

Từ trong vườn Kalina Ivanôvich đi ra, theo sau là Ôlia Vônônôva, ôm một cái bình to tướng, hai cái bình đất nhỏ ở nông thôn, với một nửa cái bánh mì tiểu mạch. Maria Kônđratiepna kêu lên:

- Trời ơi, thích quá, cái gì ở đây cũng tuyệt quá! Thế ông cụ cố phúc hậu này cũng ở trại các chú ư? Đó là ông cụ nuôi ong của trại, phải không?

- Không, tôi không chăm nom ong đâu, Kalina Ivanôvich đáp với một nụ cười hớn hở, và tôi chẳng nuôi ong bao giờ cả, nhưng đây là thứ sữa còn ngon hơn bất cứ thứ mật ong nào kia. Chẳng phải là mẹ già ba vạ nào thết bà, mà là trại lao động Gorki thết đấy. Bình sinh bà chưa từng được uống thứ sữa như thế này bao giờ đâu: sữa lạnh và thơm.

Maria Kônđratiepna vỗ tay và cúi xuống nhìn cái bình nhỏ mà Kalina Ivanôvich đang rót sữa vào một cách vô cùng trang nghiêm trịnh trọng. Zăđôrôp vội lợi dụng cái lúc rất hay đó.

- Ở trên đó bà có sáu nghìn rúp chả dùng làm gì hết, thế mà chúng tôi thì không sửa chữa được nhà của chúng tôi. Như thế không công bằng, bà ạ.

Nghẹn ngào vì sữa uống mát lạnh, Maria Kônđratiepna nói thì thào với giọng người chịu cực hình:

- Không phải là sữa, mà là một hạnh phúc thật sự... chưa từng thấy bao giờ...

- Thế nào, con số sáu nghìn... Zăđôrôp vừa nói vừa phóng vào mặt bà ta một nụ cười trắng tráo.

- Gớm cái cậu này mới duy vật làm sao chứ, Maria Kônđratiepna đáp và khẽ nháy nháy mắt. Các chú cần có sáu nghìn rúp à? Thế ngược trở lại thì tôi được cái gì nào?

Zăđôrôp nhìn chung quanh một cách bất lực, và dang hai tay ra, sẵn sàng đề nghị đánh đổi hết thảy tài sản của hắn lấy số tiền đó. Karabanôp chỉ nghĩ một lát rồi đáp:

- Chúng tôi có thể cung cấp cho bà cái hạnh phúc này bao nhiêu cũng được.

- Cái gì, hạnh phúc nào kia? Maria Kônđratiepna hỏi, và gương mặt bà rạng rỡ tất cả những màu sắc của cầu vồng. – Sữa lạnh ấy.

Maria Kônđratiepna cười rũ cười rượi vật mình xuống cỏ.

- Không, đừng có lừa phỉnh tôi với sữa của các chú. Tôi sẽ cho các chú sáu nghìn, với điều kiện là các chú sẽ nhận cho tôi bốn chục trẻ em... những đứa trẻ rất dễ thương, mặc dầu hiện thời chúng có phần, các chú ạ... không được sạch sẽ lắm.

Các trại viên ai nấy nghiêm hăn nét mặt lại. Ôlia Vônônôva vừa đung đưa cái bình như một cái máy đánh nhịp, vừa nhìn thẳng vào mắt Maria Kônđratiepna.

- Thì được! cô ta nói, chúng tôi sẽ nhận chúng.
- Đưa tôi đi rửa mặt nào, tôi buồn ngủ... Còn số sáu nghìn của các cô các chú, thì rồi sẽ có.
- Nhưng bà chưa đi thăm cánh đồng của chúng tôi.

- Ngày mai ta sẽ đi. Đồng ý chứ? Maria Kônđratiepna ở trại ba ngày. Ngay buổi tối thứ nhất, bà đã biết họ tên nhiều trại viên và lúi lúi nói chuyện với họ mãi đến khuya trên một chiếc ghế dài của khu vườn cũ. Họ đưa bà ta đi chơi thuyền, rủ bà ta chơi đu nháy, đu bay, nhưng bà không có thì giờ đi thăm cánh đồng và khó khăn lắm mới tìm được một lúc để ký với tôi một bản hợp đồng. Theo các điều khoản của bản hợp đồng ấy, Ban Bảo vệ Nhi đồng nhận chuyển cho chúng tôi sáu nghìn rúp để khôi phục ngôi nhà đỏ, và khi nào làm xong việc chúng tôi phải tiếp thủ của cơ quan đó bốn mươi trẻ em vô thừa nhận.

Maria Kônđratiepna rất hài hả đối với trại.

- Ở trại của ông, là thiên đường đấy, bà ta nói. Các trẻ em của ông giỏi vô cùng, thật là... nói thế nào đây...

- Những thiên đồng thật sự chẳng?
- Không, không phải những thiên đồng, song là những con người, vậy đó thôi.

Tôi không đi tiễn chân bà ta. Bratsenkô không đánh xe ngựa và các bờm ngựa không tết bím. Karabanốp ngồi trên ghế xà-ích mà Antôn đã nhường cho hắn vì một lý do gì đó. Đôi mắt đen của hắn long lanh; hắn không ngớt ban những nụ cười kiểu Mêphixtophêlet^[95] cho hết thấy mọi người trong sân.

- Hợp đồng ký rồi chứ bác Antôn Xêmiônôvich? hắn hỏi khề tôi.
- Ừ

- Tuyệt lắm. Nào, thế cháu đưa bà hoàng đi chơi nhé!

Zadôrôp xiết chặt tay Maria Kônđratiepna.

- Thế nhé, bà sẽ trở lại trại chúng tôi mùa hè này nhé. Đã hứa rồi đấy..
- Ừ, tôi sẽ trở lại. Tôi sẽ thuê một chỗ nào ở gần đây.
- Sao lại thế? Bà đến trại chúng tôi chứ...

Maria Kônđratiepna cúi đầu chào chung quanh khắp lượt, ban cho mỗi chúng tôi một cái nhìn âu yếm và tươi cười.

Ở nhà ga trở về, Karabanốp có vẻ lo âu trong khi tháo ngựa và Zadôrôp nghe chuyện hắn cũng có vẻ nghĩ ngợi như vậy. Tôi lại gần họ.

- Cháu đã bảo là một mục phù thủy sẽ giúp chúng ta ra khỏi bước khó khăn, thì quả như rằng.
- Bà ấy mà là một mục phù thủy à, chú nói gì lạ thế?
- Bác cho rằng các mục phù thủy bao giờ cũng cưỡi ngựa trên cán chổi cả ư? Và có cái mũi khoằm khoằm như thế này ấy à? Không phải thế đâu, các bà phù thủy chính cống thì đẹp chứ.
- Thì được! cô ta nói, chúng tôi sẽ nhận chúng.
- Đưa tôi đi rửa mặt nào, tôi buồn ngủ... Còn số sáu nghìn của các cô các chú, thì rồi sẽ có.
- Nhưng bà chưa đi thăm cánh đồng của chúng tôi.
- Ngày mai ta sẽ đi. Đồng ý chứ?

Maria Kônđratiepna ở trại ba ngày. Ngay buổi tối thứ nhất, bà đã biết họ tên nhiều trại viên và lúi

lo nói chuyện với họ mãi đến khuya trên một chiếc ghế dài của khu vườn cũ. Họ đưa bà ta đi chơi thuyền, rủ bà ta chơi đu nhẩy, đu bay, nhưng bà không có thì giờ đi thăm cánh đồng và, khó khăn lắm mới tìm được một lúc để ký với tôi một bản hợp đồng. Theo các điều khoản của bản hợp đồng ấy, Ban Bảo vệ Nhi đồng nhận chuyển cho chúng tôi sáu nghìn rúp để khôi phục ngôi nhà đó, và khi nào làm xong việc chúng tôi phải tiếp thu của cơ quan đó bốn mươi trẻ em vô thừa nhận.

Maria Kônđratiepna rất hài hả đối với trại.

- Ở trại của ông, là thiên đường đấy, bà ta nói. Các trẻ em của ông giỏi vô cùng, thật là... nói thế nào đây...

- Những thiên đồng thật sự chăng?

- Không, không phải những thiên đồng, song là những con người, vậy đó thôi.

Tôi không đi tiễn chân bà ta. Bratsenkô không đánh xe ngựa và các bờm ngựa không tết bím. Karabanôp ngồi trên ghế xà-ích mà Antôn đã nhường cho hắn vì một lý do gì đó. Đôi mắt đen của hắn long lanh; hắn không ngớt ban những nụ cười kiểu Mêphixtôphêlet^[96] cho hết thấy mọi người trong sân.

- Hợp đồng ký rồi chứ bác Antôn Xêmiônôvich? hắn hỏi khề tôi.

- Ừ

- Tuyệt lắm. Nào, thế cháu đưa bà hoàng đi chơi nhé!

Zađôrôp xiết chặt tay Maria Kônđratiepna.

- Thế nhé, bà sẽ trở lại trại chúng tôi mùa hè này nhé. Đã hứa rồi đấy..

- Ừ, tôi sẽ trở lại. Tôi sẽ thuê một chỗ nào ở gần đây.

- Sao lại thế? Bà đến trại chúng tôi chứ...

Maria Kônđratiepna cúi đầu chào chung quanh khắp lượt, ban cho mỗi chúng tôi một cái nhìn âu yếm và tươi cười.

Ở nhà ga trở về, Karabanôp có vẻ lo âu trong khi tháo ngựa và Zađôrôp nghe chuyện hắn cũng có vẻ nghĩ ngợi như vậy. Tôi lại gần họ.

- Cháu đã bảo là một mục phu thủy sẽ giúp chúng ta ra khỏi bước khó khăn, thì quả như rằng.

- Bà ấy mà là một mục phu thủy à, chú nói gì lạ thế?

- Bác cho rằng các mục phu thủy bao giờ cũng cưỡi ngựa trên cán chổi cả ư? Và có cái mũi khoằm khoằm như thế này ấy à? Không phải thế đâu, các bà mục phu thủy chính cống thì đẹp chứ.

2. BỔ ÔTSÊNĂC

Bôkôva giữ lời hứa: một tuần lễ sau chúng tôi nhận được một tấm séc sáu nghìn rúp, và người ta lại nghe thấy Kalina Ivanôvich kêu ca thét lác khỏe hơn bao giờ hết trong đợt sốt sáng mới này để xây dựng trại. Đội bốn cũng vất vả khó nhọc, đội của Taranet, mà nhiệm vụ là phải đem gỗ ướn ra làm thành các cửa và cửa sổ tốt. Không biết Kalina Ivanôvich rửa xả ai với câu này

- Cái đồ ăn hại ấy, khi nào nó chết thì cứ đem mà đóng nó vào những ván áo quan ẩm ướt!

Thế là bắt đầu giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến đấu bốn năm ròng của chúng tôi chống lại sự điêu tàn của trại Trepko: từ Kalina Ivanôvich cho đến Sura Jêvêli, ai ai cũng muốn tu sửa ngôi nhà xong sớm ngày nào hay ngày ấy. Phải mau mau thực hiện cái giấc mơ đã nhất quyết theo đuổi bấy lâu. Chúng tôi bắt đầu bực dọc vì những hố vôi, những bụi cỏ rậm rì, những lối đi trong vườn thiếu chăm non săn sóc, những gạch ván và vôi vữa ngổn ngang khắp trong sân. Nhưng chúng tôi chỉ có tám mươi người. Trong các buổi họp ngày chủ nhật, hội đồng đội trưởng nhằn nài nài ép Sêrê, đòi cho được hai hay ba đội đặc biệt để chinh đốn lại trại ập. Nhiều khi họ phát khùng.

- Thế này thì quá lắm, thực đấy! Ở bên chú có gì phải làm nữa đâu, mọi cái đều đã làm sạch trơn rồi.

Sêrê điềm tĩnh rút quyền sở tay nhàu nát và ôn tồn bắt đầu chứng minh rằng ở bên anh ta, trái lại, mọi cái đều bê trễ, công việc ngập đầu, và sở dĩ anh ta phải để cho hai đội thu dọn sân, đó chỉ là vì anh công nhận sự cần thiết tuyệt đối phải làm việc đó; chứ không thì chả đời nào anh chịu, và sẽ phải các đội đó đi chọn hạt giống hoặc đi sửa chữa các khung kính ấy.

Các đội trưởng làu bàu, vẻ không bằng lòng, thấy khó dung hòa hai tình cảm trái ngược: bực tức vì sự ngoan cố của Sêrê và đồng thời thần phục sự cương quyết của anh.

Hội đó Sêrê hoàn thành việc tổ chức cây luân phiên sáu năm. Tất cả trại chột đã nhận thấy đà tiến triển của công tác nông nghiệp. Trong các trôi viên đã xuất hiện những người tận tụy với sự nghiệp ấy vì xu hướng tự nhiên; nổi bật lên hàng đầu cả bọn có cô Ôlia Vôrônôva. Nếu như Karabanôp, Vôlôkhôp, Burun, Ôtxatsi yêu ruộng đất, thì có thể nói đó là sự say mê thuộc về mỹ học. Họ thích công tác ấy, song tuyệt nhiên không có ý nghĩ gì tính toán đến lợi ích cá nhân; họ làm mà không nhìn lại đằng sau và không đặt một mối quan hệ nào giữa công tác và tương lai hoặc những sở thích khác của họ. Họ chỉ biết sống thế thôi và hưởng thụ cái đẹp của cuộc sống ấy, họ đánh giá mỗi ngày qua đi trong lao động và nỗ lực, và chờ đợi ngày hôm sau như một ngày hội. Họ hết sức tin tưởng rằng tất cả những ngày đó sẽ đưa họ tới những thành công phong phú và mới mẻ, song những thành công ấy sẽ như thế nào, thì họ không nghĩ đến. Thực ra, tất cả đều chuẩn bị thi vào trường trung học công nông, nhưng học chẳng để xen lẫn vào đấy một khuynh hướng gì rõ rệt và không biết ngay cả đến mình muốn thi vào trường trung học công nông nào nữa.

Có những trại viên khác cũng yêu nông nghiệp, nhưng họ đứng về một phương diện thực tiễn hơn. Những gã như Ôpriskô và Fêđôrenkô thì không muốn học ở nhà trường; nói chung họ chẳng đòi hỏi một sự gì đặc biệt ở cuộc sống, và chỉ nghĩ một cách rất khiêm tốn và đơn giản rằng không có tương lai nào tốt đẹp cho con người hơn là lập nghiệp trên ruộng đất, với ngôi nhà đầm ấm, con ngựa và có vợ, mùa hè “ló mặt trời thì làm, lặn mặt trời thì nghỉ”, mùa thu gặt hái và cất lúa vào kho cẩn thận, rồi mùa đông vui thú những đêm dài bằng cách thưởng thức bánh nhân thịt ngọt và xúp củ cải, bánh nhân kem và thịt lợn ninh, và mỗi tháng đôi lần phê phởn, ở nhà hoặc sang hàng xóm nhân dịp những chuyện sanh đẻ, cưới xin, hội hè và đám hỏi.

Ôlia Vôrônôva theo một con đường khác. Cô ta nhìn những cánh đồng của trại và các cánh đồng

chung quanh bằng con mắt suy nghĩ, quan tâm nữa, của một nữ thanh niên Kômxômôn; đối với cô thì ở đây không phải chỉ mọc lên những bánh sữa đông, mà còn mọc lên cả những vấn đề.

Số sáu mươi năm écta ruộng của trại, mà Sêrê ra công khai khẩn, đã không làm cho anh và các môn đệ của anh bỏ cái mộng xây dựng một nông trường lớn với máy kéo chạy mỗi “cuốc” một cây số. Sêrê biết cách nói chuyện với các trại viên về vấn đề ấy, và ở chung quanh anh ta đã hình thành một nhóm thánh giả thường xuyên. Ngoài các trại viên, nhóm đó còn gồm có Xpiridôn, bí thư Kômxômôn làng Gônstsarôpka và Paven Paplôvich, trong số những thành viên luôn luôn có mặt.

Paven Paplôvich Nikôlaienkô hai mươi sáu tuổi mà chưa lấy vợ, cho nên ở trong làng anh ta trở thành một gã độc thân già. Bố anh ta, ông già Nikôlaienkô, dưới mắt chúng tôi đã biến thành một tay kulắc cự phách, vì ông tá lén lợi dụng những trẻ lưu đày thuê để làm công, trong khi vẫn cứ giả nghèo giả khổ.

Có lẽ vì thế mà Paven Paplôvich không thích gia đình và ưa lui tới trại hơn. Anh ta xin được Sêrê tuyển dụng cho làm những công việc canh tác tinh tế nhất, và giữ nhiệm vụ như một người chỉ đạo viên đối với các trại viên. Anh đã đọc sách nhiều và thông minh chăm chú nghe những bài giảng của Sêrê.

Paven Paplôvich và Xpiridôn thường lái câu chuyện sang những vấn đề nông dân: theo quan niệm của họ thì nông trường qui mô lớn cũng giống như nông trang thường của nông dân mà thôi. Ôlia Vôrônôva nhìn hai người bằng cái nhìn chăm chú của đôi mắt màu hạt dẻ, nó ánh lên một tia thiện cảm đầm ấm khi Paven Paplôvich nói ôn tồn:

- Tôi nghĩ như thế này đây: ở chung quanh ta có biết bao người làm lụng, mà đều là hão cả. Muốn cho công việc làm ăn của họ có lợi, thì phải dạy bảo họ. Nhưng ai dạy bảo họ được? Nông dân ấy à, thôi đi, dạy cho nông dân khó lắm nhé. Đây này, Êđua Nikôlaiêvich, anh ta đã tính toán và nói rõ cho họ nghe mọi chuyện. Có thể thật. Phải làm ăn như vậy đó mới đúng! Song những của khí ấy sẽ chẳng làm như anh ta dạy đâu. Họ cứ phải làm mọi cái theo ý muốn của họ kia...

- Thế các trại viên, họ biết làm à? Xpiridôn, anh chàng có cái miệng rộng hóm hình, thận trọng hỏi.

- À, các trại viên, Paven Paplôvich đáp với một nụ cười buồn, các trại viên thì lại là chuyện khác hẳn.

- Ôlia cũng mỉm cười, hai tay bắt chéo như để bóp vỡ một quả hồ đào, rồi bất thành linh có vẻ khiêu khích ngược mắt nhìn lên ngọn những cây bạch dương. Những bím tóc óng vàng của cô xoa trên vai rơi xuống, được con mắt xám của Paven Paplôvich chăm chú nhìn theo.

- Các trại viên không chủ tâm sống về nghề nông, nhưng họ làm việc cẩn thận, còn nông dân thì suốt đời gắn liền với ruộng đất, họ có con cái, và đủ mọi thứ...

- Thế thì sao? Xpiridôn không hiểu.

- Rõ rồi còn gì! Ôlia nói với một giọng ngạc nhiên. Nông dân, hợp thành công xã, còn phải tìm việc tốt hơn nữa.

- Họ phải, là nghĩa thế nào? Paven Paplôvich thân ái hỏi.

Ôlia nhìn thẳng vào mắt anh với một vẻ bức tức: trong giây lát anh quên khuấy mất những bím tóc của cô và chỉ thấy cái nhìn nghiêm khắc nọ, cơ hồ không phải là cái nhìn của một người thiếu nữ.

- Phải như thế! anh có hiểu “họ phải” là nghĩa thế nào không? Chẳng khác gì hai với hai là bốn.

Karabanôp và Burun cũng dự vào cuộc nói chuyện. Bởi với họ thì vấn đề chỉ có một ý nghĩa lý luận, như mọi câu chuyện về những “dân quê” nọ, mà họ đã vĩnh viễn cắt đứt quan hệ. Nhưng cái khía cạnh gai góc của tình thế làm cho Karabanôp thích thú, khiến hắn không thể nhịn tham gia vào một

cuộc khẩu chiến thú vị:

- Ôlia nói đúng đấy: “Họ phải như thế”. Nghĩa là phải dùng tay vào và bắt buộc họ...

- Vậy cậu làm thế nào mà bắt buộc họ được? Paven Paplôvich hỏi.

- Bất cứ bằng cách nào! Xêmiôn hăng tiết lên, đáp. Làm thế nào để bắt buộc họ à? Bằng sức mạnh.

Bây giờ anh hãy giao cho tôi tất cả bọn dân quê của anh, và chỉ trong một tuần lễ tôi sẽ bắt họ làm việc như những con cừu non cho anh xem, và chỉ trong hai tuần lễ là họ sẽ cảm ơn tôi thôi.

Paven Paplôvich cau mày.

- Anh nói bằng sức mạnh là ý thế nào: bằng quả đấm nện vào mồm họ à?

Xêmiôn nằm bò ra ghế dài mà cười, trong khi Burun giải thích với một giọng ôn tồn khinh bỉ:

- Những quả đấm vào mồm là nhẹ đấy! Súng lục, đó mới thực là sức mạnh.

Ôlia thong thả quay mặt về phía hấn và nhả nài lên lớp cho hấn:

- Sao cậu lại chẳng hiểu gì cả thế vậy: nếu có việc gì họ phải làm, thì rồi họ sẽ không cần đến súng lục của cậu. Họ sẽ tự nguyện mà làm, chỉ có việc nói cho họ nghe tử tế, giải thích cho họ.

Xêmiôn kinh ngạc ngẩng mặt lên khỏi ghế dài, mắt tròn tròn xoe:

- Chà, chà, cô bé Ôlia của tôi ơi, cô nói cái gì thế vậy? Cô đi làm đường rồi. Giải thích cho họ...

Cậu có nghe thấy không, Burun? cô sẽ giải thích cho nó cái gì, một khi nó muốn trở thành một tên kulắc?

- Ai muốn trở thành kulắc chứ? Ôlia nói, giương thật to đôi mắt tức giận.

- Sao lại ai? Tuốt cả bọn, chẳng ai là không. Ừ, cả Xpiridôn, cả Paven Paplôvich.

Paven mỉm cười. Còn Xpiridôn, bàng hoàng vì cuộc tấn công bất ngờ ấy, chỉ nói được một câu:

- Thế thì quá lắm!

- Phải rồi, quá lắm! Cậu ta vào đoàn Kômxômôn, chỉ là vì cậu ta không có ruộng đất. Nhưng thử cho hấn hai chục éc-ta xem, với một con bò cái, một con cừu cái nhỏ và một con ngựa tốt, thì là thôi hết cả. Và cô, cô bé Ôlia của tôi ạ, thì hấn sẽ đeo hàm thiếc vào cho cô, và huýt cho cô chạy tể lên!

Burun phá ra cười và lên giọng hách dịch xác nhận:

- Hấn chỉ cần có thế thôi, và cả Paven nữa.

- Cút mẹ các cậu đi, những đồ đều! Xpiridôn sau cùng phát cáu, mặt đỏ bừng lên và nắm tay lại nói.

Xêmiôn đi vòng quanh chiếc ghế dài, giong thật cao hết chân nọ rồi lại chân kia, như thể là hấn tỏ ra khoái ý đến cực độ. Khó mà biết hấn nói đứng đắn hay là hấn chỉ muốn chọc các cậu nông dân.

Lúc ấy Xilanti Xêmiônôvich Ôtsênăc đang ngồi trên cỏ, đối diện với chiếc ghế dài. Bác ta có cái đầu “như một cái nồi nấu rượu bia”, mặt đỏ ửng, ria mép xén tỉa cẩn thận, không ra màu gì cả, và chẳng có một sợi tóc nào trên đỉnh sọ. Ngày nay ta ít gặp những người như kiểu bác. Nhưng hồi xưa ở khắp nước Nga có nhiều triết gia đi lang thang như thế, họ là những người đại am hiểu cuộc đời cũng như rất sành rượu vôtka độc quyền.

- Xêmiôn nói đúng đấy. Người nông dân không hiểu chuyện đoàn thể đoàn thiếc gì, như người ta nói đâu. Giả thử hấn ta có một con ngựa, thì hấn muốn có một con nữa cho nó thành hai con, có thế thôi.

Cô xem, chuyện trò thế đấy.^[97]

Ôtsênăc vung nắm tay, ngón tay cái sần sùi chĩa lên trời, đôi mắt nhỏ có hàng mi bằng bạc khẽ nháy nháy một cách tế nhị.

- Vậy là giống ngựa chỉ huy giống người à? Xpiridon tức giận hỏi lại.

- Thì đó, đúng thế thực, giống ngựa làm chủ, tất cả câu chuyện là thế đấy. Giống ngựa, và chú này! cả giống bò cái nữa nhé. Và kẻ nào chẳng có thứ nọ cũng chẳng có thứ kia, thì chỉ đáng cho đi giữ dưa thôi. Chú hiểu chứ? Chú xem, chuyện trò thế đấy.

Ôtsênăc đã được tất cả mọi người trong công xã chúng tôi yêu mến, và Ôlia Vônônôva tỏ ra rất có thiện cảm với bác ta. Trong lúc này, cô thân thiện cúi sát người xuống Xilanti, và bác quay lại phía cô, như hướng về mặt trời, bộ mặt nở nang tươi cười của bác.

- Thế nào, cô em xinh đẹp?

- Bác nhìn mọi sự theo lối cũ, bác Xilanti ạ. Như thời xưa ấy! Nhưng mọi cái ở chung quanh bác bây giờ đều mới cả rồi.

Xilanti Xêmiônôvich Ôtsênăc đến với chúng tôi không biết từ nơi nào từ khoảng không vũ trụ, chẳng chịu một chút câu thúc gì đối với bất cứ một khuôn phép hoặc sự vật nào hết. Bác ta tự dẫn đến vớ cái áo sơ mi vải thô vắt trên vai, cái quần cũ để thô đôi chân đi đất, và không có một thứ gì khác nữa. Ngay đến một chiếc gậy cầm tay cũng không, vẻ độc đáo của cái con người tự do ấy đã làm cho các trại viên yêu mến, họ phấn khởi lôi kéo bác ta vào phòng giấy tôi.

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác hãy xem các cháu đã thu ra được con người như thế nào đây này!

Xilanti vừa mỉm cười với bọn trẻ, vừa thích thú nhìn tôi, như một người quen biết cũ.

Đây là ông giám đốc của các chú, như người ta nói, có phải không?

Và lập tức bác cũng làm cho tôi yêu mến, cả tôi nữa.

- Bác tìm đến chúng tôi có việc à?

Xilanti chỉnh đốn lại một cái gì đó trên gương mặt, và lập tức gương mặt ấy có một vẻ thực tiễn và gọi lòng tin cậy.

- Thì đó, anh xem, chuyện trò thế đấy. Tôi đi tìm việc làm, ở đây anh có việc, có thể thôi...

- Thế bác biết làm việc gì?

- À như người ta nói: kẻ nào chỉ có hai bàn tay trắng, thì việc gì cũng làm được.

Thế là bác ta cười một cái cười chân thật và vui vẻ. Bọn trẻ cũng nhìn bác mà cười, và tôi cũng cười. Ai cũng thấy rõ là quả có chuyện đáng cười thực sự.

- Vậy ra bác bác biết làm tất cả mọi việc à?

- Tất cả ừ thì, nói thế cũng được... anh xem, chuyện trò thế đấy, Xilanti nói, có vẻ đã hơi cụt hứng.

- Nhưng biết làm gì, chẳng hạn?

Xilanti bắt đầu gấp ngón tay lại đếm.

- Thế thì, cày và bừa, là một này, trông nom săn sóc ngựa và tất cả các giống vật khác, cái đó nữa này, rồi thì các công việc trong nhà, như người ta nói này; tôi có thể làm thợ mộc, thợ rèn, thợ chữa lò sưởi, cả thợ sơn nữa, và thợ đóng giày. Nếu phải xây nhà, như người ta nói, thì tôi cũng biết, và biết cả giết lợn. Chỉ có đỡ đầu cho con trẻ làm lễ rửa tội là tôi không biết thôi, tôi chưa làm cái đó bao giờ hết.

Bác ta lại cười phá lên, và chùi nước mắt, vì bác thầy là buồn cười quá.

- Chưa bao giờ, tại sao thế?

- Người ta chả bao giờ nhờ tới cả, anh xem, chuyện trò thế đấy.

Bọn trẻ cười thả sức, cười lẫn cười lóc, và Tôxka Xôlôviep vừa kiễng chân lên tới Xilanti vừa hỏi riu rít:

- Tại sao người ta không nhờ bác thế, tại sao?

Xilanti trở lại nghiêm chỉnh, và có vẻ như một thầy giáo tốt bắt đầu giảng cho Tôxka nghe:

- Thì đó, cháu ạ, cháu xem, chuyện trò thế đấy: cứ mỗi lần làm lễ rửa tội, bác lại tự bảo, lần này thì người ta sẽ nhờ mình làm cha đỡ đầu đây. Ấy thế rồi, cháu tưởng tượng xem, người ta lại tìm ra nhưng người khác giàu hơn, có thể thôi.

- Bác có các giấy tờ đấy chứ? tôi hỏi bác ta.

- Giấy hộ chiếu, có, trước đây không lâu tôi còn có đấy. Nhưng mà, anh xem, chuyện trò thế đấy; vì tôi không có túi nên nó đã rơi mất, anh hiểu không. Và chẳng anh cần đến giấy tờ làm gì chứ, trong khi tôi đứng sờ sờ ngay trước mặt anh, bằng xương bằng thịt hẳn hoi.

Trước bác đã làm việc ở đâu?

Tôi đã làm ở đâu ấy à? Thì làm ở nhà thiên hạ chứ gì, anh ạ. Ở nhà đủ mọi thứ người, những người tử tế và những quân đều giả, có những quân như thế đấy anh xem, chuyện trò thế đấy. Có thể nào tôi nói và anh như thế, chả có gì phải giấu giếm cả; ở nhà đủ mọi thứ người.

- Bác hãy nói thật: bác có lần nào ăn cắp không?

- Thì đó, tôi sẽ nói thẳng với anh: ăn cắp thì không, chưa có lần nào, anh hiểu không. Một khi đã là sự thực, thì chả việc gì mà phải nói trái lại. Anh xem, chuyện trò thế đấy.

Xilanti nhìn tôi có vẻ ngượng ngùng. Hình như bác ta nghĩ rằng một câu trả lời khác có lẽ khiến tôi thích hơn chẳng.

Bác ta ở lại trại làm việc. Chúng tôi thử để bác làm người phụ tá cho Sêrê, trong việc chăn nuôi, nhưng kết quả chẳng ra sao cả. Xilanti không chịu công nhận một giới hạn nào hết cho sự hoạt động của con người: vì lý do gì bác lại chỉ được phép làm việc này thôi, mà không được làm việc khác? Vì thế nên ở trại bác ta làm bất cứ việc gì mà bác cho là nên làm và vào lúc nào bác cho là đáng làm. Bác ta nhìn mọi cấp trên với một nụ cười và các mệnh lệnh thoáng qua tai bác cũng chẳng khác gì một bài diễn văn bằng tiếng nước ngoài. Trong một ngày, bác ta có thì giờ chăm nom săn sóc các việc ở chuồng ngựa, ở ngoài đồng ở chuồng lợn, ở trong sân, ở lò rèn; dự các hội nghị của hội đồng sư phạm và hội đồng đội trưởng. Bác ta có cái tài vô song phát hiện ra, nhờ một thứ giác quan thứ sáu, cái chỗ nguy hiểm nhất của trại và lập tức xuất hiện ngay tại chỗ đó với cương vị là người có trách nhiệm. Vì không công nhận những mệnh lệnh, nên lúc nào bác cũng sẵn sàng chịu trách nhiệm về công việc của bác, sẵn sàng chịu cho người ta la mắng và quở trách túi bụi về những lầm lẫn và thất bại của bác. Gặp trường hợp ấy, bác chỉ gãi gãi cái trán hói và dang hai tay ra:

- Cái này, anh ạ, quả là một chuyện lầm lỗi thật sự, như người ta nói. Anh xem, chuyện trò thế đấy.

Ngay từ hôm đầu, Xilanti Xêmiônôvich Ôlsênác đã được biết tường tận những kế hoạch của đoàn Kômxiônôn và không bỏ lỡ dịp nào không phát biểu ý kiến đông dài trong các hội nghị toàn thể và các phiên họp ban chấp hành của họ. Song cũng có khi bác bị xúc phạm: một lần bác đến buồng giấy tôi, cáu kỉnh thật sự. Khua ngón tay cái lên, bác tức giận:

- Thì đó, anh tưởng tượng xem, tôi phải đi tìm họ mới được...

- Ai chứ?

- Tụi Kômxiônôn ấy, trời ạ, thế mà họ không để cho tôi vào chứ: họp kín, như người ta nói, anh xem. Tha hồ cho tôi nói họ ra tuồng: trẻ ranh nhà các chú, lại muốn giữ bí mật với tôi, thì rồi các chú chết

vẫn cứ là trẻ ranh, tôi bảo họ thế. Kẻ nào sống đã là lừa chết cũng vẫn cứ là lừa, có thể thôi.

- Rồi sao nữa?

- Anh xem, chuyện trò thế đấy: có lẽ chúng không hiểu chẳng, hay là chúng say rượu, như người ta nói! Nhưng mà không phải. Tôi, thì tôi giảng cho họ nghe: các chú cần gì phải giấu giếm tôi? Giả thử là Luka, hay lão Xôfrôn hay lão Mutxi, ừ thì đồng ý. Nhưng tôi kia mà, chú đã không nhận ra tôi, nếu không muốn để cho tôi vào, hay là chú điên rồi đấy? Anh xem, chuyện trò thế đấy: chúng không buồn nghe tôi nói nữa chúng cứ cười: thật là những nhãi ranh, như người ta nói. Chuyện là chuyện đứng đắn – ấy thế mà chúng chỉ có biết chế giễu, có thể thôi.

Xilanti cũng tham gia cùng với đoàn Kômxiôn vào những hoạt động của nhà trường.

Sự can thiệp thường xuyên của đoàn Kômxiôn đã thúc đẩy cho nhà trường tiến lên. Từ trước cho đến bây giờ nhà trường sống vất vưởng một cách khá thảm hại, không làm thế nào thắng nổi sự ghét học tập của nhiều trại viên.

Và sự đó cũng dễ hiểu. Những ngày đầu tiên ở trại Gorki đối với các trẻ nuôi là những ngày nghỉ ngơi sau những thử thách nặng nề của cuộc đời trẻ con vô thừa nhận. Thần kinh của chúng cũng cất lên, trong khi chúng không mơ tưởng sự gì tốt đẹp hơn là nghề thợ giày hay thợ mộc.

Cuộc diễu hành tráng lệ của trại với điệu kèn đặc trưng trên bờ sông Kôlômak đã nâng cao rất nhiều lòng tự hào của các trại viên đối với bản thân. Sau đó chúng tôi hầu như đã không phải tốn công mà làm sáng chói được lên trước mặt họ mấy chữ đẹp đẽ và cảm động này:

RABPAK,

khiến những hoài bão nhỏ mọn của ngày hôm qua bị lu mờ hẳn đi.

Vào hồi đó cái danh từ “rabfak”^[98] không bao hàm cùng một ý nghĩa như bây giờ. Ngày nay đó chỉ là danh từ chỉ một trường học thường thôi. Còn hồi bấy giờ đối với thanh niên công nhân thì đó là ngọn cờ giải phóng họ khỏi tối tăm và dốt nát, là một xác nhận vô cùng rực rỡ những quyền lợi, từ trước đến giờ không được biết tới, của con người được học để hiểu biết, và thực tình, đọc cái danh từ ấy lên, chúng tôi đều cảm thấy lòng như bồi hồi xúc động.

Tất cả những điều đó là vấn đề thực tiễn đối với chúng tôi: mùa thu năm 1923 hầu hết các trại viên đều mong muốn được vào trường trung học công nông. Ý nguyện ấy vô hình trung đã dần dà thâm nhập vào lòng chúng tôi từ cái hồi mà các nữ giáo viên của trại, năm 1921, đã thúc đẩy cái cô Rafa không may nọ đi theo hướng đó. Có nhiều thanh niên công nhân các xưởng xe lửa, học viên của các trường trung học công nông đến thăm chúng tôi. Các trại viên lắng nghe một cách thêm thuồng họ kể chuyện những bước đầu gian khổ phấn đấu của các trường trung học ấy, và tâm trạng đó khiến họ càng dễ thấm những lời chúng tôi cổ động. Chúng tôi không mệt mỏi động viên họ học tập ở trường, tiếp thu những trí thức, và bảo họ rằng trường trung học công nông là con đường đẹp đẽ nhất mà mỗi người nên chọn lấy. Song trước mắt họ lại sừng sững dựng lên một kỳ thi vào khó vô cùng, mà theo lời những người đã trải qua, chỉ có những thiên tài đặc biệt mới có thể vượt được mà thôi. Chúng tôi khó khăn lắm mới thuyết phục được họ rằng, nhà trường của trại có đủ khả năng chuẩn bị cho họ ứng phó với kỳ thi ghê gớm ấy. Thực ra, có nhiều trại viên đã sẵn sàng rồi, nhưng bị một nỗi lo sợ vô lý làm tê liệt, họ quyết định ở lại trại thêm một năm nữa để đi thi được chắc hơn. Đó là trường hợp của Burun, Karabanôp, Vecsonép và Zădôrôp. Burun khiến chúng tôi ngạc nhiên đặc biệt vì cái nhiệt tình học tập của hắn. Hắn ít khi cần đến người khác khuyến khích. Với một sự ngoan cường trầm lặng, hắn không những khắc phục được cái hiểm hóc của số học và ngữ pháp, mà còn khắc phục được những khả năng của bản thân, tương đối hạn chế. Hắn phải hết sức căng thẳng trí não, phòng má lên, thở hồng hộc, toát mồ hôi,

mới giải quyết xong một trở ngại vụn vặt nhất, quy tắc ngữ pháp hay con tính số học, song không bao giờ hấn phát cáu hay ngờ vực sự thành công. Vả chăng, hấn có một ảo tưởng đặc biệt có lợi: hấn tin sâu sắc rằng học vẫn vốn dĩ là một chuyện ghê gớm lắm, làm vỡ óc con người, cho nên trừ phi nỗ lực phi thường thì không còn cách gì khác có thể với tới được. Hấn có cái tài kỳ lạ không thèm để ý thấy rằng cũng là những chuyện bí hiểm ấy mà người khác hiểu dễ như chơi, còn hấn thì tốn bao công phu hì hục khổ sở, rằng Zăđôrôp chẳng phí thêm vào việc học một phút nào ngoài thì giờ nhà trường quy định, rằng Karabanôp ngay ở lớp học cũng có khi mơ màng chuyện khác, óc mãi nghĩ đến một chuyện vặt nào đó ở trại, chứ không phải đến bài toán hay bài làm. Rồi sau cùng đến cái lúc Burun đứng đầu các bạn, cái lúc mà những tia sáng trí thức nhỏ nhoi mà họ đã thu lượm được dễ dàng hết sức bỗng có vẻ là qua ư ít ỏi so với vốn hiểu biết chắc nịch của Burun. Marutxia Leptsenkô trái ngược hấn với hấn. Cô ta đến trại với một tính khí không thể nào chịu được, hay điên giận và kêu ca, đa nghi và động một tí là khóc, làm cho chúng tôi rất mệt với cô. Với một sự vô lo điên dại và tính nóng nảy hết sức, cô ta có thể đập tan trong một phút những cái tốt đẹp nhất: tình bạn, sự thành công, một ngày tươi đẹp, một đêm trong sáng, những mơ mộng kỳ thú nhất và những hy vọng vô cùng rạng rỡ. Nhiều khi chúng tôi thấy hình như không còn có gì đáng làm hơn là lấy hàng thùng lớn nước lạnh mà giội không thương hại vào cái con người không hề chịu đựng nổi ấy, luôn luôn sôi lên sùng sục một cách vô lý và ngu xuẩn.

Những sự chống đối của tập thể, bèn bỉ chẳng dịu dàng tí nào, có khi trái lại còn khá tàn bạo nữa, dạy cho cô ta biết tự kìm giữ mình lại, nhưng rồi, cùng với một sự ngoan cố ốm yếu như thế, Marutxia lại đâm ra tự giày vò và tự hành hạ mình, có một trí nhớ rất tốt, cô ta có tài mẫn tiệp, lại thêm có một sắc đẹp không phải là thường: một màu hồng đậm tôn nước da rám nâu của cô ta, đôi mắt to đen láy lúc nào cũng sinh động những ánh lửa và ánh chớp, dưới một vùng trán trầm tĩnh, thuần khiết, thông minh, vừa bất ngờ vừa có vẻ áp đảo. Song Marutxia cứ nhất quyết cho mình là xấu, đích thị “lai tây đen”, và cũng tin rằng mình chẳng hiểu và sẽ chẳng bao giờ hiểu được cái gì hết cả. Cô ta lao mình vào từng bài tập đơn giản nhất với một sự hấn học điên dại đã lâu ngày dồn chứa lại:

- Chả cần, không ăn thua gì đâu! Họ cứ muốn bắt tôi học! Thì các thầy cứ chăm lo cho những cậu Burun của các thầy ấy. Tôi sẽ đi làm con ở. Tôi đã không làm nổi được trò trống gì thì tại sao lại cứ hành tôi chứ?

Natalia Mackôpna Ôtxipôva là người nhiều tình cảm có đôi mắt và tính khí cũng rất mực dịu hiền như thiên thần, cứ mỗi lần chị phải bắt Marutxia học là y như chị phát khóc thật sự.

- Tôi yêu nó, tôi muốn dạy nó, nhưng nó đuổi tôi cút, bảo rằng tôi cứ đeo đuổi nó như bệnh chốc đầu. Tôi biết làm thế nào được?

Tôi chuyển Marutxia sang nhóm của Êkatêrina Grigônepna, lòng rất áy náy về những hậu quả của biện pháp ấy. Êkatêrina Grigônepna đối với mọi người có những đòi hỏi đơn giản và thẳng thắn.

Ba ngày sau hôm bắt đầu khai giảng. Êkênna Grigônepna dẫn Marutxia vào phòng giấy tôi, đóng cửa lại, đặt cô học trò đang tức tối run người ngồi vào chiếc ghế dựa, và bảo tôi:

- Này bác Antôn Xêmiônôvich! Marutxia đây. Thầy quyết định ngay lập tức nên cho cô ta làm gì. Ở nhà máy xay gió đúng lúc này đang cần đến một cô gái làm công. Marutxia nghĩ rằng cô ta chỉ có khả năng làm được công việc đó thôi. Cho cô ta vào nhà máy xay gió, bác đồng ý không? Nhưng còn một giải pháp khác: tôi bảo đảm rằng đến mùa thu tới tôi sẽ chuẩn bị xong cho cô ta vào trường trung học công nông; cô ta có khả năng lớn.

- Trường trung học, tất nhiên, tôi đáp.

Marutxia, ngồi trên ghế, nhìn bằng con mắt hờn ghét gương mặt điềm tĩnh của cô giáo.

- Nhưng tôi không thể cho phép cô ta chửi tôi trong giờ học. Tôi đây, tôi cũng là một người lao

động, và người ta không được phép đối xử với tôi như thế. Nếu cô ta còn bảo tôi “cút đi” một lần nữa hay gọi tôi là đồ ngu xuẩn, thì tôi sẽ không trông nom đến cô ấy nữa.

Tôi hiểu cái sách lược của Êkatêrina Grigônepna: song người ta đã thử hết mọi cách với Marutxia rồi và bây giờ chả còn mong đợi được những tia sáng gì hết nữa ở thiên tài sư phạm của tôi. Tôi nhìn Marutxia về mặt mỗi chán ngán và nói không một chút giả dối:

- Chả làm thế nào được cả. Rồi cút đi, rồi đồ ngớ ngẩn, rồi đồ ngu xuẩn, cô ta sẽ tặng cho chị tuốt cả và còn những thứ khác nữa. Marutxia không biết kính trọng mọi người; đó là một tính xấu không chóng qua được đâu...

- Tôi kính trọng mọi người, Marutxia ngắt lời tôi.

- Không, cô chẳng coi ai ra gì cả. Nhưng làm thế nào được? Đó là một trẻ nuôi của chúng ta. Chị Êkatêrina Grigônepna ạ, tôi nghĩ như thế này nhé: chị là một người lớn, thông minh, từng trải, còn Marutxia chỉ là một đứa con gái nhỏ xấu tính xấu nết. Chúng ta tức giận vì những chuyện đại dột của nó làm gì? Nó sẽ được phép bảo chị là đồ ngu xuẩn và cả đồ dơ dáy nữa – thực đấy, có khi nó nói thế thì chị cũng đừng có giận. Rồi sẽ qua thôi. Đồng ý không?

Êkatêrina tươi cười, nhìn Marutxia và chỉ nói:

- Được rồi, đúng đấy. Đồng ý.

Đôi mắt đen của Marutxia quắc lên nhìn tôi, long lanh những giọt lệ tức giận, rồi bỗng cô ta lấy khăn trùm đầu phủ lên mặt và vừa khóc nức lên vừa chạy trốn.

Một tuần lễ sau, tôi hỏi Êkatêrina Grigônepna:

- Thế nào, Marutxia ra sao?

- Được đấy. Cô ta không mở miệng, và tức bực lắm.

Nhưng hôm sau, đêm đã khuya, Xilanti đến phòng tôi với Marutxia và bảo:

- Tôi dẫn cô ta lại đây gần như là cưỡng bách, như người ta nói đấy. Marutxia, anh xem, giận anh lắm đấy, anh Antôn Xêmiônôvich ạ, thì đó, anh nói với cô ta một tí đi.

Bác ta kín đáo lẩn mặt. Marutxia cúi đầu.

- Tôi chả có gì nói cả? Người ta đã cho tôi là một con điên, thì thôi, tùy.

- Cô giận tôi cái gì?

- Bác đừng tưởng tôi là con gàn dở.

- Tôi chả bao giờ tưởng thế.

- Thế tại sao bác lại nói như vậy với cô Êkatêrina Grigônepna?

- À, đó là lỗi lầm thôi. Tôi cứ nghĩ rằng cô sắp sửa tặng cho cô ta đủ mọi câu chửi rửa có thể nghĩ ra được.

Marutxia bắt đầu mỉm cười:

- Nhưng mà, tôi, tôi có chửi đâu.

- Không chửi thật à? Vậy thì đó là một sự lầm thôi.

Ấy thế mà tôi cứ tưởng là có đấy.

Gương mặt của Marutxia rạng lên một ánh tươi vui, thận trọng và dịu bớt đi vì cảnh giác:

- Đây các bác vẫn cứ thế thôi: các bác cứ chụp mũ người ta...

Xilanti tiến ra, tay cầm cái mũ bonnê vung vẩy lên:

- Này, cô kiểm chuyện gì với bác ta thế? Các cô các chú là cả hàng đồng người, như người ta nói, còn bác ta chỉ có mỗi một mình. Thế mà, thì đó, khi bác ta trót lầm, chỉ có mỗi một lần tí tẹo, thì cô đừng có giận bác mới phải chứ.

Marutxia nhanh nhẹn và vui vẻ nhìn thẳng bác rồi nói với một giọng sang sảng:

- Bác Xilanti ạ, bác thì tuy già thật đấy, nhưng bác cũng cứ ngốc như bò^[99] ấy.

Và cô ta ù té chạy. Xilanti dang cánh tay cầm mũ và nói:

- Thì đó, anh xem, chuyện trò thế đấy.

Rồi bỗng bác lấy mũ bon-nê đập vào đầu gối mà phá ra cười:

Kể là chuyện, thì đây quả là một chuyện, a ha, cái con ranh!

3. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG

Ở ngôi nhà đỏ, các cửa sổ chưa kịp lắp, thì mùa đông chợt đã đến. Song mùa đông năm nay đáng yêu hiền lành trong cái áo bằng tuyết mịn như nhung, không có những trận băng tan độc địa, cũng không lạnh thái quá. Kutlaty đã phân phát quần áo mặc rét trong ba hôm. Hắn cho các trại viên làm mã phu và trông coi chuồng lợn đi giày ủng bằng nỉ, còn các trại viên khác đi giày cao cổ, tuy không đặc biệt mới mẻ và lịch sự lắm, nhưng được cái có nhiều ưu điểm khác: da tốt, đường khâu vá chắc, rộng rãi thênh thang, vì chân đi hai đôi bít-tết Nga lồng vào vẫn cứ dễ dàng. Chúng tôi không được biết áo choàng là gì, nhưng thay vào đấy chúng tôi đã có một thứ varơ nửa là gilê nửa là áo vét, chăn bông, tay cũng lót bông, di sản của trận chiến tranh đế quốc, mà những quân lính của Nicôla gọi là áo “ku-phai-ka”. Trên một vài cái đầu cũng xuất hiện những mũ bonnê gọi nhớ đến bộ quan nhu của sa hoàng, nhưng phần đông trại viên chỉ có mũ cát-két vải bông thay cho mũ mùa rét. Chúng tôi chưa có đủ khả năng cho các trại viên được mặc ấm hơn. Chúng vẫn cứ mặc những quần và áo sơ mi vải bông nhẹ như trong mùa hè. Cho nên, về mùa rét, có thể thấy chúng vẫn cứ động nhẹ nhàng hết sức, đến ngay trong những ngày đại hạn chúng cũng cứ đi băng băng từ chỗ nọ sang chỗ kia, nhanh như sao đổi ngôi.

Những buổi tối mùa đông ở trại rất thú vị. Mọi công tác đến năm giờ đã xong, còn ba tiếng đồng hồ nữa mới đến bữa ăn tối. Các ngọn đèn dầu hỏa được thắp lên đây đó, song không phải những ngọn đèn ấy thật sự tạo nên ở đây cái không khí nhộn nhịp và sự tiện nghi thoải mái. Trong các phòng ngủ và các lớp học, những lò sưởi bắt đầu nóng lên: chung quanh mỗi lò sưởi, củi và trại viên đã xếp làm hai vòng, cả hai đều không phải vì hơi nóng mà là vì những câu chuyện thân mật trước khi đi ngủ nhiều hơn. Được đôi bàn tay nhanh nhẹn của một đứa trẻ bỏ củi vào lò, những cây củi nổ lẹt đẹt bắt đầu kể chuyện thân thể mình: chuyện rồi ren, đầy những biến thiên hấp dẫn mê hồn, đầy những tiếng cười, tiếng sủng, những cuộc rượt đuổi, với dừng khí tuổi xanh và những đặc thắng lấy lòng. Chuyện rườm rà, khiến các trẻ nhỏ khó lần ra manh mối, vì các tay kể chuyện cứ ngắt lời nhau, và kẻ nào cũng có việc vội phải đi nơi khác, song ý nghĩa của chuyện thì dễ hiểu và khắc sâu vào tâm trí: sống là vui thú. Mãi đến khi nào tiếng củi nổ chỉ còn thoi thóp, và các tay kể chuyện, thiu thiu dần trong sự nghỉ ngơi hùng hực đó, chỉ còn mơ hồ thì thảo với giọng mệt mỏi, thì mới đến lượt các trại viên lên tiếng.

Ở một trong các nhóm đó, là Vetkôpxki. Đó là một tay kể chuyện lão luyện của trại, và bao giờ hắn cũng có đông thính giả.

- Ở trên đồi này có khối cái đẹp. Chúng mình không đi đâu khỏi nơi này cho nên không trông thấy gì hết, nhưng mà có những thằng bé chẳng sót một tí gì là không biết. Mới đây tớ có gặp một thằng. Nó đã đến tận bể Caxpiênơ, và đi khắp xứ Côcadơ. Ở đấy có một hẻm núi, và một hòn đá chênh vênh gọi là hòn “Lạy-Chúa-cho-quả”. Vì không còn đường nào khác, các cậu hiểu không, cho nên đường đi độc nhất phải qua dưới dưới hòn đá ấy. Có người đi qua được, có người không: đá ở trên đỉnh cứ rơi xuống luôn. Phúc cho cậu nếu không bị một tảng vào sọ, còn kẻ nào đã bị rơi trúng thì cứ là lăn thẳng xuống khe và chả còn ai tìm thấy hắn ta đâu nữa.

Zadôrôp, đứng bên cạnh, chăm chú nghe và cũng chăm chú nhìn đôi mắt xanh của Vetkôpxki.

- Còn cậu, Kôxchia này, giả cậu cũng thử đi đến đấy một tí, xem “Chúa” có cho cậu qua không?

Mấy cái đầu của bọn trẻ, được ánh lửa đỏ rực trong lò chiếu sáng, quay cả về phía Zadôrôp.

Vetkôpxki thở dài, vẻ không bằng lòng:

- Cậu không hiểu chuyện như thế nào đâu, Sura ạ.

Cái gì cũng được thấy, thú lắm chứ. Cái thằng bé ấy đã đi đến nơi đó...

Miệng Zadôrôp lại ngoác ra cười như thường lệ, nụ cười châm biếm khiến ai cũng phải mê, và hắn

bảo Xôchia:

- Đây này, tớ thì tớ sẽ bảo cái thằng nhãi ấy nói chuyện khác cho tớ nghe cơ... Này các chú, đóng ống lò lại được rồi đây.

- Cậu sẽ hỏi nó cái gì nào? Vetkôpxki nói, về suy nghĩ.

Zadôrôp nhìn một chú bé nhanh nhẹn đã đứng lên và đang đẩy những nắp lò kêu xoang xoảng.

Tớ sẽ bảo nó đọc bảng tính nhân cho tớ nghe. Đúng thế, đó là một thằng lưu đãng, đi khắp đó đây, sống nhờ người khác và lớn lên chẳng học hành gì hết; tớ đánh cuộc rằng nó không biết đọc. “Lạy-Chúa-cho-qua” à? Những của ngu ngốc ấy thực đáng đem mà cộp cho vỡ sọ. Hòn đá cậu nói chuyện đó dựng lên cốt là để dành cho chúng nó đấy!

Bọn trẻ cười, và có đưa khuyên câu này:

- Không, Xôchia ạ, cậu cứ ngồi đây với chúng mình. Cậu có phải là một của ngu ngốc đâu kia chứ?

Bên một lò sưởi khác, ngồi dạng hai đầu gối, đầu hói bóng, Xilanti đã bắt đầu kể một câu chuyện dài:

- ... Chúng tôi nghĩ rằng chuyện gì cứ kết hậu tốt thì là tốt, như người ta nói. Còn nó, cái thằng chó ấy, nó vừa khóc vừa hôn tất cả mọi người, cái thằng đều, nhưng một khi trở về đến phòng giấy của nó thì nó giở mặt tác quái ngay. Nó đã cho một thằng tay sai của nó đi ra tỉnh. Chú xem, chuyện trò thế đấy. Rồi đến sáng bừng tung thì người ta thấy gì: hiến binh cưỡi ngựa ở đâu lù lù đến. Và mọi người bảo rằng họ đến là để đem chúng tôi ra đánh. Nhưng, tôi với anh tôi, chúng tôi chả thích người ta lột đít mình phơi ra ngoài trời, như người ta nói, có thể thôi. Với lại, tôi nghĩ cũng thương hại người con gái, chú xem, chuyện trò thế đấy? Thì đó, tôi mới nghĩ như thế này, chắc là chúng nó không động đến cô gái đâu...

Sau lưng Xilanti, đôi ủng bằng nỉ của Kalina Ivanôvich nằm dài trên mặt sàn, và ở phía trên thì là cái tàu thuốc khói nghi ngút. Khói bay ngoặt xuống lò sưởi một cách đột ngột, rẽ ra làm hai lần quay tít bên tai một chú nhỏ đầu tròn, rồi chui tọt ngay vào cái ống hút hơi nóng hơi của lò. Kalina Ivanôvich nháy mắt ra hiệu với tôi một cái và ngắt lời Xilanti:

- Hề-hề-hề! Hãy nói thật đi, anh Xilanti ạ, những quân ăn hại ấy, chúng nó có vuốt ve cái chỗ hai cẳng chân anh bắt đầu không đấy hả?

Xilanti ngửa đầu ra đằng sau cười đến suýt ngã lăn ra:

- Thì đó, có, chúng nó vuốt ve đít tôi, như người ta nói đấy. Bác thật không làm, Kalina Ivanôvich ạ... Mà tất cả chuyện đó, là vì cô con gái nọ, mẹ nó thế!

Chung quanh các lò sưởi khác, trong lớp học và các căn buồng, những câu chuyện cứ tuôn đều thành những dòng suối chảy róc rách. Vecsonep và Karabanôp hẳn là chơi buổi tối ở phòng Liđa, chị ta mời hai cậu uống nước trà và ăn mứt. Nước trà cũng không làm cho Vecsonep khỏi giận dỗi với Xêmiôn:

Cứ n-n-nói láo toét từ s-s-sáng đến tối, kể thì cũng ha-ha-hay lắm đấy, nhưng d-d-dù sao đ-đôi khi cũng phải n-n-nghĩ ngợi chứ...

- Ô, thế mà có chuyện gì mà nghĩ nào? Mà có một cô vợ, một đàn bò, thóc trong vừa đầy ắp phải không? Mà tìm ra được cái gì mà nghĩ chứ? Thì mà cứ việc sống đi nào, thế là đủ chán!

- Phải nghĩ đến cuộc đời, đồ q-q-quái vật ạ!

- Thế thì, Kôlia ạ, mà ngu thậm là ngu! Mà cho muốn nghĩ ngợi thì phải ngồi vào một cái ghế bành, giương to mắt lên, và tách một cái... thế là người ta nghĩ đấy. Nhưng người nào đã có đầu óc, thì tư tưởng nó cứ tự nhiên đến. Còn những hạng như mà, thì cứ phải nuốt một liều thuốc gì đó, nó mới

làm cho mày nghĩ ngợi được kia...

- Thôi, sao chú lại cứ nói ác với cậu ta thế, chị Lida bé nhỏ can. Khi người ta nghĩ ngợi, thì thế nào cũng nghĩ ra được một cái gì khác chứ.

- Ra cái gì? Thằng Kôlia mà lại có nghĩ ra được cái gì ư? Không đời nào nhé! Kôlia, cô có biết nó là thế nào không? Một đức chúa Giêxu con đây. Nó đánh “tìm chân lý” đấy. Cô đã thấy một thằng ngốc như thế bao giờ chưa? Nó cần phải có chân lý! Để đánh bóng giày ủng của nó.

Xêmiôn và Kôlia ở phòng Lida đi ra, thân thiết với nhau như cũ, nhưng Xêmiôn rống lên một bài hát, đến làm tỉnh dậy tất cả những tiếng vang ở trại, còn Vecsonep thì lúc này âu yếm ôm ngang lưng hắn, đang thuyết phục hắn như sau:

- M-một khi đã có C-c-cách mạng rồi, thì, cậu có hiểu không thì c-cái gì cũng phải trơn tru ổn thỏa hết. Căn phòng nhỏ của tôi cũng có khách quen đến luôn. Bây giờ tôi ở với mẹ tôi, một bà già hiền lành bé nhỏ đã nhiều tuổi lắm, mà những năm cuối cùng trôi êm ả trong sương mù của một hoàng hôn yên tĩnh và thanh thản. Tất cả các trại viên đều gọi mẹ tôi bằng bà. Lúc này Sura Jêvêli đang ở trong phòng mẹ: nó là em của Michia Jêvêli, chẳng lớn hơn nó là bao, và nó có một cái mũi nhọn ghê gớm. Nó sống ở trại đã lâu rồi, nhưng không lớn lên, mà chỉ có đâm ra những đầu nhọn tứ phía; mũi nhọn, tai nhọn, cằm nhọn, và cái mắt nhìn cũng thế.

Sura lúc nào cũng làm những nghề nhỏ vặt linh tinh ngoại lệ. Ở một xó hẻo lánh nào đó trong vườn, nó đã quây một khoảng đất bằng ván gỗ cho một đôi thỏ sống ở đây, và dưới tầng *hầm buông nổi hơi*, nó đã nuôi một con quạ non. Trong các buổi họp toàn thể, anh em Kôm-xô-môn có khi chỉ trích nó làm tất cả những việc ấy với mục đích đầu cơ, và thấy rằng nói chung chúng có tính chất tư doanh. Nhưng Sura kịch liệt tự biện hộ và đòi hỏi bằng một giọng hơi thô lỗ:

- Nào, thế thì cậu đưa bằng chứng ra, tớ đã bán cái gì cho ai? Cậu đã trông thấy tớ làm việc đó à?
- Thế tiền của mày, ở đâu mà ra?
- Tiền nào?
- Tiền mày mua kẹo hôm qua ấy.
- Vậy mà là tiền à! Bà cho người ta mười cô-pec lại!

Đối với bà, thì chả ai nói năng gì được hết, trong các phiên họp toàn thể. Lúc nào bà cũng có vài thằng nhãi quần lầy váy bà. Đôi khi chúng cũng được bà nhờ những việc vặt sang làng Gôn-ta-rô-pka, nhưng chúng thu xếp làm thế nào cho tôi không trông thấy. Và khi nào biết gần như chắc chắn rằng tôi bận việc không về được sớm thì thường thấy vài ba đứa ngồi ở bàn nhà bà, đang uống nước trà hay thanh toán một món chè quả^[100] nào đó, mà bà đã làm cho tôi nhưng tôi không có thì giờ ăn. Với trí nhớ kém cỏi của bà già, bà cũng đã biết được hết tên những bạn nhỏ của bà, nhưng bà phân biệt được Sura với những đứa khác, vì nó ở trại đã lâu, và cũng vì nó là đứa cứng cỏi nhất và ăn nói hoạt bát hơn hết cả.

Hôm nay Sura đến nhà bà vì những lý do đặc biệt và quan trọng lắm.

- Chào bà ạ!

- Chào cháu, Sura. Sao đã lâu lắm không thấy cháu đến chơi thế? Dễ thường cháu mệt chẳng?

Sura ngồi vào một chiếc ghế đầu và đập đập cái vành chiếc mũ cát-két trước kia màu trắng vào đầu gối quần vá vải mới. Trên đầu nó lờm chớm một mớ tóc trắng trắng và cứng như lông bàn chải, đang đợi chiếc tông-đơ. Nghếch mũi lên trời, nó ngắm cái trần nhà thấp.

- Không, cháu không bị đau, mà là con thỏ của cháu ốm đấy.

Bà ngồi trên giường, đang lục lọi trong kho tàng của bà: một cái tráp nhỏ đựng giẻ rách, những sợi chỉ, những cuộn len và nhiều thứ dự trữ khác của các bà cụ.

Con thỏ của cháu ốm à? Tội nghiệp! Thế cháu làm gì cho nó?.

Chả làm gì được cả, Sura nghiêm chỉnh đáp, nháy nháy mắt bên phải, dấu hiệu của một sự bối rối khó lòng cầm nổi.

- Không chữa chạy cho nó được à? Bà vừa hỏi vừa nhìn Sura.

- Cháu chả có gì mà chữa nó nói nhỏ nhỏ.

Có cần đến một thứ thuốc gì không?

Nếu cháu mà kiếm được một ít kê... chỉ một nửa cốc thôi là đủ.

- Cháu có muốn uống trà không Sura? bà hỏi. Đây, bình trà kia kia, trên bếp ấy, còn cốc đây này. Rót cho bà uống với.

Sura đặt mũ cát-két lên ghế đầu cẩn thận và loay hoay vụng về quanh cái bếp quá cao. Trong khi ấy thì bà cố kiễng chân với lên một tấm ván, lấy một cái túi nhỏ màu hồng, trong đó bà để dành kê.

Đám vui nhất và âm ỉ nhất tụ họp ở cái xưởng trống nhỏ dùng làm xưởng đóng xe cho bác Kôdia, bác ta cũng ngủ ở đây. Trong một góc, một cái lò sưởi thấp nhỏ chính tay bác đã làm lấy, ở trên đặt một siêu nước trà. Trong một góc khác, một chiếc giường gấp, chăn vải màu sắc sỡ. Kôdia ngồi trên giường, còn khách đến chơi ngồi trên các súc gỗ, các dụng cụ làm việc, các đồng vành bánh xe chồng chất. Tất cả bọn họ đều ra sức tẩy nạo khỏi tâm hồn Kôdia những dự trữ nha phiến tôn giáo mà bác ta đã tích lũy ở đây để dùng cho đến hết đời bác.

Kôdia nhếch miệng cười buồn bã:

- Như thế không tốt đâu, các chú ạ. Chúa trời từ bi tha thứ cho các chú. Các chú hãy coi chừng đừng có làm làm đức Chúa nổi lôi đình.

Nhưng đức Chúa chưa kịp nổi lôi đình, thì cơn lôi đình của Kalina Ivanôvich đã bùng nổ ra. Từ trong bóng tối lờ mờ của khung cửa, bác ta vụt hiện ra ánh sáng, tay cầm cái tẩu thuốc hoa lên:

- Các chú làm cái gì mà cứ trêu ông già thế? Còn chú này hãy nói tôi nghe thử, chú có việc gì với ông Giêxu Crixitô hử? Nếu tôi mà tóm cổ chú, và quăng chủ ra ngoài kia một lần cẩn thận, thì chú sẽ cầu nguyện không phải chỉ có ông Crixitô mà còn cầu cả ông thánh lớn Nicôla cho mà xem! Chính quyền xô-viết đã giải phóng các chú khỏi các chuyện đó, thì được rồi! Các chú hãy lặng lẽ mà vui mừng, chứ đừng có đến đây mà nhạo báng những người cũ.

- Chúa ban phúc cho bác, bác Kalina Ivanôvich ơi, vì bác đã bệnh vực một ông già...

- Nếu có chuyện gì, bác cứ việc đến mách tôi. Không có tôi, thì bác không trị nổi cái tụi ăn mày ấy đâu, và bác đừng có quá trông cậy ở các đức Chúa từ bi của bác.

Làm ra bộ sợ hãi Kalina Ivanôvich, tụi trẻ vội vã chuồn khỏi xưởng trống để giải tán vào rất nhiều ngõ ngách nhỏ khác của trại. Trại không còn những phòng ngủ lớn kiểu trại lính nữa và các trẻ nuôi ngủ từ sáu đến tám người trong các căn buồng nhỏ. Ở đây các đội của họ có được một sự đoàn kết nội bộ vững chắc hơn; nhưng nét đặc biệt của mỗi tổ cũng vì vậy mà nổi bật rõ hơn, và làm việc với họ cũng trở nên thích thú hơn. Theo yêu cầu khẩn thiết của Gêorghiepxki, đội mười một – đội trẻ nhỏ – được thành lập. Nó vẫn ân cần chăm nom chúng không biết mệt mỏi như cũ: săn sóc chúng, tắm rửa chúng, chơi với chúng và mắng mỏ chúng, nuông chiều chúng, như một bà mẹ, làm cho các trại viên tâm hồn cứng rắn cũng đều phải cảm phục cái nghị lực và tính nhẫn nại của nó. Chỉ có sự hoạt động kinh dị ấy mới có thể làm giảm bớt chút ít cái ấn tượng nặng nề gây nên do sợ mọi người đều tin rằng

Gêorghiepxki là con ông tông trần lêckutxk.

Trại nhận những giáo viên mới. Tôi kiên nhẫn tìm những người có bản lĩnh tốt và may mắn câu được vài người trong cái đội ngũ khá kỳ cục của biên chế ngành giáo dục. Ở vườn rau của trụ sở công đoàn giáo viên, ở ngoại vi thành phố, tôi phát hiện được một trong những người tôi đang cần đến: đó là bác gác vườn Paven Ivanôvich Juôcbin, một người có học, tốt, tư thế đĩnh đạc, chân chính khắc kỷ và tao nhã lịch sự. Tôi ưa bác ta vì cái đức tính chủ yếu của bác: bác là một người ham mê thưởng thức tâm hồn người, nói theo nghĩa thuần túy của chữ đó; bác biết nói với cái giọng say sưa của một người sưu tập về những nét đặc thù phân biệt những tính cách người, về những sắc thái tinh vi của cá tính, về những cái đẹp của tinh thần anh dũng và những cái bí ẩn tối tăm của lòng người ti tiện. Bác suy nghĩ rất nhiều về các điều đó và kiên nhẫn quan sát trong quần chúng mong tìm ra được những dấu hiệu của một vài quy luật chung mới mẻ. Tôi thấy rất rõ ràng cái thú ham mê đó thế nào cũng đưa bác ta đi lạc đường, nhưng sự trong sạch và sự chân thực của bản chất bác ta hấp dẫn tôi, và khiến tôi tha thứ cho những ngu vai thượng úy của bác ở trung đoàn bộ binh 35 ở Brianxk. Vả chăng bác cũng đã rút bỏ những ngu vai ấy trước những ngày tháng Mười; và vì cái tiểu sử của bác đã không bị một chiến công Bạch vệ nào làm nhơ bẩn, cho nên bác đã được nhận cấp bậc đại đội trưởng trong đội ngũ hậu bị của Hồng quân.

Người thứ hai mà tôi may mắn được là Zinôvi Ivanôvich Butzai. Anh ta hai mươi bảy tuổi, nhưng vừa tốt nghiệp trường Mỹ thuật xong, và được giới thiệu đến trại với danh vị ấy. Chúng tôi cần một nghệ sĩ cho nhà trường, cho ban kịch và cho mọi mặt hoạt động của đoàn Kômxiôn.

Zinôvi Ivanôvich Butzai khiến chúng tôi kinh ngạc vì cả một loạt đức tính đặc biệt đến cực độ. Anh ta gầy phi thường, đen phi thường, và nói với một giọng trầm phi thường khiến cho khó nói chuyện với anh ta: có thể nói là anh ta chỉ phát ra những siêu âm. Butzai khác người bởi một tính bình tĩnh và thần nhiên vô cùng kỳ dị. Anh ta đến trại vào cuối tháng một và chúng tôi nóng lòng chờ đợi những công trình nghệ thuật mà anh sẽ đem tới điểm cho đời sống của trại. Nhưng trong khi chưa một lần nào sử dụng bút chì vẽ của anh, anh đã làm cho chúng tôi sững sờ vì một khía cạnh khác của bản chất nghệ sĩ của anh.

Ít ngày sau khi anh ta đến trại, các trại viên mách tôi rằng sáng nào anh ta cũng cời trần trụi trực ở buồng anh đi ra, một chiếc áo choàng vắt vai, để ra sông Kôlômak tắm. Đến cuối tháng một, sông đã đóng băng và không bao lâu đã trở thành sân trượt tuyết của trại. Nhờ có bố Ôtsênăc giúp đỡ, Zinôvi Ivanôvich đào trong lòng sông những hố dùng riêng để tắm và cứ thế mỗi sáng tiếp tục những cuộc tập dượt ghê rợn của anh ta. Ít lâu sau anh ta phải nằm liệt giường hai tuần lễ vì bệnh sưng màng phổi. Khỏi bệnh một cái, anh ta lại ghim mình xuống những cái thùng tắm giá lạnh ấy. Đến tháng chạp anh bị bệnh viêm cuống phổi, kèm thêm vài biến chứng gì đó nữa. Butzai vắng mặt các buổi lên lớp và làm rối loạn lịch học tập của nhà trường. Sau cùng tôi không nhẫn nại được nữa và yêu cầu anh ta chấm dứt cái trò ngu đại ấy đi.

Zinôvi Ivanôvich trả lời tôi bằng một giọng khàn khàn:

- Tôi có quyền được tắm khi nào tôi thấy là cần. Luật lao động không cấm cái đó. Tôi cũng có quyền được ôm, vậy thì hành vi xử sự của tôi về phương diện công việc không có gì là đáng trách cả.
- Nhưng anh bạn Zinôvi Ivanôvich ạ, tôi đến nói chuyện với anh không phải là lấy danh nghĩa việc công. Tại sao anh lại tự hành hạ mình như thế? Anh làm cho tôi buồn, có thể thôi.
- Được rồi, nếu vậy thì tôi xin nói bác nghe: sức khỏe của tôi không được tốt. Cơ thể của tôi rất tồi.. Sống với một cái thân thể như vậy bức bối lắm, bác có hiểu không. Cho nên tôi mới quyết định hẳn một lần: cái khung xương này, hoặc là tôi luyện cho đến kỳ sống yên được với nó, hoặc là, thôi đây,

được, cho nó chết quách. Năm ngoái, tôi đã bị bốn trận sung màng phổi; năm nay, bây giờ ta đã sang tháng chạp thế mà tôi chỉ mới bị có một trận. Tôi cho rằng tôi sẽ không mắc quá hai trận đâu. Tôi chủ tâm đến trại này, để được có con sông ở liền bên cạnh.

Tôi cũng cho gọi Xilanti đến và kỳ kèo bác ta:

- Những trò đùa tai ác ấy là nghĩa thế nào? Anh ta đã mất trí khôn, thế mà bác, bác lại đi đào hồ trong băng đá cho anh ta!

Xilanti dang hai cánh tay, vẽ có lỗi:

- Thì đó, anh Antôn Xêmiônôvich ạ, anh đừng giận, không thể làm thế nào khác được, anh có hiểu không? Tôi đã có biết một người như thế đấy. Anh chàng đó, anh ạ, cứ muốn đi sang thế giới bên kia. Hắn ta đã quyết định trầm mình. Người ta vừa mới quay lưng đi một cái, hắn đã đâm ngay đầu xuống sông, cái thằng khỉ thế. Và tôi vớt hắn ở dưới sông lên, một lần, một lần khác nữa, tôi vớt và chết người, như người ta nói. Nhưng anh hãy tưởng tượng cái cổ tịt của hắn, thằng cha kỳ cục tai ác ấy: chẳng báo trước gì cả, hắn treo cổ hắn lên. Thì đó, riêng tôi, tôi lại không nghĩ tới điều đó. Anh xem, chuyện trò thế đấy. Còn anh chàng này, tôi để mặc kệ cho hắn làm, có thể thôi.

Zinôvi Ivanôvich tiếp tục tắm nước băng cho đến tháng năm. Các trại viên mới đầu cười giễu những kỳ vọng của anh chàng thích chết ấy, nhưng sau cùng đâm ra yêu mến anh, và kiên trì chăm nom săn sóc anh trong rất nhiều trận anh bị sung màng phổi, viêm cuống phổi và cảm lạnh thường.

Nhưng có những tuần lễ liền cơ thể của Zinôvi Ivanôvich được đem ra luyện dày dạn mà anh không bị sốt, khiến anh biểu hiện được thiên tài nghệ thuật chân chính của anh. Một nhóm tài tử thành lập chung quanh anh ta: họ được hội đồng đội trưởng cho họ một phòng nhỏ ở tầng sát đất, để họ lập một xưởng họa...

Một buổi tối mùa đông đầy tiếng lao xao, xưởng họa của Butzai sục sôi một cảnh hoạt động nhộn nhịp lạ thường, trong khi các bức tường của tầng lầu nhỏ rung lên vì tiếng cười của các nghệ sĩ và các vị Mạnh thường quân^[101] đến thăm.

Dưới một ngọn đèn dầu hỏa lớn, một nhóm đang làm việc vào một tấm phác họa khổng lồ. Vừa lấy cán bút vẽ gãi gãi cái đầu tóc bù xù đen như than, Zinôvi Ivanôvich vừa rống lên với giọng của một phó giáo chủ còn say rượu:

- Cho lại màu nâu vào Fêđôrenkô đi. Hắn là một dân quê mà các chú lại đi tô cho hắn màu da mặt một bà ở quây hàng. Vania, lúc nào chú cũng tống màu son vào chỗ đáng cho cũng như chỗ chẳng đáng cho.

Vania Lapô, tóc hung, mặt đầy tàn nhang, mũi sư tử, trả lời bằng một giọng trầm khàn khàn giả tạo, để nhại giọng Zinôvi Ivanôvich:

- Chúng nó đã làm cạn sạch màu nâu vào thằng Lêsi rồi.

Buổi tối đến, cả phòng giấy của tôi cũng trở thành một trung tâm huyền ảo. Có hai nữ sinh viên vừa mới ở Khackôp đến trại, mang giấy giới thiệu như sau:

“Các đồng chí K.Vacxkaia và R.Landxbecg được Học viện sư phạm ở Khackôp phái đến trại Gorki, để tìm hiểu thực tế về sự tổ chức công tác giáo dục”.

Với một sự tò mò cao độ, tôi đón tiếp các vị đại biểu của thế hệ sư phạm mới đó. Tuổi trẻ của hai cô K. Vacxkaia và R. Landxbecg rất đáng thèm ước, vì cả hai đều chưa quá hai mươi. Cô thứ nhất là một thiếu nữ rất xinh, tóc vàng óng, mũm mĩm và lanh lẹ: chỉ có thủy họa mới có thể vẽ được màu hồng tươi mơn mớn của nước da cô. Vừa không ngừng chuyển động đôi lông mày thanh tú nét nhỏ

biên, vừa cố tình xua đuổi cái nụ cười lúc nào cũng sẵn sàng nở trên cặp môi, cô ta bắt tôi phải chịu một cuộc thẩm vấn thật sự:

- Bác có một phòng nghiên cứu nhi đồng học không?

- Không, chúng tôi không có.

Thế thì bác làm thế nào mà nghiên cứu được cá tính?

- Cá tính của trẻ em ấy ư? tôi hỏi, vẻ nghiêm chỉnh hết sức.

- Vâng, tất nhiên, cá tính của những trẻ nuôi của bác.

- Thì tại sao phải nghiên cứu nó?

- Sao lại “tại sao”? Như vậy thì bác làm việc thế nào nhỉ? Làm thế nào bác có thể làm việc về một cái gì mà bác không biết?

K. Vacxkaia nói những câu đó với một giọng lạnh lạnh cương quyết, biểu lộ rõ sự ngạc nhiên thành thực của cô ta, vừa nói vừa luôn luôn quay sang nhìn cô bạn R. Landxbecg, một cô tóc nâu tết bím óng chuốt rất đẹp. Cô này mắt nhìn xuống, cố nén lòng công phần tự nhiên của cô với một vẻ khoan dung nhẫn nại.

- Những nét đặc trưng chủ yếu ở các trẻ nuôi của bác là những gì? K. Vacxkaia hỏi tôi một cách nghiêm khắc.

- Nếu ở trại này người ta không nghiên cứu cá tính, thì hỏi đến những nét đặc trưng là thừa, R. Landxbecg dịu ngọt nói:

- Có chứ, sao lại là thừa? tôi nghiêm trang nói, về vấn đề ấy tôi có thể nói để các cô biết một vài điều. Những nét đặc trưng thì cũng giống như ở các cô.

- Bác căn cứ vào đâu mà biết như vậy? K. Vacxkaia hỏi với một giọng ác cảm.

- Tôi biết như vậy là vì các cô đang ngồi nói chuyện, trước mặt tôi đây.

- Thế thì sao chứ?

- Thế thì tôi nhìn xuyên qua các cô. Trong khi các cô ngồi đây, tôi nhìn thấy tất cả những cái gì đang diễn biến trong người các cô, tựa hồ các cô là thủy tinh vậy.

K. Vacxkaia bắt đầu đỏ mặt, nhưng vừa lúc ấy Karabanôp, Vecsonep, Zăđôrôp và nhiều trại viên khác nữa ủa vào phòng giấy tôi.

- Chúng tôi vào được chứ, hay là các vị có chuyện bí mật?

- Cố nhiên vào được! tôi nói. Các anh em hãy làm với các vị khách của chúng ta đi, các nữ sinh viên ở Khackôp.

- Các chị đến thăm chúng tôi à? Ồ, tuyệt lắm! Thế tên các chị là gì?

- Kxênia Rômanôva Vacxkaia.

- Rasen Xêmiônôvich Landxbecg.

Karabanôp đưa một bàn tay lên má, nói với một giọng ngạc nhiên và quan tâm:

- Ồ, chết thật, dài thế kia à? Thế nghĩa là chị, gọi vắn tắt chỉ có là Ôxana thôi chứ gì?

- Vâng, thế cũng được, K. Vacxkaia đồng ý.

- Còn chị, là Rasen nhé, được không?

- Được, R. Landxbecg nói nhỏ.

- Thế được rồi. Bây giờ thì có thể mời các chị đi ăn tối. Các chị là sinh viên à?

- Vâng.

- Được, và các chị đang dối... một cách nói, dối như... như gì được nhỉ? Giá phải là các cậu Vecsonep với Zadôrôp, thì họ sẽ nói ngay dối như chó đấy. Nhưng, đối với các chị... đáng lẽ nói chó, thì ta bảo là mèo con nhá.

- Ừ nhỉ, thực đấy, chúng tôi đang dối, Ôxana vừa nói vua cười. Ở trại các anh có chỗ rửa mặt mũi được không?

- Nào đi! Chúng tôi đưa các chị đến phòng các nữ sinh: ở đây các chị muốn làm gì thì làm.

Thế là chúng tôi làm quen với nhau. Mỗi buổi tối, tôi tiếp hai cô ấy, nhưng không đến một phút. Dù sao thì cũng không nói tới chuyện nghiên cứu cá tính nữa: Ôxana và Rasen không có thì giờ nghiên cứu. Bọn trẻ đã lôi kéo hai cô vào cái biển công việc của trại, biển không bờ bến, giàu thú vui và xung đột, và cho các cô biết hàng đống chuyện thật là gay go. Đối với một người linh hoạt thì thật khó lòng tránh khỏi được những cơn lốc và những thác lũ nhỏ phát sinh ra trong lòng tập thể của trại, vì chưa kịp có thì giờ nhận định, người ta đã bị cuốn phăng, lôi tuột đi rồi. Và thỉnh thoảng có khi những dòng nước đó đem mồi đến thẳng phòng giấy tôi, để ném hấn lên bờ.

Việc ấy đã xảy ra, một buổi tối kia, với một nhóm kỳ thủ gồm có Ôxana, Rasen, Xilanti và Bratsenkô.

Ôxana nắm tay áo Xilanti và cười:

- Nào, bác lại đây, đừng có cưỡng.

Xilanti thực sự bị cô lôi đi.

- Bác ta gây ảnh hưởng xấu ở trại, thế mà bác cũng không biết đến nữa.

- Chuyện gì thế, Xilanti?

Xilanti vẽ không bằng lòng, gỡ cánh tay áo ra và vuốt cái trán hói.

- Phải, anh xem, chuyện trò thế đấy: có cái xe trượt tuyết, thì đó, còn để lại ở trong sân kia. Xêmiôn với các cô này cao hứng nảy ra ý đem ra chơi trượt tuyết. A, có Antôn ở đấy, để hấn kể chuyện cho anh nghe.

Antôn Bratsenkô nói:

- Cháu trông thấy họ quần cái xe trượt tuyết, thế rồi: nào ta chơi trượt tuyết nhỏ! Được lắm, đối với thằng Xêmiôn, thì chẳng phải lâu lai gì, quất cho nó một cái dây đai ngựa, thế là nó cút ngay, nhưng còn hai cái của nợ này, họ không chịu buông xe ra. Làm thế nào với họ được bây giờ? Cháu mà quất, thì họ sẽ khóc, thế là bác Xilanti mới bảo họ rằng...

- Đấy, bác nghe mà xem! Ôxana tức giận bật lên. Bác Xilanti hãy nhắc lại câu bác đã nói đi nào.

- À, thì có chuyện gì đâu! Câu tôi nói, thì đó, là đúng sự thật, có thể thôi. Cô muốn lấy chồng, tôi bảo cô ấy thế, vậy mà cô lại đi chơi làm gãy xe trượt tuyết như vậy à? Anh xem, chuyện trò thế đấy...

- Chưa hết đâu, chưa hết đâu...

- Còn gì nữa? Thế là hết, như người ta nói.

- Bác ấy đã bảo Antôn chú cứ đem cô ta mà thẳng ngay vào xe trượt tuyết và cho cô ấy chạy tể lên đến tận Gôntsarôpka; như thế cô ấy sẽ yên ngay lập tức. Bác có nói thế không?

- Ừ, thì đó, và bây giờ tôi lại nói thế nữa: đây là những cô gái khỏe ra tuồng, mà chả có công việc gì làm cả, trong khi chúng ta thì thiếu ngựa. Anh xem, chuyện trò thế đấy.

- Ô! Ôxana kêu lên. Đi đi, đi ra khỏi đây ngay! Đi!

Xilanti phì cười và ra khỏi buồng giấy cùng với Antôn. Ôxana ngồi phịch xuống chiếc đi-văng, mà Rasen đã thiêu thiêu ngủ ở đó được một lúc lâu rồi.

- Một cá tính hay lắm đấy, bác Xilanti ấy, tôi nói. Đó là một đối tượng nghiên cứu cho cô.

Ôxana nhảy chồm ra ngoài, nhưng đến ngưỡng cửa cô ta dừng lại, nhại giọng người nào đó:

- Tôi nhìn xuyên qua các cô, tựa hồ các cô là thủy tinh vậy!

Rồi cô ù té chạy, vừa qua cửa phòng đã rơi ngay vào một nhóm đông thanh niên; tôi chỉ còn nghe thấy giọng nói lạnh lạnh của cô ta, rồi một trong những cơn lốc nhỏ quen thuộc của trại lòi cuốn cô đi.

- Rasen, cô đi ngủ đi

- Gì cơ? Bác tưởng tôi buồn ngủ à? Thế còn bác?

- Tôi về phòng tôi đây.

- À, được... nếu thế thì...

Sau khi dụi dụi mắt trái, bằng một cử chỉ thơ ngây, với nắm tay nhỏ nhắn của cô, Rasen bắt tay tôi và bước ra vai đụng phải cái khung cửa.

4. SÂN KHẤU

Những chuyện kể ở chương trên chỉ là một phần rất nhỏ những tiêu khiển của chúng tôi trong các buổi tối mùa đông. Và bây giờ, chúng tôi lại hơi xấu hổ mà thú nhận rằng hầu hết thì giờ rảnh rỗi của chúng tôi đều dồn cho cả sân khấu.

Chiếm lĩnh trại thứ hai, chúng tôi chiếm lĩnh được luôn cả một cái sân khấu. Thật khó lòng tả nổi niềm phấn khởi của chúng tôi, khi chúng tôi được quyền hoàn toàn sử dụng cái xưởng trống của nhà máy xay.

Nhà sân khấu của chúng tôi có thể chứa được đến sáu trăm người, số khán giả ở nhiều làng. Vì thế mà tầm quan trọng của tổ kịch của trại và những đòi hỏi đối với nó đã được nâng cao lên rất nhiều.

Sự thực thì cái sân khấu ấy có một vài điều bất tiện Kalina Ivanovich lại còn cho là bất tiện nghiêm trọng nữa, thậm chí bác ta đề nghị biến sân khấu thành nhà để xe.

- Nếu để một cái xe tải ở đây, thì lạnh đối với nó cũng chẳng hại gì và sẽ không cần phải đặt cho nó một cái lò sưởi. Nhưng đối với khán giả thì cần phải có.

- Thì được, ta sẽ đặt lò sưởi.

- Lò đặt ở đây khác nào một cái bắt tay đối với một anh nghèo, ăn thua gì. Anh đã thấy là không có trần, độc có một cái mái tôn, bên dưới chẳng có lớp học gì cả. Đốt một cái lò lên, rút cục chỉ là để sưởi chân cho các thiên thần với các ông thánh ở trên trời, chứ sưởi gì được cho các khán giả. Mà anh định đặt những lò sưởi gì vào đây? Ít nhất cũng phải là lò sưởi gang, nhưng ai sẽ cho phép anh đặt? Như thế sẽ là sẵn sàng gây ra hỏa hoạn: bắt đầu diễn kịch một cái thì lập tức, đem nước ra tưới đi!

Nhưng chúng tôi không đồng ý với Kalina Ivanovich, nhất là lại được cả đến Xilanti cũng nói:

- Anh xem, chuyện trò thế đấy: một khi mình đã diễn kịch không lấy tiền, thì chẳng việc gì mà phải lo chuyện đốt lò; thì đó, sẽ chẳng một ai bức bối méch lòng đâu.

Chúng tôi đặt những lò sưởi bằng gang và bằng sắt, chỉ nhóm lên trong những buổi diễn thôi. Những lò ấy chẳng bao giờ làm ấm áp được bầu không khí kịch trường của chúng tôi, vì tất cả hơi nóng của chúng đều tức khắc bay lên cao và thoát ra ngoài, qua cái mái tôn. Vì thế cho nên, mặc dầu các lò lúc nào cũng được đốt cháy đỏ, công chúng cũng vẫn cứ thích co ro quần áo choàng hoặc áo măng-tô hơn, chỉ lo sao cho khỏi cháy phía áo quay về lò sưởi.

Và chẳng hỏa hoạn cũng chỉ xảy ra có một lần ở rạp chúng tôi, mà không phải lỗi của lò sưởi nhưng của một ngọn đèn, rơi trên sân khấu. Một cơn hoảng sợ, thuộc loại đặc biệt, đã diễn ra lúc đó: khán giả vẫn đâu ngồi yên đấy, nhưng tất cả các trại viên khoải chí thật sự, leo ủa cả lên sân khấu, trong khi Karabanốp mắng chúng:

- Những quân ngu ngốc này, chúng mày chưa trông thấy lửa bao giờ à?

Chúng tôi xây dựng hẳn một cái sân khấu thật sự rộng, cao, với một hệ thống buồng trò phức tạp, một ngăn cho người nhắc vở. Ở đằng sau còn nhiều chỗ trống mà chúng tôi không thể sử dụng. Để bảo đảm cho các diễn viên có một ôn độ chịu đựng được, chúng tôi ngăn một buồng con ở khoảng ấy, đặt một lò sưởi nhỏ bên trong. Mọi người hóa trang và thay quần áo ở đây, tôn trọng sự thay phiên lần lượt và sự phân chia nam nữ được đến đâu hay đến đó.

Ngoài buồng ấy ra, chỗ nào ở hậu trường và trên sân khấu cũng lạnh y như giữa trời gió lộng.

Khoảng rộng mênh mông của rạp, bày hàng mấy chục ghế dài với vô số chỗ ngồi, là cả một vườn văn hóa xưa nay chưa từng thấy ở địa phương này; chúng tôi chỉ còn có việc gieo hạt giống và gặt hái.

Hoạt động sân khấu của chúng tôi ở trại thứ hai phát triển rất mau, và suốt trong ba mùa đông liền,

không một phút nào buông lơi cái đà và nhịp điệu tiền triển của nó, đã sôi nổi bùng bột lên trong những quy mô vô cùng rộng lớn, khiến cho ngày nay chính tôi cũng khó lòng tin được những điều tôi viết ra đây.

Trong mùa đông, chúng tôi trình diễn khoảng độ bốn mươi vở kịch, mà không bao giờ chịu phóng tác dễ dãi như kiểu các câu lạc bộ thường làm. Trái lại chúng tôi chỉ đưa lên sân khấu toàn những vở lớn bốn hay năm hồi, loại nghiêm túc nhất, thường là rạp theo kịch mục của những rạp hát ngoài tỉnh. Đó thật là một sự tự thị tự đắc vô song, nhưng tôi xin lấy danh dự cam đoan rằng chúng tôi đã không cho ra những món hàng tồi.

Ngay từ buổi trình diễn thứ ba, danh tiếng sân khấu của chúng tôi đã truyền đi xa quá làng Gôntsarôpka. Nông dân kéo đến trại từ các làng Pirôgôpka, Grabilôpka, Babitsepka, Gôntzy, Vatsi, Xtôrôjêvôiê, từ các trại ấp Vôlôvi, Tsumatxkiê, Ôzecxkiê; công nhân chạy tới từ các khu ngoại ô thành phố, anh em hỏa xa từ nhà ga và các nhà máy xe lửa và không bao lâu cả những thị dân cũng nhập bọn với họ: các giáo viên và nói chung những người ở ngành giáo dục, quân nhân, viên chức các công sở và các hợp tác xã, ngành tiếp tế lương thực, và những người chỉ là nam nữ thanh niên thường thôi, bạn của các trại viên, và bạn của những người bạn ấy. Cuối mùa đông thứ nhất, cứ đến ngày thứ bảy là người ta thấy, từ sau bữa ăn sáng, xe pháo của những khán giả ở xa đến vây đông khắp chung quanh nhà kho trong sân khấu. Những ông để ria mép, mặc áo vét dạ và áo choàng, tháo ngựa ở xe ra, trùm vải thô và chần lên mình chúng, loảng xoảng lôi kéo những xô nước chung quanh cái giếng có trục kéo nước ở phía trên. Trong khi ấy, các bạn phụ nữ của họ, áo phủ kín đến tận mắt, sau khi nhảy vài cái, hai chân đập vào nhau, bên cạnh những xe trượt tuyết, để làm cho ấm những bàn chân tê cóng trong khi đi đường, chạy núng nính trên những đôi giày cao gót đóng cá sấu, tới phòng các nữ trại viên để tìm ở đây một chút hơi nóng và làm quen thân thiết hơn với những cô bạn mới của các bà. Có nhiều người trong bọn lúi ở dưới rơm lót xe trượt tuyết ra nào túi dệt, nào gói bọc. Chuẩn bị cho những cuộc đi chơi xa vì nghệ thuật ấy, họ đã đem theo các thức ăn: patê, bánh mì tiểu mạch, những miếng mỡ vuông vuông khía hình chữ thập, từng cuộn dồi lớn của địa phương. Một phần các món ăn ấy là để thết các trại viên, và những ngày diễn kịch đó đôi khi có vẻ như những buổi chợ phiên thật sự, trước khi ban chấp hành Kômxômôn ra lệnh nghiêm cấm các trại viên không được nhận của khách đến trại một thứ quà cáp gì hết thảy.

Nhưng hôm thứ bảy, các lò sưởi của nhà hát được đốt lên từ hai giờ trưa, để cho các khách đến được sưởi ấm nhưng lâu dần quen biết nhau hơn, mọi người càng ngày càng tràn vào trong trại, đến tận phòng ăn, ở đây có khi người ta được thấy một nhóm khách đặc biệt quý mến và có thể nói là khách chung của mọi người, mà các giáo viên trực nhật cho là có thể mời ngồi vào bàn ăn của chúng tôi.

Những buổi diễn kịch trở thành một món tiêu khá nặng cho quỹ của trại. Quần áo, tóc giả và đủ mọi thứ phụ tùng khác tốn cho chúng tôi từ bốn chục đến năm chục rúp, vị chi là vào khoảng hai trăm rúp mỗi tháng. Đó là một món chi phí rất lớn, song không bao giờ chúng tôi chịu từ bỏ thể diện, và không bao giờ bắt ai phải trả một xu nào cho các buổi diễn hết. Đối tượng chính chúng tôi nhắm là thanh niên, vậy mà các cậu trai nông thôn, và nhất là các cô gái, thì không bao giờ có tiền túi cả.

Mới đầu còn vào cửa tự do, nhưng rồi không bao lâu phòng rạp không đủ sức chứa tất cả khách ham chuộng nữa. Bảy giờ phải đặt ra vé, phân phối trước cho các chi bộ Kômxômôn, các xô-viết thôn và các vị đại diện toàn quyền của chúng tôi ở các nơi.

Chúng tôi đã không ngờ đâu bà con nông thôn lại mê xem kịch dữ dội đến thế. Nhưng vé xem là một nguồn tranh cãi và hiểu lầm nhau thường xuyên giữa các làng. Các vị bí thư đến trại giận sôi sùng sục và nói với một giọng có phần hặc lặc.

- Tại làm sao người ta lại chỉ trao cho chúng tôi có ba mươi vé xem ngày mai?

Jôra Vônkôp, trưởng phòng phân phối vé, lắc đầu trước mũi viên bí thư và nhìn với một vẻ độc địa:

- Phải và như thế còn là nhiều đôi với các anh đấy.

- Nhiều? những đồ cạo giấy nhà các anh ở đây chỉ có ngòi dán dính trên ghế dựa mà các anh biết được là nhiều à?

- Chúng tôi ở đây, và chúng tôi thấy các tiểu thư con những giáo sĩ cầm vé của chúng tôi vào xem.

- Các tiểu thư con giáo sĩ? những cô nào chứ?

- Các cô bên làng anh, tóc đỏ hoe, má phình như những con chó ngao ấy.

Nghe tả như vậy thì nhận ra ngay là con gái giáo sĩ của địa phương mình, viên bí thư hạ giọng, nhưng cũng chưa chịu thua.

- Được rồi, tôi nhận là có hai con gái giáo sĩ... Nhưng tại sao lại phát cho chúng tôi kém đi hai mươi vé. Trước kia chúng tôi được năm chục, mà bây giờ ba chục.

- Là vì mất tín nhiệm rồi, Jôra đáp với một vẻ nanh ác. Hai con gái giáo sĩ, và còn bao nhiêu vợ giáo sĩ, bà chủ hàng tạp hóa, vợ kulắc, chúng tôi chưa tính. Ở bên các anh, có chuyện hủ hóa, vậy mà chúng tôi đây, chúng tôi lại phải tính đến những thứ khách ấy à?

- Thế cái thằng con nhà đều giả nào mách các anh, tôi rất muốn biết nó là ai?

- Những của ấy... chúng tôi cũng không tính nốt. Có thể cho các anh ba chục vé và như thế đã là nhiều rồi.

Viên bí thư, như mèo bị giội nước sôi, chạy tuốt về để điều tra những trường hợp hủ hóa nêu ra đó, nhưng lại có một tay phản kháng khác, đâm bổ tới thay, chào anh ta:

- Thế nào, các đồng chí, các đồng chí làm ăn ra sao vậy? Chúng tôi là năm chục thanh niên Kômxiôn, thế mà các đồng chí gửi cho chúng tôi được mười lăm vé.

- Lần trước, cứ theo báo cáo của đội sáu “Khán”^[102] của chúng tôi, thì chỉ có mười lăm thanh niên Kômxiôn bên các anh là không uống rượu trước khi đến, mà trong số đó lại tính cả bốn mụ già nữa, còn thì tất cả các anh khác đều say bự.

- Không đời nào, bảo họ say bự là nói điêu. Anh em bên chúng tôi làm việc trong một nhà máy rượu, vì thế cho nên họ có mùi rượu...

- Chúng tôi kiểm tra rồi: hơi thở của họ sặc mùi rượu; đừng có đổ tội cho nhà máy.

- Tôi sẽ đưa họ lại đây cho anh, rồi chính anh sẽ thấy: lúc nào họ cũng có mùi rượu, chỉ có anh kiểm chuyện và bịa ra như thế! Sao lại có những chuyện xuyên tạc như vậy!

- Thôi đủ rồi! Ở đây, bao giờ chúng tôi cũng biết phân biệt một nhà máy với một anh nghiện rượu.

- Nhưng ít ra anh cũng cho thêm chúng tôi lấy năm vé nữa chứ, anh không biết ngượng à!... Các anh phân phát cho hàng đồng đĩ đại ở ngoài tỉnh, cho bạn bè các anh, còn anh em Kômxiôn thì các anh phục vụ sau cùng...

Chúng tôi bỗng thấy rằng kịch trường không phải là một món tiêu khiển hay một trò du hí cho chúng tôi, mà trở thành một bổn phận, một món thuế xã hội không tránh được mà chúng tôi không thể nào xin miễn trừ nổi.

Ban chấp hành Kômxiôn suy nghĩ rất nhiều về vấn đề này. Nhiệm vụ chỉ đặt lên vai tổ kịch thôi thì là quá nặng. Không thể để cho qua một ngày thứ bảy nào không diễn kịch, và ngoài ra mỗi tuần lễ chúng tôi lại phải có một buổi diễn đầu. Diễn đi diễn lại mãi một vở sẽ là hạ cờ của chúng tôi xuống,

là công hiến một buổi tối vô vị cho bà con hàng xóm gần gũi và những khách quen của chúng tôi. Dù các thứ chuyện đã bắt đầu xảy ra ở tổ kịch.

Cả đến Karabanôp cũng phải kêu van.

Cuối cùng thì tôi là cái gì kia chứ? tôi có phải là tuyển vào làm diễn viên không? Tuần lễ trước tôi đóng vai đại tư tế, tuần này đóng đại tướng, và bây giờ người ta bảo tôi: mày sẽ làm một tay du kích. Dễ thường tôi không biết mệt hay sao? Đêm nào cũng tập kịch đến hai giờ sáng, rồi thứ bảy thì khuôn vác bàn với lại đóng phong cảnh trang trí...

Kôvan tì hai tay lên bàn, kêu lớn:

- Mày muốn người ta khiêng một cái đi-văng ra đặt dưới gốc, lê cho mày ngủ trưa nhé? Đó là việc phải làm!

- Phải tổ chức thế nào cho cả mọi người cùng làm.

- Sẽ tổ chức.

- Thì mày tổ chức đi.

Ban chấp hành đưa ra hội đồng đội trưởng đề nghị này: giải tán tổ kịch, tất cả mọi người phải phục vụ kịch trường, chỉ có thể thôi.

Hội đồng bao giờ cũng thích hợp pháp hóa mọi việc bằng một bản mệnh lệnh, bản đó được viết như sau:

Đoạn 5

Chiều theo nghị quyết của hội đồng đội trưởng coi việc xây dựng các vở kịch lên sân khấu là một công tác bắt buộc đối với mỗi trại viên, các đội đặc biệt sau đây được chỉ định để phục vụ buổi diễn đầu của vở “Những cuộc phiêu lưu của bộ lạc Nitsêvô”...

Tiếp theo là bảng liệt kê những đội đặc biệt đó, tựa hồ không phải chuyện “diễn kịch”, mà là chuyện giấy cỏ cho cái củ, hay vun bón cho khoai tây. Sự khinh nhờn đối với Nghệ thuật ấy có cái hiệu quả đầu tiên là làm biến mất tổ kịch, được thay thế bởi đội đặc biệt sáu “Diễn” đặt dưới quyền chỉ huy của Vecsonep và gồm có hai mươi tám người... để phục vụ vở kịch nói trên.

Mà đã gọi là đội đặc biệt, thì điều đó có nghĩa là một danh sách gọi tên chặt chẽ, những người đến chậm bị nêu ra trong báo cáo buổi tối, v.v.; nhận lệnh của đội trưởng phải nói “rõ” theo đúng quy tắc và đưa tay lên mũ cát-két; nhỡ xảy ra chuyện sai trái, phải chịu lỗi vì phạm kỷ luật trước hội đồng đội trưởng hay trước hội nghị toàn trại; nhẹ nhất cũng bị gọi lên buồng giấy tôi nói chuyện, chịu thêm một vài tạp dịch để làm gương hay bị giam không được phép ra khỏi trại những ngày nghỉ.

Đó thật sự là một cuộc cách mạng. Tổ kịch vốn là một tổ chức tự nguyện, cho nên bao giờ cũng có đôi chút khuynh hướng đi tới chỗ dân chủ quá mức và biên chế không nhất định. Tổ kịch lại còn sinh ra sự tranh chấp giữa những sở thích và yêu sách bất đồng, đặc biệt thấy rõ trong khi chọn các vở và phân phối các vai trò. Trong tổ kịch của chúng tôi cái cá nhân chủ nghĩa cũng đã bắt đầu nảy nở.

Nghị quyết của ban chấp hành và của hội đồng đội trưởng đã được các trại viên đồng ý tiếp nhận như một sự việc đương nhiên, không có điều gì hồ nghi đáng bàn cãi hết. Công tác sân khấu đối với trại cũng là công việc cần thiết như công tác công nghiệp, phục hồi trang trại, giữ gìn trật tự và sự sạch sẽ ở các phòng. Đối với lợi ích chung của trại, phần đóng góp cá nhân của trại viên này hay trại viên khác trong buổi biểu diễn đều coi như nhau, mỗi trại viên đều phải làm phần công việc trại đòi hỏi ở mình.

Thường thường cứ đến ngày chủ nhật thì trong buổi họp hội đồng đội trưởng tới báo trước vở gì sẽ

đem ra diễn tới thứ bảy sau, và tôi cho tên các trại viên nên chọn để giao phó các vai trò. Lập tức họ được ghi ngay tất cả vào đội đặc biệt sau “Diễn” mà một người trong bọn được chỉ định làm đội trưởng. Tất cả các trại viên khác đều phải được phân phối vào các đội đặc biệt khác nhau, đội nào cũng mang số sáu, và thành lập chỉ trong thời gian một buổi biểu diễn mà thôi. Các đội đó như sau:

Sáu “Diễn” – diễn viên.

Sáu “Khán” – khán giả.

Sáu “Phục” – y phục.

Sáu “Ấm” – lò sưởi ấm.

Sáu “Trang” – trang trí.

Sáu “Phụ” – phụ tùng.

Sáu “Sáng” – ánh sáng và hiệu quả sân khấu.

Sáu “Quét” – quét dọn.

Sáu “Động” – tiếng động.

Sáu “Màn” – màn sân khấu.

Nếu người ta nhớ hồi bấy giờ trại chỉ có tám mươi trẻ nuôi tất cả, thì đủ thấy rõ ràng không một ai là không có việc, và nếu vỡ kịch chọn có rất nhiều nhân vật, thì thể nào chúng tôi cũng thiếu người. Đã đành là trong thành phần các đội đặc biệt, hội đồng đội trưởng có tìm cách đếm kể tới những ý thích và khuynh hướng cá nhân, song không phải là bao giờ nó cũng chiều cố được như vậy: và rất thường có chuyện một trại viên kêu lên:

- Tại sao người ta lại cho tôi vào đội sáu “Diễn”.

Cả đời tôi có đóng kịch bao giờ đâu.

Hắn liền được trả lời rằng:

- Sao lại có những chuyện vớ vẩn kiểu dân quê thế nhỉ? Người nào mà chả có ngày phải đóng kịch lần đầu tiên?

Trong suốt tuần lễ, tất cả các đội đặc biệt ấy, và nhất là các đội trưởng, phải xoay trở điên cuồng trong các giờ rảnh rỗi, ở trại, và ra cả đến ngoài tỉnh. Trại chúng tôi không có lệ xét tới những lời cáo lỗi, bất kể vì lý do gì, cho nên các đội trưởng đội đặc biệt có khi bị mắc vào những tình thế hết sức khó khăn. Đã đành rằng chúng tôi quen biết khá rộng ở ngoài tỉnh và có nhiều bạn đồng tình với chúng tôi, nhờ vậy mà bao giờ chúng tôi cũng kiếm ra được những quần áo thích hợp cho bất cứ vở kịch nào. Nhưng trong trường hợp trái lại, các trại viên ở đội sáu “Phục” cũng có đủ khả năng làm ra quần áo, bất kể thuộc thời đại nào và bất kể số lượng bao nhiêu, với các thứ vải và vật liệu khác sẵn có ở trại, và chẳng cũng đã thành lệ là không những quần áo đồ dùng của trại mà cả của các giáo viên và những người giúp việc trong trại nữa cũng đều hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của các đội sân khấu. Chẳng hạn, đội sáu đặc biệt “Phụ” bao giờ cũng tin rằng tên của nó [\[103\]](#) cho phép nó được lục lợi trung tập các thứ ở phòng riêng của các giáo chức nhân viên. Với sự phát triển của ngành sân khấu, một vài kho dụng cụ thường xuyên đã được lập nên ở trại. Vì chúng tôi diễn luôn những vở có bắn súng và nói chung là đề tài chiến trận, nên ở trại đã hình thành một kho binh khí thật sự, được bổ sung thêm bằng cả một bộ sưu tập những binh phủ, ngù vai và huân chương quân công. Các tay chuyên gia cũng tự đào tạo dần, mà không phải chỉ có những diễn viên thôi đâu: chúng tôi có những tay bắn súng liên thanh lồi lạc, họ dùng những thiết bị do họ sáng chế mà phát ra tiếng nổ y hệt súng liên thanh: chúng tôi còn có những tay pháo thủ, những thần Thiên lôi bắt chước giỏi tuyệt tiếng sấm và ánh chớp của dông tố.

Các buổi tập diễn mất một tuần lễ. Hồi đầu chúng tôi còn cố làm đúng như ở các nhà hát thực: các vai trò được chép ra và ai nấy cố học thuộc, song chẳng bao lâu chúng tôi đành phải bỏ cách ấy: chúng tôi không có thì giờ chép, mà cũng chẳng có thì giờ học vì ngoài ra chúng tôi còn có công tác thường ngày của trại và việc nhà trường; bài vở dù sao cũng phải bảo đảm trước hết. Vứt bỏ hết mọi ước lệ của nhà hát, chúng tôi bắt đầu diễn thẳng, có người nhắc vở giúp đỡ, và chúng tôi làm như vậy đăc sách. Các trại viên tập thói quen thoáng nghe là tóm được mọi câu tài lạ lúng: và chúng tôi lại còn nghiêĩm nhiên chống lại những lối cưỡng và tự do phóng túng trên sân khấu. Sông muốn cho buổi diễn tiến triển trơn tru thì ngoài nhiệm vụ làm đạo diễn tôi phải kiêm cả chân nhắc vở nữa, vì chân này không phải chỉ có đọc lời kịch, mà nói chung còn phải chỉ huy diễn xuất, mách bảo lỗi lầm, ra hiệu cho những lúc bắn súng, hôn nhau và lăn ra chết.

Chúng tôi không thiếu diễn viên. Có nhiều tài năng xuất hiện trong các trại viên. Những tay làm nổi sân khấu nhất là: Piôtr Ivanôvich Gôrôvich, Karabanôp Vetkôpxki, Butzai, Vecsonep, Zăđôrôp, Marutxia Leptsenkô, Kutlaty, Kôvan, Glaize, Lapô.

Chúng tôi chú ý tìm những vở có nhiều vai trò, vì có nhiều trại viên muốn thủ vai, và tăng thêm số người có thể ra sân khấu thì lợi cho chúng tôi. Tôi rất chú trọng đến sân khấu, vì nó góp phần đăc lực cải thiện ngôn ngữ của các trại viên, và nói chung là mở rộng mắt của họ. Song cũng có khi chúng tôi thiếu diễn viên, và trong trường hợp ấy chúng tôi phải nhờ đến các giáo viên. Một lần chúng tôi đưa cả Xilanti lên sân khấu. Trong các buổi tập diễn, bác ta tỏ ra kém khả năng, song vì bác ta chỉ phải nói có mỗi một câu: “Xe lửa về chậm mất ba tiếng đồng hồ”, cho nên cái nguy cũng không lớn lắm. Tuy nhiên, kết quả đã vượt qua sự chờ đợi của chúng tôi.

Xilanti bước ra sân khấu đúng lúc và chỉnh chệĩn, nhưng nói thế này:

- Thì đó, xe lửa về chậm mất ba tiếng đồng hồ, anh xem, chuyện trò thế đây.

Câu nói ấy kích động khán giả rất mạnh nhưng đó không phải là điều tệ hại nhất; nó còn kích động mạnh hơn nữa đám quần chúng đi lánh nạn, ở trong vở kịch đang đợi xe lửa ở nhà ga. Thế là họ bò lăn bò lóc cả trên sân khấu, cười đến tặc thờ, không còn chú ý tí gì đến những câu kêu gọi tôi tung ra cho họ từ cái lỗ của người nhắc vở, và họ cứ thế cười càng ngày càng dữ, nhất là thấy đến chính tôi cũng không thể nào giữ nghiêĩm được nữa. Xilanti đứng im một phút nhìn tất cả cảnh hỗn độn ấy, rồi sau cũng đăm câu:

- Phải nói với các người như thế nào kia, hờ bày xuấĩn ngốc, như người ta nói? Ba tiếng đồng hồ, xe lửa nó về chậm, thì đó... Các người thấy thế là buồn cười à?

Những dân lánh nạn nghe lời diễn thuyết ấy lại càng vui vẻ đến phát điên lên và tán loạn bỏ chạy khỏi sân khấu.

Tôi trấn tĩnh và bảo khế:

- Bước khỏi sàn đi, Xilanti! Cuốn xéo mau cho tôi nhờ!

- Ủ, anh xem, chuyện trò thế đây...

Tôi đặt đứng quyền sách xuống, để ra lệnh cho hạ màn.

Chúng tôi gặp khó khăn trong việc tìm nữ diễn viên. Trong số các nữ sinh của trại, có Leptsenkô và Naxchia Nôtsevnaia cố gắng đóng tạm tạm được, còn trong các giáo viên chỉ có một mình chị Liđa bé nhỏ. Chả ai có xu hướng về kịch hết, bước ra sân khấu họ bối rối hết sức, và khăng khăng từ chối những trò ôm ấp hôn hít, dù khi vở bắt buộc nhất định phải thế cũng mặc. Thế mà chúng tôi thì tuyệt đối không thể nào không có những vai nữ si tình cho được. Chúng tôi bèn lúng tìm nữ diễn viên trong số các bà vợ, chị em, cô dì và phụ nữ họ hàng khác của các nhân viên trong trại và của những người ở

nhà máy xay gió; chúng tôi yêu cầu các người quen ở tỉnh, và chúng tôi vất vả hết sức như thể mới xoay sở nổi. Vì vậy cho nên, ngay sau hôm đến trại một cái, là Ôxana và Rasen đã diễn tập rồi. Trong các buổi tập ấy, hai cô khiến chúng tôi vô cùng vui thích vì cái tài nổi bật hết sức là trao đổi những cái hôn mà không bền lền chút nào.

Một lần, chúng tôi thuyết phục được một nữ khản giá ngẫu nhiên, ở tỉnh vào chơi vài hôm nhà bạn hữu làm nghề xay bột. Đó là một viên ngọc quý thật sự: xinh đẹp, giọng nói tiên nữ mê li, đầu mày cuối mắt, bộ điệu đi đứng, đủ mọi đức tính cần có để thủ vai người đàn bà quý tộc hư hỏng trong một vở kịch cách mạng. Trong các buổi diễn tập diễn, chúng tôi tấm tắc, lòng mừng khắp khởi chờ đợi một buổi diễn đầu thành công sấm sét. Buổi diễn bắt đầu trong một bầu không khí thật là phấn khởi, nhưng đến giờ nghỉ thứ nhất thì ở hậu trường thấy xuất hiện người chồng viên ngọc quý của chúng tôi, một anh điện tín viên của sở xe lửa, anh ta bảo vợ như sau, trước mặt tất cả gánh hát:

- Tôi không thể cho phép mình đóng trò trong vở này. Chúng ta đi về thôi.

Viên ngọc quý hoảng hốt làm bầm:

- Nhưng em đi làm sao được? Còn vở kịch?

- Vở kịch, tôi đếch cần. Chúng ta đi về! Tôi không thể chịu cho người nào cũng ôm hôn được mình và lôi lôi kéo kéo mình trên sân khấu.

- Nhưng anh ơi... sao lại thế được?

- Chỉ mới có một hồi nãy mà họ đã ôm hôn mình mười lần rồi. Như thế là cái trò gì?..

Mới đầu chúng tôi còn há hốc cả mồm ra. Sau mới cố giảng giải cho anh chàng ghen nghe.

- Đồng chí ạ, một cái hôn, thế vậy thôi, ở trên sân khấu, có nghĩa lý gì đâu cơ chứ, Karabanốp nói.

- Tôi, thì có nghĩa hay không có nghĩa tôi trông thấy rồi. Dễ thường tôi mù đây hử? Tôi ngồi ở hàng đầu.

Tôi bảo Lapô:

- Chú khéo thu xếp, chú hãy làm thế nào cho anh ta yên đi.

Lapô hết lòng làm tròn nhiệm vụ. Hắn gài khuy áo lại cho anh chàng ghen, mời anh ta ngồi trên một chiếc dài bả lả thề với anh ta:

- Anh buồn cười thật đấy, đây là giúp vào một sự nghiệp hữu ích, một sự nghiệp văn hóa. Vợ anh có ôm hôn vì một chuyện như thế, thì kết quả chỉ có thể là tốt thôi.

- Có những người thấy thế là tốt, còn tôi chẳng thấy tốt tí nào, anh điện tín viên nhấn mạnh.

- Ai ai cũng thấy là tốt.

- Thế thì, theo anh, ai ai cũng phải ôm hôn vợ tôi à?

- Anh lạ thật, rút cục như vậy lại không hơn là nhờ có một thằng công tử bột nào giầy vào hay sao?

- Công tử bột nào?

- Những chuyện ấy có thể xảy ra chứ... anh thử nghĩ xem: ở đây, là công khai trước mặt mọi người, và anh trông thấy rõ. Giá là trong một bụi rậm và anh chẳng hay biết tí gì, thì sẽ tệ hại hơn nhiều.

- Không đời nào như thế!

- Sao lại “không đời nào như thế”? Chị vợ anh biết ôm hôn cừ thế; vậy anh tưởng với cái tài ấy dễ chị ta cứ ngồi đấy cho tài mai một đi hử? Thà là ở trên sân khấu còn hơn...

Anh chồng khó khăn lắm mới nghe theo các lý lẽ của Lapô, và anh ta nghiêng rằng mà cho phép vợ được thủ vai đến cùng, với điều kiện duy nhất là không có ôm hôn nhau “thật sự đâu đấy”. Anh ta bực

giận rồi bỏ hậu trường. Viên ngọc quý của chúng tôi hoảng hết sức. Chúng tôi sợ buổi diễn đến hồng mắt. Ngồi ở hàng đầu, anh chồng thôi miên tất cả mọi người, như một con rắn độc. Hồi thứ hai kết thúc trong một bầu không khí đám ma, nhưng sang đến hồi thứ ba mọi người đều vui mừng thấy anh chồng không có mặt ở chỗ cũ nữa. Tôi không tài nào đoán được anh ta chui rúc vào đâu. Mãi đến sau buổi diễn câu chuyện mới vỡ lẽ. Karabanôp khiêm tốn nói:

- Tớ đã khuyên anh ta nên đi chỗ khác. Mới đầu anh ta không chịu, nhưng rồi sau đã nghe lời tớ.
- Nhưng cậu đã làm thế nào?

Mắt Karabanôp sáng ngời lên, và, lấy bộ mặt ác quỷ, [\[104\]](#) hắn nói giọng điệu cợt:

- Này! tớ đã bảo anh ta thế, chúng ta hãy giải quyết việc này với nhau theo lối những người lịch sự, như vậy tốt hơn. Mọi việc hôm nay sẽ được yên ổn tử tế, nhưng nếu anh không rời bỏ chỗ ngồi ngay, thì chúng tôi nhất định cấm sừng cho anh, lấy lời danh dự của trại viên mà nói đấy. Trong anh em chúng tôi có những chàng trai như thế; vợ anh chả cầm lòng nổi đâu.
- Thế rồi sao? Các diễn viên nhao nhao lên hỏi.
- Chả sao cả. Hắn ta chỉ nói: “Anh nhớ nhé, tôi được lời danh dự của anh đấy”, rồi hắn đi ra ngồi ở hàng cuối cùng.

Ngày nào cũng có diễn tập và diễn cả vở. Nói chung, chúng tôi đều thiếu ngủ. Nên để ý rằng nhiều diễn viên của trại chưa quen ra sân khấu, vì thế cho nên cần phải học thuộc cả từng lớp diễn xuất, từ những cử động tay chân đến kiểu đầu, mặc nhiên, cách đi đứng. Tôi cũng chú ý tới mặt đó nhiều, vì về mặt lời kịch thì vẫn hy vọng rằng dù sao cũng đã trông cậy được ở người nhắc vở. Cứ đến chiều thứ bảy, thì vở kịch được coi như đã sẵn sàng.

Tuy nhiên, cũng nên nói rằng chúng tôi diễn không tới một chút nào hết, và nhiều người ở ngoài tỉnh thích xem những buổi diễn của chúng tôi. Chúng tôi cố gắng có một diễn xuất hợp với yêu cầu nghệ thuật, không đi quá mà cũng không nịnh sở thích của khán giả, và không chạy theo những thành công dễ dãi. Chúng tôi diễn những vở kịch Nga và Ukren.

Những ngày thứ bảy, nhà hát bắt đầu tập nập từ hai giờ chiều. Nếu vở kịch có nhiều vai, thì Rutzai bắt đầu vẽ mặt ngay từ sau bữa ăn, có Piôtr Ivanôvich giúp sức anh ta. Từ hai giờ đến tám giờ họ có thì giờ chuẩn bị được tới sáu mươi diễn viên, sau đó họ mới tự vẽ mặt cho mình.

Trong việc lùng tìm các đồ phụ tùng sân khấu, các trại viên đã tỏ ra một nhiệt tình hăng hái như thú dữ, chứ không còn phải là người nữa. Nếu trên sân khấu cần có một cái đèn chụp màu thanh thiên, thì họ lục lọi không những ở buồng riêng của các giáo viên, mà cả buồng riêng của những người quen ở ngoài tỉnh, và thế nào cũng kiếm ra được cái đèn đó. Nếu có một bữa ăn tối trên sân khấu, thì họ ăn thực sự chứ không giả dối một tí nào hết. Lương tâm của đội đặc biệt sáu “Phụ”, và cả truyền thống nữa, đều đòi hỏi như thế. Các diễn viên của chúng tôi coi là làm phi danh tiếng trại nếu ăn tối trên sân khấu với những món ăn giả hiệu. Vì thế nên những buổi diễn có khi thêm việc cho nhà bếp: phải làm những món nhắm, thịt quay, bỏ lò những bánh chả hay bánh ngọt. Thay rượu vang, người ta dọn nước chanh.

Đứng ở lối của người nhắc vở, bao giờ đến lúc ăn tối tôi cũng run sợ: lúc ấy các diễn viên cứ quá mê đắm vào việc diễn trò của mình, và hết để ý đến người nhắc vở, như thế làm lớp kịch kéo dài mãi tới khi trên bàn không còn lại tí gì nữa. Thường thường tôi cứ phải đốc thúc nhịp độ cho nhanh lên bằng những câu như thế này:

- Nào, thôi đi... các chú nghe chưa? Đừng ăn nữa, con khỉ!

Các diễn viên ngạc nhiên nhìn tôi, đưa mắt cho tôi thấy con ngỗng chưa ăn xong, và chỉ chịu kết

thức bữa ăn tối khi nào, tức giận đến cực điểm, tôi rít lên:

- Karabanôp, bước ra khỏi bàn, nhanh lên! Xêmiôn, đồ đê tiện, có nói cái câu “Tôi phải đi” của chú đi không nào!?

Karabanôp nuôi vợ miếng thịt ngỗng mới nhai trệu trạo và nói:

“Tôi phải đi”.

Và ở buồng trò, trong giờ nghỉ, hấn trách tôi:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác không lấy làm ngượng à? mấy khi được ăn món thịt ngỗng, thế mà bác không để cho đủ thì giờ...

Song thường thường các diễn viên không tìm cách đứng lâu trên sân ván làm gì, vì ở đây lạnh cũng y như ở ngoài sân.

Trong vở “Máy móc nổi loạn”,^[105] Karabanôp phải đứng ở sân khấu suốt một tiếng đồng hồ, cời trần, chỉ có độc một chiếc quần ngắn mỏng. Buổi diễn ấy là vào tháng hai, và khổ cho chúng tôi, trời rét đến ba mươi độ dưới không. Êkatêrina Grigônepna đòi phải rút bỏ buổi diễn ấy, quả quyết bảo chúng tôi rằng Xêmiôn thế nào cũng sẽ bị chết cồng. Mọi sự đã kết thúc tốt đẹp: Xêmiôn chỉ có bị cồng các ngón chân, nhưng trong giờ nghỉ Êkatêrina Grigônepna chà sát cho hấn một thứ thuốc nước hỗn hợp gì đó làm nóng người.

Tuy nhiên, cái rét cũng làm trở ngại cho những tiến bộ nghệ thuật của chúng tôi. Chẳng hạn, chúng tôi diễn vở “Đồng chí Xêmiônôvich”. Sân khấu trình bày cảnh tượng một nhà quý tộc, và phải có một pho tượng, mà đội sáu “Phụ” không làm thế nào kiếm ra được, mặc dầu đã lục lọi khắp các nghĩa địa trong tỉnh. Chúng tôi bèn quyết định bỏ qua. Nhưng đến lúc mở màn tôi ngạc nhiên thấy có một pho tượng: bôi phấn suốt từ đầu đến chân, và quần một tấm ga giường, Selaputin, đứng trên một chiếc ghế đầu được trang trí, nháy nhìn tôi một cách tinh ranh. Tôi bắt hạ màn và đuổi pho tượng đi, làm cho đội sáu “Phụ” buồn thiu.

Các đội viên đội sáu “Động” chứng tỏ một tính chu đáo và một óc sáng kiến kiệt xuất. Chúng tôi diễn vở “Azef”.^[106] Xazônôp ném quả bom vào người Plevơ.^[107] Quả bom phải nổ. Đội trưởng đội sáu “Động”, Ôtxatsi, tuyên bố: – Chúng cháu sẽ làm nổ thật sự.

Vì tôi thủ vai Plevơ, nên vấn đề ấy khiến tôi chú ý hơn bất cứ ai.

- Làm nổ thật sự là thế nào?

- Là làm nổ tung cả sân khấu lên trời.

- Không cần phải ghê đến thế, tôi thận trọng nói.

- Có chứ, làm được, Ôtxatsi nói cho tôi yên lòng, mọi sự sẽ kết thúc tốt.

Trước khi đến cảnh mưu hại, Ôtxatsi chỉ cho tôi xem những thứ chuẩn bị: một số thùng rượu rỗng xếp ở hậu trường, và bên mỗi thùng là một trại viên, nai nịt một khẩu súng hai phát, nạp đạn như đề sẵn voi không lò đời tiền cổ; phía các đường cầu bên kia, những mảnh thủy tinh rắc trên mặt đất và cúi trên mỗi mảnh là một trại viên cầm một hòn gạch; ở phía thứ ba, trước lối đi ra sân khấu của các diễn viên, năm sáu đứa trẻ ngồi trước những ngọn nến cháy, tay cầm những chai đựng một thứ nước gì đó.

- Cái trò đám ma gì thế này?

- Đó là đồ chủ yếu: các chai đựng đầy dầu hỏa. Đến lúc cần, chúng nó sẽ hút dầu vào mồm và phun vào các ngọn nến. Hiệu quả phải biết là ghê.

- Ô! những của khí... Nhưng làm như vậy có thể cháy nhà mất.

- Bác đừng sợ, bác chỉ cần giữ ý làm sao cho dầu hỏa khỏi làm cháy mắt bác thôi, còn cháy nhà, các cháu sẽ dập tắt.

Hắn lại chỉ cho tôi thấy một dãy trại viên đứng sắp hàng, dưới chân đặt sẵn những xô nước.

Bị các thứ chuẩn bị ấy bao vây ba mặt, tôi bắt đầu cảm thấy thật sự đè nặng lên tôi cái số phận không tránh được của tên tổng trưởng bất hạnh, và tôi đâm ra suy nghĩ nghiêm túc rằng, không bắt buộc phải trả nợ thay cho tất cả những tội ác của tên Plevơ, thì đến lúc cuối cùng, ít ra tôi cũng có quyền được chạy thoát thân ra phía trước sân khấu. Một lần nữa tôi cố làm dịu bớt nhiệt tình của anh chàng Ôtxatsi quá ư chu đáo.

- Nhưng giội nước thì có làm tắt được dầu hỏa không?

Không thể làm nao núng được hắn ta: Ôtxatsi biết rõ việc của mình và tỏ ra có một am hiểu cao đẳng.

- Khi phun nó vào một ngọn nến thì dầu hỏa bốc thành hơi, và không cần phải dập tắt nó. Song có lẽ có những vật khác phải dập tắt.

- Như tôi, chẳng hạn?

- Bác, trước hết.

Tôi đành cam chịu số phận của tôi; nếu tôi không bị thiêu, thì thể nào tôi cũng sẽ được giội nước lạnh, trong khi trời rét hai mươi độ dưới không! Song, trời ạ, tôi không thể nào để lộ sự non gan của tôi trước mặt toàn thể đội sáu “Động”, nó đã tốn bao nhiêu tinh lực và óc sáng tạo để tổ chức vụ nổ này!

Khi Xazônốp ném quả bom, tôi lại được dịp đặt mình vào địa vị tên Plevơ và không thém ước cái số phận của hắn: các súng săn nổ trong các thùng rượu, và các thùng rượu gầm lên đến làm bực cả vành đai thùng lẫn mang tai tôi; những viên gạch đập lên các mảnh thủy tinh; với hết sức lực của những lá phổi trẻ trung, năm sáu cái mồm khạc dầu hỏa vào lửa những ngọn nến: cả sân khấu phút chốc biến thành một cây lửa và khói tấp thờ. Tôi không còn khả năng đóng vụng về cái chết của chính tôi nữa và ngã lăn ra, gần bất tỉnh trên sàn ván, dưới một trận sấm sét văng tai nhức óc những hồi vỗ tay và những tiếng hò reo phấn khởi của đội sáu “Động”. Muội dầu hỏa, đen và nhờn, trút xuống người tôi như mưa. Màn buông xuống; Ôtxatsi xóc nách vực tôi dậy và ân cần hỏi tôi:

- Bác không bị lửa ở chỗ nào chứ?

Tôi chỉ có lửa ở trong đầu óc thôi, nhưng tôi lờ đi không nói: có trời biết được đội sáu “Động” đã dự phòng chữa cháy thể nào trong trường hợp đó.

Cũng bằng phương tiện ấy chúng tôi làm nổ một chiếc tàu thủy, trong một cuộc tuần là bất hạnh ở hải phận Liên-xô thời kỳ cách mạng. Kỹ thuật của vụ nổ đó còn phức tạp hơn nữa. Làm thế nào cho có một ngọn lửa phụt ra ở mỗi cửa sổ của thành tàu cũng chưa đủ, mà còn phải cho chiếc tàu có vẻ thật sự bay lên không khí. Muốn được như vậy, một số trại viên, đứng nấp ở phía sau, tung lên trời nào mảnh ván, nào ghế dựa nào ghế đầu. Chúng đã khôn khéo lẩn tránh cho những vật ấy khỏi rơi vào đầu, nhưng viên thuyền trưởng, Piôtr Ivanovich Gôrôvich, thì bị cộp nặng. Những lon giấy trên cửa tay áo của anh ta bốc cháy, và một đồ gỗ rơi xuống người anh làm anh bị một vết thương thâm tím khá đau. Tuy vậy không những anh không phàn nàn gì, mà chúng tôi còn phải đợi đến nửa giờ cho anh ngớt cơn cười, rồi mới xem kỹ cho được yên lòng rằng lục phủ ngũ tạng của viên thuyền trưởng vẫn còn nguyên vẹn cả.

Ở nhà hát chúng tôi, có một số vai trò mà phải đóng thì thật sự là khổ. Ví dụ, các trại viên không chịu công nhận cái lối nổ súng từ trong hậu trường. Nếu anh bị bắn, thì anh hãy liệu chuẩn bị mà chịu đựng một thử thách nặng. Để hạ sát anh, người ta dùng thẳng thùng một khẩu súng lục liên phát; người

ta bỏ đầu đạn ra rồi lên chặt gốc sợi dây hay bông vào vỏ đạn. Lúc bắn là cả một bó lửa nổ tóe vào anh, và cậu nào được bắn thường bao giờ cũng húng chí vì vai trò của mình, nên thế nào cũng nhắm thẳng vào mắt anh. Nếu anh phải chịu nhiều phát súng, thì cả ổ đạn được nhồi theo cái kiểu quái ác ấy.

Khán giả dù sao cũng được thoải mái dễ chịu hơn: họ mặc áo choàng ngồi ẩm áp và đây đó có lò sưởi cháy. Họ chỉ có bị cấm không được cắn chặt hạt quỳ, và người nào say rượu thì không được vào xem. Chiều theo truyền thống cũ của chúng tôi, qua một cuộc điều tra kỹ lưỡng, hễ ai thoáng có mùi rượu đều nhất luật bị coi là say. Các trại viên biết phát hiện ngay lập tức giữa hàng mấy trăm khán giả những người bị, hay hơi hơi bị cái mùi ấy; chúng còn tài hơn nữa trong việc bầy họ ra khỏi ghế ngồi và bêu riếu đưa họ ra cửa, một mực gác ngoài tai nhưng lời phân trần có vẻ cứ y như thực.

- Kia, tôi xin lấy danh dự cam đoan, tôi có uống một cốc bia sáng nay, có thể thôi mà.

Nhiệm vụ làm đạo diễn còn đem lại cho tôi nhiều nỗi khổ khác, trong khi và trước khi diễn xuất. Chẳng hạn, tôi không tài nào làm cho Kutlaty học nổi được câu này:

Chúng ta thu thuế với tôi

Cho cả những năm qua.

Không hiểu làm sao hần cứ nhất định đòi là:

Chúng thu thuế gỗ tôi

Cho cả những nợ qua.

Và hần nói lên như thế trước mặt các khán giả.

Khi chúng tôi diễn vở “Quan thanh tra”,^[108] các trại viên đóng trò tốt, nhưng đến cuối vở chúng làm tôi tức sôi lên sùng sục, vì đây thần kinh của tôi, mặc dầu bền bỉ, đã không chịu đựng nổi những kích động quá mạnh gây nên bởi những câu đối đáp như thế này:

Amôs Fêđôrovich – Có nên tin những lời đồn không, ngài Antôn Xêmiônôvich? Phải chăng ngài đã được ban một hạnh phúc vô song?

Actemi Philippovich – Tôi được hân hạnh chúc mừng ngài, ngài Antôn Xêmiônôvich ạ, vì cái hạnh phúc vô song ấy. Nghe tin tôi đã hết lòng mừng rỡ. Anna Andrêiepna, Maria Antônôpna!

Raxtakutxi - Ngài Antôn Xêmiônôvich, chúc mừng ngài nhé. Cầu Thượng đế cho cặp uyên ương được bách niên giai lão và ban cho ngài đàn cháu chất nôi đôi tông đường. Anna Andrêiepna, Maria Antônôpna

Kôrôphin – Tôi được hân hạnh chúc mừng ngài, ngài Antôn Xêmiônôvich.

Tệ nhất là ở trên sân khấu và đang khoác áo một viên tổng trấn, tôi không có cách nào quật cho bọn quỷ ấy một trận. Chỉ mãi sau khi diễn xong màn kịch câm cuối cùng và ở hậu trường, tôi mới có thể để cho nổi tức giận của tôi nổ bùng ra:

Các chú đã làm cái gì vậy, hờ những đồ khốn? có phải các chú cố ý giấu cợt mọi người hay không, thì bảo?

Những bộ mặt ngạc nhiên trở lên, nhìn tôi và viên giám đốc bưu điện, Zăđôrôp, hỏi:

- Sao? Có chuyện gì thế? Mọi sự đều êm đẹp cả mà.

- Tại sao tất cả các chú đều gọi tôi là Antôn Xêmiônôvich?

- Chứ sao?... À nhĩ!.., ồ, chết chữa! Viên tổng trấn là Antôn Antônôvich cơ.

- Vậy mà trong các buổi tập diễn các chú đã gọi đúng!

- Trong các buổi tập diễn... Ồ, phải rồi, nhưng trong khi diễn, các cháu lú ruột quên đi mất.

5. MỘT NỀN GIÁO DỤC KULẮC

Ngày hai mươi sáu tháng ba, chúng tôi kỷ niệm sinh nhật Maxim Gorki. Chúng tôi còn có những ngày lễ khác mà tôi sẽ nói đến tường tận sau đây. Chúng tôi cố hết sức làm thế nào cho được nhiều người đến dự và các bàn ăn được dồi dào đầy đủ, vì thế nên các trại viên nói cho thực, rất thích hội hè, và nhất là chuẩn bị hội hè. Nhưng lễ sinh nhật của Gorki đối với chúng tôi thì thật là một lễ vui thú đặc biệt. Ngày hôm ấy chúng tôi còn ăn mừng cả mùa xuân đến. Sự đó tất nhiên thôi. Trong lúc bọn con trai kê dọn bàn tiệc, bắt buộc phải ở ngoài sân để cho tất cả mọi người đều có thể cùng dự tiệc với nhau một lúc, thì có khi chợt một cơn gió ác nghiệt bắt đầu từ phía đông thổi tới: một trận mưa đá nhỏ hạt, như kim châm, tác tễ đâm bổ xuống chúng tôi, mặt nước các hồ ao ở trong sân nhả lại, và hơi ẩm bỗng chốc làm chùng các mặt trống trong hàng đội ngũ chuẩn bị chào cờ của trại nhân dịp lễ. Song mặc kệ, trại viên vẫn cứ nheo mắt nhìn về phía đông và nói:

- Dù sao thì cũng đã cảm thấy rõ là mùa xuân rồi!

Lễ sinh nhật Gorki còn có một nét đặc biệt tự chúng tôi nghĩ ra, mà chúng tôi hết sức thiết tha và khiến chúng tôi rất thích. Đã từ lâu các trại viên quyết định rằng ngày hôm đó phải ăn mừng “thả cửa”, nhưng không mời một người khách lạ nào cả. Nếu có ai muốn đến, thì sẽ được hoan nghênh, nhất là khi người ấy tự ý muốn tham dự, nhưng theo nguyên tắc đó là ngày lễ gia đình của chúng tôi, người ngoài chẳng có can dự gì vào đây hết. Vì thế mà có một bầu không khí thật đơn giản và đầm ấm, thắt chặt thêm mối quan hệ gia đình giữa các thành viên của trại Gorki, mặc dầu các hình thức của ngày lễ tuyệt đối chẳng có tí gì giống một gia đình trưởng giả hết. Lễ bắt đầu bằng một cuộc duyệt các trại viên và chào cờ, rồi sau các diễn văn, lại là một cuộc diễu hành long trọng trước chân dung Gorki. Sau đó ngồi vào bàn ăn, và lúc đó, thôi còn khách sáo làm gì nữa, tha hồ cho mọi người... không phải là uống rượu chúc sức khỏe Gorki, – không, chúng tôi không uống gì hết – nhưng mà ăn... phải biết là ghê! Kalina Ivanôvich rời khỏi bàn ăn, nói:

- Tôi cho rằng bọn tư sản, những quân ăn hại ấy, không nên trách họ! Sau một bữa ăn như thế này, anh hiểu không, đến súc vật cũng chả có con nào làm việc được nữa, huống hồ một con người...

Tiệc có: xúp củ cải đỏ, nhưng không phải một món canh củ cải thường, mà là một thứ xúp ngon đặc biệt: như kiểu các bà nội trợ chỉ làm vào ngày sinh nhật của chồng thôi; rồi là bánh chả nhồi những thịt; cải bắp, gạo nếp, pho mát trắng; khoai tây, lúa hắc mạch, to đến mức không cái nào bỏ lọt nổi vào túi áo của một trại viên: sau món bánh chả, là một con lợn quay, không phải lợn mua ở chợ mà của chuồng nhà, do đội mười vổ cho béo từ mùa thu, đặc biệt dành cho ngày lễ này. Các trại viên trông nom lợn rất thạo, nhưng không ai muốn giết chúng cả, và ngay đến Xtupitxyn, là đội trưởng của đội ấy, càng từ chối:

- Tôi xin chịu thôi. Trông thương lắm, con Clêôpatơ, một con vật ngoan đến thế!

Tất nhiên là đến Xilanti Ôtsênac phải chọc tiết Clêôpatơ. Bác viện lý do như thế này:

- Lợn gạo thì hãy để cho kẻ thù của chú giết, thật đây, nhưng còn lợn tốt, như người ta nói, thì mình phải chọc tiết lấy thôi. Chú xem, chuyện trò thế đây.

Sau con Clêôpatơ, kể ra thì cũng có thể nghỉ ngơi được rồi để mà thở, nhưng trên bàn lại bày ra những bình với liễn đầy kem chua, kèm theo hàng núi bánh nhân pho mát trắng, thế là chẳng một trại viên nào muốn đi nghỉ hết, mà trái lại chúng vội chiếu cố ngay tới bánh và kem. Tiếp sau đó là món nước quả vắt đóng đông, không phải đựng vào đĩa nông như kiểu nhà quý phái, mà vào những đĩa sâu lòng, và tôi chưa từng thấy có trại viên nào chịu ăn món đó không kèm bánh mì hay chả. Qua bằng ấy thứ rồi tiệc mới coi như là xong, và mỗi người ở bàn ăn ra còn nhận một túi kẹo với bánh ngọt thơm.

Lại một lần nữa Kalina một câu rất đúng:

- Hừ, giá mà có nhiều ông Gorki cứ ra đời luôn, thì kẻ sống cũng dễ chịu đấy!

Sau bữa ăn, các trại viên không ngủ trưa, nhưng đi giúp các đội sáu đặc biệt chuẩn bị sân khấu diễn vở “Dưới đáy”, [1091](#) vở kịch cuối cùng của mùa đông. Kalina Ivanôvich rất chú ý đến vở đó:

- Tôi muốn xem thử là cái gì. Tôi đã nghe nói nhiều đến những cái ở dưới đáy ấy, nhưng chưa trông thấy bao giờ cả. Và tôi chưa có dịp nào đọc hết.

Về vấn đề này thì phải nói rằng Kalina Ivanôvich quá thối phồng sự không may của bác ta: thực ra bác lần mò rất vất vả trong những bí hiểm của việc đọc sách. Nhưng hôm nay Kalina Ivanôvich đang cao hứng hết sức, thì chớ nên kiếm chuyện với bác ta làm gì. Lễ sinh nhật Gorki năm nay có kèm theo một sự việc đặc biệt: theo đề nghị của đoàn Kôm-xô-môn, chúng tôi đã chế định cái danh hiệu trại viên. Việc cái cách này đã được các trại viên và các giáo viên bàn đi bàn lại rất nhiều và ai nấy đều nhất trí cho là ý kiến hay. Danh hiệu trại viên chỉ dành riêng cho những người nào thực sự yêu mến trại và hết sức phấn đấu cho trại mỗi ngày một tiến tới. Còn những kẻ lệt bệt đi sau, những kẻ hay khóc vờ khóc vĩnh than vãn kêu ca, hoặc những kẻ tâm ngảm hèn dớt thì chỉ được gọi là trẻ nuôi thôi. Cũng cần phải nói cho đúng sự thực rằng số đó có rất ít chỉ độ hai chục người. Các giáo viên cũ cũng được nhận danh hiệu là trại viên. Và cũng quy định rằng người nào trong bọn họ, sau một năm công tác ở trại mà không nhận được danh hiệu ấy, thì sẽ phải rời bỏ trại.

Mỗi trại viên được cấp một huy hiệu mạ kền, mà chúng tôi đặt làm riêng ở Khackôp. Nó mang hình một cái phao cứu nạn, có chữ M.G. (những chữ đầu tên của Maxim Gorki), và ở phía trên là một ngôi sao đỏ.

Kalina Ivanôvich cũng được nhận cái huy hiệu ấy trong buổi lễ duyệt các trại viên ngày hôm đó. Bác lấy thế làm vô cùng vui sướng và không giấu giếm điều đó:

- Cái lão Nicôlai ấy, [1101](#) tôi đã phục vụ hần không biết bao nhiêu lâu mà quanh đi quẩn lại chẳng được cái vui gì khác hơn là làm một tên phiêu kỵ binh quèn, thế mà bây giờ đến bọn ăn mày, những quân ăn hại này, lại thưởng huy chương cho tôi kia chứ. Nhưng làm thế nào được, dù sao thì cũng cứ lấy làm thích, anh hiểu không? Thế mới biết, một khi chúng nắm quyền bính ở trong tay! Chúng không có quần cụt, ấy thế mà chúng thưởng huy chương cho mình đấy.

Kalina Ivanôvich đương vui sướng bỗng bị cuộc đến thăm bất ngờ của Maria Kônđratiepna Bôkôva làm cho cụt hứng. Một tháng trước đây, bà ta đã được bổ nhiệm về sở Giám đốc Giáo dục xã hội tỉnh chúng tôi, và tuy không được coi là cấp trên trực tiếp của chúng tôi, nhưng bà cũng có quyền giám sát chúng tôi về một phương diện nào đó.

Ở trên chiếc xe ngựa thuê nhảy xuống, bà ta vô cùng ngạc nhiên nhìn thấy những bàn tiệc linh đình của chúng tôi mà các trại viên ban nãy phải phục vụ giờ đang ngồi ăn xong nốt bữa. Kalina Ivanôvich thừa cơ hội bà chưa hết ngỡ ngàng mà vội len lén lỉnh lút, để mặc tôi trả nợ thay cho những tội trạng của bác ta.

- Các ông ăn mừng lễ gì thế này? Maria Kônđratiepna hỏi.

- Lễ sinh nhật Gorki.

- Thế tại sao các ông không mời tôi?

- Ngày hôm đó chúng tôi không mời khách ngoài. Đó là lệ của trại.

- Không hề gì, cứ cho tôi ăn đi.

- Tất nhiên rồi. Nhưng Kalina Ivanôvich đi đâu rồi nhỉ?

- À! phải, cái ông già gớm ghiếc ấy à? Cái ông nuôi ong ấy chứ gì? có phải ông ta vừa mới lảng tránh khi trông thấy tôi phải không? Và cả ông nữa, ông cũng đứng vào cái chuyện bí ối ấy nữa? Bây giờ ở sở Giáo dục người ta đang nã tôi không ngớt đấy. Và viên chủ nhiệm bảo rằng người ta sẽ khấu trừ vào lương tôi trong hai năm. Đâu, cái ông Ivalina Ivanovich ấy đâu rồi, xin đưa ông ta ra đây cho tôi ngay lập tức!

Maria Kônđratiepna làm bộ mặt giận dữ, nhưng tôi thấy Kalina Ivanovich không đến nỗi bị nguy hiểm: bà ta đang vui vẻ hết sức. Tôi bảo một trại viên đi gọi bác Kalina Ivanovich đến và chào từ đàng xa.

- Này, ông đừng có lại gần! Maria Kônđratiepna vừa nói vừa cười, ông không biết ngượng à? Khiếp chữa kìa!

Kalina Ivanovich đến ngồi trên một chiếc ghế dài và nói:

- Chúng tôi đã làm một việc tốt.

Tôi đã được chứng kiến cái trọng tội của Kalina Ivanovich, một tuần lễ trước đây. Nhân cùng dạo qua sở Giáo dục, chúng tôi đã vào phòng Maria Kônđratiepna vì một việc nhỏ. Bà ta có một phòng giấy rộng mênh mông, bày nhiều đồ đạc, mà tôi không biết bằng thứ gỗ gì hiếm có. Bàn giấy của bà đặt ở giữa phòng. Bà ta có cái khéo là lúc nào ở đấy cũng có một đám dị tập đủ các loại người kiểu sở Giáo dục bao vây quanh mình: nói chuyện với một người, một người khác xen vào câu chuyện, một người thứ ba ngồi nghe: bác này nói ở điện thoại, bác kia viết nghỉ ngoáy ở một góc bàn giấy, một bác khác đọc, một người ấn giấy má vào dưới tay cho bà ta ký, và ngoài cả cái bộ tham mưu ấy ra, ở đấy lại còn có hàng đông người đứng quanh quần, chỉ có nói chuyện gẫu mà thôi. Thật cứ ồn ào, y như một phòng hút thuốc, một cái ổ chứa những đồ thừa.

Ngồi vào một chiếc đi-văng nhỏ, Kalina Ivanovich và tôi đang nói với nhau về một chuyện gì đó. Một người đàn bà gầy gò và hết sức sôi nổi chọt đâm bổ vào phòng và đến thẳng chỗ chúng tôi, diễn thuyết một thôi một hồi. Mãi sau chúng tôi mới hiểu ra được rằng bà ta nói về một cái vườn trẻ, có trẻ em, có phương pháp giáo dục tốt, nhưng chẳng có một tí đồ đạc gì cả. Rõ ràng người đàn bà này chẳng phải là đến đây lần đầu, vì bà ta dùng những lời kịch liệt vô cùng và chẳng nể nang gì cái cơ quan này hết:

Ma quỷ bắt họ đi, họ mở những vườn trẻ, to lớn đến dựng nên một thành phố được, nhưng họ không cho đồ đạc dùng. Tôi lấy cái gì mà cho chúng nó ngồi, tôi hỏi họ thế? Họ bảo tôi: mai chị đến nhé, người ta cấp cho chị. Tôi đưa bọn trẻ của tôi từ ba cây số đến đây, đem theo xe ngựa, nhưng chẳng thấy ai hết, và cũng chẳng ai để mà kêu ca cả. Những lối ở đâu như thế? Suốt một tháng giờ, tôi đến đây rồi. Thế mà ở phòng bà ta thì đây, các ông xem, có thiếu gì đồ đạc, mà để cho ai dùng chứ, tôi hỏi các ông thế?

Tha hồ cho bà ta nói to, chẳng có ai trong số những người vây quanh bàn giấy của Maria Kônđratiepna chú ý đến bà ta, và chẳng, giữa tiếng ồn ào chung, cũng chẳng ai nghe thấy bà ta nói. Sau khi đảo mắt nhìn quanh một lượt nhận định tình hình, Kalina Ivanovich vỗ tay xuống chiếc đi-văng nhỏ và hỏi:

- Này đồng chí, nếu tôi nghe ra, thì những đồ đạc này có lẽ thích hợp cho đồng chí phải không?

- Những đồ đạc này ấy à? bà ta hơn hờ nói. Thì hẳn đi rồi, ô! đồ đạc đẹp quá sức!

- Nếu vậy, thì còn cần gì hơn nữa? Một khi nó thích hợp cho chị, mà nó có sẵn đấy và chẳng dùng làm gì cả, thì chị cứ việc lấy về cho bọn trẻ của chị.

Người đàn bà bị kích động hết sức, mắt bà ta từ nãy đến giờ chăm chú theo dõi vẻ mặt Kalina

Ivanôvich, bỗng đảo quanh một vòng, rồi lại trở lại nhìn chăm chăm bác ta:

- Nhưng làm thế nào nhỉ?
- Như người ta vẫn làm thôi: chị lấy đi và chở lên xe kia.
- Trời ơi, nhưng làm sao bây giờ?
- Có một tấm giấy phỏng? Chị đừng băn khoăn về cái đó nếu không thì với tất cả bọn ăn hại này họ đi làm giấy mà làm liên miên không dứt, chị chả đời nào hết chuyện vất vả đâu. Chị cứ mang đi thôi.
- Nhưng, nếu người ta hỏi ai đã cho phép tôi, thì tôi nói thế nào?
- Chị sẽ bảo là tôi đấy
- Là ông đã cho phép tôi ư?
- Phải, tôi đã cho phép chị.
- Ô, trời ơi! bà ta vui mừng la lên, và nhẹ như một con bướm, bà ta chập chới bay ra khỏi phòng.

Một phút sau, bà ta lại chập chới bay vào, nhưng có chừng hai chục đứa trẻ theo sau. Chúng hí hửng đồ xô cả vào những ghế dựa, ghế bành cao, ghế bành lùn, đi-văng, và bắt đầu ì ạch lôi cả ra ngoài, cả phòng vang động ầm lên, và lần này khiến Maria Kônđratiepna phải để ý. Dướn người lên khỏi bàn giấy của mình, bà ta hỏi:

- Các người làm gì thế?
- Chúng cháu khuôn cái này, một chú bé da rám nắng đang cùng một chú bạn khiêng một chiếc ghế bành trả lời.
- Thì cũng làm khe khẽ một tí chứ, Maria Kônđratiepna nói, rồi lại ngồi xuống, tiếp tục công việc của mình.

Kalina Ivanôvich nhìn tôi với một vẻ chán chường:

- Anh nghĩ thế nào? có thể đến thế kia ư, Trời? Tụi nhãi con, những quân ăn hại, thì ra chúng nó sắp lấy đi tuốt cả.

Đã từ một lúc lâu rồi, tôi khoái ý nhìn canh phòng giấy của Maria Kônđratiepna bị cướp phá, và chẳng còn bụng dạ nào mà tức giận nữa. Hai đứa bé bám vào chiếc đi-văng chúng tôi ngồi, và chúng tôi để mặc cho chúng hoàn toàn tự do khiêng nó đi nốt. Sau khi bay chập chờn vài chập cuối cùng nữa chung quanh bọn trẻ nuôi, bà giám đốc của chúng mới tắt tưởi chạy tới Kalina Ivanôvich, nắm lấy tay bác ta mà giật giật, cảm động chứa chan, vừa sung sướng ngấm nghĩa bộ mặt tươi cười và then thùng của con người hào hiệp ấy vừa nói:

- Nhưng tên ông là gì? tôi cần phải biết. Thật ông đã cứu vớt chúng tôi, quả như thế đấy!
- Có ích lợi gì đâu mà chị cần biết tên. Thời đại ta ngày nay, chị biết đấy, người ta không đọc kinh cầu cứu sức khỏe cho ai cả, còn như để làm lễ cầu hồn cho tôi, thì tôi thấy hơi sớm đấy...
- Có chứ, xin ông cứ cho tôi biết, cho tôi biết...
- Tôi không thích những lời cảm ơn, xin chị hiểu cho.
- Ông cụ tốt bụng này, tên ông ta là Kalina Ivanôvich Xecđiuc đấy, tôi nói với một giọng tình cảm.
- Xin cảm ơn ông, đồng chí Xecđiuc ạ, xin cảm ơn!
- Có gì đâu, nhưng mà chị nên đem mau đi, chẳng có rồi một kẻ nào đẩy lại đâm ba chẻ củ vào và làm thay đổi tuốt cả mặt.

Bà ta bay đi trên những cánh của sự vui mừng và lòng biết ơn. Kalina Ivanôvich thất lại cái đai

chiếc áo đi mưa, ho húng hắng và rít một hơi tẩu thuốc

- Tại sao anh lại nói cho chị ta biết làm gì? Chẳng cần như thế cũng tốt rồi. Tôi không thích cho người ta cảm ơn cảm huê nhiều đến thế, anh có thấy không. Nhưng dù sao cũng có điều tôi rất muốn biết, là chị ta liệu có đem đồ đi thoát được hay không?

Một lát sau những người bao vây Maria Kônđratiepna rút sang các phòng khác và chúng tôi được bà tiếp. Việc của chúng tôi được bà giải quyết mau chóng rồi sau cùng, nhìn lơ đãng chung quanh, bà chợt hỏi:

- Chúng nó dọn đồ đạc đi đâu thế nhỉ? Quái thật! Chúng làm sạch quang cả phòng giấy tôi đi.

- Đây là cho một vườn trẻ, Kalina Ivanôvich nghiêm chỉnh nói, vừa nói vừa tựa hẳn người vào lưng ghế.

Mãi hôm sau, không biết do một sự kỳ lạ nào, mới phát hiện ra được rằng người ta đã lấy đồ đạc đi vì có Kalina Ivanôvich cho phép. Bị mời lên sở Giáo dục, chúng tôi lờ đi không lên, và Kalina Ivanôvich nói:

- Cứ đợi tôi mất công đi khỏi ra đây vì một chuyện ghế dựa! Làm như là ở đây tôi chưa có đủ công việc phải lo ấy!

Vì tất cả những lý do đó cho nên lúc này Kalina Ivanôvich cảm thấy bứt rứt khó chịu như người đi đôi giày chật.

- Chúng tôi đã làm một việc tốt. Điều đó có gì là tệ hại?

- Thế ra ông không biết ngượng à? ông có quyền gì mà cho phép như thế?

Kalina Ivanôvich lịch sự quay mình lại trên ghế ngồi:

- Tôi có quyền; cũng như bất cứ ai vậy thôi. Ví dụ như hôm nay tôi cho phép bà mua một cái trại, – thì là tôi cho phép bà mua, chỉ có thế thôi. Còn tùy ý bà mua hay không mua. Và nếu bà muốn, bà có thể cứ việc lấy thẳng nó cũng được. Tôi cũng cho phép bà làm như thế đấy!

- Nhưng nếu thế thì, tôi đây, tôi cũng có thể cho phép khuân đi, – và Maria Kônđratiepna đưa mắt nhìn bao quát các thứ ở chung quanh mình, – ví dụ, tất cả các ghế đầu và những cái bàn này à?

- Bà có thể cho phép.

- Thế nào? Maria Kônđratiepna vẫn nhấn hỏi, mà không khỏi có phần lúng túng.

- Thế thì, chả làm sao cả.

- Nếu như vậy thì sẽ xảy ra chuyện gì? Người ta sẽ đến lấy các thứ đồ và mang đi à?

- Ai đến lấy kia?

- Một người nào đó.

- Ái cha, cái người nào đó cứ việc đến đi. Để xem bản thân hẳn ta ở đây bước ra tình trạng ra sao, thú đáo để.

- Dù sao thì hẳn cũng chả đi được bằng chân mà ra đâu, phải cần đến một chiếc xe thôi, Zăđôrôp đứng ở sau lưng Maria Kônđratiepna đã được một lúc lâu, vừa nói vừa mỉm cười.

Maria Kônđratiepna đỏ mặt, ngược mắt nhìn lên Zăđôrôp và lúng túng hỏi:

- Anh nghĩ thế à?

Nụ cười của Zăđôrôp để lộ tất cả răng hắc.

- Tôi thấy rất có thể là như thế.

- Một thứ triết lý của kẻ cướp, thiếu phụ nói. Ông dạy dỗ các trẻ nuôi của ông như thế à? Bà ta quay lại bảo tôi bằng một giọng khô khan.

- Vâng, đại khái như vậy...

- Ông cho như thế là một cách giáo dục à? Lấy cướp đồ đạc của phòng giấy tôi, đến như vậy thì còn có nghĩa lý gì không chứ? Vậy thì ông giáo dục ai? Tóm lại, hề có cái gì dễ vương vất đấy, thì cứ việc lấy phăng đi thôi, có phỏng?

Một nhóm trại viên đứng nghe và vẻ mặt chúng biểu hiện rõ chúng hết sức chăm chú đến câu chuyện. Maria Kônđratiepna nổi nóng, và trong giọng nói của bà ta tôi thấy có những thanh điệu hơi cáu kỉnh mà bà không muốn để lộ ra. Không muốn để cuộc tranh luận kéo dài theo chiều hướng đó, tôi nói giọng hòa giải

- Nếu bà đồng ý, thì chúng ta sẽ nói lại kỹ về chuyện này một lần khác, vì dù sao đó cũng là một vấn đề phức tạp.

Nhưng Maria Kônđratiepna không chịu:

- Có cái gì là phức tạp ở trong chuyện này chứ? Thực đơn giản như không: ông giáo dục họ theo lối kulắc, chỉ có thế thôi.

Kalina Ivanôvich hiểu rằng bà ta tức giận thực sự nên đến ngồi sát gần bà:

- Bà đừng giận một người già cả hiền lành, nhưng bà không nên nói như vậy: một nền giáo dục kulắc. Ở trại này, giáo dục của chúng tôi là một nền giáo dục xô-viết. Về phần tôi, thì tất nhiên tôi đùa đấy, và tôi nghĩ bụng: một khi bà chủ nhà ngồi đó, thì bà ta sẽ cười, chỉ có thế thôi, và không biết chừng bà ta cũng nhận thấy rằng bọn trẻ nhỏ không có ghế để ngồi. Song đây không phải là một bà chủ nhà đảm đang; người ta lấy đồ đạc của bà ta ngay trước mặt bà ta, thế rồi bây giờ bà ta đi tìm những thủ phạm và lại nói đến một nền giáo dục theo lối kulắc...

- Thành thử các trẻ nuôi của ông có lẽ cũng sẽ hành động y như thế? Maria Kônđratiepna đáp, song giọng kháng cự đã bắt đầu yếu.

- Phải rồi, họ cứ nên làm như thế...

- Tại sao vậy?

- Để dạy cho các bà chủ nhà vô tâm biết công việc mình phải làm.

Karabanôp lách đám trại viên bước ra và đưa cho Maria Kônđratiepna một cái gậy có buộc một chiếc muisoa trắng như tuyết, sáng nay nhân dịp lễ, người ta đã phát cho các trại viên những muisoa đó.

- Thôi nào, bà Maria Kônđratiepna, kéo cờ trắng lên đi, và xin bà đầu hàng ngay tức khắc cho.

Maria Kônđratiepna bỗng phá lên cười, và đôi mắt bà sáng long lanh:

- Tôi xin hàng, tôi xin hàng; người ta không nuôi dạy các anh theo lối kulắc, chả có ai đánh lừa lấy cướp của tôi hết cả, thôi xin hàng, các bà ở sở Giáo dục xã hội đầu hàng.

Đến đêm, khi tôi khoác một chiếc áo lót bông đi mượn ló mặt ra khỏi cái lỗ của người nhấc vở, thì Maria Kônđratiepna, ngồi trong phòng rạp trống rỗng, đang chăm chú theo dõi những cuộc chạy đi chạy lại cuối cùng của các trại viên. Từ hậu trường, tiếng kim lanh lạnh của Tôxka Xôlôviep đòi hỏi:.

- Xêmiôn, này Xêmiôn, cậu đã trả bộ áo chưa? Cậu hãy đem trả rồi rút về đi.

Tiếng của Karabanôp đáp lại hần:

- Tôxka, chú em xinh của tôi ơi, chú đâm ra hơi gàn rồi có phải không? Tớ đóng vai Xatin kia mà.

- À! Xatin! Thế thì cậu cứ giữ lấy làm kỷ niệm.

Đứng ở thành sân khấu, Vôlôkhôp kêu to lên vào trong bóng tối:

- Galatenkô, đừng làm thế chú mày nhá, phải tắt lò đi mới được.

- Rồi tự nó sẽ tắt thôi, giọng khàn khàn và buồn ngủ của Galatenkô đáp lại.

- Mày hãy làm theo lời tao bảo, tắt đi. Mày đã nghe rõ lệnh: không được để một lò sưởi nào còn cháy cả.

- Lệnh đâu mà lảm thế, cứ như mưa rào ấy! Galatenkô làu bàu. Nào, thì tắt.

Trên sân khấu một nhóm trại viên đang dỡ những tấm phản dạ lữ viện và một chú hát: “Mặt trời mọc rồi lại lặn”.

- Những tấm ván này, ngày mai, trả về xưởng mộc, Michia Jêvêli nhắc lại, rồi hấn bổng kêu tướng lên:

- Antôn, này Antôn ơi!

Từ trong hậu trường, Bratsenkô đáp lại hấn:

- Có tao đây, mày làm cái gì mà rống lên như một con lừa ấy?

- Mai mày cho chúng tao một cái xe chứ?

- Phải.

- Với một con ngựa chứ?

- Chúng mày không kéo lấy được à?

- Chúng tao không đủ sức.

- Mày không ăn đủ thóc sao?

- Chính thế đấy.

- Cứ đến, tao sẽ cho mày ngựa.

Tôi đi lại gặp Maria Kônđratiepna.

- Bà nghỉ đêm ở đâu?

- Tôi đợi Lida. Lúc nào lau rửa mặt hóa trang xong, cô ta sẽ đưa tôi về phòng cô... Này, ông Antôn Xêmiônôvich ạ, các trại viên của ông ngoan thật, nhưng kẻ cũng vất vả đấy; bây giờ đã khuya lắm rồi mà họ vẫn còn làm việc. Tôi tưởng tượng họ mệt biết chừng nào. Ông xem có thể cho họ ăn cái gì được không? Ít ra thì cùng cho những người đã làm việc.

- Họ đều làm việc tốt cả và làm gì có đủ cho tất cả mọi người.

- Nhưng còn chính ông, các giáo viên của ông, các ông cũng đóng kịch và tất cả đều đóng khá; tại sao các ông không hợp nhau lại, ngồi một lát chuyện trò, và ăn tối một chút với nhau. Tại sao không được?

- Sáu giờ sáng chúng tôi đã phải dậy, bà Maria Kônđratiepna ạ.

- Chỉ vì lẽ đó thôi ả?

- Bà xem đây thì biết, tôi nói với người đàn bà tốt bụng và khả ái đó, chúng tôi sống một cuộc đời khắc khổ hơn vẻ ngoài người ta tưởng tượng rất nhiều. Hơn rất nhiều.

Maria Kônđratiepna ngồi lặng yên suy nghĩ. Chị Lida bé nhỏ nhảy từ trên sân khấu xuống và bảo:

- Buổi diễn hôm nay hay đấy chứ nhỉ?

6. NHỮNG MŨI TÊN CỦA QUYPIDÔNG ^[111]

Lễ sinh nhật Gorki đánh dấu mùa xuân đã đến. Ít lâu nay chúng tôi đã bắt đầu cảm thấy mùa xuân thức dậy ở một lĩnh vực nào đó.

Nhà hát của chúng tôi đã khiến cho các trại viên gần gũi rất nhiều với các thanh niên nông thôn, và nhiều khía cạnh của sự gần gũi ấy làm nảy nở ra những tình cảm và dự định chẳng hề được liệu tính trước chút nào trong lý luận của khoa giáo dục xã hội. Những nạn nhân chính của tình trạng đó là những trại viên, do quyết định của hội đồng đội trưởng, bị đặt vào những chỗ nguy hiểm nhất, nghĩa là vào đội đặc biệt “Khán”, chữ dùng để chỉ khán giả một cách rất có ý nghĩa.

Các bạn của họ ở đội sáu “Diễn”, đóng trò trên sân vắn, từ đầu chí cuối đều được lôi cuốn trong cơn lốc say sưa của ảo tưởng sân khấu. Vì thế cho nên họ thường cảm thấy sự kích thích lãng mạn và sự giả vờ của ái tình đóng kịch, song đó chính là điều cứu họ thoát trong một thời gian khỏi sự yếu đuối của cái mà người ta gọi là mối tình đầu say đắm. Các đội khác điều động cho sân khấu cũng làm việc trong một bầu không khí lành mạnh an toàn. Các chú ở đội sáu “Động” luôn luôn bận rộn với những chất nổ thượng hạng, và Taranet ít khi rời bỏ cái băng quần chung quanh đầu, bị thương một lần trong vô số lần hấn thử những thuật hỏa công của hắn. Ái tình cũng chả làm sao bắt vào được cái đội ấy: tiếng sấm nổ đình tai nhức óc của những tàu bè, pháo đài và xe tổng trưởng bay tung lên trời làm cho các trại viên bị kích động đến tận đáy tâm hồn, chẳng còn để lúc nào rảnh rỗi cho nhóm lên ở đây “ngọn lửa đục âm ụ, mờ ám”. Những “ngọn lửa” như thế cũng không tài nào nảy sinh được trong đội phụ trách kê dọn đồ đạc và bồi cảnh; trong trường hợp của họ, cái hiện tượng mà thuật ngữ sư phạm gọi tên là “cao thượng hóa”^[112] được biểu hiện một cách quá ư mạnh mẽ. Ngay đến các chú trong đội “Ám”, làm phận sự giữa nơi công chúng hằn hoi, cũng tránh được những mũi tên của Quypidông, vì dù cho lơ đãng đến đâu chẳng nữa, vị thần đó cũng chẳng thể nào nảy ra ý bắn tên vào những cái đích đen thui đen thui vì bụi than và mồ hóng nhem nhuốc như thế.

Nhưng chú trại viên thuộc đội sáu đặc biệt “Khán” thì chỉ vì thuộc đội ấy mà rất dễ bị nguy. Chú ta bước vào nhà rạp, diện bộ quần áo bảnh nhất mà trại có thể cấp cho chú; hể ăn mặc chênh mảng một tí là tôi tóm cổ chú đi ngay và la mắng cho cẩn thận. Ở túi bên áo chú ta đóm dánh thò ra đầu góc một chiếc mui soa sạch; mũ chú đội bao giờ cũng là một kiểu mẫu lịch sự; chú phải lễ phép như một nhà ngoại giao và ân cần như một anh thợ chữa răng. Được trang sức bằng tất cả những ưu điểm đó, chú ta không tài nào tránh khỏi sa vào vòng ảnh hưởng của những sức mạnh quyền rũ rất quen biết nọ, mà ở Gôntsarôpka cũng như ở Pirôgôpka và ở các trại áp Vôlôvi, đại khái chúng cũng được chinh bị theo cùng một kiểu cách như ở các phòng khách của Pari mà thôi.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên, ở cửa nhà hát chúng tôi, trong khi soát vé, và việc tìm một chỗ ngồi còn trống, cứ nhìn bề ngoài thì hình như không có vẻ gì là nguy hiểm: trước mắt các cô, cái con người làm chủ nơi đây, người tổ chức ra những buổi diễn tuyệt vời này, với biết bao đoạn văn dài cảm động và những diễn xuất kỳ lạ trên sân khấu, con người ấy có vẻ như còn được phủ thêm cái uy tín hấp dẫn của sự xa vời, không thể nào với tới, không thể nào đụng tới, hầu như vượt hẳn ra ngoài vòng tình ái, thậm chí đến ngay bản thân các cậu trai làng cũng không hề cảm thấy lòng bị cắn xé bởi sự ghen tuông. Nhưng qua buổi diễn thứ hai, thứ ba và thứ năm rồi, thì cái chuyện cũ kỹ ngàn đời kia lại tái diễn. Paraxka ở thôn Pirôgôpka hoặc Marutxia ở xóm Vôlôvi chợt nhớ ra rằng những bộ má phớt hồng, những đường lông mày đen – mà cũng chẳng cứ riêng lông mày đen nữa – với những đôi mắt long lanh; một chiếc áo vải hoa mới tinh choáng lộn với những thứ quyến rũ của thời trang, bao trùm hàng triệu triệu môi hấp dẫn, mà cái nào cũng công hiệu như cái nào; cái nhạc điệu như nhạc của nước Ý trong tiếng “e lờ” theo giọng Ukren, mà chỉ có một thanh quản thiếu nữ mới có thể thốt lên trong trẻo được –

các cô nhớ ra rằng tất cả những cái đó là một sức mạnh vượt bỏ hẳn lại rất xa ở đằng sau, không những mọi trò kỹ xảo hóa công của các trại viên Trại Gorki, mà còn vượt bất cứ kỹ thuật nào khác, ngay cả đến kỹ thuật Mỹ hết sức nữa. Và một khi tất cả những sức mạnh ấy bắt đầu tác động, thì thôi đấy, cái uy tín không thể nào với tới của các trại viên chẳng còn lại được một tí gì nữa hết. Rồi đến cái lúc mà một chú trong bọn đến tìm tôi sau buổi diễn, nói dối như manh rằng:

Bác Anton Xêmiônôvich, xin phép bác cháu đưa các cô gái thôn Pirôgôpka về, chẳng có họ sợ.

Trong câu nói ấy là cả một sự hỗn hợp hiếm có của bao nhiêu điều dối trá, vì kẻ được nhận nhiệm vụ cũng y như tôi, đều thừa biết đi rằng chả có ai sợ hãi gì hết thảy, và chả cần ai phải đưa về cả; rằng chữ số nhiều “các cô gái” kia là ngoa ngoắt và cũng chẳng cần gì đến một sự cho phép nào; nếu cần, thì chẳng cho phép người ta cũng cứ tổ chức cuộc tiễn chân cái cô khán giả sợ sệt kia.

Vì thế nên tôi cho phép, mà phải nén sâu vào tận đáy tâm hồn sự phạm của tôi cái cảm giác rõ rệt là mình hành động mâu thuẫn. Người ta biết rằng khoa sư phạm nhất thiết phủ nhận tình yêu, cho rằng cái “đặc trưng” ấy chỉ được xuất hiện khi nào sự thất bại của tác dụng giáo dục đã hoàn toàn được chứng nhận mà thôi. Tự cổ chí kim và ở dân tộc nào cũng vậy, các nhà sư phạm đều ruồng ghét tình yêu. Và tôi cảm thấy một mối thất vọng hờn ghen khi thấy một trại viên này hay trại viên nọ vắng mặt trong một buổi họp Kômxiônôn hoặc một buổi họp toàn trại, khinh bỉ đẩy sách đi, coi thường hết thảy những đức tính cần có cho một đoàn viên tích cực và có ý thức tập thể, để chỉ công nhận độc có uy quyền của một cô Marutxia hay Natasa, là những con người đứng thấp hơn tôi không biết đến đâu mà nói, về các mặt sư phạm, chính trị, đạo đức. Song xưa nay vốn quen suy nghĩ, tôi không vội để cho lòng ghen của tôi tự do bộc lộ tí nào. Các bạn đồng nghiệp của tôi ở trại và đặc biệt là các ông ở sở Giáo dục đều quyết liệt hơn tôi và rất bức bối phản ứng, chống lại những sự can thiệp của vị thần nhỏ có cánh đến phá vỡ hết thảy mọi dự kiến và kế hoạch.

- Phải cương quyết chống những hiện tượng đó mới được.

Những cuộc tranh luận ấy bao giờ cũng có cái tốt là rút cục đã dội ánh sáng vào điểm này; nên dựa vào lương tri của mình và vào sự hợp tình hợp lý của đời sống. Hiện tượng hợp tình hợp lý chưa lấy gì làm có nhiều trong đời sống của chúng tôi, vì nó vẫn còn nghèo nàn lắm. Và tôi mơ ước: giả sử chúng tôi giàu có, thì tôi sẽ cưới vợ cho các trại viên và sẽ cho các đoàn viên Kômxiônôn có vợ được ở khắp quanh vùng. Điều đó có gì là hại? Song cái đó còn là xa xôi viễn vọng. Cũng không hề gì. Cảnh nghèo có khi nảy ra sáng kiến. Tôi không dung những lời can thiệp sư phạm để làm phiền nhiễu những kẻ si tình, thứ nhất là họ đã không vượt ra ngoài khuôn phép. Trong một lúc thực tình, Ôpriskô đã khoe với tôi tấm ảnh cô Marutxia của hắn, đó là chứng cứ hiển nhiên rằng cuộc sống vẫn theo dòng tiến triển của nó trong khi chúng tôi cứ triền miên suy nghĩ.

Tấm ảnh tự nó chẳng nói lên được gì nhiều. Cái bộ mặt rộng, mũi hếch, đang nhìn tôi đây, chẳng đem thêm được chút gì cho kiểu người trung bình của Marutxia. Nhưng ở mặt sau có những chữ này viết bằng một kiểu chữ rõ ràng là của nữ học sinh:

“Marutxia Lukasenkô tặng anh Đmitri thân yêu. Xin anh chung thủy với tình đôi ta”

Đmitri Ôpriskô, ngồi trên chiếc ghế dựa, biểu lộ cho cả thế giới biết rằng hắn ta là một con người bỏ đi rồi. Hắn chỉ còn là cái bóng ma thảm hại của anh chàng trai vui tính dạn dĩ nọ, và ngay cả đến túm tóc xoắn bướng bỉnh ở trên trán hắn cũng đã biến mất: mái tóc hắn bây giờ chải chuốt đã có một vẻ nét na ôn hòa. Đôi mắt màu hạt dẻ của hắn mới đây rất dễ sáng ngời lên vì một câu đùa hóm hỉnh hoặc vì ý muốn chạy nhảy cười cợt, giờ chỉ còn biểu hiện với một vẻ thần nhiên ngoan ngoãn những mối lo âu gia đình và sự phục tùng cái số phận đáng yêu của hắn.

- Chú dự định làm gì?

Ôpriskô mỉm cười.

- Nếu bác không giúp cho, thì sẽ không ổn chuyện được. Chúng cháu chưa nói gì với ông bố cả; Marutxia sợ. Nhưng, nói cho cùng, ông ta đối với cháu cũng khá có thiện cảm.

- Được rồi, ta hãy đợi xem.

Ở phòng tôi bước ra, Ôpriskô hoan hỉ và quý hóa giấu kín trên trái tim tấm ảnh của cô bạn tình.

Với Tsôbô thì tình hình nghiêm trọng hơn nhiều. Tính cách hằn lăm lì và hung bạo, ngoài ra chẳng có gì nổi bật cả. Trước kia mới đến trại hắn đã có ngay một chuyện đánh nhau quan trọng, điểm xuyết bằng những nhát dao. Từ đấy đến nay, hắn nghiêm túc tôn trọng kỷ luật nhưng bao giờ cũng xa lánh những nhóm ẩu loạn của trại. Bộ mặt hắn không linh hoạt, chẳng có vẻ gì đặc sắc và những lúc hắn tức giận lại còn có phần ngốc nghếch nữa. Hắn đến trường chẳng qua là vì bắt buộc và chỉ học được tạm biết đọc. Điều mà tôi thích ở hắn, là cách hắn ăn nói: hắn hà tiện lời, nhưng bao giờ người ta cũng cảm thấy lời của hắn rất thẳng thắn và đơn giản. Hắn là một trong những người đầu tiên được kết nạp vào đoàn Kômxômôn. Kôvan có một ý kiến rất rõ rệt nhận xét về hắn:

- Nó không làm nổi một bản báo cáo và cho làm công tác tuyên truyền cũng rất là đoảng, nhưng bác hãy thử giao cho nó một khẩu liên thanh xem, nó sẽ chết trước khi rời súng.

Ở trại ai cũng biết Tsôbô yêu say đắm Natasa Pêtrenkô. Cô gái ở nhà Mutxi Kacpôvich, được y nhận là cháu, nhưng sự thực y nuôi cô chỉ để làm thợ cày cấy. Mutxi cho cô đến trại xem kịch, nhưng bao giờ cô cũng ăn mặc rất là xoàng xĩnh: một cái váy may vụng, đã có người dùng cũ từ lâu, đôi giày có cô méo mó, đi chẳng vừa chân, và một chiếc áo dài lỗi thời màu tối sẫm. Không bao giờ chúng tôi thấy cô mặc khác. Những quần áo đó biến người cô thành một hình nhân thảm hại, nhưng lại càng làm cho mặt cô thêm có duyên. Trong khi cái vòng hào quang hoe hoe đỏ của một chiếc khăn trùm đầu bà già rách bươm và hoen ố, chẳng phải là một bộ mặt lộ ra trước mắt ta nữa, mà chính thực là sự biểu hiện tuyệt vời của tiết sạch giá trong người trinh nữ với nụ cười không bao giờ tỏ ra hằn học, tức giận, nghi kỵ, buồn phiền. Cô ta chỉ có biết nghiêm chỉnh lắng nghe, và trong lúc đó người ta thấy đôi hàng mi đen rậm của cô rung lên nhẹ nhẹ, hoặc giả phờ ra, trong một nụ cười chân thực và đầy ý tứ ân cần, hai hàng răng nhỏ xinh, có một chiếc hơi mọc lầy ở đằng trước.

Natasa bao giờ cũng đến trại cùng với nhóm bạn gái, những cô nói năng cử chỉ sôi nổi, huyền ảo và kiêu cách, khiến cô nổi bật hơn hẳn lên vì sự dè dặt đơn giản, trẻ thơ, và tính vui vẻ tự nhiên của cô. Lần nào cũng như lần nào, Tsôbô đều gặp cô và cùng cô ngồi trên một chiếc ghế dài, về mặt lăm lì quàu quàu, song về mặt đó chẳng hề khiến cô bối rối và làm biến đổi gì trong tâm tình cô hết. Thấy tôi tỏ ý không tin rằng cô gái ấy lại có thể yêu được Tsôbô, bọn con trai nhất tề trả lời tôi:

- Ai? Natasa ấy ư? Nhưng bảo cô ta nhảy vào lửa vì nó cô ta cũng nhảy ngay, không do dự.

Hồi đó, thực ra, chúng tôi chẳng làm gì có thì giờ rảnh rỗi mà nghĩ đến những chuyện tiểu thuyết. Đã đến dạo mặt trời chuyển sang một đợt tấn công thật sự và làm việc đến mười tám giờ mỗi ngày. Theo gương mặt trời, Sêrê cũng chồng chất công tác cho chúng tôi nhiều vô kể, thậm chí chẳng mấy lúc được yên lặng mà thở nữa, chúng tôi không khỏi cay đắng nhớ lại chúng tôi đã phẫn khởi chừng nào trong mùa thu vừa qua, mà tán thành kế hoạch gieo hạt giống của anh ta. Chính thức thì là cấy luân phiên sáu năm, nhưng công việc thực sự phức tạp hơn nhiều, Sêrê hầu như không gieo giống ngũ cốc. Anh ta đã cho cấy lúa mì vào mùa thu vào khoảng bảy éc-ta ruộng hưu canh mùa đông; đó đây lẫn quất một vài nương nhỏ mạ yến mạch và đại mạch; ngoài ra anh ta còn dành một mảnh ruộng bé thí nghiệm một thứ hắc mạch đặc biệt, mà anh ta nói trước rằng rồi đây sẽ chẳng có một người nông dân nào dám đoán là hắc mạch, và họ sẽ phải “phát hoảng”.

Nhưng trong khi đợi thì chúng tôi hãy phát hoảng trước: khoai tây, củ cải cho súc vật, dưa gang, cải

bắp, cả một đồn điền trồng đỗ, mà tất cả các thứ đó đều nhiều giống loại khác nhau, khó mà phân biệt được. Bọn trai còn bảo rằng Sêrê đã đưa cả một cuộc phản cách mạng thật sự vào các ruộng nương của trại nữa.

- Với chủ ta, thì chỉ toàn là những vua, với hoàng đế hay hoàng hậu.

- Quả thật, trong tất cả các lô của anh ta, phân ranh giới bằng những luống đất và những hàng rào thẳng tắp, Sêrê đã cắm cọc những tấm biển nhỏ bằng gỗ ghép, mỗi biển đề gieo hạt gì và gieo bao nhiêu. Một số trại viên – có lẽ là những chú trông coi các ruộng gieo cho quạ khỏi ăn hạt – một buổi sáng nọ nảy ra ý kiến đem những tấm biển của chính họ ra cắm ngay bên cạnh, trò tình nghịch ấy là cho Sêrê tức giận ghê gớm. Anh ta đòi triệu tập hội đồng đội trưởng và, trước mặt họ, anh ta hét lên, khiến chúng tôi ngạc nhiên vì xưa nay không quen thấy anh ta như thế bao giờ:

- Những trò bô lão này là cái gì thế vậy? Thật mới ngu xuẩn chứ! Tôi gọi những thứ đó bằng cái tên mà người ta gọi chúng ở khắp nơi. Nếu thông thường phải gọi thứ này là “Vua Andaluzi”^[113], vì là cả thế giới biết tên nó như thế, thì tôi không thể nào lại bịa ra cho nó một cái tên mới được. Thật là một chuyện đùa giả, chỉ có thể thôi! Ai lại đi đề vào: Đại tướng Củ cải, Đại tá Đỗ xanh không chứ? Rồi lại còn: Đại úy Dưa hấu và Trung úy Khoai Tình yêu?

Các đội trưởng đều mỉm cười, không biết nên có thái độ thế nào đối với tất cả cái bẽ bàng ấy. họ nghiêm chỉnh hỏi:

- Ai bày ra cái trò khi ấy? Các thứ rau đó đang là vua, thế mà bây giờ chúng chỉ còn được là đại úy thôi. Có quỷ nào hiểu...

Bọn trai không thể nhịn cười mồm mỉm, mặc dầu họ sợ Sêrê. Xilanti hiểu tình hình nghiêm trọng của sự xung đột và cố gắng làm cho không khí bớt căng thẳng:

- Anh xem, chuyện trò thế đấy: một khi ông vua mà một con bò cái cũng gặm được, thì đó, cũng chả lấy gì làm ghê sợ; có thể cứ để mặc cho nó làm vua.

Kalina Ivanôvich cũng đứng về phe Sêrê:

- Tại sao các chú lại làm nhộn lên như thế? Các chú muốn tỏ ra rằng ta đây là những nhà đại cách mạng, và các chú ngựa ngáy muốn khai chiến và cắt cổ những của ăn hại ấy, có phải không? Thế thì được lắm, việc gì mà phải băn khoăn? Người ta sẽ cho mỗi chú một con dao, và các chú cứ việc chặt đầu chúng đi, cho đến kỳ mồng hai các chú rỏ giọt như mưa ấy nhé.

Các trại viên đã biết công tác cắt lá củ cải là như thế nào rồi, cho nên họ rất vui vẻ đón nhận câu tuyên bố của Kalina Ivanôvich. Thế là chấm dứt cuộc điều tra về cái án phản cách mạng trong các ruộng của trại, và khi Sêrê giồng ở trước tòa bạch cung hai trăm bụi hồng lầy ở khung kính ám ra, với những tấm biển đề chữ “Hoàng hậu Bạch tuyết”, thì chẳng có một trại viên nào phản đối hết. Chỉ riêng Karabanốp nói:

- Hoàng hậu, kệ xác nó, con đĩ, miễn là nó thơm là được.

Củ cải làm cho chúng tôi vất vả hơn hết mọi thứ khác. Cứ nói thực ra, thì đó là một thứ cây đáng ghét vô cùng. Chỉ có gieo nó là dễ thôi, còn về sau thì phát điên lên vì nó được. Nó vừa mới nhú ra khỏi đất, chậm chạp và lười biếng, đã phải làm cỏ cho nó ngay. Giẫy cỏ lần thứ nhất cho củ cải là một tấn thảm kịch thật sự. Đối với một người chưa thông thạo, thì cây non chẳng khác gì một thứ cỏ xấu, cho nên Sêrê đòi hỏi phải là những trại viên cũ làm việc ấy, và các chú này kêu lên:

- Đấy, mày bảo thế nào: lại giẫy cỏ cho những của nợ ấy à? Làm như chưa đủ chán ngấy lên vì giẫy hay sao!

Xong việc giầy cỏ lần thứ nhất, rồi lần thứ hai, ai nấy đang mơ tưởng được làm cái bắp, hay đỗ, và chẳng mùa cắt cỏ cũng đã tới rồi, thì một ngày chủ nhật kia trong bản điều nhân lực của Sêrê, người ta thấy ghi cái khoản kín đáo này: “Bốn mươi trại viên, để xới đất lại cho củ cải”.

Vecsonep, thư ký của hội đồng, đọc riêng một mình cái dòng chữ nhỏ trắng trơn ấy, tức giận, đập nắm tay lên mặt bàn:

- Tôi thấy gì đây nhĩ: lại củ cải à? Vậy ra chưa xong tôi với cái cây chó chết ấy ư!... Có lẽ là một lệnh cũ mà chú ghi lầm đấy chẳng?

- Không, một lệnh mới đấy, Sêrê bình tĩnh đáp. Bốn mươi người, và phải là người cũ đấy nhé.

Nhân nghỉ hè ở một nhà gần trại, Maria Kônđratiepna cũng dự vào buổi hội đồng. Những núm đồng tiền nho nhỏ trên đôi má bà ta hình như thích thú nhìn sự tức giận của các trại viên.

- Sao mà các chú lười thế, hử các chú? Vậy mà ăn thì các chú thích củ cải nấu xúp, có phải không nào?

Xêmiôn nghiêng đầu và nói một cách hùng hồn:

- Điều thứ nhất, đây là củ cải cho bò ăn; nó cứ chết quách đi cho xong! Điều thứ hai, mời bà hãy đi xới đất lại với chúng tôi. Xin bà quá bộ cho chúng tôi được hân hạnh, và nếu bà có thể kham nổi, dù chỉ là một ngày thôi, thì, thật vậy, tôi xin lập ngay một đội đặc biệt và xin làm vào đồng củ cải quý quái ấy cho kỳ đến chôn hết chúng nó vào kho kín mới thôi.

Maria Kônđratiepna vừa mỉm cười vừa nhìn tôi, hy vọng được tôi đồng tình, vừa hát đầu chỉ các trại viên:

- Kể họ cũng gớm thật!...

Bà ta đang nghỉ hè, cho nên ban ngày có thể gặp bà ta ở trại. Nhưng ban ngày, thì ở trại chán lắm; bọn trẻ chỉ trở về trại để ăn bữa trưa, người nào người nấy lem luốc, bụi bặm, râm nắng. Quảng những chiếc cuốc nhỏ của họ vào xó kho của Kutlaty, ào ào như đoàn kỵ mã của Budionnny, họ phi nước đại xuống dốc ra bờ sông hiểm trở, vừa chạy vừa cởi dải quần rút cụt, và sông Kôlômak sục nhộn hần lên vì những xoáy nước do thân họ dầm xuống, vì những tiếng la hét, những trò chơi và đùa nghịch tinh quái của họ. Trong các bụi rậm trên bờ, bọn con gái nói líu tíu:

- Nào thôi, đi lên đi! Bọn trai, ê này, bọn trai, lên đi chứ, bây giờ đến lượt chúng tôi!

Giáo viên trực nhật, nét mặt đăm chiêu, đi bách bộ trên bờ, trong khi bọn trai mặc vào người ướt át những chiếc quần cụt còn nóng hổi, và trên vai người nào người nấy lấp lánh những giọt nước nho nhỏ, họ đi tới những bàn ăn đặt chung quanh chỗ suối nước phun trong khu vườn cũ. Maria Kônđratiepna đang đợi họ ở đấy từ lâu. Ở trại, bà ta là người độc nhất còn giữ được nguyên nước da trắng trẻo và những vòng tóc chưa bị ánh nắng ăn mất màu vàng óng. Vì thế cho nên, ở giữa môi trường này, hình như bà ta đặc biệt chăm chú chút thân hình, và điều đó không thoát khỏi mắt ngay cả đến Kalina Ivanôvich:

- Một người đàn bà dáng dấp đẹp thế, anh ạ, mà ở đây thật là của phí hoài. Anh Antôn Xêmiônôvich này, anh chỉ nhìn bà ta về mặt lý luận thôi là sai. Bà ta nhìn anh ta như một người đàn ông, thế mà anh, anh để ý đến bà ta cũng chẳng hơn gì một gã dân quê.

- Bác không biết ngược ư! Tôi bảo bác ta. Ở trại này, chỉ còn thiếu có nước cả tôi cũng dầm đầu vào những chuyện tình vợ vẫn nữa mà thôi.

- Hừ, anh! Kalina Ivanôvich vừa nói khàn khàn giọng mũi già nua vừa rít tẩu thuốc. Anh hãy coi chừng, kéo dài anh sẽ cứ mãi mãi là con gà tò đấy...

Tôi không có thì giờ để làm một cuộc phân tích những ưu điểm của Maria Kônđratiepna trên lý luận và trên thực tế, có lẽ vì thế cho nên bà ta cứ luôn luôn mời tôi uống trà và rất lấy làm bức tức khi nghe tôi lễ phép nói với bà:

- Thưa bà, quả tình là tôi không thích uống trà.

Một lần, sau bữa ăn, các trại viên ai nấy đều lại đi công tác hết rồi, chỉ còn có bà ta với tôi ngồi nán lại bên bàn ăn, bà nói với tôi bằng một giọng thân tình đơn giản:

- Nay, Ông Điôgien^[114] Xêmiônôvich ạ! Nếu tối nay mà ông không lại nhà tôi, thì tôi sẽ phải coi ông là một người không biết phép lịch sự đấy nhé.

- Thế ở nhà bà sẽ có cái gì? Nước trà à?

- Món kem, ông hiểu không, món kem... dành riêng cho ông, do chính tay tôi làm đấy.

- À, được, tôi miễn cưỡng nói. Ăn kem vào mấy giờ?

- Tám giờ.

- Phải cái rằng tám giờ rưỡi, tôi mắc nghe các đội trưởng báo cáo.

- Lại một nạn nhân của ngành giáo dục... thế thì chín giờ ông đến vậy.

Nhưng đến chín giờ, vừa xong báo cáo, ngồi ở phòng giấy, tôi còn đang buồn bức vì lại bắt buộc phải đi ăn kem mà chưa có thì giờ cạo râu, thì bỗng Michia Jêvêli chạy bổ tới kêu lên:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác ra mau lên!...

- Có chuyện gì thế?

- Bọn trai đã đưa Tsôbô với Natasa về. Có cái lão già ấy, tên là gì rồi nhỉ?... à phải, Mutxi Kacpôvich.

- Bọn họ ở đâu?

- Ở ngoài vườn kia.

Tôi chạy ra vườn. Natasa đang kinh hoàng, ngồi trên một chiếc ghế dài ở một lối đi hai bên trồng tử đinh hương; các nữ trại viên và phụ nữ của trại vây quanh cô ta. Bọn trai tụ tập suốt dọc lối đi, đang phỉ báng. Karabanôp nói ba hoa:

- Thật đáng kiếp. Chỉ tiếc rằng chúng đã không giết phăng nó đi, đồ sâu bọ ấy...

Zadôrôp vỗ về Tsôbô đang run rẩy và khóc:

- Không có gì nghiêm trọng đâu. Kìa, bác Antôn đã đến đấy, bác sẽ thu xếp mọi việc.

Người nọ ngắt lời người kia, họ kể lại cho tôi nghe câu chuyện sau đây.

Lấy cớ rằng Natasa, có lẽ vì quên, đã không đem phơi một vài chiếc quần áo, Mutxi Kacpôvich quyết định cho cô ta một bài học. Hắn đã dùng dây cương ngựa quất cho cô được hai cái, thì Tsôbô bước vào nhà. Tsôbô đã làm gì, điều đó khó biết rõ, vì hắn không chịu nói, song những tiếng kêu tuyệt vọng của Mutxi Kacpôvich đã khiến lân bang hàng xóm và một phần trại viên chạy bổ tới. Họ thấy chủ nhân gần treo hăn quai hàm, máu me đầy người và sợ hãi chúi vào một xó nhà. Một trong mấy đứa con trai của hắn cũng ở trong tình trạng thảm hại như thế. Còn Tsôbô, đứng ở giữa nhà, thì đang “gầm lên như một con chó dữ”, theo lời Karabanôp nói. Sau người ta tìm thấy Natasa ở một nhà lán giềng.

Vì những việc xảy ra đó, đã có những cuộc đàm phán giữa trại viên và nhân dân trang ấp. Nhiều dấu hiệu muốn chứng tỏ rằng trong cuộc thương lượng ấy những quả đấm và phương tiện tự vệ khác không phải là đã không được dùng đến, song bọn trai nhất thiết lờ đi không nói. Chuyện họ kể lại có giọng vừa hùng tráng vừa bi thống:

- Không, nói cho cùng, thì chúng cháu có làm gì đâu. Chúng cháu đã... như người ta nói, chạy đến cấp cứu, thế rồi Karabanôp hấn bảo cô bé: “Natasa ạ, đi với chúng tôi về trại, và đừng sợ gì hết. Ở trại, cô phải biết là có những người tử tế, và họ sẽ thu xếp việc này cho cô”

Tôi mời các diễn viên của tấn bi kịch lên phòng giấy tôi.

Bằng đôi mắt nghiêm nghị, gương to lên, Natasa ngắm nhìn cái quang cảnh mới mẻ quanh mình. Chỉ có khuôn miệng khê giật giật là để cho thấy có còn một chút sợ hãi rơi rớt, và một giọt nước mắt từ từ khô đi trên má cô.

- Làm gì bây giờ? Karabanôp sôi nổi hỏi. Phải tính chuyện cho xong đi.

- Ừ, ta hãy tính cho xong đi, tôi tỏ ý đồng tình.

- Ta cho họ cưới nhau, Burun đề nghị.

Tôi đáp:

- Về cái đó thì ta còn có thì giờ, chẳng phải là chuyện làm ngay hôm nay. Nhưng chúng ta có quyền thu nhận Natasa vào trại ta. Không ai phản đối chứ?... Bình tĩnh chứ nào, có gì mà các chú rống lên thế! Chúng ta có chỗ để dung nạp một cô gái. Kôlia, ghi tên cô ta ngày mai vào đội thứ năm!

- Rõ! Kôlia rống lên.

Natasa bỗng hất cái khăn trùm đầu góm ghiếc của cô ra và đôi mắt cô sáng bừng lên như một lò than hồng trước gió. Cô đâm bỏ lại chỗ tôi và vui sướng cười lên, chỉ có những trẻ nhỏ mới có thể cười được như thế:

- Có thể được ư? Được vào trại? Ồ, cảm ơn chú, chú yêu quý ơi!

Tiếng cười của bọn trai đánh lấp những tình cảm chan hòa. Karabanôp giậm chân xuống sàn.

- Dễ quá mất thôi! Thật là giản dị đến nỗi... chẳng đời quái nào mình nghĩ ra được! Cho vào trại, tất nhiên, rồi ai muốn đựng vào một trại viên thì cứ thử xem!

Các thiếu nữ vui vẻ lôi kéo Natasa về phòng của họ. Bọn trai còn làm ồn lên một hồi lâu nữa. Ngồi trước mặt tôi, Tsôbô cảm ơn tôi:

- Cháu chả bao giờ nghĩ ra được điều đó... Cảm ơn bác đã bênh vực cho một cô bé tội nghiệp... còn về chuyện hôn nhân, ta sẽ liệu sau...

Chúng tôi còn thức mãi đến khuya để bàn tán về chuyện đó. Bọn trai kể chuyện nhiều trường hợp tương tự. Xilanti phát biểu ý kiến. Họ lại đưa Natasa lên, cho tôi xem cô ta ăn mặc quần áo của trại, và Natasa chẳng có vẻ gì là một vị hôn thê nhưng là một cô gái nhỏ dịu hiền. Kalina Ivanôvich đến kết thúc và, tóm tắt mọi chuyện tốt hôm ấy, nói rằng:

- Chả nên quan trọng hóa những chuyện đó. Chừng nào mà con người còn sống, chưa bị chặt đầu, thì mọi việc vẫn cứ là ổn cả. ta đi dạo chơi một vòng ngoài đồng cỏ đi... Tôi muốn cho anh xem những quân ăn hại ấy đã xếp các đụn lúa đánh tạm ngoài đồng ra làm sao: bao giờ chúng nó chết, chúng cũng đáng cho người ta ấn chúng nó vào săng như thế mới được.

Khi cả hai chúng tôi đi về phía đồng cỏ thì đã qua nửa đêm. Đêm ấm áp và êm ả chăm chú lắng nghe chuyện của Kalina Ivanôvich hiền lành âu yếm. Những cây bạch dương đứng làm nhiệm vụ canh gác, như những người quý tộc chỉnh chệch, giữ tình yêu vĩnh viễn đối với hàng thẳng của nhà binh. Và cả những cây đó cũng đang nghĩ tới chuyện gì đó. Có lẽ chúng lấy làm lạ rằng bốn bề mọi sự đã đổi thay nhiều quá. Người ta đã đặt chúng đứng canh cho giang sơn nhà họ Trepkơ, thế mà bây giờ, nhiệm vụ của chúng lại là gác cho trại Maxim Gorki.

Đứng giữa một nhóm cây lẻ loi đó, ngôi nhà của Maria Kônđratiepna nhìn thẳng chúng tôi bằng

những khung cửa sổ đen của nó. Một trong những cửa sổ ấy mở ra một cách rất nhẹ nhàng và một người bỗng nhảy ra ngoài. Hắn làm ra bộ đi về phía chúng tôi, rồi bất thành lình dừng lại và chạy tuốt vào rừng. Kalina Ivanovich ngắt quãng câu chuyện bác rút lui khỏi Miagôrôt năm 1918, và điềm tĩnh nói:

- Đó là cái thằng ăn hại Karabanôp. Cái thằng ấy, anh thấy không, nó không nhìn mọi chuyện trên lý luận mà trên thực tế. Và tha hồ cho anh là một người có học vấn, anh vẫn cứ là con gà tô thôi...

7. NHỮNG TRẠI VIÊN MỚI

Mutxi Kacpôvich đến trại. Chúng tôi đã nghĩ rằng hắn sắp đi thừa kiện vì cách đối xử quá ư tự do mà Tsôbô trong lúc tức giận đã giáng vào đầu hắn. Thực sự thì cái đầu ấy có bị băng bó một cách lộ liễu, và hắn ta nói với cái giọng phều phào như một con chim học sắp chết, chứ không còn ra kiểu hắn là Mutxi Kacpôvich nữa. Về vấn đề chúng tôi lo ngại, thì hắn tỏ thái độ ôn hòa và hiền lành như một người ngoan đạo cơ đốc:

- Không, tôi đến đây không phải vì chuyện con ranh ấy, mà vì chuyện khác. Tại sao tôi lại đi xích mích với các anh kia chứ, không, Chúa che chở cho tôi khỏi làm điều đó. Vậy ta bỏ qua việc ấy đi... Tôi đến đây là vì chuyện cái nhà máy xay gió, tôi thay mặt Xô-viết thôn, để làm một việc tốt đẹp.

Kônvan chữa cái trán dọ nạt của hắn về phía Kacpôvich:

- Về chuyện nhà máy xay gió à?

- Đúng thế. Các anh đang chạy chọt về nhà máy xay gió, để xin thuê, tất nhiên như vậy. Xô-viết thôn cũng đã có đệ đơn. Thế thì ý kiến chúng tôi như thế này: các anh là chính quyền xô-viết, và Xô-viết thôn cũng là chính quyền xô-viết, vậy thì các anh ở một bên mà chúng tôi ở một bên, thật không ổn chuyện...

- À, phải! Kôvan nói, giọng có phần mỉa mai.

Thế là trại bắt đầu bước vào một thời kỳ ngoại giao ngắn. Tôi phải thuyết phục, khuyên Kôvan và bọn trai cổ mà khoác cái áo đuôi tôm và đeo ca-vát trắng của những nhà ngoại giao, cho nên Luka Xêmiônôvich và Mutxi Kacpôvich mới có thể trong một thời gian ló mặt đến trại, mà không bị nguy đến tính mạng.

Vào hồi ấy cả trại đang hết sức quan tâm đến chuyện mua ngựa. Những con tuần mã nổi tiếng của trại ngày càng già đi trông thấy! ngay đến con Hung cũng bắt đầu để mọc ra một bộ râu lão. Còn con Nhãi-ranh thì hội đồng đội trưởng đã xếp nó vào loại tàn phế và cấp cho nó một món tiền hưu dưỡng. Nó phải được có chỗ ở trong chuồng ngựa và hưởng thụ khẩu phần yếm mạch của nó cho đến khi chết. Chỉ khi nào riêng tôi đồng ý thì mới được phép thả nó vào xe, Sêrê, vốn xưa nay chỉ có lòng khinh bỉ đối với con Thổ-phi, con Mary và con Milan, bảo rằng:

- Một cơ sở nông nghiệp tốt thì phải có ngựa tốt, thế mà khi ngựa nghèo chả ra hồn thì nông nghiệp cũng chẳng hơn gì.

Antôn Bratsenkô từ trước đến giờ cứ lần lượt say mê hết con ngựa này đến con ngựa khác của trại và bao giờ cũng ưa con Hung hơn cả, đến nay chịu ảnh hưởng của Sêrê, chính hắn cũng bắt đầu mê một mơ ước một con ngựa tương lai sẽ xuất hiện một ngày kia trong giang sơn của hắn. Sêrê, Kalina Ivanôvich, Bratsenkô và tôi chẳng bỏ sót một phiên chợ nào không đi, và chúng tôi đã xem hàng nghìn con ngựa, mà chẳng mua được con nào. Hoặc toàn là những ngựa xấu, cũng như ngựa của trại hoặc họ đòi giá đắt quá, hoặc nữa Sêrê phát hiện thấy chúng có bệnh hay tật gì kín. Và sự thực là ở chợ phiên không tìm ra ngựa tốt. Chiến tranh và cuộc cách mạng đã làm tiêu diệt những dòng ngựa tốt, còn những cơ sở mới nuôi ngựa giống thì chưa thành lập. Ở các phiên chợ ra về, Antôn hầu như bị nhục:

- Sao lại thế được? Không có ngựa. Vậy nếu chúng ta cần đến một con tốt, một con ngựa thật sự thì sao? Phải đến yêu cầu bọn tư sản à?

Vốn là tay phiêu kỵ binh cũ, Kalina Ivanôvich ưa bàn xen vào vấn đề ấy, và ngay cả đến Sêrê cũng tin vào sự hiểu biết của bác ta, như vậy là trong việc này anh tạm rời bỏ nguyên tắc không cho ai can thiệp vào công việc của mình. Có một lần, Kalina Ivanôvich nói giữa một nhóm người sành sỏi.

- Lão Luka và lão Mutxi, hai cái thằng ăn hại ấy, ừ, cái thằng Mutxi, nó bảo rằng ở nhà những thằng

cha chủ trại ấp đầu sở có ngựa tốt, nhưng chúng nó không muốn dắt ra phiên chợ: chúng nó sợ.

- Không đúng đâu, Sêrê nói, họ chả làm gì có. Ngựa của họ cũng như những con chúng ta đã xem thôi. Trong ít lâu nữa thì có thể kiếm được ngựa tốt ở những sở nuôi ngựa giống, nhưng bây giờ còn hơi sớm.

- Thế mà tôi, tôi bảo anh là có đấy, Kalina Ivanôvich vẫn nói, khẳng định. Thằng Luka biết như thế; cái thằng đầu ấy nó biết cả khu này như đáy túi của nó. Và các anh cứ nghĩ mà xem, ngoài nhà một tay chủ ra thì tìm đâu được một con ngựa đẹp? Thế mà những tay chủ thì ở các trại ấp. Nó ở yên nhà nó, quân ăn hại ấy, và con ngựa giống tốt nó đã nuôi được, thì nó giữ, nó giấu, vì nó sợ người ta lấy mất của nó đi. Nhưng nếu chúng mình đến hỏi, thì nó sẽ bán cho mình...

Tôi cũng chẳng kỳ quẩn vấn đề tư tưởng là có ý thức hay không ý thức, quyết định luôn:

- Chủ nhật sau chúng ta đi xem. Và không biết chừng chúng ta sẽ mua được cái gì chẳng.

Sêrê đồng ý:

- Sao lại không đi? Ta sẽ chả mua được gì đâu, chắc thế, song cũng là một dịp đi chơi tốt. Tôi sẽ xem lúa mì của bọn “chủ” nhà các bác ra sao.

Đến ngày chủ nhật, chúng tôi thắng ngựa vào chiếc xe pha-ê-tông, và xe đưa chúng tôi đi êm như ru trên những con đường đất mềm của thôn quê. Qua làng Gôn-sa-rô-pka, chúng tôi cắt ngang con đường cái đi qua Khắc-ôp, rồi xe ngựa thung thỉnh rong bước một qua một khu rừng thông đất cát, để sau cùng đi vào một vùng mới mẻ mà chúng tôi chưa tới bao giờ.

Nhìn từ trên đỉnh một mỏm đất cao dốc thoải xuống, thấy một phong cảnh khá đẹp mắt. Trước mặt chúng tôi, từ đọt chân trời này tới chân trời khác, trải dài vô cùng tận một miền phẳng lì, hoàn toàn bình địa. Phong cảnh không nổi bật vì những màu sắc thay đổi, nó có được một vẻ đẹp nào có lẽ là do sự đơn giản của nó. Lúa mì dày kín san sát phủ khắp mặt cánh đồng. Bốn bề lúa bát ngát chuyển mình thành những đọt sóng lớn mạ vàng lượn lờ, màu vàng chóc và vàng xanh, được tôn lên từng chỗ bởi những vệt màu lục rực rỡ của kê hoặc vệt hằn loang lổ của một thửa ruộng kiều mạch. Và trên cái nền kim sắc ấy sắp hàng dài một cách vô cùng đều đặn từng nhóm nhà nho nhỏ trắng phau như tuyết, bao quanh lè tè mặt đất là những mảnh vườn con hình thù không rõ rệt. Mỗi nhóm nhà ấy có một hai cây to: dương liễu, hoàn diệp liễu, hoa hoàn mới có bạch dương, và một ruộng dưa với cái lều canh màu nâu lem nhem. Tất cả những thứ đó đều giữ được một phong cách tuyệt đối nhất trí: nhà họa sĩ khó tính đến đâu cũng khó lòng tìm ra được một nét lỗi điếu mảy may nào.

Kalina Ivanôvich cũng lấy làm ưa phong cảnh.

- Các anh xem bọn chủ họ sống như thế đấy. Ở đây toàn là những người làm ăn cơ chỉ cả.

- Phải, Sêrê nói, vẻ miễn cưỡng.

- Ta vào xem đi, Kalina Ivanôvich đề nghị.

Trên một con đường nhỏ đầy cỏ mọc, Antôn cho xe lộn trở lại tới một cái cổng cổ sơ, làm bằng ba thân cây liễu mỏng mảnh ghép vào nhau bằng cây vỏ gai. Một con chó lớn, lông xám tả tơi, từ dưới một chiếc xe tải vượn mình bước ra và, cổ khắc phục tính lười, sủa lên một tiếng ồm ồm. Chủ nhà ở trong nhà tranh đi ra và, vừa phui một cái gì ở chòm râu không bao giờ được chải, vừa giương mắt ngạc nhiên và không khỏi có phần lo ngại nhìn bộ quần áo bán quân sự của tôi.

- Chào ông chủ! Kalina Ivanôvich vui vẻ nói. Xem chừng ông vừa đi nhà thờ về phải không?

- Nhà thờ, thì tôi ít đi lắm, chủ nhân trả lời bằng một giọng cũng khàn khàn và lười biếng như giọng con khuyến giữ nhà mình. Bà nó nhà tôi thỉnh thoảng có đi... Nhưng các ông ở đâu tới thế?

- Chúng tôi đến có việc tốt lành đây: người ta bảo ông có một con ngựa tốt muốn bán, phải không?

Chủ nhân quay lại nhìn đôi ngựa đóng xe của chúng tôi. Con Hung và con Mary đen sóng đôi với nhau khá không ăn khớp, xem chừng khiến ông ta yên lòng.

- Biết nói thế nào nhỉ? Ngựa tốt, thì không phải tìm ở đây mà có đâu! Nhưng tôi có một con ngựa nhỏ sắp được ba tuổi; có lẽ các ông dùng nó được chăng?

Ông ta đi tới chuồng ngựa, dắt ở trong đó ra một con ngựa cái nhỏ, linh hoạt và béo tốt.

- Ông chưa đóng nó vào xe à? Sêrê hỏi.

- Đóng xe để đi làm việc gì thì chưa, nhưng cưỡi cho nó đi chơi thì có rồi. Cưỡi nó làm một vòng được lắm. Nó chạy tốt, tôi không dám bảo là không.

- Không, Sêrê nói, đối với chúng tôi thì nó còn non quá. Chúng tôi cần một con ngựa để làm việc cơ.

- Kể non, thì nó non thật đấy, chủ nhân đồng ý. Nhưng vào tay người chăm nom tốt thì nó sẽ lớn mạnh lên chứ. Bao giờ chả vậy. Thì đấy, ba năm nay tôi chăm sóc nó, các ông xem?

Quả là nó được chăm sóc thật: bóng nhẫy, lông sạch trơn, bờm chải cẩn thận, và về mọi mặt đều sạch sẽ hơn chủ nuôi nó nhiều.

- Vậy ông cho biết thử, bao nhiêu, con ngựa cái này cơ? Kalina Ivanovich hỏi:

- Tôi thấy các ông là những người đứng đắn, thế thì với một chầu rượu tốt, thôi tính các ông sáu chục séc-vô-nét đây.

Antôn nghênh mắt lên nhìn ngọn một cây liễu, rồi sau cùng hiểu vỡ lẽ ra, hấn kêu lên:

- Bao nhiêu? Sáu trăm rúp à?

- Phải, sáu trăm, chủ nhân nói, giọng khiêm tốn.

- Sáu trăm rúp cái của cút này à? Antôn la lên, không nén nổi tức giận.

- Chính mày cút ấy, xem chừng mày cũng hiểu biết về ngựa đấy! Mày hãy nuôi thử một con đi đã rồi hãy nói nhá.

Kalina Ivanovich can thiệp với một giọng hòa giải:

- Không, không thể bảo nó là cút được..., đây là một con ngựa cái tốt, chỉ có điều là nó không hợp yêu cầu của chúng tôi thôi.

Sêrê lặng lẽ mỉm cười. Chúng tôi lại trèo lên xe pha-tông và tiếp tục đi. Con chó dữ lông xám tiền chân chúng tôi cũng bằng tiếng cho sủa ngắn hơi ấy, trong khi chủ nó đóng cổng lại, chẳng thèm đưa mắt một cái để chào nữa.

Chúng tôi đi đến một chục trại ấp. Hầu hết ở trại nào cũng có ngựa, nhưng chúng tôi không mua một con nào.

Chiều tà chúng tôi mới ra về. Sêrê chẳng buồn nhìn cánh đồng nữa, và có vẻ trầm ngâm suy nghĩ chuyện gì. Antôn bực tức với con Hung, quát roi thúc nó đi mà mắng nó:

- Mày đâm ra ngu ngốc hay sao thế? Mày chưa trông thấy cây gai bao giờ à, để rồi tao cho mày xem nhé...

Kalina Ivanovich, mắt hần học nhìn những cây khổ ngải bên đường, không ngớt miệng cầu nhàu:

- Thật là những đồ chó đẻ cả thôi, anh hiểu không? Hừ! Những quân ăn hại! Có khách đến nhà mày; người ta có công việc hay không, được, nhưng cũng phải đối xử với khách cho ra con người có đạo chứ, phải biết tiếp khách chứ, quân chó má! Làm gì mà mày không thấy, đồ ăn hại, rằng khách đi

đường từ sáng, thế thì sao mà không mời khách ăn được lấy một miếng, dù sao mà cũng có một ít xúp, có khoai tây chứ... Nhưng anh cũng thừa hiểu đây: nó không có thì giờ chải bộ râu, anh có thấy những cửa như vậy bao giờ không? Thế mà nó đòi những sáu trăm rúp con dê cái khôn nạn ấy! “Nó đã chăm sóc con ngựa con của nhà nó”, cái mồm nó xoén xoét. Nhưng có phải đâu nó chăm sóc; anh có trông thấy ở các trại ấy có biết bao nhiêu là người làm công nhật không?

Tôi đã có trông thấy họ, những mớ giẻ rách nhớn mớ lạng lẽ ấy, họ đứng cứng đờ sợ hãi gần những xưởng trồng và những chuồng ngựa, hết sức chăm chú nhìn xem cái sự việc phi thường này: có khách ở tỉnh đến. Họ ngẩn ngơ trước sự kỳ lạ là bao nhiêu nhân vật quan trọng họp mặt ở cùng một cái sân trại. Đôi khi, những con người phụ thuộc câm lạng lẽ dắt ngựa ở chuồng ra và sợ sệt đưa dây cương nhỏ cho chủ; có khi họ còn vỗ một cái vào mông ngựa, có lẽ cũng là để tỏ lòng âu yếm của họ đối với một con vật nuôi quen thuộc.

Sau cùng Kalina Ivanôvich im lặng và bắt đầu rít tẩu thuốc với một vẻ cáu kỉnh. Mãi đến khi về tới công trại bác mới vui vẻ nói:

- Những quân ăn hại khôn kiếp ấy, chúng nó đã làm cho bọn mình chết đói.

Về tới trại, chúng tôi gặp Luka Xêmiônôvich và Mutxi Kacpôvich. Luka thấy chuyện đi của chúng tôi thất bại, rất bất bình và phản kháng:

Không thể nào lại có chuyện như thế được! Một khi tôi đã hứa với hai bác Antôn Xêmiônôvich và Kalina Ivanôvich, thì được rồi, thế nào chúng ta cũng giải quyết xong việc đó. Còn bác, bác Kalina Ivanôvich ạ, bác đừng tức giận làm gì, vì con người ta cứ bực dọc thì không còn gì hại cho bằng. Tuần lễ sau cả hai chúng ta cùng đi, nhưng bác Antôn Xêmiônôvich không nên đến thì hơn, vì trông bác ta có cái vẻ bôn-sê-vich, thế đó, hề-hề-hề, khiến người ta dâm sợ.

Chủ nhật sau, Luka Xêmiônôvich đem ngựa tới cùng với Kalina Ivanôvich đi thăm các trại ấp. Bratsenkô nhìn họ đi với một thái độ hoài nghi lạnh lùng và, thay cho lời chào, nói đùa một câu ác nghiệt để tống tiền họ:

- Nếu các bác không muốn chết đói, thì ít nhất cũng nên mang theo bánh mì đi mà ăn đường.

Luka Xêmiônôvich vuốt chòm râu đẹp đỏ hoe rử trên chiếc áo sơ-mi thêu mặc ngày hội, và trả lời với một nụ cười ngon lành nở trên cặp môi hồng:

- Sao lại nghĩ thế, hờ đồng chí Bratsenkô? Đời thuở nhà ai đi thăm bà con mà lại mang bánh mì của mình đi không chứ! Hôm nay chúng tôi sẽ chén một món xúp củ cải ra trò, với thịt cừu, và không biết chừng còn làm một chai bố nữa kia.

Nháy mắt ra hiệu với Kalina Ivanôvich đang chăm chú nghe, Luka nắm lấy dây cương màu đỏ sẫm, làm rất tinh xảo. Con ngựa giống béo tốt, hình thù vạm vỡ khỏe mạnh, vội chuyển mình dưới cái ách rộng choãi của cang xe, kéo chiếc briska^[115] vững chắc đóng rất nhiều bộ phận bằng sắt.

Tối hôm ấy, như nghe báo hiệu đi chữa cháy, tất cả các trại viên chạy ủa ra đón một hiện tượng bất ngờ: Kalina Ivanôvich đại thắng trở về. Con ngựa giống của Luka Xêmiônôvich thì buộc ở đằng sau xe briska, còn ở giữa cang xe là một con ngựa cái lớn, đẹp, lông xám lốm đốm trắng. Cứ nhìn Kalina Ivanôvich và Luka Xêmiônôvich đủ thấy rõ trên người họ những bằng chứng tỏ ra rằng cả hai đã được các gia chủ tiếp đãi tử tế như thế nào. Kalina Ivanôvich ịch bước ở trên xe xuống và cố hết sức làm sao cho các trại viên khỏi nhìn thấy những bằng chứng ấy. Karabanôp đến cứu giúp bác:

- Xem chừng đã có châu khao con ngựa ra trò, thì phải?

- Hẳn đi chứ lị! Chú xem con ngựa đấy!

Kalina Ivanôvich vỗ đánh đét vào cái mông to tướng của con ngựa... Quả thật là một con ngựa cái đẹp: chân khỏe, có những túm lông rậm ở sau gót, cao lớn, bộ ức vĩ đại, thân hình đồ sộ và rất cân đối. Ngay đến Sêrê cũng không tìm ra được một khuyết điểm gì để chê bai nó, mặc dầu anh đã đi qua đi lại dưới bụng nó hồi lâu, hỏi nó bằng một giọng vui vẻ và mơn trớn:

- Chân mày, đưa chân mày đây tao xem...

Bọn trại tán thành việc mua đó. Nháy mắt ra vẻ thông thạo, Burun xem xét con ngựa cái khắp mọi mặt và tuyên bố:

- Thôi thế là trại có được một con ngựa ra hồn ngựa.

Karabanôp cũng thích con ngựa cái.

- Ủ, đây là một con ngựa nhà chủ thật. Con này đáng cái giá năm trăm rúp. Cứ có thêm mười con vào loại nó thì là ngày nào ta cũng sẽ ăn uống linh đình phè phỡn.

Antôn tiếp nhận con ngựa cái với những ý ân cần săn sóc như một anh si tình. Hắn đi vòng chung quanh nó mà tắc lưỡi khoái trá, rất ngạc nhiên và bồi hồi vui sướng nhận thấy sức lực lớn mạnh, điềm tĩnh của con vật, tính khí ôn hòa và tin cậy của nó. Những triển vọng tương lai tốt đẹp hiện ra trước mắt Antôn; hắn năn nỉ nói với Sêrê:

- Chúng ta cần có một con ngựa giống tốt. Để lập sở nuôi ngựa giống của ta, chú hiểu không.

Sêrê hiểu, và ngấm con Zorka với một cái nhìn nghiêm túc và tán thành, anh khẽ lẩm bẩm:

- Tôi sẽ đi tìm một con ngựa giống. Tôi đã có một nơi nhắm sẵn rồi. Hễ cứ gặt xong lúa mì là tôi sẽ đi tới đó ngay.

Hồi đó ở trại công việc đương độ bận rộn tít tắp, từ sớm tinh mơ đến lúc lặn mặt trời, với cái nhịp đập đều đặn trên những đường ray bằng phẳng trơn tru do Sêrê đặt sẵn. Các đội đặc biệt trại viên, khi nhiều người, khi ít hơn, khi lấy người lớn, khi cố ý lấy toàn trẻ nhỏ, mang vác nào cuốc, nào lưỡi hái, nào bờ cào hay chỉ có năm ngón tay thôi, đi đi lại lại, ra đồng hoặc trở về trại, theo một thời khắc biểu cũng chặt chẽ như giờ một chuyến xe lửa tốc hành, vang rộn tiếng cười đùa, lòng dũng cảm và tự tin, ai nấy hoàn toàn biết rõ công việc mình phải làm, và biết cách làm như thế nào. Đôi khi Ôlia Vônôva, trợ tá nông nghiệp của trại, ở ngoài đồng trở về và, giữa hai ngụm nước tu thẳng ngay ở bình đặt trong phòng giấy, bảo chú đội trưởng trực nhật:

- Cậu gửi người giúp thêm cho đội năm đặc biệt đi.

- Có việc gì thế?

- Bó lúa chậm... trời nóng.

- Bao nhiêu đàn ông?

- Năm. Nữ có sẵn bao nhiêu?

- Một người.

Ôlia đưa tay áo lên chùi mồm rồi lại đi. Sổ ghi cầm tay, đội trưởng trực nhật đi tới gốc cây lê, ban tham mưu của đội đặc biệt trú bị đã đóng bản doanh ở dưới bóng cây từ sáng sớm. Lon ton chạy theo sau gót đội trưởng là chú thổi kèn trực nhật. Một phút sau từ gốc cây vang lên tiếng kêu ngắn, rõ từng tiếng, báo hiệu tập hợp những trại viên trú bị. Thế là từ dưới các bụi rậm ở bờ sông, từ các phòng ngủ, một đàn trẻ nhỏ tới tấp bay ủa đến, đứng vòng tròn dưới cây lê. Rồi một phút sau nữa, một nhóm năm trại viên bước vội vã ra phía cánh đồng lúa mì.

Chúng tôi đã được tiếp viện thêm bốn mươi trẻ nhỏ. Suốt cả một ngày chủ nhật, các trại viên đã săn sóc chúng, tắm rửa, mặc áo cho chúng, phân phối chúng vào các đội. Chúng tôi không tăng thêm số

đơn vị hiện có, mà chuyển tất cả mười một đơn vị sang ngôi nhà đỏ, ở mỗi đơn vị đều để dành sẵn một số chỗ nhất định đợi bổ sung. Như vậy, các trẻ mới đến được các đội viên cũ rèn cặp mạnh mẽ và cảm thấy hạnh diện được là trại viên của trại Gorki; tuy nhiên chúng chưa có phong độ: chúng đi đứng còn “văn vẹo” như lời Karabanốp nói.

Bọn trẻ đến với chúng tôi còn bé lắm, trạc mười ba mười bốn tuổi, trong số đó có những đứa mặt trông rất dễ thương, nhất là khi đứa bé tắm xong người còn đỏ bừng, mặc một chiếc quần cụt bằng vải láng bóng mới tinh, đầu húi trọc, mà húi lem nhem; về điểm này thì Biêlukhin nói quả quyết rằng:

- Hôm nay là chúng nó tự húi lấy, vì thế nên, bác ạ, không lấy gì làm... ầy lăm. Chiều nay người thợ cạo đến, ta sẽ sửa đẹp cho chúng nó sau.

Trong hai hôm, chú bé mới đi thám hiểm trại, giương to tròn mắt ra, ghi nhận tất cả mọi thứ ấn tượng mới mẻ. Chú bước vào chuồng lợn và mở mắt thao láo nhìn chăm chăm với một vẻ thần phục vào Xtupitxyn nghiêm nghị.

Theo nguyên tắc, Antôn không nói chuyện với các trẻ mới đến:

- Các chú đến đây làm gì? Chỗ của các chú còn là ở phòng ăn.

- Tại sao lại ở phòng ăn?

- Thế bây giờ chú biết làm cái gì? biết ăn xúp.

- Nhưng tôi sẽ làm việc.

- Người ta thừa biết các chú làm việc ra sao: phải cho hai người giám thị bám vào đít chú, có phải không nào?

- Anh đội trưởng, anh ấy đã bảo thế này: đến ngày kia thì đi làm việc, đấy rồi anh xem.

- Chú tưởng là tôi lại cần xem à? Xem đủ rồi: Ối! tôi bức lăm! Ối! tôi khát lăm! Ối! bố ơi! Ối! bu ơi!...

Bọn trẻ nhỏ mím cười xấu hổ:

- Sao lại bu ơi?... chẳng phải đâu.

Nhưng ngay buổi tối hôm đầu Antôn đã có thiện cảm với một vài đứa nhỏ. Một giác quan bí mật đã khiến hắn nhận ra được những đứa yêu ngựa. Này đây đã thấy trên con đường nhỏ đi ra cánh đồng, đang bước thủng thỉnh con Milan chở thùng nước và, ngất ngưỡng ngồi trên thùng, điều khiển ngựa, là Pêchia Zadôrôiny, trại viên nhỏ của trại Gorki. Từ cửa chuồng ngựa, câu dặn dò này được nói với theo nó:

- Không việc gì nó phải thúc ngựa của mày nhé, nó không phải là xe nước chữa cháy đâu.

Hai hôm sau những trẻ mới tham gia công tác với các đội đặc biệt. Vì gắng sức và không quen làm việc nên chúng vấp vấp, kêu rên, song hầu như không phá vỡ hàng ngũ, các trại viên đều bền bỉ đi hết thửa ruộng khoai tây, và chú lính mới thấy hình như mình cũng theo kịp được những anh em khác. Mỗi một giờ đồng hồ sau chú mới nhận ra rằng người ta đã cho hai chú mới làm chung một luống, còn các trại viên thì ai nấy đều làm riêng luống của mình. Mồ hôi mồ kê đầm đìa, chú thì thảo với người bên cạnh:

- Đã sắp xong chưa?

Lúa mì đã gặt xong, và trên sân đập lúa, mọi người đang bận rộn chung quanh chiếc máy đập. Sêrê, bản thủ và nhề nhại mồ hôi, như hết thảy mọi người, kiểm tra lại các bánh xe răng cưa và sau khi liếc nhìn qua đồng rơm đã dự bị sẵn:

- Ngày kia sẽ đập, và ngày mai chúng ta đi tìm ngựa về.
- Để tôi đi cho, Xêmiôn vừa thận trọng nói vừa liếc nhìn Antôn Bratsenkô.
- Ừ thì mày đi, Antôn nói. Thế con ngựa giống ấy có tốt không?
- Cũng khá, Sêrê đáp.
- Chú đã mua nó ở nông trường quốc doanh à?
- Đúng thế.
- Bao nhiêu?
- Ba trăm.
- Không đắt.
- Hẳn rồi!

- Thế ra là một con ngựa xô-viết à? Kalina Ivanôvich vừa nói vừa xem xét cái máy đập. Nhưng tại sao họ lại cho cái máy nâng trèo lên cao thế kia?

- Phải, xô-viết, Sêrê đáp. Cao mặc nó, không hề gì; rơm nhẹ.

Ngày chủ nhật ai nấy nghỉ ngơi, tắm táp, chơi thuyền và săn sóc bọn trẻ mới đến. Rồi đến tối, như mọi khi, tất cả dòng quý tộc của trại tập hợp dưới bậc tam cấp của tòa bạch cung, để vừa hít thở hương thơm của những bông “Hoàng hậu Bạch Tuyết”, vừa nhắc lại hàng đồng chuyện mà các chú bé mới, lần quất chung quanh, nghe cứ ngạc nhiên ngây người ra như phỗng đá.

Bỗng nhiên, quành qua góc nhà máy xay gió trong một cơn lốc bụi mù và né đột ngột một cái, tránh một chiếc nồi đồng cũ để vương vất ở đấy, vụt xuất hiện một tay kỵ mã đang phi hết tốc lực. Xêmiôn, cười một con ngựa hồng kim sắc, bay thẳng tới chỗ chúng tôi, và tất cả chúng tôi đột nhiên câm lặng hết, hơi thở ngừng lại. Từ trước cho tới bây giờ, chúng tôi chỉ mới được trông thấy một con vật như thế ở trên những bức tranh, trong các bức minh họa của truyện cổ tích và truyện “Trả thù kinh khủng” [116] mà thôi. Con tuấn mã mang Xêmiôn trên mình với một điệu bộ tự do, nhẹ nhàng và đồng thời hung hăng, chồm lông đuôi rậm rạp của nó hất tung, và nó xù dựng đứng lên trước gió cái bờm phong phú, tấm ánh vàng rực rỡ. Những cử động nhanh nhẹn của nó không còn để thì giờ cho tâm hồn bồi hồi xúc động của chúng tôi kịp nhận thấy những chi tiết mới mẻ và kinh ngạc: vòng cổ khỏe khoắn uốn thành một đường cong đầy kiêu hãnh và vẻ nghịch ngợm khoái hoạt, với những cẳng chân thon mảnh bước mạnh và dài.

Tay co dây cương làm cho cái đầu đẹp và nhỏ của con ngựa cái gục xuống ngực, Xêmiôn dừng ngựa đứng sững lại trước mặt chúng tôi. Mắt con ngựa đầy tia máu ở các khóe, đen láy, hăng hái và tràn trề sức mạnh trẻ trung, bỗng dọi thẳng ngay vào trái tim Antôn mừng cuống quít. Hai tay tự nắm lấy tai mình, hắn ta run rẩy, kêu lên:

- Của chúng mình? Có phải không? Con ngựa giống này, nó là của chúng mình à?
- Tất nhiên, nó là của chúng mình! Xêmiôn kiêu hãnh nói.
- Xuống đất đi, con khỉ! Antôn bỗng hét lên với Karabanôp. Mày còn muốn cưỡi nó nữa hay sao, mà cứ bám nhằng trên lưng nó? Mồ hôi nó bốc hơi lên đây này, mày thấy không? Con ngựa này đâu có phải là giống dê cái của nhà kulăc.

Antôn nắm lấy dây cương, nhấn mạnh thêm lệnh của hắn bằng một cái nhìn tức giận.

Xêmiôn nhảy xuống đất.

- Tớ hiểu, người anh em ạ, tớ hiểu lắm. Một con ngựa như thế này, may ra Napôlêon có được một

con, mà cũng còn chưa chắc.

Nhanh như chớp, Antôn đã nhảy lên yên và tinh tứ vuốt ve cổ con vật. Rồi quay đầu đi một cách đột ngột và xấu hổ, hắn bỗng đưa tay áo lên chùi mắt.

Bọn trai bật lên cười khe khẽ. Kalina Ivanôvich mỉm cười, thốt một tiếng rên rỉ, rồi lại mỉm cười.

- Con ngựa này, khỏi phải nói, tôi bảo anh thế... mà tôi còn nói hắn rằng: đối với trại ta đây, thật là ngọc trai vớt cho lợn. Ừ... chúng nó sẽ làm hỏng ngựa mất.

- Làm hỏng ngựa, ai kia? và Antôn dũ tợn cúi mình xuống sát Kalina Ivanôvich mà rít lên cho các trại viên nghe: – Tôi giết nó! Đứa nào đụng đến ngựa, thì tôi giết nó! Bằng gậy sắt bổ vào đầu nó!

Hắn cho con ngựa giống quay vụt trở lại. Con ngựa ngoan ngoãn đưa hắn về phía chuồng, phóng một nước đại nho nhỏ, đồm dáng, sung sướng vì bây giờ mới được một kỵ sĩ xứng đáng với nó cưỡi.

Chúng tôi đặt tên nó là con “Hảo-hán”.

8. ĐỘI CHÍNH VÀ ĐỘI MƯỜI

Sang đầu tháng bảy, chúng tôi thuê được nhà máy xay gió trong ba năm, giá thuê mỗi năm là ba nghìn rúp. Chúng tôi được toàn quyền sử dụng, vì đã từ chối không thuê chung với ai hết thảy. Những quan hệ ngoại giao với Xô-viết thôn lại bị cắt đứt, và chẳng thọ mệnh của ban Xô-viết ấy cũng chẳng còn được bao lâu nữa. Chinh phục được nhà máy xay là một thắng lợi của đoàn Kômxômôn trại Gorki trên một khu vực thứ hai của mặt trận chúng tôi.

Chúng tôi thật cũng không ngờ đầu trại lại bắt đầu giàu có lên trông thấy, và đi vào nền nếp một cơ sở nông nghiệp nghiêm chỉnh, có tổ chức và được quản lý tốt.

Vừa mới gần đây thôi, chúng tôi còn chật vật lắm mới mua nổi một đôi ngựa, thế mà sang giữa mùa hạ chúng tôi đã có thể dễ dàng bỏ ra những số tiền lớn hơn nhiều để mua những con bò cái đẹp, một đàn cừu, và thay mới đồ đạc của trại.

Ngoài ra, và hầu như không làm cho ngân sách của trại bị thiếu hụt, Sêrê còn cho xây một chuồng bò cái mới. Chỉ ngoảnh đi ngoảnh lại, chúng tôi đã thấy dựng lên ở đầu sân cái ngôi nhà mới vẻ đom đàng và chắc chắn ấy. Đằng trước nhà, Sêrê đã vạch một bồn hoa, như vậy là đánh tan cái thành kiến liên kết những nơi như thế với sự bẩn thỉu và mùi hôi thối. Chuồng bò mới chứa năm con bò cái mới giống Ximmetan, và chẳng bao lâu trong số những bê con sinh ra, nổi trội hẳn lên con bò mộng Xêda đẹp vô song, khiến cho hết thảy chúng tôi, kể cả Sêrê, đều ngạc nhiên thán phục.

Sêrê phải mất nhiều công phu lắm mới xin ghi được Xêda vào hệ bạ, song nó phô bày những nét đặc trưng của giống Ximmetan rõ rệt quá đỗi, khiến sau cùng người ta phải cấp cho chúng tôi giấy chứng nhận dòng dõi nó. Con Hảo-hán cũng có giấy chứng nhận huyết thống, cùng với một con lợn đực giống mà tôi đem từ trạm thực nghiệm tuyến giống về đã lâu rồi, một con lợn Anh, thuần túy, đặt tên là Vaxili Ivanovich, để kỷ niệm lão Trepkơ bố.

Chung quanh ba con vật ngoại quốc trứ danh dùng làm nòng cốt ấy, một con Đức, một con Bỉ^[117] và một con Anh, bây giờ tổ chức một trại chăn nuôi gia súc lựa giống đã thấy dễ dàng hơn.

Chuồng lợn, địa hạt của đội mười, đội của Xtupitxyn, đã từ lâu biến thành một cơ sở đứng đắn. Do số lợn sinh sản và giống lợn thuần túy, nó trở thành cơ sở đứng hàng đầu trong khu, sau trạm thực nghiệm tuyến giống.

Đội mười, gồm mười bốn trại viên, bao giờ cũng làm tròn nhiệm vụ của nó một cách gương mẫu. Chuồng lợn ở trại là nơi mà không một ai, không một lúc nào, có mảy may ý nghĩ gì nghi ngờ lý do tồn tại hết. Tòa nhà đẹp đẽ đó, ở ngay giữa sân, xây bằng bê-tông rỗng từ thời họ nhà Trepkơ, là trung tâm địa hình của trại: vẻ ngoài của nó trông rất nguy nga đồ sộ, cho nên không ai nghĩ rằng một cái chuồng lợn là chương mắt ở trại Gorki cả.

Các trại viên ít khi được vào đấy. Nhiều chú mới đã được vào, nhưng chỉ là để tham quan với mục đích học tập: nói chung, muốn vào đấy phải có giấy phép riêng do tôi hay Sêrê ký. Đó là lý do tại sao, đối với các trại viên và nông dân các làng, công tác của đội mười có nhiều điều bí mật trùm phủ lên, và được biết những điều ấy là một vinh dự đặc biệt lắm.

Vào “phòng tiếp đãi” thì tương đối dễ, chỉ cần được sự cho phép của Xtupitxyn thôi. Đó là nơi chứa những lợn con để bán và nơi giao phối những lợn cái của nông dân đem đến.

Mỗi lần giao phối phải trả ba rúp, có thủ quỹ Ôptsarenkô và tay phụ tá của Xtupitxyn cấp giấy biên lai cho khách đem lợn đến. Lợn con của “phòng tiếp đãi” bán giá nhất định, tính cân, mặc dầu các nông dân ra sức kêu rằng lợn con mà bán tính cân thì thật là buồn cười, và chả ở đâu có ai làm thế bao giờ.

Khách đến đông đặc biệt vào hội các lợn cái đẻ. Mỗi lứa đẻ, Sêrê chỉ giữ lại bảy con thôi, những con ra trước và những con khỏe nhất, còn những con khác thì cho không những ai ưa chuộng. Xtupitxyn lập tức chỉ bảo cho những người xin được lợn mọi điều cần thiết về cách chăm nom săn sóc lợn con xa lìa mẹ, cách pha sữa nuôi chúng và cho chúng bú bằng bầu sữa có núm vú giả, cách tắm rửa chúng và vào hội nào nên thay đổi chế độ ăn cho chúng. Chỉ những người có Ủy ban bản nông giới thiệu và đề nghị mới xin được những lợn sữa đó. Những ngày lợn đẻ đều đã biết trước hết cả, nên ở cửa chuồng lợn có dán một bảng danh sách thường xuyên, báo cho các nông dân ông Mỗ và ông Mỗ ngày ấy hay ngày nọ có thể đến nhận lợn đem về.

Việc cho lợn con ấy khiến chúng tôi được khắp vùng biết tiếng và cho chúng tôi có thêm nhiều bạn thân trong nông dân. Tất cả các làng chung quanh đều có những lợn Anh tốt; nuôi để truyền giống thì có lẽ chúng không thích hợp lắm, nhưng được cái chúng chóng béo ra tuồng.

Bộ phận thứ hai của chuồng lợn dành cho việc nuôi lợn con. Nơi ấy là một phòng thí nghiệm thật sự, ở đây mỗi con lợn được luôn luôn theo dõi quan sát cẩn thận trước khi xác định hướng sinh hoạt của nó. Số lợn của Sêrê như vậy là có thể lên tới mấy trăm con, đặc biệt là về mùa xuân. Nhiều con lợn nhỏ đó, gọi là “hy vọng tương lai”, được nhiều trại viên biết mặt và theo dõi sự phát triển một cách hết sức quan tâm chăm chú. Những con xuất sắc nhất thì cả đến tôi, Kalina Ivanôvich, hội đồng đội trưởng và quần chúng trại viên cũng đều biết tiếng. Chẳng hạn như một con lợn đực, con của con Vaxili Ivanôvich và con lợn cái Matinda, ngay từ khi mới đẻ đã được cả trại chú ý. Khỏe như Hecquyn,^[118] nó lập tức tỏ ra có tất cả những ưu điểm cần thiết để kế nghiệp bố nó. Nó đã không phụ lòng mong đợi của chúng tôi, và không bao lâu nó đã được xếp ở riêng một ngăn chuồng, bên cạnh ngăn của bố đẻ nó, và được đặt tên là Piôtr Vaxiliêvich, để kỷ niệm lão Trepkơ con.

Xa hơn nữa là bộ phận nuôi lợn béo. Với chế độ cho ăn riêng và số cân nặng ghi chép cẩn thận, ở đây là cuộc sống trường giả hạnh phúc và yên ổn, nâng cao tới mức lý tưởng. Nếu như, trong thời kỳ đầu nuôi béo, thắng hoặc có dăm ba chú lợn còn biểu lộ một vài dấu hiệu lý luận triết lý và lại khá ồn ào phát biểu ý kiến một cách tương đối rõ rệt, về quan niệm và tri giác của mình đối với thế giới, thì sau một tháng người ta chỉ còn thấy chúng lặng lẽ nằm lẩn trên ổ rơm và ngoan ngoãn lo tiêu hóa khẩu phần của chúng mà thôi. Bản lý lịch của chúng kết thúc bằng một thời gian vỗ béo và sau cùng, khi chúng được chuyển sang khu vực thuộc quyền Kalina Ivanôvich, thì trên một ụ cát ở bên vườn cũ, đến cái lúc mà Xilanti, chẳng hề có một mảy may băn khoăn lo nghĩ gì về triết lý, biến phẳng ngay cả tính chúng thành thực phẩm, trong khi ở cửa nhà kho Aliôsa Vônkôp đang chuẩn bị sẵn những thùng đựng mỡ.

Bộ phận cuối cùng chứa những lợn cái cho đẻ, nhưng chỉ những tay thợ pháp tối cao mới có quyền vào đây, và tôi cũng không biết được hết những bí mật của nơi thánh địa ấy.

Chuồng lợn đem lại cho trại những lợi tức lớn: ngay đến chúng tôi cũng không bao giờ ngờ rằng trại trở thành một nông trường sinh lợi mau chóng đến thế. Công việc trông trọt do Sêrê chính đôn hoàn hảo khiến chúng tôi có những khối lượng khổng lồ lương thực cho súc vật: củ cải cho bò cái, bầu bí, ngô, khoai tây. Sang mùa thu chúng tôi vất vả lắm mới thu hoạch về được hết.

Quyền sử dụng nhà máy xay gió mở cho chúng tôi con đường rộng rãi đi tới thịnh vượng. Chúng tôi không những chỉ thu tiền thuê xay, cứ mỗi mười sáu kilô hạt thu bốn bảng, mà còn thu được cả cám bã, quý giá vô cùng để nuôi súc vật của trại.

Nhà máy xay gió còn quan trọng về một phương diện khác: nó đặt trên một cơ sở mới những quan hệ của chúng tôi với tất cả nông dân quanh vùng, và những mối quan hệ ấy khiến chúng tôi có thể thực hành được một chính sách lớn. Nhà máy xay gió là Ủy ban Ngoại giao của trại. Đặt chân vào đây

người ta không thể nào không bị lôi cuốn vào tất cả những vấn đề phức tạp có liên quan đến tình trạng nông thôn hồi đó. Bây giờ ở mỗi làng đều có những ban bản nông, phần nhiều hoạt động tích cực và có kỷ luật. Lại cũng có những trung nông, khác nào những hạt đỗ tròn và rắn, cũng tản mạn và cô lập như đỗ, bài xích lẫn nhau. Ngoài ra còn có những tay “chủ”, bọn kulắc hần học rút vào cổ thủ trong những thành trì trại ấp của họ, trở nên man rợ vì lòng thù hằn nung nấu và những kỷ niệm đắng cay.

Một khi nhà máy xay gió về tay chúng tôi quản lý, chúng tôi liền tuyên bố rằng chúng tôi muốn giao thiệp với những nhóm tập thể và ưu tiên phục vụ họ. Chúng tôi yêu cầu những nhóm đó đến ghi tên trước. Bà con bản nông dễ dàng tập hợp với nhau; họ đến đúng thời hạn, nghiêm chỉnh phục tùng những đại biểu ủy quyền của họ, thanh toán tiền nông rất giản dị và mau chóng, thành thử công việc ở nhà máy xay tiến hành được trơn tru hết sức. Bọn “chủ” hợp thành những nhóm ít người nhưng đoàn kết với nhau rất chặt chẽ vì những quan hệ đồng bệnh tương liên và họ hàng thân thích. Họ hành động với một sự liên kết lặng lẽ và thường thường cũng khó mà phân biệt được ai là kẻ cầm đầu cả bọn.

Ngược lại, khi một đoàn trung nông đến nhà máy xay gió, thì công tác của các trại viên trở thành một công việc khổ sai thật sự. Không bao giờ họ đến cùng một lúc và cứ đi loạc choạc kéo dài ra suốt cả ngày. Họ cũng có một người đại biểu ủy quyền đấy, nhưng anh này giao lúa của mình trước tiên, tất nhiên như vậy, rồi về nhà mình, bỏ mặc lại sau một đám người xôn xao bàn tán đủ mọi chuyện bất công, nghi ngờ. Vì ai nấy, nhân lúc ra đi, đã làm một châu rượu mạnh khi ăn bữa sớm, nên các vị khách của chúng tôi đều rất có khuynh hướng đem ra thanh toán ngay lập tức hàng đồng chuyện xung đột riêng tây. Sau một hồi công kích bằng lời nói, tiếp đến một trận “choảng” lẫn nhau, thường thường cứ đến bữa ăn trưa là y như một trong những người tranh chấp chuyển từ địa vị khách hàng sang tình trạng nạn nhân, đem đến chữa ở trạm cấp cứu của Êkatêrina Grigôriepna, khiến các trại viên tức giận điên ruột. Ôtxatsi, đội trưởng của đội chín, điều ra nhà máy xay gió, cố tình đến phòng thuốc để cãi nhau với Êkatêrina Grigôriepna:

- Tại sao cô lại băng buộc cho họ chứ? Làm như thể họ đáng công chữa chạy ấy! Bọn dân quê ấy, cô không biết họ đâu. Nếu cô bắt đầu chữa chạy cho họ, thì họ sẽ giết nhau ngay. Cô cứ để mặc chúng tôi, rồi chúng tôi chữa chạy cho họ rất chóng vánh. Cô nên ra nhà máy xay mà xem sự thể ra sao thì hơn!

Để tôn trọng sự thật, cần phải nói rằng đội chín và Đonit Kutlaty, quản lý nhà máy xay, biết cách chữa chạy những tay hay đánh nhau cho họ trở lại biết lẽ phải; lâu dần về môn ấy họ đã có một tiếng tăm rất vẻ vang và một uy tín vô cùng chắc chắn.

Suốt cho đến bữa ăn trưa, bọn trai vẫn cứ làm việc thản nhiên như không, giữa sự buông thả những lời châm chọc tục tĩu, hơi rượu nồng nặc, những cánh tay vung lên tứ phía, những túi bột giăng co lẫn nhau, những chuyện xích mích mới nhặng nhịu với xích mích cũ đem ra thanh toán, liên miên không dứt. Sau cùng, bọn trai không nhịn được nữa. Ôtxatsi đóng cửa nhà máy xay lại và chuyển sang những biện pháp trừng trị. Chỉ trong nháy mắt, ba hay bốn chú nông dân say nhất và gào thét tục tằn nhất đã bị những cánh tay của các đội viên đội chín nhấc lên khỏi mặt đất và xóc nách lôi tuột ra bờ sông Kôlômak. Họ có vẻ hết sức thấm nhuần ý thức bồn phận của họ và vừa ra công nói năng tử tế rất mực để khuyến khích cổ võ, họ vừa đặt các chú ngồi trên bờ sông và, với một sự chu đáo đáng làm gương mẫu, họ giới vào các chú độ một chục thùng nước. Kẻ phải chịu hình phạt ấy, mới đầu chưa hiểu ra làm sao, còn ngoan cố trở lại những đầu đề nói chuyện ở nhà máy xay. Đứng dạng hai cẳng chân đen thui vì rám nắng, hai tay thọc vào túi quần cụt, Ôtxatsi chăm chú lắng tai nghe những tiếng lúng búng của bệnh nhân, mà đôi mắt xám lạnh của hắn theo dõi từng cử chỉ.

- Anh này còn nói ba lần “đồ con nhà đi”. Cậu hãy cho anh ta ba thùng nước nữa.

Đứng ở dưới, sát bờ nước, Lapô bận rộn hắt mạnh số nước chỉ rõ đó, rồi có vẻ nghiêm trang như

ông bác sĩ hần quan sát bộ mặt của nạn nhân.

Sau cùng, anh này bắt đầu hiểu sự việc một chút, dụi dụi mắt, lắc đầu và còn phản kháng nữa:

- Đâu có phép làm thế? À! Con đĩ mẹ chúng mày...

Ôtxatsi điềm tĩnh ra lệnh:

- Một liều thuốc nữa.

- Đây, một liều thuốc H₂O^[119] nữa! Lapô nói bằng một giọng nhanh nhẩu và dịu ngọt vuốt ve, rồi làm như thể hần cho một liều thuốc cuối cùng, rất quý báu, hần ân cần giội thùng nước lên đầu anh chàng nọ. Cúi xuống sát ngực ướt đầm của kẻ chịu tội, hần ra lệnh vẫn bằng cái giọng mon trón và khản khoản ấy:

- Anh đừng thở nữa... thở mạnh lên... thở lần nữa... thôi...

Nạn nhân, hoàn toàn bỏ vía, ngoan ngoãn làm theo mệnh lệnh của Lapô, khi thì cứng đờ hần người ra không nhúc nhích, khi thì căng phồng bụng lên và ho khúng khoắng, khiến cử tọa vô cùng khoái trá. Gương mặt Lapô rạng rỡ lên và hần đứng thẳng dậy:

- Tình trạng khả quan: mạch 370, nhiệt độ 15.

Lapô có cái tài nói không cười trong những trường hợp như vậy, và toàn bộ buổi điều trị vẫn giữ một vẻ hết sức là khoa học. Chỉ có bọn trai đứng trên bờ, tay xách những chiếc thùng không, là cười vang, còn đám nông dân đứng trên dốc đê thì đồng tình mỉm cười. Lapô lại gần bọn họ và hỏi với một vẻ lễ độ trịnh trọng:

- Đến lượt ai đây? Đến lượt ai qua phòng thủy trị pháp đây nhỉ?

Mồm cứ há cả ra, đám nông dân uống từng lời của Lapô như hứng sữa ngọt và hần chưa nói đã cười rộ lên từ một nửa phút trước.

- Thừa đồng chí giáo sư, Lapô nói với Ôtxatsi, hết bệnh nhân rồi ạ.

- Đem những người mới lành bệnh ra hong cho khô đi, Ôtxatsi ra lệnh.

Đội chín hăng hái ra sức vật các nạn nhân nằm dài ra bãi cỏ và vắn họ dưới nắng, bấy giờ họ mới bắt đầu hoàn hồn thật sự. Một người trong bọn, bằng một giọng đã tỉnh rượu, tùm tùm cười yêu cầu:

- Thôi, không cần... Tôi làm lấy một mình... Bấy giờ tôi thấy dễ chịu rồi.

Đến lúc ấy Lapô mới cho phép mình cười phá lên một tiếng cười thành thực và hồn nhiên. Hần báo tin:

- Anh đó khỏi rồi. Cho ra bệnh viện được.

Mấy người khác còn cưỡng lại và muốn quay về đường lối cũ nữa: “Đồ chúng mày, quân chết...” nhưng chỉ một mệnh lệnh ngắn gọn của Ôtxatsi gọi thùng nước, là đủ làm cho họ tỉnh rượu hoàn toàn và họ van xin:

- Không, thôi không cần... Xin thề là tôi buột miệng, thói quen đấy thôi, các anh ạ.

Lapô coi những người đó là những trường hợp bệnh nặng nhất nên xét nghiệm họ cẩn thận, và đến lúc ấy thì tiếng cười của các trại viên và dân làng vang lên đến cực độ, ai nấy chỉ nhin cười để cố nghe sao cho khỏi mất những lời châu ngọc mới mẻ của cuộc đối thoại ấy:

- Sao, anh bảo là thói quen à? Anh mắc phải thói quen ấy đã từ lâu chưa?

- Nhưng các anh muốn làm gì tôi chứ, khổ quá, nạn nhân đỏ mặt lên, muốn phát cáu, nhưng lại không dám phản kháng mạnh một chút, vì đội chín vẫn còn đứng trên bờ sông kia, với các thùng nước.

- Thế là chưa lâu phải không? Vậy bố mẹ anh cũng ăn nói thô tục như thế à?

- Chính thế đấy, người kia đáp, với một nụ cười sượng sùng.

- Thế còn ông nội anh?

- Cũng như thế thôi.

- Thế chú ruột anh?

- Kể ra thì, vâng, cũng thế.

- Thế bà tổ mẫu nhà anh?

- Trời ơi, dĩ nhiên... Ồ! Anh làm cho tôi ăn nói ra sao thế này nhỉ, lạy Chúa, bà nội tôi không có như thế thì phải...

Lapô vui thú với tất cả mọi người vì được biết rằng về phương diện đó người bà nội hoàn toàn lành mạnh. Hắn ôm hôn nạn nhân ướt sũng:

- Rồi sẽ khỏi, anh cứ tin lời tôi. Anh nên đến thăm bệnh luôn, chúng tôi chữa không cho anh thôi.

Bệnh nhân, cùng với bạn hữu và kẻ thù của y, đều cười rũ cả ra. Trong khi đi đường trở về nhà máy xay gió mà Ôtxatsi đang mở khóa cửa, Lapô vẫn nói tiếp với giọng nghiêm trang ấy:

- Và, nếu anh muốn, thì chúng tôi cũng có thể đến chữa tận nhà. Cũng chữa không lấy tiền, nhưng anh phải báo cho chúng tôi biết hai tuần lễ trước, cho một chiếc xe lên đón bác sĩ; ngoài ra, thùng với nước thì anh phải chịu. Chúng tôi cũng có thể chữa cho ông bố và cả bà mẹ anh nữa.

- Về phần bà mẹ, thì bà không mắc phải bệnh ấy đâu, có một người nào nói giữa những tiếng cười.

- Nhưng, xin lỗi, khi tôi hỏi anh về ông bà thân sinh, anh đã nói: chính thế đấy...

- À, thì nói thế thôi! Người khách hàng đã khỏi bệnh trả lời sừng sốt.

Những người dân làng lấy làm thú vị đến tột bậc.

- Ha-ha-ha-ha... nghe xem kìa... cái thằng này nói xấu chính mẹ đẻ ra nó.

- Đứa nào thế?

- Thì thằng Iaptuc chứ ai... bệnh nhân, bệnh nhân mà lại... Ồi! chịu không nổi nữa, tôi đến vỡ bụng mất, chứ không phải buồn, hắn làm tôi đến chết được, cái thằng nỡm! Phải biết là một gã trai giỏi thực, cứ tỉnh khô đi, cù cũng không cười... bác sĩ cừ thật đấy...

Chỉ thiếu chút nữa là Lapô được công kênh đắc thắng về đến nhà xay, và máy lại được lệnh cho chạy. Công việc lại tiếp tục trong những điều kiện hầu như trái ngược hẳn với tình trạng ban nãy: các khách hàng vội vã chấp hành mọi chỉ thị của Kutlaty – vội vã quá đáng là khác – sắp hàng đợi lượt không lâu bầu, theo thứ tự ấn định, và hau háu nghe từng lời của Lapô, mà lời lẽ sần sỏ và điệu bộ thật là phong phú vô cùng vô tận. Đến chiều, bột xay xong, các nông dân thân thiện bắt tay các trại viên, và vừa ngồi lên xe tải ra về, vừa sôi nổi nhớ lại chuyện:

- Lại cái chuyện bà cụ nội nữa, nhảy! Gã ấy giỏi thực đấy. Giá làng ta mà có lấy một gã như hắn thôi, thì nhà thờ cứ gọi là vắng tanh.

- Nay, Kacpô ơi, thế người cậu đã khô chưa? Thật đấy à? Đầu óc thế nào? Mọi sự tốt cả chứ? Thế còn bà cụ nội? Ha-ha-ha-ha...

Kacpô về ngượng ngùng, cười mỉm miệng, vừa xếp các túi lên xe tải vừa quay đầu đi:

- Minh quả thật chẳng bao giờ lại ngờ đến chuyện đi nhà thương cơ chứ.

- Cậu thử chửi rửa xem nào, cậu quên mất rồi à?

- Ô không! Bây giờ chưa phải lúc, nhưng cứ đợi đi quá Xtôrôjêvôiê, rồi có thể trút lên đầu con ngựa được đấy.

- Ha-ha-ha-ha...

Tiếng tăm lừng lẫy của phòng thủy trị pháp đội chín lan mau chóng khắp các vùng chung quanh. Các bạn hàng đưa gạo đến xay, mở miệng nói câu đầu tiên là y như nhắc tới cái phòng kỳ diệu ấy. Họ nhất định đòi làm quen riêng với Lapô cho kỳ được. Cậu này, vẫn giữ vẻ nghiêm trang nhẽ nhặn như thường, bắt tay họ nói:

- Tôi chỉ là người phụ tá thứ nhất thôi. Đây mới là y sư chủ nhiệm, đồng chí giáo sư Ôtxatsi.

Ôtxatsi lạnh lùng nhìn những người nông dân. Họ thận trọng khẽ vồ vào vai để trần của Lapô:

- Phụ tá à? Ở làng chúng tôi bây giờ, hễ cứ ai nói tục một câu, là người ta bảo ngay: – Này, liệu có phải đi kiếm ông bác sĩ ở trại về cho mày không đấy, cái ông chữa bệnh bằng nước ấy mà; hình như ông ta cùng đến chữa tận nhà đó, hè!

Không bao lâu chúng tôi đã làm cho cái phong khí của chúng tôi chiếm ưu thế ở nhà máy xay gió, náo nhiệt, vui vẻ, khoái hoạt, với một kỷ luật có bàn tay sắt bọc nhung, biết lùi trở về khuôn phép những kẻ lâm thời phá rối.

Sang tháng bảy, chúng tôi bầu lại xô-viết thôn. Luka Xêmiônôvich và bè cánh của hắn đầu hàng không chiến đấu. Pavlô Pavlôvich Nikôlaienkô được bầu làm chủ tịch và Đonit Kutlaty vào Ủy ban xô-viết với danh vị là đại biểu của các trại viên.

9. ĐỘI ĐẶC BIỆT BỐN

Cuối tháng bảy, đội đặc biệt bốn, gồm năm mươi người, bắt đầu hoạt động dưới sự chỉ huy của Burun. Burun là người đội trưởng được toàn thể công nhận và không một trại viên nào dám với tới cái địa vị vừa khó khăn vừa quang vinh ấy.

Đội đặc biệt bốn làm việc “từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn”. Các trại viên thường hay nói hơn là nó làm việc “không hiệu lệnh”, vì nó chẳng biết đến hiệu kèn bắt đầu cũng như hiệu kèn nghỉ việc. Đội đặc biệt bốn của Burun hiện thời được điều ra chiếc máy đập.

Bốn giờ sáng, sau hiệu kèn báo thức và bữa ăn sáng, đội đặc biệt bốn sắp hàng theo dọc bồn hoa ở trước cửa tòa bạch cung. Phía sườn bên phải của chiến tuyến, tất cả các giáo viên ra đứng. Thực ra, họ không bắt buộc phải tham gia công tác của đội ấy, chỉ trừ hai người đến phiên trực nhật, nhưng ở trại, đã từ lâu thành lệ quen là nên gia nhập thì hơn, thành thử không một người nào biết tự trọng mà lại chịu vắng mặt, khi có lệnh tổ chức đội đặc biệt bốn. Ở sườn bên phải đã ra đứng: Sêrê, Kalina Ivanôvich, Xilanti Ôtsênăc, Ôxana, Rasen, cả hai chị thợ giặt, anh thư ký Xpiridôn, anh thợ máy nhất nghỉ việc của nhà máy xay, Kôdia, chỉ đạo viên đóng xe, Miziak tóc hung và tính gắt gỏng, người làm vườn của trại, với vợ bác ta là chị Nadenka xinh đẹp, và vợ của Juôcbin, cùng những người khác nữa mà tôi không biết.

Trong hàng ngũ trại viên, cũng có nhiều người tình nguyện: những đội viên rồi việc của đội mười và đội chín, của đội hai ở chuồng ngựa và đội ba ở chuồng bò đều có mặt.

Mặc dầu bà ta đã cố dậy sớm và đã mặc một chiếc áo vải hoa cũ để ra đó, chỉ có riêng Maria Kônđratiepna Bôkôva là ở ngoài hàng, bà ta ngồi trên bậc tam cấp nhỏ nói chuyện với Burun. Ít lâu nay, Maria Kônđratiepna không mời tôi uống trà với ăn kem nữa, song đối với tôi bà ta vẫn không kém phần lịch sự tử tế so với mọi người khác, nên tôi chẳng có lý do gì mà giận bà ta. Tôi lại còn ưa bà ta hơn trước nữa là khác; mắt bà ta nhìn đã có vẻ nghiêm trang và chắc chắn hơn, câu đùa của bà ta thân mật ấm áp hơn. Hồi gần đây Maria Kônđratiepna đã làm quen với nhiều trẻ nhỏ và nữ trại viên, bà đã chơi thân với Xilanti và chịu đựng được nhiều tính nết khó khăn của chúng tôi. Cái bà Maria Kônđratiepna ấy quả là một con người rất đáng yêu và rất tốt, tuy nhiên tôi cũng bảo thầm bà ta:

- Bà Maria Kônđratiepna ạ, bà đứng vào hàng đi. Mọi người sẽ sung sướng được thấy bà gia nhập đội ngũ cần lao của chúng tôi.

Maria Kônđratiepna mỉm cười với bình minh, đưa mấy ngón tay nhỏ nhắn đỏ hồng lên sắp lại một vòng tóc buông lơi cũng ánh màu hồng, và trả lời bằng một giọng hơi khàn, từ đáy sâu lồng ngực phát ra:

- Cảm ơn. Thế ngày hôm nay tôi làm việc gì đây... xay lúa, phải không?
- Không phải xay, mà là đập lúa, Burun đáp, và bà sẽ ghi sổ lúa đập được.
- Nhưng tôi liệu có làm được không chứ?
- Tôi sẽ chỉ bảo cho bà.
- Có lẽ anh cho tôi một công việc dễ quá chăng.

Burun mỉm cười:

Công việc của ai cũng như ai. Nay, tối nay, đến giờ ăn xúp, bà sẽ cho tôi biết bà thấy thế nào nhé.

- Trời, thích quá nhỉ: tối nay lúc ăn xúp, sau khi làm việc...

Tôi nhận thấy vẻ kích động của Maria Kônđratiepna và mỉm cười quay mặt đi. Bà ta đã gia nhập cánh bên phải và phá lên cười vì một chuyện gì đó, trong khi Kalina Ivanôvich cũng vừa cười vừa bắt

tay bà ta với vẻ mặt một lão già nình đầm lổ bịch, giống hệt một thần mục đồng^[120] chính cống.

Tám tay trống chạy ra, vừa chạy vừa đánh trống ùng ùng, đứng về phía bên phải, theo sau là bốn tay kèn, rướn cong những thân hình mềm mại, sẵn sàng đưa kèn lên miệng thổi. Các trại viên đã đứng thẳng người, nét mặt ai nấy rắn chắc như đánh.

- Chào cờ, nghiêm!

Trên suốt dọc hàng dài, những cánh tay trần nhẹ nhàng giơ lên chào. Theo tiếng trống từng hồi điểm nhịp điệu kèn lạnh lạnh, Naxchia Nôtsêvnaia, trực nhật ở trại, diện chiếc áo dài đẹp nhất của mình và đeo băng đỏ trên cánh tay, đã đem tới sườn bên phải lá cờ lụa của trại Gorki, kèm theo hai bên có hai lưỡi lê ánh thép sáng lạnh mẫn cán bảo vệ.

- Hàng bốn bên phải, đi lên, bước!

Trong đội ngũ người lớn bỗng có sự náo loạn; Maria Kônđratiepna lạnh lạnh kêu lên và sợ hãi nhìn tôi, song nhịp đi theo tiếng trống đã gọi ngay mọi người trở lại trật tự. Đội đặc biệt bốn đã xuất phát đi công tác.

Burun chạy vụt lên đuổi theo đội của mình, đi sóng bước và hướng dẫn đội tới chỗ mà Xilanti đã dựng lên từ lâu một đồng lúa tiểu mạch vừa cao vừa đẹp. Đồng lúa ấy đứng cùng với nhiều đồng khác, không lớn và cũng không đều đặn bằng, lúa hắc mạch, yến mạch, đại mạch và còn một đồng nữa, lá thứ lúa hắc mạch đặc biệt mà ngay đến chính các dân quê cũng không tài nào nhận ra nổi và cứ tưởng là đại mạch. Các đồng ấy là công trình của Karabanôp, Tsôbô, Fêđôrenkô, và phải thú thật rằng tha hồ cho các cậu loay hoay ướm áo sơ-mi, các cậu cũng không sao ăn đứt được Xilanti.

Đứng gần cái máy hơi nước lưu động, thuê ở làng bên, các thợ máy đầy người dầu mỡ, nét mặt nghiêm túc, đang chờ đội tới. Còn chiếc máy đập thì là của chúng tôi, vừa mua trong mùa xuân này, được trả tiền dần từng kỳ hạn, còn mới y nguyên, cũng như cuộc sống của chúng tôi vậy.

Burun bố trí các toán đội viên rất mau, vì hắn đã trù tính mọi chuyện từ tối hôm qua, và chẳng kinh nghiệm chỉ huy đội đặc biệt bốn đã từ bao lâu nay chẳng phải là vô ích đối với hắn. Trên đỉnh đồng lúa yến mạch, sẽ được đập sau cùng, ngọn cờ của trại bay phấp phới.

Đến bữa ăn trưa thì việc đập lúa tiểu mạch đã gần xong hết. Mặt phẳng trên cùng của chiếc máy đập là chỗ náo nhiệt và vui nhất. Ở đấy ánh lên những cặp mắt thiếu nữ đầy người phù bụi vàng nhạt của lúa mì, chỉ có mình Lapô là con trai ở trong bọn. Không biết mệt, hắn không hề đứng lên cho giãn lưng và cũng không một lúc nào ngừng múa mép. Ở chỗ công tác chủ yếu và trọng đại, người ta thấy cái đầu hói của Xilanti và cũng rắc đầy thứ bụi lúa mì ấy, bộ râu mép khó thương của bác ta.

Lúc này Lapô đang dồn lực lượng trên chộc Ôxana.

- Có là đề đùa giỡn cô, anh em trại viên mới bảo cô rằng đây là lúa mì chứ. Cái này mà là lúa mì à? Đồ đấy.

Ôxana vớ lấy một lượm lúa còn buộc và chụp lên đầu Lapô, song cử chỉ ấy không làm giảm chút nào sự thích thú mà hắn gây nên cho cả bọn.

Tôi ưa việc đập lúa. Nhất là về buổi chiều cảnh tượng thật đầy đủ thú vị. Từ tiếng rầm rầm đơn điệu của chiếc máy bắt đầu toát ra một thứ khúc nhạc du dương; lâu dần tại đám ra thích thú nghe cái thứ nhạc cú ấy nó không ngừng thay đổi từng phút nhưng lúc nào cũng vẫn là đồng nhất. Và nhạc điệu đó hòa thành một nền nhạc thích hợp vô cùng với cái không khí náo nhiệt, phức tạp, đã in dấu mệt mỏi nhưng vẫn thật sự không biết mệt là gì. Như theo một câu thần chú của tiên cô, từ đồng lúa bị chặt đầu, những lượm lúa cứ đứng dựng lên, từng hàng tiến đến chỗ chết, và sau khi được tiếp xúc rất mau với những bàn tay êm ái của các trại viên, chúng mất hút vào ruột chiếc máy ngón không biết no, tung lại

đăng sau những mảnh vụn nát xoáy trong cơn lốc và tiếng rên rỉ của những hạt bay ra tứ phía, như bị rút ra khỏi một tấm thân tươi sống vậy. Giữa những cơn lốc và những tiếng động ấy – sự hấp hối ồn ào của hằng hà sa số lượm lúa – các trại viên cúi lom khom và chạy đi chạy lại, bước chệch choạng vì mệt mỏi và vì bị kích động. Còng lưng dưới vác nặng, họ cười và đùa tếu, mình mẩy phủ đầy bụi lúa, tắm trong bóng xế đã bắt đầu mát mẻ của một buổi chiều hè yên tĩnh. Tiếng máy vẫn cứ rầm rầm đều một điệu, từ mặt phẳng trên cùng rít lên những tiếng chói tai, và các trại viên lại hòa thêm vào đây khúc hát ca ngợi sự mệt mỏi của con người với những giọng đặc thặng và trường điệu đến cực độ. Khó mà dứt ra khỏi vẻ hùng tráng của toàn bộ để nhận xét chi tiết. Khó mà nhận ra được các trại viên dưới những hình thù xám bạc kia, như những hình trong kính ảnh. Tóc đỏ, tóc nâu hay tóc vàng, bây giờ cũng như nhau tuốt. Khó mà bảo rằng bộ mặt nọ, như hình ma cúi trên quyền sở tay từ sáng sớm, dưới những lốc bụi dày đặc ở máy tung ra, là Maria Kônđratiepna, và cái bóng người thô lỗ, quái gở, dუმ đó đứng bên bà ta là Êđua Nikôlaiêvich; phải nghe thấy tiếng, tôi mới đoán ra được là anh ta, khi anh ta nói với cái giọng vẫn lễ độ và dè dặt:

- Đồng chí Bôkôva, bây giờ ta có được bao nhiêu đại mạch rồi?

Maria Kônđratiepna quay quyền sở ra phía ánh trời chiều:

- Sáu tấn rưỡi rồi, bà ta đáp với một giọng kim đã bị đứt hơi, và mệt mỏi đến nỗi khiến tôi thương hại bà thật sự.

Sung sướng thay Lapô, trong những lúc đã mệt bã cả người mà hắn vẫn tìm ra được một câu nói ngộ:

- Galatenkô! hắn gọi văng lên, từ đầu đến cuối sàn đập lúa đều nghe thấy. Galatenkô!

Galatenkô đang giơ cao một xúc rơm ba chục kilô trên đầu một cái nạng kiêu hãnh, người lão đảo dưới sức nặng, đáp lại:

- Cái gì, sao mà gọi giật giọng lên thế?

- Hãy lại đây một lát, có tí việc...

Galatenkô đối với Lapô vốn có một thứ sùng bái như thần thánh. Nó yêu Lapô vì trí mưu và dũng khí của hắn, để đáp lại tình thân mến của Lapô, vì chỉ có mình Lapô coi trọng Galatenkô và nói quyết với mọi người rằng xưa nay Galatenkô chẳng phải là kẻ lười bao giờ hết.

Galatenkô quãng rơm xuống bên chiếc máy lưu động và chạy lại chỗ máy đập. Đứng tựa vào chiếc nạng và trong thâm tâm sung sướng vì được một phút nghỉ ngơi giữa sự ồn ào tất bật chung, nó bắt đầu câu chuyện:

- Có việc gì mà cậu gọi mình?

- Này nghe tớ bảo, cậu nhé, Lapô từ trên cao cúi xuống trả lời, và tất cả mọi người chung quanh hắn đều lắng tai, yên trí rằng thế nào cũng có chuyện ranh mãnh gì đây.

- Ừ thì mình nghe đây.

- Cậu đi lên phòng ngủ chúng mình...

- Thế rồi sao?

- Dưới cái gối của giường tớ...

- Cái gì chứ?

- Tớ bảo cậu, là dưới cái gối của tớ đây...

- Ừ, cái gì?

- Cậu sẽ tìm dưới cái gối của tớ và ở đây...

- Mình hiểu rồi, dưới cái gối...

- Ở đây, cậu sẽ thấy đôi bàn tay thay đổi của tớ.

- Được rồi, thế mình phải làm gì? Galatenkô hỏi.

- Cậu hãy đem mau mau tới đây cho tớ, bởi vì những bàn tay này chả còn dùng làm gì được nữa, Lapô vừa nói vừa giơ hai bàn tay hất lên, giữa một dịp

cười chung vang rộ lên.

- Được rồi! Galatenkô đáp.

Nó hiểu là người ta cười vì những lời của Lapô, và có thể là cười nó nữa. Nó đã cố hết sức không nói câu gì ngu xuẩn và buồn cười, và xét cho cùng thì nó đã chẳng thốt ra điều gì như vậy, vì chỉ có một mình Lapô nói thôi. Song mọi người lại càng cười dữ; chiếc máy rung lên vì chạy không và Burun đã bắt đầu “tóc khói”:

- Có chuyện gì thế? Sao vậy, tại sao các cậu chững cả lại thế này? Mà là nguyên nhân mọi chuyện phải không, Galatenkô?

- Tôi ấy à? Tôi có làm gì đâu.

Mọi người yên lặng, vì bằng một giọng đượm vẻ cực kỳ nghiêm trang, Lapô đóng rất khéo vẻ mặt mõi, lo lắng và lòng tin cần ở bạn Burun, hất bảo Burun rằng:

- Cậu ạ, hai bàn tay này hỏng rồi. Vậy xin cậu cho phép Galatenkô đi lấy cho mình đôi tay khác thay.

Burun nhập điệu ngay lập tức, và với một giọng hơi trách móc, bảo Galatenkô:

- Thì cố nhiên rồi, mà còn đợi gì nữa? Việc khó đến thế kia à? Sao mà lười tề vậy, Galatenkô?

Bản nhạc giao hưởng của lúa đập bị đứt quãng. Một tràng cười the the đủ giọng với những tiếng nấc lên, cười vãi nước mắt, làm cho ai nấy không thở nữa. Cả Sêrê cũng cười, và ngay đến các anh thợ máy cũng bỏ máy đấy mà cười, tay nín lấy những đầu gối bản. Galatenkô đã đi về phía các phòng ngủ. Xilauti chăm chăm nhìn theo sau lưng nó:

- Anh bạn kia, anh xem, chuyện trò thế đấy...

Galatenkô dừng lại và nghĩ ngợi. Từ trên một đồng rơm cao, Karabanôp quát bảo nó:

- Kia, sao mà lại đứng đấy! Đi đi chứ?

Song Galatenkô ngoác miệng ra đến tận mang tai. Nó hiểu. Không vội vàng, nó vừa mỉm cười vừa trở lại sân đập lúa. Bọn trai đứng trên rơm hỏi nó:

- Mà đi đâu thế?

- Ấy là Lapô bịa chuyện, cậu hiểu không, bảo mình đi tìm đôi bàn tay thay đổi của hắn.

- Thế thì sao?

- Làm gì có, bàn tay thay đổi của hắn, lại một chuyện cậu ấy tếu.

Burun ra lệnh:

- Không có bàn tay thay đổi! Lại làm đi thôi!

- Không có bàn tay thay đổi, rồi! Lapô nói. Đành xoay xở với đôi bàn tay này vậy.

Đến chín giờ, Sêrê ngừng máy lại và đến tìm Burun.

- Bọn trai đứng không vững nữa, mà còn phải làm đến nửa giờ nữa mới xong.

- Được rồi, Burun đáp. Sẽ làm xong hết.

Lapô kêu rống lên từ trên cao:

- Các đồng chí trại viên trại Gorki! Còn phải làm một nửa giờ nữa. Nhưng đợi một nửa giờ nữa, thì tôi sợ rằng chúng ta có đủ thì giờ chết rũ cả mất. Tôi không đồng ý đâu.

- Thế cậu muốn gì? Burun hỏi và vênh tai nghe.

- Tôi phản đối. Một nửa giờ nữa thì mọi người chết cứng hết. Có phải không, Galatenkô?

- Phải rồi, nhất định. Một nửa giờ thì nhiều quá.

Lapô giờ nắm tay lên:

- Một nửa giờ, không đợi nào. Phải làm xong tuốt, tuốt cả đồng, trong mười lăm phút, chứ không nửa giờ!

- Phải rồi! Galatenkô cũng rống lên. Cậu ấy nói đúng đấy!

Giữa một trận cười mới lại nổ tung ra, Sêrê lại cho máy chạy. Hai mươi phút sau, tất cả mọi việc đều xong, và ai nấy lập tức chỉ muốn ngã dụi xuống đồng rom mà ngủ vùi. Nhưng Burun ra lệnh:

- Sắp hàng!

Các đội viên kèn và trống đợi giờ làm việc của họ đã lâu rồi, bèn chạy mau lên hàng đầu. Đội đặc biệt bốn đưa cờ trở về chỗ để của nó, ở tòa bạch cung. Tôi còn nán lại một lát trên sân đập lúa, và từ tòa bạch cung vắng ra đến tận chỗ tôi tiếng kèn chào cờ. Từ trong bóng tối, một hình người tiến lại phía tôi, tay cầm một chiếc gậy dài..

- Ai đấy?

- Tôi đây, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Tôi ở thôn Vôlôvi, đến để xem cái máy đập lúa. Tên tôi là Vôlôvich.

- Được, đi về trại chúng tôi đi.

Đến lượt chúng tôi cũng đi con đường về tòa bạch cung. Vôlôvich hẳn phải là một ông già, nói giọng đờn đọt trong bóng tối:

- Các anh làm giống như mọi người ngày xưa vẫn làm, như thế là phải lắm...

- Làm gì kia?

- À, thì các anh tổ chức đám rước để đi đập lúa, theo đúng phép.

- Nhưng có cái gì mà bác bảo là rước? Đây là cờ thôi. Mà chúng tôi có cha cố đâu.

Vôlôvich chạy lon ton trước tôi một tí, và vung vẩy gậy lên không khí:

- Ủ, nhưng mà không phải chuyện không có cha cố. Đây là nói chuyện làm khác nào như một ngày hội. Anh ạ, khi người ta gặt được hạt lúa đem về, thì còn có hội hè nào to lớn bằng nữa, nhưng ở quê ta bây giờ họ đã quên mất cái lệ ấy.

Chung quanh tòa bạch cung chỗ nào cũng lao xao tiếng người. Mặc dầu mệt mỏi, các trại viên đều đã đi ra sông cả, và sau khi tắm ai nấy đều hết mệt. Ở các bàn ăn bày ngoài vườn, râm râm chuyện trò vui vẻ náo nhiệt, và Maria Kônđratiepna muốn khóc lên vì nhiều lý do khác nhau: vì mệt mỏi, vì tình yêu mến đối với các trại viên, vì cái qui luật đúng đắn của loài người đã được phục hồi trong đời bà và bà đã ném những thú vui của một tập thể tự do những người lao động.

- Thế nào, người ta đã cho bà công việc dễ phải không? Burun hỏi bà.

- Tôi cũng không biết nữa, Maria Kônđratiepna đáp.

Có lẽ vất vả đấy nhưng đó chẳng phải là vấn đề. Công tác như thế này, thì bao giờ cũng là vui vẻ.

Đến bữa ăn tối, Xilanti đến ngồi bên tôi và bí mật nói:

- Thì đó, họ nhờ tôi nói với anh điều này đây: đến chủ nhật, họ sẽ đến hỏi xin Ôlia, như người ta nói đấy. Anh xem, chuyện trò thế đấy.

- Hỏi cho Nikôlaienکو à?

- Đúng rồi, nghĩa là họ thay mặt ông già, Paven Ivanôvich ấy. Thế thì phần anh, anh Antôn Xêmiônôvich ạ, anh phải làm mọi chuyện theo đúng tục lệ, như người ta nói, tươm tất mọi cái, với những khăn tay này, bánh mì này, với muối này^[121] có thể thôi.

- Bác Xilanti ạ, bác thu xếp những cái đó cho tôi nhé.

- Về chuyện thu xếp cái đó, thì tôi xin phụ trách, như người ta nói, nhưng mà anh ạ, anh xem, chuyện trò thế đấy: theo tục lệ thì trong trường hợp như thế này phải thết họ rượu vôtka hay thứ gì khác đấy, anh hiểu không?

- Rượu vôtka lậu, thì không, hác Xilanti ạ, nhưng bác hãy mua hai chai vang ngọt.

10. LỄ CƯỚI

Ngày chủ nhật, Paven Ivanôvich Nikôlaienô phái người đến trại. Những người quen biết: Kuzma Pêtrôvich Môgôryt và Ôtxip Ivanôvich Xtômukha. Kuzma Pêtrôvich thì ở trại ai ai cũng biết, vì bác ta ở gần chúng tôi, ngay bên kia sông. Một con người béo lẻo, nhưng làm ăn đĩnh đoảng. Bác ta có một thửa ruộng đất cát, cỏ mọc đầy mà bác ta hầu như chẳng ra thăm bao giờ, ở đấy phần nhiều cứ tự động mọc lên đủ các thứ cây cỏ bản xứ lảng nhãng. Thửa ruộng ấy bị chân người đạp lên vạch ra số lối đi, vì nó ở ngay trên đường qua lại của mọi người, và bộ mặt của Kuzma Pêtrôvich cũng giống thửa ruộng của bác ta: ở đấy cũng chẳng mọc lên được cái gì ra hồn cả, cơ hồ mỗi túm râu đen bản cũng cứ tha hồ tự ý đâm ra, chẳng kể gì đến lợi ích của chủ nó hết. Cái mặt ấy cũng có vô khối nếp nhăn đeo và rãnh xẻ, khác nào những con đường nhỏ dọc ngang hằng nhật. Sự khác nhau duy nhất giữa Kuzma Pêtrôvich và thửa ruộng của bác là ở chỗ thửa ruộng chẳng có một mô đất nào có thể so sánh được với cái mũi cực kỳ dài và mỏng của nhân vật đó.

Ôtxip Ivanôvich Xtômukha, trái lại, thì hình dung tuần tú khác vời. Cả làng Gôntsarôpka chả có được một người đàn ông nào thân hình cân đối và mặt mũi bảnh trai như bác ta. Bác ta có một bộ ria mép lớn đỏ hung và đôi mắt thanh tú, đẹp một cách ngang tàng như tạc tượng; bác mặc một bộ quần áo bán quân nhân, lúc nào trông người cũng chừng chạc và cao dong dong. Ôtxip có nhiều bà con thân thích vào hạng giàu có nhất ở nông thôn, vậy mà không hiểu sao riêng bác ta lại chẳng có ruộng đất gì và bác ta sống vì nghề săn bắn. Bác ở liền ngay bờ sông, trong một căn nhà nhỏ chơ vơ hẻo lánh, xa làng.

Chúng tôi đợi họ đến thăm, nhưng khi họ đến chúng tôi vẫn chưa chuẩn bị được chu đáo, vì có mà trời biết phải chuẩn bị thế nào trong một công việc chưa quen như vậy? Tuy nhiên, khi họ vào phòng giấy tôi, được cái bầu không khí ở đấy nghiêm túc, yên tĩnh và uy nghi. Họ chỉ gặp có tôi và Kalina Ivanôvich ở đó. Khách bước vào, bắt tay chúng tôi và ngồi xuống ghế đi-văng. Tôi không biết khơi mào chuyện ra làm sao, thì may được Ôtxip Ivanôvich mở đầu một cách giản dị rằng:

- Ngày xưa thì trong dịp công việc như thế này người ta đem ra kể một câu chuyện đi săn: chúng tôi đã dò theo vết chân một con cáo, chẳng hóa con cáo là một cô gái đẹp. Vậy thì chính vì con cáo đó, hay đúng hơn vì cô gái đẹp đó... Nhưng tôi nghĩ cái tục lệ ấy không hợp với thời bây giờ nữa, mặc dầu chính tôi đây là một người săn bắn.

- Đúng thế, tôi đáp.

Kuzma Pêtrôvich ngồi trên đi-văng, rung rung hai gót chân làm rung cả chòm râu dê của bác:

- Tôi thì bảo rằng đó là chuyện nhảm.

- Không phải đó là chuyện nhảm, chỉ có điều là không hợp thời nữa mà thôi, Xtômukha chữa lại.

- Thời đại nào, phong tục ấy, Kalina Ivanôvich trịnh trọng bắt đầu. Có những người lạc hậu, và đã thế lại còn bất mãn, cứ vực đầu vào mọi thứ mê tín và sống như những con vật, cái gì cũng sợ: họ sợ con dồng, sợ mặt trăng, sợ con mèo. Nhưng bây giờ là chính thể xô-viết, hề-hề, và bây giờ chỉ có những hàng rào kiểm soát kinh tế là đáng sợ thôi, mà kể ra thì cũng chẳng đến nỗi ghê gớm lắm...

Xtômukha ngắt lời Kalina Ivanôvich, vì dĩ nhiên là Kalina đã quên mất rằng cuộc họp mặt không phải là để nói chuyện khoa học.

- Chúng tôi xin nói đơn giản với ông rằng chúng tôi đến đây thay mặt ông Paven Ivanôvich, mà ông biết rõ đấy, và thay mặt bà ta, là Epđôkia Xtêpanôpna. Vì ở trại ta đây, ông đứng thay quyền làm cha, vậy xin ông cho biết ông có vui lòng gả cô Ôlia Vônônôva, khác nào là con gái ông, cho con trai ông bà ấy là anh Paven Pavlôvich không? Anh ta bây giờ đang làm chủ tịch Xô-viết thôn đấy.

- Chúng tôi xin ông trả lời cho biết, Kuzma Pêtrôvich lép nhép nói. Ví như được ông bằng lòng cho, vì là ông bố và bà mẹ muốn xin như vậy, thì ông trao cho chúng tôi những chiếc khăn tay với bánh mì, và nếu ông không ưng cho nữa, thì xin ông cũng đừng giận chúng tôi đã đến làm phiền ông.

- Hề-hề-hề, xin lỗi chưa đủ đâu, Kalina Ivanôvich nói, mà theo cái tục lệ khi của các bác, thì các bác còn phải đem về nhà một quả bí nữa chứ.

- Chúng tôi không chủ tâm lấy bí, Ôtxip Ivanôvich mỉm cười, và chẳng về mùa này cũng chưa có.

- Ừ, mà thật nhỉ, Kalina Ivanôvich đồng ý. Hồi xưa, có những cô gái vừa kiêu vừa ngốc, cố ý để dành đầy một nhà kho bí. Và nếu chẳng có ma nào vờ tới các cô, thì là các cô đem bí ra nấu cháo ăn, những đồ ăn hại thế. Ngon lắm, cháo bí, nhất là nấu với kê...

- Thế nào, câu trả lời của ông đứng làm cha sẽ ra sao? Ôtxip Ivanôvich hỏi.

Tôi đáp:

- Tôi xin cảm ơn các ông, và cả ông Paven Ivanôvich với bà Epđôkia Xtêpanôpna, về cái vinh dự các ông và bà dành cho tôi. Nhưng tôi không phải là cha và cũng không đứng quyền làm cha. Tất nhiên là phải hỏi ý kiến Ôlia, rồi sau đó hội đồng đội trưởng sẽ phải giải quyết mọi việc chi tiết.

- Chúng tôi không dám bàn gì về công việc của ông. Xin ông cứ làm mọi việc theo đúng những thể thức mới, Ôtxip Ivanôvich giản dị tán thành.

Tôi ra khỏi bàn giấy, sang phòng bên gặp người trực nhật và yêu cầu cho báo lệnh họp các đội trưởng. Trong khắp trại có một sự xôn xao sôi nổi đặc biệt. Naxchia nhảy xồ đến tôi, vừa cười vừa hỏi:

- Bụng những khăn tay này thì phải đứng ở đâu hở bác? Đem vào trong kia không được ư? cô vừa nói vừa chỉ vào phòng giấy.

- Về việc đó cháu hãy đợi một tí nhé. Chúng tôi chưa thỏa thuận với nhau về mọi chuyện. Các cháu cứ đứng đây. Bác sẽ gọi các cháu.

- Thế ai sẽ buộc cho họ?

- Buộc cái gì?

- Vâng, buộc khăn tay, cho các ông... mỗi ấy, người ta gọi các ông ấy như thế có phải không ạ?

Đứng bên cạnh tôi, Tôxka Xôlôviep kẹp vào nách một chiếc bánh mì lớn và cầm trong tay một bình muối mà nó lắc lắc, để xem chơi những hạt muối nảy lên. Xilanti chạy tới.

- Chú làm gì thế, chú, sao lại lắc bánh với muối lẽ ăn hỏi thế? Phải bày lên một chiếc đĩa chứ..

Bác ta cúi xuống để mọi người khỏi thấy bác, đang muốn bật cười:

- Chà, bọn trẻ này, thật là đến khổ!... Thế còn bữa ăn trưa thì sao?

Tôi vui mừng thấy Êkatêrina Grigôriepna bước vào.

- Chị giúp chúng tôi cái việc này với.

- Được rồi, tôi đi tìm chúng nó mãi. Chúng nó cứ tha chiếc bánh đó đi khắp trại, suốt từ sáng đến giờ. Các cô các cậu đi theo tôi. Chúng tôi sẽ thu xếp ổn việc này, bác đừng lo. Chúng tôi sẽ ở phòng các cô gái, bác cho gọi chúng tôi nhé.

Các đội trưởng, bấp chân để trần, chạy cả lên phòng giấy.

Tôi còn giữ được danh sách các đội trưởng của thời kỳ sung sướng ấy. Đó là:

Đội trưởng đội một (xưởng giày) Gut.

Bội trưởng đội hai (chuồng ngựa) – Bratsenkô.

Đội trưởng đội ba (chuồng bò) – Ôpriskô.

Đội trưởng đội bốn (xưởng mộc) – Taranet.

Đội trưởng đội năm con gái – Nôtsêvnaia.

Đội trưởng đội sáu (lò rèn) – Biêlukhin.

Đội trưởng đội bảy – Vetkôpxki.

Đội trưởng đội tám – Karabanôp.

Đội trưởng đội chín (nhà xay bột) – Ôtxatsi.

Đội trưởng đội mười (chuồng lợn) – Xtupitxyn.

Đội trưởng đội mười một (trẻ nhỏ) – Gêorghiepxki.

Thư ký hội đồng đội trưởng – Kôlia Vecsonep.

Quản đốc nhà máy xay gió – Kutlaty.

Trưởng kho – Aliôsa Vonkôp.

Phụ tá nông nghiệp – Ôlia Vôrônôva.

Sự thực thì người dự phiên hội đồng đông hơn nhiều: những đoàn viên Kômxiôn hoàn toàn có quyền tham dự không ai tranh cãi hết: Zadôrôp, Jôra Vonkôp, Vôlôkhôp, Burun; các trại viên kỳ cựu, đã bạc đầu trong cương vị Prikhôtkô, Xôrôka, Gôlôt, Tsôbô, Ôptsarenkô, Fêđôrenkô, Kôrytô. Bọn trẻ nhỏ, được cho vào xem, ngồi bệt ngay trên mặt sàn và trong bọn chúng thế nào cũng phải có mặt Michia, Vichia, Tôdia và Vania Sêlaputin. Các giáo viên, cùng với Kalina Ivanôvich và Xilanti Xêmiônôvich, bao giờ cũng dự hội đồng. Vì thế cho nên bao giờ cũng thiếu ghế ngồi: người ta ngồi lên thành cửa sổ, hay đứng dựa tường bên ngoài mà nhìn vào theo dõi việc trong phòng.

Kôlia Vecsonep khai mạc buổi họp. Bị đến một chục trại viên chen ép trên ghế đi-văng, ngáp trong đông cứng chân và căng tay để trần chồng chéo lẫn nhau, các ông mỗi đã mất hết cả vẻ trịnh trọng.

Tôi bảo cho các đội trưởng biết là có các ông đến thăm. Tin ấy chẳng có gì mới lạ đối với hội đồng, vì ai cũng đã biết từ lâu cái tình bạn thân thiết ràng buộc Paven Pavlôvich và Ôlia. Vecsonep hỏi cô này, gọi là chiếu lệ:

- Cô có bằng lòng lấy Paven không?

Ôlia hơi đỏ mặt, trả lời:

- Có, tất nhiên.

Lapô bữu môi:

- Chả ai lại làm như thế. Đáng lẽ cô phải cưỡng lại và chúng tôi phải thuyết phục cô. Như thế này thì chán quá.

Kalina Ivanôvich nói:

- Chán hay không chán, thì cũng cứ phải bàn vào việc. Xin các ông cho biết các ông dự định thu xếp mọi chuyện ra sao, cho việc ở riêng và mọi cái?

Ôtxip Ivanôvich đưa tay lên rìa mép;

- Thế này đây: nếu được các vị bằng lòng, thì chúng tôi sẽ làm lễ cưới, tất nhiên là có lễ ban phúc, và đôi vợ chồng trẻ sẽ về ở với hai ông bà già: nghĩa là gia đình mọi cái đều chung tất cả.

- Thế người ta đã xây một cái nhà mới cho ai vậy?

Karabanốp hỏi.

- Đó sẽ là nhà của Mikhain.

- Nhưng Paven là con trưởng kia mà?

- Đã đành anh ta là trưởng, song ông già đã quyết định như vậy. Bởi vì Paven đã lấy vợ ở trại.

- Anh ta lấy vợ ở trại, thế thì làm sao? Kôvan nói làu bàu, giọng ác cảm.

Ôtxip Ivanôvich không tìm ngay được câu trả lời, và Ruzma Pêtrôvich bắt đầu nói láo nháo với một giọng nhỏ nhẹ:

- Ấy thu xếp như thế đấy. Ông Paven Ivanôvich bảo rằng: chủ nhà cần có người nội trợ, và cô ta thì sẽ được có bố chồng làm bố. Việc đã ra như thế, là Mikhain thì lấy con gái ông Xecgây Grêtsany. Còn cô em nhà ta sẽ về làm dâu trong gia đình, khi lấy anh Paven Pavlôvich. Vả lại anh Paven Pavlôvich cũng đã đồng ý như thế.

Karabanốp khua tay lên:

- Nói như thế, thì kết quả có thể đi đến quả bí thôi.

Paven Pavlôvich đã đồng ý, thì chúng tôi cần gì cái đó!

Điều đó chỉ tỏ ra rằng anh ta ngốc, thế thôi. Hội đồng

đội trưởng không thể nào ưng gả Ôlia trong những điều

kiện như thế được, có khác gì bảo cô ta vào làm đầy tớ ở nhà lão quý ấy...

- Xêmiôn... Kôlia cau mày, nói.

- Thôi được, thôi được, tôi rút lui chữ quý, thế là một. Rồi người ta lại còn nói lễ ban phúc gì nữa thế?

- Nhưng đây là tục lệ. Xưa nay chả ai thấy có đám cưới nào không có cha cô. Ở quê chúng tôi chả làm thế bao giờ.

- Rồi sẽ làm thế. Kôvan nói.

Kuzma Pêtrôvich gãi gãi chòm râu dê.

- Để còn xem, có làm thế hay không làm thế. Ở quê chúng tôi, người ta cho rằng chung sống với nhau mà không làm lễ cưới ở nhà thờ là không tốt.

Cả hội đồng im lặng. Ai nấy đều cùng có một ý nghĩ: đám cưới sẽ không thành. Tôi lại còn sợ nếu như thế thì không khéo bọn trai sẽ tổng tiền các vị đại biểu ra về mà chẳng nể nang gì hết.

- Ôlia, cô cứ cần phải có cha xứ ạ? Kôlia hỏi.

- Sao? Anh đói bụng hay sao thế? Anh quên rằng tôi là nữ thanh niên Kôm-xô-môn.

- Đòi có cha cô thì không xong đâu, tôi bảo các ông mỗi, các ông nên cô thu xếp cách khác thôi, vả chẳng các ông cũng biết các ông đi đến đây là nơi nào. Làm sao các ông lại có thể nghĩ rằng chúng tôi sẽ chịu nhận đi ra nhà thờ được nhỉ?

Xilanti đứng dậy tại chỗ, trở ngón tay lên để xin nói.

- Bác Xilanti, bác muốn nói à? Kôlia hỏi.

- Thì đó, phải, tôi có điều muốn hỏi.

- Được rồi, bác hỏi đi.

- Thì đó, cái nhà bác Kuzma, anh thấy không, là một người..., một người mơ mộng hão, như người ta nói. Nhưng mà, này, bác Ôtxip Ivanôvich hãy thử nói cho chúng tôi nghe xem: thì đó, có quý nào cần

đến những cái bao than^[122] ấy chứ? Thì đó, chẳng thà anh vỗ béo một con lợn còn hơn.

- Hà! Bọn ấy thì cứ chết cả đi được rồi đấy! Xtômukha vừa cười vừa nói. Mỗi khi đi săn mà tôi gặp phải một lão, là tôi quay về ngay.^[123]

- Thì đó, chẳng qua chỉ là cái nhà bác Kuzma cần phải có những con dê đực lông lá xồm xoàm ấy^[124] như người ta nói.

Kuzma cười tùm tùm:

- Hi-hì, chẳng phải là chuyện chúng tôi cần; họ chẳng được cái tích sự gì, cái đó đã đành như vậy. Nhưng mà, bác thấy không, ông cha chúng ta và các cụ tổ chúng ta vẫn làm như thế, và ngoài ra ông Paven Ivanôvich lại đã nói rằng: chúng ta lấy cô gái về, mặc dầu cô ta nghèo, và không có của hồi môn, như người ta nói, phải, thế rồi lại còn ...

Kalina Ivanôvich nện quả đấm xuống bàn:

- Ăn nói lằng nhằng những cái gì thế? Ai cho phép anh nói láo lếu với chúng tôi như vậy? Vậy thử hỏi cái đám giàu có, đến đây ra mắt với những vẻ huyênh hoang ấy là đám nào thế? Vì là anh với lão Paven Ivanôvich nhà anh đã dựng được một cái nhà gianh, vách đất trát vôi, cho nên dễ thường anh tưởng có thể lên mặt làm cao đầy phải không? Cái thằng ăn hại ấy, nó đem đến được một cái bàn với đôi ghế dài, và một chiếc áo khoác lót bông đỏ trong hòm, mà nó đã tự coi là triệu phú rồi à?

Kuzma Pêtrôvich phát hoảng, kêu lên the thé:

- Nào có ai dám làm bộ huênh hoang đâu? Chúng tôi chỉ muốn nói đến chuyện hồi môn thôi.

- Anh có biết anh nói chuyện với ai không, có biết hay không? Đến đây là anh có việc với chính quyền xô viết, dễ thường anh không nhận thấy thế hay sao? Và chính quyền xô-viết thì có thể cho một món hồi môn làm cho tất cả những ông vãi đã thôi thây nhà anh phải quay đảo mình ba lần trong mồ ấy, những quân ăn hại.

- Không mà, kìa, chúng tôi... Kuzma chối cãi một cách yếu ớt.

Bọn trai cười và vỗ tay hoan hô Kalina Ivanôvich.

Bác ta được thể lên nước ra mặt:

- Hội đồng đội trưởng phải xét việc này cẩn thận. Bây giờ đây họ đến yêu cầu chúng ta và chúng ta phải suy nghĩ xem có nên gả Ôlia của trại ta cho một kẻ khổ rách áo ôm như cái gã Nikôlaienkô kia không, cái đồ ăn hại ấy, hần chỉ ních đầy bụng những khoai tây nấu hành và gặt về toàn là rau lê chứ làm gì có lúa mì. Nhưng chúng ta đây, là những người giàu có, chúng ta phải thận trọng mà quyết định mới được.

Sự vui mừng chung của hội đồng đội trưởng và toàn thể cử tọa tỏ ra rằng không còn vấn đề gì nữa. Chúng tôi mời các ông mỗi hầy lui ra ngoài một lát, và hội đồng đội trưởng đem ra thảo luận việc nên cho Ôlia những gì làm của hồi môn.

Lòng tự tôn bị kích động mạnh bởi những câu bàn luận vừa qua, bọn trai phóng cho Ôlia một món hồi môn xem ra thật là kếch sù. Họ mời Sêrê đến, chỉ sợ anh ta phản đối sự rộng rãi ấy, nhưng Sêrê, chẳng do dự một phút, nói quả quyết rằng:

- Đúng đấy. Dù chúng ta có phải hy sinh vì thế chúng ta cũng cứ phải cho Ôlia của hồi môn nhiều vào, nhiều hơn hết thấy các cô gái xứ này. Phải làm cho cái tội kulắc ấy mất mặt đi mới được.

Vì thế việc ấn định số hồi môn chỉ gây nên những câu phản đối đại loại thế này:

- Cậu nói vớ vẩn gì thế: một con ngựa con! không, phải cho một con ngựa hăn hoi ấy.

Sau một tiếng đồng hồ, các vị đại biểu ngồi nghỉ chơi ngoài gió mát được mời trở lại hội đồng và Kôlia Vécsonép, đứng hẳn dậy, đọc có hơi lắt một chút đoạn diễn văn oai vệ này:

- Hội đồng đội trưởng quyết định như sau: đồng ý gả Ôlia cho Paven. Paven phải có nhà riêng của mình và ông bố sẽ tùy liệu cho anh ta theo khả năng. Kết hôn theo pháp luật, không có cha cố. Lễ cưới hôm đầu tổ chức ở trại, rồi sau đó về nhà các bác, các bác muốn làm gì tùy ý. Chúng tôi cho Ôlia để đi ở riêng:

Một bò cái với bò con, giống Ximmentan,

Một ngựa cái, với con của nó đi theo.

Năm con cừu,

Một con lợn giống Anh...

Kôlia đọc đã khản cả giọng mà chưa hết cái danh sách dài vô tận những của hồi môn cho Ôlia: nông cụ, hạt giống, rơm cỏ, quần áo ngoài, quần áo trong, đồ đạc và cả đến một cái máy khâu nữa. Hết kết thúc như sau:

Chúng tôi sẽ giúp đỡ Ôlia, bất cứ khi nào cần đến, và hai vợ chồng, gặp trường hợp cần thiết, cũng phải giúp đỡ trại, không được phép từ chối. Paven được nhận danh hiệu là trại viên.

Các ông mỗi chớp mắt lia lịa, vẻ kinh hoàng, với bộ mặt những người sẵn sàng đợi nhận lễ thánh trước khi chết vậy. Chẳng còn lo ngại làm có đúng tục lệ hay không nữa, bọn thiếu nữ vừa cười rin rít vừa chạy xô đến quàng những chiếc khăn tay thêu lên người các ông mỗi, trong khi các nhóm trẻ nhỏ, Tôxka dẫn đầu, đưa biếu họ tám bánh mì và muối đặt trên một cái đĩa phủ một chiếc khăn tay khác. Vụng về và cuống quýt, họ đỡ lấy tám bánh mì mà không biết nhét nó vào đâu cho được. Tôxka vừa luôn dưới nách. Kuzma Pêtrôvich rút cái đĩa về, vừa vui vẻ bảo bác ta:

- Này, giả đĩa tôi đây, không có tôi bị bác thợ xay bột mắng cho đấy. Của bác ta... cái đĩa này đây.

Các thiếu nữ trải một tấm thảm lên bàn và đặt lên đấy ba chai rượu vang ngọt “Caho”, với mười lăm chiếc cốc. Kalina Ivanôvich rót rượu cho tất cả mọi người và nâng cốc lên:

- Nào, chúc sức khỏe cô ấy và mong rằng cô ấy nhớ bổn phận của mình.

- Bổn phận đối với ai? Ôtxip Ivanôvich hỏi.

- Cái đó rõ lắm rồi: với hội đồng đội trưởng và chính quyền xô-viết nói chung.

Chúng tôi chạm cốc và uống rượu, nhắm với bánh xan-đuýt^[125] nhồi giò lớn.

Kuzma Pêtrôvich nghiêng mình xin cáo lui:

- Thôi, thế xin cảm ơn các ông về mọi chuyện đã thu xếp tốt đẹp được như thế. Bây giờ chúng tôi về chúc mừng ông Paven Ivanôvich và bà Epđôkia Xtêpanôpna.

- Được, anh có thể cứ chúc mừng họ đi, Kalina Ivanôvich nói.

Ôtxip Ivanôvich bắt tay chúng tôi:

- Phải, các bác đây... quả thật là có bản lĩnh. Chúng tôi chẳng thể nào độ sức với các bác được.

Hiền lành và khiêm tốn như các cô nữ sinh nhỏ, các ông mỗi rời phòng giấy để trở về làng. Trong khi chúng tôi đang nhìn theo họ, Kalina Ivanôvich chợt nháy mắt một cách vui vẻ, rồi nhún vai không bằng lòng:

- Không, không coi được! Làm sao họ lại ra vẻ như những thằng ngốc thế? Gọi họ lại đi, Pêtrô, và mời họ qua phòng tôi. Còn chú. Antôn, chú thắng xe đi rồi độ một tiếng nữa thì đến đón họ ở bên tôi nhé.

Một giờ sau, các trại viên vui cười xếp hai ông mỗi lên chiếc xe briska, họ vẫn còn quàng những chiếc khăn tay thêu, nhưng đã mất đi nhiều nghi biểu khác của nhiệm vụ làm sứ giả và đặc biệt là họ nói liú cả lưỡi lại. Được cái rằng Kuzma Pêtrôvich không quên tấm bánh mì, mà bác ta triu mền ôm khư khư trên trái tim. Con Hảo-hán kéo cái xe nặng như nhấc một chiếc lông, chạy băng băng trên con đường cát.

Kalina Ivanôvich nhỏ nước bọt:

- Những quân ăn hại, chúng nó cố ý phá hỏng những thằng cha nghèo rớt đến đây.

- Ai kia?

- Thì cái lão Nikôlaienkô ấy chứ ai. Lão ấy muốn tỏ ý rằng: cô dâu thế nào, ông nói thế ấy.

- Thì đó, đây lại là chuyện khác. Xilanti nói. Ở đây, anh xem, chuyện trò thế đấy: một người làm mỗi khác tất sẽ không chịu nhận lễ cưới mà không có cha cố, như người ta nói. Nhưng hai cái anh này, xem đây, họ cóc cần gì đến cha cố; họ chẳng phải những người... như trước kia đâu; Thì đó, cái lão khờ kia, lão ta mời bảo họ: các bác cứ xin làm lễ ở nhà thờ đi, nhưng nếu gặp trường hợp không ổn chuyện, như người ta nói, thì thôi, mặc mẹ cha cố! Anh xem, chuyện trò thế đấy.

Ngày cưới ấn định vào giữa tháng tám. Các ban này ban nọ tới tấp hoạt động, một buổi diễn kịch được chuẩn bị. Bao nhiêu chuyện lo toan và lại thêm bao nhiêu món tiêu tốn, khiến Kalina Ivanôvich cũng đến phát buồn:

- Nếu chúng mình mà phải gả tất cả những con gái trại mình theo cung cách này, thì anh Antôn Xêmiônôvich ạ, chỉ còn có nước đưa hết bọn trai, với cả tôi, thân già khốn khổ, đi ăn xin trên các ngã đường thôi... Chả còn có cách nào nữa đâu...

Đến ngày cưới, từ sáng sớm trại đã bố trí canh gác bốn bề. Phải điều động hai đội làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự. Chúng tôi chỉ gửi thiệp in mời có bảy chục người thôi. Thiệp viết như sau:

Hội đồng đội trưởng trại lao động Maxim Gorki, nhân dịp nữ trại viên Ôlia Vônônôva xuất trại và kết hôn với đồng chí P.P. Nikôlaienkô, xin kính mời bạn tới dự tiệc và xem kịch buổi tối.

HỘI ĐỒNG ĐỘI TRƯỞNG

Đến hai giờ trưa, ở trại mọi cái đã chuẩn bị đâu vào đấy cả. Các bàn tiệc đã bày ở trong vườn, chung quanh chỗ suối nước phun. Sự trang trí ở khu này là phần tặng phẩm của nhóm nghệ thuật của Zinôvi Ivanôvich: trên cái phòng ăn lộ thiên ấy, bất cứ chỗ nào mà những bàn tay của các trại viên đã phải khó khăn mới với tới được, nhưng bây giờ mắt nhìn thông suốt tới rất dễ dàng, thì đều có cắm những chiếc sào nho nhỏ, treo những tràng dài lá xanh, tết bằng những lộc non của cây phong. Trên bàn, cắm trong các bình, là những bó hoa “Hoàng hậu Bạch tuyết”.

Trong cái ngày hôm nay, với một niềm vui đầy tin tưởng vững chắc, có thể nhìn thấy trại đã trưởng thành và đẹp đẽ hơn lên biết chừng nào. Những lối đi rộng rãi rải cát, của vườn hoa, làm nổi bật vẻ tráng lệ của ba đợt đất bằng, trên đó mỗi gốc cây, mỗi khóm bụi, mỗi đường kẻ bồn hoa, đều đã được trù tính xếp đặt trong những đêm suy nghĩ, được tưới mồ hôi lao động chăm chỉ của những đội đặc biệt, và được tô điểm, khác nào những ngọc thạch quý giá, bởi sự ân cần và tình yêu tha thiết của tập thể. Những chỗ lồi lõm trên hai bờ sông đã phải phục tùng một sự an bài chặt chẽ nhưng khoan hồng của một trật tự kỷ luật đáng yêu: chỗ này là một chục bậc rùng, chỗ kia là những hàng cây phong làm lan can, xa hơn là một thửa đất vuông nhỏ trồng hoa, những đường đi hẹp quanh co, sân cát mịn ngay trên bờ nước, tất cả những cái đó lại chúng tỏ một lần nữa rằng con người, dù chỉ là chủ trại viên đi chân đất, thông minh hơn thiên nhiên bao nhiêu, và biết chế ngự nó. Và trong các khoảng sân rộng mênh mông của vị chủ nhân đi chân không ấy, trên dấu tích của những vết thương nặng để lại cho hắn

thừa hưởng, chính hẳn, người con bị tước đoạt hết gia tài của cái nhân loại cổ xưa, hẳn cũng đã tô vẽ sửa chữa lại tất cả với bàn tay của một nghệ sĩ. Mùa thu trước, các trại viên đã trồng hai trăm khóm hồng, và ở đây mọc lên bao nhiêu cây thuy cúc, cẩm chương, lan tử la, quỳ thiên trúc đỏ tía, phong lệnh xanh da trời, và nhiều thứ hoa khác nữa không biết tên và không có tên, họ cũng chưa từng đếm bao giờ. Những đường thông củ lớn thật sự đã được kẻ ra, liên kết và phân ranh giới khu vực của mỗi tòa nhà: những thảm cỏ Anh hình vuông và tam giác đã chiếm và làm xanh tươi các khoảng trống; từng chỗ có đặt những ghế dài sơn màu xanh lá cây.

Cuộc sống ở trại bây giờ tốt đẹp và có trật tự, trông thấy vậy tôi tự hào về phần đóng góp của mình làm cho đất này thêm đẹp đẽ. Song về phương diện thẩm mỹ tôi cũng có những ý thích riêng của tôi: các thứ hoa, các đường nhỏ đi dạo mát và các góc cây cối um tùm đều không làm cho tôi một phút nào mất hút được những đứa trẻ mặc quần cụt màu lam và sơ-mi trắng nọ. Các chú bé đó hiện thời đang chạy lăng xăng hay bình tĩnh đi lại giữa các tân khách, bận rộn chung quanh những bàn tiệc, hoặc đứng vững ở nơi phạm sự, ngăn không cho ulla vào trại hàng mấy trăm kẻ ngốc nghếch đến xem một đám cưới xưa nay chưa từng có: đó là các trại viên trại Gorki. Thon mảnh và chính chệch, mình lẳn chắc và mềm mại, gân guốc và lạnh mạnh, thân thể không biết đến thuốc men là gì và gương mặt nào cũng môi đỏ hồng hào. Những gương mặt như thế được tạo nên ở trại: khi ở ngoài phố vào đây thì chúng không như vậy.

Mỗi đứa trẻ đó có đường đi của nó, cũng như trại Gorki có đường đi của trại. Tôi cảm thấy tôi nắm trong tay rất nhiều đường xuất phát của những cuộc đời ấy, song nhận cho ra những phương hướng, triển vọng và điểm kết thúc của những con đường đó trong đám sương mù của tương lai gần gũi thật khó khăn biết nhường nào. Giữa đám sương mù ấy hiện đang quay lộn trong lốc bão những yếu tố mà người ta chưa chi phối được, mà các kế hoạch và các khoa toán học chưa đặt được cho chúng một tên gì. Cuộc hành quân của chúng tôi xuyên qua những lực lượng không cân lường được ấy có cái vẻ mỹ quan của nó, cho nên vẻ mỹ quan của những thửa vườn hoa vườn quả kia đã hết làm cho tôi cảm động.

Nó lại càng làm cho tôi ít cảm động trong lúc này đây mà Maria Kônđratiepna sát tới gần và hỏi tôi:

- Ông bố hiền ời, ông làm gì trong xó đó, mà một mình thui thủi buồn bã thế vậy?
- Không buồn sao được khi tất cả mọi người, kể cả bà nữa, đều bỏ tôi bơ vơ?
- Tôi lấy làm vui lòng được an ủi ông và chính tôi cố ý đến tìm ông vì thế, vì tôi không muốn đi xem những đồ sính lễ của cô dâu mà không có ông đi cùng. Nào ta đi.

Tất cả sản nghiệp của Ôlia đều được trưng bày dòn trong hai lớp học. Khách đến xem triển lãm đông như kiến; các bà nông thôn mím môi vì bức tức và ghen ghét, chăm chú nhìn tôi một cách ác cảm. Họ đã chê cô dâu của trại và cưới con gái ở các ấp về làm vợ cho con trai họ, thế mà bây giờ những đám giàu sụ nhất té ra lại ở đây, ngay dưới mũi họ. Tôi thừa nhận là họ có quyền tỏ ý tức giận đối với tôi.

Bôkôva nói:

- Nhưng ông sẽ làm thế nào nếu các ông mới kéo hàng đàn tới trại ông?

Và tôi trả lời:

- Tôi yên trí: con gái đến tuổi lấy chồng của trại chúng tôi có tầm mắt nhìn cao lắm.

Chợt một đứa trẻ chạy tới, sợ hãi chết khiếp:

- Họ đến kia kìa!

Trong sân, tiếng kèn thổi lên, giục giã, báo hiệu tập hợp. Các trại viên đã đứng sắp hàng ở cổng

vào, với cò và đôi trống, theo đúng nghi thức. Từ sau nhà máy xay gió xuất hiện chiếc xe song mã của trại. Ngựa trắng cương đai màu đỏ và Bratsenkô, ngồi trên ghế xà ích, cũng đeo một cái nơ tết. Chúng tôi làm lễ chào đôi trẻ. Antôn ghi dây cương và Ôlia vui sướng nhảy tới ôm lấy cổ tôi. Vừa cười vừa khóc vì xúc động, cô ta bảo tôi:

- Bác đừng bỏ cháu, cháu van xin bác; cháu đã sợ hãi lắm rồi.

Chúng tôi khai mạc một cuộc mít-tinh nhỏ. Maria Kônđratiepna khiến tôi mỉm lòng một cách bất ngờ, bằng cách trao cho đôi vợ chồng trẻ món quà của sở Giáo dục: một tủ sách nông nghiệp, cả một đồng sách mà hai trại viên theo sau bà ta khiêng trên một chiếc băng-ca tết dải hoa.

Đại hội xong, chúng tôi đặt đôi tân nhân đứng dưới cò và giữ trật tự di theo họ đến các bàn tiệc. Đôi cò đứng túc trực, sau đôi ghế danh dự dành cho họ. Trại viên trực nhật chăm chút thay phiên cho đôi bảo vệ. Hai chục trại viên mặc áo lu trắng bắt đầu phục dịch bữa tiệc. Đội đặc biệt của Taranet chăm chú nhìn đường nét các túi áo của các vị khách và lặng lẽ ném xuống sông Kôlômak một số chai rượu vôtka lậu, tịch thu với sự khéo tay của những người làm xiếc và sự nhã nhặn thích hợp với cương vị chủ nhân ở trại.

Tôi ngồi gần cặp vợ chồng trẻ; phía bên kia là Paven Ivanôvich và Epđôkia Xtêpanôpna. Paven Ivanôvich, một người nét mặt nghiêm khắc, với chòm râu giống thánh Nicôla Thần-thông, thở dài não ruột; không biết là vì tiếc hận phải chia của cho con trai hay là buồn trông thấy chai bia, bởi vì Taranet vừa mới cất nhẹ của ông ta chai rượu mạnh.

Các trại viên hôm nay thật là tuyệt, và tôi không ngót thán phục họ: hoạt bát, nhân hậu, ân cần, và vẫn không khỏi có một phần nào phúng thích. Đặt ngồi ở đầu bàn đằng kia, đội mười một lại còn khỏi sự nói chuyện thao thao bất tuyệt, khôu trọc nhóm năm vị khách giao cho họ phận sự bồi tiếp nữa. Tôi hơi lo lời lẽ của họ thành thực quá mực chẳng, nên tới gần xem. Sêlaputin, cho đến bây giờ vẫn còn giữ nguyên được cái giọng kim trẻ con, rót búa cho Kôdia và nói:

- Các cha cô đã làm lễ cưới cho các bác, cho nên các bác mới chẳng tốt lành, các bác thấy không.
- Hay là lấy vợ lại cho bác nhé, Tôxka đề nghị.

Kôdia mỉm cười:

- Đôi với bác thì muộn mất rồi, các con ạ.

Bác ta làm dấu phép và uống bia. Tôxka cười.

- Bác sẽ đau bụng cho mà xem...
- Jêxuma, tại sao thế?
- Thế vì lẽ gì mà bác làm dấu phép?

Ngồi bên cạnh là một lão nông dân, râu rôi bời, màu rơm vàng nhạt, một trong các vị khách mời của Paven Ivanôvich. Đây là lần đầu ông ta đến trại, nên cái gì cũng khiến ông ta lấy làm lạ:

- Các cậu này, thế ra các cậu làm chủ ở đây thật đấy à?
- Nếu không thì ai làm chủ mới được chứ? Sura đáp.
- Nhưng các cậu cày cấy để làm gì?

Tôxka quay hẳn người lại phía ông ta.

- Sao? Bác không biết đề làm gì à? Không thể, thì chúng tôi đã phải đi làm thẳng ở trong các trại, và như vậy thì chúng tôi chẳng chơi.
- Thế sau này cậu sẽ làm gì, như cậu chẳng hạn?

- Á à! Tôxka vừa nói vừa giơ thật cao một chiếc bánh chả phía sau mang tai. Tôi sẽ làm kỹ sư, bác Antôn Xêmiônôvich bảo thế, và Sêlaputin sẽ làm phi công.

Hắn nhìn có vẻ chế giễu bạn thân của hắn, vì chí hướng làm phi công của Sêlaputin chưa được ai ở trại công nhận cả. Sêlaputin vừa nhai một cách cương quyết vừa nói:

- Phải, phải, tôi sẽ làm phi công.
- Này, các cậu nói xem thử, ở trại các cậu không có ai muốn làm nông dân à?
- Sao lại không có ai? Có, hẳn chứ. Chỉ có cái sẽ không phải là nông dân như các bác thôi. Tôxka nhìn trộm người nói chuyện với mình.
- À, ra thế đấy! Thế thì “không như chúng tôi” là nghĩa thế nào?
- À, khác hẳn, chúng tôi sẽ có những máy kéo. Bác đã trông thấy một cái rồi chứ, máy kéo ấy?
- Không, tôi chưa có dịp nào được thấy.
- Chúng tôi, thì chúng tôi đã được thấy. Ở nông trường quốc doanh, cái lần mà chúng tôi đem lợn lên trên ấy. Ngoài đó họ có một chiếc máy kéo, trông như một con bọ hung lớn ấy...

Dãy dài những khách mời được các đội của trại liên kết chặt chẽ. Tôi dễ dàng phân biệt được ranh giới và thấy rõ trung tâm của các đội, là những điểm hiện thời náo nhiệt nhất. Vui vẻ ồn ào hơn hết là ở đội chín, vì có Lapô, chung quanh hắn ta cả trại viên lẫn các vị khách đều cười đến chết. Hôm nay Lapô đã đồng tình với Taranet, bạn thân của hắn, để bày một trò đùa dai dẳng và phức tạp, chọc ghẹo bè cánh mấy ông to đầu ở nhà máy xay gió, ngồi ở bàn của đội chín, mà đội đã được lệnh thừa tiếp. Ở đây có bác thợ xay bột, người to khỏe và lông lá, bác kế toán, người gầy gò và nhọn hoắt, bác thợ máy nhà xay, người hiền lành khiêm tốn. Taranet trước kia đã quen đi móc túi, cho nên rút ở túi áo bác thợ xay bột ra một chai rượu vôtka và thay vào đấy một chai khác, đựng đầy thứ nước tầm thường của sông Kôlômak, thì đối với hắn chỉ là một trò chơi.

Ở bàn ăn, bác thợ xay bột và bác kế toán hồi lâu cứ ngồi đực ra đấy, ngượng ngập, mắt lăm lét nhìn đội đặc biệt của Taranet. Nhưng Lapô đã nháy mắt ra hiệu cứ yên lòng.

- Các bác là chỗ người nhà, để tôi thu xếp cái đó cho.

Nhân Taranet đi qua đấy, hắn vít đầu Taranet xuống gần hắn mà bảo thà điều gì đó. Taranet gật đầu đồng ý.

Lapô rí tai dận dò:

- Các bác hãy rót rượu ngầm dưới bàn và pha bia vào cho có màu mà uống, thế là sẽ ổn chuyện.

Sau những trò làm xiếc dưới gầm bàn, mấy cái cốc đầy một thứ rượu bia màu lờn lợt đáng ngờ được đặt lên trước mặt các vị khách thèm khát, sở hữu chủ sung sướng của chúng, dưới những con mắt chăm chú của đội chín đang nín thở nhìn, vội vội vàng vàng lấy các thứ nhắm vào đĩa của mình. Sau hết, mọi cái đã sẵn sàng, và bác thợ xay bột liếc mắt nhìn Lapô, đưa cốc lên bộ râu. Bác kế toán và bác thợ máy còn thận trọng nhìn sang bên phải và bên trái, nhưng chung quanh họ đều thấy yên ổn cả. Đứng dưới một cây bạch dương, Taranet môi mắt đợi chờ. Đôi mắt của Lapô bắt đầu rực lửa, nhưng hắn cup mi xuống để che đi.

Bác thợ xay bột nói rất nhỏ nhẹ:

- Nào, chúc sức khỏe tất cả các bạn.

Cả đội chín, đầu cúi gầm, quan sát ba vị khách cận cốc. Đến những tiếng ừng ực cuối cùng, bắt đầu thấy biểu hiện một sự phân vân ngờ ngợ. Bác thợ xay bột đặt cái cốc không xuống bàn và ngó Lapô bằng một con mắt dè chừng, song Lapô đang nhai thức ăn, vẻ chán ngán như mãi suy nghĩ mãi tận đâu

đầu. Bác kể toán và bác thợ máy cô hết sức tỏ ra vẻ không có sự gì lạ xảy ra hết cả và lại còn cầm đĩa lấy thức nhắm là khác nữa.

Bác thợ xay bột, vốn đã dày kinh nghiệm, bèn kiểm tra cái chai dưới gầm bàn, nhưng bỗng có người nào lịch sự nắm lấy cánh tay bác ta. Bác ta ngẩng đầu lên; phía trên bác ta, là bộ mặt ranh mãnh và lổm đổm những vết tàn nhang của Taranet:

- Bác không biết ngượng ư! Taranet nói, làm ra bộ thành thực đến đỏ mặt lên. Ấy là đã dặn kỹ rằng đừng có mang theo rượu vôtka, mà lại còn là người nhà nữa chứ ỉ!... Này trông xem, bác đã uống rồi đây. Thế còn những ai nữa uống với bác?

- Quỷ nào biết, bác thợ xay bột nói, là ai đã uống hay không, tôi chẳng hiểu ra làm sao cả.

- Thế nào, bác không hiểu ra làm sao cả ư? Nào, bác thử đi xem! Đấy nhé, vậy mà bác ta chẳng hiểu ra làm sao cả! Nhưng bác sặc sụa mùi rượu, cả một thùng rượu mạnh thật sự. Bác đem theo những thứ như thế đến trại mà không biết ngượng...

- Có chuyện gì thế? Kalina Ivanôvich từ đằng xa đề ý hỏi.

- Chết cay ạ. Taranet vừa đáp vừa chỉ vào cái chai. Kalina Ivanôvich trừng mắt nhìn bác thợ xay bột một cách hăm dọa. Đội chín đã từ lâu cười lăn cười lóc, có lẽ vì Lapô đã kể một câu chuyện gì ngộ về Galatenkô. Chú nào chú nấy đều gục đầu xuống bàn và không còn thể nào chịu đựng nổi bất cứ chuyện gì làm cho phải cười nữa.

Ở khu này có đủ chuyện để làm cho vui đến hết bữa, vì Lapô cứ thỉnh thoảng lại hỏi bác thợ xay bột:

- Thế nào, sao, ít quá à? Mà lại hết mật rồi. Thật đáng tiếc!... Uống ngon chứ? Như thế phỏng?... Thế mà thằng Fêđo lại kiếm chuyện, có tẻ không cơ chứ. Này, Fêđo ơi, cậu không để cho các bác ấy được yên à; chỗ trong nhà với nhau, ai lại thế!

- Không thể được, Taranet nghiêm chỉnh nói. Cậu hãy nhìn các bác ấy xem, ngồi trên ghế không vững kia kìa.

Lapô còn một chương trình lớn, nhiều chuyện phải làm nữa. Hắn còn ân cần đến bảo bác thợ xay bột đứng lên khỏi bàn ăn, thì thào vào tai bác ta;

- Nào, đi, tôi dẫn bác về qua lối vườn, kéo mọi người nhìn thấy rõ quá...

Đội tám của Karabanôp hôm nay phụ trách việc bảo vệ, nhưng đây, họ đang sán đến gần các bàn tiệc, tới cái khu trung tâm chói lọi ngọn lửa triết lý nọ, mà cái đám cưới không phải tầm thường này đã gây nên khởi hứng. Hẹp mặt ở đây có Kôvan, Xpiridôn, Kalina Ivanôvich, Zăđôrôp, Vecsonep Vôlôkhôp và chủ tịch công xã Lunatsacxki, là bác Nextêrenkô thông minh, cầm có điểm một bộ râu dê hung hung đỏ.

Công xã đó ở bên kia sông, tình hình không ổn; nó không khai thác được tốt các ruộng đất, không biết cân nhắc và phân phối đều các quyền lợi và nghĩa vụ, cũng không chế ngự nổi các mẹ nặc nô tính khí rất vô lý khó chịu; nó bất lực, không bồi dưỡng được cho người ta biết nhẫn nại ngày hôm nay, mà cũng không gây được tin tưởng cho ngày mai. Nextêrenkô buồn rầu kết luận:

- Cần phải có những con người mới... Nhưng tìm ở đâu ra họ bây giờ?

Kalina Ivanôvich nhiệt liệt đáp lại:

- Anh nói thế là sai, đồng chí Nextêrenkô ạ, anh nói sai... Những của mới đến đó chỉ toàn là những quân ăn hại, chả làm nên được cái trò trống gì ra hồn. Phải để cho những người cũ bắt tay vào việc...

Các bàn tiệc mỗi lúc một thêm huyền ảo. Táo và lê ở vườn quả của trại vừa mới được dọn ra, và

xa xa đã thấy xuất hiện những thùng đầy kem, mà ban trực nhật của trại rất lấy làm kiêu hãnh.

Phía sau nhà bỗng nổi lên những âm thanh rè rè của một chiếc phong cầm, và một giọng hát the thé của các mục giả nông thôn – một hình tội trong tục lệ các đám cưới – đến phá mất cái thú của ngày hôm nay. Năm sáu mục quay cuồng, giậm chân trước mặt một anh chơi phong cầm rượu say chệnh choáng và mắt nhìn quăm quăm, vừa nhảy vừa tiến đến gần chỗ chúng tôi.

- Họ đến tìm xem đồ sinh lễ đấy, Taranet nói.

Một người đàn bà gầy như que củi và mặt mũi đỏ gay guốc, nhảy như con chơi chơi, rõ ràng có vẻ là riêng để mừng tôi, vừa nhảy vừa khuyên hai khủy tay và vụng về kéo lê trên mặt cát đôi giày to tướng của mục.

- Ông bố hiền ơi, ông bố yêu ơi, ông uống mừng ngày cưới con gái ông đi, ông trang điểm cho con gái ông đi...

Trong tay mục ta vụt hiện không biết ở đâu ra một chai rượu vôtka và một cái cốc nhỏ mặt hoa, cũng chẳng hiểu tại sao lại màu nâu. Bằng một cử chỉ đột ngột của người say bực, mục ta rót đầy cốc làm rượu trào ra ướt cả áo và mặt đất. Taranet đứng xen vào giữa mục và tôi:

- Thôi đi, chị.

Nhanh như cắt hấn đã cầm lấy cốc rượu mời, nhưng mục ta đã quên phứt ngay tôi và vừa hau háu đâm bổ tới Ôlia vừa luôn mồm nói như cầu kinh với cái vui tính của người say:

- Onga Pêtrôpna, cô nàng tuyệt đẹp của chúng tôi! Nhưng cô vẫn còn để bím tóc... Như thế không tốt, như thế không tốt. Mai chúng ta sẽ cho cô ấy đội mũ chóp, [1126](#) cô ấy sẽ đội mũ chóp.

- Không, tôi không đội, Ôlia bỗng đáp với một vẻ cương quyết bất ngờ.

- Sao lại thế? Cô cứ để bím tóc à?

- Phải, tôi cứ để.

Cả mấy mục kêu lên the thé và vừa tuôn ra hàng tràng lời vừa xông tới Ôlia. Vôlôkhốp, cúi tiết và dữ tợn, đẩy các mục ra và hỏi mục dẫn đầu:

- Nào, nếu cô ấy không đội mũ chóp, thì làm sao?

- À, thì cô ấy đừng đội, cô ấy không cần mũ. Mặc các người, song muốn gì thì gì cũng coi như là họ không lấy nhau.

Mấy lão râu ria sốt sáng đến cao thiệp và giải tán các mục vui cười ngặt nghèo và sắc mùi rượu vôtka. Ôlia và tôi đi ra khỏi vườn.

- Cháu không sợ họ, Ôlia nói, nhưng mà rồi sẽ gay go đấy.

Có những trại viên đi qua bên chúng tôi, khiêng đồ đạc và các bọc áo quần. Hôm nay diễn vở “Hôn lễ” của Gôgôn, và trước khi khai diễn Juốcbin nói chuyện về “Những tục lệ cưới xin ở các nước khác nhau”.

Từ giờ cho đến lúc xong ngày lễ mừng còn là lâu, còn lâu lắm.

11. SÀU CẨM

Sau ngày cưới của Ôlia không lâu, một nỗi buồn chờ đợi từ lâu, đã đến với chúng tôi: chúng tôi phải xa cách những trại viên được nhận vào trường trung học công nông. Mặc dầu trường trung học công nông đã được nói đến ngay từ hồi “Đứa của chúng ta đẹp nhất”^[127] và mọi người hàng ngày vẫn chuẩn bị để thi vào đó, mặc dầu không ai nuôi cái mộng tưởng nào thiết tha hơn là được thấy chính những trại viên của trại vào học trường trung học công nông, và trong tất cả chuyện này chỉ có niềm vui và sự đắc thắng, vậy mà khi đến ngày từ biệt, hết thảy mọi người đều cảm thấy lòng thất lại, nước mắt dâng lên mi, và nghĩ thật là ghê gớm: từ trước tới giờ trại đang sinh hoạt, lao động, vui cười, thế mà bây giờ dừng một cái phải phân tán, tựa hồ không ai ngờ tới hết. Ngày hôm đó, chính bản thân tôi cũng ngủ dậy với một cảm nghĩ bồi hồi lo ngại như mất mát cái gì.

Sau bữa ăn điểm tâm, tất cả mọi người đều mặc quần áo đẹp: ngoài vườn các bàn tiệc được bày ra, trong phòng giấy tôi đội cờ đã rút lá cờ ra khỏi vỏ bọc, còn đội trống đã đeo sẵn trống đằng trước bụng. Song tất cả những dấu hiệu ngày hội ấy cũng không thể nào dập tắt được những ngọn lửa sầu nóng bỏng. Đôi mắt xanh lam nhạt của chị Liđa bé nhỏ đầm lệ từ sáng sớm; các thiếu nữ khóc thút thít trên giường, không còn e dè gì nữa, và Êkatêrina Grigôriepna tìm cách dỗ dành họ nhưng không xong, bởi vì chính chị cũng khó giữ nổi được xúc cảm của lòng mình. Bọn trai thì nghiêm chỉnh và lìm lìm im lặng; Lapô có vẻ như một anh chàng vô duyên, bị hắc vận ám ảnh; bọn trẻ nhỏ ngồi tụ tập thành những hàng dài thẳng băng, như chim sẻ đậu trên dây thép, và chưa hề bao giờ thấy nhiều chú bị cảm^[128] đến như thế. Chúng ngồi ngoan ngoãn trên các ghế dài và các hàng lan can, hai tay thu vào giữa hai đầu gối, ngắm nhìn những vật cao hơn tầm nhãn giới bình thường của chúng rất nhiều: mái nhà, ngọn cây, trời.

Tôi chia sẻ niềm phân vân trẻ thơ của chúng và hiểu nỗi buồn khổ của chúng, nỗi buồn khổ của những người tôn trọng lẽ công bằng cho đến kỳ cùng. Tôi đồng ý với Tôxka Xôlôviep: vì lý do gì mà ngày mai Matvây Biêlukhin sẽ không ở trại nữa? Vậy không có cái gì thu xếp cuộc đời cho hợp lý hơn, để Matvây khỏi phải đi và cuộc ra đi của hắn không gây cho Tôxka nỗi đau lòng lớn, bất công và không gì đền bù được nợ hay sao? Ngoài ra, nào phải đâu Matvây chỉ có độc một người bạn chí thiết là Tôxka, và chỉ có một mình hắn ra đi? Ra đi còn có Burun, Karabanôp, Zădarôp, Krainik, Vecsonep, Gôlôt, Naxchia Nôtsêvnaia. Vậy mà số bạn thân của mỗi người trong bọn họ đều đếm có hàng tá, và Matvây, Xêmiôn, Burun là những anh đáng mặt tài trai, bắt chước họ thật thú tuyệt, ấy thế mà bây giờ phải bắt đầu lại cuộc đời mà không có họ.

Đề nặng lên cả trại không phải chỉ có những cảm nghĩ đó mà thôi. Tôi cũng như mỗi trại viên đều thấy rõ ở trại đang bị đặt cổ lên đoạn đầu đài, và một lưỡi rìu nặng nề treo bên trên cửa sắp phập xuống chặt đầu nó.

Chính bản thân các trại viên ra đi cũng có vẻ là những vật hy sinh sẵn sàng đợi bị giết để tế “chư thần Tất-yếu và Vận-mệnh”. Karabanôp không rời tôi; hắn mỉm cười và nói:

- Cuộc đời vốn dĩ như vậy, chẳng có cái gì là ổn cả. Đi lên trường trung học công nông thì là một hạnh phúc, khỏi phải nói nữa: mọi người cứ mơ ước chuyện đó như là mơ ước con Chim lửa,^[129] quái thế. Vậy mà sự thực có lẽ lại không đúng thế! Không biết chừng chính ngày hôm nay là ngày chấm dứt hạnh phúc của chúng tôi, bởi vì chúng tôi cảm thấy rất, rất là buồn phải rời khỏi trại... và nếu đừng có ai nhìn tôi, thì tôi sẽ hét lên đến vỡ họng, phải, tôi sẽ hét... và có lẽ như thế sẽ làm cho tôi khuây dịu đi... Ở đời này chả làm gì có chân lý.

Ngồi trong một góc phòng giấy, Vecsonep nhìn chúng tôi vẻ bức tức:

- Chỉ có một chân lý thôi: những con người.

- Đùa đấy chứ! Karabanốp cười. Thế thì, cậu... có lẽ cậu đã tìm thấy chân lý ở giống mèo chắt?

- K-k-không... vấn đề không phải thế... vấn đề là con người phải cho tốt, nếu không thế, thì t-t-ất cả mọi chân lý đều vụt đi tuốt... Nếu cậu là một thằng vô lại, cậu hiểu không, thì dù là ở dưới chế độ xã hội chủ nghĩa cậu cũng là một người thừa. Hôm nay tôi mới hiểu điều ấy.

Tôi chăm chú nhìn hắn:

- Tại sao lại hôm nay?

- Bởi vì hôm nay, người ta nhìn thấy những con người nh-nh-như trong một tấm gương. Và tôi không hiểu ra sao nữa: trước đây, có lẽ là vì công tác, và ngày nào cũng như ngày nào... một ngày công tác, rồi lại chuyện nọ chuyện kia... Nhưng đến hôm nay th-th-thì rõ lắm. Ông Gorki, ông ấy viết đúng đấy, thế mà trước đây tôi không hiểu điều đó, nghĩa là tôi hiểu, nhưng tôi không coi là chuyện quan trọng. Con người chẳng phải là bất cứ kẻ vô lại nào. Có những người thường, và có những con người.

Các học viên đầu tiên của chúng tôi vào trường trung học công nông, khi rời trại ra đi, đã lấy những lời lẽ như thế để che lấp những vết thương lòng còn mới... Nhưng họ ít buồn khổ hơn chúng tôi, vì trước mắt họ đang mở ra cảnh tự trường rạng rỡ, còn chúng tôi thì chẳng có cái gì rạng rỡ chờ đón cả.

Tối hôm trước, các giáo viên đã tụ tập ở bậc tam cấp của phòng tôi, người ngồi kẻ đứng đàm chiêu suy nghĩ và rứt rứt xích lại gần nhau. Trại đang lặng ngủ; đêm yên tĩnh, âm áp đầy sao. Thế giới đối với tôi hình như là một món thịt hầm ra-gu kỳ diệu, thành phần vô cùng phức tạp: ngon miệng, gọi thêm, nhưng nấu với những gì, thì chả sao hiểu nổi; nào biết có những chi bản thủ lẫn vào món hồ lớn ấy? Vào những giờ phút như vậy, con người ta dễ sinh ra triết lý vắn vơ, muốn hiểu tức khắc mọi sự vật và các vấn đề không thể hiểu được. Và nếu như vậy, ngày mai đây, các bạn thân của ta, sẽ phải rời bỏ ta mà “đi hẩn”, những người mà ta đã tốn bao nhiêu công lao khó nhọc mới lôi ra khỏi được chốn hư vô xã hội, [\[130\]](#) thì gặp trường hợp ấy con người cũng lại đến đưa mắt nhìn lên trời yên tĩnh mà cảm lạnh, và cảm thấy dường như có lúc những cây bạch dương đen ngòm, những cây liễu và những cây bồ đề lân cận thăm thì gợi ý, mách bảo ta những giải pháp đúng đắn cho vấn đề.

Tôi trầm ngâm nghĩ ngợi, cùng với những người khác. Trong đêm hôm ấy, cái đêm trước ngày xuất trại của khóa học viên đầu tiên của tôi, tôi đã nghiền ngẫm vô số ý nghĩ ngớ ngẩn. Nhưng bấy giờ tôi chẳng nói với ai hết: các bạn cộng sự của tôi, trái lại, cứ tưởng chừng chỉ có riêng họ là nao núng, còn tôi, tôi vẫn đứng thẳng, chẳng khác một cây sồi hùng vĩ, không thể nào hủy diệt được. Xem chừng họ còn lấy làm xấu hổ để lộ vẻ yếu đuối của mình trước mặt tôi là khác nữa.

Tôi nghĩ đến sự bất công trong cuộc đời khổ sai của tôi; nghĩ rằng tôi đã hy sinh phần tốt đẹp nhất cuộc sống của mình chỉ cốt để cho năm, sáu kẻ “phạm pháp” vào được trường trung học công nông; mà ra ngoài đó, giữa thành phố lớn, họ sắp phải chịu những ảnh hưởng mới mà tôi sẽ không thể nào chi phối được, và ai biết rồi đây mọi thứ sẽ kết thúc ra sao? Những gian lao vất vả và sự hy sinh của chúng tôi không biết chừng sẽ chỉ là một khối tinh lực uổng phí, chẳng ích lợi gì cho ai hết?

Nhưng tôi lại nghĩ đến điều khác nữa: tại sao có sự bất công ấy?... Mà tôi đã làm được công tác hẩn hoi. Công việc tôi đã làm được hẩn khó gấp nghìn lần và đáng kể gấp nghìn lần hơn là hát bài tình ca ở một buổi dạ hội nghiệp dư, khó hơn cả đóng một vai trong một vở kịch hay, dù cho là tại nhà hát Nghệ thuật ở Mạc-tư-khoa chẳng nữa... Tại sao các nghệ sĩ được hàng trăm hàng nghìn người vỗ tay hoan hô và họ đi ngủ với mỗi cảm nghĩ rằng họ được bao bọc ấp ủ bởi sự quan tâm chú ý và lòng biết ơn của mọi người, còn tôi đây, tôi buồn thui thui, bị bỏ rơi trong đêm tối, ở cái trại hẻo lánh giữa đồng

ruộng này; tại sao ngay đến những tiếng vỗ tay hoan hô của dân làng Gontsarôpka mà tôi cũng không được nhỉ? Và tệ hơn nữa: tôi lại trở nên hoảng sợ nghĩ rằng để “chu cấp” cho bọn học viên lên trường trung học công nông, tôi đã tiêu mất một nghìn rúp, mà món chi phí ấy chẳng dự trù được vào chỗ nào trong ngân sách cả, và khi tôi lên hỏi ông ta, thì ông thanh tra tài chính đã bảo tôi, với một cái nhìn khô khan và chê trách:

- Anh có thể cứ vượt ngân sách, nếu anh thích thế, nhưng đừng có quên rằng lương bổng của anh sẽ phải bảo lãnh số quỹ hụt.

Tôi mỉm cười nhớ đến câu chuyện ấy. Tôi bỗng tưởng tượng trong đầu óc cả một cơ cấu tổ chức đang hoạt động: trong một buồng giấy, một người hùng hồn nói như diễn thuyết, phản đối kịch liệt ông thanh tra, trong khi ở phòng bên một người khác phóng tâm nói to lên: “mặc kệ xác!”, và liền bên cạnh đó, cắm cúi trên các mặt bàn, là một bộ óc mặt hàng sốt sắng đang bận tính toán xem tôi phải trả bao nhiêu tháng lương để đền số quỹ hụt là một nghìn rúp. Cái cơ cấu ấy hoạt động ra trò, mặc dù có nhưng cơ cấu khác cũng đang làm việc trong đầu óc tôi: trong một tòa nhà bên, có một cuộc hội nghị long trọng: các giáo viên của trại và học viên các trường trung học công nông của chúng tôi ngồi cả trên sân khấu, một ban hợp xướng một trăm giọng hát cất tiếng bài hát Quốc tế ca, và một nhà sư phạm uyên bác đọc một bài diễn văn.

Tôi lại có thể mỉm cười nữa: nhà sư phạm uyên bác có thể nói được điều gì hay chăng? Ông ta đã có nhìn thấy Karabanôp, tay lăm lăm khẩu súng lục, đòi tiền “mãi lộ” trên đường cái, hoặc Burun leo lên cửa sổ nhà người khác, Burun tay “trèo tường dỡ mái”, mà các bạn leo cao của hắn đã bị bắn chết không? Không, ông ta đã không nhìn thấy.

- Bác nghĩ điều gì thế? Êkatêrina Grigôriepna hỏi tôi. Bác nghĩ ngợi và mỉm cười à?
- Tôi đang dự đại hội nghị long trọng, tôi nói.
- Thảo nào! Nhưng bác hãy thử nói cho biết, bây giờ chúng ta không có nòng cốt, thì làm ăn ra sao đây?
- Ha-ha, đó lại thêm một bộ môn cho khoa sư phạm tương lai nữa, bộ môn nòng cốt.
- Bộ môn gì?
- Tôi đang nói đến những nòng cốt. Nếu có tập thể thì sẽ có một nòng cốt.
- Cái đó còn tùy ở nòng cốt như thế nào.
- Nòng cốt đúng như ta cần có. Ta phải đánh giá cái tập thể của ta cao hơn mới được, chị Êkatêrina Grigôriepna ạ. Ở đây chúng ta lo lắng chuyện nòng cốt, song tập thể đã đào tạo ra nòng cốt của nó, và chị cũng đã chẳng để ý nhận thấy điều đó nữa. Một cái nòng cốt tốt càng chia cắt lại càng sinh sản, chị hãy nên ghi lấy điều ấy vào sổ tay để viết cho khoa giáo dục học sau này.
- Được rồi, tôi sẽ ghi, Êkatêrina Grigôriepna tỏ ý nhượng bộ nói.

Hôm sau nhóm giáo viên không có vẻ gì là phấn khởi lắm và chỉ gọi là biểu hiện một bề ngoài vui mừng hoàn toàn quan thức mà thôi. Tôi không muốn làm cho tình hình tâm trạng ấy thêm nghiêm trọng, và đóng giả, như ở trên sân khấu, vai trò một người sung sướng ăn mừng sự thành tựu của những mong muốn tha thiết nhất của mình.

Đến trưa chúng tôi ngồi vào bàn tiệc và, trái với sự chờ đợi của mọi người, chúng tôi cười nói rất nhiều. Lapô diễn hài kịch tình hình các học viên của trại ở trường trung học công nông trong bảy tám năm sau. Hắn biểu diễn kỹ sư Zadôrôp bị bệnh phổi đang hấp hối, Burun và Vecsonep, chia nhau tiền chữa bệnh; thế rồi nhạc sĩ Krainik ở đâu mò tới đòi phải trả ngay tiền cử bài hành khúc tang lễ, nếu không thì hắn không cử. Tuy nhiên trong những tiếng cười của chúng tôi, cũng như trong các trò hài

hước của Lapô, không phải là niềm vui về hồn nhiên được tỏ lộ, mà là một ý chí quả quyết che giấu nỗi buồn.

Đến ba giờ, các trại viên sắp hàng và lá cờ được đưa ra. Các học viên đứng về phía bên phải. Từ chuồng ngựa, Antôn đánh xe ngựa thắt con Hảo-hán tới, và bọn trẻ nhỏ xếp lên xe những làn mây đựng hành lý của các người đi. Hiệu lệnh hô, tiếng trống nổi lên và đội ngũ chuyển động về phía nhà ga. Sau một nửa tiếng đồng hồ đi trên cát lún của bờ sông Kôlômak, mọi người dễ chịu bước trên lối đi rộng phủ cỏ ngắn và cứng, mà xưa kia những người Tata và Côđắc Zapôrôgo^[131] đã giẫm đạp lên. Các tay trống dưỡn cong vai lên và các dùi trống bay múa trong tay họ, vui vẻ và duyên dáng hơn.

- Thẳng người, ngẩng đầu lên! Tôi nghiêm ngặt ra lệnh.

Karabanôp vẫn bước đều theo nhịp, vừa đi vừa quay đầu lại và làm nổi một việc giỏi phi thường: chỉ trong một nụ cười hân biểu lộ được cả sự kiêu hãnh, sự vui sướng, tình thân thiết, lòng tin tưởng của hân, tin ở mình và tin ở tương lai tốt đẹp đang chờ đợi hân. Zăđôrôp, đi bên cạnh, hiểu ngay lập tức ý nghĩa của động tác ấy, và vừa vội vã – một cách e ấp như mọi khi – che giấu cảm xúc của mình, vừa hùng dũng nhìn thẳng ra phía chân trời và ngẩng đầu hướng lên đỉnh lá cờ. Bỗng Karabanôp ngang nhiên và lớn tiếng cất giọng hát:

Hoa trường xuân, hãy trải thảm cho thật thấp.

Chàng côđắc, hãy xích lại gần bạn tình.

Tất cả các hàng đều vui vẻ hát theo đều một lượt. Trong lòng tôi bỗng cảm thấy như ngày mùng Một tháng Năm ở quảng trường. Tôi cảm thấy chắc chắn rằng cùng một mối cảm nghĩ ràng buộc hết thầy chúng tôi, cả các trại viên và tôi. Việc quan trọng, điều chủ yếu được nhấn mạnh, bỗng nhiên nổi bật: trại Gorki tiến chân khóa xuất trại đầu tiên đi ra ga. Chính là để mừng họ mà lá cờ lùa kia bay phát phới, mà những trống nọ dồn dập từng hồi, mà đội ngũ trại viên nhịp nhàng bước theo hành khúc, trong khi vàng dương, mặt đỏ hồng hồng vì vui sướng, nhường đường cho học đi mà ngã về tây. Vàng dương hình như cùng hát lên với chúng tôi bài ca tình quái và thú vị nọ, mượn màu sắc một chàng côđắc đa tình, mà kỳ thực nói về một đội học viên trường trung học công nông, đi lên Khackôp theo mệnh lệnh của hội đồng đội trưởng ký hôm qua: “đội đặc biệt bảy do Alecxandơ Zăđôrôp chỉ huy”. Bọn con trai vừa say sưa hát vừa liếc mắt nhìn tôi, hân hoan vì thấy tôi cũng vui, y như họ.

Đã từ một lúc lâu, phía sau chúng tôi nổi lên một cơn lốc bụi cát, và chả mấy lúc chúng tôi đã nhận ra một kỵ sĩ: Ôlia Vôrônôva.

Nhảy xuống đất, cô ta đề nghị:

- Bác cười đi, yên tốt đấy, một cái yên côđắc. Chỉ một suýt nữa thì cháu đến chậm.

- Tôi đóng vai chủ soái thì ra cái gì? Tôi nói. Để cho Lapô thì phải hơn, vì bây giờ hân ta là T.H.Đ^[132] đấy.

- Đúng rồi, Lapô nói và vừa leo lên mình ngựa, hân ta phóng lên hàng đầu đội ngũ, nắm tay chống cạnh sườn và vuốt ngược bộ râu mép tưởng tượng.

Tôi phải ra lệnh cho đi “bước đường trường”, vì Ôlia cũng có điều cần nói và Lapô làm cho các trại viên cười nhiều quá.

Ở nhà ga một nỗi buồn trang nghiêm pha lẫn với những biểu hiện vui mừng náo loạn. Đứng trên tàu, các học viên kiêu hãnh nhìn đội ngũ của trại và quần chúng bị kích động vì thấy chúng tôi đến.

Sau hồi chuông báo thứ hai, Lapô nói mấy câu ngắn như sau:

- Các anh em, hãy cố gắng, đừng có phụ lòng chúng tôi mong mỏi. Alecxandơ, cậu hãy trông coi họ

cẩn thận. Và nhất là đừng quên đem toa tàu trao lại viện bảo tàng. Và treo vào đó tấm biển đề: trong toa tàu này, Xêmiôn Karabanốp đã ngồi để đi lên trường trung học công nông.

Khi ra về chúng tôi đi theo những con đường hẹp, qua những cây cầu bằng thân cây, những khe suối và những hào rãnh phải nhảy qua. Vì thế nên, trong ánh hoàng hôn buông xuống chia thành từng nhóm tâm giao, ai nấy e ấp phơi trần lòng mình cho người khác thấy mà không huênh hoang khoác lác nữa. Gut nói:

- Không, tớ sẽ chẳng đi lên trường trung học công nông nào cả. Tớ sẽ làm thợ giày và sẽ đóng giày tốt. Như thế có phải là tồi hơn không? Không, không phải là tồi hơn. Nhưng các cậu ấy cứ đi như thế thì buồn thật, có phải không, có phải là buồn không?

Anh chàng Kutlaty gân guốc và chân khập khiễng, một gã trai thực là đứng đắn, lườm Gut một cách nghiêm khắc:

- Rồi mày sẽ làm một anh thợ giày chẳng ra gì. Tuần lễ trước mày đóng cho tao một chiếc cá giày, thế mà ngay tối hôm đó nó đã rơi mất. Một anh thợ giày như thế, rút cục là tồi hơn một anh bác sĩ. Song một người thợ giày tốt, thì có thể có giá trị hơn một thầy thuốc đấy.

Tối hôm ấy cả trại im lìm mỗi một. Nhưng, trước giờ tắt lửa, Ôtxatsi, đội trưởng trực nhật, điệu Gut say mềm đến phòng tôi. Nói cho đúng, hẳn say thì ít mà sầu cảm triền miên thì nhiều. Chẳng để ý gì đến sự tức giận của mọi người, Gut đứng sững trước mặt tôi, vừa nhìn cái lọ mực của tôi vừa nói nhỏ:

- Tôi thấy rõ tại sao phải uống rượu như vậy. Tôi đây, tôi là thợ giày thật, nhưng tôi có một tâm hồn không? Có, tôi có một tâm hồn. Khi mà bao nhiêu cậu trai của chúng ta ra đi, có ma nào biết đi đâu, và cả Zăđôrôp cũng đi, thì tôi có thể chịu đựng được không? Không, tôi không thể chịu được. Ấy thế nên tôi mới đi uống rượu, bằng tiền tôi kiếm được. Có đúng là tôi đã thay đế giày cho bác thợ xay bột không? Có, đúng như thế. Thế là tôi đi làm một chầu rượu. Tôi đã làm đổ máu một người nào chẳng? Hay đã lãng nhục ai chẳng? Hay là tôi đã đụng vào một cô gái chẳng? Không, tôi đã không làm những việc ấy. Thế mà hẳn, hẳn ta kêu lên: – Đi lên bác Antôn. Vậy Antôn là ai thế... nghĩa là bác. Bác Antôn Xêmiônôvich à? Lão đó là thế nào nhỉ? Một con thú dữ à? Không, không phải rồi. Lão là hạng người gì, một kẻ gian hèn à? Cũng không phải nữa. Thế thì, nào, đi! Thế là tôi đến đây. Kia! Xin giới thiệu với bác tôi là Gut, thợ giày không ra gì.

- Chú có thể nghe cho đến cùng những lời tôi sắp bảo chú không?

- Có, cháu có thể nghe những lời bác sắp bảo cháu.

- Thế thì chú nghe đây: đóng giày là một việc có ích, một việc tốt. Chú sẽ làm một người thợ đóng giày giỏi và chú sẽ trở nên giàu có một xưởng đóng giày, nhưng phải không uống rượu thì mới như thế được.

- Vậy khi có nhiều anh em bỏ đi như thế, cũng không được uống sao?

- Cũng vậy thôi.

- Thế có nghĩa là bác cho rằng cháu vì vậy mà uống rượu cũng là sai ư?

- Chú đã sai.

- Thế không có cách gì sửa chữa được nữa ư? Gut cúi gục đầu xuống, rất thấp. Thế thì bác sắp sửa phạt cháu rồi.

- Đi về giường ngủ, tôi sẽ không phạt chú lần này.

- Tôi đã bảo mà! Gut nói với những người đứng quanh hẳn, và nhìn bao trùm tất cả bọn bằng một

cái nhìn khinh thị, rồi hắn giơ tay chào theo lối trại viên:

- Về giường ngủ: Rõ!

Lapô xốc nách hắn và gượng nhẹ đưa hắn về phòng ngủ, coi hắn như một tượng trưng của nỗi buồn toàn trại.

Nửa giờ sau, trong phòng giấy tôi, Kutlaty bắt đầu phát giày cho mùa đông. Âu yếm lắm ra những hộp giày mới, hắn đem chia cho các đội, chiếu theo danh sách của hắn. Ở ngoài cửa luôn luôn có tiếng kêu ca:

- Thế bao giờ cậu mới đổi cho tôi? Giày của tôi chật, đi đau chân.

Kutlaty cứ trả lời, trả lời, rồi phát câu:

- Tôi đã bảo các cậu đến hai chục lần rồi. Hôm nay tôi không đổi giày: ngày mai. Những của ngu lạ!

Ngồi ở bàn giấy tôi, Lapô, mỗi một, cau mặt lại và bảo Katlaty:

- Các đồng chí, yêu cầu có lẽ độ đối với khách hàng, phải tôn trọng lẫn nhau mới được.

12. MÙA THU

Mùa đông lại sắp tới. Sang tháng mười những hầm chứa củ cải cho súc vật ăn được đóng lại, những hầm dài vô tận, cho nên khi xong việc Lapô đề nghị với hội đồng đội trưởng rằng:

Nay quyết định: được phép thờ dài một cái cho nhẹ nhõm.

Những “hầm củ cải” là những hố sâu, mỗi cái dài hai mươi thước. Sêrê đã bắt đào đến hơn một chục cái cho mùa đông này, song anh ta còn nói quyết rằng như thế là ít và phải hết sức tiết kiệm trong việc tiêu thụ củ cải cho súc vật mới được.

Lại còn phải xếp củ cải vào hố sâu cũng cẩn thận như là xếp những dụng cụ về quang học ấy. Sêrê cứ bám nhằng lấy đội đặc biệt suốt từ sáng đến tối, mà nói rúc óc lên:

- Nay, xin các đồng chí nhé, đừng có ném củ cải như thế, tôi khẩn thiết yêu cầu các đồng chí đấy. Đừng nên quên rằng nếu các đồng chí đập mạnh chỉ một củ thôi, thì là chỗ ấy phát cương, rồi nó đâm ra thối, và cả hố sẽ thối lây. Yêu cầu các đồng chí cẩn thận hơn một chút cho.

Chán ngấy vì cái công tác đơn điệu và, nói tóm lại, cũng “bệt như cải”^[133] ấy, các trại viên không bỏ qua dịp khai thác đề tài do Sêrê cung cấp, để đùa và thờ một tí. Thế là họ chọn lấy trong đồng củ nào dễ thương nhất, tròn trĩnh và hồng hào nhất; cả đội đặc biệt vây quanh nó, rồi đội trưởng, một chú oắt vào cỡ Michia hay Vichia, giơ hai tay lên, các ngón tay chẽ ra và nói thì thào lớn tiếng:

- Chú đứng xa ra. Chú đừng thờ. Có chú nào tay sạch không?

Một chiếc băng-ca xuất hiện. Mấy ngón tay của đội trưởng đặc biệt âu yếm nàng củ cải ở đồng lên, nhưng lập tức có một tiếng hoảng hốt kêu lên:

- Chú làm gì thế? Chú làm gì thế?

Tất cả bọn ngừng lại, vẻ sợ hãi, rồi gật đầu tán thành, khi tiếng đó nói:

- Phải làm cho cẩn thận đấy.

Chiếc áo công tác đầu tiên nào thuận tay vớ được tức khắc đem cuộn lại thành một cái gối êm và mềm, đặt trên băng-ca, rồi họ để nằm lên đó, thật hồng hào, thật tròn trĩnh và thật béo tốt, cái củ cải nhỏ xíu, nó thực sự bắt đầu gợi lòng triu mến. Để khỏi mỉm cười một cách lộ liễu quá, Sêrê nhắm nhắm một ngọn cỏ. Chiếc băng-ca được nâng lên khỏi mặt đất và Michia thì thào:

- Nhẹ tay chứ, nhẹ tay chứ, các đồng chí! Đừng nên quên rằng: sắp bắt đầu hát cương, tôi khẩn khoản xin các đồng chí đấy.

Giọng Michia tỏ ra hao hao giống giọng Sêrê, cho nên Êđila Nikôlaiêvich vẫn không ném ngọn cỏ đi.

Công tác cày đất mùa thu đã xong. Bấy giờ chúng tôi mới bắt đầu mơ tưởng một chiếc máy kéo. Với một chiếc cày và một đôi ngựa, chúng tôi không tài nào cày hơn được nửa éc-ta mỗi ngày. Sêrê rất băn khoăn lo lắng, trong khi quan sát các đội đặc biệt một và hai công tác. Các đội ấy gồm những trại viên đại biểu của những đội cô xưa nhất của trại, mà các đội trưởng trước kia là những gã trai vạm vỡ phục phịch như Fêđôrenkô, Kôrytô, Tsôbô. Các đồng chí này bẩm sinh có sức lực không thua kém một đôi ngựa mấy tí và hiểu biết sâu công việc cày bừa, chỉ có điều họ đã làm đem những phương pháp cày bừa áp dụng vào cả mọi mặt khác của đời sống. Trong lĩnh vực tập thể cũng như trong lĩnh vực tình bạn hay trong sinh hoạt riêng, họ đều ưa thích những luống thẳng và sâu, với những lưỡi cày có tai khỏe và sáng loáng. Công việc tư tưởng của họ không làm ở trong những lá óc, mà là ở những chỗ nào khác kia: trong những bắp thịt sắt, trong lồng ngực thiết giáp và những cạnh sườn của họ, chắc nịch

một cách dị kỳ. Ở trại họ nhất thiết chống lại mọi cảm dỗ của trường trung học công nông và, với một vẻ khinh bỉ lạnh lẽ, họ không chịu nói bất cứ một câu chuyện gì có tính cách học thuật cao xa. Về nhiều điểm họ có những quan niệm vững chắc nhất định và không một trại viên nào có được cái tư thế đầu vênh vênh lên một cách cao ngạo mà hiền lành như họ, và cũng không có được cách ăn nói chắc chắn mà tần tiện lời như họ.

Vì vai trò tích cực hoạt động của họ ở các đội đặc biệt một và hai, các trại viên đó được hết thảy mọi người quý trọng, song ở trại những tay đùa ác đôi khi vẫn không nhìn được nói châm chọc họ vài câu.

Mùa thu năm ấy, đội đặc biệt một và hai đã ngoặt nhau về mặt thi đua. Hồi bấy giờ thi đua chưa phải là nét đặc trưng của công tác xô-viết nói chung, và về chuyện ấy tôi lại còn bị đem ra hỏi lục vấn ở các phòng tra khảo của sở Giáo dục là khác nữa. Để tự biện bạch cho mình, tôi chỉ có thể nói được rằng phong trào thi đua ở trại đã phát sinh một cách bất ngờ ngoài ý muốn tôi.

Đội đặc biệt một làm việc từ sáu giờ sáng đến trưa và đội hai từ trưa đến sau giờ chiều. Các đội đặc biệt được thành lập cho từng tuần lễ một. Sang tuần lễ sau, trong các đội đặc biệt bao giờ cũng có chút ít thay đổi về mặt phối hợp nhân lực, mặc dù vẫn có một phần nào chuyên môn hóa.

Mỗi ngày, trước lúc đội đặc biệt xong công tác, Aliôsa Vônkôp, phụ tá nông nghiệp của trại, võ trang bằng một chiếc “đĩa” dài hai thước, để đo số thước vuông của đội đã làm được.

Các đội đặc biệt cày tốt, song thành tích khi lên khi xuống tùy theo loại đất, ngựa, độ dốc của ruộng, thời tiết và nhiều nhân tố khác có thể nói là khách quan. Trên tấm bảng gỗ treo, dùng để báo hết thảy mọi chuyện, Aliôsa viết phần:

19 tháng mười, đội đặc biệt một Kôrytô... 2.350mv.

19 tháng mười, đội đặc biệt một Vetkôpxki... 2.300mv.

19 tháng mười, đội đặc biệt hai Fêđôrenkô... 2.410mv.

19 tháng mười, đội đặc biệt hai Nêtsitailô... 2.270mv.

Tất nhiên là bọn con trai bị hấp dẫn, đem sao sánh những kết quả công tác của họ, và mỗi đội đặc biệt đều cố gắng làm nhiều hơn những đội trước. Fêđôrenkô và Kôrytô tỏ ra là những đội trưởng ưu tú nhất, có nhiều khả năng nhất để giữ phần thắng lợi. Họ là đôi bạn chí thân từ lâu, song điều đó không ngăn cản họ đổ kỵ theo dõi những thành công của nhau và tìm bới đủ mọi thứ khuyết điểm của nhau. Trong tình hình đó, đã xảy ra cho Fêđôrenkô một tấn bi kịch chứng tỏ cho mọi người thấy rõ rằng hắn cũng biết nổi nóng. Ít lâu nay, Fêđôrenkô đứng đầu tất cả các đội đặc biệt, ngày nào trên tấm bảng gỗ của Aliôsa Vônkôp hắn cũng lấp lại những con số vào giữa khoảng 2.500 và 2.600. Các đội của Kôrytô cố gắng đuổi theo, song bao giờ cũng bị tụt lại đằng sau từ bốn chục đến năm chục thước vuông, và Fêđôrenkô đùa bạn rằng:

- Bỏ cuộc đi thôi, người anh em ạ, người ta đủ thấy rõ là cậu còn non tay trong nghề lắm...

Sang cuối tháng mười, con Zorka ốm, Sêrê chỉ cho thắng vào cày có một đôi ngựa. Để tăng cường hiệu quả công tác, anh ta yêu cầu hội đồng đội trưởng phái Fêđôrenkô sang đội đặc biệt của Kôrytô.

Mới đầu, Fêđôrenkô còn chưa nhận ra tính cách bi đát của hoàn cảnh bất lợi cho hắn, bởi hắn chỉ hết lòng lo lắng vì sự con Zorka ốm và cần phải làm thế nào cho công việc cày với một đôi ngựa được xúc tiến mạnh hơn lên. Hắn hăng hái lao mình vào cuộc phấn đấu và chỉ mở mắt ra nhìn khi Aliôsa Vônkôp ghi lên bảng:

24 tháng mười, đội đặc biệt hai Kôrytô... 2.730 mv.

Kôrytô, hết sức hãnh diện, vênh vang đắc thắng và Lapô ranh mãnh đi khám khắp trại:

- Thấy chưa, thằng Fêđôrenkô thi đọ với thằng Kôrytô thế nào được kia chứ! Kôrytô, nó đúng là một nhà nông học. Còn thằng Fêđôrenkô, cứ là còn xoi!

Bọn trai ra sức chuyên tay nhau tung Kôrytô lên trời mà kêu “U-ra!”, trong khi Fêđôrenkô, hai tay thọc vào túi quần, tái mặt đi vì ghen tức và găm lên:

- Thằng Kôrytô, mà là một nhà nông học à? Một nhà nông học như thế, thì tao đây chưa thấy bao giờ đấy!

Mọi người luôn trêu chọc Fêđôrenkô bằng những câu hỏi ngây thơ:

- Cậu công nhận là Kôrytô đã thắng chứ?

Nhưng Fêđôrenkô bỗng nảy ra một tia sáng trong đầu óc. Ở hội đồng bộ trưởng, hắn tuyên bố:

- Kôrytô làm gì mà vênh vào tợn thế? Tuần lễ này cũng vẫn chỉ có một đôi ngựa thôi. Hãy cho Kôrytô sang đội đặc biệt một, rồi tôi làm ba nghìn mét vuông cho các cậu xem.

Rất khoái ý vì xảo kế của Fêđôrenkô, hội đồng đội trưởng chấp nhận yêu cầu của hắn. Kôrytô ngoẹo đầu ngoẹo cổ nói:

- Ô! Cái thằng quỷ Fêđôrenkô, nó láu cá lắm.

- Này, mày coi chừng đấy! Fêđôrenkô bảo hắn. Tao đã cật lực làm việc với mày; mày cứ liệu mà giả vờ xem thử...

Ngay trước khi bắt tay vào việc, Kôrytô đã nhận thấy tình thế của hắn là gay go.

- Chà, làm thế nào được? Fêđôrenkô là Fêđôrenkô, còn đồng ruộng là đồng ruộng. Và nếu bọn con trai bảo là mình đã chơi xỏ Fêđôrenkô một vỏ bản thiú, rằng mình đã làm tòi, thì cái đó cũng xấu.

Buổi sớm, lúc ra đi công tác, cả Fêđôrenkô và Kôrytô đều cười. Fêđôrenkô lưu ý bạn tới một chiếc gậy ngắn to tướng mà hắn đặt trên cái cày:

- Mày có thấy cái cán chổi này không? Ra ngoài đồng ta sẽ không giữ phép lịch sự với mày đâu nhé.

Kôrytô đỏ mặt lên trước hết vì cảm thấy tình hình rất nghiêm trọng, sau nữa vì cười.

Aliôsa từ cánh đồng cày vác “dĩa” trở về, trong khi còn đang lục túi để moi ra một mẫu phấn, thì bọn trai đã sốt ruột hỏi hắn:

- Thế nào hử?

Aliôsa viết lên bảng, thông thả và lặng lẽ:

26 tháng mười, đội đặc biệt hai Fêđôrenk... 3.010mv.

- Chà, người anh emm, hãy nhìn xem kia, cái thằng cha Fêđôrenkô: ba nghìn.

Fêđôrenkô cùng về với Kôrytô. Bọn trai tiếp đón hắn ra người đắc thắng, và Lapô lại nói:

- Tớ vẫn bảo mà: Kôrytô không bén gót tới Fêđôrenkô! Ủ, thằng ấy, nó mới đúng là một nhà nông học chứ!

Fêđôrenkô nhìn Lapô nghi hoặc, song không dám phát biểu ý kiến gì về thủ đoạn chính trị giáo hoạt của hắn, vì chuyện không phải là ở ngoài cánh đồng, mà là ở trong sân trại, và trong tay Fêđôrenkô lại không có những bắp cày đang rung rung lên vì sức cố gắng.

- Thế nào, cậu tụt rồi à, Kôrytô? Lapô hỏi.

- Là bởi vì không đúng quy tắc, các đồng chí trại viên ạ. Tôi nói thật với các cậu: thằng Fêđôrenkô nó đem theo ra cánh đồng một cái gậy gộc, ấy chuyện là như thế đấy.

- Phải, đem theo một cái cọc, Fêđôrenkô xác nhận, cần có nó để gặt bùn đất ở lưỡi cày...

- Và nó đã bảo: tao sẽ không giữ phép lịch sự với mày đâu nhé.

- Tại sao tao lại giữ phép lịch sự? Và về đây tao còn nói nữa rằng: người ta cho mày vào tay tao chỉ huy không phải là để tao ve vãn mày; mày cóc phải là một cô nàng.

Thế nó đã dùng cái cọc để cọ mày bao nhiêu lần? bọn trai thích thú hỏi.

- Vì tao sợ cái gậy gộc ấy, cho nên tao làm việc tốt, thành thử nó không cọ tao lần nào. Mà Fêđôrenkô ạ, mày cũng đã chẳng dùng đến cái của nợ ấy để gặt lưỡi cày nữa.

Cái gậy ấy, tao đem đi để phòng dùng đến. Ra ngoài ấy tao đã tìm được một cái tiện hơn.

- Một khi mà nó đã không cọ mày lần nào, thì chả có làm sao cả, Lapô giải thích. Mày đã làm ăn không khéo, Kôrytô ạ. Đây này, đáng lẽ ra ấy, thì mày cứ đứng đỉnh và hãy đấu khẩu với đội trưởng của mày. Thế nào nó sẽ chẳng chơi cho mày một bài, với cái gậy của nó. Như thế, thì lại là chuyện khác: hội đồng đội trưởng này, ban chấp hành Xôxômôn này, đại hội nghị này, ái- già-già!...

- Tao không nghĩ ra đấy, Kôrytô nói.

Thế là phần đặc thắng vẫn thuộc về Fêđôrenkô, nhờ tính kiên trì và tài sáng kiến của hắn.

Mùa thu sắp hết, một mùa thu phong túc, kết thúc thắng lợi, giàu hứa hẹn. Chúng tôi có đôi chút buồn nhớ các trại viên đi Khackôp, song những ngày lao động với những con người rất hoạt bát mỗi buổi chiều lại đem tới cho chúng tôi những chuỗi cười ròn rã và vui tươi đầm ấm, thậm chí đến ngay Êkatêrina Grigôriepna cũng phải công nhận:

- Thế mà cái tập thể của chúng ta giỏi thật đấy, bác ạ, cứ như không có chuyện gì ấy thôi.

Bấy giờ tôi mới càng hiểu rõ hơn rằng nói cho đúng thì chẳng có chuyện gì xảy ra hết thảy, và như vậy là phải. Những thành công của các học viên của chúng tôi qua các kỳ thi, ở Khakôp, và sự yên trí chắc chắn rằng, mặc dầu họ sống và làm việc ở một thành phố khác, họ vẫn cứ là trại viên của đội đặc biệt bảy, khiến chúng tôi chứa chan hy vọng tốt đẹp. Đội trưởng đội đặc biệt bảy, Zadôrôp, gửi về đều những báo cáo hàng tuần, mà chúng tôi đọc lên giữa buổi họp, trong những tiếng cười đùa ồn ào tán thưởng. Các báo cáo của Zadôrôp được viết tỉ mỉ, nói rõ về những môn nào cậu kêu ca than phiền, và thỉnh thoảng, qua mỗi đoạn, lại xen vào những câu nhận xét không chính thức:

“Xêmiôn đang muốn mắc vào một cô ả ở Tsecnigôp. Xin hãy viết thư bảo cho cậu ấy đừng có nghĩ vớ vẩn. Vecsonep thì chỉ cần nhằn yêu sách, nói rằng trường trung học công nông chẳng dạy tí gì về y khoa và hắn chán môn ngữ pháp lắm. Xin hãy viết thư bảo hắn đừng tự phụ”.

Trong một bức thư khác, Zadôrôp viết:

“Ôxana và Rasen đến thăm chúng tôi luôn. Chúng tôi cho các cô ấy mỡ và các cô ấy giúp đỡ chúng tôi chút ít, vì Kôlia kém về ngữ pháp và Gôlôt kém số học. Vì thế nên chúng tôi yêu cầu hội đồng ghi tên cho các cô ấy vào đội đặc biệt bảy; các cô ấy phục tùng kỷ luật”.

Hắn còn báo tin:

“Ôxana và Rasen không có giày bột-tin, và không có tiền mua. Giày của chúng tôi đều đã vá; phải đi nhiều và toàn là đi trên đá. Tiền của bác Antôn Xêmiônôvich gởi cho đã bay cả, vì anh em phải mua sách và một hộp com-pa cho môn họa đồ án án của tôi. Phải mua giày bột-tin cho Ôxana và Rasen, giá ở chợ bán đồ cũ bảy rúp một đôi. Anh em được ăn uống cũng khá; chỉ tiếc rằng mỗi ngày chỉ được ăn một bữa, và mỡ thì hết rồi, Xêmiôn nó ăn nhiều mỡ lắm. Xin viết bảo nó ăn ít mỡ chứ, nếu trại còn gửi mỡ cho chúng tôi.

Bọn trai hăng hái quyết định, ở hội nghị toàn trại: gửi tiền và nhiều mỡ hơn một chút, nhận cho

Óxana và Rasen vào đội đặc biệt bày và gửi huy hiệu trại viên cho hai cô, nhưng không cần viết thư cho Xêmiôn Karabanốp về chuyện mờ, vì ở ngoài ấy họ đã có đội trưởng của họ và cậu ta, là đội trưởng thì phải tùy liệu mà phân phối. Cũng sẽ viết bảo Vecsonep đừng giở chứng điên nữa, và viết cho Xêmiôn về chuyện cô ở Tsecnigốp, cậu ấy hãy coi chừng, chớ có để cho đầu óc chứa toàn những chuyện cô ở đây cô ở đó nọ như thế. Nếu gặp trường hợp cần thiết, thì cô ở Tsecnigốp hãy viết thư cho hội đồng đội trưởng.

Lapô có tài làm cho các cuộc họp toàn trại được kết quả thiết thực, mau chóng và vui vẻ. Hẳn khéo đề nghị những phương thức xuất sắc để trao đổi thư tín với các học viên trường trung học công nông. Ý kiến về việc cô bé ở Tsecnigốp phải viết thư cho hội đồng đội trưởng khiến cho mọi người rất thích thú và về sau còn được bàn tán rộng thêm ra nữa.

Cuộc sinh hoạt của đội đặc biệt bày ở Khackốp đã làm thay đổi đến căn bản phong cách nhà trường của trại. Từ nay trở đi hết thảy mọi người đều tin chắc rằng trường trung học công nông là một hiện thực mà người nào muốn cũng đều có thể đạt tới. Vì thế nên kể từ mùa thu ấy chúng tôi nhận thấy những cố gắng trong việc học được tăng cường gấp bội. Bratsenkô, Gêorghiepxki, Ôtxatsi, Snaide, Glaize, Marutxia Lepisenkô công khai nhắm thi vào trường trung học công nông.

Marutxia đã dứt bỏ hẳn những trò giở chứng điên dại của mình và hồi đó hết sức yêu mến Êkatêrina Grigôriepna, đi đâu cũng theo chân và, khi nào đến lượt chị ta trực nhật, thì vừa giúp đỡ vừa áp ủ chị bằng một cái nhìn âu yếm nhiệt tình. Tôi lấy làm thích thấy Marutxia ăn mặc trở nên diêm dúa, tập đeo những cổ áo lớn nghiêm nghị và mặc những áo lu may rất nhã. Trước mắt chúng tôi, Marutxia ngày càng biến thành một mỹ nhân.

Những luồng hương thơm của trường trung học công nông còn xa lắc xa lơ bay lan đến tận đám trẻ nhỏ, và những chú oắt háo hức thường bắt đầu hỏi chúng tôi luôn xem các chú nên hướng bước chân lên trường trung học nào thì hơn.

Natasa Pêtrenkô bập vào việc học với sự thèm khát đặc biệt. Gần mười sáu tuổi còn chưa biết chữ, vậy mà ngay từ những ngày đầu cô ta đã tỏ ra thiên tư xuất sắc, và tôi đề ra cho cô ta nhiệm vụ phải học xong trong mùa đông chương trình của ban thứ nhất và ban thứ hai. Natasa chỉ cảm ơn tôi bằng một cái chớp mi mắt và nói gọn lỏn:

- Sao lại không được?

Cô ta đã thôi gọi tôi là “chú yêu quý” và đã thích ứng rất tốt vào tập thể. Ai ai cũng yêu cô ta, vì cái bản chất duyên dáng không thể tả được, nụ cười lúc nào cũng tin cậy, chiếc răng nhỏ mọc xiên và nét mặt chuyển động rất có duyên của cô. Tình bạn thân thiết của cô đối với Tsôbô vẫn khăng khít như cũ, và Tsôbô cũng vẫn lặng lẽ làm lì như trước, cẩn mật giữ gìn con người quý báu ấy chống lại những kẻ thù. Song tình thế của Tsôbô càng ngày càng trở nên khó khăn, vì Natasa chẳng có một kẻ thù nào ở quanh mình mà, trái lại, dần dần đã kiếm thêm được nhiều bạn thân mới trong các bạn gái cũng như bạn trai. Ngay đến Lapô cũng có một thái độ hoàn toàn mới mẻ đối với Natasa: không tình nghịch châm chọc, mà ân cần, nhã độ và vồn vã. Cho nên có những chuyện gì hết sức bí mật với nhau, Tsôbô cứ phải chờ đợi rất lâu mới được lúc Natasa có một mình để nói, hay đúng hơn, để cả hai người cùng yên lặng.

Tôi bắt đầu nhận thấy trong hành động của Tsôbô có dấu hiệu bồn khoản lo lắng và không lấy làm lạ khi thấy hắn đến tìm tôi vào một buổi tối, để bảo tôi rằng:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, xin phép bác cho tôi đi thăm anh tôi.

- À, thế ra chú có một người anh à?

- Hẳn chứ, cháu có một người anh: anh ấy làm ruộng ở gần Bôgôđukhốp. Cháu đã nhận được một bức thư của anh ấy.

Hắn chia thư cho tôi xem. Thư nói:

“Còn về tình hình của em như em kể cho anh biết đó thì em cứ việc về đây, em Mikôla Fêđôrôvich yêu quý của anh ạ, em cứ việc về ở với anh, vì nhà rộng, và ruộng đất anh cũng được khá hơn nhiều người, và anh sẽ lấy làm vui sướng trong lòng rằng đã tìm thấy lại được em trai của anh. Và nếu em có yêu thương một cô gái, thì cứ đem cô ta về theo, đừng e ngại gì cả”.

- Vì thế nên cháu muốn đi thăm xem thế nào.

- Chú đã nói chuyện với Natasa rồi chứ?

- Vâng.

- Thế sao?

Natasa chẳng hiểu gì về các chuyện đó. Cháu phải đi xem, bởi vì từ khi bỏ nhà ra đi, cháu chưa gặp lại anh cháu.

- Được, đồng ý, chú hãy về chơi ngoài ấy, xem thử ra sao. Anh chú chắc hẳn là một kulắc chứ gì?

- Không, không thể bảo là một kulắc, vì anh ấy trước kia chỉ có một con ngựa thôi, nhưng còn bây giờ thì cháu chả biết thế nào.

Tsôbô ở trại ra đi vào cuối tháng chạp và lâu lắm không thấy trở về.

Natasa hình như không để ý thấy việc hắn đi, và vẫn giữ nguyên thái độ sung sướng, trầm lặng như cũ, cô ta cứ tiếp tục kiên trì học tập ở trường. Thậm chí tôi thấy rằng, cô bé này rất có thể học hết ba ban trong mùa đông được.

Thái độ mới của các trại viên đối với nhà trường làm thay đổi bộ mặt của trại. Trại trở nên có văn hóa hơn và gần tính chất một học hiệu chính quy hơn. Không một trại viên nào có thể giữ chút hoài nghi gì rơi rớt về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học. Tinh thần mới ấy càng được tăng cường bởi cái xu thế chung của trại trường nhớ đến Maxim Gorki. Trong một bức thư gửi các trại viên, Alecxêi Maximôvich viết:

“Tôi mong rằng, trong một buổi tối mùa đông, các trại viên hãy đọc “Thời thơ ấu” của tôi. Trong đó họ sẽ thấy rằng tôi là một người hoàn toàn như họ, chỉ có điều ngay từ hồi còn nhỏ tôi đã biết kiên trì dốc lòng học tập và tôi đã không bao giờ sợ một công việc gì hết. Xưa nay tôi vẫn tin tưởng rằng sự kiên trì và nỗ lực khắc phục được hết thảy mọi khó khăn”.

Các trại viên đã có quan hệ thư từ với Gorki từ lâu. Chúng tôi rất lấy làm lạ rằng bức thư đầu tiên của chúng tôi, gửi đi dưới cái địa chỉ sơ sài này: “Maxim Gorki, Xorrentê”,^[134] mà lại đến được tay ông, và Alecxêi Maximôvich đã lập tức trả lời bằng một bức thư âu yếm, đầy ý ân cần, mà chúng tôi đọc đi đọc lại trong suốt một tuần lễ, đến làm nát thủng cả tờ giấy. Từ đấy chúng tôi trao đổi thư cho Gorki và đem thư của họ lên cho tôi xem lại, nhưng tôi nghĩ không cần phải bảo họ cách viết nào hết, thư càng tự nhiên bao nhiêu, Gorki càng thích đọc bấy nhiêu. Vì thế nên về mặt đó, công việc của tôi chỉ tự hạn chế trong khuôn khổ những lời nhận xét đại loại như:

- Các chú đã lấy một tờ giấy không được sạch lắm.

- Thế sao lại không ký tên?

Khi cô một bức thư ở nước Ý gửi về, thì trước khi đến tay tôi, thế nào một trại viên cũng đã phải cầm nó trong tay, ngạc nhiên rằng chính Gorki đã đề địa chỉ trên phong bì, và ngắm nghía bằng con mắt chê bai chân dung nhà vua trên con tem:

- Làm sao họ có thể chịu đựng được cái của này lâu đến thế, bọn người Ý ấy nhỉ? Một nhà vua... dùng để làm gì?

Chỉ có tôi là được phép bóc thư và tôi đọc to nó lên một lần thứ nhất, rồi một lần thứ hai; sau đó nó được chuyển cho thứ ký hội đồng đội trưởng để cho trại viên nào muốn cũng đều được đọc no đọc chán, mà Lapô chỉ đòi hỏi các chú phải theo một điều kiện duy nhất:

- Đừng có kéo lê ngón tay trên thư. Chúng mày có mắt thì đấy, nhìn theo bằng mắt, chứ sao lại thò ngón tay vào đấy.

Bọn trẻ biết tìm thấy ở mỗi dòng Gorki cả một triết lý; những dòng chữ đó càng không dễ cho hoài nghi tồn tại được ở một chỗ nào thì lại càng khiến cái triết lý đó thêm nghiêm túc. Một cuốn sách lại là chuyện khác. Người ta có thể cãi nhau với một cuốn sách, bài bác bỏ nếu nó nói không đúng. Nhưng đây không phải một cuốn sách, đây là một bức thư sinh động của đích thân Gorki.

Thực ra thì, hồi mới đầu, đối với Gorki bọn trẻ cảm thấy một thứ sùng bái hầu như tôn giáo; chúng coi ông là một nhân vật cao hơn hết thảy mọi người; bắt chước ông cơ hồ là một việc bất kính. Chúng không tin rằng “Thời thơ ấu” mô tả những chuyện của đời ông:

- Một nhà văn như ông! Làm như ông đã không từng trông thấy hàng đống những cuộc sống đủ mọi kiểu ấy? Ông đã nhìn thấy những cái đó và ông đã kể chuyện lại, còn chính bản thân ông, thì chắc chắn, khi còn bé, ông đã chẳng phải là một đứa trẻ đại nư mọi kẻ khác.

Tôi phải tốn công lắm mới thuyết phục cho các trại viên tin được rằng Gorki nói sự thật trong thư của ông, và ngay cả đến một người có tài cũng cần phải làm việc nhiều và học nhiều. Những nét sinh động của cậu bé sinh động Aliôsa Gorki ấy, mà cuộc đời hết sức giống đời của đa số trại viên, đối với chúng tôi dần dần trở thành thân mật và không cần phải cố gắng gì cũng thấy là có thể hiểu được. Kể từ lúc ấy trở đi, bọn trẻ mới càng mong ước được trông thấy Maxim Gorki, và bắt đầu mơ tưởng ông đến thăm trại, song nói chung cũng không dám tin cho đến cùng rằng việc đó có thể được.

- Ông ấy mà lại mất công đi đến tận trại này à, thôi đi! Mày tưởng mày lý thú lắm, hơn cả mọi người đấy hẳn. Ông Gorki, ông ấy biết có đến hàng nghìn đứa như mày, không, có đến hàng vạn ấy chứ...

- Thì đã sao? Ông ấy có viết thư cho tất cả mọi người không?

- Mày tưởng là ông ấy không viết hay sao?

- Cho là ông ấy viết đến hai chục cái mỗi ngày, đấy: cậu tính xem là bao nhiêu cái mỗi tháng? Sáu trăm lá thư, thấy chưa?

Bọn trẻ mở cả một cuộc điều tra về vấn đề ấy và đặc biệt đến hỏi tôi về số thư mà Gorki viết mỗi ngày.

Tôi trả lời chúng:

- Một hay hai cái, tôi nghĩ thế, mà còn không chắc ngày nào cũng viết.

- Có lẽ nào! Hơn chứ! Hơn nhiều ấy chứ!.

- Chắc không hơn. Ông ấy viết sách và việc đó cần nhiều thì giờ. Rồi còn bao nhiêu người đến thăm ông? Ông cũng phải nghỉ ngơi nữa chứ, có phải hay không?

- Vậy theo ý bác thì là thế đấy: một khi ông đã viết thư cho chúng ta, như vậy có nghĩa là, những người như chúng ta đây, chúng ta khác nào là những người quen của Gorki ư?

- Không phải là người quen, tôi nói, chúng ta là những trại viên của Gorki. Ông là cha đỡ đầu của chúng ta. Cứ việc nhiều thư nữa cho ông, hơn nữa, giá được gặp nhau, thì ông với chúng ta sẽ trở thành

những người bạn thân. Những bạn thân như vậy, Gorki không có nhiều đâu.

Sau cùng, trong con mắt của tập thể, hình tượng Gorki trở lại thành một hình tượng bình thường, và mãi đến lúc ấy tôi mới bắt đầu nhận thấy về phần các trại viên không phải là những sự sùng bái đối với một vĩ nhân nữa, nhưng một tình yêu chân thực và nồng nàn đối với Gorki và một lòng biết ơn thành khẩn đối với con người xa xôi, kỳ lạ, hơi khó hiểu, nhưng thật là con người sống ấy.

Tình yêu mà họ thực khó lòng biểu hiện ra được. Viết để tỏ lộ nó ra thì họ không viết nổi và làm như vậy họ còn ngượng ngùng là khác nữa, vì họ có cái thói quen nghiêm ngặt là không để lộ một tình cảm nào ra ngoài. Chỉ riêng có Gut, với đội của hắn, là tìm ra được một giải pháp. Trong thư của họ, họ yêu cầu Maxim Gorki giữ kích thước bàn chân của ông, để đóng cho ông một đôi giày ủng. Đội một tin chắc rằng thể nào Gorki cũng làm thỏa mãn điều thỉnh cầu của họ, vì giày ủng là một vật quý giá không nghi ngờ gì nữa; chỉ có một số rất ít người đặt làm ủng ở xưởng của trại, và đó là một việc đem lại vô khối chuyện phải lo: nào phải tốn chán thì giờ đi chợ giời rồi mới tìm được một bộ khuôn thích đáng hoặc mũi ủng tốt. Nào phải mua đế, da mỏng đóng gót và vải lót. Nào phải cần thợ giày giỏi mới đóng được ủng tốt, đi không bó chân. Giày ủng thì thể nào Gorki chẳng phải dùng và, ngoài ra, ông sẽ lấy làm thích rằng đó là giày của các trại viên đóng chứ không phải của anh thợ giày lãng nhãng nào ở nước Ý.

Chúng tôi có quen một bác thợ đóng giày ở ngoài tỉnh, được coi như một bậc đại chuyên gia trong nghề giày. Nhân đem đến trại xay một bao lúa mạch, bác ta xác nhận ý kiến của bọn trẻ và nói:

- Người Ý với người Pháp không đi ủng như ủng của ta, cho nên họ không biết đóng ủng. Nhưng các chú muốn đóng loại ủng gì cho Gorki? Dù sao thì cũng cần phải biết ông ấy thích ủng như thế nào, mà ủng liền một miếng hay là đầu nối; gót ra làm sao và ông làm sao... Nếu lấy ông mềm thì là một chuyện, nhưng có người lại thích cứng kia. Và còn da nữa: chân nhất định phải bằng da dê non và ông thì bằng da bò. Lại còn ông cao bao nhiêu: cần phải biết.

Gut bị choáng hồn vì vấn đề phức tạp và đến xin ý kiến tôi:

- Đóng dở thì còn ra cái gì nữa? Không như thế không đẹp mắt. Và đóng đôi ủng ấy bằng gì: da dê non, hay da láng, không biết chừng? Mà ai kiếm được da láng cho ta? Bác trưởng cháu kiếm ra được à? Hay bác Kalina Ivanovich chẳng? Nhưng bác ta, thì bác ta bảo rằng: bày ăn hại, ngữ các chú mà đòi đóng ủng cho Gorki! Bác ấy bảo như thế đấy, rằng Gorki, ông ta đặt đóng ủng của ông ở nhà thợ giày của vua nước Ý kia.

Kalina Ivanovich lập tức xác nhận rằng:

- Thế dễ những điều tôi bảo chú là không đúng hẳn? Hiệu giày “Gut và công ty” chưa ra đời đâu nhé. Ủng như ở hiệu giày tốt, thì các chú sẽ không làm được đây. Phải đi bít-tát xỏ lọt, mà nó không làm cho chai chân thì mới được. Còn các chú, các chú quen đi cái gì? Các chú quần vào cẳng ba đôi bít-tát Nga, rồi nó có bó chân thì cứ thấy kệ, thật những đồ ăn hại. Các chú mà làm cho chân ông Gorki nổi chai lên, thì ấy mấy thật là đẹp!

Gut vò đầu bứt tai, đến gây cả người đi vì tất cả những ý kiến xung đột ấy.

Được một tháng thì có thư trả lời. Gorki viết:

“Tôi không cần đến ủng. Ở đây tôi gần như sống ở nông thôn, và có thể không dùng tới ủng”.

Kalina Ivanovich rút một khối ở tủ thuốc và ngẩng đầu lên với vẻ quan trọng:

- Ông ấy là một người thông minh và ông ấy hiểu: thà không đi ủng, còn hơn là đi ủng của chú, bởi vì ngay đến Xilanti mỗi lúc đi ủng vào chân, bác ta cũng phải nguyên rửa cuộc sống, mà bác ta lại là một người đã quen rồi đấy...

Gut nháy nháy mắt và nói:

- Tất nhiên rồi, làm cách nào mà đóng được ủng đẹp, khi thợ cả đóng giày thì ở đây mà khách hàng lại ở Ý? Cũng không sao, bác Kalina Ivanovich ạ, thể nào cũng có dịp. Nếu ông ấy đến trại ta, thì bác sẽ thấy đôi ủng mà chúng cháu sẽ mần cho ông ta...

Mùa thu trôi đi rất mau.

Có một sự việc lớn xảy tới: cuộc đến thăm trại của bà thanh tra ở Ủy ban Giáo dục, Liubôp Xavêliepna Đjurinxkaia. Bà ta từ Khackôp đến chỉ để thanh tra trại, và tôi đón tiếp bà như người ta thường đón tiếp các vị thanh tra, với đôi tai vĩnh lên của con sói đã quen bị săn đuổi. Chính Maria Kônđratiepna, hồng hào và sung sướng, đưa bà ta đến.

- Đây, chị hãy làm quen với cái anh chàng man rợ này, Maria Kônđratiepna nói. Trước kia tôi cũng tưởng anh ta là một con người lý thú, chẳng hóa ra anh ta chỉ là một thầy tu. Ở với anh ta, tôi đâm sợ: tôi cảm thấy lương tâm tôi bắt đầu cắn rứt.

Đjurinxkaia nắm lấy vai Bôkôva mà bảo:

- Thôi mời cô đi ngay chỗ khác cho, chúng tôi không cần đến cái đầu óc chim khuyên^[135] của cô đâu nhé.

- Ô hay nhỉ, những lúm đồng tiền của Maria Kônđratiepna tỏ vẻ đồng ý một cách đáng yêu, ở đây sẽ có khối người ưa chuộng cái đầu óc chim khuyên của tôi đấy. Nào, bọn trẻ của anh bây giờ ở đây? Ngoài sông à?

- Maria Kônđratiepna! từ ngoài đó đã cất lên lanh lảnh của Sêlaputin gọi. Maria Kônđratiepna! Cô ra đây. Chúng tôi có một cái xe trượt tuyết, tuyết lắm kìa!.

Maria Kônđratiepna vừa bước trên đường đi ra sông vừa hỏi:

- Thế chúng ta đi được cả hai người chứ?

- Đi được, lại có cả Kôlia nữa đấy! Chỉ có điều cô mặc váy thì nào xuống không tiện thôi.

- Không hề gì, tôi biết cách nhào, đôi mắt của Maria Kônđratiepna, như mũi tên, phóng về phía Đjurinxkaia.

Maria chạy tuốt ra bờ dốc đóng băng của sông Kôlômak trong khi Đjurinxkaia thân ái nhìn theo mà nói:

- Người đây kỳ lạ! Cô ta ở trại ông cứ như là ở nhà mình vậy.

- Lại còn tệ hơn nữa kìa, tôi đáp. Tôi sắp đến lúc phải phạt bà ta lao động cường bách, vì thái độ cử chỉ náo loạn quá.

- Ông nhắc nhở tôi trở lại với nhiệm vụ trực tiếp của tôi. Tôi đến đây chính là để nói chuyện với ông về phương pháp kỷ luật đấy. Như vậy là ông không phủ nhận rằng ông có phạt? Lao động cường bách này...rồi lại còn, theo lời người ta nói, ở trại của ông có cái lệ gì nữa đó: phạt giam...người ta còn nói ông phạt nhốt buồng kín, chỉ cho ăn bánh mì sưng với nước lã thôi, phải không?

Đjurinxkaia là một phụ nữ cáo lớn, gương mặt trong sáng, đôi mắt trẻ trung và đầy tươi mát. Không hiểu vì lý do gì, đối với bà ta tôi muốn gạt sang một bên tất cả mọi lối ngoại giao khách khí.

- Tôi không bao giờ phạt nhốt buồng kín và cho ăn bánh mì sưng với nước lã, nhưng thỉnh thoảng tôi cso bắt nhẹn ăn bữa sáng. Và có phạt lao động cường bách. Cũng có khi tôi phạt giam, nhưng không phải giam ngục tối, mà tất nhiên là ở buồng tôi, trong căn phòng giấy tôi. Người ta đã mách bà đứng đấy.

- Nhưng mà này, những cái đó cấm kia mà.

- Pháp luật không cấm, còn những cái mà lũ văn sĩ tạp nham viết, thì tôi không đọc.

- Ông không đọc sách nhi đồng học à? Ông có nói thật không đấy?

- Đã ba năm nay tôi không đọc những sách ấy nữa.

- Thế mà sao ông không lấy làm xấu hổ nhỉ? Và ông có đọc sách nói chung không?

- Nói chung thì có đấy. Mà tôi lại không xấu hổ vì thế, bà ạ. Tôi thương hại những người đọc các thứ đó.

- Nói thật với ông chứ, tôi quyết phải làm cho ông thay đổi ý kiến. Chúng ta nhất định phải thực hành phương pháp sự phạm xô-viết.

Tôi quyết định chấm dứt cuộc thảo luận và bảo Liubôp Xavêliepna:

- Bà có biết không? Tôi sẽ không tranh luận đâu. Nhưng tôi tin tưởng sâu sắc ở đây, ở cái trại này, chúng tôi áp dụng phương pháp sự phạm xô-viết chân chính nhất, và còn hơn nữa: rằng ở trại này, chúng tôi thực hành phương pháp giáo dục cộng sản chủ nghĩa. Chỉ có kinh nghiệm thực tế, hoặc nghiên cứu sau một tập chuyên khảo, mới có thể thuyết phục được bà thôi. Còn như nói chuyện lỗ mỗ như thế này, thì không quyết định được những vấn đề như vậy đâu. Bà có định ở lâu với chúng tôi không?

- Độ hai ngày.

- Hay lắm, ở đây bà có đủ mọi phương tiện. Bà hãy quan sát đi, nói chuyện với các trại viên đi; bà có thể cùng ăn, cùng làm, cùng nghỉ ngơi với họ. Bà muốn suy luận thế nào tùy ý, bà có thể cách chức tôi nếu bà thấy là cần. Bà có thể viết bản kết luận tràn giang đại hải và chỉ thị cho tôi áp dụng phương pháp nào mà bà ưng ý. Đó là quyền của bà. Nhưng tôi thì tôi sẽ cứ tiếp tục làm theo những gì tôi nghĩ là cần thiết và theo sự tôi hiểu mà thôi. Tôi không biết cách giáo dục mà không trừng phạt; tôi còn phải học cái nghệ thuật ấy đã.

Liubôp Xavêliepna ở lại trại, không phải hai mà bốn ngày; tôi hầu như không lúc nào thấy mặt bà ta. Bọn trai nói về bà ta, bảo:

- Ô, một mẹ gớm lắm: mẹ ấy hiền tuốt.

Trong khi bà ta ở trại, Vetkôpxki đến tìm tôi:

- Tôi bỏ trại đi đây, bác Antôn Xêmiônôvich ạ.

- Đi đâu?

- Tôi sẽ liệu tìm nơi. Ở đây, không thú nữa. Tôi sẽ không đi lên trường trung học công nông và tôi không muốn làm thợ mộc. Tôi sẽ đi chơi đây đó nhìn xem thêm mọi người.

- Thế rồi sao nữa?

- Rồi sẽ liệu sau. Bác hãy cứ cấp giấy cho tôi ra trước đã.

- Được, tối nay có hội đồng đội trưởng. Quyền ở hội đồng để cho chú đi.

Ở phiên họp hội đồng đội trưởng Xôchia Vetkôpxki giữ thái độ không thân thiện và chỉ muốn một mực trả lời những câu hoàn toàn hình thức:

- Ở đây tôi không thích. Ai bắt ép được tôi? Tôi muốn đi đâu thì đi. Tôi sẽ làm gì, thì đó là việc của tôi... Tôi sẽ ăn cắp, không biết chừng.

Kutlaty nổi giận:

- Thế nào cơ, không phải việc của trại à? Mà sẽ đi ăn cắp mà cái đó lại không việc gì đến trại à?

Thế giả thử tao túm cổ mày ngay lập tức và nhét giẻ vào mồm mày vì mày đã dám thở ra những câu như thế, thì hẳn là bây giờ mày mới thật sự cho rằng đó là việc của trại?

Liubôp Xavêliepna tái mặt đi, muốn nói một câu gì song không kịp nói; Các trại viên nổi xung lên la hét Vetkôpxki. Vôlôkhôp đứng thẳng trước mặt hắn, kêu lên rằng:

- Phải tống nó cho nhà thương, chỉ có thể thôi. Trả lại giấy tờ cho nó à, đừng có hòng!... Trừ phi mày nói thật đi: Mày đã tìm được công việc gì làm?

Gut nổi nóng hơn cả mọi người:

- Ở trại này, dễ thường có hàng rào dây kẽm? Không, không có hàng rào. Vì mày là một thằng đều như thế, thì mày muốn ra đi lối nào cũng được. Dễ thường chúng tao thả con Hảo-hán vào xe đi đuổi mày chắc? Ồ không, chúng tao chẳng thèm đuổi đâu. Mày muốn đi đâu thì đi. Mày đã đến đây làm cái gì?

Lapô kết thúc cuộc tranh cãi:

- Mọi người phát biểu ý kiến như thế đủ rồi. Xôchia ạ, việc đã rõ. Chúng tôi không cấp giấy cho cậu ra trại.

Xôchia cúi đầu xuống, lẩm bẩm.

- Không cần, tôi cũng cứ đi. Cho tôi mười rúp để ăn đường.

- Có cho hắn không? Lapô hỏi.

Mọi người im lặng. Đjuriaskaia hết sức lắng tai nghe, đến nhắm cả mắt lại, đầu ngả ra tựa vào lưng ghế. Xôvan nói:

- Nó đã xin đoàn Xômxômôn, cũng về chuyện ấy,

Chúng tôi đã tống nó ra khỏi Xômxômôn. Nhưng mười rúp thì tôi nghĩ có thể cho nó được.

- Đúng đấy, có một người nói. Chúng ta chả làm gì mười rúp.

Tôi mở ví của tôi.

- Tôi sẽ đưa cho nó hai mươi rúp. Làm giấy ký nhận đi.

Giữa sự im lặng chung Xôchia viết giấy ký nhận, nhét tiền vào túi và đội mũ kết lên đầu.

- Chào các đồng chí!

Không ai trả lời hắn. Chỉ có Lapô đứng lên khỏi ghế và nói to, khi hắn đã đi ra đến cửa:

- Này, con người ngây thơ! Khi nào cậu chơi nhỡ hết số tiền hai mươi rúp, thì cậu cứ trở về trại, đừng ngượng ngùng gì cả. Cậu sẽ lao động để trả lại số tiền ấy!

Các đội trưởng giải tán, ai nấy đều bức bối. Liubôp Xavêliepna hoàn hồn và nói:

- Rõ khiếp chữa! Đáng lẽ phải giải thích cho thằng bé ấy...

Rồi bà ta trầm ngâm nghĩ ngợi và bảo:

- Nhưng mà hội đồng đội trưởng của các anh là một sức mạnh ghê gớm thật!. Gớm bọn trai!

Sáng hôm sau, bà ta đi. Antôn Bratsenkô đưa xe trượt tuyết ra. Ở trong xe có rơm rạ bấn và những mẫu giấy. Khi Xavêliepna đã ngồi vào chỗ, tôi bảo Antôn:

- Tại sao trong xe trượt tuyết bấn thế này?

- Tôi vội quá, Antôn lẩm bẩm, đỏ mặt lên.

- Chú đi ngồi phạt giam, cho đến khi tôi ở tỉnh về.

- Rồi, Antôn vừa nói vừa đứng ra xe trượt tuyết. Trong phòng giấy bác ạ?

- Phải.

Antôn thông thả đi về phía phòng giấy, đau đón vì sự nghiêm khắc của tôi, và chúng tôi lặng lẽ rời khỏi trại. Mãi cho đến khi tới nhà ga, Liubốp Xavêliepna mới nắm lấy cánh tay tôi và nói:

- Thôi đừng làm mặt hung dữ nữa. Ông có một tập thể hay tuyệt. Đó là một sự kỳ diệu. Tôi choáng cả người, hoàn toàn choáng váng... Nhưng ông hãy cho tôi biết, ông có chắc rằng chú... Antôn của ông, bây giờ đang ngồi phạt giam không?

Tôi ngạc nhiên nhìn bà ta:

- Antôn là một gã có tư cách lắm. Dĩ nhiên là hắn đã đi ngồi phạt giam. Nhưng nói chung... thì chúng nó thật sự là những con gấu con cả đấy.

- Không, không nên nói thế. Có phải là ông vì ông vẫn nghĩ đến chú Kôxchia kia không? Tôi tin chắc rằng chú ấy sẽ trở lại. Nhưng thật là hay! Ở trại ông, những quan hệ giữa con người thật là hay, và cái chú Kôxchia kia, hơn hết cả mọi người, chú ta...

Tôi thở dài và không trả lời gì hết.

13. NHỮNG NÉT NHÂN NHỎ CỦA ÁI TÌNH VÀ NÀNG THƠ

Năm 1925 tới. Nó bắt đầu một cách khá là khó chịu. Ôpriskô tuyên bố, ở phiên họp hội đồng đội trưởng, rằng hắn muốn lấy vợ, nhưng lão Lukasenkô sẽ không gả Marutxia cho hắn, nếu trại không cho Ôpriskô được một phần tài sản như Ôlia Vôônôva; có thêm phần tài sản ấy, thì Lukasenkô sẽ để cho hắn về ở với lão, và hai người sẽ chung vốn làm ăn.

Trước hội đồng đội trưởng, Ôpriskô đóng vai trò khả ố là kẻ thừa kế của Lukasenkô và là người có một địa vị tốt đẹp.

Các đội trưởng đều im lặng, không biết nên giải quyết tất cả câu chuyện này ra làm sao. Sau cùng Lapô cầm lấy một chiếc bút chì, chìa đầu bút và Ôpriskô mà nói nhẹ nhàng:

- Được, Đmirtri ạ, thế còn cậu, cậu nghĩ thế nào? Cậu đi lập nghiệp với Lukasenkô, thì như thế có nghĩa là cậu trở thành dân quê à?

Ôpriskô ngược nhìn Lapô hơi cao

- Dân quê, cậu cho là thế cũng được.

- Vậy theo ý cậu là gì?

- Rồi sẽ biết.

- Được, Lapô nói, ai có ý kiến gì không?

Vôlôkhôp, đội trưởng sáu, lên tiếng:

- Anh em tìm cách thu xếp cuộc đời của mình, cái đó là đúng. Chúng ta sẽ không ở mãi trại cho đến khi lúc tuổi già. Thế thì chúng ta có nghề chuyên môn gì? Đối với cậu nào ở đội sáu, đội bốn hay đội chín, thì còn tạm được; hắn có thể trở thành thợ rèn, thợ mộc hay thợ xay bột. Nhưng còn các đội nông nghiệp, nghề chẳng phải là chuyên môn: đã vậy thì ai muốn làm nông dân, cứ việc tùy ý. Có điều là đối với Ôpriskô, có vấn đề hơi mệt một tí. Cậu đúng là thanh niên Kômxiôn đây chứ?

- Phải, tôi là thanh niên Kômxiôn, thế thì làm sao?

- Tôi, thì tôi nghĩ rằng, Vôlôkhôp nói tiếp, trước hết nên đặt vấn đề với đoàn Kômxiôn thì phải hơn. Hội đồng đội trưởng cần biết đoàn Kômxiôn nghĩ thế nào.

- Ban chấp hành đoàn Kômxiôn đã có ý kiến rồi, Kôvan nói. Trại thành lập nên, chẳng phải là để nuôi bọn kulắc. Lukasenkô là một tên kulắc.

- Tại sao ông ta lại là kulắc? Ôpriskô cãi. Vì nhà ông ta hợp mái tôn à, song cái đó có nghĩa lý gì.

- Nhưng lão có hai con ngựa.

- Phải, hai con.

- Với một người cổ nông?

- Không có cổ nông.

- Thế Xêriôga?

- Xêriôga, là sở Giáo dục đem ở một trại nhi đồng về giao cho ông ta. Nuôi bảo trợ, gọi là như thế.

- Thì cũng rứa thôi, Kôvan nói, sở Giáo dục gửi nó hay không, nó cũng vẫn cứ là một cổ nông.

- Phải, song nếu người ta cho mình...

- À, người ta cho cậu. Còn cậu, thì cậu đừng lấy, nếu cậu là một con người chính đáng.

Ôpriskô không ngờ đâu mọi người lại đối đãi với hắn như vậy. Hắn bối rối nói:

- Tại sao lại thế? Người ta cho Ôlia đấy thôi?

Kôvan đáp:

- Điều thứ nhất, với Ôlia, thì là một chuyện khác, Ôlia lấy một người trong hàng ngũ chúng ta, và bây giờ cô ta với Paven gia nhập công xã; tài sản của trại cho sẽ được sử dụng đúng đắn. Điều thứ hai, ở trại, Ôlia là một trại viên khác hẳn cậu. Và điều thứ ba, chúng ta không nên nuôi những tên kulắc.

- Vậy bây giờ tôi làm thế nào?

- Tùy ý cậu thôi.

- Không, như thế thì không được, Xtupitxyn nói. Nếu họ yêu nhau, thì đấy! họ cứ việc lấy nhau. Cũng nên cho Đmirtri cái gì, nhưng với điều kiện là hắn phải gia nhập công xã chứ không được về ở với Lukasenkô. Ở ngoài đó, từ nay Ôlia sẽ thúc đẩy cho mọi việc tiến hành tốt.

- Bố Marutxia sẽ không để cho cô ta đi đâu.

- À, thế thì cô ta xúp bố đi.

- Cô ấy không thể làm thế được.

- Thế có nghĩa là cô ấy không yêu cậu lắm... tóm lại cũng là một cô kulắc.

- Cô ấy yêu tôi hay không, có việc gì đến cậu.

- Ấy đúng là có việc với tôi lắm chứ. Thế nghĩa là cô ấy lấy cậu vì tính toán nhiều hơn. Nếu cô ấy yêu cậu.

- Nếu cô ấy không thể, thì thôi, đừng có đến nói chuyện với hội đồng đội trưởng cho mệt óc làm gì! Kutlaty tàn bạo đáp. Cậu muốn đến ở nhà một tên kulắc thì cần có một người con rể giàu ở nhà lão. Như vậy có can dự gì tới chúng ta? Ta hãy bế mạc buổi họp...

Lapô khoái trá nỡ một nụ cười rộng ngoác đến tận mang tai:

- Chiều chi tình yên của Marutxia không được là bao, tôi bế mạc hội đồng.

Ôpriskô điếng người. Hắn đi lang thang trong trại, u uất hơn đám mây đen, gây gổ với tụi trẻ; hôm sau hắn uống rượu say và làm náo loạn phòng ngủ.

Hội đồng đội trưởng họp để xử việc Ôpriskô say rượu.

Tất cả mọi người ngồi lăm lăm và Ôpriskô lăm lăm đứng bên tường, Lapô nói:

- Cậu là đội trưởng thì cũng mặc kệ; cậu đã bị gọi ra đây để trả lời về một việc riêng, thì cậu phải ra đứng giữa.

Đó là lệ quen ở trại: kẻ có lỗi phải đứng ở giữa phòng.

Ôpriskô đưa cặp mắt tối sầm nhìn vào mặt chủ tịch và làu bàu:

- Tôi chẳng ăn cắp cái gì thì tôi không ra đứng giữa.

- Người ta sẽ bắt cậu ra đứng, Lapô bình tĩnh nói.

Ôpriskô nhìn hội đồng và hiểu rằng người ta sẽ bắt hắn đứng thật. Hắn rời bức tường và bước ra giữa.

- Được, đứng thì đứng.

- Mà phải nghiêm, Lapô đòi hỏi.

Ôpriskô nhún vai, mỉm cười cay độc, nhưng cũng buông tay xuống và đứng thẳng người lên.

- Bây giờ cậu hãy nói cho chúng tôi biết, làm sao cậu dám uống rượu say mèm và làm trò mất dạy ở phòng ngủ, cậu, một thanh niên Kômxiôn, một đội trưởng và là một trại viên? Nói đi.

Ôpriskô là một gã xưa nay vẫn có hai thái độ: khi nào có dịp, nó chẳng từ ra mặt bướng, ngổ ngáo,

“bất chấp hết thảy”, nhưng thực ra vẫn luôn luôn hành động ra người ngoại giao thận trọng và láu lỉnh. Các trại viên biết rõ như thế, cho nên thái độ phục tòng của Ôpriskô không làm ai ngạc nhiên hết. Jôra Vônkôp, đội trưởng đội bảy, vừa mới được bổ nhiệm thay Vêtkôpxki, khoa cánh tay về phía Ôpriskô và nói:

- Bây giờ thì hấn là một ông bọt con. Bây giờ hấn lại đứng yên như thế kia. Nhưng ngày mai hấn lại lên mặt yêng hùng cho mà xem.

- Thôi, để cho hấn nói ra xem, Ôtxatsi cầu nhàu nói.

- Tôi chả có điều gì khác mà nói cả: tôi đã sai, có thể thôi.

- Không, cậu phải nói làm sao cậu đã cả gan như thế.

Ôpriskô, mắt nhìn phỉnh phờ ra vẻ thiện ý, dang hai tay về phía hội đồng:

- Nhưng có gì là cả gan trong chuyện này? Tôi đã uống rượu vì tôi buồn, mà một khi đã uống say thì người ta còn có trách nhiệm gì nữa.

- Đừng có bịp, Antôn nói. Cậu phải chịu trách nhiệm. Nếu cậu nghĩ rằng cậu sẽ không phải chịu trách nhiệm thì cậu đã lầm. Chúng ta hãy tống cổ cậu ấy ra khỏi trại, có thể thôi. Và tống tất cả những kẻ nào sau đây còn uống rượu... không thương hại!

- Nếu thế thì nó chết, Gêorghiepxki trợn mắt lên nói. Tống nó ra đường, nó sẽ hỏng đời mất.

- Thì cho nó hỏng đời.

- Kể ra thì có vì buồn hấn mới uống! Sự thực, có cái gì mà các cậu làm khổ hấn thế? Một cu cậu có chuyện buồn, mà các cậu lại đi lôi hấn ra hội đồng đội trưởng kiểm chuyện với hấn! Ôtxatsi nhìn bộ mặt đạo đức của Ôpriskô với một vẻ châm biếm lộ liễu.

- Rồi Lukaskô sẽ không nhận nó nếu nó không có áo quần tiền đem theo, Taranet nói.

- Như thế thì việc gì đến chúng mình? Antôn nói to lên. Nếu lão ấy không nhận nó, thì thằng Ôpriskô đi mà tìm lấy một tên kulắc khác...

- Tại sao lại đuổi nó đi? Gêorghiepxki rụt rè bắt đầu nói. Nó là trại viên cũ, nó có lỗi, đã đành thế, song nó còn có thể tự cải tạo. Và cũng phải xét đến việc nó với Marutxia, hai đứa yêu nhau. Ta phải giúp đỡ chúng nó tùy theo khả năng.

- Vậy à, nó là một đứa trẻ vô thừa nhận à? Lapô ngạc nhiên thốt ra. Tự cải tạo, nó ấy à? Nó là trại viên.

Snaide lên tiếng. Hấn là đội trưởng của đội tám, hấn đã thay chân Karabanôp cầm đầu cái đơn vị anh hùng ấy. Ở đội tám có những gã khỏe mạnh như Fêđôrenkô và Kôrytô. Dưới sự lãnh đạo của Karabanôp, những góc cạnh cá tính thô bạo của hai người đã được mài giũa tròn, thích ứng với nhau rất tốt. Karabanôp biết cách ném họ, như những viên đá của một cái nã, vào bất cứ công tác nào, và họ có cái hoàn thành công tác ấy với sự hăng hái lôi cuốn và cười đùa của người côđắc Zapôrôgơ, nêu rất cao ngọn cờ của trại. Mới đầu sự có mặt của Snaide ở trong đội có vẻ như không xứng hợp. Người ta thấy hấn đến, thân hình bé nhỏ, gầy gò, đen đui, mái tóc bọt ốc loăn xoăn. Sau cái chuyện Ôtxatsi ngày trước, phong trào bài Do thái không bao giờ ngóc đầu dậy ở trại nữa, song thái độ của các trại viên đối với Snaide vẫn còn châm biếm một thời gian khá lâu. Sự thực thì đôi khi Snaide cũng kết hợp một cách lố lãng những từ ngữ và cú pháp Nga và làm các công việc đồng áng vụng về, buồn cười hết sức. Nhưng thời gian qua và những quan hệ mới dần dần được hình thành ở trong lòng đội tám: Snaide trở thành đứa con cưng, mà các tay anh hùng của Karabanôp lấy làm kiêu hãnh. Hấn thông minh, có trí lực mẫn cảm sâu sắc và tính tình rất tế nhị. Đôi mắt đen láy của hấn giội một thứ ánh sáng

điều dàng thư thái lên những sự va chạm hiểu lầm nặng nề nhất, xảy ra trong đội, và hẳn biết nói câu thích hợp để dàn hòa. Mặc dầu trong thời gian ở trại hẳn hầu như không lớn lên, nhưng hẳn khỏe lên nhiều và có bắp thịt, khiến mùa hè hẳn có thể mặc áo may-ô cụt tay không xấu hổ, và không còn làm cho ai phải ngoảnh đầu lại nhìn hẳn, khi người ta giao cho hẳn những chiếc bắp cây nảy long lên trên đất ruộng. Đội tám đã nhất trí bầu hẳn lên địa vị chỉ huy, và hỏi đó Kôvan với tôi coi việc đó như ý nghĩa rằng:

- Chúng tôi có thể tự lực nắm vững được đội, và Snaide sẽ là thứ trang trí của chúng tôi.

Nhưng, ngay hôm sau khi được bổ nhiệm, Snaide tỏ ra rằng hẳn đã không uống công qua trường đào tạo của Karabanôp; hẳn biểu hiện ý định không những làm thứ trang trí của đội mà còn chỉ huy đội, và Fêđôrenkô, vốn đã quen với những búa rìu sấm sét của Karabanôp, nay cũng dễ dàng làm quen với những trận vò đầu bình tĩnh và thân ái mà đôi khi cấp chỉ huy mới ban hành cho mình. Snaide nói:

- Nếu Ôpriskô là một người mới, thì có thể tha thứ cho hẳn được. Nhưng bây giờ thì bất kể thế nào cũng không nên tha thứ. Ôpriskô đã tỏ ra là hẳn coi thường tập thể. Các anh tưởng đây là lần cuối cùng hay sao? Tất cả chúng ta đều biết rằng không phải thế. Tôi không muốn để cho Ôpriskô phải bần khoản khổ sở. Như thế có ích lợi gì cho chúng ta? Thì đây, để cho hẳn đi ra ngoài tập thể chúng ta mà sống một chút xem sao, rồi bấy giờ hẳn sẽ hiểu. Và cũng cần tỏ cho những kẻ khác biết rằng chúng ta không dung những hành động kulắc ấy. Đội tám đòi phải đuổi hẳn đi.

Sự đòi hỏi của đội tám là một trường hợp quyết định: trong đội tám hầu như không có những trại viên mới. Các đội trưởng nhìn tôi và Lapô nhường lời cho tôi:

- Việc đã rõ, bác Antôn Xêmiônôvich, xin bác cho ý kiến.

- Ra khỏi cửa, tôi nói vắn tắt.

Ôpriskô hiểu rằng tình thế không cứu vãn được nữa và vứt bỏ bộ mặt nạ dè dặt ngoại giao:

- Sao, ra khỏi cửa? Thế thì tôi đi đâu? Ăn cắp à? Các anh tưởng rằng không còn có công lý nào ở trên các anh nữa ư? Tôi sẽ đi lên Khackôp, nếu cần...

Cả hội đồng ai nấy đều cười:

- Tuyệt lắm! Cậu đi lên Khackôp đi. Ngoài ấy người ta sẽ cấp cho cậu một giấy chứng nhận, rồi cậu sẽ trở về trại có đầy đủ quyền để sống với chúng tôi. Như thế thì cậu thỏa lòng nhé!

Ôpriskô chợt hiểu mình vừa buông ra một câu đại dột tày đình và im bặt.

- Như vậy là chỉ có một mình Gêorghiepxki là phản đối, Lapô vừa nói vừa nhìn khắp hội đồng – Đội trưởng trực nhật!

- Có tôi! Và Gêorghiepxki nghiêm túc chỉnh đốn lại thái độ.

- Cho Ôpriskô ra khỏi trại.

- Rõ! Tôi cho nó ra, Gêorghiepxki nói và giơ tay chào như thường lệ, theo liền câu đáp, rồi hẳn hát đầu mời Ôpriskô đi ra khỏi cửa.

Hôm sau, chúng tôi được tin Ôpriskô đến ở nhà Lukasenkô. Không biết hẳn với lão ta đã thỏa thuận với nhau theo những điều kiện nào, song bọn trại nói chắc rằng Marutxia đã cầm đầu tất cả chuyện này.

Mùa đông trôi qua. Sang tháng ba, bọn trẻ tha hồ vui thú chơi cưỡi trên những khối băng của sông Kôlômak trôi xuôi dòng; chúng được những mẻ tắm mùa xuân, cứ theo lịch thì là bất ngờ, là vì những sức mạnh tự nhiên ngàn đời làm cho chúng ngã nhào lộn xuống nước, mặc nguyên quần dài và áo nịt, từ những chiếc thuyền thoi tự chế của chúng bằng các khối băng và những cành cây lấy ở bờ sông. Kết quả là chú nào cũng bị một trận cảm lạnh.

Nhưng rồi những trận cảm cũng lạnh qua, sương mù cuốn lên, và không bao lâu Kutlaty, bắt đầu thấy những chiếc áo nịt vút ở giữa sân, lại tái diễn cái trò hét lác của hấn mọi lần xuân sắp tới, đe dọa sẽ bắt tất cả mọi người phải mặc quần cụt với áo may-ô khoét cổ, từ hai tuần lễ trước ngày bình thường quy định theo niên lịch.

14. CẨM KÊU CA!

Sang giữa tháng tư, những học viên đầu tiên của trại về nghỉ học kỳ mùa xuân.

Họ trở về, người gầy đi và nước da đen xạm; Lapô kiến nghị giao họ cho đội mười, để nuôi béo. Có điều tốt là trước mặt các trại viên họ không tự phụ cậy là những học viên. Chẳng kịp để thì giờ chào hỏi tất cả mọi người nữa, Karabanôp vội vã chạy đi thăm khắp đồng ruộng và các xưởng. Biêlukhin, bị bọn trẻ vây hãm, nói chuyện về Khackôp và về đời sống học viên.

Buổi tối, ngồi tất cả dưới trời mùa xuân, theo lệ cũ, chúng tôi bắt đầu trò chuyện về các công việc của trại. Karabanôp không bằng lòng chút nào về những việc vừa mới xảy ra. Hắn nói:

- Anh em đã xử trí đúng, cố nhiên rồi. Một khi thằng Kôxchia đã tuyên bố rằng nó không thích ở trại, thì làm như vậy là phải. Còn Ôpriskô là một thằng kulắc, cái đó dễ hiểu, và nó lại đi tìm những đứa như nó, đó cũng là một điều thích hợp với nó thôi. Tuy vậy, nghĩ cho kĩ thì cũng có một điều gì đấy chưa được ổn. Phải lưu tâm suy nghĩ mới được. Bọn chúng tôi, ở Khackôp, chúng tôi đã được trông thấy một đời sống khác. Cuộc sống ở ngoài ấy khác, và những con người cũng khác.

- Vậy những con người, ở trại ta, là xấu ư?

- Họ tốt, nói thực đấy, tốt lắm, nhưng các cậu hãy nhìn tứ phía xem: càng ngày càng nhiều kulắc. Thế thì trại có sống được ở đây không? Ở đây thì phải giở nanh vuốt ra tranh đấu, không có thì phải cuốn xéo.

- Vấn đề không phải ở đấy, Burun chậm rãi nói với một giọng trầm ngâm. Tất cả mọi người đều phải đấu tranh với tụi kulắc. Đó là một chuyện riêng biệt. Nhưng không phải là điều chủ yếu. Là bởi vì ở trại, chẳng có việc gì làm cả. Chúng ta cả thảy có một trăm hai mươi người, một lực lượng lớn, nhưng để làm công tác gì: chúng ta đã gieo hạt, chúng ta gặt, rồi chúng ta lại gieo. Nhiều mồ hôi, mà kết quả thì chúng ta không nhìn thấy. Chỉ sống thêm cuộc sống này thêm một năm nữa, là anh em sẽ đâm chán, họ muốn được hơn kia...

- Grisa nói thế đúng đấy, và Biêlukhin đến ngồi gần tôi. Bọn trai như chúng tôi, những đứa trẻ vô thừa nhận, theo lời người ta gọi chúng tôi, đều là những người vô sản; cái mà họ cần phải có, ấy là công nghệ. Cày cấy ruộng đất, tất nhiên, họ thấy đó là công việc dễ chịu và thích thú đấy, nhưng mà thử hỏi họ được lợi cái gì, ở nông nghiệp? Lập nghiệp ở nông thôn, trong giới tiểu tư sản như người ta nói, thì trước hết là điều đáng xấu hổ, và sau nữa phải bắt đầu với hai bàn tay trắng, vì muốn vậy cũng cần có những tư liệu sản xuất chứ: phải có một cái nhà, có một con ngựa, và một cái cày, và mọi thứ. Đến ở nhà bố vợ, như Ôpriskô, thì xin chịu thôi. Vậy thì đi đâu? Ở cái vùng ta đây nhà máy chỉ có các công xưởng đường sắt, và các công nhân cũng chẳng biết ấn con cái mình vào nơi nào được nữa.

Các học viên vui vẻ đổ xô tất cả vào các công việc đồng áng, và, với một thái độ lịch sự cầu kỳ, hội đồng đội trưởng phái họ chỉ huy các đội đặc biệt, Karabanôp đi làm về phần khởi:

- Ô, mình lấy làm thú quá! Thật đáng tiếc là cái nghề mạt này chẳng đưa người ta đi đến đâu! Giá cứ như thế này thì hay biết bao nhiêu: ruộng đất làm xong xuôi, chỉ còn có việc đi phát cỏ, ấy thế là mọc lên những tấm vải, những đôi ủng; đồng ruộng rập rình những máy móc, những máy kéo, những đàn thú phong cầm, những mục kính, đồng hồ, thuốc lá... Ôi chao chao! Tại sao những cửa khí, khi tạo ra thế giới, chúng nó không hỏi ý kiến mình thế không biết!

Các học viên trường trung học công nông ăn tết mừng Một tháng Năm với chúng tôi điều đó khiến cho ngày lễ đó, vốn đã đầy ý nghĩa vui mừng đối với trại lại càng thêm phần đẹp đẻ nữa.

Cũng như ngày trước, trại thức dậy từ sáng tinh mơ và chạy bỏ ra làm cánh đồng, trong các hàng ngũ chỉnh tề của các đội đặc biệt, không nhìn lại phía sau và cũng không hoài phí tinh lực để phân tích

cuộc đời. Ngay đến các tay lê mê kỳ cựu của trại, như Epgêniep, Nazarenkô, Pêrêpêliatsenkô, cũng đã hết làm cho chúng tôi nhọc lòng lo nghĩ.

Trại bước sang năm 1925 với cái khí thể của một tập thể đoàn kết chặt chẽ và đầy phẫn khởi hăng hái, ít ra nhìn bề ngoài thì thấy là như vậy. Riêng chỉ có Tsôbô là một cái gậy thọc vào bánh xe, và tôi không làm thế nào giải quyết được.

Ở nhà anh hấn trở về trại vào tháng ba, Tsôbô kể chuyện rằng người anh đó sống dễ chịu, nhưng không có người làm: một trung nông. Tsôbô không yêu cầu trại giúp đỡ gì hết, nhưng hấn đề cập đến vấn đề Natasa. Tôi bảo hấn:

- Nói với tôi thì có ích gì, phải để cho Natasa tự quyết định...

Sau một tuần lễ, hấn trở lại, lần này có vẻ lo lắng hết sức.

- Không có Natasa, cháu không thể nào sống được. Xin bác nói với cô ta, bảo cô ta đi cùng với cháu.

- Này, Tsôbô, kể chú cũng là một anh chàng buồn cười thật đấy! Nói với cô ta thì phải là chú nói, chứ sao lại tôi được,

- Nếu bác bảo cô ta, cô ta sẽ nghe, còn cháu, nói thật với bác, cháu thấy cứ nhùng nhằng thế nào ấy, có cái chuyện gì đó không ổn.

- Cô ta bảo thế nào?

- Cô ấy chẳng nói gì cả.

- Sao lại “cô ấy chẳng nói gì cả”?

- Cô ấy chẳng nói gì cả, cô ấy khóc.

Tsôbô giương mắt lên nhìn tôi, tinh thần căng thẳng, vẻ thăm dò. Hấn cần nhận xét xem những lời hấn nói đã gây cho tôi một ấn tượng như thế nào. Tôi không giấu hấn rằng ấn tượng ấy rất nặng nề:

Như vậy là không tốt chút nào... Để tôi nói chuyện với cô ta.

Tsôbô nhìn tôi với đôi mắt vằn tia máu, như thọc sâu vào đến tận thâm tâm tôi, và nói bằng một giọng khàn khàn:

- Xin bác nói với cô ta. Chỉ có điều, bác ạ, nếu Natasa không đi, thì cháu tự tử.

- Sao lại nói những chuyện ngu xuẩn như thế? Tôi quát lên với hấn. Chú là một thằng đàn ông hay một cái giẻ rách? Chú không xấu hổ à?

Song Tsôbô không để cho tôi nói hết. Hấn đổ dúi xuống một chiếc ghế dài và thốt lên những tiếng khóc nức nở, đầy một nỗi thống khổ và một niềm tuyệt vọng không nói nên lời. Tôi lặng lẽ nhìn hấn, tay đặt lên đầu hấn nóng hổi. Hấn vùng đứng dậy, nắm lấy hai khuỷu tay tôi và nói thì thảo vào mặt tôi những lời lộn xộn, ghen ngào:

- Bác tha thứ cho cháu... cháu biết là cháu làm phiền bác... nhưng cháu không thể làm thế nào khác được... Cháu, bác đã thấy cháu là người như thế nào, bởi vì bác, bác trông thấy hết và bác biết hết... Không có Natasa, cháu không thể sống được.

Tôi để cả đêm hôm ấy nói chuyện với hấn, và cả đêm hôm ấy, với cảm nghĩ rằng tôi hoàn toàn bất lực. Tôi nói với hấn về cuộc sống vĩ đại với những con đường xán lạn của nó, về những hạnh phúc khác nhau của đời người, về sự hành động phải thận trọng và có kế hoạch; tôi bảo hấn rằng Natasa phải học, rằng cô ta có những thiên tư xuất sắc và rồi sau cô ta sẽ giúp đỡ hấn, nhưng không thể bắt cô ta phải tự chôn vùi trong cái làng hẻo lánh, ở gần Bôgôđukhốp kia, rằng ở đấy ta sẽ buồn nản đến chết

mất, song tất cả bằng ấy điều đều không làm cho Tsôbô động lòng. Hắn ử rử nghe tôi nói và lẩm bầm:

- Cháu sẽ tự xả thân ra làm nghìn mảnh, việc gì cháu cũng sẽ làm được, nhưng cô ấy phải đi với cháu...

Khi tôi để cho hắn bước ra khỏi phòng tôi, hắn vẫn ở nguyên tâm trạng hỗn loạn của một con người đã mất phương hướng và năng lực tự chủ. Tối hôm sau, tôi cho gọi Natasa đến. Cô ta nghe câu hỏi ngắn gọn của tôi, đôi hàng mi rung rung, ngoài ra không tỏ vẻ gì khác cả, và trả lời bằng một giọng thanh thoát sáng ngời, không bợn một chút thẹn thùng xấu hổ:

- Tsôbô đã cứu cháu... nhưng bây giờ cháu muốn học.

- Thế nghĩa là cháu không muốn lấy chồng và đi với hắn ư?

Tôi nhìn một lần nữa vào đôi mắt sáng mở to kia, và muốn hỏi xem cô ta có biết tâm trạng của Tsôbô không, nhưng không hiểu sao, tôi lại thôi không hỏi. Tôi chỉ nói:

- Được, cháu đi ngủ cho yên.

- Thế cháu sẽ không đi ư? cô ta hỏi tôi một cách ngây thơ, vừa hỏi vừa nghiêng đầu về một bên.

- Không, cháu sẽ không đi, cháu sẽ học, tôi trả lời bằng một giọng u uất và quay ra suy nghĩ mà không để ý tới Natasa đã nhẹ nhàng rời khỏi phòng giấy tôi lúc nào nữa.

Tôi gặp Tsôbô sáng hôm sau. Hắn có vẻ là đứng sẵn ở cửa chính toà bạch cung để chờ tôi. Tôi gật đầu ra hiệu cho hắn đi theo tôi lên phòng giấy. Trong khi tôi còn loay hoay với chùm chìa khóa và các ngăn kéo của bàn giấy, thì hắn lặng lẽ nhìn theo tôi, và bỗng thốt lên, như nói một mình:

- Như vậy nghĩa là Natasa sẽ không đi?

Tôi nhìn hắn và tin rằng hắn không còn cảm thấy gì nữa hết, ngoài sự tổn thất của bản thân. Đứng tựa vai vào cánh cửa, Tsôbô nhìn lên góc trên cửa sổ và lẩm bầm câu gì. Tôi gọi to hắn:

- Tsôbô!

Tsôbô có vẻ không nghe thấy tôi gọi. Hắn rời cánh cửa rất khẽ, và không nhìn tôi, bước ra ngoài, lặng lẽ và nhẹ nhàng như một bóng ma.

Tôi để ý theo dõi hắn. Sau bữa ăn, hắn có mặt trong đội đặc biệt đi công tác. Buổi tối, tôi gọi đội trưởng của hắn, Snaide:

- Tsôbô thế nào?

- Nó không mở miệng.

- Nó công tác ra sao?

- Tốt, theo lời Nêtsitailô, đội trưởng đội đặc biệt của nó nói.

- Đừng rời mắt theo dõi nó trong vài hô,. Nếu các chú nhận thấy có sự gì, phải lập tức báo cho tôi biết.

- Nhất định thế, chúng cháu biết, Snaide nói.

Tsôbô một mực không nói năng gì trong bao nhiêu ngày liền, nhưng hắn vẫn đi công tác và đến phòng ăn. Người ta thấy hắn cố ý tìm cách tránh mặt tôi. Hôm trước ngày lễ, tôi đặc biệt giao cho hắn nhiệm vụ đặt các khẩu hiệu trên khắp các tòa nhà. Hắn cẩn thận chuẩn bị một cái thang và đến hỏi tôi:

- Xin bác cho phát đinh.

- Bao nhiêu?

Hắn ngược mắt lên trần nhà lẩm nhẩm câu gì đáp:

Cháu cho rằng một căn là đủ.

Tôi kiểm tra công tác của hắn. Hắn căng các khẩu hiệu rất đều, với một sự mài miết cẩn thận, và bình tĩnh bảo bạn hắn đứng trên một cái thang khác:

Không, cao lên... nữa... được rồi. Đóng đinh đi.

Các trại viên thích chuẩn bị các ngày hội và họ ưa hơn hết ngày mùng Một tháng Năm, bởi vì đó là ngày hội mùa xuân. Song năm nay, ngày mùng Một tháng Năm đến với những điều kiện xấu. Ngay hôm trước, suốt từ sáng, trời cứ chốc chốc lại mưa. Tạnh được nửa giờ rồi lại mưa phùn, như mùa thu, bụi, lẫn lẫn, vớ vẩn, đến là khó chịu. Đến tối trái lại, sao bắt đầu lấp lánh trên nền trời, chỉ có về phía tây là bị tối vì một vết tím bầm, vết đó ném xuống trại cái bóng đen lầy lụa và hiểm độc của nó. Các trại viên chạy lăng xăng chỗ này chỗ nọ, để làm cho xong những việc linh tinh trước buổi họp: quần áo, thợ cắt tóc, tắm rửa, giặt giũ. Trên bục tam cấp đang ráo nước của tòa bạch cung, các tay trống lấy phần cọ sáng những bộ phận bằng đồng của thùng trống. Họ là những tay đầu trò trong ngày hội ngày mai.

Các tay trống của chúng tôi không như các tay trống khác. Họ chẳng giống tí nào những anh ngu dốt đáng thương nọ phát ra một tràng những tiếng hỗn độn. Các tay trống của Gorki đâu có phải mất công tôi đi học sáu tháng, nghe các giáo sư trống ở trung đoàn giảng dạy, và hồi đó chỉ có mỗi một mình Ivan Ivanovich là phản đối:

- Bác có biết không, họ có một phương pháp tẻ hại, tẻ hại!

Ivan Ivanovich, mắt trợn trừng ghê tởm, tả cho tôi nghe cái phương pháp ấy, dựa vào những tiếng điệp vận đẹp ra tuồng, trong đó có nào là mẹ ranh, thuốc lào, phô-mát, hắc ín, và duy chỉ có một chữ là không thể nào viết lại ra đây được, nhưng mà chính nó cũng trung thành phục vụ cho nghệ thuật đánh trống [\[137\]](#) Cái phương pháp tẻ hại ấy tuy nhiên đã làm trọn rất tốt cái nhiệm vụ giáo dục của nó, và các điệu trống của trại xuất sắc ở chỗ nghe vừa hay vừa ý nhị. Có nhiều điệu: ra đồng báo thức, chào cờ, diễu hành, chiến đấu, mỗi điệu có những hồi dồn dập độc đáo riêng của những tiếng rung, những tiếng nảy nhanh gọn và rõ, một chập tiếng rền lảng và âm, những tiếng nổ bùng đột ngột, những đoạn tình nghịch và đom đàng như những nhịp điệu khiêu vũ. Các tay trống của trại làm nhiệm vụ của họ giỏi đến nỗi nhiều vị thanh tra của sở Giáo dục, sau khi nghe họ đánh trống, rút cục chính các vị cũng bắt buộc phải thừa nhận rằng họ chẳng có hề đem du nhập vào trong sự nghiệp giáo dục xã hội một ý thức tư tưởng gì là đặc biệt xa lạ hết.

Đến tối, trong buổi họp các trại viên, chúng tôi kiểm điểm lại việc chuẩn bị cho ngày hội, và chỉ còn có mỗi một chi tiết là chưa thấy được sáng tỏ: ngày mai không biết có mưa hay không. Mọi người đưa đề nghị ra mệnh lệnh: ban trực nhật bắt buộc phải đảm bảo đẹp trời. Tôi nói chắc rằng thế nào trời cũng sẽ mưa; đó cũng là ý kiến của Kalina Ivanovich, của Xilanti, và của các đồng chí am hiểu về mưa. Song các trại viên phản đối những lo sợ của chúng tôi và kêu lên:

- Cho là mưa nữa, thì đã làm sao?

- Các chú sẽ bị dầm nước.

- Dễ thương người chúng cháu bằng đường đấy hẳn?

Tôi bắt buộc phải đem ra biểu quyết vấn đề: nếu trời mưa từ buổi sáng, thì có đi ra tỉnh không? Có ba bàn tay giơ lên phản đối, trong số đó có tay tôi. Hội nghị phá lên cười đắc thắng, và có chú nào kêu to:

- Chúng mình thắng các vị rồi nhé!

Sau đó tôi nói:

- Bây giờ các chú hãy nghe đây, các chú đã quyết định: chúng ta sẽ đi, dù cho có đá trên trời xuống cũng mặc.

- Được rồi, thì đá cứ việc rơi! Lapô kêu lên.

- Nhưng mà, hãy coi chừng, cấm kêu ca đấy! Lúc này thì các chú làm bộ anh hùng, nhưng ngày mai các chú sẽ cụp đuôi lại, rồi các chú mới kêu ca: Ô, tôi bị ướt, ô, tôi bị lạnh...

- Thế chúng cháu đã kêu ca bao giờ chứ?

- Thế thì đồng ý, cấm kêu ca!

- Rõ! Cấm kêu ca!

Buổi sáng chào đón chúng tôi với một bầu trời hoàn toàn xám xịt và một cơn mưa nhỏ nham hiểm, bình tĩnh, có lúc dội mạnh lên, tưới ngập mặt đất như từ một cái bình tưới, rồi lại tiếp tục khạc nước đều đều lặng lẽ. Không có hy vọng nắng gì cả.

Ở tòa bạch cung, các trại viên đã sẵn sàng đề xuất phát đến tìm tôi, dò xét cẩn thận nét mặt tôi, song tôi cố tình giữ một bộ mặt sắt đá, rồi không mấy lúc, ở góc này góc nọ, bắt đầy nghe thấy câu nhắc nhở mát mẻ:

- Cấm kêu ca!

Chú cầm cờ, dĩ nhiên đã được phái tới gặp tôi để thăm dò, hỏi:

- Phải đem cờ đi chứ ạ?

- Chứ gì nữa, sao lại không có cờ?

- Nhưng...trời mưa...

- Thế này mà là mưa à? Các chú sẽ đề vò bọc đi ra cho đến tỉnh.

- Rõ! Vò bọc, chú cầm cờ nói, về bình tĩnh.

Đến bảy giờ nổi hiệu kèn tập hợp tất cả. Đoàn trại viên khởi hành đi ra tỉnh đúng giờ đã định. Từ trại ra đến tỉnh xa mười cây số và cứ mỗi cây số đi thêm trời lại mưa thêm. Đến quảng trường, chúng tôi chẳng thấy bóng một ai; rõ ràng là đã có lệnh bãi bỏ cuộc biểu tình. Chúng tôi quay ra về, dưới trời mưa tầm tã, song bây giờ chúng tôi chẳng quan tâm chút nào đến điều đó nữa: chẳng ai còn lấy được một sợi chỉ nào trên người là khô cả, và nước trào từ đôi ủng của tôi như một cái xô đầy tràn vậy. Tôi ra lệnh cho đoàn đứng lại và bảo bọn trẻ:

- Trống bị ướt, thì chúng ta sẽ hát. Và hãy để ý, có nhiều hàng không được thẳng và đi không đều nhịp bước; và, ngẩng cao đầu lên!

Bọn trẻ cười ồ. Nước chảy như suối trên mặt chúng.

- Tiến lên đều, bước!

Karabanôp cất tiếng hát:

Ồ này! Anh đánh xe, anh đánh xe,

Đời khổ như chó, cái nghề của anh...

Song những lời đó có vẻ thích hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ quá, khiến chúng được một trận cười phá lên hoan nghênh. Đến lần thứ hai, mọi người cùng hát lại, và bài hát được rong qua các phố vắng, ngập nước mưa trút xuống như suối.

Tsôbô đi bên cạnh tôi ở hàng đầu. Hắn không hát và không để ý thấy trời mưa, mắt ngậy dại cố tình nhìn đăm đăm một chỗ nào phía trước đội trống, chẳng quan tâm gì đến sự chú ý dai dẳng của tôi.

Quá nhà ga, tôi ra lệnh cho đi bước đường trường. Khổ cái rằng chẳng ai còn lấy một điều thuốc lá khô, hoặc một dùm thuốc to sợi, cho nên ai nấy đều đâm bỏ cả tới túi thuốc lá bằng da của tôi. Mọi người vây lấy tôi, kêu hãnh nhắc nhở tôi rằng:

- Dù sao đi nữa, cũng đã chẳng có ai kêu ca.
- Hãy đợi tới chỗ đường rẽ kia, trời đổ đá xuống, bấy giờ các chú mới nói làm sao?
- Đá, thì đã đành là gay đấy, Lapô nói, song còn có thứ tệ hơn thế, súng liên thanh, chẳng hạn.

Trước khi về đến trại, mọi người sắp lại hàng ngũ, chỉnh đốn hàng cho thẳng và lại cất tiếng hát, mặc dầu bài hát khó lòng đánh át được tiếng mưa rào mỗi lúc một to và những hồi sấm đầu tiên trong năm, một sự bất ngờ dễ chịu, vang rền như để chào đón chúng tôi trở về. Mọi người về trại, đầy kêu hãnh ngẩng cao, chân dồn theo bước hành tẩu. Cũng như mọi khi, chúng tôi làm lễ chào cờ và nghỉ sau khi làm xong lễ mọi người mới chuẩn bị giải tán để ai chạy về phòng nấy. Tôi kêu lên:

- Ngày mồng Một tháng Năm muôn năm! U-ra!

Bọn trẻ vừa tung lên trời những chiếc mũ cát-két ướt sũng của chúng vừa hô lên như sấm, rồi chẳng đợi hiệu lệnh, chúng đổ xô vào tôi. Chúng chuyên tay nhau tung tôi lên, làm nước ở đôi ủng của tôi đổ dốc hết cả vào người tôi.

Một tiếng đồng hồ sai, một khẩu hiệu mới được trưng lên ở câu lạc bộ. Trên một miếng vải chúc bầu dài và rộng hết sức chỉ viết vền vện có mấy chữ:

Cám kêu ca!

15. NHỮNG NGƯỜI KHÓ CHỊU

Tsôbô tự treo cổ trong đêm hôm mồng ba tháng năm. Đội tuần phòng đánh thức tôi dậy, và chỉ nghe tiếng gõ cửa vào cửa sổ của tôi là tôi đoán được có việc gì rồi. Dưới ánh sáng những ngọn đèn lồng kính, ở bên chuồng ngựa, mọi người đang cố cấp cứu Tsôbô, vừa mới tháo khỏi dây treo xuống xong. Sau nhiều công phu cố gắng, Êkatêrina Grigôriepna và bọn trai đã phục hồi được hơi thở, song Tsôbô không tỉnh lại và đến chiều thì chết. Các y sĩ mời ở trên tỉnh xuống giải thích cho chúng tôi hiểu thể nào cũng không thể cứu sống Tsôbô được: hắn đã treo cổ từ trên ban công chuồng ngựa. Đứng ở trên ban công ấy, hắn tất nhiên đã chui đầu vào thông lọng và thít dây vào cổ, rồi cứ thế đâm bổ người xuống phía dưới; các xương sống ở cổ đã bị tổn thương.

Bọn trai biết tin Tsôbô tự tử đều có thái độ dè dặt. Không ai tỏ ra vẻ gì buồn đặc biệt hết, và chỉ có Fêđôrenkô nói:

- Đáng tiếc cho anh chàng cô đặc; đáng lẽ thì làm được một tay kỵ binh tốt cho Buđionny.

Nhưng Lapô trả lời hắn:

- Từ Tsôbô đến Buđionny còn là xa; hắn sống là phú nông thì chết cũng là phú nông, vì tham tâm mà chết.

Kôvan nhìn với một vẻ khinh bỉ tức giận về phía câu lạc bộ là nơi đề quan tài của Tsôbô; hắn từ chối không tham dự đội nghi vệ và cũng không đi đưa đám:

- Những đứa như Tsôbô, thì chính tay tao sẽ treo cổ chúng lên: ai cần gì nó đến làm vương cẳng chúng mình với những chuyện bi thảm ngu xuẩn của nó!

Chỉ có bọn con gái là khóc, vậy mà Marutxia Lepisenkô cũng còn đôi khi vừa chùi nước mắt vừa tức giận nói:

- Đấy xem cái đồ ngu, đồ ngốc, hừ, thử nghe nó nói: hãy đi với nó “về ở trên sản nghiệp nhà nó”! Ấy mới là hạnh phúc cho Natasa chứ! Cô ta không đi theo nó thật chi là phải! Những thứ người như kiểu Tsôbô ấy, thì có thiếu giống, ai hoài hơi mà bận lòng vì họ. Tôi chỉ muốn họ cứ treo cổ luôn nữa đi, càng tốt.

Natasa không khóc. Cô ta thấy tôi bước vào phòng ngủ con gái, thì nhìn tôi với một vẻ ngạc nhiên kinh hoàng và hỏi tôi bằng một giọng yếu ớt:

- Bây giờ cháu phải làm gì ạ?

Marutxia trả lời thay tôi:

- Dễ thường cả cô nữa, cô cũng muốn treo cổ lên sao? Cô hãy cảm ơn Trời vì cái thằng ngốc ấy đã biết đường cuốn gói. Không thể thì nói sẽ làm khổ cô suốt đời. Rõ hay chưa kia: cô ấy tự hỏi mình “phải làm gì”! Hãy lên trường trung học công nông, rồi cô sẽ có thì giờ mà suy nghĩ về việc đó...

Natasa ngược mắt lên nhìn Marutxia giận dữ và tựa người vào cô ta:

- Thế thì, được.

- Từ nay tôi nhận làm người đỡ đầu cho Natasa, Marutxia nói, mắt long lanh nhìn tôi với một vẻ khiêu khích.

Tôi vui đùa cúi mình trước mặt cô ta:

- Rất hoan nghênh, rất hoan nghênh, đồng chí Leptsenkô ạ. Nhưng đồng chí có nhận tôi làm bạn “đồng nghiệp” với không?

- Với một điều kiện duy nhất: không được tự treo cổ! Nếu không, thì bác phải biết là có những

người cha đỡ đầu thật vô tích sự. Những chuyện đỡ đầu như vậy chỉ tổ đem lại cho mình những sự phiền nhiễu.

- Rõ! Không được tự treo cổ!

Natasa buông lưng cô bạn thân ra, mỉm cười với những người đỡ đầu mới của mình, đôi má hơi ửng đỏ lên.

- Thôi đi ăn bữa trưa, em bé bỏng tội nghiệp của tôi, Marutxia vui vẻ nói.

Về mặt đó, tôi cảm thấy mình...khá được yên lòng. Buổi chiều, ông dự thẩm và Maria Kônđratiepna đến. Tôi yêu cầu ông thẩm phán đứng thẩm vấn Natasa, và may được cái rằng ông ta cũng là người biết thông cảm. Sau khi viết một tờ biên bản ngắn, ông ta ăn bữa chiều rồi đi. Maria Kônđratiepna ở lại, buồn bã. Đến khuya, khi mọi người đã ngủ cả rồi, bà ta vào phòng giấy tôi với Kalina Ivanovich và một nhóc ngồi xuống ghế đi vắng:

- Các trại viên của ông thật tệ quá! Một người bạn của họ chết, thế mà họ vẫn cười, và cái chú kia, chú Lapô nhà ông, vẫn cứ làm trò khi y như cũ.

Hôm sau tôi đưa chân các học viên ra ga. Trong khi đi đường, Vecsonep bảo tôi:

- Bọn trai kh-không hiểu vấn đề ra thế nào. Một con người đã quyết định chết, như thế có nghĩa là cuộc đời không tốt đẹp. Họ ch-ch-cho là t-t-tại Natasa, nhưng thực ra đâu có phải tại Natasa, đây là tại cuộc đời nó như thế.

Biêlukhin lắc đầu.

- Không phải thế đâu. Dù sao thì thằng Tsôbô cũng sống không ra sống, nó vốn không phải là một con người, mà là một tên nô lệ. Người ta đã cắt đi mất tên chúa của nó, ấy thế là nó nghĩ ra cô bé Natasa để thay thế vào đấy.

- Các cậu tìm ra lắm nguyên nhân vớ vẩn thế, Xêmiôn Karabanôp nói, tớ thì chả thích vậy đâu. Có một người đã treo cổ, thôi được, gạch tên hắn ta trong sổ đi. Phải nghĩ đến ngày mai. Tớ thì tớ bảo thế này: trại hãy rời khỏi nơi này đi, nếu không thì rồi tất cả mọi người ở trại sẽ tự treo cổ hết cho mà xem.

Trên đường về, mắt tôi suy nghĩ đến vận mệnh của trại. Trước mắt tôi vẽ ra một cuộc khủng hoảng vô cùng rộng lớn đang đe dọa trại: có những giá trị không thể nào chối cãi được, đối với tôi, đang bị nguy cơ tiêu ma vào một cái vực thẳm nào không biết, những giá trị sinh động, đầy sức sống, thật là một kỳ công được tạo nên do năm năm trời lao động của tập thể chúng tôi, mà dù khiếm tốn, tôi cũng không muốn tự che giấu mình là nó quý giá đặc biệt.

Trong cái tập thể đó, sự mơ hồ của những xu hướng cá nhân không thể nào gây nên sự khủng hoảng. Tất cả những xu hướng cá nhân đều mơ hồ. Một xu hướng cá nhân rõ rệt là như thế nào kia? Ấy là sự phủ nhận tập thể, là sự tập trung biểu hiện của óc tiểu tư sản: moi lo ấy, quá sớm sửa, và quá khô khan, kiếm miếng ăn sau này và kiếm lấy kỹ năng chuyên môn hết sức được ca tụng nọ. Mà kỹ năng chuyên môn gì chứ? Nghề thợ mộc, thợ giày, thợ xay bột. Không, tôi nhất quyết tin rằng, đối với một cậu trai mười sáu tuổi, trong cuộc sống xô-viết của chúng ta, cái kỹ năng chuyên môn quý báu nhất là cái kỹ năng chuyên môn làm con người và làm kẻ chiến đấu.

Tôi tự hình dung cái sức mạnh của tập thể các trại viên và chợt hiểu vấn đề là như thế nào: thì đúng rồi, làm sao tôi đã mất bao nhiêu thì giờ mới nghĩ ra thế vậy? Mọi sự chỉ là do chúng tôi cứ đứng lì một chỗ. Trong cuộc sống của một tập thể không thể nào để cho có sự đình trệ được.

Tôi vui mừng như một đứa trẻ: sung sướng biết bao! Khoa biện chứng tuyệt diệu và hấp dẫn biết bao! Một tập thể cần lao tự do lập ra không phải là để cứ giẫm chân tại chỗ. Cái quy luật phổ biến

rộng khắp của sự phát triển toàn diện ấy đến bây giờ mới biểu lộ những sức mạnh chân chính của nó. Những hình thức tồn tại của cái tập thể tự do của loài người là sự chuyển động, hình thức tiêu diệt của nó là sự đình trệ.

Tôi vội vã đi về trại, để nhìn vào tận mắt các trại viên và chứng nghiệm lại sự khám phá lớn lao của tôi.

Dưới bậc tam cấp của tòa bạch cung, có hai chiếc xe ngựa thuê, và Lapô đón tôi với tin báo này:

- Có một tiểu ban ở Khackôp đến.

“Ấy thế thì tốt lắm, tôi nghĩ, chúng ta sẽ giải quyết ngay lập tức vấn đề này”.

Trong phòng giấy có ba người đang ngồi đợi tôi: Liubôp Xavêliepna Djurinxkaia; một bà khá to béo, mặc một chiếc áo dài màu đỏ sẫm không lấy gì làm sạch lắm, đã có tuổi nhưng mắt sắc sảo tinh nhanh; và một người đàn ông vẻ rất tầm thường, tóc nửa vàng nửa hung, với một chòm râu chẳng ra râu; đôi kính của ông ta cuỗi xiêu vẹo trên sống mũi và ông cứ luôn luôn đặt lại nó cho chỉnh với bàn tay không phải cầm chiếc cặp.

Liubôp Xavêliepna miễn cưỡng mỉm cười ra vẻ niềm nở để giới thiệu tôi với hai người kia:

- A, đồng chí Makarenkô đây rồi! Xin giới thiệu: bà Vacvara Victôrôpna Brêgen, ông Xecgây Vatziliêvich Tsaikin.

Bà Vacvara Victôrôpna Brêgen là cấp trên cao nhất của tôi, thì không có lý do gì mà không tiếp bà ở trại, nhưng sao lại phải tiếp Tsaikin? Tôi đã có nghe nói đến ông ta: một giáo sư về khoa sư phạm, ông ta có làm giám đốc một trại nhi đồng nào không nhỉ? Brêgen nói:

- Chúng tôi chú ý đến đây, để kiểm nghiệm phương pháp của ông.

- Tôi cực lực phản đối, tôi nói, tôi chẳng có một phương pháp riêng nào cả.

- Thế ông theo phương pháp nào?

- Phương pháp xô-viết thông thường.

Brêgen mỉm cười nanh ác:

- Xô-viết có lẽ chẳng, nhưng dù sao cũng chẳng phải là thông thường. Tuy nhiên cũng cứ phải kiểm nghiệm.

Thế là bắt đầu một cuộc nói chuyện, thuộc vào loại những cuộc nói chuyện khó chịu nhất, trong đó người ta chơi chữ với nhau, ai nấy đều nhất định tin rằng thuật ngữ quyết định hiện thực. Tôi bèn nói:

- Tôi sẽ không tiếp tục nói chuyện theo kiểu này đâu. Nếu các vị thấy là nên, thì tôi xin làm một cuộc báo cáo để các vị nghe, nhưng tôi xin nói trước rằng sẽ phải mất ba tiếng đồng hồ chứ không kém.

Brêgen đồng ý. Chúng tôi an tọa ngay trong phòng giấy, đóng kín cửa lại và tôi bắt đầu làm cái công việc nặng nhọc này: diễn tả ra bằng lời nói những ấn tượng, suy nghĩ, hoài nghi và thí nghiệm đã dồn chứa trong người tôi trải qua năm năm trời. Ấng chừng là tôi nói hùng hồn và tìm được những từ ngữ đúng để diễn đạt những khái niệm vô cùng tinh tế; áng chừng dùng con dao chích của phân tích với một sự táo bạo thận trọng, tôi đã phát hiện ra được những vùng bí mật cho tới bây giờ, những triển vọng tương lai và những khó khăn của ngày mai. Dù sao tôi cũng đã chân thực cho đến cùng; không có thành kiến nào mà tôi tha đã kích và tôi không e ngại tỏ ra rằng về nhiều điểm tôi thấy “lý luận” thật là đáng thương hại và xa lạ đối với tôi tới mức nào.

Djurinxkaia lắng nghe tôi với một gương mặt hờ hững và nhiệt tình, Brêgen giữ nguyên bộ mặt nạ còn Tsaikin thì tôi ít quan tâm đến.

Khi tôi nói xong, Brêgen gõ lên bàn với những ngón tay mập mạp và nói bằng giọng khó lòng đoán nổi bà ta nói thật hay là chế giễu:

- Vậy đó... tôi sẽ nói thẳng là: thú vị lắm, thú vị lắm. Có phải không, ông Xecgây Vatsiliêvich?

Tsaikin gắng chỉnh đốn lại đôi kính, vục đầu vào quyển sổ tay, rồi rất lễ độ, theo đúng cung cách một nhà bác học, với đủ mọi thứ màu mè lịch sự và một vẻ mặt kính nể giả dối, đọc lên bài diễn văn này:

- Tất cả những cái đó là rất tốt, tất nhiên; cái gì cũng phải làm cho sáng tỏ... đã đành thế... nhưng tôi không khỏi, ngay cho đến lúc này, còn giữ những hoài nghi về một vài cái... định lý của ông, nếu có thể nói như vậy được, mà ông đã vui lòng trình bày với chúng tôi bằng một lửa nhiệt tình, tôi muốn nói, nó dĩ nhiên chứng tỏ sự tin tưởng sâu sắc của ông. Được rồi. Nhưng có một điều, chẳng hạn, mà chúng tôi đã biết, và ông thì hình như đã bỏ qua không nói tới. Ở đây, ở trại của ông, có một thứ cạnh tranh, là nói như thế, được tổ chức giữa các trẻ nuôi: đứa nào làm nhiều nhất sẽ được khen lao, đứa nào làm kém thì bị mắng mỏ. Ở trại của ông đã có một sự cạnh tranh như vậy để cày một thửa ruộng, có phải thế không? Ông đã không nói tới chuyện đó, vì sơ ý, có lẽ thế. Đó là điều mà tôi muốn xin ông cho tôi được rõ: ông có biết rằng chúng tôi coi sự cạnh tranh là một phương pháp hoàn toàn tư sản, bởi vì nó đem những quan hệ gián tiếp mà thay thế vào, những quan hệ trực tiếp với sự vật chăng? Đó là điểm thứ nhất. Và đây là điểm thứ hai: ông phát tiền tiêu vật cho các trẻ nuôi trong các ngày hội, có phải không? và không phải phát quân bình cho tất cả, mà là theo tỉ lệ, ta hãy tạm nói thế, với công lao của chúng, ông có mừng tượng thấy rằng ông thay cái kích thích nội tại bằng một kích thích ngoại giới, ngoài ra nó lại còn hoàn toàn là vật chất nữa không? Sau nữa: đến những sự trừng phạt, theo như lời ông nói. Tất ông phải biết rằng những sự trừng phạt giáo dục những kẻ nô lệ, mà chúng ta thì cần phải có một cá tính tự do, mà các hành động được quyết định không phải do sự sợ roi vọt hoặc bất cứ một phương tiện ảnh hưởng nào khác, mà do những kích thích nội tại và ý thức chính trị tự giác của bản thân...

Ông ta còn nói nhiều điều nữa, cái ông Tsaikin ấy. Tôi nhớ lại cái truyện ngắn của Tsêkhốp, trong đó ông mô tả một cuộc giết người bằng chiếc bàn chải: [\[138\]](#) rồi tôi thấy rằng không cần phải giết Tsaikin, nhưng chỉ nên quất cho ông ta một trận, chẳng phải dùng đến roi song hoặc một dụng cụ tra tấn thời xưa nào như roi da của người Côđắc, mà dùng ngay cái thắt lưng da thường của người công nhân thất quần thôi. Đúng về mặt lý luận mà nói, thì điều đó kẻ cũng đúng.

Brêgen ngắt lời Tsaikin, hỏi tôi:

- Ông mỉm cười vì điều gì thế? Những lời của đồng chí Tsaikin nói có lẽ là buồn cười chăng?

- Ồ, không, tôi đáp, không buồn cười.

- Nhưng mà buồn, có phải không? bà ta nói, và chính bà sau cùng cũng mỉm cười.

- Không, sao lại thế, cũng không phải vậy nốt. Bình thường như mọi khi thôi.

Brêgen chăm chú nhìn tôi, rồi vừa thở dài một cái vừa vui đùa nói:

- Quãng thời khắc ông ngồi với chúng tôi đây thật là khó chịu, có phải không?

- Không sao, tôi đã quen với những người khó chịu. Ở trại tôi đây cũng có, còn khó chịu gấp mấy.

Brêgen bỗng phá lên cười.

- Bao giờ đồng chí cũng hay đùa, đồng chí Makarenkô ạ, bà ta nói, khi đã ngớt cười. Nhưng đồng chí cũng trả lời một cái gì cho ông Xecgây Vatsiliêvich chứ?

Tôi nhìn bà Brêgen với một cái nhìn cảm động và nài nỉ:

- Tôi nghĩ rằng Ủy ban Khoa học Sur phạm cũng nên nghiên cứu những vấn đề ấy nữa thì tốt. Ở ngoài đó các vị ấy sẽ chẳng thu xếp mọi chuyện cho được thích đáng sao? Chúng ta hãy đi ăn thì hơn.

- Thôi thế cũng được, Brêgen nói, nét mặt thoáng có vẻ dỗi. Nhưng mà này, ông hãy cho tôi biết, còn cái chuyện này là thế nào: ông đã đuổi Ôpriskô đi phải không?

- Vì tôi say rượu.

- Bây giờ nó ở đâu? Dĩ nhiên ở ngoài đường chứ gì?

- Không, nó sống ngay gần đây, ở nhà một lão kulắc.

- Thế nghĩa là, nói tóm lại, ông đã đặt nó cho người ta nuôi bảo trợ phải không?

- Cũng đại khái như thế, tôi mỉm cười trả lời.

- Nó sống ở đây à, ông có chắc không?

- Vâng, tôi biết chắc chắn: nó ở nhà một lão kulắc bên đó, tên là Lukasenkô. Lão già trung hậu ấy đã nuôi “bảo trợ” ở nhà lão hai đứa trẻ vô thừa nhận rồi.

- Thôi được, chúng tôi sẽ điều tra.

- Xin mời các vị cứ điều tra.

Chúng tôi đi ăn bữa sáng. Sau đó Brêgen và Tsaikin muốn thực mục sở thị xem cho rõ một điều gì đó, và tôi ngó ý với bà Liubôp Xavêliepna:

- Thưa Ủy ban Nhân dân giáo dục kính mến và hòa nhã! Chúng tôi ở chật chội quá, mà đã làm đủ mọi chuyện rồi. Chỉ sáu tháng nữa là ở đây chúng tôi đến hóa điên hết. Xin các vị hãy cho chúng tôi một nơi nào lớn hơn, cho chúng tôi được say sưa với công tác. Cái gì các vị cũng có sẵn cả, thừa thãi ra đấy! Chứ đâu các vị chỉ có toàn những nguyên tắc mà thôi!

Liubôp Xavêliepna bật cười và nói:

- Tôi hiểu ông lắm. Cái đó cũng có thể được đấy. Ông cứ đến, chúng tôi sẽ nói chuyện chi tiết nhé... Nhưng mà này, hãy khoan, ông chỉ nghĩ đến lương lai. Cuộc kiểm tra này làm ông bức mình lắm phải không?

- Ô, không, xin các vị cứ kiểm tra. Không làm như vậy thì còn làm thế nào khác được?

- Còn những điều kết luận: tất cả những câu hỏi nọ của Tsaikin không làm ông lo ngại ư?

- Tại sao lại lo ngại? Có phải Ủy ban Khoa học Sur phạm sẽ nghiên cứu các vấn đề ấy không? Thì để cho nó khổ sở một óc, còn tôi thì chẳng việc gì mà phiền...

Đến tối, trước khi đi ngủ, bà Brêgen nói cho tôi biết cảm tưởng của bà ta:

- Ông có một cái tập thể tuyệt diệu. Nhưng mặc dầu vậy, những phương pháp của ông cũng gớm ghiếc lắm.

Tôi mừng thầm trong bụng: còn là may mà bà ta không biết tí gì về việc những tay trống của trại đã học đánh trống thế nào.

- Chúc ông ngủ ngon, bà Brêgen nói, và nói để ông biết rằng không ai nghĩ đến chuyện buộc tội gì ông về cái chết của Tsôbô đâu.

Tôi nghiêng mình thi lễ với một lòng biết ơn sâu sắc.

16. XỨ SỞ CỦA NHỮNG NGƯỜI ZAPÔRÔGƠ

Mùa hè lại trở về một lần nữa. Các đội đặc biệt lại ngày ngày ra đồng khi mặt trời vừa ló; các đội đặc biệt bốn, vẫn do Burun chỉ huy và vẫn giữ cờ thi đua luân chuyển, lại ra sức làm việc gấp rút.

Các học viên trường trung học công nông trở về trại vào giữa tháng sáu. Ngoài sự thắng lợi của họ được lên năm thứ hai tất cả, họ còn đem theo về hai trại viên mới nữa: Ôxana và Rasen. Vì là thành viên của trại, hai cô không còn đường nào khác mà lựa chọn nữa: các cô nhất định phải về trại. Cũng về theo cả cái cô bé ở Tsecnigôp, có đôi mắt với cặp lông mày đen nhánh tuyệt vời. Cô ta tên là Galia Pôtgornaia. Xêmiôn Karabanôp đưa cô ta ra hội nghị toàn trại, chỉ vào cô ta trước tất cả mọi người và nói:

- Zăđôrôp viết thư về trại, nói rằng tôi mê cái có bé xinh xinh này ở Tsecnigôp. Xin lấy danh dự thanh niên Kôm-xô-môn thừa rằng chẳng làm gì có chuyện ấy. Nhưng điều quan trọng, là Galia Pôtgornaia không có đất, như người ta nói, để mà về đó nghỉ hè. Vậy xin các đồng chí trại viên hãy xét xử chúng tôi, xem ai là phải, và nếu có trái, thì ai là trái.

Xêmiôn ngồi trên mặt đất: cuộc họp ở ngay trong vườn của trại.

Cô bé Tsecnigôp ngạc nhiên nhìn cái xã hội chứng tôi, toàn là những người đi đất, cánh tay trần và có cậu lại đề hờ cả bụng. Mím môi và nháy mắt, vừa chớp cặp mí mắt to tướng không có lông mi, Lapô vừa nói với một giọng khàn khàn:

- Nay, thế yêu cầu đồng chí ở Tsecnigôp... à phải... Thế nào nhỉ...

Cô bé ở Tsecnigôp và cả cử tọa lắng tai nghe.

- ...Phải, cô có biết kinh “Lạy Cha chúng tôi”^[139] không?

Cô ta mỉm cười, bối rối, đỏ mặt lên và rút rút trả lời:

- Tôi không biết...

- A ha! Cô không biết à? Lapô mím môi lại và lại càng chớp mí mắt lia lịa. Thế “Kinh tin kính”^[140] cô có biết không?

- Không, tôi không biết.

- Được. Thế cô bơi qua sông Đniep được chứ?

Cô bé ở Tsecnigôp then thùng hết nhìn bên nọ lại nhìn bên kia:

- Biết nói với các anh thế nào đây? Tôi bơi khá, tôi tưởng rằng tôi có thể bơi qua được...

Lapô ngoảnh lại phía cử tọa với vẻ mặt mà người ta thường thấy ở những người ngu độn khi họ hết sức cố gắng suy nghĩ: phồng má lên, mắt chớp chớp, giơ ngón tay cái, và hếch hếch cái mũi, tất cả những điều bộ ấy tuyệt nhiên không có bóng dáng một nét cười.

- Ấy thế đấy, chúng ta có thể nói là: kinh “Lạy Cha chúng tôi” cô ấy chẳng rõ, kinh “Kinh tin kính” cũng chẳng biết một chữ cóc khô nào, nhưng mà cô ấy sẽ bơi qua sông Đniep. Mà không biết chừng cô ấy sẽ không bơi qua sông được chẳng?

- Được, cô ấy sẽ bơi qua đấy! cử tọa kêu lên.

- Tốt, mà nếu không có sông Đniep, thì cô ấy sẽ bơi qua sông Kôlômak.

- Cô ấy sẽ bơi qua sông Kôlômak! bọn trai vừa cười vừa kêu lên.

- Như vậy thì cô ấy xứng đáng được vào trại những kỵ sĩ Zapôrôgơ chúng ta đây chứ?

- Phải cô ấy xứng đáng!

- Vào lều^[141] nào?

- Vào lều năm.^[142]

- Nếu vậy, hãy đổ cát lên đầu cô ta^[143] và dẫn cô ta về lều của cô ta đi.

- Sao cậu lại nói lẫn thế? Karabanốp kêu lên. Người ta chỉ đổ cát lên đầu các vị ataman thôi chứ.

- Này chú côđắc, Lapô hỏi Xêmiôn, chú hãy nói, chú thử xem cuộc đời có tiến triển hay không tiến triển?

- Nó có tiến triển, thế thì sao?

- Thế thì, trước kia người ta chỉ làm thế đối với các vị ataman thôi, và bây giờ người ta làm thế đối với tất cả mọi người.

- A ha, Karabanốp nói, đúng đấy!

Chúng tôi nảy ra ý kiến di cư đến vùng Zapôrôgơ sau khi nhận được một bức thư của bà Djurinxkaia, trong đó bà ta nói cho biết có những tin mơ hồ về việc dự định thành lập một trại nhi đồng lớn ở đảo Khortitza, mà Ủy ban giáo dục có lẽ sẽ vui lòng giao cho trai Gorki nhiệm vụ làm nòng cốt tổ chức.

Việc nghiên cứu chi tiết cái dự án ấy chưa bắt đầu. Trả lời những câu hỏi của tôi, bà Djurinxkaia bảo không nên mong đợi rằng quyết định tối hậu có thể ra được sớm, vì mọi chuyện đều liên quan đến dự án về trại thủy điện trên sông Dniep.

Chúng tôi không biết rõ ở Khackôp người ta đang trù tính những gì, nhưng ở trại thì ai nấy đều xôn xao hết sức. Khó mà nói được các trại viên mơ ước cái chi: sông Dniep, hòn đảo, các cánh đồng rộng lớn, hay một nhà máy nào. Có nhiều chú say sưa mơ tưởng trại sẽ có riêng một chiếc tàu thủy. Lapô chòng ghẹo bọn con gái, bảo họ rằng theo những phong tục cổ xưa của người côđắc, thì bọn họ không được phép đặt chân lên đảo và sẽ phải xây cho họ một cái nhà thế nào đó ở trên bờ sông Dniep.

- Nhưng cũng không hề gì đâu, hấn an ủi họ, chúng tôi sẽ đến thăm các cô, còn chúng tôi thì sẽ treo mình ở trên đảo, như thế, các cô sẽ được yên ổn hơn.

Các học viên của trại cũng chia sẻ những mơ ước thú vị được thừa hưởng đảo Zapôrôjiê và đều vui vẻ góp phần thỏa mãn cái nhu cầu chơi nghịch của tính trẻ vẫn chưa dập tắt ở trong người họ ấy. Cả trại đều cười đến chảy nước mắt, suốt cả hàng buổi tối, trong khi xem làm trò đại quy mô bắt chước cuộc sống Zapôrôgơ ở ngoài sân. Để chơi trò ấy, số đông trại viên đều nghiên cứu “Taraxo Bunba”.

^[144] Tài bắt chước của bọn trai về mặt đó thật là vô cùng vô tận. Khi thì là Karabanốp xuất hiện, mặc một cái quần làm bằng một tấm màn sân khấu, và diễn thuyết tràng giang đại hải về cách may một cái quần như thế, cứ theo lời hấn thì phải tốn đến một trăm hai mươi ôn^[145] vải. Khi thì ở giữa sân biểu diễn diễn cuộc hành hình kinh khủng một người Zapôrôgơ bị cả tập đoàn xã hội tố cáo là ăn cắp. Về việc này, họ đặc biệt cố ý tôn trọng toàn vẹn cái chi tiết truyền kỳ này: hành hình phải dùng gậy khoằm, nhưng chỉ người nào trước hết uống cạn một “bình rượu tắm” đã mới có quyền được đánh một gậy. Không có rượu tắm, người ta bèn mang ra cho các trại viên sắp hành hình một bình nước khổng lồ, mà ngay đến những tay uống giỏi bậc nhất cũng không tài nào uống cạn nổi. Hay là, đội đặc biệt bốn, khi đi công tác, đem đến trình Burun cái chùy chiến^[146] và cái cờ tiết.^[147] Chùy chiến thì làm bằng một quả bí và cờ tiết bằng vỏ cây gai nhưng Burun bắt buộc phải kính cẩn tiếp nhận những “biểu chương” ấy bằng cách hướng về bốn phương trời mà cúi mình làm lễ.

Mùa hè qua đi như vậy, nhưng dự án Zapôrôgơ vẫn cứ nguyên là dự án và bọn trẻ đã bắt đầu chán trò chơi. Sang tháng tám, các học viên lại lên trường trung học công nông; đem đi theo một nhóm trại

viên mới. Ít ra cũng là năm đội trưởng bị cất khỏi hàng ngũ chiến đấu của họ, và vết thương đâm máu nhất giáng vào đội hai bị cụt đầu: cả đến Antôn Bratsenkô cũng đi, người bạn gần gũi nhất của tôi và là một trong những người sáng lập trại Maxim Gorki. Cũng đi nốt Ôtxatsi, là người mà tôi đã cống hiến cho cả một phần lớn cuộc đời tôi. Xưa kia hắn là kẻ cướp thật đấy, nhưng bây giờ hắn đi lên Viện Kỹ thuật ở Khackôp, nghiêm nhiên là một thanh niên bảnh trai, cao lớn, khỏe mạnh, thái độ từ tốn, tràn đầy một lòng dũng cảm và một sức lực chỉ riêng hắn có. Kôvan nói về hắn:

- Ôtxatsi là một thanh niên Kômxiôn cừ tuyệt! Phải chia tay với một thanh niên Kômxiôn như thế thật là tiếc quá!

Đúng như thế: trong hai năm Ôtxatsi đã mang trên vai cái trọng trách vô cùng phức tạp làm đội trưởng đội nhà máy xay gió, với trăm nghìn mối lo toan và những chuyện rắc rối liên miên không dứt với các nông dân và những ủy ban bản nông.

Gêorghiepxki, con ông tổng trấn Irkutsk, cũng rời bỏ chúng tôi, mà chưa rửa sạch được cái vết ố đáng xấu hổ ấy, mặc dầu bản điều tra lý lịch chính thức của hắn đã ghi rằng: “Không biết bố mẹ là ai”.

Và lại Snaide, đội trưởng đội tám vinh quang, và cả đội trưởng đội năm nữa, Marutxia Leptsenkô.

Chúng tôi đi đưa chân họ ra ga và người ta chợt nhận thấy cái tập thể các trại viên Gorki đã trở ra tới mức nào. Ngay đến ở phiên họp hội đồng đội trưởng cũng đã thấy ngồi chính chèn các chú nhãi con xưa kia, vừa mới được lên chức: ở đội hai là Vichia Bôgôiaplenxki, ở đội ba Sarôpxki Kôxchia, thay Ôpriskô, ở đội năm Natasa Pêtrenkô, ở đội chín Michia Jêvêli, và chỉ ở đội tám, chú Fêđôrenkô to xác mãi đến bây giờ mới được nhận lon đội trưởng. Gêorghiepxki đã trao lại cho Tôxka Xôlôviep đội trẻ nhỏ mà hắn đã chỉ huy suốt ba năm.

Người ta lại chôn những củ cải cho súc vật ăn và khoai tây, người ta lại lấy rơm trét khe cửa các chuồng ngựa, lại sàng sảy sạch và để dành hạt giống cho mùa xuân và lần này không cạnh tranh gì cả, các đội một và đội hai bắt tay vào việc cày đất mùa thu. Mãi tới lúc ấy chúng tôi mới nhận được tin ở Khackôp đề nghị chúng tôi đi thăm thú điền trang Pôpôp ở khu Zapôrôjiê.

Một khi hội nghị toàn thể các trại viên đã nghe tôi báo tin và tờ công văn của Ủy ban giáo dục đã được truyền qua tay hết thầy mọi người rồi, ai nấy mới cảm thấy rằng đây là một việc nghiêm túc. Vì thực ra chúng tôi còn có ở trong tay một tờ công văn khác nữa của Ủy ban viết cho Ban chấp hành khu, yêu cầu giao điền trang ấy cho trại chúng tôi.

Bây giờ chúng tôi coi những tờ công văn kia như chứa đựng cái giải pháp quyết định: chúng tôi chỉ còn có việc thở khoan khoái nhẹ nhõm, quên hết những câu chuyện bàn bạc liên miên vô tận về các điền trang mơ hồ khác, những trại nhi đồng thất bại, những tu viện còn sống ngắc ngoải, những dinh cơ của bọn quý tộc ở nông thôn phải phục hồi, đánh chìm vào quên lãng câu chuyện thần thoại về đảo Khortitza, để thu xếp hành trang và ra đi thôi.

Tôi ra đi với Michia Jêvêli, được toàn thể hội nghị bầu, để thăm và tiếp nhận điền trang Pôpôp. Michia đã mười lăm tuổi. Đứng trong hàng ngũ, đã từ lâu hắn vượt hết các trẻ khác cả cái đầu; đã từ lâu hắn cũng vượt những thử thách phức tạp của cái nghề làm đội trưởng đội đặc biệt và được kết nạp vào đoàn thanh niên Kômxiôn từ một năm nay, hắn vừa mới được bổ nhiệm rất xứng đáng làm đội trưởng đội chín. Michia đại diện cho lớp trại viên Gorki mới: mới mười lăm tuổi, với một tấm thân mềm dẻo như một cái lò xo, hắn đã có được một vốn kinh nghiệm thực tế dồi dào, có những tài năng tổ chức rất hay, và đã thấm nhuần được nhiều phong cách của những anh em cũ thuộc thế hệ anh hùng của trại. Ngay từ đầu Michia đã là bạn chí thân của Karabanôp, mà hình như hắn đã thừa kế cái nhìn nảy lửa với dáng đi cương quyết và đẹp mắt: nhưng hắn cũng khác Xêmiôn, dù chỉ ở một điểm này: mới mười lăm tuổi Michia đã học tới ban thứ năm.

Hai chúng tôi ra đi vào một ngày sáng sủa cuối tháng một mà trời giá băng nhưng không có tuyết, và chỉ trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ chúng tôi đã tới Zapôrôjiê. Chúng tôi còn khá là trẻ thơ nên đã tưởng tượng rằng cái kỷ nguyên mới đầy hạnh phúc của trại Gorki đại khái phải mở ra như thế này: ông chủ tịch của Ban chấp hành Khu, một con người có bộ mặt cách mạng rất dễ ưa, hớn hờ khi thấy chúng tôi, niềm nở tiếp đón chúng tôi và nói:

- Điện trang Pôpôp à? Giao cho trại Gorki chứ gì! Ồ, tất nhiên là tôi biết rồi! Xin mời, xin mời các đồng chí! Công lệnh của các đồng chí đây. Các đồng chí đi và tiếp quản lấy mà ở.

Chúng tôi chỉ còn có việc hỏi thăm đường đi rồi bay cho mau về trại, với câu mời này:

- Thôi, mau mau, lên đường!

Điện trang Pôpôp hẳn phải làm cho chúng tôi ưng ý, điều đó thì chúng tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Một người đàn bà khắt khe như bà Brêgen, ở Ủy ban Giáo dục, khi Michia và tôi đến thăm bà ta ở Khackôp, đã phải bảo chúng tôi:

- Điện trang Pôpôp à? Đúng là cái đang cần cho Makarenkô! Cái lão Pôpôp ấy cũng hơi độc đáo đấy, hẳn đã xây dựng ở ngoài ấy một cái... thôi, để các anh đi xem sẽ biết! Một điện trang đẹp, sẽ làm cho các anh ưng ý đấy!

Bà Djurinxkaia cũng nói như vậy;

- Nơi ấy giàu đẹp và thích thú lắm! Nó được đặc biệt tạo nên để dùng cho một trại nhi đồng.

Và bà Maria Kônđratiepna đã bảo:

- Điện trang ấy thú vị tuyệt!

Chỉ một điều nó được hết thảy mọi người biết đến cũng đã có nhiều ý nghĩa lắm rồi, vì thế cho nên Michia và tôi, chúng tôi tự cảm thấy tin ở định mệnh: số phận đã dành riêng nó cho chúng tôi, những trại viên của trại Gorki.

Nhưng trong tất cả những điều chúng tôi mong đợi, chỉ có mỗi một điều là đúng sự thực: bộ mặt của ông Chủ tịch Ban chấp hành quả thật là cách mạng và dễ thương. Còn tất cả các điều khác, và trước hết là những lời ông ta nói, thì không giống như chúng tôi dự đoán.

Sau khi đọc tờ công văn của Ủy ban giáo dục, ông chủ tịch nói:

- Ồ, nhưng mà ở đây có một công xã nông dân! Thế còn trại Gorki, là cái gì vậy?

Ông ta ngắm nghía thẳng thắn cả hai chúng tôi, và hình như ông ưa Michia hơn tôi, vì vẻ thận trọng đọc thấy trong đôi mắt đen của chú ta khiến ông mỉm cười, và ông hỏi:

- Thế ra là những chú oắt như chú này sẽ làm chủ nhân ông ở ngoài đó à?

Michia đỏ bừng hấn mặt lên và trở thành thô lỗ:

- Vậy ông tưởng chúng tôi chỉ là một bầy oắt con, vô tích sự đấy hẳn? Chắc chắn là chúng tôi sẽ làm những chủ nhân ông không tồi hơn những dân quê của ông đâu.

Nói xong, Michia lại càng đỏ mặt dữ và ông chủ tịch càng mỉm cười già, rồi ông thành khẩn nhận rằng:

- Có phải các chú gọi các nông dân là “dân quê” như thế phải không? Quả thực là họ khai khẩn kém. Nhưng có điều là ở ngoài ấy có một nghìn rưỡi éc-ta. Việc này vượt quá thẩm quyền của Ban chấp hành Khu. Các đồng chí sẽ phải tranh đấu ở Ủy ban Nông nghiệp đấy.

Michia cau đôi lông mày nghi ngờ về phía ông chủ tịch:

- Ông vừa việc này vượt quá... cái gì cơ, cái gì... giành quyền^[148] à? Là như thế nào?

- Thế đây tôi hiểu cách nói của các chú hơn là các chú hiểu cách nói của tôi... thôi được, rồi ông giám đốc của các chú sẽ giảng cho các chú hiểu thẩm quyền là cái gì. Còn bây giờ tôi làm gì cho các đồng chí được nhỉ? Tôi sẽ cấp cho các đồng chí một chiếc xe, các đồng chí đi mà xem. À này, đến đây, các đồng chí hãy nói chuyện tại chỗ với công xã. Có lẽ hai bên sẽ thỏa thuận được với nhau. Song việc vẫn cứ phải được quyết định ở Khackôp, tại Ủy ban Nông nghiệp.

Ông chủ tịch tươi cười bắt tay Michia:

- Nếu tất cả các chú oắt của ông đều như thế này thì tôi sẽ ủng hộ các đồng chí.

Michia và tôi đến thăm điền trang Pôpôp. Vẻ đẹp của nó khiến chúng tôi mê hồn.

Ở ven bờ Nội cỏ Lớn nổi tiếng, chỗ hình như xưa kia ngôi nhà của Taraxo Bunba được dựng nên, ở cái góc hình thành bởi hai con sông Đniep và Kara Tsêkrak, có một dãy đồi dài đột ngột nổi lên trong thảo nguyên. Giữa những ngọn đồi ấy, sông Kara Tsêkrak chạy thẳng băng ra sông Đniep như một mũi tên, giống một con sông đào nhiều hơn là một dòng sông nhỏ, và trên bờ cao của nó, cảnh sắc thật là ngoạn mục. Những tường thành cao, bờ thành xẻ hình răng chừa lỗ bắn súng và sau thành là cả một đồng lộn xộn những lâu đài trà trộn những mái nhà nhọn và khum tròn, trong tháp còn chuyển động những con quay gió, song các cửa sổ đều mở toang hoác như bao nhiêu lỗ hồng đen ngòm và trống rỗng, tương phản nặng nề với nét linh hoạt bay bướm của một công trình tạo tác phóng túng theo lối moro^[149] ărập.

Vượt qua cái cổng, dưới chân một ngọn tháp hai tầng trở thùng, xe chúng tôi vào một cái sân rộng mông mênh lát đá vuông. Giữa các kẽ đá, lờm chờm mọc lên một cách trơ tráo buồn bã những thân cỏ dại ukren, khô cằn và run rẩy vì băng giá. Bò, lợn và dê đã làm cho sân đầy ngập ngựa những thứ quái quỷ gì chả biết.

Chúng tôi bước vào tòa lâu đài thứ nhất. Ở đây chẳng còn lại cái gì hết thảy, trừ phi là những luồng gió nặng mùi vôi vò, nằm lê trên đồng rác, một pho tượng Vệ-nữ đảo Milô^[150] bằng thạch cao, mà ngoài cánh tay ra còn thiếu cả hai chân nữa. Trong các lâu đài khác, cũng cao và đẹp như thế, ảnh hưởng của cách mạng cũng được cảm thấy mạnh mẽ như vậy. Với con mắt thành thạo của người khôi phục, tôi tính toán các phí tổn tu sửa. Chẳng có gì đáng ghê sợ cả: cửa sổ, cửa thông, làm lại sàn, trát lại tường. Có thể miễn phục hồi tượng Vệ-nữ đảo Milô; cầu thang, trần nhà, lò sưởi, các thứ đều còn nguyên vẹn.

Michia ít phàn tục hơn tôi. Chẳng có sự phá hoại nào dập tắt được nhiệt tình mỹ cảm của hắn. Hắn đi lang thang qua các phòng, các ngọn tháp, hành lang, sân lớn và sân con, kêu lên:

- Ô, trời đất ơi! Này, bác trông kia! Tuyệt thật, chứ không phải nói! Một nơi đẹp quá sức, có phải không bác Antôn Xêmiênôvich? Phải biết, bọn trai tha hồ mà khoái chí! Tuyệt thật, chứ không phải nói, tuyệt thật! Liệu có thể chứa bao nhiêu trẻ ở trong này nhỉ? Có lẽ đến một nghìn đấy!

Theo tôi dự tính, thì có đủ chỗ cho tám trăm.

- Và liệu ta có kham nổi không? Tám trăm, mà lại còn là những cửa ở ngoài đường phố đưa đến. Tất cả các đội trưởng của ta thì đi lên trường trung học công nông cả...

Liệu có kham nổi hay không, thì chúng tôi chưa có thì giờ nghĩ đến. Chúng tôi nhìn xa hơn. Trại của công xã đặt trong một cái sân đen xạm, và việc quản lý hết sức cầu thả. Chuồng ngựa, dài vô kể, chỉ là một chuồng phân, và trên các đồng hôi thối ấy những con ngựa xấu cổ điển đứng giờ xương ra như những chiếc đũa, mông bần thiêu, nhiều con đã trụi lông, và tất cả đều đã từ lâu không được săn sóc, ở rơm cũng không có. Gió lùa tứ phía, qua các lỗ thùng của cái chuồng lợn rộng bát ngát. Ít lợn, mà toàn là lợn chẳng ra hồn. Trên các mô đất băng giá ở ngoài sân, dựng lên hay để ngổn ngang trên mặt đất,

chợ vợ không ai nhòm ngó đến, nào xe tải, nào máy gieo hạt, nào bánh xe, nào các bộ phận tháo rời và bao trùm lên tất cả như một lớp sơn dầu, là một lối cô tịch man rợ và tê liệt. Chỉ có ở chuồng lợn là thấy một ông lão nhỏ bé khăng khiu, hắt chòm râu bản về phía chúng tôi mà bảo:

- Nếu có phải là các người tìm phòng giấy, thì đi vào kia kìa, trong cái nhà lúp xúp đó.
- Thế lợn của cụ đâu? Michia hỏi.
- Anh bảo sao cơ?... Hà, hà!... lợn ở đâu ấy à?

Ông già vừa giậm chân tại chỗ vừa đưa những ngón tay trong bóng lên rìa mép, rồi nhìn về phía các ngăn chuồng. Rõ ràng là câu hỏi của Michia có một tính cách ngoại giao quá cao đối với ông. Nhưng ông mạnh dạn vung tay lên, quả quyết:

- Đây này... họ ăn cả rồi, lợn của họ ấy, họ ăn cả rồi, những quân đều thế!
- Ai kia?
- Còn ai vào đây nữa? Những người của chúng tôi, họ ăn cả lợn rồi... công xã ấy mà ỉ...
- Thế cụ nội ơi, cụ cũng tham gia công xã chứ?
- Hề, hề, chú em ạ, lão tham gia công xã cũng như con bê tham gia một bày cừu ấy. Bây giờ, đưa nào to mồm nhất thì đưa ấy nắm quyền chỉ huy. Còn ông lão già, chúng nó có cho nếm mùi thịt lợn đâu. Thế các người đến đây có chuyện gì?
- Có công việc.

- Hà hà, có công việc à... Thế thì, nếu là có công việc, thì đi đi, họ họp ở trong đấy... Họ ở đấy, họ đang họp, dĩ nhiên là thế, họ chỉ làm có một việc ấy thôi, họp với hành, còn ở đây thì...

Ông lão đang được đà nói, rõ ràng là sắp muốn dốc hết bầu tâm sự, song chúng tôi không có thì giờ.

Trong phòng giấy chật chội, ngồi trên các ghế dựa của địa chủ, đã ọp ẹp sắp phải thái, quả nhiên là mọi người đang họp. Qua làn khói thuốc lá mộc, khó mà nhìn rõ có bao nhiêu người họp, nhưng cứ nghe tiếng ồn ào thì có thể ước lượng có vào khoảng hơn hai chục người. Phiền cái rằng chúng tôi không được biết chương trình nghị sự, vì chúng tôi vừa bước vào, thì một người tóc loăn xoăn, râu đen, mắt tròn và hiền như mắt con gái, hỏi ngay chúng tôi:

- Vậy chứ các vị là ai?

Cuộc nói chuyện bắt đầu, thoát tiên với giọng quan thức, không thân thiện, rồi đượm màu ác cảm gay gắt, và mãi một hay hai tiếng đồng hồ sau mới chuyển sang một hướng thực tế đơn giản.

Té ra là tôi đã lầm. Công xã đang ốm nặng, nhưng không đành tâm chết, cho nên thấy chúng tôi là những kẻ xâm nhập ở đâu đến, tưởng chúng tôi là những người đào huyết chôn nó, nó nổi giận, đem hết sức tàn ra biểu lộ lòng ham sống của nó.

Có một điều rõ ràng: một nghìn rưỡi éc-ta là nhiều quá đối với công xa. Một trong các nguyên nhân nghèo khó của nó chính là ở chỗ thừa thãi của cái đó. Chúng tôi dễ dàng thỏa thuận với nhau là có thể chia ruộng đất. Công xã lại càng dễ dàng đồng ý hơn giao cho chúng tôi các lâu đài, các tháp và tường thành đất châu mai, với các tượng Vệ-nữ đảo Milô. Nhưng khi nói đến cái sân trại, thì tinh thần cả hai bên đều sôi nổi lên một cách gay go. Thậm chí Michia cũng không giữ được mình vượt ra ngoài vấn đề tranh chấp mà đề cập tới các chuyện cá biệt:

- Thế tại sao củ cải các ông còn chưa dỡ?

Ông chủ tịch đáp:

- Này chú, chú còn ít tuổi quá, chưa đủ kinh nghiệm nói chuyện củ cải với chúng tôi đâu nhé.

Mãi đến khuya chúng tôi mới thỏa thuận được với nhau về điểm đó. Michia nói:

- Tại sao chúng ta lại cứ cãi nhau mãi như những con lừa ấy thế nhỉ? Ta có thể xây một cái tường thấp ngăn sân ra.

Ấy thế là mọi người đồng ý.

Trở về trại Gorki bằng cách nào, thì nay tôi không còn nhớ nữa, nhưng chắc chắn là chúng tôi như được chấp cánh mà bay. Báo cáo tường thuật của chúng tôi ở cuộc họp toàn thể trại viên được đón nhận bằng một tiếng hoan hô vang dậy xưa nay chưa từng có. Họ tung chúng tôi lên trời, cả Michia lẫn tôi; chỉ thiếu suýt nữa là kính của tôi bị vỡ, còn Michia cũng bị đập gãy một cái gì đó, mũi hay trán không biết.

Một kỷ nguyên hạnh phúc thật sự bắt đầu ở trại. Suốt trong ba tháng, các trại viên chỉ có sống với những kế hoạch. Brêgen, trong một chuyến đến thăm trại, đã phải trách tôi:

- Ông Makarenkô, ông nuôi dạy những con người thế nào, những anh chàng mơ mộng à?

Những anh chàng mơ mộng, được. Chữ “mơ mộng” chẳng làm cho tôi thích thú gì. Nó sặc mùi “mơ mộng” và có lẽ còn tệ hơn nữa. Song có những mơ mộng và mơ mộng: mơ mộng một chàng kỵ sĩ ngồi trên con ngựa chiến thắng là một chuyện, và mơ mộng có tám trăm đứa trẻ trong một trại nhi đồng lại là chuyện khác. Trong khi chúng tôi sống ở những căn nhà trại lính chật chội, chúng tôi chẳng đã mơ ước những phòng cao ráo sáng sủa đó ư? Vừa quần giẻ rác vào chân, chúng tôi vừa mơ ước được có giày đi như những con người. Chúng tôi đã mơ ước trường trung học công nông, đoàn Kômxômôn, chúng tôi đã mơ ước con Hảo-hán và một đàn bò giống Ximmentan. Khi tôi mang về hai con lợn con giống Anh, đựng trong một cái bao tải, thì một trong những người mơ mộng của trại, cậu bé oắt Vania Sêlaputin, đầu bù xù chưa được húi, hai tay đem xuống đất, ngồi vắt vẻo trên cái ghế dài cao mà vừa ngo ngậy đôi cẳng vừa ngược mắt nhìn lên trần:

- Thế này là chỉ mới có được hai con lợn con. Thế rồi, chúng ta sẽ cho nó đẻ ra bao nhiêu nữa, và bao nhiêu nữa. Và rồi trong... năm năm, chúng ta sẽ có một trăm con lợn. Ôi, dà dà! Tôxka ơi mày nghe không, một trăm con lợn!

Và chú bé mơ mộng, của chúng tôi, với Tôxka, cứ là cười không dứt, làm át cả những câu chuyện đứng đắn trong phòng giấy tôi. Vậy mà bây giờ chúng tôi có đến hơn ba trăm con lợn, và chả ai nhớ đến điều mơ ước của Sêlaputin hết thấy.

Sự khác nhau chủ yếu giữa phương pháp giáo dục của ta và phương pháp giáo dục tư sản có lẽ là ở chỗ, dưới chế độ của ta, tập thể nhi đồng bắt buộc phải được lớn lên và giàu thêm ra, nó phải trông thấy trước mặt nó một ngày mai tốt đẹp hơn và đi tới đó, khoái hoạt vươn tới mục đích chung, trong một ước mơ vui vẻ và kiên trì. Có lẽ cái biện chứng pháp sư phạm chân chính là ở chỗ đó.

Vì thế cho nên tôi không hề mảy may kìm hãm sự mơ ước của các trại viên và lại theo đà ước mơ cùng với họ, có lẽ đi xa quá chẳng. Song đó là một thời kỳ sung sướng, mà tất cả các bạn thân của tôi đều còn giữ lại cái kỷ niệm rạng rỡ và Maxim Gorki cũng mơ ước với chúng tôi, vì các thư của chúng tôi đều nói chi tiết cho ông biết mọi việc ở trại.

Ở trại chỉ có một vài người là không vui mừng và cũng không mơ mộng, trong số đó có Kalina Ivanôvich. Bác ta có tâm hồn trẻ trung vẫn chưa là đủ. Chính Kalina Ivanôvich đã nói:

- Anh đã thấy một con ngựa tốt thì sợ một chiếc xe ô-tô như thế nào đấy. Là bởi vì nó muốn sống, đồ ăn hại thế. Còn như một con ngựa già rồi thì chẳng sợ ô-tô cũng chẳng sợ quý, bởi vì đối với nó cái gì cũng rứa mà thôi: tiểu mạch hay yến mạch đối với nó cũng chẳng khác gì nhau, như người Bạch Nga nói vậy.

Tha hồ cho tôi yêu cầu Kalina Ivanôvich và bọn trai van xin bác cùng đi với chúng tôi bác ta vẫn khẳng khái một mực:

- Tôi bây giờ, thì tôi chẳng sợ cái gì hết cả, và các chú thì không cần đến những của ăn hại như tôi. Tôi đã cùng đi với các chú một quãng đường, thế là đủ rồi! Và bây giờ thì về hưu thôi. Dưới chính thể xô-viết, sống lổi đại lẫn, lổi lão già rút rút cũng thú vị lắm...

Vợ chồng Ôtxipốp cũng tuyên bố rằng họ sẽ chẳng theo trại đi đâu hết thấy; rằng họ ném mùi cảm xúc mạnh đã đủ lắm rồi.

- Chúng tôi là những con người đơn giản, – Natalia Mackôpna nói. – Chúng tôi cũng chẳng hiểu được tại sao bác lại cứ cần phải có tám trăm trẻ nuôi. Nói thật với bác, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác ôm lấy cái việc này thì rồi bác sẽ gãy cổ thôi.

Tôi ngâm lên để trả lời: “Ta ca ngợi lòng hăng say dũng cảm”.[\[151\]](#)

Bọn trẻ vừa cười vừa vỗ tay hoan hô, song cách đó chẳng làm sồn lòng được vợ chồng Ôtxipốp. Xilanti an ủi tôi:

- Thì đó, cứ để mặc cho họ ở đây. Anh Antôn Xêmiônôvich ạ, anh chỉ muốn thắng tuốt cả mọi người vào xe xơn-ky, như người ta nói. Thì đó, một con bò cái có được tích sự gì trong chuyện ấy, mà anh cũng cứ muốn ấn nó cho kỳ được vào dây thắng.

- Thế còn bác, Xilanti Xêmiônôvich, bác có thắng vào đây được không?

- Vào đâu?

- Thì vào xe xơn-ky ấy?

- À tôi, thì đó, anh muốn thắng tôi vào đâu cũng được, dù là ngay dưới yên của Bưđionny cũng không sao. Bọn đều cẳng đã huấn luyện tôi, anh hiểu không, đi chở thùng nước, song cái đồ sâu bọ ấy đã không nhìn thấy tôi là con ngựa chiến giỏi như thế nào!

Xilanti héch mũi lên hít gió như ngựa, và nói thêm hơi muộn màng một chút:

- Anh xem, chuyện trò thế đấy.

Hầu hết các giáo viên, với Xilanti, Kôdia, Êlitxốp, bác thợ rèn Gôđanôvich, cũng như tất cả các chị thợ giặt, các chị cấp dưỡng và cả đến các bác thợ xay bột cũng đều quyết định đi với chúng tôi, việc đó có thể nói là khiến cho cuộc di cư của trại có một tính cách thân mật vững dạ.

Trong khi ấy thì công việc ở Khackốp tiến hành không được tốt. Tôi thường đi lên đấy luôn. Ủy ban Giáo dục nhất trí ủng hộ chúng tôi. Ngay đến Brêgen cũng đã để tự cho điều mơ ước của chúng tôi quuyền rũ, mặc dầu trong thời kỳ ấy bà ta không chịu gọi tôi bằng cái tên gì khác hơn là anh chàng Đôn Quisétto[\[152\]](#) ở Zakôrôjiê.

Hơn nữa, ủy ban Nông nghiệp, khi nói tới chúng tôi, thường vẫn bĩu mỏ lên như cái phao câu gà mái và làm lẫn tên một cách khinh miệt: trại Gorki, trại Kôrôlenkô, trại Septsenkô, ấy thế mà sau cùng cũng nhượng bộ: thì đấy, Ủy ban nói, các anh lấy tám trăm đêxiatin với điền trang Pôpốp đi, rồi đừng phiền quấy chúng tôi nữa.

Những người thù địch của chúng tôi thì không công nhiên dàn thành thế trận mà mai phục đánh chúng tôi. Tôi hùng hổ nhảy xổ vào tấn công họ, những tưởng giáng một đòn cuối cùng thắng lợi, rồi sau đó chỉ còn có việc thổi kèn khai hoàn. Bất đồ chống lại tôi, có một người bé tí xiu, mặc áo vét ngắn chặt căng, từ trong bụi rậm nhô ra. Hắn ta chỉ nói có vài tiếng, ấy thế là tôi bị đánh tơi bời, vất cả khí giới lẫn cờ xí, chạy té lui, xô đẩy hàng ngũ các trại viên đã được huy động tiến lên.

- Ủy ban Tài chính không thể nào đồng ý chuyện thu xếp ấy được! Cho các anh ba vạn rúp để sửa

chữa một tòa lâu đài mà chả ai biết dùng làm gì. Trong khi các trại nhi đồng của các anh thì vẫn còn bị hủy nát nguyên đấy.

- Nhưng không phải chỉ có chuyện sửa chữa mà thôi: bản dự toán còn gồm cả tiền mua nông cụ và phí tổn vận chuyển.

- Chúng tôi biết rồi, chúng tôi biết rồi: tám trăm đêxiatin, tám trăm trẻ vô thừa nhận và tám trăm con bò côi: thời kỳ làm ăn bỏ như thế đã kết thúc rồi. Chúng tôi đã cấp cho bên ủy ban các anh không biết bao nhiêu triệu, mà xoay xở thế nào cũng có thấy ra cái trò giống gì đâu! Chúng nó ăn cấp hết, đập phá hết rồi bỏ trốn.

Và cái con người bé tí xiu ấy dậm chân lên ngực của ước mơ chúng tôi, cái ước mơ linh hoạt và đẹp đẽ là thế, mà ngờ đâu bỗng chốc té nhào. Bị đè dưới gót chân ấy, tha hồ cho nó khóc và kêu van rằng nó là ước mơ của các trại viên Gorki đây, mặc kệ: nó cứ chết.

Thế là, buồn rầu trở về trại, lòng quặn đau vì ưu uất, tôi nhớ lại: ở nhà trường, đã giảng một loạt bài với đề tài: “Công tác nông nghiệp của trại ở Zapôrôjiê”. Sêrê đã hai lần đi thăm điền trang Pôpôp. Anh ta đã lập ra và trình bày cho các trại viên nghe một bản kế hoạch kinh tế choáng lộn những kim cương, ngọc bích, hồng ngọc, ở trong đó lung linh sáng chói lên những máy kéo, bò cái hàng trăm, cừu cái hàng nghìn, gà vịt hàng chục vạn, bơ với trứng xuất cảng sang nước Anh, lò ấp trứng, máy phân ly, vườn cây quả.

Ừ, vừa mới tuần lễ trước, cũng ở Khackôp trở về như hôm nay, bọn trẻ phấn khởi còn đồ xô ra đón tôi, chúng đã lôi tôi ở xe ra với những tiếng kêu gọi như ri:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ơi! Bác Antôn Xêmiônôvich! Con Zorka vừa đẻ một con ngựa con! Bác đến mà xem, bác đến xem đi! Không, bác đi ngay cơ!...

Chúng đã lôi tôi đến chuồng ngựa, ở đây chúng vây tròn chung quanh con vật nhỏ lông vàng óng, còn ướt và run rẩy. Chúng mỉm cười lặng lẽ và chỉ có một chú trong bọn nói với cả tâm hồn:

- Các cháu đã đặt tên cho nó là con Zapôrôgơ...

Hỡi các con nhỏ thân yêu! Các con sẽ không được đẩy chiếc cày trên Nôi cỏ Lớn đâu, không được sống ở đây trong một tòa lâu đài thần thoại, kèn đồng của các con sẽ không được thổi ở trên các đỉnh tháp Morey, và các con đã hoài công đặt cho con ngựa nhỏ vàng óng kia cái tên là Zapôrôgơ.

17. PHẢI TÍNH NHƯ THẾ NÀO

Cái đòn của con người ở Tàì chính là một đòn rất nặng. Các trại viên rất lấy làm buồn; những kẻ ác ý hí lên cười khoái trá, còn tôi thì mất phương hướng thật sự vì thế! Tuy nhiên không ai còn có ý nghĩ rằng chúng tôi có thể ở lại trên bờ sông Kôlômak hết. Đến ngay ở ủy ban Giáo dục người ta cũng cảm thấy ý chí của chúng tôi không thể nào chuyển được, và cũng đành chịu vậy; ở ngoài ấy, người ta chỉ còn đặt vấn đề theo hướng này thôi: cho chúng tôi đi đâu?

Vì thế mà tháng hai và tháng ba là một thời kỳ rất phức tạp. Sự thất bại của dự án Zapôrôjiê đã dập tắt những tia lửa cuối cùng của cái hy vọng đẹp đẽ đắc thắng của chúng tôi, nhưng ngược lại một tin tưởng bền vững đã ăn sâu vào lòng tập thể. Không có tuần lễ nào qua mà hội nghị toàn trại không đem ra bàn một đề nghị nào đó. Trong các thảo nguyên rộng mênh mông của xứ Ukren, còn có rất nhiều nơi vô chủ hoặc ở vào tay những chủ xấu. Các bạn thân của chúng tôi ở ủy ban Giáo dục, các tổ chức Kômxômôn, những người quen thuộc cũ ở hàng xóm, các cán bộ kinh tế chúng tôi có quan hệ xa trên công tác, cứ lần lượt mách tên những nơi ấy cho chúng tôi. Sêrê, bọn trai và tôi, chúng tôi đi rất nhiều trong thời kỳ đó, đi trên những đường lớn đường nhỏ, đi xe lửa hay ô-tô, đi với con Hảo-hán hay với những ngựa thường, ngựa xấu của các thứ xe địa phương.

Song các trinh sát viên của chúng tôi chỉ đem được sự mệt nhọc trở về trại; ở các buổi họp toàn trại, các trại viên nghe họ với bộ mặt lạnh lùng của những con người lo công tính việc, rồi ai lại đi làm việc nấy, đem câu hỏi khó chịu họ nghĩ đến trước hết ra hỏi báo cáo viên:

- Ở đây có chỗ cho bao nhiêu người ở? Một trăm hai mươi à? Chả mùi gì!

- Tỉnh nào? Piriatin à? Hảo cả!

Chính các báo cáo viên cũng mừng vì câu kết luận ấy, vì trong thâm tâm họ chỉ sợ nhất là hội nghị nhớ lại thích thú về một điểm gì chẳng.

Cứ như thế mà đi qua trước mắt chúng tôi nào là điền trang Xtaritxki ở Vanki, nào một tu viện ở Piriatin, một tu viện khác ở Lupny, một lâu đài của các vương hầu Kôtsubây ở Bikanka và còn tòa nhà tồi tàn nào khác tôi cũng không biết nữa.

Có nhiều nơi khác được nói đến tên nhưng bị bác bỏ ngay vì bị coi như là không đáng đi thăm. Trong số đó, có Kuriajê, trại nhi đồng ở ngay cổng thành Khackôp, mà cứ theo lời đồn thì số bốn trăm trẻ nuôi ở đây đã lâm vào một tình trạng hoàn toàn đồi bại. Hình ảnh một trại nhi đồng đang tan rã có một cái gì hết sức là ghê tởm đối với chúng tôi, cho nên ý kiến nêu ra về Kuriajê vừa mới xuất hiện đã vỡ tan ngay thành những bọt bóng nhỏ.

Một lần, nhân một chuyến đi Khackôp, tôi gặp một cuộc họp của Ban bảo vệ nhi đồng chính đương thảo luận về tình hình trại Kuriajê, đặt dưới sự bảo trợ của nó. Ông thanh tra Giáo dục, Iuriep, báo cáo với một giọng khô khan bức tức, bằng những lời có tính vắn tắt và cô đọng, nó càng làm nổi bật tình trạng phi lý và đáng giận ở đó. Bốn mươi giáo viên và bốn trăm trẻ nuôi của trại được trình bày với thánh giả như thể mỗi người là một bài thơ châm biếm nhạo báng nhân loại, xuất phát từ trí tưởng tượng suy đốn của một gã kỳ quái nào lấy làm sung sướng được bôi nhọ và lại còn ghét đời là khác nữa. Tôi sẵn sàng muốn đập nắm tay lên bàn mà kêu lên:

- Không thể nào có như thế! Vu cáo!

Song Iuriep cho tôi cái ấn tượng một người vô cùng vững chắc, và qua giọng nghiêm túc lễ độ của báo cáo viên có toát ra nỗi buồn áp ủ từ lâu của con người trong ngành Giáo dục, mà tôi không có một mảy may lý do gì nghi ngờ hết thảy. Iuriep tự cảm thấy xấu hổ trước mặt tôi và thỉnh thoảng cứ liếc nhìn như kiểu một người nhận thấy quần áo mình có phần lồi thối. Sau buổi họp ông ta đến tìm

tôi và nói:

- Đem phơi bày tất cả những cái bẩn thỉu ấy trước mặt ông, quả thật là xấu hổ. Sự thực, người ta chẳng đã kể chuyện rằng, ở trại ông, nếu một trại viên đến phòng ăn chậm mất năm phút, thì ông liền phạt giam hấn hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chỉ cho ăn bánh mì sưng với uống nước lã thôi, và hấn ta mỉm cười mà nói: “Rõ!”.

- Không, chuyện không phải như thế đâu. Nếu tôi mà áp dụng một phương pháp hay ho như vậy, thì ông sẽ lại phải dành cho trại Gorki một bản báo cáo đại khái cũng như kiểu bản báo cáo ông đã làm hôm nay vậy.

Iuriep và tôi nói chuyện, thảo luận với nhau. Ông ta mời tôi cùng dùng bữa, và ăn xong, bảo:

- Nay ông! Tại sao ông lại không nhận lấy Kuriajê nhỉ?

- Ở đây có cái gì là tốt? Vả chẳng đã đủ số trẻ rồi.

- Sao lại đủ số? Chúng tôi sẽ giải phóng đi một trăm hai mươi chỗ cho các trẻ nuôi của ông.

- Tôi không thích thế! Một công việc bẩn thỉu. Vả lại, các ông sẽ chẳng để yên cho tôi làm việc nào.

- Có chứ! Vậy ra ông sợ chúng tôi đến thế kia à! Chúng tôi sẽ để cho ông toàn quyền hành động: ông muốn làm gì thì làm. Cái trại Kuriajê ấy: thật là kinh người. Ông thử nghĩ xem, ở ngay cửa ngõ thủ đô, một cái tổ chứa kẻ cướp như thế! Hấn là ông đã nghe nói chuyện về nó rồi. Chúng nó ăn cướp trên đường cái! Chỉ riêng ở trại thôi, chúng nó đã ăn cắp các thứ thành tiền mười tám nghìn rúp trong bốn tháng.

- Nghĩa là phải thải hết thầy nhân viên.

- Không, sao lại thế chứ! Ở đây có những người công tác rất tốt.

- Gặp trường hợp như vậy, tôi chủ trương sát trùng triệt để.

- Được, ông cứ việc, ông thải đi, ông đuổi đi!

- Nhưng không, chúng tôi sẽ không đến Kuriajê đâu.

- Nhưng ông chưa đến thăm nó kia mà?

- Có thể.

- Nay, ông hãy ở lại ngày mai nữa, chúng ta sẽ kéo Khalabuda đi cùng và chúng ta đến thăm nhé.

Tôi đồng ý. Hôm sau, cả ba chúng tôi đến Kuriajê. Tôi đi tới đó, mà không tiên cảm thấy rằng tôi sắp chọn ở đây đất chôn cái trại của tôi.

Đi với chúng tôi có Khalabuda, Xudô Kacpôvich, chủ tịch Ban bảo vệ nhi đồng, ông ta ngay thẳng chủ trì cơ quan đó, bây giờ bao gồm có những nhà gửi trẻ không được tốt và những trại nhi đồng đang tan rã, với những cửa hàng thực phẩm, rạp chớp bóng, hàng bán đồ đan mây, vườn trò chơi, nhà quay xổ số và các phòng kế toán. Trên người Xidô Kacpôvich bám đầy những ký sinh trùng: nhà buôn, người rao hàng, hồ lý, những kẻ lường gạt, lừa đảo, cờ bạc bịp, biển thủ, và tôi chân tình muốn tặng ông ta một chai thuốc kê-din lớn. Đã từ lâu ông phải nghe nhảm tai những ý kiến người ta gởi cho ông từ phía – về mặt kinh tế, giáo dục, tâm lý, vân vân và vân vân – cho nên cũng đã từ lâu ông không còn hy vọng hiểu nổi tại sao trong các trại của ông chỉ thấy cảnh xơ xác, với hiện tượng bỏ trốn đã thành cố tật, chuyện ăn cắp ăn nài và những lối sống du côn đều giả. Ông ta đã quen với những sự thực ấy, nhất định tin rằng đưa trẻ vô thừa nhận là hiện thân toàn vẹn của bảy tội trọng và về tấm lòng nhân đức quảng đại của ông ngày trước, nay ông chỉ còn giữ lại được có sự tin tưởng ở một tương lai tốt đẹp hơn và tin tưởng vào lúa hắc mạch.

Đặc điểm tính cách sau cùng này của ông, mãi về sau tôi mới được rõ, còn lúc bây giờ, ngôi ô-tô, tôi cứ nghe ông nói chuyện mà không hề mảy may ngờ vực gì cả.

- Mọi người cần phải có lúa hắc mạch. Nếu có được, thì chẳng sợ xảy ra điều gì tệ hại hết. Nếu họ không có bánh mì, thì dạy cho họ biết... Gôgôn có ích lợi gì đâu, anh có hiểu không? Anh hãy cho chúng nó lúa hắc mạch đã, rồi sau đó, anh có thể ấn vào tay chúng một quyển sách... Đây này, những quân kẻ cướp ở ngoài trại không biết gieo lúa hắc mạch, nhưng về môn ăn cắp thì chúng biết lắm.

- Chúng xấu lắm à?

- Những quân ấy ư? Ồ, một bầy vô lại, anh ạ! Có thằng đến tìm tôi: – Bác Xiđô Kacpôvich, bác cho tôi xin năm ti [11531](#) tôi cần mua thuốc hút. Tất nhiên là tôi cho nó, ấy thế rồi được một tuần lễ nó lại đến: – Bác Xiđô Kacpôvich, bác cho tôi năm rúp. – Kìa, tôi đã cho chú rồi thôi? – tôi bảo nó. – Đúng thế, – nó nói, nhưng đây là để mua thuốc lá chứ, còn bây giờ bác cho tôi để mua rượu vôtka...

Xe chúng tôi đi một mạch khoảng độ sáu cây số, trên con đường cát chán ngắt, rồi leo lên một ngọn đồi và vào qua những cánh cổng trúc sơn của một tu viện. Giữa một cái sân tròn, lù lù khối bất thành hình của một cái nhà thờ, cổ thì có cổ nhưng không vì thế mà bớt xấu gớm ghiếc; ở đằng sau, một cái gì có hai tầng gác, và chạy vòng bao quanh là những chái nhà dài, thấp, có những bậc tam cấp đã mục nát đến một nửa. Đứng hơi biệt lập, trên bờ khe là một lũy xá bằng gỗ đang xây dựng lại. Tản mát ở các góc ngách, náu hình những ngôi nhà con, xưởng trống nhỏ, nhà bếp, chẳng biết xây dựng bằng cái gì, cả một mớ những thứ linh tinh chất đông lại qua ba thế kỷ dòng tu. Điều khiến tôi chú ý nhất, là cái mùi xông lên ở trại: mùi phức tạp của các nhà xí, mùi xúp bắp cải, mùi phân và mùi... hương. Trong nhà thờ, người ta đang hát. Trên các bậc ở lối vào có những bà già khô khảnh và dễ ghét, hẳn là đang ngòi nhớ lại những thời kỳ sung sướng được có người để xin bố thí. Nhưng các trại viên thì tuyệt nhiên không thấy bóng.

Ông giám đốc, người tàn tạ và xám ngoét, nhìn chiếc xe Fiat của chúng tôi với vẻ buồn rầu, vỗ tay lên cánh xe và dẫn chúng tôi đi thăm trại. Coi vẻ ông đã quen đưa khách đi xem trại, không phải để cầu vinh dự mà là cảm chắc sự chệch bại và ông đã biết rất rõ những con đường cực khổ mà ông phải đi rồi.

- Đây là phòng ngủ của nhóm thứ nhất, – ông ta vừa nói vừa bước qua cái chỗ trước kia có một cánh cửa, bây giờ chỉ còn lại khung trống và ngay đến khuôn cửa cũng không còn. Cũng không gặp trở ngại gì cả, chúng tôi bước qua một ngưỡng cửa thứ hai để ngoặt sang tay trái vào một hành lang. Bây giờ tôi mới hiểu rằng không có gì ngăn cách hành lang ấy với một bầu không khí trước kia trong lành tươi mát. Có nhiều thứ chứng minh điều đó, đặc biệt là những dòng tuyết chảy ở các chân tường, xám xịt bụi cát.

- Nhưng làm thế nào mà lại... không có cửa? – tôi hỏi.

Ông giám đốc cố gắng tỏ cho chúng tôi thấy là xưa kia ông cũng biết mỉm cười, và cứ tiếp tục đi. Iuriep lớn tiếng nói:

- Các cửa đã bị đốt từ lâu. Mà nào phải chỉ có cửa mà thôi đâu! Bây giờ chúng dỡ cả sàn nhà đi, để đốt; chúng đã đốt cả những mái hiên cửa các nhà kho và lại một phần các xe tải nữa.

- Thế củi đâu?

- Có mà quý biết tại sao chúng không có củi! Ngân sách đã cấp cho chúng tiền mua củi.

Khalabuda xì mũi và nói:

- Củi thì chắc chắn là còn. Chúng không muốn cưa, cũng không muốn bở, và không có tiền để thuê người làm thay. Chúng có củi đấy, những đồ chó chết... Ông xem chúng như thế đó: những quân ăn

cướp!

Sau cùng chúng tôi đi tới một cánh cửa thực sự, đóng kín ở lối vào một phòng ngủ. Khalabudá đá chân vào đó và cửa bung ra ngay tức khắc, vì cửa chỉ được giữ lại vì thanh sắt đóng trên nỏ bản lề phía dưới và suýt nữa nó đổ rầm vào đầu chúng tôi. Khalabudá giơ tay ra đỡ lấy cửa và phá lên cười:

- Không đâu nhé, con mẹ phù thủy già ạ, đã có một lần tao biết mày rồi...

Chúng tôi bước vào phòng ngủ. Trên các giường cấu ghét hư hỏng, và trên những đồng giẻ rách đáng vứt vào thùng rác, có những đứa trẻ vô thừa nhận đang ngồi, những đứa trẻ đầy đủ mọi vẻ là vô thừa nhận thật sự, co ro cổ quần lấy những tã nát đỏ cho ấm người lên. Gần một cái lò sưởi đã róc sơn, co hai đứa đang lấy riêu bỏ một tấm ván vừa mới được sơn vàng, cứ nhìn gỗ thì đủ biết. Rác rưởi bừa bãi trong các xó và cả trên các lối đi. Ở đây cũng có những mùi như ở ngoài sân, trừ mùi hương.

Chúng nhìn theo chúng tôi nhưng không một đứa nào quay đầu lại. Tôi nhận thấy rằng tất cả những đứa trẻ vô thừa nhận này đều đã quá mười sáu tuổi.

- Những đứa lớn nhất đây phải không? – tôi hỏi.

- Vâng, đây là nhóm thứ nhất của trại, những đứa nhiều tuổi nhất, – ông giám đốc nhã nhặn giải thích.

Từ một góc xa, có đứa nào nói to lên bằng một giọng ồm ồm:

- Các ông đừng tin những lời họ nói! Họ nói láo tuốt cả đấy!

Ở đầu phòng đằng kia chúng nói không e nể gì cả và cũng chẳng buồn nhân mạnh chút nào:

- Họ cứ đưa đi xem... có cái gì mà đưa đi xem ở đây chứ? Giá họ đưa đi xem những thứ mà họ đã ăn cắp thì tốt hơn.

Chúng tôi không chú ý gì đến những lời nói ấy, trừ có Iuriep đỏ mặt nhìn trộm tôi.

Chúng tôi đi ra ngoài hành lang.

- Ngôi nhà này có sáu phòng ngủ, – ông giám đốc nói – Có phải đưa các vị xem cả không?

- Ông dẫn chúng tôi đến các xưởng, – tôi yêu cầu.

Khalabudá, hứng khởi lên, kể chuyện dài dòng ông đã làm cách nào mà mua được những cái máy tiện.

Chúng tôi lại đi ra sân. Đi ngược về phía chúng tôi, một đứa trẻ lúng túng trong cái áo “tổ đĩa” nhảy từ mô đất này sang mô đất khác, cố tránh giẫm những bàn chân đế trần và đen thui của nó vào những rạch tuyết. Tôi giữ nó lại, để cho những người khác cứ việc đi.

- Chạy đi đâu thế, cháu?

Nó đứng lại và ngẩng đầu lên:

- Cháu ấy à? Cháu đi xem thử có phải người ta sắp đưa chúng cháu đi khỏi đây không.

- Đi đâu chứ?

- Có đứa bảo rằng người ta sắp gửi chúng cháu đi đâu đó.

- Thế ở đây không tốt ư?

- Ở đây không thể sống được nữa, – đứa bé nói nhỏ với một giọng buồn, và đưa vạt áo lên gãi tai. – Ở đây có thể chết cóng được... thế rồi lại còn bị đánh.

- Ai đánh các cháu?

- Tất cả mọi người!

Đây là một thằng bé thông minh và xem chừng đã không bị vất vưởng ở đầu đường xó chợ. Đôi mắt to trong xanh của nó chưa đến nỗi bị ảnh hưởng vì những hiện tượng xấu xa của đường phố: một khi được tắm nó sẽ trở thành một đứa bé dễ thương.

- Nhưng tại sao người ta đánh các cháu?

- Họ cứ đánh thế đấy. Nếu mình không cho họ cái gì. Hay là đánh để cướp phần ăn của mình. Chúng cháu, là bọn trẻ con, đã từ lâu chúng cháu không đến bàn ăn nữa. Và lắm khi họ cướp cả đến bánh mì của mình... Hay là, nếu mình không ăn cắp... thì chúng nó bảo mình đi ăn cắp, nhưng mình không làm... Thế người ta sắp đưa chúng cháu đi, bác không biết à?

- Bác không biết đâu, cháu ngoan ạ.

- Người ta bảo là sắp sang mùa hè...

- Mùa hè thì có việc gì đến cháu, hử?

- Cháu sẽ đi.

Người ta gọi tôi đến thăm các xưởng. Tôi thấy hình như không thể nào rời bỏ đứa bé ngộ nghĩnh này đi mà không đem lại cho nó được một chút gì an ủi, nhưng nó đã nhảy chuyên từ mô đất nọ sang mô đất kia, về phía các phòng ngủ, ở đấy dù sao thì cũng ấm áp hơn.

Chúng tôi không làm thế nào vào thăm được các xưởng: một nhân vật bí hiểm nào đó giữ các chìa khóa và ông giám đốc tìm kiếm cách gì cũng không thể giải thích nổi điều bí ẩn ấy. Chúng tôi đành là chỉ nhìn qua các ô cửa sổ. Ở đấy có những máy gọt, máy tiện gỗ, và hai cái bàn thợ mộc, mười hai cái máy tiện tất cả. Xưởng giày và xưởng khâu, cột trụ và cơ sở của khoa giáo dục, thì đặt ở những nhà nhỏ riêng biệt.

- Ở trại ông hôm nay là ngày nghỉ hử?

Ông giám đốc không trả lời. Iuriep lại phải nhận lấy cái công việc khổ sai ấy:

- Ông Antôn Xêmiônôvich ạ, ông làm tôi ngạc nhiên đấy. Đáng lẽ ông phải hiểu mọi chuyện rồi mới phải, ở đây, nói chung, không có ai làm việc cả. Ngoài ra, dụng cụ lại bị lấy cắp. Không có nguyên liệu, không có điện lực, không có ai đặt hàng, chẳng có gì hết. Và chẳng cũng chẳng có ai biết làm việc cả.

Trạm máy điện của trại, mà Khalabuda cũng đã kể cho tôi nghe cả một lịch sử dài dòng, tất nhiên là không chạy: máy móc có một cái gì hỏng đó.

- Thế nào, còn nhà trường?

- Có một nhà trường, – lần này thì đích thân ông giám đốc nói cho tôi biết, – nhưng mà nhà trường... chúng tôi chưa đi tới chỗ đó...

Khalabuda lôi chúng tôi ra thăm cánh đồng. Chúng tôi ra khỏi cái vùng tròn quây kín bằng những tường dày hai thước, và trông thấy khoảng đất trũng lớn lòng chảo của một cái ao ngày trước, rồi tiếp đó, chạy dài cho đến tận khu rừng, là những cánh ruộng phủ một lớp tuyết nhỏ bị gió quét. Khalabuda dang tay ra như kiểu Napôlêông, và đắc thắng thốt lên:

- Một trăm hai mươi dêxiatin! Một cơ nghiệp lớn!

- Tiểu mạch mùa thu đã gieo chưa? – tôi vô ý hỏi.

- Tiểu mạch mùa thu à, có lắm chứ! – Khalabuda reo lên, sung sướng. – Ba mươi dêxiatin hắc mạch, hãy cứ tính là mỗi dêxiatin mười sáu tạ: bốn trăm tám mươi tạ, riêng chỉ có hắc mạch! Chúng nó sẽ không thiếu bánh mì đâu! Mà hắc mạch tốt biết chừng nào! Nếu mọi người đều cứ gieo hắc mạch, thì chẳng cần phải gieo thứ gì khác hết. Tiểu mạch là cái gì? Bánh mì hắc mạch, anh biết không, người

Đức ăn không được, người Pháp cũng thế.!. Nhưng ở nước ta, với bánh mì hắc mạch...

Chúng tôi đã trở lại xe rồi mà Khalubuda vẫn còn nói về hắc mạch. Mới đầu chúng tôi bực mình, nhưng sau cùng cũng thấy hay hay; người ta còn có thể nói những gì về lúa hắc mạch nữa nhỉ?

Chúng tôi bước lên ô-tô và ra về, được ông giám đốc cô đơn và bực dọc chào tiễn. Im lặng kéo dài cho tới Núi Lạnh. Xe đi qua chợ, Iuriep hát đầu chỉ một tốp trẻ vô thừa nhận:

- Những trẻ nuôi của trại Kuriajê... Thế nào, ông nhận lấy chúng chứ?

- Không.

- Nhưng ông sợ cái gì! Vì dù sao thì trại Gorki cũng là một trại trẻ con phạm pháp. Bề nào thì Ủy ban Ukren chẳng gửi tới cho ông đủ mọi thứ cần bả. Còn như ở đây chúng tôi cho ông những đứa trẻ bình thường.

Cả đến Khalabuda cũng phải bật cười lên trong xe:

- Bình thường, thế thì thôi!

Iuriep vẫn nói tiếp:

- Chúng ta đến ngay phòng bà Đjurinxkaia để nói về chuyện này. Ban Bảo vệ nhi đồng sẽ nhượng lại trại cho ủy ban Giáo dục. Cứ để Khackôp gửi những trẻ phạm pháp đến chỗ ông thì không tiện, mà thành phố lại không có trại nhi đồng của mình. Rồi nó sẽ phải có một cái trại ở đây, mà là trại tốt như thế nào; bốn trăm chỗ! Thế mới là đẹp chứ. Các xưởng ở đây không phải tồi đâu. Xiđô Kacpôvich, ông nhường trại cho chúng tôi chứ?

Khalabuda nghĩ ngợi:

- Ba mươi đêxiatin hắc mạnh, vị chỉ bốn mươi tạ hạt giống, Thế còn công lao động? Các ông sẽ trả tiền chứ? Nhưng sao lại không nhường trại cho các ông? Chúng tôi sẽ nhường.

- Ta đến phòng bà Đjurinxkaia đi, – Iuriep nhắc lại. – Chúng tôi sẽ chuyển đi nơi khác một trăm hai mươi đứa nhỏ nhất và để lại cho ông số hai trăm tám mươi đứa kia. Tuy chúng không thực sự là những trẻ phạm pháp nhưng sau khi được giáo dục ở trại Kuriajê thì chúng còn tệ hơn.

- Tại sao tôi lại đi lao mình vào cái hổ ầy nhỉ? – tôi bảo Iuriep. – Hơn nữa, còn phải tu sửa lại nó, dù là làm tạm. Như thế cũng tốn đến hai mươi nghìn rúp chớ không kém.

- Xiđô Kacpôvich sẽ cho ông số tiền ấy.

Khalabuda choàng tỉnh dậy.

- Hai mươi nghìn, để làm gì chứ?

- Nợ máu, – Iuriep nói. – để chuộc tội đấy.

- Sao lại hai mươi nghìn? – Khalabuda còn ngạc nhiên.

- Tu sửa, các cửa rã, dụng cụ, giường, quần áo, tuốt cả.

Khalabuda sa sầm nét mặt:

- Hai mươi nghìn! Với giá ấy, thì chúng tôi tự làm lấy hết mọi cái.

Ở phòng Djurinxkaia, Iuriép vẫn tiếp tục tuyên truyền. Liubôp Xavêliepna vừa nghe ông ta nói vừa mỉm cười và nhìn tôi một cách tò mò.

- Đó là một cuộc thí nghiệm đắt giá quá. Chúng ta không thể đem hy sinh trại Gorki được. Chỉ có nên đơn giản đóng cửa Kuriajê lại và phân phối bọn trẻ cho các trại khác thôi, và chẳng, Makarenkô cũng sẽ chẳng chịu đến Kuriajê nào.

- Không đến đâu, – tôi nói.
- Đó là lời cuối cùng của ông ư? – Iuriep hỏi.
- Tôi sẽ nói chuyện với các trại viên, nhưng có phần chắc là họ sẽ từ chối.

Khalabudza chớp chớp mi mắt.

- Ai sẽ từ chối?
- Các trại viên.
- Ông muốn nói... các trẻ nuôi của ông ấ ư?
- Vâng.
- Thì chúng hiểu gì về chuyện ấy?

Djurinxkaia đặt bàn tay lên cánh tay áo của Khalabudza:

- Bác Xidô của tôi ơi! Ở ngoài ấy họ hiểu hơn bác với tôi tất cả chúng ta cộng lại ấy. Tôi chỉ muốn nhìn bộ mặt của họ khi họ trông thấy trại Kuriajê của bác thôi.

Khalabudza hần học:

- Tại sao người ta lại trách cứ tôi: “Trại Kuriajê của bác”? Nó là của tôi đấy hử? Tôi đã cho các bác năm vạn rúp, và một cái động cơ, và mười hai máy tiện. Nhưng các giáo viên của các bác... Họ làm nghiệp vụ của họ không nên thân, thì tôi đây, tôi có trách nhiệm gì vào đấy chứ?...

Để mặc cho các bậc đại trí cao minh về khoa giáo dục xã hội ấy giắt giữ quần áo bẩn trong gia đình với nhau, tôi chạy ra xe lửa. Karabanôp và Zadôrôp đưa chân tôi ra ga. Sau khi nghe chuyện tôi kể lại, họ trầm ngâm suy nghĩ, mắt đăm đăm nhìn vào các bánh toa xe. Sau cùng Karabanôp nói:

- Quét dọn các nhà xí, đó chẳng phải là một vinh dự lớn gì cho các trại viên trại Gorki, nhưng làm thế quỷ nào được, cũng cần phải suy nghĩ về việc đó...

- Và chẳng chúng cháu cũng chẳng ở xa gì, chúng cháu sẽ giúp đỡ bác, – Zadôrôp vừa nói thêm vừa nhoẻn miệng mỉm cười, phô hết hai hàm răng. – Này cậu Xêmiôn này... chúng mình đi đi ngày mai chúng ta sẽ đến đó thăm.

Hội nghị toàn trại, cũng như tất cả các cuộc hội nghị toàn trại gần đây, nghe tôi báo cáo với một vẻ dè dặt suy nghĩ. Trong khi báo cáo, tôi tò mò lắng nghe cả chính mình. Tôi chợt có ý muốn đột ngột mỉm cười buồn bã. Có sự gì xảy ra thế vậy: cách đây bốn tháng, tôi là một đứa con nít hay sao, khi tôi cùng với các trại viên sôi lên sùng sục, đắc thắng chiếm lĩnh trước lấy những lâu đài Zapôrôgơ của chúng tôi? Trong bốn tháng đó tôi đã già giặn hơn lên hay là tôi chỉ có nghèo nàn đi thôi? Trong các lời lẽ, trong giọng nói của tôi, trong nét mặt tôi chuyển động, tôi cảm thấy rõ rệt một sự phân vân khó chịu. Suốt cả một năm trời chúng tôi bỗng bột sôi nổi mơ tưởng những khoảng trời cao rộng sáng sủa, vậy mà có thể tin được rằng nguyện vọng của chúng tôi sẽ tìm thấy sự thỏa mãn ở một cái trại Kuriajê buồn cười, và bẩn tưởi đó chẳng? Làm thế nào mà chính tôi đây, do bản thân tự thúc đẩy, tôi lại có thể nói chuyện với bọn trẻ về một tương lai không thể chịu được đến nước ấy? Có cái gì ở Kuriajê đáng cho chúng tôi xiêu lòng? Nhân danh những giá trị gì mà chúng tôi phải từ bỏ cuộc đời của chúng tôi, được tô điểm đẹp đẽ bằng các thứ hoa và con sông Kôlômak, bỏ những sàn nhà lát gỗ và trại áp đã phục hồi của chúng tôi?

Bản thuyết trình của tôi rất chân thực và hà tiện lời lẽ; tuy trong đó không thể xen vào được lấy một chữ nào gọi là có ánh sáng hết thảy, nhưng đồng thời tôi cũng cảm thấy từ những lời lẽ đó toát lên một tiếng gọi nghiêm nghị, lớn lao, mà chính tôi cũng thấy là bất ngờ, và ở đằng sau, xa xa, có ẩn một niềm vui còn e ấp và mơ hồ bất định.

Bọn trẻ thỉnh thoảng ngắt quãng bản báo cáo của tôi bằng một tiếng cười, đúng vào những chỗ mà tôi đã tưởng làm cho họ phải kinh ngạc. Họ nhin cười, đặt cho tôi những câu hỏi, rồi sau khi tôi đã trả lời, họ lại càng cười dữ. Đó không phải là tiếng cười của hy vọng hay của hạnh phúc, mà của sự nhạo báng.

- Thế bốn chục giáo viên làm gì?

- Tôi không biết.

Cười.

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác không tông vào mồm một đĩa nào ở ngoài ấy à? Xin thú thật, giá là tôi thì tôi không thể nào nhịn được.

Cười.

- Có một phòng ăn không?

- Có, nhưng vì tất cả các trẻ đều đi chân không, cho nên họ đem các xanh chảo lên phòng ngủ và họ ăn ở đấy!

Cười.

- Ai đem xanh chảo?

- Tôi đã không nhìn. Chắc là chính họ.

- Thay phiên nhau ư?

- Phải, có lẽ thế.

- Thế thì có tổ chức đấy!

Cười.

- Thế có đoàn Kômxiônôn không?

Lần này thì tiếng cười dâng lên tràn ngập, không đợi câu tôi trả lời.

Tuy nhiên, khi tôi báo cáo xong, tất cả mọi người đều nhìn tôi với một vẻ nghiêm trang và quan tâm suy nghĩ.

- Vậy ý kiến bác thế nào? Có người hỏi to lên.

- Tôi, thì tôi cũng nghĩ như các chú...

Lapô chăm chú nhìn tôi, rõ ràng là không hiểu ý tứ ra sao hết.

- Thôi được, phát biểu ý kiến đi... Thế nào? Tại sao anh em không nói? Khi nào anh em quyết định nói, hẳn là ý kiến phải hay.

Đonit Kutlaty giơ tay.

- À, Donit, nào xem cậu nói gì.

Với một cử chỉ theo thói quen dân tộc, Donit đưa tay lên sờ gáy, song chợt nhớ rằng nhược điểm đó bao giờ cũng bị các trại viên chú ý, hẳn lại vội buông cái bàn tay vô ích ấy xuống. Mặc dầu vậy, bọn trẻ cũng đã để ý động tác ấy và phá cười cả lên.

- Tôi thì, nói cho đúng, tôi chẳng có gì để nói cả. Đã đành là được cái ở gần Khackốp, hẳn đi rồi... Tuy vậy, lao mình vào một công việc như thế... Ở trại ta còn lại những ai? Tất cả đều đã tước lên các trường trung học công nông.

Hắn vắn vẹo cổ, tựa hồ hẳn vừa nuốt phải một con nhặng.

- Nói cho đúng, thì không bỏ nói tới cái trại Kuriajê ấy làm gì. Tại sao ta lại đi rúc vào chỗ ấy?

Với lại, anh em hãy tính xem: hai trăm tám mươi đứa bọn chúng nó, còn bọn mình một trăm hai mươi. Lại còn, ở trại mình, có bao nhiêu đứa mới, và những anh em cũ thì được bao nhiêu? Đây đây Tôxka làm đội trưởng, và Natasa nữa, nhưng còn Pêrêpêliatsenkô, nhưng còn Guxtôivan và Galatenkô?

- Galatenkô cái gì? Một giọng buồn ngủ và bất bình thốt lên. Chuyện này hay chuyện khác, lúc nào cũng cử Galatenkô.

- Cậu im đi, Lapô ngắt lời hẳn.

- Tại sao tôi lại im? Bác Antôn Xêmiônôvich vừa kể chuyện bọn chúng nó ở ngoài ấy như thế nào. Thế thì tôi, tôi không làm việc đấy hẳn, hay là sao?

- Thôi, được rồi, Đonit nói, tôi xin lỗi, nhưng dù sao thì ra ngoài ấy bọn mình cũng sẽ bị chúng nó đá, tôi chỉ thấy có vậy thôi.

Michia Jêvêli ngẩng đầu lên:

- Từ từ chứ nhé, khoan nói đến chuyện đấy.

- Thế cậu sẽ làm gì?

- Cậu không phải lo.

Kutlaty ngồi xuống. Ivan Ivanôvich lên tiếng:

- Các đồng chí trại viên, dù thế nào chẳng nữa thì tôi cũng sẽ chẳng đi đâu hết cả, cho nên có thể nói là tôi đứng ở ngoài cuộc, và tôi nhìn vấn đề rõ hơn. Tại sao lại đi Kuriajê? Họ sẽ để lại ở đấy cho ta ba trăm đứa trẻ hư hỏng nhất, lại là những đứa ở Khackôp nữa...

- Thế ở đây, để họ không gửi từ Khackôp đến cho mình hẳn? Lapô hỏi.

- Tôi biết. Vậy anh em nghĩ xem: ba trăm! Mà bác Antôn Xêmiônôvich nói rằng những đứa ở ngoài ấy đều gần thành niên cả. Và anh em phải tính điều này nữa: anh em đi tới đấy, còn chúng tôi thì ở nhà chúng. Nếu chỉ riêng về quần áo mà chúng đã ăn cắp đáng giá tới mười tám nghìn rúp, thì anh em hãy tưởng tượng xem chúng sẽ xơi anh em với món xốt gì.

- Ăn quay! Có người kêu lên.

- Không, món quay, thì cũng còn phải làm cho chín. Chúng sẽ ăn sống nuốt tươi chúng mình.

- Và chúng cũng sẽ dạy cho nhiều người của trại ta ăn cắp, Ivan Ivanôvich nói tiếp. Ở trại ta đây, có cái giống ấy không?

- Có đấy, bao nhiêu cũng có, Kutlaty trả lời, giống cặn bã, thì ta có được bốn chục đấy, chỉ có điều là chúng sợ không dám giở ngón thôi.

- Đấy nhé, anh em xem! Ivan Ivanôvich khoan khoái nói. Anh em hãy tính: anh em, tám chục này, và chúng nó ba trăm hai này, và ngoài ra, về phía chúng ta hãy trừ đi số con gái và trẻ con... Thì tại sao lại làm những chuyện đó? Tại sao lại phá hoại trại Gorki? Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác đưa trại đến chỗ chết đấy.

Ivan Ivanôvich vừa ngồi xuống vừa tung những cái nhìn đắc thắng ra tứ phía. Một tiếng ồn ào đồng tình đến một nửa dâng lên trong hàng ngũ các trại viên nhưng trong những tiếng đó tôi không nghe thấy có gì là quyết định.

Được tất cả mọi người tán thành, Kalina Ivanôvich, mặc chiếc áo đi mưa cũ, nhưng mặt mày cạo râu nhẵn nhụi và rất sạch sẽ như mọi khi, chuẩn bị nói. Kalina Ivanôvich rất khổ tâm vì phải xa rời trại, và lúc này, trong đôi mắt màu lam nhạt có run rẩy một ánh sáng leo lét già nua, tôi nhìn thấy một nỗi đau thương lớn của con người.

- Vậy là, những chuyện như thế đây, Kalina Ivanôvich bắt đầu, không vội vã. Cả tôi nữa, thì tôi cũng không đi với anh em, và như thế là tôi cũng không ở trong cuộc, điều đó không có nghĩa là tôi đứng ngoài bàng quan. Anh em sẽ đi đâu, và cuộc đời sẽ dẫn dắt anh em đi đâu, câu chuyện có khác. Tháng trước, anh em bảo: chúng ta sẽ gửi bơ sang cho người Anh. Nhưng xin anh em hãy làm ơn bảo cho một thằng già như lão đây biết, đi làm việc cho những người Anh ăn hại kia có phải là một chuyện nghe được không? Vậy mà tôi thấy ở trại ta người ta cứ giậm chân lên đành đạch vì sốt ruột: chúng ta đi đi, đi đi! Được lắm, vì thử các chú ra đi thì rồi về sau ra làm sao? Zapôrôjiê, đứng về mặt lý thuyết mà nói, thì là tốt đấy, tất nhiên, nhưng về mặt thực tế thì rút cục lại chỉ có là chuyện đi chăn bò, có thể thôi. Trước khi bơ của các chú đến được tay người Anh, các chú phải đổ bao nhiêu mồ hôi, các chú đã tính chưa? Rồi còn đồng cỏ, rồi còn lấy phân, rồi còn rửa dít cho bò, vì không như thế thì cái người Anh ăn hại kia, nó sẽ chẳng thèm ăn đến bơ của các chú đâu. Nhưng các chú ngu xuẩn, các chú có nghĩ gì đến các chuyện đó; cứ là đi và cứ là đi thôi. Thực cũng là hay, các chú lại không đi, và như thế là cái người Anh kia, hẳn cứ việc mà ăn bánh mì khô thôi. Bây giờ có chuyện cái trại Kuriajê. Và các chú ngồi ngẩn cả ra đấy mà vò đầu suy nghĩ. Nhưng có cái gì mà phải suy nghĩ chứ? Các chú là những con người tiến bộ, vậy mà kia, có ba trăm anh em của các chú đương nguy ngập, cũng là những Maxim Gorki, y như mỗi người các chú cả thôi. Bác Antôn Xêmiônôvich vừa mới kể lại chuyện ấy cho các chú nghe ở đây, và các chú sặc lên cười, nhưng chuyện đó có cái gì là buồn cười chứ? Làm thế nào chính quyền xô-viết lại có thể công nhận cho ngay ở thủ đô, ở Khackôp, dưới mũi Grigôri Ivanôvich^[154] có thể mọc lên được bốn trăm tên ăn cướp? Và chính quyền xô-viết bảo các chú: Đi, các chú hãy đi làm thế nào cho bọn đó trở thành những người lương thiện: ba trăm, những con người thuộc loại đó, các chú nghĩ mà xem! Mà không phải là hạng người cặn bã nào, một thằng cha Luka Xêmiônôvich hay một đứa nào khác, sẽ chứng kiến các chú làm việc, nhưng là cả giai cấp vô sản của Khackôp nhé! Nhưng không, các chú không thích thế. Các chú muốn chiều chuộng bọn người Anh hơn, cho họ sự nhồi nhét bơ của các chú đến vỡ bụng ra kia. Và chúng ta buồn vì phải rời bỏ nơi này nữa. Các chú buồn vì không nỡ rời bỏ những khóm hồng, rồi các chú lại sợ: bọn chúng ta có ngần ấy người. Nhưng khi Antôn Xêmiônôvich với tôi, chỉ có hai người, chúng tôi bắt đầu lập cái trại này, thì sao nhỉ? Dễ thường chúng tôi cũng đã triệu tập họp toàn trại và diễn thuyết đầy hăng? Đây này, hãy bảo họ nói cho các chú nghe, bọn Vôlôkhôp với Taranet và Gut, những của ăn hại ấy, xem chúng tôi đã có sợ họ hay không? Và đấy sẽ là một công tác phục vụ Nhà nước, cần cho chính quyền xô-viết. Thế cho nên, tôi bảo các chú: đi đi, chỉ có thể thôi. Và Maxim Gorki, ông ta sẽ nói: các trại viên Gorki của mình, họ như thế đấy, những của ăn hại, họ đã đi lên, không sợ hãi gì hết!

Kalina Ivanôvich càng nói thì má bác ta càng hồng hào và mắt các trại viên càng rực cháy lên một ngọn lửa nồng nhiệt hơn. Nhiều chú trước ngồi trên sàn nhà sán lại gần chúng tôi và nhiều chú, tì cằm lên vai các chú ngồi bên, dán mắt nhìn đăm đăm không phải vào mặt Kalina Ivanôvich, mà vào cái kỳ công tương lai thấy thấp thoáng ở xa xa. Và khi Kalina Ivanôvich nói đến Gorki, thì từ những đồng tử mở to ra của các trại viên bùng lên một ngọn núi lửa đỏ rực nhiệt tình nhân đạo; bọn trẻ bắt đầu la lên, hét lên, xô đẩy nhau, muốn vỗ tay hoan hô, nhưng không kịp. Đứng giữa các bạn hẳn ngồi trên sàn, Michia Jêvêli hướng về phía những hàng cuối cùng mà hẳn hiển nhiên đợi chờ sự phản đối, kêu lên rằng:

- Chúng ta đi, hỡi những đồ ăn hại, nói thực đấy, chúng ta đi!

Song chính những hàng cuối cùng cũng phóng dòn cả vào Michia tất cả nhiệt tình của họ với những nét mặt quả quyết, và bây giờ Michia nhảy choàng vào Kalina Ivanôvich, bác ta đã bị cả đám lộn xộn những trẻ nhỏ xúm vây quanh, từ lúc này chúng không còn có thể làm gì khác hơn là kêu lên the thé.

- Bác Kalina Ivanôvich, nếu như thế, thì bác đi với chúng tôi chứ?

Kalina Ivanôvich vừa nhồi tẩu thuốc vừa mỉm cười cay đắng. Lapô bèn diễn thuyết như sau:

- Khẩu hiệu viết ở trại ta như thế nào, đọc to lên!

Tất cả mọi người đồng thanh hét lên:

- Cầm kêu ca!

- Được, nhưng hãy đọc lại đi, một lần nữa!

Lapô hạ nắm tay xuống và tất cả nhắc lại bằng một giọng vang lừng cương quyết:

- Cầm kêu ca!

- Thế mà chúng ta kêu ca! Tất cả các cậu là những nhà toán pháp giỏi nhĩ: họ cộng tám chục với ba trăm hai. Ai tính như thế? Chúng ta đã nhận bốn chục của Khackôp, bọn ấy đã tính chưa? Họ tính đâu rồi?

- Có, chúng tôi đây! Bọn trẻ kêu lên.

- Thế thì thế nào?

Và chúng la âm lên:

- Ngổ lẫm!

- Như vậy thì tính quái quỷ gì? Giả tôi là Ivan Jvanôvich, thì tôi sẽ tính như thế này: chúng ta đây, ta không có rận, còn trên người chúng thì có một vạn con vậy ta cứ ở yên đây thôi.

Cả cử tọa cười ồ lên nhìn vào Ivan Ivanôvich xấu hổ đỏ mặt.

- Chúng ta chỉ nên tính đơn giản, Lapô nói tiếp: phía chúng ta, có trại Gorki, còn về phía chúng, có ai? Chẳng có ai hết.

Lapô nói xong. Các trại viên la lên:

- Đúng lắm! chúng ta đi, có thể thôi! Bác Antôn Xêmiônôvich hãy viết thư cho Ủy ban đi!

Kutlaty nói:

- Tốt lắm! đã quyết định đi, thì ta đi. Nhưng phải giữ lấy đầu óc tỉnh táo. Ngày mai đã là tháng ba rồi không được bỏ phí một ngày nào hết. Không nên viết thư mà phải gửi điện, nếu không thì ta sẽ không có vườn rau đấy. Lại còn chuyện khác: dù thế nào chẳng nữa, chúng ta cũng không thể ra đi mà không có tiền. Hai chục nghìn, hơn hay kém gì đấy, nhưng muốn gì thì gì, cũng phải có tiền.

Lapô hỏi ý kiến tôi:

- Ta cho biểu quyết chẳng?

- Bác Antôn Xêmiônôvich cho ý kiến! có người kêu lên trong đám đông.

- Cậu chưa thấy hay sao? Lapô nói. Nhưng dù sao, cũng cứ là cần, cho đúng phép. Bác Antôn Xêmiônôvich phát biểu.

Tôi đứng dậy trước mặt hội nghị và nói vắn tắt:

- Trại Gorki muôn năm!

Một nửa giờ sau, Víchia Bogôiaplenxki, mã phu trưởng mới của trại Gorki và đội trưởng của đội hai, phóng ngựa đi lên tỉnh.

Tại sao hấn nâng niu mũ thế?

Trong cái mũ chụp của hấn, có bức điện tín này:

“Đjurinxkaia Ủy ban Giáo dục Khackôp.

Tha thiết yêu cầu giao Kuriajê cho chúng tôi vì khẩn cấp bảo đảm gieo hạt chúng tôi gửi về dự toán.
Hội nghị toàn thể trại viên.

Makarenkô”

18. HỎA LỰC THẨM DÒ

Hôm sau Đjurinxkaia triệu tập tôi bằng điện tín. Các trại viên tin tưởng đặt nhiều ý nghĩa quan trọng vào bức điện tín đó.

- Các cậu thấy không, đã chuyển rồi đây, điện tín này nọ tiếp điện tín kia.

Sự thực, công việc tiến triển không lấy gì làm khẩn trương đặc biệt. Theo ý kiến chung, thì không thể nào chịu đựng Kuriajê được nữa, dù chỉ là vì tất cả các biệt thự, các khu nhà công nhân và các làng lân cận đều khẩn khoản yêu cầu thanh toán cái “tổ cướp” ấy đi, nhưng Kuriajê tuy vậy vẫn có những người bảo vệ. Nói cho đúng, chỉ có Đjurinxkaia và Iuriep là đòi hỏi phải giao cái trại đó cho chúng tôi vô điều kiện, Iuriep thì tin ở sự căn cứ đúng đắn của dự án đó, còn Đjurinxkaia đồng tình chỉ vì tin ở tôi, và trong một lúc bộc lộ chân tình bà đã thú nhận:

- Tuy thế nhưng tôi lo ngại đây, bác Antôn Xêmiônôvich ạ: tôi không thể nào tránh được, và tôi cứ sợ...

Brêgen tán thành việc giao trại, nhưng đề nghị những phương thức mà tôi không thể nào đồng ý được: một tiểu ban đặc biệt gồm ba người phải chỉ huy tất cả công việc chuyển giao: các lễ lễ hình thức cơ bản của trại Gorki phải thâm nhập dần dần vào cơ thể mới, và năm chục thanh niên Kôm-xô-môn ở Khackôp sẽ được huy động trong một tháng giúp đỡ tôi.

Khalabudza bị tính xảo trá của những người chung quanh ảnh hưởng, không chịu nghe nói đến chuyện trợ cấp hai vạn nữa, và cứ nhắc đi nhắc lại mãi một điều:

- Mất hai vạn, thì chúng tôi làm lấy hết thôi.

Từ trong công đoàn, những kẻ thù bất ngờ đột nhiên xuất hiện để đả phá chúng tôi. Klame, một anh chàng tóc nâu, tính khí hỏa diệm sơn và là “bạn của nhân dân”, hăng máu lên một cách thô lỗ đặc biệt. Cho đến ngày nay tôi vẫn còn không hiểu tại sao trại Gorki lại làm cho hắn đến nông nổi ấy, nhưng hắn không bao giờ nói đến trại mà mặt không tái nhợt đi vì cuồng dại, hắn khạc nhổ tức tối và đập nắm tay lên bàn:

- Chỗ nào cũng thấy những nhà cải cách! Vậy cái anh Makarenkô ấy là ai chứ? Tại sao chỉ vì một anh Makarenkô, mà chúng ta phải làm trái luật pháp và phạm đến quyền lợi của những người lao động? Và ai biết đến trại Gorki? Ai đã trông thấy nó? Đjurinxkaia à? Thế rồi làm sao? Đjurinxkaia hiểu được hết mọi cái à?

Những đòi hỏi của tôi như sau, làm cho hắn dựng hết tóc lên:

1. Thái hồi hết nhân viên của trại Kuriajê, không phải thảo luận gì cả.
2. Bổ nhiệm tới trại Gorki mười lăm giáo viên (biên chế dự trù cho bốn mươi).
3. Trả lương các giáo viên, không phải bốn chục, mà tám chục rúp mỗi tháng.
4. Giáo viên do tôi tuyển dụng, công đoàn vẫn giữ quyền phủ quyết.

Những đòi hỏi không có gì là quá đáng ấy làm cho Klame uất ức đến phát khóc được.

- Tôi rất muốn biết: ai là người dám đem ra thảo luận cái tội hậu thư láo xược này? Mỗi chữ là một chữ nhạo báng luật pháp xô-viết. Hắn cần đến mười lăm giáo viên, còn hai mươi năm người kia, thì quẳng xuống bể. Hắn muốn bắt họ làm việc quần quật như những tù khổ sai, vì thế cho nên hắn mới sợ có bốn chục người.

Tôi không tranh luận với Klame, vì tôi không tài nào đoán hiểu được những động cơ thực của hắn.

Nói chung, tôi cố gắng đứng ở ngoài các cuộc thảo luận và tranh cãi, bởi vì đối với lương tâm thực

ra tôi không thể nào bảo đảm sự thành công và tôi không thể ép uổng ai nhận lấy một cái trách nhiệm mà họ không thấy là nó được chứng minh hợp lý. Nói cho đúng, tôi chỉ có mỗi lý lẽ: trại Gorki, nhưng ít người đã nhìn thấy trại, và tôi thì không tiện nói đến nó.

Vấn đề chuyển giao trại làm lay động không biết bao nhiêu người, bao nhiêu nỗi phần uất và bao nhiêu mối quan hệ phức tạp, khiến cho không bao lâu tôi hoàn toàn không còn biết đường lối nào mà lần nữa, nhất là bao giờ tôi cũng chỉ ra Khackốp không quá một ngày và không đặt chân vào một cuộc hội họp nào hết thảy. Vì lý do này hay vì lý do khác, tôi không tin ở sự thành thực của những người thù địch với tôi, và tôi ngờ rằng ở đằng sau các lý lẽ được nêu ra có ẩn giấu những dụng ý khác.

Chỉ riêng có một nơi, ở Ủy ban Giáo dục, là tôi vấp phải mối ác cảm nhiệt liệt chân thật của một người, cho nên tôi thành thực hoan nghênh. Người đó, cứ căn cứ ở chiếc áo dài, thì là một người đàn bà, nhưng thực tế có lẽ là một sinh vật không phân nam nữ: thân hình loắt choắt, một bộ mặt ngựa, ngực phẳng như tấm ván, và những bàn chân khổng lồ, mà bà ta không biết dùng làm gì được. Bà ta cứ luôn luôn vung vẩy hai bàn tay đỏ như tôm luộc, khi thì để hoa lên, khi thì để sắp lại những món tóc cứng, màu rơm vàng nhạt. Người ta gọi bà là nữ đồng chí Zôia. Bà ta có đôi chút thể lực ở phòng giấy của bà Brêgen.

Nữ đồng chí Zôia ghét tôi ngay từ buổi đầu thấy mặt, và bà ta không giấu giếm gì điều đó, cũng không e ngại dùng những lời lẽ gay gắt nhất.

- Bác ấy à, Makarenkô ạ, bác là một người lính chứ không phải là một nhà sư phạm. Người ta bảo rằng bác là một đại tá cũ và xem ra có vẻ là đúng. Và nói chung thì tôi không hiểu tại sao ở đây người ta cứ đưa bác lên chín tầng mây. Tôi sẽ không đề cho bác đến gần tụi trẻ đâu.

Sự thành thật, trong như pha lê, và cái nhiệt tình cũng trong suốt của nữ đồng chí Zôia khiến tôi thích thú và tôi cũng chẳng giấu giếm gì điều đó trong câu trả lời thường lệ của tôi:

- Tôi bao giờ cũng hân hoan khâm phục bà, nữ đồng chí Zôia ạ, chỉ có điều là tôi chưa từng làm đại tá bao giờ.

Nữ đồng chí Zôia coi việc chuyển giao trại như một tai nạn không thể nào tránh được, nên vừa đập nắm tay xuống bàn vừa la lối:

- Các người bị quáng mắt hết cả rồi! Không biết tất cả các người đã bị anh ta cho uống cái gì thế, cái anh... bà nhìn tôi nói.

- ... Cái anh đại tá ấy, tôi nghiêm chỉnh gợi nhắc bà ta.

- Phải, đại tá... tôi bảo cho các người biết, chuyện này sẽ kết thúc thế nào: bằng một cuộc chém giết. Anh ta sẽ đem một trăm hai mươi đứa trẻ nuôi của anh ta đến, và chúng nó sẽ cứa cổ lẫn nhau. Đồng chí nghĩ về chuyện ấy như thế nào, đồng chí Makarenkô?

- Tôi rất phục những ý kiến của bà, nữ đồng chí Zôia ạ, nhưng tôi thực tò mò muốn biết ai sẽ cứa cổ ai.

Brêgen dẹp cuộc đấu khẩu của chúng tôi:

- Zôia! Nói thế mà bác nghe được à! Chém giết ở trại, thôi đi!... Còn bác, Antôn Xêmiônôvich, thì lúc nào cũng cứ đùa.

Mớ bong bóng những tranh luận và phe phái lẫn về phía những cấp bậc cao của Đảng, điều đó khiến tôi yên lòng. Còn một sự việc khác nữa cũng khiến tôi yên lòng: cái nhọt độc Kuriajê ngày càng nung nấu thói tha tặc hại hơn; nó càng ngày càng tan rã và đòi hỏi phải có những biện pháp quyết liệt đồng thời khẩn cấp để đối phó. Kuriajê bắt buộc phải có sự quyết định, bất chấp cả đến các nhà sư phạm của nó cũng lên tiếng phản kháng:

- Những câu chuyện qua lại về sự di chuyển trại Gorki làm cho tinh thần suy sụp đến cùng cực.

Chính các giáo viên ấy lại bấn tin ngầm đi rằng các trại viên Kuriajê đang chuẩn bị nói chuyện bằng dao để thanh toán với các trại viên Gorki. Nữ đồng chí Zôia hét vào mặt tôi:

- Anh thấy không, anh thấy không?

- Có, tôi trả lời. Nghĩa là bây giờ thì việc rõ ràng. Đây là chúng sẽ cứa cổ chúng tôi, chứ không phải trái lại.

- Tất nhiên là việc rõ ràng, Vacvara, chị sẽ chịu trách nhiệm về mọi chuyện, chị hãy coi chừng đấy! Có ở đâu thấy chuyện như thế này không? Thả ra hai bọn trẻ vô thừa nhận cho chúng nó giết nhau!

Tôi được gọi tới phòng giấy của cấp trên. Một người mặt mày nhẵn nhụi cất đầu lên khỏi các giấy tờ và nói:

- Đồng chí Makarenkô, mời đồng chí ngồi.

Đjurinskaia và Klame đều có mặt ở đây. Tôi ngồi xuống.

Người mặt mày nhẵn nhụi vẫn không cất cao giọng hỏi rằng:

- Bác tin chắc rằng cùng với bọn trẻ nuôi của bác, bác có thể khắc phục được sự tan rã của trại Kuriajê à?

Chắc là tôi tái mặt đi, vì tôi đã phải mắt nhìn thẳng mắt mà trả lời một câu hỏi đặt rất thẳng thắn bằng một câu nói dối:

- Tôi tin chắc.

Người mặt mày nhẵn nhụi dăm dăm nhìn tôi và nói tiếp:

- Bây giờ đến một vấn đề chuyên môn: đồng chí Klame ạ, đồng chí hãy chú ý, một vấn đề chuyên môn chứ không phải là nguyên tắc: bác hãy cho tôi biết, nhưng vẫn tắt thôi, tại sao bác không cần đến bốn chục giáo viên, mà chỉ cần đến mười lăm người thôi, và tại sao bác không tán thành số lương bổng bốn chục rúp.

Tôi nghĩ ngợi và nói:

- Để nói ngắn, thì như thế này: bốn chục giáo viên ăn lương bốn chục rúp thì có thể đưa tới chỗ làm tan rã hoàn toàn không những một tập thể trẻ con vô thừa nhận mà bất cứ một tập thể nào khác.

Người mặt mày nhẵn nhụi bồng ngả người vào lưng ghế tựa mà cười phá lên một cách thành thực, rồi trở ngón tay mà hỏi qua nước mắt:

- Cả đến một tập thể những người như Klame ư?

- Không tránh được, tôi nghiêm chỉnh trả lời.

Vẻ thận trọng quan thức của ông ta bỗng như bị một luồng gió thổi tan đi mất. Ông giơ tay về phía Liubôp Xavêliepna:

- Tôi vẫn bảo mà: “Số lượng không làm ra chất lượng”

Bỗng ông lắc đầu mệt mỏi, và lấy lại cái giọng quan thức và thực tế mà bảo Đjurinvkaia:

- Để cho bác ấy đi đi! Và hết sức chóng lên!

- Hai vạn rúp, tôi vừa nói vừa đứng dậy.

- Bác sẽ có. Thế có là nhiều không?

- Thế là ít.

- Được. Chào bác. Bác đi đi, và xin nhớ: phải hoàn toàn thành công đấy.

Hồi ấy, ở trại Gorki, cái quyết nghị đầu tiên đầy nhiệt tình phấn khởi đã dần dần chuyển biến thành những hình thức chuẩn bị quân sự trầm lặng và chính xác. Lapô thực tế chỉ huy trại, có Kôvan giúp đỡ trong những trường hợp khó khăn, song không có những khó khăn gì cả. Chưa bao giờ thấy có sự đồng tình nhất trí đến như thế cũng chưa bao giờ thấy ai nấy đều có một ý thức trách nhiệm tương quan tương trợ sâu sắc đến như thế! Ngay đến các điều phạm lỗi nhỏ cũng gặp phải một sự ngạc nhiên chung, được điểm xuyết bằng cái câu phản kháng gọn lỏn và ý nghĩa này:

- Thế mà mày còn muốn đi Kuriajê à?

Không có ai ở trại còn giữ một chút hồ nghi gì nữa về bản chất nhiệm vụ chung. Thậm chí các trại viên không tự nhận biết, nhưng đều phảng phất cảm thấy, do một giác quan vô cùng tinh tế, cái nhu cầu nhất thiết phải phục tùng tập thể và đó không phải là một sự hy sinh. Được cảm thấy mối tương liên đoàn kết ấy, sự kiên cố mềm dẻo trong các quan hệ đối xử, và cảm thấy, trong một sự nghỉ ngơi đầy sức mạnh, cái thế lực chân động, vĩ đại của tập thể – đó thực là một niềm vui thú, có lẽ là niềm vui thú êm ả nhất trên đời. Tất cả những điều đó biểu lộ rõ ràng trong các khóe mắt, cử chỉ, vẻ mặt, dáng đi và công tác. Các con mắt đồ dờn nhìn cả về phía bắc: ở đó, giữa các bức tường thành đồ sộ, một bầy ô hợp những con người u tối đang dồn đống, ồn ào hướng về chúng tôi, bầy người nhất trí kết hợp trong sự bần cùng, phóng túng và điên loạn, đồ ngu xuẩn và ngang bướng.

Về phía các trại viên, tôi không nhận thấy có một thái độ gì là huênh hoang khoác lác. Ai nấy đều có một môi lo lắng và nghi ngại âm thầm, rất tự nhiên, vì chưa ai được nhìn tận mắt kẻ địch.

Mỗi chuyến tôi ở tỉnh về, các trại viên đều nóng lòng sốt ruột và háo hức mong chờ: họ canh gác trên đường cái và trên cây, họ rình đợi trên các mái nhà. Xe ngựa của tôi vừa vào đến sân, tay kèn hiệu đương phiên lập tức nắm lấy kèn và thổi hiệu tập hợp, không cần đợi tôi đồng ý. Tôi ngoan ngoãn đi vào phòng họp. Hồi đó trại đã thành thói quen tiếp đón tôi như một nghệ sĩ lớn, bằng một loạt vỗ tay. Sở dĩ có sự hoan nghênh đó, tất nhiên vì tôi thì ít, mà vì nhiệm vụ chung của trại nhiều hơn.

Sau cùng trong những ngày đầu tháng năm, tôi đến một cuộc họp như vậy với một bản hợp đồng đã ký.

Chiều theo hợp đồng và thừa lệnh của Ủy ban Giáo dục, trại Gorki di chuyển đến Kuriajê với toàn thể trẻ nuôi và nhân viên. Tất cả đồ đạc cùng sinh súc và nông cụ. Trại Kuriajê bị bãi bỏ; hai trăm tám mươi trẻ nuôi và hết thảy tài sản của nó được giao cho trại Gorki quản lý. Toàn thể nhân viên của trại Kuriajê chỉ trừ một vài người công tác chuyên môn, bị thải hồi kể từ sau khi mọi quyền hành đã được bàn giao cho viên giám đốc trại Gorki.

Tôi được lệnh đến nhận quyền quản đốc trại Kuriajê ngày mùng năm tháng năm. Việc di chuyển trại Gorki phải được hoàn thành ngày mười lăm.

Sau khi nghe đọc bản hợp đồng và công lệnh của Ủy ban, các trại viên không hô u-ra; họ không chuyển tay nhau “tung” ai lên trời hết. Chỉ có Lapô nói, giữa sự im lặng chung:

- Chúng ta sẽ viết thư cho bác Gorki. Và các cậu hãy nhớ, cốt nhất là cấm kêu ca!

- Rõ! Cấm kêu ca! kêu thê lên một chú nhỏ.

Và Kalina Ivanôvich vung tay lên, nói thêm:

- Tiến lên, các chú, không sợ!

SƠ LƯỢC NỘI DUNG
PHẦN THỨ HAI

1. Một bình sữa

Quang cảnh trại thứ hai; những góc thích thú để câu cá, tắm, chơi đùa, nói chuyện. Kalina Ivanovich mỗi ngày một già lẫn, nhưng vẫn được mọi người vì nể. Những chuyến đi ra tỉnh của Kalina với Kutlaty. Đonit Kutlaty rất tiết kiệm và làm nhiệm vụ chủ nhiệm phó rất đặc lực, nên năm nào cũng được tập thể tín nhiệm bầu lại.

Chỗ ở chật chội, vì trại chưa tu sửa được “ngôi nhà đỏ”. Việc sửa chữa cần đến sáu nghìn rúp, mà Ủy ban giáo dục chỉ trợ cấp cho những món tiền không có ý nghĩa lý gì, ví dụ: trợ cấp mỗi năm cho mỗi trại viên về may mặc chỉ có 23 rúp, khiến Kalina công phẫn.

Sự lạc quan mê tín của Karabanôp. Tiếp được tin ngày 6 tháng 10 sẽ có bà thanh tra Bôkôva (Maria Kônđratiepna) của Ủy ban bảo vệ Nhi đồng đến thăm trại. Bàn tán, hy vọng và long trọng chuẩn bị đón tiếp. Bà xinh đẹp và vui vẻ hôn hậu, trái hẳn dự đoán của Karabanôp tưởng bà là một bà già như mụ phù thủy. Sự ngạc nhiên của Antôn Bratsenkô. Câu chuyện trao đổi trên xe. Sự hoan nghênh của các trại viên. Kalina lo tìm món ăn cho khách.

Trong khi Bôkôva thích thú uống sữa lạnh thơm, các trại viên đề cập luôn vấn đề và được thắng lợi: sau ba ngày ở thăm trại và thân mật xúc tiếp với các trại viên, bà ký hợp đồng giúp trại sáu nghìn rúp với điều kiện là khi nào sửa chữa xong ngôi nhà đỏ, trại sẽ tiếp nhận 40 trẻ em vô thừa nhận. Karabanôp thay Antôn đánh xe đi tiễn chân bà. Bà hẹn với các trại viên sẽ trở lại thăm trại nữa. Ý nghĩ của Karabanôp về các mụ phù thủy.

2. BỐ Ôtsênăc

Bôkôva gửi tiền cho trại như đã hứa. Đợt xây dựng mới: giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến đấu bốn năm ròng. Nhiệt tình sôi nổi, nhưng thiếu người làm cả mọi việc canh tác và tu sửa trại. Dưới sự điều khiển cương quyết của Sêrê, công tác nông nghiệp phát triển mạnh và thu hút một số trại viên. Tuy cùng say mê công tác đó, nhưng Karabanôp, Vôlôkhôp, Burun, Ôtxatsi, Ôpriskô và Fêđôrenkô xu hướng mỗi người một khác, còn Ôlia Vôrônôva thì căn bản yêu nông nghiệp. Ngoài trại, có Xpirôđôn, bí thư Kômxiônôn làng Gônstsarôpka, và Paven Pavlovich Nikôlaienkô, một thanh niên chưa vợ. Ôlia cùng họ nói chuyện về tính bảo thủ của nông dân. Tranh luận với Karabanôp và Burun, Ôtsênăc xen vào câu chuyện. Họa tượng và lai lịch của Ôtsênăc (Xilanti Xêmiônôvich), một nhân viên mới của trại: vui tính, tích cực, phong cách triết nhân.

Đoàn Kômxiônôn thúc đẩy việc học: mơ ước của các viên thì vào RABFAK (trường trung học công nông). Burun học vất vả nhưng chắc chắn. Trái lại, Marutxia có khả năng, nhưng xấu tính nết, không tự tin và hay cáu kỉnh văng tục với các giáo viên. Makarenkô chuyển cô từ nhóm của Êkatêrina Grigôriepna và tìm cách nhẹ nhàng giáo dục cô. Marutxia giận dữ, Xilanti dàn hòa: kết quả vui vẻ.

3. Những nét đặc trưng

Mùa đông đến, phục sức của các trại viên. Những buổi tối quây quần bên lò sưởi, chuyện trò thân mật: Vektôpxki kể chuyện hòn đá “lạy-Chúa-cho-quả”, bị Zăđôrôp nói chèn; Xilanti kể một chuyện cũ của đời mình, được Kalina Ivanôvich tán thưởng. Trong khi ấy Vecsonep với Karabanôp cãi vã nhau về lý thuyết ở phòng Liđa; còn Sura Jêvêli ở phòng bà mẹ của Makarenkô cùng vui vẻ nói chuyện với bà về con thỏ của nó ốm, xin bà kê để chữa cho nó. Vui nhất là ở xưởng đóng xe của Kôđia; họ chế giễu ông già sùng đạo và thường bị Kalina giải tán.

Các phòng ngủ nhỏ, ở từng đội, tổ, khiến sự đoàn kết nội bộ vững chắc hơn. Đội mười một của Gêorghieepxki: đội trẻ nhỏ, được hấn hết sức ân cần săn sóc. Các giáo viên mới: Juôcbin (Paven Ivanôvich), Butzai (Zinôvi Ivanôvich). Lai lịch, họa tượng, tính cách của mỗi người, Juôcbin ham mê nhận xét tâm hồn người. Butzay tắm nước lạnh để luyện cho thân thể thêm dày dặn. Xilanti đào hố băng giúp anh ta, bị Makarenkô khiển trách, và bác phân trần. Xưởng họa của Butzai. Lapô đùa nhại giọng anh.

Hai nữ sinh viên sư phạm đến trại thực tập: hỏi Makarenkô về các nét đặc trưng của cá tính các trại viên. Hai được giới thiệu với họ và họ đặt tên lại cho Kxênia Rômariôva Vacxkaia là Ôxana, Rasen Xêmiônôpnă Landxbeeg là Rasen. Hai cô bị lôi cuốn ngay vào cơn lốc của đời sống phức tạp, bận rộn và vui vẻ ở trại. Mách Xilanti đã nói đùa, bảo các cô là ngựa, vì các cô dùng xe đi tuyết chơi trượt tuyết. Sau đó, Ôxana nhại giọng Makarenkô rồi bỏ chạy, còn Rasen buồn ngủ trở về phòng cô.

4. Sân khấu

Xưởng trống của nhà máy xay được dùng làm sân khấu. Việc đặt những lò sưởi gang và xây dựng sân khấu. Danh tiếng tổ kịch của trại: trong mùa đông, trình diễn khoảng 40 vở kịch lớn. Thành phần các khán giả. Sự náo nhiệt ở trại, những buổi trưa thứ bảy, khi họ đến.

Những món chi tốn kém: 200 rúp mỗi tháng. Song trại nhất thiết không lấy tiền vé, Jôra Vônkôp cương quyết giải quyết những thắc mắc về vấn đề phân phối vé. Sửa đổi tổ chức: bỏ đội kịch để thay thế bằng các đội đặc biệt phục vụ mỗi tuần lễ một vở kịch để thay thế bằng các đội đặc biệt sáu. Các đội sáu “Phục”, sáu “Phụ” và các đội sáu khác làm việc như thế nào để xoay xở kiếm các thứ cần thiết, hoặc tạo ra những hiệu quả sân khấu đòi hỏi.

Các buổi diễn tập, các diễn viên. Một lần dùng Xilanti: nói sai lời trên sân khấu, theo khẩu ngữ quen miệng. Các vai nữ: chỉ có Ôxana và Rasen chịu để cho ôm hôn tự nhiên. Một lần nhờ vợ một điện tín viên sở xe lửa thủ vai, bị anh chồng hay ghen, toan bắt vợ bỏ dở buổi diễn; Lapô và Karabanôp phải giải quyết và đe dọa mới dàn xếp ổn. Công việc vẽ mặt: Butzai và Piôtr Ivanôvich phụ trách.

Tìm kiếm ra các đồ phụ tùng. Ăn thực trên sân khấu: thúc giục Karabanôp ăn mau để nói câu: “Tôi phải đi”. Trời rét, Karabanôp cởi trần đóng vai trong “Máy móc nổi loạn”. Vai tượng ở vườn tuyết do Sêlaputin đóng, trong vở “Đồng chí Xeemivz vô đny”. Makarenkô đóng vai Plevơ trong vở “Azef”, bị Xazônôp ném bom. Ôtxatsi đội trưởng đội sáu “Động” chuẩn bị việc ném bom quá cẩn thận, khiến Makarenkô cũng e ngại, và khi đóng trò, ông đã ngã vật xuống đất gần bất tỉnh. Một kỳ công khác: vụ làm nổ tàu thủy: Piôtr Ivanôvich bị đau nhưng cứ cười. Những cuộc bắn súng trên sân khấu.

Nội quy đối với khán giả: cấm cầm chặt hạt quỳ trong rạp, và ai uống rượu không được vào xem.

Những chuyện nói sai vở trên sân khấu: Kutlaty nói sai hai câu thơ, Makarenkô bị gọi lầm tên thật trong vở “Quan thanh tra”.

5. Một nền giáo dục kulắc

Lễ sinh nhật Maxim Gorki, ngày 26 tháng 3, cũng là lễ mừng mùa xuân: tổ chức nội bộ, không mời khách ngoài. Duyệt trại viên, chào cờ, diễn văn, diễu hành qua chân dung Gorki. Tiệc ăn uống linh đình thỏa thích: xúp củ cải đỏ, bánh chả, lợn quay (con Clêôpatơ, do Xilanti chộc tiết), kem chua, bánh nhân pho-mát trắng, nước quả, kẹo. Ăn xong sửa soạn diễn kịch “Dưới đáy”

Đặt danh hiệu trại viên, Kalina Ivanôvich vui sướng được nhận huy hiệu, nhưng bỗng bị cụt hứng vì có Maria Kônđratiepna đến thăm trại và dự tiệc. Cuộc gặp mặt với Kalina. Thuật lại chuyện Kalina hôm lên Sở giáo dục đã tự ý cho một bà giám đốc vườn trẻ khuôn đồ đạc trong phòng giấy của Maria. Cuộc tranh luận giữa hai người được kết thúc vui vẻ bằng lá cờ trắng của Karabanôp đưa cho Maria, bắt đầu hàng.

Buổi tối, sau vở kịch, Maria nói chuyện với Makarenkô, cảm động thấy các trại viên vất vả vì phải làm việc khuya. Bà về ngủ với Liđa.

6. Những mũi tên của Quypidông

Nhà hát khiến trại viên gần gũi thanh niên nông thôn, gây quan hệ tình cảm luyến ái. Điềm qua những điều kiện thuận lợi của các đội đặc biệt sáu khác nhau, về mặt tránh mũi tên của Quypidông: riêng có đội viên đội sáu “Khán” là dễ bị nguy nhất. Quá trình phát sinh và tiến triển của tình yêu.

Đmitri Ôpriskô và tâm ảnh của Marutxia. Tsôbô và Natasa Pêtrenkô. Tính cách của Tsôbô. Lai lịch, họa tượng, tính cách của Natasa. Tình cảm giữa hai người.

Công việc canh tác bận rộn vì kế hoạch của Sêrê. Các biển đề tên cây, tên hoa, dùng những chữ “vua, chúa, hoàng hậu”. Bị bọn trẻ nghịch ngợm thay bằng những tên “trung úy, đại tá, y.y...” khiến Sêrê nổi giận Xilanti và Kalina dàn hòa, chấm dứt cuộc điều tra “cái án phản cách mạng ở ruộng của trại” ấy. – Vất vả nhất là làm ruộng củ cải. Maria Kônđratiepna nghỉ hè, ngày ngày đến trại, dự một buổi họp hội đồng đội trưởng, nghe các trại viên kêu ca về chuyện đó.

Ban ngày Maria đến trại chơi. Kalina nhận xét về bà, bảo Makarenkô nên chú ý đến tình cảm của bà hơn nữa. Maria luôn luôn mời Makarenkô uống trà, nhưng đều bị từ chối, sau bà hẹn Makarenkô đến nhà bà ăn kem vào 9 giờ tối. Nhưng đến tối bỗng xảy ra chuyện Tsôbô đâm Mutxi Kacpôvich để bênh Natasa, bị hấn đánh đập. Các trại viên can thiệp, đưa Natasa về trại. Makarenkô quyết định nhận Natasa vào trại. Các trại viên hết sức hoan nghênh và Natasa được các nữ sinh thay y phục cho ngay. Bàn tán thêm đến khuya, rồi Kalina rủ Makarenkô ra chơi ngoài đồng cỏ, nói chuyện tâm linh. Bất chợt được Karabanôp ở cửa sổ nhà Maria nhảy ra. Kalina kết luận bảo Makarenkô là “gà tò”..

7. Những trại viên mới

Mutxi Kacpôvich trở lại giao thiệp như thường để dàn xếp chuyện trại Gorki và Xô-viết thôn cùng xin thuê nhà máy xay gió. Trại cần mua ngựa, song đi nhiều phiên chợ đều không tìm được ngựa tốt. Nghe theo lời Kalina bàn, Makarenkô, Sêrê và Antôn Bratsenkô cùng bác đi tìm mua ở nhiều ấp trại lân cận nhưng cũng không có kết quả, vì các chủ trại đòi giá đắt quá. Trên đường về, Bratsenkô cẩu kính với con Hung, còn Kalina thì hần học chửi rửa bọn chủ trại bóc lột những bần nông làm công cho chúng và chúng để cho khách đến nhà phải vác bụng đói ra về. Đến lượt Luka Xêmiônôvich đi riêng với Kalina, và Luka khuyên Makarenkô đừng đi theo họ, để cho bọn chủ trại khỏi sợ cái vẻ bôn-sê-vich của ông. Quả nhiên, hai người đem về được một con ngựa cái rất tốt, đặt tên là con Zorka.

Antôn Bratsenkô mơ ước một con ngựa giống, được Sêrê biểu đồng tình. Công việc gặt hái bận rộn. Nhịp sống hàng ngày ở trại: Ôlia ở ngoài đồng về xin thêm người cho đội bó lúa, lập tức đội đặc biệt trừ bị được tập hợp. Trại mới được tiếp viện thêm 40 trẻ nhỏ. Miêu tả chúng khi chúng mới đến trại. Antôn chọn những đứa yêu ngựa và tập cho Pêchia Zăđôrony cưỡi con Milan. Các trẻ mới đến tham gia công tác. Sự cố gắng và thiện chí của chúng.

Gặt xong lúa mì, Sêrê cho Xêmiôn đi lấy ngựa giống về. Buổi tối chủ nhật ấy, mọi người sung sướng đón con ngựa. Sự thán phục mừng rỡ của các trại viên. Miêu tả con ngựa. Sự xúc động của Antôn Bratsenkô. Con ngựa được đặt tên là con “Hảo-hán”.

8. Đội chín và đội mười

Trại thuê được nhà máy xay gió trong ba năm. Trại thịnh vượng lên trông thấy và mua nhiều bò, cừu. Làm chuồng bò mới: 5 con Ximmentan; con Xêda mới đẻ. Xêda và con ngựa Hảo hán đều có giấy chứng nhận huyết thống. Con lợn đực giống Anh Vaxili Ivanovich. Chuồng lợn mới và đội mười của Xtupitxyn phụ trách nó. Nội quy vào xem chuồng lợn: “Phòng tiếp đãi”, bộ phận nuôi lợn con và những con lợn giống xuất sắc: con Piôtr Vaxiliêvich, con của con Vaxili Ivanovich và con lợn cái Matinda. Bộ phận nuôi lợn béo: những con được qua tay Xilanti để làm thịt. Bộ phận lợn cho đẻ. Những lợn tức lớn chuồng lợn đem lại cho trại. Khối lương thực khổng lồ cho súc vật do Sêrê trồng trọt.

Nhà máy xay gió. Quan hệ giao thiệp với các giới nông dân: nhóm tập thể bản nông, nhóm kulắc, nhóm trung nông. Giao thiệp với nhóm sau này khó chịu nhất: họ say rượu, mất trật tự, đánh nhau, chửi bậy. Cách chữa “Thủy trị pháp” của Ôtxatsi và Lapô đối với những nông dân say nói tục nhất. Danh tiếng của “phòng bác sĩ” lan khắp vùng.

Bầu lại Xô-viết thôn: Pavlô Pavlovich Nikôluienkô làm chủ tịch. Đônit Kutlaty vào Ủy ban, làm đại biểu cho các trại viên.

9. Đội đặc biệt bốn

Đội đặc biệt bốn của Burun gồm 50 người đập lúa. Tinh thần lao động gương mẫu. Các giáo viên và tất cả công nhân viên của trại đều tham gia đội đó. Riêng có Maria Kônđratiepna không đứng vào hàng ngũ; Makarenkô khuyên bà nên vào, và Burun phân công cho bà giữ việc ghi sổ lúa đập được.

Một ngày làm việc của đội đặc biệt bốn: 4 giờ sáng chào cờ, rước cờ đi ra sân đập lúa. Các đồng lúa của các loại lúa đã dựng sẵn. Máy hơi nước lưu động thuê ở làng bên, máy đập lúa của trại mới mua. Burun bố trí các đội viên. Nhạc khúc du dương của lao động. Các hình dáng người phủ bụi lúa. Tính vui vẻ pha trò của Lapô làm cho mọi người quên nhọc mệt. Hấn gọi Galatenkô, bảo đi lấy “tay thay đổi” ở phòng ngủ. Rồi hấn phản đối việc làm thêm nửa giờ, để đòi làm mau xong hơn, chỉ trong 15 phút.

Độ 9 giờ rưỡi tối thì xong việc đập lúa, ai nấy mệt mỏi muốn ngủ dụi. Rước cờ về bạch cung. Ông già Vônôvich ở thôn Vônôvi sang xem máy đập, nhớ tới những đám rước ngày mùa có cha cố trước kia và tán thành việc tổ chức ngày hội mùa. Tắm xong, ai nấy vui vẻ ăn uống ở trong vườn, cảm xúc mới mẻ của Maria Kônđratiepna, sau khi trở lại lao động với mọi người.

Xilanti báo tin chủ nhật sau người ta đến “hỏi” Ôlia cho Paven, Makarenkô nhờ bác thu xếp mọi sự làm theo tục lệ để tiếp những người làm mới.

10. Lễ cưới

Makarenkô và Kalina Ivanôvich tiếp các ông “mối”: Kuzma Pêtrôvich Môgôzyl và Ôtxip Ivanôvich Xtômukha. Họa tượng hai người. Câu chuyện trao đổi theo tục lệ. Xilanti, Êkatêrina Grigôriepna và bọn trẻ chuẩn bị các nghi thức và lo thu xếp bữa ăn tiếp “mối”.

Hỏi ý kiến hội đồng đội trưởng. Danh sách các đội trưởng và thành phần hội đồng. Thảo luận khá gay go về vấn đề không làm lễ cưới ở nhà thờ và vấn đề của hội môn. Hội đồng quyết định sẽ cho Ôlia một món hồi môn to hơn hết cả những món hồi môn của các thiếu nữ trong vùng từ trước đến giờ. Sự cảm động của các ông mối. Tiệc rượu mừng sau đó. Xe ngựa tiễn các ông mối ra về.

Ngày cưới vào giữa tháng tám. Công việc trang trí của nhóm nghệ thuật. Quang cảnh trại và cảm nghĩ về sự trưởng thành của trại, về hướng tương lại của đời các trại viên. Antôn Makarenkô và Maria Kônđratiepna đi xem triển lãm của hội môn. Sự ghen tức của các bà mẹ nông thôn xem triển lãm.

Lễ cưới: tiệc mừng, tiếp khách. Đội mười một tiếp các ông già; Tôxka nói chuyện với Kôđia, và Sura với một nông dân già. Đội chín với nhóm khách ở nhà máy xay; Lapô và Taranet tịch thu các chai rượu vôtka, chòng ghẹo đùa bác thợ xay bột và bàn kế toán bằng cách pha rượu. Đội tám bảo vệ sát tới gần nhóm nói chuyện về công xã của Nextêrenkô.

Tốp phụ nữ nông thôn say rượu nhảy múa, bảo Ôlia phải đội mũ chóp. Ôlia cự tuyệt việc đó.

Chuẩn bị diễn kịch “Hôn lễ” kết thúc ngày lễ cưới.

11. Sầu cảm

Sau ngày cưới ít lâu, các học viên trường trung học công nông dời trại tỵ trường: Biêlukhin, Burun, Karabanốp, Zadôrốp, Krainik, Vecsonep, Gôlôt, Naxchia Nôtsêvnaia, tám người gồm thành đội đặc biệt bảy, do Zadôrốp làm đội trưởng.

Nỗi buồn của các trẻ nhỏ và của tất cả mọi người, từ các giáo viên đến các trại viên, ở lại cũng như ra đi. Đau khổ chia ly.

Những ý nghĩ buồn riêng của Makarenkô về công tác giáo dục gian khổ, gay go và bạc bẽo. Trao đổi ý kiến với Êkatêrina về vấn đề nòng cốt.

Tiệc tiễn hành. Lapô diễn hài kịch về cảnh các học viên tám năm sau đây. Vui gượng gạo.

Đội ngũ tiễn chân ra ga. Điệu hành khúc. Niềm kiêu hãnh của các trại viên. Ôlia Vônônôva phi ngựa đuổi theo đi tiễn. Lời căn dặn của Lapô ở nhà ga.

Gut buồn uống rượu say, nói chuyện sầu cảm với Makarenkô. Ông tha phạt nó. Kutlaty phát giày cho mùa đông.

12. Mùa thu

Sang mùa đông, xếp củ cải cho súc vật ăn vào hầm chứa: công việc đơn điệu và mệt nhọc. Bọn trẻ nhại cách Sêrê căn dặn làm việc cẩn thận.

Công việc cày đất: các đội đặc biệt một và hai gom những trại viên cũ làm khỏe nhất. Thi đua tự phát giữa Kôrytô và Fêđôrenko, đội trưởng các đội đó. Một lần, Fêđôrenko bị điều sang đội của Kôrytô, khiến năng suất cao hẳn lên. Bị Lapô nói khích, Makarenkô yêu cầu hội đồng đội trưởng lại cho Kôrytô sung vào đội mình và chỉ huy hẳn ráo riết; quả nhiên năng suất đạt được cao vọt lên hơn hết các lần trước, và Fêđôrenko vẫn dẫn đầu phong trào.

Cuộc sống lao động của trại trở lại bình thường, không buồn rầu vì chuyện nhóm học viên đi nữa. Thư của Zăđôrôp gửi về báo cáo hàng tuần công việc học hành và sinh hoạt của họ, yêu cầu chấp nhận Ôxana và Rasen vào đội đặc biệt bảy, mách chuyện Karabanôp với một cô gái ở Tsecnigôp.

Phong trào học để vươn tới trường trung học công nông lên cao. Marutxia Leptsenkô tiến bộ và đẹp hẳn lên, Natasa rất ham học và cũng tiến bộ rất mau. Tình cảm của cô đối với Tsôbô vẫn khăng khít như cũ, nhưng cô được nhiều người yêu mến hơn. Tsôbô buồn, xin về quê thăm anh ruột vào cuối tháng chạp.

Phong cách mới của trại. Thư trao đổi với Maxim Gorki. Lòng sùng bái có tính cách tôn giáo của các trại viên đối với ông đổi thành lòng yêu mến. Gut muốn đóng ủng biếu ông. Ý kiến của bác thợ giày ngoài tỉnh và của Kalina Ivanôvich khiến hấn băn khoăn lo lắng. Nhưng Gorki trả lời ông không cần đến ủng.

Một việc lớn: Maria Kônđratiepna đưa bà Đjurinxkaia (Liubôp Xavêliepna) đến thăm trại, kiểm tra về vấn đề kỷ luật. Makarenkô tránh tranh luận về vấn đề đó. Bà ở lại trại bốn ngày, chứng kiến việc Kôxchia Vetkôpxki giở quẻ xin bỏ trại và ra đi với 20 rúp của trại cho. Bà sững sốt vì sức mạnh của tập thể trong các phiên họp hội đồng đội trưởng. Makarenkô tiễn bà ra ga; lúc ra đi, phạt giam Antôn Braisenkô vì lỗi để xe đi tuyết bấn. Đến ga, Đjurinxkaia mới nói tới chuyện ấy và tỏ ý thần phục cái tinh thần kỷ luật của các trại viên!

13. Những nét nhân nhó của ái tình và năng thơ

Đầu năm 1925, Ôpriskô định lấy Marutxia con gái lão kulắc Lukasenkô, xin hội đồng đội trưởng cũng cho vốn riêng như Ôlia để đến ở nhà bố vợ, nhưng hội đồng không chấp thuận. Hấn buồn, uống rượu say làm náo loạn phòng ngủ. Hội đồng đội trưởng họp để xét xử hấn. Hấn phân trần, làm mất phục tòng, nhưng bị các trại viên giễu cợt và sau cùng Snaide lên tiếng, đòi đuổi hấn ra khỏi trại. Quá trình Snaide được bầu lên thay Karabanôp làm đội trưởng đội tám. Toàn thể hội đồng tán thành đề nghị của Snaide.

Chỉ riêng có Gêorghieepxki không tán thành, nhưng với tư cách đội trưởng trực nhật, hấn vẫn nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của hội đồng.

Ôpriskô đến ở nhà Lukasenkô. Các trại viên kháo là Marutxia đã cảm đầu tất cả chuyện này.

Mùa xuân trở lại. Cuộc sống bình thường của trại vẫn tiếp diễn.

14. Cầm kêu ca

Học viên trường trung học công nông về nghỉ học kỳ mùa xuân. Buổi tối nói chuyện về các việc đã xảy ra ở trại, họ bàn về tương lai của trại nên hướng về công nghiệp và nên dời trại đi nơi khác. Họ sung sướng làm các công việc đồng áng và ăn tết Một tháng Năm ở trại.

Trại vẫn phấn khởi hướng đi lên, khi bước sang năm 1925.

Duy chỉ có vấn đề Tsôbô còn eo óc. Hấn ở nhà anh ruột trở về trại vào tháng ba, ngỏ ý muốn lấy Natasa, nhờ Makarenkô nói hộ và dọa tự tử nếu Natasa không về ở quê nhà hấn. Makarenkô nói chuyện với hấn cả một đêm, không kết quả. Hôm sau, ông ước hỏi ý Natasa. Cô muốn được học: ông không lẽ bảo cô đi theo Tsôbô.

Tsôbô thất vọng. Makarenkô theo dõi hấn cẩn thận. Hôm trước ngày 1-5, trời chốc chốc lại mưa. Chuẩn bị ngày hội. Đội trống, việc huấn luyện họ và tài đánh trống của họ. Buổi tối, trong buổi họp kiểm điểm, mọi người quyết định rằng ngày mai dù trời mưa, trại cũng sẽ cứ đi ra tỉnh mít-tinh, nhưng giao hẹn ai nấy: “Cầm kêu ca!”. Hôm sau, lúc đi bị mưa to, và ra đến tỉnh mới biết cuộc mít-tinh đã bãi bỏ.

Trên đường về trại, trời càng mưa hơn, nhưng ngoài trại viên vẫn giữ hàng ngũ và hát vui vẻ. Tsôbô không hát và vẫn có vẻ ngẩn ngơ. Về đến trại, bọn trẻ tung Makarenkô lên hoan hô và buổi tối, ở câu lạc bộ, họ trưng thêm một khẩu hiệu. *Cầm kêu ca!*

15. Những người khó chịu

Tsôbô treo cổ chết trong đêm 3-5. Phản ứng của các trại viên: Lapô, Fêđôrenkô, Kôvan, Marutxia đều chê trách hấn. Marutxia nhận đỡ đầu cho Natasa cùng với Makarenkô, Maria Kônđratiepna và ông dự thăm đến. Ông chỉ làm biên bản rồi đi. Maria buồn bã, trách bọn trẻ vẫn cười đùa.

Tiền chân các học viên ra ga về trường họ. Trong khi đi đường, cùng họ nói chuyện về phương hướng mới của trại cần di chuyển đi nơi khác, Makarenkô suy nghĩ và chợt tìm ra chân lý: phải có sự thay đổi, không được giậm chân tại chỗ. Khi về đến trại có một ban kiểm tra đã đến: Liubôp Xavêliepna, Brêgen, Tsaikin.

Makarenkô trình bày công tác của trại qua năm năm thí nghiệm. Tsaikin vặn hỏi nhiều điểm, Makarenkô không trả lời. Ý kiến trao đổi sau đó với bà Brêgen. Makarenkô nói riêng với bà Liubôp, ngỏ ý xin một nơi khác rộng rãi hơn cho trại, được bà đồng ý nguyên tắc.

Thái độ ôn hòa của Brêgen san khi kiểm tra.

16. Xứ sở của những người Zapôrôgơ

Mùa hè trở lại. Các học viên trở về nghỉ, đem theo về: Ôxana, Rasen và cả cô gái ở Tsecnigôp, tên là Galia Pôtgornaia, mà Karabanôp giới thiệu là anh em, Lapô vui vẻ chất vấn cô rồi cả trại nhận cô làm trại viên. Thủ lục kết nạp bắt trước phong tục Zapôrôgơ, vì các trại viên đều mơ ước tới khu Zapôrôjiê, sau khi trại tiếp được tin dự đoán của bà Đjurinxkaia. Trong khi chờ đợi, họ đọc “Taratxo Bunba” và chơi đùa bắt chước lối sinh hoạt Zapôrôgơ.

Hết hè, học sinh lên trường, đem đi theo năm đội trưởng nữa: Antôn Braisenkô, Ôtxatsi, Gêorghieepxki, Snaide và Marutxia Leptsenkô. Các trại viên nhỏ trước kia lên chức thay họ chỉ huy các đội, và cuộc sống cần lao ở trại vẫn tiếp tục như cũ.

Sang thu mới được tin đề nghị đi thăm điền trang Pôpôp ở khu Zapôrôjiê. Makarenkô với Michia Jêvêli đi thăm. Tưởng tượng cuộc tiếp đón và sự thực: ông chủ tịch khu đất có thiện cảm với Jêvêli. Cuộc đi thăm các lâu đài, dự tính các công việc tu sửa và khả năng tiếp thu được đến 800 trại viên. Một ông già hay nói chuyện chỉ cho gặp công xã nông dân. Tranh cãi khá lâu, sau cùng thỏa thuận việc chia đất với trại để lên xin Ủy ban Nông nghiệp phê chuẩn. Khi về trại báo tin, Makarenkô và Jêvêli được hoan nghênh nhiệt liệt.

Mơ mộng của các trại viên. Ý nghĩ của tác giả về những ước mơ chính đáng và sự cần thiết, trong công tác giáo dục, phải đặt trước mắt đứa trẻ một tương lai tốt đẹp. Bàn soạn việc đi: Kalina và vợ chồng Ôtxipôp ở lại, còn tất cả mọi người đều vui lòng đi theo trại.

Ước mơ ấy được Ủy ban Giáo dục, Brêgen và cả đến Ủy ban Nông nghiệp cũng đều ủng hộ, nhưng gặp trở ngại ở Ủy ban Tài chính. Dự kiến bị bác bỏ. Vỡ mộng. Makarenkô buồn rầu trở về trại. Nhớ lại tuần lễ trước các trẻ còn ra đón, báo tin con Zorka đẻ ra một ngựa con, và chúng đặt tên con ngựa đó là Zapôrôgơ.

17. Phải tính như thế nào

Những cuộc đi thăm dò vô hiệu quả để tìm nơi khác, trong số đó có trại nhi đồng Kuriajê ở gần Khackôp, gồm 400 trẻ nuôi hư hỏng. Các trại viên gạt bỏ ngay không bàn tới cái trại sắp tan rã ấy. Nhưng Makarenkô được dự một buổi họp nghe ông thanh tra giáo dục Iuriep báo cáo về nó: cảm tưởng nặng nề. Câu chuyện trao đổi với Iuriep, Makarenkô nhận lời cùng Iuriep và Khalabuda, chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Nhi đồng, đi thăm trại Kuriajê.

Họa tượng Khalabuda. Tả cảnh trại Kuriajê. Cuộc đi thăm quan do ông giám đốc trại hướng dẫn: chỗ nào cũng tan hoang, bẩn thỉu, vô tổ chức. Hỏi chuyện một em bé về đời sống ở trại. Tiếp tục đi thăm: các xưởng, cánh đồng, Khalabuda nói về lúa hắc mạch.

Trên xe về Khackôp, Iuriep đề nghị Makarenkô nhận lấy trại. Tiếp tục bàn chuyện ấy ở phòng giấy Đjurinxkaia. Makarenkô ra ga về. Ý kiến của Karabanôp và Zăđôzôp đi theo tiễn chân.

Hội nghị toàn trại nghe Makarenkô báo cáo. Thái độ diễu cợt của các trại viên. Ý kiến phản đối củ Kutlaty và Ivan Ivanôvich khiến các trại viên phân vân. Kalina Ivanôvich phát biểu ý kiến, kêu gọi các trại viên nên nhận lấy nhiệm vụ giáo dục vinh quang. Sự hoan nghênh nhiệt liệt của các trại viên. Quyết nghị. Điện tín gửi đi Khackôp nhận trại Kuriajê.

18. Hòa lực thăm dò

Điện trả lời của Khackóp. Những trở lực mới: những điều kiện không thể nhận được của Brêgen: thái độ tiếc tiền của Khalabudá; sự phản đối dữ dội của Klame, đại biểu công đoàn. Tin phao đồn do các giáo viên Kuriajê tung ra rằng các trại viên Kuriajê sẽ đánh các trại viên Gorki. Sự ác cảm chân thật của nữ đồng chí Zôla.

Vấn đề được đưa lên cấp bậc cao của Đảng quyết định. Cuộc nói chuyện với đồng chí cấp trên: Makarenkô thắng lợi.

Các trại viên Gorki chuẩn bị tinh thần đi Kuriajê. Mỗi lần Makarenkô ở tỉnh về, ông đều được các trại viên đón tiếp với tất cả lòng sốt ruột mong chờ.

Trong một buổi họp toàn trại đầu tháng 5, Makarenkô báo cáo về tờ hợp đồng và công lệnh của Ủy ban Giáo dục quyết định việc di chuyển trại Gorki đến Kuriajê. Sự trầm lặng của các trại viên khi nghe báo cáo đó. Lapô nhắc lại khẩu hiệu: “Cấm kêu ca!”. Kalina Ivanôvich khuyến khích các trại viên tiến lên làm nhiệm vụ.

TẬP 3

Đánh máy: 4DHN, Phuong.ptt, tmrquan, welcom1985, je_ry, lemontree123

Sửa lỗi: lemontree123

Là nhà tư phạm lớn nhất của thời đại chúng ta, Makarenkô cũng có quyền được xem là một trong những người sáng lập ra những đại biểu lớn nhất của khoa tư phạm học xô-viết... Đặc biệt là trong BÀI CA SỰ PHẠM, Makarenkô tỏ ra là một nhà nghệ thuật có tài, trên cơ sở những tài liệu cụ thể của cuộc sống đã tái hiện quá trình hình thành con người mới...

S.O. MÈLÍCH NUBARÔP

Chuyên gia Liên-xô, nguyên giáo sư tại trường Đại học Tổng hợp Việt-nam (1960)

1. NHỮNG CÁI ĐÌNH

Hai hôm sau, tôi phải nhận quyền quản đốc trại Kuriajê, nên ngày hôm ấy cần phải làm, phải nói cái gì với hội đồng đội trưởng, để cho trong khi vắng tôi các trại viên vẫn có thể tổ chức được cái việc vô cùng khó khăn: nhổ trại và vận chuyển tất cả mọi người với toàn bộ hành trang, khí giới sang bên đó.

Ở trại, những lo sợ và hi vọng, những não cân căng thẳng, những con mắt sáng ngời, những ngựa và xe tải, cả một biển xao động những chi tiết vụn vặt, những lời dặn dò quên mất và những dây thừng thất lạc, hết thấy những cái đó chằng chịt quấn lấy nhau thành một búi phức tạp hết sức, khiến tôi không tin rằng các trại viên có thể xoay sở gỡ nổi.

Mới có một đêm trôi qua từ sau khi nhận bản hợp đồng giao trại Kuriajê cho chúng tôi, vậy mà trại đã chuẩn bị được sẵn sàng để ra đi, cả về mặt tinh thần, nhiệt tình lẫn nhịp độ. Bọn trẻ không sợ Kuriajê, có lẽ là vì chúng chưa nhìn thấy nó trong tất cả sự lộng lẫy kỳ quái của nó. Kuriajê vẫn là một ảo ảnh không thể nào rút ra khỏi tâm trí tôi, khác nào một trong những con ma cà rồng khủng khiếp và quái đản nọ, có thể tóm chặt lấy cổ họng tôi, mặc dầu cái chết của nó đã được chính thức công nhận từ lâu rồi.

Hội đồng đội trưởng đã quyết nghị rằng: sẽ chỉ có chín trại viên và một giáo viên cùng đi với tôi sang trại Kuriajê thôi. Tôi yêu cầu cho thêm người. Tôi vạch ra rằng với những lực lượng ít ỏi như vậy thì chúng tôi sẽ chẳng làm được trò trống gì, trừ phi làm mất uy tín của trại Gorki, rằng tất cả các giáo viên của Kuriajê đã bị thải hồi và, ở bên ấy, có rất nhiều người căm ghét chúng tôi thâm độc.

Kutlaty trả lời tôi với một nụ cười châm biếm đáng yêu:

- Hỏi cho cùng, thì dù bác đem đi mười người hay hai mươi người, cũng thế thôi: bác sẽ chẳng làm trò trống gì hết. Nhưng khi nào tất cả mọi người đến nơi, thì bấy giờ lại là chuyện khác, ta sẽ nắm lấy chúng cả một mẻ. Bác hãy nhớ rằng bọn chúng có ba trăm đứa. Thế nào ta cũng phải chuẩn bị mọi sự cho tốt chứ. Bác hãy xem thử, chỉ riêng lợn cũng đã có ba trăm hai mươi con phải chuyên chở rồi. Và ngoài ra, xin bác hãy lưu ý: không biết các người ở Khackôp đã phát điên, hay họ cố tình làm như vậy: ngày nào họ cũng tống đến cho chúng ta những đứa mới.

Những trẻ mới đến cũng gây cho tôi một mối lo lắng nặng nề. Chúng vừa làm loãng cái tập thể của chúng tôi, vừa là một trở ngại khiến không thể nào duy trì được trại Gorki trong tất cả sự thuần khiết và tất cả sức mạnh của nó. Vậy mà, với cái đội nhỏ nhoi của chúng tôi, chúng tôi phải tấn công vào một đám quần chúng ba trăm đầu người.

Trong khi chuẩn bị chiến đấu với Kuriajê, tôi dự tính đánh một đòn sấm sét; nhất định phải hạ cả bọn trẻ đó nhất loạt ngay một lúc. Kéo dài, hi vọng vào một cuộc tiến triển, trông đợi ở sự “thâm nhập dần dần”, sẽ biến công cuộc của chúng tôi thành một việc bấp bênh. Tôi biết rất rõ rằng những cái “thâm nhập dần dần” không phải sẽ chỉ là những hình thức, truyền thống, phong cách của trại Gorki mà thôi, nhưng cũng sẽ là cả những truyền thống hỗn loạn của Kuriajê nữa. Thành thử các nhà trí giả ở Khackôp khi nhân mạnh đòi hỏi sự thâm nhập dần dần, nói thực ra, đều đã ngồi vào những chiếc ghế cũ kỹ thủ công nghiệp: họ trông mong rằng những đứa trẻ tốt sẽ ảnh hưởng tốt đến những đứa xấu. Song tôi đã biết trước rằng trong một tập thể có những hình thức tổ chức lỏng lẻo, những đứa trẻ ưu tú bậc nhất lại rất dễ biến thành những con thú dữ nhỏ. Tôi không công khai tranh luận với các nhà “trí giả” đó, vì tôi tính toán một cách hết sức chính xác rằng đòn quyết định sẽ được giáng trước khi kịp xảy ra những chuyện ồn ào bàn tán. Nhưng các trẻ mới đến gây trở ngại cho tôi. Kutlaty thông minh đã hiểu rằng phải chuẩn bị việc di chuyển chúng sang Kuriajê cũng cẩn thận như chuẩn bị di chuyển tất cả các tài sản khác của trại.

Vì thế cho nên khi dẫn đầu “đội đặc biệt tiên phong” đi sang Kuriajê, tôi không khỏi hết sức lo âu ngoài đầu nhìn lại phía sau. Mặc dầu Kalina Ivanovich đã hứa sẽ quản đốc trại cho tới giờ phút cuối cùng, song cuộc chia tay sắp tới khiến bác hết sức hoang mang buồn bã, nên bác chỉ còn có thể đi lang thang vờ vẩn giữa đám trại viên, khó khăn lắm mới nhớ ra một vài chi tiết về các công việc của trại, để rồi lại quên ngay tức khắc, tấm lòng già tràn ngập một nỗi buồn chua chát. Các trại viên nghe những lệnh của Kalina Ivanovich với một vẻ kính nể âu yếm, đáp lại bằng cái chào của họ, điếm theo một tiếng “Rô!” ân cần và nhanh nhẩu, nhưng khi trở về chỗ làm việc, họ vội giũ bỏ ngay cái tình cảm thương hại vương bận nợ đối với ông già, để bắt đầu suy nghĩ về chính những lo âu của họ.

Tôi giao lại cho Kôvan chỉ huy mọi việc ở trại, hấn chỉ sợ nhất là bị công xã Lunatsacxki “cho vào xiềng” vì công xã được lấy lại của trại cả điền trang với những ruộng đã gieo mạ và nhà cối xay gió. Các đại biểu của công xã đã bắt đầu chỗ mũi vào các bộ phận guồng máy của trại, và bộ râu đỏ hung của chủ tịch Nextêrenkô đã từ lâu nhòm ngó Kôvan một cách nghi kỵ. Ôlia Vôrônôva không thích những cuộc tranh đấu ngoại giao giữa hai người và thường tìm cách khuyên bảo Nextêrenkô:

- Nextêrenkô, anh về đi. Anh sợ cái gì? Ở đây chẳng có ai là kẻ lừa gạt cả. Đi về đi, tôi bảo anh mà!

Nextêrenkô chỉ mỉm cười ranh mãnh bằng khước mắt, và hắt đầu chỉ Kôvan đang đỏ mặt tía tai tức giận:

- Này cô Ôlia, cô biết cái con người đó chứ? Hấn là kulắc, một tên kulắc từ trong xương trong tủy...

Kôvan lại càng bối rối và tức giận, cứ cố gân cổ lên mà nói:

- Thế anh tưởng là thế nào? Bao nhiêu sức lao động của anh em đã bỏ vào đấy, dễ thường tôi đem cho không anh hấn? Tại sao lại thế! Vì anh là công xã Lunatsacxki phỏng? Các anh đã ăn cho đầy điều vào và lúc nào cũng làm ra mặt bần nông... Anh trả tiền đi!

- Nhưng mà, này, anh nghĩ hộ xem, tôi lấy gì mà trả chứ?

- Thì việc gì tôi phải nghĩ hộ chuyện ấy! Anh thì anh đã nghĩ chuyện gì, khi tôi hỏi anh; chúng tôi gieo hạt nhé? Cái giọng của anh lúc bấy giờ mới ra phết ông chủ chứ: gieo đi! Đã vậy, thì đấy, anh trả tiền đi! Trả cho lúa tiểu mạch và lúa hắc mạch và cho củ cải...

Ngheo đầu về một bên, Nextêrenkô cời túi đựng thuốc lá, moi tìm kỹ ở đáy túi và mỉm cười với vẻ một người có lỗi:

- Có thể, đúng đấy, phải, tất nhiên... những lúa giống... Nhưng sao lại đòi trả công lao động? Anh em rất có thể lao động ủng hộ cho công xã, như người ta nói...

Kôvan cau tiết, đứng phắt dậy khỏi ghế ngồi và bước ra đến cửa còn quay đầu lại, tức sôi lên như phát sốt:

- Với danh nghĩa gì mà xin ủng hộ, hử bầy quý đại lãn!^[155] Các anh là cái gì, một lũ ốm à? Lên mặt ta đây là xã viên thế mà ngoác mồm ra hòng nuốt tươi sức lao động của trẻ con. Các anh không chịu trả: được, tôi để lại tuốt cả cho tụi ở Gôntsarôpka.

Ôlia Vôrônôva đuổi Nextêrenkô về nhà, và chỉ sau một khắc đồng hồ đã thấy cô ta đang thủ thi trong vườn với Kôvan, kết hợp trong con người mình với một tài khéo thuần túy phụ nữ những thiện cảm trái ngược của cô đối với trại và đối với công xã. Ôlia coi trại như người mẹ đẻ, nhưng ở trong công xã thì cô nghiêm nhiên chỉ huy, khuất phục nam giới bằng cái vốn hiểu biết rộng về nông học, thừa hưởng được của Sêrê, thu hút nữ giới bằng lời tuyên truyền kiên quyết và nhiệt liệt về mặt giải phóng phụ nữ, và khi gặp những trường hợp hoặc sự việc gay go, thì huy động một đội xung phong gồm

hơn hai chục, nam nữ thanh niên vẫn răm rắp theo cô như theo Thánh nữ đồng trinh của thành Orléan vậy.^[156] Ôlia đã được bồi dưỡng về mặt văn hóa, về mặt nghị lực và lòng tin tưởng kiên quyết, tất cả những thứ đó như thấm nhuần sâu sắc vào từng thớ thịt trong con người cô, cho nên Kôvan, khi trông thấy cô, rất lấy làm kiêu hãnh và chỉ nói vắn tắt:

- Sự nghiệp tác thành của trại ta đây!

Ôlia hãnh diện vì món tặng phẩm hậu hĩ của trại Gorki để lại cho công xã Lunatsacxki, dưới hình thức một điền trang chỉnh đốn trật tự, cấy luân phiên toàn bộ trong sáu năm, song món tặng phẩm ấy đối với chúng tôi là một sự tai hại lớn về kinh tế. Sự quan trọng của vốn lao động đầu tư vào quá khứ được cảm thấy rõ rệt không ở đâu bằng trong nông nghiệp. Chúng tôi biết rất rõ phải tốn bao nhiêu công sức trong việc làm cỏ, phối hợp các mảnh đất trồng luân phiên, chỉnh đốn và thu xếp từng chi tiết, giữ gìn sao cho được luôn luôn sạch sẽ từng chiếc bánh xe nhỏ, từng yếu tố của một tiến trình chậm chạp, lâu dài và không có một chút vẻ ngoài hào nhoáng nào hết. Sự giàu có thật sự của chúng tôi nằm sâu trong các rễ chằng chịt của cây cối, trong các ngăn chuồng thoải mái, an bài thích hợp, trong lòng những dụng cụ vô cùng đơn giản như các bánh xe, càng xe, vành tay lái, cối xay nhỏ. Vậy mà bây giờ chúng tôi phải bỏ lại rất nhiều những đồ vật cần thiết ấy và vứt nhiều thứ khác ra khỏi sự hòa hợp chung để đem xếp đóng cả lên những toa xe lửa chật chội, nóng bức ngột ngạt, cho nên người ta bắt đầu hiểu rõ tại sao bộ mặt Sêrê đã biến thành xanh nhợt, ủ rũ, và trong dáng đi của anh ta đã xuất hiện một vẻ gì như kẻ bị nạn cháy nhà.

Nỗi buồn đó không ngăn trở Êđua Nikôlaiêvich chuẩn bị thu vén các kho báu của anh ta cho cuộc hành trình với một sự bình tĩnh khôn phép, thành thử lúc lên đường đi Khackôp với đội tiền phong, tôi đã phóng tâm, tránh nhìn cái bóng dáng ảo não của anh ta. Chung quanh chúng tôi, các trại viên vẫn quay đảo lảng xảng như một bầy tiểu thần tiên, quá chừng vui vẻ và bận rộn.

Những giờ sung sướng nhất của đời tôi cứ xa đi dần. Ngày nay, có đôi khi tôi buồn rầu hối tiếc rằng đã không dừng lại với một sự chăm chú thành kính và đặc biệt ở khoảng thời gian ấy, đã không buộc mình nhìn vào tận mắt cuộc đời vô cùng đẹp đẽ ấy với một vẻ đắm chiều tha thiết, đã không giữ lại để nhớ mãi không bao giờ quên những phản ánh, những đường nét và màu sắc của mỗi khoảnh khắc, mỗi cử động, mỗi lời nói.

Hồi bây giờ hình như tôi thấy rằng số một trăm hai mươi trại viên của chúng tôi không phải chỉ là một trăm hai mươi đứa trẻ vô thừa nhận đã tìm được nơi ăn chốn ở và công việc làm. Không, đó là một trăm vốn điện thể đạo đức, một trăm nghị lực điều hòa phối hợp, một trăm cơn mưa tốt lành mà thiên nhiên, chính cái mệnh thiên nhiên đầy kiêu ngạo và tính thất thường kỳ lạ nọ, đang hân hoan và nóng lòng chờ đón.

Trong những ngày ấy, thực khó lòng thấy được một trại viên đi lại với một dáng dấp bình tĩnh. Chúng đã nhiễm thói quen chạy, hay đúng hơn bay từ chỗ này sang chỗ nọ, như những con én, lúc nào cũng kêu chiêm chiếp một cách bận rộn như thế, lúc nào cũng theo đúng kỷ luật một cách chính xác và tốt đẹp như thế, và cử động lúc nào cũng, duyên dáng như thế. Thậm chí có lúc tôi đã đâm ra đại dốt, nghĩ rằng: những người sung sướng chẳng cần gì đến một uy thế nào câu thúc, vì thay cho sự câu thúc đã có cái bản năng mới mẻ và hoan hỉ nọ của người, khiến ai nấy đều biết rất rõ mình phải làm gì và làm như thế nào.

Đã có những lúc tôi nghĩ như thế đấy. Song thường thì tôi bị xô ngã rất mau từ trên những tầng cao tư tưởng hỗn loạn ấy xuống mặt đất, vì có những câu hỏi dồn của một chú Aliôsa Vonkôp nào đó, đang bọc bọc quay cái bộ mặt tàn nhang của chú về phía xảy ra chuyện:

- Mà làm gì thế, hờ thẳng xuẩn? Mà dùng đinh nào để đóng cái hòm ấy? Để thường mày tưởng

những đinh ba đốt^[157] đi nhơn nhơ trên đường cái đầy phồng?

Thằng bé hăm hở, mặt mũi đỏ gay, hạ búa xuống với cái vẻ bức dọc không chịu nổi, và bồi rôi lấy búa gãi gãi gót chân để trần:

- Ô, thế thì phải lấy đinh mấy đốt mới được cơ?

- Hôm ấy thì lấy đinh cũ, mảy hiểu không, những đinh đã dùng rồi ấy. Hãy gượng! Mảy lấy ở đâu những đinh ba đốt này hả?

Ấy thế là... chuyện bắt đầu! Vonkôp cúi xuống tâm hồn thằng bé nọ, hăm hè phân tích cái thằng nhãi con đã đột nhiên mâu thuẫn với ý kiến để dành đinh mới ba đốt.

Phải, trên cõi đời này còn có những tấn bi kịch! Ít người biết những cái đinh đã dùng rồi là như thế nào. Phải khéo léo đủ cách mới rút được chúng ra khỏi những tấm gỗ cũ, những đồ gãy nát hư hỏng, và rút ra được những cái đinh vụn vẹo như những cẳng chân bị phong thấp, han rỉ, mũ méo mó, đầu cùn nhụt, thường bị gấp làm đôi, làm ba, quấn queo như những cái mở nút chai hay xoắn lại thành nút, tựa hồ cổ tình như vậy, thậm chí người thợ khóa khéo nhất cũng không tài nào làm ra nổi. Phải ngồi xem mà dùng búa với một mảnh sắt đường ray đánh lại chúng cho thẳng, và thường có khi búa chẳng nện vào đinh lại nện ngay vào ngón tay mình. Rồi sau cùng, khi đóng đinh cũ vào một đồ vật mới nào đó, thì nó quăn đi, gãy ra và đâm thọc ngay vào một chỗ không đáng đâm. Có lẽ vì thế nên bọn trẻ ở trại Gorki rất ghét những đinh cũ và xoay xở kiếm đinh mới bằng những cách khả nghi, thành thử lại gây nên những cuộc điều tra tư pháp, làm mất cả cái thanh danh to lớn và rạng rỡ của cuộc xuất chinh đi Kuriajê.

Không nào phải chỉ có chuyện đinh mà thôi! Tất cả những cái bàn gỗ mộc, những chiếc ghế dài “mộc mạc” kiểu rất tiểu tư sản, vô số những ghế đầu đủ thứ, những bánh xe cũ, những khuôn thợ giày, những cái bào, những sách nát rời, hết thảy những thứ tích lũy của một cuộc sống ru rú, chật chiu và phòng xa lối gia đình nội trợ, đều làm thương tổn cuộc viễn chinh anh dũng của chúng tôi... Nhưng bỏ lại những thứ đó thì thật tiếc.

Và lại còn những đứa trẻ mới đến! Mắt tôi ngại nhìn chúng mỗi khi bắt gặp những thân hình ngượng ngập và kỳ quái của chúng. Để chúng ở lại đây, chuyển ngẫm chúng sang một trại nhi đồng thiếu thốn nào đó bằng cách giám giữ cho trại ấy một món hối lộ dưới hình thức một cặp lợn con hay mười mười hai cân khoai tây chẳng? Tôi kiểm điểm qua cả bọn chúng và chia ra từng nhóm, xếp theo giá trị nhân tính và giá trị xã hội của chúng. Hồi đó mắt tôi đã khá thành thạo để chỉ thoát nhìn, cầm bằng dấu hiệu bên ngoài, những sắc thái tinh tế của vẻ mặt, giọng nói, dáng đi, và nhiều nét đặc biệt nhỏ nhặt khác của cá tính, và có thể căn cứ vào cái mùi xông ra ở người chúng nữa, mà nói trước ngay được về mỗi trường hợp riêng là có thể làm được cái gì với thứ nguyên liệu ấy.

Chẳng hạn, Ôlec Ôcnep. Có bỏ công đem theo nó đi Kuriajê không? Không, thằng ấy thì không thể nào để nó ở lại được. Đây là một mẫu người hiếm có và thú vị. Ôcnep, một gã mặt dày mảy dạn, phiêu lưu, mạo hiểm, có lẽ là dòng dõi những người Normăng^[158] ngày xưa, mà nó giống ở tầm vóc dong cao và lông tóc vàng. Có thể từ các ông tổ Varêgo^[159] của nó đến đời nó đã có qua vài thế hệ những người trí thức Nga nhân hậu, vì trán nó cao và thanh tú, cái miệng hóm hỉnh, xẻ như lưỡi kiếm từ tai nọ sang tai kia, đôi mắt tinh nhanh và màu xám. Ôlec đã bị bắt trong một vụ buu phiếu nào đó, vì thế nó mới bị tống đến trại với hai người canh vệ đi kèm. Ôlec Ôcnep vui vẻ ngoan ngoãn đi giữa hai người, mở to mắt tò mò nhìn vào cái tương lai không lấy gì làm dễ chịu lắm của nó. Sau cùng, được giải thoát khỏi hai người canh giữ nó, Ôlec nghe những lời căn dặn đầu tiên của tôi một cách chăm chú lễ phép và nghiêm chỉnh, thân thiện làm quen với các trại viên cũ, nhìn bọn trẻ con với một vẻ ngạc nhiên vui thích, rồi, đứng ở giữa sân, dặng hai cẳng chân mảnh khảnh, nó phá lên cười:

- Thế ra cái trại ấy là đây à? Trại Maxim Gorki à?

- Ô, ra thế đó! Nào, thử xem sao...

Nó được đặt vào đội tám, và Fêđôrenkô nháy mắt nhìn nó với một vẻ nghi kỵ:

- Coi bộ mày như thế mà lao động... thì xem chừng, không lấy gì làm... làm hăng hái lắm! có phải không? Mà mày lại đeo một cái áo dài sát đít thế kia thì không thích hợp tí nào... mày có biết không...

Ôlec mỉm cười nhìn chiếc áo vét-tông công tử bột của nó, mà nó vén hết vạt nọ đến vạt kia lên, rồi vui vẻ nhìn thẳng vào mặt đội trưởng của nó:

- Cái này, cái này không hề gì đâu, đồng chí đội trưởng ạ. Áo vét-tông không làm trở ngại gì cả. Và nếu anh muốn, thì tôi cho anh đấy.

Fêđôrenkô cười phá lên, và các tay dũng sĩ của đội tám cũng cười theo.

- Nào thì đưa tao xem thử, xem ra thế nào?

Fêđôrenkô cứ mặc cái áo vét-tông chật căng của Ôlec mà đi khắp chỗ cho đến tối, khiến các trại viên thích thú vì cái vẻ diện oách chưa từng được thấy ở trại bao giờ, nhưng buổi tối thì hắn cởi trả Ôlec mà nghiêm khắc nói:

- Giấu cái của này đi, đừng để cho ai trông thấy nó nữa, rồi mày hãy mặc một chiếc áo đan không tay. Ngày mai mày sẽ đi chơi rong đằng sau cái máy gieo hạt.

Ôlec lạ lùng ngó đội trưởng của nó, rồi nhìn cái áo vét-tông với một vẻ giễu cợt:

- Xem chừng cu cậu này ở đây không thích hợp.

Sáng hôm sau nó mặc áo may-ô và lảm bảm một mình giọng mai mỉa:

- Vô sản! Phải đi chơi rong đằng sau máy gieo hạt. Cái nghề này hắn là mới mẻ.

Trong nghề mới mẻ ấy, chẳng có cái gì là Ôlec được như ý hết. Không hiểu làm sao cái máy gieo hạt không hợp với nó, và nó buồn rầu đi theo sau, vừa đi vừa vấp vào các tảng đất, thỉnh thoảng lại nhẩy lò cò một chân, trong khi nó vụng về cố rút một cái gai ra. Nó không tài nào điều khiển được máy và cứ ba phút lại một lần kêu lên, gọi người đi đầu:

- Xê-nho [\[160\]](#) ơi, xin quý ông hãy giữ ngựa quý ông lại, ở đây có tí chút vương mắc!...

Fêđôrenkô đổi nó sang công tác khác và giao cho nó điều khiển đôi ngựa thứ hai với cái bừa. Nhưng nửa giờ sau, Ôlec đã đuổi theo Fêđôrenkô và lễ phép yêu cầu rằng:

- Thưa đồng chí đội trưởng, đồng chí có biết thế nào không? Nó đã ngồi xuống.

- Ai đã ngồi xuống?

- Con ngựa của tôi đây này: nó đã ngồi xuống; anh ạ, và nó không động dậy gì nữa. Xin anh làm ơn nói với nó đi!

Fêđôrenkô chạy đến xem con Mary, ngã lộn xuống hai chân sau, và nổi giận:

- Đồ chết toi!... Mày làm thế nào mà ra thế này! Mày gây cho tao một chuyện mới rắc rối chữa! Cái cần ngang kia đem ra làm gì thế vậy?

Ôlec hết sức cố gắng làm dịu sự xúc động có tính cách nghề nghiệp ấy:

- Anh ạ, chả là có những thứ ruồi cứ bay mà lại!... Nó đã ngồi xuống như thế và không chịu động cựa gì nữa, trong khi đang cần làm việc, có phải không anh?

Từ đằng sau chiếc vòng cổ đã đưa lên đến tận tai nó, con Mary nhìn Ôlec với một con mắt đe dọa, khiến Fêđôrenkô cũng tức giận:

- Ngôi... Làm như thể một con ngựa cái cũng biết ngôi ấy! Nhắc nó lên!

Ôlec nắm lấy dây cương và hét con Mary:

- Ép!

Và Fêđôrenkô bật cười:

- Mà “ép” kêu để làm cái gì thế? Thế ra mà làm nghề xà ích à?

- Đồng chí thấy đấy, đồng chí đội trưởng ạ...

- Mà tại sao mà cứ luôn mồm nói với tao: đồng chí đội trưởng...

- Nhưng biết gọi thế nào chứ?

- Thế nào... để tao không có tên hăn?

- À, vâng!... Không, anh ạ, đồng chí Fêđôrenkô ạ, tôi không làm nghề xà ích, tất nhiên, nhưng xin thú thực với anh rằng đây là lần đầu trong đời tôi phải giao thiệp gần gũi với Mary. Tôi có những người quen, cũng tên là Mary,^[161] nhưng các cô đó thì lại là chuyện khác, bởi vì anh biết cho rằng... với những cái “cần ngang”, với “vòng cổ” này...

Đôi mắt đầy sức mạnh bình tĩnh của Fêđôrenkô nhìn một cách dữ tợn vào cái thân hình xơ xác và cầu kỳ của tên Varego, hăn nhỏ nước bọt, rồi bảo:

- Múa lười thế là đủ rồi, mà hãy liệu mà trông coi ngựa.

Đến tối, Fêđôrenkô dang hai cánh tay ra và, không vội vã, nói ý kiến nhận xét của mình:

- Nó làm được cái việc quỷ gì? Chỉ giỏi nghề ăn bánh tạc với chạy theo tán gái... Tôi cho rằng cái thằng đó không hợp được với chúng ta đâu. Và tôi còn có ý kiến nữa rằng: không nên đem theo nó đi Kuriajê.

Đội trưởng đội tám nhìn tôi với một vẻ nghiêm nghị và lo lắng, đợi tôi phê chuẩn lời phán quyết của hăn, Tôi hiểu rằng phán quyết ấy là ý chung của tất cả đội tám, một đội xuất sắc, như ai cũng biết, vì có những quan niệm tin tưởng vững chắc và những đòi hỏi cao đối với mọi người. Song tôi trả lời Fêđôrenkô:

- Chúng ta sẽ đem theo Ôlec đi Kuriajê. Sang đấy, chú sẽ giải thích cho đội hiểu rằng phải làm cho nó trở nên một người lao động. Nếu các chú không làm thế, thì sẽ chẳng có ai làm cả và Ôlec sẽ biến thành một kẻ thù của chính quyền xô-viết, một tên vô lại. Chú hiểu chứ?

- Vâng, tôi hiểu, – Fêđôrenkô đáp.

- Vậy thì chú hãy nói cho đội hiểu.

- Được, đúng thế, sẽ phải nói cho họ hiểu, Fêđôrenkô vội tán thành, trong khi đang có đã thiện chí, song bàn tay hăn, cũng vội vã như vậy, đã đưa lên ngay cái chỗ riêng mà người Xlavo chúng ta xưa nay, khi gặp phải những vấn đề nan giải, thường vẫn đưa tay lên đó.

Vậy là Ôlec sẽ đi Kuriajê. Nhưng Ujikôp thì sao? Tôi tức giận mà trả lời cương quyết rằng: Ackadi Ujikôp không được đến Kuriajê, và nói chung, nó hãy cút đi cho rảnh! Trong bất cứ ngành công nghiệp nào khác, giả thử đem cung cấp cho ai một thứ nguyên liệu không thích đáng đến như thế, thì nhất định người đó sẽ lập hết ban điều tra này đến ban điều tra nọ, thảo hết biên bản này đến biên bản nọ, yêu cầu Bộ N K V D^[162] và tất cả các cơ quan kiểm soát can thiệp, rồi nếu không làm thế nào được thì viết thư cho báo Sự thật và sau cùng thế nào cũng tìm ra được kẻ có lỗi. Không ai bắt buộc anh phải làm những đầu máy xe lửa với những thùng đựng nước cũ hoặc lấy vỏ khoai tây mà làm đồ hộp, còn tôi, tôi không phải làm đầu máy xe lửa, hay đồ hộp, nhưng phải tạo nên con người xô-viết chân chính,

với những nguyên liệu nào? Như Ackadi Ujikop ư?

Từ ngày còn nhỏ, Ackadi Ujikop đã đi lang thang trên đường cái và tất cả những bánh xe vành sắt của lịch sử và của địa dư đã lăn qua người nó. Cha nó không bao lâu bỏ gia đình. Nhà Ackadi lại có một người chủ mới, người này đã đóng một vai trong cái trò khi của chính phủ Denikin,^[163] đi theo chính phủ đó, người cha mới của Ackadi và tất cả nhà nó quyết định rời bỏ xứ sở để đi ở nước ngoài. Số phận trớ trêu lại chỉ định cho họ tới một nơi ít thích hợp đến như Giêrudalem. Ở thành phố ấy, Ackadi Ujikop mất tiết cả cha lẫn mẹ, chết vì bệnh tật thì ít mà vì sự bạc bẽo của người đời thì nhiều, thành thử nó sống trôi nổi trong khung cảnh kỳ lạ giữa những người A-rập và các dân tộc thiểu số khác. Trong thời gian ấy, người cha đẻ của Ujikop đã nắm được những bí mật của chính sách kinh tế mới, và do đó đã trở nên một thành viên của một xí nghiệp liên hợp nào đó, ông ta bỗng quyết định thay đổi thái độ đối với kẻ nổi dối của mình. Ông ta lòng tìm đưa con bất hạnh và khéo biết lợi dụng tình hình quốc tế đến nỗi Ackadi được trở về trên một chiếc tàu biển, lại có người đi hộ tống nữa và được đưa đến hải cảng Ôdetxa, ở đây nó sa vào hai cánh tay mở rộng của người cha sinh ra nó. Nhưng mới được hai tháng, người cha đã kinh hoàng vì một số hậu quả chói lọi của nền giáo dục ngoại quốc ở con mình. Ackadi kết hợp tài tình cái chí lớn Nga với cái ngông A-rập, thành thử ông Ujikop bố bị mất cắp sạch sành sanh. Ackadi chưa đủ hài lòng đem đi mại ở chợ giời những đồ vật quý trong nhà: đồng hồ, thìa và những cái đế cốc bằng bạc; nó bán không những các bộ quần áo mặc trong mặc ngoài mà bán cả một số đồ đạc nữa, và ngoài ra nó còn dùng đến tập séc của bố, vì nó khám phá thấy nét bút trẻ trung của nó, như nghiệp dĩ gia truyền, hết sức giống với chữ ký rồng bay phượng múa của của bố.

Cũng vẫn những bàn tay mạnh mẽ ấy, vừa mới cách đây chưa được bao lâu, đã lôi Ackadi ra khỏi khu vực của phần mộ thành, nay lại bị huy động một lần nữa. Giữa lúc chúng tôi đang hết sức khẩn trương chuẩn bị chiến đấu, thì Ujikop bố, một, người ăn mặc lịch sự kiểu Tây Âu, vẻ đĩnh đạc của một đại biểu một xí nghiệp lớn, hình dung chưa tiêu tụy chút nào, đến ngồi trên chiếc ghế dựa trước mặt tôi, và sau khi đã tỏ bày chi tiết cho tôi nghe những bước đường đã qua của Ackadi, ông ta kết luận với một giọng nói hơi run rẩy:

- Chỉ có riêng ông mới trả lại được cho tôi đứa con của tôi thôi.

Tôi nhìn đứa con, ngồi trên ghế đi-văng, và cảm thấy ghét nó quá, thậm chí tôi chỉ muốn giao trả nó lại ngay cho người bố buồn rầu của nó. Nhưng ngoài thằng con, người bố còn đem theo cả những giấy tờ, mà tôi thì không đủ sức tranh luận với những giấy tờ. Ackadi ở lại trại.

Người nó dài ngoằng, gầy còm, không cân đối. Đầu tóc đỏ hoe, hai bên thò ra hai cái tai to tướng, hồng hồng và trong bóng; mặt không có lông mày, đốm những vết tàn nhang lớn, trên mặt cái gì cũng chau cả xuống phía dưới, vì một cái mũi hùm hụp, nặng nề, vượt lên hết cả mọi nét khác. Ackadi lúc nào cũng cúi mặt nhìn trộm. Đôi mắt đục lờ bao giờ cũng bản dử vàng vàng, trông ghê tởm gớm chết. Thêm vào đó, một cái mồm sùi bọt, lúc nào cũng há, một vẻ mặt suốt đời khó khăn và ngay thối.

Tôi biết rằng các trại viên sẽ đánh nó trong các xô tối và huých nó ở lỏi đi, rằng chúng sẽ không muốn ngủ cùng buồng, ăn cùng bàn với nó, rằng chúng sẽ ghét nó với cái ghét mạnh mẽ của người đàn ông mà tôi phải vận dụng nhiều nỗ lực sự phạm lắm mới nén xuống được ở chính lòng mình.

Ngay hôm thứ nhất Ujikop đã bắt đầu ăn cắp của các bạn nó và đá dầm ướt cả giường. Michia Jêvêli đến tìm tôi và vừa cau đôi lông mày đen vừa nghiêm nghị hỏi tôi:

- Không được, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác hãy nói thẳng thực cho cháu biết: cho cái của ấy đi có ích lợi gì? Bác xem đây: từ Giêrudalem đến Ôdetxa, từ Ôdetxa đến Khackop, từ Khackop đến đây, rồi sau lại đến Kuriajê à? Có ích gì không? Không có đồ vật gì khác đáng chờ hay sao? Không, bác hãy nói thử...

Tôi lặng thinh. Michia nhả nài đợi tôi trả lời, cau lông mày nhìn về phía Lapô đang mỉm cười. Rồi hắt lại nói:

- Chưa chưa bao giờ thấy một đứa nào như thế. Cứ là phải... cho nó uống tinh mã tiên^[164] hay là về một viên bánh mì... nhồi đinh ghim vào đây mà ném cho nó.

Lapô cười:

- Như thế thì nó không ăn đâu!

- Ai? Thằng Ujikôp mà không ăn ấy à? Cậu cứ thử xem, nó thì nuốt liền... Cậu phải biết nó ăn tục ghê lắm! Nó ăn kinh người! Ô, chỉ có nghĩ đến nó ăn mà mình cũng không chịu nổi!...

Michia rùng mình lên vì ghê tởm. Lapô nhìn hắt, hai gò má gồ lên đến tận mắt, vẻ đau đớn.

Tôi thầm đồng tình với họ và tôi nghĩ: “Ừ, nhưng làm thế nào được? Ujikôp đến đây với những giấy tờ như thế...”

Bọn trai ngồi trầm ngâm trên chiếc đi-văng gỗ. Ở cửa phòng giấy, thập thò cái mồm sạch sẽ và tươi cười của Vaxia Alexêlep và Michia lập tức bùng lên vui sướng:

- Cứ những đứa như thế này, thì cho một trăm đứa cũng được!... Vaxka, lại đây.

Mặt Vaxia đỏ ửng lên và nó rụt rè tặng cho Michia một nụ cười bẽn lễn với một cái nhìn đắm đuối không mong đền đáp của đôi mắt nhỏ xinh. Nó gục đầu vào đầu gối Michia và đột nhiên để cho tình cảm của nó thoát ra bằng một âm thanh duy nhất không thể nào tả được, nửa là thở dài, nửa là rên rỉ, nửa là tiếng cười:

- Hhm...

Vaxia Alexêlep đã tự ý đến trại; khi nó đến, nó có vẻ ủ rũ và sợ hãi sự chó má của cuộc đời. Nó đến giữa khi hội đồng đội trưởng đang họp vào một buổi tối mưa bão. Những điều kiện khí tượng hình như rất không thuận lợi, vậy mà lại là nguyên nhân cho việc mưu cầu của nó được thành công, bởi vì giả gặp hôm tốt trời thì ngay đến bước vào trại hắt là người ta cũng chẳng để cho nó vào nào. Nhưng hôm ấy đội trưởng đội canh gác dẫn nó vào phòng giấy và hỏi:

- Cái thằng này thì nhét nó vào đâu được? Nó đứng trơ ở dưới cổng mà khóc. Còn bên ngoài thì đang mưa.

Các đội trưởng ngừng thảo luận để nhìn thằng bé mới đến. Bằng tất cả mọi phương tiện nó sẵn có: tay áo, ngón tay, nắm tay, vạt áo ngắn và mũ chụp, thằng bé vội chùi xóa ngay sự biểu hiện nỗi buồn của nó, chớp chớp đôi mắt ướt nhìn Vania Lapô, mà nó nhận ra lập tức là chủ tịch cuộc họp. Nó có một bộ mặt khá khinh, má đỏ hồng, chân đi giày nông thôn tốt, chỉ có cái áo dạ ngắn chật hẹp là không thích hợp với cái phẩm chất tốt của toàn thể. Nó mười ba tuổi.

- Mày muốn gì? Lapô nghiêm khắc hỏi.

- Tôi muốn vào trại. – thằng bé nghiêm chỉnh đáp.

- Tại sao?

- Bố bỏ chúng tôi, còn mẹ thì bảo: mày xéo đi đâu thì xéo...

- Sao lại thế? Một người mẹ không thể nào nói như thế được.

- Là vì bà ấy thực ra không phải là mẹ tôi.

Lapô chỉ lúng túng có một lát vì cái trường hợp mới mẻ đó.

- Gượm đã... Mày bảo sao cơ?... Thôi được: bà ấy không phải là mẹ mày. Thế thì bố mày phải nuôi mày, ông ấy bắt buộc phải nuôi, mày hiểu không?

Những giọt lệ chua xót lại lấp lánh trong đôi mắt thẳng bé, nó lại vừa vội chùi đi vừa chuẩn bị nói. Những cặp mắt sắc của các đội trưởng vui lên khi nhận thấy những cử chỉ độc đáo của thẳng bé xin vào trại. Sau cùng thẳng bé nói:

- Cả ông ta nữa... ông ấy cũng không phải là bố tôi.

Hội đồng im lặng một lát, rồi bỗng cười phá cả lên, như nắc nẻ. Chính Lapô cũng cười, đến rơi nước mắt.

- Ủ thì, người anh em, cậu gặp phải hoàn cảnh bối rối khác thường đấy. Nhưng thế nào mà lại ra như thế?

Thẳng bé không tìm cách làm cho mọi người thương, cũng không rời mắt nhìn bộ mặt vui thích của Lapô, giản dị kể rằng tên họ nó là Vaxia Alexêlep. Bố nó, làm nghề xà ích, đã bỏ nhà đi, rồi “chả biết tềch nơi nào” và mẹ nó đã tái giá với một người thợ may. Rồi mẹ nó bắt đầu ho và chết năm ngoái, sau đó người thợ may “đã lấy một người vợ khác mà chẳng báo trước gì cả”. Đến nay “đúng vào dịp lễ Phục sinh ông bỏ đi Kongrat, ở đấy lão viết thư bảo là lão không trở về nữa. Thư lão viết: “Mẹ con mày muốn sống thế nào thì sống”.

- Phải nhận nó thôi, – Kutlaty nói. – Chỉ có cái là những chuyện mảy mề, nói cho thực ra, thì có lẽ là mảy mề, có phải không? Ai đã bảo cho mảy đến đây?

- Ai đã bảo tôi à? Ở ngoài ấy... một người ở ngoài ấy. Người ấy nói: có bọn con trai sống ở đây và gieo lúa.

Vaxia Alexêlep đã được nhận vào trại như thế. Không bao lâu nó được tất cả mọi người yêu mến, khiến ngay trong những câu chuyện bàn riêng cũng chẳng ai nghĩ đến đặt thành vấn đề có thể bỏ Vaxia không đưa đi Kuriajê được. Nhất là Vaxia đã được hội đồng đội trưởng chấp nhận thì, vì lẽ đó nó hoàn toàn có quyền được coi như “hoàng tử chính thống” của trại vậy.

Trong số trẻ mới đến còn có Mackơ Sơnhaoxơ và Vêra Bêrêzôpxkaia.

Mackơ Sơnhaoxơ được gửi tới trại do ủy ban trẻ vị thành niên phạm pháp của thành phố Ôđetxa, vì tội ăn cắp, theo lời ghi trên tài liệu gửi nó tới.

Nó đến với một người dân cảnh áp dẫn, song thoạt nhìn thấy nó, tôi hiểu ngay rằng ủy ban đã làm: nó có đôi mắt như thế kia thì không thể nào ăn cắp được. Tôi không dám nhận việc tả đôi mắt ấy. Những đôi mắt như vậy hầu như không gặp thấy ở đời, mà hầu như chỉ thấy ở những họa sĩ như Nextêrôp, [\[165\]](#) Kôn Bắc, [\[166\]](#) Raphael, [\[167\]](#) và nói chung thì nó chỉ là đặc trưng trên mặt các vị thánh, thường thường là các vị thánh mẫu. Hầu như không thể nào hiểu nổi làm sao nó lại có được ở trên mặt một thẳng bé Do-thái tội nghiệp nghèo khổ ở Ôđetxa. Và cứ trông mọi vẻ ngoài, thì Mackơ Sơnhaoxơ nghèo khổ thực: nó mười sáu tuổi mà người gầy gò không đủ áo che thân; chân nó thò ra khắp chỗ qua nhưng lỗ thủng toang hoác của đôi giày chỉ còn là những di tích thô lỗ của giày thôi, song bộ mặt thì sáng sủa và rửa sạch sẽ, và tóc xoắn trên đầu nó được chải cẩn thận. Lông mi nó dày và mềm như tơ, thậm chí khi nó chớp mắt thì những hàng mi ấy tựa hồ xòe ra như quạt.

Tôi hỏi nó:

- Trong giấy viết là chú đã ăn cắp. Có đúng thế không?

Một nỗi buồn u ám và thanh khiết bỗng trào ra khỏi đôi mắt của Mackơ thành một làn sóng cơ hồ cảm xúc thấy được. Mi mắt nó chớp nặng nề, nó nghiêng nghiêng bộ mặt đau đớn, xanh lợt và hốc hác.

- Thừa đúng, tất nhiên... Vâng... Cháu đã ăn cắp.

- Vì đói à?

- Không ạ, không thể bảo là vì thế. Cháu đã ăn cắp, nhưng không phải là vì cháu đói.

Mackơ vẫn nhìn tôi với cái nhìn như trước, nghiêm chỉnh và buồn, bình tĩnh và chăm chú.

Tôi lấy làm ngượng vì đã tra vấn đứa bé mệt mỏi và buồn rầu ấy. Tôi cố gắng làm cho nụ cười của tôi hiền hòa hơn và bảo nó:

- Tôi không phải nhắc lại cho chú biết những chuyện ấy làm gì. Chú đã ăn cắp, thì thôi, đành là chú đã ăn cắp. Người nào cũng có những sự không may riêng. Phải quên những chuyện đó đi... Chú đã đi học ở đâu chưa?

- Có ạ, cháu đã có học! Cháu đã học hết năm ban và cháu muốn tiếp tục nữa.

- Thế thì hay. Tốt lắm... Chú sẽ ở đội bốn, của Taranet. Chú hãy đi tìm Taranet, đội trưởng của đội bốn, với tờ giấy này. Taranet sẽ làm mọi việc cần thiết.

Mackơ cầm lấy tờ giấy, nhưng đáng lẽ đi ra cửa, nó lại dừng chân do dự, trước bàn giấy tôi:

- Thưa đồng chí giám đốc, cháu muốn thưa với bác một điều. Cháu cần phải thưa với bác, bởi vì khi đến đây, lúc nào cháu cũng nghĩ sẽ thưa với bác như thế nào, và bây giờ thì cháu không thể nào nên được nữa...

Mackơ mỉm cười buồn bã và nhìn thẳng vào mắt tôi bằng một cái nhìn van lơn.

- Chuyện gì thế? Nào, chú cứ nói đi...

- Cháu đã có ở một trại nhi đồng và ở đây không thể bảo là không tốt. Nhưng cháu cảm thấy rằng ở đây tính khí cháu rồi không biết sẽ ra sao. Bọn người của Đênikin đã giết cha cháu, còn cháu, là thanh niên đoàn Kômxômôn, cháu thấy tính khí cháu trở thành yếu đuối quá. Như thế thì tệ lắm, cháu hiểu vậy. Cháu phải có tính khí một con người bôn-sê-vich. Điều đó bắt đầu làm cho cháu băn khoăn nhiều lắm. Bác ạ, nếu cháu nói sự thật ra, thật ra, thì bác sẽ không đuổi cháu trở về Ôđetxa chứ?

Về nghỉ ngơi, Mackơ chiếu rọi vào mặt tôi đôi mắt to rất đẹp của nó.

- Dù sự thật chú nói với tôi như thế nào, tôi cũng sẽ không đuổi chú đi đâu hết.

- Thưa đồng chí giám đốc, cháu xin cảm ơn bác, cảm ơn bác lắm! Cháu cũng đã nghĩ rằng bác sẽ nói với cháu như thế, vì vậy cho nên cháu mới quyết tâm. Cháu đã nghĩ như thế là vì cháu đã đọc một bài trong báo *Vixti*, dưới đầu đề: “Con người mới được rèn luyện ở đâu”, nói về trại của bác. Vậy là cháu thấy ngay cháu phải đi đâu và cháu đã yêu cầu. Nhưng cháu đã yêu cầu mãi, mà chẳng có kết quả gì hết. Người ta bảo cháu: trại ấy chỉ dành cho những đứa phạm pháp, tại sao mà lại muốn đến đây? Thế là cháu trốn khỏi trại đó và cháu lên thẳng một toa xe điện. Thế rồi mọi chuyện xảy ra nhanh đến nỗi bác không thể tưởng tượng được: cháu vừa mới thò tay vào túi một người nào đó, ấy thế là mọi người đã túm lấy cháu và họ muốn đánh cháu. Rồi sau họ đưa cháu lên ủy ban.

- Thế ủy ban đã tin ở chuyện ăn cắp của chú à?

- Làm sao không tin cho được? Các ông ấy là những người chính trực, và lại có cả những nhân chứng nữa, với biên bản và mọi cái hợp lệ. Cháu khai rằng trước kia cháu đã ăn cắp móc túi rồi.

Tôi bật lên cười thật sự. Tôi thích thú nhận thấy rằng mỗi nghi ngờ của tôi đối với sự xét xử của ủy ban là đúng. Mackơ, được yên tâm, đi tìm đội bốn để gia nhập hàng ngũ.

Vêra Bê-rê-zô-p-xkaia lại có một tính khí khác hẳn.

Bây giờ là mùa đông. Tôi đi ra ga để chào bà Maria Konđratiepna và nhờ bà chuyển hộ một bức công văn khẩn về Khackôp. Tôi gặp bà ta ở sân ga, đang tranh cãi gay go với một người lính cảnh vệ

đường sắt. Người lính nắm cánh tay một cô gái vào trạc mười sáu tuổi, chân không bít tất, đi giày cao su. Cô gái khoác trên vai một chiếc áo choàng ngắn, kiểu đã cũ, có lẽ là của một bà già tốt bụng nào cho cô ta. Cái đầu để trần trông thật gớm ghiếc. Mớ tóc vàng rối bù không còn màu vàng nữa: nó phồng lên ở một bên phía sau tai thành một cái gối dày, rất êm, rồi vươn lên trán và xuống má thành những búi sẫm màu và dính bết. Cô giằng co gỡ mình ra khỏi tay người lính mà nhoẻn miệng cười: một cô gái rất xinh. Nhưng trong đôi mắt tươi cười và linh lợi, tôi có thể nhận thấy những tia u ám của sự thất vọng bất lực của một con thú dữ nhỏ yếu đuối. Nụ cười là hình thức tự vệ duy nhất, là khước ngoại giao nhỏ mọn của cô ta.

Người lính bảo Maria Kondratiepna:

- Đồng chí lý luận thì hay thật đấy, đồng chí ạ, nhưng đồng chí có biết đâu mọi cái khó chịu mà nó gây cho chúng tôi. Mà đã ở trên tàu tuần lễ trước có phải không? Và say rượu nữa...có đúng không?

- Tôi say rượu bao giờ chứ? Anh ấy bịa hết. Cô gái vừa nói vừa mỉm cười với người lính, lần này thì là một nụ cười hoàn toàn quyến rũ, rồi cô đột nhiên gỡ cánh tay anh ta nắm và đưa vôi nó lên môi, như thể nó khiến cô đau lắm. Rồi cô nói với một vẻ đăm đáng bình tĩnh:

- Đấy, thế là tôi đã thoát khỏi tay anh.

Người lính gác muốn tiến lại phía cô, nhưng cô nhảy lùi lại ba bước rồi phá lên cười khiến từ đầu đến cuối sân ga đều nghe thấy, không để ý gì đến đám đông vây quanh chúng tôi.

Maria Kondratiepna đang hoảng hốt nhìn quanh, chợt trông thấy tôi:

- Ô, Antôn Xêmiônôvich, ông bạn tốt của tôi!

Rồi kéo tôi ra một góc, bà nói nhỏ một cách sôi nổi:

- Này gớm ghiếc quá ông ạ! Ông thử nghĩ coi, sao lại có thể như thế được? Đây là một người đàn bà, một người đàn bà đẹp...Mà không, không phải là vì nó đẹp...Nhưng người ta không có quyền làm như thế!

- Maria Kondratiepna, bà muốn gì?

- Tôi muốn gì ấy ư? Thôi đi, đừng ra bộ ngây thơ, cái thứ người nhẩn tâm!

- Này, bà nói gì thế?

- Phải, nhẩn tâm! Chỉ hoàn toàn lo lắng và tính toán lợi ích của mình thôi, chẳng phải thế ư? Việc này không có lợi cho ông chứ gì? Mặc con bé kia, cho các người lính săn sóc đến nó, có phải không?

- Nhưng bà hãy nghe lời tôi nói, nó là một con đĩ...cho vào một tập thể nam thanh niên thế nào được?

- Thôi miễn lý luận, nhà sư phạm...khôn khở!

Tôi tái mặt đi dưới lời nhục mạ và tức giận nói:

- Được rồi, nó sẽ đi với tôi về trại, ngay lập tức.

Maria Kondratiepna nắm lấy hai vai tôi:

- Ông bạn tốt, ông Makarenkô của tôi ời, cảm ơn, cảm ơn ông!...

Bà ta chạy bỏ lại chỗ cô gái, quàng vai cô ta mà nói thầm riêng chuyện gì đó. Người lính bực tức quát bảo công chúng:

- Tại sao các người há mồm ra mà đứng cả đây thế này? Có lẽ các người tưởng mình ở rạp chiếu bóng chắc? Đi đi, ai đi việc nấy đi!...

Rồi anh ta nhổ nước bọt, nhún vai và bỏ đi.

Maria Kondratiepnă dắt cô gái lại chỗ tôi, cô ta vẫn mỉm cười.

- Tôi nhờ ông trông nom cho em Vêra Bêrêzôpxkaia. Em rất muốn đến trại... Vêra, đây là ông giám đốc của em. Em coi đó, ông tốt lắm, và về đây em sẽ được sung sướng.

Vêra mỉm cười với tôi, cả với tôi nữa:

- Tôi sẽ đi...vâng...

Chúng tôi từ biệt bà Maria Kondratiepnă và ngồi lên xe trượt tuyết.

- Cô sẽ bị lạnh cóng mất, tôi nói và lôi ở dưới ghế ngồi ra một tấm áo ngựa.

Vêra quần áo vào người và vui vẻ hỏi:

- Về trại thì tôi sẽ làm gì?

- Cô sẽ học và lao động.

Sau một lúc lâu im lặng, Vêra nói với cái giọng nũng nịu “đặc là đàn bà”:

- Ôi, trời ơi!...Tôi sẽ chẳng học đâu và bác đừng nên có những ý nghĩ như thế...

Đêm đã buông xuống, trời đầy mây, đen tối, hải hùng. Chúng tôi đã đi tới giữa cánh đồng, đến mỗi khúc quanh xe lại trượt lảng đi. Tôi nói khe khẽ với Vêra, để cho Xôrôka ngồi trên ghế đằng trước khỏi nghe thấy:

- Ở trại, tất cả anh chị em trai gái đều học cả, và cô sẽ làm theo mọi người. Cô sẽ học được và một cuộc đời tốt đẹp sẽ bắt đầu cho cô.

Cô ta ngồi sát hẳn vào tôi và nói to lên:

- Một cuộc đời tốt đẹp...Ồ, trời mới tôi làm sao...Tôi sợ...Bác đem tôi đi đâu thế này?

- Cô im đi.

Cô ta im. Xe chúng tôi đi vào khu rừng. Xôrôka lẩm bẩm chửi rủa ai đó, có lẽ là người đã bày ra đêm tối và những con đường rừng chật hẹp.

Vêra nói thì thầm:

- Tôi muốn nói với bác một điều...Bác có biết điều gì không?

- Cô nói đi.

- Bác ạ...Tôi có mang...

Sau vài phút, tôi hỏi cô ta:

- Cô bịa ra cái chuyện đó đấy à?

- Không đâu...Bịa để làm gì chứ? Tôi nói thực, đúng như thế đấy.

Ánh đèn của trại đã lấp lánh ở xa xa. Chúng tôi lại nói thì thào. Tôi bảo Vêra:

- Chúng ta sẽ phá thai. Tháng thứ mấy?

- Thứ hai.

- Ta sẽ làm thế.

- Họ sẽ chế giễu.

- Ai kia?

- Ở trại bác...bạn trai.

- Sẽ không ai biết hết.

- Chuyện sẽ vỡ lở.
- Không, chỉ có tôi với cô biết chuyện, ngoài ra không ai biết được.

Vêra bật cười tự nhiên:

- Phải,...Bác cứ nói thế đi!

Tôi lại im lặng. Xe đi bước một để lên dốc của trại. Xôrôka, ở trên xe trượt tuyết nhảy xuống, vừa đi bên đầu ngựa vừa huýt sáo một điệu hát quen thuộc. Bỗng Vêra gục đầu xuống đầu gối tôi và khóc nức lên chua xót.

- Tại sao cô ấy khóc? Xôrôka hỏi.
- Cô ấy buồn, tôi trả lời.
- Có lẽ cô ấy có cha mẹ, Xôrôka đoán. Như thế thì phiền quá thật!

Hắn leo lên ghế đằng trước và vung roi ngựa:

- Nước kiệu, đồng chí Mary nhé, nước kiệu! Thế!

Xe chúng tôi vào trong sân trại.

Ba hôm sau, Maria Kondratiepna từ Khackôp lại đến trại. Tôi không nói gì với bà về tấn bi kịch của Vêra. Sau một tuần lễ nữa, chúng tôi tuyên bố ở trại là phải cho Vêra đi bệnh viện vì cô ta đau thận. Ở bệnh viện trở về, cô ta có vẻ buồn và nhẫn nại, nhẹ nhàng hỏi tôi:

- Bây giờ tôi phải làm gì?

Tôi nghĩ ngợi và khiêm tốn đáp:

- Bây giờ thì chúng ta sẽ cố gắng sống dần dần.

Cứ xem vẻ nhìn của cô ta, vừa khinh suất vừa do dự, tôi hiểu rằng, đối với cô, sống là chuyện khó khăn nhất và cũng là khó hiểu nhất.

Vậy Vêra Bêrêzôpxkaia sẽ đi Kuriajê với chúng tôi, dĩ nhiên rồi. Thành thử ai cũng đi hết, kể cả số hai chục trẻ mới mà Ủy ban Giáo dục, mấy ngày gần đây, đã đặt trên ngưỡng cửa tôi, với một thái độ hoàn toàn thờ ơ đối với những kế hoạch chiến lược của tôi. Giá chỉ đem theo đi Kuriajê số mười một đội cũ những đội viên đã dạn dày thử thách của trại Gorki thì hay biết mấy! Các đội ấy đã gay go chiến đấu, trải qua quá trình lịch sử sáu năm của trại. Họ có một vốn liếng chung về tư tưởng, truyền thống, kinh nghiệm, lý tưởng, tập quán. Với họ, hình như không phải sợ điều gì hết. Giả thử không có những đứa trẻ mới thì hay biết bao: mặc dù bề ngoài thấy chúng tan hòa trong các đội, tôi đi mỗi bước vẫn cứ gặp chúng, và nhìn thấy chúng tôi lại băn khoăn: có một cái gì không ổn trong lối nói năng, đi đứng, vẻ nhìn của chúng; chúng còn có những bộ mặt “hạng bét”, những bộ mặt xấu.

Cũng không sao, mười một đội của tôi có vẻ là sát. Song nếu mười một đơn vị bé nhỏ ấy nhớ bị mai một đi ở Kuriajê thì thực tai họa biết bao! Hôm trước ngày lên đường của đội đặc biệt tiên phong, lòng tôi băn khoăn lo sợ không sao tả được. Djurinxkaia vừa đến trại do chuyển xe lửa tối, đóng cửa ngời riêng với tôi trong phòng giấy và nói:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, tôi lo sợ. Từ chối bây giờ chưa phải là quá muộn.
- Có chuyện gì đã xảy ra thế, bà Liubôp Xavêliepna?
- Hôm qua tôi đã đến Kuriajê. Kinh sợ làm sao! Tôi không thể nào chịu đựng nổi những ấn tượng như thế. Bác ạ, tôi đã bị cầm tù ngoài mặt trận; tôi chưa từng bao giờ thấy đau đớn như bây giờ.
- Nhưng bà phiền lòng như thế để làm gì?
- Tôi cũng không biết nữa, tôi không biết kể chuyện lại như thế nào cho được bác ạ. Nhưng bác hiểu

rõ đây: ba trăm thanh niên hoàn toàn ngu muội, hư hỏng, hung hãn...Bác thấy không, thật là một cảnh hỗn mang súc vật, sinh lý...thậm chí không phải là vô chính phủ nữa...Rồi sự bần cùng nọ! Cái mùi hôi hám nọ, những chấy rận nọ!...Bác không nên đưa trại đến đây; đó là một ý kiến hết sức ngu xuẩn của chúng ta.

- Nhưng xin lỗi bà! Nếu Kuriajê gây cho bà một ấn tượng chán nản đến thế, thì ta lại càng phải làm một cái gì chứ.

- Liubôp Xavêliepna thở dài nặng nề:

- Chà, chúng ta còn là phải nói đến chuyện đó rất lâu. Dĩ nhiên là phải làm cái gì, đó là bổn phận của chúng ta, nhưng không được đem hi sinh cái tập thể của bác đi. Bác không biết giá trị của nó đâu, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Phải giữ gìn lấy nó, phát triển nó, nâng niu nó. Ta không có quyền chỉ vì một ý muốn thất thường chốc lát mà đem ném tung nó ra cho gió cuốn.

- Ý muốn thất thường của ai?

- Của ai, tôi không biết, Liubôp Xavêliepna trả lời một mồm. Tôi không nói bác đâu; bác ở vào một tình thế rất là đặc biệt. Nhưng đây này, tôi muốn bảo bác rằng: bác có rất nhiều kẻ thù hơn là bác tưởng đây.

- Được, thế rồi làm sao?

- Có những người sẽ lấy làm hài lòng nếu bác mất thể diện ở Kuriajê.

- Tôi biết thế.

- Đây! Thế thì ta hãy hành động cho nghiêm túc! Phải từ chối đi thôi. Bây giờ làm như vậy chưa phải là khó.

- Tôi chỉ có thể mỉm cười vì lời đề nghị ấy.

- Bà là bạn thân của chúng tôi. Sự chú ý và lòng yêu mến của bà đối với chúng tôi quý hơn tất cả vàng trên thế giới. Nhưng ... xin bà tha thứ cho: hiện lúc này bà đang đứng trên quan điểm sự phạm cũ.

- Tôi không hiểu.

- Cuộc đấu tranh với Kuriajê không những là cần cho bọn trẻ ở Kuriajê và cho những kẻ thù của tôi, mà nó còn cần cho chúng tôi, cho mỗi trại viên nữa. Cuộc đấu tranh ấy có một ý nghĩa thực sự. Bà hãy thử gặp các trại viên mà xem, bà sẽ thấy việc rút lui là không thể được nữa rồi.

Sáng hôm sau đội đặc biệt tiên phong lên đường đi Khackôp. Liubôp Xavêliepna ngồi cùng toa xe lửa đi với chúng tôi.

2. ĐỘI TIỀN PHONG

Đi đầu đội đặc biệt tiên phong là Vôlôkhôp. Hắn hết sức ít nói, ít cử chỉ và cũng rất ít biểu lộ tình cảm ra nét mặt, nhưng trong cách xử sự, tiếp xúc với mọi người mọi việc, hắn vẫn biết tỏ rõ thái độ, mà thái độ ấy bao giờ cũng ngụ một ý mỉa mai có phần hơi uể oải chán chường và đầy một lòng tự tin không gì lay chuyển nổi. Những đức tính ấy vốn dĩ vẫn sẵn có, dưới hình thức sơ khai, ở trong con người bất cứ một kẻ lưu manh thành thạo nào, nhưng sau khi đã được đời sống tập thể mài giũa nhẵn đi rồi thì chúng đem lại cho cá tính một phong cách vừa cao quý, vừa kín đáo, nó phản ánh sâu sắc một sức mạnh bình tĩnh và không thể nào thắng nổi. Trong chiến đấu cần phải có những tay đội trưởng như vậy, vì họ gan dạ, liêu lĩnh vô bờ bến, nhưng đồng thời lại biết tự kiềm chế mình một cách vô cùng chắc chắn. Một điều khiến tôi yên lòng hơn cả: Vôlôkhôp cũng chẳng buồn nghĩ đến Kuriajê và bọn người ở đó nữa. Đôi khi, nghe bọn trẻ cứ nói huyền thuyên bất chỉ, hắn chịu không nổi mới bắt đầu buông ra một câu:

- Mặc xác tụi Kuriajê có được không? Rồi các cậu xem, chúng nó cũng giống mọi người thôi.

Mặc dù vậy, Vôlôkhôp cũng rất chú ý đến thành phần đội đặc biệt tiên phong. Hắn lặng lẽ thận trọng tước bỏ từng tên người ứng cử, quyết định vẫn tất:

- Không được ... không đủ đồng cân.

Đội đã được thành lập nên một cách rất có ý nghĩa. Toàn là những thanh niên Kômxiôn, đồng thời lại gồm đại biểu của các luồng tư tưởng chính và phong cách riêng của trại. Tham gia đội có:

1. Vichia Bôgôiaplenxki, mà hội đồng đội trưởng vì không muốn xuất trận với một cái tên cha sinh sặc mùi giáo hội hỗn xược đến thế, [\[168\]](#) nên đã đặt cho hắn một tên khác, oai nhất từ trước đến giờ: Gorkôpxki. [\[169\]](#) Gorkôpxki người gầy còm, xấu xí và thông minh như một con chó săn. Rất tôn trọng kỷ luật, lúc nào cũng sẵn sàng hoạt động. Hắn có ý kiến riêng của hắn về mọi sự việc và biết nhận xét mọi người một cách mau mắn, dứt khoát. Tài năng chủ yếu của hắn là hiểu rất rõ mỗi trại viên và đánh giá rất chắc chắn thực chất của từng người. Đồng thời tư tưởng của Vichia không bao giờ phân tán và ý niệm của hắn về từng cá nhân lập tức được tổng hợp thành những tính cách tập thể, thành sự hiểu biết những tập đoàn, những đường nét và hiện tượng điển hình.

2. Michia Jêvêli, người quen biết cũ của chúng ta, hiện thân đầy đủ nhất và đẹp nhất của tinh thần Gorki chân chính. Michia đã lớn bổng hẳn lên để trở thành một thanh niên rất bảnh, đầu ngay ngắn, mắt hơi xếch, sắc và đen láy. Ở trại bao giờ cũng có nhiều trẻ tập bắt chước Michia, từ cách cương quyết tỏ ý kiến bằng một cử chỉ gọn gàng bất ngờ, đến cách ăn mặc sạch sẽ và lịch sự, cách đi đứng và cả đến lòng yêu nước chân thực, vui vẻ và ngoan ngoãn của người trại viên Gorki. Michia coi việc di cư đi Kuriajê là một việc có ý nghĩa chính trị lớn, vì tin tưởng chắc chắn rằng chúng tôi đã tìm ra những hình thức đúng đắn “tổ chức tụi nhãi con” và chúng tôi phải đem phổ biến sự phát minh của chúng tôi vì lợi ích của nước cộng hòa những người vô sản.

3. Mikhaïlô (Misa) Ôptsarenkô, một gã hơi độn nhưng chăm làm nhất hạng, chỉ nghĩ đến trại và lợi ích của trại và cứ nói bô bô điều đó ra miệng. Hành tung trước kia của Misa rồi ren hết sức khiến chính hắn cũng khó lòng nhớ lại được rõ ràng. Hắn đã cư trú ở hầu hết các thành phố của Liên bang mà chẳng thu nhận được chút kiến thức nào vì hắn không kham chịu nổi công tác cố định, dù là ở nguyên một cái máy nào hoặc một chỗ làm việc nào. Nhưng ngược lại, hắn có những tài năng không thể chối cãi được về mặt sự vụ. Hắn biết tổ chức công tác của một đội, tổ chức việc xếp đồ đạc và vận chuyển bao giờ cũng nhanh và tốt. Hắn vừa làm vừa làu bàu, thừa dịp lên mặt dạy người nhưng không làm cho ai phải bực mình chỉ vì những lời của hắn, cũng như con người hắn, bao giờ cũng toát ra cái hương

thơm dễ chịu của một sự ngu xuẩn đầy thiện ý đi đôi với một tấm lòng tốt vô cùng tận. Misa Ôptsarenkô là người khoẻ nhất trại, khoẻ hơn cả Xilanti Ôtsênac, và hình như Vôlôkhôp, khi chọn hắn, đã chú ý đặc điểm ấy nhất.

4. Đonit Kutlaty, cá tính vững mạnh nhất của trại vào hồi tấn công Kuriajê. Nhiều trại viên phải toát mồ hôi lạnh mỗi khi thấy Đonit lên tiếng ở hội nghị toàn trại nhắc đến tên mình. Hắn có tài đem lời hùng biện ngon sốt và rất thích đáng ra dẫn một người xuống bùn để hết sức thuyết phục hội nghị trực xuất y ra khỏi trại. Ghê gớm nhất là Đonit, thật sự thông minh, thường có một cách biện luận đúng đắn, chắc như quả tạ khiến mọi người phải kinh ngạc. Thái độ của hắn tỏ rõ một lòng tin tưởng nghiêm túc, sâu sắc, coi trại là một tổ chức hữu ích, đoàn kết nhất trí, vô cùng chặt chẽ. Có lẽ hắn hình dung trại như một cái xe tải chắc chắn và tốt dầu mỡ, người ta có thể yên tâm không vội vã ngồi trên xe mà đi xa một nghìn vecxtơ, rồi sau khi bận rộn độ nửa giờ tu sửa với một cái búa và một hộp mỡ, người ta lại đi được một nghìn vecxtơ nữa. Về ngoài Kutlaty trông giống một tên kulắc cổ điển và trên sân khấu của trại hắn cũng chỉ chuyên đóng vai ấy thôi. Mặc dù vậy, hắn vẫn là người sáng lập thứ nhất đoàn Thanh niên Kômxômôn của trại, một đoàn viên hoạt động tích cực nhất. Ít nói, theo truyền thống của trại Gorki, hắn nhìn các tay hùng biện với một vẻ không ưa thâm lặng và những lời lẽ trảng giang đại hải khiến hắn như bị nhức nhối thật sự trong cơ thể.

5. Đội trưởng đã chọn Epghêniep để làm một cái mồi hấp dẫn cần thiết đối với dân làng chạy. Hắn là một đoàn viên thanh niên Kômxômôn tốt, một người bạn vui vẻ, chắc chắn, nhưng vẫn còn giữ trong ngôn ngữ cử chỉ nhiều dấu tích còn mới nguyên về những ngày ồn ào hỗn độn sống trên hè phố hay trong nhà cải tạo. Vốn là một tay đóng kịch có tài nên khi nào cần đến, hắn có thể nói chuyện dễ như không với bọn kia ngay bằng dụng ngữ riêng của họ.

6. Jôra Vonkôp, cánh tay phải của Kôvan trong đoàn Thanh niên Kômxômôn, giữ nhiệm vụ chính trị viên trong đội và là người khởi thảo ra bản hiến pháp mới của đội. Jôra là một nhà chính trị bẩm sinh: nhiệt tình, quyết tín, kiên trì. Chọn cho hắn đi, Kôvan nói:

- Về mặt chính trị, Jôra sẽ đả cho cái tội mạt hạng ấy một trận cần thận. Những quân súc sinh, chúng cứ tưởng chúng đang sống trong thời đại đế quốc chủ nghĩa hắn. Nếu cần chơi quả đấm, Jôra sẽ không có chịu tụt hậu đâu nhé.

7 và 8. Tôxka Xôlôviep và Vania Sêlaputin, đại diện cho thế hệ trẻ. Vả chăng, cả hai đều uốn tóc rất diện theo kiểu “nhà chính trị”, nhưng Tôxka thì tóc vàng còn Vania tóc nâu. Tôxka có một bộ mặt thanh niên rất kháu khỉnh, xinh tươi. Vania thì mặt linh lợi, láu cá và mũi hếch.

Sau cùng, người thứ chín là trại viên...Kôxchia Vetkôpxki. Hắn trở về trại một cách nhanh chóng, tầm thường và thực tế hết sức. Ba hôm trước khi chúng tôi lên đường, Kôxchia xuất đầu lộ diện, gầy, xanh và ngượng ngùng. Mọi người đón tiếp hắn một cách dè dặt và Lapô chỉ nói:

- Thế nào, hòn “Lạy – Chúa – cho – qua” ở ngoài ấy ra sao?

Vetkôpxki vẻ nghiêm chỉnh mỉm cười:

- Thấy kẹ nó! Minh cũng chẳng hề đi tới đó nữa.

- Tiếc nhĩ! Lapô nói, cái hòn quý ấy cứ đứng trơ ra đấy, chẳng làm cóc gì cả!

Vôlôkhôp nháy Kôxchia một cách thân thiện:

- Thế là cậu đã chén đầy hàng đồng thứ thú vị rồi phỏng?

Kôxchia trả lời không đỏ mặt:

- Đúng thế.

- Bây giờ thì cậu muốn tráng miệng cái gì đây?

Kôxchia phá lên cười:

- À, cái đó ấy à? Mình đợi hội đồng đội trưởng quyết định cậu ạ. Họ sành nấu cho mình những món ngon lành và mặn mà đáo để...

- Chúng tôi không có thì giờ lo thực đơn cho cậu bây giờ, Vôlôkhốp trả lời nghiêm khắc. Và tôi nói cho cậu biết đây: vì Aliôsa Vonkốp bị đau chân, nên cậu sẽ đi thay nó. Lapô, cậu nghĩ thế nào?

- Cho hắn đi cũng được.

- Thế còn hội đồng? Kôxchia hỏi.

- Hiện thời đang chuẩn bị chiến đấu; miễn hỏi ý kiến hội đồng cũng được.

Thế là Kôxchia gia nhập đội đặc biệt tiên phong một cách thực bất ngờ cho hắn cũng như cho chúng tôi. Hôm sau hắn đã mặc lại quần áo trại viên.

Cùng đi với chúng tôi còn có Ivan Đênitxôvich Kirghizôp, một giáo viên mới mà tôi đã cố tình lôi kéo ra khỏi cái chức nhiệm sự phạm của anh ta ở Pirôgôpka để thay chân Ivan Ivanôvich đã từ bỏ chúng tôi. Đối với người không am hiểu thì Ivan Đênitxôvich chỉ là một ông giáo thôn quê tầm thường. Nhưng sự thực Ivan Đênitxôvich đúng là nhân vật chính diện mà văn học Nga vẫn cố công tìm kiếm bấy lâu. Ivan Đênitxôvich ba mươi tuổi. Anh là một người tốt bụng, thông minh, điềm đạm và nhất là có năng lực làm việc, đức tính mà ai cũng biết rằng các nhân vật trong văn học Nga, dù chính diện hay phản diện, đều khó mà tự hào có được. Cái gì Ivan Đênitxôvich cũng biết làm và lúc nào cũng đang làm một cái gì đấy, nhưng nhìn xa thì hình như lúc nào người ta cũng còn có thể giao cho anh làm một cái gì nữa được. Khi đến gần, người ta mới bắt đầu nhận thấy là không thể giao thêm gì hết, nhưng đầu lưỡi đã quen, không kịp hăm lại, và bạn đã trót nói tuy không khỏi ngượng ngùng và hơi ấp úng.

- Anh Ivan Đênitxôvich này... ngoài kia... phải đóng hòm các thứ ở phòng vật lý...

Ivan Đênitxôvich nhô đầu lên khỏi một cái hòm hay một quyển vở, mỉm cười:

- Phòng vật lý à? Ừ nhỉ... được! Tôi đi gọi ngay vài cậu, và làm luôn...

Bạn bên lên rồi xa, nhưng Ivan Đênitxôvich đã quên cách xử sự tàn nhẫn của bạn và ngọt ngào bảo một người nào đấy, bằng tiếng Ukren của anh ta:

- Nay chú em, chú đi gọi anh em đằng kia nhé...

Chúng tôi đến Khackôp sớm. Ông Thanh tra giáo dục Iuriep, hớn hờ như hòa nhịp với buổi sáng mai ngày tháng năm ấy và với khí phách chiến đấu của chúng tôi, chờ đón chúng tôi ở nhà ga. Vừa vỗ vai mọi người, ông vừa nói:

- Các chú ở Gorki trông hùng thật!... tốt lắm, tốt lắm! Bà Liubôp Xavêliepna cũng có mặt ở đây à? Tốt lắm! Vậy thế này nhé! Tôi có xe, chúng ta đi tìm Khalabudâ rồi đến thẳng Kuriajê. Liubôp Xavêliepna, bà cũng đi chứ? Tốt lắm! Trẻ con chỉ việc đi xe lửa ngoại ô đến Ryjôp, rồi từ Ryjôp thì gần không, hai cây số... đi tắt qua đồng cỏ cũng được. Nhưng mà này... có phải mời các bác ăn không nhỉ? Hay là để đến Kuriajê họ cho ăn, các bác nghĩ thế nào?

Bọn trai dấn mắt nhìn tôi chờ đợi trong khi vẫn ngó Iuriep một cách mỉa mai. Các râu tua hiếu chiến của họ, kích thích đến tột độ, đang hau háu thăm dò cái đối tượng thứ nhất mà Khackôp đem lại cho họ là Iuriep.

Tôi nói:

- Có điều rằng đội đặc biệt tiên phong của chúng tôi, bác ạ, có thể coi là cấp bậc thứ nhất của trại Gorki. Chúng ta đến nơi thì họ cũng phải đến nơi. Tôi tưởng chúng ta nên thuê hai xe.

Iuriep nhảy lon ton phần khởi:

- Mà phải, tốt lắm! Ấy lẽ lối của họ... là như thế đấy... cứ theo tác phong của họ. Ồ, thế thì tuyệt! Mà bác biết không? Tiền xe, tôi sẽ tính vào quỹ Ủy ban Giáo dục! Và tôi còn cho bác biết là tôi sẽ lên xe cùng với họ, cùng với các chú trai nhé...

- Lên đường! Vôlôkhốp nhe nanh vuốt ra hô.

- Đẹ-ep quá! Đẹ-ep quá!... Nào thôi... ta đi gọi xe?

Vôlôkhốp ra lệnh:

- Tôxka, đi gọi!

Tôxka chào và kêu lớn: “Rõ!”. Iuriep rạng rỡ nhìn theo. Ông xoa hai tay, như nhảy múa tại chỗ:

- Đấy, rõ ra vẻ chưa, đấy, rõ ra vẻ chưa?...

Ông chạy lảng xãng ở sân, mắt dán vào Tôxka. Tôxka thì tất nhiên không thể mỗi chốc quên ngay cái vinh diệu là đội viên của đội đặc biệt. Hắn đã nhảy thoát ngay qua nhà ga.

Bọn trai nhìn nhau.

Gorkôpxki hỏi nhỏ:

- Cái quái vật ấy là ai thế?...

Một giờ sau, ba xe của chúng tôi leo qua dốc Kuriajê rồi đỗ lại ở bên cạnh tường sứt mẻ của nhà thờ. Vài hình thù cáu ký ghét bản và xồm xoàm lông lá uể oải lại gần xe, vừa đi vừa kéo lê mặt đất gấu quần xơ mướp lê thê, và nhìn không có vẻ gì tò mò đặc biệt các trại viên Gorki, thon mảnh như những thị đồng^[170] và nghiêm khắc như những viên thẩm phán.

Hai giáo viên đi tới chỗ chúng tôi và cũng chẳng buồn che giấu ác cảm, họ đưa mắt nhìn nhau:

- Xếp họ vào đâu? Có thể đặt giường cho các bác trong phòng các thầy, còn trẻ con thì tìm chỗ ở các buồng ngủ cũng được.

- Cái đó không quan hệ. Chúng tôi tự thu xếp chỗ nào cũng được. Ông giám đốc đâu?

Ông giám đốc lên tỉnh. Nhưng có một gã nào đó mặc quần xám nhạt, lốm đốm những vết mờ tròn, không khỏi làm khó dễ và nhắc lại rằng đúng ra không phải đến phiên việc hắn, rồi sau mới chịu nhận là mình đang ở phận sự công tác và bằng lòng dẫn chúng tôi đi xem trại. Tôi không phải xem gì hết. Iuriep cũng ít chú ý đến những cái mắt trông thấy. Djurinxkaia im lặng buồn rầu. Còn bọn trai thì không đợi hướng dẫn viên chính thức đã tự động chạy đi thăm trại. Ivan Đênitxôvich thông thả kéo lê bước đi theo họ.

Khalabuda thì đang giờ ba-toong chỉ trở tứ phương, nhắc lại tỉ mỉ những hoạt động tổ chức của mình và kể ra từng thứ các bất động sản của Kuriajê, tất cả đối với ông ta, đều thu vào một mẫu số chung: lúa hắc mạch. Bọn trai đã trở về với những bộ mặt cau lại vì kinh ngạc. Kutlaty nhìn tôi với một vẻ muốn nói “Bác Antôn Xêmiônôvich, làm sao bác lại đi mua dây mà quàng vào cổ như thế?”

Mắt Michia Jêvêli ánh lên một vẻ bức tức: hai tay thọc túi quần, hắn nhìn chung quanh qua vai hắn và Djurinxkaia nhận thấy rất rõ các động tác khinh bỉ ấy:

- Thế nào, các em, ở đây không tốt ư?

Michia không trả lời. Vôlôkhốp bỗng phá lên cười.

- Tôi cho rằng ở đây không tấn chúng nó thì không làm nên trò trống gì hết.

Liubôp Xavêliepna tái mặt đi:

- Thế nào?

- Cái bày đoàn này, phải móc vào mang chúng nó mà lôi đi mới được, Vôlôkhốp giải thích rồi bồng đưa hai ngón tay móc vào cổ áo để kéo lại gần Djurinxkaia một đứa trẻ khăng khiu, đen thui và gầy nhom, mặc một cái “áo tổ đĩa” dài thượt nhưng đầu để trần và chân đi đất.

- Bà xem tai nó này.

- Thằng bé ôm yếu ngoan ngoãn quay mình. Tai nó quả thật là một tuyệt phẩm. Cái đen đui không nói làm gì, cũng không nói cả đến ghét cái ký đã có thì giờ đóng chóc và sơn mấy mươi tầng các thứ nước thiên nhiên, nhưng tai nó còn loang lỗ hàng đồng mụn, mủ máu đỏ lờ, vẩy khô đóng sẹo và từng mảng phát ban.

- Tại sao tai cháu như thế? Djurinxkaia hỏi.

Nó mỉm cười bên lén, cọ chân nọ vào chân kia, và chân nó cũng cùng một kiểu như thế.

- Đó là ghẻ, nó trả lời bằng một giọng khàn khàn.

- Còn bao nhiêu ngày nữa thì mày chết? Tôxka hỏi.

- Chết à? Có khối đứa như thế ở đây mà cho đến nay có đứa nào chết đâu!

Các trại viên, không hiểu vì lẽ gì, lẫn mặt đi đâu mất cả. Chỉ có vài hình thù nhẩn nhó lang thang trong câu lạc bộ đầy rác rưởi, ở các cầu thang nhóp nhép những bãi khạc nhỏ như sao sa, ở các lối đi ngổn ngang từng đồng phân lớn nhỏ. Cũng chẳng có một bóng người nào trong các phòng ngủ bừa bộn, nồng nặc mùi hôi mà cả đến ánh mặt trời cũng không tài nào lọt vào nổi qua những cửa sổ phủ đầy cứt ruồi.

- Các trại viên đi đâu cả? Tôi hỏi người giáo viên trực nhật.

Hắn ngoảnh mặt đi một cách hờn hỉnh và trả lời qua kẽ răng:

- Câu hỏi thừa.

Một đứa trẻ trạc mười lăm tuổi, mặt tròn, đi cạnh chúng tôi không rời một bước.

- Nay, ở đây các cháu sống thế nào?

Nó ghéch lên phía tôi một bộ mặt nhỏ xíu, tinh ranh, nhưng cũng không rửa, như mặt mọi đứa khác ở Kuriajê:

- Sống thế nào ư? Ở đây thì gọi là sống sao được! Nhưng người ta bảo rồi sắp khá hơn, có thực không bác?

- Ai bảo thế?

- Chúng nó kháo rằng rồi sắp thay đổi, nhưng chúng nó bảo hể động một tí là người ta sẽ đánh các cháu bằng roi.

- Đánh các cháu? Tại sao?

- Những đứa nào ăn cắp. Ở đây khối.

- Bác hỏi, tại sao cháu không rửa mặt?

- Chả có gì mà rửa! Nước không có! Trạm máy điện hỏng và không bơm được. Lại chẳng có khăn mặt, cũng chẳng có xà phòng...

- Vậy người ta không cho các cháu sao?

- Trước có cho... Nhưng chúng nó ăn cắp hết. Ở đây, ai cũng ăn cắp. Và bây giờ thì ở kho chả còn gì sắt.

- Tại sao thế?

- Một đêm, chúng nó cướp kho. Chúng nó bẻ khóa và lấy ráo. Ông giám đốc muốn bắn...

- Thế rồi sao?

- Chả sao cả... ông ấy lại không bắn. Ông ấy bảo: tao bắn. Chúng nó nói: Đây, cứ bắn đi! Thế rồi, ông ấy không bắn, ông chỉ cho đi tìm dân cảnh.

- Thế, dân cảnh đã làm gì?

- Cháu chả biết.

- Cháu cũng có lấy gì trong kho chứ?

- Không, cháu chẳng vớ được gì hết. Cháu muốn lấy một cái quần, nhưng ở đó chỉ có toàn quần lớn, và lúc cháu đến, chỉ nhặt được có hai cái chìa khóa nằm trên sàn.

- Việc xảy ra đã lâu chưa?

- Mùa rét năm ngoái.

- Được rồi... Tên cháu là gì?

- Malikôp Piôtr.

Chúng tôi đi lại phía trường học. Iuriep lặng yên nghe chuyện. Khalabudă tụt lại đằng sau, đi theo chúng tôi. Bọn trai Gorki đã vây lấy ông: họ thực tài đánh hơi những nhân vật lý thú. Khalabudă vênh bộ mặt có chùm râu hung đỏ, nói chuyện với bọn trai về mùa gặt tốt. Cái ba-toong gốc bằng gỗ rắn của ông ta kéo lê đằng sau, cào mặt đất.

Sau cùng chúng tôi đến trường học. Đây là lữ xá cũ của tu viện mà Ban Bảo vệ nhi đồng đã xây dựng lại. Tòa nhà độc nhất của trại không có buồng ngủ: một hành lang bất tận và hai bên là các lớp học, dài và hẹp. Tại sao lại đặt trường học vào đây? Những gian này chỉ làm buồng ngủ là tốt.

Một lớp học dán đầy những yết thị, quảng cáo và tranh bôi bác của trẻ con được giới thiệu với chúng tôi là “Nhà Thiếu niên”. Rõ ràng là người ta dành riêng phòng này cho các cuộc thanh tra và để tôn trọng những nghi thức chính trị: chúng tôi phải chờ không kém nửa giờ đồng hồ trước khi người ta tìm thấy chìa khóa “Nhà Thiếu niên”.

Chúng tôi ngồi nghỉ trên một chiếc ghế dài. Bọn trai của tôi im lìm như thóc. Vichia khẽ thì thảo sau vai tôi:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, phải ngủ ở buồng này, chung tất cả thôi. Nhưng bác đừng có nằm giường. Phải biết là ngoài kia lạnh rận, chết khiếp đi được!

Jêvêli ghé về phía tôi qua đầu gối Vichia:

- Ở đây có những đứa không đến nỗi nào. Nhưng phải biết chúng nó ghét các giáo viên của chúng ghê lắm! Song cứ để tự nhiên thì chúng nó chẳng chịu làm việc đâu...

- Vậy làm sao?

- Chúng nó sẽ chẳng chịu làm việc nếu không có chuyện tan hoang om sòm...

Mọi người bắt đầu bàn về cách thức bàn giao trại. Viên giám đốc đã ở tỉnh đêm bỏ về bằng xe thuê. Trông bộ mặt ngây độn và nhột nhột của y, tôi nghĩ bụng: thực ra, cũng không thể nào đưa y ra truy tố trước pháp luật được. Ai đã đem đặt cái con người thảm hại này vào địa vị thiêng liêng của nhà giáo dục?

Viên giám đốc lấy giọng gây gổ mà tỏ bày rằng phải bàn giao thực sớm; và nói chung y không đảm bảo gì hết cả.

Iuriep hỏi:

- Nghĩa là thế nào: bác không đảm bảo gì hết là làm sao?

- Thế đó, bọn trẻ khó chịu lắm. Nên coi chừng mọi sự quá trớn có thể xảy ra, và chúng nó có khí giới đấy.

- Nhưng tại sao chúng nó lại khó chịu thế? Chẳng phải là bác đã gây ra cho chúng đó ư?

- Tôi ấy à? Tôi lại còn phải mớm cho chúng ư? Tự chúng nó thừa đoán được có chuyện gì rồi. Các bác tưởng chúng không biết à? Chúng biết tuốt.

- Đúng ra thì chúng biết cái gì?

- Chúng biết cái gì chờ đợi chúng, viên giám đốc nói bằng một giọng ý nghĩa, và bằng một cách có ý nghĩa hơn nữa y ngoảnh mặt quay ra cửa sổ, để tỏ rằng chỉ một sự có mặt của chúng tôi cũng đủ báo hiệu không có gì là tốt cho lũ trẻ nuôi hết.

Vichia nói nhỏ vào tai tôi:

- Đồ đều! Đồ đều!

- Im, Vichia! Tôi nói. Nếu xảy ra sự gì quá khích thì bề nào bác cũng phải chịu trách nhiệm, dù là xảy ra trước hay sau cuộc bàn giao trại. Tôi lại yêu cầu chúng ta làm xong mau chóng mọi hình thức.

Chúng tôi quyết định hôm sau sẽ làm việc bàn giao, vào lúc hai giờ chiều. Tất cả nhân viên, bốn mươi người, là chỉ kể riêng các giáo viên, sẽ phải giải tán và rời khỏi các phòng nội trong ba ngày. Một thời gian phụ thêm là năm ngày được ấn định cho việc bàn giao vật liệu.

- Thế bao giờ người chủ nhiệm của các bác đến?

- Chúng tôi không có người chủ nhiệm. Chúng tôi sẽ cử một trẻ nuôi của chúng tôi ra nhận các thứ.

Viên giám đốc xù lông nhím:

- Tôi sẽ không giao cái gì cho một trẻ nuôi hết thấy.

Bằng ấy sự ngu xuẩn đúc lại bắt đầu làm tôi phát cáu. Nói cho cùng, y sẽ giao lại cho tôi được cái gì?

- Này bác ạ, tôi nói, về phần tôi thì có biên bản hay không có biên bản gì, tôi cũng không cần lắm đâu. Cần cho tôi, chỉ có là nội trong ba ngày không còn ai trong bọn các bác ở lại đây nữa.

- Ha ha, nghĩa là chúng tôi làm phiền?

- Chính thế đấy!

Viên giám đốc bị chạm nọc, nhảy lên và đi mau ra cửa, vẻ tức tối.

Người giáo viên trực nhật lật đật theo hần. Đến ngưỡng cửa, viên giám đốc phóng lại một câu:

- Không phải chúng tôi, mà là những người khác sẽ làm phiền các ông!

- Bọn trai cười. Djurinxkaia thở dài. Iuriep có vẻ ngượng ngấm một cái gì ở bậu cửa sổ. Khalabudza không nao núng xem hoài những quảng cáo phủ mặt tường.

- Thôi, ta đi về thôi, các bác nhỉ, Iuriep nói. Mai ta trở lại phải không, bà Liubôp Xavêliepna?

- Bà nhìn tôi buồn rầu.

- Xin các bác đừng lại, tôi yêu cầu.

- Tại sao thế?

- Lại làm gì? Các bác sẽ không giúp đỡ gì cho tôi cả, và chúng ta sẽ mất thời giờ chuyện vãn.

- Iuriep cáo từ, về hơi phật ý. Liubôp Xavêliepna bắt tay chúng tôi chặt chẽ, cả tôi và bọn trai. Bà hỏi:

- Các anh không sợ chứ?

Họ trở về tỉnh.

Chúng tôi ra sân. Chắc là sắp đến bữa ăn, vì từ bếp, người ta đang chuyển những xoong xúp lên buồng ngủ. Vetkôpxki kéo tay áo tôi, cười: Michia và Vichia đã giữ lại hai đứa trẻ mang xoong như vậy.

- Sao lại được làm thế hử? Vichia hỏi giọng trách mắng. Những đứa này là cái giống gì? Mà không hiểu sao? Thế mà là giống ăn thịt người à?

Thoạt đầu, tôi còn không hiểu. Kôxchia nhắc bổng tay áo một đứa giữ việc phát bánh của Kuriajê. Dưới cánh tay kia, nó kẹp một ổ bánh mì mà cùi đã bị vạc mất một nửa. Kôxchia rung cổ tay áo thẳng bé bối rối: cả cái cửa tay ấy dúng vào xúp chảy tong tong; những miếng su hào và củ cải dính vào tay áo, lên đến tận vai.

- Này, trông này, Kôxchia cười ngất, và chúng tôi cũng không sao nhìn được: thằng ranh nắm một miếng thịt trong tay.

- Còn thằng kia?

- Cũng thế! Michia nói tung lên. Đi đường, chúng nó vớt thịt trong xúp... Mà không biết xấu à? Đồ khốn kiếp, ít ra mà cũng phải cuộn tay áo mà lên chứ?

- Ô, ở đây sẽ gay lắm đấy, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, Koxchia nói.

Bọn trai của chúng tôi không biết tản mát đi đâu. Ánh sáng của một ngày tháng năm êm dịu ngả trên đồi của tu viện âm thầm, nhưng tu viện không đáp lại cái nụ cười ấm áp đó. Tôi nhìn trong tường tượng thấy thế giới ngăn đôi do một mặt phẳng trong suốt: trên cao trời xanh lồng lộng, hương vị không khí đậm đà, và mặt trời, chim bay và đỉnh yên tĩnh của những đám mây cao. Từng mảng trời buông rủ xuống đất, móc vào đó là những xóm nhà tranh xa xa, những khu rừng con xinh xắn, và dải sông nhỏ vui vẻ uốn khúc như con rắn nước. Những ruộng trời đen, xanh và hung đỏ, trái nằm tinh tươm dưới nắng như một tấm thảm ngày hội. Tất cả những cái đó không biết là tốt hay xấu, nhưng thực ra ư nhìn, giản dị và dễ yêu, khiến người ta những muốn hòa mình vào cái ngày trong sáng của tháng năm này.

Nhưng dưới chân tôi là mảnh đất bỉ ổi của Kuriajê, với những bức tường dầm mùi mồ hôi, hương trầm và bộ rệp, với những tội lỗi ngàn đời của các giáo sĩ, và ghét trộn máu mủ của lũ trẻ vô thừa nhận. Không, nhất định đây không phải là thế giới, nhưng một cái gì khác, cơ hồ là chuyện bịa đặt đó thôi!

Tôi đi thơ thẩn trong trại: không một ai đến gần tôi cả, nhưng trại viên có vẻ đông hơn. Chúng nhìn tôi xa xa. Tôi đi qua các phòng ngủ. Phòng ngủ nhiều vô kể, khiến tôi không hình dung được đi đến đâu mới hết thấy, phòng ngủ đóng chặt ních cả những tòa ngang dãy dọc lớn nhỏ này. Bây giờ thì có nhiều trại viên. Chúng ngồi trên các đồng rẻ nhàu nát, những tấm phản mộc, hay trên thành giường sắt. Chúng ngồi cho tiêu bữa ăn, tay thu vào giữa đầu gối quần rách. Một vài đứa giết rận; trong các xó xinh, chỗ này chơi bài lá, chỗ kia ăn nốt xúp nguội ở đáy xoong quện bỏ hóng. Chúng không chú ý đến tôi: một thế giới trong đó tôi không có mặt.

Trong một buồng ngủ, một nhóm trẻ con đang xem tranh ảnh một số báo Đồng ruộng^[171] cũ, khiến tôi ngạc nhiên. Tôi hỏi:

- Các cháu, các cháu hãy cho bác biết các cháu cất gôi đi đâu cả?

Cả bọn ngẩng đầu lên ngó tôi. Một đứa mũi nhọn đáp lại cái nhìn của tôi bằng một vẻ mỉa mai châm biếm:

- Gối của các cháu ấy à? Có phải bác là đồng chí Makarenkô, Antôn Xêmiônôvich không?
- Phải.
- Bác vào đây chơi, bác nhìn xem à?
- Đúng rồi, bác vào chơi, bác nhìn xem.
- Ngày mai, từ hai giờ...

Tôi ngắt lời nó:

- Phải, ngày mai, từ hai giờ, nhưng cháu vẫn chưa trả lời câu bác hỏi: gối của các cháu đâu?

Bác muốn các cháu kể chuyện bác nghe à?

Lấy đầu ra hiệu một cách dễ ợt, nó mời tôi ngồi trên cái đệm cầu ghét và vá víu của nó. Tôi ngồi.

- Tên cháu là gì?
- Vania Zaïtsenkô.
- Cháu biết đọc biết viết không?
- Năm ngoái cháu ở ban thứ tư, nhưng mùa rét năm nay... mà chắc bác biết rồi... không có trường.
- Ừ... vậy chứ ga trải giường với gối của các cháu đâu?

Đôi mắt xám của Vania bao trùm các bạn nó bằng một cái nhìn mau, lấp lánh vẻ hài hước, rồi nó lên ngồi trên mặt bàn. Các bạn nó ngồi trên giường, đưa nọ sát nách đứa kia. Giữa bọn, tôi bỗng nhận ra khuôn mặt tròn của Malikôp.

- Cháu cũng ở đây à?
- Phải-phải... đoàn các cháu đây! Thằng này là Tima Ôđariuc và kia là Ilia... Fônarenkô Ilia!

Tima là một đứa trẻ tóc đỏ hoe, da đầy vết tàn nhang, mắt không có lông mi, miệng mỉm cười chân thật. Ilia thì mồm đầy, trắng nhợt và mụn mẩn, nhưng có đôi mắt tốt: chừng chặc và đóng khung chắc chắn. Qua đầu các bạn nó, Zaïtsenkô nhìn cái buồng ngủ hầu vắng vẻ và bắt đầu nói giọng thăm thì, gần như vụng trộm:

- Bác hỏi gối ở đâu, có phải không? Cháu nói ngay cho bác biết: không có gối, thế thôi!

Với một cái giọng cười đột ngột và âm ỹ, nó xòe hai bàn tay ra như tay ếch. Những đứa khác cũng cười rộ.

- Ở đây thú vị lắm, Zaïtsenkô nói, bởi vì rất buồn cười! Không có gối... ban đầu thì có đấy, thế rồi, huýt... biến cả!

Và lại cười:

- Cái thằng tóc đỏ này đi ngủ có gối và trở dậy thì không... huýt... biến rồi!

Zaïtsenkô nhìn Ôđariuc qua đôi khe đôi mắt lim dim vui vẻ. Nó ngả người ra đằng sau mà cười, và chân nó thúc đầu gối tôi mạnh hơn.

- Bác Antôn Xêmiônôvich này, muốn có gối, thì cái gì cũng phải ghi, có phải không? Phải đếm và viết các thứ vào sổ có phải không? Phát bao giờ, phát cho ai, và mọi thứ. Nhưng ở đây, chẳng những là gối, mà đến cả người cũng chẳng ai ghi nữa... Chẳng ai ghi... Mà người ta cũng chẳng đếm... không ai làm cả!

- Sao lại thế?

- Thế đây thôi! Bác tưởng dễ có người nào đã ghi là ở đây có thằng Ilia Fônarenkô đó hẳn? Chẳng ai ghi! Chẳng ai biết! Và chẳng ai biết cháu cả. Ô, bác ơi, bác ơi! Có nhiều đứa như cháu: sống ở đây rồi đi nơi khác ít lâu chơi, rồi lại trở về. Đây nhé: bác tưởng có ai đưa Tima lại đây à? Chẳng ai đưa cả! Nó tự dẫn xác đến, thế là nó ở.

- Vậy là nó thích ở đây ư?

- Không, nó đến đã hai tuần lễ nay. Nó ở trại Bôgôđukhốp trốn đi. Nó đã muốn đến trại Gorki đấy, bác ạ.

- Vậy ở Bôgôđukhốp người ta đã biết chuyện à?

- Chà! Ai cũng biết, làm gì mà chả biết!

- Thế thì tại sao chỉ có mình nó trốn đến đây?

- Cái đó là tùy thích mỗi người, tự nhiên thôi. Có nhiều đứa không thích kỷ luật. Người ta bảo ở bên bác nghiệt lắm: mỗi khi trả lời phải nói: “Rõ!”, kèn thổi một cái đã dậy mau, chạy đi, một, hai, ba. Phải không? Rồi lao động. Ở đây cũng thế, anh em không ưa cái đó...

- Chúng nó sắp trốn, Milikhốp nói.

- Bọn Kuriajê ấy ư?

- Phải-phải... chúng nó sắp trốn, bọn Kuriajê ấy. Từ phía. Chúng nó bảo thế này: “Các cậu chưa biết Makarenkô à? Hẳn muốn có huân chương, thế mà bọn mình lại phải lao động à?”. Chúng nó sắp chuồn ráo.

- Đi đâu?

- Thiếu gì chỗ! Ôi cha! Đến bất cứ trại nào chả được. Còn các cháu thì sao?

- Chúng cháu, chúng cháu là một đoàn, Zaïtsenkô nói với một cách vui vẻ. Bốn đứa đi với nhau. Mà bác ạ, chúng cháu không ăn cắp. Chúng cháu không thích, có thể thôi! Đây này, như Tima... giá lấy cho nó, thì không bao giờ, nhưng lấy cho đoàn...

Tima ngồi trên giường bồng đỏ ửng hai má lên một cách chân thật, trong khi nó lim dim đôi mắt bên lên nhìn tôi qua hàng mi.

- Thôi, thế chào đoàn nhé, tôi nói. Bây giờ chúng ta sẽ chung sống với nhau.

Cả bọn vừa cười vừa chào lại tôi.

Tôi tiếp tục đi. Vậy là đã được bốn đứa về phe tôi.

Nhưng ngoài ra, còn hai trăm bảy mươi sáu đứa, có lẽ hơn nữa. Zaïtsenkô nói có phần đúng: các trẻ nuôi ở đây không đếm số mà cũng chẳng thống kê. Con số đáng sợ hãi và không tính ra đó bỗng khiến tôi kinh hoàng. Sao tôi lại có thể nhẹ dạ lẩn mình vào một công cuộc tai hại mọi đường như thế? Không những đem thí nghiệm sự thành công của tôi, mà cả sự sống còn của một tập thể nữa? Chừng nào khoản “280” ấy đối với tôi chỉ là ba con số viết trên giấy, thì tôi còn nghĩ là tôi mạnh, nhưng hôm nay bốn hai trăm tám mươi ấy có mặt đây, doanh trại thảm hại của chúng bao trùm lấy năm người nhỏ nhoi của tôi, lòng tôi bỗng se thắt và tôi thấy lạnh bắp chân; một sự bạc nhược, một mối lo âu rầm rứt tràn lấn người tôi.

Ở giữa sân, một nhóm ba người đi lại gần. Những gã mười bảy tuổi, đầu đặc biệt có cạo, và chân đi giày tốt. Gã thứ nhất mặc một chiếc áo vet-tông nâu tương đối mới, nhưng phủ ngoài một cái áo sơ-mi nhàu nát và giày bẩn vì ăn uống; gã thứ hai mặc áo bành-tô da và gã thứ ba thì sơ-mi trắng sạch sẽ. Gã mặc vét-tông thọc tay vào túi quần và vừa ngheo đầu trên vai, vừa đi ngang qua mặt tôi mà đột ngột huýt sáo miệng một điệu hát hạ lưu “ở Ôđetxa” phô hàm răng trắng đẹp của y. Tôi để ý đôi mắt ốc

nhồi của y đục dưới hàng lông mày đỏ cách và rậm rạp. Đi gần y, quàng vai nhau, hai gã kia hút thuốc và lưỡi chúng đưa điều thuốc lá chuyển từ góc mép này sang góc mép kia. Một vài trẻ Kuriajê đã sán lại gần bọn chúng tôi.

Gã lông mày đỏ nháy một mắt, hỏi lớn:

- Makarenkô là đây, có phải không?

Tôi đứng lại trước mặt y, và cố gắng hết sức không để lộ tí gì trên nét mặt, tôi trả lời:

- Phải, tên tôi đó. Còn chú, tên chú là gì?

Y lại huýt sáo, không đáp, vừa lim dim đôi mắt ngó tôi, vừa đung đưa người trên một chân. Rồi, bỗng quay phắt lưng lại, y nhún vai và vẫn không ngừng huýt sáo, y rảo bước, vừa đi vừa móc túi quần. Mấy đứa bạn y vẫn đi theo, vẫn quàng vai nhau, và hát ông ổng như lệnh võ:

Son trẻ và qua khắp các đô thành,

Chạy theo vui thú của ta...

Những trẻ vây quanh chúng tôi vẫn ngó chúng tôi, và một đứa bảo nhỏ đứa đứng bên:

- Ông đốc mới...

- Cùng một giuộc... đứa kia trả lời theo giọng.

- Đồng chí đang nghĩ nên bắt đầu làm gì phải không, đồng chí Makarenkô?

Tôi quay lại: một thiếu phụ mắt đen mỉm cười với tôi: thực lạ lòng được thấy ở đây một chiếc cà-vạt đen nghiêm khắc nổi bật trên một cái áo blu trắng rất sạch.

- Tôi là Guliaêva.

Tôi biết: đó là chị hướng dẫn viên ở xưởng may và là người đảng viên duy nhất của Đảng ở Kuriajê. Chị thực ưa nhìn: người bắt đầu đầy, những thân còn mềm mại; mái tóc xoăn, đen bóng, cũng còn thanh xuân; ở người chị toát ra một nghị lực chưa tiêu phí. Tôi vui vẻ đáp.

- Chúng ta hãy cùng bắt đầu.

-Ồ không, tôi sẽ là một người giúp việc tôi cho bác, tôi không biết gì đâu.

- Tôi sẽ bảo cho chị biết.

- Thế thì được... Tôi đến mời bác qua thăm nhóm con gái. Bác chưa đến thăm họ. Họ đợi bác... nóng lòng sốt ruột lắm đấy. Tôi cũng được hãnh diện một phần nào: họ đã chịu ảnh hưởng của tôi; lại có được ba nữ đoàn viên Thanh niên Kômxômôn nư. Ta đi đi.

Chúng tôi đi về phía nhà chính giữa, có một tầng.

- Bác đòi thái hời tất cả nhân viên là chí phải, Guliaêva nói. Bác hãy đuổi tuốt họ đi, từ trên xuống dưới, không nể nang ai hết... và cả tôi nữa.

- Chị thì không đâu, chúng tôi đã bàn luận ổn thỏa rồi. Chính là tôi đang cần đến sự giúp đỡ của chị.

Phòng ngủ của con gái, rất rộng rãi, có sáu mươi giường. Tôi ngạc nhiên: giường nào cũng có chăn, đã đành là cũ và tồi. Ở bên dưới có ga trải giường. Và lại cả gối nữa.

Bọn con gái đang đợi chúng tôi thực. Họ mặc áo dài nhỏ bằng vải hoa cũ vá. Cô lớn nhất mười lăm tuổi.

- Chào các em! Tôi nói.

- Đây nhé, tôi dẫn bác Antôn Xêmiônôvich đến đây: các em cứ muốn gặp bác mãi.

Họ chào làm rầm ròi nhẹ nhàng đến gần, đi qua đâu sắp lại giường đó. Tôi bỗng thấy thương các em

gái bé đó vô cùng và tôi rất muốn ít nhất cũng làm một cái gì nho nhỏ cho vui lòng các em. Họ ngồi giường chung quanh chúng tôi, và e dè ngó tôi. Tôi tuyệt nhiên không hiểu tại sao tôi lại thương họ đến thế. Có lẽ vì họ xanh xao, môi nhợt nhạt, mắt nhìn thận trọng, hay có lẽ vì áo họ vá. Một ý nghĩ qua óc tôi: không thể nào để cho các em gái nhỏ mặc rẻ rách như vậy, họ sẽ đeo cái nhục ấy suốt đời.

- Các em hãy kể chuyện đời sống của các em cho tôi nghe đi, các em! Tôi hỏi.

Họ im lặng, nhìn tôi và chỉ mỉm môi cười. Tôi đột nhiên hiểu rõ: chỉ có môi họ biết mỉm cười và bọn thiếu nữ này không hề được biết cả đến một nụ cười sinh động thực sự là như thế nào. Tôi thông thả ngó từng bộ mặt, rồi lại nhìn Guliaêva và hỏi:

- Chị ạ, tôi đã có kinh nghiệm, nhưng ở đây có cái gì tôi không hiểu.

- Cái gì chứ?

Bất thình lình, em gái ngồi trước mặt tôi, một em tóc rất nâu, áo dài màu hồng cũn cớn lúc nào cũng để trơ đầu gối, nhìn tôi bằng đôi mắt đã từ lâu không biết chớp nữa, nói:

- Bác nên đến đây mau với các trại viên Gorki của bác đi, vì đời sống ở đây nguy hiểm lắm.

Bấy giờ tôi mới chợt hiểu trong chớp nhoáng: bộ mặt em gái tóc màu nâu đỏ, cái nhìn trân trân, miệng nói run rẩy, tất cả đều biểu lộ sự kinh hoảng, nói nôm là cái sợ.

- Các em ấy bị khủng bố, tôi bảo Guliaêva.

- Đời sống của các em gay gắt, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, gay lắm.

Mắt Guliaêva đỏ lên và chị bỗng lánh ra phía cửa sổ.

Tôi nhất định nài:

- Các em sợ gì? Kể chuyện đi!

Trước còn rụt rè, đẩy lẫn nhau và lần lượt nói, sau cùng thành thực bộc lộ, họ tả cho tôi nghe cảnh sống của họ một cách rõ rệt tàn khốc:

Họ chỉ cảm thấy được yên ổn tương đối trong phòng ngủ. Họ sợ ra sân, vì bọn con trai săn đuổi họ, cầu véo, nói đùa; chúng nhìn vào buồng vệ sinh và mở cửa ra. Thường họ bị đói, vì người ta không để lại gì cho họ ở phòng ăn. Bọn trai cướp món ăn của họ và đem về buồng chúng. Lệ cấm đem đĩa ăn lên buồng ngủ và nhân viên nhà bếp không cho làm thế, nhưng bọn trai không đem xĩa gì đến nhân viên; chúng lấy cả xoong lẫn bánh, còn bọn con gái thì không làm thế được. Họ đến phòng ăn và đợi; rồi người ta bảo họ là bọn con trai cướp sạch cả rồi, không còn gì ăn nữa; một đôi khi người ta cho họ được một ít bánh. Ở lại phòng ăn thì nguy hiểm vì bọn trai đến đó đánh nhau, chúng gọi mình là con đi và tệ hơn thế nữa, văng cho mình nghe đủ thức đều cẳng. Chúng còn bắt nộp cho chúng cái này cái nọ để chúng đem bán, nhưng bọn con gái không chịu. Thế là chúng xông lên buồng ngủ, vớ một cái chăn hay cái gối đem ra tỉnh bán. Bọn thiếu nữ chỉ dám giặt quần áo ban đêm, nhưng ban đêm cũng lại thành nguy hiểm: bọn trai nấp trong nhà giặt và làm những chuyện không thể nói ra được. Valia Gôrôtkôva và Mania Vaxilenkô đi giặt; họ trở về và khóc cả đêm; sáng ra họ đi ngay và không biết bỏ trốn đi đâu. Một người bạn họ lên thưa ông giám đốc, thế là hôm sau, lúc đi vệ sinh, chúng túm lấy cô này và bôi trát lên mặt cô ta... với thứ ấy... ngay tại chỗ. Mọi người nói mọi sự sẽ thay đổi, nhưng có nhiều gã bảo rằng chẳng đi đến đâu, rằng sẽ chẳng có trò gì ráo, bởi vì bọn Gorki đông được mấy hột và thế nào chúng nó cũng sẽ tổng cổ đi thôi.

Trong khi nghe chuyện, Guliaêva không rời mắt nhìn tôi. Tôi mỉm cười với chị thì ít mà với những giọt nước mắt chị rõ nhiều hơn.

Khi họ kể xong câu chuyện thương tâm, một em gái, mà mọi người gọi tên là Xêna, nghiêm chỉnh

hỏi tôi:

- Bác bảo những chuyện như vậy có thể dung thứ được ở dưới chính thể xô-viết không?

Tôi trả lời:

- Chuyện các cháu vừa kể là một sự đồi bại lớn; cái đó không thể dung thứ được dưới chính thể xô-viết. Vài hôm nữa thôi, mọi sự ở đây sẽ thay đổi. Các cháu sẽ sung sướng; sẽ không còn làm nhục các cháu, và chúng ta sẽ vứt hết những cái áo này đi.

- Vài hôm nữa? một thiếu nữ tóc vàng nhạt, ngồi trên bậu cửa sổ, hỏi lại với một vẻ trầm ngâm.

- Nói đúng thì trong mười hôm nữa, tôi đáp.

Tôi đi thơ thẩn trong trại cho đến tối, óc rối bời những tư tưởng nặng nề hết sức.

Ở trong khoảng mảnh đất tròn này, bốn bề tường thành khổng lồ bao bọc từ thượng cổ, chung quanh cái nhà thờ vô lý, nham nhở này, trên mỗi thước vuông đất ô trọc, những vấn đề sự phạm đã mọc lên trong một rừng cỏ lác đác trắng. Trong cái chuồng ngựa cũ kỹ, ọp ẹp, ngập phân lên đến tận giẫm nhà, ở chuồng bò, dùng làm dưỡng lão sở cho một chục cô bò già, trong khắp sân trại, giữa những lối đi đã mờ dấu vết của vườn cây quả bị phá trụi, ở cả khoảng không gian chung quanh tôi, đâu đâu cũng chồi lên những cảnh khô kiệt của nền giáo dục xã hội. Ở các phòng ngủ trại viên, và gần bên, ở các buồng nhân viên trống rỗng, trong những nơi gọi là câu lạc bộ, ở dưới bếp, ở phòng ăn, những cảnh khô đó đù đưa những quả độc sẵn sù, mà tôi bắt buộc phải nuốt trong những ngày sắp tới.

Nghĩ như thế, tức giận nổi lên trong lòng tôi. Tôi lại bắt đầu cảm thấy phần nộ như năm một nghìn chín trăm hai mươi. Sau lưng tôi bỗng hiện lên con quỷ cảm dỗ của lòng căm thù buông thả. Tôi muốn liền lúc đó, ngay lập tức, luôn tức khắc, túm lấy cổ áo một kẻ nào, ấn mũi nó xuống những đồng và vũng tanh tươi kia, bắt nó phải làm những động tác tối sơ đẳng... không phải của khoa sự phạm, cũng không phải của lý thuyết giáo dục xã hội, cũng không phải nhiệm vụ cách mạng, cũng không phải của tinh thần phấn khởi cộng sản, không, không, nhưng của lương tri tầm thường, của sự chính trực tiểu tư sản tầm thường và đáng鄙. Tức giận đánh bật ở trong tôi cái sợ thất bại. Những e ngại rầm rứt bị tiêu diệt không thương hại bởi lời hứa đối với bọn con gái. Máy chục em gái nhỏ mặt tái nhợt kia, nép mình trong im lặng trong kinh hoàng, tôi đã trót liều bảo đảm cho họ một cuộc sống nhân đạo trong hạn mười ngày; trong tâm tư tôi, bỗng chốc họ đã trở thành những đại diện của chính lương tâm tôi vậy.

Bóng tối lan dần. Ở trại không có ánh sáng. Hoàng hôn buồn rầu và vội vã bỏ từ những tường tu viện đến nhà thờ. Trẻ vô thừa nhận lúc nhúc trong các xó, các khe, vớ lấy suất bữa ăn tối ở dọc đường và sửa soạn chỗ ngủ. Không một tiếng cười, không một tiếng hát, không một giọng nói hân hoan. Thỉnh thoảng nghe, có tiếng cầu nhàu bị nén đi, một cuộc cãi lộn tục tĩu và bạc nhược. Hai đứa say rượu vừa trèo lên thềm mát bậc của một phòng ngủ, vừa văng những câu đều cang bỉ ổi. Qua bóng tối bắt đầu buông rủ, Vetkôpxki và Vôlôkhôp nhìn chúng tôi với một vẻ khinh bỉ lạnh lẽ.

3. THỐI TỤC KURIAJÊ

Hồi hai giờ ngày hôm sau, viên giám đốc ký một cách ngạo nghễ vào văn bản trao quyền, giải tán cả nhân viên, rồi bước lên xe thuê đi thẳng. Nhìn theo cái gáy của y đi xa dần, tôi thêm sự thành công rực rỡ của con người ấy: tự do như không khí từ nay, và chẳng có ai theo đuổi hết, dù chỉ là ném theo y một hòn đá.

Vì không có cánh như y, tôi nặng nề đi lại giữa những người trần tục Kuriajê, lòng se thắt.

Này đây là Vania Sêlaputin, hân hoan dưới ánh mặt trời tháng năm. Hấn rạng rỡ như một viên kim cương sáng chói, vì nụ cười và vì cảm động. Cùng với hấn, cái chuông đồng đóng vào tường nhà thờ cũng cố gắng ánh hào quang. Nhưng già nua và bần thủ, chuông chỉ phác họa nên một nét nhăn nhọt nhợt dưới mặt trời. Nó lại còn bị rạn, khiến Vania tổn hoại công mà vẫn không tài nào làm cho nó kêu được ra hồn. Nhưng hấn vẫn cứ phải kéo chuông báo hiệu họp toàn trại.

Tinh thần trách nhiệm là một thứ tình cảm bất tiện, nặng nề, day dứt; tự bản chất nó, nó là vô lý. Cần nhằn về mỗi cái rơm cái rác, nó cố tình mưu mô len lỏi vào từng khe kẽ nhỏ và nấu mình ở đó, giận dữ, lo lắng đến phát run lên. Trong khi Sêlaputin kéo chuông, nó lại bám nhằng vào cái chuông: chịu làm sao nổi những tiếng rè rè lộn ruột này tung lên trên trại?

Đứng bên cạnh tôi, Vichia Gorkôpxki chăm chú dò xét nét mặt tôi. Vẻ lo âu, hấn ngoảnh nhìn ra gác chuông, ra công tu viện, và con người mắt hấn mở rộng, thốt nhiên sầm tối lại, ánh lên một vẻ láu lỉnh. Vichia vươn cổ lên cười lặng lẽ, hơi đỏ mặt và nói giọng ồm ồm:

- Hà, phải đi chinh đồn cái này ngay lập tức, chứ không phải chuyện chơi.

Hấn chạy ra gác chuông, vừa đi vừa hội ý với Vôlôkhôp. Nhưng Vania đang cố làm cho cái chuông ho lên một chập thứ hai nữa. Hấn cười:

- Chúng nó không hiểu à? Mình kéo chuông, kéo chuông hoài, mà cứ như là mình hát vậy thôi!

Câu lạc bộ đặt trong nhà thờ cũ mùa đông. Cửa sổ cao căng lưới sắt, bụi bặm, với hai cái lò sưởi lớn. Trong khoảng bán nguyệt hát kinh, đặt một cái bàn ốm trên một bọc gỗ mặt rỗ hoa. Câu châm ngôn Trung quốc “ngồi còn hơn đứng” không được chấp nhận ở Kuriajê: không có gì để ngồi trong câu lạc bộ này cả. Vả chăng, dân ở trại Kuriajê không hề nghĩ đến điều đó. Thỉnh thoảng có kẻ thò vào cửa một cái đầu bù xù, rồi lại rút ra ngay. Họ đi lang thang trong sân, từng tốp ba bốn người, co ro, đợi bữa ăn. Vì những rối loạn nội bộ hồi này, nên bữa ăn hôm nay dọn muộn. Song đây chỉ là đám quần chúng bình dân: những động lực chính của nền văn minh Kuriajê đều ẩn mặt.

Không có giáo viên. Bây giờ tôi hiểu thế nào rồi. Đêm đó, nằm trên mặt bàn cứng của câu lạc bộ Thiếu niên, chúng tôi không được hưởng tí nào những êm đềm của giấc ngủ, và bọn trai kể cho tôi nghe nhiều chuyện kỳ thú về thói tục tập quán ở Kuriajê.

Ở trại bốn mươi giáo viên chiếm bốn mươi buồng. Một năm rưỡi trước đây họ phớn phở trang trí các buồng đó bằng những vật cụ thể biểu hiện văn hóa, thảm dệt, trường kỷ kiểu tỉnh nhỏ. Họ còn có những tài sản dễ mang xách và dễ chuyển hơn từ chủ này qua chủ khác. Chính những tài sản đó bắt đầu sang tay các trẻ nuôi Kuriajê bằng cái lối giản dị nhất, mà thành La-mã cũ cũng đã biết và gọi là ăn trộm có đào ngạch bẻ khóa. Hình thức chiếm hữu cổ điển ấy lan tràn mạnh đến nỗi các giáo viên vội vã theo nhau dọn hết về tỉnh những đồ dùng văn minh, khiến buồn họ chỉ còn trơ một ít đồ đạc tối sơ sài, nếu có thể gọi là đồ đạc một số báo *Tin tức* trải lên sàn làm giường cho các giáo viên trực nhật.

Nhưng các giáo viên Kuriajê không những quen run sợ lo cho tài sản, mà còn lo cho tính mệnh, và nói chung cho sự toàn vẹn của thân hình họ, nên không bao lâu bốn mươi buồng của họ đã biến thành những pháo đài, mà ở trong phạm vi các tường bao bọc đó họ thực thà để cho qua hết những giờ làm

phận sự. Trong đời tôi từ trước đến giờ và cả về sau này nữa, tôi chưa từng thấy những sự bố trí phòng thủ nào ghê gớm bằng những thứ đóng ở cửa sổ, cửa ra vào và các lỗ hổng khác trong các buồng giáo viên Kuriajê; móc sắt khổng lồ, gióng sắt hạng đại, chốt Ukren cài then, khóa Nga nặng gần mười cân, treo từng chùm vào các khuôn và bậc cửa.

Từ lúc đội đặc biệt tiên phong đến đây, tôi chưa trông thấy một giáo viên nào. Vì thế việc giải tán họ chỉ có tính cách tượng trưng thuần túy. Hơn nữa, qua thăm các buồng của họ, tôi có ý nghĩ như họ là những khái niệm trừu tượng, vì chỉ có những chai vôtka và bộ rệp còn lại là những vật độc nhất nhắc nhở tới cuộc sống của con người trong đó.

Có một gã tên là Lôikin bề ngoài và tuổi tác rất khó phân định, đi vút qua trước mặt tôi. Y cổ chứng tỏ cho tôi thấy tài sự phạm của y để được ở lại trại Gorki mà “tiếp tục, dưới sự lãnh đạo của ông, dìu dắt bọn thanh niên trên con đường tiến bộ”. Y xoay quanh tôi suốt nửa tiếng đồng hồ, thao thao bất tuyệt giở hàng tràng lý sự vụn về khoa sự phạm.

- Ở đây thật hỗn độn, hỗn độn hoàn toàn! Ông xem đây, ông kéo chuông mà chúng nó không đến. Tại sao thế? Tôi xin thưa ông rõ: đường lối sự phạm phải khéo léo mới được. Người ta bảo phải liệu chiều che gió là rất đúng. Nhưng làm thế nào mà liệu được, xin lỗi ông, nếu đứa trẻ cứ ăn cắp mà không ai ngăn cản nó. Tôi, tôi biết đối xử với chúng; có việc gì chúng cũng tìm đến tôi và chúng kính trọng tôi, nhưng... dạo nọ tôi có việc về thăm bà mẹ vợ hai ngày, bà ấy ốm, chúng nó đã lấy kính cửa và vợ sạch các thứ ở buồng tôi, khiến tôi nhả nhui y như khi chui ở bụng mẹ ra, chỉ trừ có cái áo blu thôi. Người ta phải hỏi tại sao lại như thế được. Ăn cắp của người xấu với mình thì đã đành, nhưng tại sao lại lấy cắp của người tốt với mình? Xin thưa: đường lối sự phạm phải khéo léo mới được. Tôi họp các trẻ lại, tôi nói chuyện với chúng một lần, hai lần, ba lần, ông ạ. Tôi làm cho chúng thích nghe, thế là được rồi. Tôi ra cho chúng một bài toán nhỏ. Tôi có trong túi này bảy kôpéc, hơn túi kia và tất cả có là hai mươi hai kôpéc, hỏi mỗi túi có bao nhiêu? Ông thấy có tài tình không chứ?

Và Lôikin hiêng mắt nhìn với một vẻ tỉnh ranh. Tôi hỏi cho lịch sự:

- Thế thì sao?
- Không, chính ông hãy trả lời đi, bao nhiêu?
- Bao nhiêu cái gì?
- Bao nhiêu kôpéc trong mỗi túi, ông nói đi, Lôikin nài.
- Đó là điều... mà ông muốn tôi nói à?
- Vâng, ông cho biết có bao nhiêu kôpéc trong mỗi túi.
- Đồng chí Lôikin này, tôi tức giận bảo y, đồng chí có học hành ở đâu không đấy?
- Sao lại không. Nhưng tôi phần nhiều tự học. Cả đời tôi, tôi tự đào tạo lấy, và tất nhiên tôi không qua các trường sự phạm và học viện giáo dục. Và xin thưa ông rõ: ở đây chúng tôi có người ở đại học xuất thân, lại có người có bằng tốc ký, lại một luật gia nữa, nhưng ông cứ thử truy họ một tí chơi như thế xem... hay thế này cũng được: hai anh em hưởng gia tài...

- Vậy ra chính hần... cái anh chàng tốc ký đó, đã viết cái này lên tường à?
- Phải, hần đấy, ... Anh ta vẫn muốn lập nhóm tốc ký, nhưng sau khi bị chúng đánh cắp, anh ta bảo tôi: tôi không muốn làm giữa bọn mọi rợ này nữa, rồi anh ta bỏ chuyện lập nhóm mà chỉ giữ phận sự giáo viên thôi.

Trong câu lạc bộ, một mảnh bia treo gần lò sưởi mang khẩu hiệu này:

TỐC KÝ LÀ ĐƯỜNG TIẾN LÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Lôikin còn nói lâu nữa, rồi tan biến đi đâu mất lúc nào không biết. Tôi chỉ còn nhớ Vôlôkhôp lăm bầm tiền theo chân y bằng câu vĩnh biệt này:

- Chán mớ đời!

Ở câu lạc bộ có những việc khó chịu và bức mình đang chờ đợi chúng tôi: trẻ nuôi ở Kuriajê không đến họp toàn trại. Mất Vôlôkhôp buồn rầu nhìn đăm đăm các tường cao trống trải; Kutlaty cúi sullen đến tái người, hàm răng nghiến lại, lăm bầm không biết nói gì. Michia mỉm cười nửa ngượng nửa khinh; chỉ có Misa Ôptsarenkô giữ nguyên vẻ hiền lành bình tĩnh, nói tiếp một câu chuyện bắt đầu từ lâu rồi:

- Cốt yếu là cày... rồi gieo giống. Thử coi có đời thuở nào: tháng năm ngựa treo giò, mọi việc chững cả lại!...

- Ở các buồng ngủ cũng chẳng có đứa nào nốt, chúng nó ra tỉnh tuốt, Vôlôkhôp nói, rồi dùng một danh từ hết sức rõ ràng, hằn khắc ra một câu chửi, bất chấp sự có mặt tôi.

- Không cho ăn, trước khi chúng chịu đến họp, Kutlaty đề nghị.

- Không, tôi nói.

- Sao lại “không”? Kutlaty kêu lên, nói cho đúng; chúng ta ngồi đây làm cái gì? Ở ngoài đồng phải biết là lăm cỏ, mà cũng chưa ai buồn cày, thế là thế nào? Vậy mà chúng ăn tiệc ở ngoài ấy à? Những quân ăn không ngồi rồi được tự do à? Hay là sao đây?

Vôlôkhôp đưa lưỡi liếm đôi môi đã se lại vì tức giận và nói:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, chúng ta hãy đi về phòng nói chuyện.

- Còn bữa ăn thì sao?

- Chúng hãy đợi đấy, ma quỷ chẳng bắt chúng đi mất đâu mà sợ. Mà đằng nào chúng cũng còn ở ngoài tỉnh kia mà.

Ở câu lạc bộ Thiếu niên, sau khi mọi người đã ngồi yên trên các ghế dài, Vôlôkhôp nói lời hiệu triệu như sau:

- Bây giờ bàn chuyện cày à? Gieo giống à? Nhưng chúng nó chẳng có gì hết thì gieo cái cóc khô gì, đến khoai cũng không có. Chúng nó, thì cũng đếch cần, tội mình gieo lấy một mình được, nhưng nào có cái gì chứ! Lại còn... bao nhiêu cái bản thủ, khăm khú. Khi bọn trai nhà mình đến nơi, thì thực xấu hổ, người ở sạch không biết đặt chân vào đâu. Lại còn các buồng ngủ, giường, đệm với gối? Lại quần áo? Chúng đi chân đất cả, mà quần áo ở đâu? Rồi bát đĩa, này, lại thìa nữa, chẳng có gì ráo? Bắt đầu làm cái gì? Phải bắt đầu làm cái gì đi chứ!

Bọn trai nhìn tôi, nóng lòng chờ đợi, tuồng như tôi biết nên bắt đầu làm cái gì.

Tôi không lo ngại về những trẻ ở Kuriajê bằng những công việc cụ thể, lật vật, nhiều vô kể, họp thành một mớ bòng bong phức tạp đến nỗi ba trăm đứa trẻ ở nhà này cho chui vào đấy cũng đến hết đường ra.

Theo hợp đồng với Ban Bảo vệ nhi đồng, tôi được lĩnh hai vạn rúp để tu sửa Kuriajê, nhưng người ta đã thấy số tiền đó chỉ là một giọt nước trong biển nhu cầu cấp bách. Bọn trai đã nhận định đúng, khi lập danh sách những đồ vật thiếu. Sự nghèo nàn cùng cực của Kuriajê ra tất cả khi Kutlaty tiếp nhận vật liệu. Viên giám đốc đã lăm lo rằng biên bản phải mang những chữ ký không xứng đáng. Viên giám đốc thực là vô sỉ: tờ biên bản chẳng hóa ra rất ngắn. Các xưởng có vài cái máy tiện, chuồng ngựa vài con ngựa xấu, ngoài ra không có gì hết: không có dụng cụ, không có nguyên liệu, không có nông cụ. Chuồng lợn cũ nát và ngập ngựa đầy phân, có nửa tá lợn kêu eng éc. Bọn trai không thể nhin cười nhìn

những con vật lạnh lện và tinh quái ấy, đầu to tướng cắm trên những chân mảnh khảnh, thực khác xa những con lợn Anh của chúng tôi. Bó được một cái cây ở một góc sân, Kutlaty mừng như được gặp lại một người thân thích. Mọi người vừa khám phá ra một cái bừa dưới một đồng gạch. Nhà trường chỉ giao cho có vài cái chân bàn, chân ghế, cùng với những mảnh vụn bảng lớp học; hiện tượng đó cũng rất tự nhiên thôi, vì mùa đông nào chẳng có lúc chấm dứt và khi sang xuân người chủ nhà nào chẳng còn lại một chút ít củi để dành.

Phải mua, phải làm, phải xây tất cả mọi thứ. Trước hết, phải dựng những nhà xí. Phương pháp sư phạm không nói gì đến các nhà xí, và có lẽ vì thế nên ở Kuriajê người ta đã phớt nhẹ, không cần đến cái tổ chức ích lợi và cần yếu ấy.

Tu viện Kuriajê xây trên một ngọn đồi cao bốn bề dốc đứng. Riêng dốc phía nam là không có tường thành. Đứng ở đây nhìn qua ao của nhà tu, biến thành đầm lầy, thấy những mái tranh xóm Pôtvorki. Cảnh tạm ưa nhìn về mọi mặt; một bức tranh Ukren xinh xắn, có thể môn trớn lòng bất cứ một thi sĩ trữ tình nào từ thơ ấu đã quen với những vằn ngày xanh, lều tranh, anh em^[172] cộng thêm một ít rừng thưa với vườn xua.^[173] Được hưởng một cảnh đẹp như thế, dân Kuriajê đen bạc chỉ trả ơn dân Pôtvorki bằng cách biến cho mất họ cái cảnh tượng này: hàng dãy con người thiên nhiên ngồi xõm trên bờ khe, làm cái việc cuối cùng biến hóa hàng triệu đồng ngân sách giáo dục xã hội thành một sản phẩm từ nay không dùng làm gì được nữa.

Vấn đề ấy khiến bọn trai của tôi rất thắc mắc, và Masi Ôptsarenkô hết sức nghiêm nghị, hùng hồn phát biểu ý kiến than phiền:

- Vậy còn ra cái thể thống gì? Làm thế nào bây giờ? Việc ấy mà cũng phải đi Khackôp à? Mà đi bằng gì đây?

Từ lúc bắt đầu cuộc họp có hai người thợ mộc ở Pôtvorki đứng sẵn ở cửa câu lạc bộ Thiếu niên. Người nhiều tuổi, dáng bộ quân nhân, mũ cát-két kaki, nhiệt liệt ủng hộ đề án của tôi:

- Tất nhiên không thể thế được. Đã có ăn thì không thể cứ trơ ra như gỗ. Còn nói đến ván, thì ở Ryjôp có một xưởng đấy. Các anh đừng ngại, ngoài ấy ai cũng biết tôi. Các anh cứ giao cho tôi đủ số tiền cần, rồi chúng tôi dựng cho các anh một lớp nhà xí đẹp hơn cả nhà xí của các thầy tu từ trước đến giờ. Nếu các anh muốn rẻ thì đóng gỗ ghép hay làm gỗ mỏng cũng tạm được, như thế thì nhẹ đấy; nhưng nếu các anh đồng ý thì tôi khuyên các anh nên dùng ván bốn phân, hay năm phân, như thế có điều là tốt hơn, vệ sinh hơn: không có gió lùa, mùa rét thì lạng gió, mùa nóng gỗ không bị nứt.

Có lẽ là lần thứ nhất trong đời tôi, tôi thực tình cảm động nhìn con người rất tốt đó, có tài xây dựng và tổ chức cho cả mùa đông lẫn mùa hè, cả gió máy lẫn “lặng gió”. Tên họ anh ta cũng dễ nghe: Bôrôvôi (Miếu). Tôi trao cho anh một tập giấy bạc và còn thú vị được nghe anh góp ý cứ ngon ơ với người giúp việc, một gã hồng hào tươi tỉnh:

- Vania ạ, thế tao đi lấy gỗ nhé, còn mày, mày cứ bắt đầu đi. Chạy đi lấy xẻng, đem cả xẻng của tao lại nữa. Trong khi đợi, cứ dựng lán cho các anh ấy. Nhưng đề nghị một anh nào chỉ chỗ với cách làm...

Kirghizôp và Kutlaty tươi tỉnh đi chỉ dẫn, còn Bôrôvôi bọc tiền vào một mảnh rẻ và ủng hộ tinh thần tôi một lần nữa:

- Đồng chí giám đốc ạ, chúng tôi sẽ làm cho đồng chí, đồng chí cứ yên tâm.

Tôi thấy yên tâm. Óc thấy thư thái hơn; chúng tôi đã giữ cái vẻ vụng về ngượng ngập và cái đình trệ của giai đoạn sửa soạn, để mở đầu công tác sư phạm ở Kuriajê.

Vấn đề thứ hai mà chúng tôi giải quyết ôn hòa chiều hôm ấy cũng liên quan đến đời sống hàng ngày:

vấn đề đĩa và thìa. Phòng ăn trần cuốn tò vò, tường trát vữa, treo hình những bộ mặt u buồn nghiêm trọng của các giáo trưởng và đức mẹ dõi nhìn chúng tôi, ngón tay có khi trở ra ban phép; trong phòng có những bàn với ghế dài, nhưng ở Kuriajê tuyệt nhiên không có một thứ đĩa bát gì hết. Sau một nửa giờ ngoại giáo khéo léo ở chuồng ngựa, Vôlôkhốp đặt Epgêniep lên được một cái xe tăng hai chỗ ngồi và tổng hấn ra tỉnh với nhiệm vụ mua bốn trăm đôi đĩa và cũng bằng ấy thìa gỗ.

Khi vượt qua cổng, xe được chào bằng những tiếng reo vui, sau đó là cảnh ôm hôn và bắt tay nhau tíu tít giữa một đám đông. Một làn gió thân mật, mừng rỡ, bay đến với cả bọn trai, họ kéo ùa ra cổng. Tôi cũng đi theo họ và rơi ngay vào tay Karabanôp, hấn ít lâu nay quen lối biểu dương sức lực của hấn trên lồng ngực tôi.

Đội đặc biệt bảy có mặt đầy đủ dưới sự chỉ huy của Zăđôrôp. Trong thâm tâm tôi, cả cái bày dân bản xứ Kuriajê bí mật và ghê gớm bỗng hóa thành một vấn đề nhỏ chẳng có nghĩa lý gì, mà ngay đến chính Lôikin có lẽ cũng chẳng chịu coi là chuyện đáng quan tâm.

Thật là một sự vui mừng lớn được thấy lại trong giây phút khó khăn này tất cả học viên trung học công nông của chúng tôi. Burun vạm vỡ chắc nịch; Karabanôp, mà tôi rất mừng nhận thấy sự mài giũa của học vấn trên cái căn bản nhiệt thành hăm hở; Antôn Bratsenkô mà tâm hồn rộng lớn còn phải bó trong khuôn khổ chật hẹp của nghề thú ý; Matvây Biêlukhin vui vẻ và hào hiệp; Ôtxatsi nghiêm chỉnh, cứng rắn như thép hợp kim; Vecsonep, nhà trí thức đi tìm chân lý; Marutxia Leptsenkô tẻ nhị, mắt đen; Naxchia Nôtsêvnaia; Gêorghiepxki, “con trai thống đốc Irkutsk”, và Snaide và Krainik và Gôlôt, và sau hết người trò yêu, người con đỡ đầu của tôi, Alecxandơ Zăđôrôp, đội trưởng đội đặc biệt bảy. Bọn kỳ cựu trong đội sắp rời trường trung học, và chúng tôi cũng tin chắc rằng họ sẽ thi lên trường cao đẳng có kết quả. Dù sao thì đối với chúng tôi, họ vẫn là trại viên nhiều hơn là học sinh trung học, và lúc đó chúng tôi không có thì giờ kiểm điểm những thành tích học hành của họ. Sau những lời chào đón lúc đầu, chúng tôi lại họp ở câu lạc bộ Thiếu niên. Karabanôp len vào sau bàn, ngồi chễm chệ trên ghế và nói:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, chúng cháu biết, sự tình đã rõ: một là thắng hai là chết! Cho nên chúng cháu về đây!

Chúng tôi kể lại công việc ngày đầu tiên của chúng tôi. Trán họ tối sầm lại, họ lo ngại nhìn nhau, trong khi các ghế ngồi kêu lắc rắc dưới người họ. Zăđôrôp trầm ngâm nhìn cửa sổ và lim dim một bên mắt:

- Không... dùng sức lực bây giờ chưa được, chúng nó đông quá thật!

Burun lắc hai cánh vai nặng nề của hấn, mỉm cười:

- Không ngại, Xasa ạ, cậu biết không! Chúng nó đông, thì cần đếch gì! Không sợ số nhiều, nhưng mẹ kiếp, vấn đề là không nắm được chúng. Cậu bảo chúng nó đông, nhưng chúng nó đâu? Đâu chứ? Cậu sẽ tóm được đứa nào? Phải làm thế nào, cách này hay cách khác... đúng thế... phải tập hợp chúng lại. Cậu làm thế nào mà tập hợp chúng?

Guliaêva bước vào, nghe chúng tôi thảo luận, mỉm cười đáp lại cái nhìn nghi kỵ của Karabanôp và nói:

- Tập hợp tất cả chúng nó thì không bao giờ các anh làm được đâu, vô ích thôi...

- Để rồi xem! Xêmiôn câu trả lời. Sao lại “vô ích”? Chúng ta làm được! Hai trăm tám mươi đứa thì có lẽ không, nhưng một trăm tám mươi đứa đến thì chắc được lắm. Rồi sẽ liệu sau. Chú cứ ngồi phỗng ở đây làm cái thái gì chứ?

Kế hoạch đặt như sau. Dọn ăn ngay lập tức. Dân Kuriajê đang kiến bò bụng dữ, và tất cả đang chờ

bữa ăn ở các buồng ngủ. Thì cho những của nợ ấy ăn! Nhưng, trong bữa ăn tất cả mọi người phải lên các buồng ngủ để khuấy động. Bảo bọn bã rả ấy rằng: chúng mày phải đi họp, chúng mày là người hay là cái giống gì? Đi họp! Đó là lợi ích của chúng mày, đồ sâu bọ; họp sẽ có chuyện hay: một cuộc đời mới nở ra cho chúng mày, trong khi chúng mày, đũa nào đũa nấy, chỉ biết bò trong hang lỗ, như con bọ đất. Nếu có đũa nào muốn làm mặt anh chị, thì cứ bỏ rơi. Chỉ bảo nó: mày giờ cựa ra đây, bên cạnh xoong xúp của mày, thì chi bằng đi họp mà nói lên mày muốn cái gì. Thế thôi. Rồi sau bữa ăn thì kéo chuông họp.

Ở cửa nhà bếp, có vài chục trẻ nuôi ngồi đợi phát suất ăn. Đứng chắn ngang cửa, Misa Ôptsarenkô đang giảng bài cho cái gã lông đỏ hôm qua đã hỏi tên tôi:

- Kẻ nào không làm việc thì không có ăn, thế mà mày, mày lại đến bảo tao rằng cứ có đi! Chả có gì cho mày hết. Có hiểu không, chú em? Nếu mày biết nghĩ một chút thì mày phải hiểu chứ. Thỉnh thoảng, nếu tao có dọn bữa ăn cho cả cái thứ mày, thì đó chỉ là thiện ý của tao thôi. Bởi vì mày đã không kiếm ra ăn, mày có hiểu không, em bé? Ai thì cũng có làm mới có ăn, còn mày, vì mày chỉ là một đũa ăn không, thì chả có gì cho mày sát, em ạ. Tao có thể bỏ thí mà cho mày ăn, thế thôi.

Gã lông đỏ nhìn Misa bằng một con mắt thú dữ tức giận. Mắt kia thì không nhìn và bộ mặt hằn nói chung từ tối hôm qua đến giờ có nhiều sự thay đổi lớn: vài chỗ trên mặt đã phồng to lên rất nhiều và đổi thành màu xanh. Môi trên và má bên phải lem nhem vết máu. Nhận thấy thế, tôi bắt buộc phải hỏi Misa cẩn thận:

- Thế là thế nào? Ai làm cho mặt mũi nó ra như thế?

Nhưng Misa mỉm cười đường hoàng và cho là tôi đã đặt câu hỏi không đúng:

- Bác mà hỏi lại cháu câu ấy à, bác Antôn Xêmiônôvich? Có phải mặt cháu đâu, mà là mặt mo của nó chứ, cái thằng Khôvrak ấy. Cháu thì việc cháu cháu làm, và cháu có thể báo cáo tường tận với bác, là giám đốc của cháu. Vôlôkhốp bảo cháu: mày đứng gác ở cửa không cho ai vào bếp cả! Thế thì cháu cứ gác chứ! Cháu có chạy theo nó không, hay là cháu lên phòng ngủ tìm nó, hay là cháu gây chuyện với nó? Thằng Khôvrak thử tự nói ra xem nào: chúng nó dẫn xác đến đây là chỗ chúng chẳng có việc gì mà đến cả, và có thể là nó ngu dại húc đầu vào cái gì đó chẳng.

Khôvrak bỗng khóc thút thít ghéech đầu về phía Misa, tỏ ý kiến:

- Phải, tui mày muốn lấy chuyện ăn bắt bí chúng tao, cũng được, nhưng mày có quyền gì mà đánh tao? Mày không biết tao à? Được, rồi mày sẽ biết tay tao!...

Hồi ấy chưa có sự định nghĩa thế nào là người đánh trước, nên tôi bắt buộc phải suy nghĩ. Trong lịch sử cũng có những trường hợp mờ ám như vậy, và cách giải quyết thường rất khó khăn.

Tôi cẩn thận giữ mực trung dung:

- Chú có quyền gì mà đánh nó?

Misa vẫn mỉm cười, giơ cho tôi xem một con dao Phần Lan:

- Bác xem lưỡi dao đây. Cháu lấy ở đâu ra? Có lẽ cháu ăn cắp của thằng Khôvrak chắc? Ở đây người ta đã diễn thuyết nhiều quá. Vôlôkhốp bảo: không cho ai vào bếp cả. Cháu đứng nguyên đây, thế mà nó tự dẫn đến với con dao nỏ vào người nó cho thêm dài và bảo cháu: giã ra! Cháu, tất nhiên là cháu không cho nó vào, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, nhưng mà nó lại tấn công: giã ra, thế là nó xông luôn. Thế thì cháu phải đẩy nó chứ. Ồ, mà cháu đẩy nó nhẹ nhẹ và lịch sự thôi, nhưng cái thằng xuẩn ấy, nó lại vung tay khua lưỡi dao cạo của nó lên. Nó không thể hiểu thế nào là trật tự. Thật đồ ngu!

- Nhưng chú cũng đã đánh nó, chú trông... đánh đến đổ máu... Chú tống nó bằng nắm tay phải không?

Misa chưng hửng, nhìn nắm tay:

- Nắm tay thì là của cháu, tất nhiên, bác bảo cháu cất nó đi đâu được? Chỉ có điều rằng cháu không rời khỏi chỗ. Vôlôkhôp bảo cháu: đứng ở đây, thì cháu ở đây. Nhưng mà cái thằng kia nó lại đến làm cái trò chong chóng như cái thằng xuẩn.

- Nhưng chú, chú không làm cái trò chong chóng à?

- Thế thì ai cấm được cháu? Cháu làm việc phận sự, thì cháu cũng có quyền xê cái chân, hay chẳng hạn cháu không cần để cánh tay phía này, cháu có thể để cho nó sang phía kia, là thường chứ. Tự nhiên nó đến dính vào đấy, thì lỗi tại ai? Mà đi đâu, thì mày phải biết chứ, hử thằng Khôvrak! Một đoàn xe lửa đang chạy, chẳng hạn... Mày trông thấy nó đến, thì mày phải dẹp vào và mở mắt ra chứ. Còn nếu mày nằm ngang trên đường, với con dao của mày, thì tất nhiên đoàn xe lửa không có thì giờ quay lại, người ta chỉ có việc xúc mày đi bằng thìa thôi, hạ màn. Hay là khi mày đến gần một cái máy đang chạy, thì phải để ý chứ, mày có phải là đứa còn ấp vú mẹ đâu!

Misa giải thích tất cả những điều đó cho Khôvrak nghe bằng một giọng ôn tồn, có điểm một chút ái ngại nữa, vừa nói vừa làm cử chỉ thuyết phục với cánh tay phải, để chứng minh đoàn xe đang đi và Khôvrak nên lánh dẹp vào đâu. Gã này lặng yên nghe hẩn. Ánh nắng mặt trời tháng năm bắt đầu làm khô máu đọng trên má nó. Nhóm học viên trung học của chúng tôi chăm chú nghe Misa Ôptsarenkô diễn thuyết, họ nhận thấy cương vị khó khăn của hẩn, và cho những lời lẽ khôn ngoan nhũn nhặn của hẩn là phải.

Trẻ Kuriajê đã xúm đông lại trong khi chúng tôi nói chuyện. Tôi nhận thấy trên mặt chúng vẻ khoái trá được nghe những lý luận danh thép của Misa, những lý luận càng thêm đích đáng đối với chúng khi được nói lên ở miệng kẻ thắng. Tôi vui vẻ thấy rằng tôi đã đọc được một cái gì trên gương mặt các trẻ nuôi mới của tôi. Tôi đặc biệt chú ý những dấu hiệu hầu như phảng phất của cái vui láu lỉnh bắt đầu trở ra ngoài những tầng ghét và vết xúp bần nguếch ngoác, khác nào những chữ xóa mờ trên một bức điện báo. Chỉ có trên nét mặt Vania Zaïtsenkô đứng trước cái đoàn nhỏ của nó, là cái vui ấy biểu lộ rõ rệt nhất, như in thành chữ chói lọi trên một băng vải căng khẩu hiệu ngày hội. Tay chống nẹ trên thắt lưng quần nhỏ, chân đi đất giạng ra, Vania nhìn mặt Khôvrak một cách hết sức chăm chú và giễu cợt. Nó bỗng giậm chân tại chỗ và hát lên hơn là nói, ngả ra đằng sau cái mình thon thon của nó:

- Khôvrak này, cậu không thích xoi quả đấm vào mõm, có phải không? Cậu không thích, có phải không?

- Câm họng, ranh con, thằng kia nạt nộ bằng một giọng cáu kỉnh và đã khan cả tiếng.

- Ha!... nó không thích! Và Vania trở ngón tay vào Khôvrak. Nó được sát thuốc lào một trận, chỉ có thể thôi!

Khôvrak xông vào Zaïtsenkô, nhưng Karabanôp kịp thời đặt tay lên vai nó, ấn nó dụi hẩn xuống, làm vẹo cả mình nó trong cái áo vét-tông diện mốt. Nhưng Vania không hoảng. Nó chỉ đứng sát lại gần Misa Ôptsarenkô. Khôvrak vùng lại phía Xêmiôn, mồm méo xệch đi, gờ bật được mình ra. Xêmiôn mỉm cười kẻ cả. Khôvrak đưa mắt long lanh những ánh lửa căm hờn nhìn khắp vòng cử tọa và lại bắt gặp đôi mắt chăm chú và thích chí của Vania. Khôvrak bối rối ra mặt: sự thất bại và sự cô độc của nó, vech máu vừa mới khô trên má nó, những câu châm ngôn trịnh trọng của Misa và nụ cười của Karabanôp, tất cả những cái đó phải có thì giờ mới phân tích được, cho nên nó càng khó bỏ qua sự khinh miệt của Vania và khó rút bỏ được cái thái độ khiêu khích cố hữu, bỉ ổi của nó, xưa nay vốn không sao kìm hãm nổi. Nhưng Vania đáp lại sự khiêu khích đó bằng nét mặt châm chọc cay chua ghê gớm:

- Trông mày mới đáng sợ và ghớm ghieếc làm sao chứ... Tối nay chắc là tao không ngủ được đâu...

Tao sợ chết khiếp đi, chỉ có thể thôi! Chỉ có thể thôi!

Bọn trai Gorki và Kuriajê cùng phá lên cười. Khôvrak rít lên:

- Đồ chó! Và lại muốn xông lên, theo một kiểu tấn công du côn của nó.

Tôi nói:

- Khôvrak!

- Cái gì cơ? Nó hỏi lại qua vai nó.

- Lại đây!

Không vội vâng lời, nó ngó giày tôi, tay vẫn lùa vào túi quần như thường lệ. Tôi lấy giọng danh thép ra lệnh: [\[174\]](#)

- Lại gần đây, bảo!

Mọi người im lặng chung quanh chúng tôi, trừ có Pêchia Malikôp thềm thì kinh hoàng:

- Ô, ô!

Khôvrak tiến lại phía tôi, neho mặt và nhìn tôi chăm chăm, cố làm tôi bối rối. Nó đứng lại cách hai bước, và lại đưa một bên chân như hôm qua.

- Đứng nghiêm!

- Đứng nghiêm, lại còn thêm trò ấy nữa à?

Khôvrak cần nhẫn, song nó cũng sửa lại tư thế, rút tay ra khỏi túi quần, nhưng để bàn tay phải chảnh hoành chống háng, ngón xòe ra đằng trước.

Karabanôp hạ cái bàn tay ấy của nó xuống:

- Chú em ơi, người ta bảo chú “đứng nghiêm”. Thì không phải là bảo chú múa xòe. Ngẩng đầu lên!

Khôvrak cau lông mày, nhưng tôi trông thấy nó đã chỉnh. Tôi nói:

- Bây giờ chú là một trại viên Gorki. Chú phải tôn trọng các bạn chú. Chú không được đánh đập các em nhỏ, nhớ chưa?

Mi mắt nó chớp chớp và một nụ cười thoáng qua viền nhẹ đầu môi dưới thanh thanh của nó. Trong câu nói của tôi có nhiều đoạn dọa nạt hơn là ôn hòa và tôi thấy nó đã chú ý điều đó. Nó trả lời gọn lỏn:

- Cũng có thể.

- Không được nói “cũng có thể”, phải nói “rõ”, đồ súc vật! Biêlukhin quát oai hùng, như tiếng lệnh.

Matvây nắm vai Khôvrak quay tròn người nó, không kiểu cách, rồi phát vào bàn tay buông xuôi mỗi bên của nó, hất đưa nhanh cánh tay nó lên chỉnh chệch theo kiểu chào và nói dần từng tiếng:

- Không được đánh đập các em nhỏ! Nhắc lại đi!

Khôvrak há mồm như cá chép:

- Nhưng tại sao các anh lại hành hạ tôi thế? Tôi làm gì? Tôi có làm gì xấu? Chính hấn giã tôi, ai cũng thấy! Tôi, tôi có làm gì hấn...

Công chúng Kuriajê xúm lại gần nữa, chăm chú hết sức vì những sự việc đó. Karabanôp quàng lấy vai Khôvrak, đầm ấm bảo nó:

- Bạn ơi! Chú nó ơi! Dù sao chú cũng là người thông minh chứ! Misa làm việc phận sự, có phải để bảo vệ quyền lợi của hấn đâu, mà là quyền lợi của cả mọi người. Thôi, đi ra chơi gốc sồi, tôi nói cho

chú nghe.

Họ đi về phía miếu, chung quanh xúm xít cả một bầy những chú thích thú các vấn đề đạo đức.

Vôlôkhôp cho lệnh dọn bữa ăn. Đã từ lâu, tên đầu sỏ có ria mép và đội một cái mũ vải trắng, đã gập đầu ra hiệu thân thiện với Vôlôkhôp, trước khi lẩn mặt. Vania Zaïtsenkô kéo mạnh tay áo cả đoàn của nó và dẫn giọng nói nhỏ:

- Các cậu thấy không, nó đội một cái mũ chụp trắng. Như vậy nghĩa là thế nào? Tima, mày thử nghĩ xem!

Tima đỏ mặt, nhìn xuống và nói:

- Đây là mũ của nó, tớ biết.

Cuộc họp toàn trại bắt đầu vào năm giờ. Hoặc vì bọn học viên của chúng tôi đã tuyên truyền có kết quả, hoặc vì một lý do nào khác, dân Kuriajê đến họp khá đông. Và khi Vôlôkhôp đặt Misa Ôptsarenkô ở cửa ra vào, khi Ôtxatsi và Sêlaputin ghi tên những người có mặt, bắt đầu cuộc kiểm điểm cần thiết cho công cuộc sư phạm, xem có bao nhiêu người khả dĩ giáo dục được, thì những kẻ đến chậm chen nhau ở ngoài cửa, lo sợ hỏi:

- Thế những người không ghi tên có được phát xúp không?

Lòng ngôi nhà thờ cũ không đủ sức chứa cả cái đông quặng mỏ người ấy. Đứng trên đàn lễ cao nhìn xuống bầy trẻ vô thừa nhận, tôi kinh ngạc nhận thấy số đông và sự thiếu tính cách của chúng. Chỉ ở vài chỗ, họa hoàn mới thấy những bộ mặt lý thú và linh hoạt, hoặc thấy có tiếng nói của con người và tiếng cười ngay thật của trẻ con. Bọn con gái đồn nhau vào khoảng lò sưởi cuối nhà thờ, im lìm sợ hãi. Trên cái mặt biển pha màu bùn đen của những “ảo tổ đĩa”, những đầu tóc bù xù, nồng nặc hôi hám ấy, nổi lên thành vệt tròn tròn những bộ mặt thô, lạnh, cứng như chết, mồm há hốc, mắt nhìn cay độc, và thó thịt mềm nhũn.

Tôi nói vắn tắt cho chúng nghe về trại Gorki, về đời sống và sự làm việc ở đấy. Tôi phác qua mục đích của chúng tôi: sạch sẽ, lao động, học tập, một cuộc đời mới và một cảnh hạnh phúc nhân loại mới. Chúng sống trong một nước sung sướng, không có những chúa phong kiến và tư bản, ở đó con người được lớn lên tự do và phát triển khả năng trong hoạt động vui tươi. Tôi thấy chóng mệt, vì thiếu sự chú ý sinh động của các thánh giả. Tựa hồ tôi nói chuyện với những tủ đứng, những thùng gỗ và những cái hòm. Tôi nói rằng các trẻ nuôi phải tự tổ chức thành đội hai mươi người một, và yêu cầu chúng chỉ định mười bốn tên để bầu đội trưởng. Chúng câm lặng. Tôi yêu cầu chúng đặt câu hỏi. Chúng vẫn im lìm. Kutlaty bước lên bậc và nói:

- Nói cho đúng, thì các chú không biết xấu hổ à? Các chú nhét bánh mì, tọng khoai tây và xúp bắp cải, nhưng ai là người có nhiệm vụ phải làm những cái đó cho các chú? Nói đi, ai? Và nếu mai tôi không cho các chú ăn thì sao? À, xem nào?

Câu hỏi không có ai trả lời. Nói chung “nhân dân cứ im lặng”.

Kutlaty tức giận:

- Thế thì tôi đề nghị từ mai mỗi ngày làm việc sáu giờ. Cũng phải gieo thóc chứ, những của khi! Các chú có làm việc không?

Có kẻ nào kêu lên ở một góc xa?

- Có làm!

Cả đám thông thả ngoảnh nhìn về phía ấy, rồi chỉnh đốn lại hàng ngũ những khuôn mặt ỉu xiu...

Tôi nhìn Zadôrôp. Hắn bật cười, đáp lại vẻ tiu nghỉu của tôi và đặt tay lên vai tôi:

- Không hề gì, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, rồi sẽ qua thôi.

4. “TRÔI CHẬY CẢ”

Chúng tôi tận lực làm việc cho đến tối mịt, để cố tổ chức dân Kuriajê. Anh em học viên trung học đi sục các buồng ngủ, thống kê lại số trẻ nuôi và cố thành lập các đội. Tôi cũng đi la cà các buồng, với Gorkôpxki, mà tôi đã gọi đi theo để lấy hấn làm đồ dùng đo lường. Chúng tôi phải phát hiện, dù chỉ bằng mắt nhìn, những dấu hiệu thứ nhất của một tập thể, và tìm cho ra, dù chỉ rải rác đó đây, những dấu vết của “chất keo xã hội”.^[175] Đưa mũi thính ra đánh hơi trong bóng tối của một phòng ngủ, Gorkôpxki hỏi:

- Thế nào? Ở đây là đoàn nào nhỉ?

Nhưng ở đây hầu như chẳng có đoàn với đơn vị nào hết. Có trời biết dân Kuriajê chui rúc vào những lỗ nào. Chúng tôi hỏi các trẻ có mặt ở các buồng ngủ xem ai là bạn thân, người tốt kẻ xấu là ai, song những câu trả lời chẳng hài lòng tí nào. Phần đông trẻ ở Kuriajê không biết cả những đứa nằm bên cạnh: ngay đến tên cũng ít khi biết và chỉ gọi chúng bằng các biệt danh: những thằng Lá-to, thằng Môm-giày, thằng Con-kiến, thằng Sốp-phơ, hoặc nhớ một vài dấu hiệu bên ngoài:

- Đây là chỗ một thằng gầy gầy nằm, và kia là một thằng từ Vankia đưa đến.

Ở một vài chỗ chúng tôi thấy thoảng có chút mùi ẩm mốc của chất keo xã hội, song các phần tử dính nhau chẳng giúp được gì cho chúng tôi.

Dù sao, đến tôi tôi cũng đã biết đại khái thành phần của Kuriajê.

Tất nhiên, đó chính thực là những trẻ vô thừa nhận, nhưng không phải những trẻ đầu đường xó chợ theo lối cổ điển mà người ta thường nghĩ. Trong văn chương và trong óc tưởng tượng những nhà trí thức của ta, hình ảnh một đứa trẻ vô thừa nhận không hiểu sao đã hóa thành một loại nhân vật của Bairo. ^[176] Trước hết nó phải là một nhà hiền giả, lại thêm cơ trí rất mực, vô chính phủ và phá hoại, một kẻ phóng khoáng, cương quyết thù ghét tất cả mọi thuyết đạo đức. Các sư tăng hoảng sợ và suốt mướt của khoa học giáo dục xã hội đã tô điểm cái kiểu mẫu ấy bằng cả một bộ lông vũ lộng lẫy nhiều ít, rút ở cái đuôi khoa xã hội học, phản xạ học và các môn học khác nữa của các bà con giàu có của ta. Họ đã tin sâu sắc rằng những trẻ vô thừa nhận có tổ chức, có lãnh đạo, có kỷ luật, có cả một chiến lược xẻo túi và có nội quy. Người ta còn cho chúng cái hân hạnh gọi chúng bằng những danh từ hết sức khoa học: “Một tập thể tự phát”, v.v...

Hình ảnh đứa trẻ vô thừa nhận đã đủ là nịnh, còn được những tác phẩm của bọn trưởng giả (Nga và ngoại quốc) tô vẽ thêm cho nhiều trang sức mới. Tất cả những trẻ vô thừa nhận đều là ăn cắp, nghiện rượu, trụy lạc, nghiện bạch công và mắc bệnh giang mai. Lịch sử thế giới chỉ biết có Pie Đệ nhất là người mà thiên hạ đã gán cho đến chừng ấy tội nặng. Cái đó, ta nói với nhau thôi, đã giúp mạnh cho những kẻ quen nghề nói láo ở Tây Âu dựng đứng về đời sống của chúng ta những mẩu chuyện xuẩn ngốc và lộn ruột hết sức.

Nhưng... sự thực không có tí gì như thế hết.

Nhất định phải bác bỏ cái thuyết công nhận sự tồn tại vĩnh viễn của một xã hội trẻ con vô thừa nhận, mà người ta cho rằng nó tràn ngập các phố phường, không những gieo “tội ác kinh khủng”, ăn mặc ngộ nghĩnh, mà còn tuyên truyền “lý luận” nữa. Những nhà sản xuất vịt lãng mạn về kẻ lưu manh vô chính phủ trên đường phố xô-viết đã không nhận thấy rằng sau nội chiến và nạn đói, hàng triệu những trẻ con phiêu dạt đó, nhờ sự cố gắng vĩ đại của toàn quốc đã được cứu vớt trong các nhà dạy trẻ. Đa số đã trưởng thành từ lâu, và hiện đang làm việc trong các nhà máy và các cơ quan xô-viết. Còn tìm hiểu xem đến mức độ nào quá trình cải tạo những trẻ ấy đã diễn biến không đau đớn, thì đó lại là vấn đề khác.

Trong một chừng mực lớn và do lỗi của chính các nhà văn lãng mạn đó, công tác của các nhà dạy trẻ đã được tổ chức một cách hết sức chật vật nặng nề, và nhiều khi đi tới kết quả như kiểu tổ chức ở Kuriajê. Cho nên người ta thường thấy luôn luôn có những trẻ con trai (tôi chỉ nói đến con trai) bỏ các nhà đó để ra sống ngoài đường phố, chính không phải vì chúng thích chọn cuộc sống ấy, cũng không phải chúng nghĩ rằng cuộc đời lang thang đầu đường xó chợ hợp với chúng hơn cả. Chúng chẳng có một lý luận riêng nào về đường phố hết, nhưng chúng đi với hi vọng tìm được một trại nào tốt hơn hay một nhà dạy trẻ nào tốt hơn. Chúng đứng chật ngưỡng cửa những cơ quan SPON (Cơ quan bảo vệ xã hội và pháp lý đối với nhi đồng), những phòng giấy của Vụ Giáo dục xã hội, của Ban Bảo vệ nhi đồng và của các ủy ban, nhưng chúng ưa chọn những nơi mà chúng trông thấy chúng có cơ hợp tác được vào công việc xây dựng của chúng ta, nhưng vẫn tránh được những công ơn của ảnh hưởng sự phạm. Chúng cũng không mấy khi tránh được khỏi. Cái đoàn thể sự phạm bèn bỉ và tự mãn không dễ để trốn thoát những con vật hy sinh dành cho mình, và nói chung họ không quan niệm được rằng đời sống con người lại có thể không trải qua một cuộc nhào nặn sơ bộ của máy giáo dục xã hội. Vì lẽ đó phần đông những trẻ đi trốn bắt buộc phải chịu đựng lại cái quá trình sự phạm trong một trại nào khác, mà rồi ở đây người ta vẫn có thể bỏ trốn nữa. Trong khoảng thời gian giữa hai trại, lý lịch những công dân trẻ tuổi đó tất nhiên là trôi ở đường phố. Còn đối với các vấn đề đạo đức, chúng không có thì giờ cũng không có thói quen, lại không có bàn học để ngồi mà chăm lo đến, thì việc giải quyết các vấn đề hộ khẩu, chẳng hạn, ở ngoài vòng đạo đức và nguyên tắc, đối với chúng cũng lại là lẽ tất nhiên thôi. Về các mặt khác cũng vậy, những dân đường phố không hề tự hào rằng hành động của chúng rập thật đúng các khuôn vàng thước ngọc của khoa đạo đức học; nói chung, trẻ vô thừa nhận chưa bao giờ có khuynh hướng thiên về chủ nghĩa hình thức. Có một vài ý niệm về sự thích nghi, chúng thành thực tin rằng chúng đi đường thẳng tới nghề làm thợ luyện kim hay lái xe, và để đạt tới mục đích ấy thì có hai việc này là cần: một là bám chắc lấy mặt quả địa cầu, dù có phải khoắng các ví đầm và ví tiền bỏ túi cũng được, hai là số người càng gần càng tốt một nhà ga-ra hay một xưởng chữa máy.

Trong văn chương khoa học của ta đã có ít nhiều sự cố gắng để lập nên một hệ thống thỏa mãn phân loại cá tính con người. Ở đây người ta đã cố sức dành cho trẻ vô thừa nhận một chỗ xứng hợp với chúng, dưới đầu đề: phản đạo đức và bất túc. Nhưng trong tất cả các lối phân loại ấy, tôi cho đúng nhất là lối mà các công xã viên công xã Dzeejinxki ở Khackôp đã lập nên theo lợi ích ứng dụng thực tế.

Cứ theo giả định thực tiễn của họ, thì các trẻ vô thừa nhận phân ra làm ba nhóm. Thuộc vào nhóm “hạng nhất” là những đứa trẻ hết sức tích cực tham gia vào việc xếp đặt vận mệnh của mình, không lùi bước trước một sự khó khăn phiền phức nào: những đứa trẻ sẵn sàng, trong khi theo đuổi lý tưởng, ở đây là nghề thợ luyện kim, bám lấy bất cứ bộ phận nào của một đoàn xe lửa chở hành khách: những đứa trẻ thích thú hơn ai hết những cơn lốc của các chuyến xe tốc hành và các chuyến xe nhanh đặc biệt, không phải vì chúng bị cám dỗ bởi các toa ăn, toa ngủ tiện nghi và bởi sự lễ độ của các nhân viên trên xe. Có người muốn bồi nhọ loại du khách đó, bảo rằng mục đích những cuộc viễn du bằng những xe lửa của chúng là những làn gió nhẹ thơm của miền Crimê và nước khoáng chất ở Xôtsi.^[177] Không đúng. Cái mà chúng chú ý hơn là những nhà máy khổng lồ ở Đniêrôpêtrôpxki, ở Đônêtz và ở Zapôrôjiê, những tàu thủy ở Ôđetxa và Nikôlaiep, những xí nghiệp ở Khackôp và Mạc-tư-khoa.

Tuy cũng có nhiều ưu điểm, nhóm “hạng nhì” không có được tất cả phẩm chất tinh thần cao quý của nhóm “hạng nhất”. Bọn này cũng tìm, nhưng mắt họ không khinh bỉ bỏ qua các nhà máy dệt và nhà máy thuộc da; họ còn bằng lòng làm việc ở một xưởng đóng thùng, đóng dấu, và, tồi hơn nữa, họ hạ mình xuống đến cả nghề hộp giấy, và họ cũng không xấu hổ làm nghề đi hái thuốc.

Nhóm “hạng nhì” cũng bôn ba đây đó, nhưng họ ung ngồi trên cái chần đằng sau của một toa xe

điện; họ không biết cảnh ga lộng lẫy ở Jmêrinka^[178] và những quy tắc nghiêm ngặt của Mạc-tư-khoa.

Các công xã viên của trại Dzecjinxki bao giờ cũng chỉ lựa thu hút bọn “hạng nhất”. Cho nên thiếu người thì họ tuyển dụng bằng cách tuyên truyền trên các chuyến xe tốc hành. Theo ý kiến họ, thì nhóm “hạng nhì” yếu hơn nhiều.

Nhưng ở Kuriajê số đông không phải bọn “hạng nhất”, cũng không phải bọn “hạng nhì”, mà là bọn “hạng ba”. Trong giới trẻ vô thừa nhận, cũng như trong giới các nhà bác học, có rất ít kẻ “hạng nhất”, “hạng nhì” có nhiều hơn một chút, còn tuyệt đại đa số là “hạng ba”: cái tuyệt đại đa số ấy chẳng đi đâu cả và chẳng tìm tòi gì cả, nó trao một cách rất đơn giản những tâm hồn non trẻ của nó, dễ nặn như sáp mềm, cho ảnh hưởng tổ chức của khoa giáo dục xã hội.

Đến Kuriajê tôi rơi đúng ngay vào một ổ lớn loại “hạng ba”. Trong cái tiểu sử ngắn ngủi của chúng, những đứa trẻ đó cũng đã đếm được đến ba, bốn trại hoặc nhà dạy trẻ, có khi hơn, đến mười một nhà nữa. Cái đó chẳng phải là kết quả những ước vọng của chúng hướng về một tương lai tốt đẹp hơn, nhưng là ảnh hưởng những sáng kiến nhất thời của Ủy ban nhân dân Giáo dục, nhiều khi mơ hồ đến nỗi tai người thành thạo nhất thường cũng không tài nào phân biệt nổi đâu là bắt đầu và đến đâu là kết thúc những biện pháp cải tổ, đúc lại, thái bớt, giảm nhẹ, mở rộng, thanh toán, phục hồi, khuếch trương, điển hình hóa, tiêu chuẩn hóa, sơ tán rồi lại tái sơ tán.

Vì chính tôi, tôi cũng đến Kuriajê với những ý định cải tổ, cho nên tôi cũng cấp phải cùng một vẻ thờ ơ ấy, nó là thái độ tự vệ độc nhất của các trẻ vô thừa nhận chống lại những trò đánh đổ sự phạm của Ủy ban nhân dân Giáo dục.

Cái vẻ thờ ơ li lợt ấy, kết quả của một quá trình giáo dục dài, chứng minh một phần nào sức mạnh lớn lao của khoa sự phạm.

Phần đông trẻ nuôi ở Kuriajê vào trạc từ mười ba đến mười lăm tuổi, nhưng nét mặt chúng đã in sâu dấu vết của những tính di truyền dị tạp. Cái mà ai cũng trông thấy ngay lập tức là trong bọn chúng, hoàn toàn không có một tí gì là ý thức xã hội, mặc dầu từ lúc ra đời chúng đã lớn lên dưới ảnh hưởng của sự “giáo dục xã hội”.^[179] trong mỗi động tác của chúng đều có một sự tự phát nguyên sơ và gốc ở nhu cầu sinh trưởng, nhưng đó không phải là cái tự phát của đứa trẻ phản ứng ngây thơ đối lại mọi hiện tượng của đời sống. Chúng không biết một đời sống hết thảy. Tầm con mắt của chúng chỉ giới hạn đến cái bảng ghi các món ăn mà chúng chịu sức hấp dẫn do một phản ứng ủy mị và bực dọc. Làm thế nào len lỏi qua một bày gấu nhỏ, đồng bào của chúng, để tới được cái nôi mà ở đấy mọi người ăn ngon ngấu, tất cả vấn đề đối với chúng chỉ có thế. Chúng giải quyết vấn đề đó có khi lợi nhiều, có khi bất lợi. Đời sống cá nhân của chúng như cái quả lắc đi lại giữa hai vị trí ấy không sai lệch được sang đường nào khác. Tự ý chúng, chúng chỉ ăn cắp những đồ vật giữ gìn thực sơ suất, hoặc những thứ mà cả bày chúng ủa vào lấy một lúc. Ý chí của những đứa trẻ ấy từ lâu bị giày xéo bởi những cách đối xử hung tợn, những quả đấm và những lời nói phũ phàng tục tĩu của bọn đàn anh, “đầu sỏ”, bọn này cứ tăng lên như dòi do sự không chống lại của khoa giáo dục xã hội và cái “kỷ luật tự ngã” của nó.

Dầu sao thì lũ trẻ đó cũng không ngu độn tí nào; chúng là những đứa trẻ giống mọi đứa trẻ khác, mà chẳng may số phận đặt vào một hoàn cảnh hết sức vô lý: một mặt chúng bị tước đoạt hết hạnh phúc của sự phát triển con người; một mặt khác người ta lại thoát ly chúng khỏi những điều kiện tốt lành của cái nhu cầu đơn giản phấn đấu để sinh tồn, vì đã có cái nôi kia, dù chẳng ngon lành bổ béo gì, nhưng hàng ngày nó vẫn cứ được đưa đến ăn vào mũi chúng.

Trên bối cảnh đó, nổi lên một vài nhóm có tính chất khác. Bộ tham mưu các tay “đầu sỏ” dĩ nhiên là ở buồng ngủ của Khôvrak. Bọn trai của chúng tôi kháo rằng tụi chúng có mười lăm đứa và Kô-rô-tô-p đóng vai chính. Tôi chưa biết mặt hẳn, và chẳng loại trẻ nuôi này hầu hết thì giờ sống ở ngoài tỉnh.

Epgêniep gặp lại những bạn cũ trong bọn, cho biết rằng chúng chỉ là kẻ cắp ở ngoài tỉnh, lấy trại làm nơi trú ngụ. Vichia Gorkôpxki không đồng ý:

- Kẻ cắp, những ngữ ấy à? Đồ mặt hạng!

Vichia kể chuyện rằng Kôrôtkôp, cũng như Khôvrak, Pêretz, Tsurilô, Pôtnêbexny và cả tụi đều làm ăn ở trong trại. Bắt đầu chúng đã quét sạch các buồng giáo viên, các xưởng và kho. Cũng có thứ ăn cắp được của các trẻ nuôi: số đông trong bọn chúng được nhận giày mới vào dịp ngày mồng Một tháng Năm; theo Gorkôpxki, thì những giày đó là món hàng chính của chúng. Ngoài ra, chúng còn trổ tài ở trong làng và có đưa ra đến đường cái. Trại ở trên con đường lớn đi Akhtyrka.

Vichia bỗng nháy mắt cười:

- Các cậu có biết bây giờ chúng bày ra chuyện gì không, những quân chó đều! Tụi oắt sợ chúng, run như cây sậy trước mặt chúng, đúng thế đấy, thế là chúng biến thành những nhà tổ chức, các cậu ạ! Chúng gọi tụi nhãi là bọn “cún săn”. Thằng nào thằng nấy trong bọn chúng cũng đều “cún săn” riêng của mình. Buổi sáng chúng nó bảo: – Mày muốn đi đâu thì đi, nhưng đến chiều phải có cái gì đem về. Bọn ôn có đưa ăn cắp trên xe lửa, trong chợ, nhưng phần đông không ăn cắp nổi, thì đi ăn xin. Chúng đứng ở phố, ở trên cầu hay ở Ryjôp, Người ta bảo mỗi ngày chúng vớ được từ hai đến ba rúp. Thằng Tsurilô có những “cún săn” giỏi nhất. Chúng đem về được đến năm rúp. Và lệ là: cún được một phần tư, còn lại là phần của chủ nó. Đấy, các cậu đừng thắc mắc rằng sao các buồng ngủ chẳng có cái gì. Chúng nó diện cô-m-lê và có tiền, nhưng chúng đều ảu giấu tất cả! Ở Pôtvorki có những cửa hàng lúp xúp oa trử cho chúng và có vô thiên lủng những thằng trai mất dạy. Tội nào chúng cũng ăn chơi trác táng ở ngoài đó.

Một nhóm thứ hai gồm những đứa trẻ như Zaïtsenkô và Malikôp. Đi sâu vào tìm hiểu trại, thấy rằng bọn trẻ chúng cũng khá đông, có đến ba chục đứa. Có điều kỳ lạ là trải qua bao nhiêu giông tố của đời sống, bọn trẻ này vẫn giữ nguyên được đôi mắt sáng long lanh, cái tính gây gỗ trẻ con rất dễ ưa, và những tài năng phân tích còn tươi mới, khiến chúng phản ứng lại được mỗi biến cố với một tinh thần phấn đấu rất là mau mắn, tôi yêu loại tính cách đó lắm, tôi yêu chúng vì những cảm xúc của tâm hồn chúng đẹp để vào cao quý, vì chúng có ý thức sâu sắc về danh dự, và cũng vì tất cả bọn chúng đều nhất quyết sống độc thân và ghét đàn bà nữa. Ngay từ lúc đội tiền phong của tôi mới đặt chân tới đây, chúng đã nghech mũi lên hít thở luồng gió mát mẻ đó, rồi chúng vênh đuôi chạy khắp các buồng ngủ, sẵn sàng tích cực đem những tài năng nói trên ra thi thố. Chúng còn sợ quá ra mặt ngã về phe tôi, nhưng dù sao tôi cũng tin chắc được sự ủng hộ của chúng.

Vichia và tôi tình cờ xúc tiếp với một thành phần xã hội thứ ba nữa, mà khi gặp, Vichia đã đứng sững người, như con chó săn ngạc nhiên trước một con thỏ vậy. Ở tận cùng sân trại là một căn nhà biệt lập, có hàng hiên gỗ chạm trổ. Vania Zaïtsenkô trở căn nhà ấy nói:

- Đấy là chỗ ở của những nhà nông học.

- Những nhà nông học nào? Có mấy người?

- Mười bốn người.

- Mười bốn nhà nông học? Sao nhiều thế?

- Chính họ đã gieo lúa hắc mạch, cho nên bây giờ là nhà của họ.

Tôi đoán chừng trong chuyện này lại có trò gì của Khalabudă đây, nên càng hoài nghi:

- Các cháu gọi như thế để trêu chọc họ có phải không?

Nhưng Vania nghiêm nét mặt và lắc đầu lia lịa nhìn về phía căn nhà:

- Thực đây, họ là những nhà nông học thực, bác ạ! Họ đã cày ruộng và gieo lúa hắc mạch! Và rồi nó đã mọc, bác ạ! Cao đến thế này rồi!

Vichia cúi tiết chăm chăm nhìn nó:

- Những thằng mặc sơ-mi-xanh kia đây à? Nhưng chúng nó cũng là những trẻ nuôi của trại chứa? Mà muốn đùa tếu phổng?

- Không, tôi không đùa tếu! Vania kêu lên, tôi không đùa tếu! Họ sắp có giấy chứng nhận, và sẽ nhận được giấy một cái là họ đi liền...

- Thôi, được rồi. Ta vào thăm các nhà nông học của cháu.

Căn nhà có hai buồng ngủ. Một lũ thanh niên quả thực mặc sơ-mi-sa-tanh mịn màu xanh, đầu tóc chải chuốt, dáng bộ có tí chút ra vẻ đạo đức, đương ngồi trên các giường có chăn tương đối mới. Trên tường có dán cẩn thận những tấm ảnh bưu thiếp, những bài báo cắt và những chiếc gương nhỏ khung gỗ. Ở thành cửa sổ buồng rủ xuống những rèm bằng giấy sạch sẽ, tro hoa lá.

Những gã trai nghiêm nghị ấy đáp lại lời chào của tôi có phần lạnh nhạt và không tỏ vẻ gì tức giận khi Vania giới thiệu họ với chúng tôi bằng những lời cảm phục này:

- Các anh ấy đây, tất cả đều là những nhà nông học, như cháu đã nói với bác, và anh Vôxkôbôinikôp này là toán trưởng đây!

Vichia Gorkôpxki nhìn tôi, tưởng như người ta đang bảo chúng tôi làm quen không phải với những nhà nông học, nhưng với những ma xó, ma trôi, mà hẳn không bao giờ có thể tin được rằng có thực.

- Này các chú, hỏi các chú đừng giận, nhưng các chú hãy cho tôi biết tại sao mọi người lại gọi các chú là những nhà nông học?

Vôxkôbôinikôp, một gã thanh niên cao lớn, bộ mặt xanh xao cổ làm ra vẻ đạo mạo, nhưng cả hai cái đó lẫn chen nhau cũng không sao che giấu nổi cái đêm tối của một bộ óc lì lợm, ngu độn. Hắn cất mình lên khỏi giường, gằng thọc mãi tay vào túi quần chật hẹp và nói:

- Chúng tôi là những nhà nông học. Chúng tôi sắp được giấy chứng nhận...

- Ai sẽ trao cho các chú?

- Còn ai nữa? Ông giám đốc.

- Ông nào?

- Ông cũ.

Vichia bật cười:

- Có lẽ ông ấy cũng trao cả cho tớ một chiếc đấy nhỉ?

- Có cái gì mà chế nhạo. Vôxkôbôinikôp nói, cậu không hiểu gì thì cậu im đi. Cậu hiểu cái gì?

Vichia nổi nóng:

- Tớ hiểu rằng tất cả các cậu là những đồ ngốc nghếch. Cậu hãy giải thích tử tế cho tớ biết ai là kẻ giả ngu giả đại trong cái việc này?

- Thế thì có lẽ là cậu đấy, Vôxkôbôinikôp trả lời hóm hỉnh, nhưng Vichia không thể chịu thêm được một câu châm chọc nào nữa:

- Này tớ bảo thôi đấy nhé... Kể chuyện mau đi!

Chúng tôi ngồi lên giường. Các nhà nông học cố nén cái đạo mạo và đạo đức của họ xuống, vừa kháng cự vừa ra vẻ bị xúc phạm, nói ít và điểm xuyết lời của họ bằng những cái nhả mặt nghi kỵ và khinh bỉ. Họ cho chúng tôi biết những sự bí mật về lúa hắc mạch của Khalabuda và sự nghiệp phi

thường của họ. Mùa thu năm ngoái ở Kuriajê có một người được Khalabudâ ủy quyền, giao cho nhiệm vụ đặc biệt là gieo lúa hắc mạch. Hẳn thuyết phục cho mười lăm anh lớn nhất làm công việc ấy và đối xử với họ rất hậu: họ được ở một nhà riêng, người ta sắm cho họ nệm giường, nệm quần áo, nệm chăn, nệm com-lê, nệm áo bành-tô, lại thêm năm mươi rúp cho mỗi cậu, và người ta cam đoan với họ rằng khi làm xong công việc, họ sẽ được phát bằng nông học. Tất cả điều khoản của hợp đồng, giường và mọi thứ, đều đã thực hiện, vậy các gã trai kia không có lý do gì mà nghi ngờ câu chuyện cấp bằng lại không là thực, nhất là cả bọn họ đều rất dốt và không có cậu nào học quá cấp hai trường lao động. Việc trao bằng hoãn đến sang xuân. Nhưng cái đó cũng không hề khiến họ lo ngại gì, mặc dù người ủy quyền của Khalabudâ đã biến vào đám sương mù của những kinh doanh kỹ nghệ phức tạp của Ban Bảo vệ nhi đồng: ông giám đốc trại đã hào hiệp đảm nhận nghĩa vụ thay hẳn. Hôm qua, lúc ra đi, ông ta đã xác nhận rằng có sẵn bằng rồi, chỉ còn có việc gửi về trại, để tổ chức lễ trao long trọng cho các nhà nông học.

Tôi bảo họ:

- Các chú ạ, người ta chỉ đùa giỡn các chú đó thôi. Trước khi thành nhà nông học, phải có nhiều, trải mấy năm; có những trường chuyên môn và học viện riêng cho việc ấy, mà muốn vào đó cũng phải qua nhiều năm học các lớp một nhà trường phổ thông đã. Nhưng các chú... Bấy lăm tám là bao nhiêu?

Một gã bánh trai tóc nâu bị hỏi bất thành lời, trả lời không vững dạ:

- Bốn mươi tám.

Vania Zaïtsenkô ngây thơ mở rộng đôi mắt nhỏ bé, kêu lên rằng:

- Ôi giờ ơi! Nhà nông học thế à? Bốn mươi tám! Anh này biết đi chợ đấy nhỉ? Thế có chết không!

- Việc gì đến mày? Việc của mày đấy à? Vôxkôbôinikô quát nó.

- Năm mươi sáu! Vania nói, và mặt nó trắng hăn ra vì nhiệt thành tin tưởng. Là năm mươi sáu!

Một gã xương xẩu, vai rộng, mà mọi người gọi tên là Xvatkô hỏi:

- Thế nào? Người ta hứa dành chỗ cho chúng tôi trong một nông trường quốc doanh, vậy bây giờ sao?

- Cái đó, có thể được, tôi trả lời. Làm việc trong một nông trường quốc doanh thì tốt lắm, nhưng ở đây người ta không tuyển các chú làm nhà nông học đâu, mà làm thợ thôi.

- Các nhà nông học tức giận sôi lên, nhảy như cá chép trên giường. Xvatkô cúi đến tái mặt đi.

- Ông tưởng người ta không công nhận chúng tôi à? Hiểu rồi, chúng tôi hiểu hết! Ông đốc đã bảo trước chúng tôi, phải! Chả là bây giờ ông đang cần cày ruộng mà không ai muốn làm cả, cho nên, đúng thế, ông tìm cách cho chúng tôi vào rọ! và ông cũng phỉnh phờ cả đồng chí Khalabudâ nữa. Nhưng ông muốn thế không xong đâu, vô ích!

Vôxkôbôinikô lại thọc tay vào túi và lại vươn cái thân dài lêu nghêu của hẳn lên trần nhà.

- Ông đến đây để lừa gạt chúng tôi phải không? Nhiều người biết chuyện đã bảo chúng tôi rồi. Chúng tôi đã mất bao nhiêu công gieo ngàn ấy lúa. Còn ông, ông cần có người để bóc lột. Thôi đủ rồi!

Vichia bình tĩnh nói:

- Thật là một lũ bò!

- À, để tao đập cho vỡ mồm nó ra... Bọn Gorki! Chúng nó đến đây để ăn cỏ sẵn à?

Tôi đứng dậy. Các nhà nông học quay cả lại chúng tôi những bộ mặt tối tăm, tức giận. Tôi gắng cáo từ họ một cách hết sức bình thản:

- Cái đó tùy các chú đây. Các chú muốn làm những nhà nông học, thì mặc các chú... Bây giờ chúng tôi không cần đến các chú, không có các chú cũng không sao.

Chúng tôi đi ra cửa. Nhưng Vichia không nhìn được, và bước đến ngưỡng cửa, hắn nói rần rỏi:

- Chúng mày quả là những thằng ngu xuẩn!

Câu tuyên bố ấy khiến các nhà nông học tức đến nỗi Vichia phải trút mau xuống bậc thêm với tốc độ số ba.

Ở câu lạc bộ Thiếu niên, Jôra Vonkôp đang điểm duyệt những trại viên ở Kuriajê được tôn lên làm đội trưởng một cách xứng đáng hay không xứng đáng. Tôi đã bảo hắn trước là không ăn thua gì đâu và ta không cần đến thứ đội trưởng ấy. Nhưng hắn cứ muốn thí nghiệm xem sao.

Ngồi trên ghế dài, các tuyển sinh chỉ định cọ chân nọ vào chân kia như kiểu ruồi. Jôra lúc ấy giống một con hổ: đôi mắt sắc của hắn nẩy lửa. Các tuyển sinh có vẻ là những kẻ được triệu tập đến để chơi một trò chơi mới, nhưng chúng thấy lẽ lối rắc rối, và các trò chơi cũ rút lại vẫn hay hơn. Chúng cố gắng mỉm cười lịch sự trước những lời giải thích nhiệt thành của Jôra, song các điệu bộ đó không làm cho hắn vui thú tí nào:

- Này, có gì mà mày cười? Mày cười cái gì? Mày hiểu người ta bảo mày điều gì chứ? Hết lối sống ăn bám nhé! Mày có biết chính quyền xô-viết là thế nào không?

Mặt các tuyển sinh trở nên trịnh trọng và những má nở nang của chúng nheo lại thành một nụ cười bền lên.

- Đây này, tao giải thích cho chúng mày nghe: mày là đội trưởng, lệnh của mày phải được thi hành.

Một gã tóc vàng, trán to, đại lãn ra mặt và bị thịt, tên là Pêtruskô, lại nhếch mồm cười tùm tùm mà hỏi sao lại:

- Nhưng nếu thằng kia không chịu thì sao?

Xpiridôn Khôvrak cũng ở trong bọn được bầu. Cuộc nói chuyện vừa rồi với Karabanôp và Biêlukhin xem chừng có làm cho nó chùn, nhưng bây giờ thì nó chán ngán: người ta lại bắt nó phải có những quan hệ bất lợi và khó chịu đối với bạn hữu.

Tối hôm ấy, sau những lời hiệu triệu nhiệt liệt của Jôra giữa sự thờ ơ tươi cười của bọn trai Kuriajê, dù sao chúng tôi cũng đã lập được hội đồng đội trưởng, kiểm điểm được tất cả dân trong trại, và dựng được cả một bản công tác cho ngày hôm sau nữa. Vôlôkhôp và Kutlaty trong khi ấy đã sửa chữa lại những nông cụ cần thiết. Hội đồng đội trưởng với dụng cụ đều chẳng ra hồn, cho nên chúng tôi đi ngủ với một cảm giác mệt mỏi và thất bại. Mặc dầu Bôrôvôi với anh phụ việc đã bắt đầu làm, và chung quanh các đồng đất đào đen bóng đã lấp lánh những vỏ bào tươi, toàn thể vấn đề Kuriajê vẫn còn một mớ bòng bong chưa tìm thấy cái đầu mối, mà thế nào cũng phải rút ra cho kỳ được mới mong gỡ nổi.

Hôm sau, các học viên trung học trở về Khackôp sớm. Chuông đánh thức sáu giờ, như đã định ở hội đồng đội trưởng. Mặc dầu ở tường nhà thờ đã treo một quả chuông thực kêu, tiếng gọi sớm của nó cũng không làm cho dân Kuriajê nhúc nhích. Kirghizôp, giáo viên trực nhật, với cái băng đỏ mới toanh trên cánh tay, đi dạo một vài buồng ngủ xem qua, nhưng chỉ đem theo về nỗi bức mình. Trại cứ ngủ: ở trước chuồng ngựa chỉ thấy đội đặc biệt tiên phong của chúng tôi sửa soạn ra đồng: hai mươi phút sau họ chuyển bước, đem theo ba đôi ngựa với cày bừa. Kutlaty đi xe đơrôski^[180] ra tỉnh mua khoai giống, dọc đường gặp những hình thú mặt xanh nhợt và nhể nhại đang lê bước ở tỉnh trở về. Tôi không có người để giữ chúng lại, khám chúng và hỏi xem chúng đã làm gì đêm qua. Chúng lên về các buồng ngủ không bị ai ngăn cản, thành thử số người ngủ lại nhiều thêm lên.

Theo chương trình đã lập tôi qua và được toàn thể hội đồng đội trưởng chấp thuận, tất cả lực lượng Kuriajê phải dùng vào việc quét dọn buồng ngủ và sân, cuốc đất đặt khuôn gieo giống, xới các luống vườn rau dưới chân tường tu viện và phá các tường đó. Thỉnh thoảng có lúc lạc quan, tôi đã bắt đầu thấy nảy ra trong lòng một cảm xúc mới mẻ, dễ chịu, về sức mạnh của tôi. Bốn trăm trại viên! Tôi tưởng tượng nếu người ta đem cho Acsimet^[181] cái lực lượng đó, thì ông vui mừng biết bao! Rất có thể là ông sẽ làm đảo lộn thế giới mà không cần cả đến một điểm tựa nào³. Ừ, quả thật, hai trăm tám mươi trại viên Kuriajê đối với tôi biểu hiện một khối năng lực phi thường, so với khối, một trăm hai mươi của tôi ở Gorki.

Nhưng khối năng lực đó nằm ườn trên giường bần thiêu, không buồn vội đi ăn sáng nữa. Chúng tôi đã có đĩa với thìa, các thứ đồ bày trên bàn tương đối thứ tự, nhưng Sêlaputin phải mất cả một giờ đồng hồ hành hạ cái chuông rồi mới thấy vài đĩa thứ nhất đến buồng ăn. Bữa sáng kéo dài đến mười giờ. Trong thời gian đó, tôi diễn thuyết vài bận, nhắc lại đến lần thứ mười ai thuộc vào đội nào, đội trưởng là ai, và đơn vị phải làm công tác gì. Các trại viên nghe tôi, mũi chúi xuống đĩa. Bầy vô lại cũng chẳng chú ý đến sự người ta đã nấu xúp ngon béo ngậy và đặt lên bánh của chúng những miếng bơ nhỏ. Chúng thản nhiên nuốt cả xúp lẫn bơ, ních những bánh mì vào túi rồi liếm ngón tay cáu ghét, chúng chuồn thẳng, không hay biết gì đến đôi mắt tôi nhìn, tràn đầy hy vọng kiểu Acsimet.

Chẳng có ai đến tìm Misa Ôptsarenkô cả. Hắn đã xếp trên các bậc cổng cái, ngay cạnh nhà thờ, nào mai, bồ cào, chổi vừa mua hôm qua. Misa cầm ở tay một quyển sổ mới toanh, mua cùng ngày, để ghi vào đó số dụng cụ phải phân phát cho mỗi đội. Mặt mũi hết sức ngẩn ngơ, hắn đứng bên bọn đồ sẩm ở chợ, mà chẳng có ma nào bén mảng tới. Cả đến Vania Zaitsenkô, đội trưởng đội mười, gồm những bạn thân của nó ở Kuriajê, mà tôi trông đợi đặc biệt, cũng không đến lấy đồ, và tôi cũng không thấy hắn ở phòng ăn. Trong bọn đội trưởng mới, có Khôvrak đến đứng cạnh tôi ở phòng ăn, nghiêm nhiên ngó đám đông đi qua mặt chúng tôi. Đội của nó, đội bốn, phải bắt đầu phá tường thành tu viện: Misa đã có sẵn những xà-beng cho việc đó. Nhưng Khôvrak cũng chẳng dă động gì đến công việc giao cho nó. Vẫn giữ thái độ phóng túng, nó nói chuyện với tôi về những việc chẳng dính dáng gì đến tường nhà tu hết thấy.

- Bác nhĩ, ở trại Gorki có những con gái đẹp, phải không bác?

Tôi quay lưng lại nó và đi ra cửa, nhưng nó lại theo chân và nhìn vào mặt tôi lải nhải:

- Người ta còn bảo ở bên bác, có nữ giáo viên... xinh lắm, ngon mắt lắm. Ha, ha, bao giờ các cô ấy đến, phải biết là thú! Ở bên này trước cũng có những mềng trông được đấy, nhưng mà, bác ạ! Chúng nó cứ sợ tôi nhìn. Cử động liếc các ả một tí là y như các ả đỏ gay đỏ gắt mặt lên chứ lại! Bác bảo tại sao vậy, vì đâu mà mắt tôi lại nguy hiểm đến thế, bác nhĩ?

- Tại sao đội của chú không đi làm việc?

- À, nào ai biết, việc quái gì đến tôi! Cả tôi cũng không đi...

- Tại sao?

- Tôi không thích, ha, ha, ha!

Và nó nháy mắt nhìn cây thập ác của nhà thờ:

- Bên chúng tôi, ở Pôtvorki ngoài kia, cũng có những con bé tình ra phết... Ha, ha, ha... Nếu bác muốn thì tôi sẽ giới thiệu cho bác...

Từ hôm qua, sự phẫn nộ của tôi đã bị kìm hãm trong những gọng phanh mạnh hơn trước gấp bội. Cho nên ở trong lòng tôi, có cái gì gay gắt và dai dẳng muốn chồi lên, nhưng trên mặt tâm hồn tôi thì chỉ nghe một tiếng rít thềm, trong khi các nắp trái tim tôi đều nóng bỏng. Một người nào ở trong đầu tôi

ra lệnh: “ngghiêm!””. Và mọi cảm xúc, ý nghĩ, kể cả những ý nghĩ nhỏ nhất của tôi, với chính đồn lại hàng ngũ rời rạc. Vẫn cái người nào đó ngghiêm khắc truyền rằng:

“Bỏ mặc thằng Khôvrak! Tìm hiểu cấp tốc tại sao đội của Vania Zaïtsenkô không đi làm, và tại sao Vania không ăn sáng”

Vì lẽ đó và nhiều lẽ khác, tôi bảo thằng Khôvrak:

- Cút ngay đi!... Đồ rác rưởi!

Tái người vì câu mắng đó, Khôvrak vội chuồn mất. Tôi đi mau đến buồng ngủ Zaïtsenkô.

Vania nằm bệt ngay trên đệm giường, cả đoàn nó ngồi và xúm chung quanh. Nó luồn một tay dưới đầu nó, và bàn tay nhỏ gầy xanh ấy có vẻ sạch sẽ trên cái gối ghét bẩn.

- Có việc gì xảy ra thế? Tôi hỏi.

Chúng lẳng lẳng giăn ra cho tôi đến tận giường. Ôđariuc gượng mỉm cười, nói bằng một giọng nghe không rõ:

- Chúng đã đánh nó.

- Ai đánh nó?

Vania, nằm trên gối, nói với một sức mạnh không ngờ:

- Có đưa đánh cháu, bác ạ, bác biết không? Ban đêm chúng đến, quăng một cái khăn trùm lên cháu, thế rồi... chúng đánh cần thận! Ngực cháu đau!

Giọng nói sang sảng của Vania Zaïtsenkô trái ngược một cách kỳ lạ với khuôn mặt nhỏ gầy và thâm tím.

Tôi biết có một căn nhà của trại Kuriajê gọi là nhà thuốc. Một bà già trợ y sinh, ở một trong các buồng trống trơn và bẩn thỉu của căn nhà đó. Tôi sai Malikôp đi tìm mụ. Thằng này ra đến cửa thì gặp Sêlaputin:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, có mấy người đi ô-tô đến, đang tìm bác!

Bên một cái xe Fiat lớn màu đen, tôi thấy Brêgen, nữ đồng chí Zôia và Klame, Brêgen mỉm cười đường bệ:

- Bác đã nhận trại rồi chứ?

- Nhận rồi.

- Thế nào?

- Trôi chảy cả.

- Trôi chảy hoàn toàn?

- Có thể sống được.

Nữ đồng chí Zôia ngờ vực ngó tôi. Klame ngoảnh nhìn tứ phía. Ý chừng hấn muốn tìm những giáo viên ăn lương một trăm rúp của tôi. Bà trợ y sinh đi qua, bước chân già bập bồng, vội vã tìm đến bên giường Vania Zaïtsenkô. Có tiếng cẩu kinh của Vôlôkhôp vọng lên, từ chuồng ngựa:

- Bầy khốn nạn! Phá hoại người chưa đủ, chúng nó còn làm hỏng cả ngựa! Chả cặp nào làm việc được sắt, chúng nó làm hư tuốt, những quân bộ chó ấy, còn đâu là giống ngựa, mà chỉ là giống đĩ!

Nữ đồng chí Zôia đỏ mặt, giật mình quay cái đầu to tướng, thô kệch của bà ta:

- Đây mới đúng là giáo dục xã hội, nếu tôi không nhầm!

Tôi phá lên cười:

- Không, không phải đâu. Đây chỉ là thằng bé nọ không tìm ra được câu nói đúng đó thôi.
- Thế nào? Klame mỉm cười thâm độc hỏi. Cứ như tôi thấy, thì nó tìm câu rất đúng đấy chứ?
- Vâng, phải đấy, mới đầu nó chưa tìm ra, rồi sau nó mới tìm ra.

Brêgen muốn nói câu gì, bà nhìn chăm chăm vào mắt tôi và không nói.

5. TÌNH CA

Hôm sau, tôi gửi cho Kôvan bức điện tín này:

“Kôvan trại Gorki thu xếp đi ngay chúng tôi chờ đón toàn thể giáo viên chuyển xe lửa thứ nhất”

Hôm sau nữa, tôi nhận được trả lời:

“Bị hoãn vì thiếu toa giáo viên đi hôm nay”

Hai giờ sáng, chiếc xe đơski độc nhất của Kuriajê đón ở ga Ryjôp về: Êkatêrina Grigôriepna, Lidia Pêtrôpna, Butzai, Juôcbin và Gôrôvich. Chúng tôi đã chọn buồng cho họ trong số những pháo đài sư phạm nhiều vô kể, và kê giường nằm tạm; đệm đã phải mua ở ngoài tỉnh.

Gặp lại nhau vui như hội. Sêlaputin và Tôxka, mặc dầu đã mười lăm tuổi, cũng ôm chầm lấy mọi người và hôn chun chút lên như những cô gái nhỏ; cả hai búi lấy cổ họ, cười nói và nhảy cẫng huyên thuyên. Người ở Gorki mới đến đều tươi tỉnh và hoan hỉ. Nhìn mặt họ tôi đủ hiểu tình hình ở trại. Êkatêrina Grigôriepna xác nhận vắn tắt:

- Ngoài ấy sẵn sàng cả rồi. Đồ đạc hành lý xong xuôi. Chỉ còn thiếu toa thôi.

- Bọn trẻ thế nào?

- Chúng ngồi trên đồng hòm, sốt ruột cuồng lên. Tôi cho rằng trong bọn ta, chúng là những người sung sướng nhất đấy. Nhưng xem ý hình như chúng ta đều là những người sung sướng cả thì phải. Bác thế nào?

- Tôi cũng thế, tôi sung sướng ứ lên đến cổ, tôi trả lời dè dặt, nhưng có lẽ ở Kuriajê không còn có người sung sướng nữa.

- Sao, có việc gì thế? Liđa lo sợ hỏi.

- Ô, chả có gì ghê gớm cả, Vôlôkhôp đáp với một giọng khinh bỉ, nhưng mình không đủ lực. Chẳng phải vì thế mà thôi, nhưng còn công việc đồng áng. Độc trội có bọn chúng tôi, bây giờ vừa là đội đặc biệt thứ nhất, đặc biệt thứ hai và muốn là gì cũng được.

- Thế những đứa ở đây sao?

Bọn trẻ cười.

- Cái đó, rồi cô xem...

Piôtr Ivanôvich Gôrôvich mím chặt đôi môi bụ bẫm của anh ta, đưa mắt nhìn chăm chú bọn trai, nhìn cửa sổ tối om và tôi nữa:

- Bác muốn cho bọn trẻ đến ngay phải không?

- Phải, càng sớm càng hay, tôi đáp, trại phải chạy tới mau như đi cứu hỏa vậy. Không thì hỏng hết.

Piôtr Ivanôvich đằng hắng dọn giọng:

- Mọi việc không ổn... Bác phải về trại, dù ở Kuriajê có khó khăn gì cũng đành chịu vậy. Toa xe họ đòi đắt lắm, họ chẳng giảm giá cho mình tí gì, và nói tóm lại, họ cứ đà dận kéo dài. Thế nào bác cũng phải về một hôm mới xong... Kôvan đã hăm hè kình địch với nhân viên hỏa xa tốn lắm rồi.

Chúng tôi trầm ngâm nghĩ ngợi. Vôlôkhôp lắc vai, và cũng đâm ra nói cằn nhằn như một ông già:

- Cũng không sao... Bác cứ về ngay đi, ở đây rồi cũng thu xếp được... mà sợ cái gì, dù sao thì cũng không thể nào tệ hơn nữa. Chỉ cốt là bọn trai nhà mình, ở ngoài ấy, khỏi châu hẫu đợi chờ.

Ivan Đênitxôvich, ngồi trên bậu cửa sổ, điềm tĩnh mỉm cười và nhìn đồng hồ:

- Hai giờ nữa có tàu. Ý muốn cuối cùng của bác như thế nào?

- Ý muốn cuối cùng của tôi? Quái ác, anh hỏi tôi cái gì vậy? Tất nhiên là không dùng đến vũ lực, dù xảy ra trường hợp nào cũng vậy. Bây giờ các anh các chị là sáu người. Nếu ta lôi kéo được vài ba đội về phía ta, thì là tuyệt. Nhưng nên cố thu hút họ cả từng nhóm đã lập thành, chứ đừng thu hút riêng lẻ.

- Vậy làm tuyên truyền à? Gôrôvich buồn rầu hỏi.

- Tuyên truyền, nhưng đừng làm lộ liễu quá. Các anh chị hãy nói nhiều về trại, về các giai đoạn đời sống của trại, về công việc xây dựng. Nhưng tôi cần gì phải dẫn các anh các chị những cái đó nhỉ! Các anh các chị sẽ chẳng mở mắt cho họ ngay được đâu, tất nhiên thôi, nhưng hãy cho họ đánh hơi, nhìn thoáng thấy một cái gì.

Trong đầu óc tôi náo loạn hết sức. Mọi thứ ý nghĩ và hình ảnh đua nhau nhăn nhó, bò ngổn ngang, hoặc say sưa ngây ngất nữa, và nếu chợt có ý nghĩ nào reo vui lên thì tôi lại thành thực ngỡ rằng nó say rượu.

Có một môn cơ học sư phạm, một môn vật lý sư phạm, một môn hóa học sư phạm, một môn hình học sư phạm và cả đến một môn hình nhi thượng học sư phạm nữa. Tôi phải tự hỏi rằng tại sao trong cái đêm tăm tối này, tôi lại để sáu người giáo sĩ này ở đây, ở Kuriajê? Tôi đã đề cao trước mặt họ những tác dụng của việc tuyên truyền và thực tế thì tôi tính toán thế này: ngày mai, trong cái xã hội Kuriajê, sẽ xuất hiện số nửa tá con người trung hậu, học thức và nghiêm chỉnh ấy. Như vậy, thực ra, là trông mong ở một thìa mật ong đổ vào một thùng hắc ín... mà sự thực có phải hắc ín không? Quả là tội nghiệp cho môn hóa học đó. Và cái phản ứng hóa học xem chừng sẽ kém cỏi, đứt hơi, kéo dài bất tận. Hoặc giả, nếu cứ cần nói đến hóa học, thì dùng môn này: cốt mìn, thuốc nổ, một phát mìn bất ngờ, dữ dội, chinh phục, làm tung lên trời những tường nhà thờ với “áo tổ đĩa”, những tâm hồn trẻ thơ với các tay “đầu sỏ” và bằng nông học.

Nói riêng với nhau thôi, chính bản thân tôi sẵn sàng cùng với đội đặc biệt tiên phong của tôi, chui vào bất cứ một thùng thuốc nổ nào tốt: tôi cam đoan với các bạn rằng chúng tôi là một sức nổ đủ mạnh. Tôi còn nhớ lại năm một nghìn chín trăm hai mươi. Hồi ấy, đã đành là tấn công bằng một năng lực khác, đó là những phát nổ làm tung cả bản thân tôi lên chín tầng mây, như Vakula của Gôgôn,^[182] và bây giờ tôi chẳng sợ gì hết thảy. Nhưng ngày nay đầu óc mình bị vướng vít bởi trăm thứ đồ trang sức mà người ta bảo cần phải điểm tô cho bà Su-phạm, gương mẫu của những kẻ giả đạo đức. “Bà nội ơi, xin bà hãy rộng lòng một lần tí xíu cho phép chúng cháu tung những của này lên trời, bà nhé!”

“Âu, các con cứ tự nhiên, bà trả lời, nhưng đừng có làm phiền bọn trẻ”.

Vậy thì nói đến chuyện nổ làm gì!

- Vôlôkhôp, thắng ngựa vào xe, tôi đi đây.

Một giờ sau, đứng bên cửa sổ mở của một toa xe, tôi ngắm các vì sao. Xe lửa hạng tư, không có chỗ nào ngồi.

Phải chăng tôi hèn nhát bỏ trốn Kuriajê, vì sợ hãi chính những dự trữ cốt mìn của tôi? Cần phải mình tự nhủ mình. Cốt mìn là một chất nguy hiểm, và chơi với nó làm gì, một khi tôi đã có những gã trai cù khôi của Gorki?

Trong bốn tiếng đồng hồ nữa, tôi sẽ rời cái toa xe ngọt ngào bản thủ này, để lại được thấy mình ở trong cái xã hội tinh tế của họ.

Tôi về đến trại bằng xe ngựa thuê, vào cái giờ mà mặt trời đã từ lâu than phiền rằng không có lò sưởi. Các trại viên từ phía chạy ủa ra đón tôi. Các trại viên, hay là những phóng xạ quang tuyến? Ngay đến Galatenkô, từ trước đến giờ vẫn nhất định không chịu coi môn chạy là một hình thức xê dịch, mà sau khi ngó qua cửa nhà lò rèn, cũng băng mình đi như một mũi tên, chân nện mặt đường thành thích

làm rung chuyển đất, gợi nhớ đến một con voi trận của vua Dariux, ^[183] con của Hyxtaxơ. Hắn cũng góp lời vào những câu chào mừng ngạc nhiên và hỏi thăm ríu rít ồn lên cùng một lúc:

- Ngoài ấy thế nào, bọn đó hợp tác hay không hợp tác hờ bác Antôn Xêmiônôvich?

Galatenkô ơi, con tìm đâu ra cái nụ cười cứng cỏi và chân thực này, con lấy ở đâu ra cái bắp thịt xinh xinh kia nó viền mi mắt dưới của con đẹp thế; con bôi vào mắt chất dầu thơm, sơn Trung Quốc, hay nước suối trong? Và mặc dầu đầu lưỡi nặng nề của con uốn còn chậm chạp, nó vẫn cứ biểu lộ được cảm xúc. Ủ, cảm xúc, chứ sao!

Tôi hỏi các trẻ:

- Làm gì mà các chú diện thế này? Các chú mở dạ hội à?

- Đúng thế! Lapô trả lời. Một dạ hội thực sự! Hôm nay là ngày đầu tiên chúng cháu không làm việc; tối nay biểu diễn “Bọ chết” lần cuối cùng để từ biệt dân quê... À, nhưng thế nào bác, công việc ngoài ấy ra sao?

Các trại viên ăn mặc có vẻ như ngày tết, quần ngắn mới, đầu đội mũ chòm mới bằng nhung, may đặc biệt để vẫy với trại Kuriajê. Đội viên những đội đặc biệt sáu chạy từ phía sửa soạn buổi kịch. Trong góc các buồng ngủ, ở trường học, ở câu lạc bộ, hòm đóng đinh, đồ vật cuộn bọc chiếu, từng chồng đệm và hàng núi ba-lô. Chỗ nào cũng quét rửa như trong ngày đại lễ. Buồng tôi dành cho đội mười một, do Sura Jêvêli chỉ huy. Bà cụ cũng ngồi trên các va-li, song bọn trẻ đã khoan hồng để lại cái giường gấp cho bà và Sura rất tự hào về điểm độ lượng ấy:

- Đôi với bà thì không như đôi với chúng cháu được. Bác thấy không? Bọn trai bây giờ ngủ tuốt cả ở sân đập lúa, trên cỏ khô, thế mà lại tốt hơn giường kia đây. Con gái ngủ trong các xe tải đồ. Nhưng bác này, Nextêrenkô mới là chủ từ hôm qua, mà hôm nay hắn đã kiếm chuyện: hắn tiếc rẻ cỏ khô. Bác nghĩ coi, người ta đã cho hắn cả một cái trại, mà hắn lại cần nhàn về cỏ. Nhưng bác xem, chúng cháu đóng hành lý cho bà gọn đấy chứ? Bà bảo sao, bà ơi?

Bà cụ chiều ý bọn trẻ mỉm cười, nhưng ý kiến của bà khác ý kiến chúng về một vài điểm.

- Các con đóng gọn, nhưng bác giám đốc của các con ngủ vào đâu?

- Có một chỗ! Sura kêu lên. Đội các chú, đội mười một, được cỏ tốt nhất, cỏ gà. Thậm chí chú Êđua Nikôlaiêvich phải kêu, chú ấy bảo: ai lại nằm lên cỏ này bao giờ? Nhưng các cháu cứ ngủ trên cỏ, rồi sau đem cho con Hảo-hán, và nó chén phải biết! Các cháu sẽ làm giường cho bác, bà đừng lo bà ạ!

Một phần khá đông trại viên đóng ở các buồng giáo viên. Họ ra công dọn đồ đạc và canh gác ở đó. Lapô và Koovan đã đặt bộ tham mưu của họ ở buồng chị Liđa. Vàng người đi vì tức giận và mệt mỏi, Kôvan ngắt ngưỡng trên bậc cửa sổ và vung nắm tay, tuôn một tràng lời riếc móc nhân viên nhà ga:

- Công chức, ký cách, đồ cạo giấy! Mình bảo chúng nó: đây là những trẻ em, chúng nó không tin. Thế thì sao, mình hỏi, phải đưa giấy khai sinh cho anh xem à? Trẻ nhà mình nào có biết màu giấy khai sinh từ ngày đẻ đến giờ. Nhưng cái thằng ấy, nó chẳng hiểu gì cả, thì nói cái gì với nó được? Nó bảo: một trẻ em đi với một người lớn thì không trả tiền, nhưng nếu chỉ toàn trẻ em... Mình cắt nghĩa, cho cái thằng khỉ ấy: trẻ em nào, trẻ em nào mới được chứ, thế còn anh, ma nó làm vú sữa nuôi anh chắc, nhưng đây là một trại lao động cơ mà, rồi lại còn: người ta lấy toa chở hàng thôi... tối như hũ nút! Thế rồi, lách cách, nó xoay cái bàn tính của nó; lên toa này, đinh ký này, thuê toa này... Nó lôi ra một đồng quy tắc: ngựa nghèo, đồ đạc trong nhà, một giá, dụng cụ gieo giống, một giá khác. Anh nói gì lạ vậy, mình bảo nó, đồ đạc trong nhà nào? Anh cho là thế nào đây: một gia đình tiểu tư sản ra đi với mọi thứ chổi cùn rế rách à? Cậu bảo thế này có láo không chứ, thực quá mức, cái láo của tụi cạo giấy. Cái giống ngu hèn, mài dít trên ghế, nó chẳng muốn nghe gì hết: đối với chúng tôi thì không có tiểu tư sản

với nông dân gì cả, chúng tôi chỉ biết có hành khách và người gửi hàng. Minh, mình nói quan điểm giai cấp với nó, mà nó, nó dám nhìn thẳng vào mắt mình mà phun ra rằng: một khi đã đặt bằng giá thì quan điểm giai cấp không kể tới.

Bị tai không nghe chuyện bi thảm của Kôvan với các nhân viên hỏa xa, cũng như chuyện buồn của tôi về Kuriajê, Lapô xoay tất cả về các chuyện vui ở đây, cơ hồ như không có Kuriajê và trong vài hôm nữa hẳn không phải lãnh đạo hội đồng đội trưởng ở cái xứ xa xôi ấy. Mới đầu tôi hơi bực mình vì sự vô tâm của hắn, nhưng rồi cảm giác ấy cũng bị tính khôi hài chói rạng của hắn đánh tan đi. Tôi cười với mọi người và cùng với mọi người tôi cũng quên Kuriajê. Bây giờ được thoát ly những lo lắng hàng ngày, tính độc đáo của Lapô càng nảy nở rõ rệt. Hắn là một nhà sưu tập kỳ tài: luôn luôn xoay quanh hắn là những nhân vật bất tài, gàn dở, bị ám ảnh, mắc bệnh tinh thần, những con người bung xung bao giờ cũng bị những chậu hoa rơi vào đầu; họ yêu quý hắn, tin tưởng và cảm phục hắn. Lapô khéo lựa chọn, phân loại, cắm họ vào những hộp đựng nhỏ xinh; hắn ưa vuốt ve và ngắm nghía họ trong lòng bàn tay. Giữa các ngón tay mân mê của hắn, họ đẹp óng ánh những màu sắc vô cùng tế nhị và họ hóa thành những tiêu bản kỳ thú của giống người.

Hắn lấy vẻ rất tin tưởng bảo Guxtôivan làm lì, xanh lốt, mặt lúc nào cũng như người mất hồn:

- Ủ... mình có cái nhà thờ ấy ở giữa sân. Mình cần gì đến một mục sư xa lạ? Mà sẽ làm trợ tế cho chúng tao.

Guxtôivan mấp máy đôi môi đỏ nhợt. Trước khi vào trại, không biết ai đã rót vào tâm hồn yếu đuối của nó chất nham phiến tôn giáo với một liều độ bằng cho ngựa uống, khiến đến tận bây giờ vẫn không làm thế nào cho nó thổ ra được nữa. Đêm nào nó cũng cầu kinh trong các góc tối buồng ngủ và nó nhận những lời trêu cợt của các trại viên như những khổ nhục thơm tho vì đạo. Nhưng bác thợ đóng xe Kôdia không đến nỗi dễ tin đến thế:

- Này đồng chí Lapô, sao đồng chí lại nói vậy? Chúa có tha thứ cho đồng chí được không? Nếu Chúa chưa ban phúc lành cho Guxtôivan thì hẳn làm trợ tế sao được?

Lapô nghịch cái mũi đầy tàn nhang của hắn:

- Phúc lành, ấy mới cần làm sao chứ! Cứ việc khoác áo nhà tu vào lưng nó, đây này, cho nó cái áo lễ. Thế là nó trở thành một anh trợ tế kèn ra phết!

- Phải có phúc lành mới được, Kôdia giảng giải với một giọng cao trầm ấm. Phải có Đức Cha giám mục cho nó chịu lễ mới được chứ.

Lapô ngồi xổm trước mặt Kôdia, nhìn lão chằm chằm và không ngớt nháy đôi mắt không có lông mi của hắn:

- Ông nội ơi, ông có hiểu không: Đức cha là gì, là người làm chủ, người có quyền hành... có phải không?

- Đức cha có quyền hành,

- Thế hội đồng đội trưởng, ông bảo thế nào? Nếu hội đồng đội trưởng cho nó chịu lễ, thì cũng được chứ gì?

Kôdia mềm lòng vì câu chuyện này, lắc đầu trả lời:

- Hội đồng đội trưởng không làm được, chú ơi, hội đồng không ban phúc được.

Nhưng Lapô đặt hai tay lên đầu gối Kôdia và nói chắc chắn bằng một giọng thân ái hồn hậu:

- Có, làm được ông Kôdia ạ, làm được. Hội đồng đội trưởng ban được một thứ phúc, mà Đức Cha của ông cũng phải lác mắt!

Lão Kôdia hiền lành chú ý nghe Lapô nói khéo, thao thao bất tuyệt, và chỉ thiếu chút nữa là lão đầu hàng. Đức Cha và tất cả các thánh trên trời đã cho lão cái gì? Chẳng có gì hết. Vậy mà hội đồng đội trưởng quả đã giáng phúc cho lão, một cái phúc thực sự tốt lành: nó đã bảo vệ lão đối với vợ lão, cho lão một căn buồng sáng sủa, sạch sẽ, nó đã xỏ vào chân lão một đôi giày đẹp và bền, do đội một của Gut đóng. Có lẽ rằng trên thiên đường, khi lão Kôdia chết, cũng còn chút hi vọng đức chúa Trời đền bồi cho lão một cái gì nữa đấy, nhưng ở cõi trần này thì thực tuyệt đối không gì thay thế nổi hội đồng đội trưởng.

Ngoài cửa sổ lén xuất hiện bộ mặt bức rộc của Galatenkô:

- Lapô, cậu ở đây à?

Lapô đang thuyết ân tình bị ngắt lời, đáp:

- Có đây, có việc gì thế hả?

Galatenkô thông thả đặt khuỷu tay lên thành cửa sổ, mặt bùng bùng tức giận như một cốc rượu bốc hơi đau khổ. Đôi mắt to xám của y lấp lánh những giọt nước mắt muốn trào ra.

- Lapô, cậu có bảo nó không... không thì tớ giã cho nó một trận...

- Giã ai?

- Thăng Taranet.

Galatenkô nhận ra tôi trong phòng và mỉm cười lau nước mắt.

- Việc gì thế vậy, Galatenkô?

- Nó có được quyền như thế hay là không chứ? Nó tưởng nó được quyền, vì nó là đội trưởng đội bốn hăn, nhưng có lý nào thế không? Người ta bảo nó làm một ngăn chuồng cho con Hảo-hán, mà nó lại nói: cho con Hảo-hán và Galatenkô.

- Nó nói như vậy với ai?

- Với tụi mợ nhà nó.

- Thế thì sao?

- Ngăn chuồng là để cho con Hảo-hán đừng nhảy xuống khỏi toa, thế mà nó lại đi túm mình, để đo người, rồi thăng Taranet bảo: để con Hảo-hán bên trái, còn thăng Galatenkô bên phải.

- Để vào đâu?

- Vào ngăn buồng, chứ gì nữa?

Lapô gãi tai ra vẻ suy nghĩ, trong khi Galatenkô lặng yên chờ đợi hăn quyết định.

- Nhưng mà thực thì liệu mày có nhảy xuống khỏi toa không? Chả có lẽ nào thế.

Ngoài cửa sổ, Galatenkô giậm giậm chân và quay đầu lại nhìn.

- Tại sao lại nhảy? Tao nhảy đi đâu? Thế mà nó, nó lại bảo: đóng thật chắc vào, không nó làm vỡ toa.

- Ai làm vỡ?

- Thì tao chứ ai...

- Thế mày không làm vỡ toa chứ?

- Sao tao lại làm vỡ? Nói cho thực...

- Taranet nó cho là mày khỏe lắm. Đừng giận nó.

- Tao khỏe, là chuyện khác... Nhưng sao nó lại nói đến ngăn chuồng vào đấy được.

Lapô nhảy qua cửa sổ và chạy xuống ban mộc. Galatenkô lê bước đi theo hần.

Ackadi Ujikôp cũng có mặt trong mớ sưu tập phẩm của Lapô. Lapô coi nó như một tiêu bản hết sức hiếm có và thành thực nhiệt tình nói về nó:

- Một đĩa như thằng Ackadi, thì chỉ gặp được một lần trong cả đời người thôi, mà cũng chưa chắc. Nó không rời khỏi tao mười bước, nó sợ các tướng. Nó ăn, nó ngủ bên cạnh tao.

- Nó yêu mày à?

- Tao chắc thế! Nhưng thằng Kôvan vừa đưa tiền cho tao mua dây thừng, là nó đã chíp liền.

Lapô chột cười phá lên và hỏi Ackadi, ngồi trên một cái hòm:

- Này của nỡm, mày giúi vào đâu, nói thử xem.

Ackadi không thay đổi kiểu ngồi, cũng không lúng túng, trả lời bằng một giọng bình thản buồn rầu.

- Vào chiếc quần cũ của cậu.

- Thế rồi sau ra làm sao?

- Rồi sau cậu thấy.

- Tao đã không thấy, con ạ, mà tao đã tóm được mày quả tang. Có phải thế không?

- Phải, thế đấy.

Cặp mắt đục ngầu của Ackadi không rời khỏi mặt Lapô, nhưng trông không ra vẻ mắt người: nó như mắt giả, đờ dại, mắt tinh lặc.

- Nó có thể ăn cắp cả của bác đấy, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Cháu dám cam đoan là nó sẽ làm đấy! Phải không, có phải là mày sẽ làm thế không?

Ujikôp lặng thinh.

- Nó sẽ làm đấy! Lapô hứng chí nói, trong khi Ujikôp thản nhiên nhìn theo cử chỉ ý nghĩa của hần.

Nitzenkô cũng quán lấy Lapô. Cổ nó dài khảng khiu, yết hầu lộ ra, đầu nhỏ lắc lư trên vai, vẻ kiêu hãnh ngây ngô như con lạc đà. Lapô nói về nó:

- Với khúc cùi ấy, thì đem ra làm cái gì cũng được: cày xe, cùi đĩa, chậu gỗ, mai đào đất, làm được tuốt, nhưng nó lại cứ tưởng ta là kẻ phóng khoáng đây!

Tôi thích thú nhìn tất cả bọn đó xoay quanh Lapô. Như vậy dễ cho tôi tách được hần khỏi hàng ngũ trại viên. Những câu châm ngôn hần không ngớt miệng nói ra có tác dụng như một chất thuốc bột sát trùng rắc lên người chúng. Như thế tôi càng vững tin ở trật tự và nề nếp tốt của trại. Cảm giác ấy bây giờ rõ rệt quá, cơ hồ nó thành một sự mới lạ đối với tôi, không hiểu tại sao. Tất cả các trại viên đều hỏi thăm tôi về Kuriajê, nhưng tôi thấy rõ đấy chỉ là vì lịch sự, như kiểu gặp nhau người ta hỏi: “bác có mạnh không?”. Trong một vài xó xỉnh xa lánh của tập thể, sự quan tâm chú ý đến Kuriajê đã khô cạn và bốc hơi tiêu tán. Các đầu óc bận nhiều việc, có nhiều cảm xúc khác mạnh hơn: nào là chuyện toa xe, chuyện ngăn chuồng cho con Hảo-hần và Galatenkô, nào các buồng ở của giáo viên, ngổn ngang những đồ vật giao cho trại viên trông nom, nào đêm ngủ trên cỏ khô, nào sự bủn xỉn bần tiện của Nextêrenkô, nào ba-lô, hòm, mũ chòm bằng nhung mới, nào vẻ mặt buồn của bọn Marutxia, Natanka, và Tatiana ở Gontsarôpka, nào những mầm ái tình chớm nở rồi đây sẽ phải khô đi giữa hai trang sách. Các mẩu chuyện và câu đùa cợt chạy trên mặt trại, tiếng cười tràn ngập, trong cái chế giễu thân thiện và không ác ý, nở giòn như pháo. Nhìn xa thấy là cảnh nhơn nhơn nhẹ dạ, khác nào những làn sóng làm nhăn mặt cánh đồng lúa chín. Nhưng thực thì sức lực tiềm tàng trong mỗi bông lúa vẫn bình thản mơ màng, bông lúa an nhiên đu đưa dưới gió mơn trớn, không chút lo âu, không để rơi vãi một chút bụi

phần nhỏ nào. Các trại viên không quan tâm đến Kuriajê, cũng như bông lúa không quan tâm đến máy đập. Công việc ngoài đó, đến lúc làm sẽ làm, cũng như lúa đến lúc đập thì sẽ đập.

Các trại viên đi chân đất ung dung bước nhẹ trên các lối đi ẩm áp, mình họ thắt lưng nịt gọn ghẽ đu đưa trong lúc nghỉ ngơi. Mắt họ bình tĩnh nhìn tôi vui vẻ, môi họ thoáng điểm một nụ cười chào tôi thân thiện. Trong vườn hoa, trong vườn cây quả, trên các ghế dài bỏ lại buồn trơ, bên bờ sông, từng nhóm nhỏ tụ họp đây đó. Những đứa nhỏ đã biết kha khá chuyện đời thì ôn lại việc cũ: nhắc đến mẹ, đến những xe ngựa có súng liên thanh của du kích quân, đến những đội quân trong rừng và trên thảo nguyên. Trên đầu họ, lá cây và ong bay qua lại, và hương thơm của những đóa “Hoàng hậu Bạch tuyết” và dạ hợp trắng, đều im lặng lắng nghe.

Trong một cảm giác áy náy mơ hồ, tôi bắt đầu nhận ra bản tình ca. Những hình ảnh giễu cợt của mục đồng, thần gió và thần ái tình lờn vờn qua đầu óc tôi. Nhưng nên biết rằng cuộc sống hay đùa cợt, có khi đùa trắng trợn nữa. Dưới bụi tử đinh hương, một thằng nhóc mũi hếch và mặt cau có, mà mọi người đã đặt tên cho là thằng Chó-trụi, đang ngồi thổi ống sậy. Thực ra cũng không phải là ống sậy, mà là ống quyền, và cũng có lẽ là ống sáo nữa, và thằng bé có bộ mặt tinh ranh của một thần mục đồng nhỏ. Trên bờ sông, trong nội cỏ, bọn thiếu nữ đang tết hoa. Natasa Pêtrenkô đeo một vòng hoa mua xanh trên đầu, đẹp lộng lẫy như tiên, làm tôi cảm động đến sa nước mắt. Và đây, từ một lùm cây hương mộc rậm rạp, thần Păng bồng xuất hiện ở lối đi với bộ ria mép cười rung động và cặp mắt sâu xanh tối nhìn chập chới!

- Thế mà anh làm tôi đi tìm mãi, tìm mãi! Họ bảo anh đi ra tỉnh. Thế nào, anh đã nói cho cái bọn ăn hại ấy nghe cả chưa? Bọn trẻ phải đi, mà cái lũ xuẩn ấy cứ để ra chuyện, không coi ai ra gì nữa...

- Này, bác Kalina Ivanôvich ạ, tôi nói, trong khi bọn trẻ còn ở đây, thì bác nên về ngoài tỉnh mà ở với con trai bác là hơn. Kéo rồi đến khi chúng tôi đi hết, bác về sẽ khó khăn hơn đây.

Kalina Ivanôvich thọc tay vào túi áo rộng tìm tẩu thuốc:

- Tôi đã đến đây đầu tiên và tôi sẽ ra đi sau chót. Bọn nông dân ăn hại đã đưa tôi lại đây, thì bọn nông dân lại đưa tôi về. Tôi đã điều đình với lão Mutxi ngoài kia rồi. Di chuyển tôi có nghĩa lý gì đâu. Anh đọc sách chắc đã biết quả đất có từ bao giờ. Thì đấy, từ hồi đó nhẩn nay,^[184] người ta đã di chuyển biết bao nhiêu lão già ngu như tôi, mà có đánh rơi mất một lão nào đâu. Họ sẽ chở tôi đi chu đáo, hề, hề...

Chúng tôi cùng đi trên đường nhỏ. Tẩu thuốc của Kalina Ivanôvich đỏ lòà lên, và mắt bác chập chới nhìn vợ vắn các đầu bờ bụi, khúc sông Kôlômak chói ánh gương, bọn thiếu nữ quấn vòng hoa và thằng Chó-trụi với ống sậy của nó.

- Nếu tôi biết nói láo, như nhiều quân ăn hại, thì tôi sẽ bảo: tôi sẽ đi ra Kuriajê một chuyến, để xem chơi. Nhưng tôi cứ nói toạc ra rằng: tôi sẽ không đi đâu. Anh hiểu không, cái con người thực là tôi, một giống yếu ớt, mà lo nghĩ khiến nó hao mòn còn bằng mấy làm việc ấy. Bất chấp anh đã làm hay chẳng làm nên được trò trống gì, anh thử nhìn coi: lý thuyết mà nói thì trông vẫn là con người đấy, nhưng thực tế ra thì chỉ đáng đem nấu xương lên để lấy keo thôi. Bao giờ người đời thông minh hơn, họ sẽ đem người già ra mà sử dụng như thế. Cái của đó, có thể làm keo tốt...

Sau một đêm không ngủ và sau những công việc chạy đây chạy đó ở ngoài tỉnh, tôi thấy người tôi trông xòng xống như pha lê: thế giới bên ngoài kêu canh canh nhè nhẹ và tỏa ánh sáng thành những làn sóng vòng tròn. Kalina Ivanôvich nhắc lại những đoạn đời của mình; tôi chỉ có thể cảm thấy cái già hiện tại của bác mà buồn.

- Bác đã sống một cuộc đời đẹp đẽ, bác Kalina ạ, ...

- Tôi bảo anh nhé – bác đừng dừng lại nhờ tẩu thuốc. Tôi không đến nỗi là một đứa xuân quá đâu và tôi hiểu sự đời. Nói cho cùng, đời là một chuyện vô nghĩa: ăn cho đầy bụng, rồi ỉa trước khi đi ngủ, đến lúc dậy lại nhờ bánh mì với thịt.

- Khoan đã, còn việc làm thì sao?

- Làm việc để làm gì chứ? Anh biết thói đời đấy: làm việc chỉ béo đứa ngồi không, phường ăn hại, còn những kẻ làm việc chẳng được lợi gì, thì hì hục từ sáng đến tối như trâu cày ấy.

Chúng tôi im.

- Tiếc rằng tôi sống cái thời những người bôn-sê-vich ít quá, Kalina Ivanôvich nói tiếp. Việc gì các tướng ấy cũng làm theo lối riêng của họ, họ ăn nói sống cục, mà tôi thì không thích những người thô lỗ. Nhưng sống với họ thì cuộc đời đổi khác. Họ bảo mình, hề, hề, ... bất chấp là anh đã chén say hay chưa, cái đó được, hay bất chấp anh phải đi đâu có việc gì, mặc kệ, anh hãy làm công việc của anh đi đã. Có phải thế không? Thành ra ai cũng cần làm việc. Có những kẻ ngu như mình, chẳng biết đích gì hết, và lúc làm việc thì quên cả ăn, nếu không có vợ đến nó ca lên cho mà nghe. Còn anh, anh không nhớ à? Một lần tôi chả đến tìm anh và hỏi: anh đã ăn sáng chưa? Bấy giờ trời đã tối. Thế mà anh thân người ra nghĩ, hề, hề, xem anh đã ăn sáng hay chưa. Anh thấy hình như đã ăn rồi, nhưng có lẽ từ hôm qua. Anh đã quên khuấy mất, hề, hề, ... Có phải thế không?

Chúng tôi đi chơi liên miên trong vườn hoa cho đến tối. Khi mặt trời đã tắt hẳn, Kôchia Sarôpxki chạy đến, tay cầm một cành lá quất vào bắp chân trần để đuổi muỗi mà nói giận dỗi:

- Mọi người đã về mặt trời cả rồi mà hai bác vẫn còn đi chơi! Anh em cho đi mời hai bác về. Trời ơi, Nga hoàng ngộ hết sức! Lapô đóng đậy. Hắn làm cái mũi đến buồn cười!

- Tất cả các bạn thân của chúng tôi trong làng và trong cái trại ấp đã hẹn hò nhau đến xem hát. Thôn Lunatsacxki đến đủ mặt. Ngồi trên ngai vua, sau tấm màn buông, Nextêrenkô đang phân trần với bọn trẻ trách móc anh ta keo kiệt, bạc bẽo, vô tình. Onga Vôrônôra, đang bận đánh phấn trước gương hóa trang con gái Nga hoàng, phát bực mình:

- Chúng nó đang hành anh Nextêrenkô của tôi ngoài ấy.

- Không phải lần đầu chúng tôi trình diễn “Bọ chết”, nhưng lần này chuẩn bị vở kịch khó nhọc hơn nhiều, vì những tay vẽ mặt nghề là Butzaï và Gôrôvich đã đi Kuriajê cả. Thành thử những kiểu hóa trang lộ liễu trông hết sức chướng. Nhưng không ai để ý: vở kịch chỉ là dịp để chan hòa tình cảm với nhau lần chót. Lễ chia tay, về nhiều điểm, có thể không cần đến mọi hình thức dàn cảnh. Những cô gái nhỏ ở Pirôgôpka và Gônțsarôpka cảm thấy như mình sống lùi về thời tiền sử, vì đối với các cô, lịch sử bắt đầu là từ khi có những chàng trai không thể nào không mê cho được của trại Gorki đến trên sông Kôlômak. Trong các góc xưởng trống của nhà cối xay gió, bên những lò sưởi tắt từ tháng ba, trong các chỗ tối sau hậu trường, trên các ghế dài tạm thời, trên các súc gỗ và trên các đồ phụ tùng ước lệ linh tinh của nhà hát, các cô thiếu nữ ngồi đây, khăn trùm đầu in hoa trượt xuống vai, để lộ những mái tóc vàng óng nghiêng nghiêng buồn bã. Không còn có những lời nói nào, không còn có khúc nhạc thần tiên nào, không còn có tiếng ni non nào có thể đem vui tươi lại cho lòng trinh nữ của các cô được nữa. Ngón tay búp măng của các cô buồn rầu vờ vẽ đường viền những chiếc khăn choàng trên đầu gối, nhưng cả đến những điều đó từ nay cũng chỉ còn là những trò duyên dáng muộn màng và vô ích mà thôi. Các trại viên ngồi bên các cô làm ra vẻ mặt ảo não muốn chết. Từ buồng trò diễn của diễn viên, Lapô, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn ra và, nheo mũi hóm hỉnh ngó cái xác chết xinh xắn của thần Quypidông, hắn lấy giọng đường mật nói:

- Này Pêchia, chú nó ời!... Không có chú ở bên cạnh thì Marutxia cũng vẫn có thể cứ im lặng không nói được đấy, vậy chú hãy đi sửa soạn đi... Chú đã quên rằng, chú phải làm ngựa à?

Thay cho cái tiếng “Hà!” giải thoát bất nhĩ mà hấn cô nén đi, Pêchia xảo quyết thốt ra một tiếng thở dài tể nhị từ biệt, và để Marutxia ngồi lại, đắm chìm trong đơn chiếc. Hấn lấy làm sung sướng vì trái tim những cô gái như Marutxia đã cấu tạo trên nguyên tắc có những bộ phận thay đổi được. Hai tháng sẽ trôi qua, và Marutxia sẽ vặn vít tháo cái hình han rĩ không dùng được nữa của Pêchia, rồi lấy chất dầu ben-din của hi vọng để tẩy sạch trái tim mình, cô sẽ lại vít vào đấy, như một bộ phận thay thế mới toanh, hình ảnh của Panatxơ ở Xtôrôjêvôiê. Anh chàng này lúc đó, giữa một nhóm trại viên, cũng đang buồn phải từ giã các bạn tốt ở trại Gorki, nhưng trong thâm tâm thì gã đã thầm tính chuyện làm thế nào thích ứng được vào chân vít của trái tim Marutxia. Rút cục thì mọi sự trên đời đều được xếp đặt tốt cả, và chính Pêchia, hấn cũng bằng lòng với vai trò của hấn: làm một con ngựa trong cỗ xe tam mã của Platôp, vị thủ lĩnh cô đặc. [\[185\]](#)

Nghi lễ từ biệt đã bắt đầu. Sau những lời hôn hậu nồng nhiệt, sau những câu chúc tụng lên đường bình yên, những lời ân tình đoàn kết giữa những người lao động, màn được kéo lên: chung quanh Nga hoàng vô tài, ngu ngốc, ra đứng chầu những tướng già nua, trong khi một tên gác của nặng nề, điệu bộ lỗ bịch, quét ở lưng họ cái bụi rậm suy vi ở người họ rơi xuống.

Do cửa sau của xưởng trồng, một cỗ ba con ngựa phi nước đại chạy ra. Galatenkô, Kôrytô, Fêđôrenkô, nhai hàm thiếc và đầu nặng trĩu ngật ngưỡng đưa lên đưa xuống, giẫm đạp nát cả đồ đạc nhà hát, ầm ầm kéo bay ra sân khấu Taranet, xà-ích của chúng, ở đầu dây cương căng thẳng: xe tam mã làm mặt sàn cũ kêu răng rắc. Tay thủ lĩnh trung hậu Platôp, cự quân nhân khôì hài, thì túm chặt thắt lưng Taranet. Vai đó do ngôi sao mới sân khấu chúng tôi là Ôlec Ôcnep đóng. Quần chúng lấy ngón tay cái đập tắt những tia lửa buồn sau chót để lặn ngụp vào trong xoáy lốc của những tưởng tượng và của cái đẹp trên sân khấu. Ngồi hàng đầu, Kalina Ivanôvich thích thú cười đến phát khóc, và đưa một ngón tay vàng khè, dăn dúm, lên quét ngang mộ giọt nước mắt.

Tôi chợt nhớ đến Kuriajê.

Không, bây giờ hấn không phải là lúc van xin buông tha, vì sẽ không có ai đẩy xa đi cho tôi cốc rượu cay đắng ấy. Tôi bỗng thấy người mỗi mệt và kiệt sức không thể nào tả được.

Trong buồng trò của diễn viên, cảnh thực là vui vẻ đầm ấm. Lapô mặc áo Nga hoàng, mũ vương miện đội lệch bên tai, và ngồi trong cái ghế bành rộng của Êkatêrina Grigôriepna, đang khen Galatenkô đóng vai ngựa tuyệt giỏi.

- Không nói đến sân khấu, chứ thực trần đời mình chưa hề thấy có con ngựa nào như thế bao giờ.

Ôlia Vôrônôva bảo Lapô:

- Vania, đứng lên đi, để cho bác Antôn Xêmiônôvich ngồi nghỉ. Và tôi ngủ thiếp đi trong cái ghế bành dễ chịu ấy, không đợi diễn hết vở kịch. Trong giấc ngủ tôi nghe thấy tiếng lạnh lạnh của bọn trẻ đội mười bàn tán lao xao ầm ỹ.

- Ta khiêng bác về buồng bác! Nào khiêng đi! Nào ta khiêng bác!

Nhưng Xilanti thì thảo can chúng:

- Mà, thì đó, đừng có toe toe cái mồm mồm lên, như người ta nói. Bác ấy ngủ, đừng động đến bác, có thể thôi... Mà có thấy không, chuyện trò thế đấy.

6. NĂM NGÀY

Hôm sau tôi ra đi, sau khi ôm hôn từ biệt Kalina Ivanôvich, Ôlia và Nextêrenkô. Kôvan được chỉ thị thực hiện đúng kế hoạch vận chuyển lên toa và cùng toàn trại đi Khackôp, trong năm hôm nữa.

Tôi cảm thấy bứt rứt. Trong người tôi có nhiều cái đã mất thăng bằng tự nhiên, nên tôi không được thư thái. Từ ga Ryjôp tôi về đến tu viện Kuriajê vào khoảng một giờ trưa. Chưa qua khỏi cổng, những cái gọi là chuyện khó chịu đã đổ dồn lên đầu tôi.

Có một ủy ban điều tra đóng ở Kuriajê: Brêgen, Klame, Iuriep, ông biện lý, và trong bọn họ không hiểu sao lại lằng xằng có mặt cả viên giám đốc cũ của trại. Brêgen nghiêm khắc bảo tôi:

- Họ đã bắt đầu đập chết lẫn nhau ở đây.
- Những ai đập và những ai bị đập?
- Không biết, thế mới phiền... và cũng không rõ ai thủ mưu.

Ông biện lý, một người phục phịch đeo kính, nhìn Brêgen như người có tội và ôn tồn nói:

- Tôi cho là...việc đã rõ ràng. Có lẽ không có chuyện xúi giục. Một việc trả thù, đại loại thế... Nói cho đúng, đây là một vụ hành hung không quan trọng. Song cũng nên biết những ai là thủ phạm. Nhưng ông giám đốc đã đến... Có lẽ ông sẽ tìm hiểu rõ hơn được ít nhiều chẳng, ông sẽ tin cho chúng tôi biết.

Brêgen rõ rệt có vẻ không bằng lòng với thái độ của ông biện lý. Không nói thêm với tôi một tiếng nào nữa, bà bước lên xe. Iuriep gượng gạo mỉm cười với tôi. Ủy ban điều tra đi.

Thằng Đôrôskô, trẻ nuôi của trại, đang đem mò vào các phòng ngủ quơ một mẻ được sáu đôi giày tương đối mới, lúc đem chuồn ra lối cổng thì nó bị đánh ở giữa sân. Mọi việc xảy ra ban đêm chứng tỏ rằng trận đòn ấy được tổ chức hằm hoai và thằng Đôrôskô bị theo dõi ngay trong khi nó ăn cắp. Nó đã ra đến gác chuông, bóng từ những bụi dạ hợp ở chân tường tòa nhà bên cạnh, có người ném lên đầu nó một cái chăn, và, ngã quỵ xuống, nó bị đánh dừ tử. Gorkôpxki ở chuồng ngựa về đi qua đấy, trông thấy trong bóng tối những hình bé nhỏ chạy tan tác tứ phía, bỏ mặc thằng Đôrôskô đấy nhưng đem theo cả chăn đi. Cuộc điều tra tiến hành ngay tức khắc trong các buồng ngủ để tìm ra thủ phạm, không có kết quả gì: tất cả mọi người đều ngủ im. Thằng Đôrôskô thâm tím mình mẩy, phải đưa nó vào nằm trong nhà thuốc của trại và gọi y sĩ đến, nhưng y sĩ nhận thấy nó không bị nguy hại gì trong cơ thể. Tuy nhiên Gôrôvich báo ngay cho Iuriep biết.

Ủy ban đến, do Brêgen chủ tọa, đã điều tra ráo riết. Đội đặc biệt của chúng tôi ở ngoài đồng bị gọi về và hỏi riêng từng người. Nhất là Klame có tìm cho ra chứng cứ để tố cáo các trại viên Gorki. Không một giáo viên nào được hỏi đến, nói chung người ta tránh nói chuyện với họ, chỉ ra lệnh cho họ gọi người này, người nọ. Trẻ nuôi ở Kuriajê, gọi lên phòng riêng để hỏi, chỉ có hai người là Khôvrak và Pêretz, như vậy có lẽ chỉ vì chúng đã kêu lên dưới các cửa sổ:

- Phải hỏi chúng tôi! Hỏi chúng nó làm gì? Chúng nó sẽ giết chúng tôi mà không kêu được với ai!

Nằm trên giường trong phòng thuốc, Đôrôskô, một gã mười sáu tuổi, mặt sần sùi, nhìn tôi bằng con mắt chăm chú và ráo hoảnh mà nói nhỏ:

- Cháu định nói với bác từ lâu...

- Ai đã đánh chú?

- Bọn ấy đến đây làm gì?... Còn những đứa đã đánh cháu, cái đó việc gì đến ai! Nhưng cháu, cháu nói với bác là không phải các anh em ở bên bác đâu, mà họ thì cứ muốn cho là các anh ấy. Nếu không có các anh em ở bên bác, có lẽ chúng nó giết cháu mất. Vừa lúc anh ta đi qua, các anh làm đội trưởng ấy, chúng nó liền bỏ chạy, những thằng nhãi đánh cháu...

- Nhưng là ai chứ?

- Cháu không nói đâu... Không phải là cháu ăn cắp cho cháu. Hấn ra lệnh cho cháu, buổi sáng... hấn...

- Khôvrak à?

Im lặng.

Đôrôskô úp mặt xuống gối khóc. Qua những tiếng nức nở của nó, tôi chỉ loáng thoáng nghe nó nói:

- Hấn... rồi hấn sẽ biết chuyện... Cháu tưởng... lần này là lần cuối cùng... cháu cứ tưởng...

Tôi đợi nó bình tĩnh lại và lại hỏi:

- Vậy chú không biết ai đã đánh chú à?

Nó bỗng ngồi nhồm dậy, hai tay ôm lấy đầu và lắc lư người bên nọ sang bên kia, vẻ vô cùng đau đớn. Rồi vẫn ôm đầu, nó mỉm cười qua nước mắt:

- Biết chứ, sao lại không biết? Không phải các anh em ở Gorki đâu. Anh em sẽ không làm ăn như thế.

- Vậy làm như thế nào?

- Cháu không biết, nhưng không dùng chăn... Họ không thể nào, với một cái chăn...

- Tại sao chú khóc? Chú đau à?

- Không, cháu không đau, nhưng cháu đã tưởng, lần này là lần cuối cùng... và cho rằng bác sẽ không biết...

- Không sao đâu, tôi nói. Chú cứ khỏi đi, rồi ta sẽ quên hết mọi chuyện đó.

- À, vâng... Xin bác, bác Antôn Xêmiônôvich, bác sẽ quên đi cho...

Sau cùng, nó trấn tĩnh lại được.

Tôi mở đầu cuộc điều tra của riêng tôi. Gôrôvich và Kirghizôp mới thoát đầu dang hai cánh tay ra, giận dữ. Ivan Đênitxôvich cũng cố làm ra vẻ chó dữ, xù cặp lông mày lên, nhưng mặt anh ta bấy lâu nay đã được phủ đầy không biết bao nhiêu lớp để dãi hiền lành, cho nên cái nhăn nhó kia chỉ làm tôi bật cười hỏi:

- Anh Ivan Đênitxôvich, sao anh lại làm cái bộ mặt ấy?

- Thế sao? Sao tôi lại làm cái bộ mặt ấy à? Họ giết nhau ở đây, thế thì tôi, tôi cũng phải biết chứ! Chúng nó đã giã cái thằng Đôrôskô, thì còn gì nữa, lại là chuyện trả thù cũ...

- Tôi ngờ rằng không phải chuyện trả thù cũ.

- Thế là chuyện gì?

- Có lẽ trong việc này chỉ có chuyện thù mới đẩy thôi. Nhưng này, anh có chắc là không phải tội trẻ Gorki không?

- Trời! Bác nói gì vậy? Ivan Đênitxôvich đáp, vẻ sững sốt. Chúng nó đánh làm quý gì chứ?

Vôlôkhốp nhìn tôi bằng con mắt dữ tợn:

- Ai? Chúng cháu ấy à? Đánh thằng nhãi ranh ấy à? Đứa nào trong bọn chúng cháu mà lại làm cái việc khốn nạn ấy? Nếu là thằng Khôvrak, hay thằng Tsurilô, hay thằng Kôrôtkôp chẳng hạn, à thì không phải nói, ngay lập tức, bác chỉ việc bảo một tiếng thôi! Nó đi thâu giày thì đã sao? Đêm nào chúng nó chẳng ăn cắp như thế. Còn được bao nhiêu đôi giày như vậy nữa? Có quan hệ gì đâu, một khi trại ta tới đây thì sẽ không còn gì hết nữa. Vậy thầy kệ chúng nó ăn cắp, cho chúng nó chết. Chúng cháu cũng

chẳng thêm đề ý đến. Còn chúng nó không muốn làm việc, thì cái đó lại là chuyện khác...

Tôi thấy Êkatêrina Grigôriepna và Lida đang rất hoang mang trong căn buồng trọ trụi của các chị. Ủy ban đến không rời mắt khỏi cái sân ngập đầy rác rưởi. Êkatêrina Grigôriepna thì dò xét mặt tôi hỏi bằng con mắt tuyệt vọng:

- Bác hài lòng hả? Chị hỏi.
- Hài lòng cái gì?
- Tất cả: trai, bọn trẻ, các cấp lãnh đạo?

Tôi nghĩ ngợi một lúc: tôi có hài lòng chẳng? Nhưng thực thì tôi có lý do gì không hài lòng? Tất cả những chuyện này đại khái đều hợp với điều tôi dự đoán. Tôi đáp:

- Vâng, và nói chung, tôi không thấy có gì phải kêu ca.
- Thế thì tôi, tôi kêu ca, Êkatêrina Grigôriepna nói, vâng, tôi kêu ca đấy. Tôi không thể hiểu làm sao chúng tôi cô đơn đến thế. Ở đây, là cảnh thảm họa lớn, một bi kịch khủng khiếp của loài người, thế mà ai tới thăm chúng tôi, những hạng... hạng quan liêu, đầy vẻ quan trọng, khinh bỉ chúng tôi. Trong cảnh đơn độc này, chúng tôi nhất định phải thất bại. Tôi không muốn, tôi không thể...

Lida thông thả đập nắm tay nhỏ nhắn lên bậu cửa sổ và nói với bạn. Chỉ thiếu một ly nữa là chị ta không nhin nổi khóc òa lên:

- Tôi là một nhân vật nhỏ bé, rất nhỏ bé... Tôi muốn làm việc, tôi hết lòng muốn làm việc... và không biết chúng tôi có thể lay chuyển núi... Nhưng tôi là một người... một con người, chứ không phải là một con bọ.

Chị lại quay ra cửa sổ. Tôi đóng cửa lại cẩn thận và bước ra bậc tam cấp lung lay. Ở dưới bậc có Vania Zaïtsenkô và Kôxchia Vetkôpxki. Kôxchia cười:

- Thế là, rồi sau đó chúng nó sức tuốt cả!

Vania, vẻ trịnh trọng và đầy cao cả, khoát cánh tay rộng ra phía chân trời, nói:

- Thì đã hẳn. Chúng nó nhóm lửa lên, luộc khoai và chúng nó chén. Rồi chúng nó nằm lăn ra ngủ trưa. Đội của tôi làm ở gần đấy, gieo hạt dưa hấu. Chúng tôi cười, và đội trưởng chúng nó, thằng Pêtruskô, nó cũng cười... Thế rồi... Nó bảo: khoai luộc cả vỏ, ngon lắm!

- Thế nghĩa là rút cục chúng nó đánh tuốt cả khoai! Nhưng chỗ ấy cũng có đến bốn mươi phút ấy chứ!

- Như thế đấy. Chúng đã luộc lên và sức ráo. Chúng giấu một ít trong rừng, còn thì để lại ngoài đồng. Rồi chúng nó ngủ. Rồi chúng nó cũng không đến phòng ăn. Thằng Pêtruskô bảo: đi ăn làm gì, hôm nay đã giồng khoai giống rồi mà. Có thằng Ôđariuc bảo nó rằng: mày là thằng chó! Thế là hai đứa đánh nhau. Còn anh Misa bên các anh, lúc đầu anh ấy ở đây, anh ấy bảo chúng nó cách giồng khoai, rồi sau người ta gọi anh ấy lên ủy ban.

Hôm nay Vania không đeo những tã rách lê thê của nó nữa, nó mặc quần cụt có túi, kiểu ấy chỉ có ở trại Gorki. Chắc lại chỉ là Sêlaputin hay Tôxka chia sẻ áo quần cho nó. Vania kể chuyện với Vetkôpxki, làm điệu bộ khoát cánh tay rộng rãi và giậm đôi bấp chân mảnh khảnh gọn ghẽ của nó xuống đất. Vừa nói nó vừa chớp mắt nhìn tôi. Trong đôi mắt nó nhảy múa những tia lửa đầm ấm, vẻ hài hước và trẻ con ngộ nghĩnh:

- Chú khỏi rồi à, Vania? tôi hỏi.

- Ô! Cháu khỏe mạnh, nó vuốt tay lên ngực đập. Đội cháu hôm nay ra làm với đội đặc biệt một “D”, ha, ha, “D” nghĩa là dưa hấu.^[186] Chúng cháu cùng làm với Đonit, rồi sau người ta gọi anh ấy đi, thế là chúng cháu làm tiếp không có anh ấy. Rồi bác xem dưa hấu nó mọc lên như thế nào cho mà coi. Thế

bao giờ anh em ở Gorki tới? Năm hôm nữa hả bác? À, để rồi xem các anh ấy như thế nào, thú lắm. Thú thật đây.

- Vania, chú nghĩ thế nào, ai đã đánh Đônôskô?

Vania bỗng quay mặt nghiêm nghị về phía tôi và mắt nó không rời nhìn đôi kính của tôi. Má nó nheo lại, giãn ra, rồi lại nheo lại, và sau cùng nó đảo đầu như một cái chong chóng, miết một ngón tay lên quanh vòng tai và mỉm cười:

- Cháu không biết.

Rồi nó bỏ đi, rảo bước mau, như có việc gì quan trọng đang gọi nó.

- Hãy khoan, Vania! Chú biết và chú phải nói cho tôi biết.

Vania dừng lại ở chân tường nhà thờ, nhìn tôi từ đằng xa, rồi sau một lát bối rối, nó nói tự nhiên và mạnh dạn như người lớn, dần từng tiếng:

- Cháu nói thật với bác nhé: cháu có ở trong bọn, nhưng còn những ai nữa thì cháu sẽ không nói! còn nó thì từ nay nó đừng ăn cắp nữa!

Vania và tôi, cả hai chúng tôi cùng đứng lặng trầm ngâm. Xôchia đã bỏ đi rồi. Chúng tôi nghĩ ngợi, nghĩ ngợi, rồi tôi bảo Vania:

- Đi phạt giam. Ở câu lạc bộ thiếu niên. Bảo cho Vôlôkhốp biết là chú bị phạt giam cho đến chuông đi ngủ.

Vania ngược mắt lên, lặng lẽ gật đầu ra hiệu vâng theo, và chạy lên câu lạc bộ thiếu niên.

Trên bối cảnh cả cuộc đời tôi, tôi hình dung năm ngày hôm ấy như một cái gạch đen dài. Một cái gạch, không hơn không kém. Bây giờ tôi rất khó nhớ lại một vài chi tiết về sự hoạt động của tôi ngày đó. Có lẽ, xét cho cùng, không phải là hoạt động, mà là một thứ vận động nội tâm, không chứng chỉ tiềm tàng, đó là sự nghỉ ngơi của những sức lực có kỷ luật chặt chẽ. Hình như bấy giờ tôi cật lực làm việc phân tích, giải quyết các vấn đề. Sự thực, tôi chỉ là chờ đợi các trại viên Gorki tới.

Nhưng chúng tôi cũng có làm được ít nhiều việc.

Tôi còn nhớ: chúng tôi đều đặn đúng năm giờ. Chúng tôi cũng đều đặn và nhẫn nại mà bức tức thấy Kuriajê không có một chút nào muốn theo gương chúng tôi hết. Trong thời gian đó, đội đặc biệt hầu như không ngủ: có những công việc không thể nào trì hoãn được. Sêrê đến sau tôi một hôm. Trong khoảng hai tiếng đồng hồ, anh ta đưa cặp mắt sắc bức tức đo đạc các cánh đồng, sân sừng, hồ tiêu, đất trồng, đi lại quần quật khắp đất đai, làm lì, găm nhăm tất cả mọi thứ bản thảo của loài thực vật. Tối đến, các trại viên Gorki bị cháy nắng, gầy rạc và lem luốc, bắt đầu dọn dẹp chỗ nuôi đàn lợn khổng lồ của chúng tôi.

Mọi người đào hố để đặt khung gieo giống và nhà kính ấm. Vôlôkhốp bây giờ tỏ ra là một đội trưởng và một nhà tổ chức đại tài. Hắn tìm được cách xếp đặt cho hai đội ngựa ở ngoài đồng chỉ cần đến một người điều khiển, để dùng số người còn lại đi làm việc khác.

Piôtr Ivanôvich Gôrôvich sáng ra đi, đầu đội một cái mũ Nga vành rộng, tay cầm một cái mai, kiểu xinh đặc biệt, mà anh khua lên bảo một nhóm trẻ tò mò:

- Đi xới đất đi, các cậu trai tráng!

Các cậu “trai tráng” Kuriajê quay lưng đi, ai theo công việc nấy. Giữa đường chúng bắt gặp Butzai, đen như đêm tối trong chiếc quần cụt. Chúng vẫn giữ vẻ e dè lúng túng nghe anh ta chào mời bằng những giọng thấp nhất trong âm vực:

- Tao còn phải làm việc thay chúng mày lâu nữa à, hử những quân lười khốn kiếp?

Chiều chiều có anh nào trong bọn học viên trung học của chúng tôi đến và cầm lấy một cái xẻng, thì lập tức tôi đuổi ngay họ về Khackôp: không nói chuyện đùa, bây giờ đang là khóa thi mùa xuân! Lớp học viên trường trung học công nông đầu tiên của chúng tôi năm nay thi lên các trường cao đẳng.

Tôi nhớ lại: trong năm ngày ấy đã có làm được hoặc bắt đầy làm rất nhiều công việc. Bôrôvôi đã hoàn thành nhanh như chớp những cái nhà còn dùng làm nhà xí, vừa rộng rãi vừa kín gió. Chung quanh bác ta bây giờ là cả một kíp thợ mộc đang tấp làm các việc cho những nhà kho, nhà trường, nhà ở, nhà kính lạnh và ấm. Một nhóm ba người thợ khác bới tìm lòng đất: dân ở Pôtvrki mách cho chúng tôi biết rằng ở Kuriajê có một đường ống nước từ hồi còn các thầy tu. Quả thực có một bể chứa nước lớn xây trên sân thượng gác chuông, và dưới chân tháp chúng tôi đã đào được khá dễ dàng các ống dẫn nước.

Trong hai ngày cái sân đã ngập đầy những ván dồ, vỏ bào, giấm nhà, và các đường hầm hô xẻ dọc xẻ ngang; thời kỳ xây dựng lại, theo nghĩa thực dụng của chữ đó, đã bắt đầu.

Chúng tôi không cải thiện được mấy tí những điều kiện ở sạch cho dân Kuriajê, nhưng nói cho thực thì chính chúng tôi cũng ít tắm rửa. Từ sáng tinh mơ, Sêlaputin và Xôlôviep vác thùng xuống cái suối “nhiệm mầu” ở chân đồi, nhưng trong khi chúng còn đang leo sườn núi dốc đứng, làm tung tóe cả những giọt nước quý báu, thì chúng tôi đã chạy đến nơi làm việc cả rồi, bọn trai đã ra đồng và các thùng nước nằm đó vô ích cho nước nóng dần lên giữa các bức tường nung nấu của câu lạc bộ thiếu niên. Về các khoản vệ sinh khác, tình trạng cũng kém cỏi như thế. Đội mười của Zaïtsenkô đã đánh bài liêu chạy sang phe chúng tôi, phá cả mọi kế hoạch sắp xếp, đến đóng ở phòng chúng tôi và ngủ ngay trên mặt sàn, quán chần của chúng. Tuy đội phó gồm toàn những đứa trẻ xinh xắn và ngoan ngoãn, nhưng chúng đã đem theo sang cho chúng tôi không biết mấy mươi đờn chấy rận.

Đừng về phương diện những vấn đề sự phạm thể giới thì đó không phải là một tai họa lớn lắm, nhưng chị Liđa bé nhỏ và chị Ekatêrina Grigôriepna cứ khẩn khoản yêu cầu chúng tôi nên hết sức tránh đến thăm các chị trong phòng các chị, và khi gặp trường hợp phải đến thăm thì làm thế nào càng ít dùng đến đồ đạc càng tốt, đừng đến gần các bàn, giường các đồ vật khác để bắt chấy rận. Chính các chị ấy phòng bị ra làm sao và vì đâu các chị xét nét chúng tôi gay gắt đến thế, tôi thực cũng khó nói, bởi vì các chị hầu như cả ngày không rời khỏi phòng ngủ của các trẻ nuôi, các chị đến đây để tìm hiểu cho sáng tỏ nhiều mặt sinh hoạt xã hội ở Kuriajê, theo một chương trình điều tra riêng của tổ chức Kômxiôn.

Tôi đã quyết định tổ chức lại hoàn toàn tất cả các nhà của trại và đổi thành phòng ngủ những buồng dài của lũ xá thầy tu cũ. Mà Kuriajê gọi là nhà trường. Như vậy là tôi dồn cả bốn trăm trẻ nuôi ở hết vào một nhà thôi. Dọn quang những đồ sa thải của học cụ ở đó, để giao nhà cho các thợ nề, thợ mộc, thợ sơn và thợ kính, việc đó chẳng tốn mấy công sức. Tôi chọn ngay cái nhà không có cửa mà “nhóm thứ nhất” đang ở để làm trường học. Tất nhiên việc tu sửa lại cho mới không thể nào làm được khi các ông tướng Kuriajê còn đang chui rúc ở đây.

Nhất định là chúng tôi đã hoạt động phi thường, nhưng không phải hoạt động trong khuôn khổ sự phạm. Không một xó nào của trại không có người làm việc. Cái gì cũng được sửa chữa, quét vôi, sơn lại, xát xà phòng. Chúng tôi dọn cả phòng ăn ra sân, để quét cẩn thận một lần vôi lên tượng đắp nổi của các vị thánh thần giống đực và giống cái. Nhưng không nói đến chuyện phục hồi các phòng ngủ.

Dân bản trại Kuriajê vẫn tiếp tục ở đây mà ngủ ngày, tiêu hóa và nuôi chấy rận, ở đây mà ăn cắp lẫn nhau mọi thứ, trong khi đầu óc chúng tôi không biết vận chuyển những ý nghĩ u ám gì về tôi và sự hoạt động của tôi. Tôi đã thôi đi thăm các phòng ngủ và nói chung đã hết để ý đến đời sống nội tâm của sáu cái nhóm “tập thể” bản xứ ấy. Tôi đã sắp xếp cho những quan hệ xúc tiếp giữa tôi với chúng phải theo

những giờ quy định nghiêm túc. Cứ đúng bảy giờ sáng, giữa trưa và sáu giờ chiều, các cửa phòng ăn mở ra, một chú trai của tôi kéo chuông và các trẻ nuôi Kuriajê uể oải bước đến tàu ăn. Tuy nhiên đến chậm quá thì cũng không lợi cho chúng, không những vì phòng ăn đóng cửa đúng giờ, mà còn vì những đứa đến trước ăn ngấu nghiến cả phần của chúng lẫn phần bạn. Những đứa đến chậm chửi rửa chúng tôi với nhân viên cấp dưỡng và chính quyền xô-viết, song chúng cũng không dám phản kháng kịch liệt hơn, vì đội trưởng đội tiếp tế của chúng nó vẫn là Misa Ôptsarenkô.

Không bao lâu tôi thấy thích thú một cách thâm kín và tinh quái khi nhìn thấy trở ngại mà từ nay chúng phải vượt qua đến tới phòng ăn, và ăn nó rồi lại phải từ đấy mà đi làm các việc riêng của chúng. Trên đường của chúng chỉ toàn là những giẫm nhà, hố xẻ, cửa ngổn ngang, rìu giơ cao, chậu nhào đất sét, hàng đóng xi-măng... không kể chính lương tâm của chúng nữa. Một vài dấu hiệu tỏ ra rằng những tấn bi kịch đã bắt đầu ở trong đầu óc chúng, không phải nói theo cách cợt đùa, nhưng đúng theo nghĩa Sêcxpia [\[187\]](#) của chữ ấy. Tôi tin chắc rằng vào hồi đó có nhiều trẻ nuôi Kuriajê đã thâm ngâm nga câu: “Sống hay không sống? Vấn đề là ở đây”. [\[188\]](#)

Từng tốp nhỏ một chúng dừng chân lại bên những người đang làm việc, đón hèn nhìn xem các bạn chúng rồi lững thững trở về phòng ngủ, đáng đi tội lỗi, nghĩ ngợi. Nhưng ở đó chẳng còn gì thú vị nữa, cũng chẳng còn có gì mà ăn cấp hết. Chúng lại đi thơ thẩn quanh những chỗ làm việc; vì làm gương với anh em, chúng không quyết định được kéo cờ hàng, để xin phép dù chỉ là được khuân một cái gì từ chỗ này sang chỗ nọ. Bọn trại Gorki đi lại giữa bọn chúng thẳng băng một mạch, nhanh như cắt, bay lượn nhẹ nhàng qua các trở ngại. Chúng ngây người thán phục sự khéo léo mê hồn của họ, và lại dừng chân đứng ngó như kiểu Hamlet hay Côriôlan vậy. Nhưng tình thế của chúng có lẽ còn bi thảm hơn, vì không có ai quát bảo Hamlet bằng một giọng vui vẻ:

- Mày đừng có đứng quẩn chân, còn hai giờ nữa mới đến bữa ăn cơ!

Cũng vẫn với niềm vui thú không tốt và bất chính ấy, tôi nhận thấy sự sợ hãi làm giá lạnh và ngừng đập trái tim của chúng khi nghĩ đến những trại viên Gorki. Các đội viên của đội đặc biệt thỉnh thoảng lại thốt ra những câu mà chắc chắn họ sẽ không nói nếu họ đã tốt nghiệp ở một trường cao đẳng sư phạm:

- Mày hãy đợi bọn bên chúng tao sang đây, rồi mày sẽ được biết sống ăn bám vào người khác là như thế nào...

Một vài đức, vào hạng lớn tuổi và tinh nhanh nhất trong bọn, cũng cố làm cho mọi người hoài nghi tầm quan trọng của những sự việc sắp tới, nên hỏi lại không khỏi có ý mát mẻ:

- Chà, sắp có chuyện gì mà ghê gớm đến thế nhỉ?

Đonit Kutlaty trả miếng lại ngay:

- Sắp có chuyện gì à? Có chuyện là chúng nó sẽ quàng dây cương vào cổ mày ấy, mà quàng là quàng nhé... Khiến cho đến khi lấy vợ mày còn nhớ mãi nữa kia.

Misa Ôptsarenkô thường vẫn không ưa những câu nửa vời úp mở, nói toạc móng heo hơn nữa:

- Ở đây chúng mày có bao nhiêu đứa ăn không, hai trăm tám mươi hay gì gì cũng bất chấp, là sẽ có chùng ấy cái mặt nát ra tương. À, cứ đợi đấy chúng nó khiến cho, coi chả đẹp mắt đâu!

Khôvrak cũng nghe lời diễn thuyết ấy và lẩm bầm trong mồm:

- Khiến chúng tớ! Các cậu không phải là ở trại Gorki. Đây là Khackôp nhé.

Misa coi vấn đề nêu lên quan trọng đến nỗi hấn ngừng tay làm việc và ôn tồn nói:

- Anh bạn này, anh nói cái gì, rằng ở đây không phải là trại Gorki mà là Khackôp, với những gì gì

nữa... Nhưng chú em ạ, chú nên hiểu ai là người chịu đẽ cho chú ăn bám? Chú quý hóa đến thế kia à, và chú giúp được việc gì cho ai, hờ chú em?

Misa trở lại công việc. Đồ dùng cầm lại trong tay rồi, hấn thốt ra câu hỏi sau cùng:

- Tên mày là gì?

Khôvrak giật mình ngạc nhiên:

- Cái gì?

- Mày tên là gì? Con Con-thử à? ^[189] Hay con gì? Hay con Dím chắc?

Khôvrak đỏ mặt, vừa xấu hổ vừa tức giận:

- Cái đó đẽch gì đến cậu?

- Cho tao biết tên mày, có thể mà mày cũng phiền à, hay làm sao?

- Thì là Khôvrak ...

- À! Khôvrak, phải rồi... tao đã bắt đầu quên. Tao nhớ ra, mày là một thứ người ngợm lông tóc đỏ hung vương vào cẳng chân tao, mà chả dùng mày làm cái trò gì được... Nếu như mày làm việc, thì có phải không, chú em, còn có dịp bảo mày ở chỗ này chỗ nọ: “Khôvrak, đưa cho tao cái kia. Mày làm sắp xong chưa, Khôvrak? Khôvrak, cả quấy ơi, giúp tớ một tay!”. Nhưng cứ thế này, thì tất nhiên, dễ quên lắm... Thôi nhé, đi chơi em ạ, chú xem đây, anh còn phải làm việc, phải trát cái này lại, kéo có mỗi một cái thùng dùng để mang nước nấu xúp, pha chè và rửa bát. Rồi lại còn phải nuôi ăn chú nữa. Nếu không làm vậy, thì chú chết nhăn răng ra, chú hiểu không, và chú thối inh lên, cũng tội lắm, lại phải làm một cái săng ^[190] cho chú nữa, thêm một chuyện bận lòng...

Sau cùng Khôvrak rút ra đi khỏi những lời vuốt ve ôm ấp của Misa và bước ra ngoài. Misa tiến chân nó bằng những câu mơn trớn này:

- Phải đấy, chú đi ra hóng gió một tí, cho nó mát... Như thế khỏe, tốt lắm đấy...!

Chẳng biết Khôvrak, và cùng với nó cả nhóm quý tộc của Kuriajê, có tin rằng gió mát tốt lành thực không? Nhưng mấy ngày gần đây, chúng cố ít đi lại để khỏi phô mặt ra trước mắt mọi người, song tôi cũng đã làm quen được với các cậu quý tộc ở Kuriajê. Nói chung, chúng là những thanh niên khá, ít nhất chúng cũng có cá tính, bao giờ tôi cũng ưa điều đó, vì có chỗ nắm. Trong bọn, Pêretz là đứa tôi ưa hơn cả. Đã đành nó làm bộ điệu đi rún rẩy, mũ cát-két của nó lệch xuống đến mắt, túm tóc nó trên trán nó quét lông mày, hút thuốc nó biết giữ điếu thuốc dính vào môi dưới và nó nhổ nước bọt một cách rất tài tử. Nhưng tôi đã nhận thấy rồi: bộ mặt rỡ hoa của nó nhìn tôi một cách tò mò, và cái tò mò ấy là cái tò mò của một thanh niên linh lợi thông minh.

Mới đây, tôi đã đến gần bọn chúng một buổi chiều chúng ngồi trên những tấm đá xây mộ ở cái sân mới làm cho lợn con phơi nắng, chúng vừa hút thuốc vừa nói chuyện lông bông. Tôi dừng chân trước mặt chúng, quần một điếu thuốc lá tổ sâu định bụng xin lửa. Pêretz vui vẻ thân thiện nhìn tôi và nói to:

- Bác làm việc vất vả quá, đồng chí giám đốc ạ, mà bác lại đi hút thuốc sâu kèn. Đến như bác mà chính quyền xô-viết cũng không cung cấp cho thuốc cuộn sẵn ư?

Tôi lại chĩa nó, cúi xuống bàn tay nó để châm thuốc, rồi cũng lấy giọng vui vẻ nói to, nhưng có đá một chút xiu ý ra lệnh, tôi bảo nó:

- Đây, bỏ mũ cát-két ra chứ!

Mặt nó từ vui vẻ đổi ra ngạc nhiên, trong khi miệng nó vẫn mỉm cười:

- Có chuyện gì thế?

- Bỏ mũ cát-két ra, chú không hiểu à?

- Được rồi, tôi bỏ.

Tôi hất túm tóc của nó, nhìn chăm chú nét mặt nó, thấy bắt đầu có một chút sợ hãi, và nói:

- Thế... thôi được.

Pêretz chăm chăm nhìn trộm tôi, nhưng tôi hút vài hơi hết điều thuốc “chân chó” của tôi, rồi đột ngột quay lưng lại, bỏ chúng để đi ra chỗ các bác thợ mộc.

Lúc ấy tôi cảm thấy mình tràn ngập tinh thần trách nhiệm sư phạm, trong mỗi cử động và cho đến cả trong cái ánh mờ trên mặt khóa thắt lưng của tôi: phải thu phục bọn trẻ này, phải gây một thiện cảm lôi cuốn không cưỡng nổi trong lòng chúng, và đồng thời thể nào cũng phải làm cho chúng thấm thía rằng tôi không cần tới thiện cảm của chúng, dù có vì thế mà chúng tức giận đến nguyên rửa, nghiêng răng cũng mặc.

Các thợ mộc đã làm xong công việc của họ, và Bôrôvôi cố tình bày tỏ cho tôi thấy thứ dầu lanh chín tốt có lợi hơn thứ xấu như thế nào. Tôi thích thú vấn đề mới mẻ ấy đến nỗi không để ý có người kéo tay áo tôi ở đằng sau. Tay áo tôi lại bị kéo một lần nữa. Tôi quay lại, Pêretz đứng đó.

- Cái gì thế?

- Bác ạ, bác cho biết tại sao vừa rồi bác nhìn tôi, hờ bác?

- À, chả có gì đặc biệt... Vậy thì, Bôrôvôi ạ, bác nghe không, dù thế nào cũng cứ phải làm cho được thứ dầu tốt...

Bôrôvôi thích ý nhắc lại dầu tốt phải làm như thế nào. Tôi thấy Pêretz hết sức bức bối nhìn bác, đợi bác ta nói hết. Sau cùng Bôrôvôi âm ỉ nhắc cái hòm của bác ta lên, và chúng tôi đi về phía gác chuông. Pêretz đi bên cạnh tôi, miệng cắn môi trên. Bôrôvôi ra cổng để xuống dưới làng, và tôi chấp hai tay sau lưng đứng thẳng người trước mặt Pêretz:

- Thế nào, có việc gì?

- Tại sao bác nhìn tôi, hờ bác?

- Họ chú là Pêretz phải không?

- Vâng.

- Tên là Xtêpan.

- Tại sao bác biết?

- Quê chú ở Xvecđlôpxk?

- Vâng, đúng...nhưng sao bác biết?

- Tôi biết hết. Tôi biết là chú ăn cắp và chú xử sự như một thằng đê. Chỉ có một điều là tôi chưa biết: chú là một gã thông minh hay một thằng ngu xuẩn.

- Thế sao?

- Chú vừa hỏi tôi một câu rất dốt, ban nãy, về chuyện thuốc là... ừ, ngu hoàn toàn, ngu chết cha đi! Xin lỗi chú nhé.

Mặc dầu trời đã nhá nhem tối, cũng có thể trông thấy mặt Pêretz đỏ gay, hai thái dương nặng trĩu. Người nó bỗng nóng ran lên biết chừng nào! Nó bước một bước, vẻ khó chịu, và quay lại nhìn đằng sau:

- À, được...tự nhiên thôi...không phật lòng đâu... Nhưng có cái gì mà ngu đến thế?

- Giản dị lắm. Chú biết tôi bận nhiều việc và tôi không có thì giờ ra tỉnh mua thuốc là. Chú biết thế. Tôi không có thì giờ vì chính quyền xô-viết đã giao cho tôi một việc: là xây dựng cho chú, chính chú, một cuộc sống hợp lý và sung sướng, *cho chú*, chú hiểu chưa... Hay có lẽ chú không hiểu chăng? Nến vậy, thì thôi đi ngủ.

- Tôi hiểu, Pêretz đáp bằng một giọng ngạt mũi, trong khi nó lấy mũi giày di di mặt đất.

- Chú hiểu à?

- Tôi khinh bỉ nhìn vào mắt nó, thẳng giữa tròng con ngươi. Tôi trông thấy tư tưởng và ý chí của tôi xoáy sâu vào đồng tử mắt nó. Pêretz cúi đầu.

- Chú hiểu, đồ đại lãn, vậy mà chú sửa lên chống chính quyền xô-viết. Thực là đồ xuẩn!

Tôi đi lên câu lạc bộ thiếu niên. Pêretz dang tay chặn lối tôi.

- Được rồi, đồng ý, cho rằng tôi là một thằng xuẩn đi... thế rồi sao?

- Rồi tôi nhìn cái mặt chú. Tôi muốn kiểm tra lại xem có đúng thế không.

- Thế bác đã kiểm tra lại rồi à?

- Phải.

- Bác thấy thế nào?

- Chú đi mà soi gương.

Tôi về buồng tôi, không chú ý đến những cảm tưởng của Pêretz nữa.

Các bộ mặt của Kuriajê đối với tôi trở nên quen thuộc hơn; dần dà tôi đã học được những cái gì như là những lời câm lặng. Nhiều đứa trẻ nhìn tôi với một thiện cảm không giấu giếm, trong khi trên môi chúng nở ra cái nụ cười dễ thương, vừa thẳng thắn vừa ngượng ngập, chỉ thấy có ở những đứa trẻ vô thừa nhận. Tôi biết cả tên họ nhiều đứa và tôi có thể nhận ra một vài giọng nói.

Zoren luôn luôn quanh quẩn ở bên tôi. Nó có một cái mũi hếch quá mức, và những tầng ghét thâm căn cố đế không che phủ nổi cái màu hồng tươi trên má và cặp mắt lơ dờ duyên dáng của nó. Zoren mười ba tuổi, tay luôn luôn chắp sau lưng, lúc nào nó cũng mỉm cười và im lặng. Nó là một đứa con trai kháu khỉnh, hai hàng lông mi đen cong lên. Nó thông thả mở những hàng mi đỏ, vặn nút bấm bật một thứ ánh sáng xa xôi nào ở trong cùng đôi mắt đen, từ từ đưa ngón tay lên nghịch cái mũi nhỏ xíu của nó, im lặng và mỉm cười. Tôi hỏi:

- Zoren này, chỉ nói một câu tí tẹo thôi nhé, bác hết sức tò mò muốn biết giọng nói của cháu.

Nó đỏ mặt quay đi, vẻ giận dữ, nhưng rồi nó cũng thốt ra được một tiếng gù gù trong cuống họng:

- Vâ-âng...

Zoren có một bạn thân, da cũng hồng hào như nó, trên một bộ mặt cũng tròn xinh: Michia Nitxinốp, một tâm hồn pha lê, giản dị, hiền lành. Dưới chế độ cũ, người ta cho những đứa trẻ như thế đi học nghề vá giày hay làm bồi bàn ở quán rượu. Nhìn nó, tôi nghĩ: “Michia ơi, chúng ta dạy cho con làm gì bây giờ? Dem cuộc đời con thêu lên nền xô-viết ra sao đây?”

Michia cũng đỏ mặt, cũng quay đi, nhưng không gù gù thở ra tiếng “vâng”, mà chỉ nhúu đôi lông mày đen dựng đứng và mấp máy môi thôi. Nhưng tôi quen giọng nói của nó: giọng kim trầm, tiếng nói của một người đàn bà đẹp, được nâng niu, nuông chiều, với những âm phụ đệm và những uốn éo bất ngờ của chim họa mi. Tôi thích thú nghe Michia, khi nó nói về những người ở Kuriajê:

- Cái thằng vừa chạy qua kia, bác có thấy không... Nó đi quái đâu mà chạy như thế nhỉ?... Vôlôtkà này, trông kia, trông kia, thằng Buriak đằng kia... Phải, thằng Buriak, bác không biết à? Nó uống được

ba mươi cốc sữa đầy... Vì thế cho nên nó mới bon đến [\[191\]](#) nhà bò. Lại còn cái thằng đang nhìn ở cửa sổ kia, một con chó ghẻ, ờ, chó ghẻ không chê được!... Một thằng liếm dít, bác ạ, à, nó thạo cái nghề ấy lắm, thực đấy! Cả bác nữa, chắc thế, thế nào nó cũng liếm thôi. Ồ, cháu đã biết tổng những đứa nào nịnh hót bác, cháu cam đoan với bác là cháu biết chúng nó!

- Thằng Vania Zaïtsenkô, Zoren nói. Nó quay đi, về giận dỗi và... đỏ mặt.

Michia là một đứa trẻ ngộ nghĩnh ý tứ. Nó ngo cái mũi loa kèn của Zoren đưa lên một cách bực tức, và đưa mắt nhìn tôi xin bỏ qua cho vẻ bất lịch sự của bạn nó:

- Không, nó nói, thằng Vania thì không đâu! Thằng Vania có đường lối của nó.

- Đường lối nào?

- À, đường lối nó đã theo...

Michia lấy đầu ngón chân cái vẽ cái gì trên mặt đất.

- Cháu kể chuyện đi.

- À, nào có gì mà kể chuyện? Thằng Vania, khi nó mới đến trại, nó đã lập ngay nhóm của nó, phải không, Vôlôtkà nhi? Rồi mọi người mới giã chúng nó một trận, đã hấn đi rồi, nhưng dù sao chúng nó cũng có đường lối của chúng.

Tôi rất hiểu cái triết lý sâu sắc của Nitxinôp, cái “triết lý mà các nhà triết học của ta chưa biết đến”. [\[192\]](#)

Ở đây có nhiều đứa trẻ nhỏ xinh má hồng như thế, hoặc không xinh lắm, đã không có cái may mắn tìm ra được đường lối của mình. Giữa những bộ mặt còn u tối và lảm lảm giữ miếng, tôi thấy một số đông trẻ kéo lê cuộc sống trong vết rạch của những đường lối không phải là của chúng. Đó là một chuyện thông thường ở cái thế giới cũ, người ta gọi nó là một cuộc đời lệ thuộc.

Zoren, Nitxinôp, cùng với Xôptsenkô, đầu bù xù và người nhọn như cái dùi, Vaxia Gacđinôp nghiêm chỉnh và buồn, và Xecgây Khrabrcekô âu yếm và mặt rầu rĩ, đều thơ thẩn vây quanh tôi với những nụ cười buồn bã và cặp lông mày cau cau, nhưng chúng không dám công nhiên về hấn phe tôi. Chúng thêm thường dữ dội đoàn của Vania Zaïtsenkô, mắt bần thần nhìn theo nó đang mạnh dạn bay bổng trên những con đường mới mở, và chúng... chờ đợi.

Tất cả mọi người chờ đợi. Thật là rõ ràng và tự nhiên hết sức. Chúng chờ đợi những trại viên Gorki tới, những con người thần kỳ, khó hiểu, như không có thực và thu hút chúng một cách lạ lùng. Mỗi giờ qua đi lại đưa đến gần tai họa, hay hạnh phúc, không biết chừng, cả đến ở nhóm con gái, lửa sống cũng mỗi ngày một bùng lên. Ôlia Lanôva đã thành lập đội của nó, đội sáu, đầy nghị lực. Phòng ngủ còn họ tấp nập hoạt động; họ khâu vá, rửa ráy, quét vôi, và buổi tối họ còn hát nữa. Guliaêva, bạn bù đầu lên, mỗi phút lại chạy đến đây, giấu không cho tôi trông thấy cái áo len của chị xóc xếch một bên và nhàu nát. Kutlaty thường ở đây buổi tối và công nhiên đóng vai bảo hộ văn nghệ. Tuy nhiên đội sáu không đi canh gác, sợ rằng đi như vậy thì phá vỡ những nền nếp của Kuriajê, nó sẽ báo thù bằng cách chôn vùi cả bọn họ dưới những đồ nát của nó.

Kôrôtkôp cũng chờ đợi. Nó là trụ cột của nền nếp Kuriajê, và là một chính khách đại tài. Đồ ai bới được trong hành vi xử sự của nó một hành động, một lời, một chữ, một nét nào có thể buộc tội nó điều gì. Nó chẳng có lỗi gì hơn những đứa khác: như tất cả bọn chúng, nó không đi làm việc, và chỉ có thể thôi. Cả đội đặc biệt một hấn học bực tức và căm ghét Kôrôtkôp, quả quyết tin rằng nó là kẻ thù chính của chúng tôi ở Kuriajê.

Về sau tôi được biết rằng Vôlôkhôp, Gôrkôpxki và Jorka Vonkôp đã thử giải quyết việc này bằng

một cuộc hội thương nhỏ. Họ đã triệu Kôrôtkôp tới một buổi họp mặt ban đêm ở bờ ao và đã yêu cầu nó cút đi đâu thì cút cho rảnh chuyện. Song Kôrôtkôp đã khước từ đề nghị ấy bằng câu trả lời này:

- Hiện thời tôi chả có lý do gì mà tẩu cả. Tôi cứ ở đây. Ấy thế là cuộc hội thương kết thúc. Không một lần nào Kôrôtkôp nói gì với tôi và nói chung nó không tỏ vẻ gì chú ý đến con người tôi hết thấy. Nhưng mỗi lần gặp mặt, nó rất lễ phép nhất cái mũ cát-két diện bằng vải sáng màu của nó ra và cất giọng đường mật nói to:

- Xin chào đồng chí giám đốc.

Cái mặt đẹp trai trơ trên của nó, với đôi mắt âm u có rất nhiều màu vẻ, quay về phía tôi với một vẻ lịch sự chăm chú, và như một cái cột tín hiệu, nêu lên cho tôi rõ bằng một thứ ngôn ngữ thật là minh bạch.

“Bác thấy không, đường chúng ta đi không gặp nhau, thì bác hãy theo đường bác, còn tôi, tôi có quan niệm riêng của tôi. Xin chào, đồng chí giám đốc ạ”.

Tuy nhiên hôm sau cái buổi chiều mà tôi nói chuyện với Pêretz, Kôrôtkôp gặp tôi vào giờ ăn, gần cửa sổ nhà bếp; nó ý tứ đứng lánh ra một bên trong khi tôi đang ra lệnh làm một việc, rồi đột nhiên nó hỏi tôi một cách nghiêm chỉnh:

- Thưa đồng chí giám đốc, xin đồng chí làm ơn cho biết ở trại Gorki có cũi giam không?

- Không, không làm gì có, tôi đáp lại nó, cũng không kém vẻ nghiêm chỉnh.

Nó ngó tôi như một thứ đồ vật triển lãm, bình tĩnh nói tiếp:

- Vậy mà người ta bảo rằng bác phạt giam anh em.

- Về phần chú thì chú không phải lo: phạt giam là chỉ đối với các bạn của tôi thôi, tôi trả lời không khan như vậy rồi bỏ đi luôn, không thèm để ý đến những vẻ mặt tinh ranh tế nhị của nó.

Ngày mười lăm tháng năm, tôi nhận được bức điện tín này:

“Tất cả chúng tôi đáp chuyến xe lửa tối mai Lapô”.

Tôi đọc nó lên trong bữa ăn tối và nói:

- Ngày kia chúng ta sẽ được tiếp đón anh em chúng ta. Tôi hết lòng mong mỏi các anh chị em sẽ thân yêu đón tiếp bạn, bởi vì từ nay các anh chị em sẽ sống... và làm việc chung với nhau.

Bọn con gái hoang mang do dự trong một im lặng sợ hãi, như những con chim trước cơn dông. Lũ trẻ con đủ mọi tính cách ngó nghiêng nhìn các bạn chúng; trên nhiều bộ mặt, miệng há to ra và cứ giữ nguyên như thế trong giây lát.

Ở các góc gần cửa sổ mà bàn ăn có ghé dựa chứ không phải ghé dài, Kôrôtkôp và bè lũ bỗng vui nhộn hẳn lên: chúng cười âm ỹ, ý hân đang trao đổi với nhau nhiều câu lý thú.

Buổi tối, ở đội đặc biệt, mọi người thảo luận tỉ mỉ chương trình đón tiếp các trại viên Gorki, và duyệt lại từng chi tiết nhỏ bản tuyên bố đặc biệt của chi bộ Thanh niên Kômxômôn. Kutlaty lại có dịp gãi gáy hơn bao giờ hết:

- Thực tình, nói cho đúng thì tụi trai sang đây, nghĩ thực đáng xấu hổ.

Cửa phòng thông thả mở ra và Jorka Vonkôp khó nhọc bước vào. Hắn đi tới một chiếc ghế dài, vừa đi vừa vịn vào các bàn và nhìn chúng tôi bằng một con mắt độc trọi, vì mắt kia chỉ còn nhìn qua một cái khe bất tiện giữa những cục thịt xung u thâm tím.

- Thế này là thế nào?

- Chúng nó đã giọt mình một trận, Jorka lắm bầm.

- Những đứa nào?

- Biết được đứa nào! Tụi dân quê... Mình ở ga về... đến chỗ qua đường tàu... thì bắt gặp... thế là chúng nó nện mình.

- Khoan đã! Vôlôkhôp câu nói. Chúng nó nện mày thì đã rồi!... Chúng tao trông cũng đủ thấy chúng đã làm gì mày... Việc đã xảy ra như thế nào? Chúng nó nói gì với mày, hay là sao?

- Có nói chuyện lâu lai gì đâu, Jorka vừa đáp vừa nhăn mặt xót xa. Có một thằng chỉ nói vền vền: “À hà, Kôm-xô-môn-phông?” Thế là... bịch ngay một cái vào mồm.

- Thế còn mày thì sao?

- À, thì mình cũng vậy, tất nhiên. Phải cái rằng chúng nó những bốn đứa.

- Mày đã đánh bài chuồn à?

- Thế rồi sao?

- Đòi nào, Jorka đáp.

- Thì cậu thấy đó, tớ vẫn cứ ở lại, chỗ qua đường tàu ấy.

Bọn trai phá lên cười ngặt nghẽo, như kiểu người Dapô-rô-gơ. Nhưng Vôlôkhôp có vẻ trách bị ngấm nghĩa bộ mặt sứt mẻ và tươi tỉnh của bạn.

7. SỐ BA TRĂM BẢY MƯƠI BA DƯ

Rạng đông ngày mười bảy, tôi đi đón bọn trai Gorki ở ga Lubôtin, cách Khackôp ba mươi cây số. Sân nhà ga có vẻ nghèo nàn bẩn thỉu và nóng như thiêu đốt. Những nông dân áo quần nhàu nát vì những nổi vất vả vận chuyển, đi lại uể oải, vẻ lầm lì bức bối. Công nhân hỏa xa là những người làm linh hoạt khu chuyển hàng hóa, mình tắm đầy dầu mỡ, nện giày bột trên các ván sàn kêu cọt két. Mọi thứ trong cái ngày hôm ấy đều đồng tình phản lại những gấm vóc ngày hội của tâm hồn tôi. Nhưng có lẽ cũng không phải một cái áo gấm, mà là một cái gì giản dị hơn: “mũ ba sừng và áo rơ-đanh-gốt màu xám”.

[193]

Hôm nay là ngày xuất trận lớn. Xá kè gì một gã khuôn vác khổng lồ, vô ý đụng vào tôi, không những đã không kinh hoàng vì hành động của mình mà còn chẳng buồn để ý cả đến tôi nữa. Cũng xá kè gì viên phó ga thiếu trân trọng, hơn nữa thiếu cả lễ độ, để bảo cho tôi biết số ba trăm bảy mươi ba dư hiện lúc này ở đâu. Những con vật quái lạ ấy làm ra bộ không hiểu rằng số ba trăm bảy mươi ba dư là chủ lực của tôi, là những quân đoàn quang vinh của các thống chế Kôvan và Lapô, và cả cái nhà ga Lubôtin này của họ được chỉ định dùng làm nơi xuất phát cho trận tấn công của tôi vào Kuriajê. Làm thế nào cắt nghĩa cho những con người đó hiểu được rằng món đặt cược ván bài ngày hôm nay của tôi, thực ra còn vĩ đại và quan trọng hơn một trận Aoxteclitz. [194] Mặt trời của Napôlêông khó lòng làm mờ được vinh quang của tôi hiện tại. Vì dù sao thì ông ta đánh trận cũng thuận lợi hơn tôi rất nhiều. Tôi muốn được xem Napôlêông sẽ ra sao nếu ông ta cũng bắt buộc phải theo những phương pháp giáo dục xã hội như tôi.

Đi thơ thẩn trên sân nhà ga, tôi nhìn về phía Kuriajê và nhớ lại rằng hôm nay địch có tỏ ra một vài dấu hiệu nhát gan.

Ngay khi tôi mới trở dậy, trại đã có những dấu hiệu chấn động xôn xao. Một đám đông tụ tập không có duyên cớ gì rõ rệt, dưới các cửa sổ của câu lạc bộ thiếu niên. Những trẻ nuôi khác xách thùng kêu loảng xoảng đi xuống suối “nhiệm màu”; Zoren và Nitxinôp đứng ở cổng gác chuông.

- Anh em Gorki, bao giờ họ đến? Sáng nay à, bác Michia nghiêm chỉnh hỏi.
- Sáng nay. Hôm nay các chú dậy sớm nhỉ.
- Vâng... không hiểu sao, chúng cháu không muốn ngủ... Họ đến ga Ryjôp hả bác?
- Ủ. Và các chú sẽ đón tiếp họ ở đây.
- Sắp chưa, hả bác?
- Các chú có thì giờ rửa mặt.

Zoren nắm ngay lấy đề nghị của tôi, giục:

- Đi, Michia đi.

Tôi đã dặn Gôrôvich xếp các trẻ nuôi ở Kuriajê đứng trong sân, để đón tiếp trại Gorki và làm lễ chào cờ, song đừng có dùng một cách gì ép uống chúng cả:

- Chỉ mời chúng thôi.

Sau cùng, từ trong lòng bí mật của nhà ga Lubôtin bỗng chui ra một vị phúc thần, dưới hình thù một bác gác khăng khiu, đi ra kéo chuông. Làm xong, bác ta nói lộ cho tôi biết ý nghĩa của cái động tác tượng trưng ấy:

- Số ba trăm bảy mươi ba dư đã xin đường. Hai mươi phút nữa nó sẽ tới đây.

Kế hoạch đã định bỗng trở thành phức tạp một cách bất ngờ, khiến sau đó mọi việc tiếp diễn trong một sự hỗn độn nhiệt liệt và đầy nổi vui mừng như con trẻ. Đến trước số ba trăm bảy mươi ba dư là

một chuyến xe ngoại thành từ Khackôp tới. Từ trên các toa xe ào ào đổ xuống người tôi, như một trận mưa rào mát mẻ, các đoàn viên Kôm-xô-môn, học viên trường trung học công nông. Biê-lukh-in cầm một bó hoa ở tay.

- Đây là chuẩn bị đón đội năm, như đón các bá tước phu nhân ở trên tàu xuống vậy. Đối với một kẻ lão làng như cháu thì có thể làm thế được.

Trong đám đông, Ô-xa-na tóc tết bím vàng óng, đang nói líu ríu biểu lộ tình cảm chan hòa, còn Ra-sen thì nở nụ cười hoa diềm đậm xinh tươi trong ánh nắng. Bra-tsen-kô vung nắm tay như cầm một ngọn roi quất ngựa, và nói khẳng định không biết với ai:

- Chứ lại gì! Bây giờ tớ là một dân cô-dắc tự do. Ngay hôm nay tớ cười con Hảo-hán.

Có một chú nào chạy tới kêu lên:

- Này, tàu đã đến đằng kia lâu rồi... trên đường số 10 ấy...

- Chú nói cái gì vậy?

- Trên đường số mười, thực mà lại... Nó đã vào ga từ lúc nãy!...

- Chúng tôi không có thì giờ ngạc nhiên vì sự tầm thường bất ngờ của cái tin ấy. Từ dưới gầm một toa chở hàng, trên đường số ba, bỗng xuất hiện bộ mặt láu lỉnh của Lapô, và con mắt hẩn hơi mọng ngó bọn chúng tôi một cách nhạo báng.

- Thế này thì khá thật! Karabanôp kêu lên. Biết đâu Vanka nó lại ở gầm toa nhoi ra.

Mọi người đổ xô cả về phía hẩn, nhưng hẩn lại thụt ngay vào chỗ ẩn, và từ trong đó hẩn nghiêm trang tuyên bố:

- Đề nghị lần lượt người một! Mà tôi chỉ bằng lòng cho Ô-xa-na và Ra-sen hôn thôi đấy. Còn những người khác, tôi bắt tay thôi.

Karabanôp nắm lấy một cẳng chân lôi hẩn lên mặt sân ga, gan hai bàn chân để trần của hẩn lấp loáng phơi ngửa lên trời.

- Này, quý ả, hôn người ta đi chứ! Lapô nói rồi lại nằm ẹp xuống đất, và chìa cái mỏ tàn nhang của hẩn ra.

Ô-xa-na và Ra-sen thực sự làm cho xong nghi lễ hôn, còn những người khác cúi cả xuống gầm toa.

Lapô bắt tay tôi một thôi dài, hơn hờ một cái vui giản dị và thành thực, ít khi thấy trên mặt hẩn.

- Thế nào, đi đường ra sao?

- Như đi chợ phiên vậy? Chỉ có con Hảo-hán là xấu chơi. Suốt đêm chả có lúc nào nó ngừng đá hậu. Chỉ còn lại độc có những bậu thành toa thôi. Ta có ở đây lâu không? cháu đã ra lệnh cho chúng nó sẵn sàng. Nhưng nếu phải đỗ lại, thì cũng phải rửa ráy và nói chung...

- Chú đi hỏi xem.

Lapô chạy vào nhà ga và tôi ra đoàn tàu. Đoàn có bốn mươi năm toa. Trong khung các cửa lên xuống mở rộng và ở các cửa sổ bên trên, những bộ mặt trung hậu của các trại viên Gorki vừa nhìn tôi vừa cười, kêu gọi và vẫy vẫy mũ. Trườn hẩn người đến tận thất lưng ra khỏi cái cửa sổ thứ nhất, Gut chấp chới mắt có vẻ âu yếm và lâu bầu:

- Bác Antôn Xê-miôn-ô-vich, bố ơi, có phép nào như thế được không? Không, không có phép, có phải luật lệ là như vậy không? Không, không phải là luật lệ.

- Chào chú, Gut, chú than phiền ai thế?

- Cái thằng quỷ Lapô ấy. Bác ạ, nó đã bảo: đưa nào xuống khỏi toa trước khi có lệnh thì tao vắn cổ.

Bác nắm lấy quyền chỉ huy mau đi, kéo thẳng Lapô nó làm chúng cháu chết cả bây giờ. Cứ như là thẳng Lapô có tài làm tướng ấy. Không phải thế, có phải không bác?

Lapô đã đứng ở sau lưng tôi rồi và hấn bắt chước liền giọng của Gut;

- Phải rồi, mày cứ nhảy xuống khỏi loa trước khi có lệnh thử xem! Nào, thử đi! Mày tưởng sống với tụi nhe bần chúng mày tao vui thú lắm đấy hử? Nào, xuống đi!

Gut nói tiếp với một giọng ngọt như mật:

- Cậu tưởng tớ cần xuống lắm đấy à? Tờ đứng đây dễ chịu. Tớ nói như thế, là vì nguyên tắc thôi.

- À, được lắm! Lapô nói. Thế thì mày hãy chuyển thẳng Xinenki ra đây cho tao.

Một phút sau, gương mặt bé con xinh xắn của Xinenki thò ra ở sau vai Gut. Đôi mắt tí xiu còn ngái ngủ nhấp nháy ngạc nhiên và vành cung khuôn miệng nhỏ và đỏ chót của nó căng ra.

- Bác Antôn Xêmiônôvich...

Gut cự nó;

- Chào đi chứ, thằng ngốc! Thế mày không biết phép tắc gì cả ư?

Song Xinenki ngấm tời, đỏ mặt lên rồi bối rối làm bầm:

- Bác Antôn Xêmiônôvich... Ồ, nhưng mà thế này là thế nào?... Bác Antôn Xêmiônôvich... Ồ, hay chưa kìa!

Nó đưa nắm tay bé nhỏ lên dụi mắt và quay ra giận dữ thực sự với Gut:

- Vậy mà cậu đã bảo mình: tao sẽ đánh thức mày. Cậu đã bảo thế... Ồ, thật là đồ tồi, cái cậu Gut, thế mà cũng đòi làm đội trưởng! Đó nọ, thế là mình đã tự thức dậy một mình... Đây là Kuriajê rồi à? Thật à? Ta đã đến Kuriajê!

Lapô bật cười:

- Không phải Kuriajê đâu! Đây là ga Lubôtin. Nào, tỉnh ngủ mau mau lên! Thổi kèn báo thức đi!

Trong nháy mắt, Xinenki đã tỉnh táo lại và bây giờ nghiêm chỉnh:

- Kèn báo thức, rõ!

Tỉnh ngủ hử, nó mỉm cười và âu yếm bảo tôi:

- Chào bác Antôn Xêmiônôvich. Rồi nó leo lên một tấm ván nào đó để tìm cái kèn của nó.

Hai giây đồng hồ sau, nó đi chĩa cái loa kèn ra ngoài toa xe, rồi thưởng cho tôi một nụ cười rất dễ thương nữa, đó đưa bàn tay trần lên chùi mồm và banh đôi môi ra trong một động tác có duyên không tả xiết, nó ép môi vào miệng kèn: bài kèn báo thức của chúng tôi làm chấn động cả nhà ga bằng một âm vang quen thuộc.

Các trại viên đã nhảy ở trên tàu xuống và tôi không ngớt bắt tay họ, Lapô đã ngất ngưỡng trên một nóc toa, nhăn nhó tức giận nhìn xuống chúng tôi mà nói:

- Tại sao các cậu lại đến đây? Để nói chuyện tổng tình à? Thế bao giờ các cậu mới đi rửa mặt và quét dọn các toa? Dễ thường các cậu nghĩ: mặc kệ, cứ để toa bần trở lại người ta đẩy hử? Nếu thế thì các cậu hãy nhớ: tớ không nể nang đâu. Và đem quần cụt mới ra mặc vào. Đội trưởng trực nhật đâu? Thế nào?

Taranet thò đầu ra, ở chỗ sàn máy hãm phanh liền bên. Hấn chỉ mặc độc có một chiếc quần cụt cũ nhỏ, nát nhàu, nhưng cánh tay hấn đeo một cái băng đỏ mới tinh.

- Có tôi đây.

- Chẳng có trật tự gì cả! Lapô hét. Nước ở đâu, cậu biết chứ? Ở lại đây bao lâu, cậu biết chứ? Bao giờ thì cho ăn, cậu biết chứ? Nói đi, của khỉ!

Taranet trèo lên nóc toa gặp Lapô, và vừa gấp các ngón tay vào lòng bàn tay vừa trả lời rằng tàu đổ bốn mươi phút, rằng có thể rửa mặt ở gần đài nước đằng kia, rằng Fêđôrenkô đã sửa soạn bữa sáng rồi và muốn bắt đầu ăn lúc nào cũng được.

- Các cậu nghe thấy chưa? Lapô bảo các trại viên. Vậy chứ mà các cậu còn ngẩn ngẩn ngơ ngơ mãi thế?

Những bàn chân rám nắng của các trại viên chạy lằng xằng đi trên khắp các đường của nhà ga Lubôtin. Mọi người đã quét dọn trong các toa và đội đặc biệt bốn “u” bố trí dọc theo đoàn tàu, đang hốt rác vào những thùng xách. Từ toa xe cuối cùng, Vecsonep và Ôtxatsi đi khiêng Kôvan chưa tỉnh ngủ ra, và ân cần đặt hắn ngồi trên một cái cột trụ tín hiệu.

Ông lớn còn đang giấc, Lapô đến ngồi xôm trước mặt hắn nói:

Kôvan ngã nhào xuống khỏi bệ.

- À bây giờ thì ông lớn đã dậy, Lapô nói.

- Cái thằng đồ lông, mày quấy tao vừa chứ nhé! Kôvan nói chính chệch và vừa giơ tay bít tay tôi vừa giải thích: có làm thế nào mà giữ được cái thằng này ngồi yên không đây? Suốt đêm cứ chạy nháo trên các nóc toa hay trên toa đầu máy. Không thì nó lại nằm mơ thấy lợn bị xổng. Trong chuyến đi này, thực chỉ có nó là quấy đảo tôi đến chết được. Rửa mặt ở đâu đây?

- Bọn tớ biết chỗ, Ôtxatsi nói. Kônka, chúng mình khiêng cậu ấy đi.

Chúng lôi Kôvan đi lại đài nước, trong khi Lapô nói:

- Ấy thế mà ông ấy còn chưa bằng lòng đấy,.. Nhưng mà, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, thực ra thì suốt tuần lễ này có lẽ đêm qua nó mới được ngủ đây.

Nửa giờ sau các toa xe đã sạch sẽ và các trại viên mặc quần cụt màu lam thẫm với somi trắng bong, ngồi vây quanh bữa ăn sáng. Họ lôi tôi lên toa xe của bộ tham mưu và ép tôi ăn món “mẹ sề”.

Dưới đường tàu có tiếng nói to lên:

- Lapô ơi, trưởng ga bảo rằng năm phút nữa thì đi đấy. Nghe cái giọng quen thuộc ấy, tôi nhìn ra ngoài. Đôi mắt rất đẹp của Sơnhaoxơ nghiêm chỉnh nhìn tôi, đôi mắt luôn luôn ánh lên những làn sóng u ẩn của nhiệt tình.

- A, chào Mackơ! Làm sao mà tôi đã không trông thấy chú nhỉ?

- Ban này cháu phải đứng gác cơ, nó nghiêm nghị đáp.

- Chú khỏe không? Bây giờ chú đã hài lòng về tính khí của chú chưa?

Tôi nhảy xuống toa. Mackơ đỡ tôi, và nhân dịp đó, nói nhỏ với tôi bằng một giọng rất khản trương:

- Cháu vẫn chưa thỏa mãn về tính khí của cháu, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Không thỏa mãn lắm, cháu muốn nói sự thực với bác.

- Thế nào?

- Bác ạ, anh em đi đường trường, họ hát xướng liên miên, thế thì được. Nhưng còn cháu, lúc nào cháu cũng cứ nghĩ ngợi và cháu không thể nào hát cùng với họ. Như thế thì tính khí ra làm sao?

- Chú nghĩ điều gì?

- Tại sao anh em không sợ, mà cháu lại sợ?

- Chú sợ cho chú à?

- Không phải, sao lại thế? Cháu chẳng sợ cho cháu một chút nào hết, nhưng cháu sợ cho bác và cho tất cả mọi người, cháu sợ nói chung. Họ đang có một cuộc sống đẹp đẽ, thế mà bây giờ chắc chắn sẽ có những ngày không tốt đẹp, và rồi biết đâu chuyện sẽ kết thúc ra sao?

- Họ đi chiến đấu. Được đi chiến đấu để giành lấy một cuộc sống tốt đẹp hơn, đó là một hạnh phúc lớn, Mackơ ạ!

- Thì cháu cũng nói với bác như thế: họ sung sướng, cho nên họ hát. Còn cháu, tại sao cháu không hát được, mà chỉ có biết suy nghĩ thôi?

Ngay ở phía trên tai tôi, Xinenki lạnh lạnh thổi kèn báo hiệu tập hợp.

“Hiệu lệnh tấn công”, tôi nghĩ thầm và tôi băng mình cùng mọi người chạy về phía đoàn tàu. Trong khi leo lên toa xe, tôi nhìn thấy Mackơ, chân đi đất giậm những bước dài, cũng chạy đến toa của mình một cách nhẹ nhàng hết sức. Và tôi tự bảo: ngày hôm nay chú thanh niên đó sẽ được biết thế nào là chiến thắng hay chiến bại. Rồi chú sẽ trở thành một người bôn-sê-vich.

Xe lửa huyết còi. Lapô quát tháo một chú lên xe chậm. Đoàn tàu chuyển mình.

Bốn mươi phút sau, nó từ từ vào ga Ryjôp và đỗ lại trên đường số ba. Ekatêrina Grigôriepna, Lida bé nhỏ và Guliaêva đã ở sân ga, mặt ai nấy run rẩy vì mừng rỡ.

Kôvan đến tìm tôi:

- Chẳng lẽ ta ngồi xuống chờ đợi? Ta dỡ đồ xuống xe chứ?

Hắn chạy tới phòng trưởng ga, và được biết rằng phải đưa đoàn tàu sang đường số một mới dỡ đồ xuống được, nhưng không có toa máy đẩy. Đầu máy tàu đã đi Khackôp rồi và bây giờ phải đợi một toa máy ở đâu đến mới xong. Vì chưa bao giờ có những đoàn xe như thế này tới Ryjôp, cho nên nhà ga không có toa máy.

Thoạt đầu chúng tôi còn bình tĩnh tiếp nhận cái tin đó, nhưng nửa giờ qua, rồi một giờ, chúng tôi chờ đợi hoài chung quanh những toa xe đã phát chán. Lại thêm nỗi con Hảo-hán cũng khiến chúng tôi lo ngại, vì mặt trời càng lên cao nó càng hục hặc dữ trong toa của nó. Trong ban đêm nó đã đá vỡ tan cả thành toa và bây giờ còn lại chút gì thì nó phá nốt. Đã thấy có những viên chức đội mũ cái-két lảng vảng chung quanh toa nó, ghi chép tính toán trên những quyển sổ tay nhòe mờ của họ. Ông trưởng ga thì cứ chạy lòng lên giữa các đường ray, như ở trường đua ngựa, và bắt bọn trai không được ra khỏi toa và không được đi chơi trên các tuyến xe, ở đây luôn luôn có những chuyến tàu hành khách, tàu chở hàng và tàu ngoại ô luôn luôn xuôi ngược.

- Nhưng đến bao giờ thì đầu máy tới? Taranet khẩn thiết hỏi ông.

- Tôi cũng chẳng biết gì hơn chú! Ông ta đáp, phát cáu lên không hiểu vì sao. Có lẽ ngày mai.

- Ngày mai? Ồ. Nếu thế thì tôi biết hơn nhiều...

- Hơn cái gì? Hơn cái gì?

- Tôi biết hơn ông nhiều.

- Chú biết hơn tôi nhiều là thế nào?

- Là thế này: nếu không có đầu máy thì chính chúng tôi sẽ lai đoàn tàu sang đường số một.

Ông trưởng ga vung tay về phía hắn một cái rồi bỏ chạy. Taranet bèn bảo tôi:

- Ta sẽ lai đoàn tàu, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, rồi bác xem. Các toa xe, dù là chở đồ nặng, chuyển cũng dễ thôi. Thế mà mỗi toa chúng ta có ba người. Ta hãy đi nói chuyện với ông trưởng ga.

- Thôi đi, Taranet, đừng bàn chuyện bậy!

Và Karabanôp dang hai cánh tay ra:

- Bây giờ ông ấy lại bày ra chuyện lai đoàn tàu! Nhưng phải đưa nó đến tận cột tín hiệu, mà đi qua tất cả những chỗ bẻ ghi.

Song Taranet cứ nài nỉ và có nhiều đứa trong bọn trẻ ủng hộ nó. Lapô đề nghị:

- Thảo luận làm gì? Chỉ có việc nổi hiệu kèn “công tác” ngay lập tức, rồi thử xem. Nếu cho thì tốt. Nếu không ăn thua, thì cóc cần, ngủ lại đêm trên tàu.

- Thế còn ông trưởng ga? Taranet hỏi, mắt đã lấp lánh sáng lên.

- Ông trưởng ga! Lapô đáp. Ông ấy có hai cánh tay với một cái lỗ miệng. Cứ để cho ông ấy khua tay ra hiệu và hét lác. Như thế vui hơn.

- Không, tôi nói. Không nên. Nhỡ có một chuyến tàu đã xô đến ở một chỗ bẻ ghi, thì thật là các chú làm việc hay đáo để!

- Ô, nhưng cái đó thì chúng cháu biết! Phải ra hiệu đóng đường lại chứ!

- Thôi đi, các chú!

Nhưng bọn chúng xúm lại tấn công tôi. Những đứa đứng ở phía sau leo lên các sàn máy hãm phanh và các nóc toa, và từ những chỗ ấy chúng đồng thanh van nài tôi. Chúng chỉ yêu cầu tôi có một điều: cho chúng xê dịch đoàn tàu đi hai thước.

- Chỉ hai thước thôi, rồi xi-tốp! Phiền gì ai? Chả động trệ gì đến ai hết! Chỉ có hai thước, rồi sau đó tự bác sẽ quyết định.

Tất nhiên, tôi nhượng bộ. Xinenki lại một lần nữa nổi hiệu kèn “công tác” và các trại viên, đã từ lâu nghiên cứu đầu vào đầu các chi tiết của việc làm, ai nấy đứng vào chỗ chỉ định ở bên các bậc thành toa. Bọn thiếu nữ nói líu ríu ở một chỗ nào đấy phía đằng trước. Lapô bước lên sân ga và khua khua cái mũ chòm của hắn.

- Khoan đã! Khoan đã! Taranet kêu lên. Tớ đi kéo ông trưởng ga đến ngay tức khắc, kéo ông ta cứ đòi biết nhiều hơn tớ.

Ông trưởng ga chạy té tát xuất hiện trên sân ga và giơ hai tay lên trời:

- Các chú làm cái gì thế? Các chú làm cái gì thế?

- Hai thước, Taranet nói.

Không có đòi nào, không có đòi nào! Sao lại được phép làm như thế?

- Người ta xê dịch nó đi hai thước! Kôvan kêu lên. Ông không hiểu, hay là thế nào?

Ông trưởng ga chằm chằm nhìn Lapô bằng một cái nhìn ngây ngốc và quên cả hạ hai cánh tay xuống. Bọn trai cười bên các toa xe. Lapô lại thẳng cánh tay giơ mũ chòm của hắn lên; tất cả mọi người cúi mình trên các bậc thành toa, cong người đập chân để trần lên mặt đất, và, cắn môi, nhìn Lapô. Lapô khua mũ chòm; bắt chước động tác của hắn, ông trưởng ga lắc đầu và há mồm ra. Một người nào kêu lên:

- Đẩy đi!

Trong một lát tôi tưởng chừng như không có gì xảy ra hết thảy: đoàn tàu vẫn nguyên tại chỗ, nhưng nhìn xuống các bánh xe, tôi bỗng thấy chúng quay, và lập tức sau đó tôi thấy đoàn tàu chuyển động. Nhưng sau một tiếng hô của Lapô, bọn trai ngừng lại. Ông trưởng ga quay lại phía tôi, lau trán hói của ông và mỉm cười, cái mỉm cười hiền lành và móm mém của ông già:

- Thôi được... thế thì cứ làm đi, tốt lắm! Nhưng các chú đừng có để chết ai đấy nhé.

Ông lắc đầu và bồng phá lên cười:

- Chà, những cửa ranh quái, khá thật đấy chứ, nhỉ... Thôi thế đẩy đi...
- Nhưng còn tín hiệu?
- Cứ yên trí.
- Hô-ô-này! Taranet kêu to và Lapô lại giơ mũ lên.

Nửa phút sau đoàn tàu chuyển mình lặn về phía cột tín hiệu, như có một đầu máy xe lửa mạnh đẩy đi. Hình như bọn trai chỉ có việc đi bên cạnh toa xe, vừa đi vừa bám vào các bậc thành toa. Khó khăn lắm mới đặt được vài chú giữ chân hãm phanh, để ngừng đoàn tàu lại ở chỗ đó.

Từ chỗ đầu ghi ra khỏi đường, phải đưa đoàn tàu sang đường số hai tới mãi đầu kia nhà ga, và từ đấy đẩy lùi nó ngược trở lại sân ga. Trong khi nó đi dọc sân, và giữa lúc tôi đang thở đầy lồng ngực cái không khí có chất muối của gió chuẩn bị chiến đấu, bỗng có người gọi tôi từ trong sân:

- Đồng chí Makarenkô!

Tôi quay lại và trông thấy bà Brêgen, có Khalabudă và nữ đồng chí Zôia đi theo. Mặc chiếc áo dài màu xám rộng, đứng trên sân ga, bà Brêgen trông vô cùng đường bệ, khiến tôi liên tưởng tới pho tượng của Catorin Vĩ đại.^[195]

Cũng vẫn với cái vẻ đường bệ ấy, bà oai nghiêm hỏi tôi từ trên bệ cao của bà:

- Đồng chí Makarenkô, các trẻ nuôi của đồng chí đấy à?

Tôi ngẩng lên nhìn bà bằng một con mắt tội phạm, nhưng đúng lúc đó lại giáng xuống đầu tôi câu truyền phán sau đây, thật là xứng với bà Xêmiramit phương Bắc:^[196]

- Cứ mỗi cái căng chân bị gãy là đồng chí phải chịu lấy tất cả trách nhiệm.

Trong giọng nói của bà có vô vàn gang thép, thậm chí bất cứ một vị nữ hoàng chuyên chế nào cũng đến phải thềm ghen với bà. Để cho thật giống với Catorin Vĩ đại, bàn tay bà chĩa ngón tay trở về phía một chiếc bánh xe của đoàn tàu chúng tôi.

Tôi đã toan trả lời rằng bọn trẻ rất cẩn thận và tôi hi vọng mọi chuyện sẽ tốt lành, nhưng nữ đồng chí Zôia lại làm trở ngại cái ý muốn chân thành phục tùng của tôi. Bà ta chạy lon ton ra đến tận rìa sân và nói léo xéo hết sức nhanh, vừa nói vừa lắc lư cái đầu to tướng của bà làm nhip:

- Người ta chỉ là nói nhảm, chỉ là nói nhảm, khi người ta bảo rằng đồng chí Makarenkô yêu các trẻ nuôi của đồng chí ấy lắm... Phải chỉ cho mọi người thấy đồng chí ấy yêu chúng như thế nào mới được.

Tôi cảm thấy như có một cái khối gì đưa lên chẹn lấy cả họng tôi. Nhưng đồng thời tôi lại tưởng chừng như tôi trả lời bà ta với rất nhiều lễ độ và từ tốn:

- Ô, đồng chí Zôia ạ, người ta đã lừa gạt đồng chí một cách vô sỉ đấy. Tôi là một con người chai đá đến nỗi bao giờ tôi cũng ưa lương tri hơn cái tình yêu nồng cháy nhất.

Nữ đồng chí Zôia sắp sửa từ trên sân ga nhảy xổ vào tôi và như thế thì có lẽ sẽ chấm dứt ngay lập tức bài ca phản sư phạm của tôi. – Nếu như Khalabudă đã không nói lên một cách giản dị, theo kiểu người công nhân:

- Những cửa quái, chúng nó đẩy tàu mới giỏi chứ! Còn chị, chị Brêgen béo ơi, chỉ trông kia, trông kia... Còn mày, cái con heo con này!..

Khalabudă đã đi bên cạnh Vaxia Alecxêiep, đưa bé mồ côi của năm cha ba mẹ. Bác ta nói chuyện với nó vài câu, và chúng tôi chưa có thì giờ nguôi cơn giận thì đã thấy bác cũng để cánh tay vào một chỗ tựa nào đó của toa xe và cũng đấy. Tôi liếc nhìn mau vể cao cả hóa đá của pho tượng Catorin,

bước qua cái vũng mắt đắng lênh láng chảy từ người nữ đồng chí Zôia^[197] và cũng vội vã về phía các toa xe.

Hai mươi phút sau, con Hảo-hán được đưa ra khỏi gian nhà tù đã bị phá hoại đến một nửa, và Antôn Bratsenkô phóng như bay về Kuriajê, để lại phía sau hân một làn cát bụi và bày chó ở Ryjôp đang điên cuồng sửa lên lồng lộn.

Đề đội đặc biệt lại cho Ôtxatsi chỉ huy, chúng tôi mau chóng tập thành đội ngũ trên cái sân nhỏ trước nhà ga Brêgen và Zoia bước lên ô-tô và tôi còn được cái thích thú làm cho hai người tức xanh mặt đi, khi mà kèn nổi lên và trống nhịp theo bài chào cờ của trại, lá cờ cuộn trong bọc lụa nhẹ nhàng đi qua những hàng ngũ trang nghiêm của chúng tôi để đến đứng ở vị trí. Tôi cũng đi đến chỗ của tôi. Theo hiệu lệnh của Kôvan, và giữa đám trẻ con của địa phương vây chung quanh, đoàn trẻ nuôi của Gorki chuyển mình tiến về phía Kuriajê. Xe của Brêgen đi vượt lên đến chỗ tôi và Brêgen bảo:

- Ông lên xe!

Tôi nhún vai, vẻ ngạc nhiên, và đưa tay để lên trái tim.^[198]

Trời nóng và bốn bề yên tĩnh. Đường đi vào các cánh đồng cỏ và qua một chiếc cầu nhỏ bắc trên một con sông bé, hẹp và hẻo lánh. Chúng tôi đi hàng sáu: bốn kèn vì tám trống đi đầu, rồi đến tôi với đội trưởng trực nhật, Taranet, và đằng sau là đội cờ. Cờ vẫn cuộn trong bọc, và từ trên đầu nhọn sáng chói của nó rũ xuống những quả tua vàng đung đưa trên đầu Lapô. Sau lưng Lapô là đoàn trại viên mặc áo sơ-mi trắng sạch trong sạch bóng, những bắp chân để trần bước đều nhịp trẻ trung hùng dũng, ở giữa đoàn xen vào bốn hàng thiếu nữ mặc váy màu lam.

Một lần bước ra khỏi hàng một phút, tôi bỗng trông thấy những gương mặt các trại viên đều căng lên, rần rai. Mặc dầu chúng tôi đi giữa đồng cỏ vắng vẻ, chúng vẫn giữ hàng ngũ rất thẳng và nếu thỉnh thoảng có vấp phải những mô đất, chúng lại vội vã sắp lại nhịp bước chân. Người ta chỉ nghe thấy những tiếng trống đồ hồi vọng tới những bức tường Kuriajê thành một âm vang đanh và gọn. Trong ngày hôm nay tiếng trống của chúng không ru ngủ, mà cũng không san bằng những suy nghĩ của chúng tôi. Trái lại, chúng tôi càng đi tới gần Kuriajê bao nhiêu, tiếng trống lại càng có vẻ cương quyết và thôi thúc thêm bấy nhiêu, và ai nấy đều muốn để cho không những bước chân mình mà cả đến từng cảm xúc của trái tim mình cũng phục tùng cái kỷ luật nghiêm khắc của nó.

Đoàn chúng tôi đi vào thôn Pôtvorki. Dân trong thôn đứng sau các hàng giậu cây và các khuôn cửa nhỏ. Những con chó lớn hung dữ nhảy lên chồm chồm ở đầu dây buộc chúng, đó là con cháu những con chó có thời canh giữ các kho tàng của tu viện ngày xưa. Trong cái làng này, cả đến người ngoài chứ không phải chỉ riêng gì chó, đều đã lớn lên trên những đồng cỏ màu mỡ của lịch sử tu viện. Họ đã sinh ra đời, đã được nuôi dưỡng và dạy dỗ do tác dụng của những đồng năm hay ba kôpec, bòn rút của nhân dân để làm các lễ cứu linh hồn, cầu chữa bệnh, mua nước mắt của Đức mẹ Lòng lành, hay lông cánh của thượng đẳng thiên sứ Gabriel. Ở Pôtvorki còn sống sót cả một bầy đoàn người có quan hệ với thánh thần: nguyên giáo sĩ và tu sĩ, giáo đồ mới quy y, mã phu và dân ăn bám, đầu bếp, người làm vườn và gái đi của nhà tu.

Cho nên, khi đi qua thôn, tôi cảm thấy gay gắt những cái nhìn và những lời xì xào ác cảm của các nhóm người ẩn sau các hàng giậu; tôi đoán đúng được những tư tưởng, những lời nói và những câu chúc tụng tốt đẹp của họ đối với chúng tôi.

Ở đây, trên các đường phố thôn Pôtvorki, tôi chợt hiểu như trong một rạch ánh sáng đột ngột cái ý nghĩa lịch sử lớn lao của cuộc hành quân chúng tôi, mặc dầu nó chỉ là một trong những hiện tượng rất nhỏ bé của thời đại chúng ta. Hình ảnh của trại Gorki ở trong tâm trí tôi bỗng trút bỏ những hình thái

vật thể và những màu sắc sù phạm phù hoa. Những khúc uốn lượn của con sông Kôlômak, những toà nhà trang trọng của lão Trepkơ, hai trăm khóm hoa hồng, những chuồng lợn xây bằng bê-tông rỗng, chẳng còn cái gì của những thứ đó tồn tại nữa. Các vấn đề sù phạm tình vi cũng đã khô héo đi và tiêu tán mất ở dọc đường. Chỉ còn lại có những con người thuần túy, đào tạo do một kinh nghiệm mới và giữ một vị trí nhân đạo mới trên những cánh đồng của trái đất. Và tôi chợt hiểu rằng trại chúng tôi trong lúc này đây hiện đang hoàn thành một sứ mệnh, nó dù nhỏ bé song cũng không vì thế mà không có một ý nghĩa chính trị rất cao và chân chính xã hội chủ nghĩa.

Diễn hành trong các đường phố thôn Pôtvorki, chúng tôi khác nào đi qua một nước cừu địch, ở đây đang tụ tập lại, giãy giụa lên với một sức sống tàn dư, cả một đồng những con người cũ kỹ, những quyền lợi cũ kỹ, những sự sắp xếp cũ kỹ giống hệt những mạng bầy nhện tham tàn. Và giữa khoảng những bức tường của tu viện đã xuất hiện trước mặt chúng tôi, là cả một đồng những ý nghĩ và thành kiến mà tôi kinh tởm: cái chủ nghĩa duy tâm ngớ ngẩn và sù bọ dãi của con người trí thức, một hình thức chủ nghĩa phàm tục và vô tài, một tình cảm xúc sứt mướt của đàn bà đa cảm và sự ngu dốt bàn giấy đến kinh người. Tôi hình dung khoảng không gian đồ sộ mà cái ổ rác vô biên ấy bao phủ: chúng tôi đã đi xuyên qua nó không biết bao nhiêu nghìn cây số, không biết bao nhiêu năm trời rồi, vậy mà ở trước mặt, ở bên phải, ở bên trái, nó vẫn còn cứ thôi hoắc, nó bao vây chúng tôi tứ phía. Vì thế cho nên cái đoàn nhỏ nhoi của trại Gorki có vẻ bị hạn chế vô cùng trong khoảng không và bây giờ thì chẳng còn lại một chút bảo đảm vật chất gì nữa: liên lạc không, cơ sở không, thân thuộc không: trại Trepkơ rời bỏ vĩnh viễn, Kuriajê chưa chinh phục được.

Các hàng đội trống bắt đầu đi lên dốc: cổng ngõ tu viện đã ở trước mặt chúng tôi. Vania Zaïtsenkô, mặc quần cụt nhỏ, ở trong đó chạy ra, ngừng lại một giây, đứng sững sờ, rồi lại băng mình như một mũi tên, lao xuống dốc về phía chúng tôi. Tôi bỗng hóa sợ: lại có chuyện gì xảy ra chẳng. Nhưng Vania ngừng phát lại trước mặt tôi và khóc van xin, một ngón tay đặt trên má:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, cháu đi với bác nhé, cháu không muốn đợi ở trong ấy.

- Chú lại đây.

Vania sắp hàng với tôi, cẩn thận bắt theo nhịp bước. Rồi nó nhận thấy cái nhìn chăm chú của tôi, lau một giọt nước mắt, và nhiệt tình mỉm cười với một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

Còn những tiếng trống vang ầm, đội trống đi hút vào trong vòm cổng, dưới gác chuông. Đám quần chúng vô tận của các trẻ nuôi Kuriajê đã đứng sắp thành vài hàng; phía trước chúng, Gôrôvich đứng nghiêm bất động và giơ cánh tay chào.

8. ĐIỀU GÔPAK

Trận tuyến Gorki và bày Kuriajê hợp mặt đối mặt đứng cách nhau độ bảy tám thước. Những hàng ngũ vội vã do Piôtr Ivanôvich Gôrôvich lập nên tất nhiên không mấy chốc đã rối loạn. Đoàn chúng tôi vừa dừng lại một cái, chúng đã tan đi ngay và kéo dài ra trên một khoảng lớn, từ cổng đến nhà thờ, uốn cong vào ở hai cánh, nghiêm trọng đe dọa bao phủ hai bên sườn và bủa vây chúng tôi hoàn toàn là khác nữa.

Bọn Kuriajê cũng như những đội ngũ Gorki đều im lặng: tội thứ nhất vì có phần kinh ngạc, còn anh em sau vì kỷ luật trong hàng ngũ và đứng trước cờ. Từ trước tới nay, dân Kuriajê chỉ mới được nhìn thấy các trại viên Gorki qua các đội viên đội đặc biệt tiên phong, lúc nào cũng mặc áo quần công tác, người khá bơ phờ mệt mỏi, mình mẩy đầy bụi bặm và không tắm rửa. Bây giờ chúng trông thấy trước mặt chúng những đội ngũ chỉnh tề nghiêm túc, các bộ mặt chăm chú và bình tĩnh, những vòng khóa thắt lưng sáng loáng và những quần ngắn gọn ghẽ trên hàng thẳng tắp những bắp chân để trần.

Với một nỗ lực khẩn trương mà sức người không sao đạt tới, trong khoảnh khắc những phân số cực nhỏ của một giây đồng hồ, tôi chỉ muốn thu tóm lấy và ghi khắc được trong trí nhớ một vài nét nổi bật trên vẻ mặt của đám quần chúng Kuriajê lúc ấy. Nhưng tôi không làm nổi việc đó. Đây không còn phải là cái đám quần chúng đơn điệu và ngây ngốc mà tôi thấy hôm đầu tiên đến Kuriajê nữa. Mắt tôi lướt từ nhóm này qua nhóm nọ, bắt gặp được những nét mặt luôn luôn mới mẻ và thường còn là hoàn toàn bất ngờ nữa. Rất ít có những đứa mà vẻ nhìn biểu lộ một sự thờ ơ bình tĩnh và trung lập. Số đông bọn trẻ nhỏ nô nức phấn khởi, cũng hết như khi chúng ngắm nghía một cái đồ chơi chúng muốn cầm lấy trong tay, mà nó không hề gây nên sự ghen tức và cũng không kích động lòng tự ái của chúng. Nitxinôp và Zoren, tay quàng ngang lưng nhau và đầu ngã trên vai nhau, có lẽ đang vừa ngắm các trại viên Gorki vừa mơ tưởng đến cái thời mà chúng cũng sẽ đứng trong hàng ngũ mê hồn kia, và tội trẻ “tự do” cũng sẽ nhìn chúng như chúng hiện đang nhìn lúc này đây. Nhiều bộ mặt có cái vẻ chăm chú và nghiêm nghị bất ngờ, khi các bắp thịt bị kích thích nhú lại, chèn ép nhau tại chỗ, còn mắt thì vội vã tìm một nơi nào để liếc nhìn. Về linh hoạt sôi nổi chạy qua những bộ mặt đó: chỉ trong khoảng vài phần mười của một giây đồng hồ, dù là biểu lộ ý tán thành, thích thú, hoài nghi hoặc ghen tức, chúng cũng đã kể rõ một cái gì đấy về phần bản thân chúng. Ngược lại, trên những vẻ mặt đã chuẩn bị từ trước thì ý mỉa mai và sự khinh bỉ nhạo báng phải mất nhiều thì giờ mới tan đi được. Từ lúc nghe thấy tiếng trống của chúng tôi ở rất xa vọng tới, những đứa ấy đã thọc hai tay vào túi, cong người đi trong những tư thế hạ cổ uể oải. Nhiều đứa trong bọn cảm thấy bối rối ngay lập tức vì những tấm thân và bắp tay hùng vĩ của Fêđôrenkô, Kôrytô, Nêtsitailô đứng ở hàng đầu đại đội Gorki; trước mắt họ, hình thù của bản thân chúng xem ra có phần mỏng manh. Những đứa khác thì mãi hồi lâu sau mới kinh hoàng, khi mà sự tình đã trở nên quá hiển nhiên rằng không có thể nào đụng chạm tới con người bé nhỏ nhất trong số một trăm hai mươi người này mà không tự trừng phạt cho được. Mà con người bé nhỏ nhất ấy, Vanka Xinenki, thì đang đứng ở phía trước, cái kèn đặt trên đầu gối, và đôi mắt nhìn nãy lửa với một vẻ tự do như thể chú không phải là một chú bé con, mới hôm qua còn là vô thừa nhận, nhưng là một vị hoàng tử đi chu du mà ở sau lưng chú, đứng nghiêm bất động trong một thái độ kính cẩn đợi chờ, là đoàn tùy tùng hộ giá tuyệt mỹ mà đức vua cha đã ban cho chú.

Sự quan sát lặng lẽ ấy chỉ lâu có vài giây đồng hồ.

Tôi có bốn phận phải từ bỏ ngay quãng bảy thước ngăn cách hai phe nọ và chấm dứt cái tình trạng đôi bên đối mặt nhìn nhau.

- Các đồng chí! Tôi nói, kể từ giờ phút này, số bốn trăm người hết thảy chúng ta đây, chỉ còn hình thành một tập thể duy nhất mang tên là Trại lao động Gorki mà thôi. Mỗi người trong anh chị em phải

luôn luôn nhớ: mỗi người trong anh chị em phải biết rằng mình là một trại viên Gorki. Và phải coi bất cứ ai trong trại Gorki là người đồng chí gần gũi nhất và người bạn thân thiết nhất của mình, phải kính trọng bạn, bảo vệ bạn và giúp đỡ bạn về mọi mặt, nếu bạn cần giúp đỡ, và sửa chữa bạn nếu bạn phạm một sai lầm. Kỷ luật của chúng ta rất chặt chẽ. Chúng ta cần có kỷ luật bởi vì công việc của chúng ta khó khăn và chúng ta có nhiều việc phải làm. Chúng ta sẽ không làm được tốt những việc đó, nếu ở trại ta không có kỷ luật.

Rồi tôi nói đến những nhiệm vụ trao cho chúng tôi, đến sự cần thiết phải làm cho trại giàu có lên, phải học tập, phải vạch đường đi, cho chính chúng tôi và cho những trại viên Gorki tương lai nữa. Tôi nói rằng chúng tôi phải sống lương thiện, làm người vô sản thực sự, để đến khi rời khỏi trại thì là những thanh niên Kômxômôn chân chính sau này sẽ tiếp tục xây dựng và củng cố Nhà nước vô sản.

Tôi lấy làm ngạc nhiên thấy các trẻ nuôi ở Kuriajê chăm chú đến những lời nói của tôi một cách bất ngờ. Các bạn Gorki của chúng, trái lại, nghe có phần lơ đãng, phần là vì họ không thấy có gì mới mẻ hết: tất cả những điều đó đã được ghi khắc sâu vào từng phần nhỏ nhất của óc họ từ lâu rồi.

Nhưng tại sao cũng những đứa trẻ ở Kuriajê ấy, hai tuần lễ trước đây, đã làm ngơ trước những lời hô hào của tôi, còn nhiệt tình và thuyết phục hơn bây giờ nhiều? Khoa học sư phạm là một khoa học khó khăn thay! Có thể nào cho rằng chúng lắng nghe tôi duy chỉ vì, sắp hàng ở sau lưng tôi, tôi có đoàn quân Gorki, hay là vì ít phía sườn bên phải đoàn quân ấy có ngọn cờ của trại, đứng yên vị, trang nghiêm, trong vỏ bọc xa tanh của nó? Không có lẽ nào, vì điều đó trái ngược với tất cả những lý luận và định lý của khoa sư phạm.

Kết thúc lời huấn thị của tôi, tôi báo tin rằng trong nửa giờ nữa sẽ họp toàn trại Gorki; các trại viên phải lợi dụng cái nửa giờ ấy để làm quen, bắt tay nhau và cùng nhau đi đến cuộc họp. Và bây giờ thì, theo lệ thường, nên đem cất cờ đi...

- Giải tán!

Tôi những chờ đợi các trại viên Gorki đi tới bắt tay các trại viên Kuriajê, nhưng sự thực lại không như vậy. Họ băng đi khỏi các hàng như một vốc đạn ghém bắn tung ra và ba chân bốn cẳng chạy tuốt lên các phòng ngủ, các câu lạc bộ và các xưởng. Không phật ý vì sự bất lịch sự ấy, những đứa kia chạy bỏ đi theo gót họ, chỉ trừ có Kôrôtkôp vẫn ở lại giữa bọn những đứa thân của nó; chúng nói chuyện nho nhỏ với nhau. Brêgen và nữ đồng chí Zôia ngồi trên những tấm mộ chí ở bên tường nhà thờ. Tôi đến gần hai người.

- Bọn trẻ của ông ăn mặc khá xinh đấy, Brêgen nói

- Họ đã chuẩn bị các phòng ngủ cho chúng nó chưa? Nữ đồng chí Zôia hỏi.

- Chúng tôi tạm thời sẽ không cần đến phòng ngủ, tôi đáp, và một cảnh tượng mới lại khiến hai người chăm chú lưu ý tới ngay.

Đàn lợn của chúng tôi, vây quanh là các trại viên của đội Xtupitxyn, thông thả và nặng nề đi vào qua cổng tu viện. Nó đi làm ba tốp: dẫn đầu là các lợn mẹ, ở giữa lợn con và sau cùng lợn bố. Vôlôkhôp với ban tham mưu của hắn tiếp đón chúng với những nụ cười hớn hở, trong khi Kutlaty đã thân thiện gãi gãi vào phía sau tai con lợn yêu quý nhất của trại, con Tsembolin,^[199] lợn đực con năm tháng, gọi tên như thế để kỷ niệm bức tối hậu thư nổi tiếng của nhà chính khách đó.

Đàn lợn đi về phía các chuồng đã bố trí cho chúng, và chúng tôi thấy Xtupitxyn, Sêrê và Khalabuđa bước vào, cả ba người đang nói chuyện sôi nổi. Khalabuđa vừa nói vừa khua khua một bàn tay, còn tay kia thì ôm vào ngực con lợn con bé nhất và hồng hào nhất của chúng tôi:

- Chà, những con lợn của họ mới khá chứ! Khalabuđa vừa nói vừa tới nhập vào bọn chúng tôi. Nếu

những người của họ cũng được như lợn, thì nhất định là sẽ ra trò, tôi cam đoan như vậy.

Brêgen đứng lên khỏi tấm mộ chí và nghiêm khắc nói:

- Nhưng xem chừng có vẻ là đồng chí Makarenkô chủ yếu quan tâm đến người chứ?
- Tôi ngờ lắm, Zôia nói. Lợn thì có chỗ ở sẵn, còn bọn trẻ... chúng sẽ tự liệu lấy...

Brêgen bỗng thích thú cái luận đề độc đáo ấy:

- Ủ, điều nhận xét của Zôia đúng. Chúng tôi rất muốn biết đồng chí Makarenkô nghĩ về chuyện đó thế nào, và tôi nói đây là không phải nói nhà nuôi lợn Makarenkô, nhưng nhà sư phạm Makarenkô kia.

Tôi rất bức mình vì những ý cừu địch không úp mở của những lời nói ấy, nhưng ngày hôm đó tôi không muốn cũng dùng cái giọng thô bạo tận từ ấy mà đáp lại.

- Xin cho phép cả hai con người ấy kết hợp trả lời, tạm nói như thế, có được không?
- Xin ông cứ nói.
- Bà xem, ở đây các trại viên là những người chủ, và lợn thì là những thứ trẻ nuôi.
- Thế còn ông thì sao? Brêgen vừa hỏi vừa nhìn đi chỗ khác.
- Nếu bà đồng ý, tôi ở về phía những người chủ thì phải hơn.
- Nhưng ông có chỗ ngủ không?
- Tôi cũng không cần đến chỗ ngủ.

Brêgen lắc đôi vai, vẻ bức tức, lạnh lùng bảo nữ đồng chí Zôia:

- Ta chấm dứt câu chuyện này thôi. Đồng chí Makarenkô ưa những tình thế căng.

Khalabuda cười phá lên:

- Thì như thế có gì là hại? Anh ta đúng đấy, hà, tình thế căng với lại chẳng căng! Anh ta cần gì đến những tình thế dịu!

Tôi không thể nhìn được mỉm cười, làm cho Zôia lại đả tôi ngay tức khắc:

- Phải nuôi bọn trẻ theo kiểu nuôi lợn, thì tôi không hiểu đó là một tình thế căng hay là dịu.

Nữ đồng chí Zôia mở những động cơ thịnh nộ lôi đình và đôi mắt lồi của đồng chí xoáy tròn ốc khoan thủng con người tôi với cái tốc độ hai vạn vòng quay trong một giây. Thậm chí tôi phát hoảng. Nhưng đúng phút ấy, Xinenki chạy tới với cái kèn của nó; mặt đỏ bừng bừng, nó kích động nói líu ríu với một tốc độ đại khái cũng ngang như vậy:

- Ở đằng ấy... Lapô bảo... nhưng Kôvan lại bảo: đợi đã. Thế rồi Lapô cúi lên và bảo: mày cứ làm như tao bảo, vâng... thế rồi anh ấy lại bảo: nếu mày cứ đứng đấy mà nhìn rón... và anh em cũng... Ô, các phòng ngủ, phải biết! Ôi trời ơi là trời! Anh em bảo: không thể chịu được, nhưng Kôvan bảo phải hỏi ý kiến bác...

- Bác hiểu anh em nói cái gì và Kôvan nói gì, nhưng bác chẳng hiểu mảy may cháu muốn hỏi gì bác.

Xinenki bối rối:

- Cháu chả muốn gì hết... Nhưng ở đằng ấy Lapô bảo...
- Bảo thế nào?

- Nhưng Kôvan lại bảo: phải hỏi ý kiến...

- Lapô bảo cái gì mới được chứ? Điều đó quan trọng lắm đấy, đồng chí Xinenki ạ.

Câu hỏi của tôi làm cho nó thích thú quá, đến nỗi nó nghe không rõ:

- Sao cơ ạ?
- Lapô đã bảo gì?
- À vâng... anh ấy bảo: mày thôi kèn tập hợp đi.
- À, đó là điều đáng lẽ phải nói ngay từ đầu.
- Thì đúng là điều cháu đã nói với bác...

Nữ đồng chí Zôia đưa hai ngón tay ra cặp vào đôi má đỏ hồng hào của Xinenki và làm cho đôi môi của nó bất thành hình một nút tét nhỏ bằng dải lụa hồng.

- Thằng bé dễ thương quá!

Xinenki khó chịu giằng ra khỏi những bàn tay ve vuốt của Zôia, đưa tay áo lên chùi môi và lườm ngang bà ta:

- Thằng bé... rõ hay chưa! Thế ngộ tôi cũng làm thế thì sao?... Tôi chẳng phải là một thằng bé tí nào... tôi là một trại viên, có thể thôi...

Hai tay của Khalabudă nhắc bổng cả Xinenki với cái kèn của nó lên như một chiếc lông chim.

- Nói giỏi, chà, nói giỏi lắm, nhưng dù sao thì cháu cũng cứ là một con heo con.

Xinenki vui lòng nhận vai trò đề nghị cho nó và không phản đối cách gọi ấy. Zôia cũng không bỏ qua điều đó:

- Hình như được gọi là heo con thì là một vinh dự tối cao cho chúng nó vậy.
- Thôi đi chị! Khalabudă nói, có vẻ không bằng lòng, và ông đặt lại Xinenki xuống đất.

Một cuộc tranh cãi kịch liệt xem chừng sắp bùng nổ ra thì chợt xuất hiện Kôvan, và theo sau hắn là Lapô.

Kôvan, vẻ lúng túng như một người nông dân trước mặt những cấp trên, nháy mắt ở sau lưng Brêgen để ra hiệu mời tôi ra nói chuyện riêng, Lapô thì không e ngại gì các vị thủ trưởng cả.

- Bác ạ, cái thằng Kôvan này nó cứ tưởng là cháu chuẩn bị sẵn cho nó một cái giường lông chim kia đấy. Nhưng mà cháu, thì cháu nghĩ là không nên trì hoãn gì hết. Cứ họp ngay lập tức, rồi ta đọc bản tuyên ngôn của ta cho chúng nó nghe.

Kôvan đỏ mặt vì cần phải nói trước mặt các cấp trên, mà các cấp trên ấy lại là “những mục già”, những người mà trong thâm tâm hắn xưa nay vẫn coi là một thứ uy tín hạng nhì, song hắn cũng nhất quyết trình bày quan điểm của hắn:

- Làm như là tao cần đến những lông chim của mày lắm ấy, mày đừng có nói bậy bạ đi! Chỉ có điều chúng ta liệu có nên ép buộc chúng phải phục tùng bản tuyên ngôn của ta hay không? Và mày sẽ làm thế nào mà ép buộc chúng? Nên tóm lấy cổ chúng hay là thoi vào ngực chúng?

Kôvan thận trọng liếc nhìn Brêgen, song nguy cơ thực sự lại từ nơi khác tới:

- Thế nào nhỉ, “thoi vào ngực” chúng à? Nữ đồng chí Zôia hoảng hốt hỏi.
- À không, đó chỉ là nói thế thôi, Kôvan đáp, mặt càng đỏ lên dữ dội. Vả lại đối với chúng nó, tôi chẳng bỏ tốn hơi! Mai tôi lên ủy ban tỉnh, và xin cứ tống ngay tôi trở về làng...
- Ừ, nhưng mà anh đã nói là các anh sẽ “ép buộc” họ. Anh nói như thế là nghĩa thế nào?

Sự bức tức bỗng làm cho Kôvan mất cả lòng tôn kính đối với cấp trên và lại còn lôi hắn đi ngược chiều hắn nữa:

- Ôi giào!... rõ khi! Người ta đến đây để làm việc hay là để nói lô lô như những mục gác cổng... Mẹ

kiếp...

Hắn chạy băng đi như một mũi tên về phía câu lạc bộ và đôi giày bụi bặm của hắn cày văng trên mặt đất Kuriajê những mảnh vụn của bờ hè gạch xây từ hồi các thầy tu. Lapô dang hai cánh tay trước mặt Zôia:

- Tôi đây, tôi có thể cắt nghĩa cho bà nghe, thế nào là ép buộc chúng. Ép buộc chúng, có nghĩa... thì đây, có nghĩa là ép buộc chúng, chứ còn gì nữa!

- Chị thấy không, chị thấy không? Nữ đồng chí Zôia vừa nói vừa nhảy lên như chơi chơi trước mặt Brêgen. Đây nhé, bây giờ thì chị bảo thế nào?

- Xinenki, thôi kèn tập hợp, tôi ra lệnh.

Xinenki giằng lấy cái kèn ở tay Khalabudă, chĩa nó về phía cây thập tự của nhà thờ và xé bầu không khí bằng một hồi kèn gọi rành mạch, giật từng cơn, hăng hái và thôi thúc. Nữ đồng chí Zôia đưa tay lên bịt tai:

- Trời ơi, nào là kèn!... Nào là đội trưởng!... Một cái trại lính!...

- Có hề gì đâu, Lapô nói. Bà đã hiểu đó là chuyện gì rồi kia mà.

- Dùng chuông tốt hơn nhiều, Brêgen nhẹ nhàng góp ý.

- Ô, bà bảo sao cơ, chuông à? Chuông thì quỳnh lăm. Lúc nào nó cũng kêu đều một điệu, còn đằng này thì là một hiệu lệnh hợp lý; tập hợp. Rồi lại còn “hợp đội trưởng”. Kêu đi ngủ và kêu báo động. Hà! Nếu Vanka mà thôi kèn báo động thì đến một người chết cũng phải nhảy chồm đi chữa cháy và cả đến bà nữa, bà cũng chạy cho mà xem.

Từ các nhà nhỏ, các xưởng trống và từ phần phía sau các tường của tu viện, xuất hiện từng nhóm trại viên đi tới câu lạc bộ. Những đứa nhỏ thường hay chạy, nhưng có nhiều ấn tượng ngẫu nhiên kìm hãm ngay đà chân chúng lại. Trẻ nuôi của Gorki và của Kuriajê đã trà trộn lẫn nhau và trò chuyện xem ra có vẻ thân thiện đáng mừng. Tuy nhiên số đông các trẻ nuôi Kuriajê vẫn còn đi riêng bọn với nhau.

Trong gian phòng trống trơn và mát mẻ của câu lạc bộ, quần chúng mỗi lúc một đông thêm, song những áo sơ-mi trắng của Gorki nổi bật lên ở gần các bậc đi lên điện thờ. Tôi để ý thấy rằng sự bố trí đó đã được làm theo lối chỉ dẫn của Taranet, hắn đã tập trung lực lượng của hắn, đề phòng mọi sự có thể xảy ra.

Số người ít ỏi của đội quân đột kích của chúng tôi nổi bật rành rành: năm chục người trong số bốn trăm có mặt. Những đội hai, ba và mười đang bận sắp đặt chuông cho các sinh súc và hai chục trại viên còn ở lại ga Ryjôp với Ôtxatsi, ấy là không kể các bọc viên trung học. Ngoài ra, cũng không tính đến số các nữ sinh của chúng tôi. Các bạn Kuriajê của họ đã dành cho họ một cuộc đón tiếp hết sức thân ái, hầu cảm động, kèm theo những cái hôn và những lời than vãn, và xếp chỗ cho họ trong cái phòng ngủ mà Ôlia Lanôva đã không hoài công thu dọn với bao nhiêu ân cần nồng nhiệt. Trước khi khai mạc cuộc họp. Jorka Vônkôp thăm thì hỏi tôi:

- Thế nào, cứ làm thẳng cánh chứ bác?

- Chú cứ làm thẳng cánh, tôi đáp.

Jorka, sau khi trèo lên sàn bậc điện điện thờ, chuẩn bị đọc cái mà chúng tôi gọi đùa là bản tuyên ngôn của chúng tôi. Đó là một nghị quyết công chức Kôm-xô-môn trại Gorki, trong đó Jorka, Vônkôp, Kutlaty, Jêvêli và Gorkôpxki đã bỏ vào không biết bao nhiêu kho tàng sáng kiến, trí tuệ, khí phách lớn của người Nga và sự chính xác rất chí lý, thêm vào đấy một liều lượng vừa phải chất hạt tiêu Gorki, tinh thần hữu hòa lẫn với sự xẵng bỏ âu yếm cần phải có giữa anh em đồng chí.

Bản “tuyên ngôn” cho đến lúc ấy vẫn được coi là một văn kiện bí mật, mặc dầu có rất nhiều người đã tham gia thảo luận nó: nó đã được bàn đi bàn lại nhiều lần trong phiên họp của ban chấp hành ở Kuriajê, và trong khi tôi trở về Gorki nó cũng được xét duyệt lại một lần nữa với sự có mặt của Kôvan và các đoàn viên Kôm-xô-môn tích cực. Jorka nói vài câu khai mào:

- Các đồng chí trại viên, chúng tôi sẽ nói chuyện thẳng thắn: khi một nỗi là không biết bắt đầu nói cái gì đây? Nhưng tôi sẽ đọc cho các anh nghe bản nghị quyết của Chi đoàn Kôm-xô-môn rồi các anh sẽ thấy ngay là nên bắt đầu từ cái gì và mọi sự sẽ tiến hành theo như thế nào. Hiện bây giờ các anh không làm việc, ở đây chẳng có tổ chức Kôm-xô-môn với thiếu niên thiếu niên gì cả, chó chết thế, các anh sống trong ghét bẩn, và rút cục thì các anh là cái giống gì? Người ta có thể nhận xét các anh về mặt nào? Nói thẳng ra, thì là về mặt này: các anh là một căn cứ tiếp tế cho rệp, rận, chấy, gián, bọ chét và mọi thứ dòi bọ khác.

- Thế là lỗi của chúng tôi đấy hử! có đứa nào kêu lên.

- Chứ lại gì, đúng, đó là lỗi của các anh, cố nhiên, Jorka trả lời ngay lập tức. Các anh có lỗi, lỗi dề dề ra đấy còn gì nữa. Các anh có quyền gì trở thành những kẻ đại lãn, những kẻ quấy nhiễu, những tên tiểu yêu: chẳng có quyền gì cả! Các anh không được phép như vậy, có thể thôi! Chỗ các anh ở mới bẩn thỉu làm sao chứ! Có ai được phép sống trong đồng rác rưởi như thế không? Tuần lễ nào chúng tôi cũng tắm cho lợn của chúng tôi bằng xà phòng, các anh phải nhìn thấy cái đó mới được. Các anh nghĩ có lẽ có một con lợn không muốn tắm và nói: “các anh cút đi cho rảnh với xà phòng của các anh” đấy chẳng ‘? Không có đâu, nó cúi chào và nói cảm ơn. Thế mà ở trại các anh, đã hai tháng nay không có xà phòng...

- Là vì người ta đã không cho xà phòng, có đứa nói to lên trong đám đông bằng một giọng tức giận cay chua.

Khuôn mặt tròn của Jorka, chưa mất những vết xám xanh của cuộc gặp gỡ đêm qua với kẻ thù giai cấp bỗng cau lại vẻ dài thượt ra;

- Thế ai phải cho các anh xà phòng? Ở đây các anh là chủ. Các anh phải tính toán lấy, cần có cái gì và làm thế nào chứ.

- Ở bên các anh thì ai là chủ, có lẽ là bác Makarenkô chắc? Một thằng lên tiếng hỏi rồi lẩn mất ngay trong đám đông.

Mọi cái đều quay cả về chỗ phải ra câu hỏi, nhưng ở đây cũng chỉ nhìn thấy những vòng người chuyển động như vậy thôi, với vài bộ mặt ở giữa đang cười đắc ý, Jorka rộng miệng mỉm cười:

- Đó mới thật là ngu như con lừa! Bác Antôn Makarenkô được tin nhiệm của chúng tôi, bởi vì các bác là người của chúng tôi và chúng tôi cũng làm việc với nhau. Và cái thằng nào trong bọn các anh hỏi câu ấy quả là xuẩn ngốc vô cùng. Nhưng hẳn chớ có ngại, những hạng ngu đàn như hẳn thì người ta sẽ giáo dục chúng, chẳng có rồi những của như vậy, các bạn ạ, chúng cứ nhòm nhòm ngó ngó tứ phía. Ông chủ của tôi đâu ấy nhỉ?

Những tiếng cười phá lên trong câu lạc bộ; Jorka đã bắt chước rất tài diệu bộ cái thằng ngu ngốc mặt mày nhớn nhác đang đi tìm chủ.

Jorka nói tiếp:

- Ở nước các xô-viết, người làm chủ là vô sản và công thần. Nhưng các anh, thì các anh đã sống ở đây và được nhà nước nuôi cho ăn, rồi ỉa ngay ra đấy, chẳng có ý thức chính trị gì hơn đầu óc một con gà giò hết.

Tôi bắt đầu e ngại: những mũi dùi châm chọc của Jorka có là quá trớn chẳng, giá nói nhẹ nhàng tử tế

hơn một chút thì tốt. Đúng lúc ấy, cũng vẫn cái tiếng nói chưa biết là của đứa nào kia lại kêu lên:

- Để rồi xem các cậu ị ra làm sao.

Một làn sóng những tiếng cười nén nhịn và ác ý, những nụ cười hề hả và đồng tình chạy khắp gian phòng.

- Cậu sẽ có thể xem tự do. Jorka đáp, vẻ nghiêm chỉnh và nhã nhặn. Tôi lại còn có thể đặt một cái ghế bành gần những chỗ ấy cho cậu chỉ có việc ngồi mà nhìn thôi. Và như thế sẽ rất có ích cho cậu, bởi vì nếu không thì ngay đến đi ra sân làm việc ấy cậu cũng không biết nữa kia. Đó chỉ là một kỹ thuật nhỏ thôi, nhưng vẫn cứ là một điều mà người nào cũng cần phải biết.

Tụi Kuriajê mặc dầu xấu hổ cũng không thể nhịn được cười và chúng ngồi tựa vào nhau, đung đưa người khoái chí. Bọn con gái kêu lên khe khẽ, ngoảnh mặt về phía lò sưởi, và bất bình vì những lời nói của diễn giả. Duy chỉ có bọn trai Gorki là tế nhị kìm hãm sự vui thích của họ, trong khi kiêu hãnh nhìn Jorka.

Những đứa kia thôi cười và những cái nhìn của chúng chăm chú vào Jorka trở nên nồng nhiệt hơn và thông cảm hơn, chẳng khác nào trên thực tế chúng đang nghe hẳn trình bày một kế hoạch hoàn toàn hữu ích và có thể chấp nhận được.

Có một kế hoạch là điều rất quan trọng trong đời sống của một con người. Ngay đến con người chất phác bé nhỏ nhất, nếu như đáng lẽ chỉ được nhìn ở trước mặt toàn những khoảng đất trống đơn giản với các đồi, khe, đầm lầy và gò đồng, mà lại được thấy dù chỉ là một viễn cảnh bình thường nhất, những con đường nho nhỏ và đường cái với những khúc quanh, những chiếc cầu nho nhỏ, những trạm nghỉ chân và những cột chỉ dẫn, thì ngay đến con người đó cũng bắt đầu tự tổ chức từng chặng nhỏ, y nhìn về phía trước một cách vui vẻ hơn, và cả đến thiên nhiên đối với y cũng hình như có trật tự hơn: bên đây là phía tay trái, bên kia phía tay phải, chỗ này gần đường cái và chỗ nọ thì xa hơn.

Chúng tôi đếm kể một cách có ý thức đến tầm quan trọng lớn của bất cứ một viễn cảnh nào, dù là những viễn cảnh mà trong đó không có lấy một chiếc bánh ngọt thơm hay một gam đường nhỏ nào hết. Chính là theo tinh thần đó mà bản tuyên ngôn của chi đoàn Kômxômôn đã được viết nên, và sau cùng Jorka bắt đầu đọc nó lên trước hội nghị:

“Nghị quyết ngày 15 tháng 5 năm 1926 của chi đoàn Thanh niên Cộng sản trại Gorki:

1. Tất cả những đội của các trại viên cũ ở Gorki và các trại viên mới ở Kuriajê đều giải tán và nay thành lập hai mươi đội mới thành phần như sau... (Jorka đọc bảng phân phối các trại viên cho từng đội, và đọc tên các đội trưởng trên một danh sách riêng).

2. Đồng chí Lapô vẫn là thư ký của hội đồng đội trưởng. Donit Kutlaty và Alecxây Vonkôp được lưu nhiệm tại chức vụ cũ: Kutlaty làm chủ nhiệm tổng vụ và Vonkôp làm thủ kho.

3. Qui định cho hội đồng đội trưởng phải thi hành ngay mọi biện pháp chỉ rõ trong nghị quyết này và giao lại trại, sau khi đã được hoàn toàn chỉnh đốn, cho các đại biểu của ủy ban Nhân dân Giáo dục và Ban chấp hành Khu, vào ngày hội mùa, ngày đó sẽ được tổ chức theo đúng phép.

4. Phải tiến hành ngay tức khắc, nghĩa là trước buổi tối ngày 17 tháng năm, thu thập hết thảy các quần áo ngoài, áo trong, ga giường, chăn, đệm, khăn mặt, v.v... hiện có trong tay các trẻ nuôi của trại Kuriajê trước đây – như vậy có nghĩa không phải chỉ kể những thứ của Nhà nước mà là kể cả những thứ thuộc quyền sở hữu riêng của mỗi người – để ngay hôm nay đem đi tẩy uế và sửa chữa lại.

5. Sẽ phát cho tất cả các trẻ nuôi và trại viên những quần cụt và áo nịt, do các nữ sinh may ở trại cũ. Những quần áo khác sẽ được cấp cho họ trong một tuần lễ, đánh đổi những quần áo đưa đi

giặt.

6. Tất cả các trẻ nuôi, trừ các nữ sinh, đều phải húi tóc, sau đó sẽ trao ngay cho mỗi người một cái mũ chòm bằng nhung.

7 Tất cả các trẻ nuôi ngày hôm nay đều phải tắm, tùy tiện ở nơi nào có thể, để nhà giặt dành cho nữ sinh dùng.

8. Qui định cho tất cả các đội không được ngủ trong các phòng ngủ, mà ngủ ngoài sân, dưới các bụi cây, nói cách khác là ở khắp nơi nào có thể, tùy ý đội trưởng chọn, chừng nào công việc sửa chữa và sắp đặt các phòng ngủ chưa được làm xong ở nhà trường cũ.

9. Các đệm, chăn và gối, do các trại viên Gorki cũ đem tới, sẽ dùng làm đồ nằm, và các thứ cấp cho mỗi đội đó sẽ chia cho các đội viên, không được tranh luận bàn cãi, dù số lượng đủ dùng hay không đủ dùng.

10. Yêu cầu ai nấy không được nêu lên một yêu sách hay lời kêu ca gì về sự thiếu đồ nằm, nhưng phải tìm ra cách hợp lý giải quyết những khó khăn.

11. Các trại viên sẽ ăn làm hai tốp, từng đội một, và cấm không được đi lang thang từ đội nọ sang đội kia.

12. Ai nấy đều phải hết sức coi trọng vấn đề sạch sẽ.

13. Các trại viên đến ngày mùng một tháng tám mới bắt đầu làm việc ở xưởng, trừ xưởng may, và từ nay đến đó thì sẽ làm những công việc sau đây:

Phá bỏ tường bao vây tu viện, gạch dỡ ra dùng để xây một cái chuồng cho ba trăm con lợn.

Sơn các cửa sổ, cửa ra vào, tay vịn cầu thang và các giường trong khắp trại.

Công tác ở đồng ruộng và ở vườn rau.

Sửa chữa tất cả đồ đạc.

Tu sửa chung sân trại và các dốc của ngọn đồi ở tứ phía, kẻ lối đi, sắp đặt các bồn hoa và một nhà kính ươm.

Sẽ may cho tất cả các trại viên hai bộ quần áo tốt: ngoài ra sẽ mua cho họ một đôi giày đi mùa rét; mùa hè, đi đất.

Nạo vét ao và các chỗ tắm.

Lập một vườn cây quả trên dốc đồi phía Nam.

Chuẩn bị các máy tiện, nguyên vật liệu và dụng cụ để bắt đầu làm việc ở xưởng kể từ tháng tám”.

Mặc dầu vẻ mộc mạc bề ngoài của nó, bản tuyên ngôn của chúng tôi đã gây cho tất cả mọi người một ấn tượng rất mạnh. Ngay đến chúng tôi, những người thảo ra nó, cũng phải kinh ngạc vì sự rành mạch rạch ròi và những đòi hỏi dứt khoát của nó. Ngoài ra, còn một điểm mà sau đó các trẻ nuôi ở Kuriajê đã nhận ra, là nó tỏ cho mọi người thấy rằng sự bất động của chúng tôi trước khi các trại viên Gorki tới đã ẩn giấu những quyết định vững chắc và một sự chuẩn bị ngấm ngầm không lúc nào rời mắt khỏi những điều thực tế.

Những đội mới đã được các anh em Kôm-xô-môn thành lập nên một cách khéo tuyệt. Cái thiên tài của Jorka, Gorkôpxki và Jêvêli đã khiến họ cân nhắc liều lượng những người ở Kuriajê cho vào các đội với một độ chính xác của nhà bào chế, lưu ý đến những quan hệ bạn thân và những vực cấm thù, đến những tính cách, xu hướng, những thiện cảm và ác cảm. Đội đặc biệt tiên phong thực đã chẳng uống

công mò mẫm ở các phòng ngủ trong hai tuần lễ.

Cũng vẫn sự quan tâm có ý thức ấy đã chỉ đạo việc phân phối các trại viên Gorki: khỏe và yếu, cương quyết và nhu nhược, nghiêm ngặt và vui vẻ, những trai đáng mặt và những anh chàng vầy-vậy, ai nấy đều được xếp đặt đúng chỗ do sự nhìn nhận toàn diện về mọi mặt.

Ngay đối với nhiều người của trại Gorki, những đường nét quả quyết của bản tuyên ngôn cũng là một điều mới mẻ; còn bọn Kuriajê thì nghe Jorka đọc nó thấy đều choáng váng. Lúc đó còn thấy có những đứa thâm thì hỏi đứa bên cạnh về một chữ nào đấy nghe không rõ, hoặc sừng sốt đứng kiễng chân nhòm ngó vòng quanh; đến chỗ mạnh nhất, có đứa còn kêu lên: “Ái chà!” là khác nữa, nhưng khi Jorka đọc xong thì cả phòng đều yên tĩnh, cái yên tĩnh chỉ bị gợn vì những câu hỏi nhỏ, rút rút, hầu không thành hình và câm lặng: Làm gì đây! Trốn đi đâu? Phục tùng, phản đối, làm xáo lộn? Vỗ tay, cười hay nguyên rủa?

Jorka khiêm tốn cuộn lại một tờ giấy nhỏ. Lapô đưa mắt nhìn khắp quần chúng bằng một cái nhìn châm biếm qua cặp mi mỏng của hắn, và ngáp lên một cái tỉnh quái:

- Tớ thì tớ chả thích cái chuyện này. Tớ là một trại viên Gorki cũ, tớ có giường, có đệm, có chăn của tớ. Thế mà bây giờ tớ lại phải đi nằm dưới một bụi cây. Mà cái bụi cây ấy ở chỗ nào chứ? Kutlaty ơi, cậu là đội trưởng của tớ, vậy cậu hãy bảo cho tớ biết cái bụi cây của tớ nó ở đâu?

- Mình đã chọn trước rồi, cố ý chọn riêng cho cậu đấy.

- Thế ở trên cây ít nhất cũng có cái gì mọc ra chứ? Có lẽ anh đào chẳng, hay là táo hử? Và nếu lại có một con họa mi nữa thì thú nhỉ? Có chim họa mi không, hử Kutlaty?

- Bây giờ thì chưa có, nhưng có chim sẻ.

- Chim sẻ à? Tớ nói riêng, tớ chả lấy gì làm ưng những cái của nợ ấy. Chúng hót mềng [\[200\]](#) lắm và chúng lại bần nữa. Ít nhất thì cậu cũng cho mình một con bạch yến.

- Được, cho cậu một con bạch yến, Kutlaty vừa đáp vừa cười.

- Thế rồi lại còn... Lapô nhìn chung quanh với một vẻ đau khổ. Đội của ta, là đội ba... cậu cho xem danh sách nào... À, đội ba... Bọn Gorki cũ thì có: một, hai, ba... tám. Vị chi là tám cái chăn, tám cái gối và tám cái đệm cả thảy cho hai mươi hai đứa. Tớ chả thích thế tí nào. Có những ai ở trong đội? À được, có Xtecni. Cái cậu Xtecni ấy đâu hử? Giơ tay lên cậu. Nào, cậu lại đây! Lại đây, lại đây, cậu đừng sợ!

Một thằng bé thò lò mũi, kể từ thời vạ cổ đến giờ [\[201\]](#) chưa biết xà phòng với tông-đơ là cái gì, đầu tóc hoàn toàn cháy nắng, mặt thì rám đen với ghét đã từ lâu kết thành một chất hỗn hợp hết sức phức tạp và đã có những đường nứt nẻ, bước lên trên bục điện thờ. Xtecni có vẻ xấu hổ đưa những bàn chân đen thui của nó trèo lên các bậc, rồi vụng về giương to đôi mắt tròn và ngây ngốc ra nhìn quần chúng với cái mồm răng bàn cước trắng lôm lổ.

- Thế nào, vậy ra mình phải chia sẻ chăn với cậu à? Này cho tớ biết, đêm ngủ cậu có hay đá hậu lắm không đấy?

Nước bọt sùi lên mép Xtecni, nó muốn đưa năm tay đen bần lên quệt môi, nhưng chợt xấu hổ, nó lại lau vào một vạt cái áo sơ-mi đã nát bươm của nó.

- Không... [\[202\]](#)

- Được, này thế đồng chí Xtecni ơi, ngộ nhỡ trời mưa thì chúng mình làm thế nào?

- Thì chỉ có việc chuồn thôi, hi, hi...

- Đi đâu?

Xtecni nghĩ một tí rồi nói:

- Nào biết được?

Lapô ngoảnh lại phía Đonit, vẻ mặt lo âu:

- Đonit ơi, mưa thì chờ uôn-chuôn huyền đi đâu?

Đonit bị gọi tiến lên và nhìn cử tọa bằng con mắt nhăm nháy ranh mãnh của người nông dân Ukren:

- Tôi không biết về vấn đề này các đội trưởng khác nghĩ thế nào và, trong bản tuyên ngôn, nói cho đúng thì có một thiếu sót ở chỗ ấy. Nhưng riêng tôi, thì tôi bảo thế này: trong trường hợp trời mưa hay có chuyện gì khác, đội ba chẳng có gì mà phải sợ. Sông ở ngay gần đây, tôi đưa đội ra sông. Nói cho đúng thì nếu ta xuống sông, mưa chẳng làm phiền gì cả, và nếu ta lại lặn xuống nữa, thì sẽ chẳng có một giọt mưa nào đọng tới ta hết. Có gì là ghê gớm đâu và lại còn tốt cho sức khỏe là khác nữa.

Đonit nhìn Lapô bằng một cái nhìn ngây thơ rồi lùi ra đứng riêng một chỗ. Lapô đột nhiên nổi giận, quát bảo Xtecni, nó đang bàng hoàng nửa thức nửa ngủ mà ngắm nhìn những sự việc lớn:

- Mày có nghe thấy không đấy?

- Có, tôi có nghe, thằng kia vui vẻ đáp.

- Được, thế thì nghe tao bảo, con nỡm ọ, mày với tao sẽ ngủ chung, đắp chăn của tao. Nhưng mà trước hết tao hẵng đem mày ra sông mà vò, rồi húi cho kỳ trụi lông lá trên cái sọ dừa của mày cái đã. Hiểu chưa?

- Hiểu rồi, Xtecni tươi cười đáp.

Lapô lột bỏ cái mặt nạ khờ khạo ra và tiến đến thành các bậc;

- Như vậy đã rõ chưa?

- Rõ rồi! có tiếng nói to đáp lại ở nhiều nơi.

- Được, nếu đã rõ rồi, thì bây giờ chúng tôi nói thẳng tuột. Bản tuyên ngôn này, tất nhiên, không lấy gì làm... thú vị lắm. Nhưng dù sao thì đại hội nghị chúng ta đây cũng cứ phải chấp thuận nó thôi, không có cách nào khác cả.

Rồi hấn bồng lại gơ cánh tay làm một cử chỉ thất vọng và lấy giọng bất ngờ mỉa má chua xót

- Cho biểu quyết đi, Jorka.

Mọi người phá lên cười, Jorka gơ bàn tay ra phía trước:

- Tôi đề nghị biểu quyết: ai tán thành bản tuyên ngôn thì gơ tay.

Một rừng bàn tay dựng đứng lên. Tôi chăm chú nhìn các hàng ngũ đạo quân của tôi. Tất cả mọi người đều biểu quyết tán thành, kể cả nhóm của Kôrôtkôp ở gần cửa. Bọn nữ sinh dù gơ những lòng bàn tay đỏ hồng của họ lên với một vẻ đắc thắng dễ yêu, và họ nghiêng nghiêng đầu mỉm cười. Tôi ngạc nhiên hết sức. Tại sao Kôrôtkôp với bọn nó lại biểu quyết tán thành? Chính Kôrôtkôp đứng dựa lưng vào tường và, cánh tay nhẵn nài gơ hấn lên, đang giương to đôi mắt đẹp của nó ra mà lặng lẽ ngắm bọn chúng tôi trên diễn đài.

Bôrôvôi bồng xuất hiện, phá rối sự trang nghiêm của giây phút ấy. Bác ta đâm bổ vào phòng, tâm thần hết sức bông bột, vừa va đánh sầm một cái vào cánh cửa vừa kéo một chiếc phong cầm to tướng ôm trong tay cho kêu rống lên những tiếng như óc, và nói oang oang:

- Các ông chủ đã đến đây à? Xin đợi tí... ngay lập tức... tôi mở nhạc chào mừng... Tôi biết chơi một điệu hay lắm, rồi các vị xem...

Kôrôtkôp hạ tay xuống đặt lên vai Bôrôvôi và đưa mắt ra hiệu cho bác ta hiểu. Bôrôvôi vươn cổ, há mồm ra và im bất, nhưng vẫn ôm chiếc đàn một cách hết sức là gầy gò, thành thử người ta vẫn cứ có thể chờ đợi đánh đùng một cái khúc nhạc hết sức chân chính kia sẽ nổ bùng ra không biết lúc nào.

Jorka tuyên bố kết quả biểu quyết:

- Tán thành bản tuyên ngôn của chi đoàn Thanh niên Kôm-xô-môn có: ba trăm năm mươi bốn người biểu quyết. Phản đối: không có ai. Vậy chúng tôi coi là nghị quyết đã được toàn thể hội đồng chấp thuận.

Bọn trai Gorki vừa vỗ tay vừa mỉm cười và đưa mắt nhìn nhau. Dân Kuriajê đột nhiên phấn khởi lên, cũng vớ luôn lấy cái hình thức không quen dùng ấy để biểu lộ tình cảm và, rõ lẽ là lần đầu tiên từ ngày thành lập tu viện đến nay, dưới những mái vòm của nó, nổi lên vang dậy những tiếng vỗ tay nhanh nhẹn và vui vẻ của một tập thể những con người. Tụi trẻ nhỏ vỗ tay hồi lâu, các ngón tay xò ra, thỉnh thoảng lại đưa tay lên quá đầu hay đưa tay tới ngang tai; chúng vỗ mãi cho đến khi người ta thấy Zăđô-rôp tiến ra trên sàn bục.

Tôi đã không để ý hấn đến lúc nào. Hấn là hấn đã có khuôn mặt một cái gì ở Ryjôp về, bởi vì quần áo hấn bị giầy trắng cả. Lúc đó, cũng như bao giờ hết thấy, hấn gợi nên rõ nhất ở trong tôi cái ấn tượng một sự trong trắng hoàn toàn, một niềm hân hoan đơn giản và chân thực. Cũng chính là cái nụ cười hữu duyên của hấn được đem ra cống hiến cho sự chú ý của cử tọa.

- Các bạn, tôi muốn nói với các bạn vài lời. Là như thế này đây: tôi là người trại viên trước nhất của trại Gorki, người kỳ cựu nhất, và, có một thời gian, cũng là người tề nhất. Bác Antôn Xê-mi-ôn-ô-vich hấn là còn nhớ rất rõ điều đó. Nhưng bây giờ thì tôi là học viên năm thứ nhất ở Học viện kỹ thuật. Thế thì các bạn hãy nghe tôi nói: các bạn vừa mới biểu quyết một bản tuyên bố rất tốt, tuyệt diệu, thật đấy, nhưng mà khó, phải nói thẳng như vậy, ôi chao ơi là khó!

Zăđô-rôp nghẹo đầu nghẹo cổ vì những nỗi khó khăn đó. Trong phòng họp, nổi lên những tiếng cười thân thiện.

- Nhưng cũng không hề gì. Các bạn đã biểu quyết nó, thế là xong. Đó là điều cần phải nhớ, có lẽ trong các bạn có một người nào bây giờ đang nghĩ: có thể cứ biểu quyết rồi sau sẽ liệu. Kẻ đó không phải là một con người, mà nó tệ hơn một con rắn, nó là một con sâu bọ, các bạn hiểu không. Theo luật lệ của chúng tôi, nếu có kẻ nào không chấp hành những điều đã được quyết định ở hội nghị toàn thể, thì nó chỉ còn có một đường đi thôi; ra cửa, tổng cổ!

Zăđô-rôp dữ dội cắn đôi môi trắng nhợt và gờn nắm tay lên quá đầu:

- Tổng cổ! hấn vừa quát lên dữ dội vừa hạ nắm tay xuống.

Quần chúng im lìm chờ đợi những chuyện gớm ghiếc khác nữa, nhưng đã thấy Karabanôp lách mọi người đi lên; hấn cũng lem luốc, nhưng bị lấm đen, và hấn cất tiếng hỏi giữa một im lặng sừng sốt:

- Phải tổng cổ ai ra ngoài ở đây? Tôi làm việc ấy cho!

- Đây là nói chung thôi, Lapô thân nhiên nói nhẹ nhàng.

- Tôi sẵn sàng, nói chung, và muốn thế nào cùng được. Song có chuyện gì mà các cậu đứng đực cả ra đấy và nhăn nhó như mục sư đi chợ phiên ấy vậy?^[203]

- Không, có ai nói gì đâu, có tiếng ai đáp.

- À, thế phỏng? Vừa mới đến mà các cậu đã cúi đầu xuống rồi. Hả? Nhưng âm nhạc đâu rồi?

- Có âm nhạc đây, có lắm chứ! Bôrôvôi kêu lên, sung sướng cực điểm, và bác làm cho chiếc phong cầm của bác rống lên.

- À, âm nhạc đó! Quay thành vòng đi! Nào, các cô gái, sưởi ấm bên lò sưởi thế đủ rồi, ai nhảy điệu gopak? Natasa yêu quý của tôi ơi! Nhìn xem, anh em, Natasa của chúng tôi có xinh không.

Anh em hoan hỉ vội đổ dồn cả mắt nhìn vào đôi mắt sáng tinh ranh của Natasa Pêtrenkô, nhìn những bím tóc và chiếc răng mọc lầy và nụ cười hồng tươi của cô.

- Cho lệnh chơi điệu gopak ư, đồng chí? Bôrôvôi hỏi, với nụ cười cao kỳ của một nhạc sư, trong khi bác lại làm cho chiếc phong cầm của bác rống lên một chập nữa,

- Thế bác thì bác muốn chơi điệu gì?

- Tôi biết điệu vanxơ, điệu trượt băng, điệu I-pha-nho, biết tuốt.

- Điệu trượt băng chơi sau, bố trẻ nhé, còn điệu gopak thì ngay lập tức.

Bôrôvôi khoan dung mỉm cười vì những đòi hỏi đơn giản về vũ đạo của Karabanôp, nghĩ ngợi một chút, nghiêng đầu đi, bất thành linh kéo dài chiếc đàn ra và bắt đầu một điệu vũ nhịp đặc biệt, dần mạnh và inh ỏi. Karabanôp cất cánh tay lên, nhảy tại chỗ rồi băng mình liêu làm một chập hung dữ những bước nhảy ngời. Đôi hàng mi của Natasa bỗng chớp chớp trên cặp má đỏ bừng, rồi lại rủ xuống. Không nhìn ai, cô lặng lẽ như chiếc thuyền lướt ra khơi, chỉ khẽ động những nếp là rất kỹ của chiếc áo dài nhũn nhặn mặc ngày hội của cô. Xêmiôn nện gót làm rung chuyển đất và bắt đầu quay đảo chung quanh cô với một nụ cười trắng tráo, phô bày khắp câu lạc bộ nhiều bước nhảy cầu kỳ và tung ra tứ phía hàng mớ căng chân mềm dẻo và linh hoạt. Đôi hàng mi của Natasa lại cuốn lên, và mắt cô nhìn Xêmiôn bỗng rục lên cái ánh nhìn đặc biệt mà người ta chỉ có trong khi nhảy điệu gopak, nó có ý muốn nói rằng: “Cậu bảnh trai và câu nhảy giỏi, nhưng nên coi chừng, liệu đấy nhé!...”

Bôrôvôi giữ thêm tiêu ốt vào âm nhạc, Xêmiôn thêm hăng say, và Natasa thêm hoan hỉ; váy cô bây giờ không chỉ khẽ gợn nữa, mà bay tung lên, hình thành chung quanh đôi chân xinh xắn của cô cả một vòng tròn nếp gấp và đương viên. Bọn trai Kuriajê đã mở rộng vòng quay, chúng quệt mũi vào tay áo và hò la không biết những gì nữa. Tiếng chân nện, làn sóng của điệu gopak, đà lôi cuốn của nó, chạy vòng khắp câu lạc bộ, dâng lên đến tận trần nhà cao cái nhịp điệu vui nhộn như điên như dại của dàn phong cầm.

Thế rồi từ giữa quần chúng bỗng có hai bàn tay giơ ra, rẽ bừa đám trẻ nhỏ đang chen chúc dựa vào nhau, và Pêretz đứng khệnh khạng, nắm tay chống bên hông, ở ngay rìa cơn lốc của cuộc vũ, nện gót chân để gọi và liếc mắt ra hiệu với Natasa. Cô bé Natasa dịu hiền khả ái khẽ lim dim cặp mắt kiêu hãnh nhìn Pêretz, rung rung ngay dưới mũi hấn cái vai áo thêu hoa xinh đẹp và trong sạch của cô, rồi đột nhiên thân thiện và giản dị mỉm cười với hấn, một nụ cười thông minh hiểu biết của người nữ thanh niên Kômxiôn, và lập tức giơ ra cho hấn một bàn tay cứu vớt.

Pêretz không cưỡng lại nổi cái nụ cười ấy. Trong một khoảnh khắc dài vô cùng tận, vừa hoảng hốt nhìn xung quanh, hấn vừa làm nổ tung ở trong người hấn không biết những thành lũy kiên cố nào, rồi bay lên không khí, hấn lẳng cái mũ cát-két cũ của hấn xuống đất và lao mình vào cơn lốc. Miệng Xêmiôn phô tất cả răng của hấn ra. Natasa lần này như con thuyền giương hết cánh buồm căng gió, ngã nghiêng lướt mau trước mũi quần chúng Kuriajê, còn Pêretz thì nhảy một điệu riêng của hấn, chao đảo buồn cười, giễu cợt hóm hỉnh và có pha màu cà-lơ đôi chút.

Tôi nhìn quanh. Đôi mắt âm thầm của Kôrôtkôp đã đượm vẻ nghiêm nghị dưới đôi lông mày nhíu lại, và có những bóng âm u phảng phất chạy từ vàng trán trắng nhợt đến khuôn miệng lo âu của nó. Nó ho khúng khoảng, quay mình lại, bắt gặp mắt tôi đang chăm chú nhìn nó, và bỗng nó cố tìm cách len lỏi đi tới gặp tôi. Khi cách tôi chỉ còn vướng có một người, nó giơ tay ra cho tôi bắt và nói bằng một giọng khàn khàn:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, hôm nay cháu chưa chào bác.

- Chào chú. Tôi mỉm cười và nhìn vào mắt nó.

Nó quay mặt vô đám người đang nhảy, cố gắng nhìn tôi lần nữa, ngẩng đầu lên và muốn nói vui vẻ, nhưng lại chỉ thốt ra bằng một giọng cũng vẫn ồm ồm như cũ:

- Của quý, chúng nó nhảy giỏi thật!

9. BIẾN DẠNG

Sự biến dạng bắt đầu ngay sau cuộc họp toàn trại và kéo dài khoảng chừng ba tiếng đồng hồ, thời gian kỷ lục cho bất cứ một cuộc thay hình đổi dạng nào.

Khi Jorka khoát tay ra hiệu bí mật, thì tiếng ồn ào nổi lên trong câu lạc bộ. Các đội trưởng hét lớn lên để gọi các đội viên của đội mình, có đến hai chục dòng người thành hình trong phòng họp, và chỉ trong vài phút đã sôi sục lên, chồng chéo lẫn nhau giữa những bức tường cũ kỹ của giáo đường. Trong các góc, sau các lò sưởi, trong các khám xây và ở giữa phòng có những cuộc họp đội và trông ra mỗi nhóm là một đám rách rưới xám xịt mà ở giữa có những vai áo trắng của các trại viên Gorki ung dung chuyển động.

Rồi dòng người chảy qua các cửa ra sân và vào các phòng ngủ. Năm phút sau trong sân và ở câu lạc bộ yên tĩnh đã trở lại, chỉ còn nghe thấy tiếng động của những đôi cánh nhỏ rung rung ở gót chân các tiểu thần Thủy-tinh, [\[204\]](#) sứ điệp của các đội, được ủy nhiệm những sứ mệnh khẩn cấp.

Tôi được thở một chút.

Đi lại gần nhóm phụ nữ ở dưới trụ lang của nhà thờ, tôi đứng ở chỗ cao ấy mà nhìn xem mọi sự việc tiếp diễn. Tôi muốn được im lặng và chẳng muốn nghĩ ngợi chuyện gì hết thảy. Ekaterina và chị Liđa bé nhỏ, sung sướng và thoải mái, đang uể oải, yếu ớt chống đỡ những câu hỏi của nữ đồng chí Zôia. Đứng ở gần lưới sắt bụi bậm của phòng ngoài giáo đường, Brêgen bảo Guliaêva:

- Tôi hiểu, những biểu hiện ấy gây một ấn tượng chính tề. Nhưng mà tất cả những cái đó mới chỉ là bề ngoài.

Guliaêva quay lại phía tôi:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác trả lời đi, bác, vì tôi chẳng hiểu gì về những chuyện đó cả.

- Tôi cũng thế, tôi chẳng biết gì về lý thuyết hết, tôi miễn cưỡng đáp.

Mọi người im lặng. Tuy nhiên tôi cũng giành được cho tôi một chút nghỉ ngơi, và đưa mắt nhìn chung quanh, tôi nhận thấy cái vật thể vô cùng đẹp đẽ nọ, mà tự cổ đến giờ người ta vẫn gọi là thế giới. Bấy giờ vào khoảng hai giờ chiều. Bên kia bờ ao, các mái nhà tranh trong làng, như râu mọc, đang phơi mình dưới nắng. Trên trời, có những đám mây trắng yên tĩnh treo lơ lửng trên Kuriajê, hẳn là vì có lệnh đặc biệt: để làm một thứ mây dự trữ.

Tôi biết lúc này ở trại mọi người đang làm những việc gì. Ở phòng ngủ, bọn trẻ đang gấp giường, giũ rơm đệm và gối, bó các thứ ấy thành ba-lô, chăn, ga giường, giày cũ và mới, tuốt cả. Ở nhà để xe. Aliôsa Vonkôp đang tiếp nhận những thứ linh tinh ấy, ghi vào sổ rồi gửi sang buồng tẩy uế. Được gửi từ trên tỉnh về, buồng này đặt trên xe và làm việc ở giữa sàn đập lúa, do Kutlaty chỉ huy. Dưới trụ lang đối diện, ở đầu kia nhà thờ, Đmitri Jêvêli đang chiếu theo danh sách phân phát quần áo mới và xà-phòng cho các đội trưởng hay những người ủy quyền của họ.

Từ tường thành nhà thờ bỗng thấy Xinenki bận rộn chấp chới bay đến, kèn chống bên hông, nó vội vã tuôn ra một hơi:

- Taranet báo nổi hiệu kèn họp đội trưởng ở phòng ăn.

- Thế thôi kèn đi.

Khẽ động đôi cánh vô hình, Xinenki lại chấp chớn bay về phía cửa vào phòng ăn. Đến đấy, nó dừng chân lại và thổi nhiều lần một điệu kèn gọi ngắn có ba âm hiệu.

Sau khi chăm chú nhìn nó, Brêgen quay mặt lại phía tôi:

- Tại sao thằng bé con ấy cứ luôn luôn xin phép ông thôi những... hiệu kèn ấy? Mà cái đó chỉ là một chuyện vặt.

- Ở trại chúng tôi có một qui tắc: khi nào nổi hiệu kèn ngoài giờ đã định thì phải báo tôi. Tôi cần phải biết.

- Tuy nhiên, tất cả những cái đó chỉ rất là... tôi cũng xin cứ nói, rất là phụ thuộc... rút cục đó chỉ là bề ngoài thôi, ông không nghĩ vậy ư?

Tôi bắt đầu câu tiết. Những người này có quyền gì mà đến đây đúng hôm nay để ám ảnh tôi? Nói cho đúng, thì họ muốn gì? Có lẽ họ luyện tiếc Kuriajê chẳng?

- Những cờ, với trống, với kiểu chào của các ông, tất cả những cái đó chỉ là tổ chức thanh niên ở mặt ngoài mà thôi.

Tôi toan nói: “Thôi im đi!” nhưng tôi lại trả lời lễ phép hơn một chút:

- Bà hình dung thanh niên, hay nói cho đúng là nhi đồng, dưới hình thức một cái hộp nhỏ: có phần bên ngoài, tạm gọi là giấy bọc, và phần bên trong, phần ruột. Theo ý bà thì chúng ta chỉ nên quan tâm đến phần này mà thôi. Song không có vỏ bọc, thì tất cả mớ lòng ruột ấy sẽ bung ra tứ phía.

Brêgen đưa mắt bực tức nhìn theo Vetkôpxki, ở trong phòng ăn chạy ra.

- Dù sao thì ở trại của ông, cung cách cũng giống hệt như ở trường trung học quân sự thời sa hoàng...

- Nay thôi, bà Vacvara Victôrôpna ạ, tôi hết sức nhã nhặn nói, ta nên chấm dứt câu chuyện này đi. Tôi rất khó nói chuyện với bà, mà không có...

- Không có gì?

- Không có người phiên dịch.

Cái hình thù to lớn và xám xịt của Brêgen bỗng tách ra khỏi lưới sắt và tiến lại phía tôi. Tôi nắm chặt hai tay ở sau lưng, song bà ta lôi không biết ở đâu ra một nụ cười vay mượn và thông thả lấp nó vào bộ mặt, như những người cận thị giương mục kính lên.

- Sẽ tìm được những người phiên dịch, đồng chí Makarenkô ạ.

- Chúng ta đợi vậy.

Đội một từ ngoài cổng đi tới, và Gut, đội trưởng, sau khi liếc nhanh mắt kiểm tra cái trụ lang, hỏi to lên:

- Mà y bảo là người ta không vào qua cửa này à, hử Uxtimenkô?

Một trẻ nuôi ở Kuriajê, một thằng bé mười lăm tuổi, ngăm ngăm đen, giơ cánh tay về phía cái cửa:

- Không, không đâu... Thực đấy mà. Bao giờ nó cũng đóng. Họ đi qua cửa này và cửa kia nữa, chứ không qua lối này đâu, tôi nói thực đấy.

- Họ kê tủ chặn trong đó, ở giữa ấy. Để cất nệm và mọi thứ... một đứa nào ở phía sau nói.

Gut chạy vội vào trong trụ lang, quay đảo tứ phía trên nền tảng đá rồi phá lên cười:

- Chúng mình còn đòi gì hơn nữa! A ha! ở đây sẽ lịch sự ra trò. Bọn họ cần đến một bậc tam cấp diện thế này làm quý gì nhỉ? Mà lại có mái hiên, để che mưa... chỉ có cái là sẽ phải nằm đá cứng thôi. Liệu thế này có là hơi cứng quá chẳng?

Kacpinxki, một trại viên Gorki kỳ cựu và nguyên là thợ giày trong đội của Gut, vui vẻ nhìn những phiên đá lát:

- Không, không cứng đâu: ta có sáu cái đệm với sáu cái chặn. Không biết chừng còn tìm ra được thứ

gì khác nữa.

- Đúng đấy, Gut nói.

- Hắn quay mặt ra phía ao và tuyên bố:

- Báo trước cho mọi người biết nhé: đội một đóng ở cái trụ lang này. Đừng có lòi thôi đấy! Bác Anton Xêmiônôvich, bác làm chứng cho.

- Đồng ý!

- Thế thì vào đi thôi... ở đây chúng mình có những ai nhỉ? khoan hăng!

Gut rút ở túi áo ra một tờ danh sách.

- Xliva và Khleptsenkô đâu, ló mặt ra đây, cho xem các cậu là ai nào.

Khleptsenkô người gầy còm, bé nhỏ và tái nhợt. Tóc nó đen và cứng, mọc một cách kỳ lạ không phải về phía trên cao mà dồn ra đằng trước, và mũi nó lồm đồm những vết đen. Cái áo sơ-mi đầy ghét của nó chùng xuống đến đầu gối và một mẫu viền lại còn rủ xuống thấp hơn nữa. Nó đưa mắt ngượng ngập nhìn chung quanh. Gut ngắm nghía nó bằng một cái nhìn phê phán, rồi lại chuyển cái nhìn ấy sang Xliva. Thằng này cũng gầy đét, xanh lợt và rách rưới như bạn nó, chỉ khác ở chỗ người cao thôi. Một cái đầu nhỏ hẹp, đặt trên cổ gầy của nó, trên đầu nổi bật lên một đôi môi đầy đặn và đỏ thắm. Nó vừa ngắm một góc trụ lang vừa mỉm cười với cái vẻ một người chịu khổ nhục.

- Hừ, quái quỷ thật, Gut nói, ở đây họ nuôi nấng các chú bằng cái gì vậy? Vì đâu mà tất cả các chú đều cứ gầy trơ xương... như chó ấy thế. Đến phải vỗ béo đội này thôi, bác Anton Xêmiônôvich ạ! Đội này có còn ra cái vẻ gì không? Có đáng coi là đội một được không? Không đời nào! Chúng ta có đủ cái ăn không? Nhất định, có thừa đi chứ! Các chú có biết mổ không nào?

Mọi người trong đội đều cười. Bằng một cái nhìn không tin tưởng, Gut ngó qua một lần nữa những bộ mặt của Xliva và Khleptsenkô, rồi ôn tồn nói:

- Nay Xliva và Khleptsenkô, các chú bé ngoan của anh, nghe đấy nhé. Cần phải cọ rửa thật sạch ngay cái tam cấp này. Các chú có biết người ta rửa bằng cái gì không? Bằng nước. Và người ta đổ nước vào cái gì? Vào một cái thùng. Kacpinxki, ba chân bốn cẳng chạy đi. Đến xin Michia cái thùng xách của ta và một cái khăn lau. Với một cái chổi. Các chú có biết cọ rửa không?

Xliva và Khleptsenkô gật đầu, Gut quay người lại về phía chúng tôi, hạ thấp cái mũ chồm theo của hắn, và giơ thẳng cánh tay ra xa về một bên.

- Xin lỗi các đồng chí thân mến, chỗ này là chỗ đóng của đội một, và không làm thế nào được nữa. Vì lý do tổng vệ sinh, tôi xin chỉ dẫn các đồng chí đến một chỗ tốt, có ghé dài. Còn ở đây, là đội một.

Đội một đăm đuổi theo dõi, khâm phục cái lễ lối thật sự “thành thị” ấy. Tôi cảm ơn Gut về cái chỗ tốt và những ghé dài, nhưng tôi khước từ đề nghị chỉ dẫn của hắn.

Kacpinxki chạy trở về, với những thùng kêu loảng xoảng. Gut đã đưa ra những chỉ thị cuối cùng và giơ tay vui vẻ nói:

- Bây giờ thì: tông-đơ với dao cạo!

Ở trụ lang bước xuống, Brêgen vừa đi vừa lặng lẽ chăm chú nhìn cách đặt chân mình trên mỗi bậc. Tôi hết sức mong muốn các vị khách của tôi cút đi cho mau. Kho của Jêvêli đang làm việc ở trụ lang bên kia và trước cửa kho đã đứng xếp hàng dài những chú ủy quyền của các đội, trong khi các nhóm nhỏ những chú giúp việc và khuân vác của họ đang vắn lên vai từng chồng quần cụt xanh lam và từng chồng áo sơ-mi trắng, khua các thùng xách kêu lên loảng xoảng và kẹp dưới nách những hộp màu nâu đựng xà phòng. Chiếc xe Fiat của ủy ban chấp hành khu cũng đỗ ở dưới trụ lang. Anh lái xe, vẻ buồn

ngủ và làm lì bực dọc, nhìn Brêgen bằng một cái nhìn buồn bã.

Chúng tôi lặng lẽ đi ra phía cổng. Tôi không biết đi đâu. Nếu chỉ có một mình, thì tôi sẽ ra nằm trên cỏ ở chân nhà thờ, để tiếp tục ngắm nhìn thế giới và những chi tiết kỳ diệu của nó. Từ giờ cho đến lúc xong chiến dịch của chúng tôi còn hơn một tiếng đồng hồ nữa, rồi sau đó tôi lại bận các công việc. Nói tóm lại, tôi hoàn toàn thông cảm những cái nhìn buồn bực của anh lái xe.

Nhưng kìa, có một nhóm người nói cười nhộn nhịp bước qua cổng và cái vui trở lại tâm hồn tôi. Đó là đội tám, vì tôi trông thấy cái vóc người tuyệt cân đối của Fêđôrenkô dẫn đầu, vì ở đây có mặt Kôrytô, Nétsitailô và Ôlec Ôcnep. Mắt tôi ngạc nhiên chăm chú nhìn những hình bóng hoàn toàn mới mẻ và mặc một cách không xứng hợp bộ đồng phục mà tôi biết rất rõ của các trại viên Gorki. Sau cùng tôi bắt đầu hiểu tất cả bọn họ đều là những trại viên của Kuriajê trước đây. Đó là sự biến dạng mà chúng tôi đã mất hai tuần lễ rông để tổ chức. Những bộ mặt tươi mát và rửa kỹ, những mũ chòm nhung chưa mất nếp gấp trên đầu mới cạo của bọn trẻ, và điều chủ yếu, thích thú nhất, là những bộ mặt vừa được trau chuốt xong, vui vẻ và tin tưởng, cái duyên dáng đột nhiên của con người sạch sẽ và hết chầy rạn.

Với vẻ thông thả đường bộ vốn là đặc điểm riêng của hấn, Fêđôrenkô né mình sang một bên, và cất cái giọng trầm chắc nịch lên nói tách bạch từng tiếng:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác có thể tiếp nhận được đội tám của Fêđôrenkô đã hoàn toàn chinh đốn theo đúng yêu cầu.

Đứng bên cạnh hấn, Ôlec Ôcnep nhếch đôi môi dài nhay cảm một cách thông minh, và khẽ nghiêng mình:

- Cháu đã tùy theo khả năng của cháu góp sức vào việc làm lễ rửa tội cho đám dân chúng này. Xin bác hãy ghi cho điều đó vào một chỗ nào trong sổ tay của bác, đề phòng khi cháu có sự lỗi lầm thì cho cháu được chuộc tội chẳng.

Tôi thân ái ôm lấy vai Ôlec, và tôi làm như vậy là vì tôi không thể nào cưỡng lại nổi ý muốn ôm hôn hấn, hấn với Fêđôrenkô, với tất cả bọn trẻ ngoan và đáng yêu hết sức của tôi. Lúc này tôi thật khó lòng ghi được điều gì vào sổ tay và vào trái tim tôi. Cả một bầu hỗn loạn nào tư tưởng, nào suy xét, nào hình ảnh, nào thánh ca trang nghiêm và nào nhịp điệu vũ khúc, bỗng chốc ồ ạt đến xâm chiếm tâm hồn tôi. Tôi chưa kịp nắm lấy một mẫu cái này thì nó đã biến vào đám đông, và cái khác lại kêu lên, trơ tráo giành giật sự chú ý của tôi. “Rửa tội và biến dạng”, [\[205\]](#) tôi vừa đi vừa nghĩ thầm, những trò đó là chuyện tôn giáo rồi còn gì. Nhưng bộ mặt tươi cười của Kôrôtkôp phút chốc đã xóa nhòa ngay cái lối nghĩ độc đáo ấy. Ừ phải, chính tôi đã nài ghi cho Kôrôtkôp vào đội tám. Bất gặp mặt tôi ngừng lại nhìn Kôrôtkôp, Fêđôrenkô thiên tài liền quàng lấy vai nó và đồng tử đôi mắt xám của hấn thoáng rung động, hấn nói:

- Bác đã cho vào đội của chúng cháu một trại viên tốt, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Cháu đã nói chuyện với nó. Chỉ ít lâu thôi, nó sẽ trở thành một đội trưởng tốt đấy.

Kôrôtkôp nghiêm trang nhìn thẳng vào tôi và hòa nhã nói:

- Sau đây cháu muốn nói chuyện với bác, có được không?

Fêđôrenkô mặt ngó vào nó với một vẻ châm biếm vui vẻ:

- Mày buồn cười thật! Sao mày lại muốn nói chuyện với bác? Không cần, nói chuyện đó với bác làm gì chứ?

Kôrôtkôp cũng chăm chú nhìn lại anh chàng Fêđôrenkô giáo hoạt:

- Cậu ạ... Đây là vì một chuyện riêng.
- Mà chả có chuyện riêng gì hết. Chỉ vớ vẩn!
- Tôi muốn được... muốn cả tôi nữa cũng có thể bị phạt giam... bị nhốt lại.

Fêđôrenkô cười:

- Kia, nó yêu cầu cái gì thế... Muốn như vậy là hơi sớm đấy, cậu ạ... Muốn được thế, thì phải có danh hiệu là trại viên, có huy hiệu cái đấy, cậu thấy không? Còn cậu, người ta chưa thể phạt giam cậu được. Giá người ta có bảo cậu: đi phạt giam, thì cậu sẽ nói: “Tại sao? Tôi có làm gì đâu”.

- Thế ngộ thực sự tôi không phạm lỗi?

- Đấy nhé, cậu không hiểu cái chuyện ấy đâu. Cậu nghĩ: tôi không có lỗi, đó là điều quan trọng. Nhưng khi cậu trở thành trại viên thì cậu sẽ hiểu khác... nói thế nào với cậu được nhỉ? Điều quan trọng, ấy là kỷ luật, dù cho cậu có lỗi hay không, sự đó nói cho cùng cũng chẳng có gì quan hệ lắm. Có phải không, bác Antôn Xêmiônôvich nhỉ?

Tôi gật đầu trả lời hần. Brêgen nhìn chúng tôi như những quái thai đứng trong lọ, và đôi má bà ta bắt đầu phù ra như má chó ngao. Tôi vội làm cho bà ta khỏi chú ý đến những chuyện khó chịu ấy.

- Kia, đoàn nào thế kia nhỉ? Thằng bé kia là ai?

- À, thằng cóc tía ấy... Fêđôrenkô nói. Một thằng nhát gan góc đấy. Họ bảo chúng đã đánh nó đau lắm.

- Ờ phải rồi, đó là đội của Zaitzenkô. Tôi cũng nhận ra chúng nó.

- Ai đã đánh nó? Brêgen hỏi.

- Chúng đã đánh trong ban đêm... Dĩ nhiên là những đứa ở đây thôi.

- Vì lẽ gì? Tại sao không thấy ông báo cáo? Đã lâu chưa?

- Bà Vacvara Victôrôpna ạ, tôi gay gắt nói, ở đây, trong cái trại Kuriajê này, người ta đã không ngớt hành hạ bọn trẻ bao nhiêu năm ròng. Vì thấy bà đã ít quan tâm tới điều đó, cho nên tôi có lý do mà nghĩ rằng cái chuyện vặt này cũng chẳng đáng cho bà lưu ý... nhất là tôi lại đặc biệt chú ý đến chuyện ấy nữa.

Brêgen coi lời nói nghiêm khắc của tôi như một lời tống khách. Bà nói gọn lỏn:

Chào ông, rồi đi ra xe của bà, ở đó đã thấy cái đầu của nữ đồng chí Zôia thò ra ngoài xe.

Tôi thở ra nhẹ nhõm và đi tới đội mười tám của Vania Zaitzenkô.

Vania dẫn đầu nó với một vẻ đắc thắng. Chúng tôi đã cố ý để cho đội mười tám gồm toàn những trẻ ở Kuriajê, điều đó khiến cả đội lẫn Vania được có một sắc thái riêng biệt. Vania hiểu như vậy. Fêđôrenkô cười ngặt nghẽo:

- Nay, trông những thằng nhãi ngộ chưa kìa!

Đội mười tám tiến đến gần, rất kiêu hãnh vì kiểu cách quân sự của nó. Hai mươi đứa trẻ sắp thành hàng bốn, đi đều nhịp bước, vừa đi vừa vung vẩy tay như bộ đội, Zaitzenkô làm thế nào mà đã có thì giờ tập luyện được cho đội có cái tư thế quân nhân ấy? Tôi quyết định ủng hộ tinh thần thượng võ của đội mười tám và đưa tay lên vành mũ cát-két của tôi:

- Chào các đồng chí!

Nhưng đội mười tám chưa quen biết cung cách đó. Bọn trẻ nghĩ ra được câu gì thì kêu ó lên câu ấy, làm cho Vania xua tay đây đấy, ra vẻ phạt ý:

- Không phải vậy... Rõ dân quê chưa!

Fêđôrenkô thú vị hết mức cứ vỗ đùi đánh đạch:

- Xem kìa, nó đã học được rồi!

Để cho qua cái chuyện nhỏ đó, tôi nói:

- Đội mười tám, nghỉ! Hãy kể chuyện các chú đã tắm như thế nào.

Piôtr Malikôp nở một nụ cười tươi sáng:

- Chúng cháu tắm thế nào à? Chúng cháu đã tắm cẩn thận, có phải không, Tima nhỉ?

Tinna Ôđariuc quay đầu lại và kín đáo hỏi sau lưng một chú nào đó:

- Với xà-phòng...

Zaïtsenkô hãnh diện nhìn tôi:

- Từ nay ngày nào chúng cháu cũng sẽ tắm với xà-phòng, Ôđariuc là người quản lý của chúng cháu đây, bác ạ.

Nó chỉ vào cái hộp nâu ở trong tay bạn nó.

- Hôm nay dùng hết hai miếng, hết cả hai miếng! Nhưng đó chỉ là hôm đầu thôi, rồi sau sẽ ít hơn. Chúng cháu có một câu hỏi, bác ạ... Chúng cháu không kêu ca đâu, dĩ nhiên rồi. Có đúng là chúng ta không kêu ca không? Nó hỏi bọn nó,

- Ôi, bọn nhãi giời thật, cậu ơi! Fêđôrenkô vừa nói vừa cười ngất.

- Không kêu ca, đúng, không kêu ca! bọn trẻ kêu lên,

Vania quay đi quay lại tứ phía nhiều lần:

- Nhưng mà có câu này muốn hỏi, bác ạ.

- Ủ, tôi hiểu: các chủ không kêu ca, nhưng các chú có một câu muốn hỏi.

Vania trề môi ra và đảo tròn đôi mắt:

- Đúng thế. Vậy chúng cháu muốn biết: ở các đội khác đều có những trại viên Gorki cũ, chỗ này ba, chỗ kia năm. Có phải không? Còn ở đội chúng cháu, không có lấy một người, chẳng làm gì có, thế thôi.

Khi nói cái câu “chẳng làm gì có” ấy, giọng nó đưa cao thê lên, tiếp liền theo là cử chỉ đáng yêu của một ngón tay đưa lên tai bên phải rồi chĩa sang phía bên.

Và bỗng tiếng cười của nó vang lên lạnh lạnh:

- Chúng cháu không có chẵn! Chẳng làm gì có, thế thôi! Cũng không có đệm, không có lấy một chiếc, chẳng làm gì có!

Tiếng cười của Vania càng cất cao lên, vui vẻ hơn, và đội mười tám cũng cười.

Tôi viết cho đội trưởng của chúng mấy chữ để đưa tới Aliôsa Vonkôp: cấp ngay tức khắc sáu cái chẵn và sáu cái đệm.

Trên con đường nhỏ ra sông đã bắt đầu thấy đi lại nhộn nhịp. Các đội đi rầm rập ở đấy như đi tập trận.

Phía sau bếp, giữa đám bụi cỏ rậm, bốn người thợ cạo, đưa ở tỉnh về từ sáng nay, đã đặt chỗ làm việc. Cái vỏ của Kuriajê được bóc ra từng mảng khỏi cơ thể những cư dân của nó, xác nhận thêm cái quan điểm không thay đổi của tôi: những đứa trẻ bình thường, linh hoạt, liến thoắng, và nói chung là “một đám dân chúng vui vẻ”.

Tôi trông thấy bọn trẻ xiết bao hoan hỉ ngắm nghía bộ quần áo mới, và với một vẻ đom đóm hết sức bất ngờ, chúng sắp xếp lại những nếp áo sơ-mi và xoay trở trên tay chiếc mũ chòm sặc sỡ của chúng.

Trong khi xếp cho gọn cái mớ đồ vật linh tinh đủ thứ, như hàng chợ phiên vô cùng tạp nhạp bày la liệt ở chung quanh nhà thờ, Aliôsa Vônkôp quý quyết thoát tiên đã lúi cúi lên trên tất cả cái tấm gương duy nhất treo trên lò sưởi của chúng tôi, mà hai đứa nhỏ trước hết đã đem ra dựng trên một mô đất cao. Lập tức đã hình thành ngay một đám đông vây quanh lấy nó, những cậu tài tử muốn ngắm nghía và thần phục hình ảnh mình trong gương. Thì ra ở Kuriajê có rất nhiều trẻ xinh đẹp, còn những đứa khác rời ra nhất định cũng sẽ đẹp lên rất chóng thôi. Vì cái đẹp là tùy ở sự lao động và ăn uống.

Bọn thiếu nữ thì vui sướng đến cùng cực. Các nữ sinh của chúng tôi đã đem tới cho các bạn ở Kuriajê những trang phục lộng lẫy, may riêng cho họ: một chiếc váy nhỏ xinh màu lam chếp nếp to, một áo lu-dông trắng bằng vải đẹp, bít tất lam ngắn và giày vải thể thao. Kutlaty đã cho phép đội thiếu nữ đem máy khâu về phòng ngủ, thế là ở đây bắt đầu có sự huyền ảo muôn đời của phụ nữ; may cắt lại, một thứ, là. Ngày hôm đó chúng tôi đã dành riêng nhà giặt cho họ hoàn toàn sử dụng. Bắt gặp Pêretz, tôi nghiêm khắc bảo nó:

Chú hãy mặc xalôpét^[206] vào rồi đi nhóm lửa đun vạc nước cho bọn con gái đi. Xin chú đừng có đà đặn, đi lén phéng chỗ này chỗ nọ.

Pêretz hếch về phía tôi cái bộ mặt đầy vết xước của nó, và trở một ngón tay vào ngực nói:

- Cháu... mà đi đun nước cho bọn con gái à?

- Phải.

Pêretz ưỡn bụng, phồng má và hét to lên đến cả tu viện đều nghe thấy, trong khi giơ tay chào theo lối quân sự:

- Đi đun nước, rõ!

Tất cả bộ điệu ấy, tuy còn khá ngượng ngập, nhưng có sự rắn rỏi. Nhưng làm xong nghi thức đó rồi, Pêretz bỗng lại có vẻ mặt ngẩn ngơ:

- Đúng... song cháu đi lấy xalôpét ở đâu! Đội chín chúng cháu chưa lĩnh quần áo đó.

Tôi bảo nó:

- Này, chú nó! Dễ thường phải dắt tay đưa chú đi thay quần áo hử? Và chú lại còn múa lưởi trong bao nhiêu lâu nữa thế?

Bọn trẻ ở chung quanh cười tung lên. Pêretz lắc lắc cái đầu to tướng và kêu lên, không hiểu cách gì nữa!

- Cháu đi làm đây... cháu đi làm đây, bác cứ yên tâm, rồi chạy biến.

Lapô lại cho nổi hiệu kèn họp đội trưởng nhưng lần này thì họp dưới trụ lang, nơi mà đội của Gut đã đặt phòng ngủ.

Lapô đứng nói:

- Anh em đội trưởng, chúng ta sẽ không ngồi làm gì, chỉ họp một phút thôi. Xin anh em hãy giải thích ngay hôm nay cho tụi trẻ anh em biết phải chùi mũi như thế nào. Cái kiểu gì thế vậy? Chúng đi chơi khắp sân, mũi cứ chảy tong tong như suối. Rồi còn chuyện khác: nói cho chúng nó biết về các nhà xí, những điều Jorka đã nói trong buổi họp. Và còn cái này nữa: Aliôsa đã có đặt những hộp đựng rác hử hoi, nhưng chúng nó cứ vứt rác lung tung.

Vetkôpxki mỉm cười:

- Cậu đừng vội vã đến thế, trước hết phải hót cả hàng đồng những thứ bản tười đi cái đã, khoan hãy nói tới các hộp của cậu!

- Để nguyên, Xôchia! Hót rác là một chuyện, còn trật tự là chuyện khác... Thế mà cậu lại là một người đi du lịch^[207] kia đấy! Ừ, phải rồi, đừng có quên, phải nói cho ai nấy biết qui tắc của chúng ta, kéo sau đây chúng nó sẽ lại bảo: “Chúng tôi không biết! Chúng tôi có nghe nói đâu mà biết!...”

- Qui tắc nào?

- Qui tắc của ta về việc nhổ bậy... Hãy đồng thanh nhắc lại đi nào.

Và trong khi Lapô điều khiển bằng tay, các đội trưởng vừa cười vừa cao giọng ngân nga đều lên:

- “Nhổ một bãi, ba ngày cọ sàn”.

Tụi trẻ ngốc nghếch ở Kuriajê đã mở mắt thao láo và vênh tai lên theo dõi nghi lễ hội đồng đội trưởng với cái rợn người thiêng liêng của những kẻ mới nhập môn thụ lễ khai tâm vào hội tam điểm.

^[208] Khi nghe câu nói trên, chúng kêu lên những tiếng ồ! và đưa bàn tay lên che miệng. Lapô bẻ mạt hội đồng và bọn trẻ nhỏ chạy đi khắp các trụ sở tạm thời của các đội loan truyền cái khẩu hiệu mới đó. Chúng đem nó tới cả cho Khalabudá, ông ta từ chuồng bò đột nhiên xuất hiện trước mắt tôi, người đầy bụi, rơm, với chất phân gì không rõ ở cổ rạ, và ông thốt ra với một giọng ồm ồm:

- Những cái mũ khi gió ấy đã bỏ rơi mình, thế là bây giờ mình phải đi bộ ra đến tận nhà ga. Ừ, nhổ một bãi, ba ngày cọ sàn! Tuyệt lắm!... Vichia ơi, chú hãy thương hại một người già cả, ở đây chú là chủ ngựa, chú hãy thắng một con nghèo nào đấy, và đưa lão ra ngoài ấy tí.

Vichia ngó người tiền bối đáng kính là Bratsenkô, cậu này cũng có thể khoe cái giọng trầm của mình.

- Sao lại một con nghèo! Cậu thắng con Hảo-hán vào cái xe cabriôlê^[209] và đưa ông lão đi, chính ông hôm nay đã phải cho con Zorka đấy. Nào, ông lại đây, để bây giờ chúng tôi chải cho ông cái.

Taranet đến tìm tôi, có vẻ kích động; cái băng đeo ở cánh tay tỏ rằng hắn là đội trưởng trực nhật.

- Có tụi... những cái thứ nhà nông học kia, ở riêng ngoài đó... Chúng không chịu rời các phòng ngủ và chúng bảo: chúng tao chẳng cần đếch gì đến một đội nào hết.

- Chỗ chúng ở hình như cũng sạch sẽ, phải không?

- Cháu vừa ở đây về. Chán đã kiểm tra các giường và mọi thứ... Hàng đóng quần áo treo lung tung. Vô khối là rận. Và rệp nữa.

- Ta đi đến xem.

Buồng các nhà nông học hoàn toàn bừa bãi. Trông đủ biết đã lâu không được thu dọn. Vôxkôbônikôp, được chỉ định làm đội trưởng đội chuồng bò, với hai đứa khác nữa cho vào đơn vị của nó, đã phục tùng nghị quyết ấy; chúng đã đưa quần áo chúng đi tẩy uế và bỏ ra đi, để lại ở tổ các nhà nông học những lỗ hồng rộng hoác, những di vật và tàn tích tàn mạt của một cuộc đời ở yên tại chỗ bị tan nát. Ở trong buồng còn lại vài đứa tiếp tôi với một vẻ mặt quàu quau. Nhưng vì chúng và tôi đều đã biết phân thắng ngã về bên nào rồi, cho nên vốn để chỉ còn là hình thức đầu hàng mà thôi.

Tôi hỏi:

- Các chú không muốn tuân theo nghị quyết của hội nghị toàn trại hử?

Im lặng.,

- Các chú có dự vào buổi họp chứ?

Im lặng. Taranet trả lời:

- Họ không dự.

- Tôi đã để cho các chú đủ thì giờ để suy nghĩ và quyết định. Các chú tự coi mình như thế nào: là

trại viên hay người ở thuê?

Im lặng.

- Nếu là người ở thuê, thì tôi không thể cho phép các chú ở cái phòng này quá mười hôm. Tôi sẽ không nuôi các chú đâu.

- Thế thì ai nuôi? Xvatkô hỏi.

Taranet mỉm cười:

- Họ khá thật đấy!

- Tôi không biết, tôi nói. Nhưng không phải là tôi.

- Thế hôm nay bác sẽ không cho chúng tôi ăn à?

- Không.

- Bác có quyền như thế à?

- Tôi có quyền.

- Vậy nếu chúng tôi làm việc thì sao?

- Ở đây chỉ có các trại viên mới làm việc thôi.

- Chúng tôi sẽ làm trại viên, song chúng tôi sẽ cứ ở phòng này.

- Không được.

- Thế thì chúng tôi phải làm gì?

Tôi rút đồng hồ túi ra:

- Các chú được năm phút để suy nghĩ. Suy nghĩ xong các chú hãy nói ý định với đội trưởng trực nhật.

- Rõ! Taranet nói.

Nửa giờ sau, tôi lại đi qua ngôi nhà của những nhà nông học. Aliôsa Vonkôp đang khóa cửa nhà đó. Taranet vụt hiện ra trong cương vị công tác.

- Vậy là chúng cắt rồi ư?

- Đã đành! Taranet vừa đáp vừa cười.

- Xếp chúng vào các đội khác nhau chứ?

- Vâng, mỗi đội một thằng.

Sau đó một tiếng rưỡi đồng hồ, tiệc được dọn ra trên các bàn ăn long trọng phủ khăn giải bàn trắng. Từ sáng sớm tinh mơ, đội đặc biệt tiên phong đã cọ rửa phòng ăn gạch như lau như li và trang trí với những cành lá xanh với hoa đại cúc. Trên tường, ngay sau khi các trại viên Gorki ở nhà ga tới, Aliôsa Vonkôp đã theo đúng nghi thức treo lên những chân dung của Lenin, Xtalin, Vôrôsilốp và Gorki. Sêlaputin được Tôxka giúp sức, đã căng ở dưới trần những khẩu hiệu và lời chúc mừng, trong số đó nổi bật lên một cách bất ngờ câu:

CẨM KÊU CA

Bị đè bẹp, hoàn toàn mất tinh thần, các trẻ nuôi Kuriajê, tất cả đều húi tóc và tắm rửa sạch sẽ, tất cả đều mặc áo sơ-mi mới trắng bong, từ nay trở đi được lồng vào trong những khuôn khổ trang nhã và tề nhị của các trại viên Gorki, mà chúng không thể nào thoát ra khỏi được nữa. Ngồi rất ngoan ngoãn ở các bàn, hai tay đặt lên đầu gối, chúng hết sức thán phục nhìn những chồng bánh mì trên các đĩa và các bình nước trong suốt như pha lê.

Các thiếu nữ đeo tạp-dê trắng, cùng Jêvêli, Sêlaputin và Biêlukhin mặc áo blu trắng, lặng lẽ đi lại, thì thầm trao đổi với nhau vài câu, sửa lại cho ngay ngắn những hàng dao đĩa cuối cùng, thêm thắt cái này cái nọ, hay dọn chỗ ngồi cho một người nào đó. Các trại viên Kuriajê tuân theo họ một cách bạc nhược, như những bệnh nhân trong một viện điều dưỡng, và Biêlukhin cũng ân cần nâng đỡ chúng như những bệnh nhân.

Đứng ở chỗ trống, dưới những bức chân dung, tôi đưa mắt nhìn khắp cái ốc đảo của phòng ăn, đột nhiên xuất hiện do một phép thần thông bất ngờ từ trong lòng cái bãi sa mạc hôi thối của tu viện. Sự im lặng của phòng ăn nổi bật hẳn lên, nhưng nó lại được phản chiếu trên những cặp má đỏ hồng hào, trong ánh mắt và trong vẻ lúng túng dễ thương của sự ngượng ngùng, khác nào một chân lý vững chắc, khác nào sự kỳ bí của một cuộc ra đời mới mẻ.

Cũng trong sự im lặng ấy, và hầu như không để cho ai lưu ý, các tay kèn và tay trống xếp hàng một đi vào, thầm lén nhìn nhau, đỏ mặt lên một cách lo âu, và đứng sắp thành hàng áp sát tường. Mãi cho đến bảy giờ mọi người mới nhìn thấy họ, và mọi con mắt, quên cả bữa ăn, không chịu rời họ nữa.

Taranet xuất hiện ở cửa vào:

- Đứng dậy chào cờ! nghiêm!

Các trẻ Gorki đứng theo tư thế nghiêm đã quen. Sững sờ vì hiệu lệnh đó, các trẻ Kuriajê vừa kịp xoay trở mình và tì tay lên thành bàn gỗ để đứng dậy, thì bất thành linh chúng đã bị choáng váng bởi tiếng sấm dạn nhạc hùng dũng của chúng tôi.

Taranet cho lá cờ đi vào, cờ đã tháo vỏ bọc và những nếp lụa đỏ tía óng ánh lên một niềm tin tưởng hân hoan. Lá cờ dừng lại trước những bức chân dung, đem tới cho phòng ăn vẻ trang nhã của một nghi lễ Xô-Viết tôn nghiêm.

- Ngồi xuống.

Tôi nói chuyện ngắn gọn với các trại viên, lần này thì không ám chỉ gì đến công tác và kỷ luật, tôi cũng không hô hào kêu gọi gì chúng, mà cũng không tỏ ý hoài nghi về một vấn đề gì hết. Tôi chỉ đơn giản khen mừng cuộc sống mới mẻ của chúng, và biểu thị lòng tin chắc chắn rằng cuộc sống ấy sẽ đẹp đẽ, như chỉ có cuộc sống của con người mới có thể đẹp đẽ như vậy được.

Tôi bảo chúng:

- Chúng ta sẽ sống một cuộc sống đẹp đẽ, sung sướng và hợp lý, bởi vì chúng ta là những con người, bởi vì chúng ta có một cái đầu trên hai vai, và bởi vì chúng ta muốn sống như thế. Mà ai có thể ngăn cản được ta? Không một ai có thể cướp đoạt công việc làm của ta và những cái gì ta kiếm ra được. Những hạng người như vậy không làm gì có ở trong Liên bang chúng ta. Và các chú hãy nhìn xem những người ở chung quanh các chú. Hãy nhìn một lão công nhân và du kích quân, đồng chí Khalabuda, đã ở cả ngày hôm nay với các chú. Cùng với các chú, ông ta đã đẩy đoàn tàu, dỡ các toa xe, chải lông cho những con ngựa. Khó lòng đếm cho hết được, biết bao nhiêu người tốt, những bậc vĩ nhân, những vị lãnh đạo, những người bôn-sê-vich của chúng ta, nghĩ tới chúng ta và muốn giúp đỡ chúng ta. Đây này, bây giờ tôi đọc cho các chú nghe hai bức thư rồi các chú sẽ thấy rằng chúng ta không cô đơn, các chú sẽ thấy rằng mọi người yêu thương các chú và săn sóc tới các chú:

Thư của Maxim Gorki gửi ông chủ tịch ủy ban chấp hành khu Khackôp

Xin ông cho phép tôi được hết lòng cảm ơn ông về sự ân cần giúp đỡ của ông đối với trại Gorki.

Mặc dầu tôi mới chỉ biết trại qua những thư từ trao đổi với các trẻ em và với ông giám đốc của chúng, tôi cũng cảm thấy rằng trại đáng được sự chú ý nghiêm túc nhất và đáng được giúp đỡ tích cực.

Trong các trẻ em vô thừa nhận, số tội phạm không ngừng tăng lên; có rất nhiều thứ ác hại cùng mọc lên với những mầm non lành mạnh và tốt đẹp. Chúng ta mong mỗi rằng công tác của những trại giống cái trại đang được ông giúp đỡ, sẽ chỉ ra đường lối trong công cuộc chiến đấu chống lại sự quái gở, để gỡ cái tốt ra khỏi cái xấu, như trại đó đã biết thực hiện.

Thưa đồng chí, tôi xin xiết chặt tay đồng chí, kính chúc đồng chí mạnh khoẻ, dũng cảm và thu được những thành công tốt đẹp nhất trong sự nghiệp khó khăn của đồng chí.

M.Gorki

Thư trả lời của Ủy ban chấp hành khu Khackôp gửi Maxim Gorki

Thưa đồng chí kính mến, Chủ tịch đoàn ủy ban chấp hành khu Khackôp trân trọng xin đồng chí chấp nhận cho lòng biết ơn sâu sắc của chúng tôi về sự quan tâm của đồng chí đối với cái trại của trẻ em được mang tên đồng chí.

Những vấn đề chiến đấu chống những hiện tượng hư hỏng của các trẻ em vô thừa nhận và chống những hành động phạm pháp của trẻ vị thành niên được chúng tôi đặc biệt chú ý và thúc đẩy chúng tôi thi hành những biện pháp quan trọng bậc nhất, để bảo đảm việc giáo dục các trẻ em đó và làm cho chúng thích ứng với một cuộc sống cần lao lành mạnh.

Đó hẳn là một công việc khó khăn, không thể hoàn thành trong một thời gian ngắn, song chúng tôi đã tìm cách triệt để giải quyết nó.

Chủ tịch Đoàn ủy ban chấp hành tin chắc rằng trại sẽ làm cho công tác của mình ăn khớp được hoàn toàn với những điều kiện mới, rằng nay mai nó sẽ mở rộng phạm vi hoạt động, và do một nỗ lực chung và nhất trí nó sẽ đứng được hàng cao quý thích hợp với cái trại mang tên đồng chí.

Thưa đồng chí quý mến, xin đồng chí cho phép chúng tôi chân thành kính chúc đồng chí sớm lấy lại được tinh lực và sức khỏe, để tiếp tục hoạt động hữu ích của đồng chí và sáng tạo ra những tác phẩm mới.

Trong khi đọc những bức thư này, tôi để ý nhìn bọn trẻ qua mép tờ giấy. Chúng lắng nghe tôi và tâm hồn chúng tập trung hết vào đôi mắt, vẻ thần phục, hoan hỉ, tuy nhiên chưa đủ sức nắm bao quát được tất cả sự bí ẩn nọ và sự rộng lớn mông mênh của một thế giới mới. Có nhiều đứa tí khủy tay trên bàn, nhòm người lên đưa mắt sát lại gần tôi. Các học viên của chúng tôi, đứng tựa lưng vào tường, mỉm cười mơ màng; các thiếu nữ đã bắt đầu dụi mắt, vì có những đứa trẻ mạnh dạn dòm ngó các cô. Ngồi ở bàn bên phải, Kôrôtkôp nhíu đôi lông mày đẹp của hắn lại mà trầm ngâm suy nghĩ. Khôvrak nhìn qua cửa sổ, đôi má bóp lại với một vẻ đau khổ.

Tôi kết thúc. Những làn sóng cử động và lời nói đầu tiên đang chạy dài qua các bàn, bỗng Karabanôp giơ tay lên:

- Anh em ạ, anh em có biết chúng ta nên nói gì bây giờ không?... Bây giờ thì phải hát, trời ạ... chứ không phải nói chuyện. Nào, chúng ta hát... Nhưng mà phải hát cho ra trò, thật sự vào... bài Quốc tế ca nhé.

Bọn trai bắt đầu kêu hò, cười lên, nhưng tôi thấy có nhiều trẻ ở Kuriajê lúng túng, ngồi im lặng. Tôi đoán chừng chúng không biết lời của bài Quốc tế ca.

Lapô leo lên một chiếc ghế dài.

- Nào các cô, hát cho to lên, để mọi người nghe các cô đấy nhé!

Hắn vung tay ra hiệu và chúng tôi cùng hát.

Có lẽ vì mỗi câu của bài Quốc tế ca lúc bấy giờ đều hết sức gần gũi với đời sống hiện tại của chúng

tôi, cho nên chúng tôi vừa mỉm cười vừa vui vẻ hát bài đồng ca. Bọn trai liếc mắt nhìn Lapô, vô tình bắt chước điệu bộ nhiệt thành và linh hoạt của hắn, nó biểu hiện được hết thấy những tư tưởng của con người. Và khi chúng tôi ca vang:

Kèn đã thổi^[210],

Đây là trận cuối cùng.

Lanhtecnaxionalo

Sẽ đem lại quyền lợi cho ta.

thì Lapô chỉ tay một cách ý nghĩa vào đội kèn, nó hòa vào bản đồng ca những tiếng kèn ngân lên trong vắt.

Hát xong, Matvây Biêlukhin vẫy một cái mui-soa trắng và kêu oang oang lên về phía nhà bếp:

- Nào dọn lên đây thịt ngỗng với thịt thiên nga, rượu mật ong với rượu xecvoa,^[211] rượu vôtka với các đồ nhắm, và kem đầy đĩa tú hụ lên đây nhá!

Bọn trai vừa cười ầm lên vừa nhìn Matvây bằng những con mắt vui thích. Hắn nheo miệng một cách buồn cười và kìm bót cái giọng nam cao của hắn mà đáp lại họ:

- Các đồng chí thân mến ạ, họ đã chẳng đem rượu vôtka với các đồ nhắm lên, nhưng xin lấy danh dự mà cam đoan rằng kem thì có đấy. Và bây giờ, mời anh em sức cái món xúp củ cải đỏ!

Những nụ cười thân thiện hòa hảo chạy dài khắp phòng ăn. Ngắm nhìn theo chúng, tôi chợt trông thấy đôi mắt gương to lên của Djurinxkaia. Bà ta đứng ở cửa và sau vai bà ta lộ ra bộ mặt tươi cười của Iuriep. Tôi chạy vội tới hai người.

Djurinxkaia bắt tay tôi với một vẻ ngẩn ngơ như mãi nghĩ đi đâu, tựa hồ bà ta không làm thế nào mà rời mắt được khỏi những hàng đầu cạo trọc, vai mặc áo trắng và những nụ cười thân ái.

- Thế này là thế nào? ông Antôn Xêmiônôvich... Khoan đã! Nhưng không phải! Mối bà ta run run. Đây toàn là các trẻ của ông đấy chứ? Thế còn những đứa ở đây... chúng đâu cả? Kia, ông kể mau cho tôi biết đã có chuyện gì xảy ra ở đây vậy?

- Chuyện gì xảy ra? Nào ai biết được có chuyện gì xảy ra ở đây... Cái đó hình như được gọi là một sự biến dạng thì phải, và chẳng... đây toàn là những trẻ của chúng tôi cả đấy.

10. Ở CHÂN NÚI ÔLANHPO

Tháng năm và tháng sáu, ở Kuriajê, đã là hai tháng hết sức nặng về mặt lao động. Bây giờ tôi không thể nào nói về phần lao động ấy với những lời phấn khởi được.

Cứ bình tĩnh mà xét thì người ta không thể nào không công nhận rằng có nhiều loại lao động nặng nhọc, khó chịu, không hứng thú, có nhiều loại khác đòi hỏi nhiều kiên nhẫn và thói quen trấn áp trong cơ thể những cảm giác nặng nề đau đớn; lại có rất nhiều loại sở dĩ làm được chỉ là vì người ta đã tập gian khổ và chịu đựng quen rồi.

Đã từ lâu đời mọi người quen khắc phục sự vất vả của lao động và sự chán ghét nhục thể mà nó gây nên cho họ, song những động cơ khiến họ làm như vậy ngày nay không phải là đều làm cho ta hài lòng hết thảy. Vì chiều cố nhược điểm của bản chất con người mà hiện thời chúng ta còn dùng thử một số động cơ thỏa mãn cá nhân, hạnh phúc cá nhân, song nhất thiết chúng ta phải chuyên chú giáo dục những động cơ lớn về lợi ích tập thể. Tuy nhiên về mặt này có nhiều vấn đề rất là rắc rối, và ở Kuriajê thì phải giải quyết chúng hầu như không có sự giúp sức bên ngoài nào cả.

Một ngày kia sẽ có một khoa sư phạm chấn chỉnh nghiên cứu rõ chuyện đó, phân tích cái cơ cấu của nỗ lực con người, chỉ rõ phần nào thuộc về ý chí, lòng tự ái, sự xấu hổ, sự khuyến dụ, lòng sợ hãi, ý ganh đua và bằng cách nào tất cả những cái đó kết hợp với những hiện tượng thuộc về ý thức thuần túy, tín niệm và lý trí. Kinh nghiệm của tôi tựu trung khẳng định một cách quả quyết rằng cái cự ly giữa những yếu tố ý thức thuần túy với những tiêu hao trực tiếp về thể lực khá là to lớn, thành thử nhất thiết cần phải nối chúng lại với nhau bằng một chuỗi những yếu tố giản đơn hơn và vật chất hơn.

Vấn đề ý thức đã được giải quyết rất thuận lợi, ngay hôm các trại viên Gorki đến Kuriajê. Chỉ trong khoảng thời gian một ngày, quần chúng Kuriajê đã có được sự tin tưởng chắc chắn rằng các đội đem lại cho chúng một đời sống tốt đẹp hơn, rằng người mới đến phụ giúp chúng là những người có kinh nghiệm, có tài năng, và chúng cần phải đi cùng đường với họ. Cái nhân tố quyết định ở đây thậm chí cũng chẳng phải là những suy nghĩ lợi ích nữa, sự hiển nhiên là đã có một sức khuyến dụ tập thể: điều quyết định không phải là những sự tính toán, mà chính là những cái tai nghe, mắt thấy, những giọng nói, tiếng cười. Dầu sao chẳng nữa ngày hôm đầu cũng đã có kết quả là gây được cho bọn trẻ ở Kuriajê cái ý muốn kiên quyết gia nhập tập thể trại Gorki, dù chỉ vì rằng đó là một tập thể, một niềm vui sướng mà đời chúng chưa từng được nếm bao giờ.

Nhưng cái mà tôi thu hoạch được cũng mới chỉ có là ý thức, và như vậy thật quả đổi ít ỏi. Ngay hôm sau điều đó đã bộc lộ rõ với tất cả tính phức tạp của nó. Tối hôm trước đã thành lập những đội đặc biệt, để làm mọi công tác chỉ định trong bản tuyên ngôn của đoàn Kômxômôn, hầu hết đội nào cũng có những giáo viên hoặc những trại viên Gorki cũ. Nhưng mặc dầu tinh thần bọn trẻ ở Kuriajê rất tốt, cũng thấy rõ được ngay từ sáng sớm là chúng làm việc rất dở. Sau có nhiều đứa không trở lại công tác nữa và lẩn trốn, còn một số thì, theo thói quen, đã chuồn ra ngoài tỉnh và Ryjôp.

Tôi đích thân đi thăm qua tất cả các đội. Quang cảnh đồng đều khắp cả: ở nơi nào số lượng những hạt nhân Gorki xem chừng cũng chẳng thấm thía vào đâu, đa số những phần tử Kuriajê nổi bật hẳn lên, và phải e ngại rằng tác phong làm việc của chúng rồi cũng chiếm ưu thế nốt, nhất là trong số những trại viên Gorki lại có nhiều đứa trẻ mới và ngoài ra, một vài tay kỳ cựu của trại, hòa tan trong cái dung dịch Kuriajê bất động nọ, không khéo rồi cũng đến tiêu ma cả tác dụng làm lực lượng tích cực của họ mất.

Đối với một tập thể vững chắc thì những biện pháp kỷ luật cưỡng chế bên ngoài có tác dụng rất mạnh và rất rõ rệt, song đem áp dụng những biện pháp ấy ở đây lại thành nguy hiểm, có nhiều kẻ phạm kỷ luật quá, và đối phó với chúng là một việc phiền phức, đòi hỏi nhiều thì giờ. Mà cũng vô hiệu nữa,

vì mọi sự trừng phạt chỉ có tác dụng tốt, khi nào nó xua đuổi kẻ có lỗi ra khỏi hàng ngũ của đoàn thể, do sự kiên quyết xác nhận điều phán quyết của dư luận quần chúng. Cũng nên nói thêm rằng những biện pháp cưỡng chế bên ngoài tác động hết sức yếu ớt trong lĩnh vực tổ chức sự lao động thể lực.

Giả sử có ít kinh nghiệm hơn thì người ta sẽ tự an ủi bằng những ý nghĩ như thế này: bọn trẻ không quen lao động thể lực, chúng không “khéo tay” không biết làm việc và không có cái tập quán làm theo cùng một nhịp độ với các bạn chúng; chúng thiếu sự kiêu hãnh trong lao động nọ, bao giờ nó cũng là nét đặc thù của con người tập thể; hết thấy những cái đó không thể nào hình thành một sớm một chiều, và cần phải có thì giờ mới được. Khôn nổi tôi lại không thể nào tự an ủi như thế. Về điểm này, có một quy luật mà tôi biết rất rõ mách bảo tôi rằng: trong lĩnh vực sư phạm không làm gì có những quan hệ tùy thuộc giản đơn, và ở đó, ít hơn hết thấy bất cứ nơi nào khác, không thể nào chấp nhận cái công thức tam đoạn luận và cái lối diễn dịch ngắn gọn được.

Cứ như tình hình mọi sự hồi thán năm ở Kuriajê, thì sự tiến triển chậm chạp từng bước của nỗ lực lao động đe dọa in vào phong cách làm việc chung những hình thức tồi tệ nhất và lảm nhảm ma mât cái kiểu cách dẻo dai nhanh chóng và chính xác trong lao động, vốn dĩ là kiểu cách riêng của các trại viên Gorki.

Lĩnh vực của phong cách và các điều xưa nay vẫn không được “lý luận” sư phạm biết đến, vậy mà đó chính lại là phần quan trọng nhất và chủ yếu nhất của giáo dục tập thể. Phong cách là một cái gì tế nhị nhất và cũng mau hư hỏng nhất. Phải nâng niu nó, trông nom nó hàng ngày, nó đòi hỏi sự ân cần săn sóc chu đáo nhất, như một bông hoa vậy. Phong cách được tạo nên rất chậm chạp, vì không thể nào quan niệm được nó nếu không có sự tích lũy những truyền thống, nghĩa là những nguyên tắc và thói quen đã tập thành không phải do ý thức thuần túy nữa, mà do sự tôn trọng có ý thức đối với kinh nghiệm của những thế hệ cũ và cái uy tín lớn lao của cả một tập thể đã có một khoảng thời gian tồn tại nào đấy. Sự thất bại của nhiều trại nhi đồng là ở chỗ các trại đó đã không tạo được cho mình một phong cách riêng, ở đấy đã không hình thành được những tập quán và truyền thống, và nếu chúng có bắt đầu được cấu thành thì lại bị các ông thanh tra giáo dục, không ngớt bị thuyên chuyển, cứ luôn luôn phá hủy đi, mà động cơ khiến các ông làm như vậy lại là những lý do rất đáng khen. Vì thế nên bọn “con nít” của khoa giáo dục xã hội vẫn cứ sống mà không hề ngờ rằng không những có truyền thống lâu “hàng thế kỷ”, mà còn có cả đến truyền thống chỉ mới lâu được có một năm thôi.

Sau khi chinh phục được ý thức của bọn trẻ Kuriajê, tôi có thể gần gũi thân mật với chúng hơn và tin tưởng chúng hơn. Song như thế vẫn chưa đủ. Muốn thu được thắng lợi thật sự, từ nay tôi cần phải có kỹ thuật sư phạm. Trong lĩnh vực kỹ thuật ấy tôi thấy mình cũng cô độc như năm 1920, mặc dầu không đến nỗi dốt nát một cách đáng buồn cười như năm đó. Phải hiểu sự cô độc này theo một nghĩa riêng. Ở trong lòng tập thể các giáo viên cũng như ở trong lòng tập thể của bọn trẻ, tôi đã có được những tay giúp sức đặc lực, dựa vào họ tôi có thể mạnh dạn làm những công việc phức tạp nhất. Song tất cả những cái đó đều là việc ở trên mặt đất.

Ở trên trời và ngay gần bên, trên đỉnh ngọn núi “Ôlanhơ sư phạm” kia, mọi thứ kỹ thuật sư phạm trong lĩnh vực giáo dục nhất thiết đều bị coi là tà giáo.

“Ở trên trời” đứa trẻ được coi như là một sinh vật chứa đầy một khí thể thành phần như thế nào đấy, mà người ta cũng chẳng buồn nghĩ tới đặt ra một cái tên cho khí thể ấy nữa. Và chẳng, đó cũng vẫn chỉ là chuyện cái linh hồn theo kiểu cũ nọ, mà các sử đã đồ từ lâu đề ra lý. Người ta giả định (giả thiết lao động) rằng cái khí thể cách xử ấy có một năng lực phát triển tự động, chỉ cốt sao đừng làm trở ngại nó là được. Người ta đã viết nhiều cuốn sách về vấn đề ấy, nhưng tất cả kỳ thực đều nhắc lại những châm ngôn của Rutxô:

“Hãy nên sùng kính tuổi thơ...”

“Hãy nên e sợ làm trở ngại thiên nhiên...”

Giáo lý chủ yếu của cái tên giáo ấy là thế này: trong những điều kiện sùng kính và ân cần săn sóc như thế đối với thiên nhiên, cái cá tính cộng sản chủ nghĩa tất nhiên phải nảy nở từ cái khí thể nói đó. Sự thực thi trong hoàn cảnh thiên nhiên thuần túy, chỉ thấy mọc lên những cái gì có thể tự nhiên mọc lên thôi, nghĩa là thứ cỏ dại bình thường ở ngoài cánh đồng, song cái đó chẳng khiến ai lấy làm điều hết, vì những nguyên tắc và tư tưởng được chú vị nhà giới vô cùng coi trọng. Những ý kiến phản bác của tôi cho rằng thứ cỏ dại lượm được như vậy không thích hợp với những dự án nói trên về cá tính cộng sản chủ nghĩa, đều bị gọi là chủ nghĩa thực dụng thông tục, và khi người ta muốn nhấn mạnh thực chất tôi như thế nào, thì người ta nói:

- Makarenkô là một người thực hành giỏi, nhưng hẳn ta chẳng hiểu mấy tí về lý luận;

Người ta cũng nói đến kỷ luật. Cơ sở của lý luận trong vấn đề này căn cứ vào mấy chữ: “kỷ luật tự giác” mà người ta thường gặp thấy trong Lênin. Đối với bất cứ người nào có lương tri thì mấy chữ đó bao hàm một chân lý đơn giản, dễ hiểu và cần thiết trong thực tế: kỷ luật phải gắn liền với sự hiểu biết rằng nó là tất yếu, hữu ích, bắt buộc và có ý nghĩa giai cấp. Trong lý luận sư phạm thì lại không phải là như vậy; kỷ luật không phải là nảy sinh ra từ kinh nghiệm xã hội, cũng không phải từ hoạt động thực tiễn của một tập thể đồng chí, mà nảy sinh từ sự tự giác thuần túy, từ một tín niệm lý trí trần trụi, từ cái thần khí của linh hồn, từ tư tưởng. Rồi các nhà lý luận lại đi xa hơn nữa và quyết định rằng cái “kỷ luật tự giác” sẽ chẳng có giá trị gì hết, nếu nó được hình thành do ảnh hưởng của người lớn. Như vậy nó không phải là một kỷ luật tự giác chân chính nữa, mà là sự rèn cặp, thực chất như vậy là cưỡng chế cái thần khí của linh hồn. Cái mà ta cần phải có không phải là kỷ luật tự giác mà là “kỷ luật tự ngã”. Cũng theo đúng như vậy, bất cứ một tổ chức nhi đồng nào cũng là vô ích và nguy hiểm, mà cần thiết là cái “tổ chức tự ngã”.

Trở về cái xó hẻo lánh của tôi, tôi bắt đầu ra công suy nghĩ. Tôi suy luận như thế này: hết thảy chúng ta đều biết rất rõ ta cần phải giáo dưỡng con người nào, mỗi người công nhân có văn hóa và giác ngộ đều biết điều đó, cũng như mỗi người đảng viên đều biết hết sức tường tận.

Như vậy sự khó khăn không nằm trong vấn đề phải làm cái gì, mà phải làm thế nào. Mà cái đó thì là một vấn đề kỹ thuật sư phạm.

Kỹ thuật chỉ có thể rút ra từ kinh nghiệm. Những quy luật về việc cắt kim thuộc sẽ không thể nào tìm ra được, nếu trong kinh nghiệm của loài người, chưa từng có ai cắt kim thuộc bao giờ. Nhất định phải có tích lũy kinh nghiệm, mới có thể có được sự phát minh, cải tiến, tuyển lựa và loại trừ phế phẩm.

Nền sản xuất sư phạm của chúng ta chưa bao giờ được tổ chức theo cái lôgic của kỹ thuật học mà là theo cái lôgic của sự thuyết giáo đạo đức. Điều đó đặc biệt rõ rệt ở ngay trong lĩnh vực giáo dục, còn trong công tác nhà trường thì có lẽ một phần nào kém rõ.

Lý do chỉ là vì ở nước ta tất cả mọi bộ môn chính của sản xuất đều thiếu hết: qui trình thao tác kỹ thuật, trừ tính các việc, nghiên cứu công tác, sử dụng các đạo tuyến về thiết bị, chỉ định tiêu chuẩn, kiểm tra, quy định những mức chiều cỡ đúng cách, loại trừ phế phẩm.

Khi tôi rụt rè nói lên những tiếng như thế ở chân núi Ôlanhơ, thì cốc ví thiên thần ném gạch vào người tôi và kêu lên rằng đó là cơ giới luận.

Nhưng càng suy nghĩ về vấn đề, tôi càng thấy sự giống giữa quá trình giáo dục và những quá trình thông thường của nền sản xuất vật chất, và trong sự giống nhau đó chẳng có cái gì là cơ giới luận đáng sợ đến thế. Cá tính con người ở dưới mắt tôi vẫn là cái cá tính con người có đầy đủ tính phức tạp,

phong phú và đẹp đẽ của nó, song tôi cho rằng chính vì vậy mà đối với nó lại càng nên dùng những dụng cụ đo lường tinh xác hơn. Với một thái độ nghiêm chỉnh hơn và khoa học hơn, chứ không nên dùng những phương thức hồ đồ đơn giản, ngu muội điên rồ. Sự giống nhau rất sâu sắc giữa việc sản xuất và việc giáo dục không những không lãng nhệ cái khái niệm của tôi về con người, mà trái lại nó còn khiến tôi đặc biệt kính trọng con người, vì không thể nào không kính trọng một cái máy phức tạp và tinh xảo.

Dù sao tôi cũng thấy rõ ràng một số rất lớn những bộ phận của cá tính và phẩm cách con người có thể sản xuất bằng máy rập, chỉ rập in nổi hàng loạt là xong, nhưng các máy rập đó phải làm việc một cách tinh tế đặc biệt, chúng đòi hỏi một sự thận trọng và một độ tinh xác hết sức chi ly. Có những bộ phận khác, trái lại cần được qua máy chế tạo riêng, do tay một người thợ chuyên môn cao độ, một người có những bàn tay tiên và một cái nhìn rất mực chắc chắn. Lại có nhiều bộ phận khác nữa cần tới những công cụ thiết bị riêng biệt và phức tạp, đòi hỏi một óc sáng tạo lớn và cả đến một thiên tài bay bổng. Song đối với hết thảy mọi bộ phận, cũng như đối với toàn bộ công tác của nhà giáo dục, đều cần phải có một khoa học riêng. Tại sao trong các trường cao đẳng kỹ thuật, chúng ta nghiên cứu sức bền của các vật liệu, mà trong các trường cao đẳng sư phạm chúng ta lại không nghiên cứu sức bền của cá tính, khi ta bắt đầu giáo dục nó? Vậy mà sự tồn tại của cái sức bền đó chẳng còn là một bí mật đối với ai hết thảy. Tại sao ở nước ta không có, chẳng hạn, một sở kiểm soát nào đó có thể bảo cho đủ loại các nhà sản xuất ra những sai lầm sư phạm biết rằng:

- Các chú nó ời, hang của các chú có đến chín mươi phần trăm phé phẩm. Các chú đưa ra cho chúng tôi đâu có phải là con người cộng sản chủ nghĩa, mà là thứ giả hiệu hoàn toàn, đồ cặn bã, hạt giống say rượu, lười biếng và lợi dụng. Thôi xin các chú làm ơn xuất tiền lương ra mà bồi thường đi.

Tại sao ở nước ta không có một khoa học nào nghiên cứu nguyên liệu của ta, và làm sao không có ai biết đem cái chất liệu ấy ra mà dùng làm một việc gì, một bao diêm hay một chiếc máy bay?

Từ trên đỉnh núi Ôlanhơ của các phòng giấy bác học, người ta không phân biệt được bộ phận gì hoặc phân việc gì hết. Từ trên cao ấy người ta chỉ trông thấy biển rộng vô biên của tuổi thơ không cá tính, và ở giữa các bức tường của phòng giấy, dựng lên cái mô hình của đứa trẻ trờu tượng làm bằng những chất liệu nhẹ nhất: tư tưởng, giấy chữ in và những mơ mộng kiểu Manilôp.^[212] Khi các vị ở trên núi Ôlanhơ đến thăm tôi ở trại, thì mắt các vị không mở ra và họ không nhìn nhận thấy rằng cái tập thể nhi đồng sinh động là một trường hợp mới mẻ, đòi hỏi người ta trước hết phải quan tâm đến vấn đề kỹ thuật. Nhưng tôi, thì trong lúc hướng dẫn họ đi thăm trại, và mặc dầu tôi đã giữ thế để chịu đựng cái khổ hình^[213] phải tiếp xúc lý luận với họ, tôi vẫn không thể nào không chú ý đến một chi tiết kỹ thuật nhỏ nào đấy.

Ở phòng ngủ của đội bốn, bọn trẻ đã không cọ rửa sàn nhà vì cái xô xách nước đã biến đi đâu mất. Tôi chú ý đến giá trị vật chất của cái xô và đến cái kỹ thuật nó mất ra làm sao. Những xô cấp cho các đội đều giao cho đội phó quản lý, hấn cắt đặt phiên người lau rửa và do đó phiên người chịu trách nhiệm. Chính điều đó, phân trách nhiệm đối với việc lau rửa, với cái xô và chiếc khăn lau, được tôi coi là một yếu tố kỹ thuật.

Việc này cũng giống như cái máy tiện tồi nhất, cũ nhất, đã mất cả nhãn hiệu lẫn dấu năm sản xuất, trong một nhà máy. Những máy tiện như thế thì bao giờ cũng bị dồn vào góc xưởng hẻo lánh nhất, chỗ sàn ván nhầy mỡ nhất, và người ta gọi nó là máy “bà già”. Người ta dùng nó để chế tạo cả một mớ vụn vặt: những ròng-đen, chốt móc, vành nối, bu-loong cho cái này cái nọ. Nhưng khi “bà già” bắt đầu dở chứng, thì có một làn sóng cười giễu thoáng gọn chút lo âu lướt qua khắp nhà máy; ở bên xưởng lắp ghép người ta bắt đầu như tình cờ cho ra những “xuất phim tùy điều kiện” và trên những tầng ván của

các nhà kho xuất hiện một đồng lũ lũ những bộ phận đáng vẻ xấu xí, đồ hàng “không đúng quy cách”.

Tôi coi phần trách nhiệm đối với cái xô và chiếc khăn lau cũng như cái máy tiện nọ, mặc dầu nó bị xếp vào hạng bét đáy, nhưng người ta dùng nó để làm ra những gong chủ chốt cho cái đặc tính quan trọng nhất của con người: ý thức trách nhiệm. Không có cái đặc tính ấy, thì không làm gì có con người cộng sản chủ nghĩa, mà chỉ có những đồ hàng “không đúng quy cách” mà thôi.

Các vị ở trên núi Ôlanhơ coi khinh kỹ thuật. Do sự thống trị của họ, tư tưởng kỹ thuật đã chết dần mòn trong các trường cao đẳng sư phạm của ta, đặc biệt là về mặt công tác giáo dục. Không có ở lĩnh vực nào, trong đời sống xô-viết của chúng ta, mà tình trạng kỹ thuật lại thảm hại hơn là ở lĩnh vực giáo dục. Do đó công tác giáo dục chỉ là một loại thủ công nghiệp, và là thứ lạc hậu nhất trong mọi thứ công nghiệp. Chính vì thế mà lời than phiền này của Luka Lukitso Khlôpốp, trong “Quan thanh tra”, vẫn cứ còn là đúng:

“Không gì tệ hơn là ở trong một nghề thông thái, ai cũng can thiệp vào được thiệp vào được, ai cũng muốn tỏ ra rằng ta cũng là một người thông minh đấy”.

Đó không phải là một câu nói đùa hay một ngoa ngôn tài tình, đó là sự thật đơn giản và nôm na. Có ai là người thiếu ánh sáng trí tuệ đi giải quyết bất cứ vấn đề giáo dục nào? Ông Mỗ nào cũng chỉ rõ việc ngồi vào trước bàn viết của mình, ấy thế rồi ông cân nhắc, thắt buộc và tháo cởi. Có cuốn sách nào kìm hãm nổi ông ta? Cần chi đến một cuốn sách, bởi vì chính ông cũng có một đứa con? Ấy thế mà có một vị giáo sư về khoa sư phạm, chuyên gia viết về vấn đề giáo dục, viết thư cho cục Gêpêu hoặc cho ban N.K.V.D: [\[214\]](#)

“Thằng con nhỏ tôi đã ăn cắp của tôi nhiều lần, nó hay ngủ lang, tôi khẩn thiết xin ông...”

Người ta tự hỏi tại sao về mặt sư phạm các cán bộ Tsêka lại là những kỹ thuật gia giỏi hơn một ông giáo sư về khoa sư phạm.

Tôi không sớm trả lời được câu hỏi kỳ thú ấy, song hồi bấy giờ, năm 1926, thì về lĩnh vực kỹ thuật của tôi, tôi cũng không lợi thế hơn Galilê với ống kính của ông ta. [\[215\]](#) Tôi không mất nhiều thì giờ để chọn lựa: hoặc thất bại ở Kuriajê, hoặc thất bại trên núi Ôlanhơ và bị loại trừ khỏi thiên đường. Tôi chọn lấy điều sau này. Thiên đường chói lợi ở trên đầu tôi, lung linh đủ mọi màu sắc của lý luận, song tôi đi tìm đội đặc biệt các trại Kuriajê và bảo họ:

- Nay, các chú, các chú làm việc chẳng ra cái gì hết... Buổi họp hôm nay tôi sẽ sửa cho các chú cẩn thận. Làm ăn như thế này thì còn ra cái trò trống gì nữa!

Bọn trai đỏ mặt lên, và một chú lớn chìa cái cuốc về phía tôi, nói giọng tức giận:

- Là vì cuốc cùn cả... Đây bác xem.

- Nói láo, Tôxka Xôlôviep bảo hấn, mày nói láo. Mày hãy thú thật là mày nói láo, mày hãy thú đi...

- Vậy nó sắc đấy hấn?

- Thế mày đã không ngồi cả một tiếng đồng hồ trên bờ ruộng à, có thể không nào?

- Đây này, tôi bảo chú đội trưởng: Từ giờ đến bữa ăn chiều, các chú phải làm cho xong việc này. Nếu không thì ăn xong ta sẽ làm. Và tôi cùng làm với các chú.

- Chúng cháu sẽ làm xong mà, chú có cái cuốc cùn nói. Có cái gì mà làm xong ở đây?

Tôxka bật lên cười:

- Cái thằng mới lấu cá chứ!

Về mặt đó thì không có chuyện gì đáng buồn cả; một khi tụi trẻ lười nhác, nhưng lại bịa ra những lý

do rất hay để tránh làm việc, thì như vậy có nghĩa là chúng tỏ ra có tính chủ động và tài sáng tạo, hai món hàng rất được ưa chuộng ở chợ trên núi Ôlanhpơ. Kỹ thuật của tôi chỉ còn có việc vui đập đi chút ít những biểu thị sáng tạo thuộc loại đó, và chỉ có thể thôi; ngược lại, tôi có thể vui lòng nhận thấy rằng hầu như đã không có tình hình ngang nhiên từ chối cộng tác. Một vài đứa lẩn mặt chuẩn đi đâu không biết, song những đứa ấy khiến tôi băn khoăn ít hơn hết cả: Đối với chúng bọn trẻ đã sẵn có kỹ thuật riêng của họ. Dù thằng đại lẩn có đem cái lười của nó mà đi lê la đâu chẳng nữa, thì nó cũng cứ phải mò đến bàn ăn của đội nó. Bọn trẻ nuôi Kuriajê tiếp nhận nó một cách không âm ỹ lắm, mà chỉ bảo nó với một giọng ngớ ngẩn:

- Lại cứ tưởng là cậu đã trốn khỏi trại.

Miệng lưỡi và các bàn tay của tụi trẻ Gorki thì biểu lộ tình cảm mạnh hơn. Khi tới gần bàn ăn, thằng đại lẩn tìm cách làm ra vẻ một gã bình thường nào đó, chẳng có gì đáng phải đặc biệt chú ý, song đội trưởng của nó thì lại cần suy công luận thưởng đối với từng người. Hắn nghiêm khắc ra lệnh cho một chú Kôlia nào đấy:

- Kôlia, cậu ngồi chồm hồm trên ghế của cậu làm gì thế? Cậu không trông thấy hay sao? Krivôrutskô đã đến, cậu hãy nhường chỗ cho hắn, nhanh nhẹn lên nào! Dọn cho hắn một cái đĩa sạch! Cậu đưa cho hắn một cái thìa như thế nào đấy, thìa với thìa như thế à?!

Cái thìa biến ngay qua ghi-sê nhà bếp.

- Múc xúp béo hơn nữa cho hắn đi, béo nữa vào!... Pêchia, chạy đi tìm bác trưởng bếp và đem một cái thìa tốt về đây! Quàng lên! Xtêpa, cắt bánh cho hắn đi... Kìa, cậu cắt cái gì thế? Chỉ có bọn dân quê mới cắt những vành bánh xe bò như thế, còn hắn thì phải cắt mỏng hơn cho hắn... Nhưng cái thằng Pêchia đi lấy thìa đâu rồi nhỉ?... Pêchia, mau lên chứ! Vania, gọi Pêchia đi, bảo nó đem thìa lên!

Ngồi trước cái đĩa đầy xúp củ cái đỏ béo hết sức, Krivôrutskô đỏ dừ mặt trên món xúp. Từ bàn bên cạnh có tiếng một cậu nào đồng dục hỏi:

- Này, đội mười ba, các cậu đã vớ được một ông khách đấy à?

- Phải rồi, ông ấy đã đến, ông ấy đây này, ông ấy sắp ăn... Pêchia, đưa cái thìa lên đi chứ, ông ấy vội lắm!...

Pêchia, vẻ bận rộn một cách rất hê tuông, chạy bỏ vào trong phòng và giơ ra một cái thìa thường của trại, mà hắn trình trọng cầm giữa hai ngón tay như một vật phẩm đem dâng vậy.

- Cậu đem cái thìa gì lên thế? Người ta đã bảo cậu thế nào? Đi tìm cái thìa lớn nhất kia...

Pêchia vờ vội vã cuống cuống và chạy loăng quăng như một thằng điên trong phòng ăn, cụng đầu vào các cửa sổ làm tưởng là cửa ra vào. Một trò hí kịch phức tạp bắt đầu diễn, có cả đến những người trong nhà bếp cũng tham gia. Một tiếng thở phào hắt ra khỏi môi vài cậu, vì nói cho đúng, thì chỉ hoàn toàn do gặp may mà chính các cậu đã không là đối tượng cho người ta ân cần săn sóc nhiệt liệt đến thế. Pêchia chạy như bay trở về, hai tay cầm một cái lọc cháo không lò hay một cái muôi nhà bếp nào đấy. Bàn nào bàn nấy cười bò cả ra. Lúc đó Lapô thông thả rời chỗ ngồi và đi tới chỗ đang có chuyện. Hắn lặng lẽ quan sát tất cả những diễn viên của tán kịch ấy và nhìn chú đội trưởng bằng một con mắt nghiêm khắc. Rồi trút bỏ vẻ nghiêm ngẽ, bộ mặt hắn, trước mắt mọi người, bỗng làm ra vẻ động lòng trắc ẩn và thương xót, đúng là những tình cảm mà ai ai cũng biết hắn không thể nào có được. Cả phòng ăn nín thở, chờ đợi các nghệ nhân một lớp hài kịch cực kỳ thú vị và tinh tế: Lapô truyền vào trong giọng kim eo éo của hắn những màu mè rất là tế nhị, đặt một bàn tay lên đầu Krivôrutskô.

- Ăn đi, chú em ạ.. ăn đi, chú em đừng sợ... Tại sao các cậu lại chơi đùa làm khổ thằng bé này thế? Sao hử? Ăn đi, em... Sao, không có thìa à? Ồ, thật đáng ghét quá, cho hắn một cái thìa nào... ờ, cái

đỏ, cái nào cũng được mà...

Nhưng chú em không thể nào ăn được. Nó khóc lu loa ầm cả phòng ăn lên và rời khỏi bàn ăn, đi lại y nguyên cái đĩa của nó đầy xúp củ cải đỏ béo hết sức. Lapô ngấm kẻ chịu nạn và nhìn bộ mặt hẩn người ta thấy rằng hẩn biết động lòng thương cảm sâu sắc biết chừng nào.

- Sao lại có thể thế được? Lapô nói, hầu như khóc. Thế nào, chú em không ăn ư? Chúng nó hành hạ thằng bé khổ thế đấy!

Lapô ngoảnh đầu lại phía các trại viên với một cái cười lặng lẽ. Hẩn quàng tay qua đôi vai Krivôrutskô đang rung lên vì thổn thức và nhẹ nhàng kéo nó ra ngoài phòng ăn. Cử tọa cười phá cả lên. Song tấn kịch còn một hồi sau chót mà công chúng không được xem. Lapô đã đưa vị khách của hẩn vào trong bếp, đặt nó ngồi vào cái bàn rộng và ra lệnh cho trưởng bếp phục vụ “người này”, mà cho ăn thật ngon vào, bởi vì, “các cậu ạ, họ đã xử tệ với hẩn ta”. Và đến khi thằng Krivôrutskô, người còn rung rung vì những tiếng thổn thức nho nhỏ, đã ăn xong món xúp củ cải đỏ, và tâm trí đã khá tỉnh táo để chú ý đến việc lau mũi và nước mắt, thì Lapô giáng cho nó một đòn xảo quyết cuối cùng, giả thử chính Judá Ixcariôt^[216] mà phải nhận đòn ấy thì cũng biến thành con bò câu trong trắng mất thôi.

- Tại sao chúng nó lại trừ cậu? Hẩn là cậu đã không đi lao động, có phải thế không?

Krivôrutskô gật đầu, rồi nắc với thờ dài, và nói chung là ra hiệu nhiều hơn nói.

- Những cái thằng ấy lố thật đấy! Chúng chỉ giỏi trò!... Nhưng đây là lần cuối cùng cậu chuồn kia mà? Là lần cuối cùng, có phải thế không? Vậy thì tại sao lại kiếm chuyện? Làm như ít có những chuyện như vậy lắm ấy! Tớ, khi tớ mời vào trại, tớ đã không đi lao động những bảy ngày kia... Còn cậu, mới chỉ có hai. Nhưng hãy hượm cho tớ xem bắp thịt của cậu nào... Ài chà! Tất nhiên là với những bắp thịt như thế này thì phải lao động chứ... Có phải không?

Krivôrutskô lai gật đầu và ăn sang món kasa. Lapô trở lại phòng ăn, từ giã nó với câu khen ngợi bất ngờ này:

- Tớ đã thấy ngay rằng cậu là một người anh em mà.

Chỉ cần một hay hai trò hí kịch như vậy là đủ khiến các chú cách không dám bỏ trốn đội công tác nữa. Thói quen đó biến rất mau khỏi trại Kuriajê. Còn đối với những đứa hay giả vờ giả vệt như thằng Khôvrak thì phải tốn công hơn. Sang đến ngày thứ ba nó đã bắt đầu bị cảm nắng: nó rên rĩ lê mình vào các bụi rậm, nằm dài trong đó nghỉ ngơi, nhưng Taranet biết cách trị nó rất tài tình. Hẩn xin Antôn cho một cái xe đrôski thắng con Hảo-hán và đem theo ra cánh đồng một toán y tá với đủ lệ bộ cò quạt và hồng thập tự. Pháp bảo mạnh mẽ nhất mà hẩn sử dụng là thằng Lêsi, võ trang bằng một cái bể lò rên thực sự. Khôvrak vừa mới bắt đầu nằm thoải mái một cái trong khu rừng con, là lập tức ban “cấp cứu” đổ ào ngay tới nó. Chỉ một giây đồng hồ, Lêsi đã đặt cái bể của hẩn trước mặt bệnh nhân, rồi vài người ra sức kéo bể nhanh nhẩu vui vẻ thực tình. Chúng quạt cho Khôvrak vào khắp chỗ trên người bảo là có hơi nắng ản nhiễm, rồi lôi nó ra xe tải thương. Song Khôvrak đã khỏi rồi và xe yên ổn trở về trại. Phải chịu cách điều trị vừa tả đó. Khôvrak tuy đã thấy là khổ hết sức song còn gay cho nó hơn nữa là lại phải ngồi vào giữa đội để lặng lẽ nuốt những liều thuốc mới dưới hình thức những câu hỏi đơn giản nhất:

- Thế nào, Khôvrak, cậu đã thấy dễ chịu rồi hả? một phương thuốc tốt đấy chứ, có phải không?

Đó dĩ nhiên là những hành động du kích, nhưng nó xuất phát từ cái không khí chung, và từ ý chí của tập thể muốn thúc đẩy cho công tác tiến hành tốt. Mà không khí và ý chí ấy là những đối tượng chân chính của mọi quan tâm về kỹ thuật của tôi.

Yếu tố kỹ thuật cơ bản tất nhiên vẫn là đội. Thế nào là một đội, thì suốt cho đến điểm kết thúc câu

chuyện này, các vị ở trên núi Ôlanhơn nhất thiết vẫn không bao giờ hiểu nổi. Tuy nhiên tôi vẫn hết sức cố gắng giải thích cho chư vị ở trên ấy hiểu ý nghĩa và giá trị tuyệt đỉnh của nó trong quá trình sự phạm. Song vì chúng tôi nói những ngôn ngữ khác nhau cho nên không thể giải thích cái gì được hết. Tôi thuật lại đây hầu toàn bộ một câu chuyện trao đổi giữa tôi và một vị giáo sư sự phạm đến thăm trại, người rất mực đĩnh đạc, đeo kính, áo vét-tông và quần dài, một con người nhỏ xiu có tư tưởng và đạo đức. Ông ta cứ vịn vẹo tôi về vấn đề này: tại sao lại đội trưởng trực nhật chứ không phải là thầy giáo phân phối các bàn cho các đội ở phòng ăn.

- Nói chuyện đứng đắn, đồng chí ạ, tôi cho là đồng chí chỉ đùa đó thôi. Làm sao lại: trẻ nuôi trực nhật phân phối các bàn, còn đồng chí thì cứ ngồi yên đấy. Đồng chí có chắc rằng nó làm mọi việc đúng cả, không bất công đối với ai chẳng? Nói cho cùng... thì có thể là nó chỉ nhầm lẫn.

- Phân phối các bàn không phải là việc khó khăn đến thế, tôi trả lời vị giáo sư, và chẳng trại chúng tôi có một qui tắc cũ rất tốt.

- Hay đây! Một qui tắc?

- Phải, một qui tắc. Như thế này: tất cả những cái gì thích thú cũng như tất cả những cái gì không thích thú và nặng nhọc đều phải lần lượt phân phối cho các đội, theo số thứ tự.

- Sao lại thế, vậy là thế nào? Tôi không hiểu.

- Giản dị lắm. Hiện giờ đội một ngồi chỗ tốt nhất ở bàn ăn, sang tháng sau sẽ đến lượt đội hai và cứ như thế mà đổi lượt.

- Tốt lắm, còn những cái không thích thú, thì là cái gì?

- Rất thường có những chuyện mà người ta gọi là không thích thú. Chẳng hạn, nếu phải làm cấp tốc một công tác đột xuất, thì đội một sẽ được chỉ định, rồi lần sau người ta phái đội hai. Khi nào phân chia những khổ dịch quét dọn thì đội một trước tiên sẽ phải quét dọn các nhà xí. Cái này dĩ nhiên là chỉ nói về các công tác phải luân phiên làm mà thôi.

- Có phải ông đã đặt ra cái qui tắc gớm ghiếc ấy không?

- Không, tại sao lại tôi? Đó là bọn trai. Như thế tiện cho chúng hơn: những việc phân phối ấy khó làm lắm, và bao giờ cũng có người không bằng lòng. Còn như bây giờ, thì đấy, nó được làm một cách máy móc. Tháng nào cũng đổi phiên.

- Như thế nghĩa là đội hai mươi của ông sẽ phải quét dọn nhà xí trong hai mươi tháng nữa?

- Đúng như vậy, nhưng nó cũng sẽ được chiếm chỗ tốt nhất ở phòng ăn trong hai mươi tháng nữa.

- Ghê quá nhỉ? Nhưng trong hai mươi tháng nữa, thì ở đội hai mươi, sẽ có những người mới. Có phải thế không?

- Không, thành phần các đội hầu như không thay đổi. Chúng tôi chủ trương lập những tập thể lâu bền. Cố nhiên là có một người nào đó đi, hai ba người mới đến. Nhưng dù đa số trong đội có đổi mới nữa, cái đó cũng không có gì là nguy hiểm. Đội là một tập thể có những truyền thống, lịch sử, thành tích, vinh quang riêng của nó. Chắc rằng hiện tại chúng tôi đã điều chỉnh rất nhiều thành phần các đội đấy, song những nòng cốt vẫn còn lại.

- Tôi không hiểu. Tất cả những cái đó đều là trò bày vẽ. Tất cả những cái đó đều là chuyện trẻ con. Đội với vinh quang của nó còn có ý nghĩa gì, nếu là những người mới. Nó giống cái trò gì?

- Giống sư đoàn Tsapaep, tôi mỉm cười đáp.

-Ồ, ông lại rơi vào vấn đề quân sự hóa của ông rồi...

- Nhưng mà... Trong chuyện này thì có cái gì có thể nói là giống Tsapaep chứ?

- Ở trong sư đoàn không còn có những người ngày trước. Và Tsapaep cũng không còn nữa. Bây giờ là những người mới. Tuy nhiên họ đã đảm nhận cái vinh quang và cái danh dự của Tsapaep và các trung đoàn của ông ta. Ông có hiểu hay không? Họ chịu trách nhiệm về sự vinh quang của Tsapaep. Và nếu họ tự làm mất danh dự, thì năm mươi năm sau sẽ có những người mới phải chịu trách nhiệm về sự sỉ nhục của họ.

- Tôi không hiểu tại sao ông lại cần đến tất cả những cái đó?

Nhưng cái ông giáo sư ấy chẳng bao giờ hiểu cả, thì tôi biết làm thế nào?

Trong những ngày đầu ở Kuriajê một công tác rất lớn đã được hoàn thành ở trong lòng các đội. Đã từ lâu, cứ mỗi nhóm hai hay ba đội lại được một giáo viên điều tới. Giáo viên đó đảm nhận cái trách nhiệm đánh thức niềm danh dự tập thể của đội, khuyến khích đội giành lấy cái địa vị tốt nhất, xứng đáng nhất ở trại. Những động cơ mới mẻ và cao thượng về lợi ích tập thể đã không xuất hiện trong một sớm một chiều, tuy nhiên cũng xuất hiện tương đối sớm hơn, sớm nhiều hơn là nếu chúng tôi đặt hi vọng vào việc rèn giũa từng cá nhân một.

Phương pháp thứ hai, rất quan trọng ở trại chúng tôi, là đặt ra những đường viền cảnh. Ai cũng biết là có hai cách tổ chức viền cảnh, và do đó tổ chức sự cố gắng cần cù. Cách thứ nhất nhằm tổ chức viền cảnh cá nhân, bằng cách tác động vào những lợi ích vật chất của cá nhân, trong số những lợi ích khác. Nhưng các nhà tư tưởng sự phạm đương thời tuyệt đối cấm làm như thế. Chỉ nghe bàn chuyện cấp cho bọn trẻ một số tiền rúp nhỏ mọn nhất, dưới hình thức tiền lương hay tiền thưởng, là lập tức các chư vị trên núi Ôlanhơ làm náo loạn cả trời lên thật sự. Các nhà tư tưởng sự phạm tin tưởng sâu sắc rằng tiền bạc do ma quỷ đưa tới, họ chẳng đã từng nghe nói trong Faoxto:

Con bê vàng còn đứng đó... [\[217\]](#)

Lương lậu và tiền bạc khiến họ sợ chết khiếp, thậm chí họ không để cho ai còn có chỗ nào mà biện luận được nữa. Phương thức duy nhất có lẽ là phải rầy nước phép, [\[218\]](#) song tôi lại không có phương tiện ấy.

Nhưng tiền lương là một điều rất quan trọng. Nhờ có nó, đứa trẻ nuôi học tập phối hợp những lợi ích cá nhân với lợi ích chung, lao mình vào cái biển vô cùng phức tạp của kế hoạch công nghiệp và tài vụ, của hiệu suất thương nghiệp và doanh lợi, am hiểu tất cả hệ thống của nền kinh tế công nghiệp xô-viết và tự đặt mình trên nguyên tắc vào những cương vị chung với hết thảy mọi người công nhân khác. Sau hết nó tập quen đánh giá đúng đồng tiền lương, và khi rời bỏ trại thì đồng nó không đến nỗi như một cô nữ sinh trung học vô sở định không biết cách sống và chỉ có toàn những “lý tưởng”.

Song biết làm thế nào được, tất cả những cái đó đều bị cấm kỵ.

Tôi chỉ còn có cách theo con đường thứ hai, là nâng cao cách điệu tập thể và xây dựng một chế độ hết sức phức tạp phát triển những viền cảnh tập thể. Phương pháp này không đến nỗi sặc mùi tà khí lắm, cho nên về mặt đó các vị trên núi Ôlanhơ có thể còn dung thứ cho nhiều điều, tuy không khỏi đôi khi vẫn găm gù nghi kỵ.

Con người không thể nào sống được ở cõi đời này nếu nó không nhìn thấy ở trước mắt một cái gì tươi vui. Động cơ chân chính của đời người là cái vui của ngày mai. Cái vui của ngày mai ấy là một trong những đối tượng tác động chính của kỹ thuật sự phạm. Trước hết phải tổ chức ngay bản thân cái vui ấy, làm cho nó nảy sinh ra và đặt nó thành một hiện thực. Rồi sau phải biến những hình thức vui đơn giản nhất thành những hình thức phức tạp hơn và giàu ý nghĩa con người hơn. Đi qua các điểm ấy là một đường thẳng rất có ý nghĩa: từ sự thỏa mãn nguyên thủy được ăn một món quà nào đấy tới cái ý thức sâu sắc nhất về bổn phận.

Có hai điều mà thường thường chúng ta coi là quan trọng nhất trong khi đánh giá người, đó là sức mạnh và cái đẹp. Cả hai điều đều do thái độ của con người đối với viễn cảnh hoàn toàn quyết định. Giả dụ hành vi của một người được quyết định do cái viễn cảnh gần gũi nhất – bữa ăn ngày hôm nay và chỉ đúng bữa ăn đó thôi – thì người ấy sẽ là con người kém cỏi nhất. Nếu hẳn chỉ thỏa mãn với viễn cảnh cá nhân, dù cho nó có xa xôi chẳng nữa, thì hẳn có thể ra vẻ là người mạnh dạn, song hẳn không thể nào gây cho ta cảm thấy được cái đẹp của nhân cách và cái giá trị chân chính của nhân cách. Con người biết lấy viễn cảnh của tập thể làm viễn cảnh của chính mình, thì tập thể càng rộng lớn chừng nào con người càng đẹp và cao thượng chừng ấy.

Giáo dục con người là cấu thành ở nó những viễn cảnh theo đó sẽ sắp xếp cái vui ngày mai của nó. Về cái công tác lớn lao này, người ta có thể viết nên cả một thiên đại luận nghiên cứu phương pháp tiến hành. Phương pháp đó là dựng nên những viễn cảnh mới, trong khi vẫn lợi dụng những viễn cảnh đã có rồi mà dần dần tạo ra những viễn cảnh quý giá hơn. Người ta cũng có thể khởi đầu từ một bữa ăn ngon, một buổi xem xiếc, một cuộc nạo vét ao, song phải luôn luôn đặt ra và mở rộng dần những viễn cảnh chung cho cả tập thể, và nâng lên tới mức chung cho cả Liên-xô nữa.

Sau khi chinh phục được Kuriajê thì Hội ngày mùa là cái viễn cảnh gần gũi nhất đối với tập thể của chúng tôi.

Song tôi phải nêu lên ở đây một buổi tối đặc biệt, nó đã trở thành như một bước ngoặt trong sự phấn khởi cố gắng của bọn trẻ Kuriajê. Tuy nhiên tôi đã không trông đợi một kết quả như vậy và chỉ muốn làm một việc cần phải làm, mà chẳng có chủ định gì về mặt thực tiễn hết.

Các trại viên mới không biết Gorki là ai. Ít ngày sau khi chúng tôi đến, chúng tôi mở một dạ hội Gorki. Buổi dạ hội đó được tổ chức rất đơn giản. Tôi chủ ý không muốn cho nó có tính cách một cuộc nhạc hội hay một dạ hội văn nghệ. Chúng tôi không mời ai hết thảy. Trên sân khấu trang trí sơ sài, chân dung của Alecxêi Maximôvich được đặt lên.

Tôi kể chuyện cho bọn trẻ nghe về đời Gorki và nói chi tiết về sự nghiệp của ông. Và trại viên đã đọc những đoạn của “Thời thơ ấu”.

Bọn trẻ mới giương to mắt ra nghe tôi; chúng không tưởng tượng được rằng mỗi đời sống như vậy lại có thể có ở trên đời. Chúng không chắt vắn gì tôi cả và chúng chỉ xúc động bắt đầu từ lúc Lapô đưa ra cái cặp bìa đựng những bức thư của Gorki.

- Ông ấy viết những cái này à? Chính ông ấy à? ông đã viết cho các trại viên à? Cho xem nào...

Lapô đi qua các hàng trại viên, thận trọng giơ lên những bức thư mở ra của Gorki. Có đứa giữ tay hẳn lại và cố đi sâu hơn vào nội dung của thư:

- Cậu xem, cậu xem: “Các đồng chí thân mến của tôi”. Ấy viết thư thế đấy...

Sau đó, tất cả các bức thư đều được đọc lớn ở hội nghị. Rồi tôi hỏi:

- Có lẽ có ai muốn nói gì chẳng?

Trong hai phút đồng hồ không ai muốn nói gì cả. Nhưng rồi sau Kôrôtkôp đỏ mặt tiến lên sân khấu và nói:

- Tôi muốn nói với các anh em mới của trại Gorki... với những người như tôi. Chỉ có điều là tôi không biết nói... Nhưng thôi, cũng không sao cả. Anh em ạ! Chúng ta đã sống ở đây, và chúng ta cũng có mắt, song chúng ta đã chẳng nhìn thấy gì hết... như một lũ mù, thật thế. Thật là buồn, bao nhiêu năm trời đã mất toi. Nhưng bây giờ, chúng ta đã được thấy một ông Gorki... Thú thực là trong lòng tôi hết sức bồi hồi... Tôi không biết về phía anh em, thì anh em thấy thế nào.

Kôrôtkôp tiến ra đến tận rìa sân khấu, đôi mắt đẹp và nghiêm nghị của nó thoáng hơi cau lại:

- Phải làm việc, anh em ạ... và làm việc một cách khác... Anh em hiểu không?
- Hiểu! bọn trẻ nhiệt tình la lên và vỗ tay kịch liệt tiễn chân Kôrôtkôp bước xuống khỏi sân khấu.

Ngày hôm sau, tôi không nhận ra được chúng nữa. Thở hồng hộc, rên rỉ và lắc đầu, chúng tuy phải cố gắng hết sức, song đều thành thực khắc phục cái tính lười ngàn đời của loài người. Chúng đã nhìn thấy ở trước mặt cái viễn cảnh rạng rỡ nhất: giá trị của nhân cách con người.

11. HỘI NGÀY MÙA

Những ngày cuối tháng năm đem lại cho chúng tôi liên tiếp nhiều tặng vật mới: những mảnh sân mới, những cửa và cửa sổ mới, những mùi mới ở trong sân và những khuynh hướng tinh thần mới. Bây giờ thì những con lười cuối cùng được giữ bỏ đi rất dễ dàng. Trước mặt ngày hội thắng lợi của chúng tôi bắt đầu chói sáng, cứ mỗi ngày một thêm rạng rỡ. Từ trong lòng ngọn đồi của tu viện, từ những xô sâu thẳm của các tu phòng nhiều khôn xiết đêm, cái chương khí cuối cuối của quá khứ đã xông lên trên mặt, lập tức được ngọn gió giúp đỡ của mùa hè cuốn đưa ngay đi thật xa, về đồng rác rưởi nào đó của lịch sử.

Bây giờ gió thổi qua không còn bị vướng vít trở ngại trong khi làm nhiệm vụ của nó nữa: trong hai tuần lễ, những chiếc xà beng ngoan cường của các đội đặc biệt đã phá băng đi những bức tường bao vây cổ kính dài một toa.^[219] Con Milan, con Mary và những con ngựa đã lại sức của Kuriajê (hội đồng đội trưởng đã đặt cho chúng những tên thích hợp là Hoa-mưa, Thày-tu và Tiểu-ung^[220] đã chở những tàn tích của bức tường thành khổng lồ ấy tới những nơi đặc dụng: những viên gạch to nhất và giữ được nguyên vẹn nhất để xây chuồng lợn, những mảnh vụn để rải lối đi, lấp các khe rãnh và hồ. Các đội khác, vũ trang bằng những xẻng, xe cút-kit và tranh, đã mở rộng, dọn sạch, đầm phẳng những khoảng đất bằng ở rìa ngọn đồi của chúng tôi, sửa quang những đường đi xuống thung lũng, làm những bậc lên xuống, và kíp thợ của Bôrôvôi đã chuẩn bị được mười hai chiếc ghế dài, để sẽ đem đặt trên những sân xây và ở những chỗ ngoặt chọn lựa thích đáng. Sân của chúng tôi đã trở nên sáng sủa rộng rãi, nhìn thấy trời được nhiều hơn; cây cỏ xanh tươi và những viễn cảnh thay đổi của chân trời sắp xếp hòa đối thành một khung cảnh bao la ở chung quanh chúng tôi.

Trong sân cũng như chung quanh đồi, những dấu tích của hàng triệu đồng dùng vào việc giáo dục xã hội^[221] đã được trừ khử đi từ lâu rồi, và bác làm vườn của chúng tôi, Miziak, người ít nói và buồn rầu – những ông chồng xấu xí của các bà vợ đẹp thường như vậy – đã cùng bọn trẻ đào bới các rìa sân và hai bên lề cái lối đi, chất lên thành từng đồng đều đặn những viên gạch nhỏ cũ của các via hè tu viện.

Ở đầu sân về hướng bắc người ta đặt móng xây chuồng lợn: một cái chuồng lợn xứng với cái tên gọi ấy, với những ngăn chuồng đẹp đẽ. Sêrê bây giờ không còn giống như một người bị nạn cháy nhà nữa, mà phần khởi say sưa như Acsimet vậy: hơn ba mươi đội đặc biệt mỗi ngày đi công tác, chúng tôi cảm thấy nắm được ở trong tay một sức mạnh lớn vô cùng, và tôi thấy sự thèm khát làm việc dồn tích lại ở trong con người Sêrê thành những lực lượng dự trữ ghê gớm. Anh ta còn gầy đi nữa vì tham lam: nhiều công tác, nhiều nhân công, và tinh lực của con người tổ chức chỉ bị hạn chế ở ngay trong bản thân anh ta mà thôi. Êđua Nikôlaiêvich đã rút ngắn giờ ngủ đi, hình như anh ta đã nổi chân cho dài thêm ra, gạt bỏ khỏi thời gian biểu hàng ngày của anh nhiều cái thừa như kiểu những bữa điếm tâm, ăn trưa, ăn tối, nhưng cũng không sao làm xuể hết mọi việc.

Trên cái diện tích một trăm éc-ta của chúng tôi, Sêrê muốn đi trong một tháng rưỡi cả con đường mà ở trại cũ chúng tôi đã trải qua trong sáu năm ròng. Anh tung những đội đặc biệt lớn hơn đi giẫy cỏ các cánh đồng, nhổ cho kỹ tiệt từng nhánh cỏ nhỏ nhất. Anh thảo nhiên bắt cày lại những thửa ruộng cày dối và áp dụng những phương pháp trồng cây muộn trên các thửa ruộng ấy. Những bờ ruộng thẳng tắp như những rạch ánh nắng chạy dọc khắp cánh đồng, và cũng được trang trí, như trước kia, bằng những tấm danh thiếp của các vị “vua Andaludi” và đủ thứ các thứ “hoàng hậu”. Trong khu trung tâm và đứng ở bên lề đường cái đi ra cánh đồng. Sêrê, chiều cổ đến ruộng trồng dưa. Hội đồng đội trưởng đã coi đó là một việc rất có ích, và Lapô lập tức thống kê những người tàn tật có công lao để thành lập một đội coi ruộng dưa.

Dù công tác của Sêrê có là quá nặng đến mức nào đi nữa, anh cũng vẫn cứ tìm ra được người để điền vào một đội đặc biệt nạo vét ao. Karabanôp được phái làm đội trưởng đội đó. Bốn chục gã trai cởi trần, chỉ mặc những chiếc quần đùi tã nhất có thể moi ra được trong kho dự trữ của Đonit Kutlaty, bắt tay vào việc tát cạn ao. Dưới đáy ao tìm ra được rất nhiều thú vị: súng trường, súng ngắn nòng, súng lục. Karabanôp nói:

- Cứ tìm cho kỹ, sẽ thấy cả những chiếc quần đấy. Tớ cho là họ cũng có ném cả quần xuống đây, vì trụt quần ra mà phơi chả tiện hơn mà...

Lôi những vũ khí ra khỏi bùn thì không khó, nhưng còn xúc bùn đi thật là một công việc gay go hết sức. Cái ao khá rộng, vậy nếu chỉ mang của bùn tươi ấy đi bằng những xô với thành, ^[222] thì đến bao giờ cho hết? Phải đợi đến khi chúng tôi sáng chế ra những tàu bằng ván gỗ và sử dụng đến bốn con ngựa kéo, cái lớp bùn nhầy nhụa kia mới bắt đầu vơi đi trông thấy.

“Đội hai đặc biệt phi thường” của Karabanôp làm việc thực ngoạn mục vô cùng. Búa trát đến tận chân tóc, bọn con trai trông giống hệt những người da đen. Khó lòng mà nhận ra mặt chúng, và chúng có vẻ là một bầy người từ một xứ xa lạ nào đến. Sang đến ngày thứ ba trở đi, chúng tôi được dịp ngắm một cảnh tượng tuyệt nhiên không thể nào có được ở vĩ độ chúng tôi: bọn con trai đi công tác, bụng quấn những chiếc váy đan rất nghệ thuật bằng lá xiêm gai, lá sồi và lá những cây khác vùng nhiệt đới. Cổ, chân và tay chúng mang nặng những trang sức thích hợp, làm bằng dây thép, dải tôn và sắt tây. Nhiều đứa còn khéo léo mắc được vào mũi những que xiên ngang, và đeo lên tai những hoa tai gồm những rông-đen, ê-cụ và danh nhỏ.

Những dân của cái bộ lạc đen ấy cố nhiên không biết tiếng Nga cũng chẳng biết tiếng Ukren, họ nói toàn bằng tiếng thổ âm tự nhiên của họ mà các trại viên không biết bao giờ, nó đặc biệt vì những âm thanh the thé và có nhiều âm phát trong cuống họng, lạ tai đối với người châu Âu. Chúng tôi rất lạ lùng thấy rằng không những các đội viên của đội hai đặc biệt phi thường hiểu lẫn nhau, mà họ còn nói liên thoắng nhiều vô kể, và suốt ngày ở trên mặt cái ao lòng chảo khổng lồ cứ la bi bô huyền ảo không thể nào chịu được. Ghìm mình trong bùn đến thất lưng, dân da đen la ó thẳng con Châu-chấu hay con Milan vào cái tàu ván thô sơ của họ, đưa xuống đến tận đáy sâu nhất của lớp bùn lầy, và họ hét lên như những người điên.

Karabanôp, cũng bóng nhẫy và đen trùi trùi như tất cả những người khác, đã sắp xếp tóc trên đầu hấn thành một chùm kỳ dị quái gở. Hấn đảo lộn đôi mắt ốc nhồi trắng ra, và nhe ra bộ răng kinh khủng;

- Carramba!

Hàng tá mắt cùng dữ tợn và cũng trắng ra như mắt hấn nhất loạt chĩa cả về điểm mà cánh tay có vẻ dị quốc đeo đầy kín những vòng xuyên của Karabanôp đương chỉ, rồi họ gật đầu và chờ đợi. Karabanôp rống lên:

- Pkhananiai, Pkhananiai!

Dân man rợ đổ xô cả đến cái tàu và, xúm xít thành một đám đông hung hăng hỗn độn, họ cật lực vừa đẩy vừa la ó, giúp con Châu-chấu kéo lên bờ cả một tấn bùn đầy và nặng.

Cuộc la lối có tính chất nhân chủng học ấy đặc biệt âm ỹ về buổi chiều, khi toàn trại ra ngồi cả trên sườn đồi, và bọn trẻ nhỏ đi chân đất say sưa chờ đợi cái lúc tuyệt thú mà Karabanôp sắp hết “Cắt đầu!” và bọn da đen mặt mày dữ tợn sẽ nhảy bổ tới những người da trắng với một đà khát máu kinh người. Bọn da trắng hoảng sợ chạy té cả vào trong sân trại, thò những bộ mặt bỏ vía ở các cửa và khe kẽ. Song dân da đen không đuổi theo dân da trắng và nói chung chuyện không đến nỗi đi tới chỗ ăn thịt người, vì mặc dầu bọn man rợ không biết tiếng Nga, song không phải vì vậy mà họ không hiểu rất rõ lệ

phạt giam ở buồng về lỗi đem bùn vào các phòng ở là như thế nào.

Chỉ có một lần một sự tình cờ may mắn cho phép bọn man rợ được thật sự đem cái khí thế anh hùng rơm của họ ra làm hoảng vía nhân dân da trắng ở vùng lân cận thủ đô Khackôp.

Một buổi chiều nọ, sau một ngày hanh nóng bức, một đám mây giông tố dâng lên ở phía tây. Cuốn theo ở phía dưới nó một đường viền cuộn cuộn xám xịt, nó tràn ngập khắp bầu trời, gầm lên và đâm sà xuống ngọn đồi của chúng tôi. Đội hai đặc biệt phi thường nhiệt liệt hoan nghênh cơn giông và đáy ao vang dậy lên những tiếng reo hò đặc thủng. Đám mây tấn công Kuriajê bằng hỏa lực của tất cả mọi pháo đội của nó, trong tiếng nổ bùng của từng loạt đạn nặng hàng nghìn tấn phóng ra, rồi bất thành lĩnh, không còn bị giữ lại trên những đu dây vật vờ của bầu trời nữa, nó đổ trút xuống chúng tôi, xáo trộn những dải mưa rào với sấm chớp vào một cơn lốc khói mù, hung hãn như điên như dại. Đội hai đáp lại bằng những tiếng la ó đến làm rụng tóc gáy và lao mình vào một cuộc múa may cuồng nhiệt, ở ngay giữa cảnh hỗn mang.

Nhưng đúng vào lúc thú vị đó, ở ven đồi bỗng ló ra, trong những rạch mưa, Xinenki nghiêm chỉnh, hối hả, nó thốt lên điệu kèn báo hỏa giật giọng và rõ từng tiếng một. Bọn man rợ bỗng ngừng khiêu vũ và nhớ lại ngay tiếng Nga của họ:

- Mày thổi kèn báo gì thế? Hở? Ở trại ta à?... Ở chỗ nào?

Xinenki chữa cái kèn của nó về phía Pôtvorki: các trại viên từ trong sân bủa ra, vòng quanh bờ ao, đang chạy vội vã tới đó. Cách bờ ao một trăm thước, một căn nhà bốc cháy ngùn ngụt trong một lò lửa hùng hực. Chung quanh ngôi nhà, một đám rước đang trình trọng bỏ đi từng khúc một. Bốn chục dân da đen, có thủ lĩnh đi đầu, chạy tuốt cả về phía ấy. Một nhóm độ non hai chục ông già bà cả hoảng sợ lúc ấy đã đem một hàng rào tượng thánh ra ngăn cản các trại viên chạy tới đó, và một lão râu dài kêu lên:

- Việc gì đến các người đây? Chúa đã phóng hỏa, thì Chúa sẽ dập tắt...

Nhưng khi quay đầu lại, lão râu dài và các người tín đạo khác chợt nhận thấy rằng không những Chúa chẳng mấy may quan tâm đến đám cháy, mà do sự đồng lõa của Chúa, quỷ sứ lại còn xen vào đóng một vai trò quyết định trong tai họa này: một bầy người da đen đang xông tới họ với những tiếng kêu man rợ, rung rung hai bên hông lồm xồm lông lá khiến các đồ trang sức bằng sắt kêu lên leng xeng. Những bộ mặt cháy nắng, biến dạng vì những que xiên ngang mũi, và trên đầu có những búi tóc quái gở, không còn để nghi ngờ gì hết nữa: cái giống sinh vật này tất nhiên không thể có ý định gì khác hơn là túm lấy cả đám rước để đem quăng vào lò lửa. Kêu rú lên the thé, các ông già bà mẹ ôm ghì tượng thánh, chạy té đi trốn tứ phía qua phố, giày dép kêu lẹp xẹp. Bọn trẻ đâm bổ tới các chuồng ngựa và chuồng bò, nhưng muộn quá: những con vật đã chết thui. Xêmiôn cúi tiét, nắm lấy gộc củi đầu tiên vớ được phang bật tung một khung cửa sổ và nhảy vào nha. Một phút sau, một cái đầu râu tóc bạc bỗng ló ra ở cửa sổ và Xêmiôn kêu lên từ bên trong:

- Đờ lấy ông nội này, thật chó chết...

Bọn trẻ giơ tay lên đón ông già, và Xêmiôn nhảy ra qua một cửa sổ khác, chạy lăng xăng trong sân ẩm và có cây xanh để khỏi bị bỏng. Một chú da đen chạy ù về trại tìm một chiếc đrôski. [\[223\]](#)

Đám mây đã dồn xa về phía đông, để vương lại trên trời một cái đuôi rộng lớn đen ngòm. Antôn Bratsenkô cười con Hảo-hán, từ trại phóng nước đại tới:

- Xe sẽ đến ngay lập tức... thế bọn dân quê đâu cả? Sao ở đây lại chỉ có bọn trai nhà mình thôi?

Chúng tôi đặt ông già lên xe và toán chúng tôi kéo dài đi theo sau xe về trại. Từ phía sau các cánh cửa và hàng giậu xanh, những bộ mặt bất động theo dõi chúng tôi và chỉ có những con mắt là nguyên rủa chúng tôi thôi.

Dân lành tỏ vẻ lạnh lùng đối với chúng tôi, song cứ theo những lời đồn đến tai chúng tôi thì điều đó cũng không ngăn cản họ tán thành cái kỷ luật thiết lập ở trại.

Những ngày thứ bảy và chủ nhật, sân trại đầy những người tín đạo. Thường thường chỉ có những người già cả và nhà thờ, còn bọn thanh niên ưa đi dạo chơi ở chung quanh hơn. Các trại viên canh gác của chúng tôi cũng chấm dứt nốt loại quan hệ đi lại đó đối với trại, nếu không phải là đối với Chúa trời. Đến giờ hành lễ một đội tuần phòng được chỉ định mà các đội viên, trên cánh tay có đeo băng màu lam nhạt, đề ra cho các tín đồ chọn lấy một trong hai đường này:

- Đây không phải là chỗ đi tản bộ. Hoặc các người vào nhà thờ, hoặc các người đi ra khỏi sân. Đừng có đem những trò mê tín của các người ra mà đi la cà vớ vẩn ở đây.

Phần lớn tín đồ ưng đi ra khỏi sân. Hiện thời, chúng tôi chưa bắt đầu tấn công vào tôn giáo. Trái lại giữa hai thế giới quan duy tâm và duy vật, lại còn chớm nở một cuộc tiếp xúc về một mặt nào đấy.

Hội đồng nhà thờ thỉnh thoảng đến thăm tôi để giải quyết một vài vấn đề nhỏ về ranh giới. Tuy vậy, có một lần tôi không thể nào nhịn phát biểu một vài ý nghĩ với các vị ủy nhiệm của giáo khu:

- Này, các cố ạ! Có lẽ các cố có thể dọn sang cái nhà thờ ở đằng kia, ở phía trên cái... suối nhiệm màu ấy, có được không? Bây giờ ở đây mọi cái đều đã quét dọn sạch sẽ, các cố sẽ được...

- Ông công dân giám đốc ơi, vị trưởng lão giáo khu nói, chúng tôi dọn đi sao được đây, không phải là một nhà thờ, mà chỉ là một cái lễ đường thôi... Ở đây không có bàn thờ chúa... Có phải là chúng tôi làm phiền ông chăng?

- Tôi cần đến cái sân. Chúng tôi không có chỗ mà xoay trở mình nữa. Và xin các cố nghĩ xem, bên chúng tôi, mọi cái đều được sơn lại, quét vôi trắng, tu sửa hần hoi, còn nhà thờ của các cố thì hư hỏng và bần thủ... Các cố hãy dọn đi, chỉ trong nháy mắt là tôi hạ nó xuống; trong hai tuần lễ nữa sẽ có một cái vườn hoa ở đây.

Các vị râu dài mỉm cười, kế hoạch của tôi được các vị ưng ý cũng nên...

- Hạ xuống thì có khó gì, vị trưởng lão nói. Nhưng còn xây lên nữa chứ? Hề, hề! Nhà thờ này đã được xây từ ba trăm năm nay, biết bao người đã đóng góp đồng tiền mồ hôi nước mắt vào công cuộc ấy, thế mà bây giờ ông lại bảo: tôi hạ nó xuống. Chỉ có các ông mới nghĩ thế: các ông cho là lòng tin của người ta đang chết dần chết mòn. Nhưng rồi ông xem, lòng tin ở Chúa không chết đâu... dân chúng biết như vậy.

Vị trưởng lão đã bước lên giảng đàn thật sự, và ngay đến giọng nói của ông cũng vang lên sang sảng như vào những ngày đầu của đạo Cơ-đốc, nhưng một ông già khác ngăn ông lại:

- Thôi, ông Ivan Akimovich ơi, sao ông lại nói những chuyện ấy? Ông công dân giám đốc hiểu biết công việc của ông ta, vì ông ta đại diện cho chính quyền xô-viết, thành thử theo ý kiến ông ta thì nhà thờ có thể gọi là không cần thiết. Chỉ có điều là, ở dưới kia, như ông vừa nói, chỉ có một cái lễ đường thôi. Phải, một cái lễ đường. Và tệ nhất là nơi đó đã bị ô ứ, cứ nói thẳng ra như thế...

- Nhưng các cố chỉ có việc rảy nước phép là xong. Lapô khuyên.

Ông già bối rối vuốt chòm râu:

- Nước phép, con ạ, không phải là việc gì cũng đem ra dùng được.

- Sao lại thế...không dùng cho tất cả mọi việc được à?...

- Không, con ạ, không dùng cho cả mọi việc được. Nói ngay như con chẳng hạn, rảy nước phép cho con thì sẽ chẳng ích gì, có phải thế không?

- Phải, ý chừng thế, Lapô đáp, về hoài nghi.

- Đây con xem, sẽ chẳng ích gì. Ở đây phải có sự phân biệt phải trái mới được.
- Các giáo sĩ của các cố làm việc có phân biệt phải trái ư?
- Các vị linh mục của chúng ta ấy à? Các vị ấy hiểu biết cái đó, cố nhiên, các vị ấy hiểu biết cái đó, con ạ.
- Phải, các vị ấy hiểu biết lợi ích của họ, Lapô nói, còn các cố, thì các cố không hiểu. Hôm qua có một đám cháy... Nếu không có bọn trai bên chúng tôi thì ông già kia đã bị chết thui, chín phồng lên như chiếc bánh tráng.
- Có như vậy thì cũng là hợp ý của Chúa. Có lẽ Thượng đế đã chủ định cho ông già ấy chết cháy.
- Nhưng bọn trai đã can thiệp và ngăn chặn được việc đó.

Vị trưởng lão nói giọng mũi:

- Con ạ, con hãy còn trẻ người non dạ, con chưa bàn luận về những chuyện ấy được đâu.
- Ô, thế à?
- Chỉ có điều ở dưới chân đồi là một cái lễ đường. Phải, chỉ là một cái lễ đường, mà lại không có ban thờ Chúa.

Sau khi khiêm tốn cáo lui, các cố lão ra về. Và hôm sau người ta thấy ở các tường nhà thờ có treo những dây thừng và chân đấng cho các công nhân xách thùng leo lên. Hoặc là họ đã thấy xấu hổ vì cái vẻ ngoài tàn tạ của nó, hoặc là để chứng minh rằng lòng tin ở Chúa còn sống, hội đồng nhà thờ đã bỏ ra bốn trăm rúp để quét vôi lại nhà thờ. Hiệu quả của những cuộc tiếp xúc với chúng tôi.

Bấy giờ đối với nhà thờ, các trại viên tỏ ra không ác cảm mà chỉ có ý tò mò nhiều hơn. Bọn trẻ nhỏ hỏi tôi:

- Chúng cháu có thể vào xem họ làm gì ở trong nhà thờ được chứ ạ?
- Ừ, vào mà xem.

Jôra dặn dò chúng trước:

- Nhưng hãy coi chừng, cấm giờ trò đùa giả đấy. Bọn chúng ta đây, ta đấu tranh với tôn giáo bằng sự thuyết phục và bằng cách xây dựng lại cuộc đời, chứ không phải bằng những lời đùa cợt.
- Thế dễ thường chúng tôi là những đứa đùa cợt đấy hẳn? Bọn trẻ tức giận đáp lại.
- Nói chung, các chú ạ, là vào đây không có được xúc phạm ai hết... Phải biết cung cách, các chú hiểu không, phải lịch sự mới được... Như thế đó...

Mặc dù trong khi ra những chỉ thị ấy, Jôra dùng cử chỉ và nét mặt nhiều hơn lời nói, bọn trẻ cũng hiểu.

- Chúng tôi biết rồi, mọi sự sẽ đâu vào đấy.

Nhưng được một tuần lễ, một ông giáo sĩ rất già, người loắt choắt và mặt mũi nhăn nheo, đến tìm tôi và thì thào với tôi:

- Ông công dân giám đốc ạ, tôi có một điều này yêu cầu ông. Tất nhiên là không có sự gì đáng nói, bọn trẻ của ông thực ra không làm gì sai trái cả, nhưng mà ông ạ, dù sao thì các tín đồ cũng lấy làm công phẫn, thấy là bất tiện, ấy là đại khái thế... Đã đành là các em hết sức giữ gìn ý tứ đấy, lạy Chúa, chúng tôi không thể nói điều gì được hết, nhưng dẫu sao cũng xin ông làm ơn ra lệnh cho các em đừng bước vào nhà thờ.

- Nói tóm lại là chúng có giờ trò đùa giả một chút, có phải không?
- Không, lạy Chúa, lạy Chúa, không, không phải thế đâu. Chỉ có điều chúng vào nhà thờ, mặc quần

cụt và đội những chiếc mũ chụp nhỏ của chúng đó... Và có những đứa làm dầu thánh giá, ông ạ, nhưng lại làm bằng tay trái, và nói chung là chúng không biết làm. Thế rồi chúng nhìn tứ phía, nhưng vì không biết cách nhìn thế nào cho phải nên khi thì chúng quay nghiêng, khi thì chúng quay lưng lại ban thờ Chúa. Tất nhiên chúng thấy là thích thú, nhưng đây là nơi cầu nguyện mà bọn trẻ đó không biết thế nào là cầu nguyện, là lễ nghi, là lòng kính sợ Chúa. Chúng bước vào đàn lễ, đã đành là bước vào một cách kín đáo, rồi chúng nhìn nhìn ngó ngó, đi đi lại lại, sờ mó các tượng thánh, ngắm xem mọi việc người ta làm ở ban thờ. Lại có một đứa đứng hẳn trong cửa thánh điện và cứ ở đấy mà nhìn ra các tín đồ. Như thế thật là bất tiện, ông hiểu không.

Tôi nói cho ông giáo sĩ bé nhỏ yên lòng rằng sau đây, chúng tôi sẽ không làm phiền ông nữa, và tôi tuyên bố ở buổi họp các trại viên:

- Các chú nhỏ đừng vào nhà thờ nữa nhé, ông giáo sĩ than phiền đấy.

Bọn trẻ nhỏ tức giận:

- Sao ạ? Chúng cháu có làm gì như thế đâu! Chúng cháu vào, chẳng giở trò đều giả gì cả, chúng cháu đi xem một vòng rồi chúng cháu ra. Cái lão già đen sì^[224] ấy chỉ nói điều thôi!

- Thế tại sao các chú lại làm dầu câu rút? Chú cần gì phải làm dầu phép? Chú tin ở Chúa đấy hẳn?

- Ở nhà đã dạy như thế, là không được xúc phạm họ. Thì chúng cháu biết làm thế nào với họ chứ? Ở trong ấy họ như một lũ điên cả ấy. Họ cứ đứng hàng giờ, thế rồi, dùng một cái, họ quỳ xuống và làm dầu phép. Thế thì chúng cháu cũng phải làm, chúng cháu nghĩ thế, để khỏi xúc phạm mà.

- Thôi đấy, các chú đừng sang đó nữa, không cần sang làm gì.

- Thì thôi cũng được, chúng cháu sẽ chẳng sang... Nhưng ở bên họ thật là lố bịch! Họ nói cái thứ tiếng gì líu lo líu lờng chẳng hiểu ra sao cả. Rồi họ cứ đứng cả lũ, để làm cái gì? Rồi ở đằng sau cái vách ngăn nọ... gọi là gì nhỉ... à phải, đàn lễ, sạch sẽ ra phết, có những tấm thảm nhỏ, và có cái mùi gì ấy, thế rồi chỉ có một mình ông giáo sĩ, cứ luôn luôn giơ tay lên như thế này... Thật đến hay!

- Thế ra chú, chú đã vào trong đàn lễ đấy à?

- Thì vâng, cháu vào qua, nhưng đúng lúc ấy cái lão chụp cái nôi^[225] trên đầu giơ hai tay lên đầu mà nói lảm nhảm cái gì đó. Cháu, thì cháu đứng đấy, chẳng làm phiền gì lão cả, nhưng lão ta bảo: đi đi, đi đi em, đừng làm phiền. Thế là cháu đi, cháu có cần gì đâu chứ...

Bọn trẻ rất tò mò muốn biết thái độ của Guxtôivan đối với nhà thờ ra sao; sự thực thì nó có sang đó một lần, nhưng khi trở về nó rất chán nản. Lapô hỏi nó:

- Mà sắp làm trợ tế phải không?

- Khô-ông... Guxtôivan mỉm cười đáp.

- Tại sao?

- Bởi vì... anh em bảo thế là phản cách mạng... với lại trong nhà thờ bên ấy, chẳng có gì sất... chỉ rặt những tranh ảnh.

Sang giữa tháng sáu, trại được chỉnh đốn hoàn toàn. Ngày mùng mười tháng sáu trạm máy điện bắt đầu cho điện và các đèn dầu hỏa được xếp vào nhà kho. Sau đó ít lâu cũng có nước máy. Cũng vào giữa tháng sáu, các trại viên dọn vào ở các phòng ngủ. Các giường được sửa sang lại gần như mới hoàn toàn ở lò rèn của trại, có đệm và gối mới, song chúng tôi không có đủ tiền mua chăn và không muốn đem hàng đồng những đồ cũ nát ra phủ lên giường. Tiêu vào khoản đó sẽ phải tốn không kém một vạn rúp. Hội đồng đội trưởng đã nhiều lần bàn lại vấn đề ấy, nhưng lần nào cũng nhận được cái nghị quyết mà Lapô nói như sau:

- Nếu mua chăn thì sẽ không làm xong được chuồng lợn. Vậy thì hãy để khoản chăn cho lợn!

Về mùa hè, chăn chỉ dùng để trưng bày thôi, song hết thảy mọi người đều hết sức mong muốn cho các phòng ngủ được có vẻ lịch sự nhân dịp ngày Hội mùa. Trong khi chờ đợi thì các phòng ngủ là một vết tì ố trong cuộc sống rạng rỡ của chúng tôi.

Song vận may chiều lòng chúng tôi.

Khalabudza thường đến trại, đi đi lại lại trong các phòng ngủ, thăm thú các công việc tu sửa, xây dựng, cười đùa với bọn trai, vô cùng khoái ý vì thấy chúng chuẩn bị gặt lúa hắc mạch của ông long trọng hết sức. Khalabudza đâm ra yêu mến chúng. Ông nói:

- Các bà già của chúng tôi ngoài ấy cứ không ngớt miệng lảm nhảm: cái này không được, ông hiểu không, cái kia không đúng, còn tôi, thì tôi chẳng làm sao hiểu nổi, và tôi rất mong có ai cắt nghĩa cho tôi biết họ muốn cái gì, mẹ kiếp? Bọn trẻ làm việc và chịu khó, như những trẻ ngoan, những thanh niên Kôm-xô-môn. Hẳn là anh đã làm cho các mẹ ấy điên ruột lên chứ gì?

Nhưng trong khi vẫn thân ái quan tâm đến những chuyện lo lắng hàng ngày, hễ cứ nghe nói đến chăn là Khalabudza lại nguội lạnh. Lapô vận động ông ta bằng mọi cách.

- Phải, hẳn thử dài, đâu đâu thì người ta cũng có chăn, chỉ chúng mình là không có. Cũng may mà chúng mình có được ông Xiđo Kacpôvich. Ông ta sẽ cho chúng mình chăn, rồi các cậu xem...

Khalabudza quay mặt đi, khó chịu nói tương lên:

- Những thằng xỏ lá, chúng lấu cá ra tuồng... “Ông Xiđo Kacpôvich sẽ cho chúng mình chăn”.

Hôm sau Lapô hạ thấp giọng xuống nửa âm: [\[226\]](#)

- Thế là ông Xiđo Kacpôvich sẽ không giúp chúng mình. Tội nghiệp bọn trai Gorki!

Song hạ giọng cũng chẳng ăn thua gì, mặc dầu chúng tôi thấy Xiđo Kacpôvich cũng có phần băn khoăn.

Một lần Khalabudza vui vẻ đến vào buổi chiều, khen ngợi những cánh ruộng, những chân trời, chuồng lợn và đàn lợn. Ở phòng ngủ ông ta thích thú nhìn các giường xếp hàng thẳng tắp, kính cửa rửa kỹ trong vắt, sàn nhà sạch như lau như li và những chiếc gối tròn căng trông đến là thoải mái. Đã đành là các giường nhìn thấy chường vì sự trần trụi trắng bong của các ra giường, song tôi không muốn nói đến chuyện chăn làm gì cho phiền lòng ông già. Khalabudza chợt thấy buồn và lúc rời phòng ngủ nói:

- Ủ, khi thật... phải có chăn... Nhưng làm thế nào có được... ấy mới rày.

Khi chúng tôi bước ra sân, bốn trăm trại viên đứng sắp hàng đầy đủ ở đấy vì đang là giờ thể dục. Piôtr Ivanôvich Gôrôvich, theo rất đúng nội quy của trại, hô lên:

- Anh em trại viên, nghiêm! Chào!

Đều một loạt bốn trăm cánh tay giơ thẳng trên những bộ mặt nghiêm nghị quay về phía chúng tôi. Đội trống tung lên vang âm bốn hồi dồn dập của một điệu chào mừng. Gôrôvich đến báo cáo và đứng nghiêm trước mặt Khalabudza:

- Thừa đồng chí Chủ tịch Ủy ban bảo vệ nhi đồng! Số trại viên của trại Gorki: có mặt trong hàng ngũ tập thể dục, 389 trại viên; vắng mặt làm công tác trực nhật, ba; ở toán canh gác, sáu; ốm, hai.

Vốn là tay kỵ binh lão luyện, Piôtr Ivanôvich bước ngang một bước sang bên, để lộ ra trước mắt Xiđo Kacpôvich những khoảng cách rộng rãi giữa các hàng ngũ thể dục thẳng tắp của những trẻ nuôi xếp thành đội hình mê hồn.

Xiđo Kacpôvich cảm động vuốt vuốt ria mép, rồi bỗng có vẻ nghiêm túc gấp mười lần lúc bình

thường, ông gõ chiếc ba-toong gỗ khô xuống đất và nói lớn, bằng cái giọng trầm không thay đổi của ông:

- Chào anh em!

Xiđo Kacpôvich chỉ còn có thể chớp mắt lia lịa khi mà bốn trăm cái cuống họng, trẻ trung và vui vẻ, đồng thanh đáp lại ông một tiếng vang lừng:

- Xin chào!

Khalabudă không cầm lòng được nữa, mỉm cười, quay lại và nói cằn nhằn bằng một giọng xúc động:

- Gớm bọn chó, chúng nó hét mới khiếp chữa! Thì thôi nào, tôi muốn... tôi muốn nói với chúng nó vài lời.

- Nghĩ!

Các trại viên duỗi chân phải, chắp hai tay ra sau lưng, đứng đưa mình và mỉm cười với Xiđo Kacpôvich.

Ông ta lại gõ cái ba-toong xuống đất và lại vuốt ria mép một lần nữa.

- Các chú ạ, tôi đây, tôi không thích diễn thuyết, nhưng lúc này tôi muốn nói với các chú đôi câu. Thì đây, tôi nhìn thẳng vào mắt các chú mà nói rằng các chú là những chàng trai dũng cảm. Ở trại các chú, mọi việc đều được tiến hành tốt, theo lẽ lối của chúng ta, lẽ lối công nhân, mọi chuyện đều tốt và tôi nói thực với các chú rằng nếu tôi có một đứa con trai, thì tôi sẽ mong muốn cho nó cũng được như các chú. Và các chú đừng có bận lòng về những lời nói lảng nhãng của lũ bà già ở ngoài kia làm gì. Tôi nói toạc với các chú: các chú hãy cứ theo đường lối của các chú, bởi vì tôi đây, là một người bôn-sê-vich già và một công nhân già, tôi trông thấy rõ: ở trại các chú mọi chuyện đều tiến hành theo lẽ lối của chúng ta. Và nếu có ai bảo các chú rằng làm như vậy không đúng, thì các chú đừng để ý và các chú cứ tiến lên đi! Các chú có hiểu không, cứ tiến lên đi! Thế đó! Và để tỏ lòng, tôi nói phăng ngay với các chú: tôi sẽ cho các chú chặn, để mà đập lên bụng!

Từ các hàng ngũ giải tán, như một vốc các hạt pha lê ném tung ra, bọn trai chạy xô lại chỗ chúng tôi. Lapô nhảy ra phía trước và, chùn người xuống đứng chắc trên hai bắp chân, hấn vung cánh tay quay tít mà kêu lên:

- Cái gì nhỉ? Nếu vậy thì... Xiđo Kacpôvich, u-ra!

Gô-rô-vich và tôi chỉ vừa kịp có thì giờ nhảy tránh sang một bên. Chúng đã nhắc bổng Khalabudă lên cánh tay, tung ông ta lên trời mấy bận và lôi ông vào câu lạc bộ: chỉ có chiếc gậy gỗ khô của ông là thò lên khỏi đám đông.

Đến cửa câu lạc bộ chúng đặt ông xuống đất. Đầu tóc rối bù, mặt đỏ gay và tâm hồn xáo động, ông chỉnh đốn lại áo vét-tông và đã lục tìm với một vẻ ngạc nhiên trong một túi áo, thì chợt Taranet đến gần ông và kín đáo bảo ông:

- Đồng hồ của ông đây, ông cũng nhận lấy lại cả ví với các chìa khóa của ông nữa.

- Vậy tất cả những thứ đó đã bị rơi ra à?

- Không, Taranet nói, nhưng tôi đã thu cất chúng, kéo chúng có thể rơi và mất được... Chả biết đâu là chừng, ông ạ...

Khalabudă cầm lấy những vật quý của ông ở tay Taranet và hấn lẩn ngay vào đám đông.

- Bọn trai cừ thật, anh ạ!... Tôi nói thật đấy!

Rồi bỗng ông cười phá lên:

- Ô, các chú... Rút cục thì là thế nào nhỉ... chú đã “thu cát” kia đâu rồi nhỉ?

Ông trở về tỉnh, bồi hồi cảm động.

Cho nên hôm sau tôi thực sự chết điếng thấy cũng là ông Xido Kacpôvich ấy tiếp tôi lạnh nhạt, xa vời hết sức trong phòng giấy sang trọng của ông; ông cứ bận rộn lục lọi các ngăn kéo hơn là nói với tôi, vừa khảo tra các sổ tay vừa xỉ mũi.

- Chúng tôi không có chẵn, ông nói, chúng tôi không có.

- Ông cho tiền, chúng tôi mua vậy.

- Nhưng chúng tôi không có tiền... Không làm gì có... Mà rồi quỹ dự trù cho cái đó cũng không có.

- Vậy mà sao... hôm qua?

- Ừ thì, nói cái gì mà chả được? Mọi chuyện ở đây... chẳng qua là lời nói. Còn nếu như không có gì, thì làm thế nào...

Tôi hình dung thấy cái môi trường trong đó Xido Kacpôvich sống, tôi nhớ lại Saclơ Đacwin,^[227] đưa tay lên vành mũ chào và đi ra.

Tin Xido Kacpôvich bội ước về đến trại khiến ai nấy đều tức giận. Cả đến Galatenkô cũng phẫn nộ:

- Hừ, người đâu mà lại thế chứ! Bây giờ thì ta cứ thử đến trại mà xem. Mồm nói xoén xoét: “Tôi sẽ đến thăm ruộng dưa của các chú. Rồi tôi sẽ canh gác”...

Hôm sau tôi cho đệ lên Ủy ban Trọng tài một đơn kiện ông chủ tịch Ủy ban Bảo vệ nhi đồng, trong đó tôi không nhấn mạnh về mặt pháp luật của vấn đề, mà nhấn về mặt chính trị: chúng tôi không thể nào chấp nhận được rằng một người bôn-sê-vich lại không giữ lời hứa.

Ba hôm sau, chúng tôi ngạc nhiên thấy Ủy ban Trọng tài triệu tập Lapô và tôi lên. Đứng trước cái bàn đồ của toà án hòa giải, Khalabudă đã bắt đầu trình bày giải thích. Sau lưng ông ta, ngồi yên như bụi mọc, là những đại biểu của môi trường chung quanh, ai nấy đeo kính, gáy béo ụ lên thành nếp, ria mép nhỏ để theo kiểu Mỹ, thì thảo bàn bạc với nhau. Ông chủ tịch Ủy ban Trọng tài, mặc áo bơ-lu Nga đen, người có cái trán rộng và đôi mắt màu hạt dẻ, đặt năm ngón tay xòe ra trên một tờ giấy gì đó mà ngắt lời Khalabudă:

- Khoan đã, anh Xido. Anh hãy nói thật: anh đã có hứa cho chẵn à?

Khalabudă đỏ mặt, rồi khoa tay lên một cái:

- Nghĩa là... có nói đến chuyện đó. Trong khi nói chuyện thì cái gì mà chả nói được!

- Trước hàng ngũ các trại viên ư?

- Phải, có thể... Bọn trẻ đang đứng sắp hàng.

- Chúng đã tung anh lên trời à?

- Tụi trẻ con... Phải, đúng vậy... Anh bảo làm thế nào được với chúng?

- Anh trả tiền đi.

- Sao cơ?

- Trả tiền đi, tôi bảo anh thế. Phải cho chẵn, nghị quyết như vậy đó.

Các phán quan mỉm cười. Khalabudă ngoảnh lại phía môi trường chung quanh và lăm bằm những lời đe dọa mơ hồ gì đó.

Chúng tôi đợi vài hôm, rồi Zadô-rốp đến tìm Khalabudă để xin lĩnh chẵn hoặc tiền về. Xido

Kacpôvich không muốn tiếp hấn ta, và viên quản lý của ông giải thích:

- Tôi không hiểu làm sao các anh lại có thể nghĩ đến đi thừa kiện chúng tôi! Những kiểu như vậy là thế nào? Thì đây, thừa với anh là chúng tôi đã nhận được nghị quyết tài phán. Nó đây kìa, anh thấy không?

- Vậy thì sao?

- Thì là vậy đó thôi. Và xin thừa với anh, anh đừng đến nữa. Có thể là chúng tôi còn quyết định kháng cáo. Cùng lắm, thì chúng tôi sẽ ghi vào ngân sách sang năm. Để thường các anh nghĩ rằng chỉ có việc chạy ra chợ, mua về bốn trăm cái chăn cho các anh đấy hử? Các anh phải biết, ở đây là một tổ chức hành chính hử hoi...

Zadôrôp ở tỉnh trở về rất chán nản. Hội đồng đội trưởng sôi sục giận dữ cả một buổi tối rồi quyết định gửi một bức thư lên ông Grigôri Ivanôvich Pêtrôpxki.^[228] Nhưng hôm sau tìm ra được một giải pháp hết sức đơn giản và tự nhiên, đồng thời cũng hết sức vui vẻ, thậm chí toàn trại vui cười nhẩy múa vì cái giải pháp không ngờ đó; ai nấy mơ ước tới cái giây phút sung sướng Khalabudă lại đến trại và các trại viên có thể nói chuyện với ông ta. Giải pháp ấy là viên thừa phát lại làm sai áp chi phó về tồn khoản của Ủy ban Bảo vệ nhi đồng. Hai ngày nữa qua đi: tôi lại được gọi lên cũng cái phẩm cấp cao ngày nọ, và ở đây cũng vẫn cái đồng chí mặt mày nhẵn nhụi hồi đó đã quan tâm đến những lý do tại sao tôi không thích có những giáo viên trả lương bốn chục rúp, đồng chí ngồi trong một chiếc ghế bành rộng, mặt đỏ bừng vì khoái chí ngắm nghía Khalabudă đi đi lại lại trong phòng giấy, mặt cũng đỏ bừng, song lại vì một lẽ khác.

Tôi lặng lẽ dừng chân trên ngưỡng cửa, song người mặt mày nhẵn nhụi vừa ra hiệu bằng một ngón tay gọi tôi lại, vừa khó khăn lắm mới giữ được khỏi bật cười.

- Anh lại gần đây... Làm sao thế? Làm sao mà anh dám làm điều đó, hử anh bạn? Như thế không tốt, phải bỏ việc sai áp đi, nếu không... Anh thấy không, bác ấy đến đây, và người ta không để cho bác ta thò tay vào chính ngay túi áo mình. Bác ấy đến kêu ca về anh đấy. Bác nói: tôi không muốn làm việc nữa, viên giám đốc trại Gorki làm nhục tôi.

Tôi im lặng, vì tôi không biết người mặt mày nhẵn nhụi định đưa câu chuyện đi đến đâu.

- Phải bỏ việc sai áp đó đi thôi, vị thủ trưởng nghiêm túc nói. Những trò mới lạ ấy là cái gì vậy, sai áp chi phó?

Rồi bỗng không thể nhìn được nữa, ông lại lẩn lộn trong ghế bành vì cười. Khalabudă thọc hai tay vào túi áo mà nhìn ra ngoài quảng trường.

- Ông ra lệnh cho bỏ việc sai áp đi ư? Tôi hỏi.

- Thì chuyện chính là ở chỗ đó: tôi không có quyền ra lệnh. Bác hiểu không, Xidô Kacpôvich, tôi không có quyền làm thế! Nếu tôi bảo anh ta: giải trừ sai áp, anh ta sẽ trả lời: tôi không muốn! Tôi trông thấy bác có một quyền séc trong túi áo. Vậy bác ký đi: bao nhiêu nhĩ, một vạn à? Thì đây...

Khalabudă rời cửa sổ, rút một tay khỏi túi áo đưa lên vuốt bộ râu đỏ hung và mỉm cười:

- Hừ, kể thì có những người cũng đều thật, anh bảo thế nào?

Ông ta đi lại bên tôi và vỗ vào vai tôi một cái:

- Cậu cừ lắm, đôi với bọn chúng tớ thì phải làm như thế mới được. Xét cho cùng, chúng tớ là những người thế nào? Một lũ quan liêu! Phải làm như thế!

Người mặt mày nhẵn nhụi lại cười phá lên, thậm chí phải rút cả khăn mũi-soa ra nữa. Khalabudă tươi cười lấy quyền séc và điền vào một tấm séc.

Ngày mồng năm tháng bảy, Hội ngày mùa được cử hành.

Ngày hội cũ đó, với những nghi tiết ấn định sẵn từ lâu rồi, đã trở thành độ đường quan trọng nhất trong lịch hàng năm của chúng tôi. Nhưng hiện thời mục đích chủ yếu của nó là trình bày trước mắt mọi người sự phục hồi của trại sau chiến dịch vừa qua. Ý nghĩ ấy khích động hết thảy các trại viên, cho nên các công việc chuẩn bị được xúc tiến “không ngừng”, trong một đà nhiệt tình sâu sắc, kiên quyết muốn rằng: cái gì cũng phải hoàn toàn mới được. Hầu như không còn một cái gì dở dang ở chỗ nào hết thảy: những tấm chăn đỏ trên các giường mới tinh, mặt ao lấp lánh như một tấm gương trong, trên các sườn đồi trái dài bảy đợt đất bằng dành cho vườn cây quả mới. Mọi cái đều đã làm xong. Xilanti chọc tiết lợn, đội đặc biệt của Butzai treo các dây hoa và khẩu hiệu. Phía trên cổng, nổi bật trên nền trắng của những phiến đá xây vòm, Kôxchia Vetkôpxki đã sột sắng căng lên:

VÀ CHÚNG TA SẼ LÀM TUNG BAY TRÊN TRÁI ĐẤT LÁ CỜ ĐỎ CỦA LAO ĐỘNG

Còn ở bên trong cổng người ta đọc thấy gọn lỏn:

RỒ!

Ngày mồng hai, mặc đại lễ phục, đội đặc biệt mười ba do Jêvêli chỉ huy, chạy xe đi khắp tỉnh phân phát những thiệp mời.

Ngày mồng hai, mặc đại lễ phục, đội đặc biệt mười ba do Jêvêli chỉ huy, chạy xe đi khắp tỉnh phân phát những thiệp mời.

Hôm mở hội, từ sáng tinh mơ, nửa hec-ta ruộng hắc mạch phải gặt đã được quây bằng những dây cờ đỏ; con đường đi ra ruộng cũng được trang trí bằng cờ và dây hoa. Tại cổng vào là ban tiếp đón ở một chiếc bàn nhỏ. Trên bờ ao cao dốc, bàn ăn đã được đặt cho sáu trăm người; và một làn gió hiu hiu chiều người của ngày hội ân cần phe phẩy những góc khăn trải bàn trắng, những cánh hoa của các bó hoa và những áo blu của ban phục vụ bàn tiệc.

Cưỡi con Hảo hán và con Mary, Xinenki và Zaïtsenkô, mặc một chiếc quần cụt đỏ và áo sơ mi trắng, đội mũ trắng lớn kiểu Côcadi^[229] đứng canh ở ngoài cổng, trên đường cái phía dưới. Trên vai chúng phấp phới bay những áo choàng trắng, đính sao đỏ và viền lông thỏ trắng. Vania Zaïtsenkô đã học thông thạo trong một tuần lễ cả mười chín điệu kèn của trại và Gorkôpxki, đội trưởng của toán báo hiệu, đã nhận xét nó xứng đáng làm một tay kèn phục vụ trong ngày hội của chúng tôi. Chúng đeo kèn chéo qua vai, kèn được buộc bằng một dải xa-tanh.

Đến mười giờ những vị khách đầu tiên xuất hiện, đi bộ từ ga Ryjôp tới. Đó là các đại biểu của những tổ chức thanh niên Kômxômôn ở Khackôp. Hai tay ký sĩ gơ kèn lên, khiến những dải lụa lướt tron trên vai và, ngồi vững trên bàn đạp, thổi lên ba lần một điệu kèn chào mừng.

Hội bắt đầu. Ban đón tiếp ở cổng, đeo băng tay màu lam nhạt, đón các vị khách, gài lên ngực mỗi người ba bông lúa hắc mạch buộc bằng một dải lụa đỏ và trao thiệp của người nào cho người ấy. Trên thiệp chẳng hạn viết rằng:

Đội mười một của các trại viên kính mời ông dự tiệc cùng với đội. Đội trưởng, D. JÊVÊLI

Các vị khách được dẫn đi thăm trại, trong khi ở phía dưới đường đã vang lên những hồi kèn mới của các tay ký sĩ bảnh bao của trại.

Khách vào đầy sân và các phòng. Đến trại có các đại biểu các nhà máy ở Khackôp, các cán bộ của Ủy ban Chấp hành khu và Ủy ban nhân dân Giáo dục, các Xô-viết của các làng lân cận, các phái viên những tòa báo. Xe đưa Djurinxkaia, Iuriép, Klame, Brêgen và nữ đồng chí Zôia, các cán bộ trong các tổ chức của Đảng... dồn dập tới cổng. Đồng chí mặt mày nhẵn nhụi cũng đi ô-tô đến, và cả Khalabudà với chiếc xe Ford của ông ta. Hội đồng đội trưởng đặc biệt tụ tập lại để đón tiếp ông, họ lôi ông ra

khởi xe và tung ông lên trời ngay lập tức. Đồng chí mặt mày nhẵn nhụi đứng ở phía bên kia xe cười, và khi Khalabuđa lại được đặt xuống đất, đồng chí hỏi ông:

- Lần này thì chúng rút bay của bác cái gì thế?

Khalabuđa làm ra bộ giận dữ.

- Anh cho là chúng không rút cái gì đó hẳn? Bao giờ thì chúng cũng rút của mình một cái gì.

- Ô, thật à? Vậy cái gì thế?

- Một chiếc máy kéo, đây chúng rút của mình đấy! Mình cho chúng nó một chiếc máy kéo, một chiếc máy Forxôn... Thì đó, cứ tung một lần nữa đi, những của quái, nhưng bây giờ thì hết thật rồi đấy nhé.

Khalabuđa không tránh khỏi được một trận tung bay lên trời nữa, rồi bọn trai lôi kéo ông ta đi.

Sân trại đã đông như phố lớn ở ngoài tỉnh. Các trại viên, chung diện hàng mớ dải lụa, đi từng hàng lớn rất chỉnh tề ở các lối đi, lẫn với khách, môi đỏ thắm cười với họ; mặt chúng rạng rỡ ánh mắt khi mắc cỡ, khi ngay thục, chúng lưu ý các tân khách nhìn cái này, dẫn họ đi xem cái nọ.

Đến trưa Xinenki và Zaïtsenkô trở vào trong sân và, cúi người trên yên ngựa, trao đổi thì thầm điều gì với đội trưởng trực nhật, Natasa Pêtrenkô, rồi Xinenki làm cho các tân khách và trại viên tươi cười chạy trốn té tát, phóng nước đại thẳng một mạch đến sân trại. Một phút sau ở bên ấy đã vang lên những nốt nhẹ nhàng của điệu kèn tập hợp, bao giờ cũng thỗi cao hơn một bát độ đối với bất cứ một điệu kèn nào. Vania Zaïtsenkô lại thối lần nữa. Bỏ các tân khách, các trại viên chạy tới sân chính. Tiếng ngân cuối cùng của bài kèn chưa kịp bay đến Ryjôp chúng đã đứng cả thành một hàng, và ở sườn bên trái, vác lá cờ màu lục, Michia Nitxinôp đi vội tới, hát cao để giày và làm cử tọa cảm động thích thú. Từ mỗi dây cân não trong người, tôi bắt đầu cảm thấy sự đặc thắng của tôi. Cái hàng trai trẻ vui tươi kia, bỗng chốc dần thành một dải xanh lam và trắng ở rìa vườn hoa, đã đập vào mắt, vào hứng thú và những tập quán của tân khách tụ họp, lập tức bắt họ phải kính trọng. Mặt họ cho tới lúc bấy giờ vẫn giữ cái vẻ lượng cả bao dung, đã thành thói quen ở những người lớn hào hiệp sẵn lòng quan tâm đến trẻ nhỏ, bỗng chốc đều căng thẳng vì sức chú ý đến tốt độ. Đứng sau lưng tôi, Iuriep nói to hẳn lên:

- Hoan hô, Antôn Xêmiônôvich, phải như thế mới đúng!...

Các trại viên đang chăm chú đứng vào hàng cho thẳng, thỉnh thoảng lại liếc nhìn tôi. Tin chắc rằng mọi sự đã ổn định ở khắp nơi, tôi không ngần ngại ra lệnh:

- Chào cờ, nghiêm!

Từ phía sau các tường nhà thờ đã hiện ra Natasa, bước đi thật đúng nhịp kèn chào, dẫn đội cờ tới sườn bên phải.

Bằng đôi câu vắn tắt, tôi nói với các trại viên những lời chúc mừng ngày hội và khen ngợi thắng lợi của họ.

- Và bây giờ, chúng ta hãy tỏ lòng kính trọng đối với các đồng chí ưu tú của chúng ta, đối với đội đặc biệt tám gặt bó lúa đầu tiên, đội của Burun.

Kèn lại nổi lên. Từ những cửa rộng, mở toang hai cánh, đội đặc biệt tám ở trong sân trang trại đi ra. Ôi, các vị khách thân yêu của tôi, tôi hiểu sự xúc động của các vị, tôi hiểu sự kinh ngạc ở những cặp mắt bị thôi miên của các vị, vì chẳng phải lần đầu tiên trong đời tôi, chính tôi đây cũng kinh dị và sung sướng vì cái vẻ đẹp tuyệt vời và trang nghiêm của đội đặc biệt tám. Hẳn là tôi sẵn có dịp được nhìn và xúc cảm hơn các vị nhiều.

Dẫn đầu đội là Burun, con người kỳ cựu cao quý, dày công lao khổ, đã từng bao lần xuất lĩnh các đội của trại đi công tác. Hẳn vác cao trên vai Hecquyn^[230] của hắn một cái hái lưỡi mài sáng loáng và

có tét những đoá hoa cúc lớn. Ngày hôm nay Burun đẹp một cách đường bệ, hẳn càng thêm đẹp đối với tôi bởi vì tôi biết hẳn không phải chỉ là một tượng hình trang trí đứng hàng đầu ở một bức tranh sinh động, nhưng trước hết hẳn là một tay chỉ huy chân chính biết rõ những người mình dẫn dắt và biết rõ mình đưa họ đi đâu. Trên gương mặt nghiêm khắc và điềm đạm của hẳn, tôi đọc thấy tư tưởng hẳn: ngày hôm nay, trong ba mươi phút, hẳn phải gặt và đánh đồng cho xong nửa hec-ta lúa hắc mạch. Các tân khách không thấy được điều đó. Họ cũng không thấy được rằng đội trưởng những tay hái ngày hôm nay là sinh viên ở Viện Y học; ấy những đường nét của phong cách xô-viết chúng ta kết hợp với nhau một cách rõ rệt đặc biệt như vậy đó. Còn có nhiều điều khác mà các tân khách không thấy và cũng không thể nào thấy được nữa kia, dù chỉ riêng vì lẽ không phải cứ nhìn Burun là đủ. Sau lưng hẳn, sắp hàng bốn tiến lên là mười sáu tay hái, áo sơ-mi cũng trắng bong như vậy, các lưỡi hái cũng kết hoa như vậy. Mười sáu tay hái! Đếm thì dễ làm sao! Nhưng trong con số mười sáu ấy có biết bao nhiêu tên quang vinh: Kharabanôp, Zadôrôp, Biêlukhin, Snaide, Gêorghiepcki! Chỉ có hàng cuối cùng là gồm những trại viên Gorki mới: Vôxkôibônikôp, Xvatkô, Peretz và Kôrôtkôp.

Sau các tay hái, mười sáu thiếu nữ. Trên đầu mỗi cô một vành hoa và trong lòng, một vành những ngày tươi đẹp của đời sống xô-viết chúng ta. Đó là những cô bó lúa.

Đội đặc biệt tám đang tới gần chúng tôi thì từ trong cổng phi nước kiệu đi ra hai chiếc máy gặt, mỗi cái thắng hai đôi ngựa. Bơm và dây kéo của mỗi con ngựa đều kết hoa và hoa trang trí cả những cánh cửa máy gặt, Những người đánh ngựa thì cưỡi những con ngựa bên phải; đích thân Antôn Bratsenkô ngồi trên ghế chiếc máy gặt thứ nhất, và trên máy thứ hai là Gorkôpxki. Đi sau máy gặt là những bò cào ngựa kéo, rồi đến một xe tưới nước, trên đó ngồi chễm chệ Galatenkô, anh chàng lưỡi nhát trại, nhưng đã được hội đồng đội trưởng nhất định thưởng công bằng cách ban cho hẳn địa vị đó trong đội tám. Và bây giờ thì người ta có thể thấy với một nhiệt tình như thế nào và những bàn tay không lưỡi như thế nào Galatenkô đã gài hoa vào xe của hẳn. Đó không phải là một cái thùng nữa mà là một bồn hoa thơm, hoa giắt cả vào những nan bánh xe. Cuối cùng, đi sau chót đằng sau Galatenkô, một chiếc đrôski trung dấu hồng thập tự chở Êlêna Mikhaïlôpna và Xmêna: mọi chuyện bắt đầu đều có thể xảy ra trong khi lao động.

Đội đặc biệt tám dừng lại trước mặt chúng tôi. Lapô bước ra khỏi hàng và nói:

- Đội đặc biệt tám! Vì các bạn là những thanh niên Kômxômôn tốt, những trại viên tốt và những đồng chí tốt, cho nên trại đã tặng các bạn cái phần thưởng cao quý này: các bạn được gặt bó lúa đầu tiên của chúng ta. Các bạn hãy làm cho đúng cách phải làm và một lần nữa hãy chỉ cho tất cả các em nhỏ của chúng ta thấy phải làm việc như thế nào. Hội đồng đội trưởng khen ngợi các bạn và yêu cầu người chỉ huy các bạn, đồng chí Burun, hãy suất lĩnh tất cả chúng tôi.

Lời diễn văn ấy, cũng như hết thảy những lời theo sau, không biết do ai đã đặt ra. Nó cứ được nhắc lại năm này qua năm khác, với những từ y nguyên như thế, ghi chép ở hội đồng đội trưởng. Chính vì vậy nên ai cũng nghe với một xúc động đặc biệt và hết thảy các trại viên đều im phăng phắc khi Burun đến gần tôi và nói lên câu truyền thống:

- Thừa đồng chí giám đốc, kính xin đồng chí cho phép tôi suất lĩnh đội đặc biệt tám đi công tác và xin đồng chí cho các anh trai này đi giúp đỡ chúng tôi.

Tôi trả lời theo đúng phép:

- Đồng chí Burun, đồng chí hãy suất lĩnh đội đặc biệt tám đi công tác và hãy lấy các anh trai này đi giúp đỡ.

Từ lúc đó trở đi, Burun là người chỉ huy của trại. Hẳn ra một thôi mệnh lệnh thay đổi hàng ngũ, rồi một phút sau mọi người đều xuất phát. Sau các đội trống và cờ, đến các tay hái và xe máy gặt, theo

liên là toàn thể nhân viên và trại viên còn lại, rồi đến tân khách. Phục tùng kỷ luật chung, các vị khách đều sắp hàng và đi nhịp bước. Khalabudă đi bên cạnh tôi, bảo đồng chí mặt mày nhẵn nhụi:

- Ô, khi thật!... giá không có chuyện những cái chăn kia... thì mình đã đi vào hàng... với một lưỡi hái!

Tôi hất đầu ra hiệu cho Xilanti chạy bay về sân trại. Khi chúng tôi tới ruộng lúa hắc mạch, Burun cho đội ngũ đứng lại và, phá lệ, hỏi các trại viên:

- Có đề nghị chỉ định ông Xido Kacpôvich Khalabudă vào đội đặc biệt tám, làm tay hái thứ năm trong toán của Zadôrôp. Có ai phản đối không?

Các trại viên cười và vỗ tay. Burun cầm lấy ở tay Xilanti một cái hái tết hoa và giao lại cho Khalabudă. Xido Kacpôvich, với một cử chỉ nhanh nhẹn và trẻ trung, cởi ngay áo vét-tông, ném trên bờ ruộng và rung rung cái hái;

- Cảm ơn!

Ông đến đứng vào chỗ thứ năm trong hàng các tay hái của Zadôrôp. Zadôrôp giơ ngón tay đe dọa ông:

- Ông liệu đừng có bập lưỡi hái xuống đất, kéo cả toán sẽ mất danh dự đấy.

- Cứ mặc tôi, Khalabudă nói, tôi còn có thể dạy các chú được...

Đội ngũ trẻ nuôi đứng dàn ra ở một phía thửa ruộng. Cờ được đưa tới chỗ sẽ phải buộc bó lúa đầu tiên. Đến bên cờ có Burun, Natasa và Zoren, nó đứng sẵn sàng, nhân danh là trại viên nhỏ tuổi nhất.

- Nghiêm!

- Burun bắt đầu phạt lúa. Bằng vài nhát hái, hắn đã làm đổ xuống chân Natasa một đồng những bông lúa hắc mạch cao. Natasa đã lấy những cây lúa hái nhát đầu tiên bện thành một sợi dây. Bằng vài động tác khéo léo cô buộc bó lúa lại; hai thiếu nữ quần cho nó một dây hoa, và Natasa, mặt ửng đỏ vì sự gắng sức và vì thành công, trao nó cho Burun. Burun nâng bó lúa lên vai và bảo Zoren, đang ngẩng thật cao lên về phía hắn bộ mặt nghiêm túc của nó với một mẫu mũi hếch:

- Em hãy cầm lấy ở tay anh bó lúa này, em hãy làm việc và học tập để trở thành một thanh niên Kômxômôn, và một khi lớn lên, em cũng xứng đáng được cái vinh dự mà anh nhận được hôm nay là gặt bó lúa đầu tiên.

Đến lượt Zoren, bằng một giọng ngân vang thánh thót như giọng con sơn ca trên đồng nội, nó trả lời Burun:

- Cám ơn anh, anh Grixkô! Em sẽ làm việc và học tập. Và một khi lớn lên, em sẽ trở thành thanh niên Kômxômôn và em cũng sẽ xứng đáng được vinh dự gặt bó lúa đầu tiên để trao nó cho em ít tuổi nhất.

Zoren ôm lấy bó lúa che lấp cả người nó. Nhưng bọn trẻ con đã chạy tới với một chiếc tranh, và Zoren đặt cái tặng phẩm phong phú của nó nằm lên một nền giải hoa trên đó.

Trống nổi lên như sấm: cờ và bó lúa đầu được đưa tới sườn bên phải.

Burun ra lệnh:

- Các tay hái và các cô bó lúa đứng vào chỗ!

Các trại viên chạy lại vị trí của chúng ở bốn góc thửa ruộng hắc mạch. Đứng thẳng người lên trên bàn đạp, Xinenki thổi điệu kèn công tác. Nghe hiệu lệnh đó, mười bảy tay hái bắt đầu đảo đi vòng quanh ruộng, và những lưỡi hái của họ phạt ngã những lượm lúa sang bên cạnh, mở một lối đi rộng rãi

cho các máy gặt.

Tôi nhìn đồng hồ túi. Năm phút và các tay hái đã nhấc lưỡi hái, đảo lên trời. Các cô bó lúa buộc nốt những bó cuối cùng và mang đi.

Lúc khẩn yếu nhất của công tác đã tới. Antôn, Vichia, với những con ngựa đã được nghỉ ngơi và được nuôi béo tốt của chúng, đã sẵn sàng.

- Chạy lên... đi-i-i!

Các máy gặt vững vàng tấn công theo những lối đi đã mở sẵn. Hai, ba giây đồng hồ nữa qua, thế là đã nghe thấy tiếng chúng lách cách trong lúa hắc mạnh, cái trước, cái sau đi trệch nhau. Burun lo ngại lắng nghe chúng làm việc. Máy hôm nay, hẳn với Antôn và Sêrê, ba người đã trù đi, tính lại, lo lắng rất nhiều vào những chiếc máy gặt và hai lần đem làm thử ở ngoài đồng. Nếu những con ngựa không chịu đi nhanh, phải hò hét chúng, nếu một chiếc máy gặt ọc ạch phải ngừng lại, thì thật là chuyện bêu riếu.

Song mặt Burun dần dần tươi lên. Hai chiếc máy gặt đi lên với tiếng động cơ giới đều đều, những con ngựa giữ được nước kiệu dễ dàng mà cũng chẳng hề chậm bước ở các chỗ quanh nữa, mấy chú trai vẫn ngồi yên trên lưng ngựa. Một vòng, rồi hai vòng. Sang đến vòng thứ ba, các máy gặt đi qua trước mặt chúng tôi vẫn theo cái đà tiến đẹp dễ như thế và Antôn nghiêm chỉnh nói phóng lên với Burun:

- Mọi sự tốt đẹp, đồng chí đội trưởng ạ!

Burun đã quay về phía các trại viên và giơ lưỡi hái lên:

- Chú ý! Nghiêm!

Những bàn tay các trại viên đã xuôi thẳng bên mình, nhưng mọi cái trong người họ đều đâm bỏ ra đằng trước với một sự hăng hái mà các bắp thịt đã không thể nào kìm giữ nổi rồi.

- Xuống ruộng... Xuống!

- Burun hạ lưỡi hái xuống. Ba trăm rưỡi đứa trẻ đã tràn ủa vào thửa ruộng. Những cánh tay và những cẳng chân trà trộn trên các hàng lúa chưa bó. Chúng lẫn lộn như những quả bóng, đứa nọ đè lên đứa kia, đùa cười, nhảy tránh sang bên, bó lại cả mùa gặt và băng lên theo các máy gặt hàng ba bốn đứa một, ép sát bụng trên mỗi lụm lúa.

- Này thu căng về nhé, đây là của đội mười lăm!

Các vị khách vừa cười vừa lau nước mắt và Khalabuda, đã trở về đứng với chúng tôi, nghiêm khắc nhìn Brêgen:

- Thế mà chị, nhà chị cứ bảo... thì chị nhìn xem!

Brêgen mỉm cười:

- Ừ thì, được, tôi nhìn: chúng làm việc rất giỏi và vui vẻ. Nhưng dù sao, đó cũng chỉ là công tác...

Khalabuda thốt ra một thanh âm bắt đầu bằng một chữ với “mặt”^[231] và kết tận khác, nhưng chẳng thềm nói thêm với Brêgen nữa, ông tức giận nhìn đồng chí mặt mày nhăn nhui và bảo đồng chí:

- Anh hãy nói chuyện với chị ta.

Iuriep, tâm hồn xáo động và sung sướng, xiết chặt tay tôi và gắng thử thuyết phục Brêgen.

- Không, nói thật chứ... bà thử nghĩ xem!... Tôi thì tôi cảm động, và tôi không hiểu vì sao. Đã hẳn hôm nay là một ngày hội, và một ngày hội thì tất nhiên không như một ngày thường... Nhưng mà, bà ạ, đó là... đó là cái bí quyết của lao động. Bà hiểu không?

Người mặt mày nhẵn nhụi nhìn chăm chú vào mặt Iuriep:

- Bí quyết của lao động? Tại sao là thế? Theo ý kiến tôi, thì cái hay ở đây là thế này: chúng sung sướng, chúng có tổ chức và biết làm việc. Đối với thời gian đầu, thì quả thật như thế là đủ rồi. Đồng chí nghĩ thế nào, đồng chí Brêgen?

Brêgen không có thì giờ nghĩ tới điều đó, vì Xinenki bỗng cho ngựa của nó dừng lại trước mặt chúng tôi và líu lo nói:

- Anh Burun, anh ấy bảo đến nói... Mọi người đi đánh đụn lúa ngoài đồng. Tất cả mọi người, tập hợp ở đụn lúa.

Ra chỗ đụn lúa, dưới bóng cờ, chúng tôi hát bài Quốc tế ca. Rồi có những lời phát biểu, hay hoặc không hay, nhưng tất cả đều thành thực, và những người phát biểu là những người tốt và dễ cảm xúc, là công dân của xứ sở những người lao động, cảm động vì ngày hội, vì bọn trẻ, vì bầu trời rất gần gũi với cái nhạc điệu rít lên của những con châu chấu ngoài đồng.

Xong việc trở về, mọi người ngồi vào ăn lẫn lộn, không quản tôn ti trật tự và tuổi tác gì hết. Ngay cả đến nữ đồng chí Zôia, ngày hôm ấy, cũng nói đùa và cười.

Hội kéo dài rất lâu. Người ta còn chơi đánh cầu, kéo co, “quay bơ”. Người ta băng mắt Khalabuda lại, đặt vào tay ông một cái mui-xoa bên chặt và bắt ông đuổi theo mà không sao tóm nổi một thằng bé tinh nhanh lắt một cái chuông con. Sau đó người ta đưa các vị khách ra ao tắm, rồi các trẻ nhỏ trình bày một tiết mục kịch thần tiên ở sân chính giữa. Kịch giáo đầu bằng một bản hợp xướng:

Đến tham quan, trong năm năm sắp tới

Quý vị sẽ thấy gì ở trại chúng tôi?

Một thành phố với Xô-viết sẽ ra đời,

Trang trí sân này sẽ mọc lên công xưởng mới,

Vây quanh đồi, vườn cây quả xanh tươi mát rượi,

Và chúng tôi mơ ước, chẳng phải hão huyền đâu,

Những cây đu bám điện

Màn buông xuống trên câu chúc tụng này:

Và mỗi trại viên sẽ như một cái lò xo,

Chứ đâu phải như một mẫu róc-cơ-pho^[232]

Sau khi đốt pháo hoa trên bờ ao, chúng tôi đi tiễn chân khách ra ga Ryjôp. Những vị đi xe ô tô tới thì đã về sớm hơn; khi chia tay, đồng chí “thượng cấp” mặt mày nhẵn nhụi nói:

- Thế nào? Hãy giữ vững, đồng chí Makarenkô nhé!

- Rõ, giữ vững, tôi đáp lại.

12. CUỘC SỐNG TIẾP TỤC

Và rồi lại trôi qua những ngày công tác khắc khổ và vui vẻ, đầy những lo âu, những thành công nhỏ và thất bại nhỏ, chúng thường che lấp khiến chúng tôi không nhìn thấy những chặng đường lớn và những phát hiện lớn quyết định trước rất lâu cuộc sống của chúng tôi. Và cũng như trước kia, trong những ngày cần cù ấy, nhất là trong những buổi tối dài yên tĩnh, ý nghĩ của chúng tôi được chinh đốn, chúng tôi tổng kết lại những tư tưởng thoáng qua lúc ban ngày, và tâm trí sờ nắn thấy những đường chu vi của cái tương lai mơ hồ vô cùng êm đẹp.

Nhưng rồi tương lai đến và chúng tôi thấy rằng nó cũng chẳng phải là êm dịu đến thế và giả sử đối với nó chúng tôi giảm phần đối xử long trọng đi thì cũng chẳng sao. Không dễ nhiều thì giờ tiếc thương những cơ hội đã mất, chúng tôi học tập lấy một cái gì đó rồi lại tiếp tục sống, giàu kinh nghiệm hơn, để lại phạm những sai lầm mới và vẫn theo đuổi cuộc sống.

Cũng như trước kia, có những con mắt nghiêm khắc quan sát chúng tôi. Chúng tôi bị quở và người ta chứng minh cho chúng tôi thấy rằng chúng tôi không được phạm sai lầm, rằng chúng tôi phải sống theo quy củ, rằng chúng tôi không hiểu lý luận, rằng chúng tôi phải... tóm lại, rằng chúng tôi phụ lòng tin cậy của hết thầy mọi người.

Không bao lâu một nền sản xuất công nghệ chân chính đã được dựng lên ở trại. Bằng trăm phương nghìn kế hợp pháp hay không hợp pháp, chúng tôi đã tổ chức được một xưởng mộc đầy đủ dụng cụ, có máy bào thường, bào ghép, cưa; chúng tôi tự thiết kế và làm lấy một cái máy đe mộng. Chúng tôi ký những hợp đồng, nhận những số tiền ứng trước và lại còn hốt hào đến mức dám mở một tài khoản ở ngân hàng.

Chúng tôi làm những đồ ong kiểu Đăđăng. Công việc đó vốn khá là phức tạp, đòi hỏi một mức chính xác lớn, song chúng tôi làm được rất khéo và bắt đầu bán những đồ ong của chúng tôi ra hàng trăm. Chúng tôi đóng đồ gỗ, hòm đạn dược, và nhiều thứ linh tinh nữa. Chúng tôi mở cả một xưởng làm đồ sắt, nhưng trong việc này chúng tôi đã không thành công thì chớ lại còn bị một tai họa thực sự nữa.

Ngày tháng qua đi như vậy. Chống đỡ đòn bên này bên nọ, tìm cách thích ứng, giả đồ giả tạng, có khi găm gờ nhe nanh, hoặc dọa châm một vòi nọc độc thực sự và thường thường ngoạm hẳn vào một ống quần dài nào đó đi qua vừa tầm chúng tôi, chúng tôi cứ như thế mà tiếp tục sống và làm giàu.

Chúng tôi cũng trở nên giàu bạn hữu hơn. Ngoài Djurinxkaia và Iuriep ra, ở Ủy ban nhân dân Giáo dục cũng có những người thực thông minh, bản tính tự nhiên ưa công lý và sẵn lòng suy nghĩ đến chi tiết của công tác khó khăn của chúng tôi. Song chúng tôi còn có những bạn hữu đông đảo hơn nữa trong xã hội nói chung, trong các tổ chức của Đảng, của Khu, trong báo giới và trong giới công nhân. Chỉ vì nhờ được có họ cho nên dưỡng khí cần thiết để bồi dưỡng sự cố gắng của chúng tôi mới không đến nỗi thiếu.

Công tác văn hóa tiến hành mạnh. Nhà trường không bao lâu phát triển đến sáu lớp, và Vaxxili Nikôlaiêvich Pecxki, một người rất xuất sắc, cũng xuất hiện ở trại. Đó là anh chàng Đôn Quisôttơ, [\[233\]](#) mà phẩm cách đã được nâng cao lên bởi mấy thế kỷ kỹ thuật, văn học và nghệ thuật. Thân hình lêu nhêu và gầy gò của anh ta phù hợp với cái mẫu người Xecvantex sáng tạo và điều này giúp đỡ nhiều cho anh ta “sắp đặt” và tổ chức sự hoạt động của câu lạc bộ. Anh ta rất giàu tưởng tượng và tếu hớt sức, cho nên tôi không dám bảo đảm rằng theo ý nghĩ của anh ta thế giới không phải là đầy rẫy những tinh linh lương thiện cùng ác quỷ. Nhưng tôi khuyên tất cả mọi người chỉ nên giao công tác câu lạc bộ cho những anh chàng Đôn Quisôttơ thôi. Họ biết nhìn thấy tương lai trong mỗi cái vỏ bào, biết tạo nên những cảnh thần tiên với giấy bìa cứng và thuốc màu; cùng với họ, bọn trẻ biên tập những bích báo dài bốn mươi thước, học phân biệt ở mẫu máy bay bằng giấy một phi cơ ném bom với một phi cơ thám

thính, và biết bênh vực chí chết rằng kim khí nhất định hơn hãn gỗ. Những anh chàng Đôn Quisôttô đem vào công tác câu lạc bộ cái nhiệt tình cần thiết, nhóm to lên ngọn lửa của những tài năng và khích lệ những người phát minh sáng kiến. Không kể lại ở đây tất cả những công trạng của Pecxki, tôi chỉ nói vắn tắt rằng anh ta biến đổi hẳn phong cách những buổi tối ở trại, đem du nhập vào đó nào là những vở bào, mặt sắt, lọ hồ, đèn côn, nào là tiếng cưa chổi tai, tiếng vù vù của những cánh quạt máy bay, tiếng ca hợp xướng và cả tuồng câm nữa.

Chúng tôi cũng bắt đầu bỏ ra nhiều tiền mua sách. Tủ đã thiếu chỗ để ở trong đàn lễ, và người đọc thiếu chỗ ngồi ở trong phòng đọc.

Và lại còn một chuyện khác nữa!

Trước hết là đội nhạc! Trại chúng tôi là trại đầu tiên ở Ukren và có lẽ trong cả Liên bang dám tự ban cho mình cái món ưu mỹ đó. Thấy thế, nữ đồng chí Zôia lại càng yên chí, không còn hồ nghi gì nữa, rằng tôi là một tay đại tá cũ. Song ngược lại, hội đồng đội trưởng thì bằng lòng. Nói cho thực, lập một đội nhạc ở một trại nhi đồng là cả một cuộc thử thách ghê gớm đối với não cân, vì suốt bốn tháng ròng chẳng có xó nào là anh không thấy, ngất ngưỡng trên ghế dựa hay trên bàn, những ông giọng thấp, giọng trầm và giọng bổng, mãi miết xé ruột gan anh và ruột gan những người xung quanh bằng cách thốt ra những âm thanh khó chịu không thể tả được. Song đến ngày mừng Một tháng Năm, chúng tôi đi vào thành phố với chính đội nhạc của chúng tôi. Kể xiết bao những xúc động mạnh mẽ, bao nhiêu giọt lệ cảm xúc và bao nhiêu hưng phấn thán phục cái ngày hôm ấy đã đem lại cho các ông trí thức, các bà già quắt queo, các nhà báo và bọn trẻ con ở các phố tỉnh Khackôp!

Việc thứ hai chúng tôi thực hiện được là chớp bóng. Nó cho phép chúng tôi ra tay hãn hoi đối với công tác của cái tầng viện đứng sừng sững ở giữa sân trại. Hội đồng nhà thờ tha hồ khóc lóc, đe dọa, chúng tôi cứ việc bắt đầu những buổi chiều bóng của chúng tôi đúng vào lúc chuông gọi đi lễ chiều. Chưa từng bao giờ tiếng chuông cổ lỗ ấy tập hợp được các con chiên đông bằng bấy giờ, và nhanh chóng được đến thế. Người kéo chuông chưa xuống khỏi tháp chuông, ông linh mục chưa bước vào qua cổng, thì ở cửa câu lạc bộ của chúng tôi đã đứng sẵn một hàng nối đuôi dài hàng hai ba trăm người. Trong khi ông linh mục mặc áo lễ, anh quay máy cũng tra phim vào máy; con người chí thánh bắt đầu lên giọng kính tin: “Thiên đường cực lạc...”, thì anh ta cũng mở máy của anh. Quan hệ hoàn toàn mật thiết.

Mối quan hệ ấy kết thúc đáng buồn cho Vêra Bêrêzôpxkaia. Trong số các trẻ nuôi của tôi, Vêra là một đứa mà giá thành cao hơn hết, trong bộ môn sản xuất của tôi, và còn vượt quá xa mọi dự toán là khác nữa.

Hồi mới đầu, sau “bệnh đau thận” của cô ta, Vêra đã dịu đi và làm việc rất nhiều. Song màu hồng vừa mới tái hiện một chút lên đôi má, da dẻ vừa mới trắng được một tí mỡ màng, Vêra đã lại bắt đầu phô bày những vẻ yêu kiều khiêu khích của nước da, của đôi vai, đôi mắt, dáng đi, giọng nói. Nhiều lần tôi bắt chột được cô ta trong các xó tối với hình bóng lơ mờ của một bạn trai nào đó. Tôi thấy ánh bạc trong đôi mắt cô ta nguy tạo và trốn tránh nhường nào, với một giọng giả dối bực mình biết bao cô ta tự biện bạch:

- Rõ hay thật, bác Antôn Xêmiônôvich, bác làm sao thế! Ngay đến nói chuyện với nhau cũng không được nữa ư?

Trong công việc cải tạo, không có gì khó khăn hơn những đứa con gái nhỏ đã qua hết tay này sang tay nọ. Một đứa con trai lang thang ở ngoài phố dù lâu đến đâu, những chuyện phiêu lưu phức tạp và phạm pháp mà nó đã tham gia dù là đến thế nào, nó phản kháng những biện pháp giáo dục của chúng tôi dù ngang ngạnh nhường bao đi nữa, miễn là trong người nó có lấy đôi chút trí tuệ, thì ở vào một tập

thể tốt thể nào nó cũng trở thành một con người. Là vì quả thật, và không có sự gì khác hết, gã trai trẻ đó chỉ là chậm tiến, và cái cự ly ngăn cách nó với những trẻ bình thường vẫn có thể đo lường và điền bổ được. Song một đứa con gái bắt đầu cuộc đời nhục dục quá sớm, hầu như ngay khi vừa thoát tuổi nhi đồng, thì đã mang ở trong người, về mặt nhục thể cũng như tinh thần, một sự chấn động ngoại thương sâu sắc, tính chất vô cùng phức tạp và đau đớn, Tứ phía chĩa vào nó những con mắt “thông cảm”, khi thì đê mạt, tà dâm, khi thì trắng trợn, xót thương hoặc bi sầu đẫm lệ. Tất cả những cái nhìn đó đều tề tựu như nhau và mang tên là tội ác. Chúng không cho phép người con gái quên được nỗi thống khổ bản thân và luôn luôn nhắc nhở cho cô sự tự ti. Và đồng thời, sự cắt bỏ nhân cách ở những đứa trẻ ấy lại thỏa hiệp rất tốt với một niềm kiêu hãnh nguyên thủy rất ngu xuẩn. Nó coi những đứa con gái nhỏ khác là ngây thơ, là trẻ ranh, trong khi nó đã là một người đàn bà, tỏ tường cái sự còn là bí mật đối với những đứa kia, và đối với đàn ông đã có được một thứ quyền lực nào đấy mà nó am hiểu và biết cách sử dụng. Trong mớ bòng bong vô cùng phức tạp đó, có chen lẫn đau thương với hư vinh, nghèo nàn với phong phú, những đêm đầm đìa nước mắt với những ngày lả lơi, nhí nhảnh, phải có một tính cách kiên cường ghê gớm lắm mới có thể tự vạch cho mình và noi theo được một phương châm xử sự, tự tạo cho mình một kinh nghiệm mới, những tập quán mới, những hình thức thận trọng và thiệp thế mới.

Vêra Bêrêzôpxkaia đối với tôi là một trong những tính cách khó khăn đó. Sau khi trại chuyển sang Kuriajê, cô ta gây cho tôi rất nhiều chuyện buồn, và tôi ngờ rằng trong thời gian ấy cô ta đã thêm vào cuộc đời rắc rối của cô nhiều nút thắt và nhiều sự hỗn độn. Nói chuyện với cô phải hết sức gượng nhẹ, dè chừng. Cô dễ phật ý, ồng ẹo, thường là tìm cách trốn thoát tôi để chạy đi vục đầu vào cỏ khô mà khóc thỏa thuê. Tuy bộ điệu thể nhưng cô vẫn không thôi mắc vào những chuyện dạn dít mới, mà muốn cắt đứt cũng chẳng khó khăn gì, dù chỉ riêng vì lẽ các bạn trai của cô sợ nhất trần đời cái nông nổi phải ra đứng giữa hội đồng đội trưởng và phải trả lời câu hỏi của Lapô:

- Đứng nghiêm, và hãy dốc hết tâm sự ra cho xong đi!

Sau cùng Vêra hiểu rằng các trại viên không thích hợp cho bản tình ca và đem những chuyện lằng lơ của cô chuyển sang một địa phận tương đối vững hơn. Lảng vảng xung quanh cô có một thanh niên chưa ráo máu đầu, làm điện báo viên ở Ryjôp, mặt đầy mụn mẩn, tính tình khó chịu, nhất định tin rằng những đường viền quần áo bằng nỉ màu vàng của y là biểu hiện của sự văn minh bậc nhất trên trái đất. Vêra bắt đầu hẹn hò gặp y ở trong rừng; bọn trai bắt gặp hai người ở đấy và phản kháng, song chúng tôi chạy theo Vêra mãi đã chán rồi. Lapô bèn làm cái việc độc nhất có thể làm được. Hắn đưa Xinvêtrôp, cậu điện báo viên, đi nói chuyện riêng ở một chỗ vắng, và bảo y:

- Cậu đến làm cho nó hỏng đời mất thôi. Cậu liệu đấy: chúng tớ sẽ bắt hai người lấy nhau!

Cậu điện báo viên quay cái mặt bị thịt đầy mụn nhọt đi:

- Cái gì mà “bắt hai người lấy nhau”!

- Hãy coi chừng, Xinvêtrôp ạ, nếu cậu không muốn lấy vợ thì chúng tớ sẽ chẳng nề nang gì đâu, cậu biết chúng tớ đấy... Dù cậu ngồi trong phòng điện báo của cậu, cậu cũng không thoát nổi chúng tớ, và cậu có đi tỉnh khác nữa, chúng tớ cũng tìm ra.

Bất chấp mọi lời bàn tán, Vêra cứ xồng được phút rồi rãi nào là bay ngay đến chỗ hẹn hò với cậu điện báo. Khi tôi bắt gặp thì cô đỏ mặt lên, sửa lại một cái gì ở trên đầu rồi ù té chạy trốn.

Sau cùng giờ phút của Vêra đến. Đêm đã khuya, cô bước vào phòng giấy tôi, chênh mảng ngồi phịch xuống một cái ghế dựa, bắt chéo hai chân, mắt nhìn xuống và mặt đỏ bừng lên, nhưng rồi ngẩng đầu lên ngay, cô nói to với một giọng hằn học:

- Cháu có chuyện muốn nói với bác.

- Xin mời cô, tôi đáp với cùng một giọng quan thức ấy.
- Thế nào cũng phải cho cháu đi phá thai.
- À?
- Vâng, xin bác đấy: bác viết cho một chữ đi bệnh viện.

Tôi nhìn cô mà không nói gì. Cô cúi đầu xuống:

- Đấy, chuyện chỉ có thế.

Tôi còn im lặng trong giây lát nữa. Vêra gắng nhìn tôi qua đôi mi mắt sụp xuống, song căn cứ vào những cái nhìn của cô, vào đôi má đỏ ửng và vào cách nói năng của cô, tôi hiểu rằng cô không còn biết liêm sỉ gì nữa.

- Cô sẽ để đứa con của cô ra, tôi lạnh lẽo nói.

Vêra nững nịu liếc nhìn tôi, vẻ đầy đóm dáng và lắc đầu:

- Không, cháu chả muốn đâu.

Không trả lời, tôi đóng các ngăn kéo bàn giấy của tôi lại và đội mũ cát-két vào. Cô đứng dậy mà vẫn liếc ngang nhìn tôi, vẻ ngượng ngập.

- Thôi chứ! Đến giờ đi ngủ rồi, tôi nói.
- Nhưng cháu cần có... tờ giấy ấy. Cháu không thể đợi được. Bác cũng thừa hiểu!

Chúng tôi bước sang phòng hội đồng đội trưởng tối om và chúng tôi dừng chân lại.

- Tôi đã nói chuyện nghiêm chỉnh với cô và tôi sẽ không thay đổi quyết định. Không phá thai! Cô sẽ để đứa con của cô ra.

- Ô! Vêra kêu lên, và cô chạy trốn, đóng sầm cửa lại.

Bốn ngày sau, cô gặp tôi ở ngoài, khi tôi ở trong làng về trại, vào một giờ đã khuya, và cô đến đi bên cạnh tôi, bắt chuyện một cách giả tạo với một vẻ hiền lành vờ vĩnh:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác cứ đùa luôn thôi, thế mà cháu thì cháu chả còn bụng dạ nào mà đùa nữa.

- Cô muốn cái gì?

- Ô, bác ấy không hiểu, ra bộ thế!... Cháu cần có tờ giấy ấy, sao bác lại cứ đóng kịch thế không biết!

Tôi khoác cánh tay cô và đưa cô đi về phía con đường ra cánh đồng.

- Chúng ta nói chuyện một tí.

- Nhưng có cái gì mà nói chuyện chứ? Trời ạ, bác lại vờ trò khác nữa! Bác hãy cho cháu tờ giấy, chỉ có thể thôi.

- Nghe đây, Vêra ạ. Tôi không đóng kịch và tôi không đùa đâu. Cuộc sống là một việc nghiêm túc, không nên đùa cợt với nó: như thế nguy hiểm. Trong đời cô đã xảy ra một việc nghiêm trọng: cô đã yêu một người... Thì thôi, cô hãy nên lấy hấn đi.

- Quái ác, làm như là cháu cần đến cái ngữ ấy vậy? Lấy hấn, bác nghĩ ra cách đó tài thật! Và bác lại còn muốn cháu trông nom những trẻ nhỏ! Bác hãy cho cháu tờ giấy ấy... Và cháu đã chẳng yêu ai cả.

- Cô đã chẳng yêu ai cả? Thế thì là trụy lạc ư?

- Trụy lạc, thôi cứ cho là thế đi. Bác thì tất nhiên bác bảo thế nào cũng được.

- Và tôi bảo cô như thế này đây: tôi sẽ không để cho cô sa vào vòng trụy lạc! Cô đã đi với một

người đàn ông, vậy thì bây giờ cô sẽ trở thành người mẹ!

- Bác cho cháu tờ giấy đi, cháu bảo bác thế mà! Vêra kêu lên và òa khóc... Tại sao bác cứ thích hành hạ cháu?

- Tôi sẽ không cho cô giấy má gì hết. Nhưng nếu cô nài nỉ thì tôi sẽ đặt vấn đề với hội đồng đội trưởng.

- Ô, trời ơi! Cô thốt lên, và buông mình ngã dúi trên bờ ruộng, cô bắt đầu khóc, nghẹn ngào nước mắt, rung rung đôi vai, trông thật đáng thương.

Tôi vẫn đứng yên, cúi mình nhìn cô. Galatenkô ở ruộng dưa đi ra, lại gần chúng tôi. Hắn ngó Vêra ngồi bệt trên mặt đất hồi lâu và chậm rãi nói:

- Cháu lại cứ tự hỏi: không biết có tiếng gì líu ríu ở ngoài ấy thế? À, thì ra Vêra... cô ta lúc nào cũng cười, trước đây... thế mà bây giờ cô ấy lại khóc kìa...

Vêra tự trấn tĩnh, đứng dậy, giữ áo cẩn thận và cũng vẫn thận trọng như vậy thốt ra một tiếng nước mắt sau cùng, rồi đi con đường nhỏ trở về trại, vừa vung vẩy cánh tay vừa ngược nhìn sao.

Galatenkô nói:

- Ta đi về lều, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Cháu sẽ mời bác ném thử một quả dưa hấu phải biết! Đáng gọi là chúa dưa hấu! Bọn trai ở cả đây.

Hai tháng qua đi. Cuộc đời chúng tôi chạy đều như một đoàn xe lửa điều chỉnh tốt: chỗ này mở hết tốc lực, đi trên cầu xấu thì chậm lại, hãm phanh khi xuống dốc. Và cuộc đời của Vêra cũng theo quán tính mà lăn theo đời sống chúng tôi, song cô đi trong đoàn xe của chúng tôi chỉ là với danh nghĩa đi chạc.

Tình trạng của cô không thể nào bùng bít được đối với các trại viên; và chẳng có lẽ chính cô cũng đã thổ lộ câu chuyện bí mật đó với các bạn gái, cho nên ai nấy đều biết tổng mọi sự bí mật của các cô với nhau rồi. Việc này khiến tôi được dịp tỏ lòng mến phục cái độ lượng cao quý của các trại viên, mà thực sự tôi vẫn tin chắc từ trước. Họ không chòng ghẹo và cũng không hành hạ Vêra. Có mang và đẻ ra một đứa con đối với họ chẳng phải là một việc đáng xấu hổ và cũng chẳng phải là một tai họa. Không một người nào trong bọn họ nói ra một lời gì phật lòng Vêra, mà cũng không nhìn cô một cách khinh bỉ. Còn về phần cậu điện báo viên, thì lại là chuyện khác. Ở phòng ngủ và trong các “phòng khách”, ở đội đặc biệt, ở các câu lạc bộ, trên sân đập lúa, trong xưởng làm việc, đâu đâu người ta cũng xem xét mọi chi tiết của vấn đề, vì Lapô nói với tôi cái dự kiến này, như thể đã chín muồi:

- Hôm nay, chúng ta sẽ nói chuyện với Xinvextrôp ở hội đồng. Bác không có ý kiến gì phản đối chứ?

- Tôi không có ý kiến phản đối, nhưng Xinvextrôp thì có lẽ có chẳng?

- Chúng cháu sẽ dẫn nó đến. Nó đừng có tự nhận là thanh niên Kôm-xô-môn nữa đi!

Buổi tối Xinvextrôp bị Jôra và Vôlôkhốp dẫn đến, và mặc dù tất cả sự bi đát của tình thế, tôi cũng không thể nào nhịn được mỉm cười khi người ta bắt y ra đứng giữa phòng và Lapô vắn chặt cái đai ốc cuối cùng:

- Cậu hãy đứng nghiêm.

Đứng trước hội đồng đội trưởng, Xinvextrôp toát cả mồ hôi. Y không những đứng nghiêm, mà còn sẵn sàng làm bất cứ việc gì, giải quyết bất cứ vấn đề hóc hiểm nào, miễn là y được an toàn ra khỏi cái tổ chức gớm ghiếc này. Song câu chuyện lại xoay ra một chiều hướng bất ngờ hết sức khiến chính hội đồng phải giải quyết những vấn đề hóc hiểm, vì Xinvextrôp áp ứng nói:

- Thừa các đồng chí trại viên, có thể nào bảo tôi là một thằng lêu láo hay một kẻ lưu manh?... Các anh bảo: lấy cô ta đi. Tôi xin sẵn sàng, rất vui lòng, nhưng nếu cô ta không muốn thì tôi làm thế nào được?

- Sao cơ, cô ta không muốn? Lapô giật mình hỏi. Ai bảo cậu thế?

- Chính cô ta bảo tôi thế... Vêra ấy.

- Được, thế thì cho gọi cô ấy ra hội đồng! Zoren!

Zoren nhảy đánh sầm một cái ra khỏi cửa, rồi sau hai phút lại trở về phòng như một trái bom, và hếch cái đầu mũi nhỏ của nó về phía Lapô, vênh tay bên phải lên chỉ những miền xa xôi có Vêra đang ở đấy lúc ấy:

- Chị ấy không muốn!... Anh ạ, em bảo chị ấy thế... Nhưng chị ấy bảo: Mày cút đi!

Mắt Lapô nhìn quanh khắp hội đồng rồi ngừng lại ở Fêđôrenkô. Cậu này đĩnh đạc đứng lên khỏi ghế ngồi, một bàn tay chênh mảng đưa lên không khí để chào, khẽ nói một tiếng “Rõ!” ngọt sớt, rồi đi ra phía cửa. Zoren thoát một cái đã luôn ra ngoài dưới cánh tay hấn và chạy bổ xuống cầu thang ầm ầm như sấm. Xinvextrôp, mặt nhợt nhạt và đứng trơ như đá giữa phòng, ngắm nhìn các trại viên trước mặt y đang lột da thần ái tình bị nạn.

Tôi chạy theo Fêđôrenkô và cản hấn lại ở trong sân.

- Chú hãy trở về hội đồng, tôi đi thăm Vêra.

Fêđôrenkô lặng lẽ để cho tôi đi.

Ngồi trên giường, Vêra nhẩn nại chờ đợi những tra vấn và khổ hình, lần đếm trong tay những chiếc cúc trắng lớn. Zoren đứng sững trước mặt cô ta như một con chó săn thật sự, nói liến thoắng bằng một giọng the thé:

- Đi đi, chị Vêra, đi đi... Chẳng có, anh Fêđôrenkô... Đi đi!... Chị nên đi đi thì hơn! Nó thì thảo: Đi đi! Kéo nữa Fêđôrenkô... anh ấy sẽ xách phăng chị lên đấy cho mà xem.

Trông thấy tôi, Zoren lẩn mất, chỉ để lại ở chỗ nó đứng một làn không khí biêng biếc tung tăng nhảy nhót.

Tôi ngồi lên giường Vêra, và hất đầu ra hiệu cho hai ba bạn gái của cô ta đi ra.

- Cô không muốn lấy Xinvextrôp ư?

- Cháu không muốn.

- Ừ thì cũng chẳng cần lấy, cô nghĩ phải.

Vừa lần đếm những chiếc cúc, Vêra vừa bảo chúng chứ không phải bảo tôi:

- Các cậu ấy đều muốn gả cháu tốt. Thế ngộ cháu không muốn thì sao? Nhưng xin bác cho cháu đi phá thai.

- Không!

- Nhưng cháu, thì cháu bảo bác: cho cháu đi! Cháu biết: nếu cháu muốn thì bác không có quyền.

- Muộn quá rồi.

- Thì như vậy đã làm sao!

- Muộn quá, không một thầy thuốc nào dám nhận làm đâu.

- Có chứ! Cháu biết, cái đó gọi là mổ bụng lấy thai.

- Cô biết như thế nào không?

- Cháu biết, người ta mô mình ra, có thể thôi.

- Nguy hiểm lắm, cô có thể chết được.

- Thì được! Cháu ưng như thế còn hơn có một đứa con!

Tôi đặt tay lên những chiếc cúc của cô ta. Cô ngoảnh mặt đi nhìn cái gối.

- Này, Vêra. Đối với các thầy thuốc cũng có những luật lệ. Chỉ khi nào người mẹ không thể đẻ được họ mới có thể mổ bụng lấy thai.

- Cháu cũng thế, cháu cũng không thể!

- Có chứ, cô có thể. Và cô sẽ có một đứa con!

Cô hất tay tôi ra, đứng dậy và ném mạnh những chiếc cúc xuống giường.

- Cháu không thể và cháu sẽ không có con! Bác nên biết thế! Cháu sẽ tự thắt cổ hay đi trẫm mình, chứ cháu sẽ không có con đâu!

Cô ngã dúi xuống giường và bắt đầu khóc thốn thức.

Zoren đâm bổ vào phòng ngủ:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, Lapô hỏi phải chờ Vêra hay thế nào? Còn Xinvextrôp thì làm gì hần bây giờ?

- Xinvextrôp? Tổng cổ nó đi!

Zoren ve vẩy nhanh như chớp một cái đuôi nhỏ không nhìn thấy và lại bay đánh vút một cái qua cửa.

Tôi phải làm gì đây? Loài người sống trên trái đất đã từ mấy chục thế kỷ rồi, và ái tình vẫn muôn đời gây nên rối loạn giữa bọn họ! Rômêô và Juliet, Ôtenlô và Dexdêmona, Ônêghin và Tatiana, Vêra và Xinvextrôp. Đến bao giờ hết chuyện ấy? Đến bao giờ người ta sẽ không bắt buộc phải chăm chú đến họ, để nghe ngóng tự hỏi: liệu hần có tự treo cổ hay không đây?

Tức giận, tôi bỏ đi ra. Hội đồng đã đuổi anh chàng vị hôn phu đi rồi. Tôi yêu cầu các đội trưởng nữ hãy ở lại để cùng tôi bàn bạc về Vêra. Ôlia Lanôva, một cô béo tròn má như táo đỏ, lắng nghe tôi với một vẻ nghiêm túc dễ thương và nói:

- Đúng đấy: nếu làm cái trò ấy cho cô ta, thì cô ta chết mất.

Natasa Pêtrenkô im lặng, trong khi đôi mắt trầm tĩnh và thông minh của cô vẫn ngó Ôlia.

- Natasa, ý kiến cô thế nào?

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, Natasa nói, nếu có người muốn tự treo cổ thì sẽ chả ai làm gì được cả. Và không nên canh gác cô ta. Các chị khác bảo: chúng tôi sẽ theo dõi cô ấy. Cố nhiên là chúng ta sẽ để ý, nhưng chúng ta sẽ chẳng làm thế nào mà canh cô ta được đâu.

Chúng tôi chia tay nhau, các thiếu nữ thì để đi ngủ, còn tôi thì để suy nghĩ và đợi chờ một tiếng gõ vào cửa sổ của tôi.

Tôi qua vài đêm làm cái công việc hữu ích ấy. Buổi thức đêm có khi bắt đầu bằng cuộc đến thăm của Vêra. Cô ta tới, đầu bù tóc rối, rũ rượi và đau khổ, ngồi trước mặt tôi và bắt đầu nói những chuyện vớ vẩn khó chịu hết sức về cuộc đời bỏ đi của cô, về sự tàn ác của tôi và nhiều trường hợp khác nhau mổ bụng lấy thai thành công.

Tôi lợi dụng cơ hội ấy để in vào trí não Vêra vài nguyên lý triết học thực tiễn cần thiết mà cô ta thiếu thốn quá đỗi.

- Cô đau khổ, tôi bảo cô, là vì cô tham lam quá. Cô đòi được vui vẻ và giải trí, vui thú và thỏa mãn. Cô nghĩ đời sống là một cuộc hội hè, dự không mất tiền. Con người khác nào đi chơi chợ phiên, ai nấy

đều khoản đãi hăn và nhảy với hăn, chuyện gì cũng phải làm cho hăn vừa lòng ư?

- Vậy theo bác thì con người bao giờ cũng phải đau khổ à?

- Theo tôi, đời sống không phải là một cuộc hội hè vĩnh viễn. Những ngày nghỉ thì ít, còn đại bộ phận là lao động, những mối lo nghĩ và nghĩa vụ con người; những người lao động sống như thế đấy. Và trong một đời sống như thế có nhiều niềm vui và nhiều ý nghĩa hơn cuộc yến hội của cô. Ngày xưa thì có những thứ người tự bản thân không lao động, chỉ có việc chơi nhõn và hưởng mọi lạc thú. Những con người đó, cô biết đấy, chúng ta đã đuổi họ đi rồi, chỉ có thế thôi.

- Phải, Vêra thôn thức, một khi đã là người lao động thì lúc nào người ta cũng phải đau khổ.

- Tại sao lại đau khổ? Lao động và đời sống cần lao, đó cũng là một niềm vui. Cô sắp có một đứa con, cô sẽ yêu nó, cô sẽ có một gia đình, và cô sẽ chăm nom săn sóc thằng bé con cô. Cô sẽ làm việc, như mọi người, và đôi khi cô sẽ nghỉ ngơi, cuộc sống là như thế đấy. Và khi thằng con cô lớn lên, cô sẽ luôn cảm ơn tôi vì tôi đã không cho cô tiêu hủy nó.

Dần dà, chậm chậm, rất chậm, Vêra bắt đầu lắng nghe những lời tôi nói, và nhìn tương lai của mình không sợ hãi và cũng không chán ghét. Tôi động viên tất cả lực lượng phụ nữ của trại; họ áp ủ Vera bằng một sự ân cần đặc biệt, và hơn nữa, bằng một sự phân tích đặc biệt về cuộc sống. Hội đồng đội trưởng chỉ định cho cô ta một buồng riêng. Kutlaty đứng đầu một tiểu ban ba người dọn tới buồng đó những đồ đạc, dụng cụ trong nhà và nhiều đồ dùng hàng ngày linh tinh khác. Ngay đến bọn trẻ nhỏ cũng bắt đầu tỏ ý thích thú những công việc chuẩn bị ấy, song lý đương nhiên là chúng không thể nào gạt bỏ được tính vô tâm nhẹ dạ đã quen và sự thiếu nghiêm túc của chúng đối với cuộc sống. Đó là lý do duy nhất khiến một lần tôi bắt gặp Xinenki đội một cái mũ trẻ nhỏ vừa mới làm xong.

- Cái gì thế này? Tại sao chú lại thó cái đó đi thế?

Xinenki nhắc vội cái mũ ra và thờ dãi đánh thượt một cái.

- Chú lấy cái này ở đâu vậy?

- Cái này... là cho thằng bé con chị Vêra... một cái mũ chụp mà các chị ấy làm.

- Một cái mũ chụp à? Tại sao nó lại ở trên đầu chú?

- Ấy là cháu đi qua...

- Thế nào?

- Cháu đi qua, và nhân tiện thấy nó ở đấy...

- Chú đi qua... vào xưởng may phải không?

Xinenki hiểu rằng “có lúc nên nói và có lúc nên im” cho nên nó ngoẹo đầu không nói gì mà nhìn sang bên cạnh.

- Các chị ấy đã làm việc cho một cái đáng làm, thế mà chú, chú lại xé rách, làm bẩn, đem vứt đi... Vậy là nghĩa làm sao?

Không, buộc tội như thế thì quá sức chịu đựng yếu ớt của Xinenki.

- Không phải thế, rồi bác xem. Cháu đã cầm lấy nó, có chị Natasa bảo rằng: “Sao mày trở nên mất dạy thế”. Cháu mới bảo rằng: “Em đem nó đến cho chị Vêra”. Thế là chị ấy bảo: “Được, đem đến cho chị ấy”. Cháu chạy đến buồng chị Vêra, nhưng chị ấy đi lên phòng thuốc, thế mà bác lại bảo là cháu xé...

Một tháng nữa qua đi: Vêra trở lại làm lành với chúng tôi, và cũng với cái nhiệt tình mà cô ta đã đem ra đòi hỏi tôi cho phép cô đi mổ bụng lấy thai, cô toàn tâm toàn ý chăm lo bốn phận làm mẹ.

Xin vớt lại ló mặt đến trại, và ngay đến Galatenkô, tuy là người có óc tinh tế đấy, mà cũng phải dang cánh tay ra nói:

- Thật chả còn hiểu ra làm sao nữa: thế là bây giờ họ lại lấy nhau.

Cuộc sống của chúng tôi cứ theo trình tự của nó. Đời sống đã tăng tiến thêm trên đoàn xe lửa chúng tôi và đoàn xe bay lên phía trước, tỏa một làn khói thơm và vui vẻ trên cánh đồng của những ngày xô-viết linh lợi. Những người dân xô-viết nhìn đời sống chúng tôi và lấy làm vui mừng. Người ta đến thăm chúng tôi những ngày chủ nhật: sinh viên, các nhóm công nhân, cán bộ công tác giáo dục, nhân viên các tập san và báo chí. Trong các báo và những tờ bán nguyệt san, họ đăng lên những mẫu truyện ngắn đơn giản và thân thiện về chúng tôi, những họa tượng các trẻ nhỏ, những ảnh chụp chuồng lợn và xưởng mộc. Khách đến thăm khi ra về có phần cảm động vì chút hào quang khiêm tốn của chúng tôi, bắt tay từ biệt những người bạn mới và, trả lời câu mời họ trở lại thăm nữa, họ giơ tay chào theo lối quân nhân và đáp “Rồ!”.

Người ta bắt đầu đưa những người nước ngoài đến thăm chúng tôi ngày càng nhiều. Những người lịch sự, ăn mặc sang trọng, nhã nhặn nheo mắt nhìn sự giàu có giản lậu của chúng tôi, những vòm tu viện cổ xưa, những quần áo vải bông mặc ngoài của bọn trẻ. Chúng tôi cũng không thể khiến họ ngạc nhiên khi khoe chuồng bò với họ. Nhưng họ ngạc nhiên vì những gương mặt gân guốc linh lợi của bọn trai, vì tiếng ồn ào hoạt động và kiểm chế của chúng, vì ánh mắt thoáng châm biếm trong những cái nhìn chĩa vào những đôi bít tất nhiều màu, những áo vét-tông ngắn cộn, những bộ mặt trau chuốt và những quyền sở tay nho nhỏ của họ.

Họ tấn công các phiên dịch viên bằng những câu hỏi nguy hại, và khẳng một mực không chịu tin rằng chúng tôi đã phá dỡ các tường thành tu viện, mặc dầu bức tường thành ấy thực sự không còn nữa. Họ xin phép nói chuyện với bọn trẻ, tôi đồng ý điều đó nhưng nhất thiết đòi họ không được đặt một câu hỏi nào về quá khứ của chúng hết. Thế là họ đâm ra nghi kỵ và bắt đầu tranh cãi. Người phiên dịch không khỏi có phần bối rối nói với tôi:

- Họ hỏi: tại sao ông lại giấu quá khứ của các trẻ nuôi? Nếu nó xấu xa, thì cái đó càng tăng thêm vinh dự cho ông.

Và người phiên dịch, lần này thì với một vẻ hài lòng hoàn toàn, dịch lại rằng:

- Chúng tôi không màng cái vinh dự ấy. Tôi đòi hỏi sự lịch sự tối sơ đẳng. Chúng tôi không hề quan tâm đến quá khứ các vị khách của chúng tôi.

Nụ cười nở ra trên mặt họ và với những cái gật gật đầu thân thiện:

- Yes, yes![\[234\]](#)

Các vị khách rời xa trong những chiếc ô tô lộng lẫy của họ và chúng tôi lại tiếp tục cuộc sống của chúng tôi.

Sang thu, một nhóm học viên khác lại từ biệt chúng tôi để lên trường trung học công nông. Mùa đông, trong các phòng học, chúng tôi lại bắt đầu nhẩn nại xây dựng những vòm cuốn nghiêm chỉnh của lâu đài học vấn.

Và này đây mùa xuân lại tới! Một mùa xuân sớm sủa là khác! Chỉ trong ba hôm, mọi sự đều xong hết. Trên lối đi đất chắc và sạch sẽ, một lớp tuyết mỏng màu xám đốm trắng chỉ còn sống thoi thóp quãng đời tàn. Có ai đi qua trên đường cái và trong xe bò vui vẻ vang lên tiếng lanh canh của một chiếc thùng rỗng không. Trời xanh, cao, tươi tắn. Lá cờ đem màu đỏ thắm của nó ra giữ phần phật trong những làn sóng âm áp của gió xuân. Cửa chính của câu lạc bộ mở toang hai cánh, và trong sự mát mẻ khác thường của phòng ngoài, mọi thứ đều sạch sẽ như lau như li; sau khi cọ rửa phòng, người ta đã

trải ra một tấm thảm dài.

Một sự hoạt động sôi nổi đã biểu hiện từ lâu về phía những khung kính ám. Ban ngày, người ta cuộn những chiếu che lại và cái mặt kính được mở hé ra trên các gong chống. Ngồi trên thành khung, bọn con trai và con gái nhỏ cầm những chiếc que nhọn, vừa cấy lại cây vừa nói huyền thiên chuyện này chuyện nọ. Giênia Juôcbina, một em gái kháu khỉnh sinh năm một nghìn chín trăm hai mươi bốn, lần đầu tiên trong đời được tự do đi lang thang trên đất, vừa thăm xem những hố khổng lồ của các lớp đất ừ, vừa lo lắng nhìn vào chuồng ngựa, vì ở đây có con Hảo-hán, và bí bô hỏi về những điều nó chú ý:

- Thế ai đi cày nhỉ? Các anh ấy hả? Thế con Hảo-hán nó cũng đi cày hả? Với các anh ấy, hả? Thế người ta cày thế nào nhỉ?

Dân làng đã cử hành lễ Phục sinh. Họ đã xô đẩy nhau suốt đêm ở ngoài sân, chen chúc vương vীu lẫn nhau với những gói bọc^[235] và những cây nến sáp. Người ta đã kéo chuông suốt đêm ở gác chuông. Đến sáng, họ giải tán để đi ăn, chấm dứt tuần chay, rồi say bực, họ đi tràn khắp làng và chung quanh trại. Song không phải vì thế mà họ đã chịu thôi cái tiếng đồng om sòm kia đi cho; thay phiên nhau, họ cứ lần lượt leo lên gác chuông mà giật chuông vang lừng inh ỏi. Sau cùng đội trưởng trực nhật của trại cũng leo lên đấy và xua đuổi tổng trả về làng cả một bầy nhạc gia. Các hội viên của hội đồng nhà thờ ăn mặc bánh chọe, kéo cả bè anh em con cái đến, hoa chân múa tay, táo bạo hơn bao giờ hết và la ó:

- Các người không có quyền! Chính quyền xô-‘viết cho phép làm lễ thánh này! Mở gác chuông ra! Đây là một lễ trọng trong các ngày lễ! Ai được quyền cầm kéo chuông!

- Không cần phải kéo chuông báo hỏa nhà thầy cũng cứ rượu bết nhè được rồi, Lapô nói

- Tao uống rượu thì việc gì đến mày, nhưng tại sao tại không được phép kéo chuông?

- Này bố trẻ ơi, Kutlaty đáp, nói cho thực thì mọi người đã chán ngấy cả rồi đấy, bố hiểu không? Cái lễ này, là mừng chuyện gì thế? Ông Crixitô sống lại à? Thế thì can gì đến nhà thầy? Ở Pôtvorki, không có ai sống lại ư? Không có! Thế tại sao các người lại can thiệp vào mọi chuyện chẳng dính líu gì đến mình?

Các hội viên hội đồng nhà thờ lão đảo tại chỗ giơ tay lên trời và kêu be be lên:

- Mặc kệ cái chuyện ấy! Chỉ có việc đánh chuông lên thế thôi!

Bọn trai vừa cười vừa đứng dăng dây chần lỏi và quét ra khỏi cổng cả cái đông rã rọt của lễ Phục sinh ấy.

Kôdia đứng xa vừa xem lớp kịch đó vừa vuốt râu với một vẻ không tán thành:

- Bọn người mời tẻ chứ! Họ cứ việc yên ổn mà làm lễ với nhau có được không. Đằng này cứ đi lằng bằng khắp chỗ, lại còn chửi người ta nữa, lạy Chúa tôi!

Buổi tối, ở trong làng, bọn họ vác dao đi đuổi lẫn nhau, kêu la âm ỹ, giở tung ra trước mặt nhau hàng xâu hàng xốc những chuyện xung đột giữa nhà nọ với nhà kia, và người ta chở đến phòng thuốc của chúng tôi cả từng xe bò những người bị đâm chém sứt mẻ. Trên tỉnh phái một đội cưỡi ngựa đến. Trước ngôi nhà của phòng thuốc đứng xúm xít những thân nhân, người làm chứng và người cùng phe phái với các nạn nhân, vẫn là những mặt hội viên hội đồng nhà thờ ấy, với các anh em con cháu họ. Các trại viên vây quanh họ và mỉm cười mát mẻ hỏi họ:

- Bố trẻ ơi, có phải đánh chuông không?

... Sau lễ Phục sinh, có tin đồn lan đến trại: ở phía bên kia Khackôp, cục Gêpêu^[236] xây dựng một tòa nhà mới cho một trại nhi đồng, không phải Ủy ban Giáo dục mà là của cục Gêpêu. Bọn trẻ coi đó

là dấu hiệu của một thời đại mới:

- Nay, có biết không, người ta xây một ngôi nhà mới nhé! Một nhà mới toanh!

Giữa mùa hè, một chiếc ô-tô đến trại và một người có nẹp đỏ đánh cổ áo bảo tôi:

- Nếu bác có thì giờ, xin mời bác đi với chúng tôi một tí. Chúng tôi sắp xây xong một ngôi nhà cho trại Dzec-jinxki... Cần phải xem trại... về quan điểm sư phạm.

Chúng tôi đi.

Tôi ngạc nhiên. Thế nào? Cho các trẻ con vô thừa nhận? Một cung điện mộng mênh xán lạn ánh mặt trời? Sàn ván và trần nhà quét sơn ư?

Tôi đã không mất công toi mơ tưởng trong bảy năm trời. Những cung điện sư phạm tương lai mà tôi nhìn thấy trong mộng đã không phải là chuyện hảo huyền. Lòng trĩu nặng những ghen tị và bức bối, tôi trình bày “quan điểm sư phạm” với đồng chí cán bộ Tsêka. Anh ta tin cẩn tiếp thu nó như là kết quả kinh nghiệm giáo dục của tôi và cảm ơn tôi.

Tôi trở về trại, lòng cay đắng vì ghen tị. Ai sẽ được làm việc trong cái cung điện ấy? Xây dựng một cung điện không phải khó, song còn có chuyện khó hơn. Tuy nhiên tôi cũng không phiền muộn lâu. Cái tập thể của tôi chẳng đáng giá ngang với bất cứ cung điện nào ư?

Sang tháng chín, Vêra đẻ một đứa con trai. Nữ đồng chí Zôia đến trại, đóng cửa lại và gây gỗ hỏi tôi:

- Ở trại ông, bây giờ các con gái đẻ ả?

- Tại sao lại nói số nhiều như thế? Và bà kinh hoảng vì cái gì chứ?

- Sao lại “bà kinh hoảng vì cái gì chứ”? Bọn con gái cho ra đời những đứa con à?

- Tất nhiên, những đứa con... Họ còn có thể cho ra đời cái gì khác nữa?

- Đừng nói đùa, đồng chí ạ!

- Tôi có nói đùa đâu!

- Phải lập tức thảo một văn bản.

- Hộ tịch đã làm mọi sự cần thiết rồi.

- Hộ tịch với ta, là hai cơ quan khác nhau.

- Không ai giao quyền cho bà lập những bản khai sinh.

- Không phải khai sinh, nhưng... tệ hại hơn!

- Tệ hại hơn sự sinh đẻ? Xem chừng không thể có cái gì tệ hại hơn đâu. Sôpenaoo, [\[237\]](#) hay một người nào khác đấy, bảo rằng...

- Đồng chí, hãy bỏ cái giọng ấy đi!

- Tôi sẽ không bỏ!

- Ông sẽ không bỏ! Nghĩa là thế nào?

- Phải nói chuyện nghiêm túc với bà phải không? Thế nghĩa là tôi chán ngấy rồi, bà hiểu không, tôi chán ngấy rồi và chỉ có thể thôi. Bà đi đi, bà sẽ không lập một văn bản nào cả.

- Được lắm!

Bà ta lại đi và câu “được lắm” của bà cũng chẳng đưa tới chuyện gì sau đó. Vêra tỏ ra là một người mẹ tốt vô song, hết sức giàu tình yêu thương, ân cần và lương tri. Tôi còn đòi hỏi gì nữa? Chúng tôi tìm cho cô ta một việc làm ở phòng kế toán của chúng tôi.

Đã từ lâu chúng tôi làm xong các việc gặt hái, đập lúa, cất vào hầm kín mọi thứ cần thiết, chắt đồng những nguyên liệu vào các xường, tiếp nhận những trẻ mới đến.

Tuyết đầu mùa sa xuống rất sớm. Hôm trước, trời còn ẩm áp, nhưng trong ban đêm, những bông tuyết nhỏ bay lặng lẽ và thận trọng đã quay đảo trên Kuriajê. Sáng dậy bước ra bậc tam cấp, Giênia Juôcbina giương đôi mắt nhỏ lên nhìn tấm thảm trắng phau ở ngoài sân và ngạc nhiên:

- Ai đem muối rắc ra sân thế nhỉ?... Mẹ ơi! Hẳn lại là các anh ấy, chắc thế.

13. “HÃY GIÚP ĐỠ THẲNG BÉ ĐÓ”

Các ngôi nhà của công xã Dzecjinxki đã làm xong. Ở ven một khu rừng sồi nhỏ, dựng lên một ngôi nhà đẹp đẽ màu xám, mặt trước quay về phía Khackôp, tường sơn sáng loáng, ở bên trong là những nhà ngủ cao ráo, sáng sủa, những phòng kang trang, lịch sự, những cầu thang rộng rãi, những màn cửa những bức chân dung. Mọi cái ở công xã đã được làm nên với một nghệ thuật thông minh, chứ tuyệt nhiên không theo phong cách của ủy ban Giáo dục.

Hai phòng để dành cho các xưởng. Trong góc một phòng, tôi trông thấy xưởng giày và lấy làm ngạc nhiên hết sức.

Xưởng mộc được tranh bị những dụng cụ tốt vô cùng. Tuy nhiên ở bộ môn này, người ta cảm thấy các nhà tổ chức có phần còn chưa vững chắc lắm.

Những người xây dựng công xã đã ủy nhiệm cho tôi, tôi với trại Gorki, chuẩn bị việc khai trương cái cơ quan mới ấy. Tôi phái Kirghicôp cầm đầu một nhóm sang bên đó công tác. Họ chìm ngập ngay đến tận cổ vào những lo toan mới mẻ ấy.

Công xã dự định xây dựng để thu nhận một trăm đứa trẻ tất cả, song vì là một dinh thự kỷ niệm Fêlix Dzecjinxki, cho nên các anh em Tsêka ở Ukren đã cống hiến vào công trình đó không những tiền của riêng mà còn cống hiến tất cả thì giờ rảnh rỗi, tất cả sức lực của tâm hồn và trí tuệ họ nữa. Chỉ có một điều mà họ không đem tới cho công xã mới được. Anh em Tsêka yếu về mặt lý luận sư phạm. Song được cái rằng thực tiễn sư phạm, không hiểu tại sao, lại không làm cho họ sợ.

Tôi rất băn khoăn muốn biết các đồng chí Tsêka sẽ làm thế nào gỡ mình ra khỏi được bước khó khăn ấy. Đã hẳn họ có thể không biết tới lý luận, song lý luận sẽ có chịu biết tới anh em Tsêka chẳng? Trong công cuộc mới mẻ và quan trọng chủ yếu đến như thế đó, liệu có nên đem áp dụng những phát hiện cuối cùng của khoa học sư phạm không, như sự “ngắm ngằm tự quản”^[238] chẳng hạn? Có lẽ anh em Tsêka sẽ bằng lòng hy sinh những trần nhà quét sơn và đồ đạc đẹp đẽ của họ cho những lợi ích của khoa học chẳng? Tình hình mấy ngày sau đó chứng tỏ rằng anh em Tsêka không có ý định hy sinh một cái gì hết thảy. Đồng chí B. đặt tôi ngồi vào một chiếc ghế bành sâu ở phòng giấy của đồng chí và nói:

- Điều mà tôi muốn yêu cầu bác là thế này: nhất định không thể nào để cho họ làm hỏng và lãng phí tất cả những cái đó. Công xã cố nhiên là cần thiết, và sẽ còn là cần thiết lâu nữa. Chúng tôi biết bác có một tập thể có kỷ luật. Bác hãy cho chúng tôi năm chục chú trai để bắt đầu cái đã, rồi chúng tôi sẽ lấy ở ngoài phố bổ sung thêm vào. Bác thấy không? Chúng sẽ lập tức có ngay nền trật tự và tổ chức quản lý của riêng chúng. Bác hiểu không?

Tôi hiểu lắm chứ! Tôi biết chắc chắn ngay rằng con người thông minh ấy chẳng có một chút ý niệm nhỏ nào về khoa học sư phạm hết. Cứ thực tình mà nói thì, lúc ấy, tôi đã phạm một trọng tội: tôi giấu không cho đồng chí ấy biết rằng có một khoa học sư phạm và không hề dă động tí gì đến sự “ngắm ngằm tự quản” cả. Tôi nói “Rõ!” và len lén đi ra, mắt lăm lét nhìn ngang đây đó, môi nở nụ cười giảo quyệt.

Tôi lấy làm thích thú rằng các trẻ nuôi Gorki được giao cho sứ mệnh sáng lập cái tập thể mới, song vấn đề đó cũng có những mặt bi quan của nó. Dem cho đi những trẻ ưa tú nhất, có thể như thế được không? Lợi ích của trại Gorki chẳng phải là giữ lấy từng người đó ư?

Nhóm của Kirghizôp đã làm xong công việc. Trong các xưởng của trại, người ta đã đóng các đồ đạc cho công xã mới, và các cô thợ khâu của chúng tôi đã bắt đầu may quần áo dành cho các xã viên tương lai. Để cho quần áo được máy đo theo người, chúng tôi phải lập tức chỉ định năm chục “Dzecjinxki”.

Vấn đề được nghiên cứu cẩn thận ở hội đồng đội trưởng, và Lapô nói:

- Phải gửi sang công xã những đứa trẻ tốt, nhưng không gửi những người cũ. Những cậu kỳ cựu trước thế nào thì nay cũng cứ nên nguyên như vậy, làm trại viên Gorki thôi. Và chẳng bề nào thì họ cũng sắp sửa bước vào đời.

Các đội trưởng đồng ý với Lapô, song đến lúc làm danh sách thì ai nấy thảo luận ra trò. Tất cả đều tìm cách chỉ định những trại viên thuộc các đội khác. Buổi họp kéo dài rất khuya, và sau cùng chúng tôi ấn định một danh sách gồm bốn mươi trẻ con trai và mười con gái. Trong số đó có hai anh em Jêvêli, Gorkôpxki, Vania Zaítsenkô, Malikôp, Ôđariuc, Zoren, Nitxinôp, Xinenki, Sarôpxki, Gacđinôp, Ôlia Lanôva, Xmêna, Vaxia Alecxêiep, Mackơ Sơnhaoxơ. Đặc biệt và để củng cố sự vững chắc, chúng tôi thêm Misa Ôptsarenkô. Tôi xem lại danh sách một lần cuối cùng và rất lấy làm mãn nguyện: những đứa trẻ nhỏ tốt, vững chắc và tin cậy được, mặc dầu còn ít tuổi.

Các trẻ nuôi chỉ định sang công xã chuẩn bị đi. Chúng chưa được xem nhà mới của chúng và vì thế càng thêm buồn phải chia tay với anh em. Có chú lại còn nói:

- Nào biết ở bên ấy sẽ ra sao? Nhà thì tốt đấy, nhưng còn người, chả biết thế nào.

Cuối tháng mười một, việc di chuyển chúng đã được chuẩn bị đầu vào đây. Tôi lập danh sách nhân viên của công xã mới. Tôi gửi Kirghizôp sang: ở bên đó anh ta sẽ là một chất men tốt.

Làm bối cảnh cho tất cả những việc này là sự cắt đứt quan hệ hầu như hoàn toàn của tôi với các “giới tư tưởng gia sư phạm” của ủy ban nhân dân Giáo dục Ukren thời ấy. Hồi gần đây, thái độ của các giới đó đối với tôi không những chỉ là phản đối mà còn gần như khinh miệt nữa. Các giới ấy hình như cũng chẳng đông đảo là bao, và những người trong giới xem chừng cũng rất dễ hiểu, song sự đã rõ ràng là tôi không còn đường nào thoát nữa.

Không có ngày nào qua, mà vì những lý do hoặc ngẫu nhiên hoặc nguyên tắc, người ta không tỏ vạch cho tôi thấy tôi đã sa ngã đến mức nào. Thậm chí tôi đã bắt đầu hoài nghi ngay cả bản thân tôi nữa.

Những việc vui vẻ nhất, thích thú nhất cùng đột nhiên biến thành chuyện xung đột. Và không biết chừng tôi thực sự tội lỗi đủ mọi điều chẳng.

Hội nghị “Những người bạn của nhi đồng^[239]” họp ở Khackôp và trại đến chào mừng hội nghị. Đã hẹn rằng chúng tôi sẽ tới hội trường vào ba giờ đúng.

Phải đi bộ mười cây số. Chúng tôi đi không vội vã, và tôi kiểm soát tốc độ đi của chúng tôi theo đồng hồ, để cho bọn trẻ được nghỉ ngơi, uống nước, nhìn thành phố. Bọn trai rất thích những cuộc hành quân như thế. Trong các phố, chúng tôi khiến mọi người chú ý: ở những chỗ nghỉ, người ta quây lấy chúng tôi, hỏi han, làm quen. Các trại viên, diện quần áo bảnh, giải lao, trao đổi những câu bông đùa. Chúng cảm thấy vẻ đẹp của tập thể chúng. Mọi sự đều hoàn hảo, song mục đích cuộc hành quân không khỏi khiến chúng tôi cảm động đôi chút. Các kim đồng hồ chỉ ba giờ khi trại chúng tôi, đội kèn và cờ dẫn đầu, đến trụ sở hội nghị. Một bà trí thức vẻ tức giận tất tả chạy ra tiếp chúng tôi, nói liến thoắng:

- Tại sao các người đến sớm thế? Và bây giờ, bác để cho bọn trẻ đứng ở ngoài phố à?

Tôi chỉ cho bà ta xem giờ:

- Có làm sao!... Cũng còn phải chuẩn bị chứ.

- Đã hẹn với chúng tôi là ba giờ.

- Với các đồng chí thì bao giờ cũng có chuyện thôi.

Các trại viên không hiểu chúng sai làm điều gì và tại sao người ta lại khinh bỉ nhìn chúng.

- Và tại sao bác lại đem theo những trẻ nhỏ?

- Chúng tôi đến đây toàn trại.

- Nhưng sao lại có thể bắt những đứa nhỏ xíu này đi mười cây số nhỉ? Bác không có quyền ác nghiệt thế chỉ vì bác muốn chơi trội!

- Bọn trẻ nhỏ đã vui sướng vì cuộc đi chơi này... Sau khi gặp hội nghị, chúng tôi đi xem xiếc, có thể nào để chúng ở nhà được không?

- Xem xiếc à? Thế bao giờ các người ở rạp xiếc ra về!

- Đến tối.

- Đồng chí ạ, đồng chí hãy cho ngay những đứa nhỏ về đi!

Những “đứa nhỏ”: Zaïtsenkô, Malikôp, Zoren, Xinenki, đều tái mặt, và mắt chúng nhìn tôi với một hi vọng cuối cùng.

- Có thể hỏi chúng được không? tôi đề nghị.

- Chẳng có gì phải hỏi chúng cả, việc rõ ràng rồi. Bác hãy cho ngay chúng về nhà đi!

- Xin lỗi bà, nhưng tôi không phục tùng quyết định của bà.

- Nếu vậy thì chính tôi ra lệnh cho chúng.

Cố tìm cách che giấu một nụ cười, tôi nói:

- Xin mời bà.

Bà ta tới gần, sát sườn bên trái đoàn chúng tôi:

- Các em nhỏ!... Ừ, các em kia... Các em đi về nhà ngay đi... Hẳn là các em đã mệt...

Giọng nói ve vuốt của bà ta chẳng đánh lừa nổi ai. Có tiếng đáp:

- Sao lại thế, về nhà à? Ồ – ơ, không đâu nhé...

- Và các em sẽ không đi xem xiếc. Sẽ muộn quá đấy...

Những “đứa nhỏ” cười. Zoren liếc mắt trêu chọc như một cô gái nhỏ dự hội khiêu vũ:

- Ô, cái bà này láu cá, bác Antôn Xêmiônôvich ạ... bác xem bà ta láu cá chưa...

Bằng một cử chỉ ặc biệt của nó, Vania Zaïtsenkô long trọng giơ cánh tay lên về phía lá cờ:

- Đừng nên nói như thế... Ở trong hàng ngũ, người ta không nói như thế đâu... Phải nói như thế này: một, hai... Bà thấy không: hàng ngũ, lá cờ... Bà thấy không?

Bà ta thương hại nhìn những đứa trẻ này đã bị võ biến hóa không sao cứu chữa nổi và bỏ đi.

Những va chạm ấy dĩ nhiên không đem theo hậu quả gì nặng nề cho cuộc sống hàng ngày của chúng tôi, song nó gây ở chung quanh tôi một sự cô lập không chịu nổi trong công tác tổ chức của tôi, mà tôi đã tưởng có thể quen đi được. Vả chẳng tôi đã dần dần học tập đối phó với mỗi trường hợp bằng một quyết tâm buồn rầu là nhẫn nại, tìm hết cách chịu đựng. Tôi cố gắng không bắt vào những cuộc tranh luận, và nếu có đôi khi tôi rên siết, thì quả thực đó chỉ thuần túy vì lễ độ, bởi dù sao chẳng nữa cũng không thể nào không nói chuyện với các cấp trên của mình cho được.

Sang tháng mười, xảy ra, với Ujikôp, một tai họa nó khơi giữa “họ” và tôi cái vực thẳm cuối cùng, không thể nào vượt qua được.

Các học viên trường trung học công nông về chơi trại một ngày chủ nhật. Chúng tôi thu xếp chỗ ngủ cho họ trong một lớp học và, ban ngày, chúng tôi tổ chức một cuộc liên hoan trong rừng. Trong khi bọn trẻ chơi đùa, Ujikôp lén vào phòng các học viên và lấy cắp cái cặp sách trong đó họ đã cất cả số tiền mà họ vừa mới được lĩnh.

Các trại viên yêu mến những học viên của họ “như bốn vạn người anh ruột cũng không sao yêu được

bằng^[240]“. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy xấu hổ không sao chịu nổi. Trong một khoảng thời gian chưa biết được kẻ cắp là ai, đó là điểm nghiêm trọng nhất đối với tôi trong việc này. Trong một tập thể đoàn kết chặt chẽ, điều đáng sợ nhất trong sự ăn cắp không phải là ở chỗ một vật gì đó bị mất mát hay có một người nào đó bức tức, hoặc một kẻ khác vẫn cứ tiếp tục ăn cắp, mà chủ yếu là ở chỗ nó làm rối loạn cái không khí hạnh phúc chung, phá hoại sự tin cậy giữa anh em bè bạn với nhau và khích động những bản năng đáng ghét nhất: sự nghi ngờ, nỗi lo gìn giữ những của riêng tây, tính ích kỷ bo bo bom bom, cất cất giấu giấu. Nếu không tìm ra kẻ có tội thì tập thể sẽ bị tan rã a: những lời xì xào lan truyền trong các phòng ngủ, tên những kẻ tình nghi được nêu ra trong những cuộc bàn bạc bí mật, nhiều tính cách người phải chịu một sự thử thách nặng nề nhất, và lại đúng là những tính cách mà người ta muốn giữ gìn bảo vệ, khó khăn lắm mới đưa được vào nền nếp. Dù cho sau vài hôm, đứa ăn cắp có bị vạch mặt và chịu một hình phạt xứng đáng đi nữa, cũng mặc, sự đó không hàn dịt được các vết thương, không xóa được sự nhục mạ và nhiều người không sao tìm lại được một vị trí yên ổn trong tập thể. Một trường hợp ăn cắp như thế, xem về như cá biệt, chứa đựng trong tự thân nó những mầm mống lâu dần trở nên nguy hại nhất: tính kinh địch, hờn giận, cô lập và chán đời thật sự. Trong một tập thể, có rất nhiều hiện tượng phát sinh không phải vì có người ảnh hưởng, và trong đó có nhiều phản ứng hóa học hơn là mưu mô ác ý; sự ăn cắp là một trong những loại hiện tượng đó. Sự ăn cắp chỉ là việc đáng sợ ở nơi nào không có tập thể mà cũng chẳng có dư luận quần chúng; trong trường hợp này, sự việc được giải quyết rất đơn giản: một tên ăn cắp, một kẻ bị mất cắp, còn những người khác thì bàng quan, bình chân như vại. Sự ăn cắp trong một tập thể nhen lên và để lộ trần những tư tưởng thâm kín, phá hoại sự nương nhẹ và nhẫn nại cần thiết cho đời sống chung, điều đó đặc biệt là tai hại trong một xã hội gồm những kẻ “phạm pháp”.

Tội của Ujikôp mãi hai hôm sau mới phát hiện ra. Tôi giam giữ nó ngay ở phòng giấy của trại và đặt một người gác trước cửa, để đề phòng một cuộc xử tội riêng trước Hội đồng đội trưởng quyết định đưa phạm nhân ra cho các đồng chí xét xử. Loại tòa án này rất ít khi họp ở trại vì thường thường các trại viên tín nhiệm vào những quyết định của hội đồng. Ujikôp không thể trông đợi điều gì tốt lành ở sự xét xử của các đồng bạn hết. Việc bầu các thẩm phán viên tiến hành ở hội nghị toàn trại, và các phiếu nhất trí dồn vào năm tên: Kutlaty, Gorkôpxki, Zaïtsenkô, Xtupitxyn và Pêretz. Pêretz được bầu ra là để khỏi làm phật lòng các trẻ nuôi ở Kuriajê. Xtupitxyn vẫn nổi tiếng lớn là người công bình. Việc chọn lựa ba người đầu có đủ mọi bảo đảm về mặt xét xử công minh, không khoan dung cũng không mềm yếu.

Việc xử án khai mạc buổi tối, trước một phòng họp chật ních những người. Brêgen và Djurinxkaia cũng có mặt, chú ý đến đề dự việc xét xử này.

Ujikôp ngồi một mình trên ghế dài của nó. Suối mấy hôm nay, thái độ của nó rất trâng tráo, thô bỉ đối với tôi và các trại viên, ngạo nghễ cười thầm và khiến mọi người tởm ghét nó thật sự. Ackadi đã sống hơn một năm ở trại, và trong khoảng thời gian ấy, nó đã cải biến – sự đó không còn nghi ngờ gì nữa – song hướng cải biến của nó vẫn còn là mơ hồ. Nó ăn mặc chỉnh tề, sạch sẽ hơn, đứng ngay người hơn, mũi nó không áp đảo cả mọi bộ phận trên mặt tẻ hại như trước, và nó còn biết cả đến mỉm cười nữa. Tuy nhiên nó vẫn cứ nguyên là thằng Ackadi Ujikôp cũ, một đứa chẳng có lấy một mảy may tôn kính đối với bất cứ ai và đối với tập thể lại càng kém nữa, chỉ sống với những tham lam, dục vọng trước mắt.

Trước kia Ujikôp sợ bố nó hoặc sợ dân canh. Ở trại, chẳng có gì đe dọa nó, trừ hội đồng đội trưởng hay cuộc họp toàn trại; song đối với loại những hiện tượng đó, Ujikôp chỉ cứ ù lì, trơ trơ trịch trịch. Ý thức trách nhiệm ở nó lại đã cùn nhụt đi rồi, và đó là nguồn gốc của nụ cười mới và bộ mặt trâng tráo mới của nó.

Song bây giờ thì mặt Ujikôp tái xanh. Dĩ nhiên là tòa án đồng bạn không khỏi làm cho nó sợ.

Đội trưởng trực nhật ra lệnh cho mọi người đứng dậy, pháp viện vào phòng. Kutlaty bắt đầu nghe các nhân chứng và những người bị thiệt hại. Những lời khai của họ nhểm đầy ý phê bình nghiêm ngặt và nhểc móc. Misa Ôptsarenkô nói:

- Thế này, các đồng chí ạ, có những anh em bảo rằng cái thằng Ackadi kia làm mất danh dự của trại, còn tôi, các bạn ạ, thì tôi bảo rằng không có thể nào như thế, làm mất danh dự của trại là một điều mà nó không thể nào làm được. Nó không phải là một trại viên, không những thế, mà thậm chí người ta có thể bảo nó là một con người được không? Tự anh em hãy xét thử nó có là một con người không? Một con chó, chẳng hạn, một con mèo còn có giá trị hơn, thật đấy. Và bây giờ, nếu hỏi phải làm gì đối với nó à? Người ta không thể tóm cổ nó và quăng nó ra khỏi trại, như thế chẳng giúp ích gì được cho nó. Nhưng tôi đề nghị như thế này: phải làm cho nó một cái chuồng chó và dạy nó học sữa. Chỉ có việc không cho nó ăn ba hôm là nó sẽ học được thôi, tôi cam đoan với anh em như vậy. Và đừng có để cho nó bước vào các buồng.

Đó là những lời nhục mạ nặng nề, Vania Zaïtsenkô cười lẫn lộn ở bàn thẩm phán viên. Ackadi nghiêm túc nhìn Misa, xấu hổ và quay mặt đi.

Brêgen xin nói. Kutlaty đề nghị với bà:

- Có lẽ bà phát biểu sau anh em chẳng?

Vì bà khản nài, nên Đonít nhượng bộ. Brêgen tiến lên sân khấu và làm một bài diễn thuyết này nọ. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ được vài đoạn của thiên hùng biện ấy:

- Các anh đem thằng bé này ra xét xử là vì nó đã ăn cắp tiền. Tất cả mọi người ở đây đều bảo rằng nó có tội, rằng phải trừng phạt nó nghiêm ngặt và một số người lại đòi phải đuổi nó đi. Nó có tội, tất nhiên, song các trại viên hết thảy đều có tội hơn nữa kia.

Giá có một con ruồi bay ở trong phòng, người ta cũng nghe thấy tiếng, và các trại viên vươn cổ ra để nhìn cho rõ cái người đang nói khẳng định rằng họ có tội vì Ujikôp ăn cắp.

- Nó đã sống giữa các anh hơn một năm trời, thế mà nó ăn cắp. Như vậy có nghĩa là các anh đã giáo dục nó không tốt, là các anh đã không quan tâm săn sóc đến nó đúng mực, với tình đồng chí, là các anh đã không giải thích cho nó biết phải sống như thế nào. Ở đây, người ta bảo rằng nó làm việc không tốt và trước kia, nó đã từng ăn cắp của các bạn nó rồi. Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng các anh đã không chú ý đúng mức tới Ackadi.

Những con mắt sắc sảo của bọn trẻ bấy giờ chứng tỏ thấy rõ mọi nguy cơ và lo lắng nhìn khắp mặt các bạn chúng, cần phải thừa nhận rằng sự kinh hoàng của chúng không phải là vô căn cứ, vì trong lúc này tập thể đang đương đầu với một đe dọa nghiêm trọng. Song Brêgen không để ý thấy sự lo âu của cử tọa. Bà kết luận bằng một tràng dài thật sự cảm động:

- Trừng phạt Ackadi sẽ là trả thù và các anh không nên hạ mình xuống tới sự trả thù. Các anh phải hiểu rằng Ackadi hiện thời cần đến sự giúp đỡ của các anh; nó đang ở trong một tình trạng nặng nề bởi vì các anh đem ra bêu nó trước mặt mọi người, và ở đây người ta đã so sánh nó với một con vật. Cần phải chọn lấy một vài chú tốt, giao cho họ bảo vệ và giúp đỡ Ackadi.

Khi Brêgen rời sân khấu, mấy hàng ghế trẻ nhỏ xôn xao ngọ nguậy, chúng mỉm cười và bàn tán ồn ào. Có chú nghiêm túc hỏi, tiếng vang vang:

- Thế nào nhi, bà ấy đã nói gì thế, hở?

Một tiếng khác trả lời, giọng chừng mực hơn song dưới một hình thức khá châm biếm:

- Giúp đỡ Ujikôp, các con ạ!

Cả phòng cười phá lên. Thẩm phán viên Vania Zuitsenkô ngả hẳn người vào lưng ghế dựa của nó và chân nó đập vào ngăn kéo bàn. Kutlaty nghiêm nghị bảo nó:

- Vania, mày làm thẩm phán gì mà lại thế?

Ujikôp vẫn ngồi gập mình trên đầu gối, rồi bất thành linh, nó bật cười phá lên, nhưng vội nén ngay và lại cúi đầu xuống thấp nữa. Kutlaty muốn bảo nó điều gì, nhưng rồi lại chỉ lắc đầu và nhìn kẻ bị cáo với một cái nhìn sắc sảo đôi chút.

Brêgen xem vẻ không để ý những chuyện vặt vãnh ấy, vì đang mê mải nói chuyện với Djurinxkaia.

Kutlaly tuyên bố pháp viện rút lui để mật nghị. Chúng tôi biết rằng các thẩm phán viên sẽ mất ít nhất một tiếng đồng hồ vào những cuộc tranh luận pháp lý và việc viết bản án. Tôi mời các vị khách sang phòng giấy tôi.

Djurinxkaia ngồi thu mình trong một góc đi-văng. Núp sau vai Guliaêva ở góc đó, bà ta chăm chú quan sát những người khác, hiển nhiên là để cố tìm ra chân lý. Brêgen quả quyết tin rằng ngày hôm nay, bà đã ban cho tất cả chúng tôi một bài học về “công tác giáo dục chân chính”. Tôi cảm thấy ở trong tôi một sự ngoan cố kỳ lạ, không phải sự ngoan cố của lòng ngay thẳng hoặc của sự đặc thẳng, hẳn vậy, nhưng là sự ngoan cố phát sinh từ niềm chua chát và một ý thức mơ hồ rằng những cố gắng của tôi đang đi tới chỗ bế tắc.

Brêgen hỏi:

- Tất nhiên ông không đồng ý với tôi chứ gì?

Tôi trả lời:

- Bà muốn xoi nước chè không?

Những con người này phải cái tật sinh tam đoạn luận quá đỗi. Phương pháp này tốt, phương pháp kia xấu, vậy thì bao giờ cũng phải dùng phương pháp thứ nhất. Phái mất bao nhiêu thì giờ để dạy cho họ cả môn lô-gích biện chứng nữa nhỉ? Làm thế nào chứng tỏ cho họ thấy rằng công tác của tôi bao hàm một loạt liên tục những việc làm lâu dài nhiều hay ít, có khi trải qua hàng mấy năm ròng, và ngoài ra bao giờ cũng có tính chất những cuộc xung đột, trong đó những lợi ích của tập thể và của các cá nhân hằng nhit lẫn lộn nhau một cách vô cùng phức tạp? Làm thế nào nói cho họ tin được rằng suốt trong bảy năm công tác ở trại, tôi chưa từng thấy có hai trường hợp tuyệt đối giống nhau? Làm thế nào giải thích được cho họ hiểu rằng không thể để cho trại tập chịu đựng quen cái kinh nghiệm của sự bất lực xã hội nọ, chịu đựng quen sự căng thẳng trong phân vân do dự, rằng trong cuộc xử án hôm nay đối tượng giáo dục không phải là Ujikôp, cũng không phải số bốn trăm trại viên tách riêng từng người, mà chính là cả tập thể?

Đội trưởng trực nhật mời chúng tôi trở lại phòng họp. Các trại viên đứng im phăng phắc, nghe bản án như sau:

“ Là kẻ thù của những người lao động và là kẻ ăn cắp, Ujikôp đáng bị đuổi nhục nhã ra khỏi trại, song chiếu chi Ủy ban nhân dân giáo dục đã xin cho y, tòa án các đồng chí của y quyết định:

1. Ujikôp sẽ được giữ lại ở trại.

2. Trong thời gian một tháng, Ujikôp sẽ coi như không phải trại viên và bị trục xuất khỏi đội của y, mà không thể được chỉ định tham gia các đội đặc biệt. Cấm hết thấy các trại viên không được nói chuyện với y, giúp đỡ y, ăn cùng bàn, ngủ cùng phòng, chơi đùa với y, ngồi và đi bên cạnh y.

3. Ujikôp sẽ vẫn ở dưới quyền đội trưởng cũ của y, Đmitri Jêvêli. Chỉ có vì lý do công tác, y mới

được phép nói với đội trưởng, cũng như chỉ được phép nói với y sĩ, trong trường hợp ốm đau.

4. Ujikôp sẽ ngủ ở giường riêng đặt trong hành lang các phòng ngủ, sẽ ăn ở bàn riêng do thư ký hội đồng đội trưởng chỉ định cho, và nếu y muốn thì sẽ làm nhưng vẫn riêng biệt, những công tác do đội trưởng của y chỉ định.

5. Ai vi phạm quyết nghị này sẽ lập tức bị đuổi khỏi trại, theo lệnh của thư ký hội đồng đội trưởng.

6. Bản án này sẽ có hiệu lực ngay sau khi được giám đốc của trại phê chuẩn”.

Những tiếng vỗ tay của cử tọa tán thành bản án. Kuzma Lêsi nói với chúng tôi:

- Đây, xử thế mới đúng! Và sẽ có tác dụng! Thế mà lại có những người bảo rằng: Hãy giúp đỡ thằng bé tội nghiệp đó và cho nó những cái kìm để nạy hòm, nạy tủ, hừ!

Những tiếng vỗ tay của cử tọa tán thành bản án. Kuzma Lêsi nói với chúng tôi:

- Đây, xử thế mới đúng! Và sẽ có tác dụng! Thế mà lại có những người bảo rằng: Hãy giúp đỡ thằng bé tội nghiệp đó và cho nó những cái kìm để nạy hòm, nạy tủ, hừ!

Kuzma hồn nhiên nói câu đó ngay trước mặt Brêgen, mà không nghĩ rằng mình thốt ra những lời xác xược. Brêgen nhìn cái đầu bù xù của hắn với vẻ khiếm trách và nói với tôi bằng một giọng quan thục:

- Tất nhiên là ông sẽ không phê chuẩn cái quyết nghị này chứ?

- Có chứ, phải phê chuẩn, tôi nói.

Trong phòng họp hội đồng đội trưởng đã vắng không còn ai. Djurinxkaia gọi tôi ra một chỗ riêng:

- Tôi muốn nói chuyện với ông. Cái quyết nghị ấy là thế nào? Ý kiến ông về nó ra sao?

- Đó là một bản án tốt, tôi nói. Tẩy chay đã hẳn là một việc nguy hiểm, mà người ta không nên khuyến đem áp dụng nói chung, nhưng trong trường hợp cá biệt này thì nó sẽ có ích.

- Ông tin chắc chứ.

- Vâng. Bà thấy không, cái thằng Ujikôp này bị mọi người ở trại ghét, người ta khinh bỉ nó. Tẩy chay trước hết sẽ có cái hiệu lực là đặt ra, suốt trong một tháng, một hình thức quan hệ mới mẻ, hợp pháp. Nếu Ujikôp chịu đựng được sự tẩy chay ấy, thì lòng quý trọng của mọi người đối với nó sẽ tăng lên. Đó là một thử thách về vang cho thằng bé ấy.

- Nhưng nếu nó không chịu nổi thì sao?

- Bọn trẻ sẽ đuổi nó đi.

- Vậy ông sẽ phê chuẩn à?

- Nhất định.

- Sao lại có thể thế được nhỉ?

- Thì làm thế nào khác được? Tập thể có quyền tự vệ.

- Bằng cách hi sinh Ujikôp à?

- Ujikôp sẽ tìm một đoàn thể khác, và điều này cũng sẽ có lợi cho nó nữa.

Djurinxkaia mỉm cười buồn bã:

- Gọi cái lỗi sư phạm này là thế nào được nhỉ?

Tôi không trả lời bà. Chính bà bỗng lại nghĩ ra:

- Có lẽ gọi là sư phạm đấu tranh chăng?

- Có lẽ.

Trong phòng giấy tôi Brêgen sửa soạn ra về. Lapô bước vào với bản án.

- Chúng ta phê chuẩn chứ, bác Antôn Xêmiônôvich?

- Cổ nhiên. Đó là một nghị quyết rất tốt.

- Các anh sẽ đẩy thẳng bé ấy đi đến chỗ tự tử. Brêgen nói.

- Ai kia? Ujikôp ấy à? Lapô ngạc nhiên. Tự tử? Chà! Nếu nó tự treo cổ thì cũng chẳng đáng tiếc...

Nhưng nó sẽ không tự treo cổ đâu.

- Rõ khiếp chữa! Bà ta lằm bằm trong miệng, và bỏ ra đi.

Mấy bà đó không hiểu rõ Ujikôp với trại. Trại, cũng như chính bản thân Ujikôp, đều nhiệt tâm chấp hành việc tẩy chay. Các trại viên thực sự cắt đứt mọi quan hệ với Ackađi, song đối với nhân vật đáng buồn ấy họ không còn giữ lại chút gì bức tức, hằn học, khinh bỉ nữa. Tuồng như bản án của tòa án đã đảm nhận lấy tất cả những cái đó rồi. Các trại viên rất hứng thú quan sát Ujikôp từ đằng xa và bàn tán liên miên không dứt về tất cả cái quá khứ và tất cả cái tương lai đang chờ đợi nó. Nhiều chú nói quả quyết rằng cách xử phạt của tòa án chẳng ăn thua gì. Đó là ý kiến của Kôxchia Vetkôpxki nói riêng:

- Thế mà gọi là trừng phạt à? Ujikôp lên mặt anh hùng. Thử nghĩ mà xem, cả trại nhìn nó! Tuồng như nó đáng nhìn lắm ấy!

Quả thực Ujikôp đóng vai anh hùng. Trên mặt nó, rõ ràng xuất hiện một vẻ dương dương tự đắc. Nó đi giữa các trại viên như một ông vua không ai được phép tới gần để hỏi han hoặc bắt chuyện. Tại phòng ăn, Ujikôp ăn ở cái bàn nhỏ biệt lập của nó và cái bàn nhỏ ấy tựa hồ là một ngai vàng đối với nó.

Song cái thú đóng vai anh hùng ấy chẳng bao lâu đã cạn. Qua vài hôm, Ujikôp cảm thấy những gai góc của cái vương miện nhục nhã mà bản án của đồng bạn đã đặt lên đầu nó. Các trại viên mau chóng quen với tính chất đặc biệt của tình thế của nó, nhưng sự cô lập vẫn tiếp tục. Ackađi bắt đầu cảm thấy khối nặng của những ngày hoàn toàn cô độc, và những ngày đó kéo lê thê, hàng chục tiếng đồng hồ, thành một chuỗi trống rỗng và đơn điệu, thậm chí một chút đầm ảm nhỏ được tiếp xúc với người, để tô điểm những giờ dài ấy, cũng chẳng có nữa. Vậy mà đồng thời, chung quanh Ujikôp, cũng như mọi khi, tập thể vẫn sống cuộc sống hăng say của mình, tiếng cười vang lên, những câu vui đùa trỏ ra, các tính cách nổi bật rạng rỡ, những ngọn lửa của tình bạn và thiện cảm lung linh sáng chói. Dù Ujikôp đáng thương đến mức nào, nhưng niềm vui ấy dầu sao trước kia cũng là quen thuộc với nó.

Được một tuần lễ, đội trưởng của nó, Jêvêli bảo tôi:

- Ujikôp xin phép được nói với bác.

- Không, tôi đáp, tôi sẽ nói với nó khi nào nó đã chân thành chịu đựng được cuộc thử thách này. Chú hãy trả lời nó thế.

Và không bao lâu tôi vui mừng trông thấy đôi lông mày của Ackađi, từ trước tới giờ bất động, bắt đầu hình thành ở trên trán nó một nếp nhăn phẳng phất nhưng đầy ý nghĩa. Nó bắt đầu nhìn hàng giờ bọn trẻ, trầm ngâm suy nghĩ và mơ màng. Tất cả mọi người đều nhìn thấy thái độ của nó đối với công tác thay đổi rõ rệt. Jêvêli thường hay giao cho nó việc quét sân. Ackađi ra làm việc đúng giờ không sai một phút, quét cái sân rộng của trại, đổ các hòm đựng rác, chăm sóc hàng rào của các bồn hoa. Nhiều khi, ban đêm nó cũng vác xẻng ra sân, nhặt các mẫu giấy và đầu thuốc lá, để ý giữ gìn các khóm hoa sạch sẽ. Một lần nó ngồi cả một buổi tối trong một lớp học để viết trên một tờ giấy lớn mà hôm sau nó đặt ở một chỗ ai cũng trông thấy:

BẠN TRẠI VIÊN, HÃY TÔN TRỌNG LAO ĐỘNG CỦA ĐỒNG CHÍ BẠN, ĐỪNG VẬT GIẤY XUỐNG ĐẤT

- Hãy xem kia, Gorkôpxki nói, nó tự coi nó là một đồng chí.

Khoảng giữa chừng cuộc thử thách của nó, nữ đồng chí Zôia đến trại. Lúc ấy đúng vào giờ ăn. Zôia đến thẳng bàn của Ujikôp và trong im lặng của phòng ăn hoảng hốt hỏi nó:

- Chú là Ujikôp phải không? Chú cảm thấy thế nào?

Ujikôp đứng dậy, nghiêm chỉnh nhìn vào mắt Zôia và ôn tồn nói:

- Tôi không được nói với bà. Phải được đội trưởng cho phép.

Nữ đồng chí Zôia bỏ đi tìm Michia Jêvêli. Michia chạy đến, mắt đen như than, vẻ bông bột, lạnh lẹn.

- Nào, có chuyện gì thế?

- Anh cho phép tôi nói với Ujikôp.

- Không, Jêvêli đáp.

- Không là thế nào?

- Thì là... tôi không cho phép, có thể thôi.

Nữ đồng chí Zôia leo lên buồng giấy tôi và tuôn ra hàng xóc chuyện vớ vẩn:

- Nhưng thế là nghĩa lý gì? Ngộ nhớ nó có điều kêu ca thì sao? Ngộ nhớ nó bí thế đi tới một quyết tâm gì? Như thế này là hành hạ nó!

- Tôi chả làm thế nào được, đồng chí Zôia ạ.

Hôm sau, ở cuộc họp toàn trại. Natasa Pêtrenkô lên tiếng:

- Anh em ạ, bây giờ ta hãy tha thứ cho Ujikôp. Hấn lao động tốt và chịu đựng một cách chân thành sự trừng phạt hấn, như một trại viên chân chính. Tôi đề nghị tha cho hấn.

Một tiếng lao xao tán thành nổi lên.

- Ủ, có thể đấy...

- Ujikôp đã thay đổi tốt.

- Hoan hô!

- Ủ, đúng. Tha được rồi đấy...

- Phải giúp đỡ thằng bé đó chứ!

Đội trưởng được hỏi ý kiến. Jêvêli tuyên bố:

- Tôi sẽ nói thẳng là: nó đã trở thành một con người khác. Và hôm qua, khi mụ ta đến, cái mụ ấy... ờ, các cậu biết đấy!

- Biết rồi!

- Mụ ta đến tìm nó: em ơi, con ơi, nhưng nó, nó cừ lắm, nó không chịu. Chính tôi, trước kia tôi nghĩ thằng Akadi sẽ chẳng ra trò trống gì đâu, nhưng bây giờ thì tôi bảo các cậu rằng: ở trong con người nó, có... có một cái gì... của chúng ta đấy.

Lapô ngoác miệng mỉm cười:

- Đã thế thì được: ân xá.

- Cậu hãy cho biểu quyết, các trại viên nói.

Ujikôp, trong khi đó, ngồi im thín thít, gằn lò sưởi, đầu cúi xuống. Lapô nhìn khắp lượt những bàn tay giơ lên và vui vẻ nói:

- Thôi đây... thế là nhất trí... Bớ Ackadi, cậu đâu rồi? Có lời khen mừng, cậu được tự do đây...

Ujikôp ló mặt lên sân khấu, nhìn cử tọa, mở miệng ra và... òa lên khóc.

Cả phòng bị xúc động. Có người nói to lên.

- Ngày mai, hắn sẽ nói...

Nhưng Ujikôp đưa tay áo sơ mi lên chùi mắt, và quan sát hắn, tôi thấy hắn đang đau khổ. Sau cùng hắn nói:

- Cảm ơn, anh em... và các chị em... và Natasa. Tôi đây, tôi... tôi hiểu hết, anh chị em đừng tưởng... xin anh chị em...

- Cậu hãy quên đi, Lapô nghiêm khắc nói.

Ujikôp gật đầu phục tùng. Lapô bế mạc buổi họp, và trên sân khấu bọn trai đồ xô tới Ujikôp. Lòng quảng đại của họ hôm nay đã được đền trả bằng vàng ròng.

Tôi thở khoan khoái, như mọi thầy thuốc sau mọi cuộc khoan xương.

Công xã Dzecjinxki được khánh thành vào tháng chạp.

Lễ rất trọng thể và rất thẩm thiết.

Trước khi đó ít hôm, vào một ngày tuyết êm nhẹ bay phơ phới, số năm mươi trẻ nuôi đầu tiên được chỉ định cho công xã, mặc quần áo mới và khoác măng-tô vải lông kiểu hải ly, từ biệt các anh em và đi bộ qua thành phố đến chỗ ở mới. Chúng đi thành một nhóm nhỏ sát nhau chặt chẽ, trông có vẻ bé loét choát và giống một lũ gà con đen xinh xắn. Chúng đến công xã, mình phủ đầy bông tuyết như phủ lông tơ, vui vẻ và má đỏ hồng hào. Và, cũng vẫn như lũ gà con, chúng lanh lẹn chạy đi khắp công xã, bập mỏ vào các vấn đề tổ chức linh tinh. Mười lăm phút sau, chúng đã có hội đồng đội trưởng của chúng, và đội đặc biệt ba đã bắt đầu khiêng chuyển các giường.

Các trại viện Gorki đã đến dự lễ khánh thành, với đội nhạc và cờ dẫn đầu. Bây giờ là họ đến thăm những người anh em, từ nay trở đi mang cái tên mới mẻ và trịnh trọng khác thường là xã viên công xã. Giữa bốn trăm đứa trẻ tụ tập lại, mới đây còn là vô thừa nhận, nhóm các đồng chí Tsêka, những người có trách nhiệm nhất, bận rộn nhất, bận rộn nhất và có công lao nhất, không có vẻ gì là một nhóm những nhà từ thiện hết thảy. Hai bên đã lập tức liên kết với nhau bằng những quan hệ thân thiết đậm ấm, trong đó nổi bật lên sự khác nhau giữa hai thế hệ và sự tôn kính đặc biệt của chúng tôi, sự tôn kính của trẻ nhỏ xô-viết đối với những người lớn tuổi. Nhưng đồng thời những trẻ nhỏ ấy không xử sự như một bầy nhi đồng được bảo hộ; chúng có tổ chức riêng, quy tắc riêng và phạm vi hoạt động riêng, trong đó có phần của phẩm cách, trách nhiệm và bổn phận.

Như một sự dĩ nhiên, công xã được giao cho tôi quản đốc, tuy chưa có gì là nói rõ và tuyên bố cả.

So sánh với công xã, thì trại Gorki là một công việc vừa phức tạp vừa khó khăn hơn. Bị hớt đi năm chục anh em, các trại viên Gorki lấy vào năm chục người mới, đều là những trẻ ở thủ đô đã trải mùi đời. Cũng như trước kia, bọn trẻ mới tiếp thu mau chóng kỷ luật và những truyền thống của trại, song vốn văn hóa chân chính và cái nhân cách tập thể chân chính thì hình thành chậm chạp hơn nhiều. Và chẳng tất cả những cái đó cũng là chuyện bình thường mà thôi.

Những viễn cảnh đẹp đẽ mở ra trước mặt chúng tôi: chúng tôi bắt đầu mơ tưởng trường trung học công nông của chính chúng tôi, một tòa nhà mới cho các xưởng cơ khí, những khóa tốt nghiệp mới bước vào đời. Và không bao lâu, chúng tôi đọc báo thấy tin ông Gorki của chúng tôi về Liên-bang.

14. PHẦN THƯỜNG

Thời kỳ ấy, kể từ tháng chạp đến tháng bảy, là một thời kỳ tốt đẹp. Hồi đó, con tàu của tôi bị chao đảo dữ dội vì gió bão, song ở trên tàu có hai cái tập thể, mỗi cái đều xuất sắc theo cách riêng của nó.

Không bao lâu các công xã viên Dzecjinxki phát triển số người lên tới một trăm rưỡi. Số tiếp viện đến làm ba toán khoảng khoảng ba chục, tất cả đều là những trẻ vô thừa nhận thuộc nhóm “hạng nhất”, tất cả đều là của đầu nia. Các công xã viên sống một đời sống có văn hóa và lành mạnh, và nhìn xa xem chừng người ta chỉ có thể thêm ước họ thôi. Nhiều người thật sự thêm ước họ, mà chẳng phải chỉ có riêng những trẻ vô thừa nhận.

Các trẻ nuôi Dzecjinxki đi ra ngoài mặc những bộ quần áo đẹp bằng da, cổ áo rộng màu trắng. Họ có một đội nhạc với những nhạc cụ gió bằng đồng bạch, và kèn của họ mang nhãn hiệu một xưởng chế tạo nổi tiếng ở Prago. Các công xã viên là những khách được hoan nghênh ở các câu lạc bộ công nhân và câu lạc bộ nhân viên Tsêka, họ đến đây với một thái độ lịch sự đỉnh đặc, vẻ mặt hồng hào và hòa nhã. Tập thể của họ bao giờ cũng có vẻ được giáo dục bồi dưỡng cao độ, thậm chí những người có một bộ óc giản đơn đến phát tức lên:

- Các anh đã chọn những đứa con nhà tử tế, cho ăn mặc vào để đem ra trưng. Các anh hãy thử lấy những trẻ vô thừa nhận xem!

Song tôi không được rảnh rỗi để buồn phiền về chuyện đó. Tôi khó lòng có đủ thì giờ để làm cho xong những việc cần thiết. Tôi đi đi lại lại bằng xe song mã, từ tập thể nọ sang tập thể kia, và thì giờ mất ở dọc đường xem chừng là một lỗ hổng tai hại trong thời khóa biểu của tôi. Mặc dầu đội ngũ bọn trẻ không tỏ vẻ gì xao xuyến, và chúng tôi không bao giờ rời xa những bờ hạnh phúc hoàn toàn, song các giáo viên của chúng tôi cũng đã làm việc đến hết hơi sức. Hồi đó tôi đã đi tới một luận điểm, mà ngày nay tôi vẫn còn chủ trương, mặc dầu, nó có vẻ rất là nghịch lý. Những đứa trẻ bình thường hoặc đặt vào những điều kiện bình thường là những đứa gây cho nhà giáo dục nhiều nổi vất vả nhất. Chúng có những thiên tính tế nhị hơn, những đòi hỏi phức tạp hơn, một trình độ văn hóa cao hơn và những quan hệ đa dạng hơn. Chúng không đòi hỏi chúng tôi phải phóng ra những chí lực mạnh mẽ hoặc những tình cảm tiêu phí lộ liễu, nhưng chúng đòi hỏi một sách lược vô cùng phức tạp.

Các trại viên, cũng như các công xã viên, không còn sống cách biệt với xã hội nữa. Chúng thấy đều có rất nhiều mối quan hệ xã hội: với các giới Kôm-xô-môn, thiếu niên tiên phong, thể thao, quân sự, các câu lạc bộ. Giữa bọn trại và thành phố đã vạch ra không biết bao nhiêu đường lớn, đường nhỏ, trên đó qua lại không phải chỉ có những người, mà còn có những tư tưởng, quan niệm và ảnh hưởng nữa.

Vì thế nên bức tranh bao quát của công tác sư phạm đã được tô vẽ thêm những màu sắc mới. Đã từ lâu tôi không còn phải quan tâm duy nhất về chuyện kỷ luật và trật tự thường ngày nữa. Những cái đó đã trở thành truyền thống của tập thể. Đối với truyền thống ấy, tập thể xử lý còn giỏi hơn tôi, và tập thể chú ý giữ gìn cho nó được tôn trọng, không phải ngẫu nhiên nữa, không phải nhân dịp những chuyện náo động hay những cơn điên loạn nữa, mà tôn trọng từng giờ từng phút, thậm chí tôi có thể nói là theo đúng những yêu cầu của bản năng tập thể.

Dù tôi có gặp khó khăn đến thế nào chẳng nữa, cuộc đời tôi hồi đó cũng là một đời sung sướng. Thực khó lòng tả được cái ấn tượng có một không hai của niềm hạnh phúc mà người ta cảm thấy trong một tập thể nhi đồng đã lớn lên cùng với ta, tin tưởng ở ta không bờ bến và cùng ta tiến bước. Trong một tập thể như vậy, ngay đến sự thất bại cũng không là phiền muộn, ngay đến nỗi buồn và sự đau đớn cũng được điểm tô một giá trị vô cùng cao quý.

Tôi tha thiết với tập thể các trại viên Gorki hơn là với các công xã viên. Ở đây các quan hệ thân

hữu bền vững hơn và sâu sắc hơn, ở đây có những con người mà giá thành đào tạo cao, có một cuộc đấu tranh gay gắt hơn. Tôi cũng cần thiết cho chúng hơn. Các trẻ nuôi Dzecjinxki đã có cái may mắn gặp được ngay tức khắc những người cha đỡ đầu như các đồng chí Tsêka, còn các trẻ nuôi Gorki thì, trừ tôi và một nhóm nhỏ giáo viên ra, chẳng có ai là người gần gũi hết. Vì thế cho nên tôi không bao giờ nghĩ rằng sẽ có một ngày kia tôi xa rời chúng. Nói chung tôi không tưởng tượng nổi một việc như vậy; nó chỉ có thể là một tai họa vô biên trong cuộc đời tôi.

Về đến trại là tôi về nhà tôi, và ở buổi họp toàn trại, cũng như ở hội đồng đội trưởng, ngay cả trong sự thôi thúc của những va chạm rắc rối nhất và của những quyết định khó khăn, tôi cũng nghỉ ngơi thật sự. Trong thời gian đó, một trong những thói quen của tôi đã được in sâu mãi mãi: tôi không còn khả năng làm việc trong yên tĩnh nữa. Chỉ khi nào ở gần bên tôi, ngay tại bàn tôi vang lên tiếng trẻ nhỏ om sòm, tôi mới thực cảm thấy thư thái, tư tưởng tôi mới linh hoạt và trí tuệ tôi mới làm việc vui hơn. Và tôi đặc biệt biết ơn các trẻ nuôi Gorki về điểm đó.

Song công xã Dzecjinxki ngày càng đòi hỏi tôi nhiều hơn. Những việc phải lo tính ở đây mới mẻ hơn và những viễn cảnh sự phạm cũng vậy.

Đặc biệt mới mẻ và bất ngờ đối với tôi là đoàn thể các anh em Tsêka. Nhân viên Tsêka, trước hết là một tập thể, còn về phần các nhân viên của Ủy ban nhân dân giáo dục thì tuyệt đối không thể nói như vậy được. Và tôi càng quan sát cái tập thể ấy, tôi càng đi sâu vào những quan hệ công tác với họ sự mới mẻ kỳ lạ của nó lại càng lộ rõ trước mắt tôi. Nguyên do vì đâu mà ra như vậy, quả thực tôi cũng không biết nữa, song tập thể các anh em Tsêka có đúng những đức tính mà suốt tám năm tôi đã muốn bồi dưỡng cho tập thể các trại viên. Tôi bỗng chốc phát hiện thấy ở trước mặt tôi cái điển hình mà, từ trước cho tới bấy giờ, chỉ có trí tưởng tượng của tôi dựng nên thôi, mà tôi đã rút ra một cách lô-gích và có nghệ thuật từ hết thảy mọi biến cố và toàn bộ triết học của cách mạng, song tôi chưa từng trông thấy bao giờ và cũng không còn mong mỏi gặp được nữa. Sự phát hiện ấy vô vàn quý giá và giàu ý nghĩa đối với tôi, thậm chí điều tôi sợ hơn hết là bị thất vọng. Cho nên tôi hết sức giữ nó bí mật, vì tôi không muốn những quan hệ của tôi đối với những người ấy có một chút nào giả tạo.

Điều này trở thành điểm xuất phát cho tư tưởng sự phạm mới của tôi. Tôi đặc biệt sung sướng nhận thấy rằng những đức tính của tập thể anh em Tsêka soi sáng rất dễ dàng và đơn giản vào những chỗ tối tăm mơ hồ của cái khuôn mẫu tưởng tượng kia, nó đã hướng dẫn công tác của tôi từ trước tới bấy giờ. Từ nay trở đi tôi có khả năng tưởng tượng đến từng chi tiết nhỏ nhất nhất nhiều lĩnh vực cho đến nay vẫn là bí hiểm đối với tôi. Ở các anh em Tsêka, một óc thông minh cao độ, kết hợp với học văn và văn hóa, không bao giờ mang cái hình thức mà tôi chứa ghét của người trí thức Nga. Tôi đã biết trước là phải như vậy, song điều này làm thế nào mà thể hiện ra được ở con người sinh động, đó là sự tôi khó tưởng tượng. Và bây giờ thì tôi có cơ hội được nghiên cứu một lối nói năng, những kiểu hoạt động lô-gích, một hình thức mới biểu hiện tình cảm lý tính, những xu hướng hứng thú mới, những cấu tạo thần kinh mới, và – quan trọng hơn hết cả – một hình thức mới sử dụng lý tưởng. Ai cũng biết, ở các nhà trí thức của ta, lý tưởng khác nào một anh thuê nhà láo xược: một kẻ xâm nhập, chẳng trả tiền nong gì cả, một cái lưỡi rắn ráo, đầu độc hết thảy mọi người; ai nấy đều phàn nàn về người láng giềng và tìm cách dọn nhà đi ở càng xa lý tưởng càng tốt. Bây giờ tôi được thấy tình hình khác hẳn: lý tưởng không phải là một kẻ thuê nhà mà một người quản lý tốt, anh ta tôn trọng lao động của bà con hàng xóm, chăm nom mọi sửa chữa, để ý việc sưởi ấm, làm việc ở nhà anh ta ai nấy đều thấy thuận tiện và dễ chịu. Điều thứ hai mà tôi chú ý là bản chất của tính nguyên tắc rất cao ở các anh em Tsêka, song đối với họ nguyên tắc không phải là một cái băng bịt mắt, như đối với một số “bạn” của tôi. Anh em Tsêka coi nguyên tắc là một dụng cụ đo lường mà họ sử dụng, cũng bình tĩnh như sử dụng chiếc đồng hồ, không sai sót, song cũng không vội vã hốt hoảng như mèo bị bóng. Sau hết tôi được thấy đời sống bình thường của một

nguyên tắc là như thế nào, và tôi dứt khoát tin rằng sự chán ghét của tôi đối với cái mà các nhà trí thức coi là những nguyên tắc là rất đúng. Vì ai ai cũng biết từ lâu rằng: khi nào một ông trí thức làm cái gì đó theo nguyên tắc, thì như vậy có nghĩa là chỉ trong nửa tiếng đồng hồ nữa, chính ông ta và cả những người chung quanh ông ta đều cùng phải uống thuốc an thần.

Tôi lại còn được thấy nhiều đặc điểm khác nữa: một khi sắc lúc nào cũng linh lợi, một cách nói ngắn gọn, sự thù ghét những công thức có sẵn, cái tính không thể chịu nằm ườn trên ghế đi-văng hay cạp bụng ngồi ở bàn ăn được, sau hết một khả năng làm việc vui vẻ và vô hạn độ, không làm ra mặt tuấn nạn cũng không giả dối, không có một chút gì nhắc nhở tới cái lệ khả ố đóng vai “vật hi sinh thân thánh”. Và cuối cùng tôi được thấy và ngón tay sờ được hằn vào cái chất quý giá nọ mà người ta không thể gọi cách nào khác hơn là chất “keo xã hội”: cảm giác về viễn cảnh chung, khả năng nhìn rõ tất cả mọi thành viên của tập thể trong từng lúc của quá trình công tác, ý thức thường xuyên về những mục tiêu chung vĩ đại, ý thức này tuy nhiên không bao giờ mang tính chất giáo lý hoặc tính chất những ngoa ngôn trống rỗng. Và chất keo xã hội ấy không phải bán ở cửa hàng, bỏ ra năm kôpéc là mua được, mà chỉ dùng tới khi đi diễn thuyết hoặc dự hội nghị, đó không phải là một hình thức cạo xát lễ độ và tươi cười với người ngồi gần mình, mà đó là sự cộng đồng chân chính, là sự nhất trí giữa hành động và công tác, giữa trách nhiệm và giúp đỡ, là sự nhất trí của truyền thống.

Trở thành những đối tượng được các nhân viên Tsêka đặc biệt ân cần săn sóc, các trẻ nuôi của công xã Dzecjinxki ở trong hoàn cảnh rất may mắn: chúng chỉ có việc mở mắt ra nhìn thôi. Còn tôi, tôi không cần phải đập đầu vào tường nữa, để thuyết phục cho các vị lãnh đạo của tôi tin rằng khăn tay bỏ túi là thứ cần thiết và ích dụng.

Sự thỏa mãn của tôi là một thỏa mãn thuộc loại cao quý. Thử cố chung đúc nó vào một câu ngắn gọn, tôi hiểu rằng: tôi đã được quen biết gần gũi những người bôn-sê-vich chân chính. Tôi hoàn toàn tin rằng phương pháp sư phạm của tôi là một phương pháp sư phạm bôn-sê-vich, rằng con người điển hình tôi đã lấy làm kiểu mẫu, không phải chỉ là kết quả rực rỡ của trí tưởng tượng và những ước mơ của tôi mà thôi, nhưng đó chính là hiện thực, cái hiện thực đã trở thành một bộ phận công tác của tôi, cho nên tôi càng cảm thấy nó rõ rệt.

Và công tác của tôi ở công xã không bị đầu độc bởi một chứng điên loạn nào hết: công tác khó khăn thật đấy, song trí lực của con người có thể đảm nhiệm được.

Đời sống của các công xã viên không được giàu có sung túc và không thoát khỏi mọi điều lo lắng đến mức như những người chung quanh tưởng tượng. Các nhân viên Tsêka rút một số phần trăm lương bổng của họ ra để duy trì công xã, song đối với chúng tôi cũng như đối với anh em thì không thể nào chấp nhận điều đó được.

Mới được ba tháng công xã đã cảm thấy thực sự khôn quẩn. Chúng tôi hoãn trả lương và ngay đến các món chi tiêu về ăn uống, chúng tôi cũng thanh toán khó khăn. Số thu nhập của các xưởng ít ỏi, vì thực tế đó là những xưởng học nghề. Nói cho đúng, ngay từ hôm đầu, bọn trai và tôi, chúng tôi đã lôi cái xưởng đóng giày vào một xó tối, và cùng nhau ra sức ấn nó xuống dưới những chiếc gối mà đè cho chết ngạt. Anh em Tsêka giả bộ không nhận thấy cuộc ám sát đó. Song ở các xưởng khác, chúng tôi không làm thế nào mà khởi động được một công tác sinh lợi.

Một lần, thủ trưởng của chúng tôi mời tôi qua phòng giấy của ông, cau lông mày lại, trầm ngâm suy nghĩ, đặt một tấm séc lên bàn và bảo:

- Tất cả đấy.

Tôi hiểu:

- Bao nhiêu?

- Một vạn. Những viên đạn cuối cùng. Chúng tôi đã lấy số tiền dự chi cho cả một năm sau đây. Bây giờ thì không còn gì nữa hết. Ông hãy nên sử dụng cái..., người đó... bác ta là người có nghị lực...

Vài hôm sau công xã thấy xuất hiện một người thuộc một điển hình chẳng sư phạm chút nào, Xôlômông Bôritxôvich Kôgan. Xôlômông Bôritxôvich đã già rồi, ngót nghét sáu mươi, mắc bệnh đau tim, bệnh suyễn, thần kinh suy nhược, viêm phổi, lại béo bệu. Song con người ấy bị con quỷ hoạt động nó ám ảnh, và Xôlômông Bôritxôvich không làm gì nổi con quỷ ấy hết. Xôlômông Bôritxôvich đến, chẳng đem theo được tiền của vốn liếng, hoặc nguyên vật liệu, hoặc thiên tài phát minh gì, song ở trong con người tàn tật của bác ta sôi sục bao nhiêu sức lực bận rộn mà bác đã không tiêu đi được dưới chế độ cũ: óc kinh doanh, tính lạc quan, tinh thần chiến đấu, sự hiểu biết người, lại có một tí chút – có thể tha thứ được – tự do chủ nghĩa phối hợp một cách kỳ lạ với một tính thụ cảm dễ dàng xúc động và sự tận tụy với lý tưởng. Hình như lại có một niềm tự hào bao vây lấy tất cả những cái đó, vì Xôlômông Bôritxôvich thích nói:

- Các anh chưa biết Kôgan này đâu! Khi nào biết lão, thì rồi các anh sẽ nói nhé!

Bác ta nói đúng. Chúng tôi đã biết Kôgan và chúng tôi đã nói: đó là một người xuất sắc phi thường. Chúng tôi rất cần đến cái kinh nghiệm thực tiễn của bác ta. Nói cho đúng thì cái kinh nghiệm ấy có khi biểu hiện dưới những hình thức làm cho chúng tôi thấy lạnh xương sống, không dám tin ở mắt mình nữa.

Xôlômông Bôritxôvich chờ ở tỉnh về một xe tải giẫm xà nhà. Để làm gì?

- Sao lại để làm gì? Dựng nhà kho gửi đồ chứ gì nữa? Tôi đã nhận đóng một số đồ gỗ cho Học viện Kiến trúc đặt, thế thì cũng phải xếp chúng vào một chỗ nào chứ.

- Chẳng cần phải xếp chúng vào chỗ nào cả. Ta đóng đồ gỗ xong rồi gửi đến Học viện.

- Hề-hề! bác tưởng đây là một cái học viện thật à? Cái hộp ấy chỉ là một trò bịp. Nếu là một cái học viện, thì tôi lại đi giao thiệp với họ làm gì?

- Không phải là một học viện à?

- Học viện là cái gì chứ? Thì mặc họ muốn tự gọi như thế nào thì gọi. Điều cốt yếu là họ có tiền. Một khi họ có tiền, thì họ muốn có đồ đạc. Và muốn dùng đồ đạc thì phải có một cái mái nhà, bác biết đấy. Thế mà xây một cái mái nhà thì họ cũng còn phải mất thì giờ, bởi vì hiện giờ tường nhà họ cũng còn chưa có nữa là.

- Dầu sao thì ta cũng sẽ chẳng xây một nhà gửi đồ nào hết.

- Ấy tôi cùng bảo họ đúng như thế đấy. Họ cứ tưởng đâu công xã Dzecjinxki là một... là một cơ quan gương mẫu. Và nó sẽ đi lo chuyện nhà kho gửi đồ vớ vẩn nào đây hử?! Làm như thế chúng mình có thì giờ lo chuyện ấy vậy!

- Thế họ bảo sao?

- Họ bảo: cứ xây đi! Họ đã tha thiết đến thế, thì tôi nói: cái đó tốn hai vạn. Nhưng nếu bác bảo tôi không nên xây, thì thôi không xây, tùy ý bác. Ta đi xây một kho gửi đồ làm gì, trong khi cái chúng ta đang cần là một xưởng lắp ghép?

Hai tuần lễ sau Xôlômông Bôritxôvich bắt đầu xây dựng xưởng. Các cột đã dựng xong, thợ mộc bắt đầu đặt các ván tường.

- Bác Xôlômông Bôritxôvich, bác lấy đâu ra cái xưởng lắp ghép này thế?

- Sao lại đâu ra? Tôi không nói với bác rồi à? Họ đã chuyển khoản cho ta hai vạn...

- Ai chứ?

- Thi học viện, bác biết rõ rồi...

- Để làm gì?

- Làm gì? Họ muốn ta làm một nhà gửi đồ cho họ... Thế đã làm sao? Tôi tiếc làm quái gì?

- Khoan đã, bác Xôlômông Bôritxôvich, các bác đang xây đây dù sao thì cũng chẳng phải là một nhà gửi đồ, mà là một xưởng lắp ghép.

Xôlômông Bôritxôvich bắt đầu phát bản:

- Ô, chuyện mới hay chữa! Thế ai đã bảo tôi là không cần có một nhà gửi đồ? Không phải bác đây à?

- Phải gửi trả lại tiền người ta.

Bộ mặt của Xôlômông Bôritxôvich nhăn lại thành những nếp khó chịu;

- Này bác ạ, không thể nào lại thiếu ý thức thực tiễn đến nước ấy được. Tiền ròng bạc chảy ai lại có đi gửi trả lại? Có lẽ bác chẳng, thần kinh của bác vững chãi thì bác làm thế được, chứ còn người yếu như tôi, tôi xin chịu, không thể đem nó ra mà thử thách như vậy được... Gửi trả lại tiền!

- Nhưng rồi sau cùng họ sẽ biết.

- Bác Antôn Xêmiônôvich này, cứ kể ra thì bác là một người thông minh mới phải. Họ có thể biết được cái gì chứ? Được, hãy cho là họ đến đây ngày mai, chẳng hạn: chúng tôi xây dựng đây, có thấy không? Nào có chỗ nào đề rằng đây là một xưởng lắp ghép không?

- Thế đến khi bác bắt đầu làm việc thì sao?

- Ai ngăn cấm tôi làm việc được? Học viện kiến trúc chẳng? Và nếu tôi muốn làm việc ở ngoài trời hay trong nhà gửi đồ, thì có luật pháp nào cấm chẳng? Không, chẳng có luật nào cấm hết.

Cái lôgích của Xôlômông Bôritxôvich không biết có ranh giới nào cả. Đó là một cây chùy phá thành mạnh ghê gớm, nó thúc đổ hết mọi chương ngại. Trong lúc này, chúng tôi không chống cự lại nó, vì những manh tâm chống cự của chúng tôi đều bị đè bẹp dí ngay từ lúc đầu.

Sang mùa xuân, khi đôi ngựa của chúng tôi bắt đầu được thả đêm ở ngoài bãi cỏ, Gorkôpxki hỏi tôi:

- Bác Xôlômông Bôritxôvich xây dựng cái gì ở chuồng ngựa thế không biết?

- Sao cơ, bác ấy xây dựng cái gì?

- Bác ấy bắt đầu rồi đây! Bác ấy đã đặt một cái gì như nồi hơi và đang làm một ống khói.

- Bảo bác ấy lên đây!

Xôlômông Bôritxôvich đến, người lem luốc từ đầu đến chân, mồ hôi mồ kê nhễ nhại và thở hồng hộc như mọi khi.

- Bác xây cái gì ở ngoài ấy thế?

- Tôi xây cái gì ấy a? Một cái lò đúc, bác biết rõ đấy.

- Một cái lò đúc? Nhưng đã quyết định để nó ở sau nhà tắm kia mà.

- Tại sao lại ở ngoài ấy, trong khi đã có một gian nhà sẵn sàng?

- Xôlômông Bôritxôvich!

- Làm sao, có cái gì mà: Xôlômông Bôritxôvich?

- Nhưng còn ngựa? Gorkôpxki hỏi.

- Ngựa sẽ sống ở ngoài trời. Các chú cho là chỉ có các chú mới cần khí trời khoáng đảng thôi, chứ còn ngựa, thì đây, chúng có thể hít thở mọi thứ bản thú ư? Các chú là những người chủ tốt gớm nhỉ!

Nói cho đúng, thì là chúng tôi đã bị đánh bật khỏi trận địa. Vichia, tuy nhiên, cũng xú lông dím lên:

- Thế khi mùa đông đến thì sao?

Nhưng Xôlômông Bôritxôvich đập cho hấn vụn ra như cám:

- Chú đã chắc lắm à, chắc là có mùa đông à?

- Xôlômông Bôritxôvich! Vichia như bị sét đánh kêu lên.

Xôlômông Bôritxôvich nhè nhẹ đánh bài rút lui:

- Mà cho rằng có mùa đông nữa, thì đã làm sao? Vậy không thể xây một cái chuồng ngựa vào thống mười được à? Đối với các chú thì cũng thế thôi chứ có khác gì? Hay là các chú cứ nhất định muốn cho tôi lãng phí hai nghìn rúp bây giờ mới được?

Với những tiếng thở dài buồn phiền, chúng tôi đành cam chịu. Xôlômông Bôritxôvich, động lòng thương hại, gập từng ngón tay lại giải thích:

- Tháng năm, tháng sáu, tháng bảy, rồi thì tháng gì nhỉ... tháng tám, tháng chín...

Do dự hoài nghi một giây, rồi bác lại quả quyết nói tiếp:

- ...Tháng mười... sáu tháng, thử nghĩ xem! Trong sáu tháng hai nghìn rúp lại đẻ ra hai nghìn rúp nữa. Thế mà các chú lại muốn đẻ cho chuồng ngựa trống rỗng trong sáu tháng à? Một số vốn chết, có lý nào thế?

Một số vốn chết, dù là dưới những hình thức vô tội nhất, cũng là điều không thể nào chịu được đối với Xôlômông Bôritxôvich:

- Tôi không thể ngủ được, bác ta nói. Có thể nào mà ngủ cho đang trong khi có bao nhiêu việc phải làm như vậy, mỗi phút là một trận tác chiến. Ai đã đặt ra cái chuyện ngủ lâu đến thế?

Chúng tôi thấy đều kinh ngạc hết sức: vừa mới đây thôi, chúng tôi còn nghèo nàn như vậy, thế mà bây giờ Xôlômông Bôritxôvich đã có hàng núi gỗ, ngũ kim, máy tiện: ngày lao động của chúng tôi sáng chói lên vì những giấy báo nhập khoản, chi phiếu, tiền ứng, hóa đơn, một vạn, hai vạn, lập lòe như những lửa ma trời, ở hội đồng đội trưởng, Xôlômông Bôritxôvich đã lắng nghe với một vẻ khinh bỉ buồn ngủ những lời bàn bạc của bọn trai về số tiền ba trăm rúp may quần. Bác nói:

- Có gì mà phải bàn bạc chứ? Bọn trẻ cần có quần... Và không phải là bỏ vào đấy ba trăm, như thế chỉ được quần xấu, mà phải bỏ một nghìn rúp...

- Thế tiền đâu? bọn trai hỏi.

- Các chủ có hai bàn tay với một cái đầu. Cái đầu của các chú sinh ra để làm gì? Để mắc một chiếc cát-két lên đấy à? Không phải thế đâu nhé! Các chú hãy làm việc thêm mười lăm phút ở xưởng rồi tới sẽ lập tức kiểm cho các chú một nghìn rúp, hơn nữa không biết chừng, tùy theo các chú kiểm ra được nhiều hay ít.

Xôlômông Bôritxôvich chất đầy những máy móc cũ rẻ tiền vào các xưởng công trình nhẹ của bác. Các xưởng này rất giống những kho chứa hàng, bác xếp đóng ở đó những phế liệu vứt đi, chẳng buộc cả lai bằng dây dợ và những lệnh cấm đoán, song các công xã viên đều say sưa vục đầu vào đồng đồ công nghệ tập tàng ấy. Chúng làm ra đủ thứ: đồ đạc cho câu lạc bộ, cột giường, bình đựng dầu, quần cụt nhỏ, sơ-mi kẻ ô, bàn học, ghế dựa, cần kích phát cho máy chữa cháy, nhưng cái gì chúng cũng làm ra nhiều vô kể, bởi vì trong ngành sản xuất của Xôlômông Bôritxôvich, sự phân công trong công tác được đưa lên tới cao độ:

- Có thực là chú sẽ học làm thợ mộc không? Bề nào thì chú cũng sẽ chẳng làm thợ mộc, chú sẽ làm bác sĩ, tôi biết thế. Vậy thì chú hãy tiện những chân ghế dựa đi, tại sao chú lại đi làm cả một chiếc ghế

dựa làm gì? Tôi trả một kôpéc mỗi đôi bằng chân và chú sẽ kiếm được năm mươi kôpéc một ngày. Vợ con, chú chưa có...

Các ông xã viên cười ồ lên ở hội đồng đội trưởng và công kích Xôlômông Bôritxôvich vì kiểu làm “ầu” như thế, song chúng tôi đã có kế hoạch sản xuất và kế hoạch tài vụ, đó là một sự tối ưu thiêng liêng.

Tiền lương đã được du nhập vào công xã, nghiêm nhiên như thể chẳng ai nghe nói gì đến khoa sư phạm, cũng như đến ma quỷ^[241] và những cảm dỗ của nó hết thảy.

Khi các giáo viên lưu ý Xôlômông Bôritxôvich đến vấn đề sư phạm của tiền lương, bác ta đáp:

- Tôi thiết tưởng chúng ta có nhiệm vụ giáo dục những con người thông minh. Thế mà làm việc không lương thì thông minh làm sao được?

- Nay bác Xôlômông Bôritxôvich ạ, thế theo ý kiến bác thì tư tưởng không có giá trị gì ư?

- Khi một người được lĩnh lương, thì hẳn ta có vô khối tư tưởng, không biết nhét vào đâu cho hết. Còn khi hẳn không tiền, thì hẳn chỉ có mỗi một tư tưởng thôi: vay ai được? Đó là một sự thực tế.

Xôlômông Bôritxôvich là một chất men rất hữu ích cho tập thể cần lao của chúng tôi. Chúng tôi biết cái lô-gich của bác ta thuộc một thế giới khác và nó buồn cười thật đấy, song cái năng động tính của nó vui vẻ đập tan nhiều thành kiến và, do phản ứng, nó đòi hỏi phải có một phong cách làm việc khác hẳn.

Việc đưa công xã Dzecjinxki vào đường kinh doanh sinh lợi đã được tiến hành rất giản dị, hầu như không tốn công sức gì, thậm chí cũng chẳng khiến chúng tôi thấy đó là một thắng lợi quan trọng đến thế nữa. Xôlômông Bôritxôvich đã chẳng phải là nói hão:

- Cái gì chứ? Một trăm rưởi công xã viên mà không kiếm ăn nổi ư? Có thể như thế nào khác được? Họ cần có rượu sâm-banh chắc? Hay là vợ họ thích trưng diện hẳn?

Do nỗ lực chung lớn lao các công xã viên đã hoàn thành liên tiếp các kế hoạch sản xuất của chúng tôi. Các nhân viên Tsêka hàng ngày đến công xã. Cùng với bọn trẻ, họ đi sâu vào từng chi tiết nhỏ nhất, từng sơ hở nhỏ nhất, phản đối những khuynh hướng làm “ầu” của Xôlômông Bôritxôvich, phản đối chất lượng sản xuất kém và phé phẩm. Kinh nghiệm sản xuất mỗi ngày một thêm phức tạp phong phú, các công xã viên bắt đầu có thái độ phê phán day dứt đối với Xôlômông Bôritxôvich, khiến bác nổi giận:

- Chuyện mới mẻ nhỉ? Bây giờ chúng đi thông thạo đủ thứ! Chúng nói cho tôi nghe ở xưởng đầu máy xe lửa Kháckôp người ta làm như thế nào, chúng có hiểu được tí gì về những cái người ta làm ở ngoài ấy không chứ?

Một khẩu hiệu, được nhất trí công nhận, bỗng soi sáng đường đi của chúng tôi: “Chúng tôi cần có một nhà máy thật sự”.

Càng ngày chúng tôi lại càng nói nhiều đến nhà máy. Những số tiền hàng ngàn rúp cứ chất đống dần lên ở tồn khoản vãng lai của chúng tôi, thì những ước mơ chung về nhà máy lại càng rõ nét chi tiết trên những viễn cảnh gần gũi nhất và dễ thực hiện nhất. Song chuyện đó mãi sau này mới tới.

Các trẻ nuôi Djecjinxki và trẻ nuôi Gorki gặp gỡ nhau luôn. Những ngày chủ nhật, chúng qua lại thăm nhau, cả từng đội đấu với nhau những trận bóng đá, bóng chuyền, đánh gậy, tắm táp, trượt tuyết, đi chơi, xem hát với nhau.

Trại và công xã luôn luôn liên hợp lại trong nhiều hoạt động, những cuộc diễn tập của thanh niên Kôm-xô-môn hay thiếu niên tiên phong, cùng nhau đi thăm hay chào đón bạn, hoặc đi du ngoạn. Tôi đặc biệt yêu thích những ngày đó, những ngày thắng lợi thật sự của tôi. Và tôi đã biết rất rõ rằng thắng lợi

đó là thắng lợi cuối cùng.

Gặp những hôm như vậy, ở trại và ở công xã đều đọc lên một bản mệnh lệnh chung, chỉ rõ cách ăn mặc, nơi và giờ gặp mặt. Quần áo đồng phục giống nhau cho cả đôi bên: quần cụt cưỡi ngựa, ghệt cao, cổ áo trắng rộng và mũ chỏm huê. Thường lệ, từ tối hôm trước, tôi ở với các trại viên Gorki, giao công xã lại cho Kirghizôp. Chúng tôi xuất phát từ Kuriajê, tính ba tiếng đồng hồ đi bộ, và xuống tỉnh đi qua Núi Lạnh. Nơi gặp mặt bao giờ cũng chỉ định ở trước dinh của Ủy ban chấp hành trung ương Ukren, trên mặt thảm dựa đường rộng rãi của quảng trường Têvêlep.

Vào thành phố đoàn Gorki bao giờ cũng có một dáng vẻ đẹp tuyệt. Chúng tôi sắp hàng sáu, đội hình rộng rãi chiếm gần hết mặt đường, kể cả những đường xe điện. Đằng sau chúng tôi hình thành những đuôi dài hàng mấy chục toa tàu, các bác lái xe sốt ruột và dận chuông inh lên không biết mệt, song các chú nhỏ ở sườn bên trái biết bốn phận của mình: chúng đi nghiêm chỉnh, hơi dài bước ra một tí, thỉnh thoảng ranh mãnh liếc nhìn lên các bờ hè, chẳng buồn chú ý chút nào đến những xe điện, những bác lái xe, và những tiếng chuông. Đi sau tất cả mọi người là Pêtrô Kraptsenkô, với một lá cờ hiệu tam giác. Công chúng nhìn nó với một vẻ tò mò và một mối thiện cảm đặc biệt và bọn trẻ con hàng phố xô đẩy nhau chung quanh nó dữ quá, khiến Pêtrô, bối rối hết sức, phải cúi nhìn xuống. Lá cờ hiệu của nó phát phới bay ngay trước mũi bác lái xe và Pêtrô không phải đi nữa mà là bơi trong làn sóng dày đặc như nêm của tiếng chuông xe điện leng keng ing ỏi.

Sau cùng đến quảng trường Rôda Luyxembua, đoàn quân rút khỏi đường xe điện. Các đoàn xe lần lượt vượt quá chúng tôi, những người ngồi xe vừa cười vừa nhìn qua cửa sổ và giơ ngón tay ra dọa bọn trẻ nhỏ. Còn chúng, thì vẫn không làm mất hàng thẳng vì không đi lỗi bước, nhoèn một nụ cười xỏ lá của tụi nhãi. Tại sao lại không đùa với công chúng thành phố, và không trêu cợt họ một tí ti? Chúng mình đây, là những con người tốt cả, chẳng làm gì có quý tộc công hầu nghênh ngang xe ngựa giữa phố, chẳng làm gì có những tiểu thư khoác tay các sĩ quan lòe loẹt, cũng chẳng có những chủ hiệu nhìn bọn mình bằng những con mắt chê bai. Và chúng tôi, đóng vai chủ nhân ông, đi qua thành phố của chúng tôi: không phải là những “trẻ nhà té bần” nữa, mà là những trại viên Gorki. Lá cờ đỏ của chúng tôi phấp phới bay trước mặt, và kèn đồng của chúng tôi thổi bài “Buđionny hành khúc”, đâu có phải chuyện chơi! Chúng tôi đi quanh để đổ ra quảng trường Têvêlep, đi lên cao chút ít và nhìn thấy ở đằng trước cái đỉnh nhọn của lá cờ các trẻ nuôi Dzecjinxki. Rồi này là hàng thẳng những cổ áo trắng của chúng, những bộ mặt thân thiết và chăm chú, và theo tiếng hô của Kirghizôp, những cánh tay giơ cao và nhạc khúc nổi lên. Một giây đồng hồ nữa qua và đội nhạc của chúng tôi, dứt đoạn điệu hành khúc, bỗng bùng lên như sấm, đáp lại bài chào của bạn.

Chỉ một giây đồng hồ thôi, không hơn, vừa đủ thì giờ cho Kirghizôp báo cáo, hai bên chúng tôi đứng đối mặt nhau, hoàn toàn im lặng. Và khi các hàng ngũ giải tán, bọn trẻ chạy bỏ đi gặp bạn, bắt tay nhau, cười và đùa, tôi nghĩ đến bác sĩ Faoxtơ: anh chàng người Đức tinh khôn ấy hãy nên thêm ước địa vị của tôi đi! Quả thật gã bác sĩ ấy đã không gặp may, hẳn đã chọn làm thế kỷ và một cơ cấu xã hội không thích hợp.

Nếu chúng tôi gặp nhau vào chiều thứ bảy, thì thường thường Michia Jêvêli đến tìm tôi và đề nghị:

- Bác ạ, chúng ta đến cả trại Gorki đi! Hôm nay họ chiếu phim “Thiết giáp hạm Pôtemkin”. Còn về cái ăn uống, thì có đủ đấy...

Và những tối hôm đó, về khuya, chúng tôi còn đánh thức dân làng Pôtvorki bằng những điệu hành khúc của hai đội nhạc chúng tôi, làm âm ỹ hồi lâu ở bàn ăn, phòng ngủ, câu lạc bộ. Các tay kỳ cựu nhắc lại chuyện những hồi sóng gió và những ngày tươi đẹp của những năm đã qua, các chú ít tuổi lắng nghe và thêm ước.

Từ tháng tư trở đi, đầu đề chính những câu chuyện thân mật của chúng tôi là việc Gorki tới trại, ông đã viết thư báo cho chúng tôi biết sang tháng bảy ông sẽ đặc biệt đến Khackôp để ở trại ba ngày. Đã từ lâu chúng tôi trao đổi thư từ liên tiếp với ông. Các trại viên chưa được biết mặt ông bao giờ, đều cảm thấy có ông trong hàng ngũ và lấy thể làm sung sướng như con nít được thấy hình ảnh mẹ. Những chú đã mất gia đình từ khi còn thơ ấu và đã không đem theo trên con đường đời dài dặc được một chút tình cảm đầm ấm nào dự trữ, chỉ riêng các chú đó mới biết trên đời đôi khi lạnh lẽo xiết bao, mới hiểu tất cả giá trị sự ân cần và những vỗ về của một người vĩ đại, một người có trái tim phong phú và hào hiệp.

Các trại viên Gorki không biết biểu lộ tình âu yếm, bởi vì họ đánh giá nó quá cao. Tôi đã sống với họ tám năm; nhiều người yêu mến tôi, nhưng suốt những năm đó, không một lần nào có ai trong bọn họ tỏ tình âu yếm với tôi, theo nghĩa thông thường của chữ ấy. Tôi nhận ra được tính cảm của họ ở những dấu hiệu chỉ riêng tôi biết; mắt nhìn sâu sắc, một vẻ ngưng ngưng đỏ mặt, sự chăm chú nhìn tôi từ một xó nào đấy, một tiếng nói lạc giọng đi một chút, chạy tung tăng và nhảy nhót sau những lần gặp tôi. Vì thế cho nên tôi thấy với một tình âu yếm to lớn chừng nào bọn trẻ nói đến Gorki, với một nhiệt tình hăm hở chừng nào chúng vui mừng nghe ông báo tin vẫn tất là ông sẽ đến.

Việc Gorki đến trại là một phần thưởng cho chúng tôi. Nói thực tình thì chúng tôi tự nghĩ là không hoàn toàn xứng đáng cái phần thưởng cao quý ấy. Vậy mà nó lại được ban cho chúng tôi giữa lúc tất cả Liên bang xô-viết treo cờ mừng đón nhà đại văn hào, thành thử cái đoàn thể bé nhỏ của chúng tôi có thể bị chìm trong những làn sóng mạnh mẽ của sự phấn khởi chung.

Nhưng nó đã không chìm trong đó; điều này khiến chúng tôi cảm động và đem lại cho đời sống chúng tôi một giá trị vô cùng cao quý.

Chúng tôi bắt đầu chuẩn bị đón tiếp Gorki, ngay từ sau hôm nhận được thư của ông. Trước khi đích thân đến ông đã gửi tới cho trại một tặng phẩm rất hậu, nhờ có nó mà chúng tôi hàn gắn được những vết thương cuối cùng của trại cũ Kujiaja để rơi rớt lại.

Ấy đúng vào lúc đó người ta đòi hỏi tôi làm một báo cáo tổng kết^[242] (). Tôi phải trình bày trước các vị bác học uyên thâm và các bậc triết gia của khoa sư phạm tín điều sư phạm của tôi và các nguyên tắc tôi chủ trương như thế nào. Lý do đòi hỏi tôi làm báo cáo có thiếu gì đâu.

Tôi mạnh dạn chuẩn bị chịu cuộc thử thách đó, mặc dầu tôi không mong đợi một chút thương hại nhân nhượng gì hết thảy.

Trong căn phòng cao rộng, tôi đối diện với tất cả các nhà tiên tri và sứ đồ họp mặt. Một buổi... pháp đình,^[243] chứ không kém. Ở đây người ta nói năng lịch sự, bằng những tràng dài hòa nhã và tròn trĩnh, để toát ra một hương vị phảng phất của những nếp óc quanh co, những sách cũ và những ghé bành mòn đi vì nghiên cứu. Song cả tiên tri lẫn sứ đồ đều không có râu bạc, cũng chẳng có tên tuổi được sùng kính với những phát minh vĩ đại. Họ có quyền gì mà được đội vòng hào quang^[244] và giữ kinh thánh trong tay? Đó là những gã khá hoạt bát, ở ria mép còn dính những mẩu vụn của chiếc bánh ngọt xô-viết mà họ vừa mới nhai giòn rau rầu.

Kẻ bắt giọng cầm trích là giáo sư Tsaikin, cũng chính cái lão Tsaikin mấy năm trước đây đã khiến tôi nhớ lại một truyện của Tsêkhôp.^[245]

Trong phần kết luận, Tsaikin phê bình tôi đến tận tột:

- Đồng chí Makarenkô muốn xây dựng phương pháp sư phạm trên quan niệm nghĩa vụ. Đã đành là ông ta có thêm chữ “vô sản”, nhưng điều đó, thừa các đồng chí, không thể che dấu chúng ta cái thực chất của quan niệm. Chúng tôi khuyên đồng chí Makarenkô hãy nên theo dõi cẩn thận căn nguyên của

quan niệm nghĩa vụ. Đó là một quan niệm gốc ở những quan hệ tư sản, một quan niệm có tính chất căn bản vụ lợi. Khoa sư phạm xô-viết tìm cách bồi dưỡng ở con người sự biểu hiện tự do của những động lực và xu hướng sáng tạo, bồi dưỡng tính chủ động, chứ không bao giờ bồi dưỡng cái phạm trù tư sản về nghĩa vụ.

Hôm nay chúng tôi thực lấy làm tiếc vô cùng và không khỏi ngạc nhiên được nghe thấy ở miệng ông giám đốc quý mến của hai cơ quan gương mẫu, một lời hiệu triệu giáo dục cái ý thức danh dự. Chúng tôi không thể nào không lên tiếng phản kháng lời hiệu triệu ấy. Dư luận xô-viết cũng nói lời của mình vào lời của giới khoa học: nó cũng không cho phép quay trở lại cái ý thức danh dự ấy cái ý thức gọi cho chúng ta nhớ lại rõ rệt những đặc quyền, những chế phục và ngù vai của sĩ quan.

Chúng tôi không thể đi vào thảo luận tất cả những ý kiến trình bày trong bản báo cáo này về vấn đề sản xuất. Đứng về mặt làm giàu của cải vật chất cho trại, có thể đó là việc hữu ích, song khoa sư phạm học không thể nào coi việc sản xuất là một trong những nhân tố của tác dụng sư phạm và lại càng không thể nào tán thành những luận điểm như: “kế hoạch sản xuất và tài vụ là nhà giáo dục tốt nhất”. Một sự khẳng định như vậy không có gì khác hơn là dung tục hóa cái quan niệm giáo dục bằng lao động.

Nhiều người khác nói và có nhiều người im lặng một cách chê trách. Sau cùng tôi nổi giận và, cáu tiết, tôi dội hắt một thùng đầy dầu hỏa vào lửa:

- Các ông nói đúng, hẳn thế, chúng ta sẽ không thống nhất ý kiến với nhau. Tôi không hiểu các ông. Theo các ông thì, chẳng hạn, tính chủ động là một cái gì do trời phú bẩm. Nó không biết ở từ đâu đến, từ một trạng thái nhàn rỗi thuần túy, chẳng có một cái gì lấp đầy hết thảy. Lần này là lần thứ ba tôi giải thích với các ông rằng tính chủ động chỉ có khi nào có một việc làm, có trách nhiệm phải hoàn thành nó, trách nhiệm về thì giờ bị mất, khi nào có một sự đòi hỏi của tập thể. Tuy nhiên, các ông không hiểu tôi và vẫn cứ nói với tôi về một thứ tính chủ động nào không biết rỗng tuếch nội dung và lìa thoát khỏi lao động. Theo ý kiến các ông, muốn tỏ ra có tính chủ động, thì chỉ có việc tự nhìn lỗ rốn của mình...

Chà, phải biết là các vị sứ đồ phật ý, phải biết họ la ó mạt sát tôi, làm dấu phép và xỉ vả tôi! Thấy rằng hỏa hoạn đã tung hoành, rằng tôi đã quá ư liều lĩnh,^[246] rằng bề nào thì cũng chẳng còn cái gì mà mất nữa, vì mọi cái đều đã mất rồi, tôi nói:

- Các ông không có khả năng nhận xét về chuyện giáo dục cũng như về tính chủ động, vì các ông chẳng hiểu gì về các vấn đề ấy hết.

- Thế ông có biết Lê-nin đã nói gì về tính chủ động không?

- Tôi có biết.

- Ông không biết đâu!

Tôi rút sổ tay ra và đọc lên rành mạch:

“Tính chủ động phải là rút lui có trật tự và giữ thật vững kỷ luật”, Lê-nin đã nói, ở Đại hội Đảng Cộng sản (bôn-sê-vich) nước Nga lần thứ XI, ngày 27 tháng ba năm 1922.

Sự kinh ngạc của các vị sứ đồ chỉ có trong khoảnh khắc, rồi họ kêu lên:

- Sự rút lui có dính líu gì đến chuyện này?

- Tôi muốn lưu ý các ông đến mối quan hệ giữa kỷ luật và tính chủ động. Ngoài ra tôi cũng cần phải rút lui có trật tự.

Mi mắt các vị sứ đồ nháy lia lịa, rồi họ vội vã ngồi chụm vào nhau và bắt đầu thăm thẳm thì trong tiếng giấy tờ sột soạt. Pháp đình nhất trí tuyên bố quyết nghị:

“Hệ thống phương pháp giáo dục đề nghị không phải là một hệ thống xô-viết”.

Nhiều bạn thân của tôi có mặt trong cử tọa, nhưng họ im tiếng. Có một nhóm anh em Tsêka: họ chăm chú lắng nghe những cuộc tranh luận, ghi chú vào sổ tay rồi ra về, không đợi quyết nghị.

Mãi tới khuya, chúng tôi mới trở về trại. Cùng đi với tôi có các giáo viên và vài ủy viên chi bộ Kômxômôn. Dọc đường, Jôra Vônkôp phi nhỏ:

- Hừ, sao họ lại có thể nói những chuyện như thế được! Theo họ, thì ra làm sao: không có danh dự, không có cái đó, thế thì: danh dự của trại ta sao! Như vậy là, theo ý kiến họ, không có cái đó à?

- Bác đừng để ý, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, Lapô nói. Họ đã quây quần nhau lại, bác ạ, một lũ đáng ghét..

- Không, tôi chẳng quan tâm một tí nào về chuyện đó, tôi nói, để an ủi bọn trai.

Tuy nhiên, vấn đề đã được quyết định.

Không do dự cũng không cúi đầu, tôi bắt đầu thanh toán cái tập thể. Phải mau mau đưa các bạn thân của tôi ra khỏi trại. Cần phải làm như vậy, vừa để họ khỏi phải chịu thử thách dưới chế độ mới, vừa để cho ở trại không còn lại một ngọn lửa bất bình nào nữa.

Tôi đưa đơn từ chức của tôi cho Iurep ngay hôm sau. Ông ta trầm ngâm một lát, rồi lặng lẽ bắt tay tôi. Tôi đã bước ra cửa, ông mới sực tỉnh:

- Khoan đã!... Nhưng thế nào nhỉ?... Còn ông Gorki sắp tới!

- Để ông nghĩ là tôi sẽ để cho bất cứ ai tiếp đón ông Gorki thay tôi hẳn?

- Được, được...

Ông ta vừa đi đi lại lại như chạy trong phòng giấy, vừa lẩm bẩm:

- Đi quách... đi quách cho rảnh!

- Ông báo gì?

- Tôi đi quách khỏi đây cho rảnh!

Tôi cáo biệt, để ông ta ở lại với ý nghĩ tốt đó. Ông đuổi theo tôi ở hành lang:

- Antôn Xêmiônôvich, ông bạn tốt của tôi ơi, ông hiền lòng, có phải không?

- Thật chuyện lạ chữa! Tôi cười đáp. Tại sao ông lại hỏi tôi thế? Rõ đúng kiểu người trí thức!... Vậy là tôi rời trại vào ngày Gorki lên đường. Tôi sẽ bàn giao công tác lại cho Juôcbin, còn ông, ông sẽ xếp đặt thế nào tùy ý...

- Được...

Tôi không nói với ai ở trại là tôi bỏ đi và Iurep đã hứa là sẽ giữ kín.

Tôi chạy đi các nhà máy, gặp các vị lãnh đạo, các nhân viên Tsêka. Việc khóa tốt nghiệp mới sắp đi đã được bàn tới từ lâu, cho nên ở trại không ai lấy làm lạ vì những cuộc chạy chọt của tôi hết. Nhờ sự giúp sức của các bạn thân chúng tôi, tôi hầu như không tốn công tìm được cho bọn trai Gorki có công tác trong các nhà máy Khackôp và có nhà ở trong thành phố. Êkatêrina Grigôriepna và Guliaêva chăm sóc may sắm cho họ một ít quần áo – hai chị đã có kinh nghiệm trong công việc đó. Tính đến ngày Gorki đến còn hai tháng nữa, chúng tôi có đủ thì giờ.

Lần lượt theo nhau, các trại viên kỳ cựu bước vào đời. Lúc cáo biệt, họ khóc, nhưng không buồn: chúng tôi sẽ gặp lại nhau. Chúng tôi tiễn chân họ với đội nghi trượng, đội nhạc và cờ trại Gorki mở rộng. Thế là ra đi Taranet, Vônkhôp, Gut, Lêsi, Galatenkô, Fêđôrenkô, Kôrytô, Aliôsa và Jôra Vônkôp, Lapô, Kutlaty, Xtupitxyn, Xôrôka và nhiều người khác nữa. Chúng tôi bàn và thỏa thuận với

Kôvan, thu xếp giữ lại một số người làm việc ăn lương ở trại, để cho nó khỏi mất nhóm lãnh đạo. Tôi chuyển các thí sinh lên trường trung học công nông sang ở công xã Dzecjinxki cho tới mùa thu. Các giáo viên phải ở lại trại một thời gian để khỏi gây tình hình hoảng loạn. Chỉ có Kôvan là không ở lại: hắn không đợi đến lúc kết thúc và trở về khu.

Trong hào quang của những phần thưởng mà tôi được nhận hồi đó, có một phần thưởng lại sáng chói lên một ánh bất ngờ nữa: không thể nào thanh toán một cái tập thể sinh động gồm bốn trăm người được. Thay chân những người đã ra đi lúc đầu, có những trẻ nhỏ mới đến lấp lỗ hổng, cũng nhanh nhẹn, cũng thông minh và cũng có tinh thần dũng cảm như họ. Hàng ngũ các trại viên đã siết chặt lại, như hàng ngũ quân đội trong khi tác chiến. Không những tập thể không muốn chết, mà nó còn chẳng buồn nghĩ đến cái chết nữa. Nó sống một cách nhiệt liệt, băng đi hết tốc độ trên những đường ray chính xác và trơn tru – nó chuẩn bị đón tiếp Maxim Gorki với một khí thế đắc thắng và âu yếm.

Ngày qua và bây giờ là những ngày sung sướng tốt đẹp. Những ngày làm việc của chúng tôi được tô điểm như hoa bằng công tác, bằng những nụ cười, bằng ánh sáng những viễn cảnh và tình thân thiện hữu ái trong lời nói.

Trước mặt chúng tôi những lo âu dựng lên như một chiếc cầu vồng, thì các ước mơ của chúng tôi cũng như những chiếc đèn chiếu rọi sâu vào khoảng trời cao.

Và cũng với niềm hân hoan tin cậy như ngày trước, chúng tôi tổ chức ngày hội của chúng tôi, ngày hội lớn nhất trong lịch sử của trại.

Thế rồi ngày đó tới.

Từ buổi sáng, dân thành phố, xe ô-tô, các nhà chức trách, cả một đại đội ký giả nhà báo, nhiếp ảnh viên, phóng viên điện ảnh, đến đóng đồn thực sự như những người hát rong ở chung quanh trại. Cờ và dây hoa trên các tòa nhà, trên tất cả các bồn hoa, đâu đâu cũng có hoa. Bọn trẻ nhỏ đứng cách quãng rộng thành hàng thẳng từ đằng xa; trên đường cái Akhtyrka, có đặt người cưỡi ngựa làm vọng gác báo tin; trong sân trại là đội nghi trượng.

Đội mũ cát-két trắng, cao lớn, cảm động, Gorki, người có bộ mặt của bậc hiền triết và có đôi mắt của người bạn, bước xuống xe ô-tô, nhìn chung quanh ông, đưa ngón tay run rẩy lên bộ ria mép công nhân rậm rạp và mỉm cười:

- Xin chào!.. Bọn trai của anh đấy à?... Ồ!... Nào, ta đi!

Nhạc khúc chào cờ, những bàn tay con trẻ, run run giơ lên, những đôi mắt nồng nàn của bọn trẻ nhỏ, chúng tôi đem giải tất cả những cái đó ra như một tấm thảm trước vị khách quý của chúng tôi.

Gorki đi vào trong hàng ngũ...

15. CHUNG CỤC

Từ ấy đến nay đã bảy năm. Kể thì những chuyện đó xảy ra đã lâu rồi.

Song tôi còn nhớ rất rõ, tôi còn nhớ đến cả từng cử chỉ nhỏ nhất trong ngày hôm đó và những việc tiếp liền ngay sau khi đoàn xe lửa đưa Gorki ra đi đã khởi hành. Ý nghĩ và tình cảm của chúng tôi phóng theo ông, mắt bọn trẻ còn ngời sáng nhiệt tình của những lời từ biệt, thì trong tâm hồn tôi bấy giờ đến lúc phải làm một việc “thông thường” nho nhỏ. Bọn trai Gorki và Dzecjinxki đứng chật suốt chiều dài sân ga, kèn của hai đội nhạc và đầu nhọn của hai lá cờ sáng chói lên lấp lánh.

Một đoàn xe lửa ngoại ô đi Ryjôp sắp khởi hành ở sân ga bên cạnh. Juôcbin đến gần tôi:

- Các trại viên Gorki lên tàu được rồi chứ?

- Được.

Chúng chạy lướt qua bên cạnh tôi tới các toa xe. Đây là những kèn và lá cờ cũ của chúng tôi bằng lụa thêu vàng.

Một phút sau từng chùm trai gái nhỏ đã lộ mặt ở các cửa sổ. Mắt nhấp nháy về phía tôi, chúng kêu lên:

- Bác Antôn Xêmiênôvich, bác lên đây đi!

- Bác không lên à? Bác đi với các công xã viên, hả bác?

- Nhưng ngày mai bác về bên chúng cháu chứ?

Hỏi đó tôi là một con người cứng mạnh và tôi mỉm cười với lũ trẻ nhỏ. Nhưng khi Juôcbin lại chỗ tôi, tôi trao cho anh ta tờ công lệnh trong đó nói vì tôi đi “nghỉ phép” nên quyền quản đốc trại nay giao cho anh ta đảm nhiệm.

Juôcbin bối rối nhìn tờ công lệnh:

- Thế nào, vậy là thôi à?

- Vậy là thôi đấy.

- Nhưng mà, sao lại thế... Juôcbin muốn nói, song ông xã trưởng đã thổi còi át anh ta và Juôcbin không nói gì hết; anh vung cánh tay và dời đi xa, quay lưng lại các cửa sổ toa.

Đoàn xe ngoại ô chuyển bánh. Những chùm trẻ nhỏ lướt qua trước mắt tôi như những đóa hoa ngày hội. Chúng kêu to chào tôi, hẹn “gặp lại”, và vui vẻ giơ cao những chiếc mũ chôm thêu của chúng trên đầu hai ngón tay. Đứng ở cửa sổ cuối cùng, Kôrôkôp chào lặng lẽ và mỉm cười.

Tôi đi ra quảng trường trước nhà ga. Các trẻ nuôi Dzecjinxki, đứng sắp hàng, đang chờ tôi. Tôi ra hiệu lệnh và chúng tôi cùng đi bộ trên thành phố, về đến tận công xã.

Tôi không bao giờ trở lại Kujiajê nữa.

Bảy năm xô-viết đã qua đi từ ấy, và như vậy là nhiều bội phần hơn, chẳng hạn, bảy năm thời đế chế. Hồi đó, nước ta trải qua con đường vinh quang của kế hoạch năm năm lần thứ nhất, và phần lớn kế hoạch năm năm lần thứ hai. Hồi đó, người ta đã biết kính trọng cái đồng bằng phía đông của châu Âu hơn cả suốt ba trăm năm các triều đại Rômanôp. Trong thời kỳ ấy nhân dân ta có thêm những bắp thịt mới và đội ngũ tri thức mới của chúng ta đã lớn lên.

Các trại viên Gorki của tôi cùng đã lớn lên và tản tác trên khắp nước xô-viết; bây giờ tôi thật khó lòng mà tụ tập họ lại được dù chỉ là trong tưởng tượng. Không thể nào nắm được kỹ sư Zăđôrôp, vùi lấp ở một trong những công trường lớn ở Tuyecmêni, hẹn hò được với Vecsonep, y sĩ ở Quân đội Đặc biệt Viễn đông, hoặc với bác sĩ Burun ở Iarôxláp. Cho đến cả Nitxinôp và Zoren, thực ra là những

nhãi con, cùng đã bay đi xa tôi rồi, không còn phải như ngày xưa được mang trên cánh đầm ầm của mỗi thiện cảm sự phạm của tôi nữa, mà là trên cánh thép của những máy bay xô-viết. Và Silaputin đã không làm khi hắn nói quả quyết rằng hắn sẽ làm phi công; Sura Jêvêli cũng làm hoa tiêu, để khỏi bắt chước anh hắn đã chọn nghề hàng hải ở biển Bắc-cực.

Hồi đương thời, các đồng chí đi qua tạt vào thăm trại thường hay hỏi tôi:

- Nay, người ta bảo rằng trong số những trẻ vô thừa nhân có nhiều đứa có thiên tư, nói thế nào nhỉ, có tài năng sáng tạo... Nay, thế bác có những nhà văn và những nhà nghệ sĩ không?

Nhà văn, cố nhiên là chúng tôi có, và cả những nhà nghệ sĩ nữa; không có họ thì không một tập thể nào có thể sống được, không có họ thì chẳng có cách gì xuất bản nổi một tờ bích báo. Nhưng tôi phải lấy làm tiếc mà thú thật rằng: từ trong đám trại viên Gorki đã không có những nhà văn và nhà nghệ sĩ ra đời, chẳng phải vì không có những tài năng trong số họ, mà vì những nguyên nhân khác: họ bị thu hút bởi cuộc sống và những đòi hỏi của thời hiện tại.

Và Karabanôp nữa cũng không trở thành nhà nông học. Ở trường trung học công nông ra, anh ta không vào Học viện canh nông, mà nói quả quyết với tôi:

- Thôi bỏ lúa mạch với lưỡi cày đi! Cháu không thể nào sống không có lũ trẻ. Còn biết bao nhiêu gã trai trẻ tốt đang đùa nhớn ở khắp nơi! Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, một khi mà bác, bác đã vất vả về cái nghề này, thì cháu cùng có thể làm như bác được.

Ấy thế là Xêmiôn Karabanôp bước vào sự nghiệp quang vinh của môn giáo dục xã hội và vẫn trung thành với nó cho đến ngày nay, mặc dầu anh ta đã phải chịu đựng một số phận ác nghiệt hơn bất cứ một chiến sĩ nào khác trong ngành. Xêmiôn đã lấy “cô bé ở Tsecnigôp” và họ được một thằng con nhỏ lên ba, mắt đen như mắt mẹ, và tính cũng hiếu động như bố nó. Và thằng bé con trai ấy đã bị một đứa trẻ nuôi của Xêmiôn cửa cổ vào giữa buổi trưa, một đứa mắc bệnh tinh thần được gửi đến nhà nuôi “trẻ khó dạy” của anh ta và chẳng phải là lần đầu tiên nó làm những việc như vậy. Song trái tim Xêmiôn đã không run rẩy và không than van rên rỉ cũng chẳng nguyên rủa một ai, anh ta vẫn ở nguyên vị trí trên mặt trận của chúng tôi. Anh ta chỉ viết cho tôi một bức thư ngắn ngủi trong đó anh ta để lộ niềm đau đớn ít hơn là sự kinh ngạc.

Matvây Biêlukhin nữa cũng không theo học lên đến đại học. Một ngày kia tôi nhận được bức thư này của anh ta:

Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, quả là cháu đã cố ý không nói gì với bác, vậy xin bác hãy tha thứ cho cháu, nhưng trong khi cháu thiết tha yêu nghề quân sự thì cháu học làm người kỹ sư ra hồn sao được. Và bây giờ cháu đang ở trong một trường kỵ binh. Trong việc này, tất nhiên, cháu đã hành động như một con lợn. Cháu đã bỏ trường trung học công nông. Dù sao thì đó cũng là một điều khó chịu. Cháu chỉ xin bác hãy viết cho cháu vài chữ, kéo cháu thấy lòng bứt rứt không yên.

Khi mà những người như Biêlukhin cảm thấy lòng bứt rứt không yên, thì người ta vẫn còn có thể sống được. Và người ta vẫn còn có thể sống được lâu nữa, khi có những người như Biêlukhin cầm đầu những trung đội kỵ binh xô-viết. Và tôi lại càng thêm tin tưởng chắc chắn vào điều đó, khi Matvây đến thăm tôi, cổ áo dài quân nhân đeo một phù hiệu trắng men vuông, [\[247\]](#) cao lớn và cường tráng, một con người toàn vẹn, mọi “sản xuất phẩm hoàn hảo” không có gì chê trách được.

Không phải chỉ có riêng Matvây, mà còn những người khác tới thăm tôi nữa, người nào cũng trưởng thành một cách kỳ lạ trước mắt tôi. Ôtxatsi, bây giờ là kỹ sư công nghệ; Misa Ôptsarenkô, lái xe hơi; Ôlec Ôcnep đang công tác cải thiện những đất đai vùng bên kia bể Caxpiên; nữ giáo viên Marutxia Leptsenkô; anh lái xe điện Xôrôka; anh lắp máy điện Vôlôkhôp; anh thợ nguội Kôrytô; anh đốc công

trạm máy kéo Fêđôrenkô, những anh công tác Đảng Aliôsa Vônkôp, Đônít Kutlaty và Jôra Vônkôp; Máckơ Sonhaoxơ, với một tính khí bôn-sê-vich chân chính, vẫn giữ nguyên được tâm hồn tế nhị ngày xưa, và còn nhiều còn nhiều người khác nữa.

Nhưng trong vòng bảy năm tôi cũng đã mất hút nhiều người. Antôn biệt vô âm tín, không biết mất hút vào đâu, trong một bể ngửa mênh mông. Lapô, mà sự vui sống cuốn lôi đi, anh thợ giày giỏi Gut, anh chàng thiết kế vĩ đại Taranet, đều đã lạc mất nơi nào. Tôi không lấy thế làm buồn và cũng không trách móc gì tội trẻ hay quên ấy. Cuộc sống của chúng ta đầy quá sức, và không phải là bao giờ cũng cần nhớ đến những tình cảm thất thường của những người cha và những ông thầy. Và chẳng, đứng về mặt “kỹ thuật” mà nói, cũng không làm thế nào tập hợp được tất cả bọn họ. Chỉ kể riêng ở trại Gorki, có biết bao nhiêu trai gái đã qua đi mà không được nhắc tên ở đây, song hết thầy đều sinh động, đều thân mật, đều chí thiết như vậy cả. Sau khi cái tập thể Gorki cáo chung, bảy năm đã trôi qua, năm nào cũng đầy những lớp sống trẻ thơ dồn dập như cũ, đầy những đấu tranh, thất bại và thành công của chúng, đầy những ánh mắt quen biết và phản ánh của những nụ cười thân thuộc.

Ngày nay cái tập thể nhưng trẻ nuôi Dzecjinxki vẫn tiếp tục cuộc sống hùng mạnh của nó, người ta có thể sáng tác hàng chục ngàn bài ca sự phạm về cuộc sống đó.

Ở đất nước Xô-viết người ta sẽ viết những sách về tập thể, vì đất nước Xô-viết trước hết là đất nước của tập thể. Tất nhiên người ta sẽ viết những sách thông minh hơn sách của những ông bạn tôi trên núi Ôlanhơ, họ đã cho cái định nghĩa như thế này:

“Tập thể là một nhóm cá nhân có những quan hệ tác động qua lại và cùng nhau phản ứng lại sự kích thích này hay kích thích nọ.”

Bọn trẻ Gorki chỉ có năm mươi người, một ngày mùa đông êm ả kia đến ở những phòng đẹp đẽ của công xã Dzecjinxki, nhưng họ đã đem theo họ cả toàn bộ những phát hiện, truyền thống và thích ứng, cả toàn bộ cái kỹ thuật tập thể, cái kỹ thuật trẻ trung của con người được giải phóng khỏi ông chủ. Trên con đường mới mẻ và lành mạnh ấy, công xã được các nhân viên Tsêka ân cần săn sóc, đem cả tính lực, văn hóa và tài năng của họ ra nâng đỡ hàng ngày, cho nên công xã lớn dần lên, hình thành một tập thể đẹp đẽ chói lọi, có một sự trù phú cần lao chân chính, có một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa cao, và hầu như không còn để vương sót lại một tí gì về cái vấn đề đáng buồn cười: “cải tạo con người”.

Bảy năm đời sống của các công xã viên Dzecjinxki cũng là bảy năm tranh đấu, bảy năm hết sức căng thẳng.

Những xưởng bằng gỗ ván ghép của Xôlômông Bôritxôvich đã từ lâu rồi bị tiêu hủy, hóa thành tro than trong lò nôi hơi. Và kế tiếp chính bản thân Xôlômông Bôritxôvich cũng đã có một đám kỹ sư mà tên tuổi nhiều người đáng được nêu lên trong số những tên tuổi lớn của Liên bang.

Năm 1931 các công xã viên xây dựng lên nhà máy đầu tiên của họ chế tạo những đồ dùng điện. Trong gian phòng lớn, rộng rãi và sáng sủa, trang trí những hoa với chân dung, sắp hàng dài mấy chục chiếc máy cấu tạo vô cùng phức tạp: máy tiện “Wandôre”, “Xamxon Wecko”, “Hindomexte”, “Rainoke”, “Marat”. Từ tay các công xã viên sản xuất ra không còn phải là những quân cụt nhỏ và những cột giường nữa, mà là những bộ máy nhỏ nhỏ, thanh nhã và phức tạp, gồm có hàng trăm bộ phận “cần đến vì tích phân số học cao đẳng”.

Sự phải dùng đến vi tích phân số học cao đẳng ấy làm cảm động và kích thích các công xã viên, cũng như xưa kia những củ cải, bò Ximmentan, những con “Vatxili Vatxiliêvich” và những con “Hảo hán” đã kích động chúng tôi.

Khi xưởng lắp ghép giao chiếc máy khoét mài lớn FD-3^[248] và người ta đặt nó lên bàn thử, thì

Vatxia Aleexêiep – đã trở thành một người lớn từ lâu – bắt dòng điện vào máy. Hai chục cái đầu lo lắng của những kỹ sư, công xã viên, công nhân cúi xuống nghe tiếng máy vo vo và kỹ sư trưởng Gorbunôp buồn rầu nói:

- Nó tóe điện...

- Nó tóe điện, con khếch! Vatxia nói.

Giấu nỗi buồn của họ dưới một nụ cười, họ đem chiếc máy khoét mài xuống xưởng, và trong ba hôm liền tháo ra, kiểm soát, tính toán những căn số với lôgarít, trong tiếng sột soạt của những bức đồ dạng. Những chạc compa chạy trên giấy, những máy mài nhãn “Kelenhecgie” rất nhạy giữa đi những nửa phần trăm cuối cùng của một ly, các ngón tay nhậy bén của bọn trẻ lắp những bộ phận tinh tế nhất, tâm hồn nhậy cảm của chúng bắn khoản chờ đợi lần thử mới.

Sau ba ngày, người ta lại đặt chiếc FD-3 lên bàn thử, hai chục cái đầu lại cúi xuống nhìn nó và kỹ sư trưởng Gorbunôp lại buồn bã nói:

- Nó tóe điện...

- Nó tóe điện, đều thật! ... Vatxia Aleexêiep nói.

- Cái của Mỹ không tóe, Gorbunôp ghen tức nhắc lại.

- Không, nó không tóe! Một kỹ sư khác xác nhận thêm.

- Tất nhiên là nó không tóe! Tất cả bọn trẻ cùng nói lên, không biết trách cứ ai: tự trách mình, hay trách những máy tiện, trách thép số 1 đáng ngờ, trách bọn con gái đã quán phần ứng điện, hay trách kỹ sư Gorbunôp.

Nhưng đứng kiểng chân lên ở sau lưng bọn họ, phô ra cho mọi người trông thấy bộ mặt tàn nhang đỏ hoe của nó, Tima Ôđariuc cúp mi mắt xuống và đỏ mặt nói:

- Cái của Mỹ cũng tóe y như thế.

- Mà xem ở đầu mà biết?

- Tôi nhớ khi người ta cho nó chạy thử và nó nhất định phải tóe, vì cái máy quạt ở đây cũng thế.

Người ta không tin Tima và người ta lại đem chiếc máy khoét mài xuống xưởng, ở đấy các bộ óc, những máy tiện và dây thần kinh lại làm việc vất vả vào đó một lần nữa. Nhiệt độ lên cao rõ rệt trong lòng tập thể: nỗi lo lắng ngự trị ở các phòng ngủ, các cậu lạc bộ, các lớp học.

Cả một phe phái đã thành lập ở chung quanh Ôđariuc.

- Ở đây, chúng mình bí là lẽ tất nhiên, bởi vì mình làm chiếc máy đầu tiên. Nhưng máy của Mỹ còn tóe nhiều hơn nữa kia.

- Không phải!

- Đúng rồi, nó tóe!

- Không!

- Đúng rồi!

Sau cùng những dây thần kinh của chúng tôi chịu đựng không nổi nữa. Chúng tôi phái người đi Mạc-tư-khoa, van lạy các bậc đàn anh:

- Xin cho chúng tôi một chiếc “Black and Dekker”!

Chúng tôi xin được.

Chiếc máy Mỹ được đưa về công xã và được đem ra thử.

Không còn phải là hai chục cái đầu cúi xuống bàn thử nữa, mà trong khắp xưởng là ba trăm trái tim công xã viên lo sợ. Vatsia, mặt tái nhợt, bắt dòng điện, các kỹ sư ngừng thở, và trong tiếng máy chạy vo vo, Ôđariuc bất thần nói tướng lên:

- Đấy nhé, tôi đã bảo mà...

Lúc ấy một tiếng thở dài nhẹ nhõm bốc lên trên công xã và bay lên trời, để lại thay vào chỗ nó những bộ mặt và những nụ cười đắc thắng không ngừng say sưa chuyển động.

- Tima đã nói đúng thật!

Đã từ lâu chúng tôi quên cái ngày hội hộp ấy, bởi đã từ lâu các xưởng của chúng tôi hàng ngày sản xuất năm chục chiếc máy đó và chúng cùng đã hết tóe điện từ lâu, vì rằng nếu Tima đã nói đúng thật, thì cũng lại có một sự thật khác nữa, trong hơi thở của những vi tích phân đại số và trong đầu óc của kỹ sư Gorbunốp:

- Nó không được tóe điện!

Tất cả những cái đó đều đã bị quên bởi vì chúng tôi có những mối lo toan khác và công nghiệp khác.

Năm 1932, ở công xã có người nói:

- Chúng ta sẽ chế tạo những máy Laica!

Người nói câu đó là một nhân viên Tsêka, một người cách mạng và một công nhân, không phải là kỹ sư, cũng không là nhà quang học, cũng chẳng phải là nhà chế tạo máy ảnh. Những anh em Tsêka khác, đều là những người cách mạng và bôn-sê-vich, nói rằng:

- Ừ thì các công xã viên làm máy Laica đi!

Các công xã viên, trong những lúc ấy, cũng không xúc động:

- Máy Laica à, tất nhiên chúng mình sẽ làm những máy Laica!

Nhưng có hàng trăm người, kỹ sư, nhà quang học, trả lời:

- Máy Laica ư? Có thật không! Ha-ha!

Một cuộc chiến đấu mới bắt đầu, một trong những chiến dịch xô-viết vô cùng phức tạp, như kiểu nhiều chiến dịch đã xảy ra những năm qua ở Tò quốc chúng ta. Cuộc chiến đấu ấy tiến hành với hàng ngàn hơi thở, hàng ngàn tư tưởng vỗ cánh lên cao, hàng ngàn cuộc bay trên những phi cơ xô-viết, hàng ngàn bản đồ dạng và lễ thức thăm lặn ở các phòng thí nghiệm, với bụi gạch xây dựng và..., những đợt tấn công liên tiếp, theo đuổi thêm một lần nữa, những cuộc xung phong ráo riết của hàng ngũ công xã viên vào trong các xưởng bị một đợt phá khẩu làm cho lay chuyển. Và ở chung quanh chúng tôi vẫn là những tiếng thở dài hoài nghi ấy, vẫn là những cặp mục kính nhấp nháy ấy:

- Máy Laica à? Bọn nhãi này à? Làm những vật kính chính xác đến một phần nghìn ly à? Hề-hề!

Song năm trăm trẻ nhỏ trai và gái đã băng mình vào thế giới những phần nghìn ly, vào lưới mạng nhện cực tinh tế của những máy tiện chính xác cao độ, vào khu vực vô cùng tinh tế của những sai suất, quang hành sai của hình cầu và những khúc tuyến quang học, chúng cười cợt quay đầu nhìn về phía các nhân viên Tsêka.

- Cứ làm đi, các em, không sợ, các nhân viên Tsêka bảo chúng.

Trong công xã, cái nhà máy nguy nga đẹp đẽ làm máy ảnh F.E.D. [\[249\]](#) đã được mở rộng, bao vây chung quanh là những bồn hoa, đường nhựa, máy phun nước. Các công xã viên mới đây đã đặt lên bàn giấy ông ủy viên nhân dân cái F.E.D. thứ một vạn, một cái máy hoàn hảo và thanh tú.

Rất nhiều việc đã trở thành chuyện quá khứ và rất nhiều chuyện khác đã bị quên đi. Cái thói anh hùng nguyên thủy, tiếng nói lóng của môi trường và những mùi xú uế cũ kỹ khác đều đã mất từ lâu. Mỗi mùa xuân, trường trung học công nông của công xã gửi lên các trường cao đẳng hàng mấy chục sinh viên, mà một số lớn sắp sửa ở các trường đó thi ra; những kỹ sư, thầy thuốc, nhà sử học, địa chất học, phi công, thợ đóng tàu, vô tuyến điện báo viên, giáo viên, diễn viên, nhạc sĩ, ca sĩ tương lai.

Mỗi mùa hạ, nhóm trí thức ưu tú ấy lại đến thăm những anh em công nhân của họ: thợ tiện, thợ chuyên môn các bộ máy chuyển động, thợ khoan lỗ, thợ vẽ dạng bản, và mỗi lần như vậy lại bắt đầu một cuộc hành quân. Cuộc hành quân hàng năm của chúng tôi trở thành một truyền thống mới. Cũng sắp hàng sáu như ngày xưa, đội nhạc và cờ dẫn đầu, các công xã viên đã đi hàng nghìn cây số: qua sông Vonga, bán đảo Crimê, núi Côcador, Mạc-tư-khoa, Ôđetxa, bờ biển Azôp.

Song ở công xã cũng như trong cuộc hành quân mùa hạ, vào những ngày mà “nó tóe” cũng như vào những ngày mà cuộc sống cần lao của công xã viên trải ra như mặt nước bình thản, róc rách tiếng sóng vỗ, rất thường thấy chạy bỏ ra bọc tam cấp một chú oắt đầu tròn, mắt sáng, chìa ngược chiếc kèn lên trời, thổi hiệu lệnh ngắn gọn “họp đội trưởng”. Và cũng y như ngày xưa, các đội trưởng đã ngồi vào những ghế đặt sát tường, bọn tò mò đứng ngấp nghé ở các cửa, lũ trẻ nhỏ ngồi bệt trên mặt sàn. Và cũng vẫn với cái giọng nghiêm túc chầm biểm ấy, viên thư ký của hội đồng đội trưởng bảo cái chú không may đến lượt ra trình:

- Cậu ra đứng giữa phòng kia!... Đứng nghiêm và hãy dốc bầu tâm sự cho xong đi!

Và cũng như ngày xưa, những chuyện ngẫu nhiên khác nhau vẫn cứ xảy ra: có khi những cá tính xù lông dím lên, và thỉnh thoảng, cũng như trong một tổ ong, tập thể vo ve hoảng sợ đổ xô cả đến chỗ bị đe dọa. Và khoa sư phạm vẫn y nguyên là một khoa học gay go và tinh tế.

Song bây giờ đã dễ chịu hơn trước. Cái ngày đầu tiên và xa xôi, rất xa xôi của tôi ở Gorki, đầy những nhục nhã và bất lực, nay tôi thấy hình như chỉ là một bức tranh nhỏ xíu của một toàn cảnh hội hè nhìn qua một khuôn kính chật hẹp. Công tác bây giờ dễ dàng hơn nhiều. Ở nhiều nơi trong Liên bang xô-viết đã thành lập nên cái mạng lưới vững chắc của một sự nghiệp sư phạm nghiêm túc, và Đảng đang ra tay phá hủy nốt những sào huyệt cuối cùng của tuổi trẻ bất hạnh và đòi bại.

Và có lẽ rất gần đây ở nước ta người ta sẽ thôi sáng tác những “bài ca sư phạm”, để viết một cuốn sách đơn giản và thực dụng: “Phương pháp giáo dục cộng sản chủ nghĩa”.

Khackôp, 1925-1935.

HẾT.

SƠ LƯỢC NỘI DUNG
PHẦN THỨ BA

1. Những cái đình

Chuẩn bị đi tiếp quản trại Kujiajê. Nỗi lo ngại về những trẻ mới đến. Kalina Ivanôvich buồn và già lẫn. Kôvan chỉ huy trại trong khi Makarenkô đi vắng, bảo vệ quyền lợi của trại đối với công xã Lunatsacxki được kế thừa điền trang của trại, Ôlia Vônônôva dàn hòa sự tranh chấp giữa Kôvan và Xextêronkô. Ôlia lãnh đạo công xã. Giá trị vốn lao động quá khứ bỏ vào điền trang.

Nỗi buồn của Sêrê vì những tài sản phải để lại.

Ý nghĩ của tác giả về các trại viên hồi đó. Aliôsa Vonkôp rầy la về chuyện dùng đình mới để đóng các hòm. Những cái phiên bực với đình cũ và các đồ vật linh tinh.

Lai lịch, họa tượng và tính cách một số trẻ mới: Ôlec Ôcnep có lẽ là dòng dõi người Normăng; nó tập lao động, đi theo máy gieo hạt, theo bừa – Achadi Ujikôp đã cùng bố dượng đi ngoại quốc theo chính phủ Đênikin, lưu lạc ở Giêrudalem, sau bố để tìm nó về: nó ăn cắp, đái dầm, ai cũng ghét – Vaxia Alexêiep tự tìm đến trại: bố mẹ chết cả, bố dượng lấy vợ khác rồi bỏ rơi cả nó lẫn mẹ nuôi của nó; nó được cả trại yêu mến – Mackơ Sonhaoxơ giả ăn cắp để bị bắt và được gửi tới trại – Vêra Bêrêzôpxkaia gái ăn chơi, do Maria Kônđratiepna can thiệp ở ngoài ga, giao lại cho Makarenkô: cô có mang, ông cho cô đi phá thai.

Nỗi e ngại trước khi đi Kujiajê. Liubôp Xavêliepna Djurinxkaia đến khuyên can nên thôi. Nhưng sáng hôm sau bà cũng đi theo đội đặc biệt tiên phong lên đường.

2. Đội tiền phong

Đội do Vólôkhốp dẫn đầu. Tính cách của hắn VÀ tính cách các trại viên được hắn chọn lựa vào đội: Vichia Bôgôlaplênxki, Michia Jêvêli, Mikhailô (Misa) Ôptsarenkô, Đônít Kutlaty, Epgêniep, Jôra Vonkôp, Kôxchia Vetkôpxki, chín người tất cả. Cùng đi ngoài Liubôp Xavêliepna Djurinxkaia, còn có một giáo viên mới của trại: Ivan Đênitxôvich Kirghizôp; họa tượng và tính cách: người lao động tích cực, đáng là người anh hùng bình thường mà văn học Nga đang tìm kiếm.

Cuộc đón tiếp ở ga Khackôp: Iuriep thích thú ca tụng tác phong của các trại viên Gorki.

Mọi người cùng với Khalabuđa đến Kujiajê. Viên giám đốc trại đi vắng, một giáo viên trực nhật miễn cưỡng đưa mọi người đi thăm trại, trong khi các trại viên đã tự động chạy đi xem các nơi với Đênitxôvich. Những lời phát biểu bức tức và cứng rắn của họ khiến Djurinxkaia lo ngại. Trại viên Kujiajê lẫn mất hết. Nói chuyện với một đứa bé ghẻ lở. Đi thăm mọi nơi và các phòng ngủ. Hỏi chuyện Malikôp Piôtr, một trại viên Kujiajê. Thăm trường học và “nhà Thiếu niên”.

Viên giám đốc ở tỉnh về. Y tiếp Makarenkô và phái đoàn với thái độ khiêu khích. Quyết định hai giờ chiều hôm sau bàn giao: tất cả nhân viên gồm bốn mươi giáo viên. Sẽ phải giải tán và rời khỏi trại nội trong ba ngày. Viên giám đốc hắn học bỏ đi. Phái đoàn giáo dục cũng trở về tỉnh. Sắp đến bữa ăn. Bắt gặp hai đứa trẻ mang xúp, vừa đi vừa ăn vụng.

Tâm trạng bồn chồn của tác giả giữa cảnh trại vô tổ chức. Qua một buồng ngủ, ông bắt gặp và nói chuyện thân thiện với một nhóm bốn đứa trẻ trông dễ ưa: Vania Zaïtsenkô, Malikôp, Tima Ôđariuc, Iliia Fônarenkô. Nỗi bồn chồn càng tăng thêm. Ở giữa sân, Makarenkô gặp một nhóm ba đứa lớn, thái độ rất hỗn xược. Gặp Guliaêva, chị hướng dẫn viên ở xưởng may và là người đảng viên duy nhất ở Kujiajê. Chị mời Makarenkô đến thăm phòng các con gái của trại. Họ kể chuyện cuộc sống thương tâm của họ, họ bị bọn trai bắt nạt ức hiếp đủ điều.

Những ý nghĩ buồn rầu của Makarenkô. Phẫn nộ và quyết tâm cải thiện tình hình tồi tệ của Kujiajê.

Hôm sau, bàn giao xong, Vania Sêlaputin kéo chuông báo hiệu họp toàn trại, nhưng không ai đến họp. Đêm ngủ trên mặt bàn ở câu lạc bộ “nhà Thiếu niên”. Makarenkô nghe các trại viên Gorki mách chuyện về các thói tục ở Kujiajê: bốn mươi buồng ở của giáo viên biến thành bốn mươi cái pháo đài chống trộm cướp, vì họ đã bị các trại viên Kujiajê cũ bẻ khóa lấy cắp hết cả đồ đạc. Giáo viên Lôikin: những chuyện lăng nhăng lố bịch y kể lại.

Bàn cách đối phó với tình hình. Khối lượng công việc cụ thể phải làm. Trước hết các nhà xí. Bác thợ mộc Bôrôvôi đảm nhận việc dựng các nhà xí gỗ. Phái Epgêniep đi mua bốn trăm đôi đĩa và bốn trăm thìa gỗ.

Đội đặc biệt bảy do Zăđôrôp dẫn đầu đến thăm trại đông đủ. Tiếp tục cùng họp bàn, có cả Guliaêva tham dự. Kế hoạch: dọn bữa ăn ngay: trong khi dân Kujiajê ăn, mọi người đến động viên họ đi họp, rồi sau bữa ăn kéo chuông họp liền.

Misa Ôptsarenkô đứng chắn ngang cửa bếp giải thích cho Khôvrak đã bị hắn đánh sưng húp một bên mắt. Makarenkô hỏi, hắn phân trần là hắn chỉ tự vệ trong khi làm phận sự gác cửa bếp, mà thằng kia cầm dao định cứ xông vào. Misa được sự tán đồng của các học viên và của lũ trẻ Kujiajê đứng vây quanh nghe chuyện. Vania Zaïtsenkô thích thú chế giễu Khôvrak và bị thằng này dọa đánh, nhưng Karabanôp can thiệp. Khôvrak muốn hành hung. Makarenkô gọi nó, bắt nó đứng nghiêm và ra lệnh cho nó từ nay không được đánh các trẻ nhỏ. Nó chỉ miễn cưỡng nghe với thái độ ngang bướng, nhưng các trại viên Gorki bắt nó phải chỉnh đốn thái độ. Sau cùng Karabanôp lôi nó đi giải thích riêng.

Vôlôkhôp cho dọn bữa ăn. Ăn xong họp toàn trại, có khá đông trại viên Kujiajê đến dự. Makarenkô nói chuyện và không được chúng chú ý lắng nghe. Kutlaty động viên chúng cũng không có hiệu quả gì. Makarenkô chán nản, nhưng Zăđôrôp, vẫn lạc quan, khuyến khích ông.

4. “Trôi chảy cả”

Các học viên trung học làm công việc thống kê, trong khi Makarenkô cùng Gorkôpxki đi thăm các buồng để tìm hiểu trại viên Kujiajê. Thành phần của chúng. Hình ảnh đứa trẻ vô thừa nhận trong văn chương và trong óc các nhà trí thức trưởng giả. Bác bỏ cái thuyết sai ngoa và lãng mạn về những trẻ lưu manh, vô chính phủ. Kết quả đã đạt được của sự giáo dục xã hội đối với chúng. Tình hình thực tế ở các trại nhi đồng và tâm lý các trẻ nuôi ở những trại ấy. Phân loại những trẻ vô thừa nhận. Ba nhóm, theo lối phân loại của công xã Dzecjinxki. Các trại viên Kujiajê đa số là loại “hạng ba” mà lý lịch đã trải qua nhiều trại, do những biện pháp cải tổ của Ủy ban nhân dân Giáo dục. Tâm lý chúng; những sự sai lầm và mâu thuẫn trong việc giáo dục chúng từ trước đến nay.

Nhóm những đứa “đầu sỏ”, do Kôrôtkôp cầm đầu. Vichia Gorkôpxki kể chuyện rằng Khôvrak, Pêretz, Tsurilô, Pôtnebexny đều ăn cắp nhiều ở trại. Chúng tổ chức những “cún săn” đi ăn cắp hoặc ăn xin về cho chúng ăn chơi trác táng.

Nhóm thứ hai có độ ba chục đứa trẻ như Zaïtsenkô và Malikôp: chúng ủng hộ trại Gorki.

Nhóm “những nhà nông học”, theo lời Vania Zaïtsenkô giới thiệu. Chúng kể chuyện người được Khalabuda ủy quyền và viên giám đốc cũ của trại đã hứa hẹn với chúng như thế nào để chúng cày ruộng và gieo lúa hắc mạch. Makarenkô giải thích cho chúng hiểu mọi lẽ, nhưng Xvatkô cho là ông muốn lừa gạt chúng.

Jôra Vonkôp điễm duyệt những trại viên Kujiajê được bầu làm đội trưởng: Pêtrenkô và Khôvrak (Xpiridôn) cũng được bầu, nhưng chúng không thích thú. Dù sao, tối hôm đó cũng lập được hội đồng đội trưởng, kiểm điễm được số trại viên và dựng được cả một bảng công tác cho ngày mai, Vôlôkhôp và Kutlaty đã sửa chữa các nông cụ, Bôrôvôi đã bắt đầu làm các nhà xí. Nhưng vấn đề Kujiajê vẫn còn là mớ chỉ rối chưa tìm ra đầu mối.

Hôm sau, chuông sớm không đánh thức được một trại viên Kujiajê nào dậy cả, và trừ đội đặc biệt tiền phong của trại Gorki ra, cũng không có ai đi làm các công tác đã chỉ định hết. Bữa ăn sáng ngon lành kéo dài đến mười giờ, trong khi Makarenkô chán ngán nghĩ đến lực lượng hai trăm tám mươi trại viên vô dụng. Đội của Vania Zaïtsenkô không thấy đi làm. Khôvrak cũng không đến lấy xà beng ở kho của Misa Ôptsarenkô cho đội bốn của nó phá tường thành tu viện. Nó tán chuyện với Makarenkô về gái. Nén giận, ông mắng đuổi nó và tìm đến thăm và Vania Zaïtsenkô. Vania mách chuyện tối hôm trước nó bị đánh đau lắm. Makarenkô cho đi tìm bà trợ y sinh đến săn sóc nó. Trong khi ấy, có tin báo một phái đoàn đến tìm ông: đó là Brêgen, Zôia và Klame.

5. Tình ca

Hôm sau điện tín trao đổi với trại Gorki, giục dời trại. Hôm sau nữa, đón toàn thể giáo viên. Nổi vui mừng khi gặp lại nhau.

Tình hình mắc mứu với sở xe lửa khiến Makarenkô phải bỏ Kujiajê trở về trại Gorki để giải quyết. Ý nghĩ của tác giả về phương pháp sư phạm nên áp dụng ở Kujiajê trong những ngày sắp tới: tác động mạnh như thuốc nổ.

Sự mừng rỡ của các trại viên Gorki đón Makarenkô trở về. Niềm xúc cảm của Galatenkô. Tình hình tấp nập vui vẻ ở trại: quần áo mới, chuẩn bị diễn kịch “Bọ chết” liên hoan để từ biệt nông dân địa phương. Sura thu xếp chỗ ngủ cho “bà” và cho Makarenkô. Kôvan mặt sát các viên chức nhà ga.

Lapô và những nhân vật hấn đùa giỡn. Hấn tranh luận với Kôdia về việc cho Guxtôivan làm trợ tế ở nhà thờ, vì hội đồng đội trưởng có thể thay đức cha làm lễ ban phúc lành cho nó. Galatenkô đến tìm hấn, nhờ phân xử chuyện Taranet coi nó như ngựa, đo người nó để đóng chuồng cho nó đứng cùng với con Hào-hấn trên toa xe lửa. Ackadi Ujikôp bị hấn hỏi lại về chuyện ăn cắp tiền bị bắt quả tang. Nitzenkô ngây ngô cũng bị hấn chế giễu.

Sự thản nhiên khinh khoái của các trại viên: họ phóng tâm không nghĩ đến Kujiajê; sức truyền cảm sang Makarenkô. Cảm xúc trữ tình; miêu tả cảnh hồn nhiên thơ mộng của trại, như cảnh sống trong một bản tình ca. Nói chuyện với Kalina Ivanôvich về tuổi già và sự làm việc của những người cộng sản.

Diễn kịch. Nỗi buồn của những cô gái các làng lân cận sắp phải chia tay với các trại viên Gorki. Pêchia từ biệt Marutxia: mối tình chưa sâu nên hấn sung sướng được gọi đi chuẩn bị vai ngựa hấn đóng trong vở kịch. Kalina Ivanôvich cảm động thích thú. Makarenkô ngủ thiếp đi trong ghế bành. Bọn trẻ bàn nhau khiêng ông về phòng.

6. Năm ngày

Hôm sau, Makarenkô trở về Kujiajê. Ủy ban điều tra gồm Brêgen, Klame, Iuriep và viên giám đốc cũ của trại: Đôrôskô ban đêm đi ăn cắp giày, đã bị một tốp trẻ đánh, Ủy ban nghi là các trại viên Gorki đánh, Đôrôskô bảo là không phải, song không chịu nói tên các thủ phạm.

Điều tra riêng của Makarenkô. Phản ứng tức giận của Kirghizôp, Vôlôkhốp, Êkatêrina Grêgoriepna và Liđa đối với Ủy ban. Vania Zaïtsenkô mách Vetkôpxki chuyện đội của Pêtruskô luộc ăn hết cả khoai giống. Bị Makarenkô hỏi về chuyện Đôrôskô, mới đầu nó còn chối là không biết, sau nhận là nó có đánh, để cho thằng kia chưa ăn cắp đi. Nó không nói tên các bạn nó. Makarenkô nghĩ ngợi, rồi bảo nó đi chịu phạt giam.

Hoạt động của đội tiên phong trong năm ngày chờ đợi trại Gorki chuyển sang. Sêrê, Vôlôkhốp, Gôrôvich, Butzai và các đội viên ra sức làm các việc cần kíp. Các trại viên Kujiajê không chịu theo gương, nhưng thái độ bắt đầu có chuyển. Làm xong nhà xí, tu sửa các nhà kho, nhà trường, nhà ở, nhà kính âm, trạm máy điện, ống dẫn nước. Đội mười của Zaïtsenkô chạy sang phe của Makarenkô, đem theo chấy, rận. Liđa và Êkatêrina khe khắt về vấn đề đó, nhưng các chị vẫn ở phòng ngủ các trại viên Kujiajê cả ngày để tìm hiểu tình hình.

Sửa chữa lữ xá của tu viện làm nhà trường, nhưng không phục hồi các phòng ngủ. Trại viên Kujiajê chưa bị khuôn ép vào công tác, nhưng đã phải theo nội quy nghiêm túc: đến phòng ăn đúng giờ, nếu không sẽ mất ăn. Misa Ôptsarenkô vẫn làm đội trưởng trạm tiếp tế. Các chương ngại vật trên đường đi tới phòng ăn. Sự nhanh nhẹn của các đội viên Gorki và đáng bộ suy nghĩ của các trại viên Kujiajê. Những lời đe dọa của các đội viên tiên phong nói đến các trại viên Gorki sắp tới. Khôvrak tỏ vẻ hoài nghi, bị Misa mĩa mai lên lớp cho một chặp.

Pêretz trong nhóm “quý tộc” của Kujiajê. Họa tượng. Cuộc xúc tiếp của Makarenkô với nó. Dụng ý coi thường nó để giáo dục nó. Họa tượng và tính cách một số trẻ khác có thiện cảm với Makarenkô. Bọn con gái lập thành đội sáu, đặc biệt phấn khởi. Tất cả đều chờ đợi trại Gorki. Kôrôtkôp cũng chờ. Các đội viên tiên phong gặp riêng nó, đề nghị nó “cút” đi, nhưng nó không chịu. Nó vẫn lễ phép với Makarenkô và hỏi ông về lệ phạt giam ở trại Gorki.

Điện tín báo tin trại viên Gorki đến. Phản ứng khác nhau của các nhóm trẻ trước tin đó. Đội tiên phong bàn chương trình tiếp đón. Jorka ở ga về, bị bốn đứa đón đánh sung một bên mắt.

7. Số ba trăm bảy mươi ba dư

Sáng ngày 17, Makarenkô đến ga Lubôtin đón các trại viên Gorki. Cảm tưởng so sánh họ như đội quân chủ lực để xuất trận chinh phục Kujiajê. Những xồn xang của các trẻ nuôi Kujiajê từ sáng sớm: Zoren và Nitxinôp nức nở mong đợi.

Chờ tàu 373 dư ở ga. Các học viên trung học công nông cùng tới đó. Tàu đến được một lát rồi mọi người mới biết. Lapô bất thành linh chui ở gầm một toa xe chở hàng ra. Vui mừng hôn nhau, hỏi chuyện đi đường. Makarenkô chạy ra đoàn tàu. Gut mách chuyện Lapô cầm xuống khỏi toa khi hắn chưa cho lệnh, Xinenki trách Gut không đánh thức nó dậy sớm, rồi thổi kèn báo thức. Các trại viên xuống toa vây quanh Makarenkô. Lapô hỏi Taranet trực nhật về các việc phải làm rồi giải tán các trại viên đi rửa mặt và quét dọn các toa xe. Vecsonep và Ôtxatsi khiêng Kôvan còn ngái ngủ đến. Ăn bữa sáng. Sơnhaoxơ báo tin tàu sắp chạy. Makarenkô hỏi nó đã hài lòng về tính khí của mình chưa; trao đổi ý kiến với nó về hạnh phúc chiến đấu cho một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Mọi người lại lên tàu, bốn mươi phút sau đến ga Ryjôp, ở đây đã có Êkatêrina, Liđa, Guliaêva chờ đón. Phải đợi chuyển đoàn tàu sang đường dỡ đồ, nhưng chưa có toa máy đẩy. Con Hảo-hán phá gần vỡ hết toa nhốt nó. Taranet bản chuyện anh em tự đẩy lấy đoàn tàu. Đa số tán thành ý kiến, Makarenkô đành phải ưng cho họ hãy đẩy thử hai thước, ông trưởng ga đến, kinh hoàng chứng kiến việc đẩy thử thành công và vui lòng bảo đảm tín hiệu cho họ đưa đoàn tàu về sân ga. Brêgen, Zôia và Khalabudà đến; thái độ nghiêm khắc của hai bà đối với Makarenkô về việc đó, trong khi Khalabudà thích thú và cảm phục.

Đoàn trại viên điều hành tiến hành về Kujiajê qua các cánh đồng cỏ và thôn Pôtvorki. Cảm tưởng của tác giả về những khó khăn trở ngại trước mắt. Khí thế của các trại viên. Vania Zaïtsenkô nghe tiếng trống của đoàn, chạy ra đón trước và xin nhập vào hàng ngũ cùng về. Đoàn tiến vào sân trại Kujiajê: Gôrôvich đứng trước các hàng trại viên Kujiajê đón chào.

8. Điệu Gôpak

Các trại viên Gorki và Kujiajê đối mặt nhau. Ấn tượng gây nên trong lòng các trại viên Kujiajê do những đội ngũ chỉnh tề của đoàn Gorki. Phân tích các nét mặt của từng nhóm trong bọn chúng. Lời hô hào của Makarenkô và sự chăm chú lắng nghe của chúng.

Đàn lợn vào qua cổng. Brêgen và Zôia mỉa mai đả kích Makarenkô về sự chưa chuẩn bị chỗ ngủ cho các trại viên, trong khi lợn thì đã có chuồng tử tế. Khalabuđa bênh vực ông. Xinenki chạy tới mách chuyện Lapô bảo thôi kèn tập hợp. Va chạm giữa Zôia và Xinenki, Lapô và Kôvan tới bàn với Makarenkô về bản tuyên ngôn của chi bộ Kômxiôn. Va chạm giữa Zôia và Kôvan, khiến Kôvan bức tức bỏ đi lên câu lạc bộ. Lapô trêu chọc Zôia, nhưng Makarenkô cho lệnh thôi kèn tập hợp. Brêgen và Zôia công kích những hiệu kèn; Lapô giải thích.

Quang cảnh các trại viên Gorki và Kujiajê đi lên câu lạc bộ họp. Thành phần hội nghị. Những sự bố trí của Taranet. Jorka và Makarenkô hội trước khi khai mạc. Jorka bắt đầu nói chuyện ứng đáp những ý kiến phát biểu của quần chúng Kujiajê, đắc thắng đẹp được những ý phản đối. Ý nghĩ của tác giả về sự quan trọng của kế hoạch trong đời sống: luôn luôn cần phải có một viễn cảnh trước mắt:

Bản nghị quyết của chi bộ đoàn Kômxiôn; ấn tượng gây nên cho các trại viên Gorki và Kujiajê. Thành phần các đội mới. Lapô giả ngốc nghếch, vờ không thích bản tuyên ngôn, nói chuyện với Kutlaty, Xtecni về việc chấp hành nó.

Jorka đề nghị biểu thuyết. Bản tuyên ngôn được toàn thể hội nghị tán thành. Sự ngạc nhiên vui thích của Makarenkô. Bôrovô đến với cây thủ phong cầm để chào mừng các chủ nhân mới. Zădôrôp nói chuyện với các trại viên. Karabanôp kết thúc câu chuyện và ra lệnh chơi nhạc điệu Gôpak. Karabanôp giới thiệu Natasa Pêtrênkô và cùng cô nhảy điệu Gôpak. Điệu vũ say mê, đẹp mắt, chinh phục quần chúng Kujiajê. Pêretz không cưỡng nổi sức hấp dẫn, cũng xông ra và được cả Karabanôp lẫn Natasa vui vẻ đón tiếp để cùng nhảy. Kôrôtkôp tấm tức buồn. Makarenkô để ý dò xét nó.

9. Biến dạng

Sau cuộc họp toàn trại, các đội tập hợp lại rồi giải tán đi các nơi. Được một lát nghỉ ngơi, Makarenkô lại gần nhóm phụ nữ: Ekaterina Grigoriepna, Lidia và Guliaeva đang chống đỡ những câu hỏi của Zôia và Brêgen.

Các trại viên bận rộn làm các công việc đã quy định: thu dọn các phòng ngủ, Aliôsa Vonkôp nhận các thứ đưa sang buồng tẩy uế lưu động, Dmitri Jêvêli phát quần áo.

Xinenki đến xin phép nổi hiệu kèn họp đội trưởng, theo yêu cầu của Taranet. Brêgen công kích “những tổ chức bề ngoài” ấy. Cuộc trao đổi ý kiến gay gắt về vấn đề đó với Makarenkô.

Đội một của Gut đến chiếm lĩnh trụ lang làm chỗ ngủ. Hắn gọi Xliva và Khleptsenkô – họa tượng – cắt cho việc cọ rửa bậc tam cấp và phái Kacpinxki đi lấy thùng, rồi mời các bà và Makarenkô đi chỗ khác để đội làm công tác tổng vệ sinh. Sau đó đến lượt tông-đơ và dao cạo làm việc.

Quang cảnh trước kho của Jêvêli. Đội tám của Fêđôrenkô với các trại viên Kujiajê cũ thay đổi toilet: cuộc “biến dạng” bắt đầu. Niềm kiêu hãnh của Fêđôrenkô và Ôlec Ôcnep. Makarenkô cảm động ôm hôn chúng. Ông ngạc nhiên vì thấy Kôrôtkôp được Fêđôrenkô đề cao. Nó cũng muốn được “phạt giam” như các trại viên cũ, khi có lỗi. Fêđôrenkô giải thích cho nó nghe về tính thần kỷ luật, khiến Brêgen khó chịu.

Đội mười tám của Vania Zaïtsenkô gồm toàn trẻ nhỏ Kujiajê. Brêgen hỏi về chuyện nó bị đánh đêm trước, Makarenkô trả lời mát mẻ, khiến bà tức giận ra về. Về kiêu hãnh của đội mười tám cố gắng tập theo mọi kiểu cách của trại Gorki. Báo cáo về việc tắm rửa và xin cấp chăn đệm.

Về sung sướng của các trẻ Kujiajê sau khi húi tóc, ngắm mình trong gương. Bọn con gái vui mừng được có quần áo đẹp. Makarenkô sai Pêretz đi đun nước tắm giặt giúp các thiếu nữ. Thiện chí chấp hành mệnh lệnh của nó.

Lập ô họp đội trưởng, nhắc lại khẩu hiệu “nhỏ một bãi, ba ngày cọ sà”. Khalabudâ cũng được bọn trẻ nhỏ mách cho biết khẩu hiệu đó, ông vừa nhắc lại vừa xin xe ngựa đi ra ga trở về Khackôp.

Taranet báo cáo về tính hình chỗ ở của các “nhà nông học”. Makarenkô ra lệnh cho chúng phải tuân theo nghị quyết chung. Sự đầu hàng của chúng.

Cảnh phòng ăn trang trí long trọng, đội kèn, lễ chào cờ. Makarenkô huấn thị và đọc thư của Maxim Gorki viết cho Ủy ban Chấp hành khu Khackôp và thư của Ủy ban trả lời. Ấn tượng trong lòng bọn trẻ Kujiajê. Hát bài Quốc tế ca.

Sự ngạc nhiên của Djurinxkaia và Iuriep trước cảnh “biến dạng” đột ngột của các trại viên Kujiajê.

10. Ở chân núi Ôlanhpơ

Công tác lao động nặng nề ở trại Kujiajê trong tháng năm và tháng sáu. Phân tích những động cơ lao động của con người nói chung. Ý thức tốt của các trại viên Kujiajê muốn gia nhập tập thể trại Gorki, nhưng tác phong làm việc của chúng rất kém. Tác dụng của những biện pháp kỷ luật cưỡng chế. Phong cách và truyền thống. Kỹ thuật sư phạm với giới “Ôlanhpơ sư phạm”. Quan điểm sai lầm của các nhà lý luận trong ngành giáo dục đương thời đối với nhi đồng và vấn đề kỷ luật.

Quan điểm của Makarenkô về kỹ thuật sư phạm, so sánh với kỹ thuật trong các ngành sản xuất thông thường. Đả phá những ý nghĩ mơ hồ về nhi đồng của các nhà sư phạm đương thời. Phân tích tinh thần trách nhiệm, một yếu tố kỹ thuật trong vấn đề giáo dục.

Những lý do của kẻ lười biếng để tránh lao động. Phản ứng của tập thể trại viên đối với Krivôrutskô, một đứa trốn công tác: tấn kịch bí hiểm, long trọng tiếp đón nó ở phòng ăn: Lapô vờ thương hại để giáo dục nó. Đối phó với Khôvrak giả vờ ốm: ban “cấp cứu” của Taranet với cái bể lò rèn của Lêsi.

Câu chuyện trao đổi với một vị giáo sư sư phạm không hiểu thế nào là một đội và tác dụng giáo dục của tập thể.

Vấn đề tiền lương, tiền thưởng.

Vấn đề viễn cảnh: cái vui của ngày mai. Sức mạnh và cái đẹp của con người.

Ảnh hưởng tốt bất ngờ của buổi tối nói chuyện về Gorki đối với các trại viên mới. Kôrôtkôp phát biểu ý kiến, khuyến khích chúng làm việc. Sự thay đổi thái độ của chúng sau khi giác ngộ.

11. Hội ngày mùa

Những công việc tu sửa rộn ràng ở trại trong những ngày cuối tháng năm. Phá tường bao vây tu viện, lấy gạch xây chuồng lợn, rải lối đi, lấp các khe rãnh. Sửa đồi sân, vườn, ngọn đồi. Sự say mê công tác của Sêrê về mọi mặt chăn nuôi và trồng trọt.

Đội vét ao của Karabanôp. Nhặt được vũ khí dưới đáy ao. Các đội viên của “đội hai đặc biệt phi thường” chơi trò làm người da đen. Karabanôp chỉ huy chúng đẩy tàu ván chứa bùn, do ngựa kéo. Trò tấn công các trại viên da trắng mỗi buổi chiều. Một buổi nhảy múa dưới trời mưa. Dân da đen đi chữa cháy khiến dân địa phương sợ hết hồn; giải tán một đám rước vì mê tín chung quanh đám cháy và cứu mọi ông già.

Quan hệ với những con chiên đến nhà thờ và hội đồng nhà thờ. Gợi ý việc di chuyển nhà thờ với vị trưởng lão đại diện hội đồng. Nhà thờ được quét vôi lại. Bọn trẻ vào thăm nhà thờ. Một giáo sĩ đến phàn nàn vì chúng làm phiền họ trong khi làm lễ. Thái độ của Guxtôivan đối với nhà thờ.

Giữa tháng sáu, trại có điện, nước máy, và các trại viên dọn vào ở các phòng ngủ được tu sửa sạch sẽ với giường đệm đẹp đẽ. Thiếu một vạn rúp mua chăn mới. Lapô vận động Khalabudă về chuyện đó.

Một buổi tối, Khalabudă vui vẻ đến trại và duyệt các đội ngũ trại viên trong giờ tập thể dục. Cảm động vì tình hình chung của trại, ông tuyên bố sẽ cho chăn và được các trại viên nhiệt liệt hoan hô, tung ông lên trời. Taranet trả lời lại các đồ vật trong túi ông, mà hắn đã “thu cất” cho khỏi rơi mất.

Hôm sau, Khalabudă cãi lời và Makarenkô bị ông cự tuyệt. Nổi tức giận của các trại viên trước sự bội ước đó. Nghị quyết của Ủy ban trọng tài xử Khalabudă phải trả tiền nhưng viên quản lý của ông không chịu thi hành. Hội đồng đội trưởng quyết định thưa lên ông chủ tịch Ủy ban chấp hành Ukren. Viên thừa phái lại làm sai áp chi phó đối với tồn khoản của Ủy ban bảo vệ nhi đồng. Giải pháp của đồng chí cao cấp khiến Khalabudă phải ký séc một vạn rúp mua chăn.

Ngày 5 tháng 7 cử hành Hội ngày mùa. Quang cảnh trại đã được tu sửa. Công việc chuẩn bị ngày hội, các khẩu hiệu, các tay kèn (Xinenki và Xaitsenkô), ban đón tiếp, các tân khách. Khalabudă lại được các trại viên tung lên hoan hô. Ông cho họ một chiếc máy kéo.

Các trại viên dẫn khách đi thăm trại. Đúng trưa, hội bắt đầu. Tập hợp. Các trại viên sắp hàng chỉnh tề trước sự thán phục của các tân khách. Lễ chào cờ. Đội đặc biệt tám gặt bó lúa đầu tiên ra mắt, do Burun dẫn đầu: mười sáu tay hái, mười sáu cô bó lúa, hai máy gặt, những bờ cào ngựa kéo, xe tưới nước, xe thập tự. Nghi lễ giao nhiệm vụ cho. Đội xuất phát với toàn trại và các tân khách. Khalabudă được mời vào làm một tay hái.

Đến ruộng nghi lễ trước cờ: Burun phạt lúa, Natasa bó lại, Burun trao bó lúa cho Zoren, trại viên nhỏ tuổi nhất, và nói những lời dặn dò theo truyền thống. Zoren đáp lại, rồi bó lúa được theo cờ tới sườn bên phải. Mười bảy tay hái phạt lúa vòng quanh ruộng, sửa soạn lối đi cho xe máy gặt. Hai chiếc máy gặt đã được chuẩn bị cẩn thận từ trước và làm việc tốt. Burun hô lệnh cho các trại viên xuống ruộng bó lúa theo xe máy. Sự hăng hái và vui sướng của chúng trong công tác khiến các tân khách cảm động. Khalabudă trao đôi cảm tưởng với Brêgen, Iuriep và đồng chí “mặt mày nhăn nhui”.

Tập hợp ra ruộng đánh đồng lúa xong, mọi người trở về dự tiệc. Các trò chơi liên hoan kéo dài cho đến tối, kết thúc bằng một màn kịch thần tiên và cuộc đốt pháo hoa ở bờ ao. Khi tân khách ra về, đồng chí cao cấp trong buổi khuyến khích Makarenkô nên giữ vững đường lối của trại.

12. Cuộc sống tiếp tục

Ngày tháng qua. Trại mở mang thêm về mọi mặt. Xưởng mộc sản xuất thành công những đồ ong kiểu Đădăng và đóng đồ gỗ. Xưởng làm gỗ sắc bị thất bại.

Công tác văn hóa tiến triển mạnh. Trại có thêm một giáo viên, Vaxili Nikôlaiêvich Peexki: họa tượng và tính cách. Anh ta tổ chức câu lạc bộ rất giỏi.

Trại mua thêm nhiều sách. Đội nhạc khiến mọi người cảm phục. Chiều bóng thu hút các con chiên của nhà thờ.

Vêra Bêrêrôpxkaia trở lại lảng lơ. Ý nghĩ của tác giả về những sự khó khăn trong việc cải tạo những con gái sớm hư hỏng. Gian díu ám muội với các trại viên không có lợi, có hẹn họ đi lại với Xinxextôp, một điện báo viên trẻ tuổi ở Ryjôp. Lapô cảnh cáo Xinxextôp.

Một buổi tối Vêra nói chuyện với Makarenkô, xin giấy đi phá thai lần nữa, nhưng ông không cho. Cô dằn dỗi và bốn hôm sau lại nằn nì xin, nhưng ông vẫn cương quyết không nhượng bộ.

Thái độ tốt của các trại viên đối với Vêra. Hội đồng đội trưởng đưa Xinxextôp ra xét xử. Ý nhận lời lấy Vêra, nhưng chính Vêra lại không muốn. Makarenkô gạn hỏi và không ép uống cô, nhưng vẫn kiên quyết không cho cô đi mổ lấy thai, như cô nài xin. Vêra dọa sẽ tự tử. Ý nghĩ của tác giả về ái tình. Ông kiên trì thuyết phục Vêra và tư tưởng cô dần dần biến chuyển tốt. Cả trại tích cực giúp đỡ cô, chuẩn bị cho cô làm mẹ. Xinxextôp lại tới trại.

Các khách nước ngoài đến tham quan trại. Makarenkô đồng ý cho họ nói chuyện với các trại viên, với điều kiện là họ không được hỏi gì về quá khứ các trẻ nuôi.

Một nhóm trại viên nữa lên trường trung học công nông. Mùa xuân trở lại, với cuộc sinh hoạt bình thường sôi nổi. Giênia Juôcbina, em gái nhỏ, ngạc nhiên trước mọi sự vật quanh mình.

Lễ Phục sinh. Đội trưởng trực nhật can thiệp vào việc kéo chuông náo loạn ở nhà thờ. Đấu khẩu với các hội viên hội đồng nhà thờ. Phòng thuốc của trại chữa cho họ, sau khi họ say rượu đâm chém lẫn nhau.

Sau lễ Phục sinh, Makarenkô được mời đi thăm nhà mới xây cho trại Dzecjinxki.

Tháng chín. Vêra đẻ một đứa con trai. Makarenkô cự tuyệt nữ đồng chí Zôia đến chắt vắn về việc đó. Vêra được việc làm ở phòng kế toán của trại và trở nên một người mẹ tốt.

Gặt hái xong, mọi việc đều tiến hành tốt đẹp. Sự ngạc nhiên của Giênia Juôcbina trước cảnh tuyết đầu mùa phủ kín sân trại.

13. “Hãy giúp đỡ thằng bé đó”

Về tiện nghi tráng lệ của các ngôi nhà xây dựng cho công xã Dzecjinxki. Trại Gorki được ủy nhiệm chuẩn bị việc khai trương công xã. Các đồng chí Tsêka với lý luận sư phạm. Việc chỉ định năm mươi trẻ Gorki chuyển sang công xã. Chúng buồn sắp phải chia tay với các bạn.

Quan hệ ngày càng gay go giữa tác giả và các “giới tư tưởng gia sư phạm”. Trại đến Kháckốp chào hội nghị “Những người bạn của nhi đồng”. Một bà trí thức ra tiếp, nói chuyện giọng khinh miệt với Makarenkô, giả bộ ve vuốt bọn trẻ nhỏ và bị chúng cười giễu.

Sang tháng mười xảy ra chuyện Ujikôp ăn cắp tiền của các học viên trung học công nông về chơi trại ngày chủ nhật. Phân tích những tác hại của sự ăn cắp trong một tập thể đoàn kết chặt chẽ. Ujikôp bị đưa ra xử trước tòa án các đồng chí gồm năm thẩm phán viên nhất trí được bầu ra; Brêgen và Djurinxkaia cũng dự phiên xử án. Tính cách của Ujikôp trong quá trình cải biến ở trại. Các nhân chứng phê phán kịch liệt. Brêgen xin phát biểu ý kiến và hùng hồn can thiệp chống đỡ cho Ujikôp. Ý nghĩ của tác giả về phương pháp giáo dục của ông. Tòa án các đồng chí tẩy chay Ujikôp trong một tháng. Bản án được Makarenkô phê chuẩn trước sự bất bình của Brêgen, trong khi Djurinxkaia tỏ ra am hiểu hơn.

Thái độ của các trại viên chấp hành bản án. Diễn biến tư tưởng của Ujikôp. Nó xin phép nói với Makarenkô, nhưng ông không đồng ý. Thái độ nghiêm túc của nó đối với lao động. Giữa cuộc thử thách, nữ đồng chí Zôia đến can thiệp, nhưng Jêvêli không cho phép bà nói chuyện với Ujikôp.

Hôm sau, Natasa Pêtrenkô đề nghị tha cho Ujikôp và được hội nghị toàn trại tán thành. Ujikôp cảm động khóc.

Khánh thành công xã Dzecjinxki. Quan hệ đẹp đẽ giữa các công xã viên và các đồng chí Tsêka sáng lập công xã. Makarenkô mặc nhiên làm giám đốc công xã.

Trại Gorki lấy thêm năm mươi trẻ mới và vững vàng tiến tới. Viễn cảnh đẹp đẽ. Tin Gorki trở về Liên bang.

14. Phần thưởng

Thời kỳ từ tháng 12-1927 đến tháng 7-1928. Công xã Dzecjinxki phát triển tới một trăm năm mươi công xã viên. Phong cách chung và uy tín của công xã. Quan hệ xã hội của các trại viên Gorki và công xã viên Dzecjinxki ngày càng mở rộng. Tình cảm của tác giả gắn bó với trại nhiều hơn là với công xã, song công xã khiến ông bận tâm lo xây dựng nhiều hơn.

Tập thể các nhân viên Tsêka. Họ thể hiện cái mẫu người mà Makarenkô mơ ước đào tạo: những người bôn-sê-vich chân chính.

Những khó khăn buổi đầu của công xã để tự túc về mặt kinh tế. Họa tượng và tính cách của Xô-lômôn Bôritxôvich Kôgan, nhân viên mới của công xã. Óc thực tiễn và tài tháo vát của bác. Xây dựng xưởng lắp ghép của công xã với tiền xây nhà kho gửi đồ đạc làm của Học viện Kiến trúc. Sử dụng chuồng ngựa để làm lò đúc. Sự hoạt động không mệt mỏi của Kôgan. Các xưởng sản xuất các dụng cụ linh tinh và sự phân công triệt để trong công tác. Chế độ tiền lương và vấn đề sự phạm. Những lợi tức kinh doanh quan trọng của công xã và sự cải thiện đời sống của các công xã viên. Mơ ước có một nhà máy thật sự.

Quan hệ mật thiết giữa trại và công xã. Những ngày trại viên và công xã viên gặp gỡ nhau: ấn tượng gây nên cho công chúng khi các trại viên đi qua thành phố; nghi lễ chào nhau khi hai bên giáp mặt; liên hoan buổi tối ở trại.

Chuẩn bị đón tiếp Gorki: ông hẹn sang tháng bảy sẽ đến trại ở ba ngày. Tình cảm của các trại viên đối với ông.

Báo cáo trước các nhà sư phạm của Ủy ban Giáo dục Ukren: Tsaikin phê bình nghiêm khắc phương pháp giáo dục của Makarenkô. Ông cứng rắn trả lời. Hội nghị bác bỏ ý kiến của ông. Ý quyết định của Makarenkô thanh toán tập thể của trại, ông đưa đơn từ chức giám đốc trại Gorki và thu xếp cho các trại viên cũ có công tác trong các nhà máy ở Khackôp. Tuy nhiên ông được cái phần thưởng tinh thần quý giá thấy trại vẫn tiếp tục sống theo nền nếp ông đã xây dựng.

Ngày hội lớn đón mừng Gorki. Quang cảnh của trại khi Gorki tới.

15. Chung cục

Bảy năm qua. Nhớ lại buổi tiễn chân Gorki ở sân nhà ga, cũng là buổi Makarenkô giao cho Juôcbin tờ công lệnh thay ông quản đốc trại Gorki. Từ đấy ông không trở lại Kujiajê nữa.

Điềm sơ qua những thành công trong bảy năm ấy của một số trại viên Gorki cũ đã ra đời: những người mà tác giả gặp lại và những người bị mất hút.

Sự trưởng thành của công xã Dzecjinxki trong bảy năm đó. Năm 1931, xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo đồ dùng điện. Thử chiếc máy mài FD-3 thứ nhất; nổi thất vọng thấy nó còn “tóa điện”. Tháo máy ra, tính toán, sửa chữa rồi thử lại: kết quả vẫn thế. Nhưng Tima Ôđariuc nói chắc rằng máy của Mỹ cũng tóa điện. Dem máy của Mỹ ở Mạc-tư-khoa đem về thử mới thấy là Tima nói đúng. Cái ngày của kỹ thuật ấu trĩ đó cũng đã bị quên và kỹ sư trưởng Gorbunôp đã từ lâu làm cho các máy khoét mài không “tóa điện” nữa.

Năm 1932, một nhân viên Tsêka nảy ra ý kiến làm máy ảnh Laica. Thái độ hoài nghi của các kỹ sư và nhà quang học. Sự kiên trì của các công xã viên đã chiến thắng mọi khó khăn và sau cùng nhà máy F. E. D. của công xã sản xuất đều những máy F.E.D. tinh xảo (máy Laica xô-viết).

Truyền thống mới: cuộc hành quân mỗi mùa hạ của các công xã viên Dzecjinxki đi thăm các anh em công nhân ở khắp nơi trên đất nước. Nếp sống kỷ luật ở công xã vẫn duy trì như cũ, với những buổi họp của hội đồng đội trưởng.

Công tác giáo dục đã dễ dàng hơn trước, phạm vi giáo dục cũng rộng lớn hơn và đi vào nền nếp hơn trước nhiều. Trên đất nước xô-viết không còn những sào huyệt của tuổi trẻ bất hạnh và hư hỏng nữa. Phương pháp giáo dục cộng sản chủ nghĩa đã thành hình.

TÁC PHẨM CỦA MAKARENKÔ

Năm 1949, Viện Hàn lâm Khoa học Sư phạm ở Mạc-tư-khoa sau khi long trọng kỷ niệm lần thứ mười ngày Makarenkô tạ thế, đã quyết định xuất bản toàn tập những tác phẩm của ông. Bộ toàn tập này gồm bảy quyển, đã được xuất bản trong những năm 1950-1952, và tái bản năm 1957.

QUYỂN I: *Bài ca sư phạm*, tác phẩm gồm 61 chương và 766 trang (bản dịch Pháp văn của Jean Champenois gồm 806 trang). Theo ý kiến của Gorki, Makarenkô thu tập những điều ông chiêm nghiệm hàng ngày và viết trong mười năm (1925-1935), mô tả trại lao động Gorki. Quyển này còn gồm một số tài liệu lý luận khái quát về đề cương sư phạm của ông:

- *Những nguyện vọng khiêm tốn của chúng tôi;*
- *Nhà giáo dục;*
- *Thời hạn của một tập thể sư phạm;*
- *Nhân vật điển hình và nhân vật nguyên hình của Bài ca sư phạm của tôi;*
- *Ảnh chụp tham khảo,*

Quyển II: *Tiến hành khúc năm 1937*, tiểu thuyết ngắn mô tả công xã F. E. Dzecjinxki. Cái tên này có tính cách biểu tượng theo lời Makarenkô giải thích, vì cuộc sống của công xã được miêu tả trong bước tiến lên của nó sau một cuộc thí nghiệm đặc biệt thành công năm 1930, nhân một kỳ nghỉ hè ở Yanta. Trong sách Makarenkô trình bày những nguyên tắc mới của phương pháp sư phạm của ông và nói nhiều đến việc tổ chức đời sống chung và những kỹ thuật giáo dục tập thể.

- *FD*: tiểu thuyết ngắn về những năm 1931-1932 và mô tả thời kỳ công xã Dzecjinxki lập được một nhà máy chế tạo máy ảnh, mà chiếc máy ảnh đầu tiên mang tên FD (Fêlix Dzecjinxki).

- *Điệu vui* (1). kịch viết năm 1932-1933, cũng nói về thời kỳ đó của đời sống của trại với giọng lạc quan, theo điệu vui (trường âm điệu), là điệu Makarenkô rất thích.

- *Tài liệu về kỷ niệm năm năm thành lập công xã Dzecjinxki:*

- *Các nhà sư phạm nhún vai*: Makarenkô kể lại những chuyện tranh chấp của ông với giới sư phạm thủ cựu đương thời.

- *Ta hãy giở trang*: tóm tắt những sự việc chính trong những năm 1927-1932 của đời sống của công xã.

- *Một ngày ở công xã*: nêu chi tiết một ngày trong đời sống của công xã.

- *Ngày mùng một tháng mười năm 1932*: kế hoạch cả ngày, ghi chú trong sổ tay các giáo viên, báo cáo linh tinh, tường thuật các cuộc họp.

- *Hiến chế của công xã*: vạch rõ những truyền thống của đời sống chung.

- *Chứng thư của những học sinh ra trại*: hướng dẫn 44 học sinh lên trường Đại học và các trường cao học.

- *Ảnh chụp tham khảo,*

QUYỂN III: *Những ngọn cờ trên tháp*: (1938), tiểu thuyết dành riêng cho việc nghiên cứu sự biến cải tính cách trong đời sống tập thể, như đã được thực hiện ở công xã Dzecjinxki.

- *Những cuộc thảo luận chung quanh tác phẩm đó.*

- *Trả lời các bạn đọc.*

- *Thư từ gửi những nhà phê bình,*

QUYÊN IV: *Cuốn sách của những người làm cha mẹ*: một thiên luận bắt đầu viết năm 1936 và bị bỏ dở. Makarenkô chia làm bốn phần: 1) Tập thể gia đình; 2) Giáo dục đạo đức và chính trị trong gia đình, quan hệ với nhà trường; 3) Giáo dục lao động và việc chọn nghề; 4) Nuôi dạy trẻ thế nào cho nó trở thành một người sung sướng.

Trong phần thứ nhất, tác giả phân tích những nguyên do của tính nết và muốn đưa dẫn những người làm cha mẹ đến chỗ nhận thức một số vấn đề sư phạm. Phần này, xuất bản khi sinh thời tác giả, là khởi điểm của nhiều bài nghiên cứu lý luận và nhiều cuộc nói chuyện về sự giáo dục ở gia đình.

- *Những bài nói về việc giáo dục con trẻ*, những bài nói ở đài phát thanh Mạc-tư-khoa năm 1937, về những điều kiện chung của việc giáo dục trong gia đình, đăng năm 1940 trong *Báo cáo người giáo viên và tin tức*:

- *Uy tín của cha mẹ.*
- *Kỷ luật.*
- *Trò chơi.*
- *Kinh tế gia đình.*
- *Giáo dục trong lao động.*
- *Giáo dục vì nam nữ tính.*
- *Giáo dục những tập quán văn hóa.*
- *Tham luận vì những vấn đề sư phạm ở gia đình:*
- *Nói chuyện với các bạn đọc (1938),*
- *Về cuốn sách của những người làm cha mẹ (1938).*
- *Gia đình và việc giáo dục con cái (1938),*
- *Việc giáo dục ở gia đình và ở nhà trường (1939).*

QUYÊN V: *Phương pháp học của việc tổ chức quá trình (1935-1936)*

- *Những bài nói về việc giáo dục ở nhà trường:*
- *Những phương pháp giáo dục (10-1-1938).*
- *Kỷ luật, chế độ, thưởng và phạt (14-1-1938).*
- *Phương pháp sư phạm về sự gần gũi cá nhân (15-1-1938)*
- *Giáo dục trong lao động. Những quan hệ, phong cách và phong điệu của tập thể (20-1-1938),*
- *Vài suy luận từ một kinh nghiệm sư phạm;*
- *Vài suy luận từ kinh nghiệm tư phạm của tôi (1938).*
- *Kinh nghiệm của tôi (1038).*
- *Quan điểm sư phạm của tôi (1938).*
- *Nhân vật kinh nghiệm lao động (1939).*
- *Những bài báo và tham luận về các vấn đề chung trong việc giáo dục.*
- *Một công trình đẹp đẽ (1936).*
- *Mục đích của giáo dục (1937).*
- *Tác phẩm văn học về việc giáo dục nhi đồng (1937).*
- *Bước sang năm thứ ba mươi (1937).*

- *Chọn nghề (1937).*
- *Giáo dục tính khí ở nhà trường (1938).*
- *Ý chí, dũng cảm, lý do hành động (1939).*
- *Đạo đức cộng sản chủ nghĩa (1939).*
- *Giáo dục và lối cư xử cộng sản chủ nghĩa (1939).*

Phụ lục:

- *Kinh nghiệm những phương pháp lao động ở một trại nhi đồng (1931-1932).*
- *Tổ chức giáo dục ở Liên-xô (1935).*
- *Những vấn đề giáo dục xô-viết ở nhà trường (1938).*

QUYỀN VI:

- *Danh dự, tiểu thuyết ngắn (1937-1938).*
- *Một tính cách chân chính, lược thảo kịch bản (1938).*
- *Sứ mệnh, lược thảo kịch bản (1938-1939).*

Phụ lục:

- *Chống tâm thường (1938).*
- *Bình luận về “Danh dự” (1938).*

QUYỀN VII:

- *Những bài báo và ký chú.*
- *Truyện ngắn và truyện kể.*
- *Về lao động sáng tạo của các nhà văn.*
- *Về văn học cho thiếu nhi.*
- *Phê bình văn học.*
- *Những bài báo và bài nói về vấn đề sư phạm.*
- *Thư từ giữa Gorki và Makarenkô.*

Phụ lục:

- *Những đoạn văn viết dở dang và chưa xuất bản.*
- *Những danh mục sách tham khảo.*

GHI CHÚ: Phụ lục của bản dịch này do người dịch viết; riêng phần “Tác phẩm của Makarenkô” dựa vào những tài liệu của Iren Lêzin (Sách đã dẫn) và có tham khảo Makarenkô toàn tập, quyển I: Giáo dục thi thiên của Hứa Lỗi Nhiên dịch (Nhân dân giáo dục xuất bản xã, Bắc kinh, 1959).

HẾT.

[\[1\]](#) Trích báo *Văn nghệ*, số 26, tháng 7-1959, trang 19.

[\[2\]](#) Thiệu Huy dịch, xuất bản năm 1959

[\[3\]](#) Phan Thị Miên và Đỗ Đức Hiếu dịch, xuất bản năm 1960

[\[4\]](#) Henri Walông (Henri WALLON), tựa cho cuốn A.X. *Makarenkô nhà sư phạm xô-viết (1888-1939)* của Iren Lêzin Iréne LÉZINE), Pháp quốc Đại học ấn cục xuất bản, Pari, 1954

[\[5\]](#) S. O. Mêlich NUBARÔP, *Lịch sử Văn học xô-viết*, tập II, tr. 44, 47, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1956

[\[6\]](#) Iren Lêzin: sách đã dẫn, tr. 23

[\[7\]](#) Iren Lêzin: sách đã dẫn, tr. 23

[\[8\]](#) Đám cưới của Ôlia, một nữ trại viên

[\[9\]](#) Olympe pédagogique: Ôlanhơ là tên nhiều ngọn núi của nước cổ Hy-lạp, nổi tiếng nhất là ngọn ở giữa hai xứ Maxêđoan và Thetxali, cao 2.885 m. Theo thần thoại Hy-lạp, đó là nơi ở của các vị thiên thần. Makarenkô dùng danh hiệu “Ôlanhơ sư phạm” (có thể dịch cho xuôi là: Thượng giới sư phạm) để chỉ những nhà bác học giả ngụy tự coi mình như những thần thánh về khoa sư phạm, mà ông mô tả với một ngòi bút châm biếm rất ý nhị trong Bài ca sư phạm, đặc biệt ở tập III, chương 10

[\[10\]](#) Theo Iren Lêxin, thì là ngày 1 tháng 3

[^{\[1\]}](#) Yếu lược Lịch sử Đảng Cộng sản (bôn-sê-vich) Liên-xô, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1949, trang 112 (*chú thích của tác giả*)

[\[12\]](#) Nitso (Nietzsche): nhà triết học Đức (1844-1900)

[\[13\]](#) Dặm Nga (verste): 1,067 cây số.

[\[15\]](#) Văng đan (Vandales): tên một dân tộc nhật-nhĩ-man thời cổ, năm 445 gây chiến tranh tàn khốc, xâm lược La-mã, phá hoại rất nhiều những công trình văn hóa nghệ thuật.

[\[17\]](#) Họa sĩ Nga (1856-1910), đã vẽ bức danh họa thần mục đồng “Păng”, năm 1899. Thần mục đồng “Păng”, trong thần thoại Hy Lạp, là vị thần điền dã của các mục đồng, đầu có sừng, mình nửa người nửa dê. (*Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên*)

[\[18\]](#) Keksholm: tên một thành phố vùng Leningrat.

[\[19\]](#) Pút: đơn vị trọng lượng Nga, bằng 16,380 kg.

[\[20\]](#) Hiệp sĩ nổi tiếng và được nhân dân yêu mến nhất trong truyền thuyết dân gian nước Nga. Ông tượng trưng sức khỏe vô địch và có đạo đức cao quý của dân tộc ông. *(Chú thích của bản dịch Pháp)*

[\[21\]](#) Tướng cướp Họa-mi: trong truyền thuyết dân gian Nga, tượng trưng sức mạnh ác hại. Nhân vật bí hiểm, khi lấy hình người, khi là thân người cánh chim, sau cùng bị Ilia Murômet đánh thua và giết chết.

^[22] Kii, Chtchek và Khoriv là những cư dân đầu tiên của thành Kiep (Kiev). Về sau Kii trở thành vị công tước thứ nhất của thành Kiep, do đó thành mới lấy tên ông ta mà đặt: ở đây, ý nói kiểu đèn dầu đã cổ lắm. (*Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên*)

[\[23\]](#) Wrangel (1879-1928): tướng Bạch vệ trong thời kỳ nội chiến, thay Đênikin cầm đầu bọn phản cách mạng ở miền Nam nước Nga. Bị Hồng quân đánh thua tháng 11 năm 1920, phải rút tàn quân trốn ở Cônxtantinôp, sau chết ở Bruyxen năm 1928.

[\[24\]](#) Đây là nói sau Cách mạng tháng Mười, bọn địa chủ Ba-lan được các nước đồng minh can thiệp ủng hộ, đã tấn công đất nước Xô-viết.

[\[25\]](#) Lam và vàng là màu cờ của chính phủ Petliura. Trong thời kỳ nội chiến và nước ngoài vũ trang can thiệp ở nước Nga, y là kẻ cầm đầu phong trào phản cách mạng, có tính cách tư sản và dân tộc chủ nghĩa, thành lập chính quyền tàn bạo phản nhân dân tại Ukren. Sau bị Hồng quân đánh tan. Năm 1926 bị ám sát tại Pari.

[\[26\]](#) Sau năm 1920, Makarenkô đã phân tích phê phán những luận cứ của khoa sư phạm tư sản. Sau khi Bài ca sư phạm đã ra đời, cuộc phê phán ấy có khi bị coi như là sự “phủ nhận lý thuyết” nói chung. Trong cuốn Những ngọn cờ trên tháp Makarenkô đã viết về vấn đề đó như sau: “Ồ đó có hàng đồng những sự già nua và óc già nua không chịu chết yên ổn đi cho, nó sù lông dím lên, nó lặn ra ngang đường, nó khoác những quần áo mới và ngôn từ mới... nó lại còn viết được cả những bài báo nữa, trong đó nó đứng ra làm kẻ biện hộ cho nền “sư phạm xô-viết”. (*Chú thích của bản dịch Pháp*).

[\[27\]](#) Kiểu lò sưởi di chuyển được và có thể lắp vào trong một lò sưởi thường.

[\[28\]](#) Vở kịch thơ “Rutxanka” (tiên nữ nửa người nửa cá) của Puskin, miêu tả một cô gái con một ông lão xay bột cùng khổ, vì yêu một gã công tước mà bị lừa, bèn nhảy xuống sông trầm mình. Vở kịch đó sau được phổ thành nhạc kịch (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên).

^[29] Bảng (livre) là đơn vị trọng lượng cũ, giá trị không nhất định, thường bị dùng một cách vô lý để gọi nửa kilo.

[\[30\]](#) Ở nước Nga ngày trước, nông dân nạp muối vào súng thay đạn thực để bắt kẻ trộm, đạn muối xuyên vào da thịt khiến kẻ bị đạn đau xót khổ sở vô cùng. (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)

[\[31\]](#) Tổng thống thứ 25 của nước Mỹ, nhiệm kỳ từ 1897 đến 1901 (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)

[\[32\]](#) Một đêxiatin bằng 10.925 thước vuông.

[\[33\]](#) Đênikin là một trong những tướng lĩnh chủ yếu của quân Bạch vệ trong thời nội chiến Nga. Năm 1917, y thống lĩnh những đạo quân vùng tây nam. Bị Hồng quân bắt, y vượt ngục, chỉ huy “đạo quân tình nguyện” chống lại chính quyền Xô – viết, đạt được ít nhiều thắng lợi ở Ukren, nhưng sau cùng bị đánh bại năm 1920.

^[34] Pêrêkôp: eo đất nối liền bán đảo Crimê (Crimée) với lục địa, là nơi Hồng quân, năm 1920, đã tiêu diệt quân Bạch vệ của Wrangen.

[\[36\]](#) Xe bốn bánh bằng gỗ, hai bánh trước nhỏ hơn hai bánh sau, ghế dài đặt ngang trên xe.

[\[37\]](#) Đâu lĩnh người Côđắc, khi họ còn độc lập. Đây chỉ bọn thổ phi.

[\[38\]](#) Một mục đàn bà đã chiến đấu trong hàng ngũ thổ phi của Maknô

^[39] Một danh tướng cô dắc, chết năm 1380

[\[40\]](#) Pháp văn: như một con công.

[\[41\]](#) Pháp văn: giá bảo cầm kẹp mà gấp các trại viên cũng ngại.

[\[42\]](#) Mamine Sibiriak (1852-1912): nhà văn Nga, nổi tiếng về những tác phẩm miêu tả đời sống ở Uran và Xibêri (*Chủ thích của Hư Lỗi Nhiên*)

[\[43\]](#) Véressaev (1867-1945): nhà tiểu thuyết Nga, nghiên cứu các tác gia, viết truyện ký và dịch Iliat của Hôme (*Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên*)

[\[44\]](#) Makar Tchouda: truyện ngắn của Gorki.

[\[45\]](#) Ignat Gordéiev: một nhân vật trong tiểu thuyết Tôma Gorrêiev của Gorki.

[\[46\]](#) Truyện ngắn của Gorki.

[\[47\]](#) Có người dịch là “Thời đi ở” hay “Vào đời”

[\[48\]](#) Zădârốp chơi chữ: chữ Korolenko gần giống với chữ *Korolek* trong tiếng Ukren, và chữ này có nghĩa là một người bé nhỏ, một ông vua nước nhỏ (*Chú thích của bản dịch Pháp*).

[\[49\]](#) Một điệu vũ dân gian Ukren.

[\[50\]](#) Xe nhẹ hai bánh.

[\[51\]](#) Xe cao bốn bánh, nhẹ, không mui, có hai ghế song song cho bốn người ngồi quay mặt ra đằng trước.

[\[52\]](#) Theo sự mê tín lâu đời trong dân gian, xác chim sáo xua đuổi ma quái làm hại ngựa. (*Chú thích của bản dịch Pháp*)

[\[53\]](#) Một thứ xe ngựa nhẹ, bốn bánh.

[\[54\]](#) Pháp văn: *youpin*, cũng như chữ *youtre* dưới đây, đều là tiếng lái khinh bỉ chỉ người Do-thái. Tạm dịch bằng một chữ xấu nghĩa, đồng âm với chữ do (thái) như trên.

[55] Pestalôzzi: (1746-1827), nhà giáo dục Thụy-sĩ nổi tiếng, đã xúc tiến việc phát triển những quốc dân học hiệu, thí nghiệm kết hợp lao động sản xuất với giáo dục.

Rutxô (1712-1778), nhà triết học và nhà tư tưởng cách mạng tiểu tư sản của nước Pháp. Trong tác phẩm Emilơ, ông đã trình bày quan điểm giáo dục của ông.

Natorp (1854-1924): nhà triết học và nhà giáo dục tư sản của nước Đức, kẻ thù của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Blônxi (1884-1941), nhà giáo dục Nga, nghiên cứu vấn đề giáo dục từ mấy năm đầu trước và sau Cách mạng tháng Mười, viết cuốn Nhà trường lao động. Ông chịu ảnh hưởng rất sâu của khoa giáo dục tiểu tư sản phương Tây. Sau công khai chuyển sang tuyên truyền cái khoa học giả ngụy “nhi đồng học”. Makarenkô đưa ra những tên đó để vạch rõ tính cách phi khoa học của khoa giáo dục học tư sản (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)

[\[56\]](#) Pháp văn: những Tactuffơ. Tên một nhân vật giả đạo đức trong vở hài kịch Tactuffơ của Môle.

[\[57\]](#) Pháp văn: dìm chết đuối.

[\[58\]](#) Zulu là một dân tộc ở Nam Phi châu (*Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên*)

[\[59\]](#) Pháp văn: mù-tạc: tương hạt cải, dùng làm gia vị.

[\[60\]](#) Kasa: món ăn Nga, nấu bằng bột lúa mạch, kem và trứng.

[\[61\]](#) Tính cách, khuynh hướng của quốc gia Phổ-lỗ-sĩ (nước Đức cũ), do những kẻ quân phiệt cầm đầu. Ý nói sự giáo dục theo phương pháp áp chế tàn bạo.

[\[62\]](#) Araktsêiep (1769-1834), một quyền thần hống hách dưới các triều vua Nga Pôn đệ nhất và Alexandơ đệ nhất. Trong lịch sử nước Nga, tên y biểu thị một chế độ chính trị rất hủ bại, chuyên chế và tàn bạo. (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên).

[\[63\]](#) Khoa học giả trá của giai cấp tư sản, phản động, nghiên cứu về trẻ em, cho rằng vận mệnh của một trẻ em là do ảnh hưởng những nhân tố sinh lý, tâm lý, xã hội, di truyền và những hoàn cảnh bất di bất dịch khác quyết định một cách không thể nào tránh được.

Thuyết này rất được lưu hành ở Liên-xô trong những năm 1920-1930. (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên.)

[\[64\]](#) Tseeka: tên gọi tắt của Ủy ban đặc biệt, phụ trách đấu tranh bằng mọi hình thức với những kẻ thù của cách mạng. Thành lập tháng 11 năm 1917, tổ chức đó có quân đội riêng, với nhiệm vụ thủ tiêu mọi âm mưu phản cách mạng, và có quyền hành động trên khắp nước Nga. Bị triệt bỏ năm 1922.

[\[65\]](#) Di-gan: tên gọi những người Bô-hê-miêng, nghệ sĩ giang hồ.

[\[66\]](#) Pháp văn: người nào biết tự trọng.

[\[67\]](#) Ý nói không thể ăn sống nuốt tươi như những người tiền sử chưa biết dùng lửa để nấu chín.

[\[68\]](#) Pháp văn: gốc như cái lọ.

[\[69\]](#) Trò chơi có tính cách vui đùa, chỉ định người rút thăm phải làm những việc buồn cười, như: múa, hát, nhảy, hoặc hôn một người nào đó. Những việc đó đều ghi vào những mảnh giấy, ai rút được giấy ghi việc gì thì phải làm việc ấy (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên.)

[\[70\]](#) Pháp văn: phải làm việc như lũ quỳ.

[\[71\]](#) Pháp văn: như ở nhà một bà nội trợ giỏi.

[\[72\]](#) Pháp văn: như con mèo

[\[73\]](#) Xe ngựa không có thùng, hai bánh, rất nhẹ, chạy nhanh.

[\[74\]](#) Kiểu kiến trúc đời Đế nhất Đế chính (Napôlêông đệ nhất), rất thịnh hành ở châu Âu và ở nước Nga hồi đó.

^[75] Makhno, thủ lĩnh một bầy phản cách mạng hoạt động ở Ukren trong thời kỳ nội chiến. *(Chú thích của bản dịch Pháp)*.

[\[76\]](#) Theo dương lịch, mùa đông vào những tháng chạp, giêng và hai, mùa xuân vào những tháng ba, tư, năm. Ở đây nói mùa xuân, tức là sau mùa đông nói ở câu đầu chương này (*Chú thích của H.N.L.*)

[\[77\]](#) Pháp văn: rõ ràng như một cái cột dây thép.

[\[78\]](#) Lam và vàng là màu cờ của chính phủ Petllura. Trong thời kỳ nội chiến và nước ngoài vũ trang can thiệp ở nước Nga, y là kẻ cầm đầu phong trào phản cách mạng, có tính cách tư sản và dân tộc chủ nghĩa, thành lập chính quyền tàn bạo phản nhân dân tại Ukren. Sau bị Hồng quân đánh tan. Năm 1926, bị ám sát tại Pari.

^[79] Septsenkô: nhà thơ Ukren, sinh ở tỉnh Kiep, mất ở Xanh Pêtecbuga (1814-1861). Ông có tham gia phong trào cải cách quốc gia và xã hội.

[\[80\]](#) Người Côtắc xứ Ukren nổi loạn và bị nữ hoàng Catorin II dời chuyển đến ở bờ sông Kuban (bề Azôp).

[\[81\]](#) Một điểm sơ ý của tác giả: ở trên vừa nói Rôđimtsik đưa bò về trại mới được “hai hôm”.

[\[82\]](#) Pháp văn: Argonauters: Những anh hùng Hy-lạp, đi chiến thuyền *Argo*, độ năm chục người do Jadông cầm đầu, đến Considor để chiếm lấy tấm lông cừu vàng, bị một con rồng canh giữ. Sau nhiều gian nan, các anh hùng đã thành công.

[\[83\]](#) Tác phẩm nổi tiếng của Meteclich, nhà văn Bỉ (1862-1949).

[\[84\]](#) Đây là tên những nhà máy luyện kim lớn nhất, mà các công nhân được cả nước mến phục, vì quá trình tham gia phong trào cách mạng Nga và vai trò quyết định của họ trong sự thành lập chính quyền xô-viết. (Chú thích của bản dịch Pháp).

[\[85\]](#) Gêpêu: tên viết tắt (G.P.U) của Cục quốc gia chính trị bảo an, tổ chức trinh sát bí mật, thành lập năm 1921.

[\[86\]](#) Tseeka: tên gọi tắt của Ủy ban đặc biệt, phụ trách đấu tranh bằng mọi hình thức với những kẻ thù của cách mạng. Thành lập tháng 11 năm 1917, tổ chức đó có quân đội riêng, với nhiệm vụ thủ tiêu mọi âm mưu phản cách mạng, và có quyền hành động trên khắp nước Nga. Bị triệt bỏ năm 1922.

[\[87\]](#) Faust: Nhân vật chính trong vở kịch thơ *Faosto*, của Goto.

[\[88\]](#) Pháp văn: Không còn tìm ra được lời nói trong một thứ tiếng nào nữa.

[\[89\]](#) Pháp văn: đôi vai vác súng.

[\[90\]](#) Ximmentan: lưu vực sông Xommo, chi nhánh của sông Kangđe ở Thụy Sĩ, nơi chăn nuôi súc vật nổi tiếng.

[\[91\]](#) Pháp văn: Ondines, những nữ thần ở dưới nước, theo thần thoại nước Đức và các nước Xcandinavi.

[\[92\]](#) Ý nói ngựa chủ trại được nuôi béo tốt, ngựa nhà quyền quý không được ăn no.

[\[93\]](#) Triều đại Nga, bắt đầu từ Sa hoàng Misen Fêđôrôvich (1613-1645) và trị vì cho tới cuộc cách mạng 1917 và cuộc thoái vị của Nicôla II.

[\[94\]](#) Nguyên văn: sinh ra đội mũ trên đầu. Phong tục Nga tin rằng con đẻ hoang được gặp vận may.

[\[95\]](#) Ác quỷ trong kịch Faotơ của Gơtơ, ký hợp đồng mua linh hồn của bác sĩ Faotơ. Ở đây, ý nói nụ cười tinh quái.

[\[96\]](#) Ác quỷ trong kịch Faotơ của Gơơ, ký hợp đồng mua linh hồn của bác sĩ Faotơ. Ở đây ý nói nụ cười tinh quái.

[\[97\]](#) “Như người ta nói”, “có thể thôi”, “chuyện trò thế đấy”, và dưới đây: “thì đó”, “anh xem”.. là những khẩu ngữ mà Xilanti hay nói.

[\[98\]](#) Trường trung học công nông. Các trường “trung học công nông” đã được mở ở bên các viện và các trường đại học từ những năm đầu của chế độ xô-viết cho đến năm 1937; các trường đó dạy theo những trường trung cấp, để chuẩn bị cho các thanh niên công nông thi vào các trường cao đẳng. (*Chú thích của bản dịch tiếng Pháp*).

[\[99\]](#) Pháp văn: như cái chỉnh.

[\[100\]](#) Quả nính dừ với nước đường.

[\[101\]](#) Pháp văn: các người bảo hộ văn nghệ.

[\[102\]](#) Nói tắt chữ “khán giả” theo sự phân công kể rõ dưới đây, về phần các đội đặc biệt phục vụ sân khấu.

[\[103\]](#) Tiếng Nga “phụ tùng”(реквизит) và “trung tập”(sung công) (реквизироваться) cùng có một tự căn (gốc từ) giống nhau.

[\[104\]](#) Pháp văn: bộ mặt Mêphitôphêlet.

[\[106\]](#) Azef (1869-1918) là gián điệp của chính phủ Sa Hoàng, một trong những người cầm đầu đảng Cách mạng xã hội, lãnh đạo “tổ chức chiến đấu” của đảng đó. (chú thích của H.L.N)

[\[107\]](#) Plelive (1846-1904), một nhà chính trị phản động của nước Nga, làm tổng trưởng nội vụ và tư lệnh hiến binh từ 1902 đến 1904. Tham gia trấn áp tàn khốc phong trào cách mạng. Năm 1904, bị người của đảng Cách mạng xã hội là Xazônôp ám sát (chú thích của H.L.N)

[\[109\]](#) Kịch của Maxim Gorki.

[\[110\]](#) Túc Sa Hoàng Nicôlai đệ nhị, bị truất ngôi năm 1917.

[\[111\]](#) Thần ái tình, trong thần thoại La-mã, được biểu hiện bằng hình tượng một nhi đồng có cánh, cầm cung tên để bắn vào các trái tim.

[\[112\]](#) Danh từ triết học chỉ sự biến đổi một số những năng tính hoặc tình cảm thấp kém thành những năng tính hoặc tình cảm cao thượng

[\[113\]](#) Một địa phương miền nước Tây-ban-nha

[\[114\]](#) Điôgien là một triết gia Hy-lạp nổi tiếng (413-323 trước công nguyên) coi khinh của cải vật chất và mọi ước lệ xã hội. Trong ngôn ngữ, tên ông dùng để chỉ một người tính nết chua cay, sống đạm bạc và khinh thường mọi lễ tiết. Ở đây, Maria Kônđratiepna gọi đùa, châm biếm Antôn Xêmiônôvich.

[\[115\]](#) Xe ngựa không mui, bốn bánh.

[\[116\]](#) Tiểu thuyết của Gôgôn.

[\[117\]](#) Nếu là chỉ con Xêda, giống Ximmentan, thì có lẽ tác giả viết lầm Thụy-sĩ là Bỉ (Xem chú thích trang 317, tập 1).

[\[118\]](#) Hercule: một vị bán thần trong thần thoại la-tinh (đồng hóa với Heraclet trong thần thoại Hy-lạp), có sức khỏe vô địch.

[\[119\]](#) Công thức hóa học của nước.

[\[120\]](#) Pháp văn: fauns, thần mục đồng trong thần thoại La-mã, đồng hóa lẫn với thần Păng (Pan) trong thần thoại Hy-lạp, bảo hộ cho các mục súc chống chó sói. Ở đầu chương 2, phần thứ nhất, tác giả đã tả Kalina Ivanôvich giống thần Păng do họa sĩ Vruben vẽ.

[\[121\]](#) Theo phong tục Ukren, khăn tay thêu hoa dùng để quàng lên người làm mối, nếu việc hôn nhân thành. Còn bánh mì với muối là tục thường, tỏ ý long trọng hoan nghênh khách.

[\[122\]](#) Chỉ các cha cố mặc quần áo đen.

[\[123\]](#) Phong tục Nga cũ, cho rằng ra khỏi cửa gặp một cha cố thì làm việc gì cũng hỏng.

[\[124\]](#) Các cha cổ thời trước để râu tóc dài. (Chữ thích của H.L.N)

[\[125\]](#) Sandwich (Tiếng Anh) là món ăn làm bằng hai miếng bánh mì mỏng phết bơ, kẹp một thăn jambông hay gan béo v.v...

[\[126\]](#) Theo phong tục nước Nga cũ, phụ nữ khi lấy chồng đội mũ chóp, để phân biệt với con gái chưa chồng. (Chú thích của H.L.N)

[\[127\]](#) Xem hồi 15, phần thứ nhất, nói về cái xác đưa hài nhi, con của Raitxa.

[\[128\]](#) Ý nói các chú sứt sứt như người bị cảm, vì cố nén nhịn khóc

[\[129\]](#) Một con chim trong truyện đồng thoại, lông rục rờ màu sắc rất đẹp, óng ánh hào quang. Nó ăn quả táo bằng vàng, táo đỏ ăn vào khiến người ta được sung sướng và trẻ đẹp vĩnh viễn. Theo như trong truyện, bắt được con chim ấy là một việc hết sức khó khăn. (*Chú thích của H.LN.*)

[\[130\]](#) Ý nói hoàn cảnh những người bị xã hội cũ vùi dập, coi như không phải là những con người, không có quyền sống trên đời.

[\[131\]](#) Xem chú thích 4, trang 293, tập 1.

[\[132\]](#) T.H.Đ: Thư ký Hội đồng đội trưởng.

[\[133\]](#) Lộng ngữ trong Pháp văn: *betterave* (bê-tơ-ra-vơ: củ cải) đọc gần giống “*bête come rave*” (bê-tơ com-mơ ra-vơ: bệ-t như củ cải).

[\[134\]](#) Có lẽ tác giả quên rằng bức thư đầu tiên này đã được đề địa chỉ: “Maxim Gorki, Italia” như ông đã cho ta biết ở Phần thứ nhất (Xem tập I chương 10, trang 134).

[\[135\]](#) Pháp văn: tôle de linotte, chỉ người nhẹ dạ, thiếu suy nghĩ.

[\[136\]](#) Ná: một thứ binh khí cổ làm bằng một miếng da và hai sợi dây để ném đá hay đạn, giống như súng cao su trẻ con.

[\[137\]](#) Đây chỉ là những chữ áp vận thuận miệng nói ra của những tay trống, dùng trong khi học đánh trống để đánh nhịp cho đúng, tuyệt không có ý nghĩa gì hết (*Chủ thích của H.L.N*).

[\[138\]](#) Truyện ngắn Một vở kịch của Tsêkhốp. Trong truyện nữ nhân vật chính cứ thao thao bất tuyệt lớn tiếng đọc vở kịch cùng nhân vật nam không chịu nổi, lấy cái bàn thả đánh cô ta chết.

[\[139\]](#) Pater Noster: Kinh cầu nguyện ngày chủ nhật của đạo Cơ đốc, mở đầu bằng câu la-tinh: “Lạy Cha chúng tôi ở trên trời.”

[\[140\]](#) Cũng là một bài kinh, mà mà mỗi câu đều bắt đầu bằng “Tôi tin kính ...”

[\[141\]](#) Chỉ một phân đội độc lập của quân côđắc Zapôrôgơ.

[\[142\]](#) Nên hiểu là đội năm, đội nữ sinh của trại.

[\[143\]](#) Các trại viên chơi bắt chước những người côđắc Zapôrôgơ. Ở hội nghị “Xietso” của những người Zapôrôgơ, mỗi năm các đại biểu của các đơn vị quân sự bầu vị ataman chỉ huy quân đội Zapôrôgơ. Cuộc bầu đó tiến hành theo các nghi thức cổ truyền, và người ta đổ cát lên đầu vị ataman mới. (Chú thích của bản dịch Pháp).

[\[144\]](#) Tiểu thuyết lịch sử của N. Gôgôn, về đời sống và những chiến công của những người côđắc Zapôrôgơ ở thế kỷ XVII (Chú thích của bản dịch Pháp)/

[\[145\]](#) Aune: đơn vị cũ đo chiều dài, bằng 1.188m.

[\[146\]](#) Chùy chiến: khí giới có cán ngắn để cầm, đầu hình tròn bằng kim khí, thường có những gai nhọn sắc.

[\[147\]](#) Cờ tiết: cờ Thổ-nhĩ-kỳ làm bằng một bộ lông đuôi ngựa cắm ở đầu một ngọn giáo có quả tròn bằng vàng, được cầm trước mặt các vị thống đốc hay tướng lĩnh, để biểu thị chức vị của họ

[\[148\]](#) Michia không hiểu danh từ “thẩm quyền” (competence) nên nhắc lại không được, ngờ ngờ là competition (sự cạnh tranh) mà chúng tôi dịch tạm là “giành quyền” để giữ vẻ na ná giống nhau giữa hai từ.

[\[149\]](#) Mauresque: Thuộc về người Morơ, người xứ Moritani.

[\[150\]](#) Milô là một hòn đảo Hy-lạp, nơi đã tìm thấy pho tượng nổi tiếng Vệ-nữ đảo Milô, năm 1820. Pho tượng này cụt hai tay, hiện ở viện bảo tàng Luvrơ (Pháp) Vệ-nữ (Vénus) là nữ thần sắc đẹp và ái tình trong thần thoại La-mã.

[\[151\]](#) Một câu trong Bài ca chim ưng của Gorki.

[\[152\]](#) Nhân vật của tác phẩm nổi tiếng trong văn học thế giới, *Don Quichotte de la Manche* của Xecvantes, nhà văn I-pha-nho (1547-1616). Đôn Quisôtr tượng trưng cho người anh hùng hào hiệp mơ mộng và điên cuồng.

[\[153\]](#) Pháp văn une thune, tiếng lóng, chỉ đồng năm quan cũ bằng bạc.

[\[154\]](#) Grigôri Ivanôvich Pêtrôpxki, vị chủ tịch thứ nhất của Ủy ban chấp hành trung ương Ukren (*Chú thích của bản dịch Pháp*).

[\[156\]](#) Túc Jan Dac (Jeanne d' Arc): nữ anh hùng của nước Pháp, có công thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Pháp chống lại ách xâm lăng của nước Anh, ở thế kỷ XV.

[\[157\]](#) Pouce: đơn vị cũ đo chiều dài, bằng 1/12 piê (pied: chân), tức 0m027.

[\[158\]](#) Normands (Người phương Bắc): nguyên lai ở bán đảo Xcandinavo (Na-uy, Đan-mạch;. Giữa thế kỷ IX, tràn xuống chiếm cứ vùng thượng lưu sông Dniep nước Nga, lấy tên là người Varegiơ hay Ruxơ.

[\[160\]](#) Seño: tiếng Tây-ban-nha, nghĩa là: Quý ông, Tiên sinh, hay Ngài.

[\[161\]](#) Mary là tên đàn bà.

[\[162\]](#) NKVD: chữ viết tắt chỉ Ủy ban Nội vụ và Nhân dân 1917-1946).

[\[163\]](#) Xem chú thích tr. 92, tập I.

[\[164\]](#) Một chất độc rất mạnh, dùng làm thuốc kích thích các cơ trợ tim.

[\[165\]](#) Nhà danh họa Nga (1862-1942).

[\[166\]](#) Nhà danh họa Đức (1805-1874).

[\[167\]](#) Nhà đại danh họa, kiêm điêu khắc gia, kiến trúc gia, người Ý (1483-1520).

[\[168\]](#) Tiếng Nga có nghĩa là “Chúa hiển hiện”

[\[169\]](#) Có nghĩa là “Của Gorki”

[\[170\]](#) Con cái những nhà quý tộc đi theo các vua chúa, vương hầu để phục vụ họ và học võ nghệ gọi là thị đồng hay kiếm đồng

[\[171\]](#) Một tờ họa báo của nước Nga cũ, xuất bản mỗi tuần lễ một lần, từ cuối năm 1869; là một trong những tờ tạp chí bán chạy nhất vào thời trước Cách mạng Nga. *(Chú thích của H.L.N)*

[\[172\]](#) Pháp văn: *mère, chaumière, bergère* (mẹ, nhà tranh, cỏ chăn cừu).

[\[173\]](#) Pháp văn: *aulnaie*, *cẹrisaie* (rừng cây trăn, vườn anh đào)

[\[174\]](#) Pháp văn: Tôi pha thêm ít than vào chất lạnh của ý chí tôi

[\[175\]](#) Chỉ những nhân tố có tác dụng gắn bó đoàn kết

[\[176\]](#) Byron (1788-1824), thi sĩ trứ danh nước Anh

[\[177\]](#) Một hải cảng ở Hắc-hải, nơi danh thắng chữa bệnh. (*Chú thích của H.I.N.*)

[\[178\]](#) Một thành phố Ukren, nơi giao nhau của các đường xe lửa. (*Chú thích của H.L.N*).

[\[179\]](#) Chỉ đời sống lưu dăng ở trên đường phố (*Chú thích của H.L.N*)

[\[180\]](#) Drochki: Xe ngựa bốn bánh ở Nga.

[\[181\]](#) Archimède (287-212 trước Công nguyên): nhà vật lý học Hy-lạp trứ danh, phát minh được nhiều định luật khoa học quan trọng. Theo truyền thuyết, ông đã nói: chỉ cần cho ông một cái đòn bẩy và một điểm tựa, ông sẽ có thể nâng được quả địa cầu.

[\[182\]](#) Vakula, nhân vật chính trong truyền ngắn Đêm Nôen của Gôgôn, (*chú thích của bản dịch Pháp*).

[\[183\]](#) Darius đệ nhất, vua Ba-tư từ 521 đến 486 trước công nguyên; trong quân đội của ông có quân cưỡi voi trận, mục đích để dọa cho quân địch sợ ra (*Chú thích của H.L.N*)

[\[184\]](#) Nhẫn nay: đến nay (từ cổ).

[\[185\]](#) Platôp là một bá tước, anh hùng nổi tiếng trong cuộc chiến tranh chống Napôlêông từ 1812 đến 1815 (Chú thích của H.L.N)

[\[186\]](#) Vania chơi chữ, Dưa hấu, tiếng Pháp (pastèque) bắt đầu bằng chữ P, mà tên đội đặc biệt cũng là chữ P. Chúng tôi tạm đổi ta D để giữ tinh thần câu nói của Vania.

[\[187\]](#) Shakespeare: nhà viết kịch thơ lớn nhất của nước Anh (1564-1616), đã để lại những vở kịch, hài kịch bất hủ. Những vở bi kịch Hamlet và Còriôlan, mang tên những nhân vật chính được nhắc tới ở dưới, đều ở trong số những tác phẩm ưu tú của ông.

[\[188\]](#) Một câu nói nổi tiếng của Hamlet.

[\[189\]](#) Pháp văn: Le loir, vật bốn chân, giống con sóc, suốt mùa đông tê cóng chỉ ngủ, cho nên có câu nói: ngủ như con sơn thử. Misa đặt tên cho Khôvrak là con Sơn-thử hay con Dím là ý muốn nói thằng này lười biếng.

[\[190\]](#) Quan tài (từ cổ).

[\[191\]](#) Đi đến.

[\[192\]](#) Một câu nói của Hamlet trong kịch Hamlet: “Hôraxiô ạ, ở trên trời và ở dưới đất còn có nhiều điều mà các nhà triết học của chúng ta chưa biết đến.”

[\[193\]](#) Một câu thơ của Lecmôtôp, chỉ Napôlêông (chú thích của H.L.N) Rơ-đanh-gôt (Redingote) – nguyên ngữ tiếng Anh (riding coat): áo mặc cưỡi ngựa – là áo lễ của đàn ông, dài và rộng. Napôlêông ra trận thường mặc rơ-đanh-gôt màu xám và đội mũ ba sừng.

[\[194\]](#) Aoxteclitz nay là Xlavkov của Tiệp-khắc, nơi đã xảy ra trận đánh lớn ngày 2-12-1805, còn gọi *trận ba Hoàng đế I*, trong đó Napôlêông đã đánh bại liên quân của Áo hoàng và Nga hoàng, và càng được thêm uy tín về mặt cầm quân từ đây. Cho nên đến năm 1812, buổi sáng hôm mở trận đánh Môxkôva, mặt trời cũng rạng rỡ như buổi sáng ngày thắng trận nổi tiếng đó, Napôlêông đã khích lệ quân sĩ trước khi ra trận: “Hỡi quân sĩ, đây là mặt trời Aoxteclitz”, một câu nói được truyền tụng cho đến ngày nay.

Trong câu văn tiếp theo dưới, Makarenkô cũng gợi nhắc lại sự việc ấy.

[\[195\]](#) Túc nữ hoàng Catowrrin Đệ nhị, trị vì từ 1762 đến 1796, đại biểu điển hình của chính thể chuyên chế ở nước Nga trong thế kỷ 18.

[\[196\]](#) Sémiramis: hoàng hậu xứ Atxyri và Babylôni, theo truyền thuyết đã có công xây dựng thành Babylôn và có nhiều thành tích vinh quang dũng cảm hơn cả chồng, là vua Ninus. Ở đây nói Xeemiramit phương Bắc là muốn chỉ nữ hoàng Catorwrin Vĩ đại nói trên.

[\[197\]](#) Ý nói Zôia còn đang tức giận lắm.

[\[198\]](#) “tỏ ý cảm ơn”

[\[199\]](#) Chamberlain: chính khách Anh (1869-1940), một trong những người chủ xướng của phong trào đế quốc chủ nghĩa.

[\[200\]](#) Méng: kém

[\[201\]](#) Pháp văn: từ thời đại đồ dùng bằng đá. Thời kỳ tiền sử mà loài người mới chỉ biết đẽo đá là đồ dùng.

[\[202\]](#) Không.

[\[203\]](#) Nói mục sư nghèo, đi chợ không có tiền mua gì được, nên không vui.

[\[204\]](#) Thần Thủy-tinh hay Mecquya (Mercure): Con Thiên vương Jupite, sứ giả của các thiên thần, trong thần thoại Hy-lạp. Được hình dung có đôi cánh nhỏ ở mỗi bên gót chân. Ở đây chỉ các đội viên được các đội sai phái đi các việc.

[\[205\]](#) Lễ biến dạng hay biến dung của Cơ-đốc giáo, vào ngày mùng 6 tháng 8, kỷ niệm việc Chúa Giê-xu hiển hiện trong hào quang rực rỡ cho ba tông đồ được thấy ở trên núi Thabor.

[\[206\]](#) Pháp văn: salopeite, quần áo mặc ngoài để làm việc cho khỏi bẩn quần áo trong.

[\[207\]](#) Lapô muốn nhắc tới chuyện Vetskôpxki đi du lịch tới hòn “Lạy-Chúa-cho-quả” (xem chương 2)

[208] Một hội kín có tính cách vừa tôn giáo vừa chính trị, rải rác ở nhiều nơi trên thế giới từ thế kỷ 18; khi nhập hội các hội viên phải qua nhiều nghi lễ khai tâm, như L.Tônxtôi đã tỏ trong *Chiến tranh và hòa bình*, khi Pie vào hội đó.

[\[209\]](#) Cabriolet: xe ngựa nhẹ hai hay bốn bánh, thường có mui che bằng vải.

[\[210\]](#) Câu này theo bản ca Ukren; còn cả đoạn điệp khúc này, theo bản ca của ta là:

Đấu tranh này là trận cuối cùng.

Kết đoàn lại để ngày mai

Lanhtecnaxlonalo

Sẽ là xã hội tương lai.

[\[211\]](#) Pháp văn: cervoise, rượu mạnh của người Gôloa xưa.

[\[212\]](#) Manilôp là nhân vật của *Những linh hồn chết* của Gôgôn. Tên y trở thành đồng nghĩa với sự hài lòng bình tĩnh, đa cảm nhẹ nhàng hời hợt, không tưởng hảo huyền.

[\[213\]](#) Pháp văn: điều hình (hình phạt ở trên tàu, treo tội nhân lên trục buồm, bỏ rớt xuống nước, rồi cứ kéo lên bỏ xuống mãi).

[\[214\]](#) Tên tiếng Nga viết tắt của Ủy ban nhân dân nội vụ.

[\[215\]](#) Galilê (1564-1642) là nhà vật lý học, thiên văn học nước Ý, người đầu tiên dùng kính viễn vọng quan sát thiên thể và chứng minh rằng quả đất xoay quanh mặt trời, khiến Giáo hoàng nổi giận, buộc ông phải phủ nhận thuyết pháp đó. Về sau, ông viết sách (1632) chứng minh thuyết của ông. Vì sách đó, ông bị pháp đình tôn giáo hạ ngục.

[\[216\]](#) Một trong số mười hai tông đồ của Chúa Giê-xu, kẻ đã phản bội Giê-xu vì tiền. Tên y đã trở thành đồng nghĩa với tên phản bội.

[\[217\]](#) Ý nói người ta chết vì tiền.

[\[218\]](#) Đạo Cơ-đốc cho rằng rầy nước phép có thể trừ diệt được ảnh hưởng ác hại của ma quái.

[\[219\]](#) Toise: thước xưa, dài 1,949m

[\[220\]](#) Chim ưng nhỏ.

[\[221\]](#) Ý nói là phân, nhắc lại trước đây các trại viên Kuriajê đã đại tiện bừa bãi.

[\[222\]](#) Trông có bốn tay cầm như băng-ca để chở vật nặng

[\[223\]](#) Xe ngựa bốn bánh.

[\[224\]](#) Pháp văn: Cái củ cải đen.

[225] Pháp văn *scaphandre*, mũ áo để lặn dưới nước.

[\[226\]](#) Pháp văn: Thêm một giáng âm (dấu chỉ phải hạ giọng xuống nửa âm) vào khóa nhạc

[\[227\]](#) Thuyết tiến hóa của Đacwin cho rằng theo lẽ tự nhiên đào thải, các sinh vật trong vũ trụ đua tranh nhau, rút cục chỉ có giống ưu tú là còn sống được, tuồng như do trời lựa chọn (thiên trạch). Makarenkô cho rằng Khalabudá vì muốn thích ứng với hoàn cảnh trong đó ông sống (Xem chương 17, tập II) nên phải thất tín (Theo chú thích của H.L.N).

[\[228\]](#) Chủ tịch Ủy ban chấp hành Trung ương Ukren đương thời.

[\[229\]](#) Miền nam nước Nga, ở chân núi Côcadơ

[\[230\]](#) Xem chú thích tập II, trang

[\[231\]](#) Có thể đoán Khalabuda nói là “mẹc” (*merde!* Nghĩa là: cút).

[\[232\]](#) Một thứ phó-mát

[\[233\]](#) Xem chú thích trang 265 tập II

[\[234\]](#) Tiếng Anh: Vàng, vàng

[\[235\]](#) Theo tục lệ cũ ở nước Nga, đến lễ Phục sinh nhà nào cũng làm những bánh bột mì ngọt hình trụ, đem trước lễ lấy vải bọc những bánh đó đem tới nhà thờ, để linh mục làm lễ cầu phúc cho rồi mới ăn. (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên).

[\[236\]](#) Xem chú thích trang 306, quyển 1.

[\[237\]](#) Triết gia Đức (1788-1860)

[\[238\]](#) Là nói dựa vào dự chủ động của các trại viên, tự quản một cách ngầm kín. (chú thích của Hứa Lỗi Nhiên).

[\[239\]](#) “Những người bạn của nhi đồng” là một đoàn thể của các nhân sĩ xã hội Liên-xô tự nguyện kết hợp, giúp sức các bộ môn của ủy ban nhân dân Giáo dục bảo hộ các trẻ vị thành niên về các mặt xã hội và pháp luật (Chú thích của H.L.N).

[\[240\]](#) Một câu của Hamlet, trong bi kịch Hamlet của Sêcxpia, nói với Laocơ, anh ruột của Ôphêlia, về tình yêu của chàng đối với nàng.

[\[241\]](#) Xem chương 10, trang 236: “Các nhà tư tưởng sử phạm tin tưởng sâu sắc rằng tiền bạc do ma quỷ đưa tới ...”

[\[242\]](#) Bản báo cáo của Makarenkô làm vào ngày 14-3-1928 ở hội nghị tổ giáo dục xã hội của sở Nghiên cứu giáo dục Ukren. (Chú thích của H.L.N)

[\[243\]](#) Pháp văn: *sanhédrin*, pháp đình của người Do-thái xưa, có quyền bạo tôi CHO vì các mặt tôn giáo, hành chính và tư pháp.

[244] Pháp văn: *nimbe*, vàng hào quang do thợ vẽ hay thợ khắc làm ở quanh đầu các tượng thánh. Tác giả vẫn tiếp tục ý châm biếm các nhà sư phạm tự coi mình như thánh.

[\[245\]](#) Xem tập II, chương 15 “Những người khó chịu” tr. 244.

[\[246\]](#) Pháp văn: “đi vượt quá xa mọi con sông Rubicông”. Rubicông là một con sông nhỏ ngăn nước Ý với nước Gôlơ (nước Pháp xưa). Để bảo đảm cho La-mã chống lại quân nước Gôlơ, Nguyên lão viện đã ra một quyết nghị mệnh lệnh nổi tiếng, coi là phản quốc và bị các thần địa ngục trừng phạt bất cứ ai vượt qua sông ấy, với một sư đoàn hay chỉ một đội quân cũng vậy. Lệnh cấm ấy đã bị Xêđà coi khinh, khi vượt qua sông Rubicông mà kêu lên: “Alez jacta est!” (Vận mệnh đã định!). Câu nói này thường được nhắc đến mỗi khi người ta quyết định một việc gì quyết liệt, cũng như người ta nói: vượt sông Rubicông.

[\[247\]](#) Các hạ sĩ quan Hồng quân đeo phù hiệu trắng men vuông mãi cho đến năm 1943 (Chú thích bản dịch của Pháp).

[\[248\]](#) FD: Fêlix Dzecjinxki (chú thích bản dịch tiếng Pháp)

[\[249\]](#) FD: Fêlix Etmundôvich Dzecjinxki, trở thành tên của máy Laica xô-viết (*chú thích bản dịch tiếng Pháp*).